

LUẬN TẠNG PHẬT GIÁO TUỆ QUANG - TẬP 31/2



PHẬT LỊCH 2560 - 2016

LUẬN TẠNG PHẬT GIÁO  
TUỆ QUANG

TẬP 31/2 - No. 1595 - 1597



**SỐ 1595**  
**NHIẾP ĐẠI THỪA LUẬN THÍCH**  
**QUYỂN 9**

*Bồ-tát Thế Thân giải thích  
Trần, Thiên Trúc tam tạng Chân Đế dịch  
Nguyễn Hồng dịch tiếng Việt*

**Nhập nhân quả thắng tướng 4**

**Chương 1: Nhân quả vị**

Giải thích: Nghĩa này có 11 chương: 1.Nhân quả vị, 2.Thành lập 6 số, 3.Tướng, 4.Thứ tự, 5.Lập danh, 6.Tu tập, 7.Sai biệt, 8.Nhiếp, 9.Đối trị, 10.Công đức, 11.Cùng nhau hiển thị

Luận nói: Như vậy đã nói về ngộ nhập thắng tướng.

Vậy làm sao biết là nhập nhân quả thắng tướng?

Giải thích: Nêu chung 4 vị nhập duy thức quán trước đã nói, cho nên nói “Như vậy”. Trước đã nói trong 4 vị: phương tiện đạo, kiến đạo, tu đạo, cứu cánh đạo. Về nhập ung tri thắng tướng, làm sao nói rộng cái nhân của nhập thắng tướng này, và cái quả đạt được sau khi nhập để rõ ràng dễ thấy?

Luận nói: Do 6 Ba-la-mật. Tức Đà-na Ba-la-mật, Thi-la Ba-la-mật, Sằn-đề Ba-la-mật, Tì-lê-da Ba-la-mật, Trì-ha-na Ba-la-mật và Bát-nhã Ba-la-mật.

Giải thích: Đây là trả lời câu hỏi trước. Nói rõ thắng tướng của nhân quả, dễ thấy được Lục độ là thể của nhân quả. Trước lấy Lục độ làm nhân, sau lấy Lục độ làm quả.

Luận nói: Vì sao do 6 Ba-la-mật được nhập vào duy thức? Và vì sao 6 Ba-la-mật thành nhập duy thức quả?

Giải thích: Trước tuy đã nói Lục độ là thể của nhân quả nhưng chưa giải thích ý nghĩa. Cho nên lại hỏi vì nghĩa gì nói Lục độ là nhân, và vì nghĩa gì nói Lục độ là quả. Lục độ này có khả năng trừ 6 thức chướng ngại việc ngộ nhập duy thức, nên Lục độ là nhân nhập duy thức. Chướng ngại thứ nhất là ưa thích dục trần. Đối với sự giàu sang, bản thân hưởng thụ khoái lạc không thấy công đức thù thắng. Do chướng ngại này không nhập duy thức được. Bồ thí có thể trừ chướng ngại này cho nên thí là nhân nhập duy thức. Chướng ngại thứ hai là từ tâm khởi thân khẩu ý nghiệp. Do chướng ngại này không nhập duy thức được. Giới có thể trừ chướng ngại này nên giới là nhân nhập duy thức. Chướng ngại thứ ba là không chịu đựng được sự khinh mạn chê bai, các khổ lạnh nóng. Do chướng ngại này không nhập duy thức được. Nhẫn có thể trừ chướng ngại này nên nhẫn là nhân nhập duy thức. Chướng ngại thứ tư là chấp cho rằng không tu hành là sướng, chưa được cho là được, được thì không thấy công đức. Do chướng ngại này không nhập duy thức được. Tinh tiến có thể trừ chướng ngại này nên tinh tiến là nhân nhập duy thức. Chướng ngại thứ năm là các vui thú xen tạp, thấy việc hi hữu thế gian và nhân duyên tán loạn là có công đức. Do chướng ngại này không nhập duy thức được. Định có thể trừ chướng ngại này nên định là nhân nhập duy thức. Chướng ngại thứ sáu là đối với những gì thấy nghe hay biết chấp cho là thật, siêng năng học đòi các hý luận của thế gian, đối với kinh không liễu nghĩa thì cứ theo văn mà chấp nghĩa. Do chướng ngại này không nhập duy thức được. Trí tuệ có thể trừ chướng ngại này nên trí tuệ là nhân nhập duy thức.

Luận nói: Đây là có các Bồ-tát ở trong chính pháp

Giải thích: Chỉ có tu hành trong chính pháp mới có thể tạo nhân nhập duy thức. Nếu ngoài chính pháp, dựa vào Nhị thừa giáo, ngoại đạo và các thế gian giáo không có được nhân này. Cho nên mình xác rằng chính pháp là chỗ lập nhân. Người có thể lập nhân không phải Nhị thừa v.v...nên nói là Bồ-tát. Bồ-tát tu pháp gì có thể nhập duy thức?

Luận nói: không có tâm đắm trước sự giàu có lạc thú, cho đến đúng như đạo lý chọn lọc các pháp, được nhập Duy thức quán.

Giải thích: Đây nói rõ lìa chướng ngại việc bố thí cho đến lìa chướng ngại về trí tuệ, đủ như trước giải thích. Cho nên lấy Lục độ làm nhân nhập duy thức.

Luận nói: Do y chỉ nơi 6 Ba-la-mật, Bồ-tát đã nhập duy thức địa. Tiếp đến được thanh tịnh tín lạc ý, thâm nhiếp 6 Ba-la-mật.

Giải thích: Bồ-tát do dựa vào Lục độ trừ 6 chướng đã nhập duy thức, bấy giờ Bồ-tát lại được thanh tịnh tín lạc ý được thâm nhiếp trong 6 Ba-la-mật. Trong chính giáo Lục độ, tâm quyết không nghi nên gọi là tín, như chỗ tin giáo pháp cầu muốn tu hành nên gọi là lạc, ý tín lạc này có 5 nhân duyên nên gọi là thanh tịnh: Một là vô trước thanh tịnh, nghĩa là không khởi pháp trái với Ba-la-mật. Hai là bất quán thanh tịnh, nghĩa là trong sự báo ân tự thân với quả báo Ba-la-mật tâm thường không quán. Ba là không mất thanh tịnh, nghĩa là lìa pháp nhiễm ô tương tạp với Ba-la-mật và lìa phi phương tiện hạnh. Bốn là vô phân biệt thanh tịnh, nghĩa là lìa như nói chấp tướng Ba-la-mật. Năm là hồi hướng thanh tịnh, nghĩa là ở trong Lục độ đã sinh trưởng và chưa sinh trưởng thường cầu được đại Bồ-đề. Mỗi một Ba-la-mật đều gồm đủ 5 thứ thanh tịnh tín lạc. Lại có thanh tịnh tín lạc ý, nghĩa là đã qua nguyện lạc địa nhập vào kiến địa v.v...Được Thánh nhân tín lạc khác với địa tiền tín lạc nên gọi là thanh tịnh. Lại

có thanh tịnh tín lạc ý, nghĩa là do Xa-ma-tha Tì-bát-xá-na nhập chân như quán. Được vô phân biệt trí và vô phân biệt hậu trí gồm có tín lạc ý nên gọi là thanh tịnh.

Luận nói: Trong chính pháp có các Bồ-tát không có tâm đắm trước sự giàu có lạc thú, đối với giới luật không có tâm phạm lỗi, đối với sự khổ không có tâm biến hoại, đối với việc tu thiện không có tâm lười biếng, không trụ trong các nhân tán loạn này vì vậy thường thực hành nhất tâm, đúng như đạo lý chọn lọc các pháp, được nhập Duy thức quán. Do y chỉ nơi 6 Ba-la-mật, Bồ-tát đã nhập duy thức địa. Tiếp đến được thanh tịnh tín lạc ý thâm nhiếp trong 6 Ba-la-mật. Vì vậy giả sử giữa chừng dẫu lìa 6 Ba-la-mật nhưng do công dụng gia hành,

Giải thích: Đã nhập duy thức quán cho nên nói là “Vì vậy”. Từ kiến vị cho đến cứu cánh vị là “giả sử giữa chừng”. Người này giữa chừng không dụng công tu hành Lục độ, Lục độ tự nhiên đầy đủ. Bởi vì sao?

Luận nói: do tín lạc chính thuyết, ái trọng tùy hỷ nguyện được tư duy,

Giải thích: Chính thuyết của Như Lai cung Lục độ tương ưng, tuy rất khó hiểu nhưng người này tín lạc không nghi ngờ. Do tín lạc này không gì không thực hành, trong sự thực hành Lục độ thấy vô cùng công đức, tâm sinh ái trọng. Do ái trọng này mà không gì không thực hành. Người nào có thể được tín lạc ý này? Chỉ chư Phật Như Lai đã đến địa vị cứu cánh Ba-la-mật có thể được ý này biết là thắng nhân được thành. Thâm tâm hân hoan tán thán đối với thắng nhân nên gọi là tùy hỷ. Do tùy hỷ này, không gì không thực hành, nguyện chúng sinh cùng ta bình đẳng được thanh tịnh tín lạc ý này, nên gọi là nguyện được. Do nguyện được này, không gì không thực hành, như pháp môn Đại thừa Phật lập ra, dựa vào thí v.v...Lục độ và 12 bộ



A-hàm, do văn tư tu tuệ thường xuyên tư duy, do văn tuệ tư duy quả đắc viên mãn, do tư tuệ tư duy chỗ nghe pháp tâm được nhập lý, do tu tuệ tư duy tự nhiên sự thành. Vì có thể nhập địa và trị địa nên do 4 thứ tư duy không gì không thực hành.

Luận nói: cho nên thường xuyên không dừng nghỉ. Vì vậy mà tu tập 6 Ba-la-mật cứu cánh viên mãn.

Giải thích: Do 4 tư duy này Bồ-tát thường không buông tuồng phóng túng, vì không buông tuồng phóng túng nên tu tập Lục độ. Ở trong nhân thì rốt ráo, đến quả thì viên mãn. Địa vị này có thể gồm sáu Lục độ, khiến đầy đủ 5 thứ thanh tịnh, nên gọi là thanh tịnh ý vị. Tướng ấy như thế nào? Để hiển thị tướng này, sau văn trường hàng lại nói 3 bài kệ.

Luận nói: Ở đây có bài kệ như sau:

*Tu tập pháp viên bạch,  
Được nhãn lợi nhanh chóng.  
Bồ-tát đối Đại thừa,  
Giảng nói rất sâu rộng.*

Luận nói: “Tu tập pháp viên bạch,”

Giải thích: Trước ở trong nguyện hành vị, khéo sinh trường đạo tư lương. Để làm rõ nghĩa này nên nói câu thứ nhất. Chỗ tu hành đã qua 40 tâm vị nên gọi là viên. Thí, giới tu 3 phẩm pháp thanh tịnh gọi là bạch. Lại có bạch pháp là tín căn, trí căn, tinh tiến căn và định căn. Bốn căn này tức là 4 vị. Niệm căn thông cả 4 vị có thể trừ 4 thứ hắc chướng, tức 4 thứ đen tối chướng ngại là Nhất xiển-đề, ngoại đạo, Thanh Văn và Độc Giác, có thể được 4 đức là tịnh, ngã, lạc và thường, nên gọi là bạch pháp. Nếu viên mãn tư lương rồi lại được cái gì?

Luận nói: “Được nhãn lợi nhanh chóng.”

Giải thích: Có thể lạc thụ là nghĩa của nhẫn. Trong pháp rộng lớn sâu xa khó thụ khó hành mà có thể thụ hành nên gọi là lợi. Thường khởi không nghĩ gọi là nhanh chóng. Câu này hiển thị nhẫn là thượng thượng phẩm. Nếu Bồ-tát ở trong nhẫn vị này, do cảnh giới này ắt được thanh tịnh. Để hiển thị cảnh giới này nên

Luận nói: “Bồ-tát đối Đại thừa, giảng nói rất sâu rộng lớn.”

Giải thích: Đại thừa chỉ là cảnh giới của Bồ-tát nên nói là tự thừa. Đại thừa có thể khiến Bồ-tát thanh tịnh. Trong thừa này có cảnh giới riêng biệt. Một pháp vô ngã gọi là rất sâu. Hư không, khí định v.v..gọi là rộng lớn. Trước là trí cảnh, sau là định cảnh. Hai cảnh này có thể khiến Bồ-tát thanh tịnh. Do tư duy này Bồ-tát được thanh tịnh. Để hiển thị nghĩa này nên nói bài kệ thứ hai.

Luận nói:

*Giác ngộ chỉ phân biệt,  
Được trí không chấp trước.  
Là tín lạc thanh tịnh,  
Tức ý địa thanh tịnh.*

Luận nói: “Giác ngộ chỉ phân biệt,”

Giải thích: Bồ-tát hiểu rõ Đại thừa tất cả pháp cho đến rất sâu rộng lớn đều là do phân biệt làm ra. Sự hiểu rõ như thế gọi là tư duy. Tư duy này có thể khiến Bồ-tát thanh tịnh. Bồ-tát thanh tịnh thì được gì?

Luận nói: “Vì được trí không chấp,”

Giải thích: Bồ-tát thấy tất cả pháp chỉ là phân biệt, không có ngoại cảnh. Ngoại cảnh không thành nên phân biệt cũng không thành. Nếu Bồ-tát thấy nội ngoại là vô sở hữu thì không chấp trước. Tức là trí vô phân biệt. Trí này là thanh tịnh. Thế tính thanh tịnh này như thế nào? Để hiển thị nghĩa này nên nói câu kệ thứ ba .

Luận nói: “Là tín lạc thanh tịnh.”

Giải thích: Lạc tín tức thể của trí vô phân biệt. Không yêu thích 7 cõi mê của chúng sinh nên gọi là lạc. Đối với 3 thứ Phật tính tâm quyết không nghi ngờ nên gọi là tín. Là 7 yêu thích nên lạc thanh tịnh. Là hư vọng nên tín thanh tịnh.

Luận nói: “Tức ý địa thanh tịnh.”

Giải thích: Do lạc tín thanh tịnh nên địa vị này được gọi là thanh tịnh. Lại nữa vị này là kiến vị, là trí cảnh vô phân biệt, là thanh tịnh xứ của Bồ-tát. Trí này lấy lạc tín làm thể, nên nói vị này là thanh tịnh ý địa. Tướng của thanh tịnh lạc tín như thế nào?

Luận nói:

*Bồ-tát trong dòng pháp,  
Trước sau thấy chư Phật.  
Đã biết gần Bồ-đề,  
Chúng đắc dễ không khó.*

Luận nói: “Bồ-tát trong dòng pháp, trước sau thấy chư Phật.”

Giải thích: Thanh tịnh lạc tín có 2 tướng: một là hằng ở trong vắng lặng, hai là hằng rõ ràng thấy Phật. Do lạc, xả 7 ái nên hằng nhập quán tu đạo, vì vậy nói là hằng ở trong dòng pháp. Nếu Bồ-tát ở trong dòng pháp thì thấy gì? Do tin 3 thứ Phật tính nên trước tư duy pháp thân sau chứng pháp thân. Trước so sánh trí kiến pháp thân sau chứng trí kiến pháp thân. Lạc tín này có công đức gì?

Luận nói:” Đã biết gần Bồ-đề, chúng đắc dễ không khó.”

Giải thích: Nếu người ở trong thanh tịnh lạc tín vị, thấy rõ ràng đã gần Bồ-đề. Bản thân đã qua 40 tâm nên nhập chính phương tiện không khó, vì vậy dễ được. Do 3 kệ này thành tựu tư lương cảnh giới nhân. Thể tính tướng mạo của tư duy đều được hiển hiện.

## Chương 2: Thành lập 6 số

Luận nói: Vì sao Ba-la-mật chỉ có 6 số?

Giải thích: Đây hỏi vì sao Ba-la-mật nhất định lập 6 số không thêm không bớt?

Luận nói: Vì đối trị 6 thứ hoặc chướng, vì là chỗ dựa để sinh khởi tất cả Phật pháp, vì là chỗ dựa để tùy thuận thành thực tất cả chúng sinh.

Giải thích: Lập Ba-la-mật 6 số vì có 3 nghĩa sau đây: một là vì trừ hoặc, hai là vì sinh khởi Phật pháp, ba là vì thành thực chúng sinh. Trừ hoặc là hiện tại tự được lợi ích. Sinh khởi Phật pháp, thành thực chúng sinh là vị lai tự tha được lợi ích. Nếu hoặc đã vĩnh trừ thì hiện tại được trụ trong an lạc. Bởi vì sao? Vì không phải khởi dụng công để diệt và ngăn chặn hoặc này khiến không tái sinh, trong hiện tại được lợi ích. Hoặc chướng đã diệt, trong đời vị lai ắt tự đầy đủ Phật pháp. Lại có khả năng thành thực chúng sinh nên được tự tha lợi ích.

Luận nói: Để đối trị cái nguyên nhân làm cho không phát tâm nên lập 2 Ba-la-mật là thí và giới. Nguyên nhân làm cho không phát tâm là do tham đắm tiền của nhà cửa.

Giải thích: Tham đắm của cải trở ngại về thí. Tham đắm nhà cửa trở ngại về giới. Do tham đắm này không thể phát tâm tu hành.

Luận nói: Đã phát tâm rồi, nhưng để đối trị nguyên nhân làm cho tâm yếu đuối muốn thoái lui, nên lập 2 Ba-la-mật là nhẫn và tinh tiến.

Giải thích: Tuy đã có thể hành thí giới nhưng nếu không nhẫn chịu việc khổ thì tâm thí giới sẽ yếu ớt thoái lui. Tuy có thể chịu khổ, nếu không siêng tu các thiện dứt tất cả ác thì tâm thí giới nhẫn đều yếu ớt thoái lui, cho nên để đối trị tâm yếu ớt thoái lui này phải lập 2 độ này.

Luận nói: Nguyên nhân làm cho tâm yếu đuối muốn thoái lui là những cái khổ trái nghịch của chúng sinh sinh tử .

Giải thích: Không được lý gọi là chúng sinh sinh tử. Trái phản với giáo pháp Bồ-tát là trái. Xâm phạm thân Bồ-tát là nghịch. Đây đều là những việc khổ. Nếu không thể nhẫn chịu những việc khổ này sẽ sinh tâm giận dữ. Giận là nguyên nhân của tâm yếu đuối thoái lui.

Luận nói: và mệt mỏi vì thời gian dài gia hành tu tập thiện pháp.

Giải thích: Tinh tiến gia hành trong thời gian lâu tu nhất thiết thiện. Nếu đối với chúng sinh không có tâm từ bi, yêu tiếc tự thân, không thấy tu hành có công đức vượt trội thì trong khi tu hành sẽ sinh tâm mệt mỏi. Do có tâm này thì không thể tinh tiến, tức biếng lười, biếng lười là nhân của tâm yếu đuối thoái lui.

Luận nói: Nếu đã khởi phát tâm tu hành và không yếu đuối nhưng để đối trị cái nguyên nhân làm hư mất, nên lập 2 Ba-la-mật là định và tuệ. Nguyên nhân làm cho cái tâm hư mất là do tà trí tán loạn.

Giải thích: Do tán loạn nên làm hỏng sự tĩnh tâm. Do tà trí nên mất sự hiểu đúng đắn.

Luận nói: Vì vậy để đối trị 6 thứ hoặc chương, nên lập ra có 6 Ba-la-mật, là chỗ dựa để sinh khởi tất cả Phật pháp.

Giải nghĩa: Lục độ là nhân sinh trưởng Phật pháp.

Luận nói: Bốn Ba-la-mật trước là nhân của không tán loạn.

Giải thích: Có 4 chương là nhân của tán loạn: 1.khí xả chương, 2.viễn ly chương, 3.an thụ chương, 4.sở trị chương. Do tham đắm nên không thể xả bỏ. Do tham sân si sinh 10 ác nên không thể xa lìa. Do giận dữ nên không an lòng chấp nhận. Do các phiền não tham sân si v.v...nên không thể thường xuyên sửa trị. Do 4 chương này mà tâm tán loạn. Bốn độ trước có thể đối trị 4 chương này nên 4 độ là nhân của không tán loạn. Tiếp đến lấy 5 thứ ngăn che làm

chương ngại định. Bốn thứ ngăn che là nhân chương ngại định. Một ngăn che là chương ngại chính định và định phát tuệ. Tham, trạo, hối, sân, thù miên 4 thứ ngăn che là nhân tán loạn. Bốn độ là nhân không tán loạn. Nghi duyên cảnh không quyết định nên tâm tán loạn. Định tâm quyết giữ một cảnh nên nghi chương ngại chính định. Do nghi không thấy lý nên chương ngại định phát tuệ, vì vậy lấy định tuệ đối trị với nghi.

Luận nói: Tiếp đến một Ba-la-mật là thể của không tán loạn. Do y chỉ nơi không tán loạn mà có thể hiểu biết như thật chân lý các pháp. Chính pháp của tất cả Như Lai đều được sinh khởi, nên nói là chỗ dựa để sinh khởi tất cả Phật pháp. Lập 6 Ba-la-mật là làm chỗ y chỉ, để tùy thuận thành thực tất cả chúng sinh. Tức là do Thí Ba-la-mật, lợi ích chúng sinh. Do Giới Ba-la-mật, không tổn não chúng sinh. Do Nhẫn Ba-la-mật, có thể bình tĩnh cho chúng nhục mạ hủy báng mà không sinh tâm báo thù. Do Tinh tiến Ba-la-mật, sinh thiện căn phá ác căn. Do các nguyên nhân lợi ích này, tất cả chúng sinh đều được điều phục. Tiếp đến tâm chưa được vắng lặng thì làm cho vắng lặng. Đã được vắng lặng thì khiến cho giải thoát. Cho nên lập 2 Ba-la-mật là định và tuệ. Do pháp Lục độ này Bồ-tát giáo hóa tốt chúng sinh

Giải thích: Giáo hóa tốt có 2 nghĩa. Một là nói đúng như lý gọi là giáo hóa. Hai là thường vì chúng sinh mà nói là giáo hóa tốt.

Luận nói: nên được thành thực. Vì vậy để làm chỗ y chỉ cho tất cả chúng sinh tùy thuận được thành thực nên lập ra có 6 Ba-la-mật.

### **Chương 3: Tướng**

Luận nói: Làm sao thấy được tướng của 6 Ba-la-mật này?

Giải thích: Vì sao đặt câu hỏi này? Thế gian, Nhị thừa, Bồ-tát đều có thí v.v...6 hạnh. Nếu không rõ tướng của 6 Ba-la-mật Bồ-tát

thực hành, làm sao biết được đây là Ba-la-mật hay không phải Ba-la-mật, cho nên phải hỏi tướng của Ba-la-mật.

Luận nói: Do 6 thứ vượt trội hơn cả. Có 6 tướng chung của Ba-la-mật. Một là do chỗ y chỉ vượt trội. Nghĩa là y chỉ tâm vô thượng Bồ-đề mà khởi.

Giải thích: Đây nói rõ chỗ y chỉ khác nhau. Thế gian và Nhị thừa hành bố thí v.v...không y chỉ tâm vô thượng Bồ-đề mà khởi. Chỉ Bồ-tát hành bố thí v.v...là y chỉ tâm vô thượng Bồ-đề mà khởi. Cho nên lấy chỗ y chỉ vượt trội làm tướng của Bồ-tát hành Lục độ.

Luận nói: Hai là do phẩm loại vượt trội. Nghĩa là mỗi một Ba-la-mật lược nói đều có 3 phẩm, Bồ-tát đều tu hành đầy đủ.

Giải thích: Đây nói sở duyên khác nhau, hơn hết thế gian và Nhị thừa, không gì có thể hành thí v.v...đầy đủ phẩm loại. Nghĩa là ngoài trong và trong ngoài, nếu Bồ-tát hành thí v.v...đều đầy đủ phẩm loại, nên lấy phẩm loại vượt trội làm tướng của Lục độ Bồ-tát thực hành.

Luận nói: Ba là do việc làm vượt trội. Nghĩa là việc an vui lợi ích tất cả chúng sinh. Bồ-tát thực hành Lục độ đều để thành tựu 2 việc này.

Giải thích: Đây nói việc làm có khác nhau. Bồ-tát thực hành Lục độ có những công năng gì? Trước hết là vì tạo sự an lạc thế gian cho chúng sinh hiện tại vị lai. Sau là vì căn tính chúng sinh có quá khác nhau trong 3 thừa. Thế gian và Nhị thừa hành thí v.v... chỉ vì lợi ích an lạc bản thân còn không thành tựu, nói gì đến an lạc lợi ích chúng sinh, cho nên lấy tướng Lục độ làm việc làm của Bồ-tát.

Luận nói: Bốn là do phương tiện vượt trội. Tức Bồ-tát dùng trí không phân biệt thực hành các Ba-la-mật. Tất cả đều thuộc trí không phân biệt.

Giải thích: Đây nói sự khác nhau về phương tiện trong tam luân thanh tịnh gọi là phương tiện của Bồ-tát. Trong tam luân thanh tịnh tức trí vô phân biệt. Do trí này Bồ-tát không phân biệt người bố thí, kẻ thụ nhận bố thí và tài vật bố thí. Thế gian và Nhị thừa không thể bỏ được 3 sự phân biệt này nên khởi ngã ái và chấp trước tài vật, đối với người không thể bình đẳng, cho nên lấy phương tiện là tướng Lục độ của Bồ-tát. Tam luân của giới là lia sự phân biệt thời sự đối với chúng sinh. Tam luân của nhẫn là lia phân biệt lỗi lầm mình và người. Tam luân của tinh tiến là lia phân biệt dụng sự cao thấp đối với chúng sinh. Tam luân của định là lia cảnh phân biệt hoặc của chúng sinh. Tam luân của Bát-nhã là lia cảnh phân biệt trí của chúng sinh.

Luận nói: Năm là do hồi hướng vượt trội. Tức Bồ-tát thực hành các Ba-la-mật để hồi hướng vô thượng Bồ-đề, quyết định chuyển đến quả Nhất thiết trí.

Giải thích: Bồ-tát nếu hành thí v.v...trước phải khởi tâm như vậy: Ta đem vật này thí cho lục đạo chúng sinh. Vật này là của chúng sinh. Ta vì chúng sinh mà hành thí. Nguyên tất cả chúng sinh đều được vô thượng Bồ-đề. Thí này còn do hồi hướng khiến chúng sinh được vô thượng Bồ-đề nên hạnh thí này không bao giờ chấm dứt. Thực hành các độ khác trong Lục độ cũng đều hồi hướng như vậy. Thế gian và Nhị thừa không hồi hướng nên lấy hồi hướng làm tướng Lục độ của Bồ-tát.

Luận nói: Sáu là do thanh tịnh vượt trội. Tức vĩnh viễn diệt trừ không để sót 2 chướng phiền não và sở tri. Bồ-tát thực hành các Ba-la-mật từng phần từng phần diệt trừ 2 chướng cho đến khi diệt được hết tất cả.

Giải thích: Trong đây hiển thị 2 thứ thanh tịnh. Một là hiển nhân thanh tịnh, hai là hiển vị thanh tịnh. Nhân thanh tịnh là nhân



diệt hoặc trí 2 chướng nên thí v.v... sự thanh tịnh. Vị thanh tịnh là trước ở địa tiền lần lượt trừ hoặc chướng, sau lên sơ địa lần lượt trừ trí chướng. Trong 2 nơi này gọi là từng phần từng phần thanh tịnh, tức là nhân vị. Đến quả Phật, Lục độ viên mãn gọi là đầy đủ thanh tịnh, tức là quả vị.

Luận nói: Thí tức là Ba-la-mật, hay Ba-la-mật tức là thí ư?

Giải thích: Câu hỏi này muốn làm rõ điều gì? Là muốn phân biệt lựa chọn tướng nào là Ba-la-mật, tướng nào không phải Ba-la-mật.

Luận nói: Có cái thí không phải Ba-la-mật.

Giải thích: Đó là sự hành thí lia 6 tướng y chỉ vượt trội. Thí này không ở trong Lục độ nên chỉ là thí không phải Ba-la-mật.

Luận nói: Có Ba-la-mật không phải thí.

Giải thích: Nghĩa là đủ 6 tướng y chỉ vượt trội. Hành giới v.v... các độ khác trong Lục độ.

Luận nói: Có cái thí là Ba-la-mật.

Giải thích: Nghĩa là hành thí đủ 6 tướng y chỉ vượt trội.

Luận nói: Có cái không phải thí không phải Ba-la-mật.

Giải thích: Nghĩa là lia 3 câu trước, riêng hành vô ký và bất thiện v.v... đều thuộc về câu thứ tư này.

Luận nói: Như trong thí có 4 câu thì nên biết trong các Ba-la-mật khác cũng có 4 câu.

Giải thích: Như trong thí có phân biệt thấy có phải có không phải Ba-la-mật thì đối với các độ khác trong Lục độ cũng phải phân biệt như vậy.

## Chương 4: Thứ tự

Luận nói: Vì sao nói Ba-la-mật theo thứ tự như thế?

Giải thích: Đây là hoặc do nghi nên hỏi hoặc không hiểu mà hỏi. Nghi nên hỏi tức là tất cả việc làm gì trước phải do trí biết nhân quả rồi mới khởi chính cần. Do 2 nhân này, tùy ý muốn đều có thể làm cho nên phải đảo thứ tự và không thứ tự, do có nghi này nên phải hỏi. Do không hiểu nên hỏi tức là nếu người muốn tu các hạnh, chưa biết cạn sâu khó làm dễ làm. Cạn thì dễ làm, sâu thì khó làm. Dễ thì phải học trước. Khó thì phải học sau. Vì biết nghĩa này nên phải hỏi.

Luận nói: Vì các Ba-la-mật trước tùy thuận thứ tự phát sinh các Ba-la-mật sau.

Giải thích: Bồ-tát không thể nữ thấy chúng sinh bản cùng khôn khổ, thường tập xả bỏ của cải, thường hay xả bỏ không muốn làm chuyện tổn hại chúng sinh, tức bỏ nhà giữ giới, nhân thí sinh giới. Bồ-tát vì ái hộ giới đã thụ, không muốn vì chuyện uất hận chúng sinh mà phá hủy tịnh giới, tức tập hành nhẫn nhục, nên nhân giới sinh nhẫn. Do phiền não không hết, hoặc thành hoặc bất thành, Bồ-tát vì ái hộ nhẫn này liền hành tinh tiến, nên nhân nhẫn sinh tinh tiến. Nếu người thường hành tinh tiến tức có thể ngự trị tâm. Do tinh tiến này nếu tâm này chìm lặng thì có thể vực dậy, nếu tâm xao động thì ức chế không cho khởi, nếu tâm bình đẳng thì giữ cho liên tục. Do tâm điều hòa nên được định, nên nhân tinh tiến sinh định. Nếu tâm được định thì có thể thông đạt chân như, nên nhân định sinh tuệ. Đây tức là cái trước có thể sinh cái sau.

Luận nói: Lại nữa các Ba-la-mật trước do các Ba-la-mật sau mà được thanh tịnh.

Giải thích: Thí do giới được thanh tịnh. Nếu người không giữ giới thì thân khẩu ý nghiệp không thanh tịnh, việc làm bố thí cũng

không thanh tịnh do chỗ y chỉ không thanh tịnh. Nhờ có trì giới y chỉ thanh tịnh nên việc hành thí được thanh tịnh. Giới do nhẫn được thanh tịnh. Nếu người nhẫn được thì thân khẩu ý nghiệp đều được thanh tịnh. Nhẫn do tinh tiến được thanh tịnh, vì tinh tiến có thể sinh thiện diệt ác. Tinh tiến do định được thanh tịnh. Nếu tinh tiến không tại tu vị thì không thể trừ hoặc, nên định do trí tuệ được thanh tịnh. Nếu không hiểu rõ chân như, cho dầu được định, nhưng vì hữu lưu nên là pháp sinh tử. Nếu thấy chân như thì định đạt được thành vô lưu, là Niết-bàn đạo. Đó tức là cái sau có thể làm thanh tịnh cái trước. Do 2 nghĩa này nên có thứ tự như vậy.

### Chương 5: Đặt tên

Luận nói: Dựa vào nghĩa gì lập tên Lục độ? Làm sao thấy được nghĩa này?

Giải thích: Thế gian lập tên có nhiều nguyên nhân. Có nguyên nhân do sinh loại mà đặt tên, có nguyên nhân do tướng đặt tên, có nguyên nhân do giả lập đặt tên, có nguyên nhân do khinh miệt đặt tên, có nguyên nhân do kính trọng đặt tên. Trong 5 nguyên nhân này, Lục độ đặt tên theo nghĩa nào? Từ 2 nhân đặt tên. Vì khác chủng tính nên từ sinh loại đặt tên. Vì nhiều công đức nên từ kính trọng đặt tên. Tên đặt ra tự nó có chung và riêng. Sáu thứ đều gọi là Ba-la-mật, đó là tên chung. Thí, giới v.v...có khác, đó là tên riêng. Vì sao tên chung là Ba-la-mật

Luận nói: Vì trong tất cả thế gian, Thanh Văn, Độc Giác, thí v.v... trong các căn lành là vượt trội hơn hết.

Giải thích: Có 6 thứ và 3 thứ vượt trội hơn hết. Sáu thứ là như trước giải thích trong 6 tướng. Ba thứ là: 1. thời vượt trội, 2. gia hành vượt trội, 3. quả vượt trội. Mỗi một độ đều tu hành trong 3 kiếp a-tăng-kì nên là thời vượt trội. Gia hành vượt trội là có 4 thứ và 5 thứ. Lại có 5 thứ. Lại có 6 thứ. Bốn thứ tức như trước nói 4 pháp tu. Năm

thứ tức như trước nói 5 thứ thanh tịnh. Lại có 5 thứ tức 5 pháp tu. Lại có 6 thứ tức 6 ý. Ngũ tu, lục ý, văn sau sẽ nói về quả. Nói “vô đẳng” nghĩa là vượt trội hơn hết, hiển thị vô thượng Bồ-đề.

Luận nói: Vì có thể đến bờ kia nên gọi chung là Ba-la-mật.

Giải thích: Đến bờ kia tự có 3 nghĩa: 1. Tùy chỗ tu hành rốt ráo không sót, là đến bờ kia. Thế gian, Nhị thừa cũng có chỗ tu hành, tu không tận cùng nên không phải là đến bờ kia. 2. Như các dòng sông cuối cùng chảy về biển. Thí v.v... cũng vậy, nhập vào chân như là cứu cánh, tức lấy nhập chân như là đến bờ kia. Thế gian và Nhị thừa tuy tu thí v.v... không thể nhập chân như nên không phải là đến bờ kia. 3. Để được quả vượt trội là đến bờ kia, mà không có quả nào vượt hơn quả này. Vì cao hơn trong các quả nên gọi là bờ kia. Thế gian và Nhị thừa tuy tu thí v.v... không cầu quả này nên không phải là đến bờ kia. Bồ-tát tu hành để đến bờ kia đều đủ 3 nghĩa này, nên gọi chung là Ba-la-mật. Vì sao có tên riêng là Đà, Na v.v...?

Luận nói: Có khả năng tiêu diệt sự bôn sển đố kỵ và cái khổ nghèo cùng hạ tiện, nên gọi là Đà.

Giải thích: Bôn sển là chướng ngại cho đa tài, đố kỵ là chướng ngại cho tôn quý. Khi tu nhân có thể diệt bôn sển thì khi đắc quả sẽ được đa tài, thoát khỏi nghèo khổ. Khi tu nhân diệt đố kỵ thì khi đắc quả được tôn quý, thoát khỏi hèn hạ. Bởi vì sao? Nếu người chưa diệt được tâm bôn sển đố kỵ thì không thể hành bố thí, nên nói có thể phá trừ chướng này. Nếu người hành thí có thể phá trừ chướng này mà sau chịu cảnh khổ nghèo hèn là điều không thể có.

Luận nói: Lại được giàu có sung túc, có khả năng dẫn đến phúc đức tư lương, nên gọi là Na.

Giải thích: Có khả năng thí, có thể sử dụng gọi là đại phú chủ. Do là chủ cho nên có thể dẫn đến phúc đức tư lương. Do đủ các nghĩa này nên gọi là Đà-na.

Luận nói: Có khả năng làm lặng yên các tà giới và đường ác, nên gọi là Thi.

Giải thích: Khi tu nhân có thể phá trừ tà giới, khi đắc quả có thể lìa ác đạo. Nếu người không bỏ ác nghiệp mà có thể giữ giới là điều không thể có. Cho nên trước phá tà giới. Nếu người phá tà giới giữ chính giới mà đọa vào tứ thú là không có điều đó. Cho nên khi được quả có thể lìa đường ác.

Luận nói: Lại có thể được con đường thiện và Tam-ma-đề, nên gọi là La.

Giải thích: Do trước giữ giới sau thụ quả con đường thiện nơi cõi nhân thiên. Hoặc tại trong nhân, hoặc tại trong quả, do giữ giới nên thân khẩu thanh tịnh. Thanh tịnh nên không hối hận, không hối hận nên an tâm, an tâm nên được vui, vui nên được tốt đẹp, tốt đẹp nên được vui thích, vui thích nên được định, định nên thấy như thật, thấy như thật nên được chán lìa, chán lìa nên được giải thoát. Cho nên do giữ giới được Tam-ma-đề. Do đủ các nghĩa này nên gọi là Thi-la.

Luận nói: Có khả năng diệt trừ sự giận dữ, lòng phẫn uất hận thù, nên gọi là Săn.

Giải thích: Khi tu nhân, do quán 5 nghĩa nên diệt trừ giận dữ và phẫn uất hận thù do giận dữ sinh ra. Năm nghĩa gồm có: 1. Quán tất cả chúng sinh từ vô thủy đến nay là có ơn đối với ta. 2. Quán tất cả chúng sinh thường mỗi niệm mỗi niệm diệt. Người nào làm tổn hại. Người nào bị tổn hại. 3. Quán chỉ có pháp không chúng sinh thì có ai là làm tổn hại có ai là bị tổn hại. 4. Quán tất cả chúng sinh đều tự chịu khổ, làm sao còn muốn gia thêm khổ nữa. 5. Quán tất cả chúng sinh đều là con ta thì làm sao còn muốn sinh tâm làm hại. Do 5 pháp quán này có thể diệt trừ giận dữ. Giận dữ đã diệt nên có thể trừ được uất ức hận thù.

Luận nói: Lại có thể tạo được hòa khí giữa mình và người, nên gọi là Đề.

Giải thích: Việc này thông đạt nhân quả. Nhẫn này có thể khiến tự mình không bị nhiễm tội lỗi giận dữ, tức tự mình giữ hòa khí không uất hận, không gây khổ người khác. Như kinh nói: Nếu người hành nhẫn thì được 5 đức: 1.không hận, 2.không trách mắng, 3.được người thương yêu, 4.được tiếng khen tốt, 5.sinh vào đường thiện. Tức 5 đức này là hòa hảo. Do đủ nghĩa này nên gọi là Săn-đề.

Luận nói: Diệt trừ tính biếng nhác và các pháp ác, nên gọi là Tì.

Giải thích: Đắm chìm trong chỗ ác gọi là biếng nhác. Không chán cái ác và ác hạnh cũng gọi là biếng nhác. Do biếng nhác nên lia các thiện hạnh, sinh các ác pháp. Ba nghiệp hằng khởi tội lỗi nên gọi là ác pháp. Do diệt biếng nhác nên có thể trừ các ác do biếng nhác sinh. Đây gọi là tinh tiến diệt hắc pháp.

Luận nói: Lại không buông tuồng phóng dăng, sinh trưởng vô lượng thiện pháp, nên gọi là Lê-da.

Giải thích: Đây nói về tín lạc nhân quả để thấy rõ tinh tiến. Tín nhân có thể làm thì lạc quả có thể đạt được. Cho nên thường hành hạnh cung kính gọi là không phóng dật. Do hành cung kính có thể khiến sinh cái thiện chưa sinh, có thể khiến cái thiện đã sinh tăng trưởng. Đây tức sinh được pháp tinh tiến. Do đủ nghĩa này nên gọi là Tì-lê-da.

Luận nói: Có khả năng diệt trừ tâm tán loạn, nên gọi là Trì-ha.

Giải thích: Có 5 tán loạn: 1.Tự tính tán loạn, tức 5 thức, 2.Ngoại tán loạn, tức ý thức giông ruồi theo ngoại trần, 3.Nội tán loạn, tức tâm cao hạ và hám vị v.v..., 4.Thô trọng tán loạn, tức chấp ngã, ngã sở v.v..., 5.Tư duy tán loạn, tức tâm hạ liệt, Bồ-tát bỏ Đại thừa, tư duy Tiểu thừa.

Luận nói: Lại có thể dẫn cái tâm trụ vào nội cảnh, nên gọi là Na.

Giải thích: Dẫn tâm khiến trụ vào 5 thứ vắng lặng gọi là nội cảnh. Do đủ các nghĩa này nên gọi là Trì-ha-na.

Luận nói: Có khả năng diệt trừ tất cả kiến chấp và các tà trí, nên gọi là Bát-la.

Giải thích: Kiến hành tức là 62 kiến chấp. Tà trí tức là sự hiểu biết hư vọng của thế gian. Kiến hành tức hoặc chướng. Tà trí tức trí chướng.

Luận nói: Có khả năng duyên chân tướng,

Giải thích: Nghĩa là duyên chân như, tức trí như lý.

Luận nói: tùy phẩm loại

Giải thích: Phẩm loại có 2 thứ, tức hữu vi vô vi và danh v.v... gồm cả năm. Nếu biết pháp này tức là trí như lượng.

Luận nói: mà biết tất cả pháp, nên gọi là Nhã.

Giải thích: Tướng chân như và phẩm loại tên tất cả pháp. Trí như lý là Bát-nhã. Trí như lượng là quả của Bát-nhã, cũng gọi là Bát-nhã. Hai trí này được hiển thị bởi 3 nghĩa: Một là đối trí, tức 2 chướng. Hai là cảnh giới, tức chân như. Ba là quả, tức trí như lượng. Do đủ các nghĩa này nên gọi là Bát-la-nhã.

## Chương 6: Tu tập

Luận nói: Nên biết phải tu tập các pháp Ba-la-mật như thế nào?

Giải thích: Thế gian và Nhị thừa đều có tu tập bố thí v.v... Tu tập bố thí của Bồ-tát khác với thế gian và Nhị thừa. Làm sao biết được?

Luận nói: Đại khái nên biết phải tu tập 5 việc:

Giải thích: Nếu nói rộng về sự tu tập thì có 12 thứ: 1. Hiện thị tu, 2. Tôn giảm tu, 3. Trị thành tu, 4. Hậu hành tu, 5. Tương ưng tu, 6. Thắng tu, 7. Thượng thượng tu, 8. Sơ tế tu, 9. Trung tế tu, 10. Hậu tế tu, 11. Hữu thượng tu, 12. Vô thượng tu.

Hiện thị tu là tu Tứ niệm xứ để có thể hiện thị nghĩa Tứ đế. Tôn giảm tu là tu Tứ chính cần để có thể diệt dần các ác pháp. Trị thành tu là tu Tứ như ý túc để trị thành thiền định là trừ 5 sự khuyết mất và gìn giữ Bát diệt tư lương. Hậu hành tu là Ngũ lực để tiếp tục kiến đạo. Thắng tu là tu Giác phần để nhập Tứ đế quán. Thượng thượng tu là tu Bát phần thánh đạo để thắng kiến đạo. Sơ tế tu là địa vị phàm phu tu giới cho đến được Bất tịnh quán và Sở tức quán để tùy thuận diên đảo. Trung tế tu là địa vị hữu học, trong đây không còn chuyển đảo nào để tùy thuận. Hậu tế tu là địa vị vô học, trong đây không còn một cái gì gọi là diên đảo. Hữu thượng tu là pháp tu của Thanh Văn, Độc giác và các địa vị tương đương. Vô thượng tu là 10 địa Bồ-tát, bậc vượt trội hơn cả.

Luận nói: Một, tu phương pháp gia hành.

Giải thích: Nghĩa là thân khẩu ý nghiệp có thể trở thành thanh tịnh rộng lớn vượt trội.

Luận nói: Hai, tu tín lạc.

Giải thích: Nghĩa là nói về nghe giáo pháp, như giải thích ở Chương 1.

Luận nói: Ba, tu tư duy.

Giải thích: Trong tư duy tu có 3 thứ là ái trọng, tùy hỷ và nguyện đắc, hợp gọi là tư duy tu, như đã giải thích ở Chương 1.

Luận nói: Bốn, tu phương tiện thắng trí.

Giải thích: Tức trí vô phân biệt, có 3 nghĩa một là rộng lớn, hai là thanh tịnh, ba là mau chứng thành. Đủ 3 nghĩa này nên đặt tên là phương tiện thắng trí.



Luận nói: Năm, tu làm các việc lợi tha. Trong đây nên biết 4 pháp tu trước giống như trước đã nói. Còn tu hạnh lợi tha là chư Phật dùng cái tâm vô công dụng, không bỏ sự nghiệp Như Lai,

Giải thích: Nói rõ những gì nói trong giáo lý Đại thừa. Chư Phật tuy đã Bát-niết-bàn vẫn còn khởi tâm. Bát-niết-bàn tức pháp thân. Khởi tâm trở lại tức 2 thân ứng và hóa. Chư Phật đã trụ pháp thân, do sức bản nguyện lia 3 nghiệp, tùy theo việc lợi ích chúng sinh tự nhiên hiển hiện ứng hóa 2 thân, thường không sự nghiệp chân chính của Như Lai và hành các Ba-la-mật. Cho nên chư Phật có các tu tập Ba-la-mật.

Luận nói: tu tập các Ba-la-mật cho đến địa vị viên mãn rồi lại tu các Ba-la-mật.

Giải thích: Phật và Bồ-tát, hoặc tùy phần viên mãn, hoặc viên mãn đầy đủ, trong địa vị viên mãn này nếu tu các Ba-la-mật, việc mình đã hoàn thành nên không phải vì mình nữa, thấy chúng sinh do thực hành Ba-la-mật này được lia tứ thú vào đạo quả tam thừa, nên lại tu các Ba-la-mật đó là vì việc lợi tha.

Luận nói: Lại nữa tu tập tư duy là ái trọng tư duy, tùy hỷ tư duy, nguyện đắc tư duy, gồm trong tu 6 ý.

Giải thích: Chương này nói chung làm rõ nghĩa của tu tập. Trước nói 5 pháp tu, có khác với địa vị tu chưa phân biệt. Làm sao biết được nguyện hạnh vị tu khác với thanh tịnh vị tu? Nếu 6 ý gồm trong 3 tư duy tu các Ba-la-mật phải ở trong thanh tịnh vị. Trong nguyện hành vị thì không có nghĩa này. Ba tư duy là căn bản của tu hành. Dùng 6 ý trang nghiêm và duy trì 3 tư duy này.

Luận nói: Sáu ý là: 1. ý tưởng rộng lớn. 2. ý tưởng trường kỳ. 3. tâm ý hoan hỷ. 4. ý tưởng về ân đức. 5. ý tưởng về chí lớn. 6. ý tưởng thiện hảo.

Ý tưởng rộng lớn là nếu Bồ-tát trải qua bao nhiêu kiếp a-tăng-kì có thể chứng vô thượng Bồ-đề,

Giải thích: Nói chung số kiếp vô hạn nhiều ít nên nói là “bao nhiêu”. Trong các kinh Đại thừa Tiểu thừa, khái niệm về số kiếp được sử dụng không giống nhau, không nhất định là số nhiều ít bao nhiêu. Tiểu thừa nói 3 a-tăng-kì kiếp được thành Phật. Đại thừa nói hoặc 3 hoặc 7 hoặc 33 a-tăng-kì kiếp có thể được thành Phật.

Luận nói: trong thời gian ấy mỗi một sát-na

Giải thích: Hoặc hợp 3 a-tăng-kì kiếp làm một sát-na, hoặc hợp 33 a-tăng-kì kiếp làm một sát-na, nên lại gọi sát-na. Như thế từ một sát-na đến vô lượng sát-na là một ngày, một tháng, cho đến một a-tăng-kì kiếp. Từ một a-tăng-kì kiếp đến 33 a-tăng-kì kiếp mới được thành Phật. Muốn hiển thị ý của Bồ-tát là không nhàm chán nên nói thời gian dài như vậy.

Luận nói: Bồ-tát thường xả thân mạng

Giải thích: Nói “trong thời gian ấy” là nói chung một thời gian dài. Chữ “sát-na” ở đây là nói theo nghĩa thế gian, chữ sát-na nói ở trước là chỉ thời gian dài. Trong mỗi một sát-na thường xả bỏ thân mạng tài sản cho đến thành Phật mà không có tâm nhàm chán.

Luận nói: và của cải bảy báu chứa đầy trong thế giới nhiều như cát sông Hằng, bồ thí cúng dường Như Lai, từ lúc mới phát tâm cho đến khi trụ vào cứu cánh Bồ-đề thanh lương,

Giải thích: Hữu dư Niết-bàn gọi là thanh, vì lìa phiền não ô trược. Vô dư Niết-bàn gọi là lương, vì lìa các khổ thiêu đốt nóng bức. Lại nữa Bồ-đề lấy tịnh lạc làm thể, muốn hiển thị tịnh đức nên nói là thanh là trong trẻo, muốn hiển thị nghĩa an lạc nên nói là lương là mát mẻ.

Luận nói: mà ý Bồ-tát ấy còn cho là chưa đủ. Lại cũng trong thời gian ấy, từng mỗi sát-na mỗi sát-na lửa cháy đầy cả 3 ngàn Đại thiên thế giới, Bồ-tát ở trong đó vì 4 oai nghi đi đứng nằm ngồi, lìa bỏ tất cả phương tiện cung ứng cho đời sống,

Giải thích: Dưới đây nói Bồ-tát tu 5 độ khác trong Lục độ. Mỗi sát-na mỗi sát-na trong thời gian trường kỳ như vậy thường ở trong những nơi hết sức khổ nạn, thiếu thốn mọi thứ cho sinh hoạt, Bồ-tát tuy chịu khổ như vậy nhưng trong lúc tu các Ba-la-mật chưa bao giờ sinh chán nản.

Luận nói: mà tâm Bồ-tát vẫn hằng hiện tiền tu giới, nhẫn, tinh tiến, Tam-ma-đề, Bát-nhã, cho đến trụ vào cứu cánh Bồ-đề thanh lương, mà Bồ-tát ấy vẫn cho là việc tu giới, nhẫn v.v... cũng chưa đầy đủ, tâm không biết chán. Đó gọi là ý tưởng rộng lớn của Bồ-tát. Nếu Bồ-tát từ sơ phát tâm cho đến thành Phật, không bỏ cái tâm không biết chán, đó gọi là ý tưởng trường kỳ của Bồ-tát. Nếu Bồ-tát do 6 Ba-la-mật làm các việc lợi tha, thường sinh vô cùng hoan hỷ, hơn cả tâm vui mừng của chúng sinh được lợi ích, đó gọi là tâm ý hoan hỷ của Bồ-tát. Nếu Bồ-tát hành 6 Ba-la-mật làm lợi ích chúng sinh rồi, thấy chúng sinh đối với mình có ân đức lớn, nhưng tự thân không thấy mình có ơn gì với các chúng sinh kia, đó là ý tưởng về ân đức của Bồ-tát. Nếu Bồ-tát có các thiện căn công đức từ 6 Ba-la-mật sinh ra, thì đem bố thí hồi hướng cho tất cả chúng sinh bằng tâm không chấp trước, để khiến chúng được quả báo đáng ái trọng, đó là ý chí lớn lao của Bồ-tát. Nếu Bồ-tát đem các thiện căn công đức do thực hành 6 Ba-la-mật, khiến tất cả chúng sinh đều được hồi hướng vô thượng Bồ-đề một cách bình đẳng, đó là ý tưởng thiện hảo của Bồ-tát.

Do 6 tâm ý này gồm trong ái trọng tư duy Bồ-tát tu tập.

Giải thích: Ái trọng tư duy, là nói cái tâm muốn cầu chúng đắc vì thấy có công đức lớn nên muốn cầu cho được.

Luận nói: Nếu Bồ-tát tùy hỷ vô lượng chư Bồ-tát, tu hành gia hành 6 tâm ý, sinh các thiện căn công đức. Như vậy gọi là 6 tâm ý của Bồ-tát gồm trong tùy hỷ tư duy.

Giải thích: Vì hiển thị tâm không nghi ngờ, đã tùy hỷ theo hạnh các thắng nhân, quyết định không nghi.

Luận nói: Nếu Bồ-tát nguyện cho tất cả chúng sinh tu hành 6 tâm ý gồm trong 6 Ba-la-mật, và nguyện tự mình tu hành 6 tâm ý gồm trong 6 Ba-la-mật, tu tập gia hành cho đến khi thành Phật, đó gọi là 6 tâm ý của Bồ-tát gồm trong nguyện đặc tư duy.

Giải thích: Nguyện đặc tư duy là hiển thị cái tâm Đại bikhông cầu cho riêng mình. Ba tư duy này trừ 3 tâm: một, trừ tâm không thực hành, hai trừ tâm tiến thoái, ba, trừ tâm tiến thiên lệch về một bên.

Luận nói: Nếu người được nghe 6 tâm ý gồm trong tư duy tu tập của Bồ-tát, sinh một niệm tín tâm, người này sẽ tập hợp được vô lượng vô biên phúc đức. Các ác nghiệp chướng đều tiêu diệt sạch.

Giải thích: Diệt nghiệp chướng có 2 nghĩa: một là có khả năng làm hoại diệt hết các nghiệp, hai là tuy nghiệp còn nhưng sức thiện căn lớn có thể ngăn chặn quả báo ác đạo khiến vĩnh viễn không thụ nghiệp cũng có nghĩa là hoại diệt.

Nếu người chỉ được nghe, còn được vô lượng vô biên phúc đức, hưởng chi là Bồ-tát có thể tu hành tất cả.

## Chương 7: Sai biệt

Luận nói: Làm sao biết được sự sai biệt của các Ba-la-mật?

Giải thích: Câu hỏi này muốn nói điều gì? Phẩm loại các Ba-la-mật không thể đếm kể. Muốn rõ thể chân thật nên đặt câu hỏi này. Do nói các sai biệt của Ba-la-mật mà hiển thị chân thể.

Luận nói: Do mỗi Ba-la-mật đều có 3 phẩm nên biết sự sai biệt.

Giải thích: Đây là nêu con số chung để đáp câu hỏi.

Luận nói: Ba phẩm của Thí là: 1. bố thí pháp, 2. bố thí tài vật, 3. bố thí vô úy.

Giải thích: Bố thí pháp làm cho tâm người khác được lợi ích. Nhờ có pháp thí mà văn tuệ v.v... các thiện căn công đức của người

khác được phát sinh. Tài thí thì đem lại lợi ích cho thân người khác. Vô úy thí thì lợi ích cho cả thân và tâm của người khác. Lại nữa do tài thí mà có trường hợp lôi kéo được người làm ác trở về với cái thiện. Do vô úy thí có thể thâm nhận người kia trở thành người thân thuộc. Do pháp thí làm cho người kia sinh thiện căn và thành thực giải thoát. Do đủ các nghĩa này nên nói thí có 3 phẩm.

Luận nói: Ba phẩm của Giới là: 1. gìn giữ giới luật, 2. giới gồm giữ các pháp lành, 3. giới gồm các việc làm lợi ích chúng sinh.

Giải thích: Giữ giới luật là chỗ y chỉ của 2 giới kia. Nếu người không liả bỏ cái ác thâm giữ cái thiện thì không làm lợi tha được. Nếu người giữ giới có thể dẫn khởi gồm thâm thiện pháp, làm chỗ y chỉ cho Phật pháp và sinh khởi Bồ-đề. Nếu trụ vào 2 giới trước, có thể dẫn khởi gồm thâm các giới làm lợi ích chúng sinh, làm chỗ y chỉ để thành thực chúng sinh. Lại nữa giữ gìn giới, do liả bỏ cái ác, không có tâm lo rầu vì hối hận, có thể hiện đời này được trụ trong an lạc. Do trụ trong an lạc nên có thể tu các thiện pháp để thành thực Phật pháp. Nếu người trụ trong 2 giới trước có thể tu các giới làm lợi ích chúng sinh để thành thực người khác. Ba phẩm này của giới tức là nhân của 4 vô úy. Bởi vì sao? Giới đầu tiên là đoạn đức, giới thứ hai là trí đức, giới thứ ba là ân đức. Bốn vô úy không ra ngoài 3 đức này cho nên nói là nhân của 4 vô úy. Do đủ nghĩa này nên nói giới có 3 phẩm.

Luận nói: Ba phẩm của Nhẫn là: 1. nhẫn chịu sự chê bai hủy báng, 2. bình tĩnh nhẫn chịu sự khổ, 3. nhẫn chịu để quan sát pháp.

Giải thích: Do nhẫn chịu sự chê bai hủy báng có thể nhẫn chịu những lỗi lầm người khác gây nên. Bởi vì sao? Do Bồ-tát làm việc lợi ích cho người, phát tâm tu hành tuy bị người chê bai hủy báng không chấp lỗi này mà thoái lui bản tâm tu hành. Do bình tĩnh chịu khổ, tuy ở trong khổ nạn sinh tử không vì khổ này mà thoái bản tâm tu hành. Do nhẫn chịu để quan sát pháp, Bồ-tát có thể nhập vào chân

lý các pháp. Nhẫn này là chỗ y chỉ của 2 nhẫn trước bởi có thể trừ 2 chấp nhân và pháp. Do đủ nghĩa này nên nói nhẫn có 3 phẩm.

Luận nói: Ba phẩm của Tinh tiến là: 1. siêng năng tinh tiến, 2. gia hành tinh tiến, 3. tinh tiến không sợ khó khăn thất bại thiếu thốn.

Giải thích: Làm sao biết tinh tiến có 3 thể này? Do Phật nói trong kinh là người này có trình thật, có thắng năng, có dũng mãnh, có sức mạnh chế ngự không bỏ việc thiện. Để hiển thị 3 thể nên nói 5 câu này. Để hiển thị sự siêng năng dũng cảm tinh tiến nên nói có trình thật. Để hiển thị gia hành tinh tiến nên nói có thắng năng. Bởi vì sao? Người này trong lúc gia hành có khả năng đắc thắng vì điều gì muốn là có thể làm được. Để hiển thị sự không sợ khó khăn thất bại thiếu thốn nên thứ tự nói có dũng mãnh, có sức chế ngự, không bỏ việc thiện 3 câu. Bởi vì sao? Có người lúc đầu vì muốn được vô thượng Bồ-đề, trước có trình thật gia hành, có lúc có khả năng đắc thắng, nhưng vì thời gian lâu quả tướng mong cầu chưa thấy hiện, giữa chừng sinh tâm hạ liệt. Để đối trị tâm này, hiển thị không sa sút tinh thần tinh tiến, nên nói dũng mãnh. Nếu người tuy có tâm dũng mãnh trở lại, không thoái lui, nếu gặp khổ nạn sinh tử trở ngại tâm kia thì sẽ thoái Bồ-đề nguyện. Để đối trị tâm này, thể hiện sự tinh tiến khó hư hoại, nên nói có sức mạnh chế ngự. Do có sức mạnh chế ngự, khổ nạn sinh tử không thể khiến thoái lui. Nếu người tuy gặp khổ không thoái lui nhưng sở đắc chút ít đã có ý tưởng cho là đủ. Do ý tưởng cho là đủ, không thể đạt được vô thượng Bồ-đề. Để đối trị tâm này, thể hiện sự tinh tiến không mãn túc, nên nói không bỏ việc thiện. Do đủ nghĩa này nên nói tinh tiến có 3 phẩm.

Luận nói: Ba phẩm của Định là: 1. định trụ tâm an lạc, 2. định dẫn phát thần thông, 3. định tùy lợi tha.

Giải thích: Có định là hiện đời này được trụ trong an lạc. Bởi vì sao? Vì có thể lìa bỏ tất cả pháp nhiễm ô. Y vào định này là sinh tự lợi. Nghĩa là 3 thứ sáng suốt có thể dẫn thành 6 thần thông. Nhân dẫn

thành thân thông mà sinh định tùy lợi tha. Lợi tha tức là tam luân: Một là thân thông luân. Tức là thân thông, thiên nhãn thông, thiên nhĩ thông. Luân này làm cho kẻ hướng tà trở lại quy chính. Hai là ký tâm luân. Tức là tha tâm thông, thiên nhãn thông, thiên nhĩ thông. Luân này làm cho kẻ đã quy chính nếu chưa tin thụ khiến cho tin thụ. Ba là chính giáo luân. Tức là túc trụ thông, lậu tận thông. Do túc trụ thông biết được căn tính. Do lậu tận thông biết chỗ đắc của mình mà vì người nói chính giáo, khiến xuống giống là được thành thực giải thoát. Do đủ nghĩa này nên nói định có 3 phẩm.

Luận nói: Ba phẩm của Bát-nhã là: 1. Bát-nhã vô phân biệt gia hành, 2. Bát-nhã vô phân biệt, 3. Bát-nhã vô phân biệt hậu đắc.

Giải thích: Do nghe giáo pháp Đại thừa vô tướng, được văn tu tu tuệ, nhập phân biệt tướng không, gọi chung là Bát-nhã vô phân biệt gia hành. Đã nhập 3 vô tính, tức trí vô phân biệt, gọi là Bát-nhã vô phân biệt. Được trí vô phân biệt, sau xuất quán, như chỗ đã chứng trước, hoặc tự tư duy, hoặc vì người mà nói, gọi là Bát-nhã vô phân biệt hậu đắc. Bát-nhã lại có 3 phẩm. Tức là

vị tri dục tri căn, tri căn và dĩ tri căn là tính trụ dụng xuất thế gian. Đủ nghĩa này nên nói Bát-nhã có 3 phẩm.

## Chương 8: Nhiếp

Luận nói: Làm sao biết các nghĩa của Ba-la-mật nhiếp thuộc lẫn nhau?

Giải thích: Vì sao phải biết nghĩa của tất cả thiện pháp khác với Bát-nhã Ba-la-mật nhiếp thuộc lẫn nhau?

Luận nói: Tất cả các pháp lành đều nhập vào 6 Ba-la-mật

Giải thích: Tất cả thiện pháp, tức là nguyện cho đến tứ vô ngại, lục thông, pháp tạng bí mật của Như Lai đều nhiếp thuộc trong 6 Ba-la-mật.

Luận nói: làm tính của chúng.

Giải thích: Do Ba-la-mật là pháp tính của nguyện v.v...Nguyện này v.v...cũng nhiếp thuộc các Ba-la-mật. Do nguyện v.v...là tính của Ba-la-mật nên các Ba-la-mật đều lấy trí vô phân biệt làm tính, nên được nhiếp thuộc lẫn nhau.

Luận nói: Chúng là thành quả của 6 Ba-la-mật, cho nên

Giải thích: Nói chúng tức 6 thần thông, 10 lực, 4 không sợ hãi cho đến các Phật pháp như các pháp không chung đều là quả của 6 Ba-la-mật cho nên

Luận nói: tất cả pháp lành tùy theo đó được thành tựu.

Giải thích: Các thiện pháp như tín, khinh an v.v...là gồm trong Bồ-tát đạo, tùy ý sở tác của Bồ-tát các Ba-la-mật đều có thể thành tựu. Ba-la-mật là quả từ chúng mà ra nên được nhiếp thuộc vào nhau.

### **Chương 9: Đối trị**

Luận nói: Thế nào là những gì bị Ba-la-mật đối trị?

Vì tất cả các hoặc

Giải thích: Ba-la-mật có thể gồm thâm hết tất cả thanh tịnh phẩm thì những gì bị Ba-la-mật đối trị cũng phải bao gồm hết tất cả bất tịnh phẩm. Vì sao biết?

Luận nói: là tính của chúng.

Giải thích: Ba-la-mật lấy không chấp trước làm tính nên gồm thâm hết tất cả thiện pháp. Những thứ bị Ba-la-mật đối trị lấy sự chấp trước làm tính cho nên gồm thâm hết tất cả bất tịnh phẩm

Luận nói: là sinh nhân của chúng nên

Giải thích: Các pháp như bất tín, tà kiến, thân kiến v.v...có thể sinh các quả như bòn sẻn, đổ ky, tà hạnh, giận dữ v.v...Bởi đồng tính nên được làm nhân của chúng.



Luận nói: là quả do chúng mà ra.

Giải thích: Đây là nói sự bồn sên, đổ ky, tà hạnh, giận dữ v.v... do chấp tự tha nên sinh các ác hạnh. Tức là 10 điều ác v.v... cũng vì đồng tính nên là quả của chúng. Do các nghĩa đây nên được nhiếp thuộc lẫn nhau.

## Chương 10: Công đức

Luận nói: Những gì là công đức của các Ba-la-mật?

Giải thích: Hành thí theo thế gian cũng có công đức. Làm sao biết công đức Ba-la-mật của Bồ-tát? Công đức Ba-la-mật của Bồ-tát với thế gian có chỗ giống có chỗ khác. Có 6 thứ giống, có 4 thứ khác. Sáu thứ giống là

Luận nói: Nếu Bồ-tát luân chuyển trong sinh tử thì sẽ sinh vào địa vị đại phú, tự tại,

Giải thích: Chuyển luân vương, Thiên đế, Phạm vương là địa vị đại phú. Làm chủ trong đó gọi là tự tại. Bồ-tát, phàm phu hành thí đều được báo này.

Luận nói: sinh vào nơi thiện thắng,

Giải thích: Thiện thắng, nguyên văn là đại sinh. Đại sinh có 3 thứ: một là đạo thắng, hai là tính thắng, ba là uy đức thắng, tức 3 thứ vượt trội. Bồ-tát, phàm phu giữ giới đều được báo này.

Luận nói: có đông quyến thuộc, đồ chúng

Giải thích: Thân thích là quyến thuộc, những người theo mình là đồ chúng. Quyến thuộc và đồ chúng cũng có 3 sự vượt trội. Như trước đã nói nên gọi là đại. Điều thương yêu nhau không sinh ganh ghét, thường cùng sum họp vui vẻ, không trái nghịch xa lìa bỏ nhau. Nếu Bồ-tát, phàm phu hành nhẫn đều được báo này.

Luận nói: thành tựu lớn nghiệp muru sinh,

Giải thích: Có 4 thứ nghiệp mưu sinh: 1.trồng trọt, 2.chăn nuôi, 3.buôn bán, 4.quan chức. Hòa đồng không tranh giành gọi là sự. Những gì mong muốn không gì không hài lòng toại nguyện là thành tựu. Bồ-tát, phàm phu hành tinh tiến đều được báo này.

Luận nói: không bị bệnh tật ưu phiền, ít ham muốn,

Giải thích: Bốn thứ vô lượng đều gồm trong định. Định này được quả thân không bệnh tật, tâm không ưu phiền, nên thường vui vẻ. Ngoài ra các định đều được quả báo. Tuy ở tại gia chẳng khác người tiên ly dục do ít phiền não, được tướng tốt và sống lâu v.v... Bồ-tát, phàm phu tu định đều được quả này.

Luận nói: thông minh tất cả công nghệ.

Giải thích: Vì để mưu sinh nên phải biết công nghệ, tức thông hiểu 16 thứ cho hiện tại vị lai và pháp giải thoát. Trong đây có 2 lý lập và phá. Nếu trí tuệ thông minh có thể thành tựu. Bồ-tát, phàm phu nếu tu Bát-nhã đều được báo này. Có 4 thứ khác là

Luận nói: Mọi sự như ý,

Giải thích: Bồ-tát hành thí v.v...được báo giàu có an vui, thường lia tội lỗi. Nghĩa là không nhiễm ô lợi ích mình và người. Thế gian hành thí tuy có công đức nhưng không có được những điều này. Đó là tướng khác thứ nhất.

Luận nói: không mất sự giàu có an vui,

Giải thích: Bồ-tát hành thí v.v...được báo giàu có an vui v.v... trong đó được như ý. Nghĩa là dùng cho mình và cho người khác, thường sinh 3 thứ hoan hỷ. Thế gian hành thí v.v...tuy có công đức nhưng không có được những điều này. Đó là tướng khác thứ hai.

Luận nói: lấy sự giàu có an vui lợi ích chúng sinh làm chính.

Giải thích: Bồ-tát hành thí v.v...sinh các công đức thường vì chúng sinh, làm các việc lợi ích xuất thế không phải vì bản thân

minh. Thế gian hành thí v.v... tuy có công đức nhưng không được như thế. Đó là tướng khác thứ ba.

Luận nói: Bồ-tát tu hành công đức Lục độ cho đến khi trụ vào cứu cánh Bồ-đề thanh lương, hằng không đổi khác.

Giải thích: Bồ-tát hành thí v.v... sinh các công đức, từ lúc mới phát tâm cho đến được quả cao tột, vẫn luôn luôn vì lợi tha không vì gì khác. Đó tức là công đức thường trụ. Thế gian hành thí v.v... tuy có công đức nhưng không được như thế. Đó là tướng khác thứ tư.

### **Chương 11: Hiện thị lẫn nhau**

Luận nói: Các Ba-la-mật làm sáng tỏ lẫn nhau như thế nào?

Giải thích: Như Bát-nhã Ba-la-mật v.v... trong kinh nói có 36 câu. Nói mỗi một Ba-la-mật tức nói 5 Ba-la-mật kia. Thế là thế nào?

Luận nói: Thế Tôn hoặc dùng tên Thí mà nói các Ba-la-mật, hoặc dùng tên Giới, hoặc dùng tên Nhẫn, hoặc dùng tên Tinh tiến, hoặc dùng tên Định, hoặc dùng tên Bát-nhã nói các Ba-la-mật.

Giải thích: Năm Ba-la-mật nhập vào một Ba-la-mật. Trong một Ba-la-mật là gồm đủ sáu. Chỉ lấy một tên Thí mà nói.

Luận nói: Như Lai vì ý gì nói như thế?

Vì trong phương tiện tu hành Ba-la-mật, tất cả các Ba-la-mật đều quy tụ hỗ trợ mà thành. Đó là ý Như Lai nói.

Giải thích: Nếu Bồ-tát trong mỗi một Ba-la-mật tu gia hành thì các Ba-la-mật khác đều hỗ trợ Ba-la-mật này. Như chính khi các Bồ-tát hành thí, giữ gìn thân khẩu lià 7 chi ác, tức giữ giới chính ngữ, chính nghiệp, chính mạng. Do giới này mà thí được thành tựu, cho nên giới có thể thành tựu thí. Như chính khi Bồ-tát hành thí có thể chịu đựng được những lời nói, và hành vi trái ngang của người thụ thí, cho đến chịu đựng những nỗi khổ khi hành thí. Do sức nhẫn

này mà việc hành thí được thành tựu., cho nên hẳn có thể thành tựu thí. Nếu chính khi Bồ-tát hành thí, do muốn hành thí, tâm có thể trừ tham ái, do có Đại bi có thể trừ giận dữ, do tâm nhún nhường có thể trừ kiêu mạn, muốn khiến người nhận an vui có thể trừ bồn sển đổ ky, biết thí có nhân quả có thể trừ vô minh tà kiến. Tinh tiến có thể sinh các thiện pháp như vậy, đối trị ác pháp như vậy, do tinh tiến mà thí được thành tựu, cho nên tinh tiến có thể thành tựu thí. Nếu chính khi Bồ-tát hành thí, nhất tâm liên tục duyên việc lợi lạc chúng sinh, do định này mà thí được thành tựu , cho nên định có thể thành tựu thí. Nếu chính khi Bồ-tát hành thí, do hiểu rõ nhân quả, không chấp trước tam luân, cho nên Bát-nhã có thể thành tựu . Như thế là các Ba-la-mật trợ thành một Ba-la-mật. Cho nên hợp lại nói 6 Ba-la-mật gọi chung là Thí. Giống như Thí, Giới v.v... cũng vậy. Một độ đủ 6 độ nên thành 36 câu.

Luận nói: Ở đây có một bài kệ tụng thuyết như sau:

*Vị số tiếp theo sau,  
Tên, tu tập, sai biệt,  
Đối trị và công đức,  
Lục độ rõ nghĩa nhau.*

# NHIẾP ĐẠI THỪA LUẬN THÍCH

## QUYỀN 10

### Giải thích nhập nhân quả tu sai biệt thắng tướng 5

#### Chương 1: Đối trị

Giải thích: Nghĩa này có 5 chương: 1.Đối trị, 2.Lập danh, 3.Đặc tướng, 4.Tu tướng, 5. Tu thời.

Luận nói: Như vậy là đã nói về nhập nhân quả thắng tướng.

Thế nào là nhập nhân quả tu sai biệt?

Giải thích: Trước đã nói chung về sai biệt nhân quả của Lục độ là ở trong nguyện hành vị là nhân, ở trong thanh tịnh vị là quả, chưa nói về sự tu sai biệt ở các địa. Hiện tại nói chung như vậy. Trí duy thức gọi là nhập. Ba vô tính là thắng tướng. Lục độ tức là trí duy thức. Nhập vào nhân quả của 3 vô tính, muốn hiển thị sự tu tập khác nhau của các Ba-la-mật nên hỏi làm thế nào biết được.

Luận nói: Đây là do 10 địa, tức 10 thứ bậc tu chứng của Bồ-tát. Mười địa là những gì? 1. Hoan hỷ địa, 2. Vô cấu địa, 3. Minh diệm địa, 4. Thiêu nhiên địa, 5. Nan thắng địa, 6. Hiện tiền địa, 7. Viễn hành địa, 8. Bất động địa, 9. Thiện tuệ địa 10. Pháp vân địa.

Giải thích: Nếu muốn biết sự tu tập khác nhau thì quán sự khác nhau của 10 địa, tức biết sự khác nhau của tu nhân quả.

Luận nói: Làm sao biết được do nghĩa này thành lập 10 địa?

Giải thích: Câu hỏi này muốn hiển thị nghĩa gì? Nếu Bồ-tát nhập sơ địa thấy chân như tức là hết. Bởi vì sao? Vì chân như là vô phân biệt. Nếu thấy chân như không hết thì chân như phải có phần số. Nếu có phần số thì đồng với pháp hữu vi. Nếu thấy đã hết sao còn nói có 10 địa?

Luận nói: Là vì đối trị 10 thứ vô minh chướng ngại ở các địa.

Giải thích: Chân như thật không có một hai phần số. Nếu nói về thể của chân như không thể lập có 10 thứ sai biệt. Chân như có 10 thứ công đức có thể sinh 10 thứ chính hạnh. Do vô minh che lấp nên không thấy công đức này. Do không thấy công đức nên không thành chính hạnh. Do cái sở chướng công đức chính hạnh có 10 thứ nên phân biệt cái năng chướng vô minh cũng có 10 thứ.

Luận nói: Trong 10 tướng hiển lộ pháp giới,

Giải thích: Mười tướng tức là 10 thứ công đức và 10 thứ chính hạnh. Các tướng này đều có thể hiển thị pháp giới.

Luận nói: có 10 thứ vô minh còn tồn tại làm chướng ngại.

Giải thích: Mười tướng này tuy thật có, nhưng do vô minh che chắn không thể hiển lộ. Cho nên biết Bồ-tát mới nhập chân như quán chướng, kiến đạo thì vô minh liền diệt. Các vô minh khác vẫn còn tồn tại chưa diệt cho nên 10 vô minh che chắn 10 công đức, trở ngại 10 chính hạnh. Mười thứ vô minh là những gì? Một là vô minh có tính phạm phu. Hai là vô minh dựa vào thân nghiệp v.v... khởi tà hạnh với các chúng sinh. Ba là vô minh vì nổi khổ tri tri, quên mất văn tu. Bốn là vô minh của vi tế phiền não cộng sinh với thân kiến v.v... Phiền não này ở bậc thấp nhất nên theo tư duy khởi là đã xa lìa, tùy thuận theo việc đã làm, nên gọi là vi tế phiền não. Năm là vô minh ở bậc hạ thừa Bát-niết-bàn. Sáu là vô minh của các hành thô tướng. Bảy là vô minh của các hành vi tế tướng. Tám là vô minh trong vô tướng

khởi công dụng tâm. Chín là vô minh không dụng công đối với việc lợi ích chúng sinh. Mười là vô minh không được tự tại trong các pháp. Vô minh tính phạm phu là sơ địa chướng. Vô minh này tức thân kiến. Thân kiến có 2 thứ: một là nhân hai là quả. Chấp pháp ngã là nhân. Chấp nhân ngã là quả. Nhân tức phạm phu tính. Mê pháp vô ngã nên gọi vô minh. Nhị thừa chỉ có thể trừ quả không thể đoạn nhân. Nếu không đoạn vô minh này thì không thể nhập sơ địa. Cho nên vô minh này là sơ địa chướng. Vô minh dựa vào thân nghiệp v.v... khởi tà hạnh đối với chúng sinh là nhị địa chướng. Bồ-tát chưa nhập nhị địa sinh tướng như thế. Nghĩa là người Nhị thừa có 3 hạnh sai biệt. Mê lý Nhất thừa nên gọi là vô minh. Lại giải thích rằng tất cả việc thiện chúng sinh làm không gì không là phương tiện đại thanh tịnh của Bồ-tát. Bởi vì sao? Thanh tịnh đã là một, chưa đến địa vị đại thanh tịnh thì không có nghĩa là trụ. Nếu tất cả đồng quy về đại đạo của Bồ-tát thì vì sao tu phương tiện không tu chính đạo? Chưa nhập nhị địa không có trí này. Do mê nghĩa này nên gọi vô minh. Nếu không đoạn vô minh này không thể nhập nhị địa. Cho nên vô minh này là nhị địa chướng. Vô minh tâm trì trệ khổ là vô minh làm quên mất văn tự tu. Đó là tam địa chướng. Chưa đến trí căn vị gọi là trì, tức là chậm. Chưa được vi diệu thắng định của Bồ-tát gọi là khổ. Vì chướng căn và tu nên gọi là vô minh chướng, văn trì Đà-la-ni không thành tựu được, khiến văn tự tu có quên mất nên gọi là vô minh. Nếu không đoạn vô minh này không nhập được tam địa nên gọi vô minh này là tam địa chướng. Vô minh vi tế phiền não cộng sinh với thân kiến v.v... là tứ địa chướng. Các hành của phiền não lấy chủng tử phân biệt pháp chấp làm thể. Sinh trụ diệt không dừng lại nên gọi là hành. Chủng tử này là nhân của thân kiến. Thể của chủng tử này cũng tức là thân kiến. Vì pháp này phân biệt chủng loại. Nói phiền não này ở bậc thấp nhất là để giải thích nghĩa vi tế. Do ở bậc thấp nhất không thể gây nhiễm ô tâm Bồ-tát nên gọi vi tế. Nói tùy theo tư duy khởi là giải thích nghĩa cộng sinh. Nghĩa là tuy không thể làm nhiễm ô tâm Bồ-tát nhưng theo chính tư duy

khởi, nó cùng với chính tư duy tương ứng nên không thể nói là không có. Bởi có thể làm trở ngại nhất thiết trí của Bồ-tát. Nói đã xa lìa mà tùy thuận việc đã làm, đây là giải thích nghĩa của ly và bạn. Xưa khi ở phạm phu vị và địa tiền, tùy thuận theo tất cả phiền não đã làm, nay tu hành tứ địa lìa bỏ nó đã xa, do không rõ pháp không ngã không, nên gọi vô minh. Nếu không đoạn vô minh này thì không thể nhập tứ địa, cho nên vô minh này gọi là tứ địa chướng. Vô minh ở hạ thừa Niết-bàn là ngũ địa chướng. Nếu người dựa vào quán Tứ đế tu hành ngũ địa, thấy sinh tử bị vô lượng tội lỗi như lửa thiêu đốt, thấy công đức Niết-bàn viên mãn vô cùng thanh lương tịch tĩnh, không muốn bỏ sinh tử là việc làm khó làm, không muốn thủ Niết-bàn việc làm này cũng khó làm. Nếu người tu hành ngũ địa, tâm đa cầu Bát-niết-bàn thì gọi là vô minh. Nếu không đoạn vô minh này không thể nhập ngũ địa. Vì vậy vô minh này gọi là ngũ địa chướng. Vô minh thô tướng hành là lục địa chướng. Nếu người tu hành lục địa, tất cả các hành tiếp nối sinh, đã chứng như lượng như lý, trong tâm đa phần trụ nơi các hành chán ghét cái ác, phần nhiều chưa trụ trong tâm vô tướng, nên gọi là vô minh. Nếu không đoạn vô minh này không thể nhập lục địa. Vì vậy vô minh này gọi là lục địa chướng. Vô minh vi tế tướng hành là thất địa chướng. Nếu người tu hành thất địa, do tâm trong trăm ngàn đại kiếp chưa thể lìa các hành tướng tương tục là sinh và diệt, nên không thể thông đạt tướng pháp giới không nhiễm tịnh. Như kinh nói: “Long vương ! Mười hai duyên sinh là hoặc sinh, hoặc chẳng sinh. Thế nào là sinh? Là do tục đế. Thế nào là chẳng sinh? Là do chân đế.” Trong 12 duyên sinh chưa thể lìa sinh tướng, trụ vô sinh tướng, không thể nhập thất địa. Vì vậy vô minh này là thất địa chướng. Vô minh trong vô tướng khởi công dụng tâm là bát địa chướng. Nếu người tu hành bát địa do khởi tâm có dụng công là vô minh vì trừ vi tế tướng hành và vì trụ trong tâm vô tướng, chưa thể tự nhiên hằng trụ liên tục nơi tâm vô tướng, nên gọi là vô minh. Nếu không đoạn vô minh này không thể nhập bát địa. Vì vậy vô minh này là bát địa chướng.



Vô minh không dụng công đối với việc lợi ích chúng sinh là cửu địa chướng. Nếu người tu hành cửu địa, tâm tự nhiên hằng trụ vô tướng, nhưng trong 4 thứ tự tại đối với lợi ích chúng sinh, chưa thể tự nhiên hằng khởi việc lợi ích chúng sinh, nên gọi vô minh. Nếu không đoạn vô minh này không nhập cửu địa được. Vì vậy vô minh này là cửu địa chướng. Vô minh không được tự tại trong các pháp là thập địa chướng. Nếu người tu hành thập địa, đối với việc thành tựu nghiệp 3 thân và pháp môn vi tế bí mật Đà-la-ni Tam-ma-đề chưa được tự tại, nên gọi là vô minh. Nếu không đoạn vô minh này không nhập thập địa được. Vì vậy vô minh này là thập địa chướng.

Luận nói:

Những gì có khả năng làm hiển lộ 10 tướng của pháp giới?

Giải thích: Câu hỏi này muốn cho thấy rõ chân như có 10 tướng công đức. Mười công đức này có thể sinh 10 chính hành và 10 quả không chung. Để hiển thị cái thể của pháp giới, 10 công đức là hiển thị nguồn gốc của pháp giới nên trước hỏi 10 tướng công đức.

Luận nói: Ở địa đầu tiên, do nghĩa phổ biến khắp tất cả nên biết pháp giới.

Giải thích: Pháp giới chân như phổ biến khắp tất cả trong các pháp không sót một pháp nào. Bởi vì sao? Trong tất cả các pháp không một pháp nào không có. Do 2 chấp nhân và pháp khởi phân biệt che lấp nghĩa biến khắp tất cả của pháp giới. Do chướng này, người ở nguyện hành vị không nhập sơ địa được. Nếu trừ chướng này tức thấy nghĩa chân như biến khắp, 2 chấp nhân pháp được vĩnh viễn thanh tịnh, do quán nghĩa này được nhập sơ địa.

Luận nói: Ở địa thứ hai do nghĩa tối thắng,

Giải thích: Nhân pháp 2 không bao hàm tất cả pháp, đều là nghĩa biến khắp. Trong tất cả pháp, nghĩa này là thanh tịnh vượt trội hơn cả. Do quán nghĩa này được nhập nhị địa.

Luận nói: ở địa thứ ba do nghĩa thắng lưu,

Giải thích: Trong tất cả các pháp, chân như là tối thắng. Do duyên chân như khởi trí vô phân biệt. Trí vô phân biệt là do từ chân như lưu xuất. Trí này vượt trội hơn cả trong các trí. Do trí này lưu xuất ra vô phân biệt hậu trí, sinh Đại bi. Đại bi này vượt trội hơn cả trong các định. Nhân Đại bi này, Như Lai muốn an lập chính pháp cứu tế chúng sinh nói 12 bộ kinh Đại thừa. Pháp này từ Đại bi lưu xuất. Pháp này vượt trội hơn cả trong các pháp Phật nói. Để được pháp này, Bồ-tát có thể làm tất cả những gì khó làm, có thể nhẫn tất cả những gì khó nhẫn. Do quán pháp này được nhập tam địa.

Luận nói: ở địa thứ tư do nghĩa không nhiếp thụ,

Giải thích: Trong chân như tối thắng và pháp lưu xuất từ chân như, trong đó Bồ-tát thấy nghĩa không nhiếp thụ. Nghĩa là pháp này chẳng phải ta nhiếp thụ cũng chẳng phải người nhiếp thụ. Bởi vì sao? Vì tự tha và pháp, 3 nghĩa không thể có. Ví như người Bắc Uất-đan-việt, đối với ngoại trần không sinh tưởng thuộc về mình hay thuộc người khác. Bồ-tát đối với pháp giới cũng vậy, nên không sinh pháp ái. Do quán nghĩa này được nhập tứ địa.

Luận nói: ở địa thứ năm do nghĩa tiếp nối không khác,

Giải thích: Pháp này tuy không nhiếp thuộc, nhưng trong đó 3 đời các đức Phật đều nối nhau không khác. Chẳng phải có khác như nhãn v.v... các căn, sắc v.v... các trần và chúng sinh nối nhau trong lục đạo. Bởi vì sao? Vì những pháp này do phân biệt tạo tác ra nên tương tục có khác. Tam thế chư Phật do chân như hiển thị nên tương tục không khác. Nếu quán nghĩa này được nhập ngũ địa.

Luận nói: ở địa thứ sáu do nghĩa không nhiễm tịnh,

Giải thích: Tam thế chư Phật ở trong pháp này, tuy tương tục không khác. Pháp này không nhiễm đối với Phật vị lai do bản tính

là tịnh, không tịnh đối với Phật quá khứ hiện tại do bản tính không nhiễm. Do quán nghĩa này được nhập lục địa.

Luận nói: ở địa thứ bảy do nghĩa các pháp không sai biệt,

Giải thích: Các pháp môn hiển thị trong 12 bộ kinh, do thành lập nhiều nghĩa có khác, do một vị tu hành, một vị thông đạt, một vị đến chứng đắc nên không thấy có khác. Do quán nghĩa này được nhập thất địa.

Luận nói: ở địa thứ tám do nghĩa không tăng giảm,

Giải thích: Bỏ-tát thấy tất cả pháp khi thành đạo không tăng, hoặc khi diệt không giảm. Trí này y chỉ nơi tướng tự tại và cội tự tại. Tướng tự tại là như muốn được tướng như thế nào thì liền được tự tại hiện tiền. Cội tự tại là nếu Bỏ-tát khởi nguyện phân biệt, nguyện cội này đều hóa thành pha lê v.v... do tự tại nên nguyện kia liền thành. Tự tại ban đầu là để thành thực Phật Pháp, tự tại sau là để thành thực chúng sinh. Hai tự tại này do trí không tăng giảm mà được thành tựu. Tức là lấy trí không tăng giảm làm y chỉ. Do quán nghĩa này được nhập bát địa.

Luận nói: ở địa thứ chín do nghĩa định tự tại y chỉ, cội tự tại y chỉ, trí tự tại y chỉ,

Giải thích: Nghĩa 2 y chỉ đầu như trước đã giải thích. Trí tự tại là do tứ vô ngại giải hiển thị nên gọi là trí. Trí này lấy vô phân biệt hậu trí làm thể. Bởi vì sao? Vì khắp tất cả pháp môn đều không điên đảo. Do trí này nên thành đại pháp sư, có thể khiến chúng sinh trong đại thiên thế giới nhập vào nghĩa rất sâu. Có thể được như ý gọi là tự tại. Tự tại này lấy vô phân biệt trí làm y chỉ. Do được tự tại này nên nhập cửu địa. Lại có giải thích là thông đạt pháp giới làm trí tự tại y chỉ, nên được tứ vô ngại giải. Do quán nghĩa này được nhập cửu địa.

Luận nói: ở địa thứ mười do nghĩa nghiệp tự tại y chỉ, do Đà-la-ni môn, Tam-ma-đề môn tự tại y chỉ, nên biết pháp giới.

Giải thích: Thông đạt pháp giới để làm việc lợi ích chúng sinh. Nếu được 3 nghiệp của chư Phật và được pháp môn Đà-la-ni, pháp môn Tam-ma-đề thì có thể thông đạt tất cả pháp tạng bí mật của Như Lai, được nhập thập địa. Lại có giải thích là thông đạt pháp giới là nghiệp tự tại y chỉ. Thông đạt pháp giới là Đà-la-ni môn, Tam-ma-đề môn tự tại y chỉ. Do thông đạt này là hóa độ 10 phương chúng sinh được 3 nghiệp 3 thân nên gọi là nghiệp tự tại. Do được Đà-la-ni môn, Tam-ma-đề môn, như ý thông đạt tất cả pháp tạng bí mật của Như Lai, nên gọi là tự tại. Ba tự tại này đều lấy chân như làm y chỉ. Do quán nghĩa này được nhập thập địa.

Nếu thông đạt pháp giới chân như, 10 thứ công đức thì được quả gì?

Nếu thông đạt công đức biến mãn của pháp giới thì được thông đạt nghĩa tất cả chướng đều không, được quả tất cả chướng đều diệt. Nếu thông đạt công đức tối thắng của pháp giới thì được quả Bồ-đề tối thắng vô đẳng đối với tất cả chúng sinh. Nếu thông đạt công đức văn cú thắng lưu của pháp giới thì được quả vô biên pháp âm và có thể làm thỏa mãn ý dục tất cả chúng sinh. Bởi vì sao? Vì pháp âm này là vô biên, không điên đảo. Nếu thông đạt công đức vô nhiếp của pháp giới thì được quả ứng với tất cả chúng sinh làm việc lợi ích. Nếu thông đạt công đức liên tục không đổi khác của pháp giới thì được quả pháp thân vô sai biệt với tam thế chư Phật. Nếu thông đạt công đức 12 duyên sinh chân như không nhiễm tịnh thì được quả tự tương tục thanh tịnh và có thể làm thanh tịnh tất cả chúng sinh nhiễm trược. Nếu thông đạt công đức các pháp không phân biệt thì được quả tất cả tướng diệt, hằng trụ vô tướng. Nếu thông đạt công đức không tăng giảm thì được quả cùng chư Phật bình đẳng oai đức trí tuệ nghiệp. Nếu thông đạt công đức 4 thứ tự tại y chỉ thì được quả 3 thân. Nếu thông đạt vô phân biệt y chỉ thì được quả pháp thân. Nếu thông đạt cõi và trí tuệ tại y chỉ

thì được quả ứng thân. Do ứng thân này, được quả cùng chúng sinh thụ pháp lạc trong các đại pháp hội. Nếu thông đạt nghiệp y chỉ thì được quả hóa thân. Nhân hóa thân này có thể làm vô biên lợi ích cho vô lượng chúng sinh.

Luận nói: Ở đây có bài kệ như sau:

*Nghĩa biến khắp, tối thắng,  
Thắng lưu và không nhiếp,  
Không khác, không nhiễm tịnh,  
Các pháp không sai biệt,  
Không tăng giảm bốn thứ,  
Nghĩa tự tại y chỉ,  
Nghiệp tự tại y chỉ,  
Tổng trì, Tam-ma-đề.*

Nên biết đây là 2 bài kệ trong Luận Trung Biên Phân Biệt. Lại nữa nên biết vô minh này đối với Nhị thừa thì không phải nhiễm ô nhưng đối với Bồ-tát là nhiễm ô.

Giải thích: Nhị thừa tu hành không vì nhập thập địa. Vô minh này không chướng ngại Nhị thừa, không phải pháp mà Nhị thừa đạo phải phá trừ nên không nhiễm ô Nhị thừa. Bồ-tát tu hành cầu nhập thập địa. Vô minh này chướng ngại thập địa của Bồ-tát, là pháp mà Bồ-tát đạo phải phá trừ nên nhiễm ô Bồ-tát.

Nếu Bồ-tát ở sơ địa có thể thông đạt tất cả địa thì sao còn chế lập ra có các địa sai biệt?

Do các trụ địa này tu các hạnh khác nhau nên chế lập 10 địa sai biệt.

## Chương 2: Đặt tên

Luận nói: Vì sao địa đầu tiên gọi là Hoan hỷ? Vì do mới có được công năng làm lợi ích cho mình và người.

Giải thích: BỒ-tát lúc mới đấng địa , tức có đủ công năng tự lợi lợi tha. Những gì xưa chưa được bây giờ mới được nên hoan hỷ. Thanh Văn lúc mới chứng chân như, chỉ được công năng tự lợi, không có công năng lợi tha, Thanh Văn cũng có nghĩa hoan hỷ nhưng không bằng BỒ-tát nên chỉ BỒ-tát sơ địa lập tên là Hoan hỷ. Sơ quả của Thanh Văn không lập tên này. Lại nữa xưa chưa chứng pháp xuất thế, nay mới chứng được vô lượng nhân duyên, có sự vui mừng lớn hăng tương tục sinh nên gọi Hoan hỷ.

Luận nói: Vì sao địa thứ hai tên là Vô cầu? Vì ở địa này xa lìa hết mọi sự vi phạm như bản đối với giới BỒ-tát.

Giải thích: BỒ-tát ở trong địa này có tự tính thanh tịnh giới, không phải như sơ địa được là do chính tư lương, nên gọi là Vô cầu. Lại nữa ở trong địa này, đã lìa xa tội lỗi cấu uế của tất cả sự phạm giới vi tế, tự tính thanh tịnh giới hăng tương tục thể hiện nên gọi Vô cầu.

Luận nói: Vì sao địa thứ ba gọi là Minh diệm? Vì do không thoái chuyển Tam-ma-đề và y chỉ Tam-ma-bạt-đề, y chỉ Đại pháp quang minh.

Giải thích: BỒ-tát ở trong địa này chưa từng lìa bỏ Tam-ma-đề và Tam-ma-bạt-đề. Vì không thoái định này nên những thuyết giáo Đại thừa là y chỉ của định này. Đại pháp nghĩa là giáo pháp Đại thừa. Vô phân biệt trí và vô phân biệt hậu trí gọi là quang minh. BỒ-tát cũng thường không lìa trí này. Văn trì Đà-la-ni là y chỉ của trí này. Lấy định là minh, lấy trí là diệm, nên gọi là Minh diệm. Lại có giải thích là định là trí căn nên gọi y chỉ. Trí là định căn nên cũng gọi là y chỉ. Lại nữa địa này là vô lượng trí tuệ quang minh, vô lượng Tam-ma-đề Văn trì Đà-la-ni y chỉ nên gọi là Minh diệm.

Luận nói: Vì sao địa thứ tư gọi là Thiêu nhiên? Vì do các pháp trợ BỒ-đề có khả năng đốt cháy tất cả chướng.

Giải thích: Bồ-tát ở trong địa này hằng trụ nơi pháp trợ đạo nên gọi là nhiên. Do trụ nơi pháp này có thể đốt cháy tiêu các đại tiểu hoặc nên gọi là thiêu. Vì vậy tên là Thiêu nhiên. Lại nữa lửa đạo cháy mạnh có thể đốt cháy các hoặc như đốt cháy củi nên tên là Thiêu nhiên.

Luận nói: Vì sao địa thứ năm gọi là Nan thắng? Vì khiến tương ưng nhau hai trí chân và tục thường trái nghịch khó kết hợp.

Giải thích: Chân trí thì vô phân biệt. Tục trí thì rõ ràng các thứ công xảo có phân biệt. Phân biệt và không phân biệt trái nghịch nhau, hợp lại khiến tương ưng nhau là điều khó. Bồ-tát trong địa này có thể khiến chúng tương ưng nên gọi là Nan thắng.

Luận nói: Vì sao địa thứ sáu gọi là Hiện tiền? Vì do 12 duyên sinh trí y chỉ, có khả năng khiến Bát-nhã Ba-la-mật hiển hiện trước mắt.

Giải thích: Bồ-tát ở trong địa này trụ trong quán 12 duyên sinh. Do trí lực của 12 duyên sinh được vô phân biệt trụ. Vô phân biệt trụ tức là Bát-nhã Ba-la-mật. Bát-nhã Ba-la-mật này hằng trụ rõ ràng, nên gọi là Hiện tiền.

Luận nói: Vì sao địa thứ bảy gọi là Viễn hành? Vì ở địa vị này, Bồ-tát đã đi đến giới hạn cuối cùng của hạnh có dụng công.

Giải thích: Bồ-tát ở trong địa này dụng công tu hành rồi đến cứu cánh tư duy tất cả tướng đều quyết định xong. Tư duy này do sức dụng công mà thành. Tâm dụng công gia hành đến được mức cuối cùng nên gọi là Viễn hành. Lại nữa liên tục không gián đoạn tư duy tướng các pháp, dài lâu nhập tâm tu hành gần tiếp đến thanh tịnh địa, nên gọi Viễn hành.

Luận nói: Vì sao địa thứ tám gọi là Bất động? Vì công dụng của tất cả các tướng và tác ý đều không thể tác động.

Giải thích: Trong vô tướng và tất cả tướng, tâm công dụng và hoặc không thể tác động nên Bồ-tát ở trong địa này có 2 cảnh: một là chân cảnh hai là tục cảnh. Chân cảnh là vô tướng. Bồ-tát trụ ở cảnh này, tất cả tướng và công dụng không thể làm chuyển động. Lại nữa tất cả tướng, tất cả pháp, tất cả công dụng không thể chuyển cái tâm vô phân biệt của Bồ-tát. Bởi vì sao? Cái tâm vô phân biệt này diễn ra tự nhiên liên tục nên gọi là Bất động.

Luận nói: Vì sao địa thứ chín gọi là Thiện tuệ? Vì y chỉ nơi trí tuệ và biện tài vô ngại vượt trội.

Giải thích: Bồ-tát ở trong địa này được 4 thứ biện tài gọi là tuệ. Tuệ này viên mãn, không thoái thất, không cấu uế gọi là thiện, nên gọi là Thiện tuệ. Lại nữa Bồ-tát ở trong địa này có thể giảng nói tất cả pháp một cách đầy đủ do không mất trí tuệ rộng lớn. Có được công năng này nên gọi là Thiện tuệ.

Luận nói: Vì sao địa thứ mười gọi là Pháp vân? Vì duyên cảnh chung, biết tất cả pháp, tất cả Đà-la-ni và Tam-ma-đề môn là bao trùm tất cả như mây trong hư không che trùm các chướng ngại, có thể viên mãn pháp thân.

Giải thích: Bồ-tát ở trong địa này được trí như vậy, có thể duyên tất cả pháp chung làm một cảnh. Trí này có công năng vượt trội. Ví như mây có 3 nghĩa: có thể hàm chứa, có thể che, có thể làm lợi ích. Như nước sạch ở trong mây được mây hàm chứa, đó là nghĩa của hà chứa. Trí này cũng vậy. Đà-la-ni môn và Tam-ma-đề môn như nước sạch ở trong trí, được trí hàm chứa nên có nghĩa là có khả năng hàm chứa. Mây cũng có thể che một phần hư không. Trí này cũng vậy có thể che tất cả hoặc chướng thô đại. Vì có khả năng đối trị nên làm cho tự địa diệt, làm cho các địa khác không sinh. Lại nữa như mây có thể che khắp hư không, trí này cũng vậy có thể chuyển y viên mãn pháp thân Bồ-tát. Do 2 ý này nên gọi là có thể che. Bồ-tát do có trí này,



như đám mây lớn đối với tất cả chúng sinh, tùy căn tùy tính thường mưa xuống những cơn mưa pháp có thể tiêu trừ phiền não nóng bức cho chúng sinh, có thể làm cho chúng sinh thoát khỏi 3 chướng trần cấu, có thể sinh trưởng giống lành 3 thừa cho chúng sinh, nên có nghĩa là có thể làm lợi ích. Pháp là chỉ cho trí này, lấy mây làm thí dụ, nên gọi là Pháp vân. Chữ địa là tên gọi chung, có 4 nghĩa: một là trụ, hai là nơi, ba là thâm nhiếp, bốn là đối trị. Là trụ vị của 11 vô lưu thắng trí, nên lấy nghĩa trụ. Là thụ dụng hiện thể an lạc trụ, nơi thành thực Phật pháp, thành thực chúng sinh, nên lấy nghĩa nơi. Gồm thâm tất cả phúc đức trí tuệ, nên lấy nghĩa thâm nhiếp. Có khả năng đối trị các hoặc, nên lấy nghĩa đối trị.

### **Chương 3: Tướng chứng đắc**

Luận nói: Làm sao biết được tướng các địa?

Giải thích: Nếu Bồ-tát đã được Hoan hỷ địa thì được thật tướng. Tướng này có thể phát khởi tâm tự tin tiên của Bồ-tát, có thể sinh tâm tín lạc cho chúng sinh, có thể khiến Bồ-tát lìa bỏ tâm tăng thượng mạn, nên nói tướng sở đắc của địa. Vì vậy hỏi “Làm sao biết”.

Luận nói: Biết được do 4 thứ tướng:

Giải thích: Trong 4 thứ tướng, tùy một tướng hiển hiện tức nghiệm biết rằng người này đã nhập Bồ-tát địa. Bởi vì sao? Bốn tướng này tách rời người đang địa không còn chỗ nào khác.

Luận nói: Một là do đã được tướng tín lạc. Tức đối với mỗi địa mỗi địa quyết định sinh tin và yêu thích.

Giải thích: Có 5 thứ tín lạc được nói trong Địa Trì Luận: 1. không phóng túng, 2. làm nơi cứu tế nương tựa cho chúng sinh gặp khổ nạn không người cứu giúp không nơi nương tựa, 3. đối với Tam bảo khởi tâm rất mực cung kính tôn trọng, cúng dường tất cả, 4. biết lỗi không che giấu, phát lồ sám hối, 5. đối với mọi việc và trong tư duy tu tập,

trước hết phát tâm Bồ-đề. Trong 5 thứ này tùy một thứ nào hiển hiện là nghiệm biết đã nhập Bồ-tát địa. Như người Tu-đà-hoàn được 4 thứ tín không hư hoại. Bởi vì sao? Năm thứ này là pháp thường hành trì của Bồ-tát, nên có thể cho thấy tướng Bồ-tát đã nhập địa.

Luận nói: Hai là do đã được tướng chính hành. Tức được cùng các địa tương ứng với 10 pháp chính hành.

Giải thích: Bồ-tát tu hành thập địa không ra ngoài 10 thứ chính hạnh. Mười thứ chính hạnh này là y chỉ của 10 địa. Mười thứ chính hạnh như Thập Thất Địa Luận nói: Bồ-tát ở trong Đại thừa có 10 thứ thiện pháp chính hạnh để thành thực chúng sinh, tương ứng với Đại thừa bao gồm trong Bồ-tát tạng của 12 bộ Kinh Phương Đẳng. Những gì là 10? 1.thư tả hành trì, 2.cúng dường, 3.cho người khác, 4.người khác nói chính pháp thì cung kính lắng nghe và tiếp nhận, 5.tự mình đọc, 6.dạy người khác, 7.nhất tâm tập tụng như đã được nghe, 8.vì người khác như lý giải thích rộng rãi, 9.ở một mình nơi yên vắng tự duy lựa chọn, 10.do tu tướng nhập ý. Mười thứ chính hạnh này, bao nhiêu là đại phúc đức đạo, bao nhiêu là gia hành đạo, bao nhiêu là tịnh chướng đạo? Tất cả đều là đại phúc đức đạo, 9 thứ là gia hành đạo, thứ 10 là tịnh chướng đạo.

Luận nói: Ba là do đã được tướng thông đạt. Tức trước ở địa đầu tiên khi thông suốt pháp giới chân như thì đều có thể thông suốt tất cả địa.

Giải thích: Do 4 tâm tư, 4 trí như thật nên chân như ở mỗi địa không khác nhau.

Luận nói: Bốn là đã được tướng thành tựu. Tức tu hành đã đến chỗ cứu cánh của 10 địa này.

Giải thích: Tâm thành tựu có 4 thứ. Cảnh sở duyên cũng có 4 thứ. Bồ-tát ở trong nguyện lạc địa, khéo tăng trưởng thiện căn, đã y vào Bồ-đề đạo rời khỏi 2 chấp, là tâm Bồ-tát duyên 4 thứ cảnh khởi.

Những gì là 4? Một là duyên BỒ-đề tư lương đời vị lai mau chóng viên mãn. Hai là duyên làm việc lợi ích chúng sinh viên mãn. Ba là duyên quả vô thượng BỒ-đề. Bốn là duyên tướng đầy đủ của chư Như Lai, Phật sự viên mãn. Duyên 4 cảnh này tức có 4 tâm: một tâm tinh tiến, hai tâm Đại bi, ba tâm thiện nguyện, bốn tâm thiện hạnh.

### Chương 4: Tu tướng

Luận nói: Phải biết tu tướng các địa như thế nào?

Giải thích: Đã nói về việc được tướng các địa, lại phải dùng phương tiện gì tu mới được các địa, nên có câu hỏi là “Phải biết ... như thế nào?”

Luận nói: Trước hết trong mỗi địa mỗi địa chư BỒ-tát tu tập Xa-ma-tha và Tì-bát-xá-na. Mỗi thứ đều tu tập 5 tướng mới thành.

Giải thích: Ba đời các BỒ-tát tu hành đều giống nhau là trước hết được cái chưa từng được. Đây cho thấy khi tu là ở tại thanh tịnh ý vị. Cho nên nói 10 Ba-la-mật tu trong mỗi địa đều có 2 thể: một là không tán loạn làm thể, hai là không điên đảo làm thể. Không tán loạn thuộc Xa-ma-tha, không điên đảo thuộc Tì-bát-xá-na. Các địa mỗi mỗi đủ 5 tướng tu tập được thành BỒ-tát địa. Nếu không tu tập 5 tướng này không nhập BỒ-tát địa được.

Luận nói: Những gì là 5? Một là tu tập chung tất cả.

Giải thích: Dựa vào những điều Phật dạy chính giáo Đại thừa, các thứ câu văn, nghĩa lý, pháp môn, do 4 tâm tư và 4 như thật trí quán sát danh nghĩa các pháp môn. Tự tính và sai biệt đều không thể có được. Không thể nói được cái không thể có này. Vì lìa 3 tính không thể nói là không. Vì là quả thanh tịnh phạm hạnh nên những gìn Như Lai giảng nói đều chỉ có một vị, cho nên gọi là tu chung tất cả. Sự tu tập này dựa vào trí tuệ.

Luận nói: Hai là tu vô tướng.

Giải thích: Như trước đã nói 5 thứ thanh tịnh là không chấp trước v.v... nên gọi là vô tướng. Lại nữa đối với bản thân không chấp trước quả báo báo ân, nên gọi vô tướng. Sự tu tập này dựa vào hạnh Đại bi.

Luận nói: Ba là tu không dụng công.

Giải thích: Bồ-tát không cần phải do dụng công, tự nhiên ở trong hạnh Bồ-đề. Nếu các việc khác thì cần phải dụng công. Sự tu tập này dựa vào tự tại và chính kiến.

Luận nói: Bốn là tu với tất cả sự mãnh liệt.

Giải thích: Bồ-tát không đem tâm nhân rồi lơ đãng tu hành, bỏ cái tâm bậc thấp bậc vừa mà dụng tâm ở bậc cao nhất. Khi tu hành đối với thân mạng tài sản không lẩn tiếc nên gọi là mãnh liệt. Sự tu tập này dựa vào hạnh tinh tiến.

Luận nói: Năm là tu không cảm thấy đủ.

Giải thích: Như trước đã nói, trong thời gian tu hạnh bố thí dài lâu không sinh mệt mỏi, nên gọi là không cảm thấy như vậy là đủ rồi. Sự tu tập này dựa vào tín hạnh. Như kinh nói: Nếu người có tín tâm, đối với việc thiện không bao giờ chán.

Luận nói: Nên biết ở tất cả các địa đều có 5 pháp tu này.

Giải thích: Nói ở các địa đều phải tu 5 pháp tu này, có 2 nghĩa: một là chưa chứng đắc khiến chứng đắc, hai là đã chứng đắc không để thoái thất.

Luận nói: Năm pháp tu này sinh ra 5 quả.

Giải thích: Năm hành tu tập là nhân. Năm pháp là quả. Quả có 2 thứ: một là quả chân thật, hai là quả giả danh. Năm pháp là quả chân thật. Địa là quả giả danh. Do 5 pháp mà thành địa nên địa là quả giả danh.

Luận nói: Những gì là 5? Một là mỗi sát-na có thể hoại diệt tất cả chỗ dựa của các pháp thô nặng.

Giải thích: Hoặc chướng là thô. Trí chướng là nặng. Tất cả chủng tử huân tập bất tịnh phẩm trong bản thức là chỗ dựa của 2 chướng này. Sát-na đầu tiên là thứ đệ đạo. Sát-na thứ hai là giải thoát đạo. Sát-na đầu tiên phá các hoặc hiện tại làm tiêu diệt. Sát-na thứ hai ngăn chặn các hoặc vị lai không cho sinh. Lại nữa do trí Xa-ma-tha, Tì-bát-xá-na duyên các pháp chung làm cảnh. Mỗi sát-na đều có thể phá các nhóm hoặc. Đó là làm cho cái bị đối trị tiêu diệt, cái không bị đối trị phát triển. Hoặc này diệt không sinh quả, là do tu chung tất cả đạt được.

Luận nói: Hai là có được pháp lạc, có thể thoát ra khỏi các thứ loạn tưởng.

Giải thích: Có thể thoát khỏi các lập tướng tưởng, hiện thụ pháp lạc. Bởi vì sao? Như Lai tùy căn tính và các hành phiền não của chúng sinh lập ra nhiều thứ pháp tướng. Nếu người cứ chấp văn xét nghĩa thì các pháp này trước sau thấy mâu thuẫn. Nếu chấp tướng này không khỏi nghi hoặc, trong chính pháp hiện thể không trụ trong nghĩa an lạc. Nếu y vào vô tướng tu thì trong chính pháp thoát khỏi tướng các tướng, quán sát chính thuyết này là đồng một vị chân như. Tâm không nghi ngờ chán nản, trong chính pháp tự tại như ý, nên hiện thể được trụ trong an lạc. Sự thành thực quả Phật này là do tu vô tướng đạt được.

Luận nói: Ba là có thể thấy mọi nơi, vô lượng, tướng không phân biệt thiện pháp rõ ràng.

Giải thích: Đứng về pháp 3 thừa mà nói tất cả mọi nơi, lại đứng về nội ngoại pháp mà nói tất cả mọi nơi, lại đứng về chân tục mà nói tất cả mọi nơi, như thế thì tất cả mọi nơi Bồ-tát có thể thấy vô lượng tướng. Như Phật nói pháp tướng và pháp tướng thế gian lập ra, Bồ-tát

đều có thể hiểu rõ, tức là trí như lượng. Bồ-tát dùng trí như lý, đúng như số lượng hiểu rõ tướng vô phân biệt. Hai trí này có thể chiếu rõ 2 cảnh chân và tục nên gọi là thiện pháp rõ ràng. Quả của 2 trí này là do tu vô công dụng đạt được.

Luận nói: Bốn là nếu tướng phân biệt các pháp, chuyển thành phần thanh tịnh, thường xuyên liên tục sinh, thì thành tựu pháp thân viên mãn.

Giải thích: Như chỗ xưa đã nghe, trong tư duy giác quán Xa-ma-tha Tì-bát-xá-na chưa mãn, chưa lớn, chưa tu hành tùy duyên, tu chưa mãnh liệt, nếu chỗ tu tập này hoàn thành, lìa các chướng thì chuyển được phần thanh tịnh. Do liên tục sinh nên được viên mãn, do viên mãn chạm đến pháp thân, đến cứu cánh vị mà được thành tựu. Tức là khi khởi, khi viên mãn, khi thành tựu. Quả xuất ly này là do tu mãnh liệt đạt được.

Luận nói: Năm là ở trong thượng phẩm, chuyển tăng làm nhân duyên tụ họp cho thượng thượng phẩm.

Giải thích: Bồ-tát đấng địa đã được thượng phẩm, do đối với thiện pháp không cảm thấy đủ nên tu tập tiến tới, từ sơ địa chuyển chạm đến nhị địa, cho đến từ thập địa chuyển chạm đến Phật quả, thành thượng thượng phẩm cao tột. Trước tu phúc đức trí tuệ làm hành trang, trí vô phân biệt làm nhân, các pháp trợ đạo làm duyên, một thời đầy đủ nên nói là nhân duyên tụ họp. Cái quả viên mãn này là do cái tu không cảm thấy đủ đạt được. Ngoài ra nghĩa khác của các địa, nên biết như được nói trong Thập Thất Địa Luận. Nghĩa là hữu năng vô năng v.v...trong 10 địa có bao nhiêu pháp. Chưa diệt là diệt, chưa đắc là đắc cho nên Bồ-tát tu hành 10 địa. Bồ-tát trước ở trong nguyện hành địa, trong 10 pháp, tu nguyện nhẫn được thành. Do nguyện nhẫn thành, qua nguyện hành địa nhập Bồ-tát chính vị. Nguyện thì có 10 đại nguyện: 1. Cúng dường nguyện: nguyện cúng dường thắng duyên phúc điền sư pháp chủ. 2. Thụ trì nguyện: nguyện

thụ trì chính pháp thù thắng vi diệu. 3. Chuyển pháp luân nguyên: nguyên chuyển pháp luân chưa từng có trong các đại pháp hội. 4. Tu hành nguyên: nguyên tu hành như Phật nói tất cả chính hạnh của Bồ-tát. 5. Thành thực nguyên: nguyên thành thực chúng sinh trong khi thế giới được thiện căn 3 thừa. 6. Thừa sự nguyên: nguyên vãng sinh các cõi Phật thường thấy chư Phật hằng được cung kính phụng sự nghe thụ chính pháp. 7. Tịnh độ nguyên: nguyên thanh tịnh cõi này, an lập chính pháp và chúng sinh năng tu hành. 8. Bất ly nguyên: nguyên ở tất cả nơi sinh ra hằng không lìa chư Phật Bồ-tát, được đồng ý hành. 9. Lợi ích nguyên: nguyên trong tất cả mọi thời hằng làm việc lợi ích chúng sinh không để trôi qua. 10. Chính giác nguyên: nguyên cùng tất cả chúng sinh đều được vô thượng Bồ-đề, hằng làm Phật sự. Mười nguyên này cho đến lên sơ địa mới được thành lập. Bởi vì sao? Nguyên này lấy chân như làm thể, vì sơ địa có thể thấy chân như. Nhân tức là trí vô phân biệt. Do nguyên nhân thành nên có 2 thứ thắng năng: tức là năng diệt, năng đắc. Là gì vậy? Có 22 vô minh, 11 báo chướng thô nặng, 11 địa. Mỗi địa đều có thể diệt 3 chướng, đều được thắng công đức. Sơ địa có thể diệt 3 chướng là: Một là vô minh của sự phân biệt pháp ngã. Hai là vô minh của ác nghiệp đạo. Hai thứ vô minh này chiêu cảm phương tiện sinh tử, gọi là quả báo thô nặng. Để diệt 3 chướng nên tu chính cần. Nhân tu chính cần diệt 3 chướng rồi, được nhập sơ địa, được 10 phần viên mãn: 1. Nhập Bồ-tát chính định vị để nhập vô lưu địa đầu tiên của Bồ-tát. 2. Sinh nơi nhà Phật, như các Bồ-tát sinh nơi nhà pháp vương, đầy đủ tôn thắng. 3. Chúng tính không thể chê bai vì quá hơn chúng tính Nhị thừa và thế gian. 4. Đã chuyển tất cả hạnh thế gian, quyết không làm các tà hạnh như sát sinh v.v... 5. Đã tới hạnh xuất thế vì các địa đạt được đều là vô lưu. 6. Đã được Bồ-tát pháp như, do được tự tha bình đẳng. 7. Đã khéo lập Bồ-tát xứ, do chúng pháp chân thật Bồ-tát. 8. Đã đạt tới tam thế bình đẳng, do giác ngộ tất cả pháp vô ngã chân như. 9. Đã quyết định ở trong tính Như Lai, đời sau sẽ

thành Phật. 10. Đã lia bỏ việc phá cái vô bực do Phật đạo phá vô minh, ngoại Bát-niết-bàn. Bồ-tát ở sơ địa, do thấy nghĩa pháp giới biến mãn được 10 phần như vậy. Như Thanh Văn ở quả đầu tiên có 10 phần công đức, do phần này nên sơ địa viên mãn. Bồ-tát ở sơ địa chưa có thắng năng, chưa thể hiểu rõ các tội lỗi phạm giới vi tế trong giới Bồ-tát. Sở dĩ chưa được như vậy là do 3 chướng: một là vô minh phạm lỗi vi tế, hai là vô minh đối với các tướng nghiệp. Hai vô minh này chiêu cảm phương tiện sinh tử, nên gọi là báo thô nặng. Để diệt 3 chướng phải tu chính cần. Nhân tu chính cần diệt 3 chướng đã nhập vào địa thứ hai, được 8 thứ công đức thanh tịnh: 1. Tín lạc thanh tịnh, 2. Tâm thanh tịnh, 3. Từ bi thanh tịnh, 4. Ba-la-mật thanh tịnh, 5. Thấy Phật sự thanh tịnh, 6. Thành thực chúng sinh thanh tịnh, 7. Sinh thanh tịnh, 8. Oai đức thanh tịnh. Ở thượng thượng địa lia Như Lai địa. Tám công đức này chuyển thượng, chuyển thắng. Do phần này nên viên mãn địa thứ hai. Bồ-tát ở địa thứ hai chưa có năng thắng, chưa được thể gian 4 định, 4 không, Tam-ma-bạt-đề và Văn trì Đà-la-ni, chưa được đầy đủ niệm lực. Sở dĩ chưa được là do 3 chướng: một là dục ái vô minh, hai là cụ túc Văn trì Đà-la-ni vô minh. Hai vô minh này chiêu cảm phương tiện sinh tử nên gọi là báo thô nặng. Để diệt 3 chướng nên tu chính cần. Tu chính cần diệt 3 chướng rồi, nhập vào địa thứ ba được 8 thứ chuyển thắng thanh tịnh và 4 định v.v.. cho đến thông đạt nghĩa pháp giới thắng lưu. Do phần này nên địa thứ ba viên mãn. Bồ-tát ở địa thứ ba chưa có thắng năng chưa thể tùy tự mình như ý trụ lâu trong các pháp trợ đạo phẩm đã đạt được, chưa thể lia bỏ tâm ái pháp Tam-ma-bạt-đề mà trụ trong thanh tịnh. Sở dĩ chưa được vì do 3 chướng: một là Tam-ma-bạt-đề ái vô minh, hai là hành pháp ái vô minh. Hai vô minh này chiêu cảm phương tiện sinh tử là báo thô nặng. Để diệt trừ 3 chướng này nên tu chính cần. Nhân tu chính cần diệt 3 chướng đã nhập vào địa thứ tư được 8 thứ chuyển thắng thanh tịnh và được như ý trụ lâu trong các pháp trợ đạo phẩm đã đạt được cho đến thông đạt nghĩa pháp giới vô nhiếp. Do phần này



nên địa thứ tư viên mãn. Bồ-tát ở địa thứ tư chưa có thắng năng. Bồ-tát chính tu Tứ đế quán, đối với sinh tử Niết-bàn chưa thể xả bỏ nhất hướng bội thủ tâm, chưa được 4 thứ phương tiện gồm thân Bồ-tát đạo phẩm. Sở dĩ chưa được là do 3 chướng: một là sinh tử Niết-bàn nhất hướng bội thủ tư duy vô minh, hai là phương tiện sở nhiếp tu tập đạo phẩm vô minh. Do 2 vô minh này chiêu cảm nhân duyên sinh tử nên gọi là báo thô nặng. Để diệt 3 chướng này nên tu chính cần. Nhân tu chính cần diệt 3 chướng đã nhập vào địa thứ năm, được 8 thứ chuyển thắng thanh tịnh và được xả ly bội thủ tâm v.v... cho đến thông đạt nghĩa pháp giới tương tục không khác. Do phần này nên được viên mãn địa thứ năm. Bồ-tát ở địa thứ năm chưa có thắng năng. Vì chứng như lý các hành pháp sinh khởi tương tục nên nhiều tu hành chán ghét tướng các pháp hữu vi, nhưng chưa thể trường kỳ như ý trụ trong tư duy vô tướng. Sở dĩ chưa được là vì 3 chướng: một là chứng các hành pháp sinh khởi tương tục vô minh, hai là tướng tướng số khởi vô minh. Hai vô minh này chiêu cảm nhân duyên sinh tử gọi là báo thô nặng. Để diệt 3 chướng này nên tu chính cần. Nhân tu chính cần diệt 3 chướng đã nhập địa thứ sáu được 8 thứ chuyển thắng thanh tịnh và không chứng các hành sinh khởi tương tục v.v... cho đến thông đạt nghĩa pháp giới không nhiễm tịnh. Do phần này nên viên mãn địa thứ sáu. Bồ-tát ở địa thứ sáu chưa có thắng năng, chưa thể lìa hành khởi các tướng vi tế của pháp hữu vi, chưa thể như ý trụ lâu dài trong tư duy vô gián vô lưu vô tướng. Sở dĩ chưa được là do 3 chướng: một là vi tế tướng hành khởi vô minh, hai là nhất hướng vô tướng tư duy phương tiện vô minh. Hai vô minh này chiêu cảm nhân duyên sinh tử, gọi là báo thô nặng. Để diệt 3 tướng nên tu chính cần. Do tu chính cần diệt 3 chướng đã nhập địa thứ bảy, được 8 thứ chuyển thắng thanh tịnh và lìa các tướng hành khởi vi tế của các pháp hữu vi, cho đến thông đạt nghĩa vô sai biệt của các pháp trong pháp giới. Do phần này nên địa thứ bảy viên mãn. Bồ-tát ở địa thứ bảy chưa có thắng năng, chưa thể lìa tâm dụng công được trụ trong vô tướng tu,

tâm chưa được tự tại trong tướng tự lợi lợi tha. Sở dĩ chưa được là do 3 chướng: một là trong vô tướng quán khởi dụng công vô minh, hai là đối với tướng hành tự tại vô minh. Hai vô minh này chiêu cảm có sinh tử, gọi là báo thô nặng. Để diệt 3 tướng nên tu chính cần. Nhân tu chính cần diệt 3 chướng đã nhập địa thứ tám, được 8 thứ chuyển thắng thanh tịnh và lìa tâm dụng công được trụ trong vô tướng tu v.v..., cho đến thông đạt nghĩa không tăng giảm của pháp giới. Do phần này nên địa thứ tám viên mãn. Bồ-tát ở địa thứ tám chưa có thắng năng, chưa được tự tại đối với các phẩm loại danh ngôn khác nhau nói đầy đủ trong chính thuyết, chưa được tài thiện xảo nói Đà-la-ni. Sở dĩ chưa được là do 3 chướng: một là đối với vô lượng chính thuyết pháp, vô lượng danh cú còn vô minh khó giải đáp, đối với Đà-la-ni còn vô minh không được khéo léo tự tại, hai là đối với 4 vô ngại giải còn vô minh chưa quyết nghị. Hai vô minh này chiêu cảm hữu hữu sinh tử, gọi là báo thô nặng. Để diệt 3 tướng nên tu chính cần. Nhân tu chính cần diệt 3 chướng đã nhập địa thứ chín, được 8 thứ chuyển thắng thanh tịnh và trong chính thuyết được tướng cụ túc tự tại v.v..., cho đến thông đạt nghĩa trí tự tại y chỉ pháp giới. Do phần này nên địa thứ chín viên mãn. Bồ-tát ở địa thứ chín chưa có thắng năng, chưa thể chính thuyết viên mãn pháp thân, chưa được vô trước vô ngại viên mãn tuệ lực thông. Sở dĩ chưa được là do 3 chướng: một là lục thông tuệ vô minh, hai là nhập vi tế bí mật Phật pháp vô minh. Hai vô minh này chiêu cảm hữu hữu sinh tử, gọi là báo thô nặng. Để diệt 3 tướng nên tu chính cần. Nhân tu chính cần diệt 3 chướng đã nhập địa thứ mười, được 8 thứ chuyển thắng thanh tịnh và được chính thuyết viên mãn pháp thân v.v..., cho đến thông đạt nghĩa của pháp giới nghiệp tự tại y chỉ. Do phần này nên địa thứ mười viên mãn. Bồ-tát ở địa thứ mười chưa có thắng năng, chưa được pháp thân viên mãn thanh tịnh, chưa thể đối với tất cả các cảnh phải biết được trí tuệ và chỗ thấy vô trước vô ngại. Sở dĩ chưa được là do 3 chướng: một là đối với tất cả các cảnh cần phải biết còn vi tế

chấp trước vô minh, hai là đối với tất cả các cảnh cần phải biết còn vi tế trở ngại vô minh. Hai vô minh này chiêu cảm vô hữu sinh tử, gọi là báo thô nặng. Để diệt 3 tướng nên tu chính cần. Nhân tu chính cần diệt 3 chướng đã nhập Như Lai địa, được 7 thứ tối thắng thanh tịnh, ly sinh thanh tịnh, và được pháp thân viên mãn thanh tịnh, kiến trí vô trước vô ngại v.v.... Do phần này nên Như Lai địa viên mãn. Công đức của Thập địa đều là hữu thượng. Công đức của Như Lai địa là vô thượng. Các Ba-la-mật là học xứ của Bồ-tát. Vì sao có lúc nói có 6, hoặc nói có 10. Nói có 6 có 2 nghĩa: một là 3 cái trước làm lợi ích thế gian cho người, hai là 3 cái sau đối trị phiền não cho người. Do Bồ-tát hành thí, lập tư sinh cụ cho chúng sinh khiến chúng khỏi khổ bần cùng. Do Bồ-tát hành giới, lìa bức hại tổn não chúng sinh, khiến chúng không sợ hãi. Do Bồ-tát hành nhẫn không báo thù việc ác do chúng sinh gây bức hại tổn não, khiến chúng an tâm không nghi ngờ. Ba cái này đem lại lợi ích thế gian cho người. Bồ-tát hành tinh tiến, nếu người chưa đê bệch được hoặc và chưa đoạn hoặc có thể an lập họ nơi điều thiện và trợ thiện. Do tinh tiến này, các hoặc không thể khiến họ thoái lui việc thiện hoặc trợ thiện. Bồ-tát hành định có thể phục diệt phiền não cho người. Bồ-tát hành Bát-nhã có thể đoạn trừ phiền não cho người. Cho nên 3 cái sau là đối trị phiền não cho người.

Hoặc nói có 10, tức sau lại lập 4 Ba-la-mật là để trợ thành 6 cái trước. Lập 4 cái sau là chỗ lợi ích của 3 Ba-la-mật trước, được hiển thị bởi Tứ nhiếp. Phương tiện Ba-la-mật có thể an lập họ ở nơi thiện xứ. Cho nên Phương tiện Ba-la-mật là trợ bạn cho 3 Ba-la-mật trước. Nếu Bồ-tát trong đời hiện tại hoặc vì nhiều phiền não, hoặc do nguyện sinh hạ giới, hoặc do tâm mạnh yếu, đối với sự hằng tu tập và tâm trụ trong không có công năng, định duyên Bồ-tát tạng văn cú sinh, không có công năng dẫn đến xuất thế Bát-nhã. Bồ-tát hành chút ít công đức thiện căn, nguyện đời vị lai giảm thiểu phiền não, đó là sức Nguyện Ba-la-mật của Bồ-tát khiến phiền não giảm thiểu, có thể khởi Tinh tiến Ba-la-mật. Tự mình thực hành cũng thế, khiến người

thực hành cũng thế. Cho nên Nguyễn Ba-la-mật là trợ bạn của Tinh tiến Ba-la-mật. Được tinh tiến này rồi, Bồ-tát do phụng sự thiện tri thức được nghe chính pháp, tư duy đúng đắn những gì đã nghe có thể trừ tâm mạnh yếu, được tâm mạnh mẽ vượt trội đối với cảnh mỹ diệu. Đó là Lực Ba-la-mật của Bồ-tát. Do tu lực này Bồ-tát có thể dẫn tâm khiến trụ trong nội cảnh. Cho nên Lực Ba-la-mật là trợ bạn của Định Ba-la-mật. Được sức lực này rồi, Bồ-tát chuyên nội dung văn cú trong Bồ-tát tạng được sinh văn tư tu tuệ và chuyên trí tuệ minh. Trí này có thể như lý lựa chọn cảnh chân tục. Trí này có thể hoặc ở trước trí vô phân biệt, hoặc ở sau trí vô phân biệt. Đó là Trí Ba-la-mật của Bồ-tát. Do trí này có thể sinh định và dẫn xuất Bát-nhã. Cho nên Trí Ba-la-mật là trợ bạn của Bát-nhã Ba-la-mật.

Lại nữa 10 chỗ học xứ của Bồ-tát tuần tự như thế nào?

Các Ba-la-mật ở trước có thể gom lại thành các Ba-la-mật ở sau, làm y chỉ cho chúng. Nếu Bồ-tát không tham tiếc 6 trần và khoái lạc bản thân, được thụ giới cấm, Bồ-tát vì giữ gìn giới cấm nên nhẫn chịu sự hủy nhục của người. Do có thể nhẫn chịu nên tinh tiến không trở ngại. Do tinh tiến này dứt ác sinh thiện, chạm đến Tam-ma-đề. Nếu định thành tựu thì có thể dẫn đến xuất thế Bát-nhã. Do Bát-nhã hồi hướng Lục độ trước để được Đại Bồ-đề nên thí v.v... không bao giờ hết. Bát-nhã có thể dẫn đến nhân phương tiện. Phương tiện này phát sinh các thiện nguyện, có thể nhiếp tùy thuận nơi sinh, tất cả nơi sinh ra hằng gặp Như Lai ra đời. Cho nên thường hành thí. Phương tiện có thể dẫn đến nguyện. Nhân nguyện này được 2 thứ sức mạnh là sức tư duy lựa chọn và sức tu tập, đối trị lại sự phá thí v.v... quyết định thường có thể tu hành thí v.v... Cho nên nguyện có thể dẫn đến lực. Nhân sức này nên giữ nghĩa đúng như lời thì vô minh diệt. Được thụ thí v.v... tăng thượng chuyên chính thuyết pháp lạc, nhân pháp lạc này có thể thành thực thiện căn chúng sinh, nên lực có thể dẫn đến trí. Sơ địa thông đạt biến khắp các nghĩa, được trí xuất thế

Bồ-tát kiến đạo gồm thâm pháp giới. Tức 2 không, nên có thể hiểu rõ tự tha bình đẳng. D được bình đẳng không yêu mình ghét người, có hạnh bình đẳng đối với lợi ích mình và người. Vì vậy hành thí ở sơ địa viên mãn. Nhị địa do nghĩa thông đạt vượt trội, tức tự tính bình đẳng, Bồ-tát tác ý như vậy. Như kinh nói: Chúng ta đồng được thanh tịnh này nên xuất ly. Vì vậy phải tu tập chân đạo. Lời kinh này hiển thị 2 nghĩa: Một là hiển thị tự tính pháp giới là thanh tịnh tối thắng không gì khác. Hai là hiển thị chân đạo quy về pháp giới. Đã không thấy pháp giới có thượng trung hạ phẩm nên không cầu quả Nhị thừa, chỉ cầu Bồ-đề vô thượng. Thanh tịnh đạo này tức giới Bồ-tát. Vì vậy nhị địa hành giới viên mãn. Tam địa do thông đạt nghĩa thắng lưu nên hành nhẫn. Bởi vì sao? Như Lai nói 12 bộ kinh đều là pháp giới thắng lưu, vì từ thông đạt pháp giới sinh. Nếu người dựa theo văn như lý tu hành được chứng pháp hy hữu này. Bồ-tát tư duy như vậy. Như kinh nói để được văn này không có cái khó khăn nào là không thể nhẫn. Giả sử trong 3 ngàn Đại thiên thế giới đầy lửa cháy mạnh, vì cầu pháp này Bồ-tát có thể gieo mình vào lửa. Cho nên hành nhẫn của địa thứ ba viên mãn. Tứ địa do thông đạt nghĩa vô nhiếp, quán pháp giới không có gì hệ thuộc, vì là cảnh của trí vô phân biệt. Như kinh nói do thông đạt Đà-ha-na Tam-ma-đề, Tam-ma-bạt-đề và thiện pháp nên ái diệt không sinh trở lại. Trong địa này tất cả định và 37 pháp đạo phẩm đã cực thành tựu, trong đó ái lạc không thể lìa bỏ. Bởi vì sao? Lỗi lầm khó thấy nên nếu không chính cần vượt trội, ái này không thể diệt được. Nếu ái này diệt thì biết đã thành tựu chính cần. Vì vậy hành tinh tiến của địa thứ tư viên mãn. Ngũ địa do thông đạt nghĩa liên tục không khác. Nghĩa là tự tính pháp thân của tất cả chư Phật là không khác nhau. Bồ-tát được 10 thứ thanh tịnh ý bình đẳng. Ý bình đẳng này tức Bồ-tát định. Bởi vì sao? Bồ-tát định là cảnh giới bình đẳng. Do duyên chân như và chúng sinh nên do hành bình đẳng thông nhiếp Lục độ. Do phương tiện bình đẳng lìa bỏ tâm cao hạ. Do bình đẳng lìa hữu vô nhị biên. Như vậy 10 thứ ý bình đẳng là thể của

định. Vì vậy hành định ở địa thứ năm viên mãn. Lục địa do thông đạt nghĩa không nhiễm tịnh, Bồ-tát ở trong địa thứ sáu quán 12 duyên sinh. Trong quán này không thấy tất cả pháp có tịnh có nhiễm. Bởi vì sao? Vì tự tính pháp giới là thanh tịnh. Vô minh v.v... 12 phần chỉ phân biệt là tính. Phân biệt đã vô tướng là tính cho nên không thấy pháp có nhiễm. Nhiễm đã không thành, nên không thấy pháp có tịnh. Như kinh nói: Long vương ! Mười hai duyên sinh, hoặc sinh hoặc chẳng phải sinh. Về mặt thế đế nói là sinh. Về mặt chân đế nói là không sinh. Lại nữa trong 12 duyên sinh không có pháp nào là nhiễm không có pháp nào là tịnh, vì pháp tính không dị biệt. Vì vậy ở địa thứ sáu hành Bát-nhã viên mãn. Thất địa do thông đạt nghĩa các pháp không khác nhau. Nghĩa là Như Lai nói vô lượng pháp môn trong 3 thừa đều đồng một vị chân như. Những điều nói trong 12 bộ kinh vĩnh viễn không sinh tướng các tướng. Do biết nghĩa không dị biệt của các pháp, nên tất cả các hạnh chân tục đều hồi hướng vô thượng Bồ-đề. Tức là phương tiện hồi hướng thẳng trí là thể của phương tiện, khiến người được lợi ích là dụng của phương tiện, thí v.v... các thiện căn không giảm không hết là sự của phương tiện. Các phương tiện này chỉ vì lợi tha không vì tự lợi. Vì không hết nên việc lợi tha là vô cùng. Vì vậy hành phương tiện ở địa thứ bảy viên mãn. Bát địa do thông đạt nghĩa không tăng giảm, Bồ-tát quán khi phiền não diệt không giảm khi đạo sinh không tăng. Pháp giới có 2 vị: hữu cấu vị và vô cấu vị. Bồ-tát không thấy pháp giới cấu vị có tăng, không thấy pháp giới vô cấu vị có giảm. Cũng không thấy vô cấu vị đạo sinh là tăng, hữu cấu vị đạo không sinh là giảm. Vì không thấy một pháp có tăng giảm nên y vào pháp giới này thẳng nguyện được thành. Bồ-tát ở địa thứ tám duyên cảnh chân tục, 2 trí trái nhau, nếu lìa nguyện lực đều không thành nghĩa. Bởi vì sao? Duyên chân thì vô phân biệt trí tự tại vì không dụng công. Duyên tục thì Tịnh độ tự tại vì thanh tịnh có dụng công. Hai tự tại này dựa vào nguyện lực được thành. Nguyện này lấy pháp gì làm thể? Chưa được cầu cho được là thể của

nguyện. Như chỗ câu trước kia tự nhiên thành, là dụng của nguyện. Tất cả những nơi sinh ra hằng gặp chư Phật, thường hành thí v.v... các thiện căn thành lập không dứt, là sự của nguyện. Nguyện này chỉ vì lợi tha không vì tự lợi. Do không dứt nên tất cả những nơi sinh ra việc lợi tha vô cùng. Vì vậy hành nguyện ở địa thứ tám viên mãn. Cửu địa do thông đạt nghĩa trí tự tại y chỉ, trong địa thứ chín được 2 sức: sức chọn lựa và sức tu tập. Do sức này có thể đè bẹp tất cả những gì đối lại với chính hạnh, có thể quyết định thiện hạnh. Sức này lấy gì làm thể? Trí năng vô biên là thể của sức này. Có khả năng đè bẹp những gì đối nghịch không cho khởi, là dụng của sức này. Khiến các việc hành thiện được quyết định, thanh tịnh không xen tạp, không trở ngại, là sự của sức này. Sức này chỉ vì lợi tha không vì tự lợi. Do quyết định nên lợi tha vô cùng. Vì vậy hành lực trong địa thứ chín viên mãn. Thập địa do thông đạt nghĩa nghiệp tự tại y chỉ, Bồ-tát quán chân như biến khắp, là y chỉ của ứng hóa thân nên được tùy chân như, hiển hiện 2 thân trong 10 phương thế giới làm việc tự tha lợi ích. Nghiệp này là do ứng hóa 2 thân hiển hiện. Trí này lấy gì làm thể? Bát-nhã và định là thể của trí. Không trụ sinh tử Niết-bàn, là dụng của trí. Lợi ích phàm phu và Thánh nhân, là sự của trí. Trí này chỉ vì lợi tha không vì tự lợi. Do 2 thân hiển hiện nên lợi tha vô cùng. Vì vậy hành trí trong địa thứ mười viên mãn.

Luận nói: Ở trong 10 địa, Bồ-tát theo thứ tự tu 10 Ba-la-mật. Ở 6 địa trước có 6 Ba-la-mật thứ tự như đã nói.

Giải thích: Sáu địa trước thông đạt pháp giới 6 thứ công đức nên đều hành một Ba-la-mật. Nghĩa này như trước đã nói.

Luận nói: Ở 4 địa sau có 4 Ba-la-mật.

Giải thích: Nếu nói 6 Ba-la-mật thì 4 ba-la-mật như Phương tiện thắng trí v.v... phải biết là thân nhiếp trong 6. Nghĩa của thân nhiếp, tức bao gồm, như trước đã nói. Nếu nói 10 Ba-la-mật thì 6 Ba-la-mật trước thuộc vô phân biệt trí, 4 Ba-la-mật sau thuộc vô phân

biệt hậu trí. Bốn địa sau y vào vô phân biệt hậu trí tu hành 4 Ba-la-mật. Làm sao biết phương tiện thắng trí thuộc vô phân biệt hậu trí? Ba-la-mật này lấy pháp gì làm thể? Để đáp câu hỏi này

Luận nói: Một là Âu-hòa-câu-xá-la Ba-la-mật. Đây là công đức thiện căn do 6 Ba-la-mật sinh ra và nuôi lớn. Tất cả đem thí cho chúng sinh một cách bình đẳng, vì tất cả chúng sinh hồi hướng vô thượng Bồ-đề.

Giải thích: Nếu người cầu được vô thượng Bồ-đề, trước tự tư duy tất cả những gì là việc lợi ích chúng sinh ta đều phải làm. Vì vậy mà cầu vô thượng Bồ-đề. Tất cả những người hành Bồ-tát đạo, tâm của họ đều như vậy. Cho nên muốn lợi ích chúng sinh, mọi công đức thiện căn đều hồi hướng vô thượng Bồ-đề. Nhân quả đều đồng gọi là bình đẳng. Bình đẳng này là cái dụng của phương tiện thắng trí. Bát-nhã Đại bi lấy làm thể. Bởi vì sao? Sáu Ba-la-mật này dựa vào bát-nhã sinh trưởng, dựa vào Đại bi vì chúng sinh hồi hướng vô thượng Bồ-đề khiến bình đẳng đều được. Do Bát-nhã nên không hồi hướng quả phú lạc của Phạm thiên Đế Thích. Do Đại bi nên không hồi hướng quả Nhị thừa. Vì vậy không bỏ sinh tử. Ở trong sinh tử không bị nhiễm ô. Đó gọi là phương tiện thắng trí Ba-la-mật. Nếu li phân biệt thì việc này không thành, cho nên thâm nhiếp trong vô phân biệt hậu trí. Lại nữa làm sao biết nguyện Ba-la-mật là thâm nhiếp trong vô phân biệt hậu trí? Lại nữa pháp gì là thể của Ba-la-mật này? Để đáp 2 câu hỏi này nên

Luận nói: Hai là Ba-ni-tha-na Ba-la-mật. Pháp ba-la-mật này có thể dẫn phát tất cả các nguyện, cảm đến sinh duyên Lục độ đời vị lai.

Giải thích: Nguyện này trong đời hiện tại dựa vào các thiện hạnh có thể dẫn đến các thiện nguyện. Nguyện này ở đời vị lai có thể cảm tùy Lục độ sinh duyên nghĩa là như công cụ tốt và hành trang, thiện tri thức, chính văn v.v...Đó gọi là việc nhân quả của



thiện nguyện. Thanh tịnh ý dục làm thể, y Bát-nhã nên được thanh tịnh, y Đại bi nên có ý dục. Nếu lìa phân biệt việc này không thành, cho nên thâm nhiếp trong vô phân biệt hậu trí. Làm sao biết Lục Ba-la-mật thâm nhiếp trong vô phân biệt hậu trí? Ba-la-mật này lấy gì làm thể? Để đáp 2 câu hỏi này nên

Luận nói: Ba là Bà-la Ba-la-mật. Tức do năng lực tư duy lựa chọn và năng lực tu tập làm cho các Ba-la-mật có sức đối trị, có thể liên tục sinh trưởng không khiếm khuyết không gián đoạn.

Giải thích: Trong các kinh nói lực có 2 thứ: một là tư trạch lực, hai là tu tập lực. Tư trạch lực là chính tư duy các pháp lỗi lầm và công đức. Tư trạch lực, tức sức tư duy chọn lựa, này nếu tăng, thắng thì không phải chỉ tự địa mà hoặc năng động. Kiên cường gọi là lực. Tu tập lực là sức tu tập. Tâm duyên pháp này tác quán hạnh khiến tâm và pháp hòa hợp làm một như nước với sữa, như xông hương ướp áo. Đó gọi là tu. Tu này nếu tăng thì thành thượng thượng phẩm, có thể đoạn trừ các hạ địa hoặc. Cũng lấy sự kiên cường nên gọi là lực. Trong đây chỉ lấy tư trạch lực đề bệ tiêu diệt các hoặc đối nghịch với Ba-la-mật. Thực hành 6 Ba-la-mật khiến liên tục không gián đoạn không khiếm khuyết. Đây tức là sự của Lục Ba-la-mật. Đã chỉ lấy tư trạch lực, nên lấy tư tuệ làm thể. Vì lợi tha mà đề bệ cái ác thực hành việc thiện nên thuộc Đại bi. Nếu lìa bỏ phân biệt thì việc này bất thành. Cho nên thâm nhiếp trong vô phân biệt hậu trí.

Làm sao biết Trí Ba-la-mật nhiếp thuộc vô phân biệt hậu trí? Và vì sao là thể của Ba-la-mật này? Để đáp 2 câu hỏi này nên

Luận nói: Bốn là Nhã-na Ba-la-mật. Ba-la-mật này có khả năng thành lập trí của 6 Ba-la-mật trước, có thể khiến chư Bồ-tát được thụ pháp lạc trong Đại pháp hội và thành thực chúng sinh.

Giải thích: Ba-la-mật này gọi là Trí Ba-la-mật. Trí có 2 loại: một là có phân biệt, hai là không phân biệt. Nay nói trí có phân biệt.

Bởi vì sao? Vì có thể thành lập 6 Ba-la-mật trước. Có thể thành lập là Như Lai y vào 6 Ba-la-mật nói tất cả chính pháp. Bồ-tát có thể tư duy lựa chọn tự được thông đạt và khiến người được thông đạt. Vì có thể thành lập Lục độ nên Bồ-tát trong các Đại pháp hội được thụ pháp lạc, khiến tự tha thông đạt. Vì thành thực chúng sinh, đây tức là sự của Trí Ba-la-mật, cũng lấy tư tuệ làm thể. Trí này đã vì lợi vật nên thuộc Đại bi. Nếu lia bỏ phân biệt thì việc này bất thành, cho nên nhiếp thuộc vô phân biệt hậu trí.

Luận nói: Phải biết rằng 4 Ba-la-mật sau này là phần đạt được sau của trí vô phân biệt, tóm thâu tất cả Ba-la-mật. Và trong tất cả các địa không tu tập đồng thời.

Giải thích: Tùy theo các địa đều tu một Ba-la-mật, nên không đồng thời.

Luận nói: Phải biết rằng các nghĩa của pháp môn này được hiển thị rộng từ trong Kinh Ba-la-mật Tạng.

Giải thích: Tất cả pháp Đại thừa gọi là Ba-la-mật tạng. Vì lợi tha nên Phật nói Đại thừa thâu nhiếp các Ba-la-mật. Không phải Thanh Văn thừa được tên tạng này, bởi Thanh Văn thừa không vì lợi tha mà nói. Nếu tất cả Đại thừa đều gọi là Ba-la-mật tạng thì pháp môn này từ đâu ra? Pháp môn này được thâu nhiếp trong 10 địa Ba-la-mật tạng. Dùng văn gồm thâu nghĩa gọi là tạng. Bộ đảng nghĩa loại thâu nhiếp lẫn nhau cũng gọi là tạng, nên có trùng tên tạng. Lại nữa Phật không vì Nhị thừa mà nói, nên trong Nhị thừa có ẩn nghĩa kín, vì vậy gọi là tạng. Trong kinh này nói tất cả Ba-la-mật mỗi địa mỗi địa đều tu tập được thành địa này. Chư Phật ở tất cả các cõi hằng vì thắng nhân nói. Đây chính nói nghĩa của địa. Như Lai trong pháp vì vô đảng mà nói, vì vô nghĩa, vô hành được thắng nghĩa này. Địa này có thể làm y chỉ cho tất cả nghĩa. Bởi vì sao? Do Như Lai lựa chọn chỗ vượt trội mà nói. Sở dĩ gọi là thắng vì ngoại trần và chỗ trụ của chúng sinh

# NHIẾP ĐẠI THỪA LUẬN THÍCH

## QUYỀN 11

### Giải thích nhập nhân quả tu sai biệt thắng tướng 5-2

#### Chương 5: Tu thời

Luận nói: Qua bao nhiêu thời gian chính hành tu tập, 10 địa được viên mãn?

Giải thích: Mười địa này là địa vị trọng đại của Bồ-tát, Thời gian tu hành không thể đồng với Nhị thừa. Bởi vì sao? Không phải chỉ nhiều vì tế độ bản thân, mà nhiều phương tiện tu tập, chỗ phải đạt đến rất cao xa. Ví như hành trình vua đi không như người ngheo khó. Thời gian tu hành của Đại Tiểu thừa có dài ngắn. Muốn nói nghĩa này nên hỏi thời gian tu hành.

Luận nói: Có 5 hạng người tu hành trong 3 a-tăng-kì kiếp thì viên mãn. Hoặc cũng có 7 a-tăng-kì kiếp, hoặc 33 a-tăng-kì kiếp.

Năm hạng người là những người nào?

Người tu hành nguyện, mãn một a-tăng-kì kiếp. Người tu hành thanh tịnh ý, người tu hành hữu tướng, người tu hành vô tướng, trong địa thứ 6 đến địa thứ 7, mãn a-tăng-kì kiếp thứ hai. Từ đây về sau người tu hành vô công dụng, cho đến địa thứ 10, mãn a-tăng-kì kiếp thứ ba.

Giải thích: Năm hạng người là những ai? Một, có 1 người là người nguyện lạc hành. Hai, có 3 người là người thanh tịnh ý hành,

người hữu tướng hành và người vô tướng hành. Ba, có 1 người là người vô công dụng hành. Đó là 5 người. Người nguyện lạc hành tự có 4 loại là Thập tín, Thập giải, Thập hành và Thập hồi hướng. Đây là 4 thứ phương tiện của Bồ-tát Thánh đạo, cho nên có 4 người. Như trước Tu-đà-hoàn đạo có 4 thứ phương tiện. Bốn người này đều gọi là nguyện lạc hành địa. Trong kiếp a-tăng-kì thứ nhất tu hành được viên mãn. Nếu đã viên mãn địa này, người tu quán hành này chưa được thanh tịnh ý. Hành chưa chứng chân như vì chưa được trí vô phân biệt. Trí vô phân biệt tức thanh tịnh ý hành. Lại nữa do đồng với tâm Nhị thừa nên chẳng phải thanh tịnh ý hành. Lại chưa đến địa vị không thoái lui của Bồ-tát nên chẳng phải thanh tịnh ý hành. Như người Thế đệ nhất chưa được tâm vô lưu nói là không thanh tịnh. Tâm vô lưu duyên pháp tướng không quên mất, nên được tâm vô lưu gọi là chính định vị. Tâm hữu lưu có quên mất, nên không được tên là chính định. Bồ-tát cũng vậy, chưa nhập sơ địa chưa được tên chính định. Người không thanh tịnh ý hành này, nếu thấy chân như tức nhập thanh tịnh ý hành địa. Từ sơ địa đến thập địa đồng được tên này. Người thanh tịnh ý hành, tự có 4 loại. Một người đầu là từ chung mà đặt tên là thanh tịnh ý hành. Ba người sau là từ riêng mà lập tên là hữu tướng hành, vô tướng hành và vô công dụng hành. Người thanh tịnh ý hành này từ địa thứ 6 trở lui gọi là hữu tướng hành. Người hữu tướng hành có 4 thứ tướng cảnh giới: 1.tướng có phân biệt, 2.tướng không phân biệt, 3.tướng cứu cánh phẩm loại, 4.tướng sự thành tựu. Tướng có phân biệt là định duyên cảnh v.v... phân làm Tì-bát-xá-na. Nếu không phân biệt là cảnh Xa-ma-tha. Duyên cảnh này sinh xả là tướng định. Duyên cảnh định vô phân biệt chân như khởi, gọi là tướng vô phân biệt. Tướng cứu cánh phẩm loại là tu 2 như lý, như lượng. Tướng sự thành tựu là chuyển y trong Bồ-tát địa. Địa thứ 7 là vô tướng hành hữu công dụng. Như Lai nói 12 bộ pháp môn tướng cho đến 12 duyên sinh tướng. Tư duy suy lường thuần thực nên không duyên pháp môn tướng. Thông đạt thẳng đến chân

như vị. Sự thông đạt này nếu tách rời công dụng thì bất thành, nên nói địa này là vô tướng hành hữu công dụng. Thanh tịnh hành, hữu tướng hành, vô tướng hành 3 người trong a-tăng-kì kiếp thứ hai tu hành được viên mãn. Nếu người nhập địa thứ 8 có vô tướng hành, vô công dụng chưa thành tựu. Nếu địa thứ 8 viên mãn, trong địa thứ 8 vô tướng hành, vô công dụng đã thành tựu. Trong địa thứ 9 thứ 10, vô tướng hành, vô công dụng chưa thành tựu viên mãn. A-tăng-kì kiếp thứ 3, vô tướng, vô công dụng này mới thành. Ví như 3 vị Tu-đà-hoàn, Tu-đà-hàm, A-na-hàm chế lập làm 5 người. Nếu 3 vị làm sao chế lập làm 5 người? Do vị sai biệt nên thành 5 người. Từ sơ phương tiện đến Tu-đà-hoàn là người thứ nhất. Gia gia là người thứ hai. Tu-đà-hàm là người thứ ba. Nhất chủng tử là người thứ tư. A-na-hàm là người thứ năm. Bồ-tát vị cũng vậy. Sơ địa là đệ nhất vị. Từ nhị địa đến thất địa là đệ nhị vị. Từ bát địa đến đệ thập địa là đệ tam vị cũng được chế lập làm 5 người. Từ phương tiện đến sơ địa là người thứ nhất. Từ nhị địa đến tứ địa là người thứ hai. Ngũ địa đến lục địa là người thứ ba. Thất địa là người thứ tư. Bát địa đến thập địa là người thứ năm. Lại nữa do bằng Thanh Văn vị nên biết thứ tự 12 địa Bồ-tát cũng như vậy. Như Thanh Văn tính địa, Bồ-tát sơ vị cũng như vậy. Như Thanh Văn tu chính định vị gia hành, nghĩa là khổ pháp nhẫn v.v..., Bồ-tát đệ nhị vị cũng như vậy. Như Thanh Văn đã nhập chính định vị, Bồ-tát đệ tam vị cũng như vậy. Như Thanh Văn đã được bát hoại tín, trụ Thánh sở ái giới vị để diệt thượng địa hoặc, Bồ-tát đệ tứ vị cũng như vậy. Như Thanh Văn y giới học dẫn nhiếp y tâm học, Bồ-tát đệ ngũ vị cũng như vậy. Như Thanh Văn đã được y tuệ học vị, Bồ-tát đệ lục, đệ thất, đệ bát vị cũng như vậy. Như Thanh Văn không trở lại cảnh giới tư lường, tức vô tướng Tam-ma-đề gia hành, Bồ-tát đệ cửu vị cũng như vậy. Như Thanh Văn đã thành tựu vô tướng định vị, Bồ-tát đệ thập vị cũng như vậy. Như Thanh Văn đã xuất vô tướng Tam-ma-đề vị nhập giải thoát vị, Bồ-tát đệ thập nhất vị cũng như vậy. Như Thanh Văn vị đủ tướng A-la-hán, Bồ-tát đệ thập nhị vị cũng như

vậy. Mười ba người này gồm sáu trong 5 vị của Bồ-tát. Vị thứ nhất gồm thứ nhất thứ hai thứ ba 3 người. Vị thứ hai gồm thứ tư, thứ năm, thứ sáu 3 người. Vị thứ ba gồm thứ bảy thứ tám 2 người. Vị thứ tư có thứ chín 1 người. Vị thứ năm gồm thứ mười, thứ mười một, thứ mười hai 3 người. Nếu theo 5 vị của Thanh Văn cũng được gồm 12 người không khác với số của Bồ-tát.

Luận nói: Lại nữa thế nào là 7 a-tăng-kì kiếp?

Giải thích: Muốn nói rõ cái chấp của các bộ khác nên nói “Lại nữa ...”. Thời gian 7 kiếp a-tăng-kì với 3 a-tăng-kì nói ở trước là bằng nhau hay có ngắn dài? Chấp này bằng 3 kiếp a-tăng-kì, chỉ có khác nghĩa nên khai ra thành 7. Đại kiếp a-tăng-kì thứ nhất độ nguyên hành địa, được hành Hoan hỷ địa. Đại kiếp a-tăng-kì thứ hai từ Hoan hỷ địa độ Y giới học địa, Y tâm học địa, được hành Thiêu nhiên địa. Đại kiếp a-tăng-kì thứ ba từ

Thiêu nhiên địa độ Y tuệ học địa được hành Viên hành địa. Lại nữa một đại kiếp a-tăng-kì gọi là vô tướng bất định hành độ vô tướng hữu công dụng địa. Lại nữa một đại kiếp a-tăng-kì gọi là vô tướng định hành độ vô tướng vô công dụng địa. Lại nữa một đại kiếp a-tăng-kì gọi là vô tướng thắng hành độ vô ngại biện địa. Lại một đại kiếp a-tăng-kì gọi là tối thắng trụ độ Quán đỉnh địa. A-tăng-kì có 2 thứ. Một là a-tăng-kì kiếp. Bởi vì sao? Do kiếp này ngày đêm, nửa tháng một tháng, mùa, năm song v.v...thời không thể đếm, nên gọi là a-tăng-kì kiếp. Hai là kiếp a-tăng-kì. Bởi vì sao? Trong kiếp này Bồ-tát tu hành, nếu lấy kiếp mà tính thì kiếp này cũng không thể đếm được, nên gọi là kiếp a-tăng-kì. Do trong kiếp a-tăng-kì trước thời gian không thể đếm. Do a-tăng-kì kiếp sau cũng không thể đếm. Trải qua bao nhiêu Đại kiếp a-tăng-kì được vô thượng Bồ-đề, nay định 3 Đại kiếp a-tăng-kì được vô thượng Bồ-đề không quá không giảm. Nếu Bồ-tát tu hành tối thượng phẩm chính cần có thể siêu quá vô số Tiểu kiếp, hoặc siêu quá vô số Đại kiếp,

chỉ không thể siêu quá Đại kiếp a-tăng-kì. Nói về trừ 3 phiền não là bì phiền não, nhục phiền não và tâm phiền não nên lập 3 a-tăng-kì kiếp. A-tăng-kì kiếp thứ nhất tâm Bồ-tát chưa sáng suốt linh lợi, phương tiện chưa thành, chính cần còn yếu cho nên thật trải qua một Đại kiếp a-tăng-kì mới độ Nguyên hành địa. Vị này công hạnh và thời gian phù hợp nhau. Đại kiếp a-tăng-kì thứ hai, nếu lấy công hạnh ước tính về thời gian, phải trải qua 9 kiếp a-tăng-kì. Do tâm dụng của Bồ-tát sáng tỏ linh lợi, phương tiện đã thành, chính cần lại vượt trội, tuy trải qua thời gian ít nhưng được nhiều công hạnh. Công siêu quá 8 Đại kiếp a-tăng-kì, chỉ trải qua một Đại kiếp a-tăng-kì thứ hai. Đại kiếp a-tăng-kì thứ ba, nếu đem công hạnh ước tính thời gian thì phải trải qua 21 Đại kiếp a-tăng-kì. Do trí tuệ, phương tiện, chính cần của Bồ-tát vượt trội hơn cả, tuy thời gian trải qua ít mà công hạnh càng nhiều. Công siêu quá 20 Đại kiếp a-tăng-kì, chỉ trải qua một Đại kiếp a-tăng-kì thứ ba.

Luận nói: Địa tiền có 3 địa, giữa có 4 địa. Trước 3 đó là: một Bất định a-tăng-kì, hai Định a-tăng-kì, ba Thụ ký a-tăng-kì.

Giải thích: Lại có bộ khác cho rằng 7 kiếp a-tăng-kì là hành có cạn sâu, cảnh có chân tục và Đệ nhất nghĩa, cho nên địa tiền trải qua 3 kiếp a-tăng-kì, duyên 3 cảnh này, có 3 thứ hành: Một là y vào cảnh thứ nhất có bạch pháp và hắc pháp xen lẫn, gọi là thiếu phả Ba-la-mật. Hai là y vào cảnh thứ hai có phi hắc bạch pháp và bạch pháp xen lẫn, gọi là Ba-la-mật. Ba là y vào cảnh thứ ba có phi hắc bạch pháp không xen lẫn, gọi là chân Ba-la-mật. Tức ước về 3 cái này lập 3 a-tăng-kì: Một, bất định a-tăng-kì, do hắc bạch xen lẫn chẳng khác phàm phu. Hai, định a-tăng-kì, đã được pháp vô lưu xen lẫn pháp hữu lưu. Đã được vô lưu nên định. Hãy còn xen lẫn nên chưa thể thụ ký. Ba là thụ ký a-tăng-kì, chỉ là pháp vô lưu không xen lẫn pháp khác. Chỉ có pháp vô lưu nên định không xen pháp khác, nên có thể thụ ký. Vì vậy mà địa tiền trải qua 3 kiếp a-tăng-kì.

Luận nói: Giữa có 4 đó là: một, y thật đế a-tăng-kì, hai y xả a-tăng-kì, ba y tịch tĩnh a-tăng-kì, bốn y trí tuệ a-tăng-kì.

Giải thích: Sơ địa đến tam địa gọi là y thật đế địa. Sơ địa phát nguyện, Nhị địa tu pháp Thập thiện. Tam địa tu tập các định và cảnh giới, nên gọi y thật đế địa. Tứ địa đến Lục địa gọi là y xả địa. Tứ địa tu đạo phẩm. Ngũ địa quán Tứ đế. Lục địa quán Thập nhị duyên sinh. Y vào đạo mà xả bỏ các hoặc, nên gọi là y xả địa. Thất địa Bát địa gọi là y tịch tĩnh địa, bởi Thất địa là vô tướng hữu công dụng, Bát địa là vô tướng vô công dụng, nên gọi là y tịch tĩnh địa. Cửu địa Thập địa gọi là y trí tuệ địa, bởi Cửu địa tự được giải thoát, Thập địa khiến người được giải thoát, nên gọi là y trí tuệ địa. Đế có 3 thứ: một là thế đế, hai là hành đế, ba là tuệ đế. Thế đế là từ sơ phát tâm lập thế vì lợi tha. Hành đế là tu hành tương ứng với chỗ lập thế. Tuệ đế là để thành tựu hạnh này và an lập thế trước, ở trong phương tiện trí tuệ tương ứng với hành thế. Trí tuệ là vượt hơn. Ba cái này đều thật không đảo lộn không mâu thuẫn, nên gọi là đế. Bồ-tát như xưa kia lập thế, nay làm việc lợi ích chúng sinh, nên y vào đế mà trụ. Bồ-tát có thể xả chướng Lục độ, nên y vào xả mà trụ. Bồ-tát Lục độ và công đức tương ứng, nên y vào tịch tĩnh mà trụ. Bồ-tát do tự hành Lục độ, hiểu rõ các phương tiện lợi tha, nên y vào trí tuệ mà trụ. Bồ-tát lập thế không trái với tâm người mong cầu, tất cả đều thí cho. Do lập thế này, không trái lời thề, nên thật có thể thí cho, tùy chỗ thí cho đều sinh hoan hỷ, cho nên y để hành thí. Bồ-tát có thể bỏ của cải, bỏ thành quả, nên y vào xả mà hành thí. Bồ-tát hành thí cho người nhận tài vật đến giảm hết cũng không sinh tham giận vô minh sợ hãi, nên y vào tịch tĩnh hành thí. Đúng như đáp ứng, đúng lúc, đúng như thật mà thí cho. Trong 3 cái trước, cái dụng này rất vượt trội, cho nên y vào trí tuệ mà hành thí như xưa đã lập thế. Không trái với giới đã thọ trước, xả bỏ giới ác, tất cả ác hạnh vắng lặng, trong đó trí tuệ là vượt trội, cho nên y vào đế mà hành giới. Như xưa đã lập thế, có thể nhẫn, có thể xả, phân biệt lỗi lầm của người tâm giận dữ vắng lặng, trong



đó trí tuệ là vượt trội, nên y vào đế mà hành nhẫn. Như xưa đã lập thế, có thể làm việc lợi tha, có thể xả ly tâm yếu đuối, ác pháp vắng lặng, trong đó trí tuệ là vượt trội, nên y vào đế mà hành tinh tiến. Như xưa đã lập thế, có thể tư duy tu việc lợi tha, xả ly 5 thứ ngăn che v.v... tâm thường vắng lặng, trong đó trí tuệ là vượt trội, nên y vào đế mà hành định. Như xưa đã lập thế, hiểu rõ phương tiện lợi tha, lìa bỏ phương tiện thiên lệch sai trái, vô minh nóng nảy đã được vắng lặng, có thể chứng nhất thiết tri, cho nên y vào đế v.v... hành Bát-nhã. Tùy theo cảnh phải biết và thề xưa, phải biết đó là y vào nghĩa của đế v.v... Lìa bỏ loại dục, hoặc dục, phải biết đó là y vào nghĩa của xả. Hằng chấm dứt tà nghiệp, phải biết đó là y vào nghĩa tịch tĩnh. Tùy theo sự giác ngộ và thông đạt, phải biết đó là y vào nghĩa của tuệ. Thân nhiếp 3 đế có thể chống lại 3 lỗi lầm, đó gọi là y vào đế. Thân nhiếp 3 sự lìa bỏ có thể chống lại 3 lỗi lầm, đó gọi là y vào xả. Thân nhiếp 3 thứ vắng lặng có thể chống lại 3 lỗi lầm, đó gọi là y vào tịch tĩnh. Thân nhiếp vào 3 tuệ có thể chống lại 3 lỗi lầm, đó gọi là y vào trí tuệ. Y đế nhiếp y xả tịch tĩnh tuệ, tùy thuận thế xưa nên không mâu thuẫn. Y xả nhiếp y đế tịch tĩnh tuệ có thể xả bỏ sự bị đối trị, nên là quả của sự xả bỏ tất cả. Y tịch tĩnh nhiếp y đế xả tuệ vì hoặc và nghiệp đốt nóng vắng lặng. Y tuệ nhiếp y đế xả tịch tĩnh, trí tuệ là trước tiên nên trí tuệ đi theo. Vì vậy 6 Ba-la-mật y đế sinh, y xả nhiếp, y tịch tĩnh tăng trưởng, y trí tuệ thanh tịnh. Bởi vì sao? Y đế là sinh nhân, y xả là nhiếp nhân, y tịch tĩnh là tăng trưởng nhân, y tuệ là thanh tịnh nhân. Ban đầu lấy đế làm y, lời thề chân thật nên lấy xả làm y. Trước đã lập thế, vì lợi tha có thể xả bỏ tự ái, nên sau lấy tịch tĩnh làm y, vì tất cả tịch tĩnh là sau. Sơ trung hậu lấy tuệ làm y. Nếu đây có thì kia có. Nếu đây không thì kia không.

Bốn y và 10 địa thân nhiếp lẫn nhau như thế nào? Từ sơ địa đến tam địa, y đế là thắng hơn. Bởi vì sao? Trong đây Bồ-tát chỉ tu trị cảnh quán chân, trong đạo phẩm v.v... công hạnh chưa thành, nên y đế nhiếp tam địa. Từ tứ địa đến lục địa, y xả là thắng hơn. Bởi vì

sao? Trong đây Bồ-tát tu trị cảnh quán chân đã thành nơi chân cảnh vô công dụng tâm. Chỉ vì đối trị hoặc, thành tựu đạo phẩm v.v... do tu trị đạo phẩm quán hành, Tứ đế quán hành, Thập nhị duyên sinh quán hành, có thể xả bỏ tất cả hoặc, cho nên y xả lại nhiếp thuộc 2 địa. Thất địa, bát địa y tịch tĩnh là thắng hơn. Bởi vì sao? Do Bồ-tát đạo đã thành tựu, các hoặc đa phần đã ẩn phục, đã diệt không thể xúc tâm trở lại. Hai địa này vô tướng và vô công dụng quán hạnh đã thành tựu. Tâm địa chuyển thành vi tế, an trụ tịch tĩnh, cho nên y tịch tĩnh lại nhiếp thuộc 2 địa. Cửu địa thập địa y trí tuệ là thắng hơn. Một, thắng hơn là tự giải thoát. Hai, thắng hơn là khiến người giải thoát. Đều có thể tự lợi lợi tha, tự mình vượt qua tịch tĩnh vi, làm nhiều việc lợi ích người khác. Nếu lìa bỏ trí tuệ hành, không có phương tiện lợi tha nào khác. Do đây 2 địa phần nhiều hành trí tuệ, nên y trí tuệ lại nhiếp thuộc 2 địa. Vì nghĩa này, bộ khác chấp có 7 a-tăng-kì.

Luận nói: Lại nữa thế nào là 33 a-tăng-kì?

Giải thích: Có các sư Đại thừa muốn cho thấy hành có 3 bậc hạ trung và thượng, muốn hiển thị để được phương tiện chưa được, muốn cho thấy phương tiện đã được không mất, muốn cho thấy phương tiện đã được không mất mà còn tăng thượng, muốn cho thấy 3 tự tại là nhập, trụ và xuất nên chia a-tăng-kì làm 33.

Luận nói: Đó là, trong Phương tiện địa có 3 a-tăng-kì: 1. Tín hành a-tăng-kì, 2. Tinh tiến hành a-tăng-kì, 3. Thú hướng hành a-tăng-kì.

Giải thích: Địa có 2 thứ: phương tiện địa và chính địa. Chưa nhập chính địa, ở trong phương tiện địa có 3 a-tăng-kì. Trong đó Bồ-tát phụng sự chư Phật, tâm phát nguyện, miệng lập thế, tin chính giáo Như Lai nói và tin Như Lai tu tín căn là hơn cả. Bởi vì sao? Chưa chứng pháp minh nên về tu tín căn lập một a-tăng-kì gọi là tín hành. Nếu Bồ-tát đã chứng pháp minh, tín căn chuyển thành kiên cố, biết chắc chắn sẽ được quả ứng. Trong đó Bồ-tát tinh tiến là hơn cả. Bởi

vì sao? Được phương tiện thì tâm đã hiểu rành, không tham tiếc cái vui chán ghét cái khổ, tu hành tinh tiến, nên về tinh tiến lại lập một a-tăng-kì, gọi là tinh tiến hành. Nếu Bồ-tát tinh tiến thành tựu, tâm được thanh tịnh, hoặc chướng đã trừ, trong đó Bồ-tát lấy sự hướng đến làm hơn cả. Bởi vì sao? Đối với quán chân như, tâm cầu đắc sinh khởi liên tục không bỏ không trái, cho nên về sự hướng đến lại lập một a-tăng-kì, gọi là thú hướng hành.

Luận nói: Trong 10 địa, mỗi địa mỗi địa đều có 3 a-tăng-kì là Nhập, Trụ và Xuất.

Giải thích: Đề trừ bì phiền não chướng, nhập sơ địa. Đề trừ nhục phiền não chướng, trụ sơ địa. Đề trừ tâm phiền não chướng, xuất khỏi sơ địa. Bởi vì sao? Bồ-tát ở mỗi địa đều có 3 phẩm phiền não. Thượng phẩm gọi là bì, nghĩa là da, tức hiển lộ ra ngoài. Trung phẩm gọi là nhục, nghĩa là thịt, tức ẩn bên trong. Hạ phẩm gọi là tâm, tức vi tế và sâu kín không thể trông thấy. Thượng phẩm được hạ phẩm đạo phá trừ, trung phẩm được trung phẩm đạo phá trừ, hạ phẩm được thượng phẩm đạo phá trừ. Cho đến thập địa nghĩa đó cũng như vậy. Theo 3 phẩm này nên đều lập 3 a-tăng-kì. Vì vậy có bộ khác chủ trương có 33 a-tăng-kì. Ba mươi ba a-tăng-kì này với 3 a-tăng-kì trước cũng như nhau, không có nghĩa ngắn hay dài như trước đã giải thích. Trước đã nói xong 3 thứ a-tăng-kì kiếp. Bồ-tát trải qua các kiếp như thế, tu hành được vô thượng Bồ-đề. Bồ-tát ở trong sinh tử từ vô thủy thường tu hạnh bố thí, hằng phụng sự chư Phật ra đời. Vậy bắt đầu tu hành từ khi nào? Hoặc nói 3 a-tăng-kì, hoặc nói 7 a-tăng-kì, hoặc nói 33 a-tăng-kì? Để làm rõ nghĩa này nên

Luận nói: Trải qua các a-tăng-kì tu hành 10 địa như vậy thì chính hành viên mãn.

*Có thiện căn, nguyện lực,*

Giải thích: Bồ-tát có 2 lực, tức 2 sức mạnh: thiện căn lực và thiện nguyện lực. Thiện căn lực là tất cả những tán loạn không thể

làm sai trái. Thiện nguyện lực là trong tất cả mọi thời hằng gặp Phật Bồ-tát làm thiện tri thức.

Luận nói:

*Kiên tâm, tiến, tăng thượng.*

Giải thích: Do phụng sự thiện tri thức, không bỏ tâm Bồ-đề, đời đời và trong hiện thế hằng tăng trưởng thiện căn không bị giảm mất.

Luận nói:

*Ba thứ a-tăng-kì,  
Là chính hành thành tựu.*

Giải thích: Nếu đủ sức thiện căn, sức thiện nguyện, tâm kiên cố và tâm tăng thượng 4 nghĩa thì lấy thời này là bắt đầu của a-tăng-kì. Vì các sư nói không giống nhau, nên có 3 thứ. Trái một thời kỳ a-tăng-kì như thế thì tu chính hành thành tựu.

### **Giải thích Y giới học thắng tướng 6**

Luận nói: Như vậy là đã nói về nhập nhân quả tu sai biệt.

Thế nào là y giới học sai biệt?

Giải thích: Trước ở trong phần nói về nhập nhân quả tu sai biệt đã đứng về các địa nói rõ sự tu sai biệt, chưa nói rõ Bồ-tát y vào giới học có sai biệt đối với Nhị thừa, nên hỏi “Thế nào”, làm sao biết được.

Luận nói: Phải biết như trong Bồ-tát địa chính thụ Bồ-tát giới phẩm đã nói.

Giải thích: Chữ “địa” đây chỉ vào 2 thứ : một là Kinh Thập Địa, hai là Luận Địa Trì. Trong Kinh Thập Địa, Phẩm nhị địa nói rộng về chính thụ Bồ-tát giới pháp. Trong Luận Địa Trì, Phẩm Thi Ba-la-mật nói rộng về chính thụ Bồ-tát giới pháp. Cần phải biết.

Luận nói: Nói đại lược có 4 thứ sai biệt về giới Bồ-tát cần phải biết.

Giải thích: Nếu giải thích rộng thì giới có 11 nghĩa: 1.danh, 2.danh nghĩa, 3.tướng, 4.nhân, 5.quả, 6.đối trị, 7.thanh tịnh, 8.không thanh tịnh, 9.được phương tiện, 10.lập nạn, 11.cứu nạn. Nếu không giải thích theo đây là nói đại lược. Lại nếu nói sai biệt 9 phẩm là nói rộng, nếu nói sai biệt 4 phẩm là nói đại lược.

Luận nói: Những gì là 4? 1. Sai biệt về phẩm loại,

Giải thích: Tất cả giới Bồ-tát, nếu gồm phẩm loại thì không ra ngoài 3 thứ.

Luận nói: 2. Sai biệt về chỗ học có chung và không chung,

Giải thích: Trong tính giới gọi là cộng học xứ, trong chế giới gọi là bất cộng học xứ. Trong 2 chỗ này có khác nhau giữa Bồ-tát và Nhị thừa.

Luận nói: 3. Sai biệt về sự rộng lớn,

Giải thích: Giới này hoàn toàn không đồng với Nhị thừa.

Luận nói: 4. Sai biệt về tính sâu xa.

Giải thích: Như Lai không vì nói cho hàng Nhị thừa, cũng chẳng phải hàng Nhị thừa hành trì.

Luận nói: Sai biệt về phẩm loại có 3 thứ: 1. Giới nhiếp chính hộ,

Giải thích: Đây là giới Tì-khuru, Tf-khuru-ni, Thúc-xoa-ma-ni, Sa-di, Sa-di-ni, Ưu-bà-tắc, Ưu-bà-di, tại gia xuất gia 2 bộ 7 chúng đều hành trì.

Luận nói: 2. Giới nhiếp thiện pháp,

Giải thích: Từ thụ chính hộ giới, sau được Đại Bồ-đề, Bồ-tát sinh trưởng tất cả thiện pháp. Tức là văn tư tu tuệ và tất cả các việc thiện thân khẩu ý cho đến 10 Ba-la-mật.

Luận nói: 3. Giới nhiếp lợi ích chúng sinh.

Giải thích: Nói đại lược có 4 thứ. Nghĩa là tùy căn tính chúng sinh, an lập chúng sinh nơi thiện đạo và 3 thừa. Lại có 4 thứ: Một là cứu tế 4 ác đạo. Hai là cứu tế người không tin, nghi hoặc. Ba là cứu tế người ghét và nghịch lại chính giáo. Bốn là cứu tế kẻ nguyện thích thừa dưới thấp.

Thế nào là chỗ khác nhau của cái thứ ba này với Nhị thừa? Nhị thừa chỉ nhiếp trì chính hộ giới, không có 2 giới khác. Bởi vì sao? Nhị thừa chỉ cầu diệt giải thoát chướng, không cầu diệt nhất thiết trí chướng, chỉ cầu tự độ không cầu độ tha, không thể thành thực Phật pháp và thành thực chúng sinh. Cho nên không có giới nhiếp thiện pháp và giới nhiếp lợi ích chúng sinh.

Luận nói: Trong đây nên biết giới nhiếp chính hộ là y chỉ vào 2 giới:

Giải thích: Nếu người không lìa bỏ ác mà lại có thể sinh thiện và làm lợi ích chúng sinh là điều không thể có. Cho nên chính hộ giới là y chỉ của 2 giới nhiếp thiện pháp và nhiều ích hữu tình.

Luận nói: giới nhiếp thiện pháp là y chỉ Phật pháp mà sinh khởi, giới nhiếp lợi ích chúng sinh là y chỉ vào sự làm thành thực chúng sinh.

Giải thích: Giới nhiếp thiện pháp trước tiên gồm thâm văn tu 3 tuệ. Tất cả Phật pháp đều từ đó sinh khởi. Bởi vì sao? Bởi tất cả Phật pháp đều không bỏ trí tuệ. Giới nhiếp chúng sinh gọi là tứ nhiếp. Trước hết là gồm chung lại như quyến thuộc của mình cùng quay lưng với cái ác hướng về nẻo thiện. Thứ hai là gồm những người chưa phát tâm khiến phát tâm. Thứ ba là gồm những người đã phát tâm khiến thành thực. Thứ tư là đã thành thực khiến giải thoát. Ba thứ giới này lấy gì làm nhân? Ba căn là nhân riêng biệt, 2 căn là nhân chung. Nói 3 căn là nhân riêng biệt tức là tinh tiến là nhân của

giới thứ nhất, trí căn là nhân của giới thứ hai, định căn là nhân của giới thứ ba. Hai căn là giới chung tức là hai căn tín và niệm là nhân chung của 3 giới. Lại nữa 6 pháp là nhân: 1.y thiện tri thức, 2.y chính văn, 3.y chính tư duy, 4.y tín căn, 5.y vào chán ghét sinh tử, 6.y vào từ tâm. Lại nữa có 4 thứ nhân: 1.từ chính thụ người khác được, 2.từ ý thanh tịnh được, 3.từ đối trị chán sợ được, 4.từ không phạm giới khởi nghĩ nhớ cung kính được. Lại nữa có 4 thứ nhân có thể khiến giới Bồ-tát thanh tịnh: 1.nhân có thiếu lìa phạm giới, 2.y chỉ đối trị phá giới, tức niệm xứ v.v..., 3.y chỉ tịch tĩnh, tức không y chỉ những nơi thắng sinh, hồi hướng vì tất cả chúng sinh được Niết-bàn, 4.do đủ căn bản thập thiện, tùy phương tiện không tổn giác quán, ức niệm hồi hướng Phật quả.

Ba thứ giới này lấy pháp gì làm thể? Không khởi ý nào hại người, sinh thiện nghiệp thân khẩu ý làm thể, lìa chấp thủ làm loại.

Ba thứ giới này lấy pháp gì làm dụng? Giới chính hộ giới có thể khiến tâm an trụ, giới nhiếp thiện pháp có thể thành thực Phật pháp, giới nhiếp chúng sinh có thể thành thực chúng sinh. Sự nghiệp chính của Bồ-tát không ra ngoài 3 cái dụng này. Do tâm được an trụ không mệt mỏi, không hồi tâm, nên có thể thành tựu Phật pháp. Do thành thực Phật pháp nên có thể thành thực chúng sinh.

Luận nói: Giới về chỗ học chung là giới Bồ-tát phải xa lìa tính tội.

Giải thích: Sát sinh v.v...là tính tội. Tính tội quyết do phiền não khởi nơi tâm nhiễm ô, sau làm các nghiệp sát v.v...Lại có trường hợp có chế có trường hợp không chế. Nếu tạo nghiệp này, tất cả đều thành tội, nên gọi là tính tội. Lại Như Lai chưa ra đời và sau khi ra đời chưa chế giới, nếu người phạm tội này trong thế gian vương pháp theo luật trị tội, ngoại đạo v.v... lìa tội này, lập xuất gia pháp, nên gọi là tính tội. Trong tính tội, Bồ-tát và Nhì thừa đều lìa, nên gọi là cộng học xứ.

Luận nói: Giới về chỗ không học chung là giới Bồ-tát phải xa lìa các chế tội được lập ra.

Giải thích: Nghĩa là chế định việc đào đất nhỏ cỏ v.v..., Bồ-tát xa lìa, không đồng với Nhị thừa. Bởi vì sao?

Luận nói: Trong giới này hoặc có trường hợp với Thanh Văn thì có tội nhưng với Bồ-tát thì không tội. Hoặc có trường hợp với Bồ-tát thì có tội nhưng với Thanh Văn thì không tội.

Giải thích: Như Lai chế giới có 2 ý. Một là vì Thanh Văn tự độ mà chế giới. Hai là vì Bồ-tát tự độ độ tha mà chế giới. Thanh Văn, Bồ-tát lập ý thụ giới cũng như vậy. Cho nên hai hạng người trì phạm có khác. Như Thanh Văn nếu trong an cư mà đi là phạm giới, không đi thì không phạm. Bồ-tát thấy ra đi đối với chúng sinh có lợi ích, mà nếu không đi thì phạm giới, đi thì không phạm.

Luận nói: Bồ-tát có 3 phẩm đối trị thân, miệng và ý làm giới. Thanh Văn chỉ có đối trị thân và miệng làm giới.

Giải thích: Giới loại không đồng. Giới Bồ-tát lấy việc hành thiện 3 nghiệp làm thể. Giới Thanh Văn lấy việc hành thiện thân và khẩu làm thể.

Luận nói: Vì vậy Bồ-tát có phạm tội nơi tâm. Còn Thanh Văn thì không có chuyện này.

Giải thích: Bồ-tát nếu có 7 thứ giác quán v.v... khởi là Bồ-tát tâm địa tội, phạm giới Bồ-tát. Thanh Văn thì không như thế.

Tướng chung của giới Bồ-tát là gì?

Luận nói: Nói đại lược nếu các nghiệp về thân, miệng, ý mà có thể tạo lợi ích chúng sinh thì không có tội. Đó là nghiệp mà Bồ-tát phải học tập và tu hành.

Giải thích: Nếu có lợi ích có tội lỗi không nên làm. Ví như một người nữ nói với Bồ-tát: Ông hãy lấy tôi. Ông không lấy tôi không



được. Tôi sẽ chết. Nếu không chết, tôi phải giết ông. Bò-tát nếu thuận theo lời người nữ kia thì người ấy không chết, lại không khởi việc ác, tức là có lợi ích. Chỉ có điều là lấy người nữ kia thì thành tội lỗi, nên không nên làm. Nếu không lợi ích, khôngn tội lỗi cũng không nên làm. Như Nhị thừa không thể lợi tha cũng không tội lỗi. Có lợi ích không tội lỗi tức là giới Bò-tát. Phải sinh văn tuệ làm thụ, phải sinh tư tuệ làm học, phải sinh tu tuệ làm tu hành.

Luận nói: Như vậy phải biết sự sai biệt giữa giới chung và không chung.

Giải thích: Như vậy Bò-tát với Nhị thừa, trong tính giới cũng có sai khác. Tức giữ trong tâm và không phải giữ trong tâm. Ở trong chế giới cũng có sai khác. Nghĩa là vì có lợi tha, không lợi tha. Bò-tát với Nhị thừa, giới có sai biệt. Bò-tát với Nhị thừa, giới lại có sai biệt. Nghĩa là sai biệt rộng lớn.

Sự rộng lớn này có nghĩa gì và có mấy thứ?

Luận nói: Sai biệt về rộng lớn, có 4 thứ cần phải biết, vì đó là 4 thứ rộng lớn:

Giải thích: Rộng lớn có 4 nghĩa: Một là lấy nghĩa vượt trội hơn cả. Chuyên lợi tha không cầu báo ân và quả sinh tử. Lại lợi ích vô cùng. Do 2 nghĩa này nên gọi là hơn. Hai là nghĩa lâu xa, vì tu hành 3 Đại kiếp a-tăng-kì. Ba là lấy nghĩa viên mãn. Y vào 3 cảnh chân tục và việc lợi tha sinh đầy đủ phúc đức trí tuệ. Bốn là lấy nghĩa tự tại. Y vào ánh sáng Đại thừa v.v... 4 thứ Tam-ma-đề, vì lợi tha có thể làm các thứ phương tiện.

Luận nói: 1. Rộng lớn vì học xứ có nhiều loại và nhiều vô lượng.

Giải thích: Học xứ của Bò-tát có 2 nghĩa: một là nhiều thứ, hai là vô lượng. Nhiều thứ hiển thị nghĩa nhiều, vô lượng hiển thị nghĩa lớn. Tất cả ác không ác nào không lia bỏ, tất cả thiện không thiện nào không tu, tất cả chúng sinh không chúng sinh nào không độ, gọi là

nhiều thứ. Giữ 3 giới này thời tiết không giới hạn, công dụng không thừa, nên gọi là vô lượng.

Luận nói: 2. Rộng lớn vì có thể gồm thâm vô lượng phúc đức.

Giải thích: Nhân quả của Lục độ, Tứ nhiếp mỗi thứ đều có 9 phẩm, nên gọi vô lượng phúc đức. Như Luận Trì Địa nói: Vô lượng phúc đức tập hợp như vậy, tất cả đều gồm thâm trong giới Bồ-tát.

Luận nói: 3. Rộng lớn vì gồm thâm tất cả những lợi ích ý và an lạc ý cho chúng sinh.

Giải thích: Khéo giáo hóa chúng sinh khiến lìa chỗ ác an lập chỗ thiện, gọi là lợi ích ý. Công đức này sẽ được quả báo trong vị lai, nguyện tất cả chúng sinh như ý thụ dụng, gọi là an lạc ý. Lại Đại bicứu khổ là lợi ích ý, Đại bicho vui là an lạc ý. Lại khiến được tất cả việc xuất thế là lợi ích ý, khiến được thế gian thắng sự là an lạc ý. Lại sự rộng lớn này lấy Tứ nhiếp làm thể. Hai nhiếp trước là an lạc ý, hai nhiếp sau là lợi ích ý.

Luận nói: 4. Rộng lớn vì là chỗ dựa để đi đến vô thượng Bồ-đề.

Giải thích: Do giới Bồ-tát có 3 phẩm và 9 phẩm. Giới có thể gồm thâm 3 thứ thắng đức và 9 thứ thắng đức của Như Lai, cho nên giới chính hộ là nhân đoạn đức của Như Lai, giới nhiếp thiện pháp là nhân trí đức của Như Lai, giới nhiếp chúng sinh là nhân an đức của Như Lai. Chín phẩm giới là 9 đức nhân của Như Lai, như trước đã nói. Do quả rộng lớn nên nhân rộng lớn. Quả rộng lớn có 3 nghĩa: Một là từ nhân rộng lớn sinh. Nghĩa là 33 Đại kiếp a-tăng-kì, tu hành 10 độ, 10 địa làm nhân. Hai là kết quả đạt được rộng lớn. Nghĩa là bao gồm trong nhất thiết trí, nhất thiết chủng trí, Hằng hà sa số công đức của Như Lai. Ba là lợi ích rộng lớn. Nghĩa là lợi ích phạm phu và 3 thừa cho đến sau khi tận cùng sinh tử. Bốn thứ giới rộng lớn này đều là y chỉ của vô thượng Bồ-đề. Chỉ có điều Bồ-tát có thể tu, còn Nhị thừa thì không, nên gọi là sai biệt.

Luận nói: Sai biệt về tính rất sâu là BỒ-tát do thực hành trí phương tiện thù thắng mà làm 10 việc như sát sinh v.v...mà không nhiễm ô trước tội lỗi, sinh vô lượng phúc đức, mau được quả vô thượng BỒ-đề,

Giải thích: Nói nếu như BỒ-tát có thể hành các phương tiện thắng trí, nay hiển thị 2 nghĩa này: Nếu như BỒ-tát có thể những việc như vậy ắt có người sẽ tạo ác nghiệp vô gián. BỒ-tát hiểu rõ tâm kia, không có phương tiện nào khác có thể khiến lìa ác hạnh, chỉ có đoạn mạng làm phương tiện thôi là có thể khiến người kia không làm ác này. Lại biết người này xả mạng ắt sinh vào thiện đạo, nếu không xả mạng chắc sẽ tạo nghiệp này đọa vào nơi rất khổ nạn chịu khổ dài lâu. BỒ-tát biết việc như vậy và đã khởi ý niệm: nếu ta hành nghiệp sát này ắt đọa địa ngục, ta nguyện vì người kia chịu khổ báo này, khiến người kia trong hiện tại chịu một ít khổ, đời vị lai sẽ hằng thụ đại lạc. Ví như thầy thuốc giỏi chữa người bệnh, trước làm cho ít đau đớn sau trừ được bệnh nặng. BỒ-tát hành đạo cũng như vậy. Trong BỒ-tát đạo không gì không phúc đức nên lìa tội lỗi nhiễm trước, do đó sinh trưởng vô lượng phúc đức mau chứng vô thượng BỒ-đề. Phương tiện như vậy là rất sâu và việc làm lợi ích cũng rất sâu như vậy.

Luận nói: lại còn có các biến hóa nơi thân khẩu nghiệp. Nên biết đó là giới rất sâu của BỒ-tát.

Giải thích: Trước nói thật sự chẳng phải hiển thông tuệ. Dưới đây nói thông tuệ không luận đến thật sự. Giới BỒ-tát có 3 phẩm, tức nghiệp thân, khẩu, ý. Trừ ý nghiệp vì không biến hóa. Thân khẩu nghiệp có khi biến hóa ra làm, đó cũng là giới BỒ-tát. Giới thân khẩu này hoặc hiện làm thiện hoặc hiện làm ác, hoặc sinh sợ hãi, hoặc sinh hoan hỷ, đều khiến chúng sinh xa lìa chốn ác an lập nơi thiện. Giới này khó suy tư đo lường, nên nói là rất sâu. Chẳng phải thân khẩu của mình làm ra, làm sao thành giới? Để có thể

thành tựu sự của giới, khiến chúng sinh lìa bỏ ác sinh thiện, cho nên biến hóa này xuất phát từ ý nghiệp của Bồ-tát sinh ra. Vì vậy Bồ-tát lấy ý nghiệp làm giới.

Luận nói: Do giới này có khi Bồ-tát ở ngôi vị quốc vương, hoặc hiện các hình thức bức bách làm khổ não, để đặt chúng sinh vào trong giới luật,

Giải thích: Chúng sinh có 2 thứ: Hoặc hợp với hoan hỷ giáo hóa, ví như hoa câu-vật-đầu nở lúc trăng trong. Hoặc hợp với sự bức não giáo hóa, ví như hoa sen nở khi nắng gắt. Bồ-tát cũng vậy, như Na-la vương và đồng tử Thiện Tài, hoặc hiện tướng khả ái, hoặc hiện tướng dễ sợ để an lập chúng sinh vào nơi thiện.

Luận nói: hoặc hiện các chuyện bản sinh, làm bức bách khổ não người khác và bị bức não đối oán, để khiến chúng thương yêu nhau, an tâm làm việc lợi ích.

Giải thích: Để giáo hóa các chúng sinh tà kiến không tin nhân quả khiến được chính tín bỏ ác tu thiện, nên hóa hiện các thứ bản sinh, như Tì-tuần-đà vương bỏ con cho người Bà-la-môn, là bức não người khác. Đứa trẻ này là biến hóa ra. Bởi vì sao? Bồ-tát không bức não người này, vì sinh an lạc cho người ấy. Lại như Dược Tạng Bồ-tát khiến Mi-hi-la vương và Tì-đề-ha vương bức não nhau. Đây cũng là hóa làm như vậy, sau khiến thương yêu lợi ích an tâm nhau.

Bồ-tát làm những việc như vậy có lợi ích gì?

Luận nói: Trước tiên làm cho chúng phát khởi tín tâm, sau khiến chúng thành thực thiện căn trong ba thừa Thánh đạo.

Giải thích: Trước khiến sinh khởi lòng tin đối với Bồ-tát, sau sẽ tu hành như Bồ-tát dạy dỗ. Vì vậy thiện căn 3 thừa đều được thành thực.

Luận nói: Đó gọi là giới sai biệt rất sâu của Bồ-tát.

Giải thích: Sự thật hành này và giới của hóa thân thật hành chẳng phải điều mà các địa bậc dưới có thể thật hành được, Nhị thừa không thể thông đạt được, nên gọi là sai biệt rất sâu.

Luận nói: Do 4 thứ sai biệt đây, nên biết đó là nói sơ lược về Bồ-tát thụ trì giới sai biệt.

Giải thích: Từ người khác được gọi là thụ, tức là nhận, tự mình thanh tịnh ý mà được gọi là trì. Lại mới được gọi là thụ, sau khi được cho đến thành Phật gọi là trì. Lại tu hành giới pháp gọi là thụ, nghĩ như câu văn gọi là trì.

Luận nói: Lại nữa do 4 thứ sai biệt này lại còn có số sai biệt không thể tính kể của giới Bồ-tát, như có nói trong các Kinh Tì-na-da, Cù-sa, Tì-phật-lược.

Giải thích: Từ 4 thứ sai biệt này lại còn có vô số sai biệt. Bởi vì sao? Chỉ trong sai biệt phẩm loại, lấy một giới chính hộ, dựa vào Nhị thừa giáo phân biệt thì thành 4 vạn 2 ngàn. Nếu lấy giới này với 2 giới kia, dựa theo Bồ-tát giáo mà phân biệt thì vô số không thể tính kể. Trong các Kinh Tì-na-da, Cù-sa, Tì-phật-lược nói rộng giới Bồ-tát có đến mười vạn thứ sai biệt.

### **Giải thích y tâm học thắng tướng 7**

Luận nói: Như vậy là đã nói về y giới học sai biệt.

Thể nào là y tâm học sai biệt?

Giải thích: Giới Bồ-tát với giới nhị thừa đã có sai biệt. Giới là y chỉ của định. Định y vào giới mà thành. Định của Bồ-tát và định của Nhị thừa cũng phải có sai biệt. Làm sao biết được?

Luận nói: Nói sơ lược là do 6 thứ sai biệt.

Giải thích: Nếu nói rộng như trong Đại thừa tạng có lập Tam-ma-bạt-đề, thể loại sai biệt có 500 thứ. Tiểu thừa Thanh Tịnh Đạo

Luận có lập Tam-ma-bạt-đề, thể loại sai biệt có 67 thứ. Nay đại lược chỉ nói 6 thứ sai biệt. Nên biết nghĩa này.

Luận nói: Những gì là 6? 1.Cảnh sai biệt, 2.Chủng loại sai biệt, 3.Đối trị sai biệt, 4.Tùy dụng sai biệt, 5.Tùy dẫn sai biệt, 6.Sự sai biệt.

Cảnh sai biệt là do duyên pháp Đại thừa làm cảnh mà khởi.

Giải thích: Sở duyên có 3 cảnh: 1.Duyên tất cả cảnh chân như, 2.Duyên tất cả cảnh văn tự ngôn thuyết, 3.Duyên tất cả cảnh việc lợi ích chúng sinh. Ba cảnh này gọi là Đại thừa pháp. Chỉ có định của Bồ-tát duyên, không phải định cảnh của Nhị thừa nên nói là sai biệt. Lại có 12 thứ cảnh như Luận Trung Biên nói: 1.Sở thành lập cảnh. Tức 10 Ba-la-mật là do 10 thứ công đức của chân như thành lập. 2.Năng thành lập cảnh. Tức 10 thứ công đức của pháp giới có thể thành lập 10 Ba-la-mật. 3.Trì cảnh. Nghĩa là văn tuệ duyên pháp môn, văn tuệ có thể được cái thể của A-hàm, tức nói văn tuệ là trì. 4.Quyết định trì cảnh. Tức tư tuệ duyên cảnh như lý như lượng, tư tuệ có thể phân biệt lựa chọn A-hàm và đạo lý. Đó là tuệ thành thực nên gọi là quyết định trì. 5.Chứng trì cảnh. Tức cảnh của tu tuệ duyên. Tu tuệ với đạo lý một thể nên gọi là chứng, có thể gồm thân văn và nghĩa, nên gọi là trì. 6.Thông đạt cảnh. Tức chân như được thấy ở sơ địa. 7.Tương tục cảnh. Tức cảnh chân như từ nhị địa trở đi duyên, đã thông đạt chân như truyền lưu nên gọi tương tục. cái được tương tục duyên này gọi là tương tục cảnh. 8.Thắng hạnh cảnh. Tức cảnh duyên của vô tướng, vô công dụng tâm, tức cảnh của địa thứ tám. 9.Sinh trí cảnh. Tức cảnh duyên của địa thứ chín, đó là trí tự tại y chỉ chân như, được tứ vô ngại giải, có thể sinh tha trí. Lại duyên Như Lai pháp tạng, có thể tự sinh thể xuất thế trí. 10.Thắng cảnh. Tức cảnh duyên của thượng thượng phẩm. Trí này không còn có trí nào cao hơn, tức cảnh của địa thứ mười. Trí này lấy 10 lực làm thể. Vô biên trí có thể gọi là lực. Trí này đứng về 10 cảnh gọi tên là 10 lực. Mười

lực này có thể thành tựu 10 địa của Bồ-tát và 9 thứ chính sự của Như Lai, cho đến vô biên hóa thân. 11, 12 cảnh. Tức cảnh duyên của nhất thiết trí, nhất thiết chủng trí, tức cảnh như lý như lượng. Mười hai cảnh này là cảnh duyên chung của Xa-ma-tha, Ti-bát-xá-na. Tất cả cảnh duyên của định tuệ không ra ngoài 12 cảnh này.

Luận nói: Chúng loại sai biệt là

Giải thích: Có 4 Tam-ma-đề. Là 500 phẩm loại của định nên gọi là chúng loại. Trong Tiểu thừa, đến tên này cũng không nghe thấy nói chi có thể tu tập, cho nên nói là sai biệt. Bốn thứ Tam-ma-đề này có thể phá 4 chướng ngại của đức tức 4 thứ sinh tử, có thể được 4 quả của đức tức tịnh ngã lạc thường, cho nên lập 4 định này làm 4 đức đạo.

Luận nói: Đại thừa quang Tam-ma-đề,

Giải thích: Đại thừa có 3 nghĩa: một là tính, hai là tùy, ba là đắc. Tính tức 3 vô tính. Tùy tức gồm thân hạnh phúc đức trí tuệ. Mười địa, 10 Ba-la-mật tùy thuận vô tính. Đắc tức sở đắc quả của 4 đức. Định này duyên 3 cái này làm cảnh, nên gọi là Đại thừa. Ý chỉ định này được vô phân biệt trí. Do vô phân biệt trí chiếu chân như và Phật không khác nên gọi là quang, tức là sáng. Định này duyên chân như thật dễ đắc, vì có vô lượng công đức cho nên có thể phá tập khí Nhất-xiển-đề, tức phương tiện chướng sinh tử. Đối với Đại tịnh, do phá chướng này nên được quả Đại tịnh.

Luận nói: Tập phúc đức vương Tam-ma-đề,

Giải thích: Tất cả thiện pháp, trừ Bát-nhã, đều gọi là phúc đức. Phúc đức này có 4 phẩm. Nghĩa là phạm phu, Nhị thừa, Bồ-tát. Bồ-tát do định này nên đối với 4 phúc đức chưa sinh có thể sinh, chưa tăng trưởng có thể tăng trưởng, chưa viên mãn có thể viên mãn, nên gọi là tập. Đối với 3 chỗ sinh, trưởng và viên đều tự tại, nên gọi là vương. Do tự tại nên có thể hành thí v.v...10 độ. Hành viên mãn Bồ-đề tu

lượng phúc đức cho nên có thể phá ngã kiến tập khí của ngoại đạo, tức là nhân duyên sinh tử chướng đối với đại ngã. Do phá chướng này nên được quả đại ngã. Lại nữa tất cả thiện pháp y chỉ chân như, chân như có thể tập hợp tất cả thiện pháp, nên gọi chân như là tập phúc đức. Định này được tự tại trong chân như nên gọi là vương.

Luận nói: Hiền hộ Tam-ma-đề,

Giải thích: Hiền có 2 nghĩa: một là hiện tiền có thể trụ trong an lạc, hai là có thể dẫn nhiếp các công đức. Nói hiện tiền trụ trong an lạc là định này có thể khiến Bồ-tát thân không bỏ hư không tính, lia bỏ 3 đời nên được trụ trong an lạc. Nói dẫn nhiếp các công đức nghĩa là có thể dẫn nhiếp vô số lượng các định, Nhị thừa không nghe biết. Nhân đó mỗi một định khởi vô lượng thông tuệ. Do 2 nghĩa này cho nên Bồ-tát có thể lia cái tập khí sợ sệt của Thanh Văn, tức là có hữu sinh tử chướng đối với đại lạc. Do phá được chướng này nên được quả đại lạc. Định này duyên chân như, là thể của Bồ-tát nên không lia trí, có thể dẫn các định và thông tuệ, cho nên lấy định làm thể.

Luận nói: Thủ-lăng-già-ma Tam-ma-đề v.v.

Giải thích: Định này là định của Bồ-tát địa thứ 10 và Phật hành trì nên được tên này. Bởi vì sao? Bồ-tát thập địa và Phật có 4 thứ đức vượt trội, nên gọi là Thủ-lăng: Một là không sợ sệt do được nhất thiết trí. Hai là không nghi vì đối với chúng sinh thanh tịnh, thấy tự thân không bằng. Ba là công đức kiên thật hăng ở trong quán tâm không tán loạn. Bốn là có năng lực vượt trội, có thể phá vô minh trụ địa chướng khó phá. Người đủ 4 đức, đối với định này có thể thực hành có thể chứng đắc, nên gọi là Già-ma. Định này đa phần hành lợi tha, có thể phá trừ tập khí tự ái của Độc Giác, tức là đối với đại thường không có hữu sinh tử chướng. Do phá chướng này nên được quả đại thường. Nói “v.v...” là nói chung các định.

Luận nói: gồm thân các thứ phẩm loại Tam-ma-đề.



Giải thích: Tên các thứ của 500 định đều là phẩm loại của 4 định, tất cả đều gồm thân trong 4 định.

Luận nói: Đối trị sai biệt là do duyên tất cả pháp làm cảnh chung của trí tuệ.

Giải thích: Vô phân biệt trí duyên chân như tất cả các pháp hữu vi vô vi. Chung, tức là một cảnh. Trí này với cảnh không còn phân biệt.

Luận nói: Như dùng một cây nôm làm phương tiện để lấy cây nôm khác ra

Giải thích: Như người đời muốn chẻ cây, trước dùng cây nôm nhỏ, sau dùng cây nôm lớn. Người tu quán phá phiền não cũng vậy, trước dùng liệt đạo, tiếp đến dùng trung đạo, sau dùng thắng đạo.

Luận nói: là rút tất cả các chương thô trọng ra khỏi bản thức vậy.

Giải thích: Trong bản thức liên tục có 3 phẩm nghiệp báo phiền não nhiễm trước chủng tử gọi là tập khí có thể làm chướng 4 đức. Do định này nên chưa diệt thì khiến diệt, đã diệt thì khiến không sinh. Năng đối trị, sở đối trị và kết quả đối trị được hoàn toàn không đồng với Nhị thừa nên nói là sai biệt.

Luận nói: Tùy dụng sai biệt là trong đời hiện tại an lạc trụ trong Tam-ma-đề đã lâu, có thể tùy ý thụ sinh nơi thắng xứ.

Giải thích: Bồ-tát có nhiều phương tiện điều trị tâm khiến thành thực, như người thợ luyện kim luyện lấy kim loại ròng. Đã điều trị cái tâm thành thực gọi là tùy dụng. Bởi vì sao? Do định này nên Bồ-tát nếu muốn thành thực Phật pháp, duyên một cảnh có thể như ý trụ được lâu, chưa được khiến cho được, đã được khiến viên mãn, đã viên mãn khiến không thoái mất. Trong đời hiện tại có được năng lực như vậy, đời sau nơi thụ sinh có thể làm nhiều lợi ích chúng sinh, và gặp Phật ra đời được nghe chính pháp, gọi

là thắng sinh xứ. Do định này cho nên Bồ-tát ở nơi thắng sinh xứ được 3 cái thủ, trụ, xả, có thể tùy ý vận dụng không hết không thoái mất. Trong Thanh Văn thừa không có định này, cho nên nói là sai biệt.

Luận nói: Tùy dẫn sai biệt là có thể dẫn xuất vô ngại các thứ thần thông trong tất cả thế giới.

Giải thích: Bồ-tát có Đại sự định. Nghĩa là đối với tất cả mọi sự và tất cả mọi nơi đều không có ngại. Dẫn có 2 nghĩa. Một là năng dẫn. Nghĩa là sức mạnh của định, hoặc tùy người, tùy cảnh, tùy sự tu hành, nếu người lợi căn duyên cảnh vô vi, được nhập, trụ, xuất 3 thứ tự tại. Hai là sở dẫn. Nghĩa là do định mà thành sự. Động địa, phóng quang v.v... đối với những việc như thế thắng thông tuệ không thể đoạt, những việc thị hiện đều như ý. Hoặc không thể chướng, nghiệp không thể ngăn trở, nên gọi là vô ngại dẫn. Chỉ có thể không có dụng. Dụng tức sự sai biệt. Chỉ Bồ-tát có định này, Nhị thừa không tu tập được, cho nên nói là sai biệt.

Luận nói: Do sự sai biệt là

Giải thích: Do sự này, nên biết định của Bồ-tát với định của Nhị thừa có sai biệt. Sự là cái gì?

Luận nói: khiến động,

Giải thích: Như ý có thể làm rung động 10 phương thế giới.

Luận nói: phát ra ánh sáng,

Giải thích: Có thể như ý chiếu sáng 10 phương thế giới.

Luận nói: biến khắp,

Giải thích: Ánh sáng, tiếng pháp, phân thân, như ý biến khắp 10 phương thế giới.

Luận nói: thị hiện,

Giải thích: Các chúng sinh nương nhờ thông tuệ của Bồ-tát có thể thấy vô lượng thế giới và chư Phật Bồ-tát, tùy chỗ muốn thấy đều được trông thấy như ý.

Luận nói: chuyển biến,

Giải thích: Tính của tứ đại v.v... khiến đổi khác lẫn nhau.

Luận nói: đi về,

Giải thích: Trong một sát-na có thể đi qua lại vô lượng thế giới. Thông tuệ này tự có 3 thứ: 1. Tâm thông tuệ mau chóng, như tâm duyên ứng niệm liền hiện đến. 2. Tướng thân thông tuệ, như chim bay. 3. Biến khác thông tuệ, nghĩa là thu rút dài thành ngắn.

Luận nói: xa làm gần,

Giải thích: Khiến xa thành gần, không có trung gian. Đây có 3 việc là thấy nghe và làm.

Luận nói: chuyển thô thành tế,

Giải thích: Khiến vô số thế giới nhỏ hơn vi trần, vào trong vi trần vi trần như cũ.

Luận nói: biến tế thành thô,

Giải thích: Khiến một vi trần bao gồm vô số thế giới. Thế giới như cũ.

Luận nói: khiến tất cả sắc đều nhập vào trong thân,

Giải thích: Tất cả hy hữu. Có nhiều thứ việc đều hiện trong thân.

Luận nói: tựa như đồng loại nhập vào trong đám đông,

Giải thích: Như các Bồ-tát qua trời Đao-lợi, đồng với hình hài cách phục sức và tiếng nói như nơi đó vào trong đám đông hóa độ họ.

Luận nói: hoặc hiện hoặc ẩn,

Giải thích: Có thể ở trong không, hiện ra một, hiện ra nhiều là hiển hiện. Có thể ở trong có, làm cho thành không một, không nhiều tướng là ẩn.

Luận nói: đủ 8 thứ tự tại

Giải thích: Số 8 như trước nói. Lại như Phật Thế Tôn khiến ma vương tu hành Phật đạo sau được thành Phật v.v... cũng gọi là tự tại.

Luận nói: chống lại thần lực của người khác,

Giải thích: Do định lực của Bồ-tát khiến thông tuệ người khác đều không thành tự.

Luận nói: hoặc làm cho người khác có tài hùng biện

Giải thích: Nếu người muốn vẫn nạn một cách đột ngột, Bồ-tát có thể làm cho người ấy có tài biện luận.

Luận nói: và nghĩ nhớ,

Giải thích: Nếu người tà kiến, khiến nhớ đến túc mạng, tự nghiệm nhân quả.

Luận nói: sự hỷ lạc,

Giải thích: Bồ-tát hoặc vào Địa ngục, hoặc sinh vào đời đói kém, hoặc nơi có bệnh tật, nếu Bồ-tát thụ sự hỷ lạc thì khiến chúng sinh nơi đây cũng bình đẳng được sự hỷ lạc như vậy. Hoặc chỉ cho vui, hoặc trước khiến cho được định, hoặc chính khi nghe pháp khiến do sự hỷ lạc này trải qua 60 Tiểu kiếp như khoảnh khắc một sát-na.

Luận nói: hoặc phóng ra ánh sáng,

Giải thích: Để dẫn Bồ-tát phương khác đến tập hội.

Luận nói: có khả năng dẫn xuất đủ các tướng đại thông tuệ,

Giải thích: Như Thánh thông tuệ của Thanh Văn có thể biến hóa một trăm lẻ một việc, còn thông tuệ của Bồ-tát biến hiện không

thể tính kể. Lại nữa muốn hiển thị những điều chưa nói nên trước nêu ra câu tổng quát như vậy.

Luận nói: có thể hướng dẫn tất cả các chính hạnh khó làm,

Giải thích: Thành tựu việc lợi tha như trước đã nói. Dưới đây lại nói rõ việc tự hành trì của Bồ-tát. Định này có thể dẫn xuất chính hạnh của Bồ-tát. Đây là điều Nhị thừa không thể làm được.

Luận nói: có thể gồm thâu 10 thứ chính hạnh khó tu.

Giải thích: Mười thứ chính hạnh này là chủng loại của định, cho nên định có thể thâu nhiếp chính hạnh này.

Luận nói: Mười thứ chính hạnh khó tu ấy là những gì? Một là tự nhận lấy những điều khó tu, vì tự nhận thiện nguyện Bồ-đề.

Giải thích: Nếu dựa vào người khác mà phát 10 nguyện thì chẳng phải khó làm, vì chưa thành lập. Bồ-tát tự mình có 3 năng lực: Một là có trí tuệ có thể hiểu rõ phương tiện. Hai là có từ bi có thể thâu nhiếp chúng sinh. Ba là có chính cần có thể thành mãn 10 nguyện. Ba thứ khó được này Bồ-tát có thể được. Do đủ 3 điều có thể được này nên không dựa vào người tự mình có thể phát nguyện. Lại nếu vì bản thân thụ thiện nguyện thì điều này không khó. Nếu không nhân duyên, chỉ vì người mà thụ mới là khó.

Luận nói: Hai là không thể tránh thoát những điều khó tu, bởi các khổ sinh tử không làm thoái chuyển.

Giải thích: Tám cái khổ từ vô thủy sinh tử, và sau khi phát tâm sẽ trường kỳ chịu 8 khổ cũng không làm trái hạnh từ bi của Bồ-tát, không làm thoái lui hạnh Bồ-đề của Bồ-tát. Điều này có nói rộng trong Luận Địa Trì. Vì vậy nói là khó tu.

Luận nói: Ba là không làm trái những điều khó tu, do đối trị các chúng sinh chuyên làm ác.

Giải thích: Chúng sinh trong sinh tử hằng khởi ác hạnh. Bồ-tát không quán tội lỗi, để khiến chúng giải thoát hằng hướng về chúng làm các điều thiện, nên gọi là khó tu.

Luận nói: Bốn là những điều khó tu trước mắt, như kẻ thù oán mà vẫn phải làm tất cả những việc lợi ích cho họ.

Giải thích: Nếu chúng sinh làm điều cực ác đối với Bồ-tát, Bồ-tát đem ơn đức lớn báo đáp lại họ, cho nên nói là khó tu.

Luận nói: Năm là khó tu không ô nhiễm, nghĩa là Bồ-tát sinh trong thế gian, không bị nhiễm pháp thế gian.

Giải thích: Bồ-tát vì yêu chúng sinh mà vào trong sinh tử. Vào trong sinh tử rồi không bị 8 pháp thế gian nhiễm ô. Ái mà không nhiễm, cho nên nói là khó tu.

Luận nói: Sáu là khó tu tin lạc, nghĩa là thực hành Đại thừa sâu thẳm, có thể tin và yêu thích nghĩa lý rộng sâu.

Giải thích: Sâu thẳm, nguyên văn là vô đề, tức không đáy, có 3 nghĩa: một là giáo lý khó tư duy, hai là đạo khó thực hành, ba là quả khó chứng đắc. Oai đức viên mãn nên rộng lớn. Lý vi tế nên rất sâu. Oai đức có 3 thứ: một là như ý, hai là thanh tịnh, ba là không đổi khác. Lý tức là lý 3 vô tính. Tất cả đều không phải cảnh giới của địa dưới thấp, nên nói là khó tu.

Luận nói: Bảy là khó tu thông đạt, vì khó thông suốt được nhân và pháp cả hai là vô ngã.

Giải thích: Trước ở Thập giải đã thông đạt nhân vô ngã. Nay ở sơ địa lại thông đạt pháp vô ngã. Hai không này lìa tính hữu vô. Nếu thông đạt tức đồng với pháp này, cho nên nói là khó tu.

Luận nói: Tám là khó tu tùy giác, tức đối với các kinh không liễu nghĩa của chư Phật Như Lai là rất sâu, có thể phán đoán đúng như lý.

Giải thích: Chính pháp Như Lai nói không ngoài 2 trường hợp liễu nghĩa và không liễu nghĩa. Nếu chúng sinh chỉ có tín căn chưa có trí căn, Như Lai vì hoàn thành tín căn cho chúng nên nói pháp không liễu nghĩa, như giáo lý Nhị thừa. Lại muốn hàng phục chúng sinh kiêu mạn nên nói pháp không liễu nghĩa. Có nói rộng trong Thập Thất Địa Luận. Để sinh văn tư tu tuệ nên nói kinh liễu nghĩa. Kinh không liễu nghĩa lời kinh bí mật, phán đoán đúng được như lý là khó, nên nói là khó tu.

Luận nói: Chín là khó tu vì không lìa bỏ mà không nhiễm, tức không bỏ sinh tử mà không bị sinh tử làm nhiễm ô.

Giải thích: Vì từ bi không bỏ sinh tử. Do Bát-nhã nên không bị nhiễm ô. Đối với sinh tử Niết-bàn không chấp trước cũng không an trụ, nên nói là khó tu.

Luận nói: Mười là khó tu gia hành, như chư Phật Như Lai giải thoát tất cả chướng, trụ trong chỗ không dụng công, có thể làm việc lợi ích tất cả chúng sinh, gia công tu hành cho đến tận cùng sinh tử

Giải thích: Hiện thị đầy đủ 3 thân nên nói là chư Phật Như Lai. Nói tất cả chướng tức 3 chướng, 4 chướng, 30 chướng v.v... Pháp thân đã được vô cấu thanh tịnh nên trụ trong giải thoát tất cả chướng. Pháp thân thường trụ trong giải thoát. Sau khi tận cùng sinh tử, y vào pháp thân khởi ứng thân, tất cả chính sự tự nhiên hằng diễn ra mà không phải dụng công. Y ứng thân khởi hóa thân, làm tất cả việc lợi ích chúng sinh, tùy căn tính khiến gieo giống lành cho đến được giải thoát.

Luận nói: vui tu gia hành này.

Giải thích: Vui, nguyên văn là lạc, chữ lạc được giải thích là muốn được. Khởi chính cần là tu. Hằng tu, cung kính tu là gia hành, vì vậy nói là khó tu.

Luận nói: Trong khó tu tùy giác có nói chư Phật Như Lai nói kinh không liễu nghĩa. Ý ấy như thế nào?

Nghĩa là Bồ-tát phải tùy theo lý, quán sát mà hiểu.

Giải thích: Trong 10 khó tu, 9 nghĩa dễ giải nên không giải thích lại. Cái thứ 8 khó giải, Bồ-tát phải tùy theo giác sát, cho nên phải hiển thị lại tướng của nó.

Luận nói: Như kinh nói: Thế nào là Bồ-tát không tổn một vật, không thí cho một người?

Là nếu Bồ-tát thực hành tốt việc bố thí vô lượng vô số, trong mười phương thế giới hạnh tu bố thí liên tục sinh khởi.

Giải thích: Bồ-tát xả tự ái, thâm nhiếp tất cả chúng sinh làm tự thể, tất cả hành đạo, tất cả tài vật đều thuộc chúng sinh nên của cải không phải sở hữu của mình, sử dụng không phải người khác. Của cải kia, người sử dụng kia đâu có liên quan gì đến ta. Nếu vận dụng tâm được như vậy, tức có thể hành thí tốt. Lại nữa Bồ-tát xả tự ái, thâm nhiếp tất cả chúng sinh làm tự thể thì tất cả chúng sinh hành thí tức Bồ-tát hành thí, nên Bồ-tát khởi tâm tùy hỷ, được vô lượng phúc do bố thí. Như vậy cũng là không tổn hao một vật, không thí cho một người. Đó gọi là hành thí tốt.

Luận nói: Thế nào là Bồ-tát thích làm việc bố thí?

Là nếu Bồ-tát không thích làm tất cả bố thí.

Giải thích: Nếu Bồ-tát không thích hành Tùy chí v.v... 8 nghĩa thí đến chỉ thích hành Bồ-tát tịnh tâm thí. Lại nữa nếu Bồ-tát không thích Tam luân thí theo kiểu chấp trước của thế gian, thích hành không chấp trước Tam luân thí. Lại nữa chấp trước gọi là thích. Nếu Bồ-tát chấp trước vào thí nhân hay chấp trước vào thí quả thì gọi là thích hành thí, nguyên văn gọi là lạc hành thí. Nếu Bồ-tát không chấp trước vào hành thí thì gọi là không thích hành thí, nguyên văn gọi là bất lạc hành thí.



Luận nói: Thế nào là Bồ-tát hành tâm tín thí?

Là nếu Bồ-tát không hành tín tâm chư Phật Như Lai.

Giải thích: Bởi Bồ-tát tự chứng thí nên hành thí. Không phải do tin người kia mà hành thí. Cái tin trước là có tín căn nên thành tín, cái tin sau không có tín căn nên không thành tín.

Luận nói: Thế nào là Bồ-tát phát hạnh bố thí?

Là nếu Bồ-tát đối với việc bố thí bản thân không mưu tính.

Giải thích: Nếu Bồ-tát tự tính có thể hành thí không có các chương như tham tiếc đồ kị v.v. bản thân không có mưu tính rồi mới hành thí.

Luận nói: Thế nào là Bồ-tát hằng vui vẻ tự tại trong việc bố thí?

Là nếu Bồ-tát không có thời gian lúc nào là lúc bố thí.

Giải thích: Bồ-tát bố thí không ấn định thời gian là lúc nào, không theo một thứ mà bố thí.

Luận nói: Thế nào là Bồ-tát có thể làm việc đại bố thí?

Là nếu Bồ-tát đối với bố thí lia tưởng Sa-la.

Giải thích: Sa-la có 2 nghĩa: một là trinh thật, hai là tán loạn. Trinh thật là lời nói thẳng. Tán loạn là mật ngữ. Nếu lấy lời nói thẳng lia trinh thật thì trái với đại thí. Nếu thủ mật ngữ lia tán loạn thì phù hợp với đại thí. Nếu lia dục 3 cõi khi hành thí gọi là đại thí. Bởi vì sao? Bồ-tát lia dục hành thí thì phạm phủ đầy đủ trói buộc hành thí gấp trăm ngàn vạn lần cũng không bì kịp. Nếu thí và định trở ngại nhau không gọi là đại thí. Bởi không trở ngại nhau nên được gọi là đại.

Luận nói: Thế nào là Bồ-tát thanh tịnh đối với bố thí?

Là nếu Bồ-tát tham tiếc Uất-ba-đê.

Giải thích: Uất-ba-đê có 2 nghĩa: một là sinh khởi, hai là nhỏ gốc bỏ thân. Sinh khởi là trực ngữ. Nhỏ gốc bỏ thân là mật ngữ. Nếu

thủ trực ngữ sinh khởi tham tiếc thì trái với thanh tịnh thí. Nếu thủ mật ngữ nhỏ gốc bỏ tham tiếc thì phù hợp với thanh tịnh thí. Nhỏ gốc là trừ thân kiến. Thân kiến là gốc rễ của tham tiếc. Bỏ thân là trừ cái thể của tham tiếc. Do Bồ-tát có thể đoạn thân kiến diệt tham tiếc nên thanh tịnh đối với thí.

Luận nói: Thế nào là Bồ-tát có thể trụ nơi bố thí?

Là nếu Bồ-tát không cứu cánh sau cùng.

Giải thích: Cứu cánh sau cùng có 2 nghĩa: Một là thí có bắt đầu, giữa và sau, lấy tối hậu làm cứu cánh sau cùng. Nếu y theo nghĩa này là không trụ ở phần sau cùng của thí, lẽ nào nói được là trụ nơi thí, thế là mâu thuẫn. Hai là nếu hữu dư Niết-bàn gọi là cứu cánh thì vô dư Niết-bàn gọi là cứu cánh sau cùng. Nếu Thanh Văn trụ vô dư Niết-bàn, không khởi tâm trở lại, không làm việc lợi ích chúng sinh thì không thể trụ nơi thí. Bồ-tát y vào Đại bikhông như Thanh Văn trụ vô dư Niết-bàn, nên hằng khởi Lục độ không có tận cùng. Nếu y theo nghĩa này thì phù hợp với nghĩa trụ thí.

Luận nói: Thế nào là Bồ-tát tự tại đối với bố thí?

Là nếu Bồ-tát không được tự tại đối với bố thí.

Giải thích: Nếu Bồ-tát không được thí chương tự tại, tức là Bồ-tát đối với thí được tự tại. Xưa ở địa vị phàm phu, không có đạo đối trị kiến tu 2 hoặc, muốn khởi là khởi nên được tự tại. Nay nhập Thánh vị, vì đạo đối trị nên Bồ-tát đối với hoặc không được tự tại, đối với thí thì được tự tại.

Luận nói: Thế nào là Bồ-tát vô tận đối với thí?

Là nếu Bồ-tát không trụ trong vô tận.

Giải thích: Vô dư Niết-bàn gọi là vô tận. Bồ-tát không như Thanh Văn nhập trong vô tận không làm lợi tha. Cho nên Bồ-tát vô tận đối với thí.

Luận nói: Như Thí Kinh nói. Đối với giới cho đến Bát-nhã đúng lý nên biết như vậy.

Giải thích: Như Thí Kinh nói thí có bất liễu nghĩa ngữ, nói các độ cũng có bất liễu nghĩa ngữ, đều phải như lý phân biệt phán đoán để hiểu.

Luận nói: Lại có kinh nói: Thế nào là Bồ-tát hành sát sinh?

Là nếu Bồ-tát có thân mạng, chúng sinh đoạn dứt sự tương tục ấy.

Giải thích: Nếu có mạng thì biết có nghiệp. Nếu có nghiệp thì biết có hoặc. Do 3 cái này lục đạo tứ sinh tương tục không dứt. Nếu Bồ-tát tùy theo căn tính chúng sinh nói 3 thừa Thánh đạo khiến chúng tu hành đoạn 3 pháp này, được quả vô dư Niết-bàn không còn tương tục, tức là đoạn mạng, nên gọi là sát sinh.

Luận nói: Thế nào là Bồ-tát đoạt lấy, không phải được người cho.

Là nếu Bồ-tát tự đoạt lấy, không phải người khác và chúng sinh.

Giải thích: Bồ-tát dùng Đại binhhiếp hóa tất cả chúng sinh làm quyến thuộc, khiến lìa sinh tử hiểm nạn mà không phải do cha mẹ hay chủ nhân cho. Vì vậy nói đoạt chứ không phải do người khác cho.

Luận nói: Thế nào là Bồ-tát hành tà dâm?

Là nếu Bồ-tát khởi ý tà đối với dục trần v.v...

Giải thích: Ba nghiệp của Bồ-tát tương phản với dâm dục. Ý biết nó là hư vọng không thật, là nguồn gốc các ác. Miệng nói nhưng thân không làm cũng là tương phản. Tức khởi tà ý đối với dục trần v.v... nên gọi là hành tà dâm.

Luận nói: Thế nào là Bồ-tát có thể nói vọng ngữ?

Là nếu Bồ-tát là vọng thì có thể nói là vọng.

Giải thích: Tất cả pháp đều là hư vọng. Bò-tát đúng như hư vọng mà nói, cho nên nói là có thể nói vọng ngữ.

Luận nói: Thế nào là Bò-tát nói hai lưỡi?

Là nếu Bò-tát thường trụ nơi không tịch cùng cực.

Giải thích: Nói 2 lưỡi tức nói đâm thọc khiến kia và đây bất hòa. Bò-tát tư duy không, nói không, khiến mình và người không thấy có đây kia hướng chi là hòa hợp, cho nên nói là hai lưỡi.

Luận nói: Thế nào là Bò-tát có thể trụ Ba-luru-su?

Là nếu Bò-tát trụ sở tri bỉ ngạn.

Giải thích: Nếu y vào trực ngữ Ba-luru-su là thuộc danh mục ác khẩu. Người trụ trong ác khẩu thì không gần gũi người khác. Bò-tát trụ nơi sở tri bỉ ngạn, tức lý 3 vô tính, cũng không được chúng sinh gần gũi. Lý này không phải lý phạm phu Nhị thừa thực hành, nên nói là có thể trụ ác khẩu. Nếu y vào mật ngữ, Ba-luru-su thuộc bỉ ngạn trụ. Tức lấy mật ngữ hiển thị trực ngữ.

Luận nói: Thế nào là Bò-tát có thể nói lời không tương ưng?

Là nếu Bò-tát có thể phân phá các pháp, tùy loại giải thích.

Giải thích: Bò-tát có thể phân phá các pháp, tức là căn trần thức đều vô sở hữu. Cái vô sở hữu này không nhất định là không, cũng không nhất định là có. Hữu vô đều bất khả đắc, cho nên có thể nói lời không tương ưng.

Luận nói: Thế nào là Bò-tát hành A-tì-trì-ha-lâu?

Là nếu Bò-tát thường thường khiến tự thân được các định vô thượng.

Giải thích: Nếu y vào trực ngữ, A-tì-trì-ha-lâu thuộc tham dục. Người hành tham dục ắt yêu thích ngoại trần. Bò-tát hằng muốn khiến tự thân được định cao tốt, nên gọi là hành tham dục. Lại nếu y

vào mật ngữ A-tì-trì-ha-lâu thuộc danh mục thường được định, tức dùng mật ngữ hiển thị trực ngữ.

Luận nói: Thế nào là BỒ-tát khởi tâm ganh ghét làm hại?

Là BỒ-tát đối với tâm địa mình và người có thể làm hư hại các hoặc.

Giải thích: Giận dữ lấy ganh ghét hại người làm tướng. BỒ-tát khởi ý muốn đoạn diệt tất cả phiền não của mình và người, nên khởi tâm ghét và làm hại.

Luận nói: Thế nào là BỒ-tát khởi tà kiến?

Là nếu BỒ-tát như lý quán sát khắp các nơi hành tà tính.

Giải thích: Đại thừa lấy sự có phân biệt làm tà tính. Tính phân biệt biến khắp trong tính y tha, tức là tà tính. Nếu lìa phân biệt gọi là chân tính nhân pháp không. Tiểu thừa lấy thân kiến làm tà tính. Do thân kiến này sinh các hoặc, nên nếu lìa thân kiến thì tất cả tà chấp không khởi được, được chân tính nhân không. BỒ-tát có khả năng như lý quán sát tà tính này thấy kia là tà nên gọi là khởi tà kiến.

Luận nói: Lại có kinh nói: Phật pháp rất sâu.

Giải thích: Trước nói rõ Lục độ, sau hiển thị Thập ác. Dưới đây nói về đạo và đạo quả, cho nên nói là rất sâu.

Luận nói: Rất sâu như thế nào?

Trong luận này tự phân biệt rộng:

-Tất cả Phật pháp, thường trú là tính, vì pháp thân thường trú.

Giải thích: Chư Phật pháp thân thường trú. Tất cả Phật pháp đều y vào pháp thân, lấy pháp thân làm trên hết, nên pháp thân thường trú là tính của tất cả Phật pháp.

Luận nói: -Tất cả Phật pháp đều đoạn là tính, vì tất cả chương đều đoạn hết.

Giải thích: Mỗi mỗi Phật pháp đều không có hoặc chướng và trí chướng, cho nên chướng đoạn hết là tính tất cả Phật pháp. Phiền não hiện tại diệt là đoạn, phiền não vị lai không sinh là hết là tận cùng. Tức là tận cùng trí vô sinh.

Luận nói: -Tất cả Phật pháp, sinh khởi là tính, vì hóa thân hằng sinh khởi.

Giải thích: Do bản nguyện Đại bisinh khởi hóa thân. Tương tục vô tận nên hóa thân sinh khởi. Là tính của tất cả Phật pháp.

Luận nói: -Tất cả Phật pháp, năng đắc là tính, vì năng đắc cùng hành với đối trị 8 vạn 4 ngàn phiền não của chúng sinh.

Giải thích: Tất cả Phật pháp lấy vô sở đắc làm tính. Đó là chính thuyết. Do 3 vô tính, không thể nói cố định là hữu vô. Cho nên tuy lấy vô đắc làm tính, cũng có nghĩa năng đắc. Nếu tách rời Phật pháp, không thể hiểu được những hoặc phải đối trị, không thể an lập được đạo năng đối trị.

Luận nói: -Tất cả Phật pháp, hữu dụng là tính, vì yêu thương chúng sinh có ý muốn thâm nhiếp khiến thành tự thể.

-Tất cả Phật pháp, có sân là tính.

-Tất cả Phật pháp, có si là tính.

-Tất cả Phật pháp, phàm phu pháp là tính.

Giải thích: Đây có 2 nghĩa: Một là Bồ-tát thâm nhiếp tất cả chúng sinh hữu dụng làm tự thể, vì tất cả Phật pháp đều y vào tự thể. Hai là Đại bi là ái, ái tức là dụng. Bồ-tát dùng Đại bithâu nhiếp tất cả chúng sinh, y vào Đại bisinh hạnh phúc đức trí tuệ, cho nên sân si và phàm phu pháp cũng vậy.

Luận nói: -Tất cả Phật pháp, không nhiễm trước là tính, vì thành tựu chân như, tất cả chướng không thể nhiễm.

Giải thích: Đạo hậu chân như đoạn tất cả chướng. Tất cả là vô cấu thanh tịnh nên gọi là thành tựu. Tất cả chướng không thể nhiệm vì tất cả Phật pháp lấy chân như này làm thể.

Luận nói: -Tất cả Phật pháp, không thể nhiệm trước. Chư Phật xuất hiện ra đời, chẳng có pháp thể gian nào có thể nhiệm.

Giải thích: Trước nói rõ cảnh chân như. Đây là nói trí chân như. Chư Phật Bồ-tát lấy trí chân như làm thể, tức là ứng thân. Cái thể này là duy thức chân như hiển hiện, không phải do căn trần khởi, không phải 8 thứ thể pháp và do thể pháp khởi dục, sân v.v... các hoặc có thể nhiệm trước. Bởi vì sao? Vì đó là những thứ bị cái thể chân như đối trị. Tu đắc trí vô phân biệt thành tựu gọi là chư Phật xuất hiện ở đời.

Luận nói: Vì vậy nói Phật pháp là rất sâu.

Giải thích: Câu này kết thúc ý trước. Cho thấy khó tư duy, khó thực hành, khó chứng đắc. Đủ 3 nghĩa nên nói là rất sâu.

Luận nói: Vì tu hành Ba-la-mật. Vì thành thực chúng sinh. Vì thanh tịnh cõi Phật. Vì dẫn khởi và thâm giữ tất cả Phật pháp. Nên biết nghiệp sai biệt Tam-ma-đề của Bồ-tát.

Giải thích: Trong luận này nói rõ Tam-ma-đề của Bồ-tát, không nói sai biệt gì khác, chỉ nói chung về nghiệp sai biệt. Các Bồ-tát tu định có tổng quát có riêng biệt. Tổng quát có 4, riêng biệt có 500. Bốn đây là nghiệp chung của các định. Bởi vì sao? Chư Bồ-tát tu được định rồi, y vào định này tu hành Thập độ, y vào định này thành thực chúng sinh. Làm sao thành thực chúng sinh? Y vào định này khởi thông tuệ, dẫn khiến nhập chính định vị. Lại y vào định lực này thanh tịnh cõi Phật. Bởi vì sao? Do tâm tự tại như ý có thể thành Tịnh độ vàng báu v.v... Lại y vào định này hiện tại đượ an lạc trụ, có thể dẫn nhiếp thành thực tất cả Phật pháp. Bốn việc này là tất cả nghiệp chung và sai biệt của định, nên biết như vậy.

# NHIẾP ĐẠI THỪA LUẬN THÍCH

## QUYỂN 12

### Y tuệ học thắng tướng 8

Luận nói: Như vậy là đã nói về y định học sai biệt.

Thế nào là nên biết về y tuệ học sai biệt?

Giải thích: Định của Bồ-tát và định của Nhị thừa đã có sai biệt. Định là y chỉ của tuệ. Tuệ y vào định được thành. Tuệ của Bồ-tát với tuệ của Nhị thừa cũng phải có sai khác. Làm sao biết được? Lấy pháp gì y tuệ học? Vô phân biệt trí y tuệ học là vô phân biệt trí sai biệt. Nên biết tức là y tuệ học sai biệt. Vô phân biệt trí này có 3 thứ: Một là gia hành vô phân biệt trí. Nghĩa là tầm tư v.v... các trí, tức là nhân của đạo. Hai là vô phân biệt trí, tức chính thể của đạo. Ba là vô phân biệt hậu trí, tức trí sau khi xuất quán, nghĩa là đạo quả. Ba trí này đều y vào thể của tuệ học. Tầm tư trí y vào tuệ học là người tu quán y vào đương lai vô phân biệt trí nên tu phương tiện trí. Do cầu quả vị lai vô phân biệt trí nên hiện đời này được thành phương tiện. Vì năng y này nên gọi là y tuệ học. Lại phương tiện trí này có thể dẫn đến đương lai vô phân biệt trí. Vô phân biệt trí khởi ắt y vào phương tiện này được thành. Vì sở y này nên gọi là y tuệ học. Nói chính thể của đạo nghĩa là y nội khởi trí tại quán. Lìa tán động nên gọi là nội. Trí này y vào quán khởi nên gọi là y tuệ học. Lại có tự thể là nội. Nhân đã tạ diệt, quả chưa khởi, đạo thể tự tương tục, tức nói tự thể là nội. Y tự thể



khởi nên gọi là y tuệ học. Nói trí sau khi xuất quán là y tuệ học, tức y vô phân biệt trí thành trí này gọi là y tuệ học. Bởi vì sao? Khi nhập quán, sau khi duyên cảnh được trí là duyên đây sinh.

Trong 3 trí, nên thành lập trí nào?

Nên chỉ thành lập vô phân biệt trí. Nếu thành lập trí này tức thành lập bao nhiêu trí khác. Nếu thành lập trí trước thì chỉ hiển thị nghĩa của nhân mà không hiển thị nghĩa của quả. Tự tính v.v... 19 nghĩa sai biệt cũng không thành. Nếu thành lập trí sau thì chỉ hiển thị nghĩa của quả mà nhân không hiển thị. Tự tính v.v... 19 nghĩa sai biệt cũng không thành. Bởi vì sao? Trí này lấy trí tâm tư làm nhân. Trí này là quả của tris tâm tư. Trí này là nhân của trí sau. Trí sau là quả của trí này. Bởi trí này thành lập, trí trước trí sau đều được thành lập. Vì vậy chỉ nên thành lập trí này. Trong khi thành lập, trước nên nói tự tính của vô phân biệt trí. Tự tính tức thể tướng.

Luận nói: Là do tự tính của trí vô phân biệt, như y chỉ tướng mạo cảnh giới duyên khởi, lập cứu nạn, nhiếp trì, trợ bạn, quả báo, đẳng lưu, xuất ly, cứu cánh, hành thiện, gia hành, công đức trí vô phân biệt, trí hậu đắc, gia hành không sai biệt, trí vô phân biệt hậu đắc, thí dụ, uy đức, không công dụng, tác sự, nghĩa sâu xa. Vì vậy phải biết y tuệ học sai biệt.

Do y tuệ học sai biệt, phải biết trí vô phân biệt sai biệt.

Giải thích: Nghĩa là do tự tính của trí vô phân biệt, nên phải biết y tuệ học sai biệt. Do y tuệ học sai biệt nên phải biết trí vô phân biệt sai biệt. Nếu nói theo thứ tự thì có 19 nghĩa phải nói. Nay vì đại lược nên lấy một do trí vô phân biệt nêu lên trước. Tiếp theo liệt kê ra 19 nghĩa rồi sau nói chung phải biết y tuệ học sai biệt.. Do y tuệ học sai biệt nên phải biết trí vô phân biệt sai biệt. Lấy 19 nghĩa thành lập trí vô phân biệt. Trí này là thể của tuệ học. Tuệ học sai biệt tức là trí sai biệt này. Phải biết như vậy.

Tự tính của trí vô phân biệt như thế nào?

Luận nói: Tự tính của trí vô phân biệt là phải biết lia 5 thứ tướng.

Giải thích: Nếu lia hết 5 tướng tức là trí vô phân biệt. Nếu không lia đủ 5 tướng không phải trí vô phân biệt.

Luận nói: Năm tướng là: 1.Lìa phi tư duy, 2.Lìa chỗ phi giác quán, 3.Lìa diệt tướng thụ định vắng lặng, 4. Lìa tự tính của sắc, 5.Trong nghĩa chân thật, lia phân biệt khác.

Giải thích: Trí này nếu do lia tư duy mà được trí vô phân biệt thì ngu mê hay cuồng say đều là lia tư duy cũng được trí vô phân biệt? Nếu do quá giác quán cũng gọi là trí vô phân biệt? Từ định thứ hai trở lên quá giác quán phải được trí vô phân biệt? Nếu theo 2 nghĩa này thì phàm phu cũng phải được trí vô phân biệt. Ở đây thì có thể lia tâm và tâm pháp nên nói là trí vô phân biệt. Nghĩa là tướng thụ diệt định v.v...nếu người ở trong địa vị này được trí vô phân biệt thế là không thành trí. Bởi vì sao? Ở trong địa vị diệt định v.v...không tâm và tâm pháp cho nên nếu nói như tự tính của sắc, tự tính của trí cũng như vậy. Nếu sắc đàn độn không biết thì trí này cũng phải đàn độn không biết. Nếu nơi nghĩa chân thật, do đã phân biệt hiển hiện thì phân biệt này phải thành trí vô phân biệt. Bởi vì sao? Cái phân biệt này có thể phân biệt nghĩa chân thật. nghĩa là nghĩa này chân thật.

Luận nói: Đó là 5 tướng tách rời khỏi trí. Phải biết đó là trí vô phân biệt.

Giải thích: Nếu trí lia 5 tướng, duyên nghĩa chân thật khởi. Nếu không phân biệt khác nghĩa chân thật, nghĩa là pháp chân thật này chỉ duyên nghĩa chân thật. Như nhãn thức không lấy phân biệt làm tính. Đó gọi là trí tướng vô phân biệt.

Luận nói: Những điều nói đây là tính của trí vô phân biệt. Cho nên có bài kệ như sau:

Giải thích: Ở trong y tuệ học này, như trước nói 19 nghĩa hiển thị trí tính vô phân biệt. Lại nói kệ thành lập nghĩa này.

Kệ này muốn nói rõ điều gì? Muốn nói rõ sự vượt trội nhất của trí vô phân biệt, đứng đầu trong các hạnh tu.

Luận nói:

*Tự tính các Bồ-tát,  
Tách rời năm thứ tướng.  
Tính trí vô phân biệt,  
Chân như vô phân biệt.*

Giải thích: Bồ-tát lấy trí vô phân biệt làm thể. Trí vô phân biệt với Bồ-tát không khác. Tự tính trí vô phân biệt tức tự tính của Bồ-tát. Trí vô phân biệt lia 5 tướng, tức là Bồ-tát lia 5 tướng. Do ở chân không có phân biệt nên lia 5 tướng được tên là vô phân biệt. Chúng sinh là giả danh. Pháp là thật hữu. Nếu lia trí này không có pháp nào khác được gọi là Bồ-tát. Tận vô sinh trí là Bồ-đề. Chúng sinh này lấy Bồ-đề làm thể. Bồ-đề tức là trí vô phân biệt. Trí vô phân biệt tức là Bồ-tát. Muốn hiển thị trí vô phân biệt tức là Bồ-tát cho nên nói tự tính Bồ-tát lia 5 tướng, không nói trí vô phân biệt hậu đắc. Như thế là đã nói tự tính của Bồ-tát rồi. Do y chỉ này tính được sinh. Nay sẽ nói y chỉ này. Trước nói trí này gọi là vô phân biệt. Trí này là y chỉ tâm sinh hay không y chỉ tâm sinh? Nếu y chỉ tâm sinh, có thể tư duy nên gọi là tâm. Tư duy tức là phân biệt. Trí này nếu y phân biệt sinh thì không gọi là vô phân biệt. Nếu không y chỉ tâm sinh thì đồng với sắc v.v... các pháp, lại không nên gọi là trí. Muốn nói rõ 2 lỗi này nên nói kệ trở lại.

Luận nói:

*Y chỉ các Bồ-tát,  
Phi tâm, phi phi tâm.  
Là trí vô phân biệt.  
Chẳng thuộc loại tư lường.*

Giải thích: Trí này không lấy tâm làm y chỉ, bởi trí này không phải nghĩa tư duy, cũng không lấy phi tâm làm y chỉ, bởi lấy tâm tất lợi loại tương tục làm y chỉ. Tất lợi loại là chủng tính của tâm. Đã lấy đây làm y chỉ nên không thể nói phi tâm là y chỉ. Để rõ nhân duyên sinh khởi trí này nên nói kệ trở lại.

Luận nói:

*Nhân duyên các Bồ-tát,  
Có nói văn huân tập,  
Là trí vô phân biệt.  
Như lý chính tư duy.*

Giải thích: Trong 4 duyên trừ 3 duyên, chỉ lấy nhân duyên. Nhân duyên có tướng như thế nào? Nếu nhân và quả đồng loại hội là nhân duyên. Ví như thiện tâm trước làm nhân cho thiện tâm sau. Theo người khác nghe được pháp âm khởi nhân văn huân tập. Huân tập này sau sinh chính tư duy. Chính tư duy này là do từ nghe chính thuyết của người khác mà khởi nên kệ nói “*Có nói* “. Nhân duyên của trí này lấy văn huân tập và chính tư duy làm thể. Do nhân duyên này, nhân của trí vô phân biệt chưa sinh thì khiến cho sinh, đã sinh thì khiến trụ vững. Nếu không có huân tập này, trí vô phân biệt không sinh được, nên nói đây là nhân duyên. Trí này do văn huân tập khởi.

Duyên pháp gì làm cảnh?

Luận nói:

*Cảnh giới các Bồ-tát,  
Pháp tính không thể nói.  
Là trí vô phân biệt.  
Hai vô ngã chân như.*

Giải thích: Kệ trước nói nhân duyên của Bồ-tát. Kệ này nói duyên duyên của Bồ-tát. Cảnh giới tức là duyên duyên.

Duyên duyên có tướng như thế nào?

Như pháp duyên đây sinh, giống như người gậy yếu nhân cây gậy mà đứng dậy được. Nếu quán pháp này, pháp kia được sinh thì đây là duyên của kia. Như 5 trần sinh 5 thức. Cảnh này có 2 nghĩa: một là y chỉ duyên duyên, hai là tỷ đặc duyên duyên. Như người y chỉ vào tướng vô thường của tâm, so sánh lường đặc các pháp như sắc v.v... đều là vô thường. Không thể nói pháp tính là duyên duyên của Bồ-tát. Tất cả pháp do tính phân biệt không thể nói. Bởi vì sao? Do các pháp không có tự thể, do tâm phân biệt hiển hiện nên tất cả pháp không thể nói là có, cũng không thể nói là không. Nó hiển hiện như thế chứ không phải nó có như thế, cho nên không thể nói là có. Nó không có như thế nhưng không phải là không, vì là hiển hiện nên không thể nói là không. Nếu biết pháp sở duyên không có như thế, cho nên là phân biệt cái tướng vô thể. Phân biệt cái tướng vô thể này là có hay là không? Nếu không có cái thể vô thể, như vậy tức là có. Nếu có cái vô thể, thì không thể nói là không. Do nghĩa này nên pháp tính, chân tục đều không thể nói có không. Pháp tính lấy chân như 2 vô ngã làm thể. Do phân biệt tính nên tính y tha không nhân không pháp gọi là 2 vô ngã. Để lia bỏ đoạn trừ kiến chấp vô ngã không phải không này, nên nói là chân như. Chân như này là cảnh của Bồ-tát. Bởi vì sao? Bởi trí vô phân biệt này nếu khởi ắt phải duyên cảnh này khởi cho nên trí này duyên không thể nói là chân như khởi.

Tướng mạo của thủ cảnh như thế nào?

Luận nói:

*Tướng mạo các Bồ-tát,  
Ở trong cảnh chân như,  
Là trí vô phân biệt.  
Không tướng, không sai biệt.*

Giải thích: Trí này trong cảnh chân như, bình đẳng bình đẳng sinh, không khác không tướng là tướng, tức là tướng của nó. Ví như nhãn thức thủ sắc, như hiển hiện các tướng màu xanh v.v...không khác các sắc màu xanh v.v...Trí này với cảnh chân như cũng vậy. Lại không đồng nhãn thức với sắc. Sắc là vô thể có sắc. Nhãn thức là hữu thể vô sắc. Trí này tương xứng với cảnh chân như, không thể nói là khác.

Nếu tất cả pháp không thể nói là tính, thì pháp nào là sở phân biệt?

Luận nói:

*Tương ưng nghĩa tự tính,  
Sở phân biệt, chẳng khác.*

Giải thích: Tất cả mọi ngôn thuyết đều có 3 thứ tương ưng: nghĩa là số tập, tương tục và thứ tự. Ba cái này không lia nhau nên gọi là tương ưng. Lại 3 pháp hòa hợp thành nghĩa nên gọi là tương ưng. Tương ưng này là nghĩa của tự tính. Nghĩa này tức là sở phân biệt. Nếu lia nghĩa này không có nghĩa nào khác. Vì vậy tất cả pháp không thể dùng ngôn thuyết.

Làm sao biết lia tính này không có nghĩa nào khác?

Để thành lập nghĩa này nên

Luận nói:

*Chữ chữ tiếp nối nhau,  
Làm thành nghĩa tương ưng.*

Giải thích: Chữ chữ kết nối nhau tức tương ưng thứ nhất. Do tương ưng này tức đủ 2 tương ưng khác. Ba tương ưng này nên được đủ nghĩa. Do tương ưng nên nói nghĩa này được thành. Ví như nhãn căn v.v...trong ngôn từ tương tục, chúng sinh chấp cho là nghĩa cho nên nói là tương ưng. Nghĩa này là sở phân biệt. Vì vậy sở phân biệt chỉ có ngôn thuyết. Nghĩa cũng chỉ có ngôn thuyết.

Nếu tất cả pháp không thể dùng ngôn thuyết thì nghĩa này làm sao thành?

Luận nói:

*Trí tuệ ly ngôn thuyết,  
Không khởi nơi sở tri.*

Giải thích: Nếu người chưa hiểu rõ mới nói. Ở cảnh sở ngôn, tức cảnh được nói ra, trí tuệ không sinh, nếu ông nói trong ngôn thuyết cái được nói ra sinh trí tuệ, nghĩa này không phải vậy. Bởi vì sao?

Luận nói:

*Không giống như ngôn thuyết,  
Tất cả không thể nói.*

Giải thích: Ngôn thuyết này không giống với cái được nói vì tướng mạo khác nhau. Ngôn tướng khác, sở ngôn tướng khác. Cho nên tất cả ngôn từ và những gì được nói ra đều là không thể nói.

Pháp gì là pháp được trí vô phân biệt nhiếp trì?

Luận nói:

*Nhiếp trì của Bồ-tát,  
Là trí vô phân biệt.  
Hành trì hậu đắc này,  
Làm sinh trưởng cứu cánh.*

Giải thích: Là hậu sở đắc trí của trí vô phân biệt có thể được 2 hạnh phúc tuệ của Bồ-tát. Hai hạnh y chỉ trí này được sinh trưởng nối nhau cho đến cứu cánh. Cho nên vô phân biệt hậu trí có thể sinh trưởng chính hạnh của Bồ-tát. Vô phân biệt hậu trí là năng nhiếp trì. Bồ-tát là sở nhiếp trì.

Pháp gì là trợ bạn của trí vô phân biệt?

Luận nói:

*Trợ bạn của Bồ-tát,  
Là nói 2 thứ đạo.  
Là trí vô phân biệt.  
Của 5 Ba-la-mật.*

Giải thích: Bạn loại lấy tương trợ làm tương. Tương trợ cùng làm thành một việc nên gọi là tương trợ. Một việc là quả Bồ-đề. Hai thứ đạo là trợ bạn của Bồ-tát. Đó là tư lương đạo và y chỉ đạo. Thí v.v... 4 Ba-la-mật là tư lương đạo. Định Ba-la-mật là y chỉ đạo. Bởi vì sao? Từ 4 Ba-la-mật sinh ra thiện pháp. Thiện pháp này sinh Bát-nhã Ba-la-mật. Bát-nhã Ba-la-mật này y chỉ định sinh. Bát-nhã Ba-la-mật tức là trí vô phân biệt. Chưa được vô thượng Bồ-đề, trong khoảng giữa thường hay sinh khởi trí vô phân biệt cho đến cực quả. Là thì có 5 Ba-la-mật, hợp thì có 2 đạo, có thể trợ giúp Ba-la-mật thứ 6, cộng thành một cực quả, nên gọi là trợ bạn.

Nếu trí vô phân biệt y 2 đạo thành được quả báo gì?

Luận nói:

*Quả báo các Bồ-tát,  
Trong Phật hai viên mãn.  
Là trí vô phân biệt,  
Do gia hành đạt tới.*

Giải thích: Có chỉ quả mà không báo và có quả có báo. Nếu từ nhân sinh, dùng chung gọi là quả. Nếu từ nhân sinh, dùng riêng gọi là quả báo. Quả có nghĩa là sinh. Báo có nghĩa là chín muồi. Ứng hóa 2 thân gọi là hợp 2 viên mãn của Phật. Quả báo của trí vô phân biệt thành thực trong sự hợp lại 2 viên mãn của Phật. Nếu quả sinh trong khi trí vô phân biệt gia hành thì quả này thuộc hóa thân. Nếu quả sinh trong khi trí vô phân biệt đạt được, thì quả thuộc ứng thân.



Làm sao biết?

Luận nói:

*Quả đẳng lưu Bồ-tát,  
Sinh trong các đời sau.  
Là trí vô phân biệt,  
Do dần tăng lên thắng.*

Giải thích: Quả có đẳng nhân, có thắng nhân. Quả này do đồng loại làm nhân, nên gọi là quả đẳng lưu. Quả đẳng lưu của trí vô phân biệt, trong 2 viên mãn, chuyển sơ địa thành nhị địa, cho đến chuyển thập địa thành Phật. Ở trong các địa vị sau chuyển tăng dần thành thắng. Như sơ địa là nhân đồng loại của nhị địa. nhị địa là quả đẳng lưu của sơ địa. các địa khác đều như vậy. Đối lợi tha là tăng, đối tự lợi là thắng. Lại hữu học vị là tăng, vô học vị là thắng.

Trí vô phân biệt xuất ly được thành tựu, nghĩa ấy như thế nào?

Luận nói:

*Chư Bồ-tát xuất ly,  
Vì được thành tương ưng.  
Là trí vô phân biệt,  
Nơi 10 địa nên biết.*

Giải thích: Diệt hoặc nghiệp là xuất. Diệt quả báo là ly. Tức là 2 thứ Niết-bàn hữu dư và vô dư.

Xuất là nghĩa của ly. Ly là nghĩa của xuất. Sao nói lặp trở lại? Do ly có 3 nghĩa nên lập ra 2 tên. Một vĩnh ly, hai thượng ly, ba quyết ly. Trí vô phân biệt, trong xuất ly, tương ưng với 2 nghĩa: một cùng được tương ưng, hai cùng thành tựu tương ưng. Nên biết rằng 2 tương ưng này không ra ngoài 10 địa. Sơ địa mới được trí vô phân biệt, gọi là được tương ưng. Từ sau sơ địa đến 10 địa, trong vô số kiếp tu vô phân biệt trí cho đến cứu cánh, gọi là thành tựu

tương ứng. Trí vô phân biệt này nhờ vào 2 đạo trong 3 a-tăng-kì-kiếp tu học.

Lấy pháp gì làm cứu cánh?

Luận nói:

*Chư Bồ-tát cứu cánh,  
Do được tịnh 3 thân.  
Là trí vô phân biệt,  
Được tự tại tối thượng.*

Giải thích: Cứu cánh có 2 thứ: một là thanh tịnh cứu cánh, hai là tự tại cứu cánh. Thanh tịnh cứu cánh nghĩa là sơ địa mới được thanh tịnh. Sau trong mỗi địa chuyển chuyển thanh tịnh đến 10 địa là cứu cánh thanh tịnh. Ví như luyện kim. Do thanh tịnh này, Bồ-tát được 3 thân sau tiếp tục chuyển thanh tịnh. Tự tại cứu cánh là không chỉ được 3 thứ thân thanh tịnh cứu cánh, mà còn có cứu cánh khác. Nghĩa là 10 thứ tự tại, như luận sẽ nói sau. Mười tự tại này sau chuyển dần thành thắng. Hai pháp này cuối cùng chuyển thắng đến cùng cực. Đó là cái cứu cánh trí vô phân biệt đạt được, gọi là tăng thượng quả.

Công đức của trí vô phân biệt như thế nào?

Vô phân biệt có 3 thứ: một là gia hành vô phân biệt, hai là căn bản vô phân biệt, ba là hậu đắc vô phân biệt.

Vì sao gia hành được gọi là vô phân biệt?

Trước từ người khác nghe nói trí vô phân biệt là chân Bồ-tát. Bồ-tát tự chưa chứng chân đạo lý, chỉ khởi tâm tín lạc đối với trí này. Di y chỉ vào tâm tín lạc này sau mới được nhập độ lý của trí vô phân biệt này. Trí vô phân biệt từ tín lạc này sinh khởi nên nói tín lạc này là gia hành vô phân biệt. Công đức của gia hành vô phân biệt này gọi là vô nhiễm.

Ví dụ như thế nào?

Luận nói:

*Như hư không chẳng nhiễm,  
Trí vô phân biệt này,  
Các thứ ác nghiệp nặng,  
Nhờ tín lạc được chuyển.*

Giải thích: Trí vô phân biệt này thanh tịnh không nhiễm. Ví như hư không không bị nhiễm 4 trần. Pháp gì không thể nhiễm? Là các thứ ác nghiệp nặng do thân khẩu ý sinh có kiến chấp khác tu đạo. Có 10 ác khác nhau nên gọi là các thứ. Phiền não cực trọng làm duyên khởi hằng tạo tác. Nếu tạo tác mà không hối tâm, không đối trị, có đồng bạn nên gọi là nặng. Nhân ác nghiệp này không thể nhiễm ô. Nếu người từ người khác nghe chính thuyết, sinh tín lạc đối với vô phân biệt trí, do tín lạc này phá 4 ác nghiệp đạo. Bởi vì sao? Ác nghiệp là dựa vào phi lý sinh. Tín lạc là từ lý sinh. Dựa vào phi lý khởi nên hư. Từ lý này sinh nên thật. Hư, không thể đối lại với thật, nên nói là phá. Kệ này nói rõ gia hành vô phân biệt trí có thể đối trị 4 ác nghiệp đạo. Do không xen tạp với ác nghiệp, đây tức là công đức của gia hành.

Căn bản của trí vô phân biệt có công đức và thanh tịnh như thế nào?

Luận nói:

*Như hư không thanh tịnh,  
Trí vô phân biệt này,  
Giải thoát tất cả chướng,  
Do được và thành tựu.*

Giải thích: Như hư không, không có khói mây 4 chướng, người đời nói là thanh tịnh. Thanh tịnh của trí vô phân biệt cũng vậy. Là pháp gì thì được thanh tịnh?

Luận nói:

*Giải thoát tất cả chướng,*

Giải thích: Tất cả chướng là 3 chướng: bì, nhục, tâm, hoặc 4 đức chướng: Nhất-xiên-đề, ngoại đạo, Thanh Văn, Độc Giác. Do giải thoát hết các chướng này nên được thanh tịnh. Giải thoát này do đâu thành?

Luận nói:

*Do được và thành tựu.*

Giải thích: Do tương ứng với chí đức của các địa, do thành tựu nhân trong địa thứ 10, do thành tựu quả trong Phật địa nên được giải thoát tất cả chướng. Đây tức công đức căn bản. Công đức của vô phân biệt hậu đắc trí và không nhiễm là thế nào?

Luận nói:

*Như hư không chẳng nhiễm,  
Là trí vô phân biệt,  
Nếu xuất hiện ra đời,  
Pháp thế gian chẳng nhiễm.*

Giải thích: Hư không nước không thể làm ướt, lửa không thể đốt cháy, gió không thể lay động, trí vô phân biệt không nhiễm cũng vậy. Không biến khác nên nói không nhiễm. Bởi vì sao? Bồ-tát y vào trí này quán việc lợi ích tất cả chúng sinh, do sức của trí này Bồ-tát vận tâm vào trong ba cõi, hiện các thứ bản sinh, tuy sinh ra trong thế gian không bị 8 pháp của thế gian làm biến khác. Tám pháp là: được, không được, tiếng tốt, tiếng xấu, khen, chê, vui, khổ. Nhân 8 pháp này nên khởi dục, sân. Dục, sân không thể biến khác. Dục, sân căn bản vô minh không thể khiến động. Bởi vì sao? Vì hư vọng không thể đối lại với chân thật. Trí này từ trí vô phân biệt sinh nên gọi là vô phân biệt. Kế này để nói rõ trí hậu đắc có thể miễn báo chướng. Không trụ ở 2 nơi sinh tử Niết-bàn, chỉ vì lợi tha. Đây tức là công đức của trí hậu đắc.

Sự khác nhau của 3 thứ vô phân biệt là như thế nào? Để làm rõ các sai biệt này không lẫn lộn nên lập thí dụ .

Luận nói:

*Như người tâm muốn biết,  
Như người tâm biết được,  
Như người không tâm biết,  
Ba trí ví như vậy.*

Giải thích: Ví như người tâm muốn biết điều gì mà không thể nói điều mình muốn biết. Gia hành vô phân biệt cũng vậy. Trong phương tiện đạo tìm hiểu suy tư chân như mà không thể nói được. Ví như người tâm chính lúc đã biết được mà không thể nói điều mình biết. Căn bản vô phân biệt cũng vậy. Chính trong lúc quán chân như, chứng thấy được cũng không thể nói điều mình chứng thấy. Ví như người không tâm biết có thể nói điều mình biết. Trí hậu đặc cũng vậy. Như chỗ thấy, có thể lập chính giáo giảng giải cho người khác. Ban đầu chưa được đến được, lìa phân biệt không nói nhân duyên, nên không thể nói. Tiếp đến chính khi được, lìa phân biệt không nói nhân duyên nên không thể nói. Sau khi đã được, do xuất quán nên có thể nói điều đã thấy mà không điên đảo. Kệ này nói rõ 3 khác nhau của vô ngôn thuyết và hữu ngôn thuyết.

Luận nói:

*Như người ngu muốn biết,  
Như người ngu có biết,  
Như người không ngu biết,  
Ba trí ví như vậy.*

Giải thích: Chưa biết vật loại gọi là ngu. Thí dụ về người ngu, tuần tự có 3 nghĩa như trước giải thích. Kệ này làm rõ sự khác nhau của vô phân biệt hữu phân biệt. Vô ngôn thuyết lấy vô phân biệt làm nhân, vì vô phân biệt nên vô ngôn thuyết. Hữu ngôn thuyết lấy

hữu phân biệt làm nhân, vì hữu phân biệt nên hữu ngôn thuyết. Thí dụ người ngu hiển thị vô phân biệt.

Cảnh của 3 trí này hư thật như thế nào?

Luận nói:

*Như 5 thức muốn biết,  
Như 5 thức được biết,  
Như ý thức được biết,  
Ba trí ví như vậy.*

Giải thích: Năm là 5 thức nhãn v.v... vô phân biệt. Ví như người ở trong 5 thức tìm hiểu 5 trần, hoặc duyên thật hoặc duyên hư, ý thức cùng 5 thức cùng khởi, gia hành vô phân biệt trí cũng vậy, hoặc chứng một phần là thật, hoặc không chứng là hư. Ví như người chính lúc trong 5 thức được cảnh chân thật vô phân biệt vô ngôn thuyết, căn bản vô phân biệt trí cũng vậy được cảnh chân thật vô phân biệt vô ngôn thuyết. Ví như người ở trong ý thức chỉ duyên với trần trước đã thụ, gọi là duyên hư cảnh hữu phân biệt hữu ngôn thuyết. Kệ này làm rõ 3 thứ cảnh sở duyên có thật có hư nên có sai biệt.

Luận nói:

*Như chưa biết muốn hiểu,  
Như khi đọc được biết,  
Như biết được nghĩa lý,  
Tuần tự ví 3 trí.*

Giải thích: Ví như người chưa biết chữ chỉ cầu biết chữ, gia hành vô phân biệt trí cũng vậy, chưa biết chân như, chỉ học thấy phương tiện của chân như. Đây là hiển thị sự chưa hiểu. Ví như người đã biết chữ khi đọc chỉ đọc được văn chưa hiểu được nghĩa, căn bản vô phân biệt trí cũng vậy, dụng công tự lợi đã thành chưa có dụng công lợi tha. Đây là hiển thị sự đã hiểu. Ví như người đã biết chữ, đã hiểu nghĩa, trong lúc suy nghĩ người này đủ 2 khả năng: khả

năng biết chữ và khả năng hiểu nghĩa, vì công dụng cứu cánh, vô phân biệt hậu trí cũng vậy, đã thông đạt chân như lại đã xuất quán, những gì trước thấy, hiểu rõ và nói không điên đảo. Đây là hiển thị sự hiểu đã cứu cánh. Kệ này muốn nói công học có khác nên có sai biệt. Trước đã nói rõ tuần tự 3 thứ tức là chưa hiểu, đã hiểu, hiểu cứu cánh. Trước một không có cảnh. Sau hai có cảnh là pháp và nghĩa.

Sau hai có cảnh, tướng khác nhau thế nào?

Luận nói:

*Như người lúc nhắm mắt,  
Vô phân biệt cũng vậy,  
Như người lúc mở mắt,  
Trí hậu đặc cũng vậy.*

Giải thích: Kệ này chỉ làm rõ căn bản trí và hậu đặc trí. Do y chỉ không đồng nhau nên có sai biệt. Căn bản trí y chỉ phi tâm phi phi tâm. Hậu đặc trí y chỉ tâm nên 2 trí có khác đối với cảnh. Căn bản trí không thủ cảnh, vì cảnh và trí không khác nhau. Hậu đặc trí thủ cảnh, vì cảnh và trí khác nhau. Căn bản trí không duyên cảnh, như nhắm mắt. Hậu đặc trí duyên cảnh, như mở mắt. Kệ này nói rõ thủ cảnh và không thủ cảnh khác nhau nên có sai biệt.

Oai đức của 2 trí này khác nhau thế nào?

Luận nói:

*Hư không vô phân biệt,  
Không nhiễm ngại khác bên,  
Như hư không sắc hiện,  
Trí hậu đặc cũng vậy.*

Giải thích: Ví như hư không có 4 đức: một không nhiễm, hai không ngại, ba không phân biệt, bốn không biên giới. Căn bản trí cũng vậy. Tám pháp, 7 lưu chuyển v.v... của tất cả thế gian không

thể nhiễm, là do nó đối trị nên nói không nhiễm đối với tất cả cảnh. Như lý như lượng, không chướng ngại, không bám dính, nên nói là không ngại. Đối với tất cả pháp, một vị chân như không, biến khắp, nên nói là không phân biệt. Liả tất cả các bên, trung đạo không thể lường, nên nói là không biên giới. Ví như sắc hiện trong hư không, hư không không thể phân biệt, sắc có thể phân biệt. Hậu đắc trí cũng vậy, nhân không thể phân biệt, trí này có thể phân biệt. Nghĩa là đây là năng phân biệt, cũng là sở phân biệt.

Nếu Phật quả là do vô phân biệt trí hiển hiện, liả phân biệt chúng sinh thì làm sao có thể làm việc lợi ích chúng sinh? Như lý không điên đảo. Để hiển thị việc làm vô công dụng nên nói lại bài kệ.

Luận nói:

*Như Ma-ni, trống trời,  
Vô tư thành tự sự.  
Không phân biệt như thế,  
Các thứ Phật sự thành.*

Giải thích: Ví như ngọc báu Như ý, không phân biệt, có thể đáp nguyện vọng của chúng sinh. Ví như trống trời không có người đánh, có thể tùy ý muốn chúng sinh phát ra 4 thứ âm thanh: oán đến, oán đi, thụ dục, sinh chán. Chư Phật cũng vậy, đã liả phân biệt mà có thể khởi các việc lợi ích chúng sinh. Có 2 thứ việc lợi ích: Một là hóa thân lợi ích, như ngọc báu Như ý. Hai là thuyết pháp lợi ích, như trống trời.

Nghĩa rất sâu của trí vô phân biệt này như thế nào? Đừng về cảnh lập nghĩa rất sâu, trí này duyên sở phân biệt của tính y tha mà khởi hay duyên các cảnh khác khởi? Nếu vậy có hại gì? Nếu lấy sở phân biệt của tính y tha làm cảnh thì nghĩa vô phân biệt của trí này bất thành. Nếu duyên các cảnh khác khởi, thì liả cảnh này không có các cảnh khác, nên nói duyên các cảnh khác cũng không có nghĩa.



Lại nữa nếu duyên các cảnh khởi thì nghĩa của cảnh trí vô sai biệt bất thành.

Luận nói:

*Chẳng phải đây mà đây,  
Chẳng phải trí mà trí.  
Với cảnh không sai biệt,  
Trí là vô phân biệt.*

Giải thích: Trí này không duyên tính y tha làm cảnh. Bởi vì sao? Vì trí này không lấy phân biệt làm cảnh, nên nói chẳng phải đây. Cũng không duyên các cảnh khác. Bởi vì sao? Trí này chỉ duyên pháp như của tính y tha làm cảnh nên pháp và pháp như không thể nói là một hay khác, vì là cảnh phi thanh tịnh thanh tịnh, là thông tướng bất thông tướng. Chẳng phải không duyên thức nên nói chẳng phải chẳng phải đây. Lại nữa trí này là trí hay là chẳng phải trí? Nếu vậy có hại gì? Nếu trí là tính làm sao không phân biệt, bởi trí là tính phân biệt? Nếu chẳng phải trí là tính làm sao gọi là trí? Vì vô phân biệt chẳng phải là tính của trí làm sao nói là trí vô phân biệt?

Luận nói:

*Chẳng phải trí mà trí*

Giải thích: Nguyên văn câu kệ là “Phi trí phi phi trí”. Thế nào là phi trí? Vì trong gia hành và hậu đắc trí không sinh, nên nói phi trí. Nếu vậy làm sao không thành phi trí, hoặc nghĩa này cũng bất thành. Bởi vì sao? Phi trí hoặc là từ không chính tư duy sinh, có thể khởi dục đẳng lưu. Đây là từ vô phân biệt gia hành trí sinh, có thể sinh vô phân biệt hậu đắc trí, cho nên nói phi phi trí. Lại nữa do trí này không sinh trong phân biệt, nên nói là phi trí. Do trí này không sinh ở các nơi khác, chỉ sinh trong phân biệt pháp như, nên nói là phi phi trí. Kệ này câu trước là giải thích câu sau.

Luận nói:

*Với cảnh không sai biệt,  
Trí là vô phân biệt.*

Giải thích: Nếu trí do 2 tướng năng thủ sở thủ khởi có phân biệt, nhưng hành trí không gọi là vô phân biệt. Nếu trí không khác với sở thủ, bình đẳng bình đẳng khởi thì gọi là vô phân biệt trí. Trong các kinh, Phật nói tất cả các pháp tự tính là vô phân biệt. Để hiển thị đạo lý này nên lại nói kệ.

Luận nói:

*Phật nói tất cả pháp,  
Tự tính không phân biệt.  
Vì sở phân biệt: không,  
Vô phân biệt cũng không.*

Giải thích: Tất cả pháp tự tính không phân biệt. Làm sao biết được nghĩa này? Để chứng minh nghĩa này nên lập ra câu thứ 3. Do có thể phân biệt loại thật, là không có nghĩa, cho đến vô phân biệt pháp chân thật là có, nên nói tất cả pháp tự tính vô phân biệt.

Nếu do sở phân biệt là không có nên tất cả pháp tự tính vô phân biệt, vậy vì sao chúng sinh không tự tính giải thoát?

Luận nói:

*Vô phân biệt cũng không.*

Giải thích: Do các pháp tự tính vô phân biệt, trí như cảnh vô phân biệt. Nếu vậy vì sao không tự tính giải thoát? Thật vậy các pháp tự tính vô phân biệt, trí như cảnh cũng tự tính vô phân biệt, mà không được tự tính giải thoát. Tu được trí có thể chứng pháp này. Do phi trí chướng nên trí không khởi được. Phải tu trí diệt chướng mới được giải thoát. Nghĩa của vô tự tính giải thoát, trong tự tính vô phân biệt nếu khởi phân biệt thì đây là phi trí, tức là vô minh.

Trong tự tính vô phân biệt pháp có trí vô phân biệt. Nay sẽ nói chỗ sai biệt đó.

Luận nói: Trong đây có 3 thứ vô phân biệt: 1. Gia hành vô phân biệt, 2. Trí vô phân biệt, 3. Hậu trí vô phân biệt.

Giải thích: Trong tự tính vô phân biệt nếu nói chung có 3 thứ. Ba thứ này hiển thị đạo phương tiện, đạo chính sự và đạo cứu cánh. Tức là vào trong phương tiện, ở trong phương tiện và ra khỏi phương tiện. Nếu đứng về mặt nhân duyên, con người, sự việc nói riêng biệt có 11 thứ.

Luận nói: Gia hành vô phân biệt có 3 thứ là do nhân duyên, dẫn thông và sức tập nhiều lần mà sinh khởi sai biệt.

Giải thích: Ba cái này đứng về nhân có sai biệt. Gia hành vô phân biệt do 3 lực tạo thành, hoặc do nhân duyên lực, hoặc do dẫn thông lực, hoặc do sở tập lực. Do 3 sức này tạo thành nên có sinh khởi sai biệt. Nếu do sức nhân duyên thành tức là do sức của tính. Nếu do sức dẫn thông thành tức do sức của đời trước. Nếu do sức tu tập nhiều lần thành, tức do làm công lực trong hiện tại.

Luận nói: Trí vô phân biệt cũng có 3 thứ là biết đủ, không điên đảo và không hý luận. Đó là sai biệt của vô phân biệt.

Giải thích: Ba cái này đứng về mặt con người có sai biệt là phàm phu, Nhị thừa và Bồ-tát. Nên biết tri túc vô phân biệt là do được cứu cánh văn tư 2 tuệ, do tri túc nên không phân biệt, vì vậy nói là tri túc vô phân biệt. Nếu phàm phu Bồ-tát đến cứu cánh văn tư tuệ, những gì phải chứng đắc đều đã chứng đắc, sinh tâm tri túc nên không phân biệt. Lại nữa chúng sinh ở thế gian có tri túc vô phân biệt. Do tri túc này, chúng sinh kia sinh lên cõi Hữu đĩnh, trong khi đó chấp cho là hoàn toàn xuất ly, qua cõi này không còn nơi đâu đi đến nữa, khởi tâm tri túc không muốn tiến tu nên không phân biệt. Không điên đảo vô phân biệt là Nhị thừa. Do họ đã thông đạt chân

cảnh vô thường v.v... 4 tướng không điên đảo. Do vô thường v.v... 4 tướng không điên đảo, hằng không phân biệt trở lại nên vô phân biệt. Không hý luận vô phân biệt là chư Bồ-tát. Chư Bồ-tát không phân biệt tất cả pháp, cho đến không phân biệt vô thượng Bồ-đề. Bởi vì sao? Vì các pháp là vô ngôn thuyết. Trong vô ngôn thuyết cường lập ngôn thuyết, nên gọi là hý luận. Có 4 thứ ngôn thuyết gọi là Tứ báng. Nếu nói có là tăng ích báng. Nếu nói không là tổn giảm báng. Nếu nói cũng có cũng không là tương vi báng. Nếu nói chẳng phải có chẳng phải không là hý luận báng. Bồ-tát được vô phân biệt trí, không thể dùng ngôn thuyết hiển thị nên nói là không hý luận vô phân biệt. Bởi vì sao? Vì vượt quá trí thế gian nên chẳng phải trí thế gian có thể biết được.

Luận nói: Trí vô phân biệt hậu đắc có 5 thứ sai biệt là thông đạt, ức trì, thành lập, tương tạp và như ý, hiển thị sự sai biệt.

Giải thích: Năm thứ này là sai biệt về sự. Trí hậu đắc lấy sự hiển thị làm tính. Trong đó hiển thị là lấy sự hiểu ngộ làm nghĩa. Do trí này sau khi thông đạt hiển thị sự việc như vậy. Rằng trong khi tu quán ta thấy như vậy, sự việc như vậy, nên gọi là thông đạt hiển thị. Do trí này sau khi xuất quán nhớ lại duy trì không mất chỗ đã thông đạt, có thể lập chính giáo dạy khiến người khác tu hành, nên gọi là thành lập hiển thị. Do trí này Bồ-tát như trước duyên tất cả pháp làm cảnh. Nghĩa là như trước tạp cảnh giới, trí quán sát cảnh này, do quán sát tức được chuyển y, nên gọi là tương tạp hiển thị. Do trí này Bồ-tát đã được chuyển y. Như ý muốn của Bồ-tát đều được thành tựu. Nghĩa là như đất v.v... các đại chuyển thành ra vàng v.v... nên gọi là như ý hiển thị.

Luận nói: Để thành lập trí vô phân biệt. Lại nói kệ khác như sau:

Giải thích: Đã nói nghĩa sai biệt của trí vô phân biệt, lại muốn thành lập nghĩa vô phân biệt nên lại nói kệ.

Luận nói:

*Ngạ quỷ, súc sinh, người,  
Chư thiên, tùy thích ứng.  
Một cảnh do tâm khác,  
Mà thành cảnh giới kia.*

Giải thích: Ví như một dòng sông có 4 loài chúng sinh phân biệt mà thành 4 cảnh: ngạ quỷ coi đó là máu mủ, các loài sinh vật như cá v.v... coi đó là nơi ở, người gọi đó là nước, trời gọi đó là đất, tùy chỗ phân biệt mà thành một cảnh khác nhau. Nếu cảnh là thật thì phải trở ngại nhau, không thể một nơi, một lúc mà có 4 cảnh. Nên biết đó là ý thức phân biệt tạo ra. Nếu ông chấp nhận 4 thức đều duyên, mà thức không lia cảnh thì ông cũng phải chấp nhận cùng một lúc ở một nơi đều có 4 cảnh. Nếu chấp nhận đều có 4 cảnh thì phải tin tất cả phân biệt đều chẳng phải thật có. Nếu không thật cảnh thì thức phải tự sinh chứ không duyên cảnh khởi. Nếu vậy trong duy thức 4 trường hợp khó hoàn thành, không thành 4 nghĩa. Cái khó này như luận kia giải thích.

Có thức không cảnh thì có lỗi gì?

Đề nó nghĩa này nên lại nói kệ.

Luận nói:

*Trong quá khứ, vị lai,  
Như hai ảnh chiêm bao.  
Trí duyên cảnh phi hữu,  
Đây không chuyển làm cảnh.*

Giải thích: Những việc quá khứ vị lai chỉ có tên gọi không có thể. Nếu tâm duyên 2 đời này thì chỉ có thức không có cảnh. Duyên trong chiêm bao cũng vậy. Ảnh có 2 thứ: một là ảnh trong gương, hai là ảnh trong định. Định tâm khởi các tướng xanh, vàng v.v..., lia tâm không có pháp nào khác, nên gọi là ảnh. Nếu tâm duyên 2 ảnh này, cũng chỉ có thức không có cảnh.

Nếu không có 4 cảnh này thức duyên vào đâu?

Luận nói:

*Đây không chuyển làm cảnh.*

Giải thích: Ngoại trần xưa nay vốn không mà do thức biến hiện. Thức liền duyên đây làm cảnh nên nói không chuyển làm cảnh. Nghĩa này đã được lập, không nên nghi ngờ nữa. Bởi vì sao? Nếu bác bỏ không có lý này thì không có nghĩa thành Phật. Để rõ nghĩa này nên lại nói kệ.

Luận nói:

*Nếu trần thành ra cảnh,  
Không trí vô phân biệt.*

Giải thích: Nếu trần là hữu thể, thì nghĩa của cảnh thành, tức không có trí vô phân biệt. Bởi vì sao? Cảnh sở phân biệt nếu là thật có, thì năng phân biệt không thành điên đảo, mà vô phân biệt thành điên đảo. Nếu vậy tất cả phàm phu đều lìa điên đảo, và tất cả Thánh nhân đều thành điên đảo.

Đây có lỗi gì?

Luận nói:

*Như vậy không Phật quả,  
Không có chuyện như thế.*

Giải thích: Trí vô phân biệt là chính đạo. Nếu nói không có trí này mà nói được Phật quả là không có chuyện như thế. Chỗ chấp này là tría với A-hàm và đạo lý. Cho nên phải biết rằng các trần là vô thể, có thể phân biệt. Do có thể phân biệt cái thể của nó là không, nên phân biệt cũng không. Cho nên trí vô phân biệt là đúng lý không điên đảo. Lại nữa còn có đạo lý khác chứng minh các trần là vô thể, có thể phân biệt được.

Luận nói:

*Bồ-tát được tự tại,  
Do thực thi nguyện lực,  
Muốn gì cũng như ý,  
Người được định cũng vậy.*

Giải thích: Bồ-tát đối với định nhập trụ xuất đều được tự tại, đối với thông tuệ biến hóa chiết phục thông đạt đều được tự tại, đối với các địa được 10 tự tại. Bồ-tát trước phát nguyện làm việc lợi ích chúng sinh, được trí vô phân biệt, sau xuất quán tùy ý Bồ-tát những điều muốn làm đều được thành tựu. Hoặc do nguyện hiện tại, hoặc do bản nguyện, nguyện vì nhân, lạc vì quả, trước phát nguyện làm lợi ích chúng sinh, sau tùy tâm muốn điều gì đều được thành tựu. Nghĩa là chuyển đổi địa v.v... Nếu thiển hành Bồ-tát muốn làm việc lợi ích chúng sinh, trong hiện tại, trước phát nguyện, phát nguyện xong liền nhập quán, sau khi xuất quán tùy ý muốn đều được toại nguyện. Nếu thâm hành Bồ-tát muốn làm việc lợi ích chúng sinh, hiện tại không phải phát nguyện, và nhập quán xuất quán chỉ do sức bản nguyện tùy ý muốn làm đều được thành tựu. Nếu Thanh Văn được 9 định tự tại, nhân định này tự tại được lục thông tự tại. Đối với một vật tùy sức nguyện lạc có thể biến đổi thành vô lượng thứ. Nếu các trần thật có tự tính thì việc này không thành được. Ví như 2 không, tất cả tự tại không thể biến đổi khác. Bởi vì sao? Vì chân thật. Kệ này là đứng về ngoại cảnh cho thấy các trần là không có tự tính.

Đối với nội cảnh, nghĩa vô tự tính là thế nào?

Luận nói:

*Người thành tựu giản trạch,  
Người có trí được định.  
Nội cảnh quán các pháp,  
Như nghĩa được hiện tiền.*

Giải thích: Giản trạch tức Tì-bà-xá-na. Được 3 căn vô lưu gọi là thành tựu. Từ Tu-đà-hoàn hướng đến A-la-hán quả gọi là người thành tựu giản trạch. Người có trí là Bồ-tát. Muốn hiển thị không lấy người ở địa vị văn tư làm người trí, chỉ lấy địa vị nhập tu làm người trí, nên nói là được định. Thanh Văn và Bồ-tát đối với nội cảnh khi tu duy suy lường tất cả pháp, như như 2 người tư duy 12 bộ kinh pháp, nghĩa hiển thị như vậy như vậy, nghĩa được hiển thị ở 2 người. Nếu tư duy về nghĩa Phật, nghĩa Phật được hiển hiện trong các thứ pháp. Như nghĩa Phật hiển hiện, sắc v.v... 5 âm và vô thường v.v... 10 tướng cũng hiển hiện như vậy. Kệ này là đứng về nội cảnh cho thấy các trần là không có tự tính.

Làm sao biết nội cảnh ngoại cảnh đều không tự tính?

Luận nói:

*Khi tu vô phân biệt,  
Các nghĩa không hiển hiện.  
Phải biết không có trần,  
Do đó thức cũng không.*

Giải thích: Nếu Bồ-tát ở trong quán vô phân biệt, tất cả nghĩa hoặc nội hoặc ngoại hoặc nội ngoại không hiển hiện nữa thì biết các trần đều không thật có. Nếu không ngoại trần thì không nội thức. Bởi vì sao? Sở thức đã không có, năng thức làm sao có. Nghĩa này thật vậy. Sở thức phi hữu nên năng thức cũng phi hữu. Nên biết trong thẳng tướng đã đủ rõ nghĩa này.

Trí này với Bát-nhã Ba-la-mật là một hay khác?

Luận nói: Trí vô phân biệt này tức là Bát-nhã Ba-la-mật. Khác tên mà nghĩa như nhau.

Giải thích: Không vì tên không giống nhau mà cho là khác. Vì nghĩa giống nhau nên là một. Vì một nên nói là “tức là”. Nếu tên



khác với nghĩa sao gọi là đồng? Như Lai lập pháp là theo nghĩa tự tính. Thâu nhiếp các pháp là đồng, không thâu nhiếp tên gọi mà nói là đồng. Bởi vì sao? Tên gọi thì mỗi nơi không đồng nhau, nhưng nghĩa thì các nơi đồng nhau. Tên là giả lập, chỉ có nghĩa đối với mình, không đồng với các nơi khác. Nghĩa có tính nhất định nên nghĩa đồng. Hành là y vào nghĩa mà thành, không y vào tên.

Làm sao biết nghĩa đồng?

Luận nói: Như kinh nói: Nếu Bồ-tát trụ Bát-nhã Ba-la-mật, do phi xứ tu hành có thể tu tập viên mãn các Ba-la-mật khác.

Giải thích: Muốn thành tựu trí vô phân biệt, vì không khác với Bát-nhã Ba-la-mật nên dẫn Kinh Bát-nhã Ba-la-mật làm chứng. Bồ-tát tu Bát-nhã Ba-la-mật không thoái mất nên gọi là trụ. Lại Bồ-tát muốn tu các Ba-la-mật khác, trước tu Bát-nhã Ba-la-mật làm phương tiện. Các Ba-la-mật khác trụ trong Bát-nhã Ba-la-mật mà thành, nên nói là trụ. Bồ-tát trụ trong Bát-nhã Ba-la-mật, là 5 xứ tu hành các Ba-la-mật, trong mỗi một Ba-la-mật trải bao nhiêu thời gian tu tập nay được thành tựu nên gọi là viên mãn.

Luận nói: Thế nào là phi xứ tu hành có thể viên mãn các Ba-la-mật khác?

Nghĩa là lia 5 chỗ: 1. Lia chỗ chấp ngã của ngoại đạo.

Giải thích: Như ngoại đạo trụ Bát-nhã kia khởi ngã chấp. Nghĩa là nay ta trụ Bát-nhã. Bát-nhã tức là ngã sở. Chư Bồ-tát trụ Bát-nhã thì không như vậy. Cho nên nói là lia chỗ chấp ngã kiến. Bởi không hợp với chỗ của họ.

Luận nói: 2. Lia chỗ phân biệt của Bồ-tát chưa thấy chân như.

Giải thích: Như các Bồ-tát ở địa tiền chưa thấy chân như, phân biệt vô phân biệt là Bát-nhã Ba-la-mật. Nghĩa là đây tức là Bát-nhã Ba-la-mật. Nếu Bồ-tát đã thấy chân như thì ở trong Bát-nhã Ba-la-

mật không có phân biệt này. Cho nên nói là lia chỗ phân biệt. Bởi không hợp với chỗ của họ.

Luận nói: 3.Lìa hai bên đối lập của sinh tử và Niết-bàn.

Giải thích: Như chúng sinh phàm phu ở bên sinh tử, người Thanh Văn trụ bên Niết-bàn. Bồ-tát trụ Bát-nhã Ba-la-mật, lìa cả 2 bên nên nói lìa 2 bên. Bởi không hợp với chỗ của họ.

Luận nói: 4.Lìa ý tưởng chỉ diệt trừ hoặc chướng là đủ.

Giải thích: Như Thanh Văn đối với chỗ diệt hoặc chướng sinh ý tưởng cho là đủ, không còn ý muốn gì khác. Tức là chỗ diệt trí chướng. Bồ-tát thì không như vậy, vì để diệt trí chướng Bồ-tát tu học Bát-nhã Ba-la-mật. Cho nên nói là lìa trí tức hành xứ. Bởi không hợp với chỗ của họ.

Luận nói: 5.Lìa chỗ trụ vô dư Niết-bàn không thấy việc lợi ích chúng sinh.

Giải thích: Như Độc Giác trụ vô dư Niết-bàn, không quán lợi ích chúng sinh. Bồ-tát thì không như vậy, trụ Bát-nhã Ba-la-mật, không bỏ việc làm lợi ích chúng sinh. Niết-bàn cũng có hữu dư và vô dư. Nơi pháp thân là vô dư. Nơi ứng hóa thân là hữu dư. Nói lìa chỗ trụ vô dư Niết-bàn vì không hợp với chỗ của họ. Trí vô phân biệt có 5 thứ sai biệt khác với 5 chỗ phải lìa bỏ ở trước: Một là vô đảo sai biệt. Vì đây không điên đảo, kia có điên đảo. Hai là vô phân biệt sai biệt. Vì đây không phân biệt, kia có phân biệt. Ba là vô trụ xứ sai biệt. Vì đây không có trụ xứ, kia có trụ xứ. Bốn là chính hành sai biệt. Vì chính hạnh đây có thể diệt 2 chướng là hoặc và trí, chính hạnh kia chỉ có thể diệt hoặc chướng. Năm là đặc quả sai biệt. Vì đặc quả đây là 3 thân thường trú, đặc quả kia là vĩnh đoạn Niết-bàn.

Luận nói: Trí tuệ Thanh Văn với trí tuệ Bồ-tát khác biệt nhau thế nào?

Giải thích: Đã nói trí vô phân biệt với Bát-nhã Ba-la-mật là một. Nay lại muốn hiển thị sự sai biệt giữa trí vô phân biệt Bát-nhã Ba-la-mật với trí Nhị thừa.

Luận nói: Phải biết sai biệt là do vô phân biệt.

Giải thích: Thanh Văn có phân biệt. Bồ-tát không phân biệt. Phải biết do nghĩa này nên có sai khác.

Luận nói: Do không phân biệt âm v.v... các pháp môn.

Giải thích: Thanh Văn do trí tuệ lấy âm v.v... các pháp môn làm cảnh nên có tướng phân biệt khởi. Bồ-tát không phân biệt âm v.v... các pháp môn nên tướng không phân biệt khởi. Vì vậy có sai khác.

Luận nói: Do chẳng phải một phần sai khác, thông suốt hai không chân như, nhập vào tướng nhất thiết sở tri, y chỉ vào tất cả việc lợi ích chúng sinh.

Giải thích: Phần có 2 thứ: một là sở tri phần, hai là lợi ích chúng sinh phần. Trong sở tri phần lại có 2 thứ là nhân pháp 2 không. Trong lợi ích chúng sinh phần cũng có 2 thứ là tự thân tha thân. Trong sở tri phần, Thanh Văn chỉ thông đạt nhân không, chỉ trong khổ v.v... tứ đế sinh trí vô lưu. Trong lợi ích chúng sinh phần thì chỉ dựa vào lợi ích tự thân phát nguyện tu hành. Trong hai phần chỉ có một phần. Bồ-tát trong sở tri phần thông đạt đủ cả nhân pháp hai không. Đối với tất cả sinh trí như lý như lượng. Trong lợi ích chúng sinh phần thì vì tự tha thân phát nguyện tu hành. Trong hai phần này phần nào cũng đủ hai phần. Hai phần khác một phần nên nói “chẳng phải một phần sai khác”.

Luận nói: Do không trụ nơi sai biệt, mà trụ ở Niết-bàn vô trụ xứ.

Giải thích: Thanh Văn trụ trước Niết-bàn, như phàm phu trụ trước sinh tử. Bồ-tát không như vậy, thấy sinh tử Niết-bàn đều do phân biệt tạo ra. Đều là tính không có tướng nên không trụ hai nơi.

Luận nói: Do hằng khác biệt về Niết-bàn vô dư, không rơi vào biên giới của đoạn diệt và cùng tận.

Giải thích: Hai người đối với vô dư Niết-bàn có sai khác, vì trí tuệ sai khác. Đối với vô dư Niết-bàn, Nhi thừa không có ứng hóa hai thân, vì không quán lợi tha. Không ứng thân nên đọa vào đoạn. Không hóa thân nên đọa vào tận. Bồ-tát trong vô dư Niết-bàn hằng khởi hai thân không có biên giới hướng chi là pháp thân. Bởi tự lợi lợi tha viên mãn nên có ứng thân không sa vào đoạn, có hóa thân không sa vào tận.

Luận nói: Do khác biệt về nghĩa vô thượng, vì thật không có một thừa nào khác vượt hơn Đại thừa này.

Giải thích: Thanh Văn thừa, Độc Giác thừa có thừa ở bậc trên, vì không bằng Đại thừa. Bồ-tát thừa là vô thượng, vì không có thừa nào hơn Đại thừa. Thừa lấy trí làm thể. Trí trong Đại thừa là trên hết. Do 5 nghĩa này nên trí của Nhị thừa với trí của Bồ-tát có sai biệt.

Luận nói: Ở đây có bài kệ như sau:

Giải thích: Để tóm tắt 5 nghĩa trước và hiển thị công đức của 5 nghĩa nên lại nói kệ.

Luận nói:

*Do trí, 5 sai biệt,  
Y Đại bitu phúc.*

Giải thích: Trí tuệ chư Bồ-tát do 5 thứ sai biệt nên thắng hơn Nhị thừa. Không chỉ thắng hơn trí tuệ tri túc mà còn y vào trí tuệ tu phúc đức. Phúc đức tức 5 độ kia của Lục độ. Câu này hiển thị tự lợi thắng hơn Nhị thừa. Lại còn nghĩa thắng hơn nữa là vì lợi tha y vào Đại bitu phúc đức. Phúc đức tức 5 độ kia.

Nếu người đủ cả 2 công năng này thì được quả báo gì?

Luận nói:

*Phú lạc thế xuất thế,  
Nói đây là chẳng xa.*

Giải thích: Làm Chuyển luân vương, 5 Thiên vương trên của Dục giới, Phạm thiên của Sắc giới, cho đến định của Vô sắc giới và Bồ-tát riêng được định của thế gian gọi là Thế phú lạc. Nhị thừa giải thoát và vô thượng Bồ-đề gọi là Xuất thế phú lạc. Quả như vậy như ý dễ được nên nói “là chẳng xa”. Chư Bồ-tát đã đến địa vị cực tột tại, hằng hành từ bi đối với chúng sinh bản khổ ở thế gian.

Bồ-tát do ý đó không thí tài vật, dụng ý ấy là thế nào?

Luận nói: Nếu trên thế gian này thật có Bồ-tát thì cũng có thể biết được.

Giải thích: Đây là hiển thị hữu thể và hữu ân của Bồ-tát. Hữu thể cho nên thật có. Hữu ân nên nói có thể biết.

Luận nói: Nếu Bồ-tát y vào giới định tuệ học, nhóm họp công đức, được 10 thứ tột tại, đối với tất cả việc lợi tha có khả năng đạt được sự thù thắng vượt trội.

Giải thích: Ba học gồm thân 10 độ và tất cả công đức thế gian, nên gọi là nhóm họp công đức. Nếu Bồ-tát chưa được thì được, đã được không mất, gọi là tương ưng, tức nhân viên mãn, đến 10 thứ tột tại tức quả viên mãn. Lợi tha có 2 thứ, hoặc có 4 thứ. Hai thứ là trước suy nghĩ sau làm. Lại có 2 thứ, tức 2 vô úy sau. Hoặc có 4 thứ như trước nói. Được như vậy là được năng lực vượt trội không ai bằng, tức ân đức viên mãn. Trong 3 đức, nhân quả 2 đức hiển thị tự lợi, ân đức hiển thị lợi tha. Đã nói 3 học xong, muốn hiển thị 3 đức viên mãn của Bồ-tát, nên nói rõ nghĩa này.

Luận nói: Vì sao thấy trong thế gian có chúng sinh gặp khổ nạn nặng?

Giải thích: Lần này đặt câu hỏi. Nếu 3 đức của Bồ-tát như thế đều để cứu tế tất cả chúng sinh, vì sao chúng sinh gặp đời khổ nạn? Nếu thấy khổ không cứu thì không thắng năng. Nếu không thắng năng cũng không có Bồ-tát. Khổ nạn có 2 thứ là trong và ngoài. Hai khổ nạn trong ngoài này có nhẹ có nặng. Đối trị được là nhẹ, không thể đối trị là nặng.

Luận nói: Do Bồ-tát thấy chúng sinh kia tạo nghiệp có thể cảm khổ báo, chướng ngại quả vui.

Giải thích: Bồ-tát thấy có chúng sinh có nghiệp chướng, chướng ngại thắng năng của Bồ-tát mà cảm khổ báo. Bồ-tát đối với chúng có trí nghiệp này. Tuy hoại thắng năng, bỏ mà không dùng. Đây tức nghiệp lực của Bồ-tát. Ví như có con sông có nước 8 công đức, tùy chúng sinh uống dùng không ai ngăn cản hay ủng hộ. Ngạ quỷ do nghiệp chướng nên không thể uống được. Bồ-tát như con sông, của cải như nước, chúng sinh có nghiệp chướng như ngạ quỷ. Do nghiệp chướng nên không thụ dụng được của cải của Bồ-tát.

Luận nói: Do Bồ-tát thấy thế, nếu thí cho chúng điều kiện an vui thì sẽ chướng ngại việc phát sinh thiện pháp.

Giải thích: Bồ-tát thấy có chúng sinh không nghiệp chướng, nếu bản cùng có thể sinh trưởng thiện pháp, nếu giàu có sung sướng thì buông lung tạo tội, Bồ-tát muốn chúng trong đời hiện tại chịu khổ bản cùng, tùy thuận thành tựu sinh khởi thiện pháp. Vì vậy cho nên Bồ-tát không cho chúng điều kiện an lạc. Đây tức là xứ phi xứ lực của Bồ-tát.

Luận nói: Do Bồ-tát thấy chúng không có điều kiện an vui thì có thể hiện tiền chán ghét sinh tử.

Giải thích: Bồ-tát thấy có chúng sinh do bản cùng nghèo khổ, thường hiện tiền có tâm chán ghét sinh tử. Bồ-tát muốn chúng không có điều kiện an vui, thành tựu tâm chán ghét, tùy thuận thiện hạnh, nên không thí cho điều kiện an vui. Đây tức là căn dục tính lực của Bồ-tát.

Luận nói: Do Bồ-tát thấy nếu thí cho chúng điều kiện an vui là nhân duyên sinh trưởng tất cả ác pháp.

Giải thích: Bồ-tát thấy có chúng sinh cho đến hằng thụ báo bản cùng, trong thời gian ấy ác pháp không tăng trưởng. Bồ-tát muốn chúng hằng thụ báo bản cùng, không muốn chúng thụ báo phú lạc một sát-na mà làm các nhân duyên ác pháp là yêu mình ghét người. Hai nhân duyên này có thể sinh trưởng ác pháp. Bồ-tát nếu thí cho chúng của cải tức làm thành tựu tâm yêu ghét của chúng. Cho nên Bồ-tát không thí cho chúng điều kiện an vui. Đây tức là biến hành đạo trí lực của Bồ-tát.

Luận nói: Do Bồ-tát thấy nếu thí cho chúng điều kiện an vui tức đó là nhân duyên làm hại bao nhiêu vô lượng chúng sinh khác.

Giải thích: Bồ-tát thấy có chúng sinh nếu được giàu có lớn thì chẳng phải chỉ tự tổn mà có thể làm tổn não vô lượng chúng sinh. Bồ-tát muốn chúng chịu khổ bản cùng, không muốn chúng do giàu có sung sướng mà làm tổn não thân tâm cho đến thiện căn của chúng sinh. Vì vậy Bồ-tát không thí cho chúng điều kiện an vui. Đây tức là biến hành đạo trí lực của Bồ-tát.

Luận nói: Cho nên chẳng phải Bồ-tát không có thắng năng làm được như vậy. Và trong thế gian cũng có hiển hiện những chúng sinh như vậy.

Giải thích: Thắng năng tức năng lực vượt trội. Thắng năng có 3, tức 3 đức: Một là khả năng được nhân, tức 3 học xứ. Hai là khả năng được quả, tức 10 tự tại. Ba là khả năng lợi tha, nghĩa là hiểu rõ căn, dục, tính v.v... của chúng sinh, nếu thấy thí có lợi ích thì thí, nếu thấy không thí có lợi ích thì không thí. Bồ-tát lấy lợi ích làm quyết định, không lấy thí hay không thí làm quyết định. Do có thí không lợi ích nên thế gian có chúng sinh thụ khổ.

Luận nói: Ở đây có bài kệ như sau:

Giải thích: Đề đầu tóm 5 nghĩa trước, nên lại nói kệ.

Luận nói:

*Thấy nghiệp chướng ngại thiện,  
Hiện ra điều chán ghét.  
Sợ hại chúng sinh kia,  
Mà Bồ-tát chẳng thí.*

Giải thích: Có chúng sinh có nghiệp chướng không cảm Bồ-tát thí. Có chúng sinh có điều kiện an lạc thì trở ngại thiện pháp. Có chúng sinh do nghèo khổ mà tâm thường chán ghét sinh tử. Có chúng sinh có điều kiện an lạc thì sinh trưởng ác pháp. Có chúng sinh do đại phú lạc mà bách hại người khác. Bồ-tát thấy những việc như thế muốn khiến lìa tự tổn tổn tha, nên không thí cho điều kiện an lạc. Vì vậy mà những chúng sinh ấy không cảm Bồ-tát thí.



# NHIẾP ĐẠI THỪA LUẬN THÍCH

## QUYỀN 13

### Học quả tịch diệt thẳng tướng 9

Luận nói: Như vậy là đã nói về y tuệ học sai biệt.

Thế nào là tịch diệt sai biệt?

Giải thích: Bồ-tát đạo và Nhị thừa đạo đã có sai biệt do đạo được diệt. Bồ-tát diệt với Nhị thừa diệt cũng phải có sai biệt.

Làm sao biết được?

Luận nói: Chư Bồ-tát hoặc diệt, tức Niết-bàn vô trụ xứ.

Giải thích: Nhị thừa và Bồ-tát đều lấy hoặc diệt làm diệt đế. Nhị thừa hoặc diệt thì một bề bỏ sinh tử hướng đến Niết-bàn. Bồ-tát hoặc diệt không bỏ sinh tử không bỏ Niết-bàn nên khác với Nhị thừa. Cái diệt này của Bồ-tát là vô trụ xứ trong 4 thứ Niết-bàn: 1. Bản lai thanh tịnh Niết-bàn. 2. Vô trụ xứ Niết-bàn. 3. Hữu dư. 4. Vô dư. Bồ-tát không thấy sinh tử Niết-bàn khác nhau. Do Bát-nhã không trụ sinh tử. Do từ bi không trụ Niết-bàn. Nếu phân biệt sinh tử thì trụ sinh tử. Nếu phân biệt Niết-bàn thì trụ Niết-bàn. Bồ-tát được trí vô phân biệt, không có chỗ phân biệt nên không chỗ trụ.

Luận nói: Tướng ấy như thế nào?

Giải thích: Niết-bàn vô trụ xứ lấy pháp gì làm tướng?

Luận nói: Lìa bỏ hoặc và không lìa bỏ sinh tử. Chuyển y hai chỗ dựa làm tướng.

Giải thích: Nếu Bồ-tát ở địa vị chuyển y, không cùng ở chỗ các hoặc duyên khởi, nên gọi lìa bỏ. Hoặc ở trong lúc xuất quán ắt khởi phân biệt, nên gọi không lìa bỏ sinh tử. Nếu quán một bên trước sau thì rõ hai nghĩa này. Và cũng đồng thời được đủ hai nghĩa. Nếu quán cả hai nghĩa song song ắt cùng một lúc. Hai nghĩa này đều lấy tính y tha làm y chỉ. Niết-bàn vô trụ xứ lấy chuyển y làm tướng, tức chuyển hai chấp trước. Phạm phu chấp trước sinh tử. Nhị thừa chấp trước Niết-bàn. Bồ-tát được trí vô phân biệt không thấy sinh tử Niết-bàn có sai biệt. uy diệt hoặc không trụ Niết-bàn. Tuy khởi phân biệt không trụ sinh tử. Cho nên Niết-bàn này lấy chuyển y làm tướng. Chuyển y này tức y chỉ tính y tha.

Luận nói: Trong đây sinh tử là tính y tha, một phần bất tịnh phẩm làm thể. Niết-bàn là tính y tha, một phần tịnh phẩm làm thể.

Giải thích: Đây là giải thích nghĩa của hai chỗ y chỉ. Bản thức gọi là tính y tha. Nếu bản thức khởi phân biệt tức là bất tịnh phẩm. Nói một phần này là thể của sinh tử, như tính phân biệt y tha. Tính này không có như vậy. Cái phân biệt vô sở hữu này tức là tịnh phẩm. Y vào một phần này là thể của Niết-bàn.

Luận nói: Còn bản y là đủ hai phần tịnh phẩm và bất tịnh phẩm của tính y tha.

Giải thích: Tính phân biệt là sinh tử. Tính chân thật là Niết-bàn. Từ xưa đến nay hai phẩm này lấy tính y tha làm y chỉ. Tức là nói tính y tha là bản y.

Luận nói: Chuyển y là lúc khởi lên sự đối trị, tính y tha này do phần bất tịnh phẩm luôn luôn biến đổi bản tính, do phần tịnh phẩm thì luôn luôn thành bản tính.

Giải thích: Chuyển y cũng thuộc tính y tha. Tam thừa đạo là đối trị. Y tha tính đạo này khi chưa khởi, như kiến đế v.v... hoặc có thể khởi các nghiệp cảm báo ác đạo, gọi là bất tịnh phẩm. Sau khi đạo khởi, bất tịnh phẩm như thể diệt không sinh lại, cho nên nói luôn luôn thay đổi bản tính. Y tha tính đạo này và đạo quả gọi là tịnh phẩm. Đạo tức giới định tuệ. Đạo quả có 2 thứ là hữu vi và vô vi. Hữu vi tức giải thoát giải thoát tri kiến. Vô vi tức bản hoặc diệt và vị lai hoặc không sinh. Khi đạo chưa khởi, giới v.v... các tịnh phẩm chưa thành lập, chỉ có bản tính thanh tịnh. Do đạo khởi cho nên cùng 5 phần pháp thân và vô cấu thanh tịnh tương ưng. Tương ưng như vậy cho đến thành Phật không biến đổi, cho nên nói luôn luôn thành bản tính.

Luận nói: Chuyển y này, nếu nói đại lược có 6 thứ:

Giải thích: Nếu đứng về tam thừa đạo và đạo quả nói rộng thì chuyển y có nhiều nghĩa. Nay đại lược chỉ nói 6 thứ.

Luận nói: Một là chuyển y bằng cách tăng thêm sức mạnh làm tổn giảm năng lực, do sức mạnh của tùy tín, lạc vị trụ, văn, huân tập.

Giải thích: Do tam thừa thánh đạo khởi trong thức A-lê-da, công năng văn huân tập càng tăng, gọi là thêm sức. Trong thức A-lê-da, có các hoặc huân tập, do đối trị khởi nên không trở lại bản dụng, gọi là tổn giảm năng lực.

Hai việc này ở địa vị nào, nhân gì được thành?

Nếu người ở trong nguyện lạc vị, nghe Như Lai nói chính giáo rộng lớn rất sâu, trong đó khởi 3 đức tin nguyện lạc tu hành, tùy thuận không trái. Sự tổn ích này lấy sức văn huân tập làm nhân. Văn tư tuệ là thể của văn huân tập. Nhân 2 tuệ này sinh tu tuệ. Tu tuệ là sức của văn huân tập. Nếu không tu tuệ, bản y sẽ không chuyển được. Do sức này thành nghĩa của tổn ích.

Nếu người đã được chuyển y này, hành tướng phiền não đối với người này như thế nào?

Luận nói: Do phiền não có sự biết xấu hổ nên trở thành suy yếu hoặc vĩnh viễn không hiện hành.

Giải thích: Nếu người đã được chuyển y này, nếu khởi phiền não liền biết xấu hổ, khởi lên không lâu sẽ suy yếu, hoặc vĩnh viễn không khởi. Bởi vì sao? Vì hay hổ thẹn bản thân, thấy sâu sắc các lỗi lầm.

Luận nói: Hai là chuyển y do sự thông đạt. Nghĩa là các Bồ-tát đã đăng địa, do chân thật hư vọng hiển hiện làm năng lực.

Giải thích: Được trí vô phân biệt, chứng chân như nên gọi là thông đạt. Do thông đạt này có sự đổi khác với trước khi đăng địa. Nếu đã đăng địa, có khi nhập quán, thông đạt này là nhân hiển hiện chân thật. Bởi vì sao? Như mới thông đạt chứng chân như, sau nhập quán cũng vậy. Có khi xuất quán, thông đạt này là nhân hiển hiện hư vọng. Bởi vì sao? Như trước chưa nhập quán, do tán tâm tu tự lợi lợi tha tục hạnh, nay xuất quán cũng vậy.

Luận nói: Đây chuyển từ sơ địa đến địa thứ sáu.

Giải thích: Trong đây đều có xuất nhập quán khác nhau, nên lấy địa thứ 6 làm vị trí.

Luận nói: Ba là chuyển y bằng sự tu tập. Nghĩa là người chưa lìa chướng thì tất cả các tướng không hiển hiện. Chân thật hiển hiện nơi y chỉ này.

Giải thích: Tu tập ở địa vị trước y vào tướng khởi. Tu tập ở địa vị này y vào vô tướng khởi. Đã lìa hoặc chướng, chưa lìa hết nhất thiết trí chướng, là người Đại thừa hữu học có thể được sự chuyển y này. Tất cả các tướng nghĩa là tướng tướng, sinh tướng, chân thật tướng. Thể của 3 tướng này không hiển hiện, y chỉ vào chuyển y này

mà thành. Ba vô tướng được hiển hiện cũng y chỉ vào chuyển y này mà thành.

Luận nói: Đây chuyển từ địa thứ bảy đến địa thứ mười.

Giải thích: Trong đây đều tu hạnh vô tướng, nên lấy địa thứ tư làm vị trí.

Luận nói: Bốn là chuyển y bằng quả viên mãn. Nghĩa là người đã lia chướng thì tất cả tướng không hiển hiện, thanh tịnh chân như hiển hiện, cho đến được tất cả tướng tự tại.

Giải thích: Đây đủ 3 đức gọi là quả viên mãn. Người đã lia tất cả chướng tức là chư Phật. Được chuyển này, tất cả tướng không hiển hiện, tức là đoạn đức. Do tất cả tướng diệt nên chân như thanh tịnh hiển hiện, tức là trí đức. Trí như lý như lượng viên mãn nên nói là đủ nhất thiết trí và nhất thiết chủng trí.. Cho đến tất cả tướng tự tại , tức là ân đức. Y chỉ trong tất cả tướng được tự tại. Do được tự tại này có thể như ý làm các việc lợi ích chúng sinh. Ba đức đều lấy chuyển này làm y chỉ.

Luận nói: Năm là chuyển hạ liệt. Nghĩa là do Thanh Văn thông đạt nhân vô ngã cho nên cứ một mực nghịch sinh tử mà vĩnh viễn lia bỏ sinh tử.

Giải thích: Người, cảnh, công năng 3 nghĩa đều thấp kém. Đó là người Thanh Văn, nên là người thấp kém. Chỉ quán nhân vô ngã, nên là cảnh thấp kém. Cầu thoát khỏi sinh tử, chưa được cứu cánh ra khỏi 3 cõi, lại không thể tế độ chúng sinh, nên gọi là công năng thấp kém. Thân kiến là trói buộc của Thanh Văn. Để trừ thân kiến này, người tu quán vô ngã. Chung cả khổ, tập, gọi là sinh tử. Nếu được nhân vô ngã thì có thể hết khổ bỏ tập.

Luận nói: Sáu là chuyển một cách rộng lớn. Nghĩa là Bồ-tát thông đạt pháp vô ngã.

Giải thích: Người, cảnh, công năng 3 nghĩa đều rộng lớn. Là người Bồ-tát nên nói là người quảng đại. Quán pháp vô ngã nên cảnh quảng đại. Tự độ độ tha, lại cứu cánh nên công năng quảng đại. Phân biệt là trói buộc Bồ-tát. Để trừ trói buộc này, tu quán pháp vô ngã. Pháp vô ngã là gốc. Nhân vô ngã là ngọn. Nếu được pháp vô ngã ắt phải trước được nhân vô ngã. Tuy là được trước, còn chưa thanh tịnh bởi gốc chưa trừ, nên sau chứng pháp vô ngã mới được thanh tịnh. Cảnh của pháp vô ngã có thể hiển thị 4 đức, nên quán cảnh này được lia 8 điền đảo.

Luận nói: Trong đó quán công đức vắng lặng,

Giải thích: Nghĩa là ở trong sinh tử, quán pháp vô ngã nên gọi là công đức vắng lặng.

Luận nói: cho nên là xả bỏ mà không xả bỏ.

Giải thích: Đây hiển thị công năng của quán pháp vô ngã. Đối với sinh tử do quán vắng lặng có thể li phân biệt. Không bị hoặc nhiễm nên xả bỏ phiền não. Do thấy sinh tử vắng lặng với chân như không khác nên không bỏ sinh tử.

Luận nói: Nếu Bồ-tát chuyển vị thành thấp kém thì có lỗi gì?

Giải thích: Muốn nói rõ thì có 3 lỗi, nên có câu hỏi này.

Luận nói: Lỗi không quán sát sự lợi ích chúng sinh.

Giải thích: Đây nói mất ân đức của Bồ-tát.

Luận nói: Lỗi xa lìa pháp Bồ-tát.

Giải thích: Như lý như lượng và tùy trí khởi phúc đức là pháp Bồ-tát. Không thực hành pháp trí tuệ của Bồ-tát là lỗi. Bỏ xa pháp phúc đức của Bồ-tát là lìa. Đây là nói mất trí đức.

Luận nói: Đồng được giải thoát như những kẻ hạ thừa. Đó là lỗi.

Giải thích: Chỉ diệt hoặc chướng, không diệt trí chướng. Đây là nói mất đoạn đức.

Luận nói: Các Bồ-tát nếu chuyển vị ở địa vị rộng lớn thì có công đức gì?

Giải thích: Để nói rõ có 3 đức, nên lập câu hỏi này.

Luận nói: Đó là ở trong pháp sinh tử, do tự chuyển y làm chỗ dựa nên được tự tại.

Giải thích: Được trí vô phân biệt, diệt chủng tử trí chướng. Cái diệt này tức chuyển y. Lấy chuyển y này làm y chỉ. Bồ-tát trong tất cả các pháp được 10 thứ tự tại.

Luận nói: Trong tất cả các nẻo đường sinh tử, có thể hiện tất cả thân hình.

Giải thích: Lấy tự tại làm y chỉ, trong lục đạo tùy theo thân hình của chúng mà thị hiện các thứ thân.

Luận nói: Trong phú lạc thế gian và trong ba thừa, do phương tiện giáo hóa thù thắng có thể an lập chúng sinh vào trong chính giáo. Đó là công đức của chuyển y rộng lớn.

Giải thích: Phú lạc là nói tam giới thiện đạo. Trước nói được thiện đạo thế gian, sau khiến được Thánh đạo tam thừa. Dùng tam luân hóa độ khiến trụ chính pháp.

Pháp gì là Đại Bồ-đề tự tính chuyển y?

Khác với Nhị thừa là tự tính Đại Bồ-đề. Phải biết chuyển y này có 4 tướng: Một, sinh khởi y chỉ là tướng. Hai, vĩnh viễn không sinh y chỉ là tướng. Ba, thành thực tư lương sở tri quả là tướng. Bốn, pháp giới thanh tịnh là tướng.

Sinh khởi y chỉ là tướng nghĩa là được Phật tương tục nhiếp hóa, y chỉ xuất thế đạo. Nếu không thế chưa đến chuyển y này.

Thánh đạo của Phật không thành, không ứng hợp đạo lý. Nếu Phật đạo lìa chuyên y này mà thành thì y chưa chuyên, đạo đã trước thành rồi.

Vĩnh viễn không sinh y chỉ là tướng nghĩa là tất cả hoặc và tập khí vĩnh viễn không sinh y chỉ. Nếu không vậy, nhân duyên đã tụ hợp chưa đến chuyên y này, các hoặc và tập khí vĩnh viễn không sinh là bất thành, không ứng hợp đạo lý.

Thành thực tư lương sở tri quả y chỉ là tướng nghĩa là thành thực tâm tư và khéo thông đạt sở tri chân như, sở tri thật tế quả. Nếu không vậy thì tự tính chư Phật cũng phải tâm tư lại, cũng phải diệt chướng lại.

Pháp giới thanh tịnh là tướng nghĩa là đề bệ tiêu diệt tất cả tướng, hiển thị pháp giới hết sức thanh tịnh. Nếu không vậy thì tự tính chư Phật phải là vô thường. Phải nghĩ tự tính của Phật là thường trụ, không thể nghĩ là tướng, cũng không thể nói được. Luận nói: Ở đây có bài kệ như sau:

Giải thích: Để làm rõ chuyên y này nên lại nói kệ.

Luận nói:

*Phàm phu, chân thật che,  
Còn hư vọng hiển lộ.*

Giải thích: Kiến đế vô minh đối với phàm phu, che lấp tất cả pháp nhân vô ngã, chân không đối với chúng. Nghĩa là ở phàm phu cái cái vô minh này làm điên đảo tâm chúng, khiến kiến, ngã tướng, chúng sinh tướng v.v... và tướng 6 trần, các pháp hư vọng nhân đây hiển hiện vô minh làm chỗ y chỉ.

Luận nói:

*Bồ-tát chỉ một bề,  
Bỏ hư, hiển chân thật.*



Giải thích: Trí vô phân biệt của Bồ-tát, do diệt vô minh nên bỏ tất cả pháp hư vọng. Nghĩa là ngã tướng v.v...hiển hai không chân như. Vô minh sinh là phạm phu y. Vô minh diệt là Bồ-tát y. Kệ này nói diệt là tướng chuyển y.

Luận nói:

*Không hiển hiện, hiển hiện,  
Hư vọng và chân thật,*

Giải thích: Hư vọng là tính phân biệt. Phân biệt không khởi tức hư vọng không hiển hiện. Chân thật là 3 vô tính. Hư vọng không hiển hiện nên chân thật hiển hiện.

Luận nói:

*Là Bồ-tát chuyển y,  
Giải thoát được như ý.*

Giải thích: Không hiển hiện hiển hiện là chuyển y của Bồ-tát. Chuyển y này tức Bồ-tát giải thoát. Được giải thoát rồi không trôi buộc nữa. Vì lợi tha nên như ý đi khắp trong lục đạo. Không như Nhị thừa giải thoát, vĩnh viễn diệt không có nghĩa lợi tha. Như bị chém đầu, mạng không tiếp tục sống được. Kệ này nói giải thoát hư vọng và pháp thân thanh tịnh, hai cái này do trí vô phân biệt được thành. Tức đến 3 đức nói rõ chuyển y.

Luận nói:

*Với sinh tử, Niết-bàn,  
Nếu khởi trí bình đẳng,*

Giải thích: Sinh tử Niết-bàn đều do phân biệt tạo ra. Cùng một chân như. Nếu được trí vô phân biệt, duyên đây bình đẳng khởi.

Luận nói:

*Sinh tử tức Niết-bàn,  
Hai, không có đây kia.*

Giải thích: Bất tịnh phẩm là sinh tử. Tịnh phẩm là Niết-bàn. Sinh tử là hư vọng. Không nhân pháp hai ngã tức là Niết-bàn. Được trí vô phân biệt thấy sinh tử là vô sở hữu, tức là thấy Niết-bàn vô sở hữu. Cho nên không có kia đây khác nhau.

Nếu được trí này thì có công năng gì?

Luận nói:

*Cho nên với sinh tử,  
Không bỏ, không không bỏ.*

Giải thích: Tuy quán vô ngã không lìa sinh tử, đó là nghĩa không bỏ. Tuy ở trong sinh tử thường quán vô ngã, đó là không không bỏ.

Nếu vậy với Niết-bàn thì sao?

Luận nói:

*Với Niết-bàn cũng vậy,  
Không được, không không được.*

Giải thích: Lìa sinh tử không có một pháp nào khác gọi là Niết-bàn. Bồ-tát đã không được sinh tử, cũng không được Niết-bàn. Đó là nghĩa của không được. Bồ-tát trong sinh tử thường quán thắng diệu tịch tĩnh. Đó là nghĩa không không được.

### **Trí sai biệt thắng tướng 10**

Luận nói: Như vậy đã nói về tịch diệt sai biệt.

Thế nào là nên biết trí sai biệt?

Giải thích: Như trước đã nói Bồ-tát giải thoát khác với Nhị thừa giải thoát. Bồ-tát giải thoát tri kiến cũng phải khác với Nhị thừa giải thoát tri kiến. Làm sao biết được?

Luận nói: Do Phật có ba thân nên biết trí sai biệt.

Giải thích: Trí sai biệt là Bồ-tát giải thoát trí kiến, tức quả cứu cánh của Bồ-đề đạo. Như quả cứu cánh của Nhị thừa đạo là giải thoát trí kiến. Trong Nhị thừa giải thoát trí kiến không có ba thân. Trong Bồ-tát giải thoát trí kiến có ba thân sai biệt. Bởi vì sao? Nhị thừa không thể diệt trí chướng vì không có nhất thiết trí, không được pháp thân viên mãn thanh tịnh vì không có Đại bikhông hành lợi tha, không có ứng hóa hai thân. Bồ-tát đủ hai nghĩa này nên có ba thân. Cho nên lấy ba thân hiển thị trí sai biệt.

Pháp gì gọi là ba thân?

Luận nói: Ba thân là tự tính thân, thụ dụng thân và biến hóa thân.

Giải thích: Thân lấy y chỉ làm nghĩa. Do có khả năng duy trì các pháp, các pháp theo thân mà thành, không theo thì không thành. Thân là y chỉ của các pháp. Ví như thân căn là y chỉ của các căn nên được gọi là thân. Pháp thân cũng vậy. Ứng hóa thân là sở y của tất cả công đức Như Lai, nên gọi là thân. Lại thân là lấy thật làm nghĩa. Không phá hoại nên gọi là thật. Thân tức là thể. Thể lấy tính làm nghĩa. Tính này ở trong tất cả địa vị không đổi nên gọi là thật. Thật nên không phá hoại. Thân có 2 thứ: một là tự nhiên được, hai là nhân công được. Tự nhiên được như kinh nói dù Phật xuất thế hay không xuất thế pháp tính thường nhiên. Nghĩa là tất cả pháp do nhị không bắt không. Nhị không do hư vọng bắt không. Hai pháp này đều tự nhiên được, nên nói là tự tính. Nhân công được là các thân trong lục đạo do y vào hoặc khởi bất động nghiệp thiện ác, do nghiệp được bảy thứ quả, y vào quả lại sinh hoặc, đó gọi là nhân công mà được. Thân Như Lai cũng được do hai thứ: Một là tự tính được, đó là pháp thân. Hai là nhân công được, đó là ứng hóa hai thân. Để hiển thị cái khác với nhân công nên lập tự tính thân. Y chỉ tự tính thân, khởi hai hạnh phúc đức và trí tuệ. Quả đạt được do hai hạnh là Tịnh độ thanh tịnh và đại pháp lạc. Có thể thụ dụng hai

quả nên gọi thụ dụng thân. Trong các địa tu hành khác, do sức bản nguyện tự tại của Phật nên thức kia biến hiện tựa chúng sinh nên gọi biến hóa thân.

Luận nói: Trong đó, tự tính thân là pháp thân của chư Như Lai,

Giải thích: Trong ba thân này, nếu lấy tự tính làm pháp thân, tự tính có hai thứ định, lấy tự tính nào làm pháp thân? Vì tất cả chúng diệt nên tất cả bạch pháp viên mãn. Chỉ có chân như và chân trí riêng tồn tại gọi là pháp thân.

Thân lấy y chỉ làm nghĩa. Pháp nào là y chỉ?

Luận nói: y chỉ tất cả pháp tự tại.

Giải thích: Tất cả pháp tự tại nghĩa là 10 thứ tự tại. Lại nữa 10 Ba-la-mật trong nhân, tất cả pháp bất cộng trong quả đều đã được không mất, như ý vận dụng nên gọi là tự tại, tự tại không thể tính kể, tùy theo các pháp số lượng tự tại cũng vậy.

Làm sao biết pháp này y chỉ pháp thân? Vì không lìa thanh tịnh và viên trí, tức trí như như như như.

Luận nói: Thụ dụng thân là các thứ cõi quốc độ của chư Phật, hiển hiện nơi y chỉ của các bậc đại nhân.

Giải thích: Cõi có các thứ báu khác nhau không thể tính kể số lượng nên gọi là các thứ. Cõi có vô lượng báu là y vào ứng thân Phật mà thành. Chư Bồ-tát gọi là đại nhân tập, là chúng Bồ-tát thân cận thiện hữu. Chính văn, chính tư, chính tu v.v... gọi là luân thể. Như Thánh vương kim luân có thể từ đây đến kia. Chưa được khiến được, được rồi khiến không mất, có thể lên xuống đi ngang là dụng luân. Bồ-tát cũng vậy. Nếu lìa ứng thân thì hai việc không thành. Cho nên hai việc này lấy ứng thân làm y chỉ. Do thành năng y chỉ nên hiển hiện sở y chỉ.

Luận nói: Thụ dụng thân này lấy pháp thân làm y chỉ,

Giải thích: Pháp thân không y chỉ. Thân này có y chỉ. Như trước nói vì trong tất cả pháp tự tại y chỉ nên đây tức nói ứng thân y chỉ pháp thân nên hai thân có khác.

Luận nói: là cõi thanh tịnh của chư Phật, là nhân thụ dụng thụ lạc pháp Đại thừa.

Giải thích: Bồ-tát ở trong cõi Tịnh độ của chư Phật tự nghe thụ pháp Đại thừa, thụ pháp lạc, vì người khác nói pháp Đại thừa cũng thụ pháp lạc. Bồ-tát thụ dụng đủ hai thứ pháp lạc này. Nếu không có ứng thân thì không có hai thụ dụng pháp lạc này. Cho nên ứng thân là nhân của hai thụ dụng pháp lạc này. Còn có giải thích thụ dụng có hai nghĩa: Một là thụ dụng trần, tức thụ dụng Tịnh độ. Hai là thụ dụng pháp lạc, tức thụ dụng Đại thừa pháp lạc. Nếu không có ứng thân thì không có hai thụ dụng này. Cho nên lấy ứng thân làm nhân của hai thụ dụng này.

Biến hóa thân với pháp thân ứng thân, tương khác nhau như thế nào?

Luận nói: Biến hóa thân là lấy pháp thân làm y chỉ,

Giải thích: Pháp thân không y chỉ. Thân này có y chỉ. Như trước nói vì trong tất cả pháp tự tại y chỉ, cho nên đây là nói biến hóa thân y chỉ pháp thân. Vì vậy hai thân có khác.

Luận nói: từ trời Đâu-suất-đà hiện thân thụ sinh,

Giải thích: Dưới đây nói hóa thân thể khác với ứng thân. Ứng thân lấy đại trí đại định Đại bi làm thể. Hóa thân chỉ lấy sắc hình làm thể. Sắc hình trước ở trời Đâu-suất-đà, sau sinh trong cõi người. Trước 20 năm thụ thân trung âm, sau thụ sinh vào dòng họ Thích-ca.

Luận nói: thụ học, thụ dục trần,

Giải thích: Học tập 64 kỹ năng bí mật, công xảo, thu nạp cung phi, thụ dục lạc.

Luận nói: xuất gia, đến tu khổ hạnh với ngoại đạo,

Giải thích: từ bỏ ngôi vua đến chỗ người tiên Uất-đà A-la-la tu tập các khổ hạnh của ngoại đạo.

Luận nói: chứng vô thượng Bồ-đề, chuyển pháp luân, nhập Đại Niết-bàn các việc.

Giải thích: Sau từ bỏ ngoại đạo, không tu theo khổ hạnh, thành vô đẳng giác, thuyết giáo 3 thừa, sau mới xả hóa, biến hóa rất nhiều việc cho đến sau khi nhập diệt còn có di thể, vì Phật sự nên nói các việc. Những việc này hiển thị nơi hóa thân.

Vì sao Phật trước trụ nơi trời Đâu-suất-đà, sau sinh vào loài người? Vì muốn hiển thị tự thân là loài nhân thiên. Vì nhân thiên là khí cụ của Thánh đạo. Vì làm vị thầy của trời người nhiếp hóa đồng loại. Vì đoạn trừ các hủy báng của ngoại đạo.

Luận nói: Chư Phật Như Lai có tướng pháp thân như thế nào?

Giải thích: Muốn dẫn các tướng có 10 nghĩa chứng thành pháp thân. Nếu thành pháp thân, hai thân kia cũng thành. Vì vậy có câu hỏi này.

Luận nói: Nếu nói sơ lược có 5 thứ.

Giải thích: Nếu nói rộng như vô sinh vô diệt v.v... thì có vô lượng tướng. Nay lược nói có 5 tướng, tức đệ nhất nghĩa trong 10 nghĩa.

Luận nói: Ở đây có nói bài kệ Uất-đà-na như sau:

Giải thích: Để tóm thâu các nghĩa rải rác nên nói kệ này. Mười nghĩa trong kệ sẽ lần lượt giải thích.

Luận nói:

*Tướng, chứng đắc, tự tại,  
Y chỉ và nhiếp trì,*

*Sai biệt, đức, rất sâu,  
Phật thân niệm, nghiệp, rõ.*

Năm tướng là: Một là pháp thân chuyển y làm tướng.

Giải thích: Pháp thân tức là Bồ-tát chuyển y.

Luận nói: Tất cả chướng và phần bất tịnh phẩm, tính y tha đã diệt xong,

Giải thích: Chướng có 2 thứ: chướng toàn phần và chướng một phần. Bồ-tát đã đoạn tất cả trí chướng, thông trong ngoài 3 cõi nên gọi là toàn phần, tức là tất cả chướng. Nhị thừa chỉ đoạn hoặc chướng, chỉ một phần chướng trong 3 cõi, tức là phần bất tịnh phẩm và lấy tính y tha làm y chỉ. Khi trí đạo khởi liền đoạn 2 chướng này nên nói đã diệt xong.

Luận nói: giải thoát tất cả chướng,

Giải thích: Do 2 phần chướng đã diệt, một phần tính y tha, giải thoát tất cả chướng.

Luận nói: được tự tại đối với tất cả pháp,

Giải thích: Một phần tính y tha này có thể thông đạt tất cả pháp đồng một vô tính. Đã được không mất, nên gọi là tự tại

Luận nói: là phần tính thanh tịnh, tính y tha chuyển y làm tướng.

Giải thích: Để hiển thị cái khác của vô phân biệt hậu trí là tất cả phân biệt nên nói phần tính thanh tịnh. Vô phân biệt trí này lại là một phần của tính y tha. Tính y tha có 2 phần. Trước đã nói xong về diệt chướng hiển vô phân biệt. Sau nói được tự tại trong tất cả pháp để có thể hiển thị trí vô phân biệt. Hai phần này là chuyển y. Chuyển y là tướng của pháp thân.

Luận nói: Hai là pháp bạch tịnh là tướng.

Giải thích: Tất cả pháp có 2 tướng: một là hắc hai là bạch. Hắc tức là ác. Bạch tức là thiện. Trong thiện tự có 4 thứ. Pháp thân là chân thật thiện nên nói pháp bạch tịnh là tướng.

Luận nói: Nghĩa là do Lục độ viên mãn, nơi pháp thân được 10 thứ năng lực thù thắng tự tại làm tướng.

Giải thích: Do cứu cánh tu Lục độ, trong pháp thân được 10 tự tại. Mười tự tại này là thắng năng, tức năng lực thù thắng, của pháp thân, tức lấy pháp thân làm tính.

Do Lục độ cứu cánh, được 10 tự tại, nghĩa ấy là thế nào?

Luận nói: Những gì là mười? 1. Thọ mạng tự tại,

Giải thích: Đối với thọ mạng, muốn ngắn dài hay xả bỏ đều được như ý.

Luận nói: 2. Tâm tự tại,

Giải thích: Trong sinh tử, việc thụ sinh không bị sinh tử nhiễm ô.

Luận nói: 3. Cửa cải tự tại.

Giải thích: Trước tiên là 10 thứ của cải, ăn uống, tùy lúc tùy nơi đều được như ý.

Luận nói: Ba tự tại này do Thí độ viên mãn mà thành tự tại,

Giải thích: Nếu người bố thí tất cả mọi nơi, tất cả thí vật, lấy tâm Đại bi mà hành thí thì sự bố thí viên mãn. Do Đại bi hành thí làm nhân, tâm được tự tại. Do hành thí mọi nơi làm nhân, được thọ mạng tự tại. Do bố thí tất cả vật làm nhân, được tài vật tự tại.

Luận nói: 4. Nghiệp tự tại, 5. Sinh tự tại, hai tự tại này do Giới độ viên mãn mà thành tự tại,

Giải thích: Nghiệp là nhân, sinh là quả nên hai cái này tương ưng. Do có thể chế ngự thân khẩu nghiệp nên được nghiệp tự tại. Cho đến từng phần từng phần đoạn trừ thân tâm là biến đổi thân khẩu



nghiệp. Do tâm thành nên Giới độ viên mãn. Do Giới độ viên mãn, nếu muốn thụ sinh đời sống khác có thể được như ý. Nghiệp này đều khiến hiện tiền nên gọi là nghiệp tự tại. Do nghiệp tự tại nên đối với nghiệp quả trong đời cũng được tự tại. Tùy theo loài trong lục đạo có thể như ý sinh qua đó làm việc lợi ích. Nếu là cảnh, có thể như ý xả bỏ. Công năng thủ xả hai việc không ngại, nên gọi là sinh tự tại.

Luận nói: 6. Dục lạc tự tại, đây do Nhẫn độ viên mãn mà thành tự,

Giải thích: Nhẫn có 3 thứ: một là nhẫn nhục nhẫn, hai là an thụ nhẫn, ba là thông đạt nhẫn. Chịu đựng được sự hủy báng hay làm ô nhiễm của người là nhẫn nhục nhẫn. Chịu đựng được cái khổ của mình tâm không biến đổi là an thụ nhẫn. Đối với đạo lý rất sâu của chính pháp, tâm có thể minh chứng là thông đạt nhẫn. Do 3 nhẫn này các pháp đều tùy theo tâm, sau ở trong các pháp tùy theo chỗ muốn đều được như ý.

Luận nói: 7. Nguyện tự tại, do Tinh tiến độ viên mãn mà thành tự,

Giải thích: Do Tinh tiến Ba-la-mật có thể vượt qua được tất cả việc làm, vào đời sau tất cả sở nguyện đều được như ý, nên gọi là nguyện tự tại.

Luận nói: 8. Thông tuệ tự tại, đây gồm trong ngũ thông, do Định độ viên mãn mà thành tự,

Giải thích: Trong ngũ thông, cái chưa được thì được, cái được rồi không mất, nên gọi tự tại. Lại đối với ngũ thông có thể tự dùng, có thể khiến người khác dùng như mình, nên gọi là tự tại. Do Bồ-tát có thể được định tâm rất sâu của chư Bồ-tát, tùy sự điều phục. Nếu dẫn ngũ thông, đối với mình và người đều thành tự như ý.

Luận nói: 9. Trí tự tại, 10. Pháp tự tại, hai tự tại này do Bát-nhã Ba-la-mật viên mãn mà được thành tự.

Giải thích: Bồ-tát do Bát-nhã Ba-la-mật viên mãn. Do trí vô phân biệt đối với âm v.v...các pháp môn tâm thông đạt trọn vẹn, được nhất thiết chủng trí, gọi là trí tự tại. Do vô phân biệt hậu trí, thông đạt phẩm loại tất cả các pháp, được nhất thiết trí, gọi là trí tự tại. Do vô phân biệt hậu trí như tự sở chứng, vì người khác an lập pháp môn, như lý được thành, gọi là pháp tự tại.

Luận nói: Ba là không hai là tướng, do không có hai tướng có không,

Giải thích: Vô nhị tức không hai, là vô hữu và vô vô, nghĩa là không có và không không. Hữu vi thường, vô vi đoạn, không có không không tức không thường không đoạn, lia hai biên.

Luận nói: tất cả pháp là vô sở hữu, không tướng chẳng không là tướng.

Giải thích: Lại giải thích câu nói trên. Tất cả pháp đều do phân biệt mà ra. Tất cả đều vô sở hữu, tức là hai không tướng, không có không không là hai không tướng, không không pháp thân tức là hai không, vì không hai biên là pháp thân tướng.

Luận nói: Lại nữa hữu vi vô vi không hai là tướng,

Giải thích: Không hai là không hữu vi, không vô vi. Tất cả pháp hữu lưu đều lấy hữu vi làm tướng. Tất cả pháp vô lưu có 2 thứ . Nếu đạo v.v...lấy hữu vi làm tướng. Trạch diệt v.v...lấy vô vi làm tướng. Pháp thân với hữu vi vô vi chẳng phải một chẳng phải khác, nên không được thiên một bên lấy hữu vi hay vô vi làm tướng. Do chân như là tướng thông cả hữu vi vô vi, không thể nói là khác. Chân như là cảnh thanh tịnh, hữu vi vô vi không phải cảnh thanh tịnh, không thể nói là một. Pháp thân phi hữu vi vô vi là tướng, phi phi hữu vi vô vi là tướng. Bởi vì sao?

Luận nói: vì chẳng phải hoặc nghiệp hợp lại sinh ra,

Giải thích: Tất cả pháp hữu vi đều từ hoặc nghiệp sinh. Pháp thân không từ nghiệp hoặc sinh, nên phi hữu vi.

Luận nói: do được tự tại có thể hiển hiện tướng hữu vi.

Giải thích: Pháp thân do được tự tại, có thể thường thường hiển hiện tướng hữu vi. Tức là ứng hóa 2 thân, cho nên phi vô vi.

Luận nói: Lại nữa, một khác không hai là tướng, vì chư Phật Như Lai y chỉ không khác,

Giải thích: Không hai là không một không khác. Pháp thân 3 đời các đức Phật là không khác. Pháp thân tức là y chỉ, cho nên không khác.

Luận nói: do vô lượng y chỉ có thể chứng.

Giải thích: Do pháp thân vô lượng đã thành thực thiện căn các Bồ-tát, liên tục chứng đắc không ngớt nên không thể nói là một. Nếu là một thì những người khác tu hành sẽ vô dụng.

Luận nói: Ở đây có bài kệ như sau:

Giải thích: Để hiển thị nghĩa pháp thân không một không khác nên lại nói kệ.

Luận nói:

*Vì không còn ngã chấp,  
Trong không có y khác.*

Giải thích: Trong thế gian do tùy theo ngã chấp phân biệt, chúng sinh y chỉ có sai biệt. Đối với pháp thân không có ngã chấp phân biệt nên Như Lai y chỉ không sai biệt.

Nếu vậy sao lập ra có nhiều Phật?

Luận nói:

*Như trước nhiều y chứng  
Giả nói là chẳng một.*

Giải thích: Do nhân địa trước vô lượng y chỉ có thể chứng cho nên nếu mỗi một thể gian thân không có pháp thân thì Bồ-tát không có sở chứng. Vì Bồ-tát mỗi mỗi y tự thân chứng pháp thân này. Vì vậy đứng về giả danh không thể nói là một.

Luận nói:

*Tính hành khác, chẳng rỗng,  
Viên mãn không bắt đầu.  
Vì chẳng một, không khác,  
Chẳng nhiều, y chân như.*

Giải thích: Chư Bồ-tát phát tâm nhiều nên tính khác. Do tính khác nên gia hành không giống nhau. Do gia hành khác nên có công lực. Do có công lực nên có thể đắc quả. Có nhân nghĩa nên chẳng phải trống rỗng. Nếu chỉ có một Phật, thì bao nhiêu Bồ-tát tu hành thành ra không có chỗ chứng đắc. Chư Phật làm việc lợi ích chúng sinh, không gì không viên mãn. Do an lập chúng trong 3 thừa nên nếu chư Phật không an lập chúng nơi vô thượng Bồ-đề thì việc làm Phật sự không viên mãn. Do việc lợi ích viên mãn nên Phật không phải một. Như sinh tử không có cái bắt đầu, vô lượng chư Phật cũng vậy. Không có bắt đầu, vô lượng, nếu chỉ một Phật, không có Phật trước Phật sau, thì một Phật vừa là Phật bắt đầu vừa là Phật cuối cùng mới thành nghĩa. Do 5 nghĩa này nên Phật không phải một.

Luận nói: Không khác nên không nhiều.

Giải thích: Y chỉ không khác nên chư Phật không nhiều. Không nhiều nên không khác.

Y chỉ cái gì?

Luận nói: Y chân như.

Giải thích: Chân như tức pháp giới thanh tịnh. Pháp giới không khác nên chư Phật y chỉ không sai biệt. Hai kệ này hiển thị pháp thân không có tướng một hay khác.

Luận nói: Bốn là thường trụ là tướng. Vì tướng chân như thanh tịnh,

Giải thích: Dưới đây dẫn 3 chứng lập nghi pháp thân thường trụ. Chân như nếu lìa khỏi tất cả cấu uế, vô cấu thanh tịnh gọi là Phật quả. Chân như này thường trụ. Chư Phật là chân như thanh tịnh hiển hiện, cho nên pháp thân thường trụ.

Luận nói: vì nguyện xưa dẫn phát đến tột cùng,

Giải thích: Từ sơ phát tâm cho đến bát địa, trải 27 Đại kiếp a-tăng-ki, trong thời gian đó Như Lai y pháp giới phát nguyện thành tựu. Nguyện duy trì thế nguyện gọi là dẫn. Không ngại đối với tất cả mọi nơi gọi là thông. Tận cùng biên giới của sinh tử gọi là tột cùng. Do y pháp giới khởi nguyên này nên nếu pháp giới vô thường thì nguyện này có chám dứt. Nguyện đã không chám dứt nên biết pháp giới thường trụ. Lại do nguyện này dẫn thông đến tột cùng, bất không vô quả nên được pháp thân. Nguyện đã vô tận nên pháp thân thường trụ.

Luận nói: vì việc đúng phải làm chưa rốt ráo.

Giải thích: Nếu nói Phật làm việc lợi ích chúng sinh xong thì nguyện trước phải hết. Không thể lấy nguyện để chứng pháp thân là thường trụ. Nghĩa ấy không phải như vậy. Bởi vì sao? Vì chính sự chưa cứu cánh. Từ thời nay cho đến cùng thế, chính sự vô biên. Nếu chúng sinh đều chưa đắc Phật, chưa tất cả Bát-niết-bàn, thì chính sự này không dứt. Chính sự là do pháp thân thành, chính sự không dứt nên pháp thân thường trụ.

Luận nói: Năm là không thể nghĩ bàn là tướng. Vì chân như thanh tịnh chỉ có trí tự chứng mới biết, không có thí dụ, chẳng phải chỗ thực hành giác quán.

Giải thích: Pháp thân có 3 nhân duyên nên khó thể nghĩ bàn. Một là không phải cảnh giới của 3 tuệ nên không thể nghĩ bàn. Không phải

chỗ thực hành của giác quán, nên chẳng phải cảnh của văn tuệ. Không có thí dụ, nên chẳng phải cảnh của tư tuệ. Trí tự chứng, biết được. Chẳng phải cảnh của tu tuệ của thế gian và Nhị thừa, cho nên không thể nghĩ bàn. Hai là vô phân biệt tối thượng chân thật, nên không thể nghĩ bàn. Cái vô phân biệt này trí tự chứng của Bồ-tát biết, không phải cảnh giới phân biệt của phàm phu. Phàm phu như người mù bẩm sinh không thể phân biệt được màu sắc vì chưa hề trông thấy màu sắc bao giờ. Cũng chẳng phải cảnh giới phân biệt của Nhị thừa. Cảnh này là tốt cùng, chẳng phải chỗ chứng của Nhị thừa, nên không thể phân biệt. Nhị thừa như đứa trẻ sơ sinh không thấy mặt trời, vì nhãn lực còn yếu. Cao tốt là không có thí dụ. Trong tất cả các pháp, pháp thân là tốt cùng không có gì so sánh, không có pháp nào làm thí dụ, cho nên không có một bậc thượng nhân nào có thể biết được. Chân thật là không thể ngôn thuyết. Nếu không thể ngôn thuyết chưa từng thấy chân thật. Chúng sinh không thể phân biệt. Tất cả giác quán tùy theo ngôn thuyết khởi. Đã không ngôn thuyết nên không phải hành xử của giác quán. Cho nên là không thể nghĩ bàn. Ba pháp thân là trí chứng của Phật biết, chẳng phải người thông tuệ thế gian phân biệt được. Trong thế gian không một vật gì sánh được với pháp thân, do thấy vật này đem so sánh biết pháp thân. Trong pháp thân tuyệt dứt tất cả tâm hành, vì cảnh trí không sai biệt. Cho nên không thể nghĩ bàn.

Luận nói: Lại nữa pháp thân này chứng đắc như thế nào?

Giải thích: Có chứng mà không đắc. Có đắc mà không chứng. Có cũng chứng cũng đắc. Có không chứng không đắc. Nay muốn hiển thị cũng chứng cũng đắc. Tất cả chúng sinh ở trong sinh tử, không có chúng sinh nào vốn không có pháp thân. Vì hằng tương ưng với pháp thân nên, sự tương ưng này là pháp tự nhiên thành từ vô thủy. Tương ưng như vậy gọi là đắc. Cái đắc này không phải chạm xúc đến được mà gọi là đắc, chẳng phải căn thức chứng được. Vì lia tương ưng đắc nên lập câu hỏi này. Như kinh nói trong chúng sinh

không có chúng sinh nào ở ngoài pháp thân. Như không có một sắc nào ở ngoài hư không. Là vì tất cả chúng sinh không lìa pháp thân. Pháp thân trong chúng sinh, bản lai là đắc.

Nghĩa đắc như vậy, nghĩa chứng như thế nào?

Luận nói: Được từ tiếp xúc đầu tiên,

Giải thích: Để hiển thị tiếp xúc được có bắt đầu. Do phương tiện thành lợi ích vô cùng cho nên như mắt chứng kiến sắc ắt có 5 nghĩa: Một là có thật cảnh đối căn, hai là không hoại, ba là có giác quán, bốn là thức không loạn, năm là không ám v.v... các chướng. Nếu không đủ 5 nghĩa thì không thể chứng sắc. Chứng biết pháp thân cũng vậy, ắt phải đủ 5 nghĩa.

Luận nói: do duyên tạp tướng của pháp Đại thừa làm cảnh.

Giải thích: Chân như là pháp Đại thừa. Các pháp môn nói trong 12 bộ kinh Đại thừa đều cùng hiển thị chân như này. Tất cả chính thuyết đối với pháp chân như thì đồng một vị, nên gọi là tương tạp. Như các dòng sông chảy về biển, tương tạp nhau cùng làm một vị. Trí với cảnh không sai biệt nên nói là duyên. Bề-tát duyên tương tạp pháp chân như trong Đại thừa làm cảnh. Đây tức là hiển thị thứ nhất cảnh thật có và tối thắng.

Luận nói: Trí vô phân biệt, trí vô phân biệt hậu sở đắc

Giải thích: Chứng trí lấy vô phân biệt làm tướng. Do trí này khởi trong cảnh chân như, lìa phân biệt nên thanh tịnh thành chứng trí. Đây tức là hiển thị thứ hai trí thanh tịnh như căn không hoại. Trí vô phân biệt hậu sở đắc là trợ pháp trước sau. Do trí này, sau lại nhập chân quán, sau chuyển thành thắng. Đây là thứ ba nói trợ pháp như giác quán. Nếu có Ti-bát-xá-na không có Xa-ma-tha không chứng đắc nghĩa, cho nên phải tu Xa-ma-tha. Tu Xa-ma-tha có 3 tướng: Một là được nhân, hai là được các trợ giúp, ba là được công năng.

Luận nói: tu 5 tướng thành thực,

Giải thích: Đây nói được nhân. Năm tu tập và 5 quả do 5 tu tập đạt được. Như nói trong Nhân quả tu sai biệt. Được, không thoái mất, gọi là thực. Được tối thượng thượng phẩm, gọi là thành. Thường thường quán sát, gọi là tu tập. Đây nói 2 thứ nhân: Một là nhân không mất, hai là nhân viên mãn, nên gọi là được nhân.

Luận nói: ở tất cả các địa khéo tập hợp tư lương,

Giải thích: Đây là nói được trợ bạn. Từ sơ địa đến thập địa tập hợp hạnh phúc đức trí tuệ làm tư lương, nên gọi là được các loại trợ giúp.

Luận nói: có thể phá các chướng vi tế khó phá.

Giải thích: Đây là nói được công năng. Do 2 nghĩa trước nên có thể phá trí chướng. Phiền não này với đạo vô lưu của Nhị thừa đều khởi, nên gọi là vi tế. Chướng này không phải Nhị thừa đạo có thể phá được nên gọi là khó phá. Vì vậy gọi là được công năng. Đây là hiển thị thứ tư được định biết thức không loạn.

Luận nói: Kim cương ví Tam-ma-đề

Giải thích: Có 4 nghĩa lấy kim cương ví Tam-ma-đề: 1. Có thể phá núi phiền não. 2. Có thể phát triển rộng các công đức. 3. Cứng chắc không thể hủy hoại. 4. Dùng lợi có thể khiến trí tuệ thông đạt tất cả pháp không ngại.

Luận nói: tức sau Tam-ma-đề này diệt lia tất cả chướng.

Giải thích: Được định này rồi, diệt tất cả chướng mới hết. Đây là thứ năm nói diệt hoặc, như các chướng vô ám v.v...

Luận nói: Lúc bấy giờ do y chỉ chuyển thành chứng đắc.

Giải thích: Khi Kim cương tâm diệt, gọi là “Lúc bấy giờ”. Lúc bấy giờ thập địa y chỉ chuyển thành Phật y chỉ, gọi là chứng đắc.



Luận nói: Pháp thân này trong đó có bao nhiêu tự tại được tự tại?

Giải thích: Muốn nói rõ phải nói chuyển y của 5 âm, nói rõ pháp thân tự tại. Vì vậy có câu hỏi này.

Luận nói: Nói đại lược trong đó có 5 tự tại được tự tại:

Giải thích: Nếu nói rộng có vô lượng tự tại. Nay lược nói 5 thứ.

Luận nói: Tự tại thứ nhất là Tịnh độ, hiển thị tự thân, tướng hảo, âm thanh vô biên, vô kiến đỉnh tướng,

Giải thích: Như ý có thể hiển hiện Tịnh độ như ngọc Pha-lê-kha v.v... tùy loại chúng sinh như ý hiện thân, trong Đại tập hội đều đối chúng sinh không bội nghịch. Lại là đối tượng chúng sinh thích chiêm ngưỡng. Hiện các thứ thân chúng sinh thích chiêm ngưỡng, hiện các tướng tốt thuyết pháp như ý, biến khắp 10 phương thế giới. Trong mỗi một âm thanh, tùy loại chúng sinh thích nghe pháp đều được nghe. Các Phạm thiên v.v...khi thấy Phật, thấy thân Như Lai cao hơn họ gấp bội nên không thể thấy đỉnh đầu. Tất cả việc này đều được như ý, nên gọi là tự tại.

Nhân đâu được tự tại này?

Luận nói: do y chuyển sắc âm.

Giải thích: Mỗi một âm đều có, như trong Diệt sai biệt đã nói 4 chuyển y trước. Sắc thức gọi là sắc âm. Hình ngại là thể của sắc. Khi khởi đối trị, do một phần bất tịnh phẩm của tính phân biệt hằng được tách rời, một phần tịnh phẩm được hằng được tương ứng. Tức là sắc âm chuyển y. Trong chuyển y này được Tịnh độ v.v... tự tại.

Luận nói: Tự tại thứ hai là không mất vô lượng đại an lạc trụ,

Giải thích: Không bị các hoặc và tập khí ô nhiễm, nên gọi là không mất. Như Lai an lạc trụ không thể tính kể, nên nói là vô lượng.

Cái an lạc hơn cả, 3 cõi không sánh bằng, nên gọi là đại an lạc trụ. Các việc này đều được như ý, nên gọi là tự tại.

Luận nói: do chuyển y thụ ẩm.

Giải thích: Thụ thức gọi là thụ ẩm. Nhận lãnh sự khổ vui là thể của thụ. Do chuyển y thụ ẩm nên được tự tại này.

Luận nói: Tự tại thứ ba là chính thuyết đầy đủ tất cả danh tự, câu văn, chương phẩm,

Giải thích: Tất cả danh tự, và câu văn trong ngôn giáo, từ kệ đến một chương một phẩm, một bộ gọi là tự. Tất cả đều có thể hiểu rõ như ý chính thuyết, nên gọi là tự tại.

Luận nói: do chuyển y sự chấp tướng sai biệt của tướng ẩm.

Giải thích: Tướng thức là tướng ẩm. Chấp tướng sai biệt là thể của tướng. Do chuyển y tướng ẩm nên được tự tại này.

Luận nói: Tự tại thứ tư là biến hóa, cải đổi, dẫn nhiếp đại hội, dẫn nhiếp bạch tịnh phẩm,

Giải thích: Chưa có hiện ra có và phân chia một thành nhiều là biến hóa. Chuyển đổi bản tính thành ra khác là vì muốn thấy chúng sinh tùy chỗ xa gần mà dẫn dắt như ý. Trời, người, Dạ-xoa v.v... đến Đại tập hội, tùy theo sự thích nghi của chúng, dùng Tứ nhiếp mà nhiếp hóa. Hữu lưu thiện gọi là bạch. Vô lưu thiện gọi là tịnh. Dẫn đạo pháp bạch tịnh phẩm này sinh khởi liên tục, tất cả những việc này đều được như ý nên gọi là tự tại.

Luận nói: do sự chuyển y của hành ẩm.

Giải thích: Hành thức là hành ẩm. Tác ý là thể của hành. Do chuyển y hành ẩm nên được tự tại này.

Luận nói: Tự tại thứ năm là hiển rõ trí bình đẳng, trí hồi quán, trí tác sự,

Giải thích: Như Lai đối với tất cả pháp không có lỗi lầm, chúng biết chẳng phải cảnh hiện tiền như đối cảnh hiện tiền. Ví như người nhớ thuộc những câu văn đã luyện tập, gọi là hiển rõ trí. Từ thông đạt chân như đến nay, đối với tất cả chúng sinh được tâm bình đẳng. Do chúng pháp thanh tịnh bình đẳng nên gọi là trí bình đẳng, có thể giữ gìn Tam-ma-đề Đà-la-ni môn. Trong pháp môn này muốn lấy một pháp nào đều được như ý không ngại. Ví như người tài chủ giữ kho tàng của mình lấy ra dùng không ngại, gọi là trí hồi quán. Có thể thể thụ sinh trời Đâu-suất và Bát-niết-bàn để tạo thiện căn vô lưu cho Thanh Văn và Bồ-tát ở bậc thấp, có thể hiển thị việc của Như Lai, gọi là trí tác sự. Tất cả các việc như thế đều được như ý, nên gọi là tự tại.

Luận nói: do chuyển y thức âm.

Giải thích: Thức thức là thức âm. Hiểu rõ phân biệt là thể của thức. Chuyển y thức âm thì được tự tại này.

Luận nói: Pháp thân này y chỉ bao nhiêu pháp?

Giải thích: Muốn hiển thị vô lượng công đức của Như Lai đều từ pháp thân sinh, lấy pháp thân làm y chỉ, nên có câu hỏi này.

Luận nói: Nếu nói đại lược chỉ có ba.

Giải thích: Nếu nói rộng là vô lượng pháp y chỉ. Nay lược nói chỉ có ba.

Luận nói: Đó là chỗ y chỉ các trụ xứ của chư Phật Như Lai.

Giải thích: Trụ có 4 thứ: Thiên trụ, Phạm trụ, Thành trụ và Phật trụ. Trong các trụ, Như Lai phần nhiều trụ nơi 4 pháp này. Cho nên riêng nói 4 thứ này. Đắc có 2 thứ: một là tự tại đắc, hai là hiện tiền đắc. Khi mới thành Phật, tất cả pháp Như Lai đều được đầy đủ, gọi là tự tại đắc. Sau đó tùy chỗ sử dụng, gọi là hiện tiền đắc. Nếu chúng pháp thân, tất cả pháp Như Lai đều được tự tại. Pháp thân là trụ v.v..các pháp y chỉ. Bởi vì sao? Vì không lìa pháp thân, mới được pháp này.

Luận nói: Ở đây có bài kệ như sau:

Giải thích: Muốn làm rõ pháp thân là trụ.v.v...pháp y chỉ, nên lại nói kệ

Luận nói:

*Chư Phật Như Lai thụ năm hỷ,*

Giải thích: Bồ-tát cũng có 5 thứ này, có điều là chưa viên mãn. Chỉ có Phật đầy đủ cho nên nói “Chư Phật Như Lai”. Thể của hỷ chỉ có một, nhưng bởi không mất tối thắng làm thể, do 5 nhân mà được, nên nói 5 hỷ.

Chư Phật tự được giải thoát, dùng hóa thân giáo hóa người Nhị thừa khiến được giải thoát. Vì sao Như Lai tự thụ 5 hỷ mà Nhị thừa không được?

Luận nói:

*Đều do đã chứng được tự giới.*

*Nhị thừa không có do không chứng,*

Giải thích: Do nhân khác nên quả không giống nhau. Do chứng tự giới là nhân. Năm hỷ là quả. Giới là tính của Như Lai, tức tính tịnh pháp thân. Như Lai chứng do đại công năng, không do không có nhân, không do gì khác mà được, nên nói chứng tự giới. Do chứng tự giới nên được quả 5 hỷ. Nhị thừa không chứng giới này, nên không có 5 hỷ.

Luận nói:

*Muốn được thì phải chứng Phật giới.*

Giải thích: Nếu người muốn cầu pháp 5 hỷ, ắt phải tu đạo chứng pháp thân. Bởi vì sao? Bởi quả không tách rời nhân mà được. Kệ này cho thấy pháp thân là y chỉ của 5 hỷ. Do chứng pháp thân nên được 5 hỷ, không chứng pháp thân thì không có 5 hỷ.

Luận nói:

*Do năng vô lượng và tác sự,  
Do pháp mỹ vị muốn được thành.*

Giải thích: Kệ này cũng do 5 nhân nên gọi 5 hỷ. Năm đó là gì? Một là nhân tự năng lực vô lượng nên sinh hỷ. Tất cả Phật đồng giác liễu pháp thân. Tất cả Phật đồng được thắng năng. Thắng năng của tất cả Phật tức thắng năng của một Phật. Thắng năng một Phật bằng thắng năng tất cả Phật. Bởi vì sao? Chư Phật đồng một pháp thân làm thể. Thể đã là một nên thắng năng của bao nhiêu Phật tức là thắng năng của một Phật. Thắng năng của chư Phật vô lượng. Thắng năng của một Phật cũng vô lượng. Cho nên thắng năng của một Phật được bằng thắng năng của chư Phật. Pháp thân chư Phật đồng được thắng năng cho nên sinh hỷ. Do thấy chúng tự giới được thắng năng này cho nên sinh hỷ.

Hai là nhân tác sự nên sinh hỷ. Một Phật làm việc lợi ích chúng sinh là chính sự của tất cả Phật, là việc lợi ích tất cả chúng sinh. Bởi vì sao? Tất cả Phật kiến tạo Tịnh độ lợi ích chúng sinh, tức là chính sự của một Phật. Giả như tất cả Phật không làm chính sự, một Phật làm chính sự thì đều thông đến chính sự của chư Phật. Nếu lợi ích một chúng sinh, tức lợi ích tất cả chúng sinh. Nếu một chúng sinh thành Phật, chúng sinh này lại có thể giáo hóa tất cả chúng sinh, như vậy chuyển sinh lợi ích. Nếu chư Phật đã chúng tự giới, thì thành lập chính sự này. Do thấy chúng tự giới làm chính sự nên sinh hỷ.

Ba là nhân pháp mỹ vị nên sinh hỷ. Do Như Lai xưa kia học 3 thừa, 12 bộ kinh, sau khi thành Phật đều quán tất cả pháp, không pháp nào không từ pháp thân này sinh, không một pháp nào không hoàn chúng pháp thân này. Cho nên tất cả pháp môn đều đồng một pháp thân làm vị. Do thấy Tu-đa-la, Kì-dạ v.v... các kinh cùng một vị pháp thân nên sinh hỷ.

Bôn là nhân dục đứ thành nên sinh hỷ. Sở dục đượ thành, công đứ cũng thành. Sở dục thành là như Phật nghĩ điều gì thì không điều gì không thành tựu. Nghĩa là Tịnh độ và Đại tập hội các việc v.v... Công đứ thành là 10 lực, 4 không sợ hãi v.v... pháp không chung của tất cả Như Lai không pháp nào không viên mãn. Do thấy hai việc thành nên sinh hỷ.

Luận nói:

*Được hỷ tối thắng mà không mất,*

Giải thích: Quá sự hỷ lạc của 3 cõi nên tối thắng. Tất cả hoặc cho đến tập khí đều hết không còn thừa nên không mất.

Luận nói:

*Chư Phật hằng thấy bốn vô tận.*

Giải thích: Lại nữa Như Lai thấy 4 hỷ trước, cho đến tận cùng sinh tử không diệt hết, dẫu nhập vô dư Niết-bàn cũng không diệt hết, nên sinh hỷ.

Tướng hỷ lạc này như thế nào?

Một là vượt trội hơn cả, quá hơn cả hỷ lạc của 3 cõi và Nhị thừa. Hai là không mất. Tất cả hoặc cho đến tập khí diệt hết không sót. Đây rõ ràng là rất viên mãn và rất thanh tịnh. Đó gọi là thứ nhất y chỉ của tự lợi.

Luận nói: Y chỉ của các thứ thụ dụng thân là để thành thực thiện căn chư Bồ-tát.

Giải thích: Ứng thân chư Phật vô lượng, nên nói “Các thứ”. Lại nữa ứng thân của mỗi vị Phật không thể nói hết phẩm loại, nên nói “Các thứ”. Pháp thân này là y chỉ của ứng thân.

Vì sao là y chỉ? Vì sinh thân này, nếu lìa ứng thân thì thiện căn của đấng địa Bồ-tát không thành thực đượ, nên phải có ứng thân.

Ứng thân do pháp thân lập nên pháp thân là y chỉ của ứng thân. Đây tức là thứ hai lợi ích y chỉ của Bồ-tát.

Luận nói: Y chỉ của các thứ hóa thân là để thành thực nhiều thiện căn cho Thanh Văn, Độc Giác.

Giải thích: Pháp thân này không chỉ là y chỉ của ứng thân mà cũng là y chỉ của hóa thân. Bởi vì sao? Nếu lìa hóa thân thì hạ nguyện chúng sinh, tức Thanh Văn, Độc Giác, thiện căn của họ không thành thực được. Nói “nhiều” nghĩa là không chỉ lợi ích nguyện lạc cho Nhị thừa, mà trong đây thiện căn của Bồ-tát cũng nhân hóa thân mà được thành thực. Cho nên pháp thân là y chỉ của hóa thân. Đây tức thứ ba lợi ích y chỉ của Nhị thừa.

## NHIẾP ĐẠI THỪA LUẬN THÍCH

### QUYÊN 14

#### Giải thích trí sai biệt thắng tướng 10-2

Luận nói: Có bao nhiêu thứ Phật pháp gồm trong pháp thân này?

Giải thích: Đặt câu hỏi này không phải để hiển thị cái thể trong pháp thân mà hiển thị pháp chứng đắc trong pháp thân.

Luận nói: Nếu nói đại lược có 6 thứ:

Giải thích: Nếu nói rộng có vô lượng thứ. Nay đại lược chỉ nói 6 thứ.

Luận nói: Một là loại pháp thanh tịnh.

Giải thích: Diệt hết bất tịnh phẩm chứng được pháp thân, gọi là pháp thanh tịnh.

Làm thế nào được pháp thanh tịnh này?

Luận nói: Một là do chuyển y thức A-lê-da,

Giải thích: Khi khởi đối trị, lìa một phần bất tịnh phẩm của bản thức, tương ưng với một phần tịnh phẩm của bản thức, gọi là chuyển y.

Luận nói: do chứng được pháp thân.

Giải thích: Do chuyển y này, sau Kim cương đạo chứng được pháp thân. Ngoài diệt đức, các đức khác gọi là pháp thanh tịnh. Là loại chứng đắc nên gọi là loại pháp thanh tịnh.



Luận nói: Hai là loại pháp quả báo,

Giải thích: Có pháp Như Lai là loại quả báo. Như trí thấy sắc v.v... gọi là pháp quả báo.

Làm thế nào được pháp quả báo này?

Luận nói: do chuyển y hữu sắc căn,

Giải thích: Khi khởi đối trị, diệt sắc thức của nhãn căn v.v..., 5 căn như vậy, gọi là chuyển y.

Luận nói: do chúng được quả báo thắng trí.

Giải thích: Do chuyển y này, chư Phật được quả báo loại trí. Trí này trong 5 trần đúng với thức do 5 căn sinh của chúng sinh trong 10 phương thế giới. Trí này khởi trong 5 trần, nên gọi là quả báo loại. Quả báo loại pháp này là loại chứng đắc, nên gọi là quả báo loại pháp.

Luận nói: Ba là pháp trụ loại,

Giải thích: Như Lai chứng khắp được tất cả pháp, gọi là trụ pháp.

Làm thế nào được trụ pháp này?

Luận nói: do chuyển y thụ hành dục trần,

Giải thích: Khi khởi đối trị, diệt thế gian thụ hành dục trần thức, nên gọi là được chuyển y.

Luận nói: do trụ vô lượng trí tuệ.

Giải thích: Do chuyển y này, Như Lai được vô lượng trí trụ vô lượng cảnh đều không quên mất. Trí này tức đúng với cái xúc trong thụ hành dục trần có quên mất. Thức tức là cái thể của tứ bất hộ. Pháp trụ loại này là loại chứng đắc, nên gọi là pháp trụ loại.

Luận nói: Bốn là loại pháp tự tại,

Giải thích: Thắng năng không ngại trong tất cả mọi nơi, gọi là pháp tự tại.

Làm thế nào được pháp tự tại này?

Luận nói: do chuyển y các nghiệp, thâm nhiếp bình đẳng tự tại,

Giải thích: Trong thế gian có nhiều thứ nghề nghiệp như làm nông, thương mại v.v... hoặc tích trữ của cải tiền bạc gồm các thứ. Khi khởi đối trị, diệt thức của các nghiệp này v.v, gọi là chuyển y.

Luận nói: do trí lực thông này tự tại vô ngại trong tất cả mười phương thế giới.

Giải thích: Do chuyển y này được trí lực thông vô ngại trong 10 phương thế giới. Pháp tự tại này là loại chứng đắc, nên gọi là loại pháp tự tại.

Luận nói: Năm là loại pháp ngôn thuyết,

Giải thích: Như Lai có bất cộng, được 4 vô ngại giải, trong chính thuyết có đầy đủ thắng năng, nên nói là thuyết pháp.

Làm thế nào được pháp ngôn thuyết này?

Luận nói: do chuyển y ngôn thuyết của tất cả thấy nghe hay biết,

Giải thích: Trong thế gian có ngôn thuyết thấy nghe hay biết, y 6 thức cảnh khởi ý thức phân biệt. Do phân biệt này sinh 4 thứ ngôn thuyết. Khi đối trị khởi, diệt cái thức ngôn thuyết này, gọi là chuyển y.

Luận nói: do trí chính thuyết tự tại này có thể khiến thỏa mãn tất cả tâm chúng sinh.

Giải thích: Do chuyển y này, Như Lai trong 4 ngôn thuyết được bất cộng 4 vô ngại giải, có thể như ý nói pháp xứng căn tính chúng sinh đều khiến đắc quả. Pháp ngôn thuyết này là loại chứng đắc, nên nói là loại pháp ngôn thuyết.

Luận nói: Sáu là loại pháp cứu tế,

Giải thích: Là ý chư Phật lợi ích an lạc chúng sinh, tức là Đại bi.

Làm thế nào được sự cứu tế này?

Luận nói: do chuyển y ý cứu giúp tất cả tai họa lỗi lầm,

Giải thích: Trong thế gian, như vua v.v...tai họa khởi, Bồ-tát xưa do sức của thiện hữu, do thế lực của tự mình, do tài vật lực v.v... cứu vớt tai họa lỗi lầm cho chúng sinh. Khi khởi đối trị, diệt cái thức cứu vớt này, gọi là chuyển y.

Luận nói: do trí tuệ tự tại cứu giúp tai họa lỗi lầm tất cả chúng sinh.

Giải thích: Do chuyển y này có thể như ý cứu tế tất cả tai họa lỗi lầm cho chúng sinh. Pháp cứu tế này là loại pháp chứng đắc, nên gọi là loại pháp cứu tế.

Luận nói: Như thế 6 thứ loại pháp này được gồm thâu trong pháp thân chư Phật Như Lai.

Giải thích: Sáu pháp này trước 4 là tự lợi, sau 2 là lợi tha. Lợi tha có 2 thứ: lợi vĩnh viễn và lợi tạm thời. Lợi vĩnh viễn là chân thật. Lợi tạm thời là giả danh. Cả hai đều là loại pháp thân chứng đắc, nên nói là nhiếp pháp.

Luận nói: Pháp thân chư Phật có thể nói là có sai biệt hay không sai biệt?

Giải thích: Mười phương chư Phật là đồng một pháp thân, là phải có khác.

Luận nói: Do chỗ y chỉ, ý lạc, dụng nghiệp thì không khác, nên phải biết là không sai biệt.

Giải thích: Chư Phật đồng lý pháp thân làm y chỉ. Đối với ý dụng lợi ích an lạc chúng sinh cũng đồng, ở trong chúng sinh hiện thành chính giác, cho đến Bát-niết-bàn nghiệp này cũng đồng. Do nghĩa này, phải biết pháp thân chư Phật là không sai biệt.

Luận nói: Nhưng do về sự, có vô lượng chính giác, nên phải biết là có sai biệt.

Giải thích: Có chư Phật trong pháp thân đã được chính giác, cho đến đã Bát-niết-bàn. Có chư Phật đúng lúc được chính giác. Có chư Phật sẽ được chính giác, cho đến Bát-niết-bàn cũng vậy. Có vô lượng sự việc như thế, trước sau không đồng, cho nên phải biết pháp thân có sai biệt.

Luận nói: Như pháp thân, thụ dụng thân cũng vậy,

Giải thích: Chư Phật ứng thân không sai biệt, có sai biệt, nghĩa giống như pháp thân.

Luận nói: do y chỉ nghiệp không khác nên phải biết là không sai biệt.

Giải thích: Mười phương chư Phật, ứng thân đồng y chỉ pháp thân. Y chỉ không khác nên ứng thân không sai biệt. Ứng thân lấy hóa thân làm nghiệp. Ứng thân chư Phật không ứng thân nào không là y chỉ của hóa thân. Khởi nơi hóa thân bởi nghiệp đồng, nên không có sai biệt.

Luận nói: Không do y chỉ sai biệt nên không sai biệt, vì vô lượng y chỉ chuyển y.

Giải thích: Vô lượng Bồ-tát tu đạo chuyển y, như số lượng của Bồ-tát ứng thân cũng vậy. Không do y chỉ không sai biệt mà nói không sai biệt, do thân đều khác nên ứng thân cũng vậy, cho nên có sai biệt.

Luận nói: Nên biết biến hóa thân như thụ dụng thân.

Giải thích: Do y pháp thân nên không sai biệt. Do y ứng thân nên có sai biệt.

Luận nói: Pháp thân này tương ưng với bao nhiêu công đức?

Tương ứng với 4 vô lượng cực kỳ thanh tịnh, với 8 giải thoát, 8 chế, 8 thập nhất thiết nhập, vô tránh Tam-ma-đề, nguyện, trí, 4 vô ngại giải, 6 thông tuệ, 32 tướng của đại nhân, 80 tiểu tướng, 4 thứ nhất thiết tướng thanh tịnh, 10 lực, 4 vô úy, 4 vô hộ, 3 niệm xứ, nhỏ bỏ tập khí, pháp không quên mất, Đại bi, 18 pháp không chung, các pháp tương ứng tất cả tướng tối thắng trí v.v...

Giải thích: Thân này tương ứng với các pháp công đức, cho nên gọi là pháp thân muốn hiển thị pháp tương ứng, vì thế có câu hỏi này.

Luận nói: Ở đây có bài kệ như sau:

Giải thích: Kệ có 2 nghĩa: một hiển thị công đức của Như Lai, hai hiển thị cung kính người có công đức.

Luận nói:

*Đại bi đối chúng sinh,  
Lìa các ý trói buộc.  
Ý không lìa chúng sinh,  
Kính lễ ý lợi lạc.*

Luận nói: “Đại bi đối chúng sinh”

Giải thích: Một kệ dưới đây hiển thị 4 vô lượng. Câu này là nói Đại bi.

Luận nói: “Lìa các ý trói buộc.”

Giải thích: Câu này nói đại từ. Lìa ý nhiệm trước, cho chúng sinh an lạc.

Luận nói: “Ý không lìa chúng sinh,”

Giải thích: Câu này nói Đại hỷ. Chúng sinh nếu lìa khổ được an vui thì nơi chúng sinh thường khởi tâm hoan hỷ.

Luận nói: “Kính lễ ý lợi lạc.”

Giải thích: Câu này nói Đại xả. Xả bỏ ý cứu khổ cho vui, thường giữ ý lợi lạc. Lại xả bỏ các tướng oán thân, thường giữ ý lợi lạc bình đẳng. Do có đức này, nên đỉnh lễ. Lại nữa lia các ý trói buộc, tức nói lia bi tâm của ngoại đạo và Nhị thừa. Bi tâm của ngoại đạo duyên chúng sinh mà khởi nên là trói. Bi tâm của Nhị thừa duyên pháp mà khởi nên là buộc. Đại bi của Như Lai không duyên vào hai cái này, nên nói là lia. Đại bi đã vậy, từ v.v... cũng vậy. Không lia ý chúng sinh nghĩa là tuy lia duyên chúng sinh và duyên pháp, nhưng Như Lai đối với chúng sinh thường không lia 4 ý vô lượng. Đối với người có khổ, không lia ý cứu khổ. Đối với người không vui, không lia ý cho vui. Đối với người đã lia khổ lạc, không lia ý hoan hỷ. Đối với chúng sinh như vậy, không lia ý bình đẳng, ý lợi lạc. Đỉnh lễ là khiến được ích xuất thế gian làm lợi, khiến được ích thế gian làm lạc. Bốn thứ vô lượng đủ cả 2 ích này.

Luận nói:

*Giải thoát tất cả chướng,  
Hàng phục người thế trí.  
Trí tuệ biến mãn khắp,  
Kính lễ tâm giải thoát.*

Luận nói: “Giải thoát tất cả chướng,”

Giải thích: Kệ này hiện thị 3 đức. Câu bày nói 8 giải thoát. Tám giải thoát trừ 2 thứ chướng: một tu tập chướng, hai thắng loại chướng. Tám giải thoát đủ 2 nghĩa: một vô lưu, hai cứu cánh. Là vô lưu nên trừ tu tập chướng, tức kiến đế v.v... các hoặc. Là cứu cánh nên trừ thắng loại chướng, tức tâm hạ liệt.

Luận nói: “Hàng phục người thế trí.”

Giải thích: Câu này nói 8 chế nhập. Là vô lưu chẳng phải cứu cánh. Là cứu cánh chẳng phải vô lưu. Thuộc 8 chế nhập cho nên khác 8 giải thoát. Tâm có thể chế ngự cảnh khiến cảnh theo tâm, nên gọi là hàng phục. Người thế trí tức là Phật.

Luận nói: “Trí tuệ biến mãn khắp,”

Giải thích: Câu này nói 10 nhất thiết nhập. Phải biết là 10 cảnh. Trí duyên 10 cảnh. Biến khắp nơi nên nói là biến mãn.

Luận nói: “Kính lễ tâm giải thoát.”

Giải thích: Tâm ở 3 nơi này đều được giải thoát.

Luận nói:

*Các chúng sinh không sót,  
Diệt trừ hết hoặc chướng.  
Hại hoặc có nhiễm ô,  
Kính lễ thường xót thương.*

Luận nói: “Các chúng sinh không sót, Diệt trừ hết hoặc chướng.”

Giải thích: Kệ này nói về Vô tránh Tam-ma-đề. Tất cả những gì làm ra không khởi phiền não tranh cãi với chúng sinh.

Luận nói: “Hại hoặc có nhiễm ô, Kính lễ thường xót thương.”

Giải thích: Phật có thể hại các hoặc của chúng sinh. Chúng sinh có nhiễm ô, Như Lai thường khởi tâm thương xót.

Luận nói:

*Không dụng công, không chấp,  
Không ngại, thường vắng lặng.*

Giải thích: Nửa kệ này nói về nguyện trí. Muốn biết tất cả việc trong 3 đời là nguyện. Như Lai đều có thể chứng biết là trí. Tu tập thuần thực nên không dụng công. Tập khí hết nên không chấp trước. Do 2 nghĩa này nên đều có thể chứng biết cảnh trong 3 đời. Như lượng có thể biết nên không ngại. Như Lai hằng không xuất quán nên vắng lặng. Vắng lặng hiển thị không dụng công. Không ngại hiển thị không chấp trước.

Luận nói:

*Chúng sinh có nghi nan,  
Kính lễ vì giải thích.  
Năng y và sở y,  
Ngôn ngữ và trí tuệ,  
Giảng giải không trở ngại,  
Kính lễ đáng đạo sư.*

Luận nói: “Chúng sinh có vấn nạn, Kính lễ vì giải thích.”

Giải thích: Một kệ rưỡi dưới đây nói về 4 vô ngại giải. Do đủ 4 sự hiểu biết nên có thể giải thích sự nghi nan của chúng sinh.

Luận nói: “Nơi y và năng y, Ngôn ngữ và trí tuệ,”

Giải thích: Nơi y là nghĩa. Năng y là các pháp môn. Nên nói thì mới nói. Và trí là biện luận một cách khéo léo.

Luận nói: “Giảng giải không trở ngại,”

Giải thích: Trong 4 cái này công năng không trở ngại, nói cho người khác cũng không trở ngại.

Luận nói: “Kính lễ đáng đạo sư.”

Giải thích: Đã lia hoặc ái, những gì nói ra là không cầu ướ, người có cái đức có thể nói gọi là thuyết giả.

Luận nói:

*Tiếp thụ, trụ và xả,  
Biến hóa và đổi tính.  
Được định trí tự tại,  
Kính lễ đáng Thế Tôn.*

Giải thích: Kệ này nói về thông tuệ. Nếu thọ mạng hết có thể nhiếp thụ khiến dài lâu, cho đến trải 8 vạn Đại kiếp. Chẳng phải chỉ 8 vạn kiếp mà thôi, muốn trụ lại nhiều kiếp cũng được như ý. Muốn xả bỏ cũng được như ý. Lại ở trong các định cũng có được 3 năng lực



này. Từ trong một thân phân ra vô lượng thân là biến hóa. Chuyển vàng thành đất v.v... là đổi tính. Thông tuệ đều do định mà thành như ý không ngại nên nói “Được định trí tự tại”.

Luận nói:

*Các chúng sinh thấy ngài,  
Tín kính đức Điều ngự.  
Do thấy sinh tịnh tâm,  
Kính lễ Điều thẳng sĩ.*

Giải thích: Kệ này hợp lại nói về 32 tướng của Đại nhân, 80 tiểu tướng của chúng sinh. Thấy đại tiểu tướng của Phật sinh tâm kính tín. Như Lai là bậc tối thắng, đại tiểu tướng của Như Lai đều có thể sinh tâm thanh tịnh cho chúng sinh.

Luận nói:

*Tùy ngôn ngữ âm thanh,  
Đi về rồi xuất ly.  
Chúng biết các chúng sinh,  
Kính lễ đáng giáo hóa.*

Giải thích: Kệ này nói về 4 thứ Nhất thiết tướng thanh tịnh. Tùy theo hình loại và ngôn ngữ âm thanh của chúng sinh mà thị hiện. Như chúng sinh kia thụ sinh đời quá khứ gọi là vãng, thụ sinh hiện tại gọi là hoàn. Đi về trong hai đời. Được đạo quả 3 thừa là xuất ly. Phật đều chúng biết việc này. Nếu thích hợp thì vì nói chính giáo. Do 4 thanh tịnh nên có công năng này.

Luận nói:

*Phương tiện, quy y, tịnh,  
Trong các chúng sinh chướng.  
Pháp Đại thừa xuất ly,  
Kính lễ đáng phá ma.*

Giải thích: Từ xuất gia thụ giới cho đến Thế đệ nhất pháp đều gọi là phương tiện. Khổ pháp nhân cho đến quả thứ hai là quy y. Đã được 4 bất hoại tín nên quả thứ ba và thứ tư là tịnh. Bởi lia dục ở cõi Dục cho đến cõi Sắc, nên trong khoảng này. Ma hay gây chướng ngại chúng sinh khiến không được đạo quả này. Nếu trong Đại thừa tu hạnh 10 địa, xuất ly 3 chướng, nhưng trong đó ma cũng có thể gây chướng ngại. Do Như Lai có đủ thập lực có thể vì chúng sinh đè bẹp các ma.

Luận nói:

*Trí, diệt và xuất ly,  
Nói rõ các chướng sự.  
Mình người đều được lợi,  
Kính lễ đáng phá tà.*

Giải thích: Kệ này nói 4 không sợ hãi. Trí tức Nhất thiết trí vô úy. Diệt tức Lưu tận vô úy. Xuất ly tức Thuyết tận khổ đạo vô úy. Chướng sự tức Thuyết chướng đạo vô úy. Nếu có ngoại đạo bài báng Phật nói chẳng phải Nhất thiết trí, hoặc nói các lưu chưa hết, hoặc nói Như Lai nói hết đạo hết khổ vậy mà tu không hết khổ được. Nói khởi pháp chướng đạo thì các chướng này không hại được đạo. Trong đó Như Lai có thể hàng phục tà ma, không sợ hãi.

Luận nói:

*Không cảm không lỗi làm,  
Không ô nhiễm không trụ.  
Với các pháp, không động,  
Kính lễ không hý luận.*

Giải thích: Kệ này nói về 4 bất hộ. Không thầy ngăn cấm, thân, khẩu, ý, mạng tự không có lỗi làm 10 điều ác. Không phải chỉ không tham sân tà kiến phiền não, mà tất cả phiền não đều đã diệt hết. Không đả trước các pháp nên nói là không nhiễm trước, không trụ.

Không nảy ý nghĩ là biết các pháp, các pháp không có nghĩa gì lại phải học, lia phân biệt, trí tuệ đầy khắp nên nói là không động. Lỗi lầm đã trừ nên không hý luận.

Luận nói:

*Giảng thuyết điều phục chúng,  
Xa lia hai hoặc chướng.  
Không giữ .không quên mất,  
Kính lễ đáng nhiếp hóa.*

Giải thích: Kệ này nói về 3 niệm xứ. Nếu có chúng sinh trong Đại pháp hội nghe Như Lai thuyết pháp sinh hủy báng, Như Lai cũng không giận. Nếu sinh tin tưởng thụ trì, Như Lai cũng không yêu. Nếu không hủy báng không tin, Như Lai cũng không bỏ. Trong 3 trường hợp này thường khởi Đại bi, dùng sức phương tiện nói chính pháp, khiến chúng nhập lý. Trong đại chúng, Phật có năng lực hàng phục các chúng sinh như vậy. Vì chúng thuyết chính pháp, không khởi sân, dục hai hoặc. Đã không sân, dục tức biết không có vô minh. Không do tâm bảo vệ gìn giữ nên không quên mất. Đại niệm, Đại bi thường tự kiên cố không quên mất. Dùng Đại bi này có thể nhiếp hóa đại chúng.

Luận nói:

*Vì sự nghiệp lợi tha,  
Thế Tôn không chờ thời.  
Việc làm không trống rỗng,  
Kính lễ đáng không mê.*

Giải thích: Mười phương vô lượng chúng sinh, trong một sát-na phải được lợi ích. Như Lai dùng sức Đại bi trong mỗi sát-na đều khiến được lợi ích không bỏ luống qua. Cũng không một chúng sinh khi đắc đạo, đợi cho khi sắp đến mới vì nói pháp. Tất cả mọi việc làm đều ứng thời được lợi ích, cho nên việc làm là không trống rỗng. Mê

là vô minh. Vô minh là thể của tập khí. Do tập khí hết nên lợi ích, chẳng phải hư dối rỗng suông.

Luận nói:

*Trong tất cả hành, trụ,  
Đều viên mãn trí tuệ.  
Biết khắp cả ba đời,  
Kính lễ đáng thật thể.*

Giải thích: Kệ này nói về không quên mất. Đã thụ sinh và chưa thụ sinh là hành. Chính thụ sinh là trụ. Việc trong 3 đời của chúng sinh đều là cảnh của trí tuệ viên mãn cho nên có thể biết khắp 3 đời. Chân như là thể nên gọi là thật thể. Do thể là thật, trí thì viên mãn nên không quên mất. Lại nữa Phật trong lúc tu nhân, tu thập địa là hành, đắc Phật là trụ. Trí viên mãn có thể thông đạt việc nhân quả này. Biết khắp 3 đời có thể thông đạt rõ ràng việc 3 đời của chúng sinh. Đây là giải thích sự thông minh có thể biết được mình và người.

Luận nói:

*Ngày đêm sáu thời quán,  
Chúng sinh trong các cõi.  
Tương ứng tâm Đại bi,  
Kính lễ đáng lợi lạc.*

Giải thích: Kệ này nói về Đại bi. Phật thường quán chúng sinh, nên nói 6 thời là muốn dùng đó làm khuôn phép tu đạo. Có hạnh tự lợi có hạnh lợi tha. Dùng 6 thời tu hạnh lợi tha, 6 thời tu hạnh tự lợi. Nói cõi chúng sinh tức nói tính của chúng sinh. Tính chúng sinh không đồng, hoặc nhân ác sinh thiện, hoặc nhân thiện sinh thiện, hoặc nhân sợ hãi sinh thiện, hoặc nhân hoan hỷ sinh thiện. Đại bi có thể hợp với tất các tính này mà hóa độ, cho nên đều cùng Đại bi tương ứng. Căn và dục lạc cũng vậy.

Luận nói:

*Do hành và do đắc,  
Do trí và do nghiệp,  
Hơn tất cả Nhị thừa,  
Kính lễ đáng cao tột.*

Giải thích: Kệ này nói về 18 pháp không chung. Hành là nhân. Đắc là quả. Trí là trí như lý như lượng. Sự tức việc lợi ích chúng sinh. Mười tám pháp không chung không ra ngoài 4 nghĩa. Không cùng với Nhị thừa v.v... nên nói không chung.

Luận nói:

*Ba thân rất tôn quý,  
Đủ tướng Vô thượng giác.  
Tất cả pháp nếu nghi,  
Kính lễ đáng năng trừ.*

Giải thích: Kệ này nói về trí tối thắng tất cả tướng. Ba thân tức 3 đức. Pháp thân là đoạn đức. Ứng thân là trí đức. Hóa thân là ân đức. Do 3 thân nên đủ 3 quả của đức tướng. Do được vô thượng giác nên tối thắng. Chúng sinh trong tất cả pháp sinh nghi, Như Lai đều có thể vì chúng đoạn trừ.

Luận nói:

*Không buộc, không lỗi làm,  
Không thô trước, không trụ,  
Đối các pháp không động,  
Kính lễ không hý luận.*

Giải thích: Kệ này nói về 6 thứ thanh tịnh của Như Lai: Một là hoặc chướng thanh tịnh, tức không trói buộc, do diệt hoặc v.v... 3 chướng. Hai là nghiệp chướng thanh tịnh, nghĩa là không lỗi làm, do diệt 22 nghiệp chướng. Ba là báo chướng thanh tịnh, nghĩa là không

thô trực, do trừ 7 thứ sinh tử. Bốn là lợi ích thanh tịnh, nghĩa là vô trụ, do không cách ngại sinh tử với Niết-bàn. Năm là tự tại thanh tịnh, nghĩa là không động đối với các pháp, không do dụng công, đối với tất cả các pháp có thể hiện như ý. Sáu là không hý luận thanh tịnh, do cảnh giới vượt quá ngôn ngữ giác quán tư duy. Ba trước nói về tự lợi. Ba sau nói lợi tha.

Luận nói: Pháp thân chư Phật không phải chỉ hằng tương ưng với các công đức này mà còn tương ưng với các công đức khác

Giải thích: Trước nói công đức là thông cả Đại thừa Tiểu thừa. Đã nói pháp thân tương ưng với công đức này, lại có công đức bất cộng của Đại thừa tương ưng với pháp thân.

Luận nói: như tự tính, nhân quả, nghiệp tương ưng, hành sự công đức tương ưng.

Giải thích: Trong đây lược nói 6 thứ công đức của Đại thừa tương ưng với pháp thân. Tức là tự tính pháp thân, nhân pháp thân, quả pháp thân, nghiệp pháp thân, tương ưng pháp thân, sinh khởi pháp thân.

Luận nói: Cho nên phải biết pháp thân chư Phật có công đức vô thượng.

Giải thích: Ở trong Đại Tiểu thừa không cùng chung với cái khác nên nói không có cái gì trên.

Luận nói: Ở đây có bài kệ như sau:

Giải thích: Đề nói 6 thứ công đức này, nên nói kệ.

Luận nói:

*Phật thành tựu chân như,  
Tu ra khỏi các địa.  
Đến địa vị vô đẳng,  
Giải thoát các chúng sinh.*

Luận nói: “Phật thành tựu chân như,”

Giải thích: Câu này nói về tự tính pháp thân. Thành tựu chân như là vô cấu thanh tịnh. Nếu ở trước đạo, trong đạo, các cấu uế chưa hết chưa được gọi thành tựu. Sau đạo các cấu uế đã hết nên gọi thanh tịnh. Chân như này là tự tính của pháp thân.

Luận nói: “Tu ra khỏi các địa.”

Giải thích: Câu này nói nhân của pháp thân. Trong lúc tu nhân, tu chân như, 10 địa cứu cánh thoát khỏi bì, hực, tâm 3 chương, tức trí, đoạn, 2 thứ chuyển y. Do chuyển y này nên được pháp thân.

Luận nói: “Đến địa vị vô đẳng,”

Giải thích: Câu này nói về quả của pháp thân. Nếu chứng quả của pháp thân thì được 4 quả đức: tịnh, ngã, lạc, thường. Tịnh thì không ngang hàng với xiển-đề, ngã thì không ngang hàng với ngoại đạo, lạc thì không ngang hàng với Thanh Văn, thường thì không ngang hàng với Độc Giác.

Luận nói: “Giải thoát các chúng sinh.”

Giải thích: Câu này nói về nghiệp của pháp thân. Nếu được quả này giải thoát chúng sinh. Giải thoát có 4 thứ, tức là an lập nghiệp thiện đạo và nghiệp 3 thừa, giải thoát phàm phu và người trong 3 thừa.

Luận nói:

*Công đức là vô tận,  
Tương ưng hiện thế gian.  
Nơi tam luân để hiện,  
Trời người chẳng ai bằng.*

Luận nói:”Công đức là vô tận, Tương ưng hiện thế gian.”

Giải thích: Hai câu này nói về tương ưng của pháp thân. Vô tận có 5 thứ công đức tương ưng với pháp thân: Một, thanh tịnh là thắng.

Hai, tất cả là thắng. Ba, vô lượng là thắng. Bốn, khó tư duy là thắng. Năm, vô tận là thắng. Từ sơ địa đến thất địa, đối trị các tập khí cấu uế như tật đố v.v...vĩnh viễn diệt không sinh làm y chỉ, các đức thanh tịnh là thắng, cùng pháp thân tương ưng. Ở địa thứ 8, không phân biệt, không gián đoạn thiếu sót, tự nhiên vô lưu đạo làm y chỉ. Chư Phật trong vô lưu giới tất cả công đức là thắng, cùng pháp thân tương ưng. Ở địa thứ 9 không thể đếm kể số biển Tam-ma-đề Đà-la-ni môn, có thể thâm nhiếp vô lượng pháp trí làm y chỉ cho nên từ biển này sinh mỗi một công đức đều vô lượng là thắng, cùng pháp thân tương ưng. Ở địa thứ 10, nơi tất cả Như Lai sở hữu bí mật, hiện tiền chứng trí là y chỉ, cho nên khó tư nghị là thắng, cùng pháp thân tương ưng. Sau đây khi chứng đắc Phật địa, trí giải thoát tất cả chướng là y chỉ, các công đức vô tận là thắng, cùng pháp thân tương ưng. Vô tận tức là thường trụ. Để hiển thị thường trụ nên nói hiện ở đời. Bốn công đức trước tuy là nói về sai biệt của các địa, nhưng đồng đến quả mới cứu cánh nên đều cùng pháp thân tương ưng.

Luận nói:

*Nơi tam luân dễ thấy,  
Trời người khó thấy được.*

Giải thích: Hai câu này nói về sinh khởi. Tam luân tức ba thân. Trong 3 thân, ứng hóa 2 thân dễ thấy, pháp thân khó thấy. Lại nữa pháp thân đối với Bồ-tát thực hành sâu và chư Phật thì dễ thấy, còn đối với 4 loài chúng sinh thì khó thấy như một là phàm phu, hai là Thanh Văn, ba là Độc Giác, bốn là Bồ-tát mới tu. Như kinh nói: Như Lai tạng chẳng phải cảnh giới đọa thân kiến chúng sinh, chẳng phải cảnh giới của du hí điên đảo chúng sinh, chẳng phải cảnh giới của không tán loạn Bồ-tát. Bởi vì sao? Người phàm phu đối với sắc v.v... các pháp không có tính như vậy, tính của chúng là chấp có ngã và ngã sở, không thể tin lạc nơi thân kiến diệt ly cam lồ giới, hưởng chi được chính giác Như Lai tạng của cảnh giới chư Phật. Người Nhị



thừa trong khi phải tu thường trụ tối thắng, đảo tu thường trụ tướng, du hý vô thường tướng, tu lạc ngã tịnh cũng vậy. Như thế người Nhị thừa do đảo tu không thể được đạo pháp thân của chư Phật. Vì trong đó du hý nên 4 đức tương ưng pháp thân chẳng phải cảnh giới của họ. Đối với tu hành, mê Như Lai tạng không đạo lý, tín lạc không giải thoát môn, chấp cho rằng diệt hữu vật là không, cho rằng các pháp lúc trước là có, sau thì đoạn diệt là không. Lại có các Bồ-tát, do được không tướng, tư duy chọn lựa nghĩa không, nghĩa là lìa sắc v.v... các pháp riêng có vật gọi là không, nay ta tu hành là để chứng cái không này, tương lai ắt sẽ được. Lý của Như Lai tạng là phi hữu phi vô, cho nên chẳng phải là cảnh giới hữu vô của loạn tâm thiên lệch chấp trước. Nói thiên, nhân v.v... tức 4 loại chúng sinh đã nói ở trước. Pháp thân là rất sâu, chẳng phải cảnh giới của họ. Sinh khởi hạnh mê hoặc của 4 loại chúng sinh đối với pháp thân, nên tự tính thân trong 3 thân chẳng phải là đối tượng nhân thiên có thể thấy được.

Luận nói: Lại nữa pháp thân Như Lai là rất sâu xa, cực kỳ sâu xa.

Giải thích: Vì khó tu hành, khó thông đạt, khó chứng đắc nên rất sâu xa, cực kỳ sâu xa. Lại nữa vì ngôn thuyết khó có thể hiểu thấu nên gọi là rất sâu xa. Phẩm loại chẳng phải một nên nói cực kỳ sâu xa.

Luận nói: Làm sao thấy được chỗ sâu xa này?

Giải thích: Dùng tướng gì có thể hiển thị chỗ rất sâu xa này để có thể thấy được?

Luận nói: Ở đây có bài kệ như sau:

Giải thích: Như trong Đại thừa hiển thị, có 12 nghĩa rất sâu của pháp thân. Nay dùng kệ để nói nghĩa này.

Luận nói:

*Phật không sinh mà sinh,  
Lấy không trụ mà trụ.*

*Việc làm không dụng công,  
Thụ thực: pháp thứ tư.*

Luận nói: “Phật không sinh mà sinh,”

Giải thích: Một kệ dưới đây nói về nghĩa rất sâu thứ nhất. Trong rất sâu này lại có 4 thứ rất sâu: một sinh, hai không trụ, ba nghiệp, bốn trụ. Câu này nói cái rất sâu của sinh. Chư Phật thụ sinh, vô sinh là tướng. Có 10 nhân để chứng minh nghĩa này: một vì không đồng tướng với vô minh, hai vì có nhiều thứ bất đồng, ba vì nhiếp thụ tự tại, bốn vì trụ tự tại, năm vì xả tự tại, sáu vì không hai tướng, bảy vì tương tự hiển hiện, tám vì ví dụ đồng ảo hóa, chín vì vô trụ xứ là trụ xứ, mười vì có thể thành tựu việc lớn.

Luận nói: “Lấy không trụ mà trụ.”

Giải thích: Câu này nói nghĩa rất sâu của không trụ. Cũng có 10 nhân để chứng minh nghĩa này: một vì chẳng phải lìa vĩnh viễn, hai vì diệt không hết, ba vì chư Phật chẳng phải hữu pháp, bốn vì biết phi hữu là tính, năm vì không sở đắc, không phân biệt, sáu vì do đã lìa tâm, bảy vì do được tâm, tám vì do tâm bình đẳng, chín vì trụ nhân là không thể được, mười vì không trụ nhân là không thể được.

Luận nói: “Việc làm không dụng công,”

Giải thích: Câu này nói nghĩa rất sâu của nghiệp. Cũng có 10 nhân để chứng minh: một vì tất cả ngại diệt, hai vì không y chỉ, ba vì phải không tư duy, bốn vì làm không làm tâm, năm vì nghiệp chẳng phải vận động, sáu vì không dụng công đối với phi hữu, bảy vì do nguyện đời trước có lợi ích nhanh chóng, tám vì việc làm đã xong, chín vì việc phải làm chưa xong, mười vì do tu hành thuần thực, tự tại trong tất cả pháp.

Luận nói: “Thụ thực: pháp thứ tư.”

Giải thích: Câu này nói nghĩa rất sâu về trụ. Cũng có 10 nhân để chứng minh: Một, vì hiển thị chư Phật không nhờ vào 4 cách ăn, để

cho thấy tự thân do cái ăn mà trụ. Hai, vì để nuôi lớn thiện căn chúng sinh. Ba, vì hiển thị cùng mọi người. Bốn, vì muốn khiến đệ tử như pháp học, thụ dụng 4 thứ mạng duyên. Năm, vì muốn khiến người khác học hạnh tri túc. Sáu, vì muốn khiến người khác khởi phương tiện chính cần. Bảy, vì thành thực thiện căn người khác. Tám, vì muốn hiển thị tự thân không nhiễm trước. Chín, vì để trị chính pháp cung kính tâm. Mười, vì viên thành bản nguyện sinh.

Nếu Như Lai do nghĩa này mà thụ thực thì trong 4 cách ăn thuộc về cách thứ mấy?

Thuộc cách ăn thứ tư. Bốn cách ăn ấy là: Một là phi thanh tịnh y chỉ trụ thực. Nghĩa là đoàn v.v... 4 cách ăn khiến thân chúng sinh trong cõi Dục được tương tục trụ. Chúng sinh trong cõi Dục đủ kiến, tu, 2 trói buộc nên y chỉ vào không thanh tịnh. Y chỉ này do 4 cách ăn mà được trụ, cho nên gọi là phi thanh tịnh y chỉ trụ thực. Hai là tịnh bất tịnh y chỉ trụ thực. Nghĩa là nghiệp thức tiếp xúc với 3 cách ăn, khiến chúng sinh cõi Sắc, cõi Vô sắc thân được tương tục trụ. Chúng sinh 2 cõi này đã lia các hoặc của hạ giới, chưa lia các hoặc của tự địa và thượng giới nên cũng y chỉ cả tịnh và bất tịnh. Y chỉ này do 3 cách ăn được trụ nên gọi là tịnh bất tịnh y chỉ trụ thực. Ba là thanh tịnh y chỉ trụ thực. Nghĩa là đoàn v.v... 4 cách ăn khiến thân Thanh Văn, Độc Giác được tương tục trụ. Người Nhị thừa đã hết hoặc trong 3 cõi, y chỉ thanh tịnh. Y chỉ này do 4 cách ăn được trụ, nên gọi là thanh tịnh y chỉ thực trụ. Bốn là có thể hiển thị y chỉ trụ thực, đoàn v.v... 4 cách ăn đều là chư Phật thụ thực. Bởi vì sao? Vì chư Phật do sự thụ thực nên hiển thị tự thân được trụ ở đời để sinh trưởng tịnh tín cho thí chủ, để làm nhân cho thiện căn công đức. Việc thụ thực này không làm việc thụ thực của Như Lai. Khi Như Lai thụ thực, chư thiên làm chúng sinh thụ thí, đó là ý Như Lai hứa khả, cho nên chúng sinh do việc thụ thực này sẽ được thành Phật, Để khiến chúng sinh được thành Phật nên Như Lai thị hiện dùng tay xúc thực. Tất cả nghĩa như thế đều là rất sâu.

Luận nói:

*Không khác, khác vô lượng,  
Vô số lượng, một việc.  
Nghịệp rất chắc, không chắc,  
Vô thượng ứng ba thân.*

Luận nói: “Không khác, khác vô lượng,”

Giải thích: Một kệ dưới đây nói về cái rất sâu thứ hai. Trong cái rất sâu này lại có 3 thứ rất sâu: một là an lập, hai là số, ba là nghịệp. Câu này nói về an lập rất sâu. Pháp thân chư Phật không sai biệt nên không khác. Chúng sinh có nhiều pháp y chỉ chứng được pháp thân này nên vô lượng.

Luận nói: “Vô số lượng, một việc.”

Giải thích: Câu này nói rất sâu về số. Chúng sinh trong 3 thừa số lượng không kể hết. Trong đó chư Phật thì một việc.

Luận nói: “Nghịệp rất chắc, không chắc, Vô thượng ứng ba thân.”

Giải thích: Hai câu này nói về nghịệp rất sâu. Chư Phật có 3 thân tương ứng. Thật thể thường trụ nên nói là vô thượng. Do ứng thân Như Lai nghịệp kiên cố, vì chân thật không thể chuyển đổi. Do hóa thân Như Lai nghịệp không kiên cố vì tạm dùng phương tiện dẫn xuất Nhị thừa, sau dùng ứng thân dạy dỗ họ tu đạo Bồ-tát.

Luận nói:

*Không một pháp năng giác,  
Không pháp nào không giác.  
Mỗi một niệm vô lượng,  
Hiện hiện có không có.*

Luận nói: “Không một pháp năng giác,”

Giải thích: Một kệ dưới đây nói về chính giác rất sâu, cái thứ ba. Nhân, pháp là phi hữu. Sở giác đã không, nên năng giác cũng không.

Luận nói: “Không pháp nào không giác.”

Giải thích: Chư Phật do giả danh nên không có gì chẳng phải Phật. Vì vậy không một pháp gì không phải giác.

Pháp này như thế nào:

Luận nói: “Mỗi một niệm vô lượng,”

Giải thích: Mỗi một sát-na vô lượng chư Phật chính giác chân như.

Nếu vậy chư Phật và chân như là một hay là khác? Nếu một thì không giác. Nếu khác thì không chân như.

Luận nói: “Hiện hiện có không có.”

Giải thích: Tất cả pháp gọi là có không có. Nghĩa là tất cả pháp không. Chư Phật là hiện hiện của các pháp không. Cho nên không thể nói năng giác, không thể nói là không giác.

Luận nói:

*Không dục, không lia dục,  
Y dục được xuất ly.  
Biết dục là không dục,  
Ngộ nhập dục như pháp.*

Luận nói: “Không dục, không lia dục,”

Giải thích: Một kệ dưới đây nói về nghĩa dục rất sâu thú vị. Do dục là bất hữu cho nên Như Lai vô dục. Từ căn bản là không dục nên cũng không lia dục. Nếu dục là có thì có lia dục. Dục đã vốn không, nên không lia dục.

Luận nói: “Y dục được xuất ly.”

Giải thích: Do các Bồ-tát đã vĩnh viễn trừ thượng tâm dục, chỉ còn lưu lại tùy miên dục nên chư Bồ-tát được xuất ly thành Phật. Bởi vì sao? Nếu không lưu lại tùy miên dục này thì đồng với Niết-bàn của Nhị thừa. nếu không trừ thượng tâm dục thì chẳng khác phàm phu.

Như Kinh Vô Thượng Y nói: Chư Bồ-tát nghĩ như vậy: Các hoặc xưa nay không nhập vào tự tính thanh tịnh tâm của chúng sinh. Các hoặc chỉ là khách trần do tự phân biệt khởi lên. Nay ta có thể vì trừ khách trần phiền não cho các chúng sinh có thể nói chính giáo như lý. Do ý niệm này Bồ-tát không khởi tâm hạ liệt. Bồ-tát do ý niệm này, đối với chúng sinh sinh tâm kính quý. Chư Bồ-tát lại nghĩ như vậy: Các hoặc là vô lực, vô năng. Bởi vì sao? Các hoặc không có y chỉ chân thật, hư vọng phân biệt các hoặc, chính tư duy như lý quán sẽ không khởi sai trái, cho nên chúng ta nên quán như thế này như thế này. Do quán này, các hoặc không sinh nhiễm trước nữa. Nếu các hoặc không nhiễm trước trở lại nữa là rất tốt, chẳng phải là nhiễm trước. Nếu ta bị nhiễm trước, ta làm sao có thể vì chúng sinh cởi bỏ phiền não trôi buộc, nói chính giáo như lý? Hoặc này có thể khiến sinh tử tiếp nối cùng thiện căn tương ưng, thành thực chúng sinh. Cho nên ta nay phải lưu lại hoặc này.

Luận nói: “Biết dục là không dục, Ngộ nhập dục như pháp.”

Giải thích: Bồ-tát thấy dục là tính phân biệt cho nên dục là không có. Tính không tướng của dục tức là dục pháp chân như. Bồ-tát biết dục là không có, được nhập vào chân như này nên đối với dục được xuất ly.

Luận nói:

*Chư Phật vượt năm ấm,  
Mà trụ trong năm ấm.  
Ấm chẳng một chẳng khác,  
Không xả ấm Niết-bàn.*

Luận nói: “Chư Phật qua năm ấm, Mà trụ trong năm ấm.”

Giải thích: Một kệ dưới đây nói về cái rất sâu thứ năm là diệt ấm. Chư Phật đã qua sắc v.v... 5 thủ ấm, do không được 5 ấm nên trụ trong ấm pháp.

Luận nói: “Ấm chẳng một chẳng khác,”

Giải thích: Chư Phật đã xả ấm phân biệt. Tính y tha với ấm chẳng phải một chẳng phải khác. Bởi vì sao? Sở trụ của Phật là 5 ấm chân như, là phân biệt y tha ấm gia pháp nên không khác. Do nghĩa này, tuy là một chẳng phải không khác. Chân như là cảnh giới thanh tịnh. Ấm chẳng phải cảnh giới thanh tịnh nên chẳng phải một.

Luận nói: “Không xả ấm Niết-bàn.”

Giải thích: Do hằng tương ưng với ấm chân như, không có nghĩa lìa bỏ, cho nên Như Lai Bát-niết-bàn tối thắng.

Luận nói:

*Việc chư Phật hòa đồng,  
Như nước trong biển lớn.  
Việc ta đã nên làm,  
Thì không nghĩ chuyện khác.*

Luận nói: “Việc chư Phật hòa đồng, Như nước trong biển lớn.”

Giải thích: Một kệ dưới đây là nói về nghĩa thứ sáu sự thành thực rất sâu. Việc cùng chung lợi ích đối với chúng sinh của chư Phật ví như các dòng sông chảy vào biển lớn, đều dùng cho các loại rùa cá. Như vậy chư Phật cùng nhập pháp giới chân như bình đẳng làm việc lợi ích thành thực chúng sinh.

Luận nói: “Việc ta đã nên làm, Thì không nghĩ chuyện khác.”

Giải thích: Ta đã làm việc lợi tha là việc chính phải làm, trong 3 đời hoàn toàn không có ý nghĩ so lường tính toán. Tuy không nảy ý nghĩ nhưng việc lợi ích thành tựu như pháp. Ví như ngọc báu Ma-ni và trống trời, không tác ý mà sự việc thành tựu.

Luận nói:

*Thế Tôn không xuất hiện,  
Như bình vỡ không trăng.*

*Phổ biến khắp thế gian,  
Pháp sáng như mặt trời.*

Luận nói: “Thế Tôn không xuất hiện, Như bình vỡ không trăng.”

Giải thích: Một kệ dưới đây nói về nghĩa hiển hiện rất sâu thú bảy. Chư Phật không hiện rõ trong thế gian, mà thế gian nói chư Phật thân thường trụ. Nếu thân thường trú sao không thấy hiện? Ví như cái đồ đựng bị vỡ không chứa được nước nên không thấy có mặt trăng hiển hiện chứ không phải không có trăng. Cũng như vậy chúng sinh không có Xa-ma-tha duy trì mà liên tục chỉ có tội lỗi thì đối với chúng sinh kia không thấy chư Phật hiển hiện cũng vậy. Nước ví cho tính duyên hoạt của Xa-ma-tha, nếu Phật không hiển hiện đâu phải không có Phật?

Luận nói: “Phổ biến khắp thế gian, Pháp sáng như mặt trời.”

Giải thích: Nếu chư Phật hiển hiện với chúng sinh không lỗi lầm, cũng hằng làm Phật sự, nói 12 bộ kinh 3 thừa như ánh quang minh, chắc chắn sẽ được chư Phật gieo giống thành thực giải thoát v.v.. các lợi ích. Như người mù , tuy không thấy ánh sáng mặt trời thường chiếu, mà người có mắt thì trông thấy.

Luận nói:

*Hoặc hiện được chính giác,  
Hoặc như lửa Niết-bàn.  
Hai pháp thật chẳng có,  
Vì chư Phật thường trú.*

Luận nói: “Hoặc hiện được chính giác, Hoặc như lửa Niết-bàn.”

Giải thích: Một kệ dưới đây nói ý nghĩa rất sâu thú tám của Bồ-đề Niết-bàn. Chư Phật có nơi thị hiện được chính giác, có nơi thị hiện nhập Niết-bàn. Ví như tính lửa, có nơi cháy có nơi tắt, chư Phật cũng vậy. Có các chúng sinh đã thành thực, Như Lai nơi chúng hiện



nhập Niết-bàn, chưa thành thực thì thị hiện được chính giác để chúng được thành thực và giải thoát. Ví như tính lửa, do chủng loại là một, pháp thân cũng vậy, do tính chân như là một.

Luận nói: “Hai pháp thật chẳng có, Vì chư Phật thường trú.”

Giải thích: Bồ-đề và Bát-niết-bàn là hai, chỉ biến khác tha tâm khiến tha tâm cho là hai thể, thật ra chẳng có, bởi pháp thân Như Lai thường trú không có trước sau.

Luận nói:

*Như Lai đối việc ác,  
Trong nhân loại, ác đạo,  
Đối pháp phi phạm hạnh,  
Trụ đệ nhất trụ ngã.*

Giải thích: Một kệ này nói ý nghĩa rất sâu thứ chín của trụ. Chư Phật Như Lai trụ ở tối thắng trụ, trụ ở tối thắng ngã. Chư Phật nếu trụ không lìa hai nơi này: hoặc trụ tối thắng trụ, hoặc trụ tối thắng ngã. Nói “việc ác” là tất cả các pháp bất thiện. Như Lai trong pháp bất thiện hằng trụ tối thắng trụ. Tối thắng trụ là chân không định, tức Thánh trụ. Chúng sinh nếu ở trong loài người, nếu ở trong ác đạo, Như Lai duyên chỗ ở của chúng sinh kia, hoặc do đệ tứ định tức Thiên trụ là tối thắng trụ, hoặc do Đại bi tức Phạm trụ là tối thắng trụ. Trong pháp phi Phạm hạnh, tức 6 trần nhiễm trước, trong đây Phật trụ tối thắng ngã. Tối thắng ngã tức pháp giới thanh tịnh. Như Lai hằng quán 6 trần không làm thể, làm cảnh, tức là Phật trụ.

Luận nói:

*Phật hiện hành khắp nơi,  
Không hiện hành nơi nào.  
Hiện tất cả loài sinh,  
Phi cảnh giới sáu căn.*

Luận nói: “Phật hiện hành khắp nơi,”

Giải thích: Một kệ dưới đây nói về ý nghĩa rất sâu thứ mười của hiện tự thể. Như Lai hậu trí hằng biến mãn hiện hành trong các pháp thiện ác vô ký.

Luận nói: “Không hiện hành nơi nào.”

Giải thích: Do trí vô phân biệt, lia cảnh giới của trí không thể phân biệt, nên không hiện hành một nơi. Lại nữa do hóa thân, không nơi nào không hiện hành. Do pháp thân, ứng thân không có nơi hiện hành.

Luận nói: “Hiện tất cả loài sinh, Phi cảnh giới sáu căn.”

Giải thích: Chư Phật Như Lai do hóa thân, hiển hiện đủ các tướng trong tất cả chúng sinh. Chư Phật do hóa thân, cho đến cũng hiện trong chúng sinh nơi địa ngục đạo, thụ sinh nơi chúng để hóa độ chúng. Cho nên do chư Phật không hiện tính biến hóa tương tự nên chúng sinh kia tuy thấy cũng không thể biết rõ, cho là đồng loại với mình. Cho nên hóa thân Phật chẳng phải là chúng sinh trong địa ngục v.v... không phải chúng sinh trong cảnh giới có 6 căn.

Luận nói:

*Các hoặc đã diệt hết,  
Như bị chú độc hại.  
Lưu hoặc đến hết hoặc,  
Phật chứng nhất thiết trí.*

Luận nói: “Các hoặc đã diệt hết, Như bị chú độc hại.”

Giải thích: Một kệ này nói ý nghĩa rất sâu thứ 11 về diệt hoặc. Các hoặc là kiến tu phiền não. Ở trong Bồ-tát địa, trước đã diệt hết, các tâm phiền não khác tuy chưa diệt, do trí niệm đề bệph hủy bỏ công dụng của chúng. Ví như bị sức các chú độc làm hại, không còn năng

lực như cũ. Tâm hoặc cũng vậy, bị trí niệm giữ không thể sinh hai hoặc nhiễm ô trở lại.

Luận nói: “Lưu hoặc đến hết hoặc, Phật chứng nhất thiết trí.”

Giải thích: Chư Bồ-tát lưu lại tùy miên hoặc làm trợ đạo phần, không giống như Nhị thừa vội nhập Niết-bàn. Do việc này nên tu đạo cứu cánh, được diệt hết tập khí và chứng viên trí.

Luận nói:

*Các hoặc thành giác phần,  
Sinh tử là Niết-bàn.  
Được thành phương tiện lớn,  
Nên Phật khó nghĩ bàn.*

Luận nói: “Các hoặc thành giác phần,”

Giải thích: Dưới đây nói ý nghĩa rất sâu thứ 12 về sự không thể nghĩ bàn. Nếu do lưu hoặc nên được hết hoặc là Nhị thừa tập để thành Bồ-tát giác phần. Như Nhị thừa giác phần có thể diệt tập đế kia. Bồ-tát dùng tập đế kia để diệt tâm hoặc cho nên thành giác phần.

Luận nói: “Sinh tử là Niết-bàn.”

Giải thích: Nếu tập đế là giác phần, khổ đế tức Niết-bàn. Bởi vì sao? Chư Bồ-tát ở trong sinh tử không bị nhiễm ô, khởi tự tha lương lợi đều được viên mãn. Ví như Nhị thừa trong hữu dư Niết-bàn không bị hai hoặc nhiễm ô, có thể được tự lợi.

Luận nói: “Được thành phương tiện lớn, Nên Phật khó nghĩ bàn.”

Giải thích: Tại nhân vị được phương tiện lớn như Bát-nhã, Đại bi. Tại quả vị được phương tiện lớn là ba thân. Pháp thân là tự lợi phương tiện. Hai thân kia là lợi tha phương tiện. Cho nên Như Lai là không thể nghĩ bàn.

Luận nói: Do nghĩa này nên biết có 12 sự sâu xa, tức là sự sâu xa về sinh, không trụ, nghiệp trụ, về an lập số nghiệp, về chính

giác, về ly dục, về âm diệt, về thành thực, về hiển hiện, về Bồ-đề Bát-niết-bàn hiển hiện, về trụ, về hiển tự thể, về diệt hoặc, về không thể nghĩ bàn.

Giải thích: Phật có ba thân. Chư Bồ-tát nếu niệm Phật nên duyên thân nào? Phải duyên pháp thân.

Luận nói: Các Bồ-tát duyên pháp thân, nghĩ nhớ đến Phật. Sự nghĩ nhớ này duyên bao nhiêu tướng?

Giải thích: Pháp thân có vô lượng đạo lý rất sâu. Nếu duyên pháp thân phải duyên bao nhiêu tướng?

Luận nói: Nếu lược nói về Bồ-tát y pháp thân, tu tập niệm Phật, có 7 tướng.

Giải thích: Bảy tướng này chính là cái dụng của pháp thân, tức viên đức của pháp thân. Để làm rõ việc niệm Phật phải duyên viên đức này, nên lược nói 7 tướng: Một, chư Phật viên đức thuộc tự tâm, do lục thông tự tại. Hai, đức này thường trụ nên là chân thật thiện. Ba, hết lỗi lầm, diệt hết tập khí. Bốn, không mệt mỏi, không khó khăn, không dụng công. Năm, thụ đại pháp lạc, do các cõi thanh tịnh. Sáu, không khổ, không khó, không nhiễm chướng. Bảy, có sự dụng lớn, bình đẳng lợi tha. Nếu Bồ-tát nghĩ nhớ 7 thứ viên đức này thì có thể thông đạt pháp thân. Nói phải y pháp thân tu tập niệm Phật là để cho thấy rằng học tất cả các môn quán hạnh đều duyên chân như mà được thành tựu. Nếu không duyên chân như thì quán hạnh không thanh tịnh.

Luận nói: Những gì là bảy? Một là chư Phật tự tại trong tất cả pháp, không gì sánh được.

Giải thích: Ba đời các Phật trong cảnh lục thông được rất tự tại, người đồng loại không thể làm ngại, người hạ loại không thể bì kịp, trong hữu tâm vô tâm vị hăng không phé bỏ vì tu tập thành thực, nên gọi là tự tại. Thanh Văn, Độc Giác, Bồ-tát không thể có được. Trong thế gian không có gì có thể sánh ví, nên nói không gì sánh được.

Luận nói: “Tu tập niệm Phật như vậy.”

Giải thích: Niệm Phật với pháp thân thành một, nên gọi là tu tập.

Luận nói: “Chư Phật có 6 trí thông vô biên vô ngại trong tất cả thế giới.”

Giải thích: Chư Phật thành tựu lực thông, trong 10 phương thế giới không gì có thể làm trở ngại hay tổn hại, không có giới hạn cuối cùng, không như Nhị thừa có ngại, có giới hạn, cho nên thông tuệ của Như Lai là không gì sánh được.

Luận nói: Cho nên ở đây có bài kệ như sau:

Giải thích: Nếu chư Phật trong tất cả các pháp sự tự tại không thể sánh được, vì sao tất cả chúng sinh không đều Bát-niết-bàn? Để giải thích câu hỏi này, nên nói kệ. Kệ này cho thấy do nhân này nên chúng không Bát-niết-bàn.

Luận nói:

*Đủ chướng nhân không đủ,  
Tất cả cõi chúng sinh.  
Trụ trong hai thứ định,  
Chư Phật không tự tại.*

Luận nói: “Đủ chướng nhân không đủ,”

Giải thích: Tất cả chúng sinh nếu có nghiệp v.v... các chướng, chư Phật ở trong địa vị đó không thể khiến chúng Bát-niết-bàn. Thông tuệ do bị chướng nên không được tự tại. Nếu chúng sinh không có tính Niết-bàn, gọi là nhân không đủ, chư Phật trong địa vị đó không thể khiến chúng Bát-niết-bàn. Thông tuệ cũng không tự tại, không tính Niết-bàn, nghĩa là tham trước sinh tử không tin lạc Đại thừa.

Luận nói: “Tất cả cõi chúng sinh. Trụ trong hai thứ định, Chư Phật không tự tại.”

Giải thích: Cõi chúng sinh, nghĩa là tứ đại, không, thức, 6 cõi là thật. Dựa vào 6 cõi giả lập chúng sinh. Chúng sinh là giả danh. Có lục đạo thông sai biệt, nên gọi là tất cả. Chúng sinh này nếu ở trong hai thứ định: một là sở tác nghiệp định, hai là thụ quả báo định tác nghiệp định, nghĩa là phạm phu tạo tác 10 ác nghiệp v.v...chắc chắn cảm báo trong 4 ác đạo. Quả báo định nghĩa là các chúng sinh cực kỳ độn căn điên cuồng và chính thụ 4 ác đạo báo. Như Lai đối với các chúng sinh này cũng không tự tại. Bởi vì sao? Vì không có ngoại duyên.

Luận nói: Hai là thân Như Lai thường trú,

Giải thích: Bởi 10 nhân cộng chứng pháp thân và các đức thường trú 3 nhân chứng pháp thân. Bảy nhân chứng các thân khác. Ba nhân chứng pháp thân là

Luận nói: do chân như giải thoát tất cả cấu uế không gián đoạn.

Giải thích: Đây tức là một nhân trong ba nhân. Chân như tức là đạo hậu chân như. Vô gián vị tức Kim cương tâm của Phật có thể diệt tối hậu vi tế vô minh, và không có sinh tử khổ tập hai đế, cho nên nói giải thoát tất cả cấu uế. Cấu uế thanh tịnh chân như này là pháp thường trú. Chư Phật lấy đó làm thân nên thân chư Phật thường trú. Do thân này thường trú, y vào thân này có các đức, nên các đức cũng thường trú. Thường trú này lấy tính chân thật làm tướng.

Luận nói: Ba là Như Lai rất mực không tội lỗi, vì vĩnh viễn lìa xa tất cả hoặc chướng và trí chướng.

Giải thích: Tất cả trong chúng sinh có tội lỗi không tội lỗi, Như Lai là rất mực không tội lỗi, do nhân duyên gây nên tội lỗi đã diệt hết. Hiện tại đã diệt, vị lai không sinh, nên nói là vĩnh viễn xa lìa.

Luận nói: Bốn là tất cả việc làm của Như Lai là không dụng công mà thành,

Giải thích: Tác ý gọi là dụng công. Duyên 3 đời khởi, nghĩa là ta đã làm, đang làm, sẽ làm. Liả bỏ các tác ý như vậy gọi là không dụng công. Chỉ do sức bản nguyện muốn làm, việc tự nhiên thành.

Luận nói: vì hằng khởi không do dụng công mà chính sự không bao giờ bỏ.

Giải thích: Nếu do dụng công có chính sự thì có khởi không khởi. Bởi không do dụng công, nên là hằng khởi. Do bản nguyện vô tận nên vĩnh viễn không bỏ. Vì chúng sinh là bất tận nên bản nguyện cũng không bao giờ hết.

Luận nói: Năm là Như Lai ở địa vị đại phú lạc.

Giải thích: Đại phú là do ngoại tài, đại lạc là do chính pháp.

Luận nói: Vì phú lạc, tất cả cõi Phật rất mực vi diệu thanh tịnh.

Giải thích: Trong cõi Tịnh độ có 8 cái không thể được và 2 cái có thể được, nên rất mực vi diệu thanh tịnh. Tám cái không thể được là: 1.ngoại đạo, 2.chúng sinh có khổ, 3.chênh lệch giàu nghèo sang hèn, 4.người làm ác, 5.người phá giới, 6.ác đạo, 7.hạ thừa, 8.các Bồ-tát hạ ý hạ hạnh. Hai có thể được là: 1.các Bồ-tát thượng phẩm ý hạnh, 2.chư Như Lai hiển hiện ra đời, sở trụ là tối vi thanh tịnh, năng trụ là tối diệu thanh tịnh.

Luận nói: Sáu là Như Lai rất mực không nhiễm trước,

Giải thích: Thượng tâm hoặc là nhiễm, tùy miên hoặc là trước. Lại nữa về mặt hoặc chướng là nhiễm, trí chướng là trước. Lại phiền não có 2 tướng: một lấy hỷ làm tướng, hai lấy ưu làm tướng. Dục, mạn, kiến v.v...lấy hỷ làm tướng. Sân, nghi, vô minh v.v..lấy ưu làm tướng. Hỷ tướng hoặc là nhiễm. Ưu tướng hoặc là trước. Hai hoặc đều diệt hết nên gọi là không nhiễm trước.

Luận nói: xuất hiện thế gian không bị tất cả pháp thế gian làm ô nhiễm. Như bụi trần không thể làm nhiễm hư không.

Giải thích: Nhân lập nên gọi là xuất thế. Quả thành nên gọi là hiện thế. Lại tự lợi viên mãn nên gọi xuất thế. Lợi tha viên mãn nên gọi hiện thế. Hoặc Phật xuất thế chưa hiện ra đời, như đã thành đạo chưa chuyển pháp luân. Nếu chuyển pháp luân, thế gian mới có thể hiểu rõ Phật là Nhất thiết trí. Thế gian được hiểu rõ nên gọi hiện thế. Như Lai tuy thụ dụng y thức 4 duyên là vì sinh trưởng thiện căn chúng sinh, không phải vì ích lợi riêng cho thân mình. Đối với các duyên không sinh ưu hỷ, nên không bị thế pháp làm nhiễm ô. Không, lấy phi hữu làm thế. Thế không ngại, nên không bị các hữu vật làm nhiễm. Như Lai cũng vậy.

Luận nói: Bấy là Như Lai có đại sự dụng trong thế gian,

Giải thích: Như Lai ra đời lấy hóa thân thành đạo, cho đến nhập Niết-bàn gọi là đại sự. Thân này làm các việc lợi ích chúng sinh gọi là dụng.

Luận nói: do hiện thành vô thượng Bồ-đề và Đại Bát-niết-bàn, chúng sinh chưa thành thực thì khiến cho thành thực, chúng sinh đã thành thực thì khiến được giải thoát.

Giải thích: Vì chúng sinh chưa gieo giống và chưa thành thực thì khiến gieo giống thành thực, nên hiện thành Bồ-đề. Vì chúng sinh đã thành thực chưa giải thoát khiến giải thoát, nên hiện Bát-niết-bàn.

Luận nói: Ở đây có bài kệ như sau:

Giải thích: Ở đây nói 2 kệ, làm rõ lại 7 tướng, hiển thị 7 thứ viên đức của pháp thân.

Luận nói:

*Tùy thuộc tâm Như Lai,  
Viên đức, thường, không mất.  
Thường làm không dụng công,  
Đại pháp lạc cho đời.*



Luận nói: “Tùy thuộc tâm Như Lai, viên đức,”

Giải thích: Viên đức của chư Phật là lục thông v.v... chỉ thuộc tự tâm không quan hệ ngoại duyên.

Luận nói “thường,”

Giải thích: Viên đức này do y thường trụ pháp thân chân thật thiện làm tính, nên các đức đều thường.

Luận nói: “không mất,”

Giải thích: Do pháp thân lia tất cả chướng, sở y không mất, nên năng y cũng không mất.

Luận nói: “không dụng công,”

Giải thích: Do tu nhân và bản nguyện thành thực, chỗ làm Phật sự đều tự nhiên thành. Không mệt mỏi không vất vả khó khăn, nên nói không dụng công.

Luận nói: “Năng thí chúng sinh Đại pháp lạc”

Giải thích: Do được Tịnh độ tự tại, có Đại nhân có thể thụ Đại pháp, được mở rộng tự mình như lý hành khiến người như lý hành, nên gọi pháp lạc.

Luận nói:

*Biến khắp không trở ngại,  
Bình đẳng lợi nhiều người.  
Tất cả tất cả Phật,  
Người trí duyên niệm này.*

Luận nói: “Biến khắp không trở ngại,”

Giải thích: Trong 8 thế pháp, Như Lai hậu trí hằng phân biệt việc này. Trong đó vì tâm không ưu hỷ nên biến khắp không ngại. Nếu có ngại thì có khổ. Không ngại nên an lạc. Chư Phật tuy hành 6 trần quá hơn ngôn thuyết để lia chấp có không.

Luận nói: “Bình đẳng lợi nhiều người.”

Giải thích: Phạm phu, Nhị thừa, tân hành Bồ-tát và thâm hành Bồ-tát gọi là “nhiều người”. Như Lai có thể bình đẳng lợi ích nói Đại phú hạnh, thiện đạo hạnh, an lạc hạnh, tự lợi hạnh, nhị lợi hạnh. Đây tức là có Đại sự dụng.

Luận nói: “Tất cả tất cả Phật, Người trí duyên niệm này.”

Giải thích: Chữ “nhất thiết” tức tự trí nhân gọi các Bồ-tát. Các Bồ-tát duyên 7 tướng này, niệm tất cả pháp thân Phật.

## NHIẾP ĐẠI THỪA LUẬN THÍCH

### QUYỀN 15

#### Giải thích trí sai biệt thắng tướng 10-3

Luận nói: Lại nữa cái tướng thanh tịnh của Tịnh độ của chư Phật Như Lai như thế nào?

Giải thích: Trước trong 7 niệm là nói Như Lai Đại phú lạc tức là Tịnh độ. Trước chỉ nói 8 người không thể được 2 người có thể được, chưa rõ không thể được và có thể được là ở đâu. Nay muốn nói rõ nơi này nên hỏi tướng của Tịnh độ.

Luận nói: Như trong Kinh Bách Thiên có nói về duyên khởi Bồ-tát tạng như sau:

Giải thích: Nêu chung các kinh, nên nói “Như trong kinh có nói”. Trong Bồ-tát tạng, riêng có một Kinh Tịnh độ. Kinh có một trăm ngàn kệ, nên tên là Bách Thiên Kinh. Lại Kinh Hoa Nghiêm có một trăm ngàn kệ, nên tên là Bách Thiên Kinh. Trong duyên khởi của kinh này có nói rộng về tướng Tịnh độ.

Câu Tịnh độ như vậy hiển thị công đức gì?

Luận nói: Phật Thế Tôn ở cung điện 7 báu trang nghiêm rực rỡ sáng chói khắp nơi,

Giải thích: 1.vàng, 2.bạc, 3.lưu ly, 4.Ma-sa-la, 5.A-du-ma-yết-ba, 6.Nhân-đà-la-ni-la, 7.Lô-hi-chi-kha-mục-đa. Ánh sáng mỗi mỗi

thứ báu này đều chiếu khắp mọi nơi. Nơi đây được trang nghiêm bằng 7 báu, Phật trụ trong đó.

Luận nói: phóng ánh sáng lớn chiếu khắp vô lượng thế giới,

Giải thích: Đây nói nơi ánh sáng 7 báu chiếu đến, giải thích nghĩa chiếu khắp. Hai câu này nói sắc tướng viên tịnh.

Luận nói: vô lượng cõi trang sức vi diệu, mỗi mỗi đều thành lập,

Giải thích: Sự trang nghiêm này là hiếm có không lấy gì so sánh được, nên nói là “trang sức vi diệu”. Có nhiều thứ trang sức vi diệu, nên nói vô lượng. Vùng đất du hành đến là cõi. Nơi cư trú là xứ. Mỗi mỗi cõi, mỗi mỗi nơi trang nghiêm đầy đủ, nên nói là “thành lập”. Câu này nói hình mạo viên tịnh.

Luận nói: khu vực rộng lớn không ước lượng đến đâu là biên giới,

Giải thích: Đo theo đường thẳng là đặc, đo chu vi là lượng. Biên giới mỗi mỗi cõi Tịnh độ của Phật, không thể lấy số do-tuần của phạm phu lượng đặc được. Câu này nói lượng viên tịnh.

Luận nói: vượt quá ba cõi hành xứ,

Giải thích: Ba cõi tập đế là hành. Ba cõi khổ đế là xứ. Tịnh độ không thuộc trong hai cõi khổ tập, nên nói là “vượt quá ba cõi hành xứ”. Câu này nói xứ thanh tịnh.

Nếu chẳng phải gồm trong khổ tập thì do nhân gì được sinh, lấy pháp gì làm thể?

Luận nói: được sinh ra bởi công năng thiện pháp xuất xuất thể gian,

Giải thích: Nhị thừa thiện gọi là xuất thể. Từ bát địa trở lên đến Phật địa gọi là xuất xuất thể. Xuất thể pháp là đối trị của thể pháp. Xuất xuất thể pháp là đối trị của xuất thể pháp. Công năng lấy 4 duyên làm tướng. Từ công năng của xuất xuất thể thiện pháp sinh

khởi Tịnh độ này, nên không lấy tập để làm nhân. Câu này nói nhân viên tịnh.

Những gì là xuất xuất thể thiện pháp? Vô phân biệt trí, vô phân biệt hậu trí sinh các thiện căn, gọi là xuất xuất thể thiện pháp.

Luận nói: thanh tịnh tự tại cùng cực của duy thức làm tướng.

Giải thích: Duy thức trí của Bồ-tát và Như Lai vô tướng, vô công dụng, nên nói là thanh tịnh. Lìa tất cả chướng, không thoái mất, nên nói là tự tại. Duy thức trí này là thể của Tịnh độ, nên không lấy khổ để làm thể. Câu này nói quả viên tịnh.

Luận nói: Đó là nơi an trú của Như Lai.

Giải thích: Tướng Tịnh độ như thế, Như Lai hằng ở trong đó. Như Lai là thượng thủ cao tột nên nguyên văn nói là “trần”. Câu này nói chủ viên tịnh.

Luận nói: Là nơi an lạc cho Bồ-tát.

Giải thích: Tự thụ hành chính giáo, dạy người khác thụ hành chính giáo, gọi là an lạc. Bồ-tát ở Tịnh độ trợ Phật trợ đạo. Đủ hai việc này, nên gọi là nơi an lạc. Câu này nói trợ viên tịnh.

Luận nói: Là nơi có vô lượng rộng trời, Dạ-xoa, A-tu-la, Ca-lâu-la, Khẩn-na-la, Ma-hầu-la-già, người, phi nhân v.v

Giải thích: Trong cõi Tịnh độ thật sự không có các chúng sinh này. Để không phải là một cõi trống rỗng, Phật hóa tạo ra các loài như vậy. Câu này nói quyến thuộc viên tịnh.

Nếu có chúng sinh, các Bồ-tát v.v... chúng sẽ ăn gì?

Luận nói: hành trì hỷ lạc đại pháp vị,

Giải thích: Mười hai bộ kinh Đại thừa, gọi là đại pháp. Chân như giải thoát v.v... là vị. Duyên pháp vị này sinh các hỷ lạc cho Bồ-tát, nuôi lớn 5 phần pháp thân của Bồ-tát. Câu này nói trì viên tịnh.

Ăn pháp vị này làm những nghiệp gì?

Luận nói: làm các điều dụng lợi ích tất cả chúng sinh.

Giải thích: Phạm phu, 3 thừa là tất cả chúng sinh. Tùy theo năng lực vì nói chính pháp, khiến như thuyết tu hành, là 4 ác đạo, là sinh tử, là hạnh tự ái của Nhị thừa, gọi là “lợi ích tất cả”. Câu này nói nghiệp viên tịnh.

Nếu Bồ-tát hành các nghiệp này cho chúng sinh thì nơi đó được lợi ích gì?

Luận nói: Là nơi xa là tất cả phiền não tai ương,

Giải thích: Tập đế trong 3 cõi gọi là “tất cả phiền não”. Khổ đế trong 3 cõi gọi là “tất cả tai ương”. Hai cái này đều là năng hành, hành xứ. Câu này nói lợi ích viên tịnh.

Nếu là pháp này, có sự sợ hãi nào khác chăng?

Luận nói: nơi không có tất cả các ma hoành hành,

Giải thích: Trong cõi Tịnh độ không có âm ma, phiền não ma, tử ma, Thiên ma, cho nên là tất cả sợ hãi. Câu này nói vô bố úy viên tịnh.

Nếu trong cõi Tịnh độ không có tất cả sự sợ hãi thì thụ dụng pháp của 6 căn có đầy đủ chăng?

Luận nói: nơi trang nghiêm hơn tất cả, nơi sở y trang nghiêm của Như Lai,

Giải thích: Chẳng phải chỉ có đầy đủ sự thụ dụng tối thắng không thể sánh, còn là cảm cái nhân viên mãn phúc đức trí tuệ hạnh của Như Lai. Đây là nơi y chỉ thắng báo của Như Lai, cho nên tối thắng. Câu này nói trụ xứ viên tịnh.

Trong cõi Tịnh độ lấy pháp nào làm con đường xuất nhập?

Luận nói: nơi lấy đại niệm, đại tuệ, đại hạnh làm xuất ly,

Giải thích: Chính pháp Đại thừa gọi là Đại pháp. Trong Đại pháp, văn tuệ là niệm, tư tuệ là tuệ, tu tuệ là hạnh. Ba cái này là con đường đi lại của Tịnh độ, nên gọi là xuất ly. Câu này nói lộ viên tịnh.

Nếu có con đường này, đi bằng phương tiện gì?

Luận nói: nơi lấy đại Xa-ma-tha, Tì-bát-xá-na làm thừa giáo,

Giải thích: Trong Đại thừa có 500 định tên là Xa-ma-tha. Trí như lý như lượng, gọi là Tì-bát-xá-na. Dùng hai cái này làm phương tiện. Câu này nói thừa viên tịnh.

Nếu có phương tiện này thì vào từ cửa nào?

Luận nói: nơi vào cửa ngõ đại không, vô tướng, vô nguyện, giải thoát,

Giải thích: Trong Đại thừa có 3 cửa giải thoát. Một thể do vô tính nên không, không nên vô tướng, vô tướng nên vô nguyện. Nếu đến cửa này được vào Tịnh độ. Câu này nói môn viên tịnh.

Thế giới của thế gian địa luân y thủy luân, thủy luân y phong luân, Tịnh độ y vào pháp gì?

Luận nói: nơi được trang nghiêm bằng nhóm hợp vô lượng công đức, nơi y chỉ của Đại liên hoa vương,

Giải thích: Lấy Đại liên hoa vương ví dụ cho pháp giới chân như được hiển thị trong Đại thừa. Hoa sen tuy ở trong nước bùn không bị nước bùn làm bẩn. Ví như pháp giới chân như tuy tại thế gian không bị pháp thế gian nhiễm ô. Lại nữa tính của hoa sen tự khai phát, ví như tính tự khai phát của pháp giới chân như, chúng sinh nếu chứng đều được giác ngộ. Lại nữa hoa sen được bày ong thu hút, ví như pháp giới chân như được chúng thánh thụ dụng. Lại nữa hoa sen có 4 đức: 1.thơm, 2.sạch, 3.dịu, 4.khả ái, ví như pháp giới chân như có 4 đức: thường, lạc, ngã, tịnh. Hơn tất cả các loài hoa nên gọi là vương, ví như pháp giới chân như tối thắng hơn

tất cả pháp. Hoa này được công đức của vô lượng sắc tướng hợp lại trang nghiêm, có thể làm y chỉ cho tất cả pháp, ví như pháp giới chân như là vô lượng công đức xuất thế hợp lại trang nghiêm. Pháp giới chân như này có thể làm y chỉ cho Tịnh độ. Lại nữa nguyện lực của Như Lai cảm đến hoa sen báu, tối đại tối thắng hơn các hoa, nên gọi là vương, được công đức của vô lượng sắc tướng hợp lại trang nghiêm, có thể làm y chỉ cho Tịnh độ. Câu này nói y chỉ viên tịnh.

Trong Tịnh độ pháp gì là trụ xứ của Như Lai?

Luận nói: nơi Như Lai ở trong lầu gác báu lớn.

Giải thích: Đây nói trụ xứ của Như Lai. Như thế gian thụ dụng khí thế giới có vô lượng tội lỗi, nếu thụ dụng Tịnh độ có những công đức gì?

Luận nói: Đó là nơi nói lên sắc tướng và hình mạo viên mãn thanh tịnh của Tịnh độ này. Nhân quả, chủ trợ, quyền thuộc, trì nghiệp, lợi ích, vô bố úy, trụ xứ, lộ, thừa, môn, y chỉ, viên tịnh, những câu văn trên như thế đều hiển hiện sự viên tịnh.

Lại nữa thụ dụng Tịnh độ thanh tịnh như thế, hoàn toàn thanh tịnh, hoàn toàn an vui, hoàn toàn không mất, hoàn toàn tự tại.

Giải thích: Hằng không ứ tập, nên nói hoàn toàn sạch. Chỉ thụ diệu lạc, không khổ, không xả, nên nói hoàn toàn vui. Chỉ có thật thiện không ác và vô ký, nên nói hoàn toàn không mất. Tất cả mọi việc đều không quán ngoại duyên, đều do tự tâm thành, nên gọi là hoàn toàn tự tại. Lại nữa, y Đại tịnh nên nói hoàn toàn tịnh. Y Đại lạc nên nói hoàn toàn vui. Y Đại thường nên nói hoàn toàn không mất. Y Đại ngã nên nói hoàn toàn tự tại. Bồ-tát nếu nghĩ nhớ phú lạc của Như Lai, thì phải biết như vậy.

Luận nói: Lại nữa pháp giới chư Phật thường xuyên có 5 nghiệp:



Giải thích: Trong đây nên nói rõ pháp thân nghiệp, mà nói pháp giới chư Phật là muốn hiển thị pháp thân bao gồm 5 nghĩa của pháp giới, nên đổi gọi là pháp giới. Năm nghĩa là: Một là tính nghĩa, lấy không hai ngã làm tính, tất cả chúng sinh không quá tính này. Hai là nhân nghĩa, các pháp Tứ niệm xứ v.v... của tất cả thánh nhân duyên đây sinh trưởng. Ba là tàng nghĩa, nơi ẩn tàng tất cả pháp hư vọng, phàm phu, Nhị thừa không thể duyên được. Bốn là chân thật nghĩa, quá thế gian pháp, thế gian pháp hoặc tự nhiên hoại hoặc do đối trị hoại, lìa hai cái hoại này. Năm là thậm thâm nghĩa, nếu cùng đây tương ưng tự tính thành tịnh thiện, nếu ngoài không tương tự tính thành [? ]. Do pháp thân bao gồm 5 nghĩa pháp giới, chư Bồ-tát phải thấy pháp thân hằng cùng 5 nghiệp tương ưng không tạm rời.

Luận nói: Một là cứu vớt tai họa làm nghiệp, do chỉ hiện có thể diệt trừ các tai họa như đui, điếc, điên dại v.v...

Giải thích: Đây nói về sức Đại bi. Nếu định nghiệp báo chúng sinh, thì trong đó Như Lai không tự tại, như trước đã giải thích. Nếu bất định nghiệp báo, hoặc tội lỗi hiện tại, hoặc nghiệp có đối trị, những chúng sinh như thế nếu đến chỗ Phật, Như Lai có tác ý và không tác ý, đều có thể khiến lìa các tai họa này.

Luận nói: Hai là cứu vớt đường dữ làm nghiệp. Nghĩa là cứu vớt ra khỏi chỗ hung dữ đưa đến nơi hiền lành.

Giải thích: Đây nói về sức Chính hành. Như Lai tác ý và không tác ý, tất cả chúng sinh nếu đến chỗ Phật, không chúng sinh nào không dứt ác hành thiện.

Luận nói: Ba là cứu vớt những hành vi phi phương tiện làm nghiệp. Đó là các hành vi sai trái của ngoại đạo, hàng phục họ đưa họ về với chính giáo của Phật.

Giải thích: Đây nói về sức Oai lực. Các ngoại đạo phần nhiều làm những hành vi phi phương tiện. Nếu ngoại đạo thường kiến làm

nhiều khổ hạnh do chấp có đời sau, ngoại đạo đoạn kiến làm nhiều khổ hạnh do chấp không có đời sau, hoặc tư duy trời Tự Tại là đạo, hoặc tư duy cái ngã là đạo, hoặc tư duy tự tính là đạo, hoặc tư duy cái trung gian giữa ngã và tự tính là đạo, tất cả những điều như thế là hành vi phi phương tiện. Như Lai dùng thông tuệ dắt dẫn, hàng phục tâm cao mạn của chúng, dùng ký tâm dắt dẫn hàng phục sự không tin của chúng, dùng chính giáo dắt dẫn hàng phục tà kiến của chúng, đã hàng phục rồi tùy theo căn tính mà an lập chúng vào trong chính giáo của 3 thừa.

Luận nói: Bốn cứu vớt các kiến chấp về thân làm nghiệp. Nghĩa là trao cho phương tiện thấy rõ Thánh đạo siêu thoát ba cõi.

Giải thích: Đây nói về sức Phương tiện. Tất cả chúng sinh trong 3 cõi không chúng sinh nào không thân kiến. Thân kiến là nêu nhiều vật tạo thành, thể là vô thường, nên gọi là thân. Do 5 ấm hòa hợp làm thành, nên gọi là nhiều vật. Chưa có thì có, có rồi thì diệt, nên gọi là vô thường. Ngoại đạo trong nhiều thì chấp một, trong vô thường cáấp thường, cho rằng một là thường là ngã. Để pháp kiến chấp này là cũng chẳng phải một chẳng phải thường, cho nên gọi là thân kiến. Nếu lìa thân kiến thì được vượt qua khổ tập trong 3 cõi. Nói chính giáo, gọi là hiền. Sinh 3 tuệ cho người là dẫn đạo. Đã bỏ khổ pháp nhân cho đến quả A-la-hán gọi là Thánh đạo. Từ xuất gia thụ giới cho đến Thế đệ nhất pháp là phương tiện Thánh đạo. Hiền đạo khiến tu phương tiện được Thánh đạo. Lại nữa Như Lai khiến chúng sinh lìa thân kiến xa khỏi 3 cõi, đây chưa là chân thật Thánh đạo, chỉ là phương tiện Thánh đạo, trước khiến hiểu rõ khiến tu phương tiện Thánh đạo là duyên do để được chân thật Thánh đạo.

Luận nói: Năm là cứu vớt bằng thừa giáo làm nghiệp. Nghĩa là như Bồ-tát có ý muốn nghiêng về một thừa khác, hay Thanh Văn chưa quyết định căn tính, thì an lập họ vào con đường tu hạnh Đại thừa.

Giải thích: Đây nói sức của Chân thật giáo. Thừa có nhân và pháp. Nhân có Đại thừa nhân, có Tiểu thừa nhân. Pháp có phương tiện thừa pháp, có chính thừa pháp. Chuyển phương tiện thừa tu trị chính giáo, nên gọi là cứu vớt bằng thừa giáo. Kinh Ma-ha Bát-nhã nói: Thừa có 3 nghĩa: một tính nghĩa, hai hành nghĩa, ba quả nghĩa. Hai không, hiển thị 3 vô tính. Chân như gọi là tính. Do tính này tu thập độ, thập địa gọi là hành. Do tu hành này cứu cánh chứng được 4 đức thường, lạc, ngã, tịnh gọi là quả. Lại nữa, Luận Trung Biên nói thừa có 5 nghĩa: Một, xuất ly là thể, nghĩa là chân như. Hai, phúc tuệ là nhân vì có khả năng dẫn xuất. Ba, chúng sinh là thân nhiếp, như căn tính thân nhiếp khiến đến quả. Bốn, vô thượng Bồ-đề là quả, vì hành cứu cánh đến quả này. Năm, 3 hoặc là chướng. Trừ 3 hoặc này, thành được 4 nghĩa trước. Các Bồ-tát ở trong địa vị thập tín, tu đại hạnh chưa kiên cố, phần nhiều chán sợ sinh tử, tâm từ bi đối với chúng sinh còn yếu kém, muốn bỏ bản nguyện Đại thừa tu Tiểu thừa đạo, nên nói muốn nghiêng về tu một thừa khác. Tiểu thừa là nói Thanh Văn. Nếu được tín v.v...5 căn không gọi là định căn vì chưa đắc Thánh. Nếu được vị trí dục tri v.v...3 căn thì gọi là định căn vì đã đắc Thánh. Nếu đến đỉnh vị không gọi là định tính, vì không khỏi 4 ác đạo. Nếu đến nhẫn vị gọi là định tính, vì khỏi 4 ác đạo. Nếu y theo Tiểu thừa mà giải thì chưa được định căn tính thì có thể chuyển Tiểu thành Đại. Nếu được định căn tính thì không thể chuyển. Thanh Văn như thế không có nghĩa đổi Tiểu thành Đại.

Sao có thể nói là Nhất thừa?

Nay y theo Đại thừa mà giải thì chưa chuyển tu Bồ-tát đạo đều gọi là chưa định căn tính, cho nên tất cả Thanh Văn đều có thể chuyển thành nghĩa Đại, an lập người Tiểu thừa vào Đại này khiến tu hạnh Đại thừa.

Luận nói: Phải biết 5 năm nghiệp này chư Phật Như Lai đều đồng thực hiện như nhau.

Giải thích: Chúng sinh trong thế gian đối với 5 nghiệp này không giống nhau. Chư Phật đối với 5 nghiệp đều đồng một nghĩa.

Luận nói: Ở đây có bài kệ như sau:

Giải thích: Để cho thấy chúng sinh không đồng nghiệp, chư Phật đồng nghiệp nên nói kệ này.

Luận nói:

*Nhân theo sự, ý và các hạnh,  
Thế gian khác nên nghiệp cũng khác.*

Giải thích: Đây nói chúng sinh 5 nghiệp không đồng nhau: 1.nhân, 2.y, 3.sự, 4.ý, 5.hành. Nhân không đồng là như nhân khác biệt thành địa ngục, nhân khác biệt thành trời, nhân khác biệt thành người, súc sinh, ngạ quỷ v.v... cũng vậy. Do nhân không đồng nên tác nghiệp không đồng. Sự không đồng tức là như trong loài người hoặc buôn bán, hoặc làm nông, hoặc làm quan chức, những việc như thế không đồng nên nghiệp không đồng. Ý không đồng tức là, tất cả chúng sinh căn dục tính là ý. Các thứ này không đồng nên nghiệp không đồng. Các hành không đồng tức là, sắc v.v...5 ấm là các hành. Sắc ấm như cái lửa làm, khác với cái nước làm, thụ làm khác với tướng làm v.v...nên nghiệp không đồng. Do 5 việc này đây làm không phải kia làm, thế gian kẻ trí người ngu nghiệp đều có khác.

Luận nói:

*Năm nghiệp này chư Phật không khác,  
Cho nên thế tướng đồng một nghiệp.*

Giải thích: Năm việc trước đây, chư Phật đều không. Bởi vì sao? Chư Phật nhân đồng, vì đồng tu hành phúc đức trí tuệ. Chư Phật y đồng, vì đồng một pháp thân. Chư Phật sự đồng, vì đồng có việc tự lợi lợi tha. Chư Phật ý đồng, vì đồng có ý lợi ích an lạc chúng

sinh. Chư Phật không các hành đồng, vì đồng xuất ly pháp hữu vi. Do không có 5 thứ khác biệt nên đều đồng một nghiệp. Đại bid dẫn dắt chúng sinh đều hướng đến Niết-bàn, nên gọi là “thế tướng”.

Luận nói: Nếu vậy Thanh Văn, Độc Giác không cùng được các đức tướng này tương ứng với pháp thân chư Phật, vậy vì ý gì chư Phật nói về họ đều hướng đến Nhất thừa cùng đồng với Phật thừa?

Giải thích: Nếu chư Phật không có 5 cái khác biệt trước do đồng 5 nghiệp pháp thân. Người Nhị thừa có 5 nghiệp khác biệt không được pháp thân. Không có 5 nghiệp đồng, Như Lai vì nghĩa gì nói người Nhị thừa đều hướng đến Nhất thừa đều được thành Phật?

Luận nói: Ở đây có bài kệ như sau:

Giải thích: Đề nói rõ ý Nhất thừa, nên nói kệ. Kệ trước dùng liễu nghĩa nói Nhất thừa. Kệ sau dùng mật nghĩa nói Nhất thừa.

Luận nói:

*Thanh Văn chưa định tính,  
Và các Bồ-tát khác,  
Dắt dẫn vào Đại thừa,  
Định tính, nói Nhất thừa.*

Giải thích: Có các Thanh Văn v.v... với Tiểu thừa chưa định căn tính, muốn dắt dẫn khiến tin thụ Đại thừa, khiến tu hành Đại thừa, gọi là “chưa được khiến được, đã được khiến không thoái lui”. Làm sao họ bỏ Tiểu thừa đạo mà Bát-niết-bàn trong Đại thừa? Phật vì ý này nên Phật nói Nhất thừa, dẫn họ khiến vào trụ trong Đại thừa.

Luận nói: “Và các Bồ-tát khác, Dắt dẫn vào Đại thừa,”

Giải thích: Có các Bồ-tát đối với Đại thừa căn tính chưa định. Làm sao an lập họ nơi Đại thừa khiến họ Bát-niết-bàn Tiểu thừa mà không bỏ Đại thừa? Vì ý này nên Phật nói Nhất thừa dẫn họ vào trụ nơi Đại thừa.

Luận nói: “Định tính, nói Nhất thừa.”

Giải thích: Có các Bồ-tát đối với Đại thừa căn tính đã định, không có ý thoái lui đối khác, vì các Bồ-tát này nên nói Nhất thừa.

Luận nói:

*Pháp, vô ngã, giải thoát,  
Đồng đẳng, tính không đồng.  
Đắc hai ý Niết-bàn,  
Cứu cánh nói Nhất thừa.*

Giải thích: Do pháp, vô ngã, giải thoát đồng đẳng nên nói Nhất thừa. Trong đó pháp tức chân như. Tất cả 3 thừa đều không tách rời chân như. Đó là thừa pháp của tất cả. Do chân như pháp đồng nên nói Nhất thừa. Tất cả pháp chỉ có pháp không có nhân. Nếu thật không có người, làm sao có phân biệt? Người này là Thanh Văn. Người này là Độc Giác. Người này là Bồ-tát. Phân biệt như vậy là không đúng đạo lý. Do đồng nghĩa vô ngã nên nói Nhất thừa. Người trong 3 thừa đồng giải thoát hoặc chướng. Như Phật nói giải thoát với giải thoát không có sai biệt. Do đồng nghĩa diệt hoặc nên nói Nhất thừa. Ba nghĩa đồng nên nói là “đẳng”.

Luận nói: “tính không đồng.”

Giải thích: Có người Nhị thừa, đối với trong thừa của mình căn tính không đồng. Người này tuy cầu đạo Nhị thừa, chưa được Nhị thừa, do căn tính Nhị thừa chưa định, cho nên có thể chuyển thành căn tính Đại thừa. Để giáo hóa hạng người này nên nói Nhất thừa.

Luận nói: “Đắc hai ý Niết-bàn,”

Giải thích: Trong hai ý, ý đầu là bình đẳng đối với chúng sinh. Các người Thanh Văn v.v... tác ý đối với chúng sinh như thế này: Kia tức là ta, ta tức là kia. Do ý này nên bảo kia được chính giác tức là ta được chính giác. Ta được chính giác tức là kia được chính giác.

Như ta nên giải thoát tự thân thì cũng nên như vậy giải thoát chúng sinh. Vì ý như thế nên nói Nhất thừa. Ý sau là bình đẳng đối với pháp như. Các người Thanh Văn v.v..như ý trong Kinh Pháp Hoa, Như Lai thụ ký họ đã được thành Phật, chỉ được ý pháp như bình đẳng, chưa được pháp thân Phật. Nếu được ý pháp như bình đẳng này, kia sẽ nghĩ rằng pháp như của Như Lai tức pháp như của ta. Do ý như vậy nên nói Nhất thừa. Lại nữa, trong Đại hội Pháp Hoa có các Bồ-tát tên đồng như Xá-lợi-phất v.v... Bồ-tát này được ý này, Phật vì đó thụ ký, nên nói Nhất thừa. Lại nữa, Phật hóa làm Xá-lợi-phất v.v... các Thanh Văn vì kia thụ ký muốn khiến Thanh Văn đã định căn tính lại luyện căn làm Bồ-tát, Thanh Văn chưa định căn tính khiến tu thẳng vào Phật đạo, do Phật đạo Bát-niết-bàn. Như Phật nói rằng: Ta nay hiểu rõ trong đời quá khứ đã trải vô lượng vô số kiếp y Thanh Văn thừa Bát-niết-bàn muốn cho thấy Tiểu thừa chẳng phải là chỗ cứu cánh, vì muốn khiến kia bỏ Tiểu cầu Đại, nên hiện làm việc này. Do nghĩa như thế nên nói Nhất thừa.

Luận nói: “Cứu cánh nói Nhất thừa.”

Giải thích: Nếu nói về nghĩa của thừa thì chỉ Nhất thừa là thừa, còn lại đều chẳng phải thừa. Nếu quá thừa này, không có hạnh nào khác. Trên các thừa là Phật thừa. Do nghĩa này nên nếu thừa kia so với thừa này, thừa này là không gì sánh bằng. Thừa kia mất hết nên gọi là cứu cánh. Do nghĩa như thế nên nói Nhất thừa.

Luận nói: Ba đời chư Phật đồng một pháp thân, sao số không như nhau?

Giải thích: Chư Phật đã đồng chứng đắc một pháp thân, vì sao có 3 đời, lại có nhiều? Nếu có 3 đời và nhiều, vì sao nói một?

Luận nói: Ở đây có bài kệ như sau:

Giải thích: Có nhân chứng chư Phật hoặc một hoặc nhiều. Nay muốn hiển thị nghĩa này, nên nói kệ. Vì sao là hoặc một?

Luận nói:

*Trong một thế giới không có hai,  
 Đồng thời, nhân đó không thể lường.  
 Lần lượt thành Phật thì phi lý,  
 Vì vậy đồng thời có nhiều Phật.*

Giải thích: Một pháp giới bình đẳng. Chư Phật là pháp giới hiển thiện. Do pháp giới là một nên chư Phật là một. Lại nữa, trong cùng một thời, trong cùng một thế giới, không có hai Phật đồng thời xuất hiện, nên nói là hoặc một. Thế nào là hoặc nhiều?

Luận nói: “Đồng thời, nhân đó không thể lường.”

Giải thích: Trong một thời có vô số các Bồ-tát đồng thời tu hai hạnh phúc đức trí tuệ. Nhân đã thành thực, nếu không đồng thời được quả vô thượng Bồ-đề thì sự tu hành mất không. Vì các Bồ-tát tu nhân, đồng thời thành thực, đồng thời được quả, cho nên một lúc có nhiều Bồ-tát thành Phật không thể tính kể. Nếu nói nhân tuy đều thành, phải thành Phật trước sau theo thứ tự. Nghĩa ấy không phải như vậy. Bởi vì sao?

Luận nói: “Lần lượt thành Phật thì phi lý,”

Giải thích: Chư Bồ-tát không nguyện như vậy: Ta sẽ chờ đợi thứ tự thành Phật. Do nguyện này nên nhân tuy thành thực không đợi thứ tự. Đã không nguyện này, làm sao nhân đều thành thực lại không đồng thời đắc quả? Vì sao nhiều người đồng thời tu nhân không xem thứ tự, khi đắc quả lại phải xem thứ tự? Cho nên nghĩa này phi lý.

Luận nói: “Vì vậy đồng thời có nhiều Phật.”

Giải thích: Câu này nói trong một lúc, 10 phương thế giới có vô lượng Phật đồng thời xuất thế. Nếu nói có Phật đã chứng ở thế gian chỉ một Như Lai không nhiều Như Lai đồng xuất thế, nghĩa ấy không phải vậy. Kinh nói không xứ, không vị, chẳng phải trước, chẳng phải



sau. Hai Như Lai A-la-ha Tam-miệu Tam-phật-đà xuất hiện ở đời, có xứ có vị. Nếu một Như Lai xuất hiện ở đời, ví như hai Chuyển luân vương không được đồng thời sinh cùng một nơi. Kinh này là phải nói Đại tam thiên thế giới không hai Như Lai hay phải nói tất cả thế giới không hai Như Lai? Cần phải giải thích rõ. Kinh này nói tất cả thế giới. Bởi vì sao? Không nên hạn ngại năng thắng của Thế Tôn. Chỉ Thế Tôn một người có năng thắng ở mọi nơi. Nếu một Phật không thể hóa độ chúng sinh ở các nơi khác thì bao nhiêu Phật khác cũng phải không có khả năng.

Lại nữa kinh nói: Xá-lợi-phất ! Nếu có người đến ông hỏi như thế này: Đại đức Xá-lợi-phất ! Hiện nay có Sa-môn Bà-la-môn cùng với Sa-môn Cù-đàm hoàn toàn bình đẳng nơi vô thượng Bồ-đề chăng? Được hỏi như thế, ông sẽ trả lời như thế nào? Xá-lợi-phất thưa: Nếu có người đến hỏi con như vậy, con sẽ trả lời như thế này: Thiện nam tử ! Hiện nay không có Sa-môn Bà-la-môn cùng với Thế Tôn hoàn toàn bình đẳng nơi vô thượng Bồ-đề. Bởi vì sao? Thưa Thế Tôn ! Con đã nghe từ Thế Tôn, đã sở đắc từ Thế Tôn rằng không nơi nào, vị nào, không trước, không sau, có hai Như Lai đồng xuất thế. Có nơi, có vị, chỉ một Như Lai xuất hiện ở đời.

Nếu vậy, sao trong Kinh Phạm Vương, Phật nói: Chỉ trong Đại tam thiên thế giới ta tự tại thành. Như câu nói này là có mật ý. Nếu Thế Tôn không tác ý, chỉ tại trong tự tính không có tâm dụng công, trong Đại tam thiên thế giới ngôn ngữ quang minh, 5 thức v.v... các việc tự nhiên được thành. Nếu có tâm dụng công, vô biên thế giới là cảnh của Như Lai.

Lại có các bộ nói ở các thế giới khác riêng có chư Phật ra đời. Bởi vì sao? Có vô lượng Bồ-tát tu hành Lục độ, nhân đã thành thực không thể tính kể. Không có đạo lý nói chư Phật đồng thời cùng sinh ở một nơi. Không có một pháp nào ngăn ngại chư Phật xuất thế ở các nơi khác. Như vậy biết chắc rằng ở các thế giới khác có

các chư Phật xuất thế. Kinh này chứng minh chư Phật không đồng một lúc xuất thế ví như Chuyển luân vương. Nay sẽ nói rõ kinh này. Kinh này nếu nói một thế giới một Phật xuất thế không ngại các nơi khác. Nếu nói tất cả thế giới một Phật xuất thế thì các Chuyển luân vương không được sinh ở các thế giới khác. Đã nói Chuyển luân vương không cùng sinh ví như chư Phật, nếu ông chấp nhận các thế giới khác riêng có các Chuyển luân vương, sao không chấp nhận chư Phật xuất hiện ở các thế giới khác? Phật xuất thế là điều lành tốt lớn, sao không chấp nhận ở nhiều thế giới có nhiều Phật xuất thế? Đây không có lỗi. Thế gian có nhiều chúng sinh tương ưng với lợi ích tối thắng, cho nên vì sao trong một thế giới, hai Phật không cùng xuất hiện? Bởi vì vô dụng. Lại nữa tùy theo nguyện đời trước, cho nên các Bồ-tát xưa phát nguyện, nguyện rằng ta sẽ được thành chính giác ở nơi thế giới tối tăm không người dẫn dắt, nguyện làm ánh sáng quang minh dắt dẫn chúng. Do nguyện này nên không hai Phật cùng xuất thế. Nếu vậy vì sao chỉ nói một Phật không nói nhiều Phật? Để khiến chúng sinh khởi tâm hết sức tôn trọng và gấp rút tu hành. Bởi vì sao? Nếu chỉ với một Phật thì khởi tâm hết sức tôn trọng, nghĩa là không có vị nào khác có đức như vậy, cũng có thể gấp rút tu hành chính giáo của Như Lai. Bởi vì sao? Nếu Phật Niết-bàn, chúng ta không nơi nương tựa, cho nên kệ nói một lúc nhiều Phật là đúng nghĩa này.

Luận nói: Thế nào là pháp thân chư Phật chẳng phải hoàn toàn Niết-bàn, cũng chẳng phải chẳng hoàn toàn Niết-bàn?

Giải thích: Có các sư nói chư Phật Như Lai không vĩnh viễn Bát-niết-bàn. Có người Thanh Văn thừa của bộ khác nói chư Phật Như Lai vĩnh viễn Bát-niết-bàn. Hai chấp này chẳng phải liễu nghĩa, đó là hiển thị mật ý.

Luận ý: Ở đây có bài kệ như sau:

Giải thích: Để hiển thị nghĩa này nên nói kệ

Luận nói:

*Do lìa tất cả chướng,  
Việc phải làm chưa xong,  
Phật rốt ráo Niết-bàn,  
Cũng không rốt ráo Niết-bàn.*

Giải thích: Chư Phật viên viên giải thoát hoặc chướng và trí chướng, đó là rốt ráo Niết-bàn. Việc chính sự Như Lai phải làm chưa rốt ráo, nghĩa là chưa thành thực thì khiến cho thành thực, đã thành thực thì khiến giải thoát. Hai việc này không thể thôi bỏ, vì vậy Như Lai không hoàn toàn rốt ráo Niết-bàn. Nếu như Nhị thừa hoàn toàn Niết-bàn thì bản nguyện Như Lai chỉ nguyện không quả. Nếu nói một cách liễu nghĩa phải nói có Niết-bàn có chẳng Niết-bàn.

Luận nói: Vì sao thụ dụng thân không thành tự tính thân?

Giải thích: Ứng thân không thành pháp thân là đúng đạo lý. Ứng thân thành pháp thân là không đúng lý.

Làm sao biết được sự khác nghĩa này?

Luận nói: Vì có 6 nguyên nhân:

Giải thích: Có 6 nhân chứng minh chỗ khác nghĩa này.

Luận nói: 1. Do sắc thân và hành thân hiển hiện.

Giải thích: Mười nhập là sắc thân. Thụ v.v... là hành thân. Chư Phật lấy chân như làm pháp thân. Trong pháp thân, sắc hành là không thể được. Ứng thân thì không như vậy.

Nghĩa này là thế nào? Nhất thiết trí, Đại định, Đại bi v.v... công đức Như Lai như cát sông Hằng, tuy y pháp thân nhưng nếu khi hiển hiện không lìa hóa thân. Hóa thân này lấy Phật khác tất cả chúng sinh vì sự tương của ứng thân nên sắc hành có nơi ứng thân mà không có nơi pháp thân. Cho nên ứng thân không thành pháp thân. Đạo lý này thành tức phi đạo lý.

Luận nói: 2. Do thị hiện trong vô lượng Đại tập hội khác nhau.

Giải thích: Ứng thân có sai biệt, do đệ tử Phật trong các Đại tập hội có sai biệt. Ứng thân có thể tập hợp các đệ tử Bồ-tát, pháp thân thì không như vậy. Bởi vì sao? Đại thông tuệ có thể tập hợp chúng Bồ-tát. Đại thông tuệ tức ứng thân, có thể thuyết chính pháp, lập nghĩa giải thích nghi, đây là công dụng của Bát-nhã. Bát-nhã tức ứng thân. Ngày đêm 6 thời quán căn tính chúng sinh, đến chúng sinh làm việc lợi ích là công dụng của Đại bi. Đại bi tức là ứng thân. Nếu lấy ứng thân tức là pháp thân thì không thể tập hợp giáo hóa Bồ-tát. Nếu pháp thân tức là ứng thân thì chư Phật chẳng phải thường trú. Do hiện thị sai biệt này, ứng thân không thành pháp thân.

Luận nói: 3. Do tùy ý kia muốn được trông thấy hiển hiện tự tính không đồng.

Giải thích: Chữ “kia” là nói vô lượng Bồ-tát muốn trông thấy các đức của Như Lai, chỉ y vào quán sát ứng thân, tùy ý muốn, các đức trông thấy hiển hiện không đồng nhau. Như vậy, tự tính ứng thân là bất định vì có nhiều chủng loại. Pháp thân không như thế. Cho nên ứng thân không thành pháp thân.

Lại có kinh khác để chứng minh ứng thân tùy theo ưa muốn của chúng sinh mà hiện tướng bất đồng. Bởi vì sao? Có chúng sinh đối với ứng thân muốn thấy màu vàng màu xanh v.v..., và lạc thụ xả thụ v.v..., hữu thức vô thức v.v... nhiều thứ không đồng đều được thành. Kinh này cho thấy ứng thân tự tính bất định, pháp thân thì không như vậy. Cho nên ứng thân không thành pháp thân.

Luận nói: 4. Do tự tính biến động nên trông thấy khác nhau.

Giải thích: Có một chúng sinh trước thấy ứng thân này hiển hiện một tướng khác. Chúng sinh này sau thấy ứng thân này hiển hiện một tướng khác. Như một người thấy không như nhau, bao nhiêu chúng sinh khác thấy cũng vậy. Để thành thực thiện căn chúng sinh này nên

ban đầu hiện thô tướng, tiếp theo hiện tướng trung bình, sau hiện tướng vi diệu. Ứng thân có tướng biến động như vậy, pháp thân thì không như vậy. Cho nên ứng thân không thành pháp thân.

Luận nói: 5. Trong các Đại tập hội gồm Bồ-tát, Thanh Văn, chư thiên v.v..nhiều tướng khác nhau hợp lại, nên hiển hiện tướng khác nhau.

Giải thích: Ứng thân thường xuyên do Bồ-tát v.v...nhiều chủng loại tập hợp nghe pháp nên ứng thân có 3 tướng tạp: Một là tất cả chúng sinh đều thấy Phật, đều đối diện trước Phật, nên gọi là tướng tạp. Hai là tùy vô lượng chúng sinh sắc tướng bất đồng, Phật hiện như sắc tướng chúng, nên gọi là tướng tạp. Ba là tùy căn tính của chúng mà thích nghi, Đại trí, Đại định, Đại bi có vô lượng dụng sự, nên gọi là tướng tạp. Ứng thân có tướng tạp như thế, pháp thân thì không có như vậy. Nếu lấy pháp thân làm ứng thân, Phật không có nghĩa hiện thể an lạc, bởi hằng huyên động lia tịch tĩnh. Cho nên ứng thân không thành pháp thân.

Luận nói: 6. Do A-lê-da thức và các sinh khởi thức thấy chuyển y là phi lý,

Giải thích: A-lê-da thức và sinh khởi thức tức là thụ dụng thân. Hai thức này chuyển y là pháp thân.

Nếu tự tính thân tức là thụ dụng thân, chuyển hai thức y lại được thân gì? Do sự không đúng đạo lý này nên thụ dụng thân không thành tự tính thân. Nếu thụ dụng thân tức là tự tính thân thì không có Đại trí v.v... các đức. Do không phải không có các đức nên tự tính thân không thành thụ dụng thân.

Luận nói: nên thụ dụng thân mà thành tự tính thân cũng phi lý.

Giải thích: Do 6 nhân này mà chúng biết là đạo lý hay phi đạo lý.

Luận nói: Vì sao biến hóa thân không là tự tính thân?

Giải thích: Biến hóa thân không thành pháp thân là đúng đạo lý. Biến hóa thân thành pháp thân là phi đạo lý, là phi nghĩa.

Làm sao biết được?

Luận nói: Vì 8 nguyên nhân:

Giải thích: Có 8 nhân chứng biết là phi nghĩa.

Luận nói: 1. Chư Bồ-tát từ xa xưa đã được Tam-ma-đề không thoái chuyển nên thụ sinh nơi trời Đâu-suất-đà và sinh trong cõi người, là không đúng đạo lý.

Giải thích: Bồ-tát từ khi được sơ địa cho đến thập địa, trải 30 Đại kiếp a-tăng-kì, được 500 định bất thoái, lìa dục 3 cõi đã lâu, thì không có lý gì sinh vào trong Thiên đạo, hướng chi là sinh trong nhân gian vào trong vương tộc Thích-ca. Vì hóa độ chúng sinh nên hiện thụ thân người. Thân này là vô nhân, mà lại hiện hữu ở thế gian. Cho nên là chẳng phải quả báo thân và tự tính thân, mà chỉ là biến hóa thân.

Luận nói: 2. Các Bồ-tát từ xa xưa hằng nhớ đời trước,

Giải thích: Bồ-tát từ sơ địa cho đến thập địa trong thời gian dài hằng nhớ việc đời trước đã tu tập được vô lượng kỹ năng đều không quên mất.

Luận nói: vậy văn chương tính toán kỹ nghệ v.v... cũng như hành trần dục, hưởng thụ trần dục mà Bồ-tát không biết là không đúng đạo lý.

Giải thích: Sáu mươi bốn thứ sách của các địa phương, 16 loại toán pháp, 64 kỹ năng, 80 minh xứ, 64 vương kỹ bí xảo thuật pháp, chưa được khiến được, đã được khiến phát triển. Khi lớn giao cho người giỏi vì thực hành dục trần, trong 6 trần như ca múa, ăn mặc các việc v.v..là thụ dụng dục trần. Bồ-tát từ vô lượng kiếp đến nay thường nhớ tất cả các kỹ năng đã tập luyện đời trước đều không quên mất, là không có đạo lý. Không nhớ không biết những việc này là vì

để hóa độ chúng sinh, thị hiện cho người hạ phẩm biết có thể chuyển thành thượng phẩm. Cho nên thị hiện tự thân chưa có các kỹ năng này mới phải tu học. Vì vậy thân này là biến hóa thân, không phải tự tính thân và thụ dụng thân.

Luận nói: 3. Các Bồ-tát từ xa xưa đến nay đã phân biệt hiểu biết tà giáo chính giáo mà còn đến theo học ngoại đạo là không đúng lý.

Giải thích: Bồ-tát trong 32 Đại kiếp a-tăng-kì, trong chính hạnh tu chính cần, hạnh phúc đức trí tuệ đều đã viên mãn thì không có lý nào ở thân sau cùng không thể biết rõ các thuyết tà chính. Nếu không biết đây thì khi thành Phật thì biết pháp gì? Vì để hàng phục các ngoại đạo nên thị hiện việc này. Cho nên thân này là biến hóa thân, không phải hai thân kia.

Luận nói: 4. Các Bồ-tát từ xa xưa đến nay đã thông suốt chính lý Thánh đạo ba thừa mà tu khổ hạnh để cầu đạo là không đúng lý.

Giải thích: Các Bồ-tát từ 32 Đại kiếp a-tăng-kì đến nay, trong thập giải, thập hạnh, sơ địa đã thông đạt chính lý Thánh đạo trong 3 thừa, lìa chấp đoạn thường, không làm khổ lạc tà hạnh. Đó là chính lý của Nhị thừa Thánh đạo. Xả bỏ chấp hữu vô, lìa tất cả phân biệt, tu vô phân biệt cảnh trí chính hạnh, đó là đúng chính lý của Bồ-tát Thánh đạo. Ngoại đạo khổ hạnh có thể diệt pháp đã được, không thể được pháp chưa được. Trong hai đời chỉ có tổn mà không có ích, nên gọi là hư. Không có lý gì Bồ-tát phải tập hành việc này. Để hóa chúng sinh, thị hiện hành khổ hạnh, không có quả báo cho nên hành việc này, Vì vậy thân này là biến hóa thân, không phải hai thân kia.

Luận nói: 5. Các Bồ-tát bỏ năm trăm câu-chi Diêm-phù-đề, mà chỉ ở một chỗ được vô thượng Bồ-đề và chuyển pháp luân là không hợp lý.

Giải thích: Các Bồ-tát khi tu đạo biến mãn khắp vạn ức Diêm-phù-đề, thành thực chúng sinh trong vạn ức Diêm-phù-đề thì khi

thành Phật phải thụ thân biến khắp, nhưng quả báo thân chỉ được có một, không được có nhiều. Nếu vậy vì sao không đặc biệt thụ thân ở nơi thắng xứ, dùng hóa thân biến khắp các nơi giáo hóa, không có lý bỏ hằng vạn ức Diêm-phù-đề chỉ thiên về một Diêm-phù-đề thành Phật chuyển pháp luân. Vì để hóa độ chúng sinh khiến biết Phật xuất thế, nên thị hiện việc này. Cho nên thân này là biến hóa thân, chẳng phải hai thân kia.

Luận nói: 6. Nếu tách rời phương tiện hiển thị vô thượng Bồ-đề, chỉ dùng hóa thân làm Phật sự ở phương khác, vậy thì nên thành chính giác trên trời Đâu-suất-đà.

Giải thích: Nếu ông chấp chỉ ở một nơi Diêm-phù-đề được vô thượng Bồ-đề, các nơi khác thì lìa nhập thai v.v... các phương tiện, ở các nơi khác chỉ hiện hóa thân làm Phật sự, vì sao không chấp như là Bồ-tát này được vô thượng Bồ-đề ở trên trời Đâu-suất-đà, và hiện hóa thân làm Phật sự ở các nơi khác? Cho nên thân này là biến hóa thân, không phải hai thân kia.

Luận nói: 7. Nếu không như vậy thì tại sao Phật không xuất hiện bình đẳng trong tất cả Diêm-phù-đề? Nếu không, xuất hiện nơi phương khác thì không có A-hàm hay đạo lý nào có thể chứng minh nghĩa này.

Giải thích: Nếu không được Bồ-đề trong cõi trời thì phải được khắp cả, mà Bồ-tát trong tất cả 4 thiên hạ không biến khắp được vô thượng Bồ-đề chỉ được ở một nơi. Vì không có A-hàm và đạo lý có thể chứng minh nghĩa này. Cho nên thân này là biến hóa thân, không phải hai thân kia.

Luận nói: 8. Hai Như Lai cùng xuất hiện trong một thế giới, đây cũng không mâu thuẫn, bởi nếu chấp nhận hóa thân thì sẽ thành nhiều.

Giải thích: Một thế giới Sa-ha có hai Như Lai cùng xuất thế, đây cũng không có nghĩa mâu thuẫn. Bởi vì sao? Vì đã chấp nhận



hóa thân thành nhiều. Hóa thân đã nhiều, mỗi xứ mỗi xứ có hóa thân, đây cũng chẳng phương hại. Cho nên thân này là biến hóa thân, chẳng phải hai thân kia.

Luận nói: Do 4 thiên hạ gồm một thế giới, nếu Chuyển luân vương trong một thế giới, hoặc một chủ, hoặc có chủ khác cùng sinh là không đúng lý thì chư Phật cũng vậy.

Giải thích: Nhân đây chứng minh là có thể nói. Như vậy có một thế giới trong một trăm câu-chi thế giới, trong đó không thấy Phật. Nếu ông nói như vậy thì mâu thuẫn với kinh. Có kinh nói như vậy: Hai Phật không một lúc cùng sinh Đại tam thiên thế giới, ví như Chuyển luân vương. Trong đây ông phải xét kinh này đồng nghĩa Chuyển luân vương. Như hai Chuyển luân vương không được cùng sinh trong một thế giới, không phương hại gì đến việc cùng sinh ở các thế giới khác. Nói hai Như Lai cùng sinh là trái lý cũng phải xét theo nghĩa như vậy.

Luận nói: Ở đây có bài kệ nói như sau:

Giải thích: Để nói đủ tướng của nghĩa vô thượng giác nên nói kệ này.

Luận nói:

*Phật vi tế hóa thân,  
Đa nhập thai bình đẳng.  
Vi hiển đủ tướng giác,  
Thị hiện nơi thế gian.*

Giải thích: Phật ở trời Đâu-suất-đà xuống Diêm-phù-đề thụ thai. Trong lúc ấy Như Lai hóa làm tất cả đệ tử Phật, như Tịnh mạng Xá-lợi-phất v.v... thụ thai. Nếu an lập chúng đủ tướng vô thượng giác thì được hiển hiện. Nếu không hạ trung Nhị thừa thì không được hiển thị Phật là vô thượng. Nếu không Nhị thừa trí tuệ cạn hẹp thì không hiển thị được Phật có đầy đủ tướng. Để hiển thị nghĩa này nên hóa

thân xuất hiện ra đời.. Chư Phật Như Lai không phải hoàn toàn nhập Niết-bàn. Nay sẽ làm rõ nghĩa này.

Luận nói: Có 6 thứ nhân, chư Thế Tôn không được vĩnh viễn trụ trong hóa thân:

Giải thích: Có 6 nhân chứng minh Phật phải xả bỏ hóa thân.

Luận nói: 1. Vì chính sự cứu cánh, bởi đã giải thoát thành thực chúng sinh.

Giải thích: Vì chính sự của hóa thân Như Lai đã cứu cánh, hóa thân không vĩnh trụ. Thành thực chúng sinh khiến được giải thoát là chính sự của hóa thân. Chúng sinh đã thành thực giải thoát, nên gọi là chính sự cứu cánh.

Luận nói: 2. Nếu đã được giải thoát cầu Bát-niết-bàn, thì vì khiến kia bỏ ý tưởng Bát-niết-bàn muốn cầu được Phật thân thường trú.

Giải thích: Nếu đã giải thoát hoặc chướng, cầu vô dư Niết-bàn, để chuyển ý dục nên thị hiện hóa thân chẳng phải thật có, nên xả bỏ hóa thân, hiển thị riêng có pháp thân thường trú là chân thật có. Phải chuyển cái tâm cầu vô dư Niết-bàn của Tiểu thừa, cầu pháp thân thường trú nên hóa thân không vĩnh trụ.

Luận nói: 3. Vì trừ tâm khinh mạn của người kia đối với Phật, vì khiến kia thông suốt pháp chân như sâu xa và chính thuyết pháp.

Giải thích: “Kia” là chỉ tất cả chúng sinh chấp cho rằng Phật có sinh lão bệnh tử v.v... chẳng khác gì mình nên có tâm khinh mạn đối với Như Lai. Muốn khiến chúng sinh biết thân chân thật của Như Lai và thân giả danh. Chân thân tức chân như pháp và chính thuyết pháp. Chính thuyết pháp tứ chân như pháp lưu xuất, gọi là chính thuyết thân. Hai cái này gọi là pháp thân. Pháp này rất sâu khó thông đạt được, chẳng phải cảnh giới của người ở bậc hạ vị. Nếu thông đạt thân này thì đối với Như Lai khởi tâm cực tôn trọng. Giả danh thân

tức hóa thân. Để cho thấy thân này là do phân biệt tạo ra, chẳng phải chân thật có, cho nên hóa thân không vĩnh trụ

Luận nói: 4. Vì khiến chúng sinh đối với Phật thân khởi tâm khát vọng chiêm ngưỡng mãi không chán.

Giải thích: Nếu một hóa thân hằng trụ, chúng sinh mới thấy sinh khát ngưỡng, sau thì sự khát ngưỡng sẽ phai nhạt. Nếu sắc hình cải biến nhiều thứ hy hữu, chúng sinh thường khao khát những cái mới thì sẽ không chán, cho nên hóa thân không vĩnh trụ.

Luận nói: 5. Vì khiến kia hướng về chính mình khởi cực tinh tiến, vì biết chính thuyết là không thể được.

Giải thích: Nếu hóa thân Phật hằng trụ, thì chúng sinh không khởi tưởng khó gặp, cho nên Như Lai xả hóa thân, khiến chúng biết Phật trụ thế không lâu, khởi chính cần tu tập, gấp rút độ tự thân không quán gì khác. Lại lấy tự thân chứng biết sự thị phi, gọi là “hướng về chính mình”. Cho nên hóa thân không vĩnh trụ.

Luận nói: 6. Vì khiến kia sớm được địa vị thành thực, hướng về chính mình rất mực tinh tiến không bỏ gánh nặng.

Giải thích: Trước là nói rõ chưa tu chính cần khiến tu chính cần. Đây nói nếu đã tu chính cần khiến không bỏ chính cần tu tập định tuệ mau được viên mãn. Cho nên hóa thân không vĩnh trụ.

Luận nói: Ở đây có bài kệ như sau:

Giải thích: Để tóm thâu 6 nhân trước khiến người hay quên mất dễ nhớ mà chấp trì, nên lại nói kệ.

Luận nói:

*Do chính sự cứu cánh,  
Vị trừ vui Niết-bàn,*

*Khiến bỏ khinh mạn Phật,  
Phát khởi tâm khát vọng,  
Hướng về mình tinh tiến,  
Và vì mau thành thực,  
Đổi hóa thân chư Phật,  
Biết là không vĩnh trụ.*

Giải thích: Như Lai không vĩnh viễn Bát-niết-bàn. Nay sẽ giải thích nghĩa này.

Luận nói: Vì độ tất cả chúng sinh do phát nguyện và tu hành tìm cầu vô thượng Bồ-đề, hoàn toàn nhập Niết-bàn, điều này là không đúng lý,

Giải thích: Như Lai xưa trong lúc nguyện lạc địa, vì độ chúng sinh đã phát các thắng nguyện, cầu vô thượng Bồ-đề, trong kiến vị v.v..., vì độ chúng sinh, tu các thắng hạnh tìm vô thượng Bồ-đề. Nếu được quả cao tốt mà bỏ chúng sinh, nhập Niết-bàn là điều không đúng đạo lý. Bởi vì sao?

Luận nói: vì bản nguyện và tu hành trái nhau không có quả.

Giải thích: Bồ-tát xưa vì độ chúng sinh phát nguyện và tu hành, khiến ta về sau thường năng lợi ích tất cả chúng sinh. Lợi ích chúng sinh tức quả của hạnh nguyện. Nay được quả cao tốt nếu xả bỏ chúng sinh vĩnh viễn nhập Niết-bàn tức trái với bản ý phát nguyện tu hành. Nguyện hạnh chỉ có quả tự lợi không có quả lợi tha. Do Như Lai không vĩnh viễn nhập Niết-bàn, cho nên tương ưng có quả.

Luận nói: Lại nữa, thụ dụng thân và biến hóa thân là vô thường, sao chư Phật lấy thường trú làm pháp thân?

Giải thích: Nếu Như Lai không vĩnh viễn Bát-niết-bàn thì Như Lai lấy pháp thường trú làm thân. Thụ dụng thân và biến hóa thân không nên là vô thường. Nếu là vô thường, vì sao lại nói lấy thường trú làm thân?

Luận nói: Do ứng thân và hóa thân hằng y chỉ vào pháp thân.

Giải thích: Pháp thân là gốc của hai thân. Gốc đã thường trú, nhánh y nơi gốc tương tục thường còn, cho nên nhánh cũng thường trú.

Luận nói: Do ứng thân không lìa bỏ.

Giải thích: Như Lai tự viên đức và lợi ích các Bồ-tát. Hai việc này với Như Lai hằng không tách rời nhau. Hai việc này tức là ứng thân, cho nên phải thường trụ.

Luận nói: Do hóa thân thường hiện khởi,

Giải thích: Hóa thân vì độ chúng sinh cho đến tận cùng sinh tử không một sát-na không liên tục thị hiện được vô thượng Bồ-đề và Bát-niết-bàn. Bởi vì sao? Sở độ chúng sinh là hằng có, Đại bi của Như Lai không nghỉ không bỏ, cho nên hóa thân cũng là thường trú.

Luận nói: như hằng thụ lạc, hằng thí thực. Phải biết thường trú của hai thân là như vậy.

Giải thích: Để thấy rõ hai thân thường trú nên dẫn hai việc làm thí dụ. Như thế gian nói người này hằng hưởng lạc, người này hằng thí thực. Không phải hai việc hưởng lạc thí thực không gián đoạn, gọi là hằng. Do gốc và sự hai nghĩa không dứt, nên nói là thường trụ.

Luận nói: Nếu pháp thân thời vô thủy không sai biệt, không số lượng,

Giải thích: Nếu pháp thân vốn có từ vô thủy, đối với tất cả chúng sinh không sai biệt, không thể lượng đạc, chư Phật do pháp thân đầy đủ thắng năng đối với việc lợi tha, thì chúng sinh được pháp thân cần gì phải tinh tiến tu đạo?

Luận nói: thì để được pháp thân không nên không dụng công.

Giải thích: Tuy vậy không nên không dụng công, vì không thể tự nhiên chúng đắc pháp thân.

Luận nói: Ở đây có bài kệ như sau:

Giải thích: Để giải thích câu hỏi này nên nói kệ.

Luận nói:

*Chư Phật chứng đắc, đẳng, vô lượng,  
Là nhân. Chúng sinh nếu không siêng  
Hằng thời không thành nhân chứng đắc.  
Đoạn trừ chính nhân là phi lý.*

Luận nói: “Chư Phật chứng đắc nhiều vô lượng là nhân.”

Giải thích: Quá khứ hiện tại chư Phật chứng đắc pháp thân. Sự chứng đắc không có cao thấp nên gọi “đẳng” tức bình đẳng. Công đức đạt được không giới hạn nên nói vô lượng. Đó là nhân của chính cần chúng sinh cầu được pháp thân.

Luận nói: “Chúng sinh nếu không siêng”

Giải thích: Sự chứng đắc này nếu là chúng sinh bỏ nhân chính cần thì như cái chắp ở trước là không cần tự mình siêng năng, do người khác mà được độ.

Luận nói: “Hằng thời không thành nhân chứng đắc.”

Giải thích: Chư Phật chứng đắc pháp thân, tất cả là có. Nếu lìa sự tự chính cần thì sự chứng đắc này không thành nhân tự chứng đắc. Bởi vì sao? Nếu là nhân thì từ xưa đến nay đã không là phạm phu, vì đều được độ do người khác. Đã không có nghĩa như vậy nên tuy có chứng đắc, không thành nhân của chính mình.

Luận nói: “Đoạn trừ chính nhân là phi lý.”

Giải thích: Chính cần và chứng đắc tương ưng, gọi là chính nhân. Nếu đoạn trừ hai cái này thì không đúng đạo lý. Lại nữa nhân có hai thứ: một là phương tiện nhân hai là chính nhân. Chư Phật chứng đắc là phương tiện nhân, vì thuộc tha. Tự tu chính cần là chính

nhân, vì dựa vào chính mình. Nếu bỏ chính nhân chỉ giữ phương tiện, việc này không hợp đạo lý, vì không thể thành tựu sở nguyện của mình. Lại nữa có các Bồ-tát, từ bi trang sức tương tục, đối chúng sinh khởi ái niệm tâm coi như con. Không có ý nghĩ như vậy: Là việc lợi ích chúng sinh để chúng làm, ta không làm. Thường có ý nghĩ như vậy: Dầu chúng làm hay không làm, ta cũng phải làm. Nếu chúng sinh không ứng với tâm Bồ-tát làm chính cần không được nghĩa lợi ích của Bồ-tát. Vì vậy chính cần là chính nhân thứ nhất chứng đắc pháp thân. Nhân này không thể đoạn trừ. Nếu đoạn trừ nhân này, do nhân nào khác được pháp thân là điều không thể có.

Luận nói: Tên Nghiệp Đại Thừa là trong Kinh A-tì-đạt-ma, Đại thừa tạng, giải thích xong./.

Do y Phật nói và đạo lý,  
 Nói luận là tự được thanh tịnh.  
 Để lợi người trí tin chính hạnh,  
 Để lập chính pháp tồn tại lâu.  
 Y đèn điện báu sáng trời trăng,  
 Như người tịnh nhãn thấy các sắc.  
 Y đủ trí bi ba giải tôn,  
 Thông đạt nói luận cũng như vậy.  
 Nếu nghĩa chân thật là pháp cú,  
 Phá trừ phiền não bì, nhục, tâm.  
 Hiện thị Niết-bàn đạo công đức,  
 Chỉ đây mới là lời Phật dạy.  
 Nếu người loạn tâm nói như thế,  
 Hiện thị Phật là vô thượng sư.  
 Tùy thuận Niết-bàn đạo tư lương,  
 Đỉnh lễ lời này như Phật dạy.  
 Đòi không người tuệ hơn được Phật,  
 Đủ trí thông chân lý vô dư.

Là Phật tự rõ pháp bất động,  
 Nếu trái chính pháp do Phật dạy.  
 Nếu chê Thành nhân và chính pháp,  
 Người mê kiến chấp cứ việc làm.  
 Đòi này trí lia ba ô trước,  
 Như áo được nhuộm sạch không nhuộm.  
 Trí độn lia tín và bạch pháp,  
 Tà mạn pháp tai không rõ chấp.  
 Tham lợi tà kiến cùng pháp oán,  
 Lia thắng hạ nguyện chê chính pháp.  
 Trong lửa, rắn, giặc cùng sấm sét,  
 Hai pháp mới sợ, đây không sợ.  
 Như lửa chỉ đoạn mạng thể gian,  
 Vô gián đáng sợ chẳng do đó.  
 Nếu người thường theo các bạn ác,  
 Tà kiến, ngũ nghịch, đoạn thiện căn.  
 Nghĩ pháp sớm lia khổ vô gián,  
 Chê pháp làm sao được giải thoát.  
 Các cõi báu như giác đức nghiệp,  
 Ta nói câu này sinh thiện căn.  
 Nhân đây nguyện thấy Phật Di-đà,  
 Do được tịnh nhàn thành chính giác.

Mười kệ đây là nghĩa chung. Để làm rõ nghĩa chung này, lại nói ba kệ:

Từ đây và vì đây,  
 Do đây là sở thuyết.  
 Ở đây nói bốn kệ,  
 Để hiển năm nghĩa trước.  
 Giữ phương tiện chính mình,  
 Cho nên nói hai kệ.



Nhân hại pháp nói một,  
Quả hại pháp nói hai.  
Đến Đại tập pháp nhãn,  
Chứng vô thượng Bồ-đề.  
Lược nói ba pháp này,  
Là nói lại thắng quả.

Tam tạng Pháp sư dịch giảng luận xong nói ba kệ này:

Nếu nghĩ liễu nghĩa luận,  
Người trí tin Tam Bảo.  
Do trí tín hai căn,  
Được nhập chân như quán.  
Nên ta y bản ghi,  
Dịch giải Nhiếp Đại Thừa.  
Sinh được công đức gì,  
Hồi hướng vì ba năng.  
Cúng dường Phật pháp tăng,  
Hàng phục kẻ tà hạnh.  
Cứu vớt các khổ nạn,  
Nguyện năng lực vô cùng.

**QUYỂN MƯỜI LĂM**  
**(Trọn bộ 15 quyển hết)**

**SỐ 1596**  
**NHIẾP ĐẠI THỪA LUẬN THÍCH LUẬN**  
**QUYỂN 1**

*Thế Thân Bồ-tát tạo*  
*Tỳ Thiên Trúc Tam tạng Đạt-ma Cấp-đa dịch*  
*Nguyên Hồng dịch tiếng Việt*

**Phải biết y chỉ thẳng tướng thẳng ngữ 1**  
**Chương 1: Vô đẳng Thánh giáo**

Luận nói: Trong Kinh Đại thừa A-tì-đạt-ma, các Bồ-tát đã khéo ngộ nhập Đại thừa đối trước đức Bà-già-bà nói chư Phật Thế Tôn có 10 tướng tướng ngữ để hiển dương đại thể của Đại thừa.

Giải thích: Hỏi vì sao tạo luận? Đáp để phụ diễn. Phải biết pháp tính sâu xa rộng lớn, nếu không phải vâng theo sức của Phật Bồ-tát, không ai có thể giải thích nghĩa lý này.

Lại nữa vì nghĩa gì luận này nói các tướng như vậy? Nếu không nói A-tì-đạt-ma thì không biết đó là Phật nói. Vì nghĩa ấy nên nêu tên kinh, như nói Kinh Thập Địa. Nay sẽ giải thích tên kinh ấy để người không biết được biết. Nói A-tì-đạt-ma Tu-đa-la là trong Tu-đa-la kia nói pháp môn A-tì-đạt-ma này, và cũng để hiển thị tên Tu-đa-la. Nói Đại thừa là để phân biệt khác với A-tì-đạt-ma của Thanh Văn, cũng không phải thứ A-tì-đạt-ma không phải Phật nói. Có người tự dùng

tuệ phân biệt gọi là Phật nói A-tì-đạt-ma, hoặc nói do Thanh Văn nói, hoặc nói do người trí ở đời làm ra. Vì vậy nên nói Đại thừa Tu-đa-la, tức cho thấy khác với Thanh Văn v.v... Lại nữa nói A-tì-đạt-ma được hiển thị trong Bồ-tát tạng. Lại nói thâm nhiếp trong tạng là hiển thị sự điều phục tự phiền não. Cho nên trong Đại thừa là Bồ-tát phiền não. Bồ-tát lấy phân biệt làm phiền não. A-tì-đạt-ma là tướng sâu xa rộng lớn. Tạng có 3 loại: Tu-đa-la, A-tì-đạt-ma, Tì-na-da. Tức 3 loại này có thượng hạ thừa riêng biệt nên thành 2 là Thanh Văn tạng và Bồ-tát tạng.

Lại nữa 3 và 2 này vì sao có tên là tạng? Đáp là do bao gồm thâm nhiếp. Nghĩa là thâm gồm tất cả các nghĩa cần phải biết. Vì sao thành 3? Vì có 9 nhân duyên. Đối trị những người nghi ngờ là Tu-đa-la. Nếu có người nghi về nghĩa thì làm cho họ giải quyết được nghi ngờ nên nói. Đối trị đấm trước nhị biên là Tì-na-da, ngăn ngừa sự thụ dụng tội lỗi, nghĩa là đấm trước bên đục lạc thụ dụng cho là không tội lỗi, ngăn ngừa bên tự hành khổ hạnh. Đối trị sự tự kiến chấp là A-tì-đạt-ma do làm rõ tướng không điên đảo.

Lại nữa nói tam học là Tu-đa-la. Đầy đủ tăng thượng giới, tăng thượng tâm là Tì-na-da, do trì giới được sự không hối hận v.v... lần lượt được Tam-ma-đề. Đầy đủ tăng thượng tuệ là A-tì-đạt-ma, phân biệt lựa chọn nghĩa không điên đảo.

Lại nữa thuyết pháp và nghĩa, là Tu-đa-la. Thành tựu pháp nghĩa, là Tì-na-da. Nếu người tu hành điều phục phiền não, được thông đạt, đối với pháp nghĩa quyết định khéo léo, là A-tì-đạt-ma. Do 9 nhân duyên này nên thành lập 3 tạng. Những thứ này đều vì giải thoát sinh tử.

Lại nữa làm sao được giải thoát? Huân trì tịch thông nên được giải thoát. Do nghe nên huân tập trong tâm, do suy nghĩ nên biết tu hành, do Xa-ma-tha nên tịch tĩnh. Tì-bát-xá-na nên thông đạt.

Tu-đa-la, Tì-na-da, A-tì-đạt-ma này, lược nói có 4 nghĩa. Bồ-tát hiểu đây tức được Nhất thiết trí. Thanh Văn tùy theo hiểu được nghĩa một kệ thì được lưu tận.

Mỗi thứ đều có 4 nghĩa là thế nào? Một y, hai tướng, ba pháp, bốn nghĩa. Xuyên suốt đây là Tu-đa-la. Trong đó y là y xứ, y nhân, y sở vi. Tướng là thế đế tướng, đệ nhất nghĩa đế tướng. Pháp là âm, giới, nhập, duyên sinh, đế, niệm, định, vô lượng, vô sắc, giải thoát, thắng xứ, nhất thiết xứ, Bồ-đề phần, biện tài, vô tránh v.v... Nghĩa, là tùy thuận tương tục. Một hướng, hai số, ba phục, bốn phổ gặp. Nên biết rằng đây là A-tì-đạt-ma. Hướng là A-tì-đạt-ma, là pháp hướng đến vô trụ xứ Niết-bàn, vì nói các môn đế, Bồ-đề phần, giải thoát v.v...Số, là pháp số của A-tì-đạt-ma. Trong mỗi mỗi pháp quyết liễu sự sai biệt của tự tướng, thông tướng của nó vì có vô lượng thuyết. Phục, là A-tì-đạt-ma là pháp làm kẻ khác phải hàng phục, có thể đè bẹp các luận khác do lập tông đầy đủ. Phổ tập, là do A-tì-đạt-ma tập hợp khắp các nghĩa của Tu-đa-la.

Lại nữa, phải biết 4 của Tì-na-da là: một tội lỗi, hai duyên khởi, ba hoàn tịnh, bốn xuất ly. Trong đó tội lỗi là tội Ngũ thiên. Duyên khởi là nguyên do gây tội lỗi, có 4: một không biết, hai phóng túng, ba phiền não nung nấu, bốn không tôn trọng. Hoàn tịnh là pháp tịnh tâm chứ không phải trị phạt, như nhiếp trì cấm giới. Xuất ly có 7 thứ: Một là tự phát lồ. Hai là trị phạt với đồng học. Ba là hoàn toàn cấm không cho học mà dùng đạo lý khác. Bốn là đã giải quyết xong, nghĩa là chúng tăng đồng ý cùng giải quyết. Năm là chuyển thân, nghĩa là Tì-khuru, Tì-khuru-ni chuyển đổi giới tính nếu không có tội chung. Sáu là chân thật quán do tác pháp Uất-đà-na thắng quán. Bảy là được pháp nhĩ, nghĩa là được kiến đế rồi thì tiêu tội và tùy tiêu tội, theo pháp nhĩ là không có. Lại nữa phải biết Tì-na-da có 4 nghĩa: Một là người, tức y vào đó lập học xứ. Hai là lập chế, tức như chỗ thừa bạch về tội lỗi người ấy, Đại sư họp chúng chế học xứ. Ba là phân biệt, tức

lập câu học xứ rồi theo đó giải thích cho tách bạch từng phần. Bốn là phán quyết, nghĩa là quyết định trong các phần ấy thế nào là có tội thế nào là vô tội. Nay giải thích câu “trước đức Bà-già-bà “ là bày tỏ sự cung kính, không nói gì khác. Nói “khéo ngộ nhập Đại thừa” là được công đức Đà-la-ni v.v..., cho thấy rằng được các công đức ấy rồi thì đối với văn, với nghĩa có thể thụ trì đúng, giảng nói đúng. Các Bồ-tát như thế gọi là khéo nhập Đại thừa. Nói vậy để làm gì? Là để hiển phát cái thể to lớn của Đại thừa. Hiển phát là nói rõ ràng rộng rãi cái đại thể ấy. Đó là Đại thừa, y nơi Đại thừa nên có 10 thứ thắng tướng thắng ngữ. Dùng thắng ngữ nói 10 thắng tướng do đó có 10 thứ thắng tướng thắng ngữ. Lại nói thắng ngôn là hai tướng hình nên có vật này hơn vật kia. Tối thượng nghĩa là thắng nghĩa. Lại nữa do nhân thể thắng nên quả ngữ thắng. Nay sẽ nói về 10 thứ ấy.

Luận nói: Chư Phật Thế Tôn có y chỉ thắng tướng thắng ngữ cần phải biết: Ứng tri thắng tướng thắng ngữ. Nhập ứng tri thắng tướng thắng ngữ. Nhập nhân quả thắng tướng thắng ngữ. Nhân quả tu thắng tướng thắng ngữ. Trong đó có: Tu sai biệt tăng thượng giới thắng tướng thắng ngữ, Tu tăng thượng tâm thắng tướng thắng ngữ, Tu tăng thượng tuệ thắng tướng thắng ngữ, Tu diệt thắng tướng thắng ngữ, Tu trí thắng tướng thắng ngữ. Như vậy những câu Tu-đa-la đã nói hiển thị Đại thừa là Phật nói.

Giải thích: Nói “Ứng tri y chỉ thắng tướng thắng ngữ” là pháp sở tri cần phải biết, gọi là ứng tri. Nghĩa là các pháp nhiệm tịnh v.v... tức là 3 tính. Y chỉ là nghĩa của nhân. Nên biết y chỉ tức là thắng tướng này. Cho nên nói “ứng tri y chỉ thắng tướng”. Do thắng tướng ấy nên nói là thắng, tức là thức A-lê-da. Như vậy là những giải thích nghĩa sơ lược. Cho đến trí thắng tướng cũng vậy. Trí tức thắng tướng, nên nói trí thắng tướng. Ứng tri tướng nghĩa là ứng tri tự tính. Ứng tri tức là tướng, cho nên nói ứng tri tướng, tức là 3 tính. Nhập ứng tri thắng tướng là trong cái ứng tri tướng này, nếu sở nhập và năng

nhập đều gọi là nhập, tức là duy thức, tức đây nhập là kia nhập. Nói kia nhập nhân quả là duy thức gọi là nhập. Nhân là thể gian thí v.v... các Ba-la-mật., tức là khi gia hành. Quả thể, tức khi đây thông đạt là xuất thể gian thể. Kia nhân quả tu sai biệt, tức nhân quả trước ở trong nhân quả này tu sai biệt. Tu, tức là tập nhiều lần. Sự tu tập nhiều lần này trong các địa trở nên tiến triển hơn, nên gọi là sai biệt., tức 10 địa tu sai biệt trong đó. Tăng thượng giới học là giới tu học gọi là tăng thượng giới, tức là trong 10 địa có các giới cấm Bồ-tát. Đối với các bất thiện không mong tâm, nên tăng thượng tâm học là nội quán tâm. Tâm này tức là tăng thượng học, gọi là Tam-ma-đề. Tăng thượng tuệ học là thắng hơn được tuệ gọi là tăng thượng tuệ. Tuệ này tức là tăng thượng học. Tăng thượng tuệ học tức là vô phân biệt trí. Diệt thắng tướng là tự thể của tối thắng chủng loại diệt phiền não chướng trí chướng, tức là vô trụ xứ Niết-bàn. Trí thắng tướng thắng ngữ là trí không chướng ngại gọi là trí thắng tướng. Trí vô phân biệt kia có đối trị. Phật trí là lia tất cả chướng tùy miên, tức sự thù thắng của trí vô phân biệt.

Luận nói: Lại nữa, hiển phát như thế nào? Có 10 chỗ nói về điều này. Trong Thanh Văn thừa không nói đến. Chỉ có Đại thừa nói. Đó là thức A-lê-da, nói là cái thể y chỉ cần phải biết. Ba thứ tự tính: phân biệt, y tha, thành tựu nói là cái thể tướng cần phải biết. Duy thức nói là ngộ nhập cái thể tướng cần phải biết. Sáu Ba-la-mật nói là nhập nhân quả thể tướng. Mười địa Bồ-tát nói là nhập nhân quả tu sai biệt thể. Nói giới cấm Bồ-tát là thể của giới tăng thượng. Nói kiện hành và hư không khí v.v... Tam-ma-đề là thể của tâm tăng thượng. Nói vô phân biệt trí là thể của tuệ tăng thượng. Nói vô trụ Niết-bàn là thể của quả diệt kia. Nói 3 thân của chư Phật: tự tính thân, cộng dụng thân, hóa thân là thể của quả trí kia. Do 10 chỗ này nên đặc biệt khác với Thanh Văn thừa. Chỗ đặc biệt khác đó là cao tột cho nên Thế Tôn chỉ nói cho Bồ-tát. Vì vậy cho nên nói chư Phật Thế Tôn vì Đại thừa mới có 10 thứ thắng tướng thắng ngữ cần phải biết.

Giải thích: Thế nào là hiển phát? Nghĩa là có tướng mạo như thế nào. Sáu Ba-la-mật là thể của ngũ nhập nhân quả kia, nghĩa là duy thức quán được nhập 3 tính, tức là nhân của thanh tịnh Ba-la-mật. Tuy là thế gian có thể dẫn đến xuất thế gian cho nên đã nhập địa trở đi tức là thanh tịnh, là thể của quả xuất thế. Bồ-tát 10 địa là thể của tu sai biệt nhân quả kia, tức là tu tập 3 học trong các địa. Quả, tức là quả của quả tam học. Trong quả này, diệt là thể của quả diệt, nghĩa là diệt phiền não trí chướng. Vô phân biệt trí là thể của tăng thượng tuệ học, nghĩa là Thanh Văn không phân biệt 4 điền đảo nên gọi vô phân biệt. Chư Bồ-tát thì vô phân biệt đối với tất cả pháp. Đây là chỗ khác nhau của 2 thứ vô phân biệt. Ba thứ Phật thân là thể của quả trí, là quả tam học kia gọi là quả kia. Quả kia tức là trí, nên nói quả trí kia. Thể này tức là thể của quả trí kia. Trong đây nếu lìa tự tính thân tức không có pháp thân. Như nhãn nếu tách rời đây tức không có báo thân. Như nhãn thức, nên biết rằng đây 2 pháp năng y sở y bình đẳng, nếu tách rời báo thân, thì các Bồ-tát đã nhập đại địa thụ dụng pháp cũng bất thành. Nếu không thụ dụng pháp thì Bồ-đề tư lương đầy đủ cũng bất thành. Như kiến sắc hóa thân cũng vậy. Nếu tách rời đây thì các Bồ-tát trong giải hạnh, các Thanh Văn thô thiện giải, và sơ phát tâm tu hành cũng bất thành. Vì vậy cho nên nhất định phải có 3 thân. Cho nên Đại thừa với Thanh Văn thừa đặc biệt khác đó là trong Thanh Văn thừa không nói. Tối thượng là hiển thị trong Đại thừa cũng thù thắng.

Luận nói: Lại nữa vì sao lấy 10 thứ thắng tướng thắng ngữ của Như Lai này có thể rõ Đại thừa là Phật nói? Cũng ngăn chặn được

Thanh Văn thừa khác với Đại thừa? Bởi vì 10 chỗ này không thấy nói trong Thanh Văn thừa, chỉ nói trong Đại thừa dẫn sinh Đại Bồ-đề. Mười chỗ này tùy thuận thành tựu không mâu thuẫn, được trí Nhất thiết trí. Ở đây có kệ như sau:

*Phải biết y tướng nhập,  
Nhân quả tu sai biệt,*

*Tam học quả diệt tri,  
 Trong thượng thừa thù thắng.  
 Đây nói nơi khác không,  
 Thấy nhân thắng giác này,  
 Nên Đại thừa Phật nói,  
 Do nói 10 thắng xứ.*

Giải thích: Nghĩa này là thế nào? Có thể dẫn đến Đại Bồ-đề nên hiển thị nghĩa này. Mười chỗ này thành tựu tùy thuận không mâu thuẫn, nên có thể dẫn sinh Đại Bồ-đề. Dẫn sinh Đại Bồ-đề là vì nhân. Thành tựu là trong tam học tư lường quan sát như đạo sư hiển thị đạo tướng. Tùy thuận là trong thắng được, khi khởi tu hành tùy thuận tương ưng trụ, trong đó tùy thuận mà trụ như đạo sư đã nói. Không mâu thuẫn là trong các địa không có sự chướng ngại, như nói trên đường đi không có giặc v.v... cản trở. Nghĩa là sinh tử Niết-bàn không chướng ngại nhau.

## **Chương 2: Thứ tự của 10 nghĩa**

Luận nói: Lại nữa 10 chỗ này vì sao được nói theo thứ tự như vậy? Chư Bồ-tát tối sơ do các pháp như vậy, trong nhân được khéo léo, tức trong duyên sinh sẽ được khéo léo. Chúng sau đó các pháp sở sinh trong duyên được biết rõ tướng của chúng, biết rõ lỗi hai bên tăng ích tổn giảm. Bồ-tát khéo tương ưng đối với các tướng ấy rồi, tiếp đến đối với chúng khéo nhiếp trì, trong tướng phải thông đạt, thì trong chướng ngại tâm được giải thoát. Thông đạt các tướng cần phải biết kia rồi, cái thắng nhân xưa gia hành trong 6 Ba-la-mật phải được thành tựu. Ý nội tâm thanh tịnh nên 6 Ba-la-mật được thâm nhiếp trong nội tâm thanh tịnh phải tu 3 a-tăng-kì kiếp làm thanh tịnh từng phần từng phần. Tiếp đến Bồ-tát phải viên mãn tam học. Đã viên mãn rồi, cần phải tu A-nậu-đa-la Tam-miệu Tam-bồ-đề và quả Niết-bàn kia. Mười chỗ nói theo thứ tự như vậy. Trong đây, tất cả Đại thừa đều được cứu cánh.



Giải thích: Vì lý do gì nói theo thứ tự như vậy? Nghĩa là ban đầu từ các Bồ-tát do trong các nhân như vậy cho đến quả Niết-bàn kia chính giác A-nậu-đa-la Tam-miệu Tam-bồ-đề v.v... là do biết nhân các pháp nên được thiện xảo trong duyên sinh. Do có nhân nên sinh quả. Chẳng phải Tự tại thiên v.v... Cho nên được nhân quả 2 trí. Tiếp đến phải biết cái tướng của pháp do nhân sinh ra. Tướng ấy như thế nào? Tính phân biệt là không, chấp cho là có, gọi là tăng ích. Tăng ích nơi không, tức là tổn giảm. Tính thật hữu thành tựu lìa lỗi nhị biên này, nên nói là thiện xảo. Tiếp đến về sở thủ phải dùng duy thức quán biết tướng của chúng. Do quán này nên được không chướng ngại. Tiếp đến trong tùy thuận nhập duy thức 6 Ba-la-mật thể gian, y thể tục được rồi phải tu đặc độ nhất nghĩa. Nghĩa là phải tu tịnh tâm nhiếp thủ Ba-la-mật. Tiếp đến trong 10 địa trải qua 3 a-tăng-ki kiếp phải tu từng phần, không phải như Thanh Văn thắng đặc trong 3 đời khởi đối trị là được giải thoát. Tiếp đến trong lúc tu phải viên mãn giới v.v. tam học. Tiếp đến phải được học quả Niết-bàn, diệt phiền não chướng, được 3 thân A-nậu-đa-la Tam-miệu Tam-bồ-đề. Nếu thứ tự Đại thừa thì đều phải biết như vậy. Bởi vì sao? Nếu muốn nói duyên sinh tức nhập trong thức A-lê-da. Nếu nói tướng tức vào trong 3 tính. Nếu nói thắng đặc tức là duy thức. Nếu nói Ba-la-mật tức vào trong các Ba-la-mật. Nếu nói địa tức vào trong địa. Nếu nói học tức vào trong học xứ. Nếu nói diệt và trí tức gồm trong vô trụ xứ Niết-bàn và 3 thân. Phật nói như vậy, cho nên nói theo thứ tự như thế. Lại có nghĩa khác, dẫn sinh Đại Bồ-đề nghĩa là có thể sinh trí không phân biệt không hý luận. Thành tựu là tương ưng. Tùy thuận là không mâu thuẫn với 3 lượng. Không mâu thuẫn là không phải trước thuận theo sau trái chống. Như kệ nói:

*Nhiếp trì cầu và bi,  
 Cũng tùy thuận các thiện,  
 Chẳng hắc bạch, ngã kiến,  
 Có ích cũng có tổn.*

Được trí Nhất thiết trí nghĩa là trong tất cả pháp, nhất thiết chủng trí sinh không gián đoạn. Những thành tựu này cũng có nghĩa riêng. Thành tựu tùy thuận không mâu thuẫn v.v... Câu trước là gốc, câu sau là giải thích. Thế nào là thành tựu? Nghĩa là tùy thuận. Thế nào là tùy thuận? Nghĩa là không mâu thuẫn. Cứ lần lượt như vậy.

### Chương 3: Các tên

Luận nói: Trong đây trước tiên phải biết y chỉ là thức A-lê-da. Thế Tôn ở đâu nói thức A-lê-da này? Thế Tôn nói trong bài kệ Kinh A-tì-đạt-ma.

*Giới thể thời vô thủy,  
Các pháp cùng y chỉ.  
Do đây có các thú,  
Và Niết-bàn thắng đặc.*

Giải thích: Thế Tôn trong A-tì-đạt-ma A-hàm nói tên thức A-lê-da. Thức A-lê-da tức luận này trước tiên nói A-tì-đạt-ma Tu-đa-la. Trong đây “giới” tức là nghĩa của nhân. “Các pháp cùng y chỉ” là do nhân này nên tất cả pháp đều dựa vào đó. Nghĩa là y chỉ vào đây làm thể của nhân. Có chỗ cho các pháp y chỉ này nên quả báo các thú do đây được sinh, có lực trong vô lượng sinh, có thể hiểu nghĩa các pháp thiện thuyết ác thuyết. Nếu vượt thứ tự được thắng đặc, lại làm thể y chỉ cho phiền não, do đó có phiền não rất nặng và phiền não bền chắc. Trong 4 thú quả báo này, người thắng có thể kham chịu được, ngược lại thì không. Nên biết tất cả ở trong sinh tử tùy thuộc thú nào? Chẳng phải chỉ các thú mà cũng có thắng đặc Niết-bàn, bởi vì có phiền não tức có Niết-bàn. A-hàm này cho thấy cái y chỉ cần phải biết, đó là thức A-lê-da. A-hàm lại nói:

Luận nói: Tức kinh ấy lại nói kệ rằng:

*Chỗ các pháp y trú:  
Nhất thiết chủng tử thức.*

*Nên gọi thức Lê-da.  
Ta vì thắng nhân nói.*

Giải thích: Bài kệ này, câu thứ hai giải thích câu thứ nhất. Thắng nhân là chỉ các Bồ-tát.

Luận nói: Có các chứng minh trong A-hàm này, nhưng thức này vì nhân duyên gì gọi là A-lê-da? Tất cả các nhiễm pháp của loài hữu sinh y trụ làm quả, thức này cũng dựa vào các pháp kia làm nhân, nên gọi là thức A-lê-da. Lại nữa chúng sinh y trụ lấy làm tự ngã cho nên gọi là thức A-lê-da.

Giải thích: Thức này gọi là A-lê-da là vì các pháp y trụ. Y trụ là cùng chuyển. Hữu sinh là những loài có sinh khởi đều gọi là hữu sinh. Nhiễm pháp là khác với tịnh pháp. Chúng sinh y trụ làm tự ngã là chấp thủ.

Luận nói: Thức A-lê-da này còn tên là thức A-đà-na. Như Thế Tôn có nói trong Kinh Giải Tiệt:

*A-đà-na sâu xa vi tế,  
Chủng tử hằng chuyển như dòng chảy.  
Trẻ con, phàm phu ta không nói,  
Không cho phân biệt gọi là ngã.*

Giải thích: Lại trong Giải Tiệt A-hàm, Phật bảo Quảng Tuệ: Các chúng sinh trong 6 đường sinh tử tùy loại chúng sinh, nào sinh trứng, sinh thai, sinh nơi ẩm ướt, hóa sinh, trong khi sinh tự thân chuyển sinh, khi ấy tất cả chủng tử tâm lúc mới đầu thành thực liền được hòa hợp, rồi tăng trưởng lớn lên đầy đủ. Có hai loại thủ đắc là có loại y sắc căn mà thủ đắc nên tướng gọi là phân biệt thể tục hý luận v.v...huân tập thủ. Trong sắc giới có 2 loại thủ. Trong vô sắc giới không có 2 loại thủ. Quảng Tuệ ! Thức này hoặc gọi là A-đà-na vì nó biến khắp gìn giữ trong thân, hoặc gọi là A-lê-da vì nó ẩn tàng khắp cả trong thân cùng thịnh suy lợi hại, nên hoặc gọi là tâm vì nó

tích tụ và tăng trưởng sắc thanh hương vị xúc pháp. Quảng Tuệ ! Y A-đà-na thức làm trụ xứ chuyển sinh 6 thức thân tức là nhãn thức, nhĩ thức, tỷ thức, thiệt thức, thân thức, ý thức trong đó có thức. Nhãn căn và sắc là duyên sinh nhãn thức, tức nhãn thức kia cộng hành đồng thời cùng với cảnh giới có ý thức phân biệt sinh. Nếu mỗi một nhãn thức sinh, tùy theo mỗi một nhãn phân biệt ý thức, với nhãn thức cùng hành, đồng thời cùng cảnh giới sinh. Tùy mỗi lúc, hoặc hai, hoặc ba, hoặc bốn, hoặc năm thức thân chuyển sinh, tức mỗi lúc một phân biệt ý thức với 5 thức thân cùng hành, đồng thời cùng cảnh giới sinh. Như dòng sông lớn chảy, nếu một duyên khởi sóng xảy đến thì một đợt sóng sinh, nếu hai hoặc nhiều duyên khởi sóng xảy đến thì nhiều đợt sóng sinh trong khi con sông kia vẫn chảy bình thường không gián đoạn không chầm dứt. Lại ví như mặt gương sạch, nếu có một vật tượng đến thì có một ảnh tượng sinh, nếu hai hay nhiều vật tượng đến thì có nhiều ảnh tượng sinh, nhưng mặt gương kia không chuyển thành ảnh tượng, cũng không tổn giảm, nên biết như vậy. Như vậy thức A-đà-na như con sông lớn, y nơi đó mà trụ. Nếu có tùy một duyên khởi đến với nhãn thức thì tùy theo đó có một nhãn thức sinh. Nếu cho đến tùy theo đó có duyên 5 thức thân khởi đến, thì tùy theo đó có 5 thức thân sinh. Như vậy Quảng Tuệ ! Bồ-tát trụ pháp trụ trí được bí mật thiện xảo của tâm ý thức. Như Lai nhất thiết chủng nhất thiết trí không nói Bồ-tát đều như nhau cái gọi là bí mật thiện xảo của tâm ý thức này. Quảng Tuệ ! Nếu Bồ-tát ở bên trong, ở bên ngoài, như thật không thấy A-đà-na A-đà-na thức, không thấy A-lê-da A-lê-da thức, không thấy tăng trưởng, không thấy các thứ ( hai này gọi là tâm ), không thấy nhãn sắc nhãn thức, không thấy nhĩ thanh nhĩ thức, không thấy tỷ hương tỷ thức, không thấy thiệt vị thiệt thức, không thấy thân xúc thân thức. Quảng Tuệ ! Nếu Bồ-tát y pháp trụ trí, trụ pháp trụ trí được tâm ý thức thiện xảo. Lại nữa như nghĩa này hiển thị trong kệ: “Thức A-đà-na sâu xa vi tế” là vì khó biết. “Tất cả chủng tử chuyển biến như dòng nước chảy” nghĩa là tất cả chủng

tử lần lượt chuyển sinh như nước chảy, mỗi niệm mỗi niệm tiếp nối. Cho nên A-đà-na hiển thị một tên đặc biệt. “Không cho phân biệt gọi là ngã” là vì một tướng chuyển nên phân biệt gọi là ngã.

Luận nói: Vì nhân duyên gì gọi thức này tên là A-đà-na? Vì nó nhiếp trì tất cả các căn hữu sắc và tất cả tự thân lấy làm nơi nương tựa. Nơi nó, sắc căn được giữ gìn không mất cho đến khi nào mạng còn sống. Và nó tương tục khi thụ sinh khiến được tự thân. Cho nên gọi là A-đà-na.

Giải thích: Nói nhiếp trì các căn của tất cả hữu sắc, nghĩa là các sắc căn này bị thức kia nhiếp trì. Cho đến khi nào mạng còn sống, là lấy câu này giải thích. Bởi vì sao? Vì thức A-lê-da nhiếp trì nhãn v.v... các sắc căn. Cho nên không bị tím bầm như thân đã chết. Nếu khi chết thức kia rời bỏ thân thì sẽ có tướng bị tím bầm, cho nên biết do thức kia nhiếp trì thọ mạng khi còn sống nên không hư hoại. Đó là nơi tất cả thân mạng lấy làm nơi nương tựa, cho nên có sự sống tiếp tục, sự sống tiếp tục khiến có tự thân. Điều này giải thích thức là nơi duy trì sự sống tiếp tục. Bởi vì sao? Vì có thể duy trì tự thân đầy đủ bởi trong thức A-lê-da đầy đủ tự thân huân tập ở trong đó. Cho nên khi sinh gọi là chuyển sinh, tức là khi nó sinh thì lấy tên là chuyển sinh thủ. Do thủ này nên giữ được tự thân. Vì nghĩa này thức A-lê-da gọi là thức A-đà-na.

Luận nói: Cũng gọi tên là tâm, như Thế Tôn nói tâm, ý, thức. Trong đó y có 2 thứ: Một là lần lượt duyên với tác y xứ, do thức lần lượt diệt, ý thức y vào đó sinh. Hai là ý ô nhiễm thường tương ưng cùng 4 phiền não là thân kiến, ngã mạn, ngã ái, vô minh. Ý này tức là nơi y chỉ của các nhiễm ô của các thức khác. Các thức khác do đệ nhất y chỉ sinh, do đệ nhị nhiễm ô. Do nghĩa liễu cảnh, do nghĩa lần lượt, do niệm nghĩa, nên ý có 2 loại.

Giải thích: Lại nói tên là tâm có nghĩa là đây nói thức A-lê-da tức là tâm. Ý và thức 2 thứ có nghĩa riêng có thể thấy. Nên biết

rằng tâm này cũng có nghĩa riêng. Để làm rõ nghĩa này, trong sự lần lượt duyên và làm nơi nương tựa, nghĩa là thức nếu lần lượt diệt rồi được làm nhân cho ý thức. Đây là đệ nhất ý. Lại có đệ nhị nhiễm ô ý, vì 4 thứ phiền não. Trong đó thân kiến tức là ngã chấp. Do chấp này nên có ngã mạn bởi thủ ngã tự cao. Do đây trong vô ngã khởi ngã ái. Ba thứ này đều bởi vô minh làm nhân. Vô minh là vì vô trí. Các thức khác do đệ nhất y chỉ sinh, do đệ nhị nhiễm ô là nếu thức lần lượt diệt rồi gọi là ý, với nơi sắp sinh thức làm y chỉ cho sự sinh kia nên đệ nhị nhiễm ô ý là y chỉ của nhiễm ô. Bởi vì sao? Trong thiện tâm cũng có ngã cho nên liễu cảnh nghĩa, thứ đệ nghĩa, niệm nghĩa nên ý có 2 thứ nghĩa là ở trong thủ cảnh nghĩa nên gọi là thức, với xứ sở nghĩa nên gọi là đệ nhất ý, ngã tướng v.v... nhiễm ô nghĩa nên gọi là đệ nhị ý.

Luận nói: Lại nữa làm sao biết có ý nhiễm ô? Đây nếu không có xúc hành vô minh, cũng không có đây là lỗi lầm. Năm thức tương tự cũng không có đây là lỗi lầm. Như 5 thức thân có y chỉ đồng thời nên được các tên là nhãn v.v... không có đây là lỗi lầm. Vô tướng định, Diệt tận định không có sai biệt, đây là lỗi lầm. Vô tướng định được tên nhiễm ô ý, Diệt tận định thì không, nên có sai biệt. Lại tức vô tướng này một khi sinh thì không có phiền não, đây là sai lầm. Nếu trong cõi trời kia không có ngã và mạn v.v... Lại tất cả thời ngã chấp đều được hành, nghĩa là tâm thiện ác vô ký nếu không như vậy, chỉ tâm bất thiện được tương ưng, ngã chấp là phiền não cho nên không cho tâm thiện và vô ký cùng hành. Vì vậy cho nên nếu câu hữu và cộng hành thì không có lỗi này. Nếu tương ưng hiện hành thì không có lỗi này. Ở đây có kệ như sau:

*Nếu độc hành vô minh,  
Và 5 pháp tương tự.  
Hai thứ định sai khác,  
Được tên không lỗi này.*

*Sinh vào trời Vô tướng,  
 Vô ngã thì có lỗi.  
 Ngã chấp tùy thuận chuyển,  
 Mọi nơi đều không có.  
 Là nhiệm ý không có,  
 Hai ba tức trái nhau.  
 Không đây tức cũng không,  
 Ngã chấp khắp mọi nơi.  
 Khi tâm hành thật nghĩa,  
 Thường làm thành chướng ngại.  
 Cộng hành trong mọi lúc,  
 Là độc hành vô minh.*

Giải thích: Đệ nhị nhiệm ô ý này lấy đạo lý nào thành lập? Ý này nếu không thì độc hành vô minh không thành. Độc hành vô minh là gì? Khi chưa khởi đối trị nó chướng ngại trí chân như, si này không tương ưng với 5 thức vì ở đây không bị chướng ngại. Nếu nơi nào khởi đối trị thì nơi đó bị chướng. Cũng không ở trong nhiệm ô ý thức. Nếu tức là nhiệm ô ý thức thì có lỗi. Chẳng phải nhiệm ô ý thức thì vì cộng hành cùng với các phiền não khác nên không gọi là độc hành. Lại nữa nếu muốn khiến tức là phiền não nhiệm ô ý thức thì có thường tội lỗi nhiệm ô.

Làm sao các tâm thí v.v... được thành thiện? Bởi thường cùng kia tương ưng. Nếu nói có ý cùng thiện tương ưng sinh, tức kiến lập đây là dẫn sinh đối trị có thể trị nhiệm ô ý thức đây bắt thành. Nếu nói có thiện tâm cùng nhiệm ô ý cộng sinh, thiện tâm này có thể dẫn sinh đối trị, trị diệt các thức khác. Cái diệt này thì không có lỗi.

Lại nữa cùng 5 thức tương tự nên như nhãn thức v.v... 5 thức thì có nhãn v.v.. 5 căn đồng thời làm y chỉ. Ý thức này cũng phải đồng thời y chỉ.

Hai định không sai biệt tức là nếu nói có nhiễm ô ý, trong Vô tướng định kia thì có, trong Diệt tâm định thì không, có sai biệt đó. Trong 2 định này, ý thức không hành vì không sai biệt. Nói “được tên”, tức là do niệm tự thân nên tên là ý. Nếu không có thể, tên này dựa vào đâu? Nếu 6 thức lần lượt qua rồi, thức này gọi là ý thì không hợp lý vì nó đã diệt. Lại nữa sinh vào trời Vô tướng, một thời kỳ phải không có ngã cho nên nếu nói nơi ấy không nhiễm ô ý là sinh ở nơi ấy tức phải không có ngã. Các thánh nhân không nên chán ghét. Đã chán ghét nên biết rằng sinh nơi ấy chắc chắn có ngã.

Nói “ngã chấp tùy thuận chuyển” là vì thí v.v... các thiện tương ưng với ngã cho nên nếu lìa ngã chấp này thì vô minh không thành. Vô minh không lìa y chỉ, vì y chỉ này lìa nhiễm ô ý là không thể được.

Luận nói: Vì ý này nhiễm ô nên chướng ngại vô ký. Hằng cùng 4 phiền não tương ưng. Như phiền não cõi Sắc cõi Vô sắc là chướng ngại vô ký. Sắc, Vô sắc giới là Xa-ma-tha sở tàng. Ý này nhất thời nhiễm trước cho nên tâm thể đệ tam lìa thức A-lê-da là không thể được. Cho nên thành tựu thức A-lê-da là tâm. Do đây là chủng tử cho nên ý và ý thức v.v... chuyển sinh.

Vì duyên gì gọi là tâm? Vì tụ họp các thứ chủng tử huân tập của các pháp.

Giải thích: Lấy kiến ý và chuyển thức, lấy thức A-lê-da làm nhân sinh, cho nên tâm thể không thể được các nơi khác. Phật nói thức tức là gồm trong thứ đệ diệt ý. Do thức ấy diệt rồi, nói là ý. Lại nữa do tập hợp chủng tử huân tập của các pháp nên được tên gọi là tâm. Trong đó các thứ là các tướng của các pháp, cho nên chủng tử huân tập tức là có công năng làm nhân sai biệt kia. Nói tập hợp tức là tích hợp lại dày đặc thành một khối.

Luận nói: Lại nữa vì sao trong Thanh Văn thừa không nói tâm này tên là thức A-lê-da, thức A-đà-na? Vì thâm nhiếp trong cảnh giới



vi tế. Người Thanh Văn không biết tất cả cảnh giới cho nên đối với họ tuy lia thuyết này nhưng được thành tựu trí kia khiến được giải thoát. Do đó nên không nói. Chư Bồ-tát vì muốn biết tất cả cảnh giới, cho nên nói. Do lia trí này nên không thể được trí Nhất thiết trí.

Giải thích: Nói “Vi thân nhiếp trong cảnh giới vi tế” nghĩa là đây cũng vừa là vi tế, cũng vừa là cảnh giới nên gọi là cảnh giới vi tế. Lại nữa nhập vào trong cảnh giới vi tế vì khó biết được, lại các Thanh Văn không muốn biết tất cả cảnh giới nên tu hành chỉ nhằm tự lợi cho nên họ đối với các thô phiền não chỉ dùng khổ v.v... các trí để diệt trừ. Còn Bồ-tát thì tu hành là để trừ tự tha phiền não chướng và trí chướng cho nên nói.

Luận nói: Nhưng trong Thanh Văn thừa cũng có dùng đạo lý khác để nói về thức A-lê-da. Như trong Tăng Nhất A-hàm nói chúng sinh ưa A-lê-da, thích A-lê-da, nương tựa A-lê-da, tìm cầu A-lê-da. Để diệt A-lê-da này nên khi Như Lai thuyết pháp thì chuyên chú lắng nghe, khởi tâm tìm hiểu, tùy thuận thụ pháp nguyện diệt A-lê-da. Vì Như Lai xuất thế nên có pháp hy hữu khó được mới hiển hiện nơi thế gian. Như Lai xuất thế có 4 thứ đáng tán thán. Trong kinh đã dùng biệt danh như vậy để hiển hiện thức A-lê-da trong Thanh Văn thừa.

Giải thích: “Chúng sinh ưa A-lê-da” câu này là gốc. Sau dùng hiện tại, quá khứ, vị lai 3 thời để giải thích. Ba câu khác như các câu lần lượt. Lại có nghĩa khác hỷ A-lê-da tức là nói hiện thế, lạc A-lê-da là nói quá khứ thế. Do lạc A-lê-da của đời trước cho nên lại có tập A-lê-da. Do hỷ A-lê-da, tập A-lê-da nên lại có tìm cầu A-lê-da đời sau. Thuận theo pháp nghĩa là thực hành đúng như giáo pháp đã nói.

Luận nói: Trong Ma-ha Tăng-kì A-hàm cũng dùng đạo lý khác nói thức này, gọi là căn bản thức, ví như gốc rễ của cây.

Giải thích: Nói căn bản thức như gốc rễ của cây nghĩa là căn bản thức kia là cái thể, làm nhân cho tất cả thức . Ví như gốc rễ củ

cây là nhân phát sinh các thứ nhánh nhóc. Nếu không có gốc rễ không thể có được cành nhánh. Thức A-lê-da làm căn bản cho các thức cũng vậy.

Luận nói: Trong Di-sa-tắc cũng dùng đạo lý khác nói về thức này, gọi là cùng sinh tử tụ. Có nơi, có lúc thấy sắc tâm đoạn dứt, nhưng chủng tử trong thức A-lê-da thì không đoạn dứt.

Giải thích: Cũng dùng đạo lý khác nói là cùng tận sinh tử tụ, nghĩa là cái thể tụ hợp của cái thức này là cho đến tận cùng sinh tử. Bởi vì sao? Vì có nhân duyên. Nói có nơi, tức là cõi. Tức là nói trong cõi Vô sắc thì không còn có sắc. Nói có lúc, tức có lúc ở trong định, như Vô tưởng định v.v... Nói chủng tử trong thức A-lê-da không đoạn dứt, nghĩa là sắc tâm huân tập là nhân, thời gian sau sắc tâm trở lại theo đây sinh.

Luận nói: Do đó nên biết rằng các tên Y chỉ A-đà-na thức, Tâm A-lê-da thức, Căn bản thức, Cùng sinh tử tụ v.v... thức A-lê-da này đã thành con đường lớn của đại vương đi.

Giải thích: Thành con đường của đại vương đi là nói con đường rộng lớn.

Luận nói: Lại có các sư chấp cho rằng tâm ý và thức tên khác nhưng nghĩa là một. Không đúng như vậy. Do kiến ý và thức nghĩa, cho nên nghĩa của tâm kia cũng phải khác. Lại có các sư chấp rằng các câu Thế Tôn nói Hỷ A-lê-da của chúng sinh v.v.. trong đó 5 thủ tụ là A-lê-da. Lại có các sư chấp cho rằng các thụ đi đôi với dục là A-lê-da. Lại có các sư chấp cho rằng thân kiến là A-lê-da. Các sư này do mê không rõ A-hàm và sự tu đặc cho nên đối với thức A-lê-da khởi các chấp như vậy. Đạo lý được thành lập trong Thanh Văn thừa này, đạo lý do họ thành lập không tương ưng. Nếu người không mê thể tướng của A-lê-da, lấy đạo lý của họ thành lập gọi là thức A-lê-da thì tuyệt vời. Vì sao tuyệt vời nếu nói 5 thủ tụ là A-lê-da? Tuyệt vời là

như thế này. Thụ sinh vào ác thú, một bề chịu khổ, tức sẽ sinh chán ghét, các chúng sinh trong đó sẽ một bề không yêu thích. Vậy mà nói đấm trước là không đúng đạo lý, vì thường cầu lìa bỏ. Nếu bảo các lạc thụ cùng đi đôi với dục là A-lê-da thì Đệ tứ thiên trở lên không có thụ này. Đã chán ghét mà nói các chúng sinh lấy đó làm nơi đấm trước là không đúng lý. Nếu nói thân kiến là A-lê-da thì người trong Phật pháp tin hiểu vô ngã sẽ chán ghét nó mà lấy nó làm nơi đấm trước là không đúng lý. Nhưng trong thức A-lê-da cái ngã vẫn còn tồn tại. Nếu thụ sinh vào cái nơi một bề chịu khổ, chỉ cầu lìa thoát khổ, trong thức A-lê-da, ngã ái trói buộc nên chưa hề cầu lìa thoát. Lại nữa người sinh từ Tứ thiên trở lên, tuy chán ghét nhưng thụ dục và lạc cùng đi đôi, trong thức A-lê-da, sự ràng buộc với ngã ái còn tồn tại. Lại nữa người trong Phật pháp tin hiểu vô ngã, chán ghét ngã kiến, nhưng trong thức A-lê-da cái ràng buộc vào ngã ái cũng còn tồn tại. Cho nên lấy đó thành lập A-lê-da, thành tựu cái thể của thức A-lê-da thì tuyệt vời hơn cả. Đó là đường lối đặc biệt an lập thức A-lê-da.

Giải thích: Trong đây nói người không mê tức nói các Bồ-tát. Ác thú là các nẻo đường dữ như ngạ quỷ, súc sinh, địa ngục v.v... Một bề chịu khổ là cái báo thể của các nẻo kia chỉ là phi ái cho nên nơi kia nếu có sinh thụ lạc tức là quả tân dịch. Người sinh nơi kia thụ báo chỉ có khổ. Các lạc thụ cùng với dục đi đôi là A-lê-da nghĩa là từ Tứ thiên trở lên không có thụ này vì đã chán ghét. Chúng sinh nơi ấy, tức chúng sinh từ Tứ thiên trở lên và đang ở trong Tứ thiên. Nơi ấy, tức là được sinh nơi ấy. Nội ngã còn tồn tại, tức là quyết định lấy thức này làm nội ngã. Cầu lìa khổ thụ, tức là nguyện xả bỏ khổ thụ. Nói ngã ái trói buộc trong thức A-lê-da, tức là vì thức A-lê-da là tự ngã, do sự khát ái này nên thành trói buộc.

# NHIẾP ĐẠI THỪA LUẬN THÍCH LUẬN

## QUYỀN 2

### Phải biết y chỉ thẳng tướng thẳng ngữ 1 – 2

#### Chương 4: Tướng

Luận nói: Làm sao có thể thấy sự thành lập tướng của thức này? Lược có 3 thứ: một là thành lập tự tướng, hai là thành lập nhân tướng, ba là thành lập quả tướng. Trong đó thức A-lê-da là tự tướng. Tất cả nhiễm pháp huân tập đã là nhân sinh ra nó. Trong đó tướng của nhân là các nhiễm pháp. Thức A-lê-da này tất cả chủng tử, tất cả mọi thời hiện khởi là nhân. Trong đó thành lập tướng của quả là thức A-lê-da này vì sức huân tập của các nhiễm pháp kia từ vô thủy đến nay nên được sinh.

Giải thích: Vì có nhiều biệt danh như vậy, nói thức A-lê-da theo biệt thuyết này, chưa biết tướng nó như thế nào. Nói tự tướng, nhân tướng, quả tướng của thức A-lê-da, trong đó tự tướng là vì duyên tất cả nhiễm pháp huân tập cho nên thức có sinh công năng khác hơn, hiển thị thể của thức có công năng. Nhiếp trì chủng tử tương ưng, tức là tất cả nhiễm pháp huân tập xong tức là nhân sinh ra pháp kia nên nói nhiếp trì chủng tử. Sự huân tập kia hợp với thẳng năng của nó nên gọi là tương ưng. Tức là tự tướng này tất cả nhiễm pháp huân tập rồi làm cho nó được sinh nhân nhiếp trì chủng tử tương ưng thức được các nhiễm pháp huân tập rồi được công năng hơn, có thể làm sinh

nhân cho nó. Đây là nhân tướng của thức A-lê-da. Trong đây bắt đầu từ thành lập quả tướng cho đến nói do sức huân tập từ vô thủy đến nay nên được sinh là được các pháp huân tập rồi thức này mới được sinh, nhiếp trì những huân tập từ vô thủy nên gọi là quả tướng.

### **Chương 5: Huân tập**

Luận nói: Lại nữa thế nào là huân tập? Tên huân tập này còn có tên gì? Với pháp kia cùng sinh cùng diệt. Đã có thể làm nhân sinh ra pháp kia, đó là nghĩa của nhân. Ví như mè dùng hoa ướp, mè và hoa cùng sinh cùng diệt. Vì trong mè có sinh nhân của mùi thơm của hoa kia nên mè có mùi thơm. Lại như dục v.v... các hành huân tập thì dục v.v... cùng với tâm đồng sinh đồng diệt, sau đó làm sinh nhân của dục v.v... Lại cũng như đa văn, có đa văn huân tập, suy tư nghĩ nhớ những điều đã nghe, cùng với tâm đồng sinh đồng diệt, rồi làm thành sinh nhân ghi nhớ vì do nhiếp trì huân tập, nên nói là tri pháp. Nên biết thức A-lê-da có các đạo lý như vậy.

Giải thích: Nói pháp kia tức nhiếp pháp trước. Nói sau khi đồng sinh đồng diệt rồi làm sinh nhân cho kia, nghĩa là trở lại làm thể cho nhân nhiếp pháp kia.

### **Chương 6: Không một không khác**

Luận nói: Lại nữa trong thức A-lê-da các chủng tử nhiếp pháp kia là từng phần từng phân biệt lập hay không sai biệt? Không có một thể của vật nào biệt lập ở trong thức, cũng không phải không có khác nhau. Nhưng thức A-lê-da sinh như thế, có công năng vượt trội có thể sinh pháp kia, nên có tên là Nhất thiết chủng tử thức.

Giải thích: Trong thức A-lê-da các chủng tử nhiếp pháp kia là từng phần từng phân biệt lập hay không sai biệt, nếu vậy thì có lỗi gì? Các chủng tử này nếu có từng phần từng phân sai biệt thì thức

A-lê-da cũng phải có từng phần từng phần sai biệt. Nghĩa sát-na diệt của thức A-lê-da sẽ bất thành do từng phần từng phần sai biệt. Lại nữa pháp thiện ác huân tập tức thành thể của chủng tử thiện ác. Nhưng đây nó là vô ký cho nên nếu nói từng phần từng phần làm sao nói là nhiều? Nghĩa này bất thành. Cho nên cả hai đều lỗi. Không có một thể của vật gì biệt lập trong thức, cũng không phải là không có khác. Cho đến tên Nhất thiết chủng tử thức, trong đó nói phi biệt phi bất biệt là vì để cái lỗi đã nói ở trước. Nói sinh như thế, nghĩa là mỗi chủng loại của nó sinh. Nói sinh nó có thắng năng, tức là khi sinh các nhiệm pháp thì tương ưng với thắng năng, cho nên cũng là sinh nó có thắng năng. Nói Nhất thiết chủng tử thức là như trong đây có thí dụ như hạt lúa mì khi nảy mầm nó có năng lực làm hạt giống. Nếu để ra ngoài lâu, hoặc bị lửa nóng làm tổn thương khả năng sinh của hạt lúa thì cái quả của công năng đó cũng bị hủy diệt. Tướng của hạt lúa là gốc. Công lực bị hủy hoại nên không còn là hạt giống. Thức A-lê-da cũng vậy. Có công năng sinh tất cả pháp, do tương ưng với công năng đó nên gọi là Nhất thiết chủng tử thức.

### **Chương 7: Làm nhân quả cho nhau**

Luận nói: Lại nữa thức A-lê-da cùng các nhiệm pháp đồng thời làm nhân cho nhau, làm sao có thể thấy? Ví như ngọn lửa đèn với tim đèn khi thắp làm nhân cho nhau vậy. Cũng như bó cây lau đồng thời giữ cha nhau mà đứng không ngã. Nên biết thức và các pháp cũng tương quan với nhau như vậy. Như thành lập thức A-lê-da là nhân của nhiệm pháp, thì nhiệm pháp cũng là nhân của thức A-lê-da. Các nhân duyên khác không được như vậy.

Giải thích: Lại nữa thức A-lê-da cùng các nhiệm pháp đồng thời làm nhân cho nhau, làm sao có thể thấy? Dùng thí dụ để cho thấy. Như ngọn lửa đèn cháy từng một sát-na với tim đèn đồng thời làm nhân. Do dựa vào tim đèn mà sinh ngọn lửa, tức tim đèn là nhân của ngọn lửa

đèn, nghĩa là từng sát-na ngọn lửa đốt tim đèn, tức ngọn lửa là nhân của tim đèn cháy. Đây tức hiển thị nghĩa của câu hữu nhân. Do nhân hiện trụ tức thấy quả sinh. Như thức A-lê-da là nhân của nhiễm pháp. Nhiễm pháp là nhân của thức A-lê-da cũng vậy. Cho đến các nhân duyên khác đều không thể được nghĩa là đây hiển thị thức A-lê-da với các nhiễm pháp là làm nhân cho nhau và cũng tức hiển thị nhân duyên.

### **Chương 8: Nhân quả khác hay không khác**

Luận nói: Vì sao huân tập là không khác , không nhiều thứ lại có thể làm nhân cho các pháp có khác có nhiều thứ? Ví như nhiều sợi kết thành áo. Khi ấy không thấy nhiều thứ khác nhau. Nếu cho vào thùng thuốc nhuộm thì sẽ có nhiều màu nhiều vẻ hiển hiện trên áo. Thức cũng vậy, vì các huân tập huân vào, khi huân không có các thứ khác nhau nhưng khi sinh quả thì tướng mạo các pháp hiện ra.

Giải thích: Vì sao huân tập không khác không có các thứ lại có thể làm tác nhân cho các thứ có khác nhau? Đạo lý này được hiển thị bằng thí dụ. Như áo dùng nhiều thứ sợi đan thành, khi ấy không thấy có các thứ tướng mạo. Nếu cho vào nhuộm rồi thì có nhiều tướng mạo có thể trông thấy. Thức A-lê-da cũng vậy. Ví như áo sinh quả, như nhuộm nên gọi là sinh quả. Cho nên khi huân tập chưa có các thứ, đến khi sinh quả thì thành thể nhân của vô lượng tướng mạo. Các pháp hiển hiện như chiếc áo đã nhuộm.

### **Chương 9: Duyên sinh**

Luận nói: Duyên sinh này trong Đại thừa rất sâu xa vi tế. Lược nói có 2 thứ duyên sinh: Một là tự thể phần. Hai là ái phi ái phần. Trong đó do thức A-lê-da nên các pháp sinh khởi. Đây là tự thể phần duyên sinh, vì là duyên với các thứ tự thể phần. Lại có 12 chi duyên sinh là ái phi ái phần, vì là duyên với các thứ thân phần khả ái không khả ái của các nẻo thiện thú ác thú.

Giải thích: Nói đây là rất sâu xa vi tế trong Đại thừa, tức là trong trí phạm phu không thể biết nên là vi tế. A-la-hán v.v... không thể tư lường được nên là rất sâu. Trong này nói sơ lược có 2 thứ tức đây là lập môn tự thể phần và ái phi ái phần, lấy 2 thứ duyên sinh này gọi là giải thích. Nói do thức A-lê-da, nghĩa là thức A-lê-da là nhân cho nên các pháp được sinh. Đây gọi là tự thể phần. Nói cùng các loại thân phần làm nhân cho nên nếu nói vô minh v.v... đây là ái phi ái phần. Bởi vì sao? Vì là nhân của các thứ thân phần ái phi ái.

Luận nói: Nếu trong thức A-lê-da mê đệ nhất duyên sinh, hoặc chấp tự tính là nhân, hoặc chấp việc làm đời trước là nhân, hoặc chấp trời Tự Tại thiên biến hóa là nhân, hoặc chấp ngã là nhân, hoặc chấp không nhân duyên. Lại nữa nếu mê đệ nhị duyên sinh chấp ngã tác giả thụ giả, ví như có nhiều người mù bẩm sinh chưa từng biết con voi là gì, có người đem voi đến cho chúng tiếp xúc. Có người sờ vòi, có người sờ ngà, có người sờ tai, có người sờ đuôi, có người sờ chân, có người sờ lưng. Khi hỏi con voi hình dáng thế nào, người thì đáp như cái chuỗi cày, người nói hư cái rổ, người nói như cái thùng gỗ, người nói như cây chổi, người nói như núi đá. Nói như vậy như vậy là không biết 2 thứ duyên sinh. Vô minh mù bẩm sinh hoặc chấp tự tính, hoặc nói đời trước làm, hoặc nói trời Tự Tại thiên biến hóa, hoặc nói cái ngã làm, hoặc nói không có nhân, hoặc chấp tác giả, hoặc chấp thụ giả, do không biết thể tướng và nhân tướng quả tướng của thức A-lê-da, như không biết thể của con voi. Nếu lược nói thức A-lê-da tức Quả báo thức, Nhất thiết chủng tử thức là thể tướng của nó, do nhiếp trì tất cả thân, tất cả nẻo thú trong 3 cõi.

Giải thích: Hoặc nói nhân làm đời trước, là do không chấp nhận sức công phu hiện tại làm nhân, cho nên dùng đám người mù bẩm sinh làm thí dụ để hiển thị. Nói vô minh mù bẩm sinh, tức là cái vô minh đầu tiên trong 12 chi duyên sinh. Do vô minh nên gọi là mù bẩm sinh. Không hiểu thể tướng, nhân tướng, quả tướng của



thức A-lê-da, là như trước đã lập thể tướng của thức A-lê-da, gọi là thể tướng, lập nhân tướng gọi là nhân tướng, lập quả tướng gọi là quả tướng. Không hiểu ở đây là do sức vô minh không hiểu tự thể phần của thức A-lê-da cho nên chấp tự tính v.v...5 nhân làm nhân của các pháp do không hiểu đệ nhị ái phi ái phần. Chấp ngã là tác giả thụ giả, tức là ở trong nhân là tất cả pháp huân tập vì có trong thức A-lê-da. Quả tức là các pháp sở huân. Quả báo thức, Nhất thiết chủng tử là thể tướng của nó, do được thân thành thực nên gọi là quả báo. Nói Nhất thiết chủng tử, tức là huân tập rồi gọi là chủng tử. Nói tất cả các thú tức là ngũ thú. Nhất thiết thân là nói các thân đồng loại hoặc không đồng loại ở trong các thú. Đã nói thức A-lê-da là chủng tử của tất cả pháp. Để làm rõ thể của chủng tử kia nên dùng kệ hiển thị.

Luận nói: Ở đây có kệ như sau:

*Ngoại nội bất minh hai,  
Thế số đệ nhất nghĩa.  
Nhất thiết chủng tử này,  
Phải biết có sáu thứ.  
Sát-na và câu hữu,  
Vời kia theo nhau chuyển.  
Quyết định và đợi duyên,  
Cũng dẫn sinh tự quả.  
Kiên, vô ký, khả huân,  
Cùng năng huân hợp nhau.  
Khác đây không thể huân,  
Đó là tướng huân tập.  
Sáu thức không hợp nhau,  
Ba sai biệt mâu thuẫn.  
Hai niệm không câu hữu,  
Các đời ví như vậy.*

*Đây chủng tử ngoài trong,  
 Có sinh và có dẫn.  
 Khô chết do dẫn nhân,  
 Tự thể sau diệt hết.*

Giải thích: Chủng tử ngoài, trong 2 thứ không rõ ràng v.v.. được hiển thị bằng 5 bài kệ. Trong đây nói ngoài là hạt thóc v.v..., trong là thức A-lê-da. Bất minh là chủng tử ngoài có nghĩa không rõ ràng. Hai, tức là nói thức A-lê-da có thiện có bất thiện. Lại có nghĩa khác, tức lấy nhiễm ô, thanh tịnh là hai. Thế số, là ngoại pháp chỉ lấy thế số nói là chủng tử. Bởi vì sao? Vì cũng lấy thức A-lê-da có biến khác. Nói đệ nhất nghĩa, tức là chỉ thức A-lê-da là chủng tử các pháp kia. Chủng tử các pháp này có 6 thứ. Sát-na, tức là 2 chủng tử này sinh diệt không gián đoạn, cho nên nếu thường thì không được là chủng tử, là vì luôn luôn vẫn như cũ không khác. Câu hữu, tức là không phải quá khứ, không phải vị lai, không phải nơi khác. Nếu lúc này chủng tử có, tức lúc này quả sinh. Nói “với kia theo nhau chuyển”, tức là thức A-lê-da tùy chuyển cho đến đối trị đạo sinh ngoại chủng tử, cho đến căn chưa hoại và quả thành thực. Quyết định, tức là lấy chủng tử quyết định cho nên chẳng phải tất cả. Tất cả được sinh đều tự quyết định. Nếu là chủng tử này thì lại sinh ra vật này. Nói đợi duyên, tức là không phải lúc nào, vật gì cũng sinh, cho nên ở đâu, lúc nào được sinh duyên thì nơi đó, lúc đó sinh. Nói cũng dẫn sinh quả, tức là tự chủng tử có thể dẫn sinh tự quả. Tự chủng tử có thể dẫn sinh tự quả cho nên như thức A-lê-da trở lại dẫn sinh thức A-lê-da. Lúa thóc dẫn sinh ra lúa thóc. Như vậy 6 thứ hiển thị nghĩa chủng tử sinh quả.

Nay sẽ hiển thị tướng huân tập này. Kiên, là do kiên cố chắc chắn nên có thể huân. Không phải như gió động, gió không thể có huân tập được. Do huân tập không thể theo gió chuyển đến một do-tuần. Cho nên nếu hoa Chiêm-ba-ca xông ướp dầu, mùi hương của

nó có thể nghe đến ngoài một trăm do-tuần. Nói vô ký, nghĩa là không ghi nhận. Như tôi không thể đem mùi hôi xông ướp. Mùi thơm cũng vậy, không thể lấy gì xông ướp cho mùi thơm. Nếu là vật vô ký thì có thể xông ướp. Có thể huân, nghĩa là vật có thể xông ướp thì nó chịu xông ướp chứ không phải không thể xông ướp được. Như vàng, bạc, đá v.v...đều là thứ không xông ướp được. Nếu có thể thâm giữ sự huân tập mới có thể được huân, nghĩa là như áo v.v...là vật được xông ướp. Nói hợp với năng huân, là nếu hợp nhau thì có thể huân được, chẳng phải như không hợp nhau. Hợp nhau nghĩa là cộng sinh không gián đoạn. Nếu khác thì không thể huân, tức là khác nghĩa là khác thức A-lê-da. Không phải đây thức khác có thể thụ huân, bởi vì lia thức A-lê-da, các thức khác không thể huân. Do đó trong thức A-lê-da đầy đủ sát-na v.v... các nghĩa. Nghĩa là sát-na diệt nên câu hữu với sinh khởi thức, cho nên cho đến đối trị đạo sinh có sinh tử thì theo nhau chuyển do nhân quyết định thiện ác v.v...nên phúc hay phi phúc, hữu lậu thiện đọa duyên nơi thiện ác thú thành thực. Bởi thức A-lê-da tương ứng với các công năng như vậy nên được thụ huân, cần phải thành lập các sinh khởi thức không hợp đạo lý. Sáu thức không hợp nhau là các thức động chuyển. Ba sai biệt mâu thuẫn là mỗi mỗi thức mỗi mỗi y chỉ sinh, mỗi mỗi phan duyên, mỗi mỗi tác ý. Lại có nghĩa khác, nghĩa là các thức có tướng riêng khác. Thí dụ là nói niệm trước được huân niệm sau là để ngăn nghĩa này.

Luận nói: Hai sát-na không cùng nhau, không có nghĩa 2 sát-na cùng khởi. Nếu đồng sinh đồng diệt huân tập mới được trụ. Nếu nói tuy không hợp nhau, nhưng thức được sinh giống loại mà sinh cho nên được huân nhau. Các đời khác ví dụ cũng như vậy. Nghĩa là các biệt tướng cũng phải như vậy. Như nhãn v.v... các căn đồng lấy tịnh sắc làm tướng, nên được huân nhau, nên nói như thế. Bởi nhãn căn tịnh sắc với nhx tịnh sắc đồng loại cho nên các tịnh sắc kia phải huân lẫn nhau, tuy tịnh sắc là cùng đồng xứ sở. Riêng biệt không nói huân

nhau là thức tuy đồng loại làm sao huân nhau được? Như kia có nói 2 loại chủng tử là ngoại và nội đều có sinh nhân và dẫn nhân. Trong đó sinh nhân của ngoại chủng tử là cho đến quả thực. Sinh nhân của nội chủng tử là cho đến mạng chung. Dẫn nhân của ngoại chủng tử là đã thực chưa gieo. Dẫn nhân của nội chủng tử là thi hài sau khi chết. Do dẫn nhân cho nên trụ nhiều thời gian. Nếu 2 chủng tử này chỉ có sinh nhân thì đã lìa nhân kia tức phải diệt mất, không thể tương tục trụ nhiều thời gian. Nếu nói sát-na chuyển dần dần nên sát-na trước là nhân sát-na sau thì không có lúc diệt. Bởi có diệt cho nên phải biết chắc chắn có dẫn nhân. Dẫn nhân của 2 chủng tử này ví như kéo cung là nhân cho mũi tên bay đi xa.

Luận nói: Nội chủng tử này không phải ngoại chủng tử, nên nói kệ như sau:

*Ngoại chủng không huân tập,  
 Nội chủng thì không vậy.  
 Vãn v.v...không huân tập,  
 Quả sinh phi đạo lý.  
 Đã làm và chưa làm,  
 Được mất lỗi trái nhau.  
 Ngoại chủng nội là duyên,  
 Bởi nội huân nên sinh.*

Lại nữa các sinh khởi thức khác ở trong các thân và các thú, nên biết nó là kẻ thụ dụng. Giải thích: Nói “trong các thân và các thú nó là kẻ thụ dụng” nghĩa là nó vì thụ dụng mà sinh trong đó nên có thụ dụng. Nói “kẻ thụ dụng” nghĩa này được hiển thị trong Trung Biên Sai Biệt A-hàm.

Luận nói: Như trong Luận Trung Biên Sai Biệt nói:

*Đệ nhất là duyên thức,  
 Đệ nhị thụ dụng thức.*

*Các tâm pháp trợ giúp,  
Hiểu biết thụ dụng này.*

Giải thích: Hai thức này lại làm nhân quả cho nhau. A-hàm là nói bài kệ trong A-tì-đạt-ma Tu-đa-la.

Giải thích: Mỗi mỗi làm nhân cho nhau là thức A-lê-da trong mọi lúc nó là nhân sinh các pháp, và cũng hằng là quả. Nếu thức A-lê-da là nhân thì các pháp là quả, các pháp là nhân thì thức A-lê-da là quả.

### **Chương 10: Bốn duyên**

Luận nói: Trong đệ nhất duyên sinh, các pháp và thức làm nhân duyên cho nhau. Trong đệ nhị duyên sinh duyên gì là duyên tăng thượng? Lại nữa 6 thức này do mấy duyên sinh ra? Đó là 3 thứ duyên sinh: tăng thượng duyên, duyên duyên, thứ đệ duyên. Và có đủ 4 duyên là cùng sinh tử, ái, phi ái, thú thụ dụng.

Giải thích: Ba duyên sinh này đều có đủ 4 duyên là cùng sinh tử, ái, phi ái và thụ dụng. Nghĩa là trong đệ nhất duyên sinh, thức A-lê-da cùng các pháp huân tập làm nhân duyên. Trong đệ nhị duyên sinh, vô minh v.v... là tăng thượng duyên. Do vô minh tăng thượng cho nên hành v.v... được sinh. Lại nữa 6 thức thức gọi là thụ dụng duyên sinh là có đủ 3 duyên sinh. Trong đó tăng thượng duyên của nhãn thức là nhãn, duyên duyên là sắc, thứ đệ duyên là thức trước diệt duyên lần lượt sinh thức sau. Nếu thức trước không rời bỏ chỗ thì thức sau không sinh được. Nhĩ v.v... các hức khác cũng vậy.

### **Chương 11: Phiền não nhiễm**

Luận nói: Như vậy là đã nói về sự thành lập các biệt danh và tướng của thức A-lê-da. Nhưng làm sao biết các tên gọi và tướng này là chỉ nói riêng cho thức A-lê-da mà không mà không nói cho các sinh khởi thức? Vì nếu chẳng phải thức A-lê-da được thành lập thì nhiễm

tịnh đều bất thành. Tức phiền não tạp nhiễm, nghiệp tạp nhiễm, sinh tạp nhiễm đều bất thành, và tịnh phẩm thế gian xuất thế gian cũng bất thành.

Vì sao phiền não tạp nhiễm bất thành? Vì phiền não và tùy phiền não huân tập chủng tử trong 6 thức thân đều bất thành. Như nhãn thức với dục v.v... các phiền não tùy phiền não cùng sinh cùng diệt, tức nhãn thức này bị phiền não huân tập thành chủng tử chứ chẳng phải cái nào khác. Tức như khi nhãn thức diệt rồi, thức khác xen vào sinh huân tập và chỗ huân tập y chỉ đều không thể được, vì không có cho nên nhãn thức diệt trước thức khác xen vào sinh không có nghĩa cùng sinh với dục bởi đã là quá khứ rồi nên không thành. Như nghiệp đã diệt rồi, quả báo không sinh được. Lại như cùng sinh với dục thì sự huân tập nhãn thức cũng không thành vì sự huân tập này cũng không có trong dục, do các thức đều có chỗ y chỉ riêng biệt. Lại nữa không đồng sinh diệt nên cũng không tự tại trong thể, vì tự thể không có 2 thức cùng sinh diệt. Cho nên dục v.v... các phiền não, tùy phiền não huân tập nhãn thức không được. Thức huân tập thức cũng không được. Như nhãn thức, các chuyển thức khác cũng không được. Phải biết tướng của chúng là như vậy.

Giải thích: Như vậy là đã nói các tên và sự thành lập tướng của thức A-lê-da. Nay muốn thành lập 2 cái này. Vì ở trong thức A-lê-da chứ không phải thức khác, nên dùng đạo lý hiển thị. Như nhãn thức với các phiền não như dục v.v... cùng sinh cùng diệt thì đây nhãn thức bị kia huân tập thành chủng tử chứ không phải cái nào khác. Trong luận này nói đây là chỉ nhãn thức, kia là chỉ cho tham v.v... thành chủng tử là nhân. Nói không phải cái nào khác nghĩa là không phải nhĩ thức v.v... Thức khác xen vào nghĩa là nhĩ thức v.v... xen cách v.v... Huân tập là các tham v.v... tập khí. Huân tập y chỉ là nhãn thức cùng sinh với tham, nghĩa là cùng với tham đồng thời sinh khởi. Vì là quá khứ nên không làm nhân được. Như nghiệp đã tàn tạ diệt rồi, không sinh quả báo lại được nữa. Đây cũng vậy không thể thành được.

Lại có các sư Tì-bà-sa chấp như thế này: Nếu cho quá khứ là có, nhưng cái quá khứ ấy chỉ là cái tên không có nghĩa. Bởi vì sao? Nếu pháp là có thì sao lại là quá khứ. Cho nên cái chấp kia không thành bởi không huân tập. Lại nữa nhãn thức kia nếu cùng sinh với dục thì không thành huân tập. Nghĩa là đây cùng sinh với dục. Nhãn thức tự huân tập còn không thể được lại đem nhãn thức này huân tập sinh dục v.v... làm sao thành được? Nói “cũng không có trong dục” nghĩa là nhãn thức huân tập ở trong dục là không có nghĩa. Bởi vì sao? Vì dục y chỉ nơi nhãn thức, lại không trụ vững, cũng không có trong các thức khác. Nghĩa là nhĩ thức v.v... do chỗ y chỉ khác nhau cho nên chính vì y chỉ khác nhau thì không thể đồng sinh diệt. Nhãn thức y vào nhãn, nhĩ thức y vào nhĩ. Như vậy cho đến ý thức y chỉ vào ý, mỗi mỗi đều có nơi riêng biệt. Thức khác huân tập thức khác không được. Nói “cũng không có trong tự thể” nghĩa là nhãn thức không thể huân tập nhãn thức vì không có 2 nhãn thức cùng sinh. Đã không có 2 thức đồng sinh thì cũng không đồng diệt. Vì lẽ đó trong nhãn thức, các phiền não tùy phiền não như dục v.v...huân tập bất thành. Cho đến nhãn thức huân tập nhãn thức cũng không được.

Luận nói: Lại nữa như từ trời Vô tướng thoái đọa sinh xuống đây, phiền não tùy phiền não nhiễm cái thức đầu tiên, khi sinh không có chủng tử mà sinh bởi vì huân tập và chỗ y chỉ đã thành quá khứ không còn nữa.

Giải thích: Nói đầu tiên là trước tiên khi khởi thức. Nói không chủng tử mà sinh, nghĩa là không có nhân mà sinh. Huân tập và y chỉ, nghĩa là tâm và phiền não tập khí.

Luận nói: Lại nữa khi thức đối trị phiền não sinh, thì tất cả thức thế gian đều diệt. Nếu không có thức A-lê-da thì chủng tử phiền não tùy phiền não không thành tự thể trong thức đối trị, không giải thoát được, không cùng phiền não đồng sinh đồng diệt. Nếu sau đó cái thức thế gian sinh, lia dục tâm không có y chỉ kia và tập khí diệt đã

lâu, nếu lia thức A-lê-da thì phải sinh mà không có chủng tử. Cho nên lia thức A-lê-da phiền não tùy phiền não đều bất thành.

Giải thích: Nói “Khi thức đối trị sinh, tất cả thức thế gian đều diệt” nghĩa là 6 thức đều diệt, cho nên chủng tử phiền não tùy phiền não cũng không ở trong thức đối trị, vì thức đối trị là nhân, không sinh thức thế gian được. Nói “sau đó” tức sau tâm xuất thế. Nói “y chỉ và huân tập” tức y chỉ là thức, huân tập là phiền não tùy phiền não huân tập v.v... Nói “không chủng tử” nghĩa là lia A-lê-da không nhân mà sinh. Trong đó phiền não tức là nhiễm ô. Vì nghĩa đó phiền não nhiễm không thành.

### **Chương 12: Nghiệp nhiễm**

Luận nói: Vì sao nghiệp nhiễm bất thành? Hành duyên thức bất thành vì đây không có, thủ duyên hữu cũng bất thành.

Giải thích: Nay lại làm rõ tướng nghiệp nhiễm bất thành. Vì sao bất thành? Vì hành duyên thức bất thành. Cho nên phúc, phi phúc, bất động hành sinh đã diệt, lia thức A-lê-da thì đặt vào đâu mà huân tập? Sáu thức thân không thể nhiếp trì huân tập. Nghĩa này đã nói trong phần nói về phiền não nhiễm. Nói “vì đây không có”, nghĩa là hành duyên thức bất thành, nên thủ duyên hữu cũng bất thành. Bởi vì sao? Vì có nhân duyên. Các hành huân thức do sức của thủ. Huân tập đầy đủ biến thành hữu, cho nên tên nhiễm ở trong nghiệp tức là nghiệp nhiễm. Lại do nghiệp nên có nhiễm gọi là nghiệp nhiễm. Do đó nghiệp nhiễm bất thành.

### **Chương 13: Sinh nhiễm**

Luận nói: Vì sao sinh nhiễm bất thành? Vì kết sinh bất thành. Nếu đọa ở bất tinh địa, trụ trung hữu, do nhiễm ô ý kết sinh. Ý thức nhiễm ô này diệt ở trung hữu, trong thai mẹ nó hòa hợp với Ca-la-la. Nếu chỉ là ý thức hòa hợp thụ sinh thì hòa hợp sinh rồi y chỉ thức này.



Ở trong thai mẹ ý thức chuyên sinh, tức là ở trong thai mẹ 2 ý thức cùng sinh một nơi, ý thức thụ sinh hòa hợp kia không thể thành lập vì ý thức luôn luôn y chỉ nhiệm ô, như ý thức duyên cảnh, đây là không thể được. Giả thiết ý thức này cùng với đồ trắng hòa hợp, tức là ý thức hòa hợp này là tất cả chủng tử, là y chỉ thức này sinh các thức khác là tất cả chủng tử. Nếu thức hòa hợp kia là tất cả chủng tử thì đó tức là thức A-lê-da. Ông tự đặt tên riêng là ý thức. Nếu lấy y chỉ sinh thức là tất cả chủng tử mà không lấy sở y thể của nhân kia là tất cả chủng tử là không đúng. Do nghĩa ấy cho nên cái được thành tựu thức hòa hợp này không phải ý thức, chính là quả báo thức, là tất cả chủng tử.

Giải thích: Là thức A-lê-da thì không thành việc sinh nhiệm ô. Nay sẽ làm rõ nghĩa này. Nói “kết sinh bất thành” nghĩa là không thành tựu thân được. Bất tịnh địa là cõi Dục. Nói “đọa” tức là chết. Nhiệm ô ý thức là ý thức cùng với các phiền não. Thụ sinh là thụ lấy tự thân. Nhiệm ô ý thức kia phan duyên sinh hữu, nên trung hữu liền diệt. Hòa hợp là một tướng đồng thành hoại, nên nói ý thức với đồ trắng hòa hợp. Y chỉ ý thức hòa hợp sinh các ý thức khác. Nói “ hai thức cùng có”, nghĩa là cùng lúc có ý thức hòa hợp và dựa nơi đây sinh ý thức khác. Hai thức cùng có cho nên cái ý thức hòa hợp kia không thể thành lập là ý thức. Bởi vì sao? Mọi lúc nhiệm ô là y chỉ cho nên ý thức hòa hợp kia lấy dục v.v...các phiền não nhiệm ô ý làm y chỉ, phan duyên sinh hữu là nhiệm ô nên y chỉ nơi đây gọi là nhiệm ô. Vì y chỉ đây thức đã trụ thai không lấy nhiệm ô làm y chỉ mà lấy báo thể vô ký. Cho nên như ý thức phan duyên đây là không thể được. Ý thức phan duyên thì được gọi là các pháp. Cái hòa hợp thức này không có phan duyên cho nên không thành. Đây là ý thức.

Luận nói: Lại nữa kết sinh là đã nhiếp trì sắc căn. Nếu khác, không được nghĩa quả báo thức. Ngoài ra các thức khác đều có y chỉ riêng biệt, lại không trụ vững, mà các sắc căn không có thức thì không thành.

Giải thích: Nói “đã kết sinh” nghĩa là đã được có thân. Nói “Nếu khác “ nghĩa là đã bỏ thức A-lê-da. Sáu thức khác đều có chỗ riêng biệt, động chuyển, cho nên như nhãn thức chỉ định y chỉ nơi nhãn, cũng như vậy nhĩ v.v... các thức đều tự y chỉ. Nhĩ v.v... các sắc căn cũng vậy. Nếu không có thức A-lê-da, các thức này mỗi mỗi tự nhiếp trì y chỉ căn. Các thức này động chuyển cho nên có khi không có, không nhiếp trì thì nhãn v.v... các căn liền hư hoại.

Luận nói: Thức và danh sắc dựa vào nhau như bó lau dựa vào nhau mà đứng. Nghĩa này cũng không thành.

Giải thích: Nay muốn làm rõ nghĩa vì sao bất thành này. Như Thế Tôn nói: Thức duyên danh sắc, danh sắc duyên thức. Trong đó thức bị danh duyên, danh đây là 6 thức thân, tức nói danh chẳng phải là sắc 4 nhóm. Sắc là Ca-la-la. Cái danh sắc duyên thức nếu không có thức A-lê-da thì đó là cái gì? Do y chỉ danh sắc cho nên được sát-na tương tục chuyển sinh không dứt.

Luận nói: Nếu lia quả báo thức thì chúng sinh thức thực bất thành. Vì lia quả báo thức, tùy theo một thức trong 6 thức chúng sinh trong 3 cõi không thể ăn để nuôi dưỡng.

Giải thích: Đây là nói về nghĩa thức thực không thành. Thế Tôn nói có 4 cách ăn: một là đoàn, hai là xúc, ba là ý tư, bốn là thức. Đoàn có nghĩa là tướng biến thành, khi đã biến đổi thì có thể duy trì thân thể. Xúc là tướng cảnh giới. Như cảnh giới sắc v.v... là chỉ để thấy nhưng cũng có thể làm lợi ích cho thân. Ý tư là tướng của ức niệm, nghĩa là chỉ nghĩ nhớ cũng làm lợi ích cho thân. Như người khát thấy được nước tuy chưa uống nhưng không chết. Thức là tướng của nhiếp trì, nghĩa là do thức này duy trì gìn giữ nên thân được tồn tại. Nếu không có thức này thì như cây chết hôi thối. Cho nên phải biết rằng thức cũng gọi là thực, nghĩa là ăn, là làm lợi ích cho thân thể. Trong đây xúc thực thuộc 6 thức của thân. Ý tư thuộc tâm nghĩ nhớ. Đã nói thức thực thì biết là có thức khác. Lại như khi ngủ say,

vô tâm, ngất xỉu, trong diệt định v.v... 6 thức của thân diệt, thì cái gì là cái duy trì cho thân không hư rã? Khi thức A-lê-da rời bỏ thì thân sẽ hư rã.

Luận nói: Nếu từ cõi Dục này chết sinh lên cõi thượng tĩnh địa, vì ý thức nhiễm ô của cõi bất tĩnh kết sinh nơi kia, cái tâm nhiễm ô của cõi bất tĩnh này, ở trong cõi kia nếu lìa thức A-lê-da thì không có chủng tử được. Giải thích: Trước đã nói kết sinh bất tĩnh địa bất thành. Nay sẽ nói về tĩnh địa bất thành. Vì đem cái thức nhiễm ô kết sinh nơi kia, nếu ở tĩnh địa cũng dùng cái nhiễm ô của bất tĩnh kết sinh. Nhiễm ô là vì bị phiền não cõi kia nhiễm. Phiền não cõi kia là đắm trước mùi vị của định. Cái nhiễm ô này là ở bất tĩnh địa. Người này chết ở bất tĩnh địa. Đã chết rồi làm sao cái tâm thượng địa hiện tiền? Đã không hiện tiền làm sao kết sinh nơi kia được? Vì vậy nên quyết chắc phải có thức A-lê-da, do đã có tâm huân tập cõi kia từ vô thủy. Do cái tâm huân tập này hiện tiền nên được kết sinh nơi kia.

Luận nói: Giả sử sinh cõi Vô sắc, có tâm thiện và nhiễm ô, nếu lìa nhất thiết chủng tử quả báo thức thì tâm thiện và nhiễm ô này sẽ không có chủng tử và không có chỗ trụ.

Giải thích: sinh cõi Vô sắc là giải thoát khỏi cõi Sắc. Tâm thiện và nhiễm ô là ưa thích mùi vị của Tam-ma-đề. Nói không chủng tử và không có chỗ trụ là không có nhân và không nơi y chỉ. Lại có nghĩa khác là nếu không chủng tử thì nhân nào mà sinh, nếu không chỗ trụ thì y chỉ vào đâu? Tâm kia là do thức A-lê-da nhiếp trì nên từ tự chủng tử sinh, tức y chỉ thức này, do có y chỉ nên được tương tục trụ.

Luận nói: Ngay ở nói cõi kia, tâm xuất thế hiện tiền thì bao nhiêu tâm thế gian diệt hết, liền diệt lìa cõi kia.

Giải thích: Ngay trong cõi kia nếu tâm xuất thế hiện tiền, chỉ trừ tâm xuất thế này, ngoài ra đều là tâm thế gian. Các tâm thế gian kia đều không có nên lìa cắt đứt cõi kia, tức không phải dụng công

mà được vô dư Niết-bàn. Đã không có lý này, nên lia thức A-lê-da là bất thành.

Luận nói: Nếu sinh trong cõi Phi tướng phi phi tướng, y vô sở hữu xứ, tâm xuất thế gian hiện tiền thì liền lia bỏ 2 nẻo thú. Cái thức xuất thế này không y chỉ nơi Phi tướng phi phi tướng, cũng không y chỉ nơi vô sở hữu xứ, và y chỉ Niết-bàn cũng bất thành.

Giải thích: Nếu sinh ở Phi tướng phi phi tướng, có khi dựa vào vô sở hữu xứ, tâm xuất thế hiện tiền, do nơi ấy tâm sáng suốt nhạy bén, tâm nơi Phi tướng phi phi tướng chậm lụt. Ở tâm sáng suốt nhạy bén tu tâm xuất thế hiện tiền, tâm xuất thế y chỉ kia, nẻo thú thứ nhất và nẻo thú thứ hai đều bất thành, bởi 2 địa vị này đều là thế gian. Lại nữa nếu sinh vào địa vị khác, tâm của địa vị khác hiện tiền, sự y chỉ vào 2 nẻo thú cũng bất thành, vì do thân hữu dư. Nếu tâm này lấy Niết-bàn làm y chỉ cũng bất thành. Ba thú y chỉ đã bất thành như thế, nếu lia thức A-lê-da thì tâm xuất thế trụ ở đâu?

Luận nói: Nếu người tạo thiện tạo ác khi chết nếu lia thức A-lê-da thì sẽ không xảy ra trên thân lạnh lần lượt từ trên hay từ dưới. Cho nên nếu lia nhất thiết chủng tử quả báo thức sinh nhiễm ô cũng bất thành.

Giải thích: Trong đó nếu tạo thiện hay tạo ác thì sẽ xảy ra thân lạnh từ trên hay từ dưới không đồng nhau. Bởi tạo thiện thì đi lên, tạo ác thì đi xuống. Cho nên nếu không chấp nhận có thức A-lê-da như là kẻ nhiếp trì, làm sao có hiện tượng thân lạnh như vậy? Do thức A-lê-da làm kẻ gìn giữ cho nên có sự buông bỏ lần lượt từ trên hoặc từ dưới. Tùy chỗ buông bỏ thì thành tử thi và thân trở nên lạnh.

# NHIẾP ĐẠI THỪA LUẬN THÍCH LUẬN

## QUYỂN 3

### Phải biết y chỉ thẳng tướng thẳng ngữ 1 - 3

#### Chương 14: Thế gian tịnh

Luận nói: Vì sao nói thế gian thanh tịnh bất thành? Như chưa lìa bỏ cái dục của cõi Dục, chưa được cái tâm của cõi Sắc, tức đem cái thiện tâm của cõi Dục tu hành trừ cái dục của cõi Dục. Cái tâm tu hành của cõi Dục này với cái tâm của cõi Sắc không cùng sinh cùng diệt nên không huân tập không thành chủng tử. Quá khứ không có tâm cõi Sắc, trong vô lượng kiếp bao nhiêu tâm xen cách nên chủng tử tịnh tâm kia không thành tựu. Đã không có cho nên thành tựu cái tịnh tâm cõi Sắc kia là do Nhất thiết chủng tử quả báo thức tuần tự truyền đến làm nhân duyên, tu hành thiện tâm là tăng thượng duyên. Như thế tất cả địa vị lìa Dục đều có tương trạng như vậy. Như vậy thanh tịnh thế gian mà lìa Nhất thiết chủng tử quả báo thức cũng bất thành.

Giải thích: Như thế gian tịnh bất thành, nay sẽ nói rõ. Như khi khởi tu hành lìa dâm dục, tu hành thiện tâm cõi Dục không có huân tập tâm cõi Sắc vì không đồng sinh đồng diệt, cho nên tâm cõi Sắc kia là không chủng tử mà sinh bởi quá khứ tâm cõi Sắc trong vô lượng kiếp các thức khác xen cách, đã là quá khứ không có nên bất thành, chủng tử tịnh tâm kia làm nhân duyên, từ tự chủng tử trong thức A-lê-da sinh nên phương tiện thiện tâm kia chẳng phải không

công lực. Được làm tăng thượng duyên tức là có công lực nhưng chẳng phải nhân duyên. Do tăng thượng nên tâm cõi Sắc được sinh. Như vậy khi phá dục cõi Sắc cũng vậy.

### **Chương 15: Xuất thế gian tịnh**

Luận nói: Vì sao nói xuất thế gian thanh tịnh bất thành? Như Thế Tôn nói: Nghe âm thanh từ người khác và tư duy đúng đắn, do 2 nhân này được sinh chính kiến. Cái âm thanh và chính tư duy này huân tập vào nhĩ thức hay huân tập vào ý thức hay huân tập cả hai nhĩ thức và ý thức? Trong pháp kia khi khởi chính tư duy thì nhĩ thức không sinh. Ý thức cũng bị các thức khác phan duyên xen cách. Nếu khi sinh tâm tương ứng chính tư duy, ý thức kia đã diệt lâu và trở thành quá khứ không còn có cái năng huân tập sở huân tập của cái nghe nữa thì được chủng tử ở đâu? Thời gian sau cái tâm tương ứng sinh chính tư duy và cái tương ứng chính tư duy là tâm thế gian với cái tương ứng chính kiến là tâm xuất thế gian không có nghĩa cùng sinh cùng diệt cho nên không bị kia huân tập. Đã không bị huân tập thì không thành chủng tử. Vì vậy sự thanh tịnh xuất thế gian mà là Nhất thiết chủng tử quả báo thức cũng bất thành, vì trong đó sự nhiếp trì chủng tử nghe bất thành.

Giải thích: Nay sẽ làm rõ nghĩa xuất thế gian tịnh bất thành. Nói âm thanh từ người khác và chính tư duy nghĩa là chính cùng với thanh tư duy, ý thức này bị các thức khác phan duyên làm xen cách nghĩa là cùng chính kiến tương ứng tâm xuất thế cách tuyệt, cho nên nếu tâm tương ứng chính tư duy sinh nghĩa là cái chính tư duy của thời gian sau. Nói kia diệt thành quá khứ đã lâu, nghĩa là ý thức trước đã tạ diệt trải vô lượng thời gian, cái văn sở huân và huân tập đều không có, làm sao được làm nhân sinh tương ứng chính tư duy? Nói trong ý thức kia, nghĩa là trong ý thức thế gian. Văn huân tập là do nghe âm thanh người khác huân tập trong ý thức. Nếu nghĩ như vậy

thì sự nhiếp trì chủng tử kia bất thành. Nghĩa là sự nhiếp trì chủng tử xuất thể tịnh bất thành, cho nên nếu có chủng tử sinh mới có nghĩa.

Luận nói: Lại nữa Nhất thiết chủng tử quả báo thức đã là nhân nhiếp pháp, làm sao lại thành chủng tử của tâm xuất thể đối trị lại kia? Lại nữa cái tâm xuất thể này xưa chưa từng có, nên không huân tập. Đã không huân tập thì do đâu sinh chủng tử? Ông nên trả lời rằng: Thiện thanh tịnh pháp giới lưu xuất cái nghe, huân tập làm sinh chủng tử.

Giải thích: Cái quả báo thức này đã là cái thể chướng ngại nhân, tức không thành cái thể của nhân đối trị. Lại nữa cái tâm xuất thể này ban đầu chưa từng có, nghĩa là từ xưa nay chưa sinh. Không huân tập là do xưa nay chưa sinh cái tâm xuất thể kia, huân tập nhất định chưa có. Nói “thiện thanh tịnh pháp giới lưu xuất văn huân tập làm chủng tử được sinh” là nghe một thứ âm thanh khác cho nên nói nghe từ thiện thanh tịnh pháp giới lưu xuất huân tập. Do thiện thanh tịnh pháp giới diệt trí chướng phiền não chướng cho nên gọi là thiện thanh tịnh pháp giới. Nói “lưu xuất ra” tức là thuyết pháp, nghĩa là Tu-đa-la v.v...ở nơi pháp giới này lưu xuất ra Tu-đa-la. Nghe được, cho nên nói là “nghe từ pháp giới lưu xuất ra”. Tức là cái văn huân tập này, cho nên nói là “cái văn huân tập được lưu xuất từ pháp giới”. Lại nữa văn tức là huân tập, cho nên nói là văn huân tập. Cái văn huân tập kia trụ trong thức A-lê-da làm nhân sinh khởi tâm xuất thể.

Luận nói: Cái văn huân tập này là tự tính của thức A-lê-da hay chẳng phải? Nếu là tự tính của thức A-lê-da thì sao được thành chủng tử đối trị? Nếu chẳng phải tự tính của thức ấy thì làm sao thấy được y chỉ của chủng tử văn huân tập? Cho đến địa vị Phật Bồ-đề cái văn huân tập này ở nơi nào trong thân? Nó cùng với quả báo thức đồng tướng mà sinh, như nước với sữa nhưng không phải là thức A-lê-da để thành chủng tử đối trị lại A-lê-da.

Giải thích: Nói cái văn huân tập là tự tính hay không phải tự tính của thức A-lê-da? Giả sử là như vậy thì có lỗi gì? Nếu là tự tính của thức A-lê-da thì sao thức A-lê-da lại tự trở thành chủng tử đối trị. Nếu chẳng phải tự tính của thức ấy thì cái văn huân tập này phải có chỗ y chỉ khác. Cho đến quả vị Phật Bồ-đề, văn huân tập tức là sức huân tập lưu xuất từ thiện thanh tịnh pháp giới, cho nên tùy ở tại trong thân, tùy thân nào đồng thể thì sinh, nhưng không phải tự tính của nó. Như nước với sữa tuy đồng một thể sinh, nhưng văn huân tập này chẳng phải thức A-lê-da, bởi vì nó đối trị thức A-lê-da.

Luận nói: Trong đây y hạ huân tập thành trung huân tập, y trung huân tập thành thượng huân tập, do văn tu tu huân tập nhiều lần.

Giải thích: Nói hạ trung thượng trong đây là vì văn tuệ, tư tuệ, tu tuệ mỗi mỗi đều có 3 bậc. Lại có nghĩa khác là văn tuệ là hạ, tư tuệ là trung, tu tuệ là thượng. Nói văn tư tu huân tập nhiều lần là nơi văn v.v...tăng thượng tu hành, lấy hạ phẩm làm nhân được trung phẩm, trung phẩm làm nhân được thượng phẩm.

Luận nói: Chủng tử văn huân tập kia tùy hạ trung thượng đều là chủng tử của pháp thân. Vì là đối trị thức A-lê-da nên không thâm nhiếp trong thức A-lê-da. Vì được lưu xuất từ xuất thế thanh tịnh pháp giới, nên tuy ở thế gian mà là chủng tử của tâm xuất thế. Khi cái thể của tâm xuất thế chưa sinh, nhưng có khả năng hiện khởi đối trị phiền não, đối trị ác thú, đối trị tất cả ác nghiệp phá hoại, có thể tùy thuận được thân cận chư Phật Bồ-tát nên tuy là sở đắc của Bồ-tát mới tu hành ở thế gian đều nhiếp thuộc pháp thân, còn sở đắc của Thanh Văn Duyên Giác thì nhiếp thuộc giải thoát thân.

Giải thích: Đối trị hiện khởi phiền não, nghĩa là dục v.v... xuất sinh, vì nhân trừ diệt, nên do trừ diệt phiền não nên đối trị ác thú phải thụ hậu báo ác nghiệp đạo làm nhân phá hoại kia. Nói vẫn tất là quá khứ vị lai hiện tại đối trị tất cả ác nghiệp nên vào đời vị lai tự thân được thân cận thiện hữu. Nói mới tu hành nghĩa là nhiếp thuộc phạm



phu pháp thân là thể của chủng tử pháp thân, nhiếp thuộc giải thoát thân là thể của nhân giải thoát của các Thanh Văn. Bởi vì sao? Vì Thanh Văn chỉ được giải thoát thân, không được pháp thân.

Luận nói: Đây không phải thức A-lê-da, mà nhiếp thuộc pháp thân và giải thoát thân. Tùy theo hạ trung thượng mà tuần tự tăng dần. Cũng như vậy y chỉ của quả báo thức giảm dần, tức là chuyển y chỉ. Tất cả chuyển hết rồi thì chủng tử của Nhất thiết chủng tử quả báo thức này đều không, tức tất cả đều diệt. Lại nữa cái chẳng phải thức A-lê-da với thức A-lê-da sinh đồng chỗ như nước với sữa. Thế nào là tất cả đều diệt? Như con ngỗng uống sữa trong nước. Lại như thế gian lia đục thì huân tập của bất tĩnh địa diệt, huân tập tĩnh địa tăng, tức chuyển y chỉ.

Giải thích: Như thức A-lê-da voái cái chẳng phải thức A-lê-da đồng sinh một chỗ, nhưng thức A-lê-da hết, thức chẳng phải A-lê-da còn, như con ngỗng uống sữa trong nước, sữa hết nhưng nước còn. Lại như thế gian lia đục, ở trong một thức A-lê-da huân tập phiền não bất tĩnh địa diệt, huân tập thiện pháp tĩnh địa đầy đủ, y chỉ được chuyển. Huân tập xuất thế cũng vậy.

### **Chương 16: Thuận đạo lý**

Luận nói: Như nói nhập Diệt tận định thức không lia thân. Đây là nói quả báo thức không lia thân. Bởi Diệt tận định không bị thức này đối trị nên sinh. Cũng không phải khi xuất định thức này sinh trở lại. Quả báo thức này đoạn dứt rồi không kết sinh khác thì không sinh trở lại.

Giải thích: Nói Diệt tận định thức không lia thân, đây là thành tựu có thức A-lê-da. Do Thế Tôn nói thức không lia thân là nếu lia quả báo thức thì không thành các thức khác. Bởi vì sao? Vì Diệt tận định đối trị sinh khởi thức, nên sinh thấy định này vắng lặng. Nếu lại chấp bảo rằng khi xuất định thức sinh trở lại, do ý này nên gọi là thức không lia thân. Nghĩa này không đúng. Bởi vì sao? Vì khi xuất định

rồi thức không sinh trở lại. Sự tiếp nối của quả báo thức đã đứt. Nếu khi lia thì thác sinh mà không sinh trở lại.

Luận nói: Nếu người chấp vì có ý thức nên nói Diệt tận định có tâm thì cái tâm người ấy chấp là bất thành. Vì nghĩa không thành nghĩa của định, vì không thể có tướng của phan duyên, vì tương ưng với thiện căn là lỗi, vì không tương ưng với bất thiện và vô ký, vì tướng và thụ cùng hiện hành là lỗi tức là có xúc, vì trong Tam-ma-đề có năng lực này, vì chỉ diệt tướng là lỗi, vì tư duy tức cùng với tín v.v... các hiện căn đều khởi là lỗi, vì năng y không thể lia sở y, vì có thứ dụ, vì không phải tất cả hành giả cũng không có.

Giải thích: Nếu có người chấp vì có ý thức nên nói Diệt tận định có tâm thì cái tâm người ấy chấp là bất thành. Vì nghĩa không thành nghĩa của định. Nếu muốn lia bỏ như trước đã nói tự tướng của thức A-lê-da, ở trong sinh khởi thức tùy theo một thức trong Diệt tận định có cái tâm này thì nghĩa này không thành. Bởi vì sao? Vì nghĩa của định không thành. Chưa từng thấy tâm lia tâm pháp, như bao nhiêu tâm pháp chưa từng lia tâm. Nếu tướng thụ không diệt, không được gọi là diệt. Vậy thì định này không thành định. Nếu như còn có thức A-lê-da thì không có lỗi này, vì trụ trong vắng lặng. Các tâm tâm pháp đối trị oán kia nên diệt định sinh. Vì thức A-lê-da không phân minh, không đối trị thức này nên sinh. Vì vậy định này không được có các tâm. Bởi vì sao? Vì tướng phan duyên là không thể được. Tâm và tâm pháp nếu tương tục không đứt ắt có tướng sở duyên. Diệt định nếu có tâm cũng phải không lia tướng sở duyên. Cả hai trường hợp này đều không thể được, cho nên định này không có các tâm. Nếu lập có thức A-lê-da thì không có lỗi này. Thức này do nhiếp trì thân mà được tên. Lại nữa nếu trong Diệt định có các thức sinh, các thức ắt có các phần thiện v.v... nghĩa là thiện, bất thiện, vô ký. Tâm này không được là thiện. Nếu thiện thì phải tương ưng với thiện căn, như vậy là mâu thuẫn. Cũng chẳng phải tự

tính của thức là thiện vì lia thiện căn tương ưng không được nghĩa là thiện. Cho nên nếu định tâm là thiện thì không chấp nhận nghĩa cùng các thiện căn như không tham v.v... tương ưng. Đây không thể chấp nhận tức không khác với thiện tâm mọi nơi khác, nên cũng không được là bất thiện và vô ký. Không tương ưng với bất thiện và vô ký nên khi lia dục ở cõi Dục, tất cả bất thiện căn đã diệt không thành bất thiện, cũng chẳng phải vô ký vì định này là thiện. Cũng không thể cho tâm này là thiện vì cùng tướng thụ cộng hành là lỗi. Nếu lia thiện căn không được là thiện. Chỉ có thiện mới tương ưng với thiện căn. Nếu tương ưng với thiện căn ắt cùng với tướng thụ tương ưng vì không có nhân nào khác. Sở trị hiện hành lại có năng trị, nghĩa này bất thành. Như dục v.v. hiện hành không thể có bất tịnh quán. Lại nữa trong định nếu lia thức A-lê-da mà có các tâm khác thì có xúc sinh lỗi. Nay sẽ lấy việc trụ các định khác làm thí dụ. Chỉ có các thiện căn khi tương ưng định tâm sinh thì chắc chắn cùng với xúc. Nghĩa là nhân định sinh, dựa làm tướng. Nếu xúc lạc thụ, nếu xúc bất khổ bất lạc thụ, lấy xúc này làm duyên nên có sinh lạc thụ và bất khổ bất lạc thụ. Bởi vì sao? Vì xúc này có năng lực ở trong định cho nên thấy xúc này sinh trong các định khác, hai thụ có năng lực nên trong Diệt định cũng phải như vậy, vì không có nhân nào khác chướng ngại. Nếu vậy xúc duyên thụ thì nghĩa này không thành. Bởi vì sao? Vì chỉ diệt tướng là lỗi, cho nên nếu nói có xúc duyên thụ, tu hành định này chỉ là diệt tướng, đây là điều không thể chấp nhận, vì nói thụ tướng đều diệt. Lại nữa không nên có xúc. Trong các thức khác nếu có xúc thì có tư duy tương ưng cộng hữu, tín v.v... các thiện căn cùng sinh là lỗi. Kinh nói: Nếu có thức cùng xúc tương ưng sinh thì có tư duy cùng sinh, vì vậy cho nên ở trong định thành nghĩa có tư duy hiện hành. Nếu có tư duy hiện hành tức là khởi tác thiện tâm. Đây chắc chắn phải cùng tín v.v... các thiện căn cùng sinh. Nghĩa này không thể chấp nhận. Nếu muốn lia các lỗi như trước đã nói và lỗi mâu thuẫn với A-hàm nên

nói nhỏ bỏ tâm pháp, không có tâm pháp, chỉ có tâm là đúng. Đây cũng không thành. Bởi vì sao? Vì từ sở y trừ bỏ năng y là không thể được. Tâm là sở y, tâm pháp là năng y. Tâm và tâm pháp năng y sở y này, từ sinh tử vô thủy đến nay hằng nương vào nhau chưa hề tách rời. Do sự dắt dẫn nhau như thế nên chắc chắn phải tương ưng cùng các thiện căn vô tham v.v... Nếu ông nói định và định phương tiện đều mâu thuẫn với chúng nên vô tham v.v... không sinh chỉ sinh thiện. Điều đó chưa hề thấy ở đâu nói đến. Bởi vì sao? Nếu pháp tương ưng sinh chắc chắn có quả tương ưng lưu xuất sinh ra. Cho nên nghĩa đó không thành. Lại nữa còn có bất thành nữa là như Thế Tôn nói: Thanh hành diệt cho đến ngôn ý hành diệt. Trong đó thân hành là hơi thở ra vào, ngữ ngôn hành là giác quán, ý hành là tư duy và tưởng. Như giác quán diệt thì ngôn ngữ không được sinh. Cũng như vậy ý hành diệt thì ý không được sinh. Nếu ông nói như thân hành diệt trụ ở trong định thì thân không được diệt. Cũng như vậy ý hành tuy diệt, ý vẫn tồn tại. Nghĩa này không đúng. Bởi vì sao? Vì có nhân duyên, lại có thân hành khác là nhân của thân được trụ. Như Thế Tôn nói: Do ăn uống mạng căn và thức cho nên tuy không có hơi thở ra vào thân cũng trụ được. Ý thì không như vậy, lại vì không có các ý hành khác duy trì, cho nên ở trong định kia không thể lấy ý thức làm chỗ trụ của tâm. Như Thế Tôn nói: Thức không lìa thân. Đây là nói quả báo thức. Bởi vì sao? Vì có chủng tử. Cho nên sau khi xuất định, sinh khởi thức từ đó mà sinh. Năng y sở y này mọi lúc đều sinh như thế, dù thêm dụng công cũng không thể khiến tách rời nhau. Bởi vì sao? Vì có thí dụ. Điều này như trong thế gian từ khi sinh đến chết không tách rời nhau, mọi lúc cùng sinh, không thể nào đánh bật năng y ra khỏi sở y. Ví như tứ đại và cái do tứ đại tạo ra. Tâm pháp cũng vậy, không có đạo lý nào khiến chúng tách rời nhau chỉ để riêng một tâm tồn tại. Nếu nói từ sở y nhỏ bỏ năng y là không thể được. Chỉ dùng tưởng thụ là lỗi cho nên chỉ 2 pháp này không hiện hành chứ không phải pháp nào

khác. Đây cũng không thành. Bởi vì sao? Chẳng phải hiện hành tất cả mọi nơi, trong đây không có, cho nên kinh nói: Trong Diệt tận định thức không rời thân, điều này tức thành tựu nghĩa có thức A-lê-da. Vì vậy Thế Tôn nói thức không rời thân. Nếu lia quả báo thức thì không thành các thức khác. Bởi vì sao? Vì Diệt tận định đối trị sự sinh khởi của sinh khởi thức do đó mà vắng lặng. Nếu có người chấp từ định khởi rồi, thức trở lại từ thân sinh cho nên nói là không rời. Nói vậy cũng không thành. Bởi vì khi xuất định không có nghĩa thức sinh trở lại. Bởi vì báo thức kia nếu đoạn đứt sự liên tục lia kết sinh thân sau, không có nghĩa sinh trở lại. Nếu chấp cho rằng lia thức A-lê-da dùng ý thức nên nói trong Diệt tận định có tâm thì tâm kia không được là thiện, bất thiện, vô ký, đều là bất thành. Cho nên do định này là thiện nên không thể là bất thiện, cũng không được là oai nghi biến hóa khéo léo ra vô ký v.v... Nếu nói là quả báo vô ký tức là thức A-lê-da, vì là vô ký thứ 5. Nếu nói tâm này là thiện thì phải tương ưng với các thiện căn vô tham v.v... Lại nữa khi tâm này tồn tại, nhiễm ô ý đã diệt, chỉ trụ trong thiện, thiện tâm này tức có chỗ y chỉ và có sở duyên, ba việc hòa hợp làm sao không sinh xúc? Đã sinh xúc làm sao không sinh thụ v.v... Nếu vậy thì nghĩa Diệt tận định không thành vì trong đó tâm và tâm pháp không diệt. Nếu ông chấp nói rằng sức mạnh của thiện tâm dẫn sinh định này, đó là do sức thiện tâm phương tiện. Định này tuy thiện nhưng không cùng các thiện căn vô tham v.v... tương ưng. Nếu có năng lực hòa hợp, được gọi là hòa hợp. Cho nên định này tuy thiện nhưng không có năng lực đối với 3 sự hòa hợp. Đây không như vậy, như quả lưu xuất sinh do phương tiện tâm kia là thiện nên định này tương ưng với thiện căn.

Luận nói: Nếu lại chấp sắc tâm tuần tự sinh làm chũng tử các pháp, đây là phá cái lập luận như trước cũng bất thành. Ở cõi Vô sắc và trời Vô tướng thoái đọa, từ Diệt tận định xuất định, nghĩa này không thành, tâm sau cùng của A-la-hán cũng không thành, chỉ trừ

nghĩa duyên tuần tự là thành mà thôi. Như vậy nếu lia Nhất thiết chủng tử quả báo thức thì nhiễm ô hay thanh tịnh đều bất thành. Vì vậy như trước đã nói thành tựu tướng thức A-lê-da là có.

Giải thích: Nếu chấp cho rằng sắc tâm tương tục sinh ra các pháp, sát-na trước được coi là chủng tử làm nhân cho sát-na sau. Thức của sát-na ban đầu sinh thức của sát-na sau cũng vậy. Nếu từ cõi Vô sắc thoái, sắc kia đoạn dứt đã lâu làm sao được là chủng tử sinh lại nơi sắc? Nếu từ trời Vô tưởng thoái, và từ Diệt tận định xuất định, tâm này diệt đã lâu làm sao được coi là nhân cho tâm sau sinh? Nếu như vậy thì A-la-hán không có được vô dư Niết-bàn, vì nhân của sắc tâm không bao giờ hết. Cái sắc của sát-na trước nơi sắc của sát-na sau, cái thức của sát-na trước ở nơi thức của sát-na sau. Phải biết chỉ được là duyên tuần tự, không được là nhân duyên. Vì vậy cho nên việc thành tựu thức A-lê-da là có. Nếu trụ trong sinh khởi thức thì nghĩa chuyển y không thành. Nghĩa này nay sẽ dùng 3 bài kệ hiển thị như sau.

Luận nói: Ở đây có kệ như sau:

*Trong thiện tâm Bồ-tát,  
Thì lia xa 5 thức.  
Lại không có thức khác,  
Chuyển y thành tâm nào.  
Đối trị là chuyển y,  
Chưa diệt nên bất thành.  
Quả nhân không sai biệt,  
Vớ diệt thành sai lầm.  
Không chủng tử, không thể,  
Cho đây là chuyển y,  
Kia vì không có hai,  
Nên chuyển y bất thành.*

Giải thích: Nói “Trong thiện tâm Bồ-tát” nghĩa là trong ý thức thiện, tức tương ứng đối trị xuất thế. “Thì lia xa 5 thức “ nghĩa là lia nhân v.v... 5 thức. Nói “không có thức khác” nghĩa là lia nhiễm ô ý thức và hữu lưu thiện thức. Vì lia hữu lưu thiện thức nên nói là thiện tâm. “Lại nói không thức khác chuyển y thành tâm nào” nghĩa là trong thức A-lê-da, tất cả chủng tử nhiễm ô không có chủng tử nào làm như thế. Nếu nói đối trị sinh là chuyển y thì đối trị là chuyển y. Vì không diệt thì không thành cho nên phiền não diệt gọi là chuyển y. Chẳng phải đối trị tức là diệt. Bởi vì sao? Vì đối trị chỉ là nhân của diệt. Nếu vậy thì quả nhân không sai biệt. Kia diệt tức có sai lầm. Quả gọi là diệt, là Niết-bàn. Nhân gọi là đối trị, là đạo. Đối trị kia với diệt thì thành một thể. Lại khi đối trị sinh tức là Niết-bàn cho nên nếu ông lấy vô chủng tử, vô thể, cho đó là chuyển y thì trong sinh khởi thức không chủng tử và không thể, như thế là chuyển y. Kia không có hai cái không, nên chuyển y bất thành. Khi trụ trong Xuất thế định, các sinh khởi thức đều không có, cho nên không có vô chủng tử và không có vô thể, vì vậy không thành nghĩa chuyển y. Nếu có thức A-lê-da, các sinh khởi thức tuy không có, các chủng tử kia trụ trong thức A-lê-da tức có thể làm vô chủng tử và vô thể. Do chuyển y bất thành nên biết là có thức A-lê-da.

### Chương 17: Sai biệt

Luận nói: Lại nữa sự sai biệt của thức A-lê-da này là thế nào? Nói đại lược có 3 hoặc có 4 thứ sai biệt. Trong đây 3 thứ là do 3 thứ sai biệt về huân tập: 1. Danh ngôn huân tập sai biệt, 2. Ngã kiến huân tập sai biệt, 3. Hữu phần huân tập sai biệt. Bốn thứ là: 1. Dẫn sinh sai biệt, 2. Quả báo sai biệt, 3. Duyên tướng sai biệt, 4. Tướng mạo sai biệt. Trong đây dẫn sinh sai biệt nghĩa là tân sinh huân tập. Nếu không có cái hành duyên thức này thì thủ duyên hữu không thành. Quả báo sai biệt là vì hành và hữu là duyên với các thú thành thực.

Nếu không có đây thì không có chủng tử. Hậu hữu các pháp sinh không thành. Duyên tướng sai biệt là ý sở thủ ngã tướng. Nếu không có đây thì ngã thủ ý niệm sở duyên không thành.

Giải thích: Như vậy là đã thành lập xong thức A-lê-da. Nay sẽ hiển thị các phẩm loại sai biệt của thức này. Ở đây trong 3 thứ huân tập sai biệt, danh ngôn huân tập là như nhãn danh huân tập trong quả báo thức là sinh nhân của nhãn kia. Sau khi quả báo nhãn căn sinh, do danh ngôn nhãn này nói là nhân nên sinh. Nhĩ v.v... tất cả danh ngôn sai biệt của các căn cũng vậy. Ngã kiến huân tập sai biệt nghĩa là do sức thân kiến trong nhiễm ô ý, lấy thức A-lê-da làm ngã, huân tập sinh rồi thì có sự phân biệt đây là ta kia là khác. Hữu phần huân tập nghĩa là do sức hành nghiệp thiện, bất thiện, bất động cho nên có thụ sinh khác nhau trong các thú. Nghĩa này sau ở phần nói về tướng sẽ nói rộng. Dẫn sinh sai biệt nghĩa là thu giữ các chủng loại sai biệt. Tân sinh huân tập nghĩa là khi mới khởi huân tập nếu không có thức A-lê-da này dẫn sinh sai biệt thì cái thức huân tập các hành sinh diệt, do thủ nhiếp trì nên sinh có hiện khởi. Cái hữu này không thành, năng hữu hậu sinh nên gọi đây là hữu. Cái hữu này tức là thiện, bất thiện do thủ huân tập nhiều lần. Quả báo hữu sai biệt nghĩa là do nhiếp tụ hành hữu làm duyên, thành thực trong các thú. Nếu không có dẫn nhiếp phần của thức A-lê-da này thì không có nhân, về sau trong hữu các pháp như nhãn v.v... các sắc căn sinh khởi bất thành. Đây tức là báo quả. Duyên tướng sai biệt tức là phần thức A-lê-da cùng với kia y chỉ nhiễm ô ý ngã kiến làm duyên tướng ngã thủ. Nếu không có duyên tướng này, thức A-lê-da cùng với ý của nhiễm ô ý đều lấy thân kiến làm nhân, ngã chấp này duyên cảnh bất thành. Đây tức là quả lưu xuất.

Luận nói: Trong đây, tướng mạo sai biệt nghĩa là thức này có tướng chung có tướng không chung, có tướng chủng tử không thụ sinh, có tướng chủng tử thụ sinh. Tướng chung là chủng tử khí thể



giới. Tướng không chung là các chủng tử nội nhập riêng biệt. Tướng chung này là chủng tử không thụ sinh. Nếu khi khởi đối trị thì tướng không chung chướng ngại diệt, cho nên tướng chung do tha phân biệt duy trì. Người tu quán trong đó thấy thanh tịnh. Trong tất cả các vật thấy lạc dục , thành tựu. Ở đây có kệ như sau:

*Khó diệt và khó biết,  
Đó là cộng tướng kết.  
Người tu quán tâm khác,  
Ở ngoài các đại tướng.  
Người thanh tịnh không diệt,  
Ở trong thấy thanh tịnh.  
Chư Phật thấy thanh tịnh,  
Thành cội Phật nghiêm tịnh.*

Lại có các kệ khác như sau:

*Tùy các thứ dục lạc,  
Các chỗ thấy thành tựu.  
Người tu thấy một vật,  
Tùy các thứ dục lạc.  
Các chỗ thấy thành tựu,  
Sở thủ chỉ có thức.*

Tướng không chung này là có chủng tử thụ sinh. Những thứ này nếu không có khí thể giới và chúng sinh thể giới chuyển sinh thì sai biệt bất thành.

Giải thích: Tướng mạo sai biệt có nhiều thứ. Nói “Trong đây” là trong tướng chung và không chung, tướng chủng tử có thụ sinh, tướng chủng tử không thụ sinh. Thức A-lê-da này là cái thể của nhân cái khí thể giới chung cùng của tất cả chúng sinh, tức là chủng tử không thụ sinh. Thức A-lê-da của tướng không chung là cái thể của nhân các nhập như sắc v.v... của mỗi mỗi tự thân, tức là chủng tử

có thụ sinh. Nếu lia các tướng loại như thế của thức A-lê-da thì cái nhân thụ dụng chung cùng của tất cả chúng sinh, tức khía thể giới bất thành. Cũng vậy nếu lia cái đệ nhị A-lê-da thức thì chúng sinh thể giới bất thành, tức như cây khô không có tri giác.

Luận nói: Lại có tướng thô ác và tướng khinh an. Tướng thô ác là chủng tử phiền não và tiểu phiền não. Tướng khinh an là chủng tử hữu lưu thiện pháp. Nếu không có đây trong quả báo thân thì không thành sự sai biệt có kham năng hay không kham năng.

Giải thích: Tướng thô ác là thân không kham năng. Tướng khinh an là thân có kham năng.

Luận nói: Lại có tướng thụ dụng và tướng không thụ dụng. Tướng thụ dụng là chủng tử thiện bất thiện quả báo đã chín muồi. Tướng không thụ dụng là chủng tử huân tập của ngôn thuyết, là chủng tử sinh khởi hý luận từ vô thủy, nếu không có đây hằng tạo các nghiệp thiện ác, thì nghĩa được quả thụ dụng không thành. Và những ngôn thuyết mới huân tập sinh ra cũng không thành.

Giải thích: Tướng thụ dụng nếu lia thức A-lê-da này, các nghiệp thiện ác thường huân tập đều không thành. Tướng không thụ dụng là chủng tử ngôn thuyết huân tập, như nói chủng tử các ngôn thuyết sai biệt huân tập sinh khởi hý luận từ vô thủy. Nghĩa là nhân thường lưu bố từ vô thủy đến nay. Nếu không có tướng không thụ dụng đây, thức A-lê-da không có sinh khởi ngôn thuyết huân tập cũ mới gì cả. Bởi vì sao? Trong thế gian không có ngôn thuyết hiện tại nào lia gốc mà có được.

Luận nói: Lại có tướng tương tự, nghĩa là như ảo hóa, sóng nắng, chiêm bao, đau mắt v.v... Nếu không có những tướng tương tự này của thức A-lê-da thì do chủng tử hư vọng phân biệt thành tướng điên đảo, nghĩa này sẽ không thành.

Giải thích: Tướng tương tự là như các sự ảo hóa làm nhân nên vọng thấy các hiện tượng. Như vậy các tướng tương tự của A-lê-da

là chúng tử hư vọng phân biệt nên có tướng điên đảo. Nếu không có thức A-lê-da đây thì các tướng điên đảo kia không thành.

Luận nói: Lại có tướng đủ và tướng không đủ. Người có đầy đủ các tướng trói buộc gọi là đủ tướng thế gian. Người lìa dục là tướng tổn giảm. Hữu học Thanh Văn và các Bồ-tát là nhỏ bỏ tướng một phần. A-la-hán, Bích-chi-phật là nhỏ bỏ hết phiền não chướng và Như Lai là ứng hợp với nhỏ bỏ hết phiền não chướng và tri chướng. Nếu không có thức A-lê-da đây thì sự tuần tự diệt phiền não không thành.

Vì nhân duyên gì quả báo thiện ác chỉ là vô chướng vô ký? Vì quả báo này là vô chướng vô ký nên không trái chống với thiện ác. Nếu trái chống với thiện ác thì khi quả báo là thiện hay ác rồi không có đạo lý nào diệt được phiền não. Cho nên quả báo thức chỉ là vô chướng vô ký.

Giải thích: Vô chướng vô ký nghĩa là vô chướng là vô nhiễm, do vô nhiễm vô ký nên gọi là vô chướng vô ký. Chẳng phải như sinh cõi Sắc lấy phiền não bất thiện làm vô ký. Quả báo này nếu là thiện hay bất thiện thì không diệt được phiền não. Bởi vì sao? Vì nếu là thiện thì sẽ sinh thiện, nếu là bất thiện sẽ sinh bất thiện. Như vậy có nghĩa là sinh tử không bao giờ hết. Sinh tử tức là phiền não và hữu lưu thiện v.v... Đến đây là đã giải thích xong về nghĩa của y chỉ.

# NHIẾP ĐẠI THỪA LUẬN THÍCH LUẬN

## QUYỀN 4

### Phải biết thắng tướng thắng ngữ 2 - 1

#### Chương 1: Tướng

Luận nói: Đã nói về y chỉ rồi. Vậy thấy tướng như thế nào? Đây lược nói có 3 thứ là tướng y tha, tướng phân biệt và tướng thành tựu. Trong đây cái gì là tướng y tha? Thức A-lê-da là chủng tử hư vọng phân biệt nhiếp thu các thức.

Các thức là những gì? Là thân thức, thân giả thức, thụ giả thức, ứng thụ thức, chính thụ thức, thể thức, số thức, xứ thức, ngôn thuyết thức, tự tha sai biệt thức, thiện ác hai đường sinh tử thức. Trong đây thân thức, thân giả thức, thụ giả thức, ứng thụ thức, chính thụ thức, thể thức, số thức, xứ thức, ngôn thuyết thức, các thức này từ chủng tử ngôn thuyết huân tập sinh. Tự tha sai biệt thức từ chủng tử ngã kiến huân tập sinh. Thiện ác hai đường sinh tử thức từ chủng tử hữu phần huân tập sinh. Các thức này thâm nhiếp tất cả giới thú và phiền não v.v... dựa vào tha tướng hư vọng phân biệt nên được hiển hiện. Các thức này thâm nhiếp mọi hư vọng phân biệt, chỉ là thức lượng, không có, không thật, hiển hiện do nương tựa. Đó là tướng y tha.

Giải thích: Nay giải thích về tướng y tha. Nói sơ lược tức là nói tóm tắt. Nói “thâm nhiếp các hư vọng phân biệt” vì hư vọng phân biệt là thể tính. Trong đây thân thức là nhãn v.v... 5 giới. Thân giả

thức là nhiệm ô ý. Thụ giả thức là ý giới. Ứng thụ thức là sắc v.v... 6 ngoại giới. Chính thụ thức là 6 thức giới. Thể thức là sinh tử tiếp nối không đứt. Số thức là tính toán. Xứ thức là khí thể giới ngôn thuyết. Nói thức, nghĩa là thấy, nghe, hay, biết 4 thứ ngôn thuyết. Chín thức này đều có y chỉ, thấy nghe v.v... các danh ngôn huân tập sai biệt làm nhân. Tự tha sai biệt thức là y chỉ vào sai biệt của thân, lấy ngã kiến huân tập làm nhân. Thiện ác hai đường sinh tử thức là vô lượng nẻo đường sinh tử, từ chủng tử hữu phần huân tập sinh. Các thức này là nói tiếp các thức đã nói trước. Thân nhiếp phiền não tất cả giới thú nghĩa là các phiền não trong tam giới ngũ thú. Thân nhiếp là thể tính của thức kia. Nói “tướng y tha” nghĩa là dựa vào cái khác làm thể. Trong đây hư vọng phân biệt thân nhiếp là thể tính của kia. Nói “không có, không thật do y chỉ hiển hiện” là nhân hiển hiện cái không có, không thật. Trong đây không có là vì không thật thể. Như ngã, trần là không thật. Trong cái không có mà chấp lấy, ví như ngã, tức là không có mà có tướng ngã hiển hiện. Sự y chỉ đây gọi là hiển hiện y chỉ. Nói y chỉ là nhân nơi nghĩa, cho nên tức là tướng y tha.

Luận nói: Trong đây cái gì là tướng phân biệt? Là cái nghĩa hiển hiện trong cái chỉ có thức lượng mà không có nghĩa.

Giải thích: Trong tướng phân biệt nói không có nghĩa, tức là ví như không có thật ngã. Đây chỉ có thức lượng nghĩa là trong cái không có nghĩa, mà hiển hiện ra. Ví như ngã, chỉ là một cái gì tương tự hiển hiện mà thôi. Nghĩa hiển hiện là tướng sở thủ hiển hiện. Ví như vô ngã mà tướng ngã hiển hiện.

Luận nói: Trong đây cái gì là tướng thành tựu? Tức trong tướng y tha, nghĩa tướng của nó rốt ráo là không có.

Giải thích: Tướng thành tựu là đây không có, không có thật nghĩa. Trong nhân hiển hiện, nó không hiển hiện thật nghĩa vì nó không có. Như ngã tướng, tương tự như thật mà không có, nhưng vô ngã là có.

Luận nói: Trong đây, thân thức, thân giả thức, thụ giả thức, phải biết là nhãn v.v... 6 nội giới. Ứng thụ thức, phải biết là sắc v.v...6 ngoại giới. Chính thụ thức là nhãn v.v... 6 thức giới. Còn các thức khác là sai biệt của các thức này. Phải biết những thức này chỉ là duy lượng, vì không có nghĩa. Trong đây lấy gì làm ví dụ? Lấy thí dụ chiêm bao v.v...để hiển thị. Ví như trong chiêm bao, lia nghĩa chỉ còn có thức. các thứ sắc thanh hương vị xúc nhà cửa núi non v.v... nghĩa tương tự như tướng hiển hiện nhưng trong đó không có thật nghĩa. Do thí dụ đó nên biết rằng tất cả mọi nơi duy chỉ có thức, lấy thức làm đầu. Lại có những thí dụ khác như ảo hóa, con nai khát nước, đau mắt v.v... Phải biết cũng như chiêm bao, khi thức dậy, mọi thứ chỉ có thức.

Nói như chiêm bao tất cả chỉ có thức, vậy vì sao khi thức dậy không chuyển được như thế? Người có trí giác chân thật cũng chuyển như vậy. Như chính khi chiêm bao sự hiểu biết này không sinh. Khi tỉnh dậy trí biết này mới sinh. Cũng như vậy, chưa được trí giác chân thật thì trí này không sinh. Nếu được trí giác chân thật thì trí này liền sinh. Nếu chưa có trí giác chân thật làm sao đối với duy thức có thể khởi so sánh biết được? Do A-hàm và đạo lý mà biết được. A-hàm như là trong Kinh Thập Địa Thế Tôn nói 3 cõi chỉ có tâm. Lại nữa trong Kinh Giải Tiết, Thế Tôn nói như sau:

Bấy giờ Bồ-tát Di-lặc hỏi Thế Tôn rằng: Những cảnh tượng được thấy trong Tam-muội với tâm trong định có thể nói là khác nhau hay không khác nhau? Thế Tôn bảo Di-lặc là không khác.

Bởi vì sao? Định tâm duyên, duy thức hiển. Ta nói là thức.

Thế Tôn! Nếu cảnh tượng trong Tam-muội không khác tâm trong định thì làm sao tâm ấy lại chấp thủ tâm ấy?

Di-lặc! Không có một pháp nào là năng thủ pháp khác, nhưng tâm kia sinh như vậy tức cũng hiển hiện như vậy. Ví như nhân cái

mặt của mình mà trông thấy ảnh rồi nói ta thấy ảnh. Tức là cái ảnh trông thấy đó khác với cái mặt của mình. Tâm kia sinh khởi cũng như vậy. Tức ở nơi ngay tâm kia nói là có vật khác có thể thấy. Do A-hàm và đạo lý này mà được thấy rõ.

Giải thích: Nói “đây chỉ có thức” là như Kinh Thập Địa và Kinh Giải Tiết đã nói. Phan duyên này do duy thức hiển hiện nên ta nói duy thức là do phan duyên duy thức hiển hiện. Đây là có nghĩa gì? Là để hiển thị duy thức thức tách rời nghĩa. Do đó thức thâm nhiếp. Phật nói: Ta nói là thức hiển hiện, cảnh giới Tam-muội kia là thức. Nhưng sinh khởi như vậy là do tướng loại kia sinh. Nói “ở trong lấy làm nghĩa riêng”, “ở trong” tức là ở trong cảnh giới Tam-muội. Nói “lấy làm nghĩa riêng” là ảnh tượng của thức kia gọi là vật riêng khác bị chấp thủ là thể.

Luận nói: Như vậy trong trường hợp tĩnh tâm, nếu thấy ảnh tượng màu xanh, tức thấy tự tâm, không có nghĩa riêng có vật màu xanh. Do đạo lý này, Bồ-tát trong tất cả thức, phải so sánh mà biết rằng đó chỉ là thức lượng. Lại nữa cái xanh thấy đó không phải do thức nhớ ra, vì cảnh giới thấy đây đang hiện hữu trước mắt. Cho nên cái thức nghĩ nhớ những gì đã nghe và suy nghĩ cũng chỉ là phan duyên cảnh của quá khứ nên cũng là duy thức. Do sự so sánh suy lường này, tuy chưa được gọi là trí giác chân như nhưng cũng có thể so sánh mà biết được lý duy thức.

Giải thích: Cảnh giới Tam-muội này, những ảnh tượng màu xanh v.v... cũng không phải thức nghĩ nhớ. Bởi vì sao? Vì không phải như trước đã thấy, mà ngay ở nơi đó nghĩ biết như vậy vì nó hiện tiền. Thức nghĩ nhớ thì mù mờ, còn đây thì hiện tiền thấy một cách rõ ràng. Nếu nói nghe và suy nghĩ huân tập nhiều lần thì tuy nó là quá khứ nhưng sau khi nghĩ nhớ, nó sinh ra như xưa. Nói “đây cũng như vậy” tức là cái nghe và suy nghĩ đã thuộc về quá khứ, nay không có, trong cái không có đó nếu sinh trở lại thì đây là thức tương tự như kia

mà sinh, chứ không phải đó là cái nghe và suy nghĩ đã diệt trong quá khứ. Cho nên nghĩa này cho thấy việc thành duy thức trần là không thể có được.

Luận nói: Như trước đã nói các thứ thức, ví như chiêm bao v.v... trong đó thức thể của nhãn thức v.v... là duy thức, thức thể của nhãn căn v.v... là sắc thì đạo lý duy thức làm sao có thể thấy chúng như A-hàm và đạo lý đã nói ở trước? Nếu chúng là thức thể vì sao hiển hiện tựa như sắc? Vì là một loại trụ vững liên tục chuyển. Các phiền não điên đảo trụ giữ cho nên nếu khác đây thì trong vô nghĩa không thành nghĩa điên đảo. Nếu không có các phiền não chướng trí chướng này nhiễm thì không thành. Cái này không thì thanh tịnh cũng không thành. Cho nên nhãn v.v... được sinh khởi như vậy. Ở đây có bài kệ rằng:

*Loạn nhân và loạn thể,  
Là sắc thức thể và  
Chẳng phải sắc thức thể,  
Trước không sau cũng không.*

Giải thích: Thức thể của nhãn thức v.v... chẳng phải sắc nên mới thành duy thức. Thức thể của nhãn căn v.v... là sắc vì sao thành duy thức? Điều này như trước trong A-hàm và đạo lý đã nói rõ. Nói “một loại trụ vững liên tục chuyển” nghĩa là một loại là vì tương tự, trụ vững là trụ lại qua nhiều thời gian. Do phiền não chướng trí chướng các điên đảo phiền não làm nhân, cho nên trụ giữ tức là nhân. Nếu lià các sinh khởi như vậy thì không phải nghĩa là nghĩa tâm điên đảo. Nếu không có phiền não chướng này nhiễm và trí chướng này nhiễm thì không có. Nghĩa này lấy bài kệ hiển thị. Nói “Loạn nhân và loạn thể” là thể của sắc thức và thể của phi sắc thức. Nếu theo thứ tự đó thì thể của sắc thức là loạn nhân, phi sắc thức là loạn thể. Thể của nhân là sắc thức nếu không thì thể của quả là phi sắc thức cũng không,



## Chương 2: Sai biệt

Luận nói: Vì sao thân thức, thân giả thức, thụ giả thức, ứng thụ thức, chính thụ thức đều hòa hợp cùng sinh trong tất cả loài có thân? Là để có đầy đủ sự thụ dụng của đời sống.

Vì sao thể thức v.v... các thức như trước nói có các thứ thức sinh? Vì từ vô thủy sinh tử lưu chuyển không dứt, vì có vô lượng cõi chúng sinh, vì thể giới vô lượng, vì ngôn ngữ và việc làm vô lượng, vì tiếp nhận và thụ dụng vô lượng sai biệt, vì thụ dụng của nghiệp ái phi ái vô lượng sai biệt, vì thụ vô lượng sinh già chết sai biệt.

Vì sao lập các thức này thành duy thức? Lược nói có 3 tướng: Một là duy lượng, vì vô sở hữu. Hai là duy nhị, nghĩa là chỉ có 2 là tướng phần của thức và kiến phần của thức. Ba là duy chủng chủng, nghĩa là nhiều tướng sinh khởi khác nhau. Các thức này không có nghĩa cho nên gọi là duy lượng. Nhãn v.v... các thức có tướng và kiến. Lấy sắc v.v... làm tướng, lấy các thức kia làm kiến, cho đến thân thức làm kiến. Ý thức thì lấy nhãn v.v... tất cả thức thể cho đến pháp thức làm tướng, lấy thức của ý thức làm kiến, vì ý thức có khả năng phân biệt và lại tựa như tất cả thức sinh khởi. Ở đây có bài kệ như sau:

*Duy lượng, nhị, chủng chủng,  
 Người tu quán ngộ nhập.  
 Khi ngộ nhập duy tâm,  
 Tâm đó cũng lìa diệt.*

Giải thích: Thế nào là đầy đủ thụ dụng của thân phần? Tức chỉ thân thức, thân giả thức, thụ giả thức v.v... 5 thức. Nói “nên biết tất cả có thân” nghĩa là nhất thời đều có, nói “cộng hữu” nhất thời cùng sinh. Nói “làm rõ” tức là vì thể của nhân nên thành lập nghĩa của 3 thứ duy thức, như trong chính văn trường hàng và kệ này đã hiển thị. Trong trường hàng nói duy lượng, nghĩa là chỉ là

thức lượng, cho nên tất cả các thức đều chỉ là thức lượng. Bởi vì sao? Bởi nghĩa của thức là vô sở hữu, chỉ có 2 thành lập ra có tướng và kiến. Cho nên một thức này một phần thành tướng, phần thứ hai thành kiến. Đây là nhãn thức v.v... chia làm hai phần. Nói “thành lập các thứ khác nhau” nghĩa là vốn là một thức này tùy theo hiện khởi mà một phần sinh ra nhiều tướng khác nhau, phần thứ hai làm năng thủ. Nếu ý thức sở thủ thì kia nhãn thức v.v... cho đến pháp thức là tướng, ý thức này là kiến. Nói “các thứ” nghĩa là chỉ ý thức làm việc ấy, vì bất định. Còn các thức khác có cảnh giới nhất định. Lại nữa vì là không phân biệt, cho nên nếu là năng phân biệt thì gọi là kiến. Do đạo lý ấy mà thành duy thức. Kệ nói “nhập duy lượng” là vì không có nghĩa, “nhập duy nhị” là vì thức có tướng và kiến, “nhập chủng chủng” là do thức sinh các thứ tướng mạo. Nói “Người tu quán ngộ nhập” nghĩa là người tu hành tương ưng. Vì sao khi ngộ nhập duy tâm, tâm này cũng lìa diệt? Là vì do chính khi ngộ nhập duy tâm thì nghĩa không có, thức cũng không có. Nghĩa đã không có sở thủ thì làm gì có được tâm năng thủ. Nói “duy nhị và chủng chủng” nghĩa là chỉ nói nhập nhân duyên duy lượng, các nghĩa khác như trước đã nói.

Luận nói: Có một số luận sư nói chỉ một ý thức này tùy theo nơi y chỉ sinh mà có được tên ấy, như tư nghiệp của ý được tên là thân nghiệp, khẩu nghiệp. Ý thức này ở chỗ nơi y chỉ sinh các thứ tướng mạo. Tựa như 2 mà sinh chỉ tựa như nghĩa. Tựa như phân biệt nên tất cả nơi cũng tựa như xúc mà sinh. Trong cõi Sắc ý thức y chỉ thân nên như các sắc căn khác y chỉ thân vậy.

Giải thích: Có các Bồ-tát muốn khiến chỉ có một ý thức tuần tự sinh khởi. Nay sẽ làm rõ điều này. Ví như tư nghiệp của ý mà được tên là thân nghiệp khẩu nghiệp, nghĩa là như tư nghiệp của ý từ nơi thân sinh ra gọi là thân nghiệp, từ miệng sinh ra gọi là khẩu nghiệp. Ý nghiệp cũng vậy. Như vậy một ý thức nếu y chỉ nơi mắt sinh thì

được tên là nhãn thức. Cũng như vậy cho đến y chỉ thân sinh được tên thân thức. Trong đây lia ý thức ra ngoài không có thức nào khác, chỉ trừ thức A-lê-da. Nếu ông nói nhãn v.v... các căn không phân biệt, nếu ý thức y chỉ đó sinh cũng phải không phân biệt, như nhiệm ô ý y chỉ nhiệm ô nên sinh khởi cũng nhiệm ô. Đây cũng phải như vậy nghĩa là như luận nói ở tất cả mọi nơi y chỉ sinh các thứ tướng mạo tựa như hai mà sinh, chỉ là nghĩa tương tự cho nên tương tự phân biệt, vì vậy mà chẳng ngại gì. Trong đây tất cả chỗ y chỉ là y chỉ các nơi như mắt v.v... Các thứ tướng mạo tương tự như hai mà sinh là chỉ là nghĩa tương tự nên phân biệt tương tự. Do 2 câu này nên có thể hiểu được. Hai câu này nói tức là một thức có một phần tương tự duy nghĩa mà sinh, còn phần thứ hai là ở trong nghĩa tương tự, phân biệt tương tự mà sinh, cho nên nói như trước không có lỗi. Lại nữa tất cả mọi nơi cũng tương tự xúc mà sinh nghĩa là ở nơi sắc xúc, tâm tại trong định, 5 thức không khởi hiện hành, trong sắc thân có nội thụ sinh. Nói “như các sắc căn khác y chỉ nơi thân” nghĩa là như nhãn căn v.v... y chỉ nơi thân. Các căn này do y chỉ nơi thân nên ngay nơi tự thân có khả năng làm tổn ích. Ý thức cũng vậy, y chỉ thân nên khiến thân tổn ích. Nên biết rằng lại còn nghĩa khác như thân căn y chỉ nơi thân, nếu có ngoại duyên đến xúc, tức ngay trong thân căn tương tự xúc sinh. Khi tương tự xúc này sinh liền tự y chỉ trong thân làm tổn ích. Ý thức cũng vậy, vì y chỉ thân nên khi tương tự xúc sinh tức ngay nơi thân làm tổn ích.

Luận nói: Ở đây có bài kệ như sau:

*Đi xa đi một mình,  
Không thân ở hang trống.  
Điều phục tâm khó phục,  
Ta nói là Phạm hạnh.*

Giải thích: Các Bồ-tát thành tựu kia đã nói, nên dẫn kệ trong A-hàm. Nói đi xa tức là phan duyên tất cả cảnh giới. Đi một mình là

không có người thứ hai. Không thân là lia sắc thân. Ở hang trống là ẩn trong hang trống rỗng của sắc thân. Có thể điều phục là tác dụng tự tại. Khó điều phục là chỉ các xấu ác.

Luận nói: Như kinh nói những cảnh giới 5 căn đi đến ý thức đều có thể thụ dụng, vì ý thức là chỗ dựa của chúng.

Giải thích: Lại A-hàm có nói các cảnh giới mà 5 căn này đi đến ý thức đều có thể thụ dụng. Nghĩa là nơi căn đi đến là cảnh giới. Ý thức này có thể phân biệt tất cả pháp, nên mỗi mỗi cảnh giới đều thụ dụng nên nói là có thể thụ dụng. Các căn y chỉ nơi ý thức là vì ý thức là thể của nhân của các căn kia khi sinh. Bởi vì sao? Vì nếu ý có duyên khác thì nhãn v.v... không sinh.

Luận nói: Lại như kinh nói trong 12 nhập, 6 thức thân là ý nhập.

Giải thích: Lại có A-hàm nói 6 thức thân gọi là ý, vì không có tên thức nào khác. Phật nói 6 thức thân gọi là ý nhập. Cho nên được biết chỉ độc có ý mà thôi.

Luận nói: Nếu có an lập thức thể là nghĩa của thức A-lê-da, thức thể ở trong đó, thì tất cả thức thể thành lập là tướng, thức thể, thức thể của ý thức và các y chỉ là kiến. Nên biết rằng chúng là thức thể của tướng mạo, là nhân sinh kiến kia. Nghĩa tương tự hiển hiện là y chỉ sinh kiến kia.

Giải thích: Cũng thành lập thức A-lê-da là tướng kiến 2 thức. Ý thức và y chỉ là kiến phần của thức A-lê-da. Các thức thể của nhãn v.v... và tất cả pháp là tướng phần. Những thứ này là thức thể của A-lê-da cho nên chúng là thức thể của tướng mạo nghĩa là thể của nhân sinh thức của nhãn v.v... thành chỗ phan duyên cho kia. Nói “là nhân sinh kiến cho kia” là khởi kiến nơi kia gọi là kiến của kia. Vì hiển hiện nghĩa sở kiến của kia nên có thể làm nhân cho kiến của ý thức tương tục trụ không gián đoạn, cho nên nói là có khả năng làm y chỉ cho sinh ra kiến.

Luận nói: Đã thành lập các thức thể như vậy là duy thức, các nghĩa đã rõ ràng có thể thấy.

Làm sao biết được là phi hữu?

Như Thế Tôn nói Bồ-tát đầy đủ 4 pháp được tùy thuận nhập tất cả thức thể vô nghĩa. Một là thức tướng biết khác nhau. Như ngựa quý, súc sinh, người, trời, đồng một vật nhưng do thức thể thấy khác nhau. Hai là biết không có cảnh giới, do thức sinh như phan duyên quá khứ, vị lai và hình ảnh trong mộng. Ba là biết lìa dụng công mà được không điên đảo. Như phan duyên nghĩa trong nghĩa thật hữu. Thức thì không điên đảo do không dụng công mà được trí chân thật. Bốn là trí tùy thuận 3 tuệ. Như các Bồ-tát và người đắc định, được tâm tự tại cho nên tùy ý muốn mà nghĩa kia hiển hiện. Như có người tu quán đảnh Xa-ma-tha, khi tu pháp quán chỉ dùng ý niệm, nghĩa liền hiển hiện. Lại được trí vô phân biệt, khi trụ vô phân biệt tất cả nghĩ không hiển hiện. Các nghĩa do tùy thuận 3 tuệ và nhân duyên trước cho nên nghĩa vô sở hữu liền được thành tựu. Trong nghĩa này phải nói 6 kệ. Sau sẽ nói trong phần Tăng thượng tuệ học thắng tướng. Nghĩa là ngựa quý, súc sinh, người v.v...

Giải thích: Một là thức tướng biết khác nhau nghĩa là những sự khác nhau đó là do thức duyên nghĩa gọi là tướng và biết trong cái tướng đó. Biết không cảnh giới, do thức sinh, nghĩa là thấy không có cảnh phan duyên mà là do thức sinh, như quá khứ v.v... Biết lìa dụng công mà được không điên đảo nghĩa là nếu như nghĩa được hiển hiện liền có như vậy thì không cần phải khởi đối trị mà được không điên đảo, hiểu biết như vậy. Tùy thuận 3 trí nghĩa là trí này biết các nghĩa đều tùy thuận 3 nghĩa. Và người được định nghĩa là Thanh Văn, Bích-chi-phật v.v... Được tâm tự tại nghĩa là đã được tùy tâm làm, tùy tâm thích muốn. Nghĩa kia hiển hiện tức như là nếu muốn cõi đất biến thành nước hay lửa thì liền thành như ý nghĩ. Được Xa-ma-tha nghĩa là đã được Tam-ma-đề. Người tu pháp quán là người tu hành

quan sát trong các Tu-đa-la. Chỉ dùng ý nghĩ thì nghĩa hiển hiện, nghĩa là trong một nghĩa, tùy theo các thứ tác ý thì có các tướng hiển hiện. Đã được trí vô phân biệt nghĩa là nếu như nghĩa được hiển hiện là có thì không được trí vô phân biệt. Vì trí này là thật có nên phải biết nghĩa nó quyết định là phi hữu.

### **Chương 3: Phân biệt**

Luận nói: Nếu chỉ có nghĩa thức hiển hiện sở y chỉ gọi là tính y tha thì vì sao, nhân duyên gì gọi là y tha? Từ tự huân tập chủng tử sinh nên là y tha. Y tha là duyên sinh rồi, không có công năng, qua một sát-na tự trụ nên gọi y tha.

Giải thích: Nếu chỉ có nghĩa của thức hiển hiện y chỉ nghĩa là lia nghĩa, chỉ có thức thể là nghĩa, nhân của hiển hiện là ngay nơi thức thể là y tha.

Nếu tự nhiếp lấy sao gọi là y tha, nhân duyên gì gọi là y tha? Vì nhân của chính nó sinh ra, sinh ra rồi không có năng lực mà trụ được, tức nơi sự tự nhiếp lấy này gọi nó là cái khác, cho nên gọi là y tha.

Luận nói: Nếu tính phân biệt dựa vào cái khác, không thật có mà nghĩa hiển hiện, làm sao thành phân biệt? Vì sao nói là phân biệt? Vì nó là nhân sinh ra ý thức phân biệt điên đảo đối với vô lượng tướng mạo, cho nên thành phân biệt. Không có tự tướng, chỉ thấy phân biệt nên gọi phân biệt.

Giải thích: Dựa vào cái khác nghĩa là y chỉ vào tính y tha của duy thức. Không thật có là không có tự thể. Nghĩa hiển hiện là có nghĩa có thể thấy. Nhân duyên gì gọi là phân biệt? Câu này sau sẽ tuần tự nói đến. Nói vô lượng tướng nghĩa là tướng của tất cả cảnh giới. Ý thức phân biệt, tức ý thức là phân biệt. Nhân sinh điên đảo là nhân phân duyên khi ý thức vọng khởi điên đảo. Không có tự tướng là không có thể. Chỉ thấy phân biệt là chỉ thấy loạn thức.

Luận nói: Nếu tính thành tựu, tính phân biệt rốt cuộc là tướng vô sở hữu thì thành tựu là thành tựu như thế nào? Vì nhân duyên gì nói là thành tựu? Thế không thay đổi nên được thành tựu. Cảnh giới thanh tịnh nên vượt trội hơn tất cả trong các thiện pháp. Do nghĩa tối thắng đó nên nói là thành tựu.

Giải thích: Kia rốt cuộc là tướng vô sở hữu, nghĩa là vì tính của phân biệt là lấy vô sở hữu làm tính. Nói vì sao và nhân duyên gì thì như đã nói trong tính y tha ở trước. Thế không thay đổi nghĩa là không hư đổi, như thành thật. Nói do cảnh giới này thanh tịnh nên vượt trội trong tất cả thiện pháp, tức là cái thể của cảnh giới thanh tịnh này là vượt trội nên gọi là thành tựu. Như cái áo đã hoàn thành xong.

Luận nói: Lại nữa có năng phân biệt, có sở phân biệt. Vậy trong tính có phân biệt, cái gì là năng phân biệt, cái gì là sở phân biệt, cái gì là tính phân biệt? Ý thức là năng phân biệt. Vì phân biệt nên ý thức này từ chủng tử danh ngôn huân tập, chủng tử tất cả thức thể danh ngôn huân tập mà sinh ra có vô lượng chủng tử phân biệt, phân biệt tất cả mọi nơi, vì có khả năng phân biệt như vậy nên gọi là năng phân biệt. Lại nữa tính y tha là sở phân biệt. Lại nữa do nhân duyên này khiến tính y tha thành sở phân biệt. Đó là tính phân biệt do nhân duyên này cho nên khiến tính y tha hiển hiện nghĩa tương tự như nghĩa. Lại nữa thế nào là phân biệt năng phân biệt? Phan duyên cái gì, thủ tướng mạo gì? Thế nào là chấp trước? Phát ngôn như thế nào? Làm sao lưu bố, làm sao tăng ích? Phan duyên nơi danh nên thủ lấy tính y tha làm tướng, chấp trước nơi kiến, nhân giác quán phát ngôn, kiến v.v... 4 thứ lưu bố làm lưu bố, thật trong vô nghĩa có nghĩa tăng ích. Hãy phân biệt như vậy.

Giải thích: Thế nào là phân biệt? Ý thức là phân biệt. Tính y tha là sở phân biệt. Do nhân duyên này khiến thành phân biệt. Để hiển thị điều này nên luận nói phan duyên nơi danh v.v... Thủ tính y tha làm tướng tức là thủ lấy danh tự như nhãn v.v... trong tính y tha làm

tướng. Bởi vì sao? Chấp thủ tướng kia rồi sinh khởi phân biệt. Kiến là chấp trước, nghĩa là cái tướng chấp thủ kia, quyết định cho là như vậy. Giác quán khởi phát ngôn, nghĩa là như chỗ chấp trước, dùng giác quán làm nhân mà nói ra. Kiến v.v... 4 thứ ngôn thuyết, nói ngôn thuyết là những điều nói ra. Kiến, văn, giác, tri, tức thấy nghe hay biết 4 thứ lưu bố. Cộng tướng lưu bố thật không có nghĩa, bởi nếu có nghĩa tức là tăng ích. Điều này có nghĩa là cái được lưu bố thật không có nghĩa mà chấp thủ cho là có nghĩa.

Luận nói: Lại nữa vì sao 3 tính này thể của chúng là khác nhau hay không khác nhau? Nên nói chẳng phải khác, chẳng phải không khác. Tính y tha này do đạo lý khác thành y tha. Do đạo lý khác tức đây thành phân biệt. Do đạo lý khác tức đây thành thành tựu.

Vì đạo lý khác nào đây thành y tha? Y tha huân tập chủng tử sinh nên thành y tha. Vì đạo lý khác nào đây thành phân biệt? Cùng với tướng phân biệt làm nhân duyên nên đây thành phân biệt. Vì đạo lý khác nào đây thành thành tựu? Như sở phân biệt rốt cuộc không có như vậy. Vì đạo lý khác nào nơi một thức thể là tướng mạo của tất cả các thứ thức thể? Thức thể của thức A-lê-da là các thứ tướng mạo của các sinh khởi thức. Phải biết là vì nó duyên tướng sinh khởi.

Giải thích: Với phân biệt là tướng nhân duyên, nghĩa là ý thức là năng phân biệt. Vì năng phân biệt này thủ lấy thể của cảnh giới mà sinh, cho nên nó tức là phân biệt. Ý thức này phân biệt tướng kia chấp thủ là thể của cảnh giới sở phân biệt. Vì nghĩa đó nên tính y tha thành tính phân biệt. Như phân biệt ý thức chính phân biệt, khi sở phân biệt thì phân biệt này hoàn toàn không có. Do nghĩa này nên tính y tha thành tình thành tựu.

Luận nói: Tính y tha có mấy thứ? Đại khái có 2 thứ. Một là y tha chủng tử huân tập. Hai là y tha nhiễm tịnh không thành tựu. Do 2 thứ y tha này nên gọi là y tha. Tính phân biệt cũng có 2 thứ là tự



tính phân biệt và sai biệt phân biệt nên gọi là phân biệt. Tính thành tựu cũng có 2 thứ là bản tính thành tựu và thanh tịnh thành tựu nên gọi là tính thành tựu.

Giải thích: Thể nhiễm tịnh không thành tựu nên gọi là y tha, nghĩa là do tính y tha phần phân biệt thành nhiễm, phần vô phân biệt thành tịnh. Trong 2 phần này, nếu là một phần thì không thành tựu. Tự tính phân biệt là như mắt v.v... có tự tính của mắt làm việc phân biệt này. Sai biệt phân biệt là như mắt kia v.v... tự tính có vô thường v.v... các sai biệt làm việc phân biệt này. Tự tính thành tựu là hữu cấu chân như. Thanh tịnh thành tựu là vô cấu chân như.

Luận nói: Lại có 4 thứ phân biệt là tự tính phân biệt, sai biệt phân biệt, hữu giác phân biệt và vô giác phân biệt. Hữu giác là biết rõ ngôn thuyết của chúng sinh. Vô giác là không biết rõ ngôn thuyết của chúng sinh.

Giải thích: Biết rõ ngôn thuyết nghĩa là có trí về ngôn thuyết. Không biết rõ ngôn thuyết là như bò dê tuy có phân biệt nhưng không có khả năng về tên gọi hay chữ viết.

Luận nói: Lại có 5 thứ phân biệt. Một là tự tính dựa theo tên gọi mà phân biệt nghĩa. Như tên gọi như thế này là có nghĩa như thế này. Hai là tự tính dựa vào nghĩa mà phân biệt tên gọi. Như nghĩa như thế này thì gọi tên là thế này. Ba là tự tính dựa vào tên mà phân biệt tên. Như phân biệt trong các tên mà không biết nghĩa. Bốn là tự tính dựa vào nghĩa mà phân biệt nghĩa. Như phân biệt trong các nghĩa mà không biết tên. Năm là dựa vào danh nghĩa mà phân biệt danh nghĩa. Như nghĩa này là thế như vậy tên như vậy.

Lại nữa gồm chung tất cả phân biệt thì có 10 thứ. Một là phân biệt căn bản, tức là thức A-lê-da. Hai là phân biệt tướng sở duyên, như thức thể của sắc v.v... Ba là phân biệt tương tự, tức là cùng y chỉ thức thể của nhãn thức v.v... Bốn là phân biệt tương biến đổi,

như già v.v..., lạc thụ v.v..., tham v.v..., thời tiết biến đổi v.v..., các biến đổi như địa ngục v.v... các thú, cõi Dục v.v... Năm là phân biệt các biến đổi tương tự, tức như trên đã nói các biến đổi trong những biến đổi. Sáu là phân biệt cái gì người khác trao cho mình, tức phân biệt nhân duyên nghe phi chính pháp, nhân duyên nghe chính pháp. Bảy là phân biệt không đúng, nghĩa là nhân duyên người ngoài Phật pháp nghe phi chính pháp. Tám là phân biệt đúng, nghĩa là nhân duyên người trong Phật pháp nghe chính pháp. Chín là phân biệt chấp trước, nghĩa là phân biệt nhân duyên không chính tư duy, căn bản là thân kiến cùng với các phân biệt tương ứng với 62 kiến. Mười là phân biệt tạp loạn, tức là 10 thứ phân biệt của các Bồ-tát.

Giải thích: Gồm chung tất cả phân biệt có 10 thứ phân biệt. Để nói 10 thứ này nên trong đó phân biệt căn bản là các phân biệt căn bản tự thể, phân biệt tức cũng là thức A-lê-da. Phân biệt về tướng là lấy tướng mạo làm tướng, tức phân biệt sắc v.v... các thức thể. Phân biệt tương tự là trong các chủng loại tướng kia, nếu phân biệt sinh ra năng phân biệt trong các sở phân biệt đó thì có tên này, tức là thức thể của nhãn thức v.v... và ý chỉ. Phân biệt tướng biến đổi, nghĩa là kia duyên tướng nếu biến đổi, tức phân biệt thể danh của tướng biến đổi như già nghĩa là thân suy nhược 4 đại biến đổi, phân biệt trong đó gọi là phân biệt tướng biến đổi. Nói v.v.. là gồm có bệnh, chết v.v... Lạc thụ v.v... nghĩa là thân có biến đổi ra tướng cũng vậy. Nói v.v... là gồm có khổ và bất khổ bất lạc v.v... Tham v.v... cũng vậy. Nói v.v... là gồm có sân, si v.v... Uông hoành và thời tiết biến đổi, nghĩa là trong tướng biến đổi của thân nếu nhân duyên sinh phân biệt. Uông hoành nghĩa là giết, trói v.v... Thời tiết biến đổi là tướng biến đổi vì thời tiết lạnh nóng v.v... Địa ngục v.v..., nói v.v... là gồm có súc sinh, ngạ quỷ. Cõi Dục v.v..., nói v.v... là gồm cả cõi Sắc và Vô sắc. Phân biệt biến đổi tương tự nghĩa là tựa như kia duyên tướng nhãn thức v.v... có các biến đổi, nơi cái thể biến đổi tương tự này khởi sinh phân biệt, tức như trước nói sự biến đổi trong cái già

v.v... Bởi vì sao? Vì trong khi trụ trong cái gì v.v... nhân thức v.v... cũng sinh biến đổi. Phân biệt cái gì người khác rao cho mình nghĩa là cái gì người khác nói là có 2 thứ, đó là nhân duyên nghe phi chính pháp và nhân duyên nghe chính pháp. Hai thứ phân biệt các pháp này là do nghe pháp sinh thiện bất thiện, cũng được giải thích như vậy. Phân biệt không đúng tức là việc nghe phi chính pháp là nhân. Người ngoài pháp này tức những người xuất gia ngoại đạo. Phân biệt đúng là việc nghe chính pháp là nhân, Người trong pháp này là người trong Phật pháp. Phân biệt chấp trước là việc tư duy không đúng là nhân, như Tu-đa-la nói ngã kiến là y chỉ 62 kiến v.v... và phân biệt tương ưng với các kiến chấp này. Phân biệt tán động, tức là 10 thứ phân biệt của các Bồ-tát.

Luận nói: 1.tán động không có tướng, 2.tán động có tướng, 3.tán động tăng ích, 4.tán động tổn giảm, 5.tán động một chấp, 6.tán động khác chấp, 7.tán động tự tính, 8.tán động sai biệt, 9.tán động lấy nghĩa theo tên, 10.tán động lấy tên theo nghĩa. Để đối trị 10 thứ tán động này trong tất cả Bát-nhã Ba-la-mật đều nói đến trí vô phân biệt. Phải biết những chướng ngại và đối trị này đều có đầy đủ trong nghĩa Bát-nhã Ba-la-mật. Kinh nói: Bồ-tát làm thế nào thực hành Bát-nhã Ba-la-mật? Xá-lợi-phất ! Bồ-tát này đối với Bồ-tát không thấy Bồ-tát. Không thấy Bồ-tát là không thấy Bát-nhã Ba-la-mật, không thấy tu hành, không thấy sắc, không thấy thụ tướng hành thức. Bởi vì sao? Tự tính của sắc là không, phi không, nên gọi là không. Nếu sắc không tức chẳng phải sắc, cũng chẳng phải khác không cho nên có sắc. Sắc tức là không, không tức là sắc. Bởi vì sao? Xá-lợi-phất ! Chỉ có tên gọi là sắc. Tự tính không sinh không diệt không nhiễm không tịnh, giả lập tên mượn tạm phân biệt các pháp. Cái tên tạm mượn này lại cứ lưu hành rồi tùy theo chỗ lưu hành mà khởi sinh chấp trước. Bồ-tát đối với thứ danh tự này nhất thiết đều không thấy. Không thấy nên không chấp trước. Như sắc cho đến thức cũng vậy. Phải biết rằng câu Bát-nhã Ba-la-mật này có thể thông đạt nghĩa của 10 thứ phân biệt này.

Giải thích: Trong đây nói “Tán động không có tướng” tức là duyên cái không có này làm tướng, gọi là tán động. Để đối trị tán động này nên trong Kinh Bát-nhã Ba-la-mật nói thật có Bồ-tát. Nói thật có tức là hiển thị rằng Bồ-tát thật có cái thể không. Ngay nơi cái không đó là cái thể, nên gọi là thể của không. Tán động có tướng, nghĩa là duyên tướng hữu vi, gọi là tán động. Để đối trị tán động này nên trong kinh ấy nói không thấy có Bồ-tát, nghĩa là không thấy lấy phân biệt y tha làm thể. Do ý này nên tán động tăng ích là đối trị cái này. Vì vậy trong kinh ấy nói tự tính của sắc là không, là hiển thị tính phân biệt sắc không. Tán động tổn giảm, tức là đối trị với cái này nên trong kinh ấy nói “bất không”, nghĩa là sắc pháp như là bất không vậy. Tán động một chấp, tức là để đối trị lại cái này nên trong kinh nói cái sắc không này chẳng phải sắc. Bởi vì sao? Nếu tính y tha với tính thành tựu là một thì tính y tha cũng phải như tính thành tựu, là cảnh giới thanh tịnh. Tán động chấp khác là để đối trị cái chấp này, nên kinh nói chẳng phải sắc khác không. Bởi vì sao? Nếu 2 cái này có khác nhau thì pháp và pháp tính cũng phải khác nhau. Chấp khác nhau là không đúng, như pháp vô thường và vô thường không thể có khác nhau. Đúng về tính phân biệt nên nói sắc tức là không, không tức là sắc. Bởi tính phân biệt sắc vô sở hữu tức là không. Cái không này là cái sắc vô sở hữu, chẳng phải như tính y tha với tính thành tựu. Tán động tự tính, nghĩa là để đối trị cái này, nên kinh nói: Xá-lợi-phất ! Chỉ có danh gọi là sắc. Vì tự tính của sắc là vô sở hữu. Tán động sai biệt, nghĩa là để đối trị cái này nên kinh nói tự tính không sinh không diệt không nhiễm không tịnh. Trong đó nếu sinh tức có nhiễm, nếu diệt tức có tịnh. Do không sinh không diệt nên tức không nhiễm không tịnh. Các câu này, nghĩa của nó là như vậy. Như tán động lấy nghĩa theo tên, nghĩa là tùy theo tên mà lấy nghĩa tức là tán động. Để đối trị cái này kinh nói giả lập các thứ danh tự. Phân biệt các pháp nhiều thứ khác nhau, nghĩa là lấy tên theo nghĩa, tức là tán động này. Để đối trị cái này, nên kinh nói giả lập tên tạm rồi lưu hành, nghĩa

là không phải tự tính của nghĩa có tên như vậy. Để đối trị 10 thứ tán động này nên nói Kinh Bát-nhã Ba-la-mật. Do thuyết này là nhân, nên sinh trí vô phân biệt.

Luận nói: Nếu do đạo lý khác, tính y tha được thành 3 tính. Vì sao 3 tính này không được thành một? Do đạo lý khác nên thành tính y tha, chứ không phải do đạo lý ấy nên thành phân biệt và thành tự. Do đạo lý khác nên thành tính phân biệt, chứ không phải do đạo lý ấy nên thành y tha và thành tự. Do đạo lý khác nên thành thành tự, chứ không phải do đạo lý ấy nên thành y tha và phân biệt.

# NHIẾP ĐẠI THỪA LUẬN THÍCH LUẬN

## QUYỀN 5

### Phải biết thắng tướng thắng ngữ 2 - 2

#### Chương 3: Phân biệt

Luận nói: Lại nữa, làm sao biết được tính y tha là tính phân biệt? Tướng hiển hiện mà trụ, nhưng chẳng phải thể của tính phân biệt. Trước khi có tên không có trí, tức mâu thuẫn với thể. Nhiều tên có nhiều thể là mâu thuẫn với đây. Tên không nhất định mâu thuẫn với tạp thể. Ở đây có kệ như sau:

*Trước tên không có trí,  
Nhiều tên và bất định,  
Đồng và nhiều tạp thể,  
Thành tựu mâu thuẫn đây.  
Pháp không mà thấy được,  
Không nhiễm mà có tịnh.  
Phải biết như ảo hóa,  
Cũng tựa như hư không.*

Giải thích: Như trong tính y tha, tuy phân biệt một phần có thể thấy, nhưng không thành tính của nó, hiển thị đây nên trước tên không có trí. Đồng thể mâu thuẫn nhau, nghĩa là nếu phân biệt với y tha là một thể thì lia tên trong nghĩa trí sinh. Như cái bình lia tên bình, trong nghĩa bình trí bình không sinh. Nếu tên bình và nghĩa

bình là một tướng thì trí phải tự sinh. Vì không phải một tướng nên nếu nói tên và nghĩa đồng một thể tức là mâu thuẫn. Trong đây thành lập tên là y tha, nghĩa tức là phân biệt. Bởi vì sao? Y tha này do sức của tên nên thành sở phân biệt. Lại nữa một nghĩa có nhiều tên, nếu tên và nghĩa, là một tướng, nếu như tên có nhiều, nghĩa cũng phải nhiều. Nếu vậy nghĩa này tức phải có nhiều thể. Một nghĩa này có nhiều thể, tức là mâu thuẫn. Vì vậy cho nên hai tính một thể tức là mâu thuẫn thứ hai. Lại nữa tên không nhất định là một, như tên “Cù” có thể có 9 nghĩa. Nếu chấp cho là tên và nghĩa là một, tức các nghĩa đồng thể. Cái chấp này là mâu thuẫn thứ ba. Bởi nghĩa của vô lượng biệt tướng đều thành một thể bình đẳng. Cho nên trong kệ cũng có nói nghĩa này. Trong kệ nói thành tựu tức nói rõ y tha và phân biệt không có nghĩa đồng thể. Thành tựu pháp là không mà có thể thấy v.v... một kệ này là dạy các đệ tử. Thí dụ ảo hóa v.v... cho nên đệ tử có 2 thứ mâu thuẫn nghi ngờ hỏi pháp không mà có thể thấy, không nhiệm mà có tịnh. Ở đây có nghi là như ảo hóa nghĩa là ảnh tượng ảo hóa thật không có mà có thể thấy. Nghĩa cũng như vậy, tuy không có mà cũng có thể thấy. Lại nữa như mây trong hư không, không thể nhiệm ô bản tính thanh tịnh. Nhưng những lúc không mây gọi là thanh tịnh. Các pháp cũng vậy bản tính thanh tịnh không có nhiệm ô. Nhưng khi không có khách trần chướng cấu, gọi là thanh tịnh.

Luận nói: Lại nữa, như chỗ hiển hiện đã không có, tính y chỉ này tất cả mọi thứ đều không, vì sao bất thành? Nếu không y tha, tính thành tựu cũng không. Tất cả vô sở hữu thì nghĩa này bất thành. Nếu tính y tha và tính thành tựu đều không thì không có lỗi nhiệm ô và thanh tịnh. Hiện thấy nhiệm ô và thanh tịnh, cho nên không phải tất cả là không. Ở đây có bài kệ như sau:

*Nếu không tính y tha,  
 Tính thành tựu cũng không.  
 Thì cũng hằng chẳng có,  
 Nhiệm ô và thanh tịnh.*

Giải thích: Tính y tha như chỗ hiển hiện không có như vậy. Nay để hiển thị tất cả mọi thứ đều không là không đúng nên nói y tha này nếu không có thì thành tựu cũng không có. Bởi vì sao? Do có nhiệm cho nên phải có tịnh. Vì vậy nếu cảnhhi thứ đều không thì tất cả đều không. Nghĩa này không thành. Nay sẽ hiển thị sự chê trách không nhiệm tịnh. Đây là sai lầm. Bởi vì sao? Vì hiện thấy có nhiệm có tịnh nên y tha và thành tựu 2 pháp hiện thấy là có. Nếu chấp nói không tức thật có nhiệm tịnh mà chê trách nói không.

Luận nói: Trong Kinh Đại Thừa Phương Quảng Phật Thế Tôn đã nói: Phải biết tính phân biệt như thế nào? Phải biết nếu nói là vô sở hữu. Phải biết tính y tha như thế nào? Phải biết nếu nói như các thí dụ ảo hóa, sóng nắng, ảnh tượng chiêm bao, tiếng vang, trăng dưới nước. Phải biết tính thành tựu như thế nào? Phải biết nếu nói 4 pháp thanh tịnh. Bốn pháp thanh tịnh là: Một là bản tính thanh tịnh. Như nói chân như, không, thật tế, vô tướng, đệ nhất nghĩa, pháp giới v.v... Hai là ly cấu thanh tịnh. Nghĩa là xa lìa tất cả chướng cấu. Ba là đắc đạo cùng tột thanh tịnh. Tức tất cả các pháp Bồ-đề phần, Ba-la-mật v.v... Bốn là đạo sinh cảnh giới thanh tịnh. Nghĩa là các chính pháp Đại thừa nói ra là nhân thanh tịnh, chẳng phải tính phân biệt, là lưu xuất từ pháp giới rất thanh tịnh, nên chẳng phải là tính y tha. Trong 4 pháp này thâm nhiếp được tất cả tịnh pháp. Ở đây có kê như sau:

*Ảo hóa ...nói là sinh,  
Nói không, hiển phân biệt.  
Bốn thứ pháp thanh tịnh,  
Đây là tính thành tựu.  
Thanh tịnh có bản tính,  
Vô cấu, đạo phan duyên.  
Tất cả pháp thanh tịnh,  
Bốn thứ đây gồm hết.*



Giải thích: Bản tính thanh tịnh là tự thể thanh tịnh. Tự thể này tức chân như, tất cả chúng sinh đều có. Vì tướng bình đẳng cho nên do có đây mà nói tất cả pháp là Như Lai tạng. Ly cấu thanh tịnh nghĩa là chân như này đã xa lìa tất cả phiền não trí chướng. Do chân như thanh tịnh này nên được gọi là Phật. Được đạo rất thanh tịnh nghĩa là đạo được kia cũng là thanh tịnh, tức Bồ-đề phần, Niệm xứ v.v.. các Ba-la-mật. Đạo sinh cảnh giới thanh tịnh nghĩa là các pháp Bồ-đề phần vượt trội được sinh duyên. Sinh duyên này cũng thanh tịnh nên nói là đạo sinh cảnh giới thanh tịnh. Tức là ngôn giáo của 12 bộ Tu-đa-la v.v... Các ngôn giáo này nếu là phân biệt tức thành nhân nhiễm ô, nếu là y tha tức thành hư vọng. Vì lưu xuất từ pháp giới rất thanh tịnh nên chẳng phải hư vọng. Do lìa 2 tính này nên được thành tựu. Lại nữa phải biết 4 tướng này trong Đại thừa tùy nói một thứ. Tức là nói tính thành tựu, trong đó 2 cái đầu là thành tựu không biến đổi, nên gọi là thành tựu. Hai cái sau vì không điên đảo nên gọi là thành tựu. Trong bài kệ sau nói rõ đầy đủ nghĩa này. Ảo hóa v.v... nói với sinh là tính y tha nói là sinh, tùy theo nơi nào mà nói tất cả pháp như huyễn như hóa v.v... Đây nói tính y tha là nói không hiển lộ phân biệt. Nếu nói không có sắc, nói vô sở hữu, cho đến tất cả pháp là vô sở hữu, tức là nói tính phân biệt.

Luận nói: Lại nữa, vì nhân duyên gì như kinh nói tính y tha ví như chuyện ảo hóa v.v... Là vì để loại bỏ mối nghi ngờ hư vọng đối với tính y tha của người. Thế nào là sinh nghi ngờ hư vọng đối với tính y tha? Người ta nghĩ như thế này: Vì sao thật không có mà thành có cảnh giới? Để trừ bỏ nghi ngờ này nên ví dụ như ảo hóa. Nếu không thật có, làm sao có tâm và tâm pháp sinh? Để trừ bỏ nghi ngờ này nên nói ví như sóng nắng. Nếu không thật có, làm sao có được sự thụ dụng yêu thích và không yêu thích? Để trừ bỏ nghi ngờ này nên nói ví như chiêm bao. Nếu không thật có, làm sao sinh được nghiệp thiện bất thiện và quả báo yêu thích không yêu thích? Để trừ bỏ nghi

ngờ này nên nói thí dụ ảnh trong gương. Nếu không thật có, làm sao sinh được các thức? Đề trừ nghi ngờ này nên nói ví dụ như bóng nắng. Nếu không thật có, làm sao sinh ra các thứ ngôn thuyết lưu bố? Đề trừ bỏ nghi ngờ này nên nói ví dụ như tiếng vang. Nếu không thật có, làm sao được thành cảnh giới thật trong Tam-ma-đề? Đề trừ bỏ nghi ngờ này nên nói ví dụ như trăng dưới nước. Nếu không thật có, làm sao Bồ-tát được tự tại dùng tâm không điên đảo làm việc lợi ích chúng sinh? Đề trừ nghi ngờ này nên nói ví như biến hóa.

Giải thích: Đề hiển thị tính y tha nên nói ví dụ ảo hóa. Nói “trong hư vọng nghi ngờ” nghĩa là trong thể hư vọng sinh nghi ngờ, cho nên trong tính y tha lấy ảo hóa v.v... làm thí dụ hiển thị như ảnh tượng ảo hóa không thật có mà thành cảnh giới, các pháp cũng vậy. Đề trừ bỏ nghi ngờ kia nên làm thí dụ ảo hóa. Nếu không có thì không có chỗ phan duyên, tâm và tâm sở làm sao sinh được? Đề đối trị nghi ngờ này nên nói thí dụ sóng nắng. Trong đó sóng nắng thí dụ tâm và tâm pháp. Nước dụ cho sóng nắng rung động. Nước như thức sinh, thật không có nước. Tâm và tâm pháp cũng như vậy, do động nên không thật có mà sinh ra nơi thức. Các phàm phu, Tiểu thừa lại có nghi ngờ rằng nếu không có, làm sao được thụ dụng ái phi ái? Đề trừ nghi ngờ này nên thí dụ như chiêm bao. Tính y tha như trong chiêm bao, không thật có mà được thụ dụng ái phi ái. Trong đây được thành thụ dụng cũng vậy. Lại có nghi ngờ rằng nếu không có nghiệp thiện bất thiện, làm sao thành quả báo ái bất ái? Đề trừ nghi ngờ này nên thí dụ ảnh tượng trong gương. Tính y tha như ảnh tượng trong gương, không thật có mà chính mặt mình sinh trí thấy có ảnh tượng, thật sự không có ảnh tượng. Quả báo ái phi ái cũng như vậy không thật có, nhưng có thể thấy. Lại nữa có nghi ngờ rằng nếu không có, làm sao có sinh các thứ thức? Đề đối trị nghi ngờ này nên dùng bóng sáng thí dụ. Tính y tha như người chơi đùa với ảnh. Tùy mỗi tướng mạo có nhiều thứ hiện, nhưng không có ảnh nào là thật có. Thức cũng vậy, thật không có các thức, nhưng có thể thấy các thức.

Lại có nghi ngờ rằng nếu không có, làm sao có thể sinh vô lượng ngôn thuyết lưu bố? Để trừ nghi ngờ này nên thí dụ như tiếng vang. Tính y tha như tiếng vang, không thật có, nhưng có thể nghe được. Cũng như vậy, ngôn thuyết lưu bố không thật có, nhưng có thể tiếp nhận được. Lại có nghi ngờ rằng nếu không có, làm sao được định? Tâm và tâm pháp thấy được là do kinh nói mà người được định tâm thấy biết như thật. Để đối trị nghi ngờ này nên nói thí dụ như trăng dưới nước. Trăng dưới nước không thật có nhưng có thể trông thấy vì nước trong trẻo lặng yên. Định tâm cũng vậy, thật không có cảnh giới mà vẫn trông thấy được vì Tam-ma-đề như thể của nước trong trẻo. Lại có nghi ngờ rằng nếu không thật có chúng sinh, làm sao có được chư Bồ-tát như thật trí v.v...? Trước dùng trí tuệ quán sát là các chúng sinh kia thụ thân nơi các thú. Để đối trị nghi ngờ này nên lấy thí dụ là biến hóa. Tính y tha như biến hóa, không thật có, tùy tâm người biến hóa mà thành có các việc, chẳng phải không do biến hóa mà có thể thấy được. Như vậy tuy thật không thụ thân, nhưng là tất cả chúng sinh nên thụ thân.

Lại nữa vì ý gì Thế Tôn nói 8 thí dụ này? Nay sẽ nói rõ. Trong đó nói dụ như ảo hóa là đối trị nhãn v.v...6 nội nhập. Do mắt v.v... các ảo ảnh không có thật mà cũng có thể thấy. Thí dụ sóng nắng là ví dụ cho khí thể gian, do thể rộng lớn nên như sóng nắng dao động, thật không có nước mà thấy có nước. Để đối trị sự thụ dụng sắc v.v... nên nói ví như chiêm bao. Trong chiêm bao, sắc v.v... không thật có, nhưng vì đó là nhân của yêu ghét v.v...mà thành có sự thụ dụng. Để đối trị thân nghiệp nên nói ví dụ ảnh trong gương, do thân nghiệp thiện bất thiện làm nhân duyên nên có các sắc sinh ảnh tượng. Để đối trị khẩu nghiệp nên nói ví dụ tiếng vang. Do khẩu nghiệp là nhân nên có quả của khẩu nghiệp, như tiếng vang vậy. Ý nghiệp có 3 thứ: một Dục giới, hai tỉnh địa, ba văn v.v...sinh. Trong đó để đối trị ý nghiệp của Dục giới nên nói ví như bóng sáng. Do quả báo của ý nghiệp giống như bóng sáng vậy. Để đối trị ý nghiệp của tỉnh địa, nên nói ví

dụ trăng dưới nước. Do quả của ý nghiệp của tinh địa như trăng trong nước, không thật có nhưng trong tinh tâm hiển hiện các thứ quả. Đề đối trị ý nghiệp của văn v.v... nên nói ví dụ biến hóa. Trong đó nói văn v.v... tức là các văn, tư huân tập, hiển thị sinh ý của văn v.v... này như hóa hiện.

Luận nói: Thế Tôn dựa vào nghĩa gì trong Kinh Phạm Thiên Vấn nói Như Lai không thấy sinh tử không thấy Niết-bàn? Dựa vào trong tính y tha, về tính phân biệt và tính thành tựu nên không có nghĩa sai biệt về thể của sinh tử Niết-bàn. Trong đó tính y tha này phân biệt thành sinh tử, thành tựu thành Niết-bàn.

Giải thích: Pháp tướng của 3 tính này, như Tu-đa-la nói là tùy thuận tương ưng. Nay sẽ nói rõ. Dựa vào nghĩa gì mà trong Kinh Phạm Thiên Vấn nói Như Lai không thấy sinh tử và Niết-bàn. Vì dựa vào nghĩa sinh tử và Niết-bàn là vô sai biệt. Tính y tha chẳng phải là sinh tử do phân thành tựu tức là Niết-bàn. Cũng chẳng phải Niết-bàn do phân phân biệt thành sinh tử. Vì vậy không thể nói thiên về một phần. Thế Tôn thấy trong y tha không thiên về một tính, do ý này nên trong kinh ấy nói không thấy sinh tử không thấy Niết-bàn.

Luận nói: Như Thế Tôn trong Kinh A-tì-đạt-ma nói có 3 thứ pháp là phần nhiễm ô, phần thanh tịnh và cả hai phần. Dựa vào nghĩa gì mà nói như vậy? Trong tính y tha, tính phân biệt là phần nhiễm ô, tính thành tựu là phần thanh tịnh. Tức tính y tha này là 2 phần kia. Do nghĩa này mà có thuyết như vậy. Nghĩa này hiển thị bằng thí dụ gì? Lấy thí dụ vàng ở trong đất. Như vàng ở trong đất có thể thấy được 3 thứ: một là cõi đất, hai là đất, ba là vàng ở trong cõi đất. Đất chẳng phải có mà có thể thấy. Vàng thật có mà không thể thấy. Nếu dùng lửa nung thì đất không hiện mà vàng hiển hiện. Lại nữa ở trong cõi đất khi tướng đất hiện là hiện thể hư vọng, khi thể vàng hiện là hiện thể chân thật. Vì vậy cõi đất có 2 phần. Cũng như vậy, tính của thức này khi chưa bị lửa vô phân biệt trí nung đốt thì trong thức tính, tính

hư vọng phân biệt hiển hiện, tính thành tựu không hiển hiện. Thức tính này nếu được lửa vô phân biệt trí nung đốt thì trong thức tính, thật có tính thành tựu hiển hiện, mà tính hư vọng phân biệt không hiển hiện. Vì vậy cái thể của thức hư vọng phân biệt này, tính y tha có 2 phần như cội đất có vàng chứa trong đất vậy.

Giải thích: Như vậy trong A-tì-đạt-ma Tu-đa-la nói phân biệt là tính nhiễm ô, thành tựu là tính thanh tịnh, y tha là thể của 2 phần kia. Do nghĩa này nói 3 thứ pháp là phần nhiễm ô, phần thanh tịnh và hai phần kia, được hiển thị bằng thí dụ cội đất có đất chứa vàng. Trong đó vàng là chủng tử vàng, cội đất là tính cứng, đất là sở tạo sắc. Nơi tướng đất có 3 thứ có thể được. Cội đất kia có chứa vàng, chỉ thấy tướng đất hiển hiện. Thể vàng kia sau mới biết có. Bởi vì sao? Nếu dùng lửa nung thì vàng mới hiện. Vì vậy biết rằng vàng là có từ bản lai.

Luận nói: Thế Tôn có chỗ thì nói tất cả pháp là thường, hoặc có chỗ thì nói là vô thường, hoặc có chỗ thì nói phi thường phi vô thường. Vì nghĩa gì nói là thường? Trong tính y tha, đứng về phần tính thành tựu nên nói là thường, đứng về phần tính phân biệt nên nói là vô thường, đứng về cả 2 phần nên nói là phi thường phi vô thường. Vì nghĩa này nên nói là thường, vô thường, không hai. Khổ vui cũng không hai. Thiện bất thiện cũng không hai. Không phi không, không hai. Ngã vô ngã, không hai. Tịch tĩnh phi tịch tĩnh không hai. Có tự tính, không tự tính, không hai. Sinh, không sinh, không hai. Diệt, không diệt, không hai. Vốn vắng lặng, chẳng phải vốn vắng lặng, không hai. Bản tính Niết-bàn, chẳng phải bản tính Niết-bàn, không hai. Sinh tử, Niết-bàn, không hai. Như vậy các sai biệt, tất cả mật ngữ của chư Phật Thế Tôn đều tùy thuận 3 tính mà nói như thường, vô thường. Ở đây có bài kệ như sau:

*Như pháp vô sở hữu,  
Mà hiện vô lượng thứ.*

*Phi pháp, phi phi pháp,  
 Nên nói không hai nghĩa.  
 Y một phần hiển thị,  
 Hoặc hữu hoặc phi hữu.  
 Y hai phần mà nói,  
 Phi hữu, phi phi hữu.  
 Như hiển hiện phi hữu,  
 Cho nên nói là không.  
 Do như vậy hiển hiện,  
 Cho nên nói là có.  
 Tự hiển vô sở hữu,  
 Vì tự thể không trụ.  
 Như thủ đã không có,  
 Nên thành vô tự tính.  
 Do vô tính nên thành,  
 Trước là sau y chỉ.  
 Vô sinh tịch diệt tĩnh,  
 Và bản tính Niết-bàn.*

Giải thích: Như pháp là vô sở hữu mà hiện ra vô lượng chủng loại, nghĩa là nửa kệ trên theo tuần tự là phi pháp, phi phi pháp. Bởi vì sao? Vì vô sở hữu nên gọi là phi pháp. Vì chẳng phải pháp không hiển hiện nên gọi là phi phi pháp. Vì phi pháp phi phi pháp nên nói là nghĩa không hai. Một phần nghĩa là một bên. Hoặc hữu hoặc phi hữu nghĩa là hoặc ở bên hữu hoặc ở bên vô. Hiển thị nghĩa là nói. Dựa vào 2 phần nói là phi hữu phi phi hữu, nghĩa là do tính y tha có đủ 2 thể. Lấy nghĩa này nên nói phi hữu phi phi hữu. Như hiển hiện phi hữu nghĩa là như pháp được trông thấy, nó là chẳng phải có, vì vậy nói nó là không. Vì vậy nói là có, nghĩa là vì theo nghĩa này nên nói là có. Nay sẽ nói về ý vô tự tính. Tự chẳng có là do tất cả pháp không có. Lìa nhân duyên mà có thể tự có, đây là một loại ý vô tự tính. Thể không có, cũng là một loại vô tự tính. Nếu pháp diệt rồi, thể

kia không sinh trở lại, nên vô tự tính. Vì tự thể không trụ, nghĩa là các pháp ngay khi sinh không có lực có thể trụ quá một sát-na, đây cũng là vô tự tính. Các pháp vô tự tính này cộng hữu với Thanh Văn. Nếu đã không có thì không cộng hữu với Thanh Văn. Cái tính phân biệt như phàm phu chấp thủ không phải như cái hữu này. Cho nên ý này là nói pháp vô tự tính trong Đại thừa. Lại vì cái vô tự tính này nên vô sinh v.v...tất cả đều được thành tựu. Bởi vì sao? Do tự vô tính nên không sinh, do không sinh nên không diệt, do không sinh diệt nên xưa nay vắng lặng, do xưa nay vắng lặng nên tự tính Niết-bàn. Trước là y chỉ của sau tức trước là nhân của sau.

#### **Chương 4: Bốn ý bốn hợp nghĩa**

Luận nói: Lại có 4 thứ ý, 4 thứ hợp nghĩa, tất cả lời Phật nói, nên tùy thuận mà hiểu cho đúng. Một là ý bình đẳng, như nói ta xưa kia là Tì-bà-thi Chính biến tri. Hai là ý theo lúc khác, như nói tụng trì tên Đa Bảo Như Lai chắc chắn được A-nậu-đa-la Tam-miệu Tam-bồ-đề. Lại như kinh nói chỉ phát nguyện là được sinh thế giới Cực Lạc. Ba là ý theo nghĩa riêng, như kinh nói thân cận chư Phật nhiều như cát sông Hằng, hiểu được nghĩa của pháp Đại thừa. Bốn là ý tùy theo tâm người, nghĩa là hoặc vì người này khen ngợi sự bố thí, sau lại vì người này chê bai sự bố thí. Giống như bố thí, giới và các tu pháp khác cũng vậy. Đó gọi là 4 ý.

Giải thích: Như có người lấy cùng một pháp nên nói kia tức là ta. Thế Tôn cũng vậy, tâm ở nơi pháp thân bình đẳng nên nói ta khi ấy là Tì-bà-thi v.v... chẳng phải Tì-bà-thi tức là Phật Thích-ca Mâu-ni. Đây là lấy ý bình đẳng. Ý theo lúc khác, nghĩa là ý này không phải nói chỉ xưng danh hiệu Phật là quyết định được A-nậu-đa-la Tam-miệu Tam-bồ-đề. Như nói dùng một đồng tiền vàng được ngàn đồng tiền vàng, lẽ nào một mà nói là được ư? Ý này là nói ở một lúc đặc biệt nào đó, vì một đồng tiền vàng là nhân được ngàn đồng tiền vàng. Cũng như vậy, chỉ phát nguyện là được sinh thế giới Cực Lạc

cũng với ý đó. Phải biết rằng trong ý theo nghĩa riêng, hiểu được pháp Đại thừa, nghĩa là trong 3 tính đạo lý tự giác tướng ấy. Nếu ý của Thế Tôn chỉ được hiểu nghĩa theo văn từ thì phạm phu cũng hiểu đúng được. Hiểu nghĩa kia là ắt phải do thân cận vô lượng chư Phật mới được, cho nên đây là ý của Phật. Ý tùy theo tâm người, nghĩa là hoặc với người này khen ngợi bố thí, rồi lại cũng với người này chê bai bố thí. Ý như vậy là tùy theo người kia mà sử dụng. Nếu là người keo kiệt thì khen ngợi sự bố thí. Nếu người này đối với bố thí mà đắc thắng thì chê bai sự bố thí. Nếu không có ý này mà đối với một việc bố thí khi khen khi chê tức là mâu thuẫn. Do có ý này nên hoặc khen hoặc chê đều thích hợp. Giới v.v... cũng vậy. Phải biết một phần tu nghĩa là thế gian tu. Ý và nghĩa khác nhau nghĩa là nếu như Thế Tôn có tâm sở tại mà nói, đó là ý. Còn do nói ra chắc chắn khiến người vào trong Phật giáo, đó là nghĩa.

Luận nói: Bốn thứ hợp nghĩa, đó là: Một là nghĩa khiến nhập. Như trong Thanh Văn thừa, nếu trong Đại thừa, y vào đạo lý thế đế nói sự sai biệt của 2 thứ tự tính nhân và pháp. Hai là nghĩa tướng, nghĩa là tùy theo tướng thuyết pháp, đều dùng 3 tính hiển thị. Ba là nghĩa đối trị, như nói có 8 vạn 4 ngàn hạnh môn đối trị.

Giải thích: Trong đây nói nghĩa khiến nhập, tức là đối với 2 thứ nhân và pháp, đứng về đạo lý thế đế, hoặc nói tự tính, hoặc nói sai biệt, là khiến chúng sinh vào trong Phật pháp, cho nên gọi là nghĩa khiến nhập. Nghĩa tướng là trong đó lấy nghĩa của tướng mà nói các tướng do nói 3 tính. Nghĩa đối trị, nghĩa là nói chúng sinh làm việc đối trị, tức nói chư chúng sinh đối trị phiền não, để an lập chỗ đối trị phiền não cho chúng sinh.

Luận nói: Bốn phiên nghĩa, như chữ tiếng có nghĩa riêng. Để hiển thị nghĩa riêng, ở đây có bài kệ như sau:

*A-sa-lê Sa-la-mạt-đa-da Tì-bát-ri-da-tư-chá Tô-tát-đa giả Cát-lê-đà-nại-chá Tô-tăng-cát-lợi-sắt-tra La-bàn-đê-bồ-đề-một-đáp-ma*



Giải thích: Trong đây A-sa-lê nghĩa là hiền liễu nghĩa, gọi là không thật, ẩn mật nghĩa, gọi là bất động. Tức là định này vì bất động nên gọi là A-sa-lê. Sa-la-mạt-đa-da nghĩa là dịch là đối với định khởi ý tôn trọng. Ti-bát-ri-da-tư-chá nghĩa là nếu hiền thị liễu nghĩa gọi là diên đảo, ẩn mật nghĩa gọi là chuyển đảo. Tô-tất-đa nghĩa là khéo trụ trong chuyển đảo. Khéo trụ nên vô thường gọi là thường. Đây là diên đảo, chuyển vô thường kia gọi là thường, vì khéo trụ trong diên đảo. Cát-lê-đa-nại-chá nghĩa là nếu hiền thị liễu nghĩa thì gọi là phiền não, ẩn mật nghĩa gọi là cần khổ. Tô-tăng-cát-lợi-sát-tra nghĩa là khéo nhiệm, cho nên kinh nói ở lâu trong sinh tử nhiệm cần khổ. La-bàn-đê-bồ-đề-một-đáp-ma dịch nghĩa là sẽ được thắng Bồ-đề. Câu này có thể hiểu.

Luận nói: Nếu muốn giải thích pháp Đại thừa, đại khái nên dùng 3 tướng giải thích: một là giải thuyết về duyên sinh, hai là giải thuyết về nhân duyên sở sinh pháp, ba là giải thuyết nghĩa trong ngôn giáo. Trong đây giải thuyết duyên sinh như kệ nói:

*Ngôn huân tập sinh pháp,  
 Đây với kia cũng vậy.*

Đây là nói quả báo thức và sinh khởi thức làm duyên sinh cho nhau. Nhân duyên sở sinh pháp kia, sinh khởi thức là tướng có thể tính của tướng và kiến thức. Kia do trụ trì tướng, phân biệt tướng, pháp nhĩ tướng, tức đây được hiển thị 3 tính tướng, như kệ nói:

*Có tướng và có kiến,  
 Thế là biết 3 tướng.*

Lại nữa, thế nào là giải thích tướng kia? Nghĩa là tướng phân biệt trong tướng y tha thì không thể, tướng thành tựu trong y tha thì có. Do 2 cái này, nên không có và có, không thể được có thể được, không thấy chân thật thấy chân thật 2 cái này đồng thời. Lại nữa ở trong tính y tha, phân biệt thì vô sở hữu mà thành tựu thì hữu, cho nên được kia thì không được đây, không được kia thì được đây. Như kệ nói:

*Y tha: phân biệt không,  
Chỉ thành tựu là có.  
Không được với lại được,  
Trong đó hai như nhau.*

Giải thích: Ngôn thuyết huân tập sinh các pháp, nghĩa là bên ngoài phân biệt huân tập thức A-lê-da, tức trụ ở trong thức do huân tập này làm nhân sinh tất cả pháp., tức là tự tính của sinh khởi thức. Đây với kia cũng vậy, nghĩa là cái phân biệt huân tập này lấy ngay các pháp kia làm nhân. Đây hiển thị thức A-lê-da với sinh khởi thức làm nhân cho nhau. Lại nữa tính của sinh khởi thức có các pháp có thức thể của tướng và kiến làm tính, nghĩa là nếu thức thể có tướng và có kiến tức là thể của kia. Nói các pháp có 3 tướng là trụ trì tướng, tức là tướng y tha. Do các thuyết nói đây nên 3 tính có các tướng được hiển thị. Các nghĩa như vậy dùng nghĩa của kệ hiển hiện có tướng có kiến. Vậy nên biết 3 tướng là 3 tướng này như được hiển thị trong giải thích của luận bản. Không có và có, không thể được và có thể được, không thấy chân thật và thấy chân thật, cả hai đồng thời v.v... nghĩa là để hiển thị điều đó, trong đây nói hai tức là phân biệt và thành tựu. Trong 2 phần này, một là không có, một là có. Nói có không có là nếu được phân biệt thì không được thành tựu, bởi không thấy chân thật. Tức lúc ấy không được phân biệt mà được thành tựu, bởi thấy chân thật. Những nghĩa như vậy lại dùng kệ hiển thị. Trong kệ nói bình đẳng, nghĩa là một sát-na cho nên nói trong tức là trong tính y tha. Nói hai tức là thấy chân thật và không thấy chân thật. Nói “cho nên” tức là do có nhân duyên. Bởi trong tính y tha, phân biệt là không, thành tựu là có. Cho nên phạm phu thấy là do điên đảo, các Thánh nhân thấy là do chính kiến.

Luận nói: Giải thích nghĩa trong ngôn giáo, nghĩa là như nói câu đầu tiên làm chính rồi dùng các câu khác làm rõ phần ấy. Hoặc công đức y chỉ hoặc nghĩa y chỉ. Công đức y chỉ là như nói công đức của Phật thanh tịnh giác cùng tốt không có 2 pháp, hành pháp vô tướng

là thắng đạo, trụ nơi Phật trụ, được bình đẳng tất cả Phật, đến chỗ không còn chướng ngại, pháp không thoái chuyển, thành lập cảnh giới vô ngại không thể nghĩ bàn, nhập tam thế bình đẳng, thân biến khắp tất cả thế giới, trí thông suốt không ngại tất cả pháp, tất cả hạnh đầy đủ, trí biết không ngại đối với các pháp, thân không phân biệt, trí tất cả Bồ-tát mong cầu, đến chỗ Phật trụ không hai, đến cứu cánh đệ nhất Ba-la-mật, trí giải thoát không sai biệt của Như Lai, nhập vào pháp giới bình đẳng không ở ngoài biên không ở chính giữa của Phật địa, đệ nhất tận cùng cõi hư không, thanh tịnh giác cùng tột làm gốc. Ngoài ra các câu khác đều là sai biệt của câu này. Phải biết rằng tất cả như thế gọi là giải thích tốt. Các pháp thể thanh tịnh giác cùng tột là cái thanh tịnh giác cùng tột này của Phật Thế Tôn. Phải biết thâm nhiếp 21 công đức khác của Phật. Tức là công đức hoàn toàn không chướng ngại chuyển khiến nhập vào hữu vô không hai tướng. Công đức chân như thanh tịnh cùng tột. Công đức Phật trụ không dụng công mà Phật sự không ngừng nghỉ, pháp thân làm y chỉ. Công đức tâm nghiệp không sai biệt. Công đức tu đối trị tất cả chướng. Công đức hàng phục tất cả ngoại đạo. Công đức sinh tại thế gian không bị pháp thế gian trở ngại. Công đức thành lập pháp. Công đức thụ ký. Công đức thị hiện thụ dụng thân, hóa thân trong tất cả thế giới. Công đức đoạn nghi. Công đức khiến nhập vào các hạnh. Công đức sinh trí pháp vị lai. Công đức hiển thị như chỗ mong muốn. Công đức vì giáo hóa chúng sinh hiện vô lượng thân. Công đức thành tựu pháp thân bình đẳng Ba-la-mật. Công đức tùy theo tín lạc hiển thị cõi Phật vô sai biệt. Công đức 3 thứ Phật thân không giới hạn phương sở. Công đức hằng vì lợi lạc chúng sinh cho đến tận cùng sinh tử. Công đức vô tận.

Giải thích: Hiển thị trong phần đó, nghĩa là như chỗ cần phải giải thích. Nay sẽ làm rõ nghĩa này. Hoặc gồm trong công đức, hoặc gồm trong nghĩa. Gồm trong công đức tức thanh tịnh giác cùng tột là câu đầu tiên. Ngoài ra các câu khác là làm rõ nghĩa đó. Trong đây không hai hạnh là hai hạnh không thể được gọi là không hai hạnh.

Chẳng phải như trí Thanh Văn, Bích-chi-phật cũng có chướng ngại cũng không chướng ngại, hữu vô không hai tướng. Đệ nhất thanh tịnh nghĩa là chân như thanh tịnh, tức là pháp vô tướng. Chân như này chẳng phải có tướng bởi tất cả pháp là vô sở hữu. Cũng chẳng phải không có tướng bởi có tướng tự thể. Chân như này trong pháp vô tướng là đệ nhất thanh tịnh. Nhập xứ cho nên nói công đức khiến nhập. Tối thắng cho nên gọi là đạo. Đạo là nghĩa nhập xứ nên gọi là đạo. Công đức Phật trụ không dụng công mà Phật sự không ngừng nghỉ nghĩa là đối với công việc Phật sự thường làm mà không dừng lại. Công đức tu đối trị tất cả chướng ngại là dùng tất cả thời gian hằng tu chính giác, cho nên có thể đối trị tất cả chướng ngại. Công đức sinh tại thế gian mà không bị pháp thế gian chướng ngại nghĩa là phạm sinh trong thế gian tất hành động trong cảnh giới thế gian, nhưng tuy sinh thế gian không bị 8 pháp lợi thế gian làm nhiễm. Công đức thành lập pháp là Tu-đa-la v.v... các pháp vô lượng không thể nghĩ bàn, bởi phạm phu không thể ngộ nhập cho nên gọi là thanh tịnh giác cùng tột. Đây tức là đều tương ứng với một câu thanh tịnh giác cùng tột này. Công đức sinh trí pháp vị lai nghĩa là ccs pháp sinh ở đời vị lai như vậy đều có thể biết được. Công đức tương ứng vô lượng thân để giáo hóa chúng sinh nghĩa là vô lượng các thân Bồ-tát nếu làm công việc giáo hóa chúng sinh, chư Phật được trí tự tha bình đẳng, cho nên trí kia tức gồm trong Phật trí, tức là việc giáo hóa của Phật. Công đức thành tựu pháp thân bình đẳng Ba-la-mật nghĩa là pháp thân không hai nên gọi là bình đẳng. Vì đây không có 2 pháp thân nên gọi là được cùng tột Ba-la-mật thanh tịnh. Trí giải thoát đến cứu cánh không sai biệt, nghĩa là trong trí không sai biệt của Như Lai, cứu cánh giải thoát, nên trong giải thoát này là tầng thượng giải. Công đức 3 thứ Phật thân không giới hạn phương sở, nghĩa là pháp thân ở bao nhiêu phương xứ cũng không có giới hạn. Và thụ dụng thân, hóa thân ở các thế giới cũng vậy. Pháp giới đệ nhất là pháp giới thanh tịnh cùng tột là đệ nhất nên gọi pháp giới đệ nhất. Tận hư

không giới là Phật trí như hư không không cùng tận, vì vậy nên gọi thanh tịnh giác không cùng tột.

Luận nói: Lại nữa, y chỉ nghĩa, tức như kinh nói: Bồ-tát đủ 32 pháp gọi là Bồ-tát: Đối với tất cả chúng sinh khởi ý lợi lạc. Khiến nhập nhất thiết trí. Biết giá trị của ta là gì. Xả bỏ kiêu mạn. Ý chí vững chắc. Không phải làm vì thương xót. Tâm bình đẳng không thân sơ. Làm người bạn thân cho đến khi được Niết-bàn. Suy lường đúng đắn mà nói. Tươi cười trước khi nói. Đại bi vô hạn. Gánh vác trách nhiệm nặng nề không thoái lui bỏ cuộc. Không có ý mệt mỏi. Nghe nghĩa lý không chán. Tự thấy tội lỗi mình làm. Đối với tội lỗi người khác, không chê bai mà khuyên răn chỉ bảo. Tu tâm Bồ-đề trong tất cả oai nghi. Hành thí không cầu báo. Giữ giới mà không nhắm vào các nẻo đường còn có sinh tử. Tu hành nhẫn nhục không ngại đối với tất cả chúng sinh. Tu hành tinh tiến giữ lấy tất cả thiện pháp. Lià bỏ cõi Vô sắc mà tu thiền. Phương tiện tương ưng với trí tuệ. Lấy Tứ nhiếp làm phương tiện nhiếp hóa chúng sinh. Từ ái đối với người giữ giới phá giới, không phân biệt có hai. Cung kính nghe chính pháp. Cung kính trụ nơi A-lan-nhã. Không vui đắm trước các tạp sự thế gian. Không mong cầu bậc hạ thừa thấp kém. Thấy công đức Đại thừa. Xa lià bạn xấu. Gần gũi bạn lành. Tịnh tu 4 Phạm hạnh. Vận dụng tự tại 5 thần thông. Hành động theo trí tuệ. Không xả bỏ chúng sinh nào dù chúng sinh đó trụ hay không trụ trong chính hạnh. Nói chắc chắn, trọng chân thật. Lấy tâm Bồ-tát làm đầu. Phải biết các câu như vậy đều là phân tích các sai biệt của câu đầu. Ý lợi lạc trong tất cả chúng sinh, nghĩa là câu ý lợi lạc này có 16 nghiệp sai biệt. Mười sáu nghiệp sai biệt là: Lăn lượt thực hành. Không điên đảo. Không ai mời cũng tự làm. Không dao động đổ vỡ. Không có ý mong cầu. Đây có 3 ý không cầu báo đáp. Đối với chúng sinh thuận hay nghịch không có tâm yêu ghét, đòi đòi vẫn theo đuổi không xa bỏ. Tức trong loại này có 2 câu về thân khẩu nghiệp. Bình đẳng đối với khổ, vui và không hai. Không thấp kém. Không thoái chuyển.

Dùng phương tiện nhiếp thủ. Chán ghét chướng ngại. Đây có 2 câu tư duy không gián đoạn và tiến thẳng. Đây có 7 câu chính tu hành 6 Ba-la-mật và tu hành Tứ nhiếp sự, tu hành thành tựu phương tiện. Đây có 6 câu gần gũi người lành. Nghe chính pháp. Ở nơi A-lan-nhã. Xa lìa các hiểu biết xấu xa sai lầm. Công đức chính tư duy có 2 thứ, công đức về sự có 2 thứ. Nghiệp thành tựu có 3 thứ: vô lượng thanh tịnh, được oai đức lớn, được công đức vượt trội. Nghiệp an lập kia. Đây có 4 câu: Thân nhiếp các công đức. Quyết định dạy dỗ. Gồm hai pháp tài làm một. Không tâm nhiễm ô. Các câu như vậy đều là các câu sai biệt. Như trong kinh có bài kệ nói:

*Câu đầu tiên bao gồm  
Các câu về công đức.  
Câu đầu tiên bao gồm  
Các câu nói về nghĩa.*

Giải thích: Ý chỉ nghĩa, tức là ý lợi lạc trong tất cả chúng sinh. Nghĩa của câu này nói có 16 nghiệp và hiển thị với các câu khác. Trong đây ý lợi lạc làm những nghiệp gì? Khiến nhập trí Nhất thiết trí là nếu khiến các chúng sinh nhập vào trí Nhất thiết trí thì đây là hành động lần lượt, ví như một ngọn đèn thấp lên một ngàn ngọn đèn. Đó là hiển thị ý lợi lạc. Các câu như vậy đều tương ứng với ý lợi lạc. Tự biết giá trị của mình là gì, nghĩa là tự có ý lợi lạc, nhưng là điên đảo. Như có người ý muốn lợi lạc mà đem rượu cho uống. Nếu như thật tự biết phần lượng mình dạy dỗ chúng sinh, thì không dùng kiêu mạn, tự mình không biết, khởi tâm lợi ích trở thành không có lợi. Nói xả bỏ kiêu mạn tức là hỉ xả bỏ tâm kiêu mạn nên không đợi mời thỉnh tự vì nói pháp.. Ý chí vững chắc, nghĩa là không vì chúng sinh có hành vi điên đảo mà cái tâm lợi lạc vững chắc bị dao động đổ vỡ. Chẳng phải ra làm vì có ý thương xót, nghĩa là không vì lợi dưỡng mà làm việc lợi ích chúng sinh. Làm sao biết được ý lợi lạc này? Do làm thuận theo thân khẩu nghiệp, cho nên trong đó ứng

lượng mà nói và trước nói là khẩu nghiệp. Tươi cười và Đại bi vô hạn v.v... là thân nghiệp. Trong đây nói ứng lượng mà nói nghĩa là chỉ nói pháp ngữ. Lòng thương vô hạn là thương 3 cái khổ: Khổ là khổ khổ, vui là hoại khổ, không khổ không vui là hành khổ. Chẳng phải hai nghĩa là không khổ không vui. Nghiệp không thấp kém, nghĩa là không tự ti coi mình thấp kém nói rằng ta không thể thành Phật, đại loại như thế. Ý không mệt mỏi, nghĩa là nếu không mệt mỏi thì có thể tu Phật đạo. Nghe nghĩa lý không chán, nghĩa là nếu không đa văn thì không có trí phương tiện giáo hóa chúng sinh. Nói “Trong tất cả oai nghi”, nghĩa câu này như nói trong Tịnh Hạnh Tu-đa-la. Nghiệp tiến thắng tức là ý lợi lạc, vì là thể của nhân thắng đến tăng trưởng. Nghiệp tu thành tựu phương tiện có 6 câu là nếu người thân cận đây tu hành tức được thành tựu. Cung kính ở nơi A-lan-nhã, nghĩa là ở nơi đó có thể lìa các hiểu biết xấu xa sai lầm. Những tạp sự thế gian như ca múa vui chơi các thứ. Nghiệp thành tựu, nghĩa là biểu hiện tướng thành tựu kia. Oai đức, tức 6 thần thông. Tùy theo trí tuệ mà hành động, nghĩa là theo trí chứ không theo thức, từ trí tuệ sinh. Do trí tuệ này tương ứng với chính chứng. Trụ trong các pháp an lập nghiệp kia, tức là do có ý lợi lạc nên có thể dùng lợi lạc an lập chúng sinh. Trong đây nói “nhiếp chúng” nghĩa là đối với người phá giới vẫn không bỏ cũng không xua đuổi, khiến lìa bỏ điều không tốt hợp với điều tốt. Quyết định dạy dỗ, nghĩa là do cứ một mực lập dạy dỗ ngăn cấm, không tự nói, sau lại nói điều ta nói trước đây là không tốt. Người nghe, tức là người thụ giáo. Gồm tài pháp, là do những lời thành thật bảo cho người kia, vì gồm cả pháp và y phục tài lợi v.v... như nói gồm đủ. Không có tam nhiễm ô, nghĩa là thực hành tâm Bồ-đề làm việc lợi ích chúng sinh, không phải để cầu cúng dường mình, chỉ nghĩ rằng làm sao các điều thiện này khiến chúng sinh chính giác vô thượng Bồ-đề. Nhiếp thụ như vậy cho nên nghĩa trong kệ cũng vậy. Giải thích về tướng xong.

## NHIẾP ĐẠI THỪA LUẬN THÍCH LUẬN

### QUYỀN 6

#### Nhập sở tri tướng tướng ngữ 3

Luận nói: Như vậy đã nói các tướng sở tri. Làm sao có thể thấy ngộ nhập tướng sở tri? Y chỉ đa văn huân tập. Sự huân tập này chẳng phải do A-lê-da thu gom mà giống như thành chủng tử của A-lê-da. Do chính tư duy nhiếp giữ tự pháp tự nghĩa sinh ra tương tự vật của kiến phần ý thức.

Giải thích: Như thế là tất cả tướng sở tri và hiển thị như thế nên ngộ nhập tướng sở tri. Lấy sự đa văn huân tập làm y chỉ, nghĩa là pháp Đại thừa huân tập vào thân. Nói chẳng phải A-lê-da thu gom, nghĩa là đối trị thức A-lê-da. Giống như thành chủng tử của A-lê-da, nghĩa là giống như A-lê-da là nhân của nhiễm pháp. Đây cũng là nhân của tịnh pháp. Cho nên nói chính tư duy thâm nhiếp nghĩa là chính tư duy là tự tính. Tự pháp tự nghĩa sinh ra, nghĩa là tướng của pháp nghĩa sinh. Vật tương tự sinh ra, nghĩa là như thể của sắc v.v... Nói có kiến phần cũng là thể tương tự của kiến phần. Như vậy tức thành lập 2 thức tướng phần và kiến phần.

Luận nói: Trong đây ai là người ngộ nhập tướng sở tri? Là các Bồ-tát đã liên tục huân tập đa văn pháp Đại thừa, được gần gũi vô lượng chư Phật xuất thế, hoàn toàn tin hiểu tập hợp thiện căn, đầy đủ hành trang phúc trí.



Giải thích: Ai là người có thể ngộ nhập tướng sở tri, nghĩa là trong số này nếu sở hữu được phương tiện ngộ nhập. Nói “huân tập đa văn pháp Đại thừa, nghĩa là lìa Thanh Văn thừa v.v... mà đa văn. Được gần gũi vô lượng chư Phật xuất thế, nghĩa là quá khứ vô số chư Phật xuất thế đều được hiện tiền thân cận. Hoàn toàn tin hiểu, tức là đối với Đại thừa có sự tin hiểu chắc chắn, không bị ác tri thức làm dao động phá hoại. Đây tức trước đã nói trong 3 nhân duyên, khéo tập hợp các thiện căn nên gọi là Bồ-tát khéo tập hợp hành trang phúc trí. Lại nữa hành trang phúc trí làm sao có thể lần lượt đầy đủ? Do sức của nhân, sức của thiện hữu, sức cửat duy, sức của y tri. Trong đây 2 câu đầu là 2 sức. Như số đó thì sức của chính tư duy kia tức là hoàn toàn tin hiểu. Đây là lấy huân tập Đại thừa làm nhân. Hoàn toàn tin hiểu đây tức chính hạnh tu hành. Do chính hạnh tu hành nên được tập hợp thiện căn. Do sức của chính tư duy này nên được khéo đầy đủ hành trang phúc trí. Có thứ tự này do khéo đầy đủ hành trang phúc trí nên được nhập sơ địa Bồ-tát. Đây là sức của y tri.

Luận nói: Từ đâu được ngộ nhập? Tức từ ý thức có kiến phần kia, do pháp tướng Đại thừa sinh ra tương tự phân biệt pháp và nghĩa.

Giải thích: Ngộ nhập như vậy, nay sẽ hiển thị hành tướng ngộ nhập này. Ý địa phân biệt gọi là ý ngôn. Chúng loại của ý ngôn này lấy pháp Đại thừa là nhân sinh ra. Pháp tướng Đại thừa sinh ra, nghĩa là phan duyên chỗ thuyết pháp.

Luận nói: Trong hành địa của tín giải, trong kiến đạo, trong tu đạo, trong cứu cánh đạo, tất cả pháp chỉ có thức tùy theo nghe mà tin hiểu, thông suốt như lý, đối trị tất cả chướng, không chướng ngại.

Giải thích: Từ đâu được ngộ nhập? Từ tín giải được ngộ nhập. Do chỉ nghe tất cả pháp là duy thức liền khởi tăng thượng tín giải, gọi là được ngộ nhập, được vào trong kiến đạo. Nay sẽ nói rõ. Như lý thông đạt nghĩa là thông suốt đúng lý trong ý ngôn phân biệt. Thế

nào là thông suốt đúng lý? Tức phi pháp, phi nghĩa, không năng thủ, không sở thủ. Nếu thông suốt ý ngôn phân biệt như vậy thì sẽ được vào trong tu đạo. Nay sẽ nói rõ. Đối trị tất cả chướng, nghĩa là khi quán sát ý ngôn này là chẳng phải pháp, chẳng phải nghĩa, không năng thủ, không sở thủ, có thể đối trị tất cả chướng. Đây gọi là được vào trong tu đạo, được vào trong đạo cứu cánh. Nay sẽ nói rõ không chướng ngại là trụ ở nơi trí thanh tịnh cùng tột. Vì diệt chướng vô cùng vi tế nên gọi là được nhập vào trong đạo cứu cánh.

Luận nói: Do duyên gì được nhập? Do sức duy trì của thiện căn. Có 3 thứ luyện trị cái tâm và diệt trừ 4 chỗ. Pháp và nghĩa là sở duyên, thường tu, tu đúng đắn không buông thả Xa-ma-tha và Tì-bát-xá-na. Tất cả nhân đạo chúng sinh trong vô lượng thế giới, mỗi sát-na đều có người chứng đắc chính giác A-nậu-đa-la Tam-miệu Tam-bồ-đề. Đó là luyện trị tâm thứ nhất.

Giải thích: Do đâu được nhập? Như đây nói là do sức duy trì của thiện căn v.v... Có 8 chỗ tương ưng. Trong đây nói thường tu nghĩa là tu hành tất cả mọi thời. Khéo tu là cung kính. Nếu làm tương tự như vậy tức là không buông thả, trong đó đối trị 3 thứ tâm thoái khuất. Có 3 thứ luyện trị tâm. Bồ-tát nghe A-nậu-đa-la Tam-miệu Tam-bồ-đề, đệ nhất sâu xa rộng lớn khó có thể chứng đắc, tâm liền thoái khuất. Để đối trị đây, có tâm luyện trị thứ nhất v.v... Nói v.v... cho nên có tâm luyện trị thứ hai.

Luận nói: Do chuyên tâm nên có thể hành thí v.v... các Ba-la-mật. Ta đã được chuyên tâm này, do đó cho nên ta tu các Ba-la-mật sẽ được viên mãn, chẳng lấy làm khó. Đó là tâm luyện trị thứ hai.

Giải thích: Do ý này nên thí v.v... các Ba-la-mật liền được hiện hành. Nói ở trong ý nghĩa là tin và muốn. Bồ-tát trong Ba-la-mật tin biết thật có công đức lớn nên có thể được. Đây là tin của Bồ-tát. Do tin nên vui vẻ tu hành gọi là muốn. Bồ-tát được ý tin và muốn này nên tu hành 6 Ba-la-mật, tiến đến viên mãn chẳng lấy làm khó.

Luận nói: Tuy người kia còn có điều thiện trở ngại, nghĩa là thiện pháp đầy đủ rồi, liền khi chết, tùy theo ý nghĩ muốn, tất cả đều đủ nơi thân, người kia được sinh hưởng chi ta được cái thiện vượt trội này, cái thiện không còn trở ngại, thì khi ấy sao tất cả không đầy đủ được? Đó là tâm luyện trị thứ ba. Ở đây có bài kệ như sau:

*Ở trong cõi nhân đạo,  
 Có vô lượng chúng sinh,  
 Mỗi niệm được Bồ-đề,  
 Nên trừ tâm thoái khuất.  
 Người thiện tâm chuyên ý,  
 Có thể hành bố thí ...  
 Thắng nhân được ý này,  
 Cũng tu bố thí... được.  
 Thiện nhân lúc lâm chung,  
 Tùy tâm được quả báo.  
 Ta được diệt vị thiện,  
 Quả báo sao lại không?*

Giải thích: Lại nữa Bồ-tát trong ngôn giáo sâu xa rộng lớn của chư Phật, khi suy tìm khởi tâm nghĩ rằng A-nậu-đa-la Tam-miệu Tam-bồ-đề khó có thể chứng đắc. Nhất sát-na tâm đoạn rồi mới được, liền sinh thoái khuất. Để đối trị trường hợp này nên tu tâm luyện trị thứ ba. Hưởng chi ta đây là tối thắng thiện, hưởng chi ta đây trong tất cả 10 địa khéo đầy đủ hành trang phúc đức trí tuệ. Không chướng ngại thiện, nghĩa là tâm phiền não vi tế khó phá. Như Kim cương Tam-ma-đề có thể phá được chướng này. Sau Tam-ma-đề này, thoát ly tất cả chướng ngại, y chỉ chuyển rồi, với đây sao lại không chứng đắc được? Đây là hiển thị chướng ngại xuất ly, vì không khác gì với chết. Nói “tất cả đầy đủ” nghĩa là được Nhất thiết chủng trí, sức thiện căn duy trì. Ba thứ luyện trị tâm nghĩa là thiện căn không mỏng manh ít ỏi. Bồ-tát do có năng lực

này thì có thể có 3 thứ luyện trị tâm khiến không thoái khuất. Trong đây luyện trị tâm thứ hai, nay sẽ hiển thị sự luyện trị. Do niệm này nên lìa các chướng ngại như xan v.v... các chướng ngại Ba-la-mật không còn nữa nên đầy đủ Ba-la-mật là không khó. Do đầy đủ này được thành Bồ-đề. Nay sẽ hiển thị sự luyện trị tâm thứ ba. Trong đây hữu ngại thiện nghĩa là cái thiện thế gian gọi là hữu ngại thiện. Còn vô ngại thiện này của ta mà không thành Phật là không có chuyện như vậy. Nghĩa này hiển thị bằng bài kệ. Kệ nói cho nên người trừ được tâm thoái khuất là không để cho tâm hạ liệt tồn tại mà nghĩ rằng ta không thể được A-nậu-đa-la Tam-miệu Tam-bồ-đề. Thiện tâm nghĩa là chẳng phải ác tâm hay vô ký tâm. Do có vô ký thí cho nên có người tâm tán mạn hành thí, ngoại đạo v.v... đem tâm bất thiện hành thí. Lại nữa người cầu A-nậu-đa-la Tam-miệu Tam-bồ-đề là thắng nhân có tối thắng thiện này, được ý này cũng có thể hành thí v.v... Trong đó khi được chuyên tâm, có tướng như thế có thể tu thí v.v... 6 Ba-la-mật. Nghĩa là được diệt xan v.v.. các tâm chướng ngại. Thắng nhân là tối thượng cho nên gọi các Bồ-tát. Thí v.v... là nó gồm cả giới và trí Ba-la-mật v.v... Tùy tâm được quả báo nghĩa là cho đến được quả báo Phi tướng phi phi tướng xứ. Diệt thiện nghĩa là diệt chướng ngại. Nói “Quả báo sao lại không?” nghĩa là được Phật thân.

Luận nói: Xa lìa tư duy của Thanh Văn, Bích-chi-phật thì tư duy diệt. Xa lìa tất cả nghi hay không nghi trong Đại thừa thì tà ý và nghi diệt. Lìa chấp ngã và ngã sở trong pháp nghe và suy nghĩ thì pháp chấp diệt. Tất cả tướng an lập hiện tiền tư duy không phân biệt thì diệt phân biệt. Ở đây có bài kệ như sau:

*An lập và tự trụ,  
 Có các tướng hiện tiền.  
 Tất cả không phân biệt,  
 Người trí được thắng giác.*

Giải thích: Trong bản luận này, đề hiển thị 4 chỗ diệt nên trong đây diệt tư duy là diệt tư duy của Thanh Văn v.v... Tà ý và nghi, nghĩa là trong pháp sâu xa rộng lớn của Đại thừa, tà ý và nghi cần phải diệt trừ. Tà ý là phỉ báng ganh tị và tâm dao động. Hoặc tức tâm nghi ngờ. Nói “tất cả nghi và không nghi” là trong Đại thừa vì an lập pháp tướng nên nói có 3 tính. Đó là tất cả pháp không tính, không sinh, không diệt, xưa nay vắng lặng, tự tính Niết-bàn. Tất cả pháp như vậy là vô sở hữu, đó là đứng về tính phân biệt. Nếu nói là ảo hóa, sóng nắng, chiêm bao, bóng sáng, tiếng vang, trăng dưới nước, biến hóa, đó là đứng về tính y tha. Nếu nói chân như, thật tế, vô tướng, đệ nhất nghĩa, pháp giới, không v.v..., đó là đứng về tính thành tựu. Trong các pháp này, tất cả tà ý và hoặc không sinh. Trong pháp nghe và tư duy, lia chấp ngã và ngã sở, đó là hiển thị diệt trừ pháp chấp. Diệt trừ pháp chấp nghĩa là đối với pháp nếu nghe, nếu suy nghĩ, cho đến không để cho ngã ngã sở chen vào. Tư duy tất cả tướng an lập tự hiện tiền không phân biệt, nghĩa là hành giả khi tu trí vô phân biệt, chính tại tư duy vị diệt những thứ này, tất cả vắng lặng tâm không phân biệt. Nơi hiện tiền trụ sắc v.v... và tĩnh tâm có an lập cốt tủy v.v... trong tất cả các tướng sở duyên khi không nghĩ nhớ không phân biệt, gọi là nhập vào phương tiện vô phân biệt. Nếu phân biệt thì không nhập vào được. Bài kệ hiện tiền an lập này là để hiển thị nghĩa diệt sau cùng.

Luận nói: Nhân đâu nhập và nhập như thế nào? Do đa văn huân tập sinh, do chính tư duy nhiếp giữ tương tự pháp và nghĩa, hiển hiện có kiến phần ý thức.

Giải thích: Trong đây hiển thị dùng đây nhập và nhập như thế. Trong đây nói văn huân tập sinh, nghĩa là văn huân tập là nhân, tức ngay đây nhập vào đạo lý. Như trước đã nói tức là Đại thừa văn huân tập sinh ra, thâm nhiếp trong tính thành tựu.

Luận nói: Có 4 thứ cầu là danh, nghĩa, tự tính, sai biệt, cầu tướng giả thuyết.

Giải thích: Trong đây hiển thị nhập như vậy. Bốn thứ cầu là như luận bản nói: danh, nghĩa, tự tính, sai biệt.

Luận nói: Lại có 4 thứ biết như thật, tức là danh, sự, tự tính, sai biệt. Biết như thật trong giả tướng. Tự tính sai biệt kia là không thể có được, nên BỒ-tát như thật nhập ý thức duy thức tu hành. Nơi đó tương tự chữ nghĩa trong ý thức biết tên gọi và chữ chỉ là ý thức, biết cái nghĩa mà tên gọi dựa vào đó cũng chỉ là ý thức. Như vậy tức biết rằng tự tính và sai biệt của tên gọi kia chỉ là nói giả tướng. Bấy giờ chứng biết chỉ có ý thức. Vậy thì danh và nghĩa, tự tính, sai biệt là nói giả tướng, không thất có nghĩa tướng của tính sai biệt. Cho nên do 4 thứ cầu và 4 thứ biết như thật, nơi ý thức tương tự danh và nghĩa được ngộ nhập duy thức.

Giải thích: Bốn như thật tri là như luận nói trong giả thuyết đó là danh sự tự tính sai biệt. Biết như thật tự tính và sai biệt kia, nghĩa là mỗi cái đều có tự tính sai biệt. Nói giả thuyết như vậy, nên gọi là giả thuyết tự tính sai biệt, vì nghĩa không thể có được. Nghĩa là biết rằng danh, tự tính, sai biệt kia chỉ là giả thuyết, vì danh tự kia không có tự tính và sai biệt, tức có thể nơi tự tính và sai biệt của danh tự kia chỉ là nhận lấy giả thuyết. Nếu biết như vậy là cầu, nếu biết không thể được, gọi là biết như thật.

Luận nói: Quán duy thức này ngộ nhập pháp gì? Tương tự pháp gì nhập? Là nhập duy lượng. Vì tướng và kiến là 2, và vì có nhiều thứ tướng. Danh nghĩa tự tính sai biệt chỉ là giả lập. Tự tính sai biệt 6 thứ là không có thật, nó trụ trong thể của năng thủ sở thủ. Một lúc nào đó nó phát sinh nhiều thứ tướng. Như trong tối, sợi dây giống như con rắn. Cái thí dụ con rắn trong sợi dây là vọng vì không thật có con rắn. Nếu thấy nghĩa thật thì không có vọng tướng. Cái biết con rắn sẽ mất, chỉ còn cái biết sợi dây. Nhưng nếu phân tích kỹ thì sợi dây cũng không thật có. Bởi các tướng sắc hương vị xúc, trong đó dựa vào cái biết sắc v.v... Cái biết về sợi dây cũng được diệt trừ như thế.

Nó là tương tự chữ và nghĩa 6 tướng của ý thức. Như lấy cái biết con rắn để hiểu 6 tướng kia là không có thật nghĩa. Do trí của thành tựu, cái tri của duy thức cũng phải diệt trừ.

Giải thích: Trong đây hỏi về nhập pháp gì và thí dụ về nhập. Duy lượng là duy thức lượng. Có 2 tướng và kiến, đây là nói 2 thức tướng phần và kiến phần. Đây tương tự tướng hiển hiện làm nhân, làm chỗ trụ, làm tướng là ảnh hiển hiện, cho nên chỉ là một thức sinh ra nhiều tướng khác nhau. Không phải sinh một cách mau chóng mà tuần tự. Ba thứ này đều được nhập vào duy thức. Nói một lúc nào đó tương tự nghĩa của các tướng sinh, nghĩa là tương tự danh cú vị thân, nghĩa của các tướng sinh cho nên kia cũng dựa vào các tướng tương tự danh nghĩa sinh, lấy thí dụ sợi dây hiển thị trong nhập quán 3 tính. Nói tự tại trong 6 thứ nghĩa, nghĩa là danh v.v...trong 6 thứ nghĩa được tự tại. Tự tại nghĩa là trừ diệt.

Luận nói ; Bồ-tát nhập vào nghĩa tướng tương tự của ý thức như vậy là được nhập vào tính phân biệt. Nhập duy thức nên được nhập vào tính y tha. Làm sao nhập vào tính thành tựu nếu diệt lia tướng duy thức? Bấy giờ Bồ-tát diệt lia cái tướng về nghĩa, tựa như tất cả nghĩa không có nơi nào sinh. Cho nên tựa như duy thức hiển hiện cũng không được sinh. Tức là trụ trong sự không phân biệt tất cả nghĩa danh, mà trụ trong chính chứng pháp giới tương ưng. Bấy giờ Bồ-tát bình đẳng đối với năng duyên sở duyên, trí bình đẳng vô phân biệt sinh tức Bồ-tát ngộ nhập tính thành tựu.

Giải thích: Nhập vào ý thức của nghĩa tướng tương tự, tức là tất cả nghĩa có được đều chỉ là phân biệt. Như vậy là ngộ nhập tính phân biệt. Nói ngộ nhập duy thức, tức ý thức ở đây gồm trong duy thức, được nhập tính y tha. Nói tựa như tất cả nghĩa không có nơi nào sinh ra, nghĩa là không có nghĩa tương tự sinh ra các chủng loại. Chủng loại duy thức cũng không được sinh. Bởi vì sao? Vì khi khởi duy thức phân biệt tức thành nghĩa rồi. Sau được chứng chân như,

đây như không thể ngôn thuyết, chỉ bên trong tự biết. Bấy giờ Bồ-tát năng thủ sở thủ bình đẳng. Sinh trí bình đẳng vô phân biệt, nghĩa là trí năng duyên và chân như sở duyên, thể của 2 pháp bình đẳng như hư không, nghĩa là không có cái thể năng thủ sở thủ để mà trụ vì không phân biệt năng thủ sở thủ. Cho nên gọi vô phân biệt tức được nhập tính thành tự. Nói trụ trong vô phân biệt tất cả nghĩa danh, tức là có tên gì, có bao nhiêu thứ, tên này sai biệt được hiển thị bằng một bài kệ.

Luận nói: Ở đây có kệ như sau:

*Pháp nhân và pháp nghĩa,  
Tịnh hoặc rộng hoặc hẹp,  
Bất tịnh, tịnh, cứu cánh,  
Gọi là cảnh sai biệt.*

Giải thích: Trong đây tên của pháp là sắc, thụ và nhãn v.v... Tên của nhân tức người yêu thích Phật pháp và tin tưởng thực hành theo giáo pháp v.v... Lại nữa tên pháp cũng có nghĩa là Tu-đa-la v.v... Tên nghĩa, nghĩa là dựa vào pháp mà hiển nghĩa. Tên gọi chung là như nói chúng sinh, tên gọi riêng là như các chúng sinh kia mỗi mỗi đều có tên. Gọi tính là gốc của chữ ấy. Bất tịnh là gọi phạm phu v.v... Tịnh là gọi các học nhân, tức người học Phật pháp. Cứu cánh là chỉ tướng chung các pháp sở duyên. Lại sơ lược có 10 thứ danh tự là phan duyên của Bồ-tát. Như là nói tên pháp là mắt v.v... Tên người là ta v.v... Lại nữa tên pháp là chỉ 12 bộ ngôn giáo. Tên nghĩa, là giáo nghĩa của 12 bộ ngôn giáo kia. Tên chung là tất cả pháp hữu vi vô vi v.v... Tên riêng là sắc, thụ v.v... cho đến hư không v.v... Tên tính là như chữ A là chữ đầu tiên, chữ Ha là chữ cuối cùng. Bất tịnh là phạm phu v.v... Tịnh là kiến đế, tức người thấy chân lý. Đến cứu cánh tức tướng chung các pháp là cảnh. Sở duyên của 2 trí là xuất thế trí và hậu đắc trí duyên tất cả pháp chân như cho nên tất cả tướng của các



pháp. Như trong 10 địa, tướng chung của tất cả nghĩa duyên trí sở duyên, cho nên các tên ấy là cảnh giới chư Bồ-tát,

Luận nói: Bồ-tát nhập duy thức như vậy, được nhập tướng sở tri. Do nhập tướng sở tri nên được nhập Hoan hỷ địa, khéo thông đạt pháp giới được sinh vào nhà Như Lai, được tâm bình đẳng tất cả chúng sinh, được tâm bình đẳng tất cả Bồ-tát, được tâm bình đẳng tất cả Phật. Đây là Bồ-tát được kiến đạo.

Giải thích: Được sinh nhà Như Lai là vì do không đoạn dứt giống Phật. Được tâm bình đẳng tất cả chúng sinh, nghĩa là như nói tự thân muốn nhập Niết-bàn thì đối với tất cả chúng sinh cũng muốn như vậy. Do tâm ấy nên nói là tâm bình đẳng tất cả chúng sinh. Được tâm bình đẳng tất cả Bồ-tát, nghĩa là do đồng được tâm thanh tịnh sâu xa. Được tâm bình đẳng tất cả Phật, nghĩa là do khi trụ nơi địa vị này thì được pháp thân chư Phật. Được pháp thân nên được tâm bình đẳng tất cả Phật. Lại nữa tâm bình đẳng tất cả chúng sinh là được tự tha bình đẳng. Như tự thân muốn hết khổ, thì đối với chúng sinh cũng như vậy. Tâm bình đẳng tất cả Bồ-tát là đồng với các Bồ-tát được tâm thanh tịnh sâu xa làm việc lợi ích chúng sinh. Được tâm bình đẳng tất cả Phật là thấy pháp giới chư Phật với mình không sai khác.

Luận nói: Lại nữa vì sao nhập duy thức quán? Vì để duyên tướng chung của pháp. Vì trí xuất thế Xa-ma-tha Tì-bát-xá-na, sau được trí các thứ thức tướng, diệt thức A-lê-da có tướng nhân, chủng tử tất cả tướng nhân, tăng trưởng được chạm đến chủng tử pháp thân, chuyển y chỉ, sinh ra tất cả Phật pháp. Vì để được trí Nhất thiết trí nên nhập duy thức quán.

Giải thích: Trí Xa-ma-tha Tì-bát-xá-na, tức Xa-ma-tha Tì-bát-xá-na gọi là trí. Trong này có câu: “diệt thức A-lê-da có tướng nhân, chủng tử tất cả tướng nhân” trong đó nói “hữu tướng” tức là nhân

duyên . Nghĩa là trong thức A-lê-da có chủng tử tất cả nhiễm pháp. Lại nói tướng, là để hiển thị chủng tử này, vì là tướng sở duyên. Nói như vậy tức hiển thị được nhân quả các chủng tử này đều diệt.

Luận nói: Lại nữa cái hậu đắc trí kia, trong tính tướng, tất cả thức được sinh trong thức A-lê-da thấy như ảo hóa nên tự nhiên không bị điên đảo. Cho nên như nhà ảo thuật đối với các trò ảo thuật, Bô-tát đối với các tướng nói nhân quả trong mọi thời đều không điên đảo.

Giải thích: Nếu không có trí phân biệt diệt chướng ngại xuất sinh Phật pháp thì trí hậu đắc dùng làm gì? Trí vô phân biệt không thể nói pháp nhân quả kia. Bởi vì sao? Vì không phân biệt. Cho nên phải có trí hậu đắc nói pháp nhân quả ấy. Mọi thời không điên đảo, như nhà ảo thuật đối với các trò ảo thuật. Tất cả do thức A-lê-da sinh, những thứ này đều lấy thức A-lê-da làm nhân. Trong tất cả tính tướng của thức, nghĩa là lấy tính của thức làm nhân, cho nên như những việc ảo thuật. Trí hậu đắc ở trong đó không điên đảo, nên nói cũng không điên đảo.

Luận nói: Ở đây nhập trong duy thức quán có 4 thứ Tam-ma-đề là y chỉ của 4 thứ thông đạt phần. Làm sao có thể thấy? Do nghĩa của 4 thứ tìm cầu. Hạ phẩm Vô trần nhãn, được Minh tam-ma-đề, làm y chỉ của Noãn hành thông đạt phần. Nếu là Tăng thượng nhãn thì được Tăng minh Tam-ma-đề, làm y chỉ cho Đỉnh hành thông đạt phần. Do 4 thứ biết như thật, được nhập duy thức quyết định trần là vô sở hữu. Đây là một phần của Tam-ma-đề nhập vào nghĩa chân thật, là chỗ y chỉ của Thuận đế nhãn. Cái Tam-ma-đề sau cùng trừ bỏ ý tưởng duy thức, đây là chỗ y chỉ của Vô gián Tam-ma-đề thế đệ nhất pháp. Phải thấy các Tam-ma-đề như vậy. Đó là đến gần chỗ đạt ngộ.

Giải thích: Ở mọi nơi khi nhập vào chân thật được thông đạt phần. Nay ở đây cũng hiển thị thiện căn y chỉ của thông đạt phần. Vì

là nhân của thông đạt phần nên nói là y chỉ. Hạ phẩm Vô trần nhãn được Minh Tam-ma-đề, nghĩa là trong vô trần lạc dục ít ỏi mỏng manh. Hiện thị trí vô trần gọi là minh, nghĩa là sáng tỏ. Được Minh Tam-ma-đề là hiện thị cái Tam-ma-đề làm y chỉ của trí vô trần. Tăng thượng vô trần nhãn là trong đây nhãn trở thành cái dục của nó. Cho nên Minh tăng Tam-ma-đề là hiện thị cái trí tăng thượng vô trần gọi là minh. Nói Tam-ma-đề là hiện thị chỗ y chỉ của trí vô trần này. Chỗ y chỉ của Thuận đế nhãn là, pháp vô ngã gọi là đế, nơi đó vô ngã tùy thuận nhãn. Làm thế nào thành Thuận đế nhãn này? Do quyết định không có ngoại vật nào khác, năng thủ cũng không có. Phải biết rằng khi trụ nơi tùy thuận nhanh chóng là được cái vui gần đạt ngộ lúc chính vị.

Luận nói: Như vậy Bồ-tát nhập địa, nhập duy thức nên được kiến đạo. Làm sao phát khởi tu đạo? Tùy theo chỗ thành lập 10 địa, lấy pháp thông tướng hiện trụ trong tất cả Tu-đa-la nhiếp thủ làm duyên, đem trí xuất thế gian và trí hậu đắc Xa-ma-tha Tì-bát-xá-na thường tu tập trong vô lượng trăm ngàn câu-chi na-do tha số kiếp chuyển y chỉ được 3 thứ Phật thân. Tu hành như vậy đó.

Giải thích: Tùy theo chỗ thành lập mà nói, nghĩa là vì thành lập mà trong Kinh Thập Địa nói các địa. Nói “thông tướng pháp làm duyên” nghĩa là duyên một tướng không phải duyên riêng từng câu. Xuất thế là trí vô phân biệt. Hậu đắc là trí thành lập. Đây cũng không thể nói là thế gian. Bởi vì sao? Vì chẳng phải thế gian chứa nhóm huân tập, cũng chẳng phải hoàn toàn xuất thế gian vì tùy thuận hạnh thế gian. Cho nên không thể nói nhất định một tướng. Chuyển y chỉ, là trí phan duyên thông tướng này được chuyển y. Vì được 3 thứ Phật thân, nghĩa là để ta được 3 thứ Phật thân nên tu hành.

Luận nói: Thanh Văn nhập chính vị với Bồ-tát nhập chính vị, hai trường hợp này có gì sai khác? Chính vị của Thanh Văn có 10 thứ sai khác với chính vị của Bồ-tát. Một, sai khác về sở duyên, vì pháp

Đại thừa là sở duyên. Hai, sai khác về sự trụ giữ, vì trụ giữ hành trang đại phúc đức trí tuệ. Ba, sai khác về chỗ thông đạt, vì thông suốt nhân pháp vô ngã. Bốn, sai khác về Niết-bàn, vì nhiếp thủ Niết-bàn không trụ trước. Năm, sai khác về địa vị, vì y vào 10 địa mà được xuất ly. Sáu, sai biệt về thanh tịnh, vì đoạn trừ phiền não, cõi Phật thanh tịnh. Bảy, sai khác về việc được tâm bình đẳng tự thân với tất cả chúng sinh, khởi hạnh thành thực chúng sinh không thôi nghỉ. Tám, sai khác về nơi sinh, vì sinh vào nhà Như Lai. Chín, sai khác về sự hóa hiện, vì trong đại tập hội chư Phật tất cả mọi thời đều hóa hiện. Mười, sai khác về quả, vì thành tựu vô lượng quả đức như thập lực, vô úy, bất cộng Phật pháp v.v...

Giải thích: Sai khác về Niết-bàn là do Bồ-tát nhiếp thủ Niết-bàn không trụ trước, còn Thanh Văn thì không như vậy. Sai khác về thanh tịnh là do Bồ-tát diệt phiền não và tập, và thanh tịnh cõi Phật, Thanh Văn thì không như vậy.

Luận nói: Ở đây có kệ như sau:

*Suy tìm danh và nghĩa,  
Làm khách thể cho nhau.  
Suy tìm hai duy lượng,  
Hai thi thiết cũng vậy.  
Từ đó biết như thật,  
Ba phân biệt vô nghĩa.  
Nếu thấy kia phi hữu,  
Tức nhập ba vô tính*

Giải thích: Như nhập chân thật, trong đây kệ nói: “Suy tìm danh và nghĩa, mỗi mỗi làm khách thể cho nhau.” Nghĩa là danh đối với nghĩa, là khách. Nghĩa đối với danh cũng là khách, đều là tương riêng. Suy tìm, nghĩa là phải thấy trong lúc tĩnh tâm. “Suy tìm hai duy lượng. Hai thi thiết cũng vậy.” nghĩa là nghĩa không có tự tính và sai biệt, cho nên phải biết tự tính chỉ là thi thiết, sai biệt

chỉ là thi thiết. Từ đó sinh cái biết như thật, nghĩa là trong đó biết như thật do 4 thứ tầm tư làm nhân nên được 4 thứ biết như thật. Thấy trong 3 phân biệt vô nghĩa, nghĩa là trong 3 phân biệt không có nghĩa mà thấy, cho nên gọi là phân biệt vì tự tính phân biệt, sai biệt phân biệt. Cái phi hữu kia tức nhập 3 vô tính, nghĩa là nghĩa là vô sở hữu cho nên phân biệt cũng không. Bởi vì sao? Nếu nghĩa của sở phân biệt là có, thì phân biệt có thể được duyên đó mà sinh. Do nghĩa đó không có cho nên phân biệt cũng không được có. Phải biết nghĩa này nên nhập 3 tức nhập 3 tính. Trong đó do thấy danh và nghĩa làm khách thể cho nhau nên được nhập vào danh nghĩa đều có tính phân biệt khác. Nếu thấy danh tự tính thi thiết sai biệt thi thiết chỉ thấy phân biệt, tức được nhập tính y tha, tức cái thức năng phân biệt đây cũng không thấy, tức được nhập tính thành tựu. Đó gọi là 3 thứ nhập.

Luận nói: Lại có bài kệ đề giáo thụ, như trong Quán Hạnh Sai Biệt Luận nói:

*Bồ-tát trong tinh tâm,  
Được thấy tâm ảnh kia.  
Diệt trừ tướng nơi nghĩa,  
Chỉ quán nơi tự tướng.  
Nhu vậy tâm trụ trong,  
Sở tri, thủ chẳng có.  
Tức không có năng thủ,  
Chúng đắc vô sở hữu.*

Giải thích: Vì để được nhập quán nên lại nói kệ giáo thụ. Bồ-tát thấy tâm ảnh, nghĩa là thấy hình ảnh tương tự nghĩa pháp kia chỉ là tự tâm. Người nào thấy, đó là Bồ-tát. Nơi nào thấy, đó là trong tinh tâm, tức trong định. Diệt trừ tướng nơi nghĩa, chỉ quán nơi tự tướng, nghĩa là ở trong tinh tâm, tướng của nghĩa không khởi, biết chỉ là tự tâm là tướng của pháp nghĩa hiển hiện. Như vậy tâm trụ trong, nghĩa là nếu

tâm như vậy được trụ trong nghĩa vô sở hữu, tức là tâm trụ ở trong tâm. Biết sở thủ là phi hữu, nghĩa là biết rõ nghĩa của sở thủ là vô sở hữu. Tức không có năng thủ, nghĩa là do nghĩa của sở thủ không có thì cái tâm năng thủ là kẻ năng thủ cũng không thể có được. Chứng vô sở hữu, nghĩa là đã không có năng thủ sở thủ, tức đã gọi là chứng chân như, bởi chân như là không thể được.

Luận nói: Lại có một biệt kệ nói về chính vị. Như trong Đại Thừa Kinh Trang Nghiêm Luận nói:

*Bồ-tát đầy đủ vô biên tế,  
Phúc đức trí tuệ là hành trang.  
Trong pháp tư lường khéo quyết định,  
Thì liễu nghĩa loại ý thức sinh.  
Biết các nghĩa kia là ý thức.  
Tức trụ tự nghĩa trong duy tâm.  
Như vậy chính chứng pháp giới rồi,  
Cho nên xa lìa hai thứ tướng.  
Vì biết ngoài tâm không gì khác,  
Nên biết được tâm cũng phi hữu.  
Người trí hiểu biết hai đều không,  
Tức trụ không hai trong pháp giới.  
Người trí trí lực không phân biệt,  
Bình đẳng thuận hành thường phổ biến.  
Sở tri rậm rạp đóng tội ác,  
Như đại Già-đà nhỏ các độc.  
Mâu-ni khéo nói các chính pháp,  
An tâm hữu căn trong pháp giới.  
Đã biết niệm hành chỉ phân biệt,  
Người trí mau đến bờ biển đức.*

Giải thích: Lại có bài kệ nhập chính vị như nói trong Đại Thừa Kinh Trang Nghiêm Luận. Nếu có rất khó hiểu thì trong kệ hiển thị.

Vô biên tế, nghĩa là rất khó vượt qua bờ bên kia. Như nói vô biên, không phải là nói không có bờ, không có biên giới, đây là lấy ý nói nhiều nên gọi là vô biên. Đây cũng vậy. Những gì gọi là hành trang? Là phúc đức và trí tuệ. Trong đây thí v.v... 3 Ba-la-mật là hành trang phúc đức. Bát-nhã Ba-la-mật là hành trang trí tuệ. Tinh tiến Ba-la-mật, nếu là tinh tiến về mặt trí tuệ thì đó là hành trang trí tuệ, nếu là tinh tiến về phúc thì đó là hành trang phúc đức. Cũng như vậy, Thiền Ba-la-mật cũng có 2 thứ. Trong đó, nếu duyên Tứ vô lượng thiền thì đó là hành trang phúc đức, ngoài ra là hành trang trí tuệ. Ai có hành trang này thì gọi là người khéo quyết định hành trang trong pháp Bồ-tát, vì do dựa vào hậu lực của Tam-ma-đề. Các pháp hành trang được khéo quyết định chứ chẳng phải gì khác. Nói “thì sinh loại ý thức hiểu nghĩa”, nghĩa là sự hiểu biết các nghĩa đều lấy ý thức làm nhân. Nói “liền trụ nơi nghĩa tương tự trong duy tâm”, nghĩa là do biết các nghĩa kia chỉ là ý thức nên liền ngay nơi tự tâm nghĩa tương tự hiển hiện. Như vậy là đã chính chứng pháp giới. Nói “Vì vậy xa lìa 2 thứ tướng”, nghĩa là biết tự tâm mà nghĩa tương tự hiện rồi, thì ngay khi ấy lìa năng thủ sở thủ chứng đắc chân như. Lại cũng như ngộ nhập chứng đắc. Nay sẽ hiển thị ý nói rằng “do biết ngoài tâm không có gì khác, nên biết được tâm cũng phi hữu”, nghĩa là lìa tâm ra ngoài thì không có nghĩa phan duyên, vì kia là không có, cho nên cái tâm năng duyên cũng không có. Bồ-tát biết 2 cái đó là không có, tức trụ nơi pháp giới không hai, nghĩa là lìa tâm và nghĩa. Trí lực vô phân biệt, là sức trí tuệ lìa phân biệt. Bình đẳng thuận hành, là thuận làm mọi việc trong bình đẳng. Thấy Tu-đa-la v.v... tất cả các pháp bình đẳng như hư không. Phổ biến, nghĩa là các pháp cả trong lẫn ngoài, thấy như vậy. Thường, là tất cả mọi lúc. Dựa vào đồng tội ác rậm rạp, nghĩa là nhân các nhiễm pháp nói là rậm rạp vì khó gỡ nó ra. Đồng tội ác, nghĩa là nhiễm pháp huân tập tự tính làm thể. Mâu-ni khéo nói các chính pháp an tâm trong pháp giới hữu căn, nghĩa là dùng ý an trụ trong tâm hữu căn. Nếu phan duyên tâm kia

chân như thì đây là tâm hữu căn. Như duyên Như Lai chính thuyết, đầy đủ không thiếu, chung lại thành một tướng, phải biết đó là trí vô phân biệt. Nói “Đã biết niệm hành chỉ phân biệt” nghĩa là trụ nơi tâm hữu căn này rồi, vì muốn chính thuyết nên trong trí hậu đắc nhớ nghĩ các nghĩa. Cũng biết rằng hoạt động nhớ nghĩ này chỉ là phân biệt, cho nên do 2 trí vô phân biệt và hậu đắc này chư Bồ-tát mau chóng đến Phật quả bờ kia. Tập trung các nghĩa của bài kệ này thì kệ thứ nhất nói rõ tư lương đạo, kệ thứ hai nói nghĩa của phương tiện đạo, kệ thứ ba nói nghĩa hậu kiến đạo, kệ thứ tư nói nghĩa tu đạo, kệ thứ năm nói nghĩa cứu cánh đạo. Đến đây là giải thích xong nghĩa phải biết tướng sở tri.



# NHIẾP ĐẠI THỪA LUẬN THÍCH LUẬN

## QUYỂN 7

### Nhập nhân quả thắng tướng thắng ngữ 4

#### Chương 1: Nhân quả vị

Luận nói: Như vậy là đã nói xong về ngộ nhập tướng sở tri, còn nhân quả của sự ngộ nhập ấy làm sao thấy được? Do 6 Ba-la-mật là bố thí, trì giới, nhẫn nhục, tinh tiến, thiền định, trí tuệ. Vì sao do 6 Ba-la-mật được nhập duy thức? Lại nữa vì sao 6 Ba-la-mật được thành quả của sự ngộ nhập ấy? Bồ-tát này không tham đắm phúc báo, không phá giới, khổ không nao núng, tu đạo không biếng trễ, không tạo nhân các chướng ngại này nên tâm được chuyên nhất, tức có thể đúng đắn chọn lọc các pháp nên được nhập duy thức. Bồ-tát dựa vào 6 Ba-la-mật nhập duy thức rồi, lần lượt thanh tịnh, thâm nhiếp 6 Ba-la-mật sâu xa trong tâm. Vì vậy cho nên trong đó dù rời 6 Ba-la-mật mà hiện khởi phương tiện, do hiểu đúng nói đúng nên khởi tùy hỷ yêu thích, tương ưng huân tu mọi thời không gián đoạn, thì Ba-la-mật liền được viên mãn.

Giải thích: Nếu nhập duy thức rồi, tâm thanh tịnh Ba-la-mật sâu xa liền được tương ưng hiện hành. Cùng hiện hành tương ưng này nên gọi là hiện hành tương ưng. Hiểu đúng nói đúng nghĩa là mọi nói năng đều tương ưng với 6 Ba-la-mật, trong chính thuyết sâu xa khởi tâm tin hiểu. Khởi ý yêu thích, nghĩa là thấy yêu thích công đức trong

các Ba-la-mật. Khởi ý nguyện muốn được, nghĩa là do Phật được đến tịnh tâm đệ nhất bỉ ngạn này, cho nên ta và tất cả chúng sinh cũng sẽ được. Vì vậy phát tam nguyện được. Đây là bao gồm các Ba-la-mật. Tâm thanh tịnh sâu xa có những tướng trạng gì. Tiếp theo đây là kệ văn hiển thị tướng này.

Luận nói: Ở đây có kệ như sau:

*Viên mãn pháp bạch tịnh,  
Và được nhãn mau chóng.  
Bồ-tát do tự thừa,  
Sâu rộng trong chính thuyết.  
Giác tri chỉ phân biệt,  
Được vô phân biệt trí.  
Lạc dục tín giải tịnh,  
Gọi là thanh tịnh ý.  
Trước và pháp lưu y,  
Đều được thấy chư Phật.  
Đã biết gần Bồ-đề,  
Được Bồ-đề không khó.*

Giải thích: Trong đây bắt đầu từ tín hành địa, khéo tập hợp hành trang tư lương. Viên mãn pháp bạch tịnh và được nhãn nhanh chóng, nghĩa là nhãn có 3 phẩm là nhãn, trung và thượng. Trong đây là trụ ở tối thượng nhãn nên nói là nhanh chóng. Tâm này do sở duyên nên được thanh tịnh. Nay sẽ nói rõ. Sở dĩ gọi là Đại thừa vì do giáo thuyết sâu xa rộng lớn, tức là Bồ-tát tự thừa. Trong này nói sâu xa tức là nói pháp vô ngã. Rộng lớn, nghĩa là như hư không, khí, v.v... Tam-ma-đề như chỗ tư duy thanh tịnh. Nay sẽ nói rõ. Do biết tất cả pháp chỉ là phân biệt, nên nay sẽ nói rõ cái tướng của tịnh tâm. Nói “Trước” là trước khi tịnh tâm. Và “đây” là trong khi tịnh tâm. “Được thấy chư Phật”, đó là tướng. Pháp lưu, nghĩa là khi trụ định tâm. Nay sẽ nói rõ. Cái định tâm này, lợi ích khi trụ định tâm

là thấy gần Bồ-đề. Bởi được cái phương tiện có thể được này nên được là không khó.

Luận nói: Các kệ này nói chung là hiển thị tịnh tâm có 7 tướng: 1.tư lương, 2.nhẫn, 3.sở duyên, 4.tư duy, 5.tự thể, 6.thắng tướng, 7.lợi ích, như trong kệ tuần tự nói từng câu.

Giải thích: Các kệ này hiển thị tịnh tâm. Có tư lương như thế, nhẫn như thế, phan duyên như thế, tư duy như thế, thể tính như thế, tướng biểu hiện như thế, lợi ích như thế. Như kệ hiển thị tức là thành lập cái thể của tịnh tâm.

## **Chương 2: Thành lập 6 số**

Luận nói: Vì sao chỉ có 6 Ba-la-mật? Vì thành lập đối trị các chướng ngại. Vì sinh khởi trụ xứ tất cả Phật pháp. Vì tùy thuận thành thực tất cả chúng sinh. Đối trị không phát khởi nhân duyên nên lập thí, giới 2 Ba-la-mật. Không phát khởi nhân duyên có 2 là đấm trước phúc báo và đấm trước nhà cửa. Đối trị phát khởi nhân duyên thoái chuyển nên lập nhẫn, tiến 2 Ba-la-mật. Nhân duyên thoái chuyển có 2 là trong sinh tử, chúng sinh trái phạm sinh khổ, trong việc tu thiện thời gian lâu mà mệt mỏi. Đối trị sự phát khởi nhân duyên là hoại mất sự không thoái chuyển nên lập định, trí 2 Ba-la-mật. Nhân duyên hoại mất có 2 là tán loạn và ác trí. Đối trị các chướng ngại này nên lập 6 số.

Giải thích: Trong nhân duyên hoại mất, ác trí là điên đảo chấp thủ cho nên như các ngoại đạo bởi ác trí thành ra có chỗ hoại mất. Ngoài ra thành lập tán loạn v.v... các chướng ngại. Nghĩa đối trị đều có thể biết được.

Luận nói: Bốn Ba-la-mật trước là nhân duyên không tán loạn cho nên một Ba-la-mật không tán loạn thành tựu do y chỉ không tán loạn, được chính giác đúng lý thật nghĩa các pháp, nên tất cả Phật pháp được sinh khởi. Là nơi sinh khởi tất cả Phật pháp như thế nên thành lập 6 số.

Giải thích: Chỗ trụ của tất cả Phật pháp, nghĩa là tất cả Phật pháp lấy đây làm nhân thành lập. Thứ hai 6 số nhân duyên Ba-la-mật, chỉ 6 không tăng. Do y chỉ không tán loạn nên được chính giác đúng lý thật nghĩa các pháp, nghĩa là do y chỉ Thiền Ba-la-mật nên Bát-nhã Ba-la-mật được hiểu rõ như thật các nghĩa. Ngoài ra có thể biết nghĩa các câu khác.

Luận nói: Do Thí Ba-la-mật nên nhiếp thụ chúng sinh. Do Giới Ba-la-mật nên không tổn hại chúng sinh. Do Nhẫn Ba-la-mật nên có thể chịu đựng sự tổn hại. Do Tinh tiến Ba-la-mật nên có thể làm những việc phải làm. Do các nhân duyên tiếp thụ này nên khiến các chúng sinh thành thực được điều phục. Nếu chúng chưa được tâm vắng lặng thì khiến được Tam-ma-đề. Người tâm được vắng lặng rồi, khiến được giải thoát. Trong khi giáo hóa liền được thành thực. Trụ nơi thành thực chúng sinh như vậy nên thành lập 6 số. Nên biết như vậy.

Giải thích: Thứ ba, trong nhân duyên thành lập 6 số, tất cả chúng sinh giáo hóa tùy thuận, nghĩa là trong việc giáo hóa thành thực tất cả chúng sinh, tùy thuận tương ưng do đây được thành, cho nên chỉ thành lập có 6 khiến xuất ly. Đối với kẻ tâm chưa vắng lặng thì dùng Thiền Ba-la-mật khiến tâm được vắng lặng. Kẻ đã vắng lặng thì dùng Bát-nhã Ba-la-mật khiến được giải thoát nên được thành thực. Trong khi giáo hóa, nghĩa là trong lúc dạy dỗ.

### **Chương 3: Tướng**

Luận nói: Làm sao thấy tướng của 6 Ba-la-mật này? Vì nó có 6 thứ vượt trội: Một, y chỉ vượt trội, vì Bồ-đề tâm là y chỉ. Hai, sự vượt trội, vì đầy đủ các việc tu hành. Ba, việc làm vượt trội, vì muốn lợi ích tất cả chúng sinh. Bốn, phương tiện khéo léo vượt trội, vì ở trong trí vô phân biệt. Năm, hồi hướng vượt trội, vì hồi hướng A-nậu-đa-la Tam-miệu Tam-bồ-đề. Sáu, thanh tịnh vượt trội, vì diệt các phiền não trí chướng xuất sinh bình đẳng.

Giải thích: Bồ thí v.v... là tướng thế nào? Được Ba-la-mật, bởi thế gian và Thanh Văn v.v... cũng có bồ thí v.v... nên phải nói cái tướng của nó. Tướng của Ba-la-mật có 6 thứ y chỉ vượt trội, do mọi lúc mọi nơi y chỉ tâm Bồ-đề. Sự vượt trội, nghĩa là không có một người nào có đầy đủ hiện hành bên trong cũng như bên ngoài. Chỉ có Bồ-tát là người có đầy đủ hiện hành. Đó là hành bồ thí. Nói vượt trội là mọi sự bồ thí là chỉ vì lợi ích an vui tất cả chúng sinh. Phương tiện khéo léo vượt trội, nghĩa là tam luân thanh tịnh gọi là phương tiện khéo léo. Bởi vì không phân biệt của bồ thí, người bồ thí và kẻ nhận sự bồ thí. Ở trong trí vô phân biệt như vậy nên được tên gọi là bồ thí. Hồi hướng vượt trội, nghĩa là do bồ thí này v.v... hồi hướng vô thượng Bồ-đề. Thanh tịnh vượt trội, nghĩa là nếu đến Phật quả, thí v.v...bấy giờ được thanh tịnh. Khi ấy sinh xuất đầy đủ tác dụng lià phiền não chướng trí chướng.

Luận nói: Thế nào là thí tức Ba-la-mật? Ba-la-mật là thí ư? Có trường hợp thí không phải Ba-la-mật. Nên lập 4 câu. Và giống như thí, các Ba-la-mật khác cũng nên lập 4 câu như vậy. Phải biết như thế.

Giải thích: Thế nào là thí tức Ba-la-mật? Ba-la-mật tức là thí ư? Đây là phần câu hỏi. Trong câu đáp có trường hợp bồ thí không phải Ba-la-mật, nghĩa là xa lià 6 thứ vượt trội. Có ba-la-mật không phải bồ thí, nghĩa là như giới Ba-la-mật v.v..., vì bao gồm trong 6 thứ vượt trội. Có thí tức Ba-la-mật, nghĩa là thí được bao gồm trong 6 thứ vượt trội. Có chẳng phải thí chẳng phải Ba-la-mật, nghĩa là lià 6 thứ hạnh vượt trội. như trì giới v.v... là như thế. Tất cả trong Ba-la-mật, 4 câu đều như vậy.

#### **Chương 4: Thứ tự**

Luận nói: Vì sao các Ba-la-mật này được nói theo thứ tự như thế? Vì nó tùy thuận Ba-la-mật trước sinh Ba-la-mật sau.

## Chương 5: Đặt tên

Luận nói: Lại nữa làm sao thấy được vì sao các Ba-la-mật được đặt tên như vậy? Vì pháp này hơn tất cả sự bố thí của thế gian, Thanh Văn, Bích-chi-phật, có khả năng đạt đến bờ kia nên gọi Ba-la-mật, có khả năng phá tan sự tham lam keo kiệt nên gọi là Đà, được quả báo lớn và hành trang phúc đức nên gọi là Na. Vì vậy bố thí gọi là Đà-na. Có khả năng diệt trừ phá giới và nẻo ác nên gọi là Thi, được đến nẻo thiện và định nên gọi là La. Vì vậy có tên là Thi-la. Có khả năng làm sạch hết sự giận dữ oán thù nên gọi là Săn, mình và người được ở trong an ổn nên gọi là Đề. Vì vậy có tên là Săn-đề. Có khả năng lia bỏ sự biếng nhác và các pháp ác bất thiện nên gọi là Tì, được xuất sinh vô lượng thiện pháp khiến tăng trưởng nên gọi là Lị-da. Vì vậy có tên là Tì-lị-da. Có khả năng xả bỏ tán loạn nên gọi là Địa-da, được dẫn tâm trụ vào bên trong nên gọi là Na, Vì vậy có tên là Địa-da-na. Có khả năng khiến trừ tất cả kiến chấp ác trí nên gọi là Bát-la, được biết pháp chân như và pháp chủng loại nên gọi là Thận-nhương. Vì vậy có tên là Bát-la-thận-nhương.

Giải thích: Nay nói rõ các tên này. Tên chung các Ba-la-mật đều dùng từ ngữ Đáo bỉ ngạn, nghĩa là đến bờ kia. Cho nên Ba-la-mật là độ tất cả thế gian và Thanh Văn, Bích-chi-phật v.v... Thí v.v... bị ngạn nên gọi Ba-la-mật cho mỗi tên. Nhân thì phá xan tham. Bởi vì sao? Do phá trừ xan tham nên có thể bố thí không ngại. Quả thì trừ được bần cùng nên gọi là Đà. Đối với quả thì được quả báo lớn và phúc đức tư lương nên gọi là Na. Đó là Đà-na. Đứng về nhân thì giới dứt ác, đứng về quả thì diệt các nẻo ác nên gọi là Thi. Quả thì được nẻo thiện và được hiện tiền Tam-ma-đề nên gọi là La. Tức là Thi-la. Như vậy giải thích tên các Ba-la-mật đều tương ưng như đây. Mình và người đều được trụ nơi an ổn, nghĩa là do tự bản thân không bị các lỗi giận dữ quấy nhiễu, cũng không gây khổ cho người khác nên người cũng được an ổn.

## Chương 6: Tu tập

Luận nói: Làm sao thấy sự tu tập các Ba-la-mật? Lược nói có 5 cách tu tập: 1. Tu tập bằng cách khởi hành phương tiện. 2. Tu tập bằng sự tin hiểu. 3. Tu tập bằng tư duy, 4. Tu tập bằng phương tiện khéo léo. 5. Tu tập bằng việc làm những điều nên làm. Trong đây 4 cách tu như trước đã nói. Còn tu tập bằng cách làm những điều nên làm, nghĩa là chư Phật đã đến địa vị viên mãn các Ba-la-mật rồi, nhưng dùng tâm vô công dụng không bỏ Phật sự tu các Ba-la-mật.

Giải thích: Trong 5 cách tu, tu khởi hành phương tiện, nghĩa là phát khởi chính hạnh trong phương tiện. Tu làm các việc nên làm, nghĩa là chư Phật trụ trong pháp thân, không dụng công, nhưng không bỏ các Phật sự. Mặc dầu đã lìa bỏ hiện hành các Ba-la-mật, nhưng vì nhiếp hóa chúng sinh nên có tu tập này là làm những việc nên làm.

Luận nói: Lại nữa tu tập bằng tư duy, nghĩa là yêu thích tùy hỷ nguyện được tư duy. Gồm 6 thứ thâm tâm: 1.thâm tâm rộng lớn, 2.thâm tâm kiên cố, 3.thâm tâm hoan hỷ, 4.thâm tâm chịu ơn, 5.thâm tâm chí lớn, 6.thâm tâm thắng ích. Nếu Bồ-tát trải qua bao nhiêu kiếp a-tăng-kì được chứng chính giác A-nậu-đa-la Tam-miệu Tam-bồ-đề, trong thời gian ấy mỗi niệm mỗi niệm bỏ hết tất cả thân mạng cho đến 7 báu đầy trong Hằng sa thế giới phụng sự bố thí cúng dường chư Như Lai cho đến khi an tọa trên đạo tràng Bồ-đề mà tâm bố thí của Bồ-tát cũng không chán đủ. Và cũng trong ngàn ấy thời gian, mỗi niệm mỗi niệm lửa mạnh bốc cháy đầy trong 3 ngàn Đại thiên thế giới, trong đó thực hành 4 oai nghi mà chẳng có một thứ phương tiện gì giúp cho đời sống, Bồ-tát vẫn nhất tâm thực hành trì giới, nhẫn nhục, tinh tiến, thiền định, trí tuệ cho đến khi an tọa đạo tràng. Tâm trì giới, nhẫn nhục, tinh tiến, thiền định, trí tuệ của Bồ-tát này cũng không chán đủ. Đó là thâm tâm rộng lớn của Bồ-tát. Lại nữa nếu Bồ-tát này cho đến khi tọa đạo tràng không bỏ tâm không chán đủ này, đó gọi là thâm tâm kiên cố. Nếu Bồ-tát này khi

dùng 6 Ba-la-mật nhiếp hóa chúng sinh, sinh hoan hỷ hơn cả nỗi vui mừng của chúng sinh được nhiếp hóa. Đó là thâm tâm hoan hỷ của Bồ-tát. Nếu Bồ-tát này khi dùng 6 Ba-la-mật nhiếp hóa chúng sinh, thấy chúng sinh đối với ta có ơn lớn, chứ không phải ta có ơn đối với chúng sinh. Đó là thâm tâm chịu ơn. Nếu Bồ-tát này khi dùng 6 Ba-la-mật nhóm họp thiện căn, lại khiến chúng sinh được quả báo tốt đẹp. Đó là thâm tâm chí lớn của Bồ-tát. Nếu Bồ-tát này khi dùng 6 Ba-la-mật nhóm họp thiện căn hồi hướng cho tất cả chúng sinh đều được A-nậu-đa-la Tam-miệu Tam-bồ-đề. Đó là thâm tâm thắng ích của Bồ-tát. Sáu thứ thâm tâm này gọi chung là ái vị tư duy. Lại nữa nếu Bồ-tát này đối với vô lượng 6 thứ thâm tâm khác tu tập tương ưng các thiện căn của Bồ-tát mà sinh tùy hỷ, thì đây 6 thứ thâm tâm của Bồ-tát gọi chung là tùy hỷ tư duy tu. Lại nữa nếu Bồ-tát này nguyện khiến tất cả chúng sinh đều được 6 thứ thâm tâm gồm trong 6 Ba-la-mật, cũng nguyện tự thân cho đến khi tọa đạo tràng, thường không xa rời 6 thứ thâm tâm gồm trong 6 Ba-la-mật, thì đó gọi là 6 thứ thâm tâm gồm nguyện được tư duy tu. Nếu chỉ nghe 6 thứ thâm tâm của Bồ-tát này bao gồm tư duy tu, sinh một niệm tịnh tín, liền được xuất sinh vô lượng phúc đức thì đã làm hoại tất cả nghiệp chướng cực ác huông chi là Bồ-tát.

Giải thích: Nói “Trong thời gian ấy, mỗi niệm mỗi niệm”, nghĩa là giả sử khiến thời lượng 3 A-tăng-kì làm một niệm, lấy một niệm như vậy lại trải qua thời gian ấy được Bồ-đề, trong thời gian ấy mỗi niệm mỗi niệm xả thân mạng mình v.v...Nghĩa ấy có thể hiểu tuần tự như trong luận bản. Cũng như vậy tuần tự cho đến thời gian được Bồ-đề, trong thời gian ấy hoặc tu hành Thi-la cũng vậy. Nói lửa dữ bốc cháy đầy trong 3 ngàn Đại thiên thế giới, mà không có tất cả phương tiện giúp cho đời sống, nghĩa là đây nói nơi trụ xứ gian nan không có gì cung ứng cho đời sống. Nói hoại tất cả nghiệp chướng cực ác, nghĩa là trong này nói hủ hoại là hay dục lạc nên không có năng lực cho quả báo. Lại đối trị néo ác đạo nên gọi là hủ hoại. Tâm



rộng lớn, tức trong đây là tâm không chán đủ. Các tâm này duy trì thời gian lâu không bỏ là tâm kiên cố. Trong đây nói kiên cố nghĩa là thời gian lâu. Nghĩa các tâm khác có thể hiểu được.

### Chương 7: Sai biệt

Luận nói: Làm sao thấy được sự sai biệt của các Ba-la-mật này? Phải biết mỗi Ba-la-mật đều có 3 thứ. Như pháp thí, tài thí, vô úy thí. Thủ hộ giới, nhiếp thiện pháp giới, tác lợi chúng sinh giới. Thụ ác sự nhẫn, an khổ nhẫn, pháp tư duy nhẫn. Bị khải tinh tiến, phát hành tinh tiến, bất khiếp nhược bất thoái chuyển vô yếm túc tinh tiến. An lạc trụ định, xuất sinh định, tác sở ưng tác định. Vô phân biệt phương tiện trí, vô phân biệt trí, vô phân biệt hậu đắc trí.

Giải thích: Nói sự khác nhau của các Ba-la-mật là hiển thị cái thể. Trong đây vì sao có pháp thí v.v... 3 thứ? Bởi pháp thí làm tăng ích thiện căn người khác, tài thí tăng ích thân người khác, vô úy thí tăng ích tâm người khác. Do nhân duyên này nói có 3 loại thí. Trong 3 thứ của giới, thủ hộ giới là giới y chỉ, còn 2 giới kia dựa vào đây mà trụ. Do trụ nơi thủ hộ giới nên nhiếp thiện pháp giới được xuất sinh Phật pháp và Bồ-đề nên gọi là y chỉ. Lợi chúng sinh giới dựa vào đây mà trụ nên được thành thực chúng sinh nên gọi là y chỉ. Trong 3 thứ của nhẫn, thụ ác sự nhẫn là nếu người khác làm việc ác mình có thể nhịn chịu. Bồ-tát khi làm việc lợi ích chúng sinh, do sức nhẫn này nên khổ sinh tử không thể thoái chuyển. An khổ nhẫn là do có sức nhẫn nên ở trong sinh tử có bệnh v.v... các khổ không thể thoái chuyển. Pháp tư duy nhẫn là do nhẫn này nên khi tư duy pháp có thể nhẫn chịu nên nhẫn này tức là chỗ y chỉ của 2 nhẫn trước. Trong tinh tiến có 3 thứ thể. Như trong Tu-đa-la Thế Tôn nói là thế lực, là tinh tiến, là kham năng, là kiên cố siêu việt, là không bỏ ách nặng. Năm câu này tức giải thích 3 thứ thể của tinh tiến. Trong đó bị khải tinh tiến là tinh tiến như mặc áo giáp nên được thế lực mạnh. Lấy đây làm đầu do phát khởi tinh tiến, được chính tinh

tiền lúc phát khởi không khiếp nhược không động chuyển, tinh tiến không chán đủ v.v... Theo như thứ tự thì tức là kham năng, kiên cố siêu việt, không bỏ ách nặng v.v... lấy 3 câu này giải thích thì do có người lúc mới cầu vô thượng Bồ-đề có thể lực, khi phát khởi có tinh tiến, chỉ có điều là tâm hạ liệt. Để đối trị trường hợp này nên phải kham năng. Nếu có kham năng thì tâm không thoái khuất. Hạ liệt tức là thoái khuất. Nếu người tuy tâm không hạ liệt, nhưng trong khổ sinh tử tâm nhiều động thì đối với Phật quả sẽ sinh thoái khuất. Để đối trị trường hợp này nên phải không dao động, tinh tiến và kiên cố siêu việt. Cho nên nói kiên cố siêu việt đây, do kiên cố siêu việt nên đối với cái khổ không thoái lui. Có người tuy đối với cái khổ không thoái lui nhưng đối với thiếu phần đã sinh tưởng đầy đủ, không thể được vô thượng Bồ-đề, cho nên nói tinh tiến không chán đủ. Đối với thiếu phần không sinh tưởng đầy đủ và liền hiển thị cái tinh tiến không bỏ ách nặng. Do nghĩa này nên nói 3 thứ tinh tiến. Trong định cũng có 3. Lạc trụ là do hiện thấy pháp an lạc nên trụ gọi là lạc trụ. Xuất sinh là do xuất sinh 6 thân thông. Làm việc nên làm là do y chỉ thiên-na nên làm việc lợi ích chúng sinh. Vì vậy gọi là làm việc nên làm. Do các nghĩa này nên lập 3 thứ định. Trong Bát-nhã thành lập 3 thể, nghĩa có thể hiểu được.

### **Chương 8: Gồm thân**

Luận nói: Làm sao thấy được nghĩa thâm nhiếp của các Ba-la-mật này? Các Ba-la-mật này thâm nhiếp tất cả thiện pháp. Vì là thể tướng của chúng, vì là tùy thuận của chúng, vì là lưu xuất của chúng.

Giải thích: Câu hỏi làm sao thấy được nghĩa thâm nhiếp của những cái này, tức là hỏi làm sao thấy được các Ba-la-mật này gồm thân các thiện pháp. Phải biết rằng nói tu các thiện pháp được thâm nhiếp trong Ba-la-mật, hay nói tu thiện pháp thâm nhiếp Ba-la-mật cũng vậy. Những cái này thâm nhiếp tất cả thiện pháp, tức là trong đây tất cả thiện pháp tức là Bồ-đề phần pháp. Thể tướng của chúng

tức là thể tướng của Bát-nhã. Lưu xuất của chúng tức là 6 thân thông, 10 lực v.v... và các công đức khác đều là lưu xuất của chúng. Tùy thuận của chúng, tức là tin cậy nương tựa tùy thuận với đây.

### **Chương 9: Đối trị**

Luận nói: Làm sao có thể thấy các chương ngại của Ba-la-mật? Phải biết gồm tất cả phiền não. Vì nó là thể tướng, nguyên nhân và kết quả.

Giải thích: Như đã nói rõ, các Ba-la-mật gồm thâm tất cả thiện pháp. Như nó đối trị tất cả nhiễm pháp. Nay sẽ nói rõ. Trong đó thể tướng của chúng là thể tướng của dục v.v... nhân duyên của chúng là nhân duyên của xan tham v.v... như không tin, tà kiến v.v... nên sinh xan tham, quả của chúng là như xan lẫn, phá giới, giận dữ là quả.

### **Chương 10: Công đức**

Luận nói: Làm sao thấy được công đức các Ba-la-mật này? Bồ-tát trong sinh tử lưu chuyển nhiếp thủ tự tại nên nhiếp thủ đại sinh, nhiếp thủ đại trợ bạn, đại quyền thuộc, nhiếp thủ đại sự nghiệp phương tiện thành tựu, nhiếp thủ thân không nào hại, ít trần cấu, nhiếp thủ sang suốt các luận biết giỏi các nghề công xảo kỹ thuật. Các quả báo này không có gì đáng chê trách cho đến khi tọa đạo tràng làm các công đức trước mắt lợi ích tất cả chúng sinh.

Giải thích: Quả báo công đức Ba-la-mật của Bồ-tát là không thể chê trách, chẳng phải như các quả báo khác có thể chê trách vì nhiễm ô, vì vô thường. Quả báo của Ba-la-mật thì không phải vô thường. Bởi vì sao? Bởi nói cho đến khi tọa đạo tràng. Lại nữa quả báo kia là chỉ tự mình tạo lấy không phải do người khác. Nói phát khởi việc lợi ích tất cả chúng sinh, quả Ba-la-mật tức là tất cả công đức của quả Ba-la-mật đều không có sự chê trách.

## Chương 11: Hiện thị lẫn nhau

Luận nói: Làm sao thấy được các Ba-la-mật này hiện thị lẫn nhau? Thế Tôn có nơi tất cả 6 Ba-la-mật chỉ lấy tên thí mà nói, hoặc lấy tên giới nói, hoặc lấy tên nhẫn nói, hoặc lấy tên tinh tiến nói, hoặc lấy tên định nói, hoặc lấy tên trí nói. Như vậy là ý gì? Trong các Ba-la-mật, khi tu một Ba-la-mật các Ba-la-mật khác đều đến trợ giúp hoàn thành. Dựa vào ý này, trong đây có bài kệ nhiếp trì như sau:

*Số tướng và thứ tự,  
Danh tự tu công đức.  
Sai biệt và nhiếp trì,  
Công đức hiện thị nhau.*

Giải thích: Trong 3 trăm kệ, trong Bát-nhã Ba-la-mật nói một Ba-la-mật tức nói tất cả Ba-la-mật. Nói vậy là ý gì? Khi thực hành một Ba-la-mật thì tất cả các Ba-la-mật đều đến trợ giúp hoàn thành. Do ý này nên khi bố thí được nhiếp thủ thân khẩu, tức thuộc giới Ba-la-mật, cho đến trí biết nhân quả, tức thuộc Bát-nhã Ba-la-mật. Nghĩa trợ thành của các Ba-la-mật khác cũng tương ứng như vậy. Đến đây là giải thích xong về nhập nhân quả.

## Tu sai biệt thắng tướng thắng ngữ 5

### Chương 1: Đối trị

Luận nói: Như vậy là đã nói về ngộ nhập nhân quả rồi, vậy làm sao thấy tu sai biệt như thế nào? Tu sai biệt này có 10 địa Bồ-tát. Những gì là 10? Là Hoan hỷ địa, Ly cấu địa, Chiếu minh địa, Diệm địa, Nan thắng địa, Hiện tiền địa, Viễn hành địa, Bất động địa, Thiện tuệ địa, Pháp vân địa. Các địa này thành lập làm 10. Làm sao thấy được lý do thành lập? Vì để đối trị 10 thứ vô minh chướng ngại, nên có 10 thứ và pháp giới cũng có 10 thứ vô minh làm chướng trụ. Làm

sao biết? Mười thứ, pháp giới là địa đầu tiên có nghĩa là phổ biến khắp, địa thứ hai có nghĩa là vượt trội hơn hết, địa thứ ba có nghĩa là từ tội thượng lưu xuất, địa thứ tư có nghĩa là không nhiếp thụ, địa thứ năm có nghĩa là thể không sai biệt, địa thứ sáu có nghĩa là không nhiễm tịnh, địa thứ bảy có nghĩa là các pháp không sai biệt, địa thứ tám có nghĩa là không thêm bớt, địa thứ chín có nghĩa là y chỉ tướng tự tại và y chỉ cõi tự tại, y chỉ trí tự tại, địa thứ mười có nghĩa là y chỉ nghiệp tự tại, y chỉ Đà-la-ni môn tự tại, y chỉ Tam-ma-đề môn tự tại. Ở đây có kệ như sau:

*Biển hành, nghĩa tối thắng,  
Nghĩa tối thượng lưu xuất,  
Là nghĩa không nhiếp thụ,  
Và thể không sai khác,  
Nghĩa không nhiễm không tịnh,  
Không các pháp sai biệt,  
Nghĩa không thêm không bớt,  
Y chỉ 4 tự tại,  
Vô minh trong pháp giới,  
Mười chướng chẳng nhiễm ô,  
Trong 10 địa là chướng,  
Đối trị nói các địa.*

Lại nữa nên biết rằng vô minh này đối với Thanh Văn là không nhiễm ô, nhưng đối với Bồ-tát là nhiễm ô.

Giải thích: Nay nói rõ về tu sai biệt. Thế nào là phải biết 10 thứ? Pháp giới, nghĩa là phổ biến khắp cả, cho đến nghĩa Tam-ma-đề, Đà-la-ni tự tại. Nên biết 10 thứ này, pháp giới trong mỗi địa đều có một thứ, nhưng vì sức của vô minh nên không biết được. Để đối trị 10 chướng của vô minh kia nên có 10 địa. Những gì là 10? Một là tính phạm phu. Hai là tà hạnh đối với thân chúng sinh v.v... Ba là tối tăm đần độn nên quên mất đối với văn tự tu. Bốn là phiền não

vi tế hiện hành cùng với thân kiến v.v... cộng sinh với hạ phẩm. Do ý niệm duyên nên bỏ xa các hiện hành vi tế. Nên biết đây là vi tế. Năm là hạ thừa nhập Niết-bàn. Sáu là thô tướng hành. Bảy là vi tế tướng hành. Tám là trong vô tướng làm công dụng. Chín là không làm việc lợi ích chúng sinh. Mười là đối với các pháp không được tự tại. Nay sẽ giải thích nghĩa biến hành của bài kệ. Pháp giới biến hành khắp mọi nơi. Bởi vì sao? Vì tất cả pháp không một pháp nào chẳng là vô ngã. Nghĩa tối thắng, nghĩa là nghĩa này vượt trội trong tất cả các pháp. Tức là tinh túy lưu xuất từ nhị địa. Tối thắng là nếu biết có Đại thừa chính thuyết là tinh túy lưu xuất từ chỗ vượt trội hơn cả thì được địa thứ ba. Trong đó không chấp thủ ngã sở, như người Uất-đan-việt không có ngã sở. Khi chứng pháp giới, liền được không có ngã sở như vậy. Do cái trí này liền được địa thứ tư. Đây tức là thể không sai biệt, chẳng phải như mắt thấy sắc v.v... tùy theo mỗi mỗi cái thể sai biệt của các chúng sinh. Do trí này được nhập vào địa thứ năm. Cũng không nhiễm, vì bản tính không nhiễm cho nên không nhiễm tức tịnh. Do trí này nên được nhập địa thứ sáu. Tu-đa-la v.v... các nghĩa tuy thành lập có sai biệt nhưng không khác nhau. Do trí này được nhập địa thứ bảy. Khi phiền não diệt không giảm, tịnh pháp lớn không tăng, y chỉ tướng tự tại, y chỉ cõi tự tại. Do trí này được nhập địa thứ tám. Trong tướng được tự tại, do tùy sở dục tướng liền hiện tiền. Trong cõi tự tại là như muốn cõi biến thành vàng liền được thành nên gọi là tự tại. Trong trí tự tại là y chỉ trí biện tài tự tại nên được nhập địa thứ chín. Thân v.v... các nghiệp tự tại y chỉ, Đà-la-ni, Tam-ma-đề môn tự tại y chỉ nên được nhập địa thứ mười. Lại nữa vô minh này đối với Thanh Văn không phải nhiễm ô do không nhập các địa này. Nếu khi nhập sơ địa tức thì thông đạt tất cả các địa, vậy tại sao còn tuần tự lập ra các địa làm gì? Để giải thích câu hỏi này là tùy theo chỗ thực hành ở mỗi bậc mà thành lập. Mặc dầu ở sơ địa đã thông đạt tất cả nhưng phải thành lập các địa.

## Chương 2: Đặt tên

Luận nói: Lại nữa vì sao sơ địa tên là Hoan hỷ? Do lần đầu tiên có công năng thành tựu tự lợi lợi tha. Vì sao địa thứ hai tên Ly cầu? Do xa lìa như bản của sự phá giới. Vì sao địa thứ ba tên là Chiếu minh? Do không thoái lui chỗ y chỉ Tam-ma-địa, Tam-ma-bát-đề, y chỉ đại pháp sáng suốt. Vì sao địa thứ tư tên là Diệm? Vì pháp Bồ-đề phần đốt cháy tất cả chướng. Vì sao địa thứ năm tên là Nan thắng? Vì hai trí chân tục trái nhau rất khó làm tương ưng nhau. Vì sao địa thứ sáu tên là Hiện tiền? Vì trí duyên sinh làm y chỉ khiến hạnh Bát-nhã Ba-la-mật hiện tiền. Vì sao địa thứ bảy tên là Viễn hành? Vì đến biên giới sau cùng của hạnh công dụng. Vì sao địa thứ tám tên là Bất động? Vì tất cả tướng hành không động. Vì sao địa thứ chín tên là Thiện tuệ? Vì trí biện tài vượt trội hơn cả. Vì sao địa thứ mười tên là Pháp vân? Do tướng chung duyên trí tất cả pháp, là kho chứa tất cả Đà-la-ni, Tam-ma-địa môn như mây trời. Lại chướng thô nặng như hư không, mây có thể kéo che. Lại pháp thân viên mãn.

Giải thích: Vì sao sơ địa tên Hoan hỷ? Do mới bắt đầu được thành tựu công năng tự lợi lợi tha. Khi Thanh Văn chứng chân thật chỉ thành tựu được công năng tự lợi, không làm lợi tha. Vì vậy không được sự hoan hỷ như chư Bồ-tát. Vì sao địa thứ hai tên Ly cầu? Do ở địa này tính giới thành tựu, không như sơ địa tác ý trì giới. Do thành tựu được tính giới, xa lìa sự như bản của phá giới. Vì sao địa thứ ba tên Chiếu minh? Do ở trong địa này thường không tách rời Tam-ma-địa, tam-ma-bát-đề. Do không thoái lui nên liền được sáng tỏ trong pháp Đại thừa. Vì sao địa thứ tư tên Diệm? Do ở địa này được thực hành pháp Bồ-đề phần. Do hành pháp này tất cả phiền não, tùy phiền não đều bị đốt cháy hết. Vì sao địa thứ năm tên Nan thắng? Do ở địa này chân trí xuất thế là vô phân biệt. Thế trí công xảo luận là phân biệt. Cần phải tu đủ cả hai cái trái nhau này rất khó, nhưng có thể đủ được cả hai nên gọi Nan thắng. Vì sao địa thứ sáu tên Hiện tiền? Ở địa này

được hành duyên sinh. Do trí lực này nên hành vô phân biệt, Bát-nhã Ba-la-mật được hiện tiền. Các pháp không nhiễm không tịnh, sẽ được hạnh có công dụng trong địa thứ bảy. Trong địa thứ tám là hạnh vô công dụng. Vì sao địa thứ bảy tên Viễn hành? Ở trong địa này do hạnh phương tiện cứu cánh nên do được quyết định trong tất cả các tướng mà có hạnh công dụng. Vì sao địa thứ tám tên Bất động? Trong tất cả tướng và tất cả pháp dụng công, trong đây đều được bất động, tâm vô phân biệt tự nhiên thường lưu xuất. Vì sao địa thứ chín tên Thiện tuệ? Tuệ này rất xuất sắc nên gọi là thiện tuệ. Trí biện tài gọi là tuệ. Do trí này nên nói là thiện tuệ. Vì sao địa thứ mười tên Pháp vân? Tướng chung tất cả pháp duyên trí như mây, Đà-la-ni Tam-ma-đề v.v... như nước. Tức lấy trí này làm kho chứa, như mây chứa nước. Lại như mây kéo che kín hư không. Tướng chung tất cả pháp này duyên trí, che kín các chướng thô trọng cũng giống như vậy. Và viên mãn pháp thân là như mây phổ biến hư không. Trong thân Bồ-tát pháp thân viên mãn cũng giống như vậy. Viên mãn tức nghĩa là phổ biến.

### **Chương 3: Được tướng**

Luận nói: Làm sao thấy được chứng đắc các địa này? Có 4 tướng: Một, được tín giải. Nghĩa là tin hiểu các địa. Hai, được chính hsinh. Nghĩa là được tương ứng với 10 thứ pháp hạnh của địa. Ba, được thông đạt. Nghĩa là ở trong sơ địa, lúc thông đạt pháp giới là được thông đạt tất cả các địa. Bốn, được thành tựu. Nghĩa là tu các địa này được cứu cánh.

Giải thích: Trong đây nói được thành tựu là nếu tu các địa này đến cứu cánh tức là thành tựu.

### **Chương 4: Tu tướng**

Luận nói: Làm sao thấy được tu các địa này? Các Bồ-tát này, trong các địa khi tu Xa-ma-tha, Tì-bát-xá-na, có 5 pháp tu. Đó là



tu gồm chung, tu vô tướng, tu không công dụng, tu mãnh liệt, tu không chán đủ. Sinh 5 quả Bồ-tát. Đó là một, trong mỗi niệm tiêu diệt chỗ dựa của tất cả nhiễm trược. Hai, được thoát ly các tướng, dạo chơi trong pháp lạc. Ba, hiểu rõ sáng suốt tướng pháp tất cả mọi nơi vô lượng không giới hạn. Bốn, có nhân duyên các phần thanh tịnh, không có tướng phân biệt nhưng vẫn hiện hành, nên pháp thân viên mãn thành tựu. Năm, do lần lượt thâm nhiếp nhân ở các bậc trên.

Giải thích: Tùy trong mỗi địa, có 5 pháp tu. Nay sẽ nói rõ. Xa-ma-tha, Tì-bát-xá-na, do 5 pháp tu nên đều được thành tựu. Nói “trong mỗi niệm tiêu diệt chỗ dựa tất cả nhiễm trược.”, cái gì gọi là nhiễm trược? Là phiền não chướng trí chướng huân tập chủng tử từ vô thủy tạo thành khối chướng ngại. Do tướng chung duyên Xa-ma-tha, trí Tì-bát-xá-na nên được niệm niệm tổn giảm. Khối này bị phá tan nên gọi là tiêu diệt. Lại nữa tổn giảm tức là tiêu diệt. Nói “liạ các tướng được cái vui pháp lạc” nghĩa là nơi các thể tướng thành lập Tu-đa-la v.v..., nghĩa là trong pháp liạ các tướng, được cái vui trong pháp lạc, chứ không phải thú vui nào khác. Ở đây nói vui là cái vui bên trong. Lại có giải thích khác rằng Xa-ma-tha, Tì-bát-xá-na, ở trong pháp hoặc thụ, hoặc giác, hoặc quán, chứ không phải thuận hành theo sự lãnh nạp thô thiên lộ liễu. Nhưng chỉ dùng ức niệm sáng suốt lãnh nạp và thuận hành vi tế. Nói “tướng mọi nơi vô lượng không giới hạn” nghĩa là không có sự hiểu biết giới hạn 10 phương. Nói “tất cả sự sáng suốt” như hay đọc kinh sách tâm tức sáng suốt. Nói “trong thanh tịnh phần tướng vô phân biệt hiện tiền” nghĩa là thành tựu tương ưng với thanh tịnh phần mà tướng vô phân biệt hiện tiền cho nên Phật quả là sở ưng thành tựu và pháp thân viên mãn thành tựu. Bao gồm nhân tối thượng là trong đó viên mãn là địa thứ mười, thành tựu là Phật địa thứ mười một. Trong đây pháp thân bao gồm nhân tối thượng là do đây tất cả nhân xuất sinh Phật địa vì vậy được gọi là vượt trội hơn cả.

Luận nói: Trong 10 địa tu 10 Ba-la-mật đều có tăng thượng. Trong 6 địa, 6 Ba-la-mật như trước đã nói. Trong 4 địa sau có 4 Ba-la-mật. Phương tiện thiện xảo Ba-la-mật, 6 Ba-la-mật tu tập thiện căn cùng tất cả chúng sinh hồi hướng A-nậu-đa-la Tam-miệu Tam-bồ-đề. Nguyên Ba-la-mật là phát khởi các nguyện đời vị lai, vì các Ba-la-mật nhân duyên đây có thể dẫn nhiếp. Lực Ba-la-mật là do sức tư duy tu tập 6 Ba-la-mật được tương tục hiện hành. Trí Ba-la-mật là thành lập trí 6 Ba-la-mật, được tự thụ dụng pháp lạc và thành tựu chúng sinh. Lại nữa 4 Ba-la-mật này là thuộc trí vô phân biệt hậu sở đắc trong Bát-nhã Ba-la-mật. Lại nữa trong 10 địa tất cả Ba-la-mật không cái nào không tu hành. Đây là pháp môn của các địa được thâm nhiếp trong Ba-la-mật tạng.

Giải thích: Nói “Trong 10 địa tu 10 Ba-la-mật đều có tăng thượng” nghĩa là trong Kinh Thập Địa nói sơ địa Đàn Ba-la-mật tăng thắng cho đến địa thứ 10 Trí Ba-la-mật tăng thắng. Vì lấy sự tăng thắng đó nên trong Thập Địa nói 10 Ba-la-mật. Trong tất cả các địa đều tu tập tất cả Ba-la-mật. Sáu Ba-la-mật trong 6 địa như tuần tự hiện thị, ban đầu Đàn Ba-la-mật cho đến thứ 6 là Bát-nhã Ba-la-mật. Các nghĩa ấy đều được nói như trong Kinh Thập Địa. Trong đó không đầy đủ như trước đã nói. Bốn địa sau có 4 Ba-la-mật là tùy ở nơi nào nói 6 Ba-la-mật, tức nơi đó Phương tiện thiện xảo v.v... 4 Ba-la-mật đều có trong đó. Nếu nói 10 Ba-la-mật thì trong đó chỉ lấy trí vô phân biệt làm Bát-nhã Ba-la-mật. Trí hậu đắc gồm Phương tiện thiện xảo v.v... 4 Ba-la-mật khác. Vì vậy cho nên trong 4 địa sau tu 4 Ba-la-mật được thành. Luận nói trong Phương tiện thiện xảo Ba-la-mật cùng với tất cả chúng sinh, nghĩa là trong đó có thiện căn gì thì đều được cùng chung với chúng sinh. Nay sẽ nói rõ về các “nguyện cầu vô thượng Bồ-đề” là muốn làm việc lợi ích tất cả chúng sinh, cần phải chính giác Bồ-đề mới đạt được ý muốn này. Cho nên có suy nghĩ tư duy gì, có thiện căn gì đều hồi hướng để làm lợi ích cho tất cả chúng sinh. Đây gọi là cùng chung với tất cả chúng sinh. Lại nữa

thiện xảo phương tiện là hiển thị bi trí. Sáu Ba-la-mật tập hợp được các thiện căn, do bi nên cùng chung với tất cả chúng sinh, do trí nên không hồi hướng các quả báo Phạm vương Đế-thích v.v... Vì vậy do trí này nên không khởi phiền não và không bỏ sinh tử mà trong đó không nhiễm, được thành phương tiện thiện xảo, nên gọi là Phương tiện thiện xảo Ba-la-mật. Do khởi các thứ nguyện lực nên được các nhân duyên Ba-la-mật. Vì vậy gọi là Nguyện Ba-la-mật. Trong thời vị lai, nghĩa là tướng nhân của thời vị lai, nên gọi là trong thời vị lai. Trụ trong nhân này, vì đời vị lai nên làm các nguyện. Có Tu-đa-la nói có 2 thứ sức, là sức tư duy và sức tu tập. Tuy không có sức tu tập, nhưng nhờ có sức tư duy nên tương ứng với các Ba-la-mật. Vì vậy được các Ba-la-mật tương tục hiện hành. Đây là nghiệp sự của Lục Ba-la-mật, như đã nói rõ các Ba-la-mật đều do trí kiến lập. Đó là Trí Ba-la-mật, tức tự tính Bát-nhã Ba-la-mật vô phân biệt. Nếu vì tự thụ dụng pháp lạc và vì thành tựu cùng chúng sinh trong pháp giới nên gọi là thành lập các Ba-la-mật. Pháp môn này được bao gồm trong các Ba-la-mật tạng. Trong đây Ba-la-mật tạng nghĩa là tất cả các pháp Đại thừa thì pháp môn 10 địa này được thu nhiếp trong Ba-la-mật tạng, không có trong Thanh Văn tạng. Tất cả các Ba-la-mật được tu tập thành trong các địa. Pháp môn các địa này cao lớn cùng tột cho nên chư Phật giảng nói trong khắp tất cả cõi Phật. Pháp môn này là vượt trội cho nên được nói trước tiên hết, và nói trong những trường hợp thù thắng nhất, nói nơi trụ xứ kiên cố nhất. Chính chỗ thù thắng đó nên nói là thắng.

### **Chương 5: Thời gian tu tập**

Luận nói: Lại nữa tu các địa này bao nhiêu thời gian thì được viên mãn? Có 5 loại người tu trong 3 a-tăng-kì kiếp. Nghĩa là người ở Tín hành địa trong kiếp a-tăng-kì thứ nhất tu tịnh tâm hành hữu tướng, hành vô tướng, hành 6 thứ địa và địa thứ bảy. Kiếp a-tăng-kì thứ hai, tức trong vô tướng, vô công dụng hạnh trở lên. Cho đến địa

thứ 10 trong kiếp a-tăng-kì thứ ba tu hành viên mãn. Ở đây có bài kệ như sau:

*Sức thắng thượng tịnh diệu,  
Tâm kiên cố chuyển thắng.  
Bồ-tát ba tăng-kì,  
Gọi là chính tu hành.*

Giải thích: Nói 5 loại người trong 3 a-tăng-kì nghĩa là trong đó người Tín hành nghĩa là y theo nghĩa đó mà tin tưởng tu hành. Địa này hết một kiếp a-tăng-kì đầu tiên. Mãn kiếp a-tăng-kì này được Tịnh tâm địa, thông đạt chân như, nên ngay đây tu hành tịnh tâm. Trong 10 địa, đến 6 địa hãy còn tu hành hữu tướng. Địa thứ 7 là vô tướng hữu công dụng hành, tức được mãn a-tăng-kì thứ 2. Nếu vào địa thứ 8 thì được vô công dụng hạnh, nhưng chưa thành tựu hạnh vô công dụng ấy. Địa thứ 9 thứ 10 thì viên mãn hạnh vô công dụng này. Người này là thuộc kiếp a-tăng-kì thứ 3. Tức một người này mà thành lập 5 loại, như Tu-đà-hoàn, Tư-đà-hàm, A-na-hàm v.v... Tùy theo vị, xứ khác nhau cho nên như nói mãn 3 a-tăng-kì được Bồ-đề, tu hành thí v.v... trong sinh tử từ vô thủy, và được gặp chư Phật nào đến nay gọi là 3 kiếp a-tăng-kì? Nghĩa này trong kệ nói rõ. Sức thắng thượng tịnh diệu, nghĩa là được thiện căn lực và nguyện lực. Trong đó thiện căn lực là tán loạn v.v... không thể phá hoại. Nguyện lực là hằng cùng quy tụ với các thiện hữu. Tâm kiên cố chuyển thắng nghĩa là sức thiện hữu, không bỏ tâm Bồ-đề. Hành chuyển thắng nghĩa là trong đời hiện tại và đời sauthiện căn tăng trưởng không thoái giảm. Các câu khác có thể hiểu lấy. Đến đây giải thích xong về tu sai biệt thắng tướng.

# NHIẾP ĐẠI THỪA LUẬN THÍCH LUẬN

## QUYỂN 8

### Tăng thượng giới học thắng tướng thắng ngữ 6

Luận nói: Như vậy là đã nói xong về tu tập nhân quả sai biệt rồi. Trong đây làm sao thấy được tướng thù thắng của giới tăng thượng? Như kinh nói chư Bồ-tát thụ cấm giới trong Bồ-tát địa. Nếu lược nói có 4 tướng thù thắng nên gọi là thắng tướng, Tức là thắng tướng về sự sai biệt, thắng tướng về chỗ học chung và không chung, thắng tướng về sự rộng lớn, thắng tướng về sự sâu xa. Trong đây thắng tướng về sự sai biệt nghĩa là có giới về sự thủ hộ giữ gìn, giới về nhiếp thiện pháp, giới về việc lợi ích chúng sinh. Nên biết rằng trong đây giới thủ hộ là trụ xứ của 2 giới kia. Giới nhiếp thiện pháp là trụ xứ của sự xuất sinh Phật pháp. Giới lợi ích chúng sinh là trụ xứ của việc thành thực chúng sinh. Cộng học là Thanh Văn và Bồ-tát, vì tính tội không hành. Bất cộng học là vì giá tội không hành. Học xứ này hoặc đối với Thanh Văn thì phạm nhưng Bồ-tát thì không phạm, hoặc có trường hợp đối với Bồ-tát thì phạm nhưng Thanh Văn thì không phạm. Học xứ của Bồ-tát, là thân khẩu ý. Học xứ của Thanh Văn thì chỉ thân khẩu. Cho nên đối với Bồ-tát, tâm cũng phạm, không phải như các Thanh Văn. Lược nói chỉ là nhiếp thụ tất cả chúng sinh không tội lỗi thân khẩu ý nghiệp Bồ-tát tất cả đều phải hành trì là đối với tất cả đều phải học. Đó là chỗ học chung và không chung.

Giải thích: Làm sao biết được chỗ học của Bồ-tát khác với Thanh Văn? Nói phẩm loại khác nhau. Bởi Thanh Văn v.v... chỉ có một loại là thủ hộ giới, không có nhiếp thiện pháp giới và lợi ích chúng sinh giới. Về giới chỗ học chung và không chung, trong tính tội như sát sinh v.v... là chung, đào đất nhổ cỏ v.v... các chế tội là không chung. Học xứ sau đối với Thanh Văn là có tội, Bồ-tát vô tội. Như Thanh văn nếu đi trong mùa hạ là phạm, Bồ-tát nếu thấy việc có lợi ích chúng sinh mà không đi là phạm. Nói nhiếp thụ tất cả chúng sinh không tội lỗi, nghĩa là thu nhiếp tất cả chúng sinh mà không tội lỗi, chẳng phải như dùng nữ sắc v.v... đem cho. Tuy là nhiếp thụ nhưng không phải không tội nghiệp. Để lia tội này nên nói dùng sự không tội lỗi mà nhiếp thụ. Nói tâm cũng phạm, là như hại giác v.v... chỉ khi khởi giác tức là Bồ-tát tội, chẳng phải như Thanh Văn. Tăng thượng giới 3 học này tức là thể tính của Ba-la-mật. Vì sao còn lập 3 học? Đây có nghĩa khác với Ba-la-mật. Nay sẽ nói rõ. Do lần lượt làm nhân cho nhau nên lập riêng các học xứ. Vì y giới nên sinh định, y định nên sinh tuệ.

Luận nói: Sai biệt về sự rộng lớn, là vì lại có 4 thứ rộng lớn: 1. nhiều thứ học xứ vô lượng rộng lớn, 2. gồm thu vô lượng phúc đức rộng lớn, 3. gồm thu tâm lợi lạc tất cả chúng sinh rộng lớn, 4. trụ xứ A-nậu-đa-la Tam-miệu Tam-bồ-đề rộng lớn.

Giải thích: Nhiều thứ học xứ vô lượng rộng lớn, nghĩa là học xứ của Bồ-tát cũng có nhiều chủng loại và vô lượng, vì hành giáo hóa nhiếp sự đối với chúng sinh. Gồm thu vô lượng phúc đức, nghĩa là gồm các phúc đức, tư lương của Bồ-tát cũng không thể kể hết được, Thanh Văn thì không như vậy. Gồm tất ý lợi lạc tất cả chúng sinh, nghĩa là trong đó khuyên bảo tu thiện là ý lợi ích. Người này vì điều thiện này nên khi có quả sẽ được phúc báo. Đây gọi là an lạc ý. Trụ xứ A-nậu-đa-la Tam-miệu Tam-bồ-đề rộng lớn, nghĩa là trụ nơi giới này mà được A-nậu-đa-la Tam-miệu Tam-bồ-đề. Giới Thanh Văn thì không như vậy.

Luận nói: Sai biệt sâu xa, nghĩa là nếu Bồ-tát dùng các phương tiện thiện xảo như vậy hành sát sinh v.v... 10 thứ ác nghiệp, nhưng không bị tội, sinh vô lượng phúc, mau chóng A-nậu-đa-la Tam-miệu Tam-bồ-đề, lại biến hóa thân khẩu nghiệp, phải biết đó là giới sâu xa của Bồ-tát. Hoặc làm quốc vương hiển thị các việc làm bức não chúng sinh. Lấy đó đặt chúng sinh vào trong luật hạnh. Lại trong bản sinh có thị hiện bức não bao nhiêu chúng sinh mà nhiếp thụ bao nhiêu chúng sinh. Trước là khiến tâm chúng, sinh tịnh tín, rồi sau giáo hóa thành thực. Đây là thắng tướng sâu xa của giới Bồ-tát. Bốn thứ tướng thù thắng này, lược nói đây là thắng tướng thủ hộ giới của Bồ-tát. Như vậy đó là các sai biệt về học xứ của Bồ-tát. Lại có vô lượng thứ sai biệt như nói trong Kinh Phương Quảng Trì-na-da Cù-sa.

Giải thích: Trong sai biệt về sự sâu xa, là nếu Bồ-tát dùng các phương tiện thiện xảo như vậy, thì Bồ-tát sẽ được sức mạnh của phương tiện thiện xảo như vậy. Nay sẽ nói rõ. Nếu biết như vậy: Người này do sự bất thiện này sẽ đọa địa ngục vô gián. Bồ-tát do trí biết tha tâm, nên không còn phương tiện nào khác có thể chuyển được ác nghiệp để khỏi đọa ác đạo, bởi nếu tạo nghiệp này rồi thì chắc chắn phải đọa địa ngục. Biết như vậy rồi liền khởi tâm nếu khiến ta tạo nghiệp rồi đọa vào địa ngục thì nào có phải chịu đựng mà giết người ấy. Tuy hiện đời có chịu ít khổ não nhưng đời sau sẽ được an lạc. Cho nên cũng như thầy thuốc, Bồ-tát vì tâm lợi ích giết người ấy mà không có tội, được thắng phúc lớn. Do phúc đức này mau chóng được A-nậu-đa-la Tam-miệu Tam-bồ-đề. Các hạnh như vậy thật là rất sâu xa. Lại nữa Bồ-tát còn có biến hóa thân khẩu nghiệp. Nên biết rằng do đây có giới sâu xa này. Hoặc làm vị quốc vương thị hiện các việc bức não chúng sinh để an lập chúng sinh trong luật hạnh. Trong đó hóa thể tướng là biến hóa, như A-na-la vương vì Thiện Tài đồng tử thị hiện các việc. Thị hiện trong các bản sinh, như Trì-du-an-đát-la vương tử, Tùy gọi là Đa năng, tức Tu-đạt-noa trong Kinh Bản Sinh

nói Bồ-tát đem đưa con thí cho Bà-la-môn. Đưa con này là biến hóa. Bởi vì sao? Luận nói hiển thị sự không bức não chúng sinh này vì nhiếp thụ các chúng sinh. Do Bồ-tát hoàn toàn không bức não chúng sinh này nên nhiếp thụ việc các chúng sinh. Đây cũng là rất sâu xa. Bốn thứ sai biệt này có nói rộng trong 10 vạn kệ Kinh Tì-na-da Cù-sa. Đến đây giải thích xong về tăng thượng giới học.

### **Tăng thượng tâm học thắng tướng thắng ngữ 7**

Luận nói: Như vậy là đã nói xong về thắng tướng của tăng thượng giới học, còn thắng tướng của tăng thượng tâm học làm sao thấy được? Lược nói có 6 thứ sai biệt: 1.sai biệt về sở duyên, 2.sai biệt về chủng loại, 3.sai biệt về đối trị, 4.sai biệt về công năng, 5.sai biệt về xuất sinh, 6.sai biệt về tác nghiệp. Pháp Đại thừa là sở duyên. Đại thừa quang minh, Nhất thiết phúc đức tự, Tam-muội vương, Hiền hộ Thủ-lăng-già-ma v.v... Tam-ma-đề, vô lượng chủng loại. Tướng chung của tất cả các pháp duyên trí, ví như phương tiện dùng cây nôm để tháo cây nôm, trực xuất các chương nhiễm trước trong thức A-lê-da. Vui trong thiền định, tùy ý muốn mà thụ sinh. Trong tất cả thế giới xuất sinh thần thông không chướng ngại. Nghĩa là như chấn động, bùng cháy, phổ biến, hiển hiện, thần biến, qua lại, kéo dài thu ngắn, tụ tán, tất cả sắc tượng nhập vào trong thân, đến đâu thì hiện thân đồng loại, hoặc ẩn hoặc hiện, ra làm tự tại, trấn áp thần thông đối phương, cho biện tài, cho nghĩ nhớ, cho vui thích, phóng ánh sáng v.v... xuất sinh các loại thần thông như vậy.

Giải thích: Nay nói rõ thắng tướng của tăng thượng tâm học. Nói là sở duyên trong pháp Đại thừa, nghĩa là do các Bồ-tát lấy pháp Đại thừa làm sở duyên, không phải như các Thanh Văn v.v... Đại thừa quang minh, Phúc tự Tam-ma-đề vương v.v... là nói tên các Tam-ma-đề. Bởi các Thanh Văn trong các thứ Tam-ma-đề này chẳng có một thứ nào cả. Nói sai biệt về sự đối trị, nghĩa là do có thể đối trị



tất cả chướng ngại cho nên như dùng một vật nhỏ mà đẩy được vật lớn ra. Cũng như vậy các chủng tử phiền não ở trong thức A-lê-da gọi là huân tập. Đây nói là thô đối trị. Đạo nói là tế. Đẩy cái thô kia ra. Nói sai biệt về công năng, nghĩa là do có công năng này nên vui trong thiên định nhưng có chỗ lợi ích tất cả chúng sinh. Cho đến thụ sinh cũng không mất thiên định, Thanh Văn thì không được vậy. Nói sai biệt về xuất sinh, nghĩa là ở trong tất cả thế giới được thần thông không chướng ngại, do từ thiên định sinh. Nói sai biệt về tác nghiệp, nghĩa là trong chân động làm chân động tất cả thế giới. Đốt cháy tức là đốt cháy tất cả thế giới. Phổ biến nghĩa là ánh sáng đầy khắp. Hiện hiện là chúng sinh như thế nào thì tùy theo đó ứng hiện. Do năng lực thần thông, Bồ-tát thấy được vô lượng thế giới, và thấy chư Phật Bồ-tát trong các thế giới kia. Chuyển biến là như chuyển đổi đất thành ra nước v.v... Qua lại là trong một sát-na đi qua vô lượng thế giới và trong một sát-na này liền trở về lại. Tụ là đem vô lượng thế giới nhập vào trong một hạt bụi mà không tăng lớn. Tán là đem một hạt bụi biến đầy khắp vô lượng thế giới. Nói tất cả sắc tượng nhập vào trong thân, nghĩa là như trong một thân hiện hiện tất cả vô lượng sắc tượng. Nói đến đâu thì hiện thân như đồng loại, nghĩa là như qua đến trời thứ 33 thì sắc tượng âm thanh đều đồng như người ở cõi đó để giáo hóa chúng. Và đi đến cõi nào cũng đều như vậy. Nói khi ẩn khi hiện, nghĩa là ở tất cả mọi nơi khi hiện khi không hiện. Việc ra làm tự tại, nghĩa là như biến ma vương làm Phật thân v.v... Trấn áp thần thông đối phương, là được vượt trội hơn tất cả mọi thần thông. Cho biện tài, là khiến có khả năng ứng đáp. Cho nghĩ nhớ và vui thích, là do nghe Bồ-tát thuyết pháp được Tam-ma-đề nên được nghĩ nhớ vui thích. Phóng ánh sáng, là phóng ánh sáng khiến các Bồ-tát ở các thế giới khác đều đến tập hội. Xuất sinh các đại thần thông như vậy, nghĩa là các đại thần thông đã nói ở trước. Các thần thông này Thanh Văn không có được.

Luận nói: Gồm thâu tất cả những việc khó làm, do xuất sinh 10 việc khó làm. Mười việc khó làm là: tự nhận việc khó làm, tự thụ nguyện Bồ-đề, việc khó làm không thoái lui, trong khổ sinh tử không thoái chuyển, không làm trái việc khó làm, không ruồng bỏ tất cả chúng sinh có hành vi điên đảo, các việc khó làm trước mắt, các chúng sinh gây xúc não Bồ-tát cũng hiện tiền làm lợi ích cho chúng, không nhiễm ô dẫu việc khó làm, sinh ở thế gian không bị pháp thế gian nhiễm ô, tin vui việc khó làm, trong Đại thừa tuy có chỗ chưa hiểu nhưng vẫn sinh tin vui tất cả giáo pháp rộng lớn sâu xa, thông đạt những việc khó làm, thông đạt nhân pháp 2 vô ngã, tùy hiểu những việc khó làm, tùy thuận hiểu biết các bí mật ngữ sâu xa của Như Lai nói, không bỏ không nhiễm việc khó làm, không bỏ sinh tử mà không nhiễm, ra làm các việc khó làm, trụ trong giải thoát tất cả chướng ngại của chư Phật vận dụng vô công dụng cho đến tận cùng sinh tử làm việc lợi ích tất cả chúng sinh.

Giải thích: Như kinh nói Bồ-tát có những việc khó làm. Đó là những việc gì? Có 10 thứ. Trong đó không lìa không nhiễm khó làm, không lìa nghĩa là không bỏ. Nếu ở trong sinh tử không bỏ sinh tử mà cũng không nhiễm. Đây là rất khó. Còn 9 thứ khác xem luận bản sẽ rõ.

Luận nói: Tùy theo mà hiểu các mật ngữ Phật nói là khó. Bồ-tát tùy thuận theo đó mà hiểu. Như nói: Thế nào là Bồ-tát thành tựu được bố thí? Nếu không thí một vật mà trong 10 phương thế giới thành tựu vô lượng việc bố thí. Thế nào là thành tựu được sự ưa thích bố thí? Là nếu trong tất cả bố thí chẳng có gì ưa thích. Thế nào là được thành tựu việc tin vào bố thí? Là nếu không tin vào các Như Lai. Thế nào là thành tựu được sự khuyến khích bố thí? Là tự bản thân chẳng có một động cơ gì khởi phát đối với sự bố thí. Thế nào là được thành tựu bố thí một cách thoải mái? Là nếu không có một lúc nào bố thí một vật gì. Thế nào là được thành tựu sự bố thí rộng lớn?

Là nếu đối với sự bồ thí sinh tướng không chắc thật. Thế nào là được thành tựu sự bồ thí thanh tịnh? Là nếu sinh tâm keo kiệt. Thế nào là được thành tựu sự bồ thí rốt ráo? Là nếu đối với sự bồ thí không được tự tại. Thế nào là được thành tựu sự bồ thí vô tận? Là nếu không trụ trong vô tận. Giống như bồ thí, việc trì giới cho đến trí tuệ đều như vậy. Phải biết tùy theo sự thích hợp.

Giải thích: Trong đây hiển thị ý của các mật ngữ. Trong này nói thế nào là được thành tựu bồ thí, tức là Bồ-tát lấy tất cả chúng sinh làm cái thể của mình, cho nên tất cả chúng sinh hành thí là Bồ-tát hành thí. Đây là mật ý. Thế nào là được thành tựu sự ưa thích bồ thí, nghĩa là không ưa thích sự bồ thí có sở đắc. Chỉ ưa thích tịnh thí của Bồ-tát. Tụ tướng và trước tướng là có sở đắc. Cho nên kinh nói bồ thí có tụ tướng trước tướng. Thế nào là được thành tựu tin tưởng vào việc bồ thí, nghĩa là do tự mình được tâm bồ thí nên không phải nhờ duyên người khác. Thế nào là được thành tựu việc phát khởi khuyến khích bồ thí, nghĩa là đây cũng hiển thị cái tự tính năng thí. Nếu tự thân không có động cơ khởi phát, nhưng do trừ bỏ keo kiệt nên tuy không phát động tự có thể hành thí. Thế nào là được thành tựu bồ thí một cách thoải mái, nghĩa là không phải thí một lần mà thường thí, không phải chỉ thí một vật mà thí tất cả. Thế nào là được thành tựu bồ thí một cách rộng lớn, trong đó nói không chắc thật tức là nếu lấy nghĩa bí mật thì gọi là không loạn. Đây là hiển thị định tâm thí và phá tham dục thí. Thế nào là được thành tựu bồ thí thanh tịnh, nghĩa là trong đây nói sinh khởi tức lấy nghĩa bí mật gọi là bạt căn, bạt căn là nhổ gốc rễ, nhổ gốc rễ của tính keo kiệt, do đưa đầu keo kiệt xuống dưới nhổ gốc lên trên nên gọi là sinh khởi. Thế nào là được thành tựu bồ thí một cách rốt ráo, nghĩa là cứu cánh tức Niết-bàn. Trong đây Niết-bàn cũng không trụ nên không như Thanh Văn trụ cứu cánh Niết-bàn. Thế nào là được thành tựu bồ thí một cách tự tại, nghĩa là chỉ đối với thí, chướng không được tự tại. Thế nào là được thành tựu

bồ thí vô tận, nghĩa là vô tận tức Niết-bàn, để hiển thị không đồng với Thanh Văn trụ Niết-bàn.

Luận nói: Thế nào là thành sát sinh? Là nếu cắt đứt sinh tử của chúng sinh. Thế nào là thành không cho mà lấy? Là nếu tất cả chúng sinh không có ai cho mà tự lấy. Thế nào là thành dục tà hạnh? Là nếu hành động trong tà dục. Thế nào là thành vọng ngữ? Là nếu trong hư vọng nói là hư vọng. Thế nào là thành lời nói phá hoại? Là nếu thường hành trong đệ nhất không hành. Thế nào là thành lời nói thô ác? Là nếu trụ nơi phải biết bờ kia. Thế nào là thành lời nói tạp loạn? Là nếu ở trong pháp chủng loại sai biệt nói như tướng của chúng. Thế nào là thành tham chẳng phải phần? Là nếu đối với vô thượng thiên định thường tu tập để tự chứng đắc. Thế nào là thành tâm sân hại? Là nếu đã sát hại được tất cả tâm phiền não. Thế nào là thành tà kiến? Là nếu khắp tất cả mọi nơi là tà thể thấy như thể của chúng.

Giải thích: Như trong kinh nói: Phật bảo Tì-khưu, ta là kẻ sát sinh. Nay sẽ nói rõ ý của câu này. Thế nào là kẻ dục tà hạnh, nghĩa là nếu nghĩ biết cái dục này là tà, như vậy thì phải biết trụ ở bờ bên kia. Thế nào là tà kiến, nghĩa là đối với sắc v.v...biến hành khắp cả tà thể thì thấy như tướng của chúng, tức thấy tính phân biệt trong tính y tha là tà tướng. Ngoài ra nghĩa của 10 nghiệp đạo bất thiện, có thể hiểu như trong luận.

Luận nói: Pháp Phật rất sâu. Những gì là pháp Phật rất sâu, nay sẽ giải thuyết. Pháp thường trụ là pháp Phật, vì pháp thân thường trụ. Pháp đoạn diệt là pháp Phật, vì đoạn diệt tất cả chướng. Pháp sinh khởi là pháp Phật, vì hóa thân sinh khởi. Pháp chứng kiến là pháp Phật, vì chúng sinh có 8 vạn 4 ngàn hành vi và đối trị đều chứng kiến. Pháp có dục là pháp Phật, vì dục là muốn cùng chúng sinh nhiếp đồng tự thể. Cũng ý như vậy mà nói pháp có sân là pháp Phật, pháp có si là pháp Phật, pháp phàm phu là pháp Phật, pháp không nhiễm là pháp Phật vì thành tựu chân như thì tất cả không ô nhiễm, cho nên pháp

không ô nhiễm là pháp Phật. Vì pháp Phật sinh tại thế gian không bị thế gian ô nhiễm. Cho nên nói pháp Phật rất sâu. Vì để tu Ba-la-mật, để thành thực chúng sinh, để thanh tịnh cõi Phật, để xuất sinh tất cả pháp Phật v.v... phải biết đây là nghiệp sai biệt Tam-ma-đề của Bồ-tát.

Giải thích: Lại có các kinh khác nói pháp thường trụ là pháp Phật, cho đến pháp không nhiễm là pháp Phật v.v... Nay sẽ hiển thị ý trong đó nói. Thường trụ nghĩa là pháp thân lấy pháp này nên nói là pháp thường trụ. Pháp đoạn diệt, pháp chứng kiến, pháp không ô nhiễm, các pháp này hiển thị sự xuất ly tất cả chướng nhiễm chân như. Vì pháp này nên nói là pháp không nhiễm ô. Trước không nói sự sai biệt về tác nghiệp, nên nay sẽ hiển thị. Nghiệp Tam-ma-đề của Bồ-tát, trong đây Bồ-tát y chỉ Tam-ma-đề nên được tu các Ba-la-mật. Cũng do y chỉ Tam-ma-đề nên thành thực chúng sinh. Do thần thông nên nhiếp dẫn khiến nhập. Cũng y chỉ sức của Tam-ma-đề mà thanh tịnh cõi Phật cũng như vậy. Nếu tâm được tự tại tức tùy ý muốn khiến thế giới trở thành vàng v.v... như vậy là nhờ sức của Tam-ma-đề. Xuất sinh pháp Phật, đó là nghiệp. Đến đây giải thích xong về tăng thượng tâm học.

### **Tăng thượng tuệ học thắng tướng thắng ngữ 8**

Luận nói: Như vậy là đã nói xong về thắng tướng của tăng thượng tâm học, vậy làm sao có thể thấy thắng tướng của tăng thượng tuệ học? Nghĩa là trí vô phân biệt, như tự tính, y chỉ, nhân duyên, sở duyên, tướng mạo, thiết lập, giải thích câu hỏi, trụ trì, trợ bạn, quả báo, lưu xuất, xuất ly, đến cứu cánh, phương tiện, các công đức của vô phân biệt hậu đắc, sai biệt, thí dụ trí vô phân biệt, vô công dụng làm việc nên làm, sự sâu xa v.v... Phải biết đây là các sai biệt về tuệ tăng thượng của trí vô phân biệt.

Giải thích: Nay sẽ nói về thắng tướng của tăng thượng tuệ học. Trí này lại có 3 thứ: 1. phương tiện vô phân biệt, tức là tầm tư, 2. vô

phân biệt, 3.hậu đắc. Trong đây trí muốn tìm cầu là tuệ tăng thượng đầu tiên, trí tự bên trong là tăng thượng tuệ thứ hai, trí nhiếp trì là tăng thượng tuệ thứ ba. Trong đây chỉ có thành tựu trí vô phân biệt là chính thể. Do nhân tâm tư, trí tức là quả của nó. Do sau được quả trí, nên kia là nhân. Nếu trí này thành tựu 2 trí trước và sau, tức là được thành tựu. Nay giải thích trước tự tính của trí vô phân biệt. Tự tính tức là thể tướng. Tự tính của trí vô phân biệt của Bồ-tát phải lìa bỏ 5 thứ tướng. Nay sẽ đề cập.

Luận nói: Tự tính của trí vô phân biệt này lìa 5 thứ tướng: lìa phi tư duy, lìa quá giác quán, lìa diệt thụ tướng định, lìa tự tính của sắc, lìa các tướng suy tính nghĩa chân thật. Phải biết rằng lìa 5 thứ tướng này là trí vô phân biệt.

Giải thích: Trong 5 thứ tướng, nếu không tác ý tức là không phân biệt, vậy thì khi ngủ say, hoặc say rượu là trí vô phân biệt? Lại nữa nếu quá giác quán là không phân biệt thì nhị thiên trở lên phải là trí vô phân biệt? Nếu vậy người thế gian cũng có được trí vô phân biệt? Lại nữa nếu tâm và tâm pháp không hiện hành là trí vô phân biệt thì trụ ở diệt thụ tướng định phải là trí vô phân biệt? Trí này không thành. Bởi vì sao? Vì khi trụ ở diệt định v.v...thì không có tâm. Lại nữa nếu thể tính của trí như sắc, tức là như sắc thì ngoan độn không tri giác, vậy là trí cũng ngoan độn không tri giác? Lại nữa nếu trong nghĩa chân thật thủ lấy các tướng là vô phân biệt, cái thủ lấy này tức là phân biệt, vì lấy phân biệt nói đây là chân thật. Nếu trí lìa 5 thứ tướng duyên nghĩa chân như, trong nghĩa chân như nếu không khởi các chủng tướng nói đây là chân thật thì đó là tướng của trí vô phân biệt. Cho nên khi duyên nghĩa chân thật, như nhãn thức duyên sắc không có các chủng tướng thì đó là nghĩa của nó.

Luận nói: Để thành lập như đã nói về trí vô phân biệt nên nói kệ như sau:

Chư Bồ-tát tự tính,  
 Thoát ly 5 thứ tướng.  
 Là trí vô phân biệt,  
 Không kể đạc chân như.  
 Chư Bồ-tát y chỉ,  
 Không mà có tư duy,  
 Là trí vô phân biệt,  
 Không tư duy chủng loại.  
 Chư Bồ-tát nhân duyên,  
 Có ý ngôn văn huân,  
 Là trí vô phân biệt,  
 Tương ưng chính tư duy.  
 Chư Bồ-tát sở duyên,  
 Không thể nói thuyết pháp,  
 Là trí vô phân biệt,  
 Vô ngã và chân như.  
 Chư Bồ-tát tướng mạo,  
 Ở trong sở duyên kia,  
 Là trí vô phân biệt,  
 Nhĩ diệm không có tướng.  
 Tương ưng nghĩa tự tính,  
 Không ngoài sở phân biệt.  
 Chữ chữ đều tương ưng,  
 Đó là tương ưng nghĩa.  
 Nếu tách rời ngôn thuyết,  
 Với nghĩa, trí không sinh.  
 Vì ngôn thuyết bất đồng,  
 Không thể nói tất cả.  
 Chư Bồ-tát trụ trì,  
 Là trí vô phân biệt,

Hiện hành trí hậu đắc,  
 Được tăng trưởng tiến thú.  
 Chư Bồ-tát trợ bạn,  
 Nói có hai đường lối,  
 Là trí vô phân biệt,  
 Các chủng loại ngũ độ.  
 Chư Bồ-tát quả báo,  
 Nhị luân trong chư Phật,  
 Là trí vô phân biệt,  
 Phương tiện và chính đắc.  
 Chư Bồ-tát lưu xuất,  
 Sinh trong các đời sau,  
 Là trí vô phân biệt,  
 Vì tự thể chuyển thắng.  
 Chư Bồ-tát xuất ly,  
 Được tương ưng thành tựu,  
 Là trí vô phân biệt,  
 Phải biết trong 10 địa.  
 Chư Bồ-tát cứu cánh,  
 Do được tịnh 3 thân,  
 Là trí vô phân biệt,  
 Được tự tại cao tốt,  
 Như hư không không nhiễm,  
 Trí vô phân biệt này,  
 Các thứ nghiệp cực ác,  
 Chỉ tin là quyết định.  
 Như hư không không nhiễm,  
 Trí vô phân biệt này,  
 Giải thoát tất cả chướng,  
 Được thành tựu tương ưng.  
 Như hư không không nhiễm,



Trí vô phân biệt này,  
Thường hành trong thế gian,  
Pháp thế gian không nhiễm.  
Nhu người cam muốn biết,  
Đúng như người cam biết,  
Nhu người không cam biết,  
Ba trí nói như vậy.  
Nhu người ngu muốn biết,  
Đúng như người ngu biết,  
Nhu người không ngu biết,  
Ba trí nói như vậy.  
Nhu 5 đều muốn biết,  
Đúng như 5 biết,  
Nhu ý thức muốn biết,  
Ba trí nói như vậy.  
Nhu chưa biết muốn biết,  
Nhu biết pháp và nghĩa,  
Ba trí tuần tự vậy,  
Phải biết là phương tiện.  
Nhu người lúc nhắm mắt,  
Là trí vô phân biệt,  
Thì người ấy mở mắt,  
Chính là trí hậu đắc.  
Trí vô phân biệt này,  
Phải biết như hư không,  
Nhu hình sắc trên không,  
Trí hậu đắc cũng vậy.  
Nhu Ma-ni, nhạc trời,  
Tác động là phân biệt,  
Chư Phật các chủng nghiệp,  
Cũng thường là phân biệt.

*Chẳng đây cũng chẳng khác,  
 Chẳng phải trí mà trí.  
 Với nhĩ diệm không khác,  
 Là trí vô phân biệt.  
 Bởi nói tất cả pháp,  
 Tự tính là phân biệt,  
 Sở phân biệt phi hữu,  
 Không trí vô phân biệt.*

Giải thích: Trong kệ thứ nhất hiển thị nghĩa này, tức nói tự tính do y chỉ nên được sinh. Nay sẽ đề cập. Do nói trí này là vô phân biệt nên trí này phải y chỉ tâm sinh. Nếu y chỉ tâm sinh, do có khả năng tư niệm nên gọi là tâm. Nếu y chỉ tư niệm sinh tức nghĩa vô phân biệt không thành. Lại nếu y chỉ phi tâm sinh thì không thành trí. Vì 2 lỗi này nên kệ nói “Chư Bồ-tát y chỉ “ v.v... Trong này trí y chỉ không phải là tư. Bởi vì sao? Bởi nghĩa không tư lường. Lại nữa chỗ y chỉ đây cũng chẳng phải phi tư. Bởi vì sao? Vì tư có công dụng dẫn sinh, cho nên khi y chỉ sinh là thuộc chủng loại tư, cho nên được gọi là tư. Lại nữa trí này do nhân sinh khởi, cho nên kệ tiếp theo là hiển thị nhân đó. Câu “Chư Bồ-tát nhân duyên, có ý ngôn văn huân.” Nghĩa là chính khi nghe do âm thanh người khác mà huân tập. Lấy huân tập này làm nhân sinh tư duy ý ngôn, gọi là chính tư duy. Trí này lấy gì làm duyên? Lại dùng kệ hiển thị. Câu “Chư Bồ-tát sở duyên” v.v... nghĩa là trong đó không thể nói là pháp tính, tức là trong tính phân biệt không thể nói tất cả các pháp. Lại nữa pháp nào không thể nói? Là vô ngã, chân như, thể của nhân pháp, vô ngã của tính phân biệt. Cái thể của vô thể gọi là chân như. Chớ nên chấp thủ một cách độc đoán. Lại nữa duyên này tướng mạo như thế nào? Tiếp theo dùng kệ hiển thị. Câu “Chư Bồ-tát tướng mạo” v.v... nghĩa là trong đó vô tướng tức trí này cùng với chân như bình đẳng mà sinh, không có tướng nào là tướng riêng. Đó là tướng mạo, như mắt bắt lấy sắc, trong đó thấy xanh v.v... các tướng mạo cùng với sắc không khác.

Đây cũng như vậy. Trí với chân như tướng mạo không khác. Nếu có tất cả pháp đều không thể nói thì lấy gì làm sở phân biệt? Tương ưng nghĩa của tự tính là sở phân biệt, không gì khác. Không gì khác hơn là nó nên gọi là phi dư. Lại nữa làm sao thành tựu? Để thành tựu nên kệ nói “Chữ chữ tự tương ưng”. Đó là tương ưng với nghĩa, tức là nếu chữ này tương ưng với chữ kia thì nghĩa nói trong đây là nghĩa hòa hợp. Như 2 chữ Chước-sô không thể cắt rời ra mà nói được, tức là có sự hòa hợp mà sinh nghĩa là con mắt ( chữ Chước-sô là tiếng Phạn, Tùy tức đời nhà Tùy, chỉ Trung Hoa, gọi là nhãn nghĩa là con mắt). Đó là sở phân biệt. Dùng nghĩa lý gì mà nói tất cả pháp là không thể nói? Nếu lia ngôn thuyết thì đối với nghĩa, trí không sinh cho nên như có người chưa biết đã có thể nói tên. Đố với nghĩa được nói thì trí không sinh. Nếu ông nói chỉ nói được tên thì biết nghĩa, điều đó không thành. Như kệ nói “ Vì ngôn thuyết bất đồng”, vì tên năng thuyết với nghĩa sở thuyết không đồng nhau, vì tên và nghĩa đều có biệt thể. Kệ nói “Tất cả không thể nói”, nghĩa là do nghĩa này nên năng thuyết và sở thuyết đều không thể nói. Lại nữa trí vô phân biệt này trụ giữ như thế nào? Kệ nói “Chư Bồ-tát trụ trì”, tức là trí hậu đắc trong trí vô phân biệt. Tức là cái trí do vô phân biệt mà người hành giả về sau có được. Bồ-tát tu các hành tức dựa vào trí này được tăng trưởng tiến lên. Bồ-tát có được các hành trong nghĩa tăng trưởng này, y vào trí vô phân biệt mà trụ giữ. Lại nữa trí này lấy gì làm trợ bạn? Kệ nói “Chư Bồ-tát trợ bạn”, nghĩa là nói có 2 đường lối. Trí vô phân biệt này lấy 5 Ba-la-mật làm trợ bạn. Trong đó có 2 đường lối gọi là tư lương đạo và y chỉ đạo. Tư lương đạo là đường lối sử dụng như hành trang lên đường, tức là các Ba-la-mật như thí, giới, nhẫn, tinh tiến v.v... Y chỉ đạo là đường lối nương tựa, tức thiền Ba-la-mật. Như trước nói các Ba-la-mật sinh các thiện căn và nương tựa vào thiền định nên được sinh trí vô phân biệt. Trí này tức Bát-nhã Ba-la-mật. Lại nữa cho đến chưa được Phật quả đến nay có trí vô phân biệt có thể thành thực quả báo. Kệ nói “Chư Bồ-tát quả báo,

trong nhị luân chư Phật”, nghĩa là người có trí vô phân biệt. Những gì là nhị luân của chư Phật? Đó là thụ dụng thân luân và hóa thân luân. Nếu tu phương tiện vô phân biệt có thể thành thực quả hóa thân. Nếu chính được vô phân biệt có thể thành thực quả thụ dụng thân. Để hiển thị nghĩa này nên kệ nói “Phương tiện và chính đắc”. Lại nữa cái gì là trí vô phân biệt lưu xuất? “Chư Bồ-tát lưu xuất, sinh trong các đời sau”, nghĩa là ở trong nhị luân kia nơi các đời sau thể của trí vô phân biệt này chuyển được thắng tiến. Phải biết khi trí vô phân biệt này chuyển thành thắng tiến tức đó là quả lưu xuất. Lại nữa thể nào là xuất ly? Chư Bồ-tát xuất ly, nghĩa là cứu cánh gọi là xuất ly. Tức là Niết-bàn được thành tựu tương ưng. Nói trí vô phân biệt này, tức trí này mới được tương ưng. Từ đó trải vô lượng trăm ngàn kiếp được thành tựu tương ưng. Nói phải biết trong 10 địa tức tuần tự từ sơ địa cho đến địa thứ 10. Trong sơ địa chỉ có được tương ưng. Từ đó về sau vô lượng thời được thành tựu tương ưng. Cho nên chư Bồ-tát trong 3 kiếp a-tăng-kì được Niết-bàn. Do trải qua thời gian như vậy mới được cứu cánh. Những ai là vô phân biệt cứu cánh? Như trước đã nói. Đó là kệ nói chư Bồ-tát cứu cánh do được 3 thân thanh tịnh, là người có trí vô phân biệt. Trong đây 3 thân thanh tịnh là do 3 thân này trong sơ địa chỉ có đắc. Trong 10 địa được thiện thanh tịnh. Được tự tại cao tột, nghĩa là trí vô phân biệt này không phải chỉ cứu cánh được thanh tịnh 3 thân, lại còn có 10 thứ tự tại. Như sau sẽ đề cập. Lại nữa trí vô phân biệt có công đức gì? Trong đây có 3 thứ vô phân biệt: 1. phương tiện vô phân biệt, 2. căn bản vô phân biệt, 3. hậu đắc vô phân biệt. Trong đây phương tiện vô phân biệt nghĩa là người này ban đầu ở một nơi nào đó được nghe Bồ-tát vô phân biệt nhưng chưa thấy phương tiện ấy tâm vẫn sinh tin yêu, y chỉ sự tin yêu này tu quán vô phân biệt, khi ấy gọi là phương tiện vô phân biệt. Do quán hạnh này được sinh vô phân biệt, nên được gọi là vô phân biệt. Phương tiện vô phân biệt này có công đức vô nhiễm. Ví dụ như gì? Kệ nói “Nhu hư không không nhiễm, trí vô phân biệt này”. Để hiển thị pháp

gì? Vô nhiễm nên nói các thứ nghiệp cực ác, để hiển thị nhân không nhiễm nên nói chỉ có tin quyết định, do nơi vô phân biệt này chỉ có tin là quyết định nên có khả năng đối trị ác thú. Đây tức hiển thị căn bản không nhiễm các ác. Công đức vô phân biệt còn dụng được gì? Kệ nói “Nhu hư không không nhiễm, là trí vô phân biệt”. Pháp gì không nhiễm? Là tất cả chướng ngại. Vì sao không nhiễm? Vì được thành tựu tương ưng. Hiển thị trong các địa là nhân do đó được tương ưng và thành tựu tương ưng. Đây tức là hiển thị đối trị tất cả chướng. Công đức của trí vô phân biệt hậu đắc còn có công dụng gì? Kệ nói “Nhu hư không không nhiễm, là trí vô phân biệt” Như hư không không nhiễm, trí vô phân biệt này, thường hành trong thế gian, “pháp thế gian không nhiễm.”, nghĩa là do sức của trí này thấy nơi nào có lợi ích chúng sinh thì tùy niệm sinh qua đó. Tuy sinh thế gian nhưng không bị pháp thế gian nhiễm. Pháp thế gian có 8 thứ là được lợi, không được lợi, tiếng tốt, tiếng xấu, chê, khen, khổ, sướng. Đây tức là vô phân biệt, từ trí vô phân biệt sinh. Nay sẽ hiển thị sai biệt của 3 trí này. Phải biết như tướng của chúng. “Nhu người cảm muốn biết”, là không có ngôn thuyết, phương tiện vô phân biệt cũng vậy. “Đúng như người cảm biết”, là không có ngôn thuyết, căn bản vô phân biệt cũng vậy. “Nhu người không cảm biết”, là như chỗ biết, tức có ngôn thuyết, vô phân biệt hậu đắc cũng vậy. Các tên gọi chữ viết v.v... là ngôn thuyết. “Nhu người ngu muốn biết”, nghĩa là chưa hiểu biết gọi là ngu. Cái ngu này v.v... ví cho 3 trí. Giống như nói về người cảm. “Nhu 5 đều muốn biết”, nghĩa là vô phân biệt có 5 thứ, phải biết đó là nhân v.v... 5 thứ. Những thứ này cầu biết chính thụ. Đây ví chi 3 trí, tất cả nói gì cũng như người cảm nói. “Nhu ý thức muốn biết” nghĩa là như ý thức đối với trần có thể phân biệt, có thể thụ dụng, trí hậu đắc cũng vậy đối với trần cũng phân biệt cũng thụ dụng. “Nhu chưa biết muốn biết”, phương tiện vô phân biệt cũng vậy. Như khi tụng tập luận, chỉ thụ dụng nơi pháp, căn bản vô phân biệt cũng vậy. Pháp là hiểu như văn tự. Luận là đều thụ dụng pháp và nghĩa, phải

biết trí hậu đắc cũng vậy. Lại nữa, để gồm thâm pháp và nghĩa này nên hiển thị 2 trí. “Nhu người lúc nhắm mắt”, kệ này hiển thị 2 tướng sai biệt của vô phân biệt và hậu đắc. Nói “như hư không” là như hư không không nhiễm, không phân biệt, cũng không bị cái khác phân biệt nó, trí vô phân biệt cũng vậy. Phổ biến khắp tất cả pháp chỉ một mùi vị. Trong hư không, tất cả pháp đều không thể nhiễm ô nên gọi là vô nhiễm. Tự thể không phân biệt nên gọi là vô phân biệt, cũng không bị cái khác phân biệt thành tướng mạo, nên gọi là phi sở phân biệt. Phải biết trí này là như vậy.

“Nhu hình sắc trên không, trí hậu đắc cũng vậy.”, như sắc hiển hiện cũng là năng phân biệt, cũng là sở phân biệt. Lại nữa nếu lấy trí vô phân biệt gọi là Phật thì đã lìa phân biệt chúng sinh làm sao làm việc lợi ích chúng sinh được? Tuy lìa phân biệt nhưng như lý được thành. Kệ lấy ngọc Ma-ni và nhạc trời làm ví dụ để hiển thị. “Nhu Ma-ni, nhạc trời,”, nghĩa là như ngọc như ý lìa nghiệp phân biệt, tùy ý muốn chúng sinh mà làm việc lợi ích. Lại giống như nhạc trời không có người diễn tấu, tùy ý muốn của trời kia mà phát ra các thứ âm thanh. Chư Phật cũng vậy, lìa phân biệt mà mọi thứ sự thành. Vô phân biệt này rất sâu làm sao trí duyên tính y tha mà phân biệt vật? Vì có biệt duyên. Nếu vậy thì có lỗi gì? Nếu phân biệt sở phan duyên thì không được gọi là vô phân biệt. Nếu nói có phan duyên riêng thì phan duyên riêng này cũng phi hữu. “Chẳng đây cũng chẳng khác”, nghĩa là trong đây nói chẳng phải cái này bởi chẳng phải phân biệt năng duyên, bởi vô phân biệt nên cũng chẳng phải cái khác. Bởi vì tác pháp ngay nơi pháp của tính y tha như phan duyên, nên pháp và pháp như 2 thứ, không thể nói là một, không thể nói là khác. Đây cũng vậy, không thể nói là phân biệt sở duyên. Cũng không thể nói là khác duyên. Lại nữa vì sao đây là trí cũng là phi trí? Nếu vậy có lỗi gì? Nếu là trí thì đã tên là trí rồi vì sao không phân biệt? Nếu phi trí tự tính vì sao nói là trí vô phân biệt? Cho nên lấy kệ “Chẳng phải trí mà trí” để hiển thị.

Đây không thể là trí. Bởi vì sao? Do phương tiện có trí phân biệt, vì trong tự tính không sinh. Cũng là phi phi trí, bởi phương tiện có trí phân biệt làm nhân sinh. Lại có nghĩa khác là “phi tức” cũng là “phi dị”, “phi trí” cũng là “trí”, nghĩa là do “phi tức” duyên trong phân biệt sinh, nên gọi là “phi trí cũng phi dị”. Do “tức” duyên trong pháp như sinh, nên là “phi phi trí”. Tức là lấy câu trước giải thích câu sau. “Vớĩ nhĩ diệm không khác, là trí vô phân biệt.”, nghĩa là không phải như trí phương tiện có năng thủ sở thủ sinh nên gọi là vô phân biệt. Nếu trong sở thủ nhĩ diệm, không biệt dị bình đẳng bình đẳng sinh là vô phân biệt. Trí này không trụ trong năng thủ sở thủ. Thế Tôn trong Tu-đa-la nói tất cả pháp là vô phân biệt, trong đó muốn hiển thị vô phân biệt này cho nên lại nói kệ: “Bởi nói tất cả pháp, tự tính lìa phân biệt”, nghĩa là tất cả pháp tức tự tính vô phân biệt. Vì sao kệ nói như vậy? Sở phân biệt phi hữu. Lấy đó hiển thị do vật sở phân biệt là phi hữu. Nếu sở phân biệt phi hữu nên tức tất cả pháp tự tính vô phân biệt thì vì sao tất cả chúng sinh không được giải thoát ngay? “Không trí vô phân biệt.” lấy câu này hiển thị sự không được giải thoát. Tuy tất cả pháp tự tính vô phân biệt, bởi tất cả pháp tự tính vô phân biệt cho nên không có sở phân biệt. Nếu trong đây trí thông đạt sinh chứng kiến vô phân biệt này nên được giải thoát. Nếu trí thông đạt không sinh, tức không được giải thoát. Nói trí vô phân biệt tức trí này có 3 phần. Nay sẽ nói rõ.

## NHIẾP ĐẠI THỪA LUẬN THÍCH LUẬN

### QUYỂN 9

#### Tăng thượng tuệ học thắng tướng thắng ngữ 8-2

Luận nói: Trong trí phương tiện vô phân biệt có 3 thứ là nhân duyên, dẫn nhiếp và thường tập, vì xuất sinh sai biệt. Trí vô phân biệt cũng có 3 thứ là biết đủ, không điên đảo và không hý luận vì vô phân biệt. Trí vô phân biệt hậu đắc có 5 thứ là thông đạt, ức niệm, thành lập, hòa hợp và như ý, hiển thị sự sai biệt.

Giải thích: Nhân duyên, dẫn nhiếp và thường tập do xuất sinh sai biệt, đây là 3 thứ phương tiện vô sai biệt. Hoặc do sức của chủng tính, hoặc do sức hiện tiền thường tập mà được sinh. Trong đó sức của chủng tính tức là từ nhân được sinh. Sức thường tập tức lực tác của thân hiện tại chắc chắn, không phải từ nhân sinh. Biết đủ, không điên đảo, không hý luận vì vô phân biệt, nghĩa là trong đó biết đủ không phân biệt là biết rõ ráo cái thể của văn, tư, do đầy đủ nên không phân biệt nữa. Do đó gọi là tri túc vô phân biệt. Khi đã rõ ráo ở nơi địa vị văn, tư thì tự biết đã đến chỗ cứu cánh. Bồ-tát này trụ tại địa vị phàm phu, sinh tâm thỏa mãn nghĩ rằng việc văn, tư chỉ bằng được đến đây. Vì nghĩa đó nói là tri túc vô phân biệt. Lại nữa phải biết rằng có thể gian tri túc vô phân biệt, nếu đạt được đến Hữu đỉnh cho là Niết-bàn sinh tâm tri túc, nghĩa là cho rằng không còn nơi nào nữa, nên gọi là tri túc vô phân biệt. Không điên đảo vô phân biệt là Thanh Văn v.v...



Do các Thanh Văn thông đạt chân thật nên được 4 trí vô đảo như vô thường v.v...đôi với thường v.v... 4 đảo tướng không còn điên đảo phân biệt nữa. Không hý luận vô phân biệt là các Bồ-tát do các Bồ-tát biết tất cả pháp cho đến Bồ-đề không hý luận vô phân biệt cho nên không phân biệt nữa. Không hý luận nghĩa là phát ngôn nói ra vượt quá trí thế gian, trí này chẳng phải ngôn ngữ nói ra, cũng chẳng phải trí thế gian biết được. Lại nữa trí vô phân biệt hậu đắc có 5 thứ sai biệt là thông đạt, ức niệm, thành lập, hòa hợp và như ý hiển thị sự sai biệt. Trong đó thông đạt hiển thị, ức niệm hiển thị, thành lập hiển thị, hòa hợp hiển thị và như ý hiển thị 5 thứ sai biệt. Trong đây thông đạt hiển thị là nếu đã thông đạt tức khi ấy hiển thị nói rằng ta đã thông đạt. Hiển thị nghĩa là biết một cách quyết chắc. Ưc niệm hiển thị là nếu xuất định rồi nghĩ nhớ nói rằng ta đã thông đạt vô phân biệt rồi. Thành lập hiển thị là như chỗ đã thông đạt mà giải nói cho người khác. Hòa hợp hiển thị là đem tất cả pháp làm thành một khối. Trí phan duyên tổng tướng, do quán trí này tức được chuyển y. Như ý hiển thị là do chuyển y này liền được hiển thị như ý, do tùy theo tâm niệm tất cả tự tại. Do tự tại này nếu muốn lấy đất làm vàng v.v... đều được thành tựu. Do hiển thị được như ý nên gọi là như ý hiển thị. Bởi vì sao? Do kinh nói vì lấy hiển thị và như ý nên đã thành lập trí vô phân biệt. Vì chưa noi nhân duyên thành tựu nên lại dùng kệ hiển thị.

Luận nói: Lại có kệ khác thành tựu trí vô phân biệt:

*Quý súc và người, trời,  
Đều tùy theo chỗ ứng.  
Tâm ý đều khác nhau,  
Nên biết nghĩa không thành.  
Quá khứ và chiêm bao,  
Cùng 2 thứ ảnh tượng,  
Vô hữu làm phan duyên,  
Nhưng phan duyên kia thành.*

Nếu nghĩa thành là cảnh,  
 Không trí vô phân biệt.  
 Nếu trí này không có,  
 Phật quả không thể được.  
 Bỏ-tát được tự tại,  
 Nên lạc dục tự tại.  
 Như muốn đất thành vàng,  
 Người được định cũng vậy.  
 Người thành tựu quán hạnh,  
 Người trí được tịch tĩnh.  
 Tư duy tất cả pháp,  
 Như nghĩa ấy hiển hiện.  
 Trí hành vô phân biệt,  
 Tất cả nghĩa không hiện.  
 Tức biết không có nghĩa,  
 Thì thức cũng không có.

Giải thích: Trong đây nói “Quý súc và người, trời, đều tùy theo chỗ ứng.”, nghĩa là súc sinh thấy là nước, ngựa quý là cao nguyên, người thấy là phân nhơ, heo thấy là vật sạch. Như người thấy thức ăn uống là sạch thì chư thiên là không sạch. Dùng đạo lý này hiển thị, trong một vật tùy theo ý thức mỗi loài thấy khác nhau. Cho nên biết nghĩa, là không sở hữu. Vì vậy cái chấp thủ của họ là không thành. Nếu vậy, nghĩa, là vô sở hữu, thì thức phải không duyên cảnh mà sinh? Đáp: Cũng có trường hợp thức không duyên cảnh mà sinh.. Như chiêm bao và quá khứ vị lai v.v... Phan duyên cái không thật, tức là phan duyên tự thể. Như cảnh trong gương và cảnh trong định cũng vậy. Tiếp đến là dùng kệ hiển thị. Kệ nói quá khứ v.v... và chiêm bao, trong đó nửa kệ sau giải thích nửa kệ trước. Tuân tự cũng như vậy. Do phan duyên không thật nên không có phan duyên. Chẳng phải không phan duyên tức là tự phan duyên. Nghĩa là tự tâm làm cảnh mà phan duyên. Tức là quá khứ, vị lai và mộng cùng 2

ảnh tượng v.v... tuân tự nên biết như vậy. Nếu nghĩa thành, là cảnh không có trí vô phân biệt. Nếu nghĩa có tự tính, tức là không có trí vô phân biệt. Nếu ông nói không có trí vô phân biệt thì có lỗi gì? Nếu không có trí này thì không thể đắc Phật quả. Nếu không có trí vô phân biệt thì không thể đắc Phật quả. Cho nên chắc chắn phải có. Bồ-tát được tự tại, nghĩa là đã được năng lực tự tại nên thắng giải tự tại, được lạc dục tự tại nên nghĩ muốn như thế nào thì được như thế đó, nghĩa là như muốn đất v.v... các vật thành vàng v.v... liền được như vậy. “Người được định cũng vậy.”, nghĩa là những người được định và các Thanh Văn. “Người thành tựu quán hạnh”, nghĩa là thành tựu Ti-bát-xá-na. Người trí tức các Bồ-tát. Người được tịch tĩnh là được Tam-ma-đề. “Tư duy tất cả pháp, như nghĩa ấy hiển hiện.”, nghĩa là do các Bồ-tát khi tư duy nghĩ nhớ nghĩa các pháp như vậy như vậy trong Tu-đa-la thì sẽ được hiển hiện như nghĩ nhớ. Như khi niệm Phật tùy theo tư niệm, Phật nghĩa trong các pháp kia sẽ được hiển hiện. Các nghĩa như sắc, thụ v.v... cũng hiển hiện như vậy. “Trí hành vô phân biệt, tất cả nghĩa không hiện.”, nghĩa là khi trí chính hành vô phân biệt, do tất cả nghĩa không hiện nên biết tức là không có nghĩa. Do nghĩa không có nên thức cũng thành không có. Nay sẽ nói về thức này vô sở hữu. Nói “Thức cũng không có được”, nghĩa là cái sở thức đã không có thì cái năng thức không thành. Cho nên phải biết nghĩa vô sở hữu là như vậy. Trong tướng đã giải thích đầy đủ.

Luận nói: Bát-nhã Ba-la-mật với trí vô phân biệt không khác nhau. Như kinh nói: Bồ-tát trụ trong Bát-nhã Ba-la-mật rồi, và không trụ tương ưng, nên tu các Ba-la-mật được viên mãn. Thế nào là không trụ tương ưng mà được viên mãn? Nghĩa là xa lìa 5 thứ trụ xứ: 1. Xa lìa chỗ chấp ngã của ngoại đạo. 2. Xa lìa chỗ phân biệt của Bồ-tát không thấy chân thật. 3. Xa lìa chỗ 2 cực đoan của sinh tử và Niết-bàn. 4. Xa lìa tư tưởng cho rằng chỉ đoạn trừ phiền não chướng là đủ. 5. Xa lìa việc bỏ làm lợi ích chúng sinh mà an trụ vô dư Niết-bàn.

Giải thích: Trí vô phân biệt này tức là Bát-nhã Ba-la-mật. Bởi vì sao? Như kinh nói: Trụ trong Bát-nhã Ba-la-mật rồi và không trụ tương ưng. Như vậy là muốn khiến biết nghĩa này nên dùng văn kinh hiển thị. Như vậy trụ và không trụ trong tương ưng, đầy đủ các Ba-la-mật. Xa lìa chỗ chấp ngã của ngoại đạo, nghĩa là như ngoại đạo trụ trong Bát-nhã có ngã chấp, nghĩ rằng ta trụ trong Bát-nhã, đây là Bát-nhã. Bồ-tát xa lìa trụ tướng như thế của ngoại đạo cho nên được trụ trong vô trụ tương ưng Bát-nhã. Xa lìa chỗ phân biệt của Bồ-tát không thấy chân thật, nghĩa là nếu không thấy chân thật thì Bồ-tát trong Bát-nhã Ba-la-mật vô phân biệt, lại phân biệt nói rằng đây là Bát-nhã Ba-la-mật. Không phân biệt như vậy nên gọi là không trụ tương ưng. Xa lìa chỗ 2 cực đoạn của sinh tử và Niết-bàn, nghĩa là như thế gian trụ bên sinh tử, Thanh Văn trụ bên Niết-bàn. Bồ-tát không như vậy, không trụ 2 bên này, tức không trụ tương ưng. Xa lìa tư tưởng cho rằng chỉ đoạn trừ phiền não chướng là đủ, nghĩa là như Thanh Văn chỉ đoạn phiền não chướng cho là đủ. Bồ-tát không như vậy. Do ý này nên nói chư Bồ-tát không trụ tương ưng hạnh. Xa lìa việc bỏ làm lợi ích chúng sinh mà an trụ vô dư Niết-bàn, nghĩa là Bồ-tát không như vậy, là không trụ chỗ trụ của Thanh Văn. Đó là không trụ tương ưng. Trí của Thanh Văn với trí của Bồ-tát có 5 tướng sai biệt, nay sẽ nói đến.

Luận nói: Trí của Thanh Văn với trí của Bồ-tát này có gì khác nhau? Có 5 thứ khác nhau: 1. Khác nhau ở chỗ vô phân biệt, nghĩa là ám v.v...các pháp không phân biệt. 2. Khác nhau ở chỗ không có giới hạn, nghĩa là thông đạt chân như, nhập nhất thiết chủng, vì do tất cả chúng sinh không giới hạn. 3. Khác nhau ở chỗ vô trụ, nghĩa là nhập vô trụ Niết-bàn. 4. Khác nhau ở chỗ rốt ráo, nghĩa là hướng đến Niết-bàn vô dư mà không cùng tận. 5. Khác nhau ở chỗ vô thượng, nghĩa là đạt đến cao tột không còn có thừa nào hơn.

*Năm thứ trí sai biệt,  
Lấy Đại bi làm thể.  
Quả báo thể xuất thể,  
Phải biết chẳng bao xa.*

Giải thích: Trong đây, khác nhau ở chỗ vô phân biệt, nghĩa là các Thanh Văn phan duyên các âm v.v... sinh trí phân biệt. Trí các Bồ-tát đối với âm v.v... không sinh phân biệt. Khác nhau ở chỗ không giới hạn, nghĩa là người thông đạt nhân pháp 2 vô ngã nên không có phân chia giới hạn. Bởi các Bồ-tát sinh trí trong tất cả những gì phải biết, còn Thanh Văn chỉ biết khổ đế v.v..., Bồ-tát vì chúng sinh không có giới hạn, vì tất cả chúng sinh cầu Bồ-đề, còn Thanh Văn chỉ vì tự lợi. Khác nhau ở chỗ vô trụ, nghĩa là các Bồ-tát được vô trụ xứ Niết-bàn chẳng phải như các Thanh Văn. Khác nhau ở chỗ rốt ráo, nghĩa là trong vô dư Niết-bàn giới thì Niết-bàn Thanh Văn có tận diệt, Niết-bàn Bồ-tát thì không như vậy. Khác nhau ở chỗ vô thượng, nghĩa là Thanh Văn thừa còn có bậc trên, Bồ-tát Đại thừa thì không còn thừa nào trên. Đó là chỗ khác nhau. Nghĩa này trong kệ hiển thị 5 thứ sai biệt về trí. Quả báo thể xuất thể, nghĩa là cõi Sắc, Vô sắc là quả báo thể gian, Thanh Văn v.v... là quả báo xuất thể gian.

Luận nói: Nếu Bồ-tát đã đầy đủ quả báo công đức của giới tăng thượng, tâm tăng thượng, tuệ tăng thượng, đã được tự tại trong tất cả nghĩa lợi, vì sao hiện thấy còn có các chúng sinh chịu các nghèo khổ? Do thấy các chúng sinh ấy có các nghiệp chướng trong các nghĩa lợi kia. Do thấy nếu cho quả báo sung sướng thì đối với các thiện pháp trở ngại việc khởi thiện. Do thấy không có nghĩa lợi thì chán ghét hiện tại. Do thấy nếu được quả báo thì thành nhân tụ tập các pháp bất thiện. Do thấy nếu được quả báo là làm nhân bức nã cho vô lượng chúng sinh khác. Do nghĩa đó mà hiện thấy có chúng sinh chịu các khổ não. Trong đây có kệ như sau:

*Thấy nghiệp ngại hiện tiền,  
Gom ác bức não người,  
Phải biết chúng sinh ấy,  
Không được Bồ-tát thí.*

Giải thích: Bồ-tát được tự tại. Do nhân duyên này, tuy có Đại bi mà không cho chúng sinh giàu có sung sướng. Nay sẽ nói rõ ý này. Trong đây nói thấy nghiệp chướng các chúng sinh, nghĩa là các chúng sinh này trong oai lực của Bồ-tát có trở ngại nghiệp chướng, có trở ngại Bồ-tát trí nên tuy Bồ-tát kham năng, thấy việc này nên sinh tâm xả đối với sự nghèo khổ kia. Điều này có thể lấy thí dụ nga quý thấy nước sông thì rõ. Như sông có nước, nếu muốn uống cũng không ai cản trở. Nhưng nga quý do tự tội nghiệp không thể uống được. Đây cũng vậy, sông ví dụ cho Bồ-tát. Cửa cái ví dụ cho nước. Nga quý ví dụ cho chúng sinh. Cũng như nước kia, các chúng sinh này đối với cửa cái không thể thụ dụng cũng có nghĩa như vậy. Do thấy sự sung sướng có trở ngại việc khởi thiện, nghĩa là lại có những người khác tuy không nghiệp chướng, nhưng người này khi được gặp Bồ-tát, trong tương tục sinh khởi thiện pháp, nêu cho người này quả báo hưởng thụ giàu có sung sướng thì sẽ dứt mất việc khởi thiện. Bồ-tát suy nghĩ như vậy thà để cho nghèo khổ mà tùy thuận khởi thiện. Do đạo lý này mà không cho giàu có sung sướng. Do thấy chán ghét hiện tiền, nghĩa là hoặc lại có người chán ghét hiện tiền, Bồ-tát thấy kia nghèo khổ mà trong thiện bất thiện suy nghĩ chán ghét hiện tiền hơn, vì vậy đối với chúng sinh kia không cho sự giàu có sung sướng. Do thấy quả báo chịu khổ kia thêm lớn nhân bất thiện, nghĩa là lại có người khi nghèo cùng không tụ tập các pháp bất thiện được, Bồ-tát thấy vậy nghĩ rằng thà khiến nghèo khổ chớ khiến tạo tác bất thiện, cho nên đối với chúng không cho sự giàu có sung sướng. Do thấy khổ kia mà được quả báo. Cho các vô lượng chúng sinh khác tạo nhân bức não, nghĩa là lại có người được đại quả báo thì làm khổ não

vô lượng chúng sinh, cho nên thà một thân chịu nghèo khổ là hơn, chớ để khổ não vô lượng chúng sinh, vì vậy không cho giàu có sung sướng. Kế hiển thị các nghĩa như vậy. Trong đây vì nghiệp chướng ngại, vì sinh khởi thiện căn, vì thiện hiện tiền, vì tụ tập bất thiện, vì bức não các chúng sinh, Bồ-tát thấy những việc như thế không cho giàu có sung sướng, tức trong kệ là nghiệp và ngại hiện tiền, tập hợp các ác bức não người khác. Lấy đó hiển thị có thể hiểu các nghĩa khác. Đến đây giải thích xong về tăng thượng tuệ học.

### **Tịch diệt thắng tướng thắng ngữ 9**

Luận nói: Như vậy là đã nói về tướng thù thắng của tăng thượng tuệ học rồi, còn làm sao thấy được tướng thù thắng của tịch diệt? Tịch diệt của chư Bồ-tát là vô trụ xứ Niết-bàn, vì xả ly phiền não mà không bỏ sinh tử, cùng y chỉ chuyển y làm tướng. Trong đây sinh tử là phần nhiễm ô của tính y tha, Niết-bàn là phần thanh tịnh của tính y tha. Y chỉ tức là đủ 2 phần của tính y tha. Chuyển y là khi khởi đối trị tính y tha, phần nhiễm ô diệt, phần thanh tịnh hiển hiện.

Giải thích: Tướng vô trụ xứ Niết-bàn tức là xả ly phiền não mà không bỏ sinh tử. Cùng y chỉ chuyển y làm tướng, nghĩa là khi trụ chuyển này thì không cho phiền não được trụ lại, nhưng không bỏ sinh tử. Phần nhiễm nên gọi là y tha, tức phần tịnh nên gọi Niết-bàn. Hai phần nên là chỗ y chỉ của kia. Chuyển y tức trong đây được thành. Do trong đây khi khởi đối trị thì phần nhiễm không hiện hành, phần tịnh hiện hành.

Luận nói: Lại nữa sự chuyển y này lược nói có 6 thứ: Một là chuyển bằng cách thêm sức, giảm khả năng. Do sức tín giải trụ nơi văn huân tập, do có sự hổ thẹn nên một ít phiền não hiện hành và không hiện hành. Hai là chuyển do thông đạt, nghĩa là các Bồ-tát đã nhập địa cho đến địa thứ 6, thì trước mắt chân thật hiển hiện không chân thật không hiển hiện. Ba là chuyển bằng sự tu tập, nghĩa là cho

đền địa thứ 10 tất cả tướng có chướng ngại không hiển hiện, chân như thì hiển hiện. Bốn là chuyển quả viên mãn, tất cả tướng không chướng ngại không hiển hiện, chân như thanh tịnh cùng tột hiển hiện vì được tất cả tướng tự tại. Năm là chuyển hạ liệt, nghĩa là chuyển đổi sự thấp kém, vì các Thanh Văn thông đạt nhân vô ngã nên một bề quay lưng với sinh tử xả bỏ sinh tử. Sáu là chuyển thành rộng lớn, nghĩa là chư Bồ-tát thông đạt pháp vô ngã, nên thấy sinh tử tức tịch tĩnh, diệt phiền não mà không bỏ sinh tử. Chư Bồ-tát trong chuyển hạ liệt có lỗi làm gì? Có lỗi là không nghĩ đến việc lợi ích chúng sinh. Pháp Bồ-tát là phải siêu quá hạ thừa, nghĩa là vượt qua trình độ thấp kém, chứ giải thoát đồng như họ là có lỗi. Chư Bồ-tát đối với sự chuyển thành rộng lớn có được công đức gì? Ở trong pháp sinh tử lấy sự tự y chỉ chuyển thành y chỉ, cho nên được thân tự tại trong tất cả nẻo đường sinh tử hiển thị tất cả thân, dùng nhiều phương tiện điều phục, điều phục và an lập trong quả báo thế gian và trong 3 thừa. Đó là công đức.

Gii thích: Chuyển y này lại có 6 thứ. Chuyển bằng cách thêm sức giảm khả năng, nghĩa là những huân tập nhiễm ô trong thức A-lê-da làm giảm khả năng gây ô nhiễm mà tăng thêm sức đối trị. Cho nên được chuyển trụ giải hành địa, nghĩa là vì sức trụ nơi văn huân tập đã được chuyển y nên nếu phiền não hiện hành thì kia có sự hổ thẹn do đó sự hiện hành phiền não huân tập mỏng manh ít ỏi. Trong sự chuyển bởi thông đạt mà việc hiển hiện chân thật không chân thật, nghĩa là do chính khi nhập vào địa rồi thì đó là nhân hiển hiện chân thật, cho nên tức thời được chuyển y. Hoặc có khi xuất quán thì đó là nhân hiển hiện không chân thật. Tình trạng này tồn tại cho đến địa thứ 6. Chuyển bằng tu tập, nghĩa là nên biết rằng trong chướng có ngại. Bồ-tát này tất cả các tướng đã không hiển hiện trở lại nên được chuyển y. Chuyển y này đến địa thứ 10. Trong chuyển quả viên mãn, tất cả chướng không còn chướng ngại nữa, nghĩa là Bồ-tát này tất cả chướng đã không hiển hiện, không có tất cả chướng



ngại, thấy được chân như thanh tịnh cùng cực, được tự tại trong tất cả tướng nên được y chỉ. Do được tướng tự tại này nên có thể tùy ý làm các việc lợi ích chúng sinh. Chuyển thành rộng lớn, nghĩa là do thấy sinh tử là tịch tĩnh thì phiền não tức diệt không có cái gì gọi là xả bỏ. Chỉ phiền não không nhiễm là do ở trong nhiễm mà không bị nhiễm. Không bỏ sinh tử, điều này có công đức gì? Chuyển y rộng lớn này, chư Bồ-tát lấy sự tự y chỉ chuyển y cho nên được tự tại trong tất cả pháp, trong tất cả nẻo đường sinh tử hiển thị đồng thân với chúng sinh, dùng mọi phương tiện điều phục mà điều phục, an lập chúng sinh trong sự phú lạc và trong 3 thừa. Đó là công đức. Trong đó phú lạc là quả báo thế gian.

Luận nói: Trong đây có các bài kệ về chuyển y:

*Phàm phu che chân thật,  
Tất cả hư vọng hiện.  
Chư Bồ-tát lìa vọng,  
Tất cả chân thật hiện.  
Nên biết hiện không hiện,  
Chân thật chẳng chân thật.  
Y chỉ này chuyển rồi,  
Là giải thoát như ý.  
Sinh tử và Niết-bàn,  
Như bình đẳng trí sinh.  
Sinh tử tức Niết-bàn,  
Người kia được như vậy.  
Tức được nơi sinh tử,  
Phi xả phi phi xả.  
Tức ở nơi Niết-bàn,  
Phi đắc phi phi đắc.*

Giải thích: Nói kệ để làm rõ chuyển y. Như các phàm phu do vô minh che khuất chân thật, hư vọng hiển hiện, tức các tướng chúng

sinh. Như vậy chư Thánh nhân chân thật hiển hiện nên xả bỏ các tướng chúng sinh, do đoạn trừ hư vọng vô minh nên được như vậy. Phải biết hiện không hiện chân thật không chân thật, nghĩa là hư vọng phân biệt không hiển hiện, tính chân thật thành tựu hiển hiện, gọi là chuyển y. Trong chuyển y hư vọng không hiện hành, chân thật hiện hành. Đây tức là giải thoát tương ưng. Gọi giải thoát như ý, nghĩa là như ý muốn làm đều được giải thoát. Chẳng phải như Thanh Văn rốt ráo Niết-bàn như người bị chém đầu. Được giải thoát như vậy, trí bình đẳng sinh tử như Niết-bàn sinh, tức là đối với 2 thứ sinh tử và Niết-bàn, sinh trí bình đẳng. Nói vì 2 thứ này không khác biệt nhau, nhưng nếu như khi ấy lại có sinh tử Niết-bàn thì làm sao được bình đẳng? Do phiền não là sinh tử. Pháp phiền não là vô ngã, Bồ-tát thông đạt pháp này, trí vô ngã sinh thấy các pháp kia đều vô sở hữu. Các hữu sinh tử tức là Niết-bàn, thấy pháp sinh tử tức là Niết-bàn tịch tịnh. Nếu như vậy có gì là sở đắc? Tức được nơi sinh tử phi xả phi phi xả. Phi xả là do các hữu sinh tử tức là Niết-bàn. Phi phi xả là xả. Do trong đó không nhiễm cho nên thấy là vô sở hữu. Nếu được như vậy thì cũng ở nơi Niết-bàn là phi đắc phi phi đắc. Bởi pháp kia không khác Niết-bàn cho nên là phi đắc. Do nơi pháp kia thấy là tịch tĩnh, với Niết-bàn không khác, cho nên là phi phi đắc. Đến đây giải thích xong về học quả tịch tĩnh.

### **Trí thắng tướng thắng ngữ 10 – 1**

Luận nói: Như vậy là đã nói về thắng tướng của tịch diệt, còn làm sao thấy được thắng tướng của trí? Vì có 3 thứ Phật thân, phải biết đó là thắng tướng của trí. Ba thân là tự tính thân, thụ dụng thân và biến hóa thân. Trong đó tự tính thân tức là Như Lai pháp thân, vì y chỉ tự tại trong tất cả pháp. Thụ dụng thân tức là hiển thị các đại tập hội của chư Phật, lấy pháp thân làm y chỉ trong các cõi Phật thanh tịnh thụ dụng quả báo của pháp Đại thừa. Biến hóa thân cũng lấy pháp thân làm y chỉ, ở cung Đâu-suất-đà, thị hiện giáng sinh, thụ

dục lạc, xuất gia, tìm ngoại đạo, tu hành khổ hạnh, chính giác Bồ-đề, chuyển pháp luân, nhập Đại Niết-bàn.

Giải thích: Trong đây giải thuyết thắng tướng của trí lấy 3 thân hiển thị thắng tướng của trí. Tự tính thân là tất cả pháp tự tại y chỉ. Thụ dụng thân tức như trước nói lấy tự tính thân làm sở y, các đại tập hội chư Phật, hiển thị cõi Phật thanh tịnh làm nhân các pháp Đại thừa Tu-đa-la, được thụ dụng pháp lạc lấy đây làm y chỉ. Lại có nghĩa khác là thụ dụng cõi Phật thanh tịnh và thụ dụng pháp lạc nên lấy đây làm y chỉ. Trong biến hóa thân thì từ cung Đâu-suất-đà cho đến nhập Niết-bàn là hiển thị trời và người là đồng pháp và lấy đây làm y chỉ.

Luận nói: Ở đây có một bài Uất-đà-na như sau:

*Tướng, đấng, và tự tại,  
Y chỉ với nhiếp trì,  
Sai biệt, đức, thậm thâm,  
Niệm, nghiệp nói Phật thân.*

Những gì là tướng? Pháp thân chư Phật lược nói có 5 tướng. Một là tướng chuyên y, nghĩa là phần nhiệm ô của tất cả chướng nơi tính y tha diệt là giải thoát tất cả chướng, trong tất cả pháp được tự tại hiện tiền, vì phần thanh tịnh của y tha tính hiển hiện.

Hai là tướng bạch pháp tự thể. Sáu Ba-la-mật viên mãn thì được 10 tự tại. Tức là mạng tự tại, tâm tự tại, chúng cụ tự tại do viên mãn Đà-na Ba-la-mật. Nghiệp tự tại, sinh tự tại do viên mãn Thi-la Ba-la-mật. Thắng giải tự tại do viên mãn Sằn-đề Ba-la-mật. Nguyện tự tại do viên mãn Tì-li-da Ba-la-mật. Thần lực tự tại gồm 5 thần thông do viên mãn Thiên Ba-la-mật. Trí tự tại, pháp tự tại do viên mãn Bát-nhã Ba-la-mật.

Ba là tướng không hai. Nghĩa là hữu, vô, không hai tướng. Tất cả pháp vô sở hữu. Tướng không này chẳng phải không. Hữu vi, vô

vi không hai là tướng. Chẳng phải nghiệp phiền não tạo ra nhưng tựa như có tạo ra vì hiển thị tự tại nên một và khác không hai tướng. Trong đó tất cả chư Phật y chỉ vô sai biệt, nhưng vô lượng thân liên tục chứng chính giác. Cho nên trong đây có kệ như sau:

*Không có ngã chấp nên  
Y chỉ không sai biệt.  
Trước sau tuần tự chứng,  
Giả danh nói sai biệt.  
Tính hành chẳng phải rỗng,  
Đủ không đầu, không khác.  
Chẳng một cũng chẳng nhiều,  
Vì y chỉ vô cầu.*

Bốn là tướng thường. Nghĩa là chân như thanh tịnh làm tướng. Bản nguyện dẫn dắt Phật sự nên không ngừng nghỉ.

Năm là tướng không thể nghĩ bàn. Trạng thái chân như thanh tịnh này chỉ tự chứng biết, không thể có cái gì của thế gian ví dụ được vì không thể phân biệt được.

Giải thích: Trong kệ Uất-đà-na này nói tướng đặc v.v... trong đó tướng tức là tướng pháp thân, có 5 thứ.

Tướng chuyển y nghĩa là tất cả phần chướng nhiễm ô trong tính y tha diệt, do phần nhiễm ô trong tính y tha diệt nên tất cả chướng được giải thoát, tự tại hiện tiền trong tất cả pháp. Phần thanh tịnh trong tính y tha hiển hiện là do được tự tại trong tất cả các pháp nên một phần tính thanh tịnh trong tính y tha được hiển hiện.

Tướng của thể bạch pháp nghĩa là vì 6 Ba-la-mật viên mãn nên được 10 thứ tự tại của pháp thân. Đây là thể của bạch pháp. Trong đó mạng tự tại nghĩa là muốn sống thọ bao lâu thì có thể hiển thị được như vậy. Tâm tự tại nghĩa là trong thời gian sống ở đời không bị sinh tử nhiễm ô. Các công cụ sinh hoạt tự tại nghĩa là như ăn ở các

phương tiện sinh hoạt v.v... 10 thứ, chư Phật đều được như ý nghĩ. Đây là nhân do viên mãn Đà-na Ba-la-mật. Như kệ nói:

*Chư Bồ-tát tư duy,  
Hoặc tịnh hoặc bất tịnh.  
Tất cả đều thành thiện,  
Đó là ý tự tại.*

Nghiệp tự tại, sinh tự tại là do viên mãn Thi-la Ba-la-mật là nhân và sinh quả. Lại nữa do đây mà thân khẩu nghiệp tự tại chuyên, do ý muốn nảy sinh thì nghiệp kia hiện tiền. Sinh tự tại nghĩa là nơi sinh được tự tại chuyên, do các nẻo đường sinh tử thiện ác tùy ý muốn sinh vào đâu thì liền được sinh. Nhân Thi-la là nghiệp. Quả Thi-la gọi là sinh. Do đạo lý này liền được hiển thị tự tại. Tín giải tự tại là do viên mãn Nhẫn Ba-la-mật nên các pháp tùy tâm chuyên, được tùy theo ý muốn như muốn tất cả mọi sự đều thành tự. Nguyên tự tại là viên mãn Trì-li-da Ba-la-mật do tinh tiến, tất cả phát hạnh đều được cứu cánh, tất cả tư lường đều thành tự. Gồm 5 thần thông, thần lực tự tại là viên mãn Thiền Ba-la-mật, do tâm có đủ năng lực xuất sinh thần thông. Trí tự tại, pháp tự tại là quả viên mãn của Bát-nhã Ba-la-mật. Sức của Bát-nhã nên an lập âm v.v... và được hậu nhất thiết chủng trí này. Trong tướng không hai, phi hữu tướng là tất cả pháp không có tướng, phi vô tướng là cái hữu không có tự tính. Hữu vi vô vi không có hai tướng nghĩa là phi hữu là tự tính, phi vô là tự tính. Cho nên trong đó chẳng phải nghiệp phiền não sinh, nên chẳng phải tướng hữu vi. Nói cũng là tướng hữu vi, nghĩa là ở trong hữu vi đã được tự tại hiển thị mọi nơi, do nghĩa này nên gọi là tướng hữu vi. Nói là tướng một khác không hai, nghĩa là trong pháp thân do không khác chỗ y chỉ cho nên không có tướng khác. Do vô lượng thân mà đực đến như kết quả này nên không được nói là một tướng. Đối với 2 cái này không thể thiên nói một phía cho nên nói là tướng không hai, hay không hai tướng. Nghĩa này dùng kệ hiển thị: “Không có

ngã chấp nên y chỉ không sai biệt.”, nghĩa là ở đời do sức ngã chấp nên có thân khác biệt. Trong pháp thân không có ngã chấp nên không khác biệt. Nếu thân không khác biệt thì sao có nhiều Phật tuần tự trước sau chứng? “Giả danh nói là sai biệt”, nghĩa là do vô lượng thân mà được nên cũng có khác biệt. Như các nghĩa này nên lại dùng kệ nói “tính biệt” nghĩa là chư Bồ-tát rất đông, do sai biệt này nên ra làm cũng khác, do ra làm sai khác nên có nhiều người. Khi hành trang tư lương Bồ-đề viên mãn mà nếu chỉ có một Phật thì hành trang tư lương của bao nhiêu người khác trở thành trống rỗng. Nói làm đầy đủ, nghĩa là chư Phật làm đủ tất cả việc lợi ích chúng sinh, nghĩa là an lập trong 3 thừa. Nếu chư Phật chỉ dùng một Phật thừa an lập chúng sinh thì việc ra làm Phật sự không đầy đủ, cho nên phải có nhiều Phật. Như sinh tử là không có cái bắt đầu thì Phật cũng như vậy. Nếu chỉ một Phật tức là có bắt đầu, cho nên chẳng phải một. Lại nữa kia y chỉ nơi không sai biệt nên cũng không được nói là nhiều. Tức là pháp giới vô cấu này y chỉ nơi vô sai biệt. Tướng không một không khác này, do đạo lý này được hiển thị. Tướng thường, nghĩa là vì 3 nhân duyên nên thể này thường trụ là tướng. Lấy chân như thanh tịnh làm Phật thể. Đây tức là thường trụ. Do đạo lý này được hiển thị Như Lai thường trụ. Nói bản nguyện dặt dắn, nghĩa là do xưa kia phát nguyện làm lợi ích chúng sinh, do nguyện này dặt dắn nên Phật thể hiển hiện. Cho nên nguyện ấy không trống rỗng. Đó tức là thường trụ. Nếu nói Như lai làm việc lợi ích chúng sinh xong rồi thì không đúng nghĩa. Vì việc làm chưa xong nên hiện nay có vô biên công việc, nghĩa là vì tất cả chúng sinh chưa Bát-niết-bàn nên vì nhân duyên này mà thường trụ là tướng. Tuy đã nói như vậy nhưng cũng không thể nghĩ bàn. Nay sẽ nói rõ nhân duyên không thể nghĩ bàn này. Nói “chỉ tự chứng biết”, nghĩa là chư Phật tự chứng cái thể của chư Phật, do cái thể kia chỉ tự chứng cho nên giác quán của người khác không thể tư duy biết được. Trong thế gian cũng không lấy cái gì giống nhau để ví dụ được.

Luận nói: Lại nữa làm sao đầu tiên chứng được pháp thân này? Vì là sở duyên của tướng chung của pháp Đại thừa, là trí vô phân biệt và trí hậu đắc, trong tất cả các địa tu 5 tướng thiện, khéo gom góp hành trang tư lương, phá được các chướng vi tế khó phá như Kim cương dụ Tam-ma-đề, rồi sau Tam-ma-đề này lia tất cả chướng thì được chuyển y.

Giải thích: Trong đây nói đầu tiên chứng được, nghĩa là do cái thể này vì vô vi nên không sinh. Nếu sinh tức là vô thường. Kim cương thí Tam-ma-đề, nghĩa là Tam-ma-đề này ví như kim cương có thể phá các chướng vi tế khó phá. Nói “liền được chuyển y” nghĩa là Kim cương thí Tam-ma-đề này có thể chuyển y được pháp thân.

Luận nói: Lại nữa pháp có mấy thứ tự tại mà được tự tại? Lược nói có 5 thứ tự tại. Một là tự tại về cõi nước, tự thân, tướng hảo, âm thanh vô biên, vô kiến đỉnh, do chuyển y sắc tụ. Hai là tự tại về hạnh an lạc to lớn khôn lường, do chuyển y thụ tụ. Ba là tự tại về giảng nói tất cả danh, văn, nghĩa lý, do chuyển y tướng tụ. Bốn là tự tại về sự biến hóa, biến đổi, dẫn nhiếp đại chúng, dẫn nhiếp bạch pháp, do chuyển y hành tụ. Năm là tự tại về trí đại viên kính, trí bình đẳng tính, trí diệu quan sát, trí thành sở tác, do chuyển y thức tụ.

Giải thích: Đây là hiển thị sự tự tại do chuyển y sắc v.v...5 tự được tự tại. Trong đó do chuyển y sắc tụ nên được cõi Phật tự tại. Nghĩa là hiển thị vàng, bạc v.v... Tùy ý hiển thị thân tự tại, nghĩa là trong Đại pháp hội tùy ý muốn các chúng sinh mà hiện thân. Tướng hảo v.v... tự tại, nghĩa là tùy theo ý muốn mà được hiển thị như vô biên âm thanh, vô kiến đỉnh v.v... Do chuyển y thụ tụ được tự tại về hạnh an lạc to lớn khôn lường. Trong này nói khôn lường có nghĩa là nhiều thứ. Nói to lớn có nghĩa là an lạc này vượt quá an lạc của 3 cõi. Do chuyển y tướng tụ nên được tự tại trong việc giảng nói danh văn nghĩa lý v.v...Do chấp lấy tướng tượng nên duyên nơi danh, ngôn v.v...mà lấy tướng của nó chuyển diệt tướng này. Do chuyển

y hành tụ nên được tụ tại biến hóa, biến đổi, dẫn nhiếp Đại chúng, dẫn nhiếp bạch pháp v.v... Trong đây biến hóa tụ tại nghĩa là tùy ý biến hóa. Biến đổi nghĩa là như biến đổi đất thành vàng v.v... Dẫn Đại chúng nghĩa là tùy ý dẫn nhiếp hướng dẫn các chúng như trời, Dạ-xoa v.v... Dẫn bạch pháp nghĩa là như ý muốn thì bạch pháp hiện tiền. Do chuyển y thức tụ nên được kính trí, bình đẳng trí, chính quán trí, tác sở ung tác trí. Trong đó kính trí nghĩa là tuy pháp không hiện tiền nhưng không quên mất, như thế gian giới học tập kinh sách vậy. Bình đẳng trí nghĩa là khi thông đạt, đối với tất cả chúng sinh được tâm bình đẳng. Đây tức là tịnh tâm. Chính quán trí nghĩa là như kho tàng kinh điển, trong các Đà-la-ni Tam-ma-đề môn, tùy lúc nào, pháp gì, tác ý tư duy thì trí hành không ngại. Tác sở ung tác trí nghĩa là hiển thị như từ Đâu-suất-đà cho đến Niết-bàn hiển hiện các Phật sự.

Luận nói: Pháp thân y chỉ vào bao nhiêu pháp? Lược nó có 3 thứ . Một là y chỉ các nơi Phật trụ. Ở đây có 2 bài kệ:

*Được thụ 5 thứ tự thể hỷ,  
Chư Phật do chứng pháp giới tính.  
Xa lìa 5 hỷ do không chứng,  
Cho nên phải chứng 5 hỷ này.  
Năng lực sự thành không có lượng.  
Pháp vị nghĩa lợi công đức đủ.  
Chư Phật hằng thường thấy vô tận,  
Nên được hoan hỷ không cùng tột.*

Hai là vì thành thực các Bồ-tát nên y chỉ các thụ dụng thân. Ba là phần nhiều vì thành thực các Thanh Văn nên y chỉ các hóa thân.

Giải thích: Nên biết có bao nhiêu pháp y chỉ. Pháp thân y chỉ nơi các thứ Phật trụ, nghĩa là nói “các thứ” tức chỉ các nơi y chỉ như Thánh trụ, Thiên trụ, Phạm trụ v.v... Hoặc có người nghĩ rằng chư Phật cần gì phải hiện hóa thân, vì chư Thanh Văn không chứng được



điều này. Lìa 5 hỷ, nghĩa là chư Thanh Văn không thể chứng được pháp thân này nên xa lìa 5 thứ hoan hỷ. Vì vậy là hỷ thì cần phải chứng, nghĩa là nếu muốn cầu sự hoan hỷ này từ nơi chứng thì phải siêng tu phương tiện. Năm thứ hoan hỷ này được hiển thị trong bài kệ thứ hai: “Năng lực sự thành không có lượng. Pháp vị nghĩa lợi công đức đủ.”, nghĩa là trong đó pháp thân có năng lực vô lượng cho nên vô lượng người được chính giác thấy đều có năng lực bình đẳng. Do được thấy năng lực vô lượng này nên sinh hoan hỷ. Và sự thành cũng vô lượng, nghĩa là nếu một vị Phật làm việc lợi ích chúng sinh tức là tất cả Phật sự. Do chư Phật nhiều nên Phật sự cũng vô lượng. Do thấy đó nên sinh hoan hỷ. Pháp vị, nghĩa là do thấy rõ Tu-đa-la, Kỳ-dạ v.v... 12 bộ kinh pháp nên sinh thắng hoan hỷ. Nghĩa lợi công đức đủ, nghĩa là tài lợi và công đức đầy đủ. Trong đó tài lợi đầy đủ là tùy ý nghĩ ý muốn liền được đầy đủ. Công đức đầy đủ là 10 lực, 18 pháp không chung v.v... đều đầy đủ. Cho nên được hoan hỷ cùng tột không mất, nghĩa là, nói cùng tột là sự hoan hỷ hơn cả 3 cõi, không mất là tập khí phiền não diệt nên chư Phật hằng thường thấy vô tận. Xem đây thì trước nói 4 thứ hoan hỷ cho đến cùng sinh tử không có tận diệt. Tuy nhập vô dư Niết-bàn cũng vô tận. Cho nên chư Phật được đặc biệt hoan hỷ cùng tột, không như các Thanh Văn. Pháp thân cũng là chỗ y chỉ của thụ dụng thân.

Vì nhân duyên gì được thành y chỉ của thụ dụng thân? Nếu tách rời đây thì chư Bồ-tát nhập địa trở lên sẽ không được thành thực. Cũng là chỗ y chỉ của hóa thân. Do nhân duyên gì được thành y chỉ của hóa thân? Vì phần nhiều vì thành thực các Thanh Văn. Các Thanh Văn do nguyện lạc thấp kém, nếu lìa đây thì không được thành thực. Nói “phần nhiều vì” là gồm nói cả các Bồ-tát ở Tín hành địa.

Luận nói: Nên biết có bao nhiêu Phật pháp nhiếp thủ pháp thân? Lược nói có 6 thứ. Một là do thanh tịnh nhiếp thủ thức A-lê-da chuyển thành mà được pháp thân. Hai là do quả báo nhiếp thủ

sắc căn chuyển thành mà được quả báo trí. Ba là do an lạc nhiếp thủ chuyển dục hạnh thành lạc hạnh mà được vô lượng trí lạc. Bốn là do tự tại nhiếp thủ các nghiệp chuyển thành tự tại mà được vô ngại thân thông trí tự tại trong tất cả thế giới. Năm là do nhiếp thủ các phương tiện lưu bố ở đời như tất cả sự thấy nghe hay biết do ngôn ngữ lưu bố chuyển thành, được chính thuyết trí tự tại khiến tâm chúng sinh hoan hỷ. Sáu là do tâm cứu vớt nhiếp thủ chuyển thành mà được trí cứu vớt tất cả tai họa tội lỗi cho tất cả chúng sinh. Sáu thứ Phật pháp này nhiếp thủ pháp thân chư Phật.

Giải thích: Nếu có pháp có thể nhiếp thủ pháp thân, nay sẽ nói rõ chuyển pháp gì mà được pháp thân này? Nói chuyển thức A-lê-da mà được pháp thân, nghĩa là được pháp thân và thanh tịnh cho nên pháp thân này thanh tịnh, vì vậy gọi là thanh tịnh nhiếp. Quả báo nhiếp, nghĩa là quả báo thân giữ Phật pháp. Chuyển sắc căn, nghĩa là chuyển nhãn v.v... các sắc căn. Được quả báo trí, nghĩa là chuyển các sắc căn kia được quả báo trí. An lạc nhiếp thủ các dục hạnh thành lạc hạnh, nghĩa là chuyển các dục hạnh thế gian thành được pháp lạc của Phật. Được vô lượng trí, tức được tự tại trong các pháp lạc. Trong tự tại nhiếp thủ chuyển các nghiệp, nghĩa là như các nghề nghiệp thế gian làm nông hay doanh thương v.v... chuyển thành được thân thông trí vô ngại trong tất cả thế giới. Nhiếp thủ các phương tiện lưu bố ở đời, nghĩa là những thấy nghe hay biết trong thế gian chuyển thành những thấy nghe v.v... được tự tại, do được trí làm hoan duyệt tất cả chúng sinh. Tâm cứu vớt nhiếp thủ, nghĩa là như phép vua ở đời gây những sự khổ não, hoặc đem sự thân thiện hoặc tài lực vật lực cứu giúp chuyển thành trí cứu khổ tất cả chúng sinh. Trí cứu vớt này lia tất cả tội lỗi.

# NHIẾP ĐẠI THỪA LUẬN THÍCH LUẬN

## QUYỂN 10

### Trí thắng tướng thắng ngữ 10 – 2

Luận nói: Pháp thân chư Phật là khác nhau hay không khác nhau? Vì y chỉ ý dụng và nghiệp không khác nên không thể nói là khác. Vì vô lượng chúng sinh thành chính giác nên có khác. Như pháp thân, thụ dụng thân cũng vậy. Ý dụng và nghiệp không khác nên không khác. Y chỉ có khác vì từ vô lượng y chỉ chuyển nên biến hóa thân cũng như thụ dụng thân.

Giải thích: Nói từ “vô lượng y chỉ chuyển”, nghĩa là chư Bồ-tát có vô lượng y chỉ, do đó thụ dụng thân hiển hiện. Vì vậy ý dụng và nghiệp không khác. Nhưng thân thì có sai khác. Trong đây nói ý dụng không sai khác, nghĩa là ý muốn làm an vui tất cả chúng sinh. Nghiệp không sai khác, nghĩa là hiển thị nghiệp chứng chính giác Bát-niết-bàn. Nghiệp này thì không sai khác.

Luận nói: Pháp thân tương ứng với bao nhiêu công đức? Tương ứng với các công đức hết sức thanh tịnh như là 4 tâm vô lượng, giải thoát, thắng xứ, tất cả xứ, không tranh giành, nguyện trí, 4 tài biện luận, 6 thân thông, 32 tướng đại trượng phu, 80 vẻ đẹp, 4 tất cả thanh tịnh, 10 sức mạnh, 4 không sợ hãi, 3 không hộ, 3 niệm xứ, pháp không quên mất, đánh bạt hết tập khí, Đại bi, 18 pháp không chung, tất cả trí thù thắng. Ở đây có kệ như sau:

*Thương xót các chúng sinh,  
Xả bỏ ý trói buộc.  
Không bỏ tâm an lạc,  
Quy mạng ý lợi ích.  
Giải thoát tất cả chướng,  
Mâu-ni thắng thế gian,  
Trí biến khắp nhĩ diêm,  
Quy mạng tâm giải thoát.  
Diệt các hoặc không sót,  
Cho tất cả chúng sinh,  
Người mê hoặc đều hết,  
Quy mạng đáng lia hoặc.  
Không dụng công, không chấp,  
Không chướng ngại, vắng lặng,  
Thường giải các vấn nạn,  
Quy mạng đáng giải nạn.  
Sở y và năng y,  
Ngôn từ và trí tuệ,  
Ý thường không chướng ngại,  
Quy mạng đáng thiện thuyết.  
Tùy theo các ngôn ngữ,  
Qua lại rồi xuất ly,  
Biết các chúng sinh kia,  
Quy mạng đáng giáo hóa.  
Các chúng sinh thấy Phật,  
Do kia tướng Đại nhân,  
Chỉ được thấy sinh tin,  
Quy mạng đáng sinh tin.  
Chấp trì, trụ xứ, bỏ,  
Biến hóa và biến đổi,  
Trí Tam-muội tự tại,*

Quy mạng đến bờ kia.  
Phương tiện quy y tịnh,  
Và Đại thừa xuất ly,  
Chướng cách các chúng sinh,  
Quy mạng đáng phá ma.  
Hay nói trí và đoạn,  
Thoát khỏi việc chướng ngại,  
Ngoại đạo không thể hại,  
Quy mạng tự tha lợi.  
Thuyết pháp khuyên Đại chúng,  
Xa lìa 2 phiền não,  
Không hộ, không quên mất,  
Quy mạng đáng nhiếp chúng.  
Lợi ích các chúng sinh,  
Chỗ làm không quá thời,  
Chỗ làm thường không rộng,  
Quy mạng không quên mất.  
Đi đứng khắp mọi nơi,  
Đều là nghiệp viên trí,  
Biết hết cả mọi thời,  
Quy mạng đáng thật nghĩa.  
Trong ngày đêm 6 thời,  
Quán sát các thế gian,  
Với Đại bi tương ứng,  
Quy mạng ý lợi ích.  
Tu hành và chứng đắc,  
Trí tuệ với tác nghiệp,  
Thắng tất cả Nhị thừa,  
Quy mạng đáng tối thắng.  
Ba thân Đại Bồ-đề,  
Đủ đắc Nhất thiết chủng,

*Quy mạng đoạn chúng sinh  
Tất cả chỗ nghi hoặc.  
Vô úy, vô quá thất,  
Vô trước, vô trụ xứ,  
Vời các pháp không động,  
Quy mạng không hý luận.*

Pháp thân chư Phật tương ưng với các công đức như vậy. Lại còn các công đức như tự tính, nhân, quả, nghiệp, tương ưng, hành sự. Vì vậy pháp thân chư Phật có công đức vô thượng. Ở đây có kệ như sau:

*Thành tựu nghĩa tối thắng,  
Xuất quá tất cả địa.  
Đến trên các chúng sinh,  
Giải thoát các chúng sinh.  
Đức vô tận, vô đẳng,  
Tương ưng thế gian thấy,  
Đại chúng hội chẳng thấy,  
Tất cả trời và người.*

Giải thích: Pháp thân tương ưng với các công đức như vậy. Lại còn các công đức như tự tính, nhân, quả, nghiệp, tương ưng, hành sự. Trong đó tự tính của pháp thân là để hiển thị nghĩa thành tựu tối thắng. Thành tựu tối thắng là thanh tịnh chân như, vì đây là tự tính của Phật. Nhân, là hiển thị sự xuất quá tất cả địa, nghĩa là do tu tất cả địa được Phật thể kia. Đến trên các chúng sinh, đây là hiển thị quả. Hiển thị quả này ở trên tất cả chúng sinh. Giải thoát chúng sinh, là hiển thị nghiệp, vì Phật là cứu thoát tất cả chúng sinh. Tương ưng, là tương ưng công đức vô tận, vô đẳng, dùng đây để hiển thị. Trong đây “thế gian thấy”, là thấy hóa thân. Các Đại chúng hội thấy là thấy thụ dụng thân. Các hàng trời người đều không thấy, là các Đại chúng hội không thấy tự tính thân. Các hiển thị đây nói các hành sự sai biệt của Phật thân.

Luận nói: Nhưng pháp thân chư Phật này là sâu xa, cực kỳ sâu xa. Sự sâu xa này làm sao thấy được? Ở đây có kệ như sau:

*Phật không sinh mà sinh,  
Trụ ở vô trụ xứ.  
Các việc không dụng công,  
Thụ dụng đệ tử thực.  
Vô sai biệt vô lượng,  
Vô số lượng một nghiệp.  
Nghiệp động và bất động,  
Chư Phật 3 thân đủ.  
Không có chứng chính giác,  
Chẳng không giác tất cả.  
Niệm niệm không thể lường,  
Hiện thị hữu phi hữu.  
Không dục, không lìa dục,  
Mà cũng cùng với dục.  
Đã biết dục phi dục,  
Được nhập dục pháp như.  
Chư Phật quá các ám,  
Mà cũng trụ trong ám.  
Với kia, chẳng một khác,  
Không bỏ mà vắng lặng.  
Chư Phật đồng sự nghiệp,  
Như nước trong biển lớn.  
Ta đã, đang, sẽ làm,  
Lợi tha, mà không nghĩ.  
Người có tội không thấy,  
Như bình vỡ không trăng.  
Phổ biến khắp thế gian,  
Pháp sáng như mặt nhật.*

Hoặc hiển thị chính giác,  
 Hoặc Niết-bàn như lửa.  
 Không sinh cũng chẳng có,  
 Như Lai thân thường trụ.  
 Phật trong phi chính pháp,  
 Người và nẻo sinh tử,  
 Trong pháp phi Phạm hạnh,  
 Tự trụ bậc tối thắng.  
 Đi cùng khắp tất cả,  
 Mà cũng chẳng đi đâu.  
 Tất cả chúng sinh thấy,  
 Chẳng phải cảnh 6 căn.  
 Đè bẹp đoạn phiền não,  
 Như chú trừ các độc.  
 Bờ hoặc đến hết hoặc,  
 Phật đủ Nhất thiết trí.  
 Phiền não tức Bồ-đề,  
 Thể sinh tử vắng lặng.  
 Vì có phương tiện lớn,  
 Như Lai không nghĩ bàn.

Đây là 12 thứ thậm thâm, tức 12 thứ rất sâu. Đó là sinh thành  
 nghiệp trụ thậm thâm. An lập số nghiệp thậm thâm. Chính biến giác  
 thậm thâm. Ly dục thậm thâm. Diệt ám thậm thâm. Thành thực thậm  
 thâm. Hiển hiện thậm thâm. Hiển thị chính biến giác Bát-niết-bàn  
 thậm thâm. Trụ thậm thâm. Hiển thị tự thể thậm thâm. Diệt phiền não  
 thậm thâm. Bất tư nghị thậm thâm.

Giải thích: Nay sẽ hiển thị cái rất sâu của Đại thừa, tức hiển  
 thị 12 thứ thậm thâm. Trong đó sự sâu xa về sinh thành, nghiệp trụ  
 v.v... được thể hiện trong một kệ. “Chư Phật không sinh mà sinh”,  
 đây hiển thị sâu xa về sự sinh, vì chư Phật lấy không sinh làm sinh.



“Vô trụ xứ là trụ xứ”, đây hiển thị sâu xa về sinh trưởng, vì chư Phật không trụ ở sinh tử Niết-bàn. “Chỗ làm không công dụng” hiển thị sâu xa về nghiệp. Chư Phật lấy bình đẳng làm nghiệp, do không công dụng nên chỗ nghiệp ra làm mọi nơi đều bình đẳng thụ dụng. “Đệ tứ thực” hiển thị sâu xa về sự an trụ, vì 4 cách ăn là trụ xứ y chỉ của thân bất tịnh. Trụ xứ của chư Phật không phải trụ xứ của thân bất tịnh, do 4 cách ăn là đoàn thực v.v... Đó là trụ xứ y chỉ thân không thanh tịnh của chúng sinh trong cõi Dục. Trụ xứ y chỉ của tịnh thân bất tịnh thân, nghĩa là chúng sinh trong cõi Sắc, Vô sắc, nếu đối với hạ địa phiền não thì chúng là tịnh, đối với thượng địa phiền não thì chúng là bất tịnh. Các thân tịnh bất tịnh này chỉ có 3 cách ăn là xúc, ý và tư, không phải đoàn thực thân mới được tồn tại. Các thân kia chỉ 3 cách ăn có thể tồn tại. Gìn giữ tịnh thân, tức là đoàn v.v... 4 cách ăn đối với tịnh thân của Thanh Văn Duyên giác nếu trụ ở đời thì do đây được gìn giữ. Thị hiện gìn giữ, tức thị hiện tức thị hiện 4 cách ăn đoàn thực v.v... kia. Nghĩa là dùng đó mà gìn giữ nên chư Phật thụ thực. Đây là cách thứ 4. Do thị hiện lấy đó làm duy trì sự tồn tại nên chư Phật Thế Tôn thụ thí của chúng sinh khiến chúng sinh hoan hỷ tích tụ phúc đức. Không có sự ăn uống. Lại có thuyết nói rằng khi chư Phật thụ thực, chư thiên tiếp lấy thí cho chúng sinh. Do nhân duyên này các chúng sinh kia sẽ được Bờ-đề. Trong cùng một kệ đều nói chỗ sâu xa này. Lại nữa nên biết sinh tướng của chư Phật có 10 nhân duyên: 1.Ngu si biệt dị, 2.Các thứ biệt dị, 3.Nhiếp trì tự tại, 4.Trụ tự tại, 5.Xả tự tại, 6.Không hai tướng, 7.Duy ảnh tượng, 8.Như huyễn, 9.Vô trụ là trụ, 10.Nghĩa thành tự. Vì có 10 nhân duyên nên Như Lai không trụ sinh tử Niết-bàn: 1.Phi tri, 2.Phi diệt, 3.Phi hữu, 4.Phi hữu tự tính trí, 5.Vô đắc vô phân biệt, 6. Lìa tâm, 7.Được tâm, 8.Bình đẳng tâm, 9.Không được ở vật, 10.Chẳng phải không được. Vì có 10 nhân duyên nên chư Phật không dụng công mà Phật sự thành tựu: 1.Diệt lìa, 2.Không y chỉ, 3.Nên làm không công dụng, 4.Làm

không công dụng, 5. Tác nghiệp không công dụng, 6. Không sở hữu không công dụng, 7. Xưa vốn không sai biệt, 8. Làm việc rốt ráo, 9. Việc làm chưa rốt ráo, 10. Do tu thuần thực trong tất cả pháp nên tự tại. Có 10 nhân duyên chư Phật thụ thực: 1. Thị hiện thụ thực để gìn giữ thân căn, 2. Khiến chúng sinh tập hợp phúc đức, 3. Để thị hiện đồng làm như chúng sinh, 4. Để khiến thuận học chính thực, 5. Để khiến thuận học tri túc, 6. Để khiến người phát khởi tinh tiến, 7. Để thành thực thiện căn, 8. Để hiển thị tự thân không nhiễm trước, 9. Để giữ gìn tôn trọng sự nghiệp, 10. Để viên mãn bản nguyện.

Tiếp đến là bài kệ hiển thị sự sâu xa của an lập nghiệp và số lượng. “Vô sai biệt vô lượng,” đây là sự sâu xa về an lập. Trong đó nói vô sai biệt là pháp thân không có sai khác, nói vô lượng là vô lượng thân chúng Bồ-đề. “Vô số lượng một nghiệp”, là nói sự sâu xa về số lượng. Thừa thì tuy có vô lượng mà chư Phật chỉ có một nghiệp. Nói “Nghiệp động và bất động, chư Phật 3 thân đủ.”, là chư Phật tuy có 3 thân tương ưng, nhưng nghiệp của thụ dụng thân thì kiên trụ, nghiệp của hóa thân thì không kiên trụ. Đó là chỗ sâu xa.

Tiếp đến là bài kệ hiển thị cái sâu xa của sự chứng chính giác. Nói “Không có chứng chính giác,” vì nhân và pháp là vô sở hữu. “Chẳng không giác tất cả.” vì do giả danh nói là giác tất cả. Vậy chính giác này như thế nào? Kệ nói: “Niệm niệm không thể lường” để hiển thị trong mỗi niệm có vô số người được thành chính giác. Cho nên “Hiển thị hữu phi hữu.” là nói chân như đối với các hữu, có nghĩa là phi hữu.

Tiếp đến là bài kệ hiển thị cái sâu xa của sự lìa dục. Nói “Không dục, không lìa dục,” vì dục là vô sở hữu nên vô sở nhiễm. Không nhiễm nên không lìa. Bởi vì sao? Vì nếu dục là có thì có thể lìa dục. Nói “Mà cũng cùng với dục.”, là vì chỉ đoạn thượng tâm dục mà còn tồn tại tùy miên dục. Nếu không còn tùy miên dục thì đồng với Thanh Văn nhập Niết-bàn. Nói “Đã biết dục phi dục, được nhập dục

pháp như.”, nghĩa là phân biệt trong đục biết rõ là phi đục, tức ngộ nhập đục pháp chân như.

Tiếp đến là bài kệ hiển thị cái sâu xa của sự diệt ám. Nói “Chư Phật quá các ám, mà cũng trụ trong ám.”, nghĩa là đã quá sắc v.v...5 thủ tụ, chỉ trụ trong pháp như trụ vô sở đắc, cho nên “Với kia, chẳng một chẳng khác.”. Nghĩa là Phật đã bỏ các phân biệt tụ kia, nhưng với chúng chẳng phải khác, bởi trụ trong pháp như của chúng. Cũng chẳng phải không khác, do tuy là hóa thân phân biệt tức thành cảnh giới thanh tịnh. Nói “Không bỏ mà vắng lặng.”, nghĩa là không bỏ tính chân thật tụ, tức là Niết-bàn.

Tiếp đến là bài kệ hiển thị cái sâu xa của sự thành thực. Nói “Chư Phật đồng sự nghiệp,” nghĩa là tác nghiệp của chư Phật bình đẳng, đều vì để thành thực chúng sinh. Vì sao đây giống “như nước trong biển lớn”? Là như nước chảy vào biển lớn, cá tôm đều được thụ dụng. Cũng như vậy đã nhập vào pháp giới thì đều vì thành thực chúng sinh. Nói “Ta đã, đang, sẽ làm, lợi tha, mà không nghĩ.” Nghĩa là không có một ý nghĩ rằng ta trong 3 thời làm lợi ích chúng sinh, nhưng giống như ngọc Ma-ni, như nhạc trời, không thấy mình dụng công mà làm việc lợi ích chúng sinh.

Tiếp đến là bài kệ hiển thị cái sâu xa của sự hiển hiện. Nếu thế gian không thấy chư Phật, lại nói chư Phật là thường trụ thân, đã có thường trụ thân vì sao không thấy? Kệ nói: “Người có tội không thấy, như bình vỡ không trăng.” Như đồ đựng nước bị vỡ không đựng được nước nên không thấy mặt trăng hiện trong nước. Cũng như vậy, chúng sinh không có Xa-ma-tha làm trong trẻo yên lặng thì Phật như mặt trăng không hiện. Nước ví cho Tam-ma-đề thể của nó trong trẻo. Nói “Phổ biến khắp thế gian, pháp sáng như mặt nhật.” là tuy chúng sinh không thấy, Phật cũng vì chúng sinh làm các Phật sự, thuyết pháp Tu-đa-la như ánh sáng mặt trời, lấy đó làm Phật sự thành thực chúng sinh trong thế gian.

Tiếp đến là bài kệ hiển thị cái sâu xa của chính biến giác Bát-niết-bàn. Nói “Hoặc hiển thị chính giác, hoặc Niết-bàn như lửa.” nghĩa là hoặc hiển thị chính biến giác, hoặc hiển thị Bát-niết-bàn, giống như lửa khi cháy khi tắt. Chư Phật cũng vậy, nếu có chúng sinh phải lấy Niết-bàn để thành thực thì thị hiện Niết-bàn, phải dùng chính giác để thuần thực thì thị hiện chính giác. Vì để giải thoát nên như tính lửa không khác. Pháp thân duy nhất cũng vậy. Nửa kệ sau, nghĩa có thể hiểu.

Tiếp đến là kệ hiển thị cái sâu xa của nghĩa trụ. Kệ nói: “Phật trong phi chính pháp, người và nẻo sinh tử, trong pháp phi Phạm hạnh, tự trụ bậc tối thắng.” Trụ trong tự thể tối thắng cũng là tối thắng trụ nơi Thánh trụ. Trong đây nói Thánh trụ nghĩa là trụ nơi “không”. Thiên trụ là trụ Thiên-na. Phạm trụ là trụ nơi “tù” v.v... 4 vô lượng tâm. Phi chính pháp là các pháp bất thiện. Chư Phật trong các pháp bất thiện thì trụ nơi “không”. Vì vậy Phật trụ nơi Thánh trụ. Chúng sinh trong loài người và trong các nẻo sinh tử khác thì phan duyên mà trụ. Nhập vào Thiên-na là Thiên trụ. Ở trong pháp phi Phạm hạnh tự thể tối thắng trụ, các “không” trụ tức là tự thể.

Tiếp đến là bài kệ hiển hiện cái sâu xa của tự thể. Kệ nói “Đi cùng khắp tất cả, mà cũng chẳng đi đâu.” Trí hậu đắc, trong các thiện, bất thiện, sinh trí sai biệt. Nếu không có trí phân biệt tức không có chỗ đi. Hóa thân đi khắp các nơi chứ không phải thân nào khác. Trong nghĩa thứ hai nói “tất cả chúng sinh thấy” tức là thấy cái hóa thân này ở khắp nơi. Nhưng đó “chẳng phải là cảnh của 6 căn”. Tức như hóa thân này nếu khi chúng sinh nơi địa ngục trông thấy, tức là vì giáo hóa chúng sinh nơi đó mà sinh, không phải tự tính của hóa thân. Khi chúng sinh nơi địa ngục kia thấy thì đó là thân địa ngục. Vì vậy cho nên không phải là cảnh giới 6 căn của chúng sinh nơi các địa ngục kia.

Tiếp đến là bài kệ hiển thị cái sâu xa của diệt phiền não. Nói “Đè bẹp đoạn phiền não, như chú trừ các độc.” nghĩa là các phiền

não hiện hành, khi ở trong Bồ-tát vị thì không đoạn phiền não vì còn có tùy miên hoặc. Nói “như chú trừ các độc” nghĩa là ví như bị độc, có chú lực ngăn chặn thì không bị hại. Phiền não cũng vậy, dùng trí biết nên không bị phiền não. Nói “Bởi hoặc đến hết hoặc,” nghĩa là bởi còn tùy miên hoặc nên không đồng như Thanh Văn nhập Bát-niết-bàn. Nói “Phật đủ Nhất thiết trí.” Nghĩa là chư Phật khi hết phiền não tức đầy đủ Nhất thiết trí.

Tiếp đến là bài kệ hiển thị cái sâu xa của sự không thể nghĩ bàn. Nói “Phiền não tức Bồ-đề” là các phiền não này tức là Bồ-đề phần, là tập đế, nên sinh tử v.v... là khổ đế, tức là Niết-bàn. Tất cả những điều Như Lai nói đều không thể nghĩ bàn. Như trước đã nói 3 thứ nhân duyên. Nghĩa là chỉ tự chứng biết, không phải cảnh giới của tư duy.

Luận nói: Bồ-tát niệm pháp thân Phật thì niệm bao nhiêu thứ? Lược nói chư Bồ-tát tu tập niệm Phật có 7 thứ. Một là chư Phật được tự tại đối với tất cả pháp, nên tu tập niệm Phật như vậy. Vì chư Phật có trí thần thông không chướng ngại trong tất cả thế giới. Ở đây có bài kệ như sau:

*Chướng ngại và thiếu nhân,  
Chúng sinh khắp các cõi,  
Do 2 thứ quyết định,  
Chư Phật không tự tại.*

Hai là thân Như Lai thường trụ, vì chân như lìa cấu uế không gián đoạn. Ba là Như Lai không cơ hiềm, vì lìa tất cả phiền não chướng trí chướng. Bốn là Như Lai không dụng công mà không bỏ tất cả Phật sự. Năm là Như Lai có sự thụ dụng lớn, vì cõi Phật thanh tịnh là sự thụ dụng lớn. Sáu là Như Lai không nhiễm ô, vì sinh trong thế gian không bị các pháp thế gian làm ô nhiễm. Bảy là Như Lai có nghĩa lợi lớn, hiển thị chứng chính giác nhập Niết-bàn v.v... để thành thực các chúng sinh chưa thành thực, chúng sinh đã thành thực thì giải thoát chúng. Ở đây có kệ như sau:

*Luôn luôn nơi tự tâm,  
 Đủ tất cả thanh tịnh.  
 Lại nữa không dụng công,  
 Mà cho Đại pháp lạc.  
 Không y chỉ, đi khắp,  
 Bình đẳng với nhiều người,  
 Tất cả Phật như vậy,  
 Người trí niệm như thế.*

Giải thích: Chư Bồ-tát niệm pháp thân chư Phật là tu niệm 7 tướng. nay sẽ nói rõ nghĩa tu này. Trong đây nói được tự tại trong tất cả pháp, nghĩa là do thần thông nên được tự tại trong tất cả pháp. Bởi chư Phật được thần thông không chướng ngại trong tất cả thế giới, không như Thanh Văn còn có chướng ngại. Nếu chư Phật được tự tại trong tất cả pháp, thì sao tất cả chúng sinh không được Niết-bàn? Nghĩa này dung kệ hiển thị. Đó là vì có nhân duyên không thể khiến chúng được Niết-bàn. Vì vậy chư Phật đối với các chúng sinh kia có chỗ không tự tại như trên.. Nói thiếu nhân, nghĩa là không có pháp tính Niết-bàn. Đó là thiếu nhân, do không có tính ấy. Nói vì 2 thứ quyết định, 2 thứ quyết định là: một là tác nghiệp quyết định, hai là thụ báo quyết định. Nhưng đối với 2 thứ quyết định này chư Phật không có tự tại. Trong đó báo chướng, tức là si độn. Thụ báo quyết định, nghĩa là quyết định đến địa ngục v.v... Báo và thụ báo có khác nhau như thế. Thường trụ thân, tức là chân như lìa cấu uế không gián đoạn, cái này như thường trụ, lấy đó làm thân nên gọi là thân thường trụ của Như Lai. Nói thụ dụng lớn của Như Lai, là chư Như Lai lấy cõi Phật thanh tịnh làm sự thụ dụng lớn. Nói nghĩa lợi lớn là cái thể nghĩa lợi lớn của chư Phật, nghĩa là thành thực giải thoát. Với chúng sinh chưa thành thực thì dùng Bồ-đề Niết-bàn mà thành thực. Ngoài ra nghĩa của 4 tướng niệm Phật khác có thể hiểu. Bảy thứ niệm Phật này còn được hiển thị bằng 2 bài kệ. “Luôn luôn nơi tự tâm” v.v... các kệ là nói 7 tướng thành tựu. Các Bồ-tát trước tiên niệm quả báo

của chư Phật, tâm niệm này luôn luôn ở trong lòng. Đây cũng tức là thường tương ưng với thanh tịnh, nghĩa là thiện. Cho nên rất mực không cơ hiểm, không dụng công, lấy vô công dụng mà làm Phật sự. Cho nguồn vui Đại pháp, đó tức là cõi Phật thanh tịnh. Nói “Không y chỉ, đi khắp”, nghĩa là nếu có y chỉ tác hành thì khổ, cho nên chư Phật đi giáo hóa mà không có chỗ y chỉ. Nhờ vậy mà lợi ích nhiều người. Do nhiều người được như vậy, nên chư Bồ-tát nghĩ niệm quả báo này.

Luận nói: Lại nữa làm sao biết tướng thanh tịnh của các cõi Phật? Như trong Bồ-tát tạng duyên khởi có nói trong trăm ngàn kệ Tu-đa-la: Đức Bà-già-bà trụ nơi cung điện tối thắng quang minh trang nghiêm bằng 7 báu, phóng ánh sáng lớn chiếu khắp vô lượng thế giới, trụ nơi vô lượng trang nghiêm viên mãn vô hạn, siêu việt 3 cõi, nơi thức tướng cực kỳ thanh tịnh tự tại. Nơi Như Lai trụ trì, nơi sở trụ của các Đại Bồ-tát. Nơi có vô lượng trời rồng Dạ-xoa, Càn-thát-bà, A-tu-la, Ca-lâu-la, Khẩn-na-la, Ma-hầu-la-già, nhân phi nhân tu hành. Nơi an vui trong Đại pháp vị. Nơi an trụ tất cả lợi ích chúng sinh. Nơi lia tất cả phiền não bức bách, lia tất cả ma chướng. Nơi Như Lai trang nghiêm trụ trì vượt quá tất cả mọi sự trang nghiêm. Nơi khởi hành bằng Đại niệm, Đại tuệ, Đại Xa-ma-tha Tì-bát-xá-na làm cỗ xe, Đại không, vô tướng, vô nguyện làm ngõ vào. Nơi kiến lập trên Đại bảo liên hoa vương, trang nghiêm bằng vô lượng công đức, an vui tự tại trong cung điện lớn. Đó là những câu hiển thị cõi Phật thanh tịnh. Như vậy là sắc loại đầy đủ, tướng mạo đầy đủ, số lượng đầy đủ, phương sở đầy đủ, nhân đầy đủ, quả đầy đủ, chủ đầy đủ, bạn đầy đủ, quyến thuộc đầy đủ, trụ trì đầy đủ, nghiệp đầy đủ, thuận nhiếp đầy đủ, vô úy đầy đủ, chỗ ở đầy đủ, đường sá đầy đủ, xe cộ đầy đủ, cửa ngõ đầy đủ, y chỉ giữ gìn đầy đủ. Tất cả những việc như vậy đều hiển hiện đầy đủ. Lại nữa các quả báo trong cõi Phật thanh tịnh kia đều hoàn toàn chỉ có thanh tịnh vi diệu, hoàn toàn an lạc, hoàn toàn không hiểm nghi, hoàn toàn tự tại.

Giải thích: Như trăm ngàn kệ Tu-đa-la Duyên khởi nói về cõi Phật thanh tịnh. Cõi Phật thanh tịnh kia hiển thị bằng những công đức thù thắng gì? Hai câu trước hiển thị sắc đầy đủ. Nghĩa là 7 báu v.v... Trong 7 báu, vàng, bạc, lưu ly, san hô, mã não đều thuộc loại khoáng thạch. Mạt-la-yết-đa cũng là khoáng thạch, một loại ngọc có màu xanh lục. Xích bảo là trân châu đỏ, do một loại trai màu đỏ sản sinh ra. Loại ngọc báu này có giá trị hơn cả các loài ngọc báu khác. Nói ánh sáng chiếu vô lượng thế giới, tức trước nói các 7 báu phát ra ánh sáng. Đó là câu thứ hai nói về sắc đầy đủ. Tiếp đến một câu nói về trang nghiêm đầy đủ. Tiếp đến một câu nói về số lượng đầy đủ. Tiếp đến một câu nói về phương sở đầy đủ. Những cái này lấy gì làm nhân? Nhân đó là các điều thiện do 2 thứ thiện căn là xuất thế vô phân biệt và xuất thế vô phân biệt hậu đắc sinh ra. Đây tức là nhân đầy đủ. Đây cũng có một cau. Tiếp đến một câu nói về quả đầy đủ. Trong cõi Phật kia lấy thức tối thanh tịnh tự tại chuyển làm tướng. Tiếp đến một câu nói về chủ đầy đủ. Tiếp đến một câu nói về bạn đầy đủ. Tiếp đến một câu nói về quyến thuộc đầy đủ. Có nơi nói rằng Ma-hầu-la-già cũng ở trong loại rồng. Ở trong cõi Tịnh độ nếu có thể trụ trì thân thì đây là trụ trì đầy đủ. Cũng dùng một câu hiển thị lấy đây làm việc ăn là để làm nghiệp gì? Chỉ thành tựu tất cả chúng sinh, tất cả việc lợi ích. Cũng dùng một câu hiển thị thuận nhiếp đầy đủ, vì trong cõi Tịnh độ không có phiền não, khổ. Cũng dùng một câu hiển thị trong cõi kia không có oán đối, sợ hãi vì không có ma nghiệp. Trong cõi Phật kia không có ám ma, phiền não ma, tử ma, thiên tử ma, cho nên không có sợ hãi. Một câu này là nói vô úy đầy đủ. Tiếp đến một câu nói về trụ xứ đầy đủ. Dùng đường lối nào được vào cõi Phật kia? Trong Đại thừa, trí văn tư tu là thể, tức là lần lượt đi trên con đường Đại niệm tuệ. Một câu này hiển thị đường lối đầy đủ. Lấy gì làm cỗ xe? Dùng Xa-ma-tha Tì-bát-xá-na mà đi đến. Một câu này hiển thị cỗ xe đầy đủ, tức phương tiện để đi đến đó. Do cửa ngõ nào được vào cõi kia? Nghĩa là trong Đại thừa, không, vô tướng,



vô nguyện là cửa ngõ. Một câu này hiển thị cửa ngõ đầy đủ. Tiếp đến một câu nói về y chỉ giữ gìn đầy đủ. Như cõi đại địa lấy phong luân làm y chỉ giữ gìn. Cõi Phật thanh tịnh kia lấy gì làm y chỉ giữ gìn? Lấy Đại bảo liên hoa có vô lượng công đức làm y chỉ giữ gìn. Câu này hiển thị y chỉ giữ gìn đầy đủ. Quả báo cõi Tịnh độ kia hoàn toàn thanh tịnh vi diệu, vì nơi cõi kia không có vật bài tiết, vật bất tịnh, hoàn toàn an lạc vì nơi cõi kia chỉ có lạc thụ, không có khổ thụ và vô ký, hoàn toàn tự tại vì do sức tự tâm không trông đợi nhân duyên.

Luận nói: Lại nữa trong pháp giới chư Phật này, trong tất cả mọi thời đều có 5 việc. Một là cứu hộ tất cả chúng sinh khỏi sự bức nã. Nghĩa là những kẻ bị bức nã vì điếc đui cuồng loạn, chỉ thấy gặp là được cứu hộ. Hai là cứu hộ các đường ác, từ chỗ bất thiện cứu xuất đặt vào chỗ thiện. Ba là cứu hộ phi phương tiện. Như ngoại đạo dùng phi phương tiện mà cầu giải thoát, thì khai ngộ đem vào trong chính giáo của Phật. Bốn là cứu hộ người có ngã kiến, dùng giáo pháp khiến họ biết đường siêu thoát 3 cõi. Năm là cứu hộ những kẻ hạ thừa, nghĩa là với các Bồ-tát thực hành các thừa khác và hạng Thanh Văn không định tính thì an lập khiến tu hành Đại thừa. Năm việc này là nghiệp bình đẳng của tất cả chư Phật. Ở đây có bài kệ như sau:

*Nhân, y, sự, niệm, hành,  
Khác nên nghiệp có khác.  
Thế gian có khác này,  
Đạo sư thì không khác.*

Giải thích: Nói pháp giới chư Phật tức là pháp thân. Có 5 nghiệp dụng phải biết. Nói cứu hộ tất cả chúng sinh thoát khỏi bức nã là do thấy gặp Phật mà người mù được sáng mắt v.v... Cứu hộ đường ác là cứu hộ người trong đường ác, khiến chúng ra khỏi nơi chẳng lành mà đem chúng đặt vào nơi an lành. Cứu hộ ngã kiến là cứu hộ chúng giảng nói đạo lý siêu thoát 3 cõi. Thế gian gọi là 3 cõi,

đây nói là ngã kiến. Còn lại 2 câu, nghĩa có thể hiểu. Năm việc này là nghiệp dụng bình đẳng của tất cả chư Phật. Các nghĩa này được kê hiển thị. Nếu chư Phật nghiệp bình đẳng, nghiệp chúng sinh không bình đẳng. Các nhân duyên này lấy nhân, y, sự, niệm, hành một kê hiển thị nhân khác nhau trong thế gian. Do địa ngục nhân khác, người, trời nhân khác, cho đến ngã quỷ nhân khác, cho nên nghiệp có khác. Y khác nhau là do thân y chỉ khác. Tác nghiệp có khác thì sự việc khác như kinh doanh hoặc làm nông, do các nghề nghiệp khác nhau, sự việc khác nhau nên thể của các nghiệp thế gian khác. Niệm khác là, niệm là ý dục, do ý dục này khác nên nghiệp thế gian cũng có khác. Hành khác tức là các hành hữu vi. Do những việc làm là hữu vi nên nghiệp khác, cho nên gọi là khác. Ai có các thứ khác này? Kệ nói “thế gian có các thứ khác này”. Nói “Đạo sư thì không khác”, nghĩa là tất cả việc làm của Phật là không dụng công, tức là không có nhân v.v... 5 việc khác nhau. Vì vậy nên tác nghiệp của chư Phật không sai biệt.

Luận nói: Như vậy pháp thân chư Phật đầy đủ công đức, không cùng chung với Thanh Văn, Bích-chi-phật. Nếu vậy vì ý gì Phật nói Nhất thừa? Ở đây có kệ như sau:

*Vì một phân dẫn dắt,  
Và an trụ người khác,  
Với hạng không định tính,  
Nói chính giác Nhất thừa.  
Pháp, vô ngã, giải thoát,  
Bình đẳng. Căn tính khác,  
Đắc 2 ý Niết-bàn,  
Cứu cánh chỉ Nhất thừa.*

Giải thích: Hai kệ này ý nói về Nhất thừa. Nói “ Vì một phân dẫn dắt,” nghĩa là vì để dắt dẫn các Thanh Văn không định tính nhập vào Đại thừa. Làm sao khiến những người không định tính kia Bát-

niết-bàn trong Đại thừa. “Và an trụ người khác,” tức các Bồ-tát không định tính khiến họ an trụ Đại thừa. Làm sao khiến họ không thoái bỏ Đại thừa mà Bát-niết-bàn trong Thanh Văn thừa. Vì nghĩa này nên Phật nói Nhất thừa không định tính. Câu 2, nghĩa có thể hiểu. Những gì gọi là biệt ý? Là pháp bình đẳng, vô ngã bình đẳng, giải thoát bình đẳng. Trong đó, pháp bình đẳng nghĩa là pháp tức chân như. Chân như bình đẳng này tất cả Thanh Văn đồng đến chân như kia. Cho nên gọi là thừa. Vì bình đẳng nên gọi là Nhất thừa. Vô ngã bình đẳng, nghĩa là không có nhân ngã. Đã không nhân ngã mà còn nói đây là Thanh Văn, đây là Bồ-tát là không hợp đạo lý. Do ý vô ngã này cho nên nói là Nhất thừa. Giải thoát bình đẳng, nghĩa là Thanh Văn v.v... cũng đồng giải thoát phiền não, vì y theo ý này nên nói là Nhất thừa. Bởi vì sao? Bởi Thế Tôn nói giải thoát với giải thoát bình đẳng không có các tướng. Nói “tính khác” nghĩa là do có căn tính khác nhau cho nên đối với thừa Thanh Văn không có tính quyết định cũng được thành Phật. Do ý này nên nói là Nhất thừa. “Đắc 2 ý” tức là được 2 ý. Bình đẳng ý là do tất cả chúng sinh một thể thân nhiếp cho nên ta tức là kia, kia tức là ta. Thân nhiếp được như vậy là được chính giác. Tức là kia được chính giác. Do ý này nên nói là Nhất thừa. Ý thứ hai là như trong Kinh Pháp Hoa Phật thụ ký cho các Thanh Văn. Vì được ý này nên nói chỉ được các Phật pháp. Như bình đẳng ý không được pháp thân, do vì được bình đẳng ý này nên suy nghĩ rằng chư Phật pháp như, tức chúng ta là pháp như. Lại có nghĩa khác rằng trong hàng Đại chúng kia có các Bồ-tát cùng các Thanh Văn đều gọi là thụ ký được Niết-bàn. Như Phật nói: Ta nhớ quá khứ vô lượng trăm ngàn kiếp trong Thanh Văn thừa Bát-niết-bàn. Do ý này nên nói Nhất thừa. Bởi vì thấy có các chúng sinh cần Thanh Văn thừa để mà điều phục nên hiện Thanh Văn Bát-niết-bàn. Nói cứu cánh, tức là Nhất thừa, bởi cứu cánh thì không có nẻo thú nào khác nhưng có sai biệt vì Thanh Văn thừa v.v... khác Phật thừa. Do ý này nên Thế Tôn nói là Nhất thừa.

Luận nói: Như vậy tất cả chư Phật đồng một pháp thân mà có nhiều Phật. Vậy nhân duyên gì có thể thấy được? Ở đây có kệ như sau:

*Một cõi không có hai,  
 Một thời nhiều thành tựu.  
 Tuần tự không hợp lý,  
 Cho nên có nhiều Phật.*

Giải thích: Do nhân duyên này phải biết tất cả chư Phật là bình đẳng pháp thân mà hoặc một hoặc nhiều. Nay sẽ nói rõ. Phải biết là một vì là pháp giới bình đẳng, chư Phật lấy đây làm thể, do pháp giới bình đẳng nên chư Phật là một. Lại nữa phải biết là một vì trong một thời, trong một thế giới không có hai Phật đồng thời xuất hiện, cho nên chỉ có một. Lại nữa hoặc nhiều hoặc một như kệ hiển thị, tức là nói một cõi v.v... một cõi không có hai nghĩa là câu này hiển thị nghĩa một. Nghĩa là trong một thế giới không có 2 Phật đồng thời xuất thế. Các câu khác nói nhiều Phật thành tựu trong cùng một thời, nghĩa là trong cùng một thời gian có vô lượng Bồ-tát đồng tu đồng thành tựu viên mãn. Nếu đã thành tựu viên mãn phúc đức trí tuệ mà không được thành Phật quả thì sự tu hành trở nên trống rỗng. Do có nhiều chúng Bồ-tát đồng tu cùng thành tựu viên mãn nên có nhiều Phật. Nói “Tuần tự không hợp lý” nghĩa là việc thành chính giác không có nghĩa tuần tự. Nếu khi tu Bồ-đề tư lương mà phải đợi tuần tự thành tựu thì khi được chứng chính giác mới có tuần tự. Nhưng do nhiều Bồ-tát tu tư lương không phải đợi tuần tự nên khi thành chính giác cũng không có sự đợi chờ tuần tự. Vì vậy có nhiều Phật.

Luận nói: Làm sao thấy pháp thân chư Phật chẳng phải rớt ráo có nhập Niết-bàn, cũng chẳng phải chẳng rớt ráo nhập Niết-bàn? Ở đây có bài kệ như sau:

*Giải thoát tất cả chướng,  
 Việc làm chưa kết thúc,*

*Phật rốt ráo Niết-bàn,  
Cũng không Bát-niết-bàn.*

Giải thích: Lại có các sư thuộc bộ khác nói chư Phật không rốt ráo Niết-bàn, có các người Thanh Văn thừa các bộ khác nói có rốt ráo Niết-bàn. Có 2 ý như vậy. Kệ này hiển thị “Giải thoát tất cả chướng,” v.v... nghĩa là trong đó nếu giải thoát phiền não chướng trí chướng, do ý đây nên nói chư Phật rốt ráo Niết-bàn. Do “Việc làm chưa kết thúc,” việc làm đó là với người chưa thành thực thì thành thực họ, người đã thành thực thì giải thoát họ. Việc làm đó chưa kết thúc, do ý này nên nói không rốt ráo Niết-bàn. Nếu khác đây thì đồng với Niết-bàn của Thanh Văn. Bởi rốt ráo Niết-bàn nên chỗ thệ nguyện sẽ không có quả.

Luận nói: Vì sao thụ dụng thân không phải chính là tự tính thân? Có 6 nhân duyên: 1. Sắc thân trông thấy được. 2. Trong vô lượng Đại tập hội, hiển thị nhiều khác nhau. 3. Tùy sự yêu thích của chúng mà ứng hiện, tự thể không nhất định. 4. Tùy các sự khác nhau mà tự thể thị hiện biến động. 5. Ở nơi mà Đại chúng gồm có Bồ-tát, Thanh Văn, trời v.v... xen tạp thì tùy sự xen tạp mà hiển thị. 6. Hiển thị sự chuyển y không tương ưng của A-lê-da thức và sinh khởi thức. Cho nên thụ dụng thân không thành nghĩa của tự tính thân.

Giải thích: Sau đây là những lý do tự tính thân không phải là thụ dụng thân. Một, sắc thân hiển thị nghĩa là sắc thân của Phật không phải đó là pháp thân, vì đó là hình sắc trông thấy, không phải là pháp thân. Cho nên thụ dụng thân không phải pháp thân. Lại nữa thụ dụng thân này có sai khác vì trong Đại tập hội của chư Phật có sai biệt. Pháp thân thì không có sai biệt như vậy. Do đạo lý này không tương ưng nhau nên thụ dụng thân không thành tự tính thân. Lại nữa tùy sự mong muốn của chúng sinh mà hiện thụ dụng thân. Cho nên như Tu-đa-la nói có người thấy Phật màu vàng, có người thấy Phật màu xanh v.v... Thụ dụng thân có những thể tướng như vậy không

nhất định. Nếu nói thể của tự tính thân có bất định là không hợp đạo lý. Tự tính thân có những sự không tương ứng như vậy nên chẳng phải thụ dụng thân tức tự tính thân. Lại nữa với thụ dụng thân thì một chúng sinh có thể mới đầu thấy các sắc như thế này, rồi cũng một thân đó sau lại thấy những sắc khác. Nếu là tự tính pháp thân mà biến động khác như vậy là không phù hợp. Cho nên thụ dụng thân không thành tự tính thân. Lại nữa thụ dụng thân thường cùng với trời và các chúng hòa tạp còn tự tính thân thì không phù hợp với sự hòa tạp như thế. Cho nên thụ dụng thân không phải tức là tự tính thân. Lại nữa do thức A-lê-da chuyển y rồi tức được tự tính thân. Nếu tức tự tính thân này là thụ dụng thân thì sinh khởi thức chuyển y rồi lại được thân gì? Cho nên thụ dụng thân không phải tức là tự tính thân. Do 6 thứ này không tương ứng nên không thành là một.

Luận nói: Vì nhân duyên gì hóa thân cũng không phải tự tính thân? Có 8 nhân duyên. Một là chư Bồ-tát từ xa xưa đến nay đã được không thoái lui Tam-ma-đề mà sinh trong trời Đâu-suất và trong loài người là không đúng. Hai là đã nhớ túc mạng mà không biết văn chương tạp luận toán số ẩn loát công xảo và thụ dụng dục hạnh là không đúng. Ba là đã biết giáo pháp đâu là tà thuyết chính thuyết mà còn đến hỏi đạo ngoại đạo là không đúng. Bốn là đã biết rõ tam thừa đạo mà còn thực hành khổ hạnh là không đúng. Năm là bỏ vạn ức Diêm-phù châu chứng chính giác và chuyển pháp luân ở một chỗ là không hợp lý. Sáu là nếu lìa như vậy hiển thị phương tiện chứng chính giác v.v.v...ngoài ra đều dùng hóa thân làm Phật sự thì phải chứng chính giác trong trời Đâu-suất. Bảy là sao Phật không xuất hiện bình đẳng ở tất cả các châu Diêm-phù? Đã không như vậy vì không A-hàm và đạo lý có thể chứng. Tám là cùng trong một thế giới không có hai Như Lai xuất thế là không mâu thuẫn vì có nhiều hóa Phật. Nói một thế giới là một thế giới có 4 châu. Như không có hai Chuyển luân vương cùng xuất hiện, ở đây có bài kệ như sau:

*Chư Phật vi tế hóa,  
 Bình đẳng nhập nhiều thai.  
 Nhất thiết chứng chính giác,  
 Để hiển thị thụ sinh.*

Giải thích: Nay hiển thị nghĩa không phù hợp bảo rằng pháp tính thân tức là biến hóa thân. Có 8 thứ không phù hợp. Cái không phù hợp đầu tiên là chư Bồ-tát từ xa xưa vô lượng kiếp đã được Tam-ma-đề không thoái lui, còn không sinh ở Đâu-suất-đà như chư thiên hướng chi là sinh làm người. Cho nên cái mà thế gian thấy đó là hóa thân không phải tự tính thân. Lại nữa chư Bồ-tát đã được trí nhớ đời trước mà không biết sử sách toán số v.v... các việc là không đúng lý. Cho nên hóa thân vì để giáo hóa chúng sinh nên làm các việc này. Lại nữa Bồ-tát tu hành trong 3 kiếp a-tăng-kì không biết chính thuyết tà thuyết làm sao trong lúc cuối cùng có thể biết được? Vì vậy cho nên đó là hóa thân chẳng phải tự tính thân. Lại nữa bỏ vạn ức châu Diêm-phù, chỉ ở một nơi chứng chính giác chuyển pháp luân là không hợp lý. Nếu là hóa thân mới đúng, do ở một nơi đồng thời hóa hiện. Vì vậy cho nên hóa thân chẳng phải tự tính thân. Nếu nói chỉ một nơi chứng chính giác còn các nơi khác là hiển thị hóa thân có quyền thuộc thì tại sao không chứng chính giác ngay khi ở trời Đâu-suất-đà rồi hiện hóa thân ở trong tất cả 4 châu? Nếu nói trong tất cả 4 châu không chứng chính giác thì nghĩa này bất thành, vì không có A-hàm và đạo lý chứng minh cho thuyết này. Ở trong một cõi Phật tùy theo một trong 4 châu không chứng chính giác. Nếu ông nói như vậy thì mâu thuẫn với Tu-đa-la. Bởi vì sao? Vì kinh nói không có 2 Phật đồng thời xuất thế. Trong kinh ấy nói và lấy Chuyển luân vương làm thí dụ. Nói không có 2 Chuyển luân vương đồng thời xuất hiện nghĩa là nói một trong 4 châu không có đồng thời xuất hiện chứ không phải một cõi Phật. Nên nói không có 2 Phật đồng thời xuất thế cũng vậy. Nói thế giới là một 4 châu thiên hạ. Trong đây có bài kệ hiển thị chính giác nói

“Chư Phật vi tế hóa,” v.v... tức là nghĩa như vậy. Khi Phật ở cung trời Đâu-suất-đà nếu xuống nhập thai tức lúc ấy, nếu cùng thượng tọa Xá-lợi-phất đồng các quyền thuộc thì phải biết rằng tất cả đều là do hóa hiện. Đã hiển thị như vậy tức có thể hiển thị chứng chính giác trong tất cả tướng.

Luận nói: Vì tất cả chúng sinh nên phát nguyện và tu hành thành Đại Bồ-đề, rốt ráo Niết-bàn là không hợp lý. Phát nguyện và tu hành mà không quả báo là sai lầm.

Giải thích: Trong đây hiển thị nghĩa rốt ráo Niết-bàn là không thành. Chư Phật vì tất cả chúng sinh nên phát thế nguyện lớn và tu hành. Đã phát ý làm lợi ích chúng sinh rồi, tùy các việc lợi ích chúng sinh mà làm. Nếu rốt ráo mà nhập Niết-bàn thì nguyện và hạnh kia là không hiệu quả. Nếu ông nói pháp thân Như Lai thường trụ thì thụ dụng thân và hóa thân là vô thường, sao gọi là thân thường trụ? Nay là để thành tựu nghĩa này.

Luận nói: Thụ dụng thân và hóa thân, 2 thân này vô thường, sao nói là thân Như Lai thường trụ? Vì y chỉ vào pháp thân thường trụ. Thụ dụng thân và biến hóa thân luôn luôn thụ báo, thường hóa hiện như thường thụ lạc, thường thụ thực. Phải biết Phật thân thường trụ như vậy.

Giải thích: Nói 2 thân là thường, do y chỉ pháp thân thường trụ nên 2 thân này là thường. Lại nữa thụ dụng thân là không bỏ thụ dụng nên gọi là thường. Hóa thân thì thường hiển thị chứng chính giác Bát-niết-bàn v.v... liên tục không gián đoạn nên gọi là thường. Lấy thí dụ hiển thị cái thường của 2 thân này. Như thế gian nói thường thụ lạc, tức không phải được cái vui không gián đoạn mà gọi là thường thụ lạc. Lại như nói người này thường thí thực tức không phải thường thí vì có lúc không thí, nhưng được gọi là người thường thí thực. Nghĩa thường của 2 thân này cũng vậy.



Luận nói: Có 6 nhân duyên mà hóa thân chư Phật Thế Tôn không thường trụ mãi. Một là việc làm đã hoàn tất. Một là việc làm đã hoàn tất, nghĩa là đã thành thực và giải thoát chúng sinh. Hai là vì chuyển ý muốn Niết-bàn, khiến cầu Phật thân thường trú. Ba là chuyển ý khởi tu nơi Phật, khiến sinh hiểu rõ trong chính pháp sâu xa. Bốn là ý khao khát được thường thấy không sinh chán đủ. Năm là sinh tự tinh tiến, do biết khó gặp được đáng thuyết chính pháp. Sáu là khiến được mau chóng thành thực, tự mình khởi tinh tiến không bỏ ách nặng. Ở đây có kệ như sau:

*Việc làm đã hoàn tất,  
Chuyển ý muốn tịch diệt.  
Chuyển ý khinh thường Phật,  
Khiến sinh tâm khao khát.  
Để tự phát tinh tiến,  
Khiến mau chóng thành thực.  
Cho nên hóa thân Phật,  
Không thường trụ mãi mãi.*

Pháp thân chư Phật từ vô thủy đến nay là không hạn lượng, để được pháp thân kia không nên không siêng năng. Ở đây có kệ như sau:

*Phật được không khác, vô lượng nhân,  
Nếu chúng sinh bỏ tinh tiến ấy,  
Mà được tức là phi nhân quả.  
Đọa nhân, thành được là phi lý.*

Đến đây đã giải thích xong Phẩm: Nhiếp Đại thừa, trong Kinh Đại-thừa A-tì-đạt-ma.

A-xà-lê A-tăng-già tạo.

Giải thích: Trong này có câu hỏi là nếu pháp thân từ vô thủy là không sai biệt, không hạn lượng như vậy thì đủ làm lợi ích chúng

sinh rồi, cần gì phải vì thế mà siêng năng tinh tiến? Để ngăn chặn ý tưởng trong câu vấn nạn này nên hiển thị bằng bài kệ. Cái sở đắc của chư Phật là không khác nhau, không hạn lượng. Lấy đó làm nhân nên phải khởi chính cần. Cho nên nói chư Phật thời vô thủy, nói tất cả, là có lỗi. Bởi vì sao? Sự đạt được này nếu là trong tất cả mọi thời thì có lỗi là nhân bất thành. Như thế, đoạn nhân mà được quả là phi lý. Chư Bồ-tát Đại bi ở trong tâm, thương yêu tất cả chúng sinh như con, đối với việc lợi ích chúng sinh mà bảo rằng những người khác tự làm lấy chẳng phải việc ta làm, là không hợp lý. Ta đều phải làm tất cả dù những người khác có làm hay không làm. Cần phải như vậy. Luận Nhiếp Đại Thừa, trong Đại thừa bộ chế thuật rất nhiều. Bản luận này do Thắng luận giả A-xà-lê Bà-tâu-bàn-đậu tạo.

**HẾT**

SỐ 1597  
**NHIẾP ĐẠI THỪA LUẬN THÍCH LUẬN**  
**QUYỂN 1**

*Thế Thân Bồ-tát tạo  
Tùy Thiên Trúc Tam tạng Đạt-ma Cấp-đa dịch  
Nguyên Hồng dịch tiếng Việt*

**Phải biết y chỉ tướng tướng ngữ 1**

**Chương 1: Vô đẳng Thánh giáo**

Luận nói: Trong Kinh Đại thừa A-tì-đạt-ma, các Bồ-tát đã khéo ngộ nhập Đại thừa đối trước đức Bà-già-bà nói chư Phật Thế Tôn có 10 tướng tướng tướng ngữ để hiển dương đại thể của Đại thừa.

Giải thích: Hỏi vì sao tạo luận? Đáp để phụ diễn. Phải biết pháp tính sâu xa rộng lớn, nếu không phải vâng theo sức của Phật Bồ-tát, không ai có thể giải thích nghĩa lý này.

Lại nữa vì nghĩa gì luận này nói các tướng như vậy? Nếu không nói A-tì-đạt-ma thì không biết đó là Phật nói. Vì nghĩa ấy nên nêu tên kinh, như nói Kinh Thập Địa. Nay sẽ giải thích tên kinh ấy để người không biết được biết. Nói A-tì-đạt-ma Tu-đa-la là trong Tu-đa-la kia nói pháp môn A-tì-đạt-ma này, và cũng để hiển thị tên Tu-đa-la. Nói Đại thừa là để phân biệt khác với A-tì-đạt-ma của Thanh Văn, cũng không phải thứ A-tì-đạt-ma không phải Phật nói. Có người tự dùng

tuệ phân biệt gọi là Phật nói A-tì-đạt-ma, hoặc nói do Thanh Văn nói, hoặc nói do người trí ở đời làm ra. Vì vậy nên nói Đại thừa Tu-đa-la, tức cho thấy khác với Thanh Văn v.v... Lại nữa nói A-tì-đạt-ma được hiển thị trong Bồ-tát tạng. Lại nói thâm nhiếp trong tạng là hiển thị sự điều phục tự phiền não. Cho nên trong Đại thừa là Bồ-tát phiền não. Bồ-tát lấy phân biệt làm phiền não. A-tì-đạt-ma là tướng sâu xa rộng lớn. Tạng có 3 loại: Tu-đa-la, A-tì-đạt-ma, Tì-na-da. Tức 3 loại này có thượng hạ thừa riêng biệt nên thành 2 là Thanh Văn tạng và Bồ-tát tạng.

Lại nữa 3 và 2 này vì sao có tên là tạng? Đáp là do bao gồm thâm nhiếp. Nghĩa là thâm gồm tất cả các nghĩa cần phải biết. Vì sao thành 3? Vì có 9 nhân duyên. Đối trị những người nghi ngờ là Tu-đa-la. Nếu có người nghi về nghĩa thì làm cho họ giải quyết được nghi ngờ nên nói. Đối trị đấm trước nhị biên là Tì-na-da, ngăn ngừa sự thụ dụng tội lỗi, nghĩa là đấm trước bên đục lạc thụ dụng cho là không tội lỗi, ngăn ngừa bên tự hành khổ hạnh. Đối trị sự tự kiến chấp là A-tì-đạt-ma do làm rõ tướng không điên đảo.

Lại nữa nói tam học là Tu-đa-la. Đây đủ tăng thượng giới, tăng thượng tâm là Tì-na-da, do trì giới được sự không hối hận v.v... lần lượt được Tam-ma-đề. Đây đủ tăng thượng tuệ là A-tì-đạt-ma, phân biệt lựa chọn nghĩa không điên đảo.

Lại nữa thuyết pháp và nghĩa, là Tu-đa-la. Thành tựu pháp nghĩa, là Tì-na-da. Nếu người tu hành điều phục phiền não, được thông đạt, đối với pháp nghĩa quyết định khéo léo, là A-tì-đạt-ma. Do 9 nhân duyên này nên thành lập 3 tạng. Những thứ này đều vì giải thoát sinh tử.

Lại nữa làm sao được giải thoát? Huân tri tịch thông nên được giải thoát. Do nghe nên huân tập trong tâm, do suy nghĩ nên biết tu hành, do Xa-ma-tha nên tịch tĩnh. Tì-bát-xá-na nên thông đạt.

Tu-đa-la, Tì-na-da, A-tì-đạt-ma này, lược nói có 4 nghĩa. Bồ-tát hiểu đây tức được Nhất thiết trí. Thanh Văn tùy theo hiểu được nghĩa một kệ thì được lưu tậ.

Mỗi thứ đều có 4 nghĩa là thế nào? Một y, hai tướng, ba pháp, bốn nghĩa. Xuyên suốt đây là Tu-đa-la. Trong đó y là y xứ, y nhân, y sở vi. Tướng là thế đế tướng, đệ nhất nghĩa đế tướng. Pháp là âm, giới, nhập, duyên sinh, đế, niệm, định, vô lượng, vô sắc, giải thoát, thắng xứ, nhất thiết xứ, Bồ-đề phần, biện tài, vô tránh v.v... Nghĩa, là tùy thuận tương tục. Một hướng, hai số, ba phục, bốn phổ gập. Nên biết rằng đây là A-tì-đạt-ma. Hướng là A-tì-đạt-ma, là pháp hướng đến vô trụ xứ Niết-bàn, vì nói các môn đế, Bồ-đề phần, giải thoát v.v...Số, là pháp số của A-tì-đạt-ma. Trong mỗi mỗi pháp quyết liễu sự sai biệt của tự tướng, thông tướng của nó vì có vô lượng thuyết. Phục, là A-tì-đạt-ma là pháp làm kẻ khác phải hàng phục, có thể đè bẹp các luận khác do lập tông đây đủ. Phổ tập, là do A-tì-đạt-ma tập hợp khắp các nghĩa của Tu-đa-la.

Lại nữa, phải biết 4 của Tì-na-da là: một tội lỗi, hai duyên khởi, ba hoàn tịnh, bốn xuất ly. Trong đó tội lỗi là tội Ngũ thiên. Duyên khởi là nguyên do gây tội lỗi, có 4: một không biết, hai phóng túng, ba phiền não nung nấu, bốn không tôn trọng. Hoàn tịnh là pháp tịnh tâm chứ không phải trị phạt, như nhiếp trì cấm giới. Xuất ly có 7 thứ: Một là tự phát lồ. Hai là trị phạt với đồng học. Ba là hoàn toàn cấm không cho học mà dùng đạo lý khác. Bốn là đã giải quyết xong, nghĩa là chúng tăng đồng ý cùng giải quyết. Năm là chuyển thân, nghĩa là Tì-khuru, Tì-khuru-ni chuyển đổi giới tính nếu không có tội chung. Sáu là chân thật quán do tác pháp Uất-đà-na thắng quán. Bảy là được pháp nhĩ, nghĩa là được kiến đế rồi thì tiêu tội và tùy tiêu tội, theo pháp nhĩ là không có. Lại nữa phải biết Tì-na-da có 4 nghĩa: Một là người, tức y vào đó lập học xứ. Hai là lập chế, tức như chỗ thừa bạch về tội lỗi người ấy, Đại sư họp chúng chế học xứ. Ba là phân biệt, tức

lập câu học xứ rồi theo đó giải thích cho tách bạch từng phần. Bốn là phán quyết, nghĩa là quyết định trong các phần ấy thế nào là có tội thế nào là vô tội. Nay giải thích câu “trước đức Bà-già-bà “ là bày tỏ sự cung kính, không nói gì khác. Nói “khéo ngộ nhập Đại thừa” là được công đức Đà-la-ni v.v..., cho thấy rằng được các công đức ấy rồi thì đối với văn, với nghĩa có thể thụ trì đúng, giảng nói đúng. Các BỒ-tát như thế gọi là khéo nhập Đại thừa. Nói vậy để làm gì? Là để hiển phát cái thể to lớn của Đại thừa. Hiển phát là nói rõ ràng rộng rãi cái đại thể ấy. Đó là Đại thừa, y nơi Đại thừa nên có 10 thứ thắng tướng thắng ngữ. Dùng thắng ngữ nói 10 thắng tướng do đó có 10 thứ thắng tướng thắng ngữ. Lại nói thắng ngôn là hai tướng hình nên có vật này hơn vật kia. Tối thượng nghĩa là thắng nghĩa. Lại nữa do nhân thể thắng nên quả ngữ thắng. Nay sẽ nói về 10 thứ ấy.

Luận nói: Chư Phật Thế Tôn có y chỉ thắng tướng thắng ngữ cần phải biết: Ứng tri thắng tướng thắng ngữ. Nhập ứng tri thắng tướng thắng ngữ. Nhập nhân quả thắng tướng thắng ngữ. Nhân quả tu thắng tướng thắng ngữ. Trong đó có: Tu sai biệt tăng thượng giới thắng tướng thắng ngữ, Tu tăng thượng tâm thắng tướng thắng ngữ, Tu tăng thượng tuệ thắng tướng thắng ngữ, Tu diệt thắng tướng thắng ngữ, Tu trí thắng tướng thắng ngữ. Như vậy những câu Tu-đa-la đã nói hiển thị Đại thừa là Phật nói.

Giải thích: Nói “Ứng tri y chỉ thắng tướng thắng ngữ” là pháp sở tri cần phải biết, gọi là ứng tri. Nghĩa là các pháp nhiệm tịnh v.v... tức là 3 tính. Y chỉ là nghĩa của nhân. Nên biết y chỉ tức là thắng tướng này. Cho nên nói “ứng tri y chỉ thắng tướng”. Do thắng tướng ấy nên nói là thắng, tức là thức A-lê-da. Như vậy là những giải thích nghĩa sơ lược. Cho đến trí thắng tướng cũng vậy. Trí tức thắng tướng, nên nói trí thắng tướng. Ứng tri tướng nghĩa là ứng tri tự tính. Ứng tri tức là tướng, cho nên nói ứng tri tướng, tức là 3 tính. Nhập ứng tri thắng tướng là trong cái ứng tri tướng này, nếu sở nhập và năng nhập đều

gọi là nhập, tức là duy thức, tức đây nhập là kia nhập. Nói kia nhập nhân quả là duy thức gọi là nhập. Nhân là thể gian thí v.v... các Ba-la-mật., tức là khi gia hành. Quả thể, tức khi đây thông đạt là xuất thể gian thể. Kia nhân quả tu sai biệt, tức nhân quả trước ở trong nhân quả này tu sai biệt. Tu, tức là tập nhiều lần. Sự tu tập nhiều lần này trong các địa trở nên tiến triển hơn, nên gọi là sai biệt., tức 10 địa tu sai biệt trong đó. Tăng thượng giới học là giới tu học gọi là tăng thượng giới, tức là trong 10 địa có các giới cấm Bồ-tát. Đối với các bất thiện không mong tâm, nên tăng thượng tâm học là nội quán tâm. Tâm này tức là tăng thượng học, gọi là Tam-ma-đề. Tăng thượng tuệ học là thắng hơn được tuệ gọi là tăng thượng tuệ. Tuệ này tức là tăng thượng học. Tăng thượng tuệ học tức là vô phân biệt trí. Diệt thắng tướng là tự thể của tối thắng chủng loại diệt phiền não chướng trí chướng, tức là vô trụ xứ Niết-bàn. Trí thắng tướng thắng ngữ là trí không chướng ngại gọi là trí thắng tướng. Trí vô phân biệt kia có đối trị. Phật trí là lia tất cả chướng tùy miên, tức sự thù thắng của trí vô phân biệt.

Luận nói: Lại nữa, hiển phát như thế nào? Có 10 chỗ nói về điều này. Trong Thanh Văn thừa không nói đến. Chỉ có Đại thừa nói. Đó là thức A-lê-da, nói là cái thể y chỉ cần phải biết. Ba thứ tự tính: phân biệt, y tha, thành tựu nói là cái thể tướng cần phải biết. Duy thức nói là ngộ nhập cái thể tướng cần phải biết. Sáu Ba-la-mật nói là nhập nhân quả thể tướng. Mười địa Bồ-tát nói là nhập nhân quả tu sai biệt thể. Nói giới cấm Bồ-tát là thể của giới tăng thượng. Nói kiện hành và hư không khí v.v... Tam-ma-đề là thể của tâm tăng thượng. Nói vô phân biệt trí là thể của tuệ tăng thượng. Nói vô trụ Niết-bàn là thể của quả diệt kia. Nói 3 thân của chư Phật: tự tính thân, cộng dụng thân, hóa thân là thể của quả trí kia. Do 10 chỗ này nên đặc biệt khác với Thanh Văn thừa. Chỗ đặc biệt khác đó là cao tột cho nên Thế Tôn chỉ nói cho Bồ-tát. Vì vậy cho nên nói chư Phật Thế Tôn vì Đại thừa mới có 10 thứ thắng tướng thắng ngữ cần phải biết.

Giải thích: Thế nào là hiển phát? Nghĩa là có tướng mạo như thế nào. Sáu Ba-la-mật là thể của ngộ nhập nhân quả kia, nghĩa là duy thức quán được nhập 3 tính, tức là nhân của thanh tịnh Ba-la-mật. Tuy là thế gian có thể dẫn đến xuất thế gian cho nên đã nhập địa trở đi tức là thanh tịnh, là thể của quả xuất thế. Bồ-tát 10 địa là thể của tu sai biệt nhân quả kia, tức là tu tập 3 học trong các địa. Quả, tức là quả của quả tam học. Trong quả này, diệt là thể của quả diệt, nghĩa là diệt phiền não trí chướng. Vô phân biệt trí là thể của tăng thượng tuệ học, nghĩa là Thanh Văn không phân biệt 4 diên đảo nên gọi vô phân biệt. Chư Bồ-tát thì vô phân biệt đối với tất cả pháp. Đây là chỗ khác nhau của 2 thứ vô phân biệt. Ba thứ Phật thân là thể của quả trí, là quả tam học kia gọi là quả kia. Quả kia tức là trí, nên nói quả trí kia. Thể này tức là thể của quả trí kia. Trong đây nếu lìa tự tính thân tức không có pháp thân. Như nhãn nếu tách rời đây tức không có báo thân. Như nhãn thức, nên biết rằng đây 2 pháp năng y sở y bình đẳng, nếu tách rời báo thân, thì các Bồ-tát đã nhập đại địa thụ dụng pháp cũng bất thành. Nếu không thụ dụng pháp thì Bồ-đề tư lương đầy đủ cũng bất thành. Như kiến sắc hóa thân cũng vậy. Nếu tách rời đây thì các Bồ-tát trong giải hạnh, các Thanh Văn thô thiển giải, và sơ phát tâm tu hành cũng bất thành. Vì vậy cho nên nhất định phải có 3 thân. Cho nên Đại thừa với Thanh Văn thừa đặc biệt khác đó là trong Thanh Văn thừa không nói. Tối thượng là hiển thị trong Đại thừa cũng thù thắng.

Luận nói: Lại nữa vì sao lấy 10 thứ thắng tướng thắng ngữ của Như Lai này có thể rõ Đại thừa là Phật nói? Cũng ngăn chặn được

Thanh Văn thừa khác với Đại thừa? Bởi vì 10 chỗ này không thấy nói trong Thanh Văn thừa, chỉ nói trong Đại thừa dẫn sinh Đại Bồ-đề. Mười chỗ này tùy thuận thành tựu không mâu thuẫn, được trí Nhất thiết trí. Ở đây có kệ như sau:

*Phải biết y tướng nhập,  
Nhân quả tu sai biệt,*



*Tam học quả diệt trí,  
 Trong thượng thừa thù thắng.  
 Đây nói nơi khác không,  
 Thấy nhân thắng giác này,  
 Nên Đại thừa Phật nói,  
 Do nói 10 thắng xứ.*

Giải thích: Nghĩa này là thế nào? Có thể dẫn đến Đại Bồ-đề nên hiển thị nghĩa này. Mười chỗ này thành tựu tùy thuận không mâu thuẫn, nên có thể dẫn sinh Đại Bồ-đề. Dẫn sinh Đại Bồ-đề là vì nhân. Thành tựu là trong tam học tư lường quan sát như đạo sư hiển thị đạo tướng. Tùy thuận là trong thắng được, khi khởi tu hành tùy thuận tương ưng trụ, trong đó tùy thuận mà trụ như đạo sư đã nói. Không mâu thuẫn là trong các địa không có sự chướng ngại, như nói trên đường đi không có giặc v.v... cản trở. Nghĩa là sinh tử Niết-bàn không chướng ngại nhau.

## **Chương 2: Thứ tự của 10 nghĩa**

Luận nói: Lại nữa 10 chỗ này vì sao được nói theo thứ tự như vậy? Chữ Bồ-tát tối sơ do các pháp như vậy, trong nhân được khéo léo, tức trong duyên sinh sẽ được khéo léo. Chúng sau đó các pháp sở sinh trong duyên được biết rõ tướng của chúng, biết rõ lỗi hai bên tăng ích tổn giảm. Bồ-tát khéo tương ưng đối với các tướng ấy rồi, tiếp đến đối với chúng khéo nhiếp trì, trong tướng phải thông đạt, thì trong chướng ngại tâm được giải thoát. Thông đạt các tướng cần phải biết kia rồi, cái thắng nhân xưa gia hành trong 6 Ba-la-mật phải được thành tựu. Ý nội tâm thanh tịnh nên 6 Ba-la-mật được thâm nhiếp trong nội tâm thanh tịnh phải tu 3 a-tăng-kì kiếp làm thanh tịnh từng phần từng phần. Tiếp đến Bồ-tát phải viên mãn tam học. Đã viên mãn rồi, cần phải tu A-nậu-đa-la Tam-miệu Tam-bồ-đề và quả Niết-bàn kia. Mười chỗ nói theo thứ tự như vậy. Trong đây, tất cả Đại thừa đều được cứu cánh.

Giải thích: Vì lý do gì nói theo thứ tự như vậy? Nghĩa là ban đầu từ các Bồ-tát do trong các nhân như vậy cho đến quả Niết-bàn kia chính giác A-nậu-đa-la Tam-miệu Tam-bồ-đề v.v... là do biết nhân các pháp nên được thiện xảo trong duyên sinh. Do có nhân nên sinh quả. Chẳng phải Tự tại thiên v.v... Cho nên được nhân quả 2 trí. Tiếp đến phải biết cái tướng của pháp do nhân sinh ra. Tướng ấy như thế nào? Tính phân biệt là không, chấp cho là có, gọi là tăng ích. Tăng ích nơi không, tức là tổn giảm. Tính thật hữu thành tựu là lỗi nhị biên này, nên nói là thiện xảo. Tiếp đến về sở thủ phải dùng duy thức quán biết tướng của chúng. Do quán này nên được không chướng ngại. Tiếp đến trong tùy thuận nhập duy thức 6 Ba-la-mật thế gian, y thế tục được rồi phải tu đặc độ nhất nghĩa. Nghĩa là phải tu tịnh tâm nhiếp thủ Ba-la-mật. Tiếp đến trong 10 địa trải qua 3 a-tăng-kì kiếp phải tu từng phần, không phải như Thanh Văn thắng đặc trong 3 đời khởi đối trị là được giải thoát. Tiếp đến trong lúc tu phải viên mãn giới v.v. tam học. Tiếp đến phải được học quả Niết-bàn, diệt phiền não chướng, được 3 thân A-nậu-đa-la Tam-miệu Tam-bồ-đề. Nếu thứ tự Đại thừa thì đều phải biết như vậy. Bởi vì sao? Nếu muốn nói duyên sinh tức nhập trong thức A-lê-da. Nếu nói tướng tức vào trong 3 tính. Nếu nói thắng đặc tức là duy thức. Nếu nói Ba-la-mật tức vào trong các Ba-la-mật. Nếu nói địa tức vào trong địa. Nếu nói học tức vào trong học xứ. Nếu nói diệt và trí tức gồm trong vô trụ xứ Niết-bàn và 3 thân. Phật nói như vậy, cho nên nói theo thứ tự như thế. Lại có nghĩa khác, dẫn sinh Đại Bồ-đề nghĩa là có thể sinh trí không phân biệt không hý luận. Thành tựu là tương ưng. Tùy thuận là không mâu thuẫn với 3 lượng. Không mâu thuẫn là không phải trước thuận theo sau trái chống. Như kệ nói:

*Nhiếp trì cầu và bi,  
Cũng tùy thuận các thiện,  
Chẳng hắc bạch, ngã kiến,  
Có ích cũng có tổn.*

Được trí Nhất thiết trí nghĩa là trong tất cả pháp, nhất thiết chủng trí sinh không gián đoạn. Những thành tựu này cũng có nghĩa riêng. Thành tựu tùy thuận không mâu thuẫn v.v... Câu trước là gốc, câu sau là giải thích. Thế nào là thành tựu? Nghĩa là tùy thuận. Thế nào là tùy thuận? Nghĩa là không mâu thuẫn. Cứ lần lượt như vậy.

### Chương 3: Các tên

Luận nói: Trong đây trước tiên phải biết y chỉ là thức A-lê-da. Thế Tôn ở đâu nói thức A-lê-da này? Thế Tôn nói trong bài kệ Kinh A-tì-đạt-ma.

*Giới thể thời vô thủy,  
Các pháp cùng y chỉ.  
Do đây có các thú,  
Và Niết-bàn thắng đắc.*

Giải thích: Thế Tôn trong A-tì-đạt-ma A-hàm nói tên thức A-lê-da. Thức A-lê-da tức luận này trước tiên nói A-tì-đạt-ma Tu-đa-la. Trong đây “giới” tức là nghĩa của nhân. “Các pháp cùng y chỉ” là do nhân này nên tất cả pháp đều dựa vào đó. Nghĩa là y chỉ vào đây làm thể của nhân. Có chỗ cho các pháp y chỉ này nên quả báo các thú do đây được sinh, có lực trong vô lượng sinh, có thể hiểu nghĩa các pháp thiện thuyết ác thuyết. Nếu vượt thứ tự được thắng đắc, lại làm thể y chỉ cho phiền não, do đó có phiền não rất nặng và phiền não bền chắc. Trong 4 thứ quả báo này, người thắng có thể kham chịu được, ngược lại thì không. Nên biết tất cả ở trong sinh tử tùy thuộc thú nào? Chẳng phải chỉ các thú mà cũng có thắng đắc Niết-bàn, bởi vì có phiền não tức có Niết-bàn. A-hàm này cho thấy cái y chỉ cần phải biết, đó là thức A-lê-da. A-hàm lại nói:

Luận nói: Tức kinh ấy lại nói kệ rằng:

*Chỗ các pháp y trú:  
Nhất thiết chủng tử thức.*

*Nên gọi thức Lê-da.  
Ta vì thắng nhân nói.*

Giải thích: Bài kệ này, câu thứ hai giải thích câu thứ nhất. Thắng nhân là chỉ các Bồ-tát.

Luận nói: Có các chứng minh trong A-hàm này, nhưng thức này vì nhân duyên gì gọi là A-lê-da? Tất cả các nhiễm pháp của loài hữu sinh y trụ làm quả, thức này cũng dựa vào các pháp kia làm nhân, nên gọi là thức A-lê-da. Lại nữa chúng sinh y trụ lấy làm tự ngã cho nên gọi là thức A-lê-da.

Giải thích: Thức này gọi là A-lê-da là vì các pháp y trụ. Y trụ là cùng duyên. Hữu sinh là những loài có sinh khởi đều gọi là hữu sinh. Nhiễm pháp là khác với tịnh pháp. Chúng sinh y trụ làm tự ngã là chấp thủ.

Luận nói: Thức A-lê-da này còn tên là thức A-đà-na. Như Thế Tôn có nói trong Kinh Giải Tiết:

*A-đà-na sâu xa vi tế,  
Chủng tử hằng chuyển như dòng chảy.  
Trẻ con, phàm phu ta không nói,  
Không cho phân biệt gọi là ngã.*

Giải thích: Lại trong Giải Tiết A-hàm, Phật bảo Quảng Tuệ: Các chúng sinh trong 6 đường sinh tử tùy loại chúng sinh, nào sinh trứng, sinh thai, sinh nơi ẩm ướt, hóa sinh, trong khi sinh tự thân chuyển sinh, khi ấy tất cả chủng tử tâm lúc mới đầu thành thực liền được hòa hợp, rồi tăng trưởng lớn lên đầy đủ. Có hai loại thủ đắc là có loại y sắc căn mà thủ đắc nên tướng gọi là phân biệt thể tục hý luận v.v...huân tập thủ. Trong sắc giới có 2 loại thủ. Trong vô sắc giới không có 2 loại thủ. Quảng Tuệ ! Thức này hoặc gọi là A-đà-na vì nó biến khắp gìn giữ trong thân, hoặc gọi là A-lê-da vì nó ẩn tàng khắp cả trong thân cùng thịnh suy lợi hại, nên hoặc gọi là tâm vì nó

tích tụ và tăng trưởng sắc thanh hương vị xúc pháp. Quảng Tuệ ! Y A-đà-na thức làm trụ xứ chuyển sinh 6 thức thân tức là nhãn thức, nhĩ thức, tỷ thức, thiệt thức, thân thức, ý thức trong đó có thức. Nhãn căn và sắc là duyên sinh nhãn thức, tức nhãn thức kia cộng hành đồng thời cùng với cảnh giới có ý thức phân biệt sinh. Nếu mỗi một nhãn thức sinh, tùy theo mỗi một nhãn phân biệt ý thức, với nhãn thức cùng hành, đồng thời cùng cảnh giới sinh. Tùy mỗi lúc, hoặc hai, hoặc ba, hoặc bốn, hoặc năm thức thân chuyển sinh, tức mỗi lúc một phân biệt ý thức với 5 thức thân cùng hành, đồng thời cùng cảnh giới sinh. Như dòng sông lớn chảy, nếu một duyên khởi sóng xảy đến thì một đợt sóng sinh, nếu hai hoặc nhiều duyên khởi sóng xảy đến thì nhiều đợt sóng sinh trong khi con sông kia vẫn chảy bình thường không gián đoạn không chầm dứt. Lại ví như mặt gương sạch, nếu có một vật tượng đến thì có một ảnh tượng sinh, nếu hai hay nhiều vật tượng đến thì có nhiều ảnh tượng sinh, nhưng mặt gương kia không chuyển thành ảnh tượng, cũng không tồn giảm, nên biết như vậy. Như vậy thức A-đà-na như con sông lớn, y nơi đó mà trụ. Nếu có tùy một duyên khởi đến với nhãn thức thì tùy theo đó có một nhãn thức sinh. Nếu cho đến tùy theo đó có duyên 5 thức thân khởi đến, thì tùy theo đó có 5 thức thân sinh. Như vậy Quảng Tuệ ! Bồ-tát trụ pháp trụ trí được bí mật thiện xảo của tâm ý thức. Như Lai nhất thiết chủng nhất thiết trí không nói Bồ-tát đều như nhau cái gọi là bí mật thiện xảo của tâm ý thức này. Quảng Tuệ ! Nếu Bồ-tát ở bên trong, ở bên ngoài, như thật không thấy A-đà-na A-đà-na thức, không thấy A-lê-da A-lê-da thức, không thấy tăng trưởng, không thấy các thứ ( hai này gọi là tâm ), không thấy nhãn sắc nhãn thức, không thấy nhĩ thanh nhĩ thức, không thấy tỷ hương tỷ thức, không thấy thiệt vị thiệt thức, không thấy thân xúc thân thức. Quảng Tuệ ! Nếu Bồ-tát y pháp trụ trí, trụ pháp trụ trí được tâm ý thức thiện xảo. Lại nữa như nghĩa này hiển thị trong kệ: “Thức A-đà-na sâu xa vi tế” là vì khó biết. “Tất cả chúng tử chuyển biến như dòng nước chảy” nghĩa là tất cả chúng

tử lần lượt chuyển sinh như nước chảy, mỗi niệm mỗi niệm tiếp nối. Cho nên A-đà-na hiển thị một tên đặc biệt. “Không cho phân biệt gọi là ngã” là vì một tướng chuyển nên phân biệt gọi là ngã.

Luận nói: Vì nhân duyên gì gọi thức này tên là A-đà-na? Vì nó nhiếp trì tất cả các căn hữu sắc và tất cả tự thân lấy làm nơi nương tựa. Nơi nó, sắc căn được giữ gìn không mất cho đến khi nào mạng còn sống. Và nó tương tục khi thụ sinh khiến được tự thân. Cho nên gọi là A-đà-na.

Giải thích: Nói nhiếp trì các căn của tất cả hữu sắc, nghĩa là các sắc căn này bị thức kia nhiếp trì. Cho đến khi nào mạng còn sống, là lấy câu này giải thích. Bởi vì sao? Vì thức A-lê-da nhiếp trì nhãn v.v... các sắc căn. Cho nên không bị tím bầm như thân đã chết. Nếu khi chết thức kia rời bỏ thân thì sẽ có tướng bị tím bầm, cho nên biết do thức kia nhiếp trì thọ mạng khi còn sống nên không hư hoại. Đó là nơi tất cả thân mạng lấy làm nơi nương tựa, cho nên có sự sống tiếp tục, sự sống tiếp tục khiến có tự thân. Điều này giải thích thức là nơi duy trì sự sống tiếp tục. Bởi vì sao? Vì có thể duy trì tự thân đầy đủ bởi trong thức A-lê-da đầy đủ tự thân huân tập ở trong đó. Cho nên khi sinh gọi là chuyển sinh, tức là khi nó sinh thì lấy tên là chuyển sinh thủ. Do thủ này nên giữ được tự thân. Vì nghĩa này thức A-lê-da gọi là thức A-đà-na.

Luận nói: Cũng gọi tên là tâm, như Thế Tôn nói tâm, ý, thức. Trong đó y có 2 thứ: Một là lần lượt duyên với tác y xứ, do thức lần lượt diệt, ý thức y vào đó sinh. Hai là ý ô nhiễm thường tương ưng cùng 4 phiền não là thân kiến, ngã mạn, ngã ái, vô minh. Ý này tức là nơi y chỉ của các nhiễm ô của các thức khác. Các thức khác do đệ nhất y chỉ sinh, do đệ nhị nhiễm ô. Do nghĩa liễu cảnh, do nghĩa lần lượt, do niệm nghĩa, nên ý có 2 loại.

Giải thích: Lại nói tên là tâm có nghĩa là đây nói thức A-lê-da tức là tâm. Ý và thức 2 thứ có nghĩa riêng có thể thấy. Nên biết rằng

tâm này cũng có nghĩa riêng. Để làm rõ nghĩa này, trong sự lần lượt duyên và làm nơi nương tựa, nghĩa là thức nếu lần lượt diệt rồi được làm nhân cho ý thức. Đây là đệ nhất ý. Lại có đệ nhị nhiệm ô ý, vì 4 thứ phiền não. Trong đó thân kiến tức là ngã chấp. Do chấp này nên có ngã mạn bởi thủ ngã tự cao. Do đây trong vô ngã khởi ngã ái. Ba thứ này đều bởi vô minh làm nhân. Vô minh là vì vô trí. Các thức khác do đệ nhất y chỉ sinh, do đệ nhị nhiệm ô là nếu thức lần lượt diệt rồi gọi là ý, với nơi sắp sinh thức làm y chỉ cho sự sinh kia nên đệ nhị nhiệm ô ý là y chỉ của nhiệm ô. Bởi vì sao? Trong thiện tâm cũng có ngã cho nên liễu cảnh nghĩa, thứ đệ nghĩa, niệm nghĩa nên ý có 2 thứ nghĩa là ở trong thủ cảnh nghĩa nên gọi là thức, với xứ sở nghĩa nên gọi là đệ nhất ý, ngã tướng v.v... nhiệm ô nghĩa nên gọi là đệ nhị ý.

Luận nói: Lại nữa làm sao biết có ý nhiệm ô? Đây nếu không có xúc hành vô minh, cũng không có đây là lỗi lầm. Năm thức tương tự cũng không có đây là lỗi lầm. Như 5 thức thân có y chỉ đồng thời nên được các tên là nhãn v.v... không có đây là lỗi lầm. Vô tướng định, Diệt tận định không có sai biệt, đây là lỗi lầm. Vô tướng định được tên nhiệm ô ý, Diệt tận định thì không, nên có sai biệt. Lại tức vô tướng này một khi sinh thì không có phiền não, đây là sai lầm. Nếu trong cõi trời kia không có ngã và mạn v.v... Lại tất cả thời ngã chấp đều được hành, nghĩa là tâm thiện ác vô ký nếu không như vậy, chỉ tâm bất thiện được tương ưng, ngã chấp là phiền não cho nên không cho tâm thiện và vô ký cùng hành. Vì vậy cho nên nếu câu hữu và cộng hành thì không có lỗi này. Nếu tương ưng hiện hành thì không có lỗi này. Ở đây có kệ như sau:

*Nếu độc hành vô minh,  
Và 5 pháp tương tự.  
Hai thứ định sai khác,  
Được tên không lỗi này.*

*Sinh vào trời Vô tướng,  
 Vô ngã thì có lỗi.  
 Ngã chấp tùy thuận chuyển,  
 Mọi nơi đều không có.  
 Là nhiệm ý không có,  
 Hai ba tức trái nhau.  
 Không đây tức cũng không,  
 Ngã chấp khắp mọi nơi.  
 Khi tâm hành thật nghĩa,  
 Thường làm thành chướng ngại.  
 Cộng hành trong mọi lúc,  
 Là độc hành vô minh.*

Giải thích: Đề nghị nhiệm ô ý này lấy đạo lý nào thành lập? Ý này nếu không thì độc hành vô minh không thành. Độc hành vô minh là gì? Khi chưa khởi đối trị nó chướng ngại trí chân như, si này không tương ưng với 5 thức vì ở đây không bị chướng ngại. Nếu nơi nào khởi đối trị thì nơi đó bị chướng. Cũng không ở trong nhiệm ô ý thức. Nếu tức là nhiệm ô ý thức thì có lỗi. Chẳng phải nhiệm ô ý thức thì vì cộng hành cùng với các phiền não khác nên không gọi là độc hành. Lại nữa nếu muốn khiến tức là phiền não nhiệm ô ý thức thì có thường tội lỗi nhiệm ô.

Làm sao các tâm thí v.v... được thành thiện? Bởi thường cùng kia tương ưng. Nếu nói có ý cùng thiện tương ưng sinh, tức kiến lập đây là dẫn sinh đối trị có thể trị nhiệm ô ý thức đây bất thành. Nếu nói có thiện tâm cùng nhiệm ô ý cộng sinh, thiện tâm này có thể dẫn sinh đối trị, trị diệt các thức khác. Cái diệt này thì không có lỗi.

Lại nữa cùng 5 thức tương tự nên như nhãn thức v.v... 5 thức thì có nhãn v.v.. 5 căn đồng thời làm y chỉ. Ý thức này cũng phải đồng thời y chỉ.



Hai định không sai biệt tức là nếu nói có nhiễm ô ý, trong Vô tướng định kia thì có, trong Diệt tâm định thì không, có sai biệt đó. Trong 2 định này, ý thức không hành vì không sai biệt. Nói “được tên”, tức là do niệm tự thân nên tên là ý. Nếu không có thể, tên này dựa vào đâu? Nếu 6 thức lần lượt qua rồi, thức này gọi là ý thì không hợp lý vì nó đã diệt. Lại nữa sinh vào trời Vô tướng, một thời kỳ phải không có ngã cho nên nếu nói nơi ấy không nhiễm ô ý là sinh ở nơi ấy tức phải không có ngã. Các thánh nhân không nên chán ghét. Đã chán ghét nên biết rằng sinh nơi ấy chắc chắn có ngã.

Nói “ngã chấp tùy thuận chuyên” là vì thí v.v... các thiện tương ưng với ngã cho nên nếu lìa ngã chấp này thì vô minh không thành. Vô minh không lìa y chỉ, vì y chỉ này lìa nhiễm ô ý là không thể được.

Luận nói: Vì ý này nhiễm ô nên chướng ngại vô ký. Hằng cùng 4 phiền não tương ưng. Như phiền não cõi Sắc cõi Vô sắc là chướng ngại vô ký. Sắc, Vô sắc giới là Xa-ma-tha sở tàng. Ý này nhất thời nhiễm trước cho nên tâm thể đệ tam lìa thức A-lê-da là không thể được. Cho nên thành tựu thức A-lê-da là tâm. Do đây là chủng tử cho nên ý và ý thức v.v... chuyên sinh.

Vì duyên gì gọi là tâm? Vì tụ họp các thứ chủng tử huân tập của các pháp.

Giải thích: Lấy kiến ý và chuyên thức, lấy thức A-lê-da làm nhân sinh, cho nên tâm thể không thể được các nơi khác. Phật nói thức tức là gồm trong thứ đệ diệt ý. Do thức ấy diệt rồi, nói là ý. Lại nữa do tập hợp chủng tử huân tập của các pháp nên được tên gọi là tâm. Trong đó các thứ là các tướng của các pháp, cho nên chủng tử huân tập tức là có công năng làm nhân sai biệt kia. Nói tập hợp tức là tích hợp lại dày đặc thành một khối.

Luận nói: Lại nữa vì sao trong Thanh Văn thừa không nói tâm này tên là thức A-lê-da, thức A-đà-na? Vì thâm nhiếp trong cảnh giới

vi tế. Người Thanh Văn không biết tất cả cảnh giới cho nên đối với họ tuy lia thuyết này nhưng được thành tựu trí kia khiến được giải thoát. Do đó nên không nói. Chư Bồ-tát vì muốn biết tất cả cảnh giới, cho nên nói. Do lia trí này nên không thể được trí Nhất thiết trí.

Giải thích: Nói “Vì thâm nhiếp trong cảnh giới vi tế” nghĩa là đây cũng vừa là vi tế, cũng vừa là cảnh giới nên gọi là cảnh giới vi tế. Lại nữa nhập vào trong cảnh giới vi tế vì khó biết được, lại các Thanh Văn không muốn biết tất cả cảnh giới nên tu hành chỉ nhằm tự lợi cho nên họ đối với các thô phiền não chỉ dùng khổ v.v... các trí để diệt trừ. Còn Bồ-tát thì tu hành là để trừ tự tha phiền não chướng và trí chướng cho nên nói.

Luận nói: Nhưng trong Thanh Văn thừa cũng có dùng đạo lý khác để nói về thức A-lê-da. Như trong Tăng Nhất A-hàm nói chúng sinh ưa A-lê-da, thích A-lê-da, nương tựa A-lê-da, tìm cầu A-lê-da. Để diệt A-lê-da này nên khi Như Lai thuyết pháp thì chuyên chú lắng nghe, khởi tâm tìm hiểu, tùy thuận thụ pháp nguyện diệt A-lê-da. Vì Như Lai xuất thế nên có pháp hy hữu khó được mới hiển hiện nơi thế gian. Như Lai xuất thế có 4 thứ đáng tán thán. Trong kinh đã dùng biệt danh như vậy để hiển hiện thức A-lê-da trong Thanh Văn thừa.

Giải thích: “Chúng sinh ưa A-lê-da” câu này là gốc. Sau dùng hiện tại, quá khứ, vị lai 3 thời để giải thích. Ba câu khác như các câu lần lượt. Lại có nghĩa khác hỷ A-lê-da tức là nói hiện thế, lạc A-lê-da là nói quá khứ thế. Do lạc A-lê-da của đời trước cho nên lại có tập A-lê-da. Do hỷ A-lê-da, tập A-lê-da nên lại có tìm cầu A-lê-da đời sau. Thuận theo pháp nghĩa là thực hành đúng như giáo pháp đã nói.

Luận nói: Trong Ma-ha Tăng-ki A-hàm cũng dùng đạo lý khác nói thức này, gọi là căn bản thức, ví như gốc rễ của cây.

Giải thích: Nói căn bản thức như gốc rễ của cây nghĩa là căn bản thức kia là cái thể, làm nhân cho tất cả thức. Ví như gốc rễ củ

cây là nhân phát sinh các thứ nhánh nhóc. Nếu không có gốc rễ không thể có được cành nhánh. Thức A-lê-da làm căn bản cho các thức cũng vậy.

Luận nói: Trong Di-sa-tắc cũng dùng đạo lý khác nói về thức này, gọi là cùng sinh tử tụ. Có nơi, có lúc thấy sắc tâm đoạn dứt, nhưng chủng tử trong thức A-lê-da thì không đoạn dứt.

Giải thích: Cũng dùng đạo lý khác nói là cùng tận sinh tử tụ, nghĩa là cái thể tụ hợp của cái thức này là cho đến tận cùng sinh tử. Bởi vì sao? Vì có nhân duyên. Nói có nơi, tức là cõi. Tức là nói trong cõi Vô sắc thì không còn có sắc. Nói có lúc, tức có lúc ở trong định, như Vô tướng định v.v... Nói chủng tử trong thức A-lê-da không đoạn dứt, nghĩa là sắc tâm huân tập là nhân, thời gian sau sắc tâm trở lại theo đây sinh.

Luận nói: Do đó nên biết rằng các tên Y chỉ A-đa-na thức, Tâm A-lê-da thức, Căn bản thức, Cùng sinh tử tụ v.v... thức A-lê-da này đã thành con đường lớn của đại vương đi.

Giải thích: Thành con đường của đại vương đi là nói con đường rộng lớn.

Luận nói: Lại có các sư chấp cho rằng tâm ý và thức tên khác nhưng nghĩa là một. Không đúng như vậy. Do kiến ý và thức nghĩa, cho nên nghĩa của tâm kia cũng phải khác. Lại có các sư chấp rằng các câu Thế Tôn nói Hỷ A-lê-da của chúng sinh v.v.. trong đó 5 thủ tụ là A-lê-da. Lại có các sư chấp cho rằng các thụ đi đôi với dục là A-lê-da. Lại có các sư chấp cho rằng thân kiến là A-lê-da. Các sư này do mê không rõ A-hàm và sự tu đắc cho nên đối với thức A-lê-da khởi các chấp như vậy. Đạo lý được thành lập trong Thanh Văn thừa này, đạo lý do họ thành lập không tương ưng. Nếu người không mê thể tướng của A-lê-da, lấy đạo lý của họ thành lập gọi là thức A-lê-da thì tuyệt vời. Vì sao tuyệt vời nếu nói 5 thủ tụ là A-lê-da? Tuyệt vời là

như thế này. Thụ sinh vào ác thú, một bề chịu khổ, tức sẽ sinh chán ghét, các chúng sinh trong đó sẽ một bề không yêu thích. Vậy mà nói đấm trước là không đúng đạo lý, vì thường cầu lìa bỏ. Nếu bảo các lạc thụ cùng đi đôi với dục là A-lê-da thì Đệ tứ thiên trở lên không có thụ này. Đã chán ghét mà nói các chúng sinh lấy đó làm nơi đấm trước là không đúng lý. Nếu nói thân kiến là A-lê-da thì người trong Phật pháp tin hiểu vô ngã sẽ chán ghét nó mà lấy nó làm nơi đấm trước là không đúng lý. Nhưng trong thức A-lê-da cái ngã vẫn còn tồn tại. Nếu thụ sinh vào cái nơi một bề chịu khổ, chỉ cầu lìa thoát khổ, trong thức A-lê-da, ngã ái trói buộc nên chưa hề cầu lìa thoát. Lại nữa người sinh từ Tứ thiên trở lên, tuy chán ghét nhưng thụ dục và lạc cùng đi đôi, trong thức A-lê-da, sự ràng buộc với ngã ái còn tồn tại. Lại nữa người trong Phật pháp tin hiểu vô ngã, chán ghét ngã kiến, nhưng trong thức A-lê-da cái ràng buộc vào ngã ái cũng còn tồn tại. Cho nên lấy đó thành lập A-lê-da, thành tựu cái thể của thức A-lê-da thì tuyệt vời hơn cả. Đó là đường lối đặc biệt an lập thức A-lê-da.

Giải thích: Trong đây nói người không mê tức nói các Bồ-tát. Ác thú là các nẻo đường dữ như ngựa quỷ, súc sinh, địa ngục v.v... Một bề chịu khổ là cái báo thể của các nẻo kia chỉ là phi ái cho nên nơi kia nếu có sinh thụ lạc tức là quả tân dịch. Người sinh nơi kia thụ báo chỉ có khổ. Các lạc thụ cùng với dục đi đôi là A-lê-da nghĩa là từ Tứ thiên trở lên không có thụ này vì đã chán ghét. Chúng sinh nơi ấy, tức chúng sinh từ Tứ thiên trở lên và đang ở trong Tứ thiên. Nơi ấy, tức là được sinh nơi ấy. Nội ngã còn tồn tại, tức là quyết định lấy thức này làm nội ngã. Cầu lìa khổ tự, tức là nguyện xả bỏ khổ thụ. Nói ngã ái trói buộc trong thức A-lê-da, tức là vì thức A-lê-da là tự ngã, do sự khát ái này nên thành trói buộc.

# NHIẾP ĐẠI THỪA LUẬN THÍCH LUẬN

## QUYỂN 2

### Phải biết y chỉ thẳng tướng thẳng ngữ 1 – 2

#### Chương 4: Tướng

Luận nói: Làm sao có thể thấy sự thành lập tướng của thức này? Lược có 3 thứ: một là thành lập tự tướng, hai là thành lập nhân tướng, ba là thành lập quả tướng. Trong đó thức A-lê-da là tự tướng. Tất cả nhiễm pháp huân tập đã là nhân sinh ra nó. Trong đó tướng của nhân là các nhiễm pháp. Thức A-lê-da này tất cả chủng tử, tất cả mọi thời hiện khởi là nhân. Trong đó thành lập tướng của quả là thức A-lê-da này vì sức huân tập của các nhiễm pháp kia từ vô thủy đến nay nên được sinh.

Giải thích: Vì có nhiều biệt danh như vậy, nói thức A-lê-da theo biệt thuyết này, chưa biết tướng nó như thế nào. Nói tự tướng, nhân tướng, quả tướng của thức A-lê-da, trong đó tự tướng là vì duyên tất cả nhiễm pháp huân tập cho nên thức có sinh công năng khác hơn, hiển thị thể của thức có công năng. Nhiếp trì chủng tử tương ưng, tức là tất cả nhiễm pháp huân tập xong tức là nhân sinh ra pháp kia nên nói nhiếp trì chủng tử. Sự huân tập kia hợp với thẳng năng của nó nên gọi là tương ưng. Tức là tự tướng này tất cả nhiễm pháp huân tập rồi làm cho nó được sinh nhân nhiếp trì chủng tử tương ưng thức được các nhiễm pháp huân tập rồi được công năng hơn, có thể làm

sinh nhân cho nó. Đây là nhân tướng của thức A-lê-da. Trong đây bắt đầu từ thành lập quả tướng cho đến nói do sức huân tập từ vô thủy đến nay nên được sinh là được các pháp huân tập rồi thức này mới được sinh, nhiếp trì những huân tập từ vô thủy nên gọi là quả tướng.

### **Chương 5: Huân tập**

Luận nói: Lại nữa thế nào là huân tập? Tên huân tập này còn có tên gì? Với pháp kia cùng sinh cùng diệt. Đã có thể làm nhân sinh ra pháp kia, đó là nghĩa của nhân. Ví như mè dùng hoa ướp, mè và hoa cùng sinh cùng diệt. Vì trong mè có sinh nhân của mùi thơm của hoa kia nên mè có mùi thơm. Lại như dục v.v... các hành huân tập thì dục v.v... cùng với tâm đồng sinh đồng diệt, sau đó làm sinh nhân của dục v.v... Lại cũng như đa văn, có đa văn huân tập, suy tư nghĩ nhớ những điều đã nghe, cùng với tâm đồng sinh đồng diệt, rồi làm thành sinh nhân ghi nhớ vì do nhiếp trì huân tập, nên nói là trì pháp. Nên biết thức A-lê-da có các đạo lý như vậy.

Giải thích: Nói pháp kia tức nhiếp pháp trước. Nói sau khi đồng sinh đồng diệt rồi làm sinh nhân cho kia, nghĩa là trở lại làm thể cho nhân nhiếp pháp kia.

### **Chương 6: Không một không khác**

Luận nói: Lại nữa trong thức A-lê-da các chủng tử nhiếp pháp kia là từng phần từng phân biệt lập hay không sai biệt? Không có một thể của vật nào biệt lập ở trong thức, cũng không phải không có khác nhau. Nhưng thức A-lê-da sinh như thế, có công năng vượt trội có thể sinh pháp kia, nên có tên là Nhất thiết chủng tử thức.

Giải thích: Trong thức A-lê-da các chủng tử nhiếp pháp kia là từng phần từng phân biệt lập hay không sai biệt, nếu vậy thì có lỗi gì? Các chủng tử này nếu có từng phần từng phân biệt thì thức A-lê-da cũng phải có từng phần từng phân biệt. Nghĩa sát-na

diệt của thức A-lê-da sẽ bất thành do từng phần từng phần sai biệt. Lại nữa pháp thiện ác huân tập tức thành thể của chủng tử thiện ác. Nhưng đây nó là vô ký cho nên nếu nói từng phần từng phần làm sao nói là nhiều? Nghĩa này bất thành. Cho nên cả hai đều lỗi. Không có một thể của vật gì biệt lập trong thức, cũng không phải là không có khác. Cho đến tên Nhất thiết chủng tử thức, trong đó nói phi biệt phi bất biệt là vì để cái lỗi đã nói ở trước. Nói sinh như thế, nghĩa là mỗi chủng loại của nó sinh. Nói sinh nó có thắng năng, tức là khi sinh các nhiệm pháp thì tương ứng với thắng năng, cho nên cũng là sinh nó có thắng năng. Nói Nhất thiết chủng tử thức là như trong đây có thí dụ như hạt lúa mì khi nảy mầm nó có năng lực làm hạt giống. Nếu để ra ngoài lâu, hoặc bị lửa nóng làm tổn thương khả năng sinh của hạt lúa thì cái quả của công năng đó cũng bị hủy diệt. Tương của hạt lúa là gốc. Công lực bị hủy hoại nên không còn là hạt giống. Thức A-lê-da cũng vậy. Có công năng sinh tất cả pháp, do tương ứng với công năng đó nên gọi là Nhất thiết chủng tử thức.

### **Chương 7: Làm nhân quả cho nhau**

Luận nói: Lại nữa thức A-lê-da cùng các nhiệm pháp đồng thời làm nhân cho nhau, làm sao có thể thấy? Ví như ngọn lửa đèn với tim đèn khi tắt làm nhân cho nhau vậy. Cũng như bó cây lau đồng thời giữ cha nhau mà đứng không ngã. Nên biết thức và các pháp cũng tương quan với nhau như vậy. Như thành lập thức A-lê-da là nhân của nhiệm pháp, thì nhiệm pháp cũng là nhân của thức A-lê-da. Các nhân duyên khác không được như vậy.

Giải thích: Lại nữa thức A-lê-da cùng các nhiệm pháp đồng thời làm nhân cho nhau, làm sao có thể thấy? Dùng thí dụ để cho thấy. Như ngọn lửa đèn cháy từng một sát-na với tim đèn đồng thời làm nhân. Do dựa vào tim đèn mà sinh ngọn lửa, tức tim đèn là nhân của ngọn lửa đèn, nghĩa là từng sát-na ngọn lửa đốt tim đèn, tức ngọn

lửa là nhân của tim đèn cháy. Đây tức hiển thị nghĩa của câu hữu nhân. Do nhân hiện trụ tức thấy quả sinh. Như thức A-lê-da là nhân của nhiễm pháp. Nhiễm pháp là nhân của thức A-lê-da cũng vậy. Cho đến các nhân duyên khác đều không thể được nghĩa là đây hiển thị thức A-lê-da với các nhiễm pháp là làm nhân cho nhau và cũng tức hiển thị nhân duyên.

### **Chương 8: Nhân quả khác hay không khác**

Luận nói: Vì sao huân tập là không khác, không nhiều thứ lại có thể làm nhân cho các pháp có khác có nhiều thứ? Ví như nhiều sợi kết thành áo. Khi ấy không thấy nhiều thứ khác nhau. Nếu cho vào thùng thuốc nhuộm thì sẽ có nhiều màu nhiều vẻ hiển hiện trên áo. Thức cũng vậy, vì các huân tập huân vào, khi huân không có các thứ khác nhau nhưng khi sinh quả thì tướng mạo các pháp hiện ra.

Giải thích: Vì sao huân tập không khác không có các thứ lại có thể làm tác nhân cho các thứ có khác nhau? Đạo lý này được hiển thị bằng thí dụ. Như áo dùng nhiều thứ sợi đan thành, khi ấy không thấy có các thứ tướng mạo. Nếu cho vào nhuộm rồi thì có nhiều tướng mạo có thể trông thấy. Thức A-lê-da cũng vậy. Ví như áo sinh quả, như nhuộm nên gọi là sinh quả. Cho nên khi huân tập chưa có các thứ, đến khi sinh quả thì thành thể nhân của vô lượng tướng mạo. Các pháp hiển hiện như chiếc áo đã nhuộm.

### **Chương 9: Duyên sinh**

Luận nói: Duyên sinh này trong Đại thừa rất sâu xa vi tế. Lược nói có 2 thứ duyên sinh: Một là tự thể phần. Hai là ái phi ái phần. Trong đó do thức A-lê-da nên các pháp sinh khởi. Đây là tự thể phần duyên sinh, vì là duyên với các thứ tự thể phần. Lại có 12 chi duyên sinh là ái phi ái phần, vì là duyên với các thứ thân phần khả ái không khả ái của các nẻo thiện thú ác thú.



Giải thích: Nói đây là rất sâu xa vi tế trong Đại thừa, tức là trong trí phàm phu không thể biết nên là vi tế. A-la-hán v.v... không thể tư lường được nên là rất sâu. Trong này nói sơ lược có 2 thứ tức đây là lập môn tự thể phần và ái phi ái phần, lấy 2 thứ duyên sinh này gọi là giải thích. Nói do thức A-lê-da, nghĩa là thức A-lê-da là nhân cho nên các pháp được sinh. Đây gọi là tự thể phần. Nói cùng các loại thân phần làm nhân cho nên nếu nói vô minh v.v... đây là ái phi ái phần. Bởi vì sao? Vì là nhân của các thứ thân phần ái phi ái.

Luận nói: Nếu trong thức A-lê-da mê đệ nhất duyên sinh, hoặc chấp tự tính là nhân, hoặc chấp việc làm đời trước là nhân, hoặc chấp trời Tự Tại thiên biến hóa là nhân, hoặc chấp ngã là nhân, hoặc chấp không nhân duyên. Lại nữa nếu mê đệ nhị duyên sinh chấp ngã tác giả thụ giả, ví như có nhiều người mù bẩm sinh chưa từng biết con voi là gì, có người đem voi đến cho chúng tiếp xúc. Có người sờ vòi, có người sờ ngà, có người sờ tai, có người sờ đuôi, có người sờ chân, có người sờ lưng. Khi hỏi con voi hình dáng thế nào, người thì đáp như cái chuôi cày, người nói hư cái rổ, người nói như cái thùng gỗ, người nói như cây chổi, người nói như núi đá. Nói như vậy như vậy là không biết 2 thứ duyên sinh. Vô minh mù bẩm sinh hoặc chấp tự tính, hoặc nói đời trước làm, hoặc nói trời Tự Tại thiên biến hóa, hoặc nói cái ngã làm, hoặc nói không có nhân, hoặc chấp tác giả, hoặc chấp thụ giả, do không biết thể tướng và nhân tướng quả tướng của thức A-lê-da, như không biết thể của con voi. Nếu lược nói thức A-lê-da tức Quả báo thức, Nhất thiết chủng tử thức là thể tướng của nó, do nhiếp trì tất cả thân, tất cả nẻo thú trong 3 cõi.

Giải thích: Hoặc nói nhân làm đời trước, là do không chấp nhận sức công phu hiện tại làm nhân, cho nên dùng đám người mù bẩm sinh làm thí dụ để hiển thị. Nói vô minh mù bẩm sinh, tức là cái vô minh đầu tiên trong 12 chi duyên sinh. Do vô minh nên gọi là mù bẩm sinh. Không hiểu thể tướng, nhân tướng, quả tướng của

thức A-lê-da, là như trước đã lập thể tướng của thức A-lê-da, gọi là thể tướng, lập nhân tướng gọi là nhân tướng, lập quả tướng gọi là quả tướng. Không hiểu ở đây là do sức vô minh không hiểu tự thể phần của thức A-lê-da cho nên chấp tự tính v.v...5 nhân làm nhân của các pháp do không hiểu đệ nhị ái phi ái phần. Chấp ngã là tác giả thụ giả, tức là ở trong nhân là tất cả pháp huân tập vì có trong thức A-lê-da. Quả tức là các pháp sở huân. Quả báo thức, Nhất thiết chủng tử là thể tướng của nó, do được thân thành thực nên gọi là quả báo. Nói Nhất thiết chủng tử, tức là huân tập rồi gọi là chủng tử. Nói tất cả các thú tức là ngũ thú. Nhất thiết thân là nói các thân đồng loại hoặc không đồng loại ở trong các thú. Đã nói thức A-lê-da là chủng tử của tất cả pháp. Để làm rõ thể của chủng tử kia nên dùng kệ hiển thị.

Luận nói: Ở đây có kệ như sau:

*Ngoại nội bất minh hai,  
Thế số đệ nhất nghĩa.  
Nhất thiết chủng tử này,  
Phải biết có sáu thứ.  
Sát-na và câu hữu,  
Vớ kia theo nhau chuyển.  
Quyết định và đợi duyên,  
Cũng dẫn sinh tự quả.  
Kiên, vô ký, khả huân,  
Cùng năng huân hợp nhau.  
Khác đây không thể huân,  
Đó là tướng huân tập.  
Sáu thức không hợp nhau,  
Ba sai biệt mâu thuẫn.  
Hai niệm không câu hữu,  
Các đời ví như vậy.*

*Đây chủng tử ngoài trong,  
 Có sinh và có dẫn.  
 Khô chết do dẫn nhân,  
 Tự thể sau diệt hết.*

Giải thích: Chủng tử ngoài, trong 2 thứ không rõ ràng v.v.. được hiển thị bằng 5 bài kệ. Trong đây nói ngoài là hạt thóc v.v..., trong là thức A-lê-da. Bất minh là chủng tử ngoài có nghĩa không rõ ràng. Hai, tức là nói thức A-lê-da có thiện có bất thiện. Lại có nghĩa khác, tức lấy nhiễm ô, thanh tịnh là hai. Thế số, là ngoại pháp chỉ lấy thế số nói là chủng tử. Bởi vì sao? Vì cũng lấy thức A-lê-da có biến khác. Nói đệ nhất nghĩa, tức là chỉ thức A-lê-da là chủng tử các pháp kia. Chủng tử các pháp này có 6 thứ. Sát-na, tức là 2 chủng tử này sinh diệt không gián đoạn, cho nên nếu thường thì không được là chủng tử, là vì luôn luôn vẫn như cũ không khác. Câu hữu, tức là không phải quá khứ, không phải vị lai, không phải nơi khác. Nếu lúc này chủng tử có, tức lúc này quả sinh. Nói “với kia theo nhau chuyển”, tức là thức A-lê-da tùy chuyển cho đến đối trị đạo sinh ngoại chủng tử, cho đến căn chưa hoại và quả thành thực. Quyết định, tức là lấy chủng tử quyết định cho nên chẳng phải tất cả. Tất cả được sinh đều tự quyết định. Nếu là chủng tử này thì lại sinh ra vật này. Nói đợi duyên, tức là không phải lúc nào, vật gì cũng sinh, cho nên ở đâu, lúc nào được sinh duyên thì nơi đó, lúc đó sinh. Nói cũng dẫn sinh quả, tức là tự chủng tử có thể dẫn sinh tự quả. Tự chủng tử có thể dẫn sinh tự quả cho nên như thức A-lê-da trở lại dẫn sinh thức A-lê-da. Lúa thóc dẫn sinh ra lúa thóc. Như vậy 6 thứ hiển thị nghĩa chủng tử sinh quả.

Nay sẽ hiển thị tướng huân tập này. Kiên, là do kiên cố chắc chắn nên có thể huân. Không phải như gió động, gió không thể có huân tập được. Do huân tập không thể theo gió chuyển đến một do-tuần. Cho nên nếu hoa Chiêm-ba-ca xông ướp dầu, mùi hương của

nó có thể nghe đến ngoài một trăm do-tuần. Nói vô ký, nghĩa là không ghi nhận. Như tôi không thể đem mùi hôi xông ướp. Mùi thơm cũng vậy, không thể lấy gì xông ướp cho mùi thơm. Nếu là vật vô ký thì có thể xông ướp. Có thể huân, nghĩa là vật có thể xông ướp thì nó chịu xông ướp chứ không phải không thể xông ướp được. Như vàng, bạc, đá v.v..đều là thứ không xông ướp được. Nếu có thể thâm giữ sự huân tập mới có thể được huân, nghĩa là như áo v.v... là vật được xông ướp. Nói hợp với năng huân, là nếu hợp nhau thì có thể huân được, chẳng phải như không hợp nhau. Hợp nhau nghĩa là cộng sinh không gián đoạn. Nếu khác thì không thể huân, tức là khác nghĩa là khác thức A-lê-da. Không phải đây thức khác có thể thụ huân, bởi vì lia thức A-lê-da, các thức khác không thể huân. Do đó trong thức A-lê-da đầy đủ sát-na v.v... các nghĩa. Nghĩa là sát-na diệt nên câu hữu với sinh khởi thức, cho nên cho đến đối trị đạo sinh có sinh tử thì theo nhau chuyển do nhân quyết định thiện ác v.v... nên phúc hay phi phúc, hữu lậu thiện đọa duyên nơi thiện ác thú thành thực. Bởi thức A-lê-da tương ứng với các công năng như vậy nên được thụ huân, cần phải thành lập các sinh khởi thức không hợp đạo lý. Sáu thức không hợp nhau là các thức động chuyển. Ba sai biệt mâu thuẫn là mỗi mỗi thức mỗi mỗi y chỉ sinh, mỗi mỗi phan duyên, mỗi mỗi tác ý. Lại có nghĩa khác, nghĩa là các thức có tướng riêng khác. Thí dụ là nói niệm trước được huân niệm sau là để ngăn nghĩa này.

Luận nói: Hai sát-na không cùng nhau, không có nghĩa 2 sát-na cùng khởi. Nếu đồng sinh đồng diệt huân tập mới được trụ. Nếu nói tuy không hợp nhau, nhưng thức được sinh giống loại mà sinh cho nên được huân nhau. Các đời khác ví dụ cũng như vậy. Nghĩa là các biệt tướng cũng phải như vậy. Như nhãn v.v... các căn đồng lấy tịnh sắc làm tướng, nên được huân nhau, nên nói như thế. Bởi nhãn căn tịnh sắc với nhx tịnh sắc đồng loại cho nên các tịnh sắc kia phải huân lẫn nhau, tuy tịnh sắc là cùng đồng xứ sở. Riêng biệt không nói huân nhau là thức tuy đồng loại làm sao huân nhau được? Như kia có nói

2 loại chủng tử là ngoại và nội đều có sinh nhân và dẫn nhân. Trong đó sinh nhân của ngoại chủng tử là cho đến quả thực. Sinh nhân của nội chủng tử là cho đến mạng chung. Dẫn nhân của ngoại chủng tử là đã thực chưa gieo. Dẫn nhân của nội chủng tử là thi hài sau khi chết. Do dẫn nhân cho nên trụ nhiều thời gian. Nếu 2 chủng tử này chỉ có sinh nhân thì đã lia nhân kia tức phải diệt mất, không thể tương tục trụ nhiều thời gian. Nếu nói sát-na chuyển dần dần nên sát-na trước là nhân sát-na sau thì không có lúc diệt. Bởi có diệt cho nên phải biết chắc chắn có dẫn nhân. Dẫn nhân của 2 chủng tử này ví như kéo cung là nhân cho mũi tên bay đi xa.

Luận nói: Nội chủng tử này không phải ngoại chủng tử, nên nói kệ như sau:

*Ngoại chủng không huân tập,  
Nội chủng thì không vậy.  
Vấn v.v...không huân tập,  
Quả sinh phi đạo lý.  
Đã làm và chưa làm,  
Được mất lỗi trái nhau.  
Ngoại chủng nội là duyên,  
Bởi nội huân nên sinh.*

Lại nữa các sinh khởi thức khác ở trong các thân và các thú, nên biết nó là kẻ thụ dụng. Giải thích: Nói “trong các thân và các thú nó là kẻ thụ dụng” nghĩa là nó vì thụ dụng mà sinh trong đó nên có thụ dụng. Nói “kẻ thụ dụng” nghĩa này được hiển thị trong Trung Biên Sai Biệt A-hàm.

Luận nói: Như trong Luận Trung Biên Sai Biệt nói:

*Đệ nhất là duyên thức,  
Đệ nhị thụ dụng thức.  
Các tâm pháp trợ giúp,  
Hiểu biết thụ dụng này.*

Giải thích: Hai thức này lại làm nhân quả cho nhau. A-hàm là nói bài kệ trong A-ti-đạt-ma Tu-đa-la.

Giải thích: Mỗi mỗi làm nhân cho nhau là thức A-lê-da trong mọi lúc nó là nhân sinh các pháp, và cũng hằng là quả. Nếu thức A-lê-da là nhân thì các pháp là quả, các pháp là nhân thì thức A-lê-da là quả.

### **Chương 10: Bốn duyên**

Luận nói: Trong đệ nhất duyên sinh, các pháp và thức làm nhân duyên cho nhau. Trong đệ nhị duyên sinh duyên gì là duyên tăng thượng? Lại nữa 6 thức này do mấy duyên sinh ra? Đó là 3 thứ duyên sinh: tăng thượng duyên, duyên duyên, thứ đệ duyên. Và có đủ 4 duyên là cùng sinh tử, ái, phi ái, thú thụ dụng.

Giải thích: Ba duyên sinh này đều có đủ 4 duyên là cùng sinh tử, ái, phi ái và thụ dụng. Nghĩa là trong đệ nhất duyên sinh, thức A-lê-da cùng các pháp huân tập làm nhân duyên. Trong đệ nhị duyên sinh, vô minh v.v... là tăng thượng duyên. Do vô minh tăng thượng cho nên hành v.v... được sinh. Lại nữa 6 thức thức gọi là thụ dụng duyên sinh là có đủ 3 duyên sinh. Trong đó tăng thượng duyên của nhãn thức là nhãn, duyên duyên là sắc, thứ đệ duyên là thức trước diệt duyên lần lượt sinh thức sau. Nếu thức trước không rời bỏ chỗ thì thức sau không sinh được. Nhĩ v.v... các hức khác cũng vậy.

### **Chương 11: Phiền não nhiễm**

Luận nói: Như vậy là đã nói về sự thành lập các biệt danh và tướng của thức A-lê-da. Nhưng làm sao biết các tên gọi và tướng này là chỉ nói riêng cho thức A-lê-da mà không mà không nói cho các sinh khởi thức? Vì nếu chẳng phải thức A-lê-da được thành lập thì nhiễm tịnh đều bất thành. Tức phiền não tạp nhiễm, nghiệp tạp nhiễm, sinh tạp nhiễm đều bất thành, và tịnh phẩm thể gian xuất thể gian cũng bất thành.

Vì sao phiền não tạp nhiễm bất thành? Vì phiền não và tùy phiền não huân tập chủng tử trong 6 thức thân đều bất thành. Như nhãn thức với dục v.v... các phiền não tùy phiền não cùng sinh cùng diệt, tức nhãn thức này bị phiền não huân tập thành chủng tử chứ chẳng phải cái nào khác. Tức như khi nhãn thức diệt rồi, thức khác xen vào sinh huân tập và chỗ huân tập y chỉ đều không thể được, vì không có cho nên nhãn thức diệt trước thức khác xen vào sinh không có nghĩa cùng sinh với dục bởi đã là quá khứ rồi nên không thành. Như nghiệp đã diệt rồi, quả báo không sinh được. Lại như cùng sinh với dục thì sự huân tập nhãn thức cũng không thành vì sự huân tập này cũng không có trong dục, do các thức đều có chỗ y chỉ riêng biệt. Lại nữa không đồng sinh diệt nên cũng không tự tại trong thể, vì tự thể không có 2 thức cùng sinh diệt. Cho nên dục v.v... các phiền não, tùy phiền não huân tập nhãn thức không được. Thức huân tập thức cũng không được. Như nhãn thức, các chuyển thức khác cũng không được. Phải biết tướng của chúng là như vậy.

Giải thích: Như vậy là đã nói các tên và sự thành lập tướng của thức A-lê-da. Nay muốn thành lập 2 cái này. Vì ở trong thức A-lê-da chứ không phải thức khác, nên dùng đạo lý hiển thị. Như nhãn thức với các phiền não như dục v.v... cùng sinh cùng diệt thì đây nhãn thức bị kia huân tập thành chủng tử chứ không phải cái nào khác. Trong luận này nói đây là chỉ nhãn thức, kia là chỉ cho tham v.v... thành chủng tử là nhân. Nói không phải cái nào khác nghĩa là không phải nhãn thức v.v... Thức khác xen vào nghĩa là nhãn thức v.v... xen cách v.v... Huân tập là các tham v.v... tập khí. Huân tập y chỉ là nhãn thức cùng sinh với tham, nghĩa là cùng với tham đồng thời sinh khởi. Vì là quá khứ nên không làm nhân được. Như nghiệp đã tàn tạ diệt rồi, không sinh quả báo lại được nữa. Đây cũng vậy không thể thành được.

Lại có các sư Tì-bà-sa chấp như thế này: Nếu cho quá khứ là có, nhưng cái quá khứ ấy chỉ là cái tên không có nghĩa. Bởi vì sao?

Nếu pháp là có thì sao lại là quá khứ. Cho nên cái chấp kia không thành bởi không huân tập. Lại nữa nhãn thức kia nếu cùng sinh với dục thì không thành huân tập. Nghĩa là đây cùng sinh với dục. Nhãn thức tự huân tập còn không thể được lại đem nhãn thức này huân tập sinh dục v.v... làm sao thành được? Nói “cũng không có trong dục” nghĩa là nhãn thức huân tập ở trong dục là không có nghĩa. Bởi vì sao? Vì dục y chỉ nơi nhãn thức, lại không trụ vững, cũng không có trong các thức khác. Nghĩa là nhĩ thức v.v... do chỗ y chỉ khác nhau cho nên chính vì y chỉ khác nhau thì không thể đồng sinh diệt. Nhãn thức y vào nhãn, nhĩ thức y vào nhĩ. Như vậy cho đến ý thức y chỉ vào ý, mỗi mỗi đều có nơi riêng biệt. Thức khác huân tập thức khác không được. Nói “cũng không có trong tự thể” nghĩa là nhãn thức không thể huân tập nhãn thức vì không có 2 nhãn thức cùng sinh. Đã không có 2 thức đồng sinh thì cũng không đồng diệt. Vì lẽ đó trong nhãn thức, các phiền não tùy phiền não như dục v.v... huân tập bất thành. Cho đến nhãn thức huân tập nhãn thức cũng không được.

Luận nói: Lại nữa như từ trời Vô tướng thoái đọa sinh xuống đây, phiền não tùy phiền não nhiễm cái thức đầu tiên, khi sinh không có chủng tử mà sinh bởi vì huân tập và chỗ y chỉ đã thành quá khứ không còn nữa.

Giải thích: Nói đầu tiên là trước tiên khi khởi thức. Nói không chủng tử mà sinh, nghĩa là không có nhân mà sinh. Huân tập và y chỉ, nghĩa là tâm và phiền não tập khí.

Luận nói: Lại nữa khi thức đối trị phiền não sinh, thì tất cả thức thế gian đều diệt. Nếu không có thức A-lê-da thì chủng tử phiền não tùy phiền não không thành tự thể trong thức đối trị, không giải thoát được, không cùng phiền não đồng sinh đồng diệt. Nếu sau đó cái thức thế gian sinh, lia dục tâm không có y chỉ kia và tập khí diệt đã lâu, nếu lia thức A-lê-da thì phải sinh mà không có chủng tử. Cho nên lia thức A-lê-da phiền não tùy phiền não đều bất thành.



Giải thích: Nói “Khi thức đối trị sinh, tất cả thức thể gian đều diệt” nghĩa là 6 thức đều diệt, cho nên chủng tử phiền não tùy phiền não cũng không ở trong thức đối trị, vì thức đối trị là nhân, không sinh thức thể gian được. Nói “sau đó” tức sau tâm xuất thế. Nói “y chỉ và huân tập” tức y chỉ là thức, huân tập là phiền não tùy phiền não huân tập v.v... Nói “không chủng tử” nghĩa là lìa A-lê-da không nhân mà sinh. Trong đó phiền não tức là nhiễm ô. Vì nghĩa đó phiền não nhiễm không thành.

### **Chương 12: Nghiệp nhiễm**

Luận nói: Vì sao nghiệp nhiễm bất thành? Hành duyên thức bất thành vì đây không có, thủ duyên hữu cũng bất thành.

Giải thích: Nay lại làm rõ tướng nghiệp nhiễm bất thành. Vì sao bất thành? Vì hành duyên thức bất thành. Cho nên phúc, phi phúc, bất động hành sinh đã diệt, lìa thức A-lê-da thì đặt vào đâu mà huân tập? Sáu thức thân không thể nhiếp trì huân tập. Nghĩa này đã nói trong phần nói về phiền não nhiễm. Nói “vì đây không có”, nghĩa là hành duyên thức bất thành, nên thủ duyên hữu cũng bất thành. Bởi vì sao? Vì có nhân duyên. Các hành huân thức do sức của thủ. Huân tập đầy đủ biến thành hữu, cho nên tên nhiễm ở trong nghiệp tức là nghiệp nhiễm. Lại do nghiệp nên có nhiễm gọi là nghiệp nhiễm. Do đó nghiệp nhiễm bất thành.

### **Chương 13: Sinh nhiễm**

Luận nói: Vì sao sinh nhiễm bất thành? Vì kết sinh bất thành. Nếu đọa ở bất tỉnh địa, trụ trung hữu, do nhiễm ô ý kết sinh. Ý thức nhiễm ô này diệt ở trung hữu, trong thai mẹ nó hòa hợp với Ca-la-la. Nếu chỉ là ý thức hòa hợp thụ sinh thì hòa hợp sinh rồi y chỉ thức này. Ở trong thai mẹ ý thức chuyển sinh, tức là ở trong thai mẹ 2 ý thức cùng sinh một nơi, ý thức thụ sinh hòa hợp kia không thể thành lập vì

ý thức luôn luôn y chỉ nhiễm ô, như ý thức duyên cảnh, đây là không thể được. Giả thiết ý thức này cùng với đồ trắng hòa hợp, tức là ý thức hòa hợp này là tất cả chủng tử, là y chỉ thức này sinh các thức khác là tất cả chủng tử. Nếu thức hòa hợp kia là tất cả chủng tử thì đó tức là thức A-lê-da. Ông tự đặt tên riêng là ý thức. Nếu lấy y chỉ sinh thức là tất cả chủng tử mà không lấy sở y thể của nhân kia là tất cả chủng tử là không đúng. Do nghĩa ấy cho nên cái được thành tựu thức hòa hợp này không phải ý thức, chính là quả báo thức, là tất cả chủng tử.

Giải thích: Lia thức A-lê-da thì không thành việc sinh nhiễm ô. Nay sẽ làm rõ nghĩa này. Nói “kết sinh bất thành” nghĩa là không thành tựu thân được. Bất tinh địa là cõi Dục. Nói “đọa” tức là chết. Nhiễm ô ý thức là ý thức cùng với các phiền não. Thụ sinh là thụ lấy tự thân. Nhiễm ô ý thức kia phan duyên sinh hữu, nên trung hữu liền diệt. Hòa hợp là một tướng đồng thành hoại, nên nói ý thức với đồ trắng hòa hợp. Y chỉ ý thức hòa hợp sinh các ý thức khác. Nói “hai thức cùng có”, nghĩa là cùng lúc có ý thức hòa hợp và dựa nơi đây sinh ý thức khác. Hai thức cùng có cho nên cái ý thức hòa hợp kia không thể thành lập là ý thức. Bởi vì sao? Mọi lúc nhiễm ô là y chỉ cho nên ý thức hòa hợp kia lấy dục v.v... các phiền não nhiễm ô làm y chỉ, phan duyên sinh hữu là nhiễm ô nên y chỉ nơi đây gọi là nhiễm ô. Vì y chỉ đây thức đã trụ thai không lấy nhiễm ô làm y chỉ mà lấy báo thể vô ký. Cho nên như ý thức phan duyên đây là không thể được. Ý thức phan duyên thì được gọi là các pháp. Cái hòa hợp thức này không có phan duyên cho nên không thành. Đây là ý thức.

Luận nói: Lại nữa kết sinh là đã nhiếp trì sắc căn. Nếu khác, không được nghĩa quả báo thức. Ngoài ra các thức khác đều có y chỉ riêng biệt, lại không trụ vững, mà các sắc căn không có thức thì không thành.

Giải thích: Nói “đã kết sinh” nghĩa là đã được có thân. Nói “Nếu khác “ nghĩa là đã bỏ thức A-lê-da. Sáu thức khác đều có chỗ

riêng biệt, động chuyển, cho nên như nhãn thức chỉ định y chỉ nơi nhãn, cũng như vậy nhĩ v.v... các thức đều tự y chỉ. Nhĩ v.v... các sắc căn cũng vậy. Nếu không có thức A-lê-da, các thức này mỗi mỗi tự nhiếp trì y chỉ căn. Các thức này động chuyển cho nên có khi không có, không nhiếp trì thì nhãn v.v... các căn liền hư hoại.

Luận nói: Thức và danh sắc dựa vào nhau như bó lau dựa vào nhau mà đứng. Nghĩa này cũng không thành.

Giải thích: Nay muốn làm rõ nghĩa vì sao bất thành này. Như Thế Tôn nói: Thức duyên danh sắc, danh sắc duyên thức. Trong đó thức bị danh duyên, danh đây là 6 thức thân, tức nói danh chẳng phải là sắc 4 nhóm. Sắc là Ca-la-la. Cái danh sắc duyên thức nếu không có thức A-lê-da thì đó là cái gì? Do y chỉ danh sắc cho nên được sát-na tương tục chuyển sinh không dứt.

Luận nói: Nếu lia quả báo thức thì chúng sinh thức thực bất thành. Vì lia quả báo thức, tùy theo một thức trong 6 thức chúng sinh trong 3 cõi không thể ăn để nuôi dưỡng.

Giải thích: Đây là nói về nghĩa thức thực không thành. Thế Tôn nói có 4 cách ăn: một là đoàn, hai là xúc, ba là ý tư, bốn là thức. Đoàn có nghĩa là tướng biến thành, khi đã biến đổi thì có thể duy trì thân thể. Xúc là tướng cảnh giới. Như cảnh giới sắc v.v... là chỉ để thấy nhưng cũng có thể làm lợi ích cho thân. Ý tư là tướng của ức niệm, nghĩa là chỉ nghĩ nhớ cũng làm lợi ích cho thân. Như người khát thấy được nước tuy chưa uống nhưng không chết. Thức là tướng của nhiếp trì, nghĩa là do thức này duy trì gìn giữ nên thân được tồn tại. Nếu không có thức này thì như cây chết hôi thối. Cho nên phải biết rằng thức cũng gọi là thực, nghĩa là ăn, là làm lợi ích cho thân thể. Trong đây xúc thực thuộc 6 thức của thân. Ý tư thuộc tâm nghĩ nhớ. Đã nói thức thực thì biết là có thức khác. Lại như khi ngủ say, vô tâm, ngất xỉu, trong diệt định v.v... 6 thức của thân diệt, thì cái gì là cái duy trì cho thân không hư rã? Khi thức A-lê-da rời bỏ thì thân sẽ hư rã.

Luận nói: Nếu từ cõi Dục này chết sinh lên cõi thượng tĩnh địa, vì ý thức nhiễm ô của cõi bất tĩnh kết sinh nơi kia, cái tâm nhiễm ô của cõi bất tĩnh này, ở trong cõi kia nếu lia thức A-lê-da thì không có chủng tử đượ. Giải thích: Trước đã nói kết sinh bất tĩnh địa bất thành. Nay sẽ nói về tĩnh địa bất thành. Vì đem cái thức nhiễm ô kết sinh nơi kia, nếu ở tĩnh địa cũng dùng cái nhiễm ô của bất tĩnh kết sinh. Nhiễm ô là vì bị phiền não cõi kia nhiễm. Phiền não cõi kia là đấm trước mùi vị của định. Cái nhiễm ô này là ở bất tĩnh địa. Người này chết ở bất tĩnh địa. Đã chết rồi làm sao cái tâm thượng địa hiện tiền? Đã không hiện tiền làm sao kết sinh nơi kia đượ? Vì vậy nên quyết chắc phải có thức A-lê-da, do đã có tâm huân tập cõi kia từ vô thủy. Do cái tâm huân tập này hiện tiền nên đượ kết sinh nơi kia.

Luận nói: Giả sử sinh cõi Vô sắc, có tâm thiện và nhiễm ô, nếu lia nhất thiết chủng tử quả báo thức thì tâm thiện và nhiễm ô này sẽ không có chủng tử và không có chỗ trụ.

Giải thích: sinh cõi Vô sắc là giải thoát khỏi cõi Sắc. Tâm thiện và nhiễm ô là ưa thích mùi vị của Tam-ma-đề. Nói không chủng tử và không có chỗ trụ là không có nhân và không nơi y chỉ. Lại có nghĩa khác là nếu không chủng tử thì nhân nào mà sinh, nếu không chỗ trụ thì y chỉ vào đâu? Tâm kia là do thức A-lê-da nhiếp trì nên từ tự chủng tử sinh, tức y chỉ thức này, do có y chỉ nên đượ tương tục trụ.

Luận nói: Ngay ở nói cõi kia, tâm xuất thể hiện tiền thì bao nhiêu tâm thể gian diệt hết, liền diệt lia cõi kia.

Giải thích: Ngay trong cõi kia nếu tâm xuất thể hiện tiền, chỉ trừ tâm xuất thể này, ngoài ra đều là tâm thể gian. Các tâm thể gian kia đều không có nên lia cắt đứt cõi kia, tức không phải dụng công mà đượ vô dư Niết-bàn. Đã không có lý này, nên lia thức A-lê-da là bất thành.

Luận nói: Nếu sinh trong cõi Phi tướng phi phi tướng, y vô sở hữu xứ, tâm xuất thế gian hiện tiền thì liền lia bỏ 2 nẻo thú. Cái thức xuất thế này không y chỉ nơi Phi tướng phi phi tướng, cũng không y chỉ nơi vô sở hữu xứ, và y chỉ Niết-bàn cũng bất thành.

Giải thích: Nếu sinh ở Phi tướng phi phi tướng, có khi dựa vào vô sở hữu xứ, tâm xuất thế hiện tiền, do nơi ấy tâm sáng suốt nhạy bén, tâm nơi Phi tướng phi phi tướng chậm lụt. Ở tâm sáng suốt nhạy bén tu tâm xuất thế hiện tiền, tâm xuất thế y chỉ kia, nẻo thú thứ nhất và nẻo thú thứ hai đều bất thành, bởi 2 địa vị này đều là thế gian. Lại nữa nếu sinh vào địa vị khác, tâm của địa vị khác hiện tiền, sự y chỉ vào 2 nẻo thú cũng bất thành, vì do thân hữu dư. Nếu tâm này lấy Niết-bàn làm y chỉ cũng bất thành. Ba thú y chỉ đã bất thành như thế, nếu lia thức A-lê-da thì tâm xuất thế trụ ở đâu?

Luận nói: Nếu người tạo thiện tạo ác khi chết nếu lia thức A-lê-da thì sẽ không xảy ra trên thân lạnh lần lượt từ trên hay từ dưới. Cho nên nếu lia nhất thiết chủng tử quả báo thức sinh nhiễm ô cũng bất thành.

Giải thích: Trong đó nếu tạo thiện hay tạo ác thì sẽ xảy ra thân lạnh từ trên hay từ dưới không đồng nhau. Bởi tạo thiện thì đi lên, tạo ác thì đi xuống. Cho nên nếu không chấp nhận có thức A-lê-da như là kẻ nhiếp trì, làm sao có hiện tượng thân lạnh như vậy? Do thức A-lê-da làm kẻ gìn giữ cho nên có sự buông bỏ lần lượt từ trên hoặc từ dưới. Tùy chỗ buông bỏ thì thành tử thi và thân trở nên lạnh.

## NHIẾP ĐẠI THỪA LUẬN THÍCH LUẬN

### QUYỀN 3

#### Phải biết y chỉ thẳng tướng thẳng ngữ 1 - 3

#### Chương 14: Thế gian tịnh

Luận nói: Vì sao nói thế gian thanh tịnh bất thành? Như chưa lìa bỏ cái dục của cõi Dục, chưa được cái tâm của cõi Sắc, tức đem cái thiện tâm của cõi Dục tu hành trừ cái dục của cõi Dục. Cái tâm tu hành của cõi Dục này với cái tâm của cõi Sắc không cùng sinh cùng diệt nên không huân tập không thành chủng tử. Quá khứ không có tâm cõi Sắc, trong vô lượng kiếp bao nhiêu tâm xen cách nên chủng tử tĩnh tâm kia không thành tựu. Đã không có cho nên thành tựu cái tĩnh tâm cõi Sắc kia là do Nhất thiết chủng tử quả báo thức tuần tự truyền đến làm nhân duyên, tu hành thiện tâm là tăng thượng duyên. Như thế tất cả địa vị lìa Dục đều có tương trạng như vậy. Như vậy thanh tịnh thế gian mà lìa Nhất thiết chủng tử quả báo thức cũng bất thành.

Giải thích: Như thế gian tịnh bất thành, nay sẽ nói rõ. Như khi khởi tu hành lìa dâm dục, tu hành thiện tâm cõi Dục không có huân tập tâm cõi Sắc vì không đồng sinh đồng diệt, cho nên tâm cõi Sắc kia là không chủng tử mà sinh bởi quá khứ tâm cõi Sắc trong vô lượng kiếp các thức khác xen cách, đã là quá khứ không có nên bất thành, chủng tử tĩnh tâm kia làm nhân duyên, từ tự chủng tử trong

thức A-lê-da sinh nên phương tiện thiện tâm kia chẳng phải không công lực. Được làm tăng thượng duyên tức là có công lực nhưng chẳng phải nhân duyên. Do tăng thượng nên tâm cõi Sắc được sinh. Như vậy khi phá dục cõi Sắc cũng vậy.

### **Chương 15: Xuất thế gian tịnh**

Luận nói: Vì sao nói xuất thế gian thanh tịnh bất thành? Như Thế Tôn nói: Nghe âm thanh từ người khác và tư duy đúng đắn, do 2 nhân này được sinh chính kiến. Cái âm thanh và chính tư duy này huân tập vào nhĩ thức hay huân tập vào ý thức hay huân tập cả hai nhĩ thức và ý thức? Trong pháp kia khi khởi chính tư duy thì nhĩ thức không sinh. Ý thức cũng bị các thức khác phan duyên xen cách. Nếu khi sinh tâm tương ưng chính tư duy, ý thức kia đã diệt lâu và trở thành quá khứ không còn có cái năng huân tập sở huân tập của cái nghe nữa thì được chủng tử ở đâu? Thời gian sau cái tâm tương ưng sinh chính tư duy và cái tương ưng chính tư duy là tâm thế gian với cái tương ưng chính kiến là tâm xuất thế gian không có nghĩa cùng sinh cùng diệt cho nên không bị kia huân tập. Đã không bị huân tập thì không thành chủng tử. Vì vậy sự thanh tịnh xuất thế gian mà là Nhất thiết chủng tử quả báo thức cũng bất thành, vì trong đó sự nhiếp trì chủng tử nghe bất thành.

Giải thích: Nay sẽ làm rõ nghĩa xuất thế gian tịnh bất thành. Nói âm thanh từ người khác và chính tư duy nghĩa là chính cùng với thanh tư duy, ý thức này bị các thức khác phan duyên làm xen cách nghĩa là cùng chính kiến tương ưng tâm xuất thế cách tuyệt, cho nên nếu tâm tương ưng chính tư duy sinh nghĩa là cái chính tư duy của thời gian sau. Nói kia diệt thành quá khứ đã lâu, nghĩa là ý thức trước đã tạ diệt trải vô lượng thời gian, cái văn sở huân và huân tập đều không có, làm sao được làm nhân sinh tương ưng chính tư duy? Nói trong ý thức kia, nghĩa là trong ý thức thế gian. Văn huân tập là do

nghe âm thanh người khác huân tập trong ý thức. Nếu nghĩ như vậy thì sự nhiếp trì chủng tử kia bất thành. Nghĩa là sự nhiếp trì chủng tử xuất thể tịnh bất thành, cho nên nếu có chủng tử sinh mới có nghĩa.

Luận nói: Lại nữa Nhất thiết chủng tử quả báo thức đã là nhân nhiễm pháp, làm sao lại thành chủng tử của tâm xuất thể đối trị lại kia? Lại nữa cái tâm xuất thể này xưa chưa từng có, nên không huân tập. Đã không huân tập thì do đâu sinh chủng tử? Ông nên trả lời rằng: Thiện thanh tịnh pháp giới lưu xuất cái nghe, huân tập làm sinh chủng tử.

Giải thích: Cái quả báo thức này đã là cái thể chướng ngại nhân, tức không thành cái thể của nhân đối trị. Lại nữa cái tâm xuất thể này ban đầu chưa từng có, nghĩa là từ xưa nay chưa sinh. Không huân tập là do xưa nay chưa sinh cái tâm xuất thể kia, huân tập nhất định chưa có. Nói “thiện thanh tịnh pháp giới lưu xuất văn huân tập làm chủng tử được sinh” là nghe một thứ âm thanh khác cho nên nói nghe từ thiện thanh tịnh pháp giới lưu xuất huân tập. Do thiện thanh tịnh pháp giới diệt trí chướng phiền não chướng cho nên gọi là thiện thanh tịnh pháp giới. Nói “lưu xuất ra” tức là thuyết pháp, nghĩa là Tu-đa-la v.v... ở nơi pháp giới này lưu xuất ra Tu-đa-la. Nghe được, cho nên nói là “nghe từ pháp giới lưu xuất ra”. Tức là cái văn huân tập này, cho nên nói là “cái văn huân tập được lưu xuất từ pháp giới”. Lại nữa văn tức là huân tập, cho nên nói là văn huân tập. Cái văn huân tập kia trụ trong thức A-lê-da làm nhân sinh khởi tâm xuất thể.

Luận nói: Cái văn huân tập này là tự tính của thức A-lê-da hay chẳng phải? Nếu là tự tính của thức A-lê-da thì sao được thành chủng tử đối trị? Nếu chẳng phải tự tính của thức ấy thì làm sao thấy được y chỉ của chủng tử văn huân tập? Cho đến địa vị Phật Bồ-đề cái văn huân tập này ở nơi nào trong thân? Nó cùng với quả báo thức đồng tướng mà sinh, như nước với sữa nhưng không phải là thức A-lê-da để thành chủng tử đối trị lại A-lê-da.



Giải thích: Nói cái văn huân tập là tự tính hay không phải tự tính của thức A-lê-da? Giả sử là như vậy thì có lỗi gì? Nếu là tự tính của thức A-lê-da thì sao thức A-lê-da lại tự trở thành chủng tử đối trị. Nếu chẳng phải tự tính của thức ấy thì cái văn huân tập này phải có chỗ y chỉ khác. Cho đến quả vị Phật Bồ-đề, văn huân tập tức là sức huân tập lưu xuất từ thiện thanh tịnh pháp giới, cho nên tùy ở tại trong thân, tùy thân nào đồng thể thì sinh, nhưng không phải tự tính của nó. Như nước với sữa tuy đồng một thể sinh, nhưng văn huân tập này chẳng phải thức A-lê-da, bởi vì nó đối trị thức A-lê-da.

Luận nói: Trong đây y hạ huân tập thành trung huân tập, y trung huân tập thành thượng huân tập, do văn tư tu huân tập nhiều lần.

Giải thích: Nói hạ trung thượng trong đây là vì văn tuệ, tư tuệ, tu tuệ mỗi mỗi đều có 3 bậc. Lại có nghĩa khác là văn tuệ là hạ, tư tuệ là trung, tu tuệ là thượng. Nói văn tư tu huân tập nhiều lần là nơi văn v.v...tăng thượng tu hành, lấy hạ phẩm làm nhân được trung phẩm, trung phẩm làm nhân được thượng phẩm.

Luận nói: Chủng tử văn huân tập kia tùy hạ trung thượng đều là chủng tử của pháp thân. Vì là đối trị thức A-lê-da nên không thâm nhiếp trong thức A-lê-da. Vì được lưu xuất từ xuất thế thanh tịnh pháp giới, nên tuy ở thế gian mà là chủng tử của tâm xuất thế. Khi cái thể của tâm xuất thế chưa sinh, nhưng có khả năng hiện khởi đối trị phiền não, đối trị ác thú, đối trị tất cả ác nghiệp phá hoại, có thể tùy thuận được thân cận chư Phật Bồ-tát nên tuy là sở đắc của Bồ-tát mới tu hành ở thế gian đều nhiếp thuộc pháp thân, còn sở đắc của Thanh Văn Duyên Giác thì nhiếp thuộc giải thoát thân.

Giải thích: Đối trị hiện khởi phiền não, nghĩa là dục v.v... xuất sinh, vì nhân trừ diệt, nên do trừ diệt phiền não nên đối trị ác thú phải thụ hậu báo ác nghiệp đạo làm nhân phá hoại kia. Nói vẫn tất là quá khứ vị lai hiện tại đối trị tất cả ác nghiệp nên vào đời vị lai tự thân được thân cận thiện hữu. Nói mới tu hành nghĩa là nhiếp thuộc phạm

phụ pháp thân là thể của chủng tử pháp thân, nhiếp thuộc giải thoát thân là thể của nhân giải thoát của các Thanh Văn. Bởi vì sao? Vì Thanh Văn chỉ được giải thoát thân, không được pháp thân.

Luận nói: Đây không phải thức A-lê-da, mà nhiếp thuộc pháp thân và giải thoát thân. Tùy theo hạ trung thượng mà tuần tự tăng dần. Cũng như vậy y chỉ của quả báo thức giảm dần, tức là chuyển y chỉ. Tất cả chuyển hết rồi thì chủng tử của Nhất thiết chủng tử quả báo thức này đều không, tức tất cả đều diệt. Lại nữa cái chẳng phải thức A-lê-da với thức A-lê-da sinh đồng chỗ như nước với sữa. Thế nào là tất cả đều diệt? Như con ngỗng uống sữa trong nước. Lại như thể gian lìa đục thì huân tập của bất tĩnh địa diệt, huân tập tĩnh địa tăng, tức chuyển y chỉ.

Giải thích: Như thức A-lê-da voái cái chẳng phải thức A-lê-da đồng sinh một chỗ, nhưng thức A-lê-da hết, thức chẳng phải A-lê-da còn, như con ngỗng uống sữa trong nước, sữa hết nhưng nước còn. Lại như thể gian lìa đục, ở trong một thức A-lê-da huân tập phiền não bất tĩnh địa diệt, huân tập thiện pháp tĩnh địa đầy đủ, y chỉ được chuyển. Huân tập xuất thể cũng vậy.

### **Chương 16: Thuận đạo lý**

Luận nói: Như nói nhập Diệt tận định thức không lìa thân. Đây là nói quả báo thức không lìa thân. Bởi Diệt tận định không bị thức này đối trị nên sinh. Cũng không phải khi xuất định thức này sinh trở lại. Quả báo thức này đoạn dứt rồi không kết sinh khác thì không sinh trở lại.

Giải thích: Nói Diệt tận định thức không lìa thân, đây là thành tựu có thức A-lê-da. Do Thế Tôn nói thức không lìa thân là nếu lìa quả báo thức thì không thành các thức khác. Bởi vì sao? Vì Diệt tận định đối trị sinh khởi thức, nên sinh thấy định này vắng lặng. Nếu lại chấp bảo rằng khi xuất định thức sinh trở lại, do ý này nên gọi là thức

không lia thân. Nghĩa này không đúng. Bởi vì sao? Vì khi xuất định rồi thức không sinh trở lại. Sự tiếp nối của quả báo thức đã dứt. Nếu khi lia thì thức sinh mà không sinh trở lại.

Luận nói: Nếu người chấp vì có ý thức nên nói Diệt tận định có tâm thì cái tâm người ấy chấp là bất thành. Vì nghĩa không thành nghĩa của định, vì không thể có tướng của phan duyên, vì tương ưng với thiện căn là lỗi, vì không tương ưng với bất thiện và vô ký, vì tướng và thụ cùng hiện hành là lỗi tức là có xúc, vì trong Tam-ma-đề có năng lực này, vì chỉ diệt tướng là lỗi, vì tư duy tức cùng với tín v.v... các hiện căn đều khởi là lỗi, vì năng y không thể lia sở y, vì có thứ dụ, vì không phải tất cả hành giả cũng không có.

Giải thích: Nếu có người chấp vì có ý thức nên nói Diệt tận định có tâm thì cái tâm người ấy chấp là bất thành. Vì nghĩa không thành nghĩa của định. Nếu muốn lia bỏ như trước đã nói tự tướng của thức A-lê-da, ở trong sinh khởi thức tùy theo một thức trong Diệt tận định có cái tâm này thì nghĩa này không thành. Bởi vì sao? Vì nghĩa của định không thành. Chưa từng thấy tâm lia tâm pháp, như bao nhiêu tâm pháp chưa từng lia tâm. Nếu tướng thụ không diệt, không được gọi là diệt. Vậy thì định này không thành định. Nếu như còn có thức A-lê-da thì không có lỗi này, vì trụ trong vắng lặng. Các tâm tâm pháp đối trị oán kia nên diệt định sinh. Vì thức A-lê-da không phân minh, không đối trị thức này nên sinh. Vì vậy định này không được có các tâm. Bởi vì sao? Vì tướng phan duyên là không thể được. Tâm và tâm pháp nếu tương tục không dứt ắt có tướng sở duyên. Diệt định nếu có tâm cũng phải không lia tướng sở duyên. Cả hai trường hợp này đều không thể được, cho nên định này không có các tâm. Nếu lập có thức A-lê-da thì không có lỗi này. Thức này do nhiếp trì thân mà được tên. Lại nữa nếu trong Diệt định có các thức sinh, các thức ắt có các phần thiện v.v... nghĩa là thiện, bất thiện, vô ký. Tâm này không được là thiện. Nếu thiện thì phải tương ưng với thiện căn, như vậy

là mâu thuẫn. Cũng chẳng phải tự tính của thức là thiện vì lia thiện căn tương ưng không được nghĩa là thiện. Cho nên nếu định tâm là thiện thì không chấp nhận nghĩa cùng các thiện căn như không tham v.v... tương ưng. Đây không thể chấp nhận tức không khác với thiện tâm mọi nơi khác, nên cũng không được là bất thiện và vô ký. Không tương ưng với bất thiện và vô ký nên khi lia dục ở cõi Dục, tất cả bất thiện căn đã diệt không thành bất thiện, cũng chẳng phải vô ký vì định này là thiện. Cũng không thể cho tâm này là thiện vì cùng tướng thụ cộng hành là lỗi. Nếu lia thiện căn không được là thiện. Chỉ có thiện mới tương ưng với thiện căn. Nếu tương ưng với thiện căn ắt cùng với tướng thụ tương ưng vì không có nhân nào khác. Sở trị hiện hành lại có năng trị, nghĩa này bất thành. Như dục v.v. hiện hành không thể có bất tịnh quán. Lại nữa trong định nếu lia thức A-lê-da mà có các tâm khác thì có xúc sinh lỗi. Nay sẽ lấy việc trụ các định khác làm thí dụ. Chỉ có các thiện căn khi tương ưng định tâm sinh thì chắc chắn cùng với xúc. Nghĩa là nhân định sinh, dựa làm tướng. Nếu xúc lạc thụ, nếu xúc bất khổ bất lạc thụ, lấy xúc này làm duyên nên có sinh lạc thụ và bất khổ bất lạc thụ. Bởi vì sao? Vì xúc này có năng lực ở trong định cho nên thấy xúc này sinh trong các định khác, hai thụ có năng lực nên trong Diệt định cũng phải như vậy, vì không có nhân nào khác chướng ngại. Nếu vậy xúc duyên thụ thì nghĩa này không thành. Bởi vì sao? Vì chỉ diệt tướng là lỗi, cho nên nếu nói có xúc duyên thụ, tu hành định này chỉ là diệt tướng, đây là điều không thể chấp nhận, vì nói thụ tướng đều diệt. Lại nữa không nên có xúc. Trong các thức khác nếu có xúc thì có tư duy tương ưng cộng hữu, tín v.v... các thiện căn cùng sinh là lỗi. Kinh nói: Nếu có thức cùng xúc tương ưng sinh thì có tư duy cùng sinh, vì vậy cho nên ở trong định thành nghĩa có tư duy hiện hành. Nếu có tư duy hiện hành tức là khởi tác thiện tâm. Đây chắc chắn phải cùng tín v.v... các thiện căn cùng sinh. Nghĩa này không thể chấp nhận. Nếu muốn lia các lỗi như trước đã nói và lỗi mâu thuẫn với A-hàm nên nói nhỏ bỏ tâm pháp, không

có tâm pháp, chỉ có tâm là đúng. Đây cũng không thành. Bởi vì sao? Vì từ sở y trừ bỏ năng y là không thể được. Tâm là sở y, tâm pháp là năng y. Tâm và tâm pháp năng y sở y này, từ sinh tử vô thủy đến nay hằng nương vào nhau chưa hề tách rời. Do sự dắt dẫn nhau như thế nên chắc chắn phải tương ưng cùng các thiện căn vô tham v.v... Nếu ông nói định và định phương tiện đều mâu thuẫn với chúng nên vô tham v.v... không sinh chỉ sinh thiện. Điều đó chưa hề thấy ở đâu nói đến. Bởi vì sao? Nếu pháp tương ưng sinh chắc chắn có quả tương ưng lưu xuất sinh ra. Cho nên nghĩa đó không thành. Lại nữa còn có bất thành nữa là như Thế Tôn nói: Thanh hành diệt cho đến ngôn ý hành diệt. Trong đó thân hành là hơi thở ra vào, ngữ ngôn hành là giác quán, ý hành là tư duy và tưởng. Như giác quán diệt thì ngôn ngữ không được sinh. Cũng như vậy ý hành diệt thì ý không được sinh. Nếu ông nói như thân hành diệt trụ ở trong định thì thân không được diệt. Cũng như vậy ý hành tuy diệt, ý vẫn tồn tại. Nghĩa này không đúng. Bởi vì sao? Vì có nhân duyên, lại có thân hành khác là nhân của thân được trụ. Như Thế Tôn nói: Do ăn uống mạng căn và thức cho nên tuy không có hơi thở ra vào thân cũng trụ được. Ý thì không như vậy, lại vì không có các ý hành khác duy trì, cho nên ở trong định kia không thể lấy ý thức làm chỗ trụ của tâm. Như Thế Tôn nói: Thức không lìa thân. Đây là nói quả báo thức. Bởi vì sao? Vì có chủng tử. Cho nên sau khi xuất định, sinh khởi thức từ đó mà sinh. Năng y sở y này mọi lúc đều sinh như thế, dù thêm dụng công cũng không thể khiến tách rời nhau. Bởi vì sao? Vì có thí dụ. Điều này như trong thế gian từ khi sinh đến chết không tách rời nhau, mọi lúc cùng sinh, không thể nào đánh bật năng y ra khỏi sở y. Ví như tứ đại và cái do tứ đại tạo ra. Tâm pháp cũng vậy, không có đạo lý nào khiến chúng tách rời nhau chỉ để riêng một tâm tồn tại. Nếu nói từ sở y nhờ bỏ năng y là không thể được. Chỉ dùng tưởng thụ là lỗi cho nên chỉ 2 pháp này không hiện hành chứ không phải pháp nào khác. Đây cũng không thành. Bởi vì sao? Chẳng phải hiện hành tất

cả mọi nơi, trong đây không có, cho nên kinh nói: Trong Diệt tận định thức không rời thân, điều này tức thành tựu nghĩa có thức A-lê-da. Vì vậy Thế Tôn nói thức không rời thân. Nếu lia quả báo thức thì không thành các thức khác. Bởi vì sao? Vì Diệt tận định đối trị sự sinh khởi của sinh khởi thức do đó mà vắng lặng. Nếu có người chấp từ định khởi rồi, thức trở lại từ thân sinh cho nên nói là không rời. Nói vậy cũng không thành. Bởi vì khi xuất định không có nghĩa thức sinh trở lại. Bởi vì báo thức kia nếu đoạn đứt sự liên tục lia kết sinh thân sau, không có nghĩa sinh trở lại. Nếu chấp cho rằng lia thức A-lê-da dùng ý thức nên nói trong Diệt tận định có tâm thì tâm kia không được là thiện, bất thiện, vô ký, đều là bất thành. Cho nên do định này là thiện nên không thể là bất thiện, cũng không được là oai nghi biến hóa khéo léo ra vô ký v.v... Nếu nói là quả báo vô ký tức là thức A-lê-da, vì là vô ký thứ 5. Nếu nói tâm này là thiện thì phải tương ứng với các thiện căn vô tham v.v... Lại nữa khi tâm này tồn tại, nhiễm ô ý đã diệt, chỉ trụ trong thiện, thiện tâm này tức có chỗ y chỉ và có sở duyên, ba việc hòa hợp làm sao không sinh xúc? Đã sinh xúc làm sao không sinh thụ v.v... Nếu vậy thì nghĩa Diệt tận định không thành vì trong đó tâm và tâm pháp không diệt. Nếu ông chấp nói rằng sức mạnh của thiện tâm dẫn sinh định này, đó là do sức thiện tâm phương tiện. Định này tuy thiện nhưng không cùng các thiện căn vô tham v.v... tương ứng. Nếu có năng lực hòa hợp, được gọi là hòa hợp. Cho nên định này tuy thiện nhưng không có năng lực đối với 3 sự hòa hợp. Đây không như vậy, như quả lưu xuất sinh do phương tiện tâm kia là thiện nên định này tương ứng với thiện căn.

Luận nói: Nếu lại chấp sắc tâm tuần tự sinh làm chũng tử các pháp, đây là phá cái lập luận như trước cũng bất thành. Ở cõi Vô sắc và trời Vô tướng thoái đọa, từ Diệt tận định xuất định, nghĩa này không thành, tâm sau cùng của A-la-hán cũng không thành, chỉ trừ nghĩa duyên tuần tự là thành mà thôi. Như vậy nếu lia Nhất thiết

chúng tử quả báo thức thì nhiễm ô hay thanh tịnh đều bất thành. Vì vậy như trước đã nói thành tựu tướng thức A-lê-da là có.

Giải thích: Nếu chấp cho rằng sắc tâm tương tục sinh ra các pháp, sát-na trước được coi là chủng tử làm nhân cho sát-na sau. Thức của sát-na ban đầu sinh thức của sát-na sau cũng vậy. Nếu từ cõi Vô sắc thoái, sắc kia đoạn dứt đã lâu làm sao được là chủng tử sinh lại nơi sắc? Nếu từ trời Vô tưởng thoái, và từ Diệt tận định xuất định, tâm này diệt đã lâu làm sao được coi là nhân cho tâm sau sinh? Nếu như vậy thì A-la-hán không có được vô dư Niết-bàn, vì nhân của sắc tâm không bao giờ hết. Cái sắc của sát-na trước nơi sắc của sát-na sau, cái thức của sát-na trước ở nơi thức của sát-na sau. Phải biết chỉ được là duyên tuần tự, không được là nhân duyên. Vì vậy cho nên việc thành tựu thức A-lê-da là có. Nếu trụ trong sinh khởi thức thì nghĩa chuyển y không thành. Nghĩa này nay sẽ dùng 3 bài kệ hiển thị như sau.

Luận nói: Ở đây có kệ như sau:

*Trong thiện tâm Bồ-tát,  
Thì lìa xa 5 thức.  
Lại không có thức khác,  
Chuyển y thành tâm nào.  
Đối trị là chuyển y,  
Chưa diệt nên bất thành.  
Quả nhân không sai biệt,  
Vớ diệt thành sai lầm.  
Không chủng tử, không thể,  
Cho đây là chuyển y,  
Kia vì không có hai,  
Nên chuyển y bất thành.*

Giải thích: Nói “Trong thiện tâm Bồ-tát” nghĩa là trong ý thức thiện, tức tương ưng đối trị xuất thế. “Thì lìa xa 5 thức “ nghĩa là lìa

nhân v.v... 5 thức. Nói “không có thức khác” nghĩa là lia nhiễm ô ý thức và hữu lưu thiện thức. Vì lia hữu lưu thiện thức nên nói là thiện tâm. “Lại nói không thức khác chuyển y thành tâm nào” nghĩa là trong thức A-lê-da, tất cả chủng tử nhiễm ô không có chủng tử nào làm như thế. Nếu nói đối trị sinh là chuyển y thì đối trị là chuyển y. Vì không diệt thì không thành cho nên phiền não diệt gọi là chuyển y. Chẳng phải đối trị tức là diệt. Bởi vì sao? Vì đối trị chỉ là nhân của diệt. Nếu vậy thì quả nhân không sai biệt. Kia diệt tức có sai lầm. Quả gọi là diệt, là Niết-bàn. Nhân gọi là đối trị, là đạo. Đối trị kia với diệt thì thành một thể. Lại khi đối trị sinh tức là Niết-bàn cho nên nếu ông lấy vô chủng tử, vô thể, cho đó là chuyển y thì trong sinh khởi thức không chủng tử và không thể, như thế là chuyển y. Kia không có hai cái không, nên chuyển y bất thành. Khi trụ trong Xuất thế định, các sinh khởi thức đều không có, cho nên không có vô chủng tử và không có vô thể, vì vậy không thành nghĩa chuyển y. Nếu có thức A-lê-da, các sinh khởi thức tuy không có, các chủng tử kia trụ trong thức A-lê-da tức có thể làm vô chủng tử và vô thể. Do chuyển y bất thành nên biết là có thức A-lê-da.

### Chương 17: Sai biệt

Luận nói: Lại nữa sự sai biệt của thức A-lê-da này là thể nào? Nói đại lược có 3 hoặc có 4 thứ sai biệt. Trong đây 3 thứ là do 3 thứ sai biệt về huân tập: 1. Danh ngôn huân tập sai biệt, 2. Ngã kiến huân tập sai biệt, 3. Hữu phần huân tập sai biệt. Bốn thứ là: 1. Dẫn sinh sai biệt, 2. Quả báo sai biệt, 3. Duyên tướng sai biệt, 4. Tướng mạo sai biệt. Trong đây dẫn sinh sai biệt nghĩa là tân sinh huân tập. Nếu không có cái hành duyên thức này thì thủ duyên hữu không thành. Quả báo sai biệt là vì hành và hữu là duyên với các thú thành thực. Nếu không có đây thì không có chủng tử. Hậu hữu các pháp sinh không thành. Duyên tướng sai biệt là ý sở thủ ngã tướng. Nếu không có đây thì ngã thủ ý niệm sở duyên không thành.



Giải thích: Như vậy là đã thành lập xong thức A-lê-da. Nay sẽ hiển thị các phẩm loại sai biệt của thức này. Ở đây trong 3 thứ huân tập sai biệt, danh ngôn huân tập là như nhãn danh huân tập trong quả báo thức là sinh nhân của nhãn kia. Sau khi quả báo nhãn căn sinh, do danh ngôn nhãn này nói là nhân nên sinh. Nhĩ v.v... tất cả danh ngôn sai biệt của các căn cũng vậy. Ngã kiến huân tập sai biệt nghĩa là do sức thân kiến trong nhiễm ô ý, lấy thức A-lê-da làm ngã, huân tập sinh rồi thì có sự phân biệt đây là ta kia là khác. Hữu phần huân tập nghĩa là do sức hành nghiệp thiện, bất thiện, bất động cho nên có thụ sinh khác nhau trong các thú. Nghĩa này sau ở phần nói về tướng sẽ nói rộng. Dẫn sinh sai biệt nghĩa là thu giữ các chủng loại sai biệt. Tân sinh huân tập nghĩa là khi mới khởi huân tập nếu không có thức A-lê-da này dẫn sinh sai biệt thì cái thức huân tập các hành sinh diệt, do thủ nhiếp trì nên sinh có hiện khởi. Cái hữu này không thành, năng hữu hậu sinh nên gọi đây là hữu. Cái hữu này tức là thiện, bất thiện do thủ huân tập nhiều lần. Quả báo hữu sai biệt nghĩa là do nhiếp tụ hành hữu làm duyên, thành thực trong các thú. Nếu không có dẫn nhiếp phần của thức A-lê-da này thì không có nhân, về sau trong hữu các pháp như nhãn v.v... các sắc căn sinh khởi bất thành. Đây tức là báo quả. Duyên tướng sai biệt tức là phần thức A-lê-da cùng với kia y chỉ nhiễm ô ý ngã kiến làm duyên tướng ngã thủ. Nếu không có duyên tướng này, thức A-lê-da cùng với ý của nhiễm ô ý đều lấy thân kiến làm nhân, ngã chấp này duyên cảnh bất thành. Đây tức là quả lưu xuất.

Luận nói: Trong đây, tướng mạo sai biệt nghĩa là thức này có tướng chung có tướng không chung, có tướng chủng tử không thụ sinh, có tướng chủng tử thụ sinh. Tướng chung là chủng tử khí thể giới. Tướng không chung là các chủng tử nội nhập riêng biệt. Tướng chung này là chủng tử không thụ sinh. Nếu khi khởi đối trị thì tướng không chung chướng ngại diệt, cho nên tướng chung do tha phân biệt duy trì. Người tu quán trong đó thấy thanh tịnh. Trong tất cả các vật thấy lạc dục, thành tựu. Ở đây có kệ như sau:

*Khó diệt và khó biết,  
Đó là cộng tướng kết.  
Người tu quán tâm khác,  
Ở ngoài các đại tướng.  
Người thanh tịnh không diệt,  
Ở trong thấy thanh tịnh.  
Chư Phật thấy thanh tịnh,  
Thành cõi Phật nghiêm tịnh.*

Lại có các kệ khác như sau:

*Tùy các thứ dục lạc,  
Các chỗ thấy thành tựu.  
Người tu thấy một vật,  
Tùy các thứ dục lạc.  
Các chỗ thấy thành tựu,  
Sở thủ chỉ có thức.*

Tướng không chung này là có chủng tử thụ sinh. Những thứ này nếu không có khí thể giới và chúng sinh thể giới chuyển sinh thì sai biệt bất thành.

Giải thích: Tướng mạo sai biệt có nhiều thứ. Nói “Trong đây” là trong tướng chung và không chung, tướng chủng tử có thụ sinh, tướng chủng tử không thụ sinh. Thức A-lê-da này là cái thể của nhân cái khí thể giới chung cùng của tất cả chúng sinh, tức là chủng tử không thụ sinh. Thức A-lê-da của tướng không chung là cái thể của nhân các nhập như sắc v.v... của mỗi mỗi tự thân, tức là chủng tử có thụ sinh. Nếu lìa các tướng loại như thể của thức A-lê-da thì cái nhân thụ dụng chung cùng của tất cả chúng sinh, tức khía thể giới bất thành. Cũng vậy nếu lìa cái đệ nhị A-lê-da thức thì chúng sinh thể giới bất thành, tức như cây khô không có tri giác.

Luận nói: Lại có tướng thô ác và tướng khinh an. Tướng thô ác là chủng tử phiền não và tiểu phiền não. Tướng khinh an là chủng tử hữu lưu thiện pháp. Nếu không có đây trong quả báo thân thì không thành sự sai biệt có kham năng hay không kham năng.

Giải thích: Tướng thô ác là thân không kham năng. Tướng khinh an là thân có kham năng.

Luận nói: Lại có tướng thụ dụng và tướng không thụ dụng. Tướng thụ dụng là chủng tử thiện bất thiện quả báo đã chín muồi. Tướng không thụ dụng là chủng tử huân tập của ngôn thuyết, là chủng tử sinh khởi hý luận từ vô thủy, nếu không có đây hằng tạo các nghiệp thiện ác, thì nghĩa được quả thụ dụng không thành. Và những ngôn thuyết mới huân tập sinh ra cũng không thành.

Giải thích: Tướng thụ dụng nếu lìa thức A-lê-da này, các nghiệp thiện ác thường huân tập đều không thành. Tướng không thụ dụng là chủng tử ngôn thuyết huân tập, như nói chủng tử các ngôn thuyết sai biệt huân tập sinh khởi hý luận từ vô thủy. Nghĩa là nhân thường lưu bố từ vô thủy đến nay. Nếu không có tướng không thụ dụng đây, thức A-lê-da không có sinh khởi ngôn thuyết huân tập cũ mới gì cả. Bởi vì sao? Trong thế gian không có ngôn thuyết hiện tại nào lìa gốc mà có được.

Luận nói: Lại có tướng tương tự, nghĩa là như ảo hóa, sóng nắng, chiêm bao, đau mắt v.v... Nếu không có những tướng tương tự này của thức A-lê-da thì do chủng tử hư vọng phân biệt thành tướng điên đảo, nghĩa này sẽ không thành.

Giải thích: Tướng tương tự là như các sự ảo hóa làm nhân nên vọng thấy các hiện tượng. Như vậy các tướng tương tự của A-lê-da là chủng tử hư vọng phân biệt nên có tướng điên đảo. Nếu không có thức A-lê-da đây thì các tướng điên đảo kia không thành.

Luận nói: Lại có tướng đủ và tướng không đủ. Người có đầy đủ các tướng trời buộç gọi là đủ tướng thế gian. Người lia dục là tướng tôn giảm. Hữu học Thanh Văn và các Bồ-tát là nhỏ bỏ tướng một phần. A-la-hán, Bích-chi-phật là nhỏ bỏ hết phiền não chướng và Như Lai là ứng hợp với nhỏ bỏ hết phiền não chướng và tri chướng. Nếu không có thức A-lê-da đây thì sự tuần tự diệt phiền não không thành.

Vì nhân duyên gì quả báo thiện ác chỉ là vô chướng vô ký? Vì quả báo này là vô chướng vô ký nên không trái chổng với thiện ác. Nếu trái chổng với thiên ác thì khi quả báo là thiện hay ác rồi không có đạo lý nào diệt đợc phiền não. Cho nên quả báo thức chỉ là vô chướng vô ký.

Giải thích: Vô chướng vô ký nghĩa là vô chướng là vô nhiễm, do vô nhiễm vô ký nên gọi là vô chướng vô ký. Chẳng phải như sinh cõi Sắc lấy phiền não bất thiện làm vô ký. Quả báo này nếu là thiện hay bất thiện thì không diệt đợc phiền não. Bởi vì sao? Vì nếu là thiện thì sẽ sinh thiện, nếu là bất thiện sẽ sinh bất thiện. Như vậy có nghĩa là sinh tử không bao giờ hết. Sinh tử tức là phiền não và hữu lưu thiện v.v... Đến đây là đã giải thích xong về nghĩa của y chỉ.

# NHIẾP ĐẠI THỪA LUẬN THÍCH LUẬN

## QUYỂN 4

### Phải biết thắng tướng thắng ngữ 2 - 1

#### Chương 1: Tướng

Luận nói: Đã nói về y chỉ rồi. Vậy thấy tướng như thế nào? Đây lược nói có 3 thứ là tướng y tha, tướng phân biệt và tướng thành tựu. Trong đây cái gì là tướng y tha? Thức A-lê-da là chủng tử hư vọng phân biệt nhiếp thu các thức.

Các thức là những gì? Là thân thức, thân giả thức, thụ giả thức, ứng thụ thức, chính thụ thức, thể thức, số thức, xứ thức, ngôn thuyết thức, tự tha sai biệt thức, thiện ác hai đường sinh tử thức. Trong đây thân thức, thân giả thức, thụ giả thức, ứng thụ thức, chính thụ thức, thể thức, số thức, xứ thức, ngôn thuyết thức, các thức này từ chủng tử ngôn thuyết huân tập sinh. Tự tha sai biệt thức từ chủng tử ngã kiến huân tập sinh. Thiện ác hai đường sinh tử thức từ chủng tử hữu phần huân tập sinh. Các thức này thâm nhiếp tất cả giới thú và phiền não v.v... dựa vào tha tướng hư vọng phân biệt nên được hiển hiện. Các thức này thâm nhiếp mọi hư vọng phân biệt, chỉ là thức lượng, không có, không thật, hiển hiện do nương tựa. Đó là tướng y tha.

Giải thích: Nay giải thích về tướng y tha. Nói sơ lược tức là nói tóm tắt. Nói “thâm nhiếp các hư vọng phân biệt” vì hư vọng phân biệt là thể tính. Trong đây thân thức là nhãn v.v... 5 giới. Thân giả

thức là nhiệm ô ý. Thụ giả thức là ý giới. Ứng thụ thức là sắc v.v... 6 ngoại giới. Chính thụ thức là 6 thức giới. Thế thức là sinh tử tiếp nối không đứt. Số thức là tính toán. Xứ thức là khí thế giới ngôn thuyết. Nói thức, nghĩa là thấy, nghe, hay, biết 4 thứ ngôn thuyết. Chín thức này đều có y chỉ, thấy nghe v.v... các danh ngôn huân tập sai biệt làm nhân. Tự tha sai biệt thức là y chỉ vào sai biệt của thân, lấy ngã kiến huân tập làm nhân. Thiện ác hai đường sinh tử thức là vô lượng nẻo đường sinh tử, từ chủng tử hữu phần huân tập sinh. Các thức này là nói tiếp các thức đã nói trước. Thân nhiếp phiền não tất cả giới thú nghĩa là các phiền não trong tam giới ngũ thú. Thân nhiếp là thể tính của thức kia. Nói “tướng y tha” nghĩa là dựa vào cái khác làm thể. Trong đây hư vọng phân biệt thân nhiếp là thể tính của kia. Nói “không có, không thật do y chỉ hiển hiện” là nhân hiển hiện cái không có, không thật. Trong đây không có là vì không thật thể. Như ngã, trần là không thật. Trong cái không có mà chấp lấy, ví như ngã, tức là không có mà có tướng ngã hiển hiện. Sự y chỉ đây gọi là hiển hiện y chỉ. Nói y chỉ là nhân nơi nghĩa, cho nên tức là tướng y tha.

Luận nói: Trong đây cái gì là tướng phân biệt? Là cái nghĩa hiển hiện trong cái chỉ có thức lượng mà không có nghĩa.

Giải thích: Trong tướng phân biệt nói không có nghĩa, tức là ví như không có thật ngã. Đây chỉ có thức lượng nghĩa là trong cái không có nghĩa, mà hiển hiện ra. Ví như ngã, chỉ là một cái gì tương tự hiển hiện mà thôi. Nghĩa hiển hiện là tướng sở thủ hiển hiện. Ví như vô ngã mà tướng ngã hiển hiện.

Luận nói: Trong đây cái gì là tướng thành tựu? Tức trong tướng y tha, nghĩa tướng của nó rốt ráo là không có.

Giải thích: Tướng thành tựu là đây không có, không có thật nghĩa. Trong nhân hiển hiện, nó không hiển hiện thật nghĩa vì nó không có. Như ngã tướng, tương tự như thật mà không có, nhưng vô ngã là có.

Luận nói: Trong đây, thân thức, thân giả thức, thụ giả thức, phải biết là nhãn v.v... 6 nội giới. Ứng thụ thức, phải biết là sắc v.v...6 ngoại giới. Chính thụ thức là nhãn v.v... 6 thức giới. Còn các thức khác là sai biệt của các thức này. Phải biết những thức này chỉ là duy lượng, vì không có nghĩa. Trong đây lấy gì làm ví dụ? Lấy thí dụ chiêm bao v.v... để hiển thị. Ví như trong chiêm bao, lia nghĩa chỉ còn có thức. các thứ sắc thanh hương vị xúc nhà cửa núi non v.v... nghĩa tương tự như tướng hiển hiện nhưng trong đó không có thật nghĩa. Do thí dụ đó nên biết rằng tất cả mọi nơi duy chỉ có thức, lấy thức làm đầu. Lại có những thí dụ khác như ảo hóa, con nai khát nước, đau mắt v.v... Phải biết cũng như chiêm bao, khi thức dậy, mọi thứ chỉ có thức.

Nói như chiêm bao tất cả chỉ có thức, vậy vì sao khi thức dậy không chuyển được như thế? Người có trí giác chân thật cũng chuyển như vậy. Như chính khi chiêm bao sự hiểu biết này không sinh. Khi tỉnh dậy trí biết này mới sinh. Cũng như vậy, chưa được trí giác chân thật thì trí này không sinh. Nếu được trí giác chân thật thì trí này liền sinh. Nếu chưa có trí giác chân thật làm sao đối với duy thức có thể khởi so sánh biết được? Do A-hàm và đạo lý mà biết được. A-hàm như là trong Kinh Thập Địa Thế Tôn nói 3 cõi chỉ có tâm. Lại nữa trong Kinh Giải Tiệt, Thế Tôn nói như sau:

Bấy giờ Bồ-tát Di-lặc hỏi Thế Tôn rằng: Những cảnh tượng được thấy trong Tam-muội với tâm trong định có thể nói là khác nhau hay không khác nhau? Thế Tôn bảo Di-lặc là không khác.

Bởi vì sao? Định tâm duyên, duy thức hiển. Ta nói là thức.

Thế Tôn ! Nếu cảnh tượng trong Tam-muội không khác tâm trong định thì làm sao tâm ấy lại chấp thủ tâm ấy?

Di-lặc ! Không có một pháp nào là năng thủ pháp khác, nhưng tâm kia sinh như vậy tức cũng hiển hiện như vậy. Ví như nhân cái mặt của mình mà trông thấy ảnh rồi nói ta thấy ảnh. Tức là cái ảnh

trông thấy đó khác với cái mặt của mình. Tâm kia sinh khởi cũng như vậy. Tức ở nơi ngay tâm kia nói là có vật khác có thể thấy. Do A-hàm và đạo lý này mà được thấy rõ.

Giải thích: Nói “đây chỉ có thức” là như Kinh Thập Địa và Kinh Giải Tiết đã nói. Phan duyên này do duy thức hiển hiện nên ta nói duy thức là do phan duyên duy thức hiển hiện. Đây là có nghĩa gì? Là để hiển thị duy thức thức tách rời nghĩa. Do đó thức thâm nhiếp. Phật nói: Ta nói là thức hiển hiện, cảnh giới Tam-muội kia là thức. Nhưng sinh khởi như vậy là do tướng loại kia sinh. Nói “ở trong lấy làm nghĩa riêng”, “ở trong” tức là ở trong cảnh giới Tam-muội. Nói “lấy làm nghĩa riêng” là ảnh tượng của thức kia gọi là vật riêng khác bị chấp thủ là thể.

Luận nói: Như vậy trong trường hợp tĩnh tâm, nếu thấy ảnh tượng màu xanh, tức thấy tự tâm, không có nghĩa riêng có vật màu xanh. Do đạo lý này, Bồ-tát trong tất cả thức, phải so sánh mà biết rằng đó chỉ là thức lượng. Lại nữa cái xanh thấy đó không phải do thức nhớ ra, vì cảnh giới thấy đây đang hiện hữu trước mắt. Cho nên cái thức nghĩ nhớ những gì đã nghe và suy nghĩ cũng chỉ là phan duyên cảnh của quá khứ nên cũng là duy thức. Do sự so sánh suy lường này, tuy chưa được gọi là trí giác chân như nhưng cũng có thể so sánh mà biết được lý duy thức.

Giải thích: Cảnh giới Tam-muội này, những ảnh tượng màu xanh v.v... cũng không phải thức nghĩ nhớ. Bởi vì sao? Vì không phải như trước đã thấy, mà ngay ở nơi đó nghĩ biết như vậy vì nó hiện tiền. Thức nghĩ nhớ thì mờ mờ, còn đây thì hiện tiền thấy một cách rõ ràng. Nếu nói nghe và suy nghĩ huân tập nhiều lần thì tuy nó là quá khứ nhưng sau khi nghĩ nhớ, nó sinh ra như xưa. Nói “đây cũng như vậy” tức là cái nghe và suy nghĩ đã thuộc về quá khứ, nay không có, trong cái không có đó nếu sinh trở lại thì đây là thức tương tự như kia



mà sinh, chứ không phải đó là cái nghe và suy nghĩ đã diệt trong quá khứ. Cho nên nghĩa này cho thấy việc thành duy thức trần là không thể có được.

Luận nói: Như trước đã nói các thứ thức, ví như chiêm bao v.v... trong đó thức thể của nhãn thức v.v... là duy thức, thức thể của nhãn căn v.v... là sắc thì đạo lý duy thức làm sao có thể thấy chúng như A-hàm và đạo lý đã nói ở trước? Nếu chúng là thức thể vì sao hiển hiện tựa như sắc? Vì là một loại trụ vững liên tục chuyển. Các phiền não điên đảo trụ giữ cho nên nếu khác đây thì trong vô nghĩa không thành nghĩa điên đảo. Nếu không có các phiền não chướng trí chướng này nhiễm thì không thành. Cái này không thì thanh tịnh cũng không thành. Cho nên nhãn v.v... được sinh khởi như vậy. Ở đây có bài kệ rằng:

*Loạn nhân và loạn thể,  
Là sắc thức thể và  
Chẳng phải sắc thức thể,  
Trước không sau cũng không.*

Giải thích: Thức thể của nhãn thức v.v... chẳng phải sắc nên mới thành duy thức. Thức thể của nhãn căn v.v... là sắc vì sao thành duy thức? Điều này như trước trong A-hàm và đạo lý đã nói rõ. Nói “một loại trụ vững liên tục chuyển” nghĩa là một loại là vì tương tự, trụ vững là trụ lại qua nhiều thời gian. Do phiền não chướng trí chướng các điên đảo phiền não làm nhân, cho nên trụ giữ tức là nhân. Nếu lìa các sinh khởi như vậy thì không phải nghĩa là nghĩa tâm điên đảo. Nếu không có phiền não chướng này nhiễm và trí chướng này nhiễm thì không có. Nghĩa này lấy bài kệ hiển thị. Nói “Loạn nhân và loạn thể” là thể của sắc thức và thể của phi sắc thức. Nếu theo thứ tự đó thì thể của sắc thức là loạn nhân, phi sắc thức là loạn thể. Thể của nhân là sắc thức nếu không thì thể của quả là phi sắc thức cũng không,

## Chương 2: Sai biệt

Luận nói: Vì sao thân thức, thân giả thức, thụ giả thức, ứng thụ thức, chính thụ thức đều hòa hợp cùng sinh trong tất cả loài có thân? Là để có đầy đủ sự thụ dụng của đời sống.

Vì sao thể thức v.v... các thức như trước nói có các thứ thức sinh? Vì từ vô thủy sinh tử lưu chuyển không dứt, vì có vô lượng cõi chúng sinh, vì thể giới vô lượng, vì ngôn ngữ và việc làm vô lượng, vì tiếp nhận và thụ dụng vô lượng sai biệt, vì thụ dụng của nghiệp ái phi ái vô lượng sai biệt, vì thụ vô lượng sinh già chết sai biệt.

Vì sao lập các thức này thành duy thức? Lược nói có 3 tướng: Một là duy lượng, vì vô sở hữu. Hai là duy nhị, nghĩa là chỉ có 2 là tướng phần của thức và kiến phần của thức. Ba là duy chủng chủng, nghĩa là nhiều tướng sinh khởi khác nhau. Các thức này không có nghĩa cho nên gọi là duy lượng. Nhãn v.v... các thức có tướng và kiến. Lấy sắc v.v... làm tướng, lấy các thức kia làm kiến, cho đến thân thức làm kiến. Ý thức thì lấy nhãn v.v... tất cả thức thể cho đến pháp thức làm tướng, lấy thức của ý thức làm kiến, vì ý thức có khả năng phân biệt và lại tựa như tất cả thức sinh khởi. Ở đây có bài kệ như sau:

*Duy lượng, nhị, chủng chủng,  
 Người tu quán ngộ nhập.  
 Khi ngộ nhập duy tâm,  
 Tâm đó cũng là diệt.*

Giải thích: Thế nào là đầy đủ thụ dụng của thân phần? Tức chỉ thân thức, thân giả thức, thụ giả thức v.v... 5 thức. Nói “nên biết tất cả có thân” nghĩa là nhất thời đều có, nói “cộng hữu” nhất thời cùng sinh. Nói “làm rõ” tức là vì thể của nhân nên thành lập nghĩa của 3 thứ duy thức, như trong chính văn trường hàng và kệ này đã hiển thị. Trong trường hàng nói duy lượng, nghĩa là chỉ là thức lượng, cho

nên tất cả các thức đều chỉ là thức lượng. Bởi vì sao? Bởi nghĩa của thức là vô sở hữu, chỉ có 2 thành lập ra có tướng và kiến. Cho nên một thức này một phần thành tướng, phần thứ hai thành kiến. Đây là nhân thức v.v... chia làm hai phần. Nói “thành lập các thứ khác nhau” nghĩa là vốn là một thức này tùy theo hiện khởi mà một phần sinh ra nhiều tướng khác nhau, phần thứ hai làm năng thủ. Nếu ý thức sở thủ thì kia nhân thức v.v... cho đến pháp thức là tướng, ý thức này là kiến. Nói “các thứ” nghĩa là chỉ ý thức làm việc ấy, vì bất định. Còn các thức khác có cảnh giới nhất định. Lại nữa vì là không phân biệt, cho nên nếu là năng phân biệt thì gọi là kiến. Do đạo lý ấy mà thành duy thức. Kệ nói “nhập duy lượng” là vì không có nghĩa, “nhập duy nhị” là vì thức có tướng và kiến, “nhập chủng chủng” là do thức sinh các thứ tướng mạo. Nói “Người tu quán ngộ nhập” nghĩa là người tu hành tương ứng. Vì sao khi ngộ nhập duy tâm, tâm này cũng lìa diệt? Là vì do chính khi ngộ nhập duy tâm thì nghĩa không có, thức cũng không có. Nghĩa đã không có sở thủ thì làm gì có được tâm năng thủ. Nói “duy nhị và chủng chủng” nghĩa là chỉ nói nhập nhân duyên duy lượng, các nghĩa khác như trước đã nói.

Luận nói: Có một số luận sư nói chỉ một ý thức này tùy theo nơi y chỉ sinh mà có được tên ấy, như tư nghiệp của ý được tên là thân nghiệp, khẩu nghiệp. Ý thức này ở chỗ nơi y chỉ sinh các thứ tướng mạo. Tựa như 2 mà sinh chỉ tựa như nghĩa. Tựa như phân biệt nên tất cả nơi cũng tựa như xúc mà sinh. Trong cõi Sắc ý thức y chỉ thân nên như các sắc căn khác y chỉ thân vậy.

Giải thích: Có các Bồ-tát muốn khiến chỉ có một ý thức toàn tự sinh khởi. Nay sẽ làm rõ điều này. Ví như tư nghiệp của ý mà được tên là thân nghiệp khẩu nghiệp, nghĩa là như tư nghiệp của ý từ nơi thân sinh ra gọi là thân nghiệp, từ miệng sinh ra gọi là khẩu nghiệp. Ý nghiệp cũng vậy. Như vậy một ý thức nếu y chỉ nơi mắt sinh thì được tên là nhãn thức. Cũng như vậy cho đến y chỉ thân

sinh được tên thân thức. Trong đây lìa ý thức ra ngoài không có thức nào khác, chỉ trừ thức A-lê-da. Nếu ông nói nhãn v.v... các căn không phân biệt, nếu ý thức y chỉ đó sinh cũng phải không phân biệt, như nhiễm ô ý y chỉ nhiễm ô nên sinh khởi cũng nhiễm ô. Đây cũng phải như vậy nghĩa là như luận nói ở tất cả mọi nơi y chỉ sinh các thứ tướng mạo tựa như hai mà sinh, chỉ là nghĩa tương tự cho nên tương tự phân biệt, vì vậy mà chẳng ngại gì. Trong đây tất cả chỗ y chỉ là y chỉ các nơi như mắt v.v... Các thứ tướng mạo tương tự như hai mà sinh là chỉ là nghĩa tương tự nên phân biệt tương tự. Do 2 câu này nên có thể hiểu được. Hai câu này nói tức là một thức có một phần tương tự duy nghĩa mà sinh, còn phần thứ hai là ở trong nghĩa tương tự, phân biệt tương tự mà sinh, cho nên nói như trước không có lỗi. Lại nữa tất cả mọi nơi cũng tương tự xúc mà sinh nghĩa là ở nơi sắc xứ, tâm tại trong định, 5 thức không khởi hiện hành, trong sắc thân có nội thụ sinh. Nói “như các sắc căn khác y chỉ nơi thân” nghĩa là như nhãn căn v.v...y chỉ nơi thân. Các căn này do y chỉ nơi thân nên ngay nơi tự thân có khả năng làm tổn ích. Ý thức cũng vậy, y chỉ thân nên khiến thân tổn ích. Nên biết rằng lại còn nghĩa khác như thân căn y chỉ nơi thân, nếu có ngoại duyên đến xúc, tức ngay trong thân căn tương tự xúc sinh. Khi tương tự xúc này sinh liền tự y chỉ trong thân làm tổn ích. Ý thức cũng vậy, vì y chỉ thân nên khi tương tự xúc sinh tức ngay nơi thân làm tổn ích.

Luận nói: Ở đây có bài kệ như sau:

*Đi xa đi một mình,  
Không thân ở hang trống.  
Điều phục tâm khó phục,  
Ta nói là Phạm hạnh.*

Giải thích: Các Bồ-tát thành tựu kia đã nói, nên dẫn kệ trong A-hàm. Nói đi xa tức là phan duyên tất cả cảnh giới. Đi một mình là

không có người thứ hai. Không thân là lia sắc thân. Ở hang trống là ẩn trong hang trống rỗng của sắc thân. Có thể điều phục là tác dụng tự tại. Khó điều phục là chỉ các xấu ác.

Luận nói: Như kinh nói những cảnh giới 5 căn đi đến ý thức đều có thể thụ dụng, vì ý thức là chỗ dựa của chúng.

Giải thích: Lại A-hàm có nói các cảnh giới mà 5 căn này đi đến ý thức đều có thể thụ dụng. Nghĩa là nơi căn đi đến là cảnh giới. Ý thức này có thể phân biệt tất cả pháp, nên mỗi mỗi cảnh giới đều thụ dụng nên nói là có thể thụ dụng. Các căn y chỉ nơi ý thức là vì ý thức là thể của nhân của các căn kia khi sinh. Bởi vì sao? Vì nếu ý có duyên khác thì nhãn v.v... không sinh.

Luận nói: Lại như kinh nói trong 12 nhập, 6 thức thân là ý nhập.

Giải thích: Lại có A-hàm nói 6 thức thân gọi là ý, vì không có tên thức nào khác. Phật nói 6 thức thân gọi là ý nhập. Cho nên được biết chỉ độc có ý mà thôi.

Luận nói: Nếu có an lập thức thể là nghĩa của thức A-lê-da, thức thể ở trong đó, thì tất cả thức thể thành lập là tướng, thức thể, thức thể của ý thức và các y chỉ là kiến. Nên biết rằng chúng là thức thể của tướng mạo, là nhân sinh kiến kia. Nghĩa tương tự hiển hiện là y chỉ sinh kiến kia.

Giải thích: Cũng thành lập thức A-lê-da là tướng kiến 2 thức. Ý thức và y chỉ là kiến phần của thức A-lê-da. Các thức thể của nhãn v.v... và tất cả pháp là tướng phần. Những thứ này là thức thể của A-lê-da cho nên chúng là thức thể của tướng mạo nghĩa là thể của nhân sinh thức của nhãn v.v... thành chỗ phan duyên cho kia. Nói “là nhân sinh kiến cho kia” là khởi kiến nơi kia gọi là kiến của kia. Vì hiển hiện nghĩa sở kiến của kia nên có thể làm nhân cho kiến của ý thức tương tục trụ không gián đoạn, cho nên nói là có khả năng làm y chỉ cho sinh ra kiến.

Luận nói: Đã thành lập các thức thể như vậy là duy thức, các nghĩa đã rõ ràng có thể thấy.

Làm sao biết được là phi hữu?

Như Thế Tôn nói Bồ-tát đầy đủ 4 pháp được tùy thuận nhập tất cả thức thể vô nghĩa. Một là thức tướng biết khác nhau. Như ngựa quý, súc sinh, người, trời, đồng một vật nhưng do thức thể thấy khác nhau. Hai là biết không có cảnh giới, do thức sinh như phan duyên quá khứ, vị lai và hình ảnh trong mộng. Ba là biết lia dụng công mà được không điên đảo. Như phan duyên nghĩa trong nghĩa thật hữu. Thức thì không điên đảo do không dụng công mà được trí chân thật. Bốn là trí tùy thuận 3 tuệ. Như các Bồ-tát và người đắc định, được tâm tự tại cho nên tùy ý muốn mà nghĩa kia hiển hiện. Như có người tu quán đắc Xa-ma-tha, khi tu pháp quán chỉ dùng ý niệm, nghĩa liền hiển hiện. Lại được trí vô phân biệt, khi trụ vô phân biệt tất cả nghĩ không hiển hiện. Các nghĩa do tùy thuận 3 tuệ và nhân duyên trước cho nên nghĩa vô sở hữu liền được thành tựu. Trong nghĩa này phải nói 6 kệ. Sau sẽ nói trong phần Tăng thượng tuệ học thắng tướng. Nghĩa là ngựa quý, súc sinh, người v.v...

Giải thích: Một là thức tướng biết khác nhau nghĩa là những sự khác nhau đó là do thức duyên nghĩa gọi là tướng và biết trong cái tướng đó. Biết không cảnh giới, do thức sinh, nghĩa là thấy không có cảnh phan duyên mà là do thức sinh, như quá khứ v.v... Biết lia dụng công mà được không điên đảo nghĩa là nếu như nghĩa được hiển hiện liền có như vậy thì không cần phải khởi đối trị mà được không điên đảo, hiểu biết như vậy. Tùy thuận 3 trí nghĩa là trí này biết các nghĩa đều tùy thuận 3 nghĩa. Và người được định nghĩa là Thanh Văn, Bích-chi-phật v.v... Được tâm tự tại nghĩa là đã được tùy tâm làm, tùy tâm thích muốn. Nghĩa kia hiển hiện tức như là nếu muốn cõi đất biến thành nước hay lửa thì liền thành như ý nghĩ. Được Xa-ma-tha nghĩa là đã được Tam-ma-đề. Người tu pháp quán là người tu hành

quan sát trong các Tu-đa-la. Chỉ dùng ý nghĩ thì nghĩa hiển hiện, nghĩa là trong một nghĩa, tùy theo các thứ tác ý thì có các tướng hiển hiện. Đã được trí vô phân biệt nghĩa là nếu như nghĩa được hiển hiện là có thì không được trí vô phân biệt. Vì trí này là thật có nên phải biết nghĩa nó quyết định là phi hữu.

### Chương 3: Phân biệt

Luận nói: Nếu chỉ có nghĩa thức hiển hiện sở y chỉ gọi là tính y tha thì vì sao, nhân duyên gì gọi là y tha? Từ tự huân tập chủng tử sinh nên là y tha. Y tha là duyên sinh rồi, không có công năng, qua một sát-na tự trụ nên gọi y tha.

Giải thích: Nếu chỉ có nghĩa của thức hiển hiện y chỉ nghĩa là lìa nghĩa, chỉ có thức thể là nghĩa, nhân của hiển hiện là ngay nơi thức thể là y tha.

Nếu tự nhiếp lấy sao gọi là y tha, nhân duyên gì gọi là y tha? Vì nhân của chính nó sinh ra, sinh ra rồi không có năng lực mà trụ được, tức nơi sự tự nhiếp lấy này gọi nó là cái khác, cho nên gọi là y tha.

Luận nói: Nếu tính phân biệt dựa vào cái khác, không thật có mà nghĩa hiển hiện, làm sao thành phân biệt? Vì sao nói là phân biệt? Vì nó là nhân sinh ra ý thức phân biệt điên đảo đối với vô lượng tướng mạo, cho nên thành phân biệt. Không có tự tướng, chỉ thấy phân biệt nên gọi phân biệt.

Giải thích: Dựa vào cái khác nghĩa là y chỉ vào tính y tha của duy thức. Không thật có là không có tự thể. Nghĩa hiển hiện là có nghĩa có thể thấy. Nhân duyên gì gọi là phân biệt? Câu này sau sẽ tuần tự nói đến. Nói vô lượng tướng nghĩa là tướng của tất cả cảnh giới. Ý thức phân biệt, tức ý thức là phân biệt. Nhân sinh điên đảo là nhân phân duyên khi ý thức vọng khởi điên đảo. Không có tự tướng là không có thể. Chỉ thấy phân biệt là chỉ thấy loạn thức.

Luận nói: Nếu tính thành tựu, tính phân biệt rốt cuộc là tướng vô sở hữu thì thành tựu là thành tựu như thế nào? Vì nhân duyên gì nói là thành tựu? Thế không thay đổi nên được thành tựu. Cảnh giới thanh tịnh nên vượt trội hơn tất cả trong các thiện pháp. Do nghĩa tối thắng đó nên nói là thành tựu.

Giải thích: Kia rốt cuộc là tướng vô sở hữu, nghĩa là vì tính của phân biệt là lấy vô sở hữu làm tính. Nói vì sao và nhân duyên gì thì như đã nói trong tính y tha ở trước. Thế không thay đổi nghĩa là không hư dối, như thành thật. Nói do cảnh giới này thanh tịnh nên vượt trội trong tất cả thiện pháp, tức là cái thể của cảnh giới thanh tịnh này là vượt trội nên gọi là thành tựu. Như cái áo đã hoàn thành xong.

Luận nói: Lại nữa có năng phân biệt, có sở phân biệt. Vậy trong tính có phân biệt, cái gì là năng phân biệt, cái gì là sở phân biệt, cái gì là tính phân biệt? Ý thức là năng phân biệt. Vì phân biệt nên ý thức này từ chúng tử danh ngôn huân tập, chúng tử tất cả thức thể danh ngôn huân tập mà sinh ra có vô lượng chúng tử phân biệt, phân biệt tất cả mọi nơi, vì có khả năng phân biệt như vậy nên gọi là năng phân biệt. Lại nữa tính y tha là sở phân biệt. Lại nữa do nhân duyên này khiến tính y tha thành sở phân biệt. Đó là tính phân biệt do nhân duyên này cho nên khiến tính y tha hiển hiện nghĩa tương tự như nghĩa. Lại nữa thế nào là phân biệt năng phân biệt? Phan duyên cái gì, thủ tướng mạo gì? Thế nào là chấp trước? Phát ngôn như thế nào? Làm sao lưu bố, làm sao tăng ích? Phan duyên nơi danh nên thủ lấy tính y tha làm tướng, chấp trước nơi kiến, nhân giác quán phát ngôn, kiến v.v... 4 thứ lưu bố làm lưu bố, thật trong vô nghĩa có nghĩa tăng ích. Hãy phân biệt như vậy.

Giải thích: Thế nào là phân biệt? Ý thức là phân biệt. Tính y tha là sở phân biệt. Do nhân duyên này khiến thành phân biệt. Để hiển thị điều này nên luận nói phan duyên nơi danh v.v... Thủ tính y tha làm tướng tức là thủ lấy danh tự như nhãn v.v... trong tính y tha làm



tướng. Bởi vì sao? Chấp thủ tướng kia rồi sinh khởi phân biệt. Kiến là chấp trước, nghĩa là cái tướng chấp thủ kia, quyết định cho là như vậy. Giác quán khởi phát ngôn, nghĩa là như chỗ chấp trước, dùng giác quán làm nhân mà nói ra. Kiến v.v... 4 thứ ngôn thuyết, nói ngôn thuyết là những điều nói ra. Kiến, văn, giác, tri, tức thấy nghe hay biết 4 thứ lưu bố. Cộng tướng lưu bố thật không có nghĩa, bởi nếu có nghĩa tức là tăng ích. Điều này có nghĩa là cái được lưu bố thật không có nghĩa mà chấp thủ cho là có nghĩa.

Luận nói: Lại nữa vì sao 3 tính này thể của chúng là khác nhau hay không khác nhau? Nên nói chẳng phải khác, chẳng phải không khác. Tính y tha này do đạo lý khác thành y tha. Do đạo lý khác tức đây thành phân biệt. Do đạo lý khác tức đây thành thành tựu.

Vì đạo lý khác nào đây thành y tha? Y tha huân tập chủng tử sinh nên thành y tha. Vì đạo lý khác nào đây thành phân biệt? Cùng với tướng phân biệt làm nhân duyên nên đây thành phân biệt. Vì đạo lý khác nào đây thành thành tựu? Như sở phân biệt rốt cuộc không có như vậy. Vì đạo lý khác nào nơi một thức thể là tướng mạo của tất cả các thứ thức thể? Thức thể của thức A-lê-da là các thứ tướng mạo của các sinh khởi thức. Phải biết là vì nó duyên tướng sinh khởi.

Giải thích: Với phân biệt là tướng nhân duyên, nghĩa là ý thức là năng phân biệt. Vì năng phân biệt này thủ lấy thể của cảnh giới mà sinh, cho nên nó tức là phân biệt. Ý thức này phân biệt tướng kia chấp thủ là thể của cảnh giới sở phân biệt. Vì nghĩa đó nên tính y tha thành tính phân biệt. Như phân biệt ý thức chính phân biệt, khi sở phân biệt thì phân biệt này hoàn toàn không có. Do nghĩa này nên tính y tha thành tình thành tựu.

Luận nói: Tính y tha có mấy thứ? Đại khái có 2 thứ. Một là y tha chủng tử huân tập. Hai là y tha nhiễm tịnh không thành tựu. Do 2 thứ y tha này nên gọi là y tha. Tính phân biệt cũng có 2 thứ là tự tính phân biệt và sai biệt phân biệt nên gọi là phân biệt. Tính thành

tự cũng có 2 thứ là bản tính thành tự và thanh tịnh thành tự nên gọi là tính thành tự.

Giải thích: Thể nhiễm tịnh không thành tự nên gọi là y tha, nghĩa là do tính y tha phần phân biệt thành nhiễm, phần vô phân biệt thành tịnh. Trong 2 phần này, nếu là một phần thì không thành tự. Tự tính phân biệt là như mắt v.v... có tự tính của mắt làm việc phân biệt này. Sai biệt phân biệt là như mắt kia v.v... tự tính có vô thường v.v... các sai biệt làm việc phân biệt này. Tự tính thành tự là hữu cấu chân như. Thanh tịnh thành tự là vô cấu chân như.

Luận nói: Lại có 4 thứ phân biệt là tự tính phân biệt, sai biệt phân biệt, hữu giác phân biệt và vô giác phân biệt. Hữu giác là biết rõ ngôn thuyết của chúng sinh. Vô giác là không biết rõ ngôn thuyết của chúng sinh.

Giải thích: Biết rõ ngôn thuyết nghĩa là có trí về ngôn thuyết. Không biết rõ ngôn thuyết là như bò dê tuy có phân biệt nhưng không có khả năng về tên gọi hay chữ viết.

Luận nói: Lại có 5 thứ phân biệt. Một là tự tính dựa theo tên gọi mà phân biệt nghĩa. Như tên gọi như thể này là có nghĩa như thể này. Hai là tự tính dựa vào nghĩa mà phân biệt tên gọi. Như nghĩa như thể này thì gọi tên là thể này. Ba là tự tính dựa vào tên mà phân biệt tên. Như phân biệt trong các tên mà không biết nghĩa. Bốn là tự tính dựa vào nghĩa mà phân biệt nghĩa. Như phân biệt trong các nghĩa mà không biết tên. Năm là dựa vào danh nghĩa mà phân biệt danh nghĩa. Như nghĩa này là thể như vậy tên như vậy.

Lại nữa gồm chung tất cả phân biệt thì có 10 thứ. Một là phân biệt căn bản, tức là thức A-lê-da. Hai là phân biệt tướng sở duyên, như thức thể của sắc v.v... Ba là phân biệt tương tự, tức là cùng y chỉ thức thể của nhãn thức v.v... Bốn là phân biệt tương biến đổi, như già v.v..., lạc thụ v.v..., tham v.v..., thời tiết biến đổi v.v..., các

biến đổi như địa ngục v.v... các thú, cõi Dục v.v... Năm là phân biệt các biến đổi tương tự, tức như trên đã nói các biến đổi trong những biến đổi. Sáu là phân biệt cái gì người khác trao cho mình, tức phân biệt nhân duyên nghe phi chính pháp, nhân duyên nghe chính pháp. Bảy là phân biệt không đúng, nghĩa là nhân duyên người ngoài Phật pháp nghe phi chính pháp. Tám là phân biệt đúng, nghĩa là nhân duyên người trong Phật pháp nghe chính pháp. Chín là phân biệt chấp trước, nghĩa là phân biệt nhân duyên không chính tư duy, căn bản là thân kiến cùng với các phân biệt tương ứng với 62 kiến. Mười là phân biệt tạp loạn, tức là 10 thứ phân biệt của các Bồ-tát.

Giải thích: Gồm chung tất cả phân biệt có 10 thứ phân biệt. Đề nói 10 thứ này nên trong đó phân biệt căn bản là các phân biệt căn bản tự thể, phân biệt tức cũng là thức A-lê-da. Phân biệt về tướng là lấy tướng mạo làm tướng, tức phân biệt sắc v.v... các thức thể. Phân biệt tương tự là trong các chủng loại tướng kia, nếu phân biệt sinh ra năng phân biệt trong các sở phân biệt đó thì có tên này, tức là thức thể của nhãn thức v.v... và ý chỉ. Phân biệt tướng biến đổi, nghĩa là kia duyên tướng nếu biến đổi, tức phân biệt thể danh của tướng biến đổi như già nghĩa là thân suy nhược 4 đại biến đổi, phân biệt trong đó gọi là phân biệt tướng biến đổi. Nói v.v... là gồm có bệnh, chết v.v... Lạc thụ v.v... nghĩa là thân có biến đổi ra tướng cũng vậy. Nói v.v... là gồm có khổ và bất khổ bất lạc v.v... Tham v.v... cũng vậy. Nói v.v... là gồm có sân, si v.v... Uông hoành và thời tiết biến đổi, nghĩa là trong tướng biến đổi của thân nếu nhân duyên sinh phân biệt. Uông hoành nghĩa là giết, trói v.v... Thời tiết biến đổi là tướng biến đổi vì thời tiết lạnh nóng v.v... Địa ngục v.v..., nói v.v... là gồm có súc sinh, ngã quý. Cõi Dục v.v..., nói v.v... là gồm cả cõi Sắc và Vô sắc. Phân biệt biến đổi tương tự nghĩa là tựa như kia duyên tướng nhãn thức v.v... có các biến đổi, nơi cái thể biến đổi tương tự này khởi sinh phân biệt, tức như trước nói sự biến đổi trong cái già

v.v... Bởi vì sao? Vì trong khi trụ trong cái già v.v... nhân thức v.v... cũng sinh biến đổi. Phân biệt cái gì người khác rao cho mình nghĩa là cái gì người khác nói là có 2 thứ, đó là nhân duyên nghe phi chính pháp và nhân duyên nghe chính pháp. Hai thứ phân biệt các pháp này là do nghe pháp sinh thiện bất thiện, cũng được giải thích như vậy. Phân biệt không đúng tức là việc nghe phi chính pháp là nhân. Người ngoài pháp này tức những người xuất gia ngoại đạo. Phân biệt đúng là việc nghe chính pháp là nhân, Người trong pháp này là người trong Phật pháp. Phân biệt chấp trước là việc tư duy không đúng là nhân, như Tu-đa-la nói ngã kiến là y chỉ 62 kiến v.v... và phân biệt tương ưng với các kiến chấp này. Phân biệt tán động, tức là 10 thứ phân biệt của các Bồ-tát.

Luận nói: 1.tán động không có tướng, 2.tán động có tướng, 3.tán động tăng ích, 4.tán động tổn giảm, 5.tán động một chấp, 6.tán động khác chấp, 7.tán động tự tính, 8.tán động sai biệt, 9.tán động lấy nghĩa theo tên, 10.tán động lấy tên theo nghĩa. Để đối trị 10 thứ tán động này trong tất cả Bát-nhã Ba-la-mật đều nói đến trí vô phân biệt. Phải biết những chương ngại và đối trị này đều có đầy đủ trong nghĩa Bát-nhã Ba-la-mật. Kinh nói: Bồ-tát làm thế nào thực hành Bát-nhã Ba-la-mật? Xá-lợi-phất ! Bồ-tát này đối với Bồ-tát không thấy Bồ-tát. Không thấy Bồ-tát là không thấy Bát-nhã Ba-la-mật, không thấy tu hành, không thấy sắc, không thấy thụ tướng hành thức. Bởi vì sao? Tự tính của sắc là không, phi không, nên gọi là không. Nếu sắc không tức chẳng phải sắc, cũng chẳng phải khác không cho nên có sắc. Sắc tức là không, không tức là sắc. Bởi vì sao? Xá-lợi-phất ! Chỉ có tên gọi là sắc. Tự tính không sinh không diệt không nhiễm không tịnh, giả lập tên mượn tạm phân biệt các pháp. Cái tên tạm mượn này lại cứ lưu hành rồi tùy theo chỗ lưu hành mà khởi sinh chấp trước. Bồ-tát đối với thứ danh tự này nhất thiết đều không thấy. Không thấy nên không chấp trước. Như sắc cho đến thức cũng vậy. Phải biết rằng câu Bát-nhã Ba-la-mật này có thể thông đạt nghĩa của 10 thứ phân biệt này.

Giải thích: Trong đây nói “Tán động không có tướng” tức là duyên cái không có này làm tướng, gọi là tán động. Để đối trị tán động này nên trong Kinh Bát-nhã Ba-la-mật nói thật có Bồ-tát. Nói thật có tức là hiển thị rằng Bồ-tát thật có cái thể không. Ngay nơi cái không đó là cái thể, nên gọi là thể của không. Tán động có tướng, nghĩa là duyên tướng hữu vi, gọi là tán động. Để đối trị tán động này nên trong kinh ấy nói không thấy có Bồ-tát, nghĩa là không thấy lấy phân biệt y tha làm thể. Do ý này nên tán động tăng ích là đối trị cái này. Vì vậy trong kinh ấy nói tự tính của sắc là không, là hiển thị tính phân biệt sắc không. Tán động tổn giảm, tức là đối trị với cái này nên trong kinh ấy nói “bất không”, nghĩa là sắc pháp như là bất không vậy. Tán động một chấp, tức là để đối trị lại cái này nên trong kinh nói cái sắc không này chẳng phải sắc. Bởi vì sao? Nếu tính y tha với tính thành tựu là một thì tính y tha cũng phải như tính thành tựu, là cảnh giới thanh tịnh. Tán động chấp khác là để đối trị cái chấp này, nên kinh nói chẳng phải sắc khác không. Bởi vì sao? Nếu 2 cái này có khác nhau thì pháp và pháp tính cũng phải khác nhau. Chấp khác nhau là không đúng, như pháp vô thường và vô thường không thể có khác nhau. Đúng về tính phân biệt nên nói sắc tức là không, không tức là sắc. Bởi tính phân biệt sắc vô sở hữu tức là không. Cái không này là cái sắc vô sở hữu, chẳng phải như tính y tha với tính thành tựu. Tán động tự tính, nghĩa là để đối trị cái này, nên kinh nói: Xá-lợi-phát ! Chỉ có danh gọi là sắc. Vì tự tính của sắc là vô sở hữu. Tan động sai biệt, nghĩa là để đối trị cái này nên kinh nói tự tính không sinh không diệt không nhiễm không tịnh. Trong đó nếu sinh tức có nhiễm, nếu diệt tức có tịnh. Do không sinh không diệt nên tức không nhiễm không tịnh. Các câu này, nghĩa của nó là như vậy. Như tán động lấy nghĩa theo tên, nghĩa là tùy theo tên mà lấy nghĩa tức là tán động. Để đối trị cái này kinh nói giả lập các thứ danh tự. Phân biệt các pháp nhiều thứ khác nhau, nghĩa là lấy tên theo nghĩa, tức là tán động này. Để đối trị cái này, nên kinh nói giả lập tên tạm rồi lưu hành, nghĩa

là không phải tự tính của nghĩa có tên như vậy. Để đối trị 10 thứ tán động này nên nói Kinh Bát-nhã Ba-la-mật. Do thuyết này là nhân, nên sinh trí vô phân biệt.

Luận nói: Nếu do đạo lý khác, tính y tha được thành 3 tính. Vì sao 3 tính này không được thành một? Do đạo lý khác nên thành tính y tha, chứ không phải do đạo lý ấy nên thành phân biệt và thành tự. Do đạo lý khác nên thành tính phân biệt, chứ không phải do đạo lý ấy nên thành y tha và thành tự. Do đạo lý khác nên thành thành tự, chứ không phải do đạo lý ấy nên thành y tha và phân biệt.

# NHIẾP ĐẠI THỪA LUẬN THÍCH LUẬN

## QUYỂN 5

### Phải biết thắng tướng thắng ngữ 2 - 2

#### Chương 3: Phân biệt

Luận nói: Lại nữa, làm sao biết được tính y tha là tính phân biệt? Tướng hiển hiện mà trụ, nhưng chẳng phải thể của tính phân biệt. Trước khi có tên không có trí, tức mâu thuẫn với thể. Nhiều tên có nhiều thể là mâu thuẫn với đây. Tên không nhất định mâu thuẫn với tạp thể. Ở đây có kệ như sau:

*Trước tên không có trí,  
Nhiều tên và bất định,  
Đồng và nhiều tạp thể,  
Thành tựu mâu thuẫn đây.  
Pháp không mà thấy được,  
Không nhiễm mà có tịnh.  
Phải biết như ảo hóa,  
Cũng tựa như hư không.*

Giải thích: Như trong tính y tha, tuy phân biệt một phần có thể thấy, nhưng không thành tính của nó, hiển thị đây nên trước tên không có trí. Đồng thể mâu thuẫn nhau, nghĩa là nếu phân biệt với y tha là một thể thì lia tên trong nghĩa trí sinh. Như cái bình lia tên bình, trong nghĩa bình trí bình không sinh. Nếu tên bình và nghĩa

binh là một tướng thì trí phải tự sinh. Vì không phải một tướng nên nếu nói tên và nghĩa đồng một thể tức là mâu thuẫn. Trong đây thành lập tên là y tha, nghĩa tức là phân biệt. Bởi vì sao? Y tha này do sức của tên nên thành sở phân biệt. Lại nữa một nghĩa có nhiều tên, nếu tên và nghĩa, là một tướng, nếu như tên có nhiều, nghĩa cũng phải nhiều. Nếu vậy nghĩa này tức phải có nhiều thể. Một nghĩa này có nhiều thể, tức là mâu thuẫn. Vì vậy cho nên hai tính một thể tức là mâu thuẫn thứ hai. Lại nữa tên không nhất định là một, như tên “Cù” có thể có 9 nghĩa. Nếu chấp cho là tên và nghĩa là một, tức các nghĩa đồng thể. Cái chấp này là mâu thuẫn thứ ba. Bởi nghĩa của vô lượng biệt tướng đều thành một thể bình đẳng. Cho nên trong kệ cũng có nói nghĩa này. Trong kệ nói thành tự tức nói rõ y tha và phân biệt không có nghĩa đồng thể. Thành tự pháp là không mà có thể thấy v.v... một kệ này là dạy các đệ tử. Thí dụ ảo hóa v.v... cho nên đệ tử có 2 thứ mâu thuẫn nghi ngờ hỏi pháp không mà có thể thấy, không nhiễm mà có tịnh. Ở đây có nghi là như ảo hóa nghĩa là ảnh tượng ảo hóa thật không có mà có thể thấy. Nghĩa cũng như vậy, tuy không có mà cũng có thể thấy. Lại nữa như mây trong hư không, không thể nhiễm ô bản tính thanh tịnh. Nhưng những lúc không mây gọi là thanh tịnh. Các pháp cũng vậy bản tính thanh tịnh không có nhiễm ô. Nhưng khi không có khách trần chướng cấu, gọi là thanh tịnh.

Luận nói: Lại nữa, như chỗ hiển hiện đã không có, tính y chỉ này tất cả mọi thứ đều không, vì sao bất thành? Nếu không y tha, tính thành tự cũng không. Tất cả vô sở hữu thì nghĩa này bất thành. Nếu tính y tha và tính thành tự đều không thì không có lỗi nhiễm ô và thanh tịnh. Hiện thấy nhiễm ô và thanh tịnh, cho nên không phải tất cả là không. Ở đây có bài kệ như sau:

*Nếu không tính y tha,  
Tính thành tự cũng không.*



*Thì cũng hằng chẳng có,  
Nhiễm ô và thanh tịnh.*

Giải thích: Tính y tha như chỗ hiển hiện không có như vậy. Nay để hiển thị tất cả mọi thứ đều không là không đúng nên nói y tha này nếu không có thì thành tựu cũng không có. Bởi vì sao? Do có nhiễm cho nên phải có tịnh. Vì vậy nếu cảnhhi thứ đều không thì tất cả đều không. Nghĩa này không thành. Nay sẽ hiển thị sự chê trách không nhiễm tịnh. Đây là sai lầm. Bởi vì sao? Vì hiện thấy có nhiễm có tịnh nên y tha và thành tựu 2 pháp hiện thấy là có. Nếu chấp nói không tức thật có nhiễm tịnh mà chê trách nói không.

Luận nói: Trong Kinh Đại Thừa Phương Quảng Phật Thế Tôn đã nói: Phải biết tính phân biệt như thế nào? Phải biết nếu nói là vô sở hữu. Phải biết tính y tha như thế nào? Phải biết nếu nói như các thí dụ ảo hóa, sóng năng, ảnh tượng chiêm bao, tiếng vang, trăng dưới nước. Phải biết tính thành tựu như thế nào? Phải biết nếu nói 4 pháp thanh tịnh. Bốn pháp thanh tịnh là: Một là bản tính thanh tịnh. Như nói chân như, không, thật tế, vô tướng, đệ nhất nghĩa, pháp giới v.v... Hai là ly cấu thanh tịnh. Nghĩa là xa lìa tất cả chướng cấu. Ba là đặc đạo cùng tột thanh tịnh. Tức tất cả các pháp Bồ-đề phần, Ba-la-mật v.v... Bốn là đạo sinh cảnh giới thanh tịnh. Nghĩa là các chính pháp Đại thừa nói ra là nhân thanh tịnh, chẳng phải tính phân biệt, là lưu xuất từ pháp giới rất thanh tịnh, nên chẳng phải là tính y tha. Trong 4 pháp này thâm nhiếp được tất cả tịnh pháp. Ở đây có kệ như sau:

*Ảo hóa ...nói là sinh,  
Nói không, hiển phân biệt.  
Bốn thứ pháp thanh tịnh,  
Đây là tính thành tựu.  
Thanh tịnh có bản tính,  
Vô cấu, đạo phan duyên.*

*Tất cả pháp thanh tịnh,  
Bốn thứ đây gồm hết.*

Giải thích: Bản tính thanh tịnh là tự thể thanh tịnh. Tự thể này tức chân như, tất cả chúng sinh đều có. Vì tướng bình đẳng cho nên do có đây mà nói tất cả pháp là Như Lai tạng. Ly cấu thanh tịnh nghĩa là chân như này đã xa lìa tất cả phiền não trí chướng. Do chân như thanh tịnh này nên được gọi là Phật. Được đạo rất thanh tịnh nghĩa là đạo được kia cũng là thanh tịnh, tức Bồ-đề phần, Niệm xứ v.v.. các Ba-la-mật. Đạo sinh cảnh giới thanh tịnh nghĩa là các pháp Bồ-đề phần vượt trội được sinh duyên. Sinh duyên này cũng thanh tịnh nên nói là đạo sinh cảnh giới thanh tịnh. Tức là ngôn giáo của 12 bộ Tu-đà-la v.v... Các ngôn giáo này nếu là phân biệt tức thành nhân nhiễm ô, nếu là y tha tức thành hư vọng. Vì lưu xuất từ pháp giới rất thanh tịnh nên chẳng phải hư vọng. Do lìa 2 tính này nên được thành tựu. Lại nữa phải biết 4 tướng này trong Đại thừa tùy nói một thứ. Tức là nói tính thành tựu, trong đó 2 cái đầu là thành tựu không biến đổi, nên gọi là thành tựu. Hai cái sau vì không điên đảo nên gọi là thành tựu. Trong bài kệ sau nói rõ đầy đủ nghĩa này. Ảo hóa v.v... nói với sinh là tính y tha nói là sinh, tùy theo nơi nào mà nói tất cả pháp như huyền như hóa v.v... Đây nói tính y tha là nói không hiện lộ phân biệt. Nếu nói không có sắc, nói vô sở hữu, cho đến tất cả pháp là vô sở hữu, tức là nói tính phân biệt.

Luận nói: Lại nữa, vì nhân duyên gì như kinh nói tính y tha ví như chuyện ảo hóa v.v... Là vì để loại bỏ mối nghi ngờ hư vọng đối với tính y tha của người. Thế nào là sinh nghi ngờ hư vọng đối với tính y tha? Người ta nghĩ như thế này: Vì sao thật không có mà thành có cảnh giới? Để trừ bỏ nghi ngờ này nên ví dụ như ảo hóa. Nếu không thật có, làm sao có tâm và tâm pháp sinh? Để trừ bỏ nghi ngờ này nên nói ví như sóng nắng. Nếu không thật có, làm sao có được sự thụ dụng yêu thích và không yêu thích? Để trừ bỏ nghi ngờ này nên

nói ví như chiêm bao. Nếu không thật có, làm sao sinh được nghiệp thiện bất thiện và quả báo yêu thích không yêu thích? Để trừ bỏ nghi ngờ này nên nói thí dụ ảnh trong gương. Nếu không thật có, làm sao sinh được các thức? Để trừ nghi ngờ này nên nói ví dụ như bóng nắng. Nếu không thật có, làm sao sinh ra các thứ ngôn thuyết lưu bố? Để trừ bỏ nghi ngờ này nên nói ví dụ như tiếng vang. Nếu không thật có, làm sao được thành cảnh giới thật trong Tam-ma-đề? Để trừ bỏ nghi ngờ này nên nói ví dụ như trăng dưới nước. Nếu không thật có, làm sao Bồ-tát được tự tại dùng tâm không điên đảo làm việc lợi ích chúng sinh? Để trừ nghi ngờ này nên nói ví như biến hóa.

Giải thích: Để hiển thị tính y tha nên nói ví dụ ảo hóa. Nói “trong hư vọng nghi ngờ” nghĩa là trong thể hư vọng sinh nghi ngờ, cho nên trong tính y tha lấy ảo hóa v.v... làm thí dụ hiển thị như ảnh tượng ảo hóa không thật có mà thành cảnh giới, các pháp cũng vậy. Để trừ bỏ nghi ngờ kia nên làm thí dụ ảo hóa. Nếu không có thì không có chỗ phan duyên, tâm và tâm sở làm sao sinh được? Để đối trị nghi ngờ này nên nói thí dụ sóng nắng. Trong đó sóng nắng thí dụ tâm và tâm pháp. Nước dụ cho sóng nắng rung động. Nước như thức sinh, thật không có nước. Tâm và tâm pháp cũng như vậy, do động nên không thật có mà sinh ra nơi thức. Các phàm phu, Tiểu thừa lại có nghi ngờ rằng nếu không có, làm sao được thụ dụng ái phi ái? Để trừ nghi ngờ này nên thí dụ như chiêm bao. Tính y tha như trong chiêm bao, không thật có mà được thụ dụng ái phi ái. Trong đây được thành thụ dụng cũng vậy. Lại có nghi ngờ rằng nếu không có nghiệp thiện bất thiện, làm sao thành quả báo ái bất ái? Để trừ nghi ngờ này nên thí dụ ảnh tượng trong gương. Tính y tha như ảnh tượng trong gương, không thật có mà chính mặt mình sinh trí thấy có ảnh tượng, thật sự không có ảnh tượng. Quả báo ái phi ái cũng như vậy không thật có, nhưng có thể thấy. Lại nữa có nghi ngờ rằng nếu không có, làm sao có sinh các thức thức? Để đối trị nghi ngờ này nên

dùng bóng sáng thí dụ. Tính y tha như người chơi đùa với ảnh. Tùy mỗi tướng mạo có nhiều thứ hiện, nhưng không có ảnh nào là thật có. Thức cũng vậy, thật không có các thức, nhưng có thể thấy các thức. Lại có nghi ngờ rằng nếu không có, làm sao có thể sinh vô lượng ngôn thuyết lưu bố? Để trừ nghi ngờ này nên thí dụ như tiếng vang. Tính y tha như tiếng vang, không thật có, nhưng có thể nghe được. Cũng như vậy, ngôn thuyết lưu bố không thật có, nhưng có thể tiếp nhận được. Lại có nghi ngờ rằng nếu không có, làm sao được định? Tâm và tâm pháp thấy được là do kinh nói mà người được định tâm thấy biết như thật. Để đối trị nghi ngờ này nên nói thí dụ như trăng dưới nước. Trăng dưới nước không thật có nhưng có thể trông thấy vì nước trong treo lặng yên. Định tâm cũng vậy, thật không có cảnh giới mà vẫn trông thấy được vì Tam-ma-đề như thể của nước trong treo. Lại có nghi ngờ rằng nếu không thật có chúng sinh, làm sao có được chư Bồ-tát như thật trí v.v...? Trước dùng trí tuệ quán sát là các chúng sinh kia thụ thân nơi các thú. Để đối trị nghi ngờ này nên lấy thí dụ là biến hóa. Tính y tha như biến hóa, không thật có, tùy tâm người biến hóa mà thành có các việc, chẳng phải không do biến hóa mà có thể thấy được. Như vậy tuy thật không thụ thân, nhưng là tất cả chúng sinh nên thụ thân.

Lại nữa vì ý gì Thế Tôn nói 8 thí dụ này? Nay sẽ nói rõ. Trong đó nói dụ như ảo hóa là đối trị nhãn v.v...6 nội nhập. Do mắt v.v... các ảo ảnh không có thật mà cũng có thể thấy. Thí dụ sóng nắng là ví dụ cho khí thể gian, do thể rộng lớn nên như sóng nắng dao động, thật không có nước mà thấy có nước. Để đối trị sự thụ dụng sắc v.v... nên nói ví như chiêm bao. Trong chiêm bao, sắc v.v... không thật có, nhưng vì đó là nhân của yêu ghét v.v... mà thành có sự thụ dụng. Để đối trị thân nghiệp nên nói ví dụ ảnh trong gương, do thân nghiệp thiện bất thiện làm nhân duyên nên có các sắc sinh ảnh tượng. Để đối trị khẩu nghiệp nên nói ví dụ tiếng vang. Do khẩu nghiệp là nhân nên có quả của khẩu nghiệp, như tiếng vang vậy. Ý nghiệp có 3 thứ: một

Dục giới, hai tỉnh địa, ba văn v.v...sinh. Trong đó để đối trị ý nghiệp của Dục giới nên nói ví như bóng sáng. Do quả báo của ý nghiệp giống như bóng sáng vậy. Để đối trị ý nghiệp của tỉnh địa, nên nói ví dụ trăng dưới nước. Do quả của ý nghiệp của tỉnh địa như trăng trong nước, không thật có nhưng trong tĩnh tâm hiển hiện các thứ quả. Để đối trị ý nghiệp của văn v.v... nên nói ví dụ biến hóa. Trong đó nói văn v.v... tức là các văn, tư huân tập, hiển thị sinh ý của văn v.v... này như hóa hiện.

Luận nói: Thế Tôn dựa vào nghĩa gì trong Kinh Phạm Thiên Vấn nói Như Lai không thấy sinh tử không thấy Niết-bàn? Dựa vào trong tính y tha, về tính phân biệt và tính thành tựu nên không có nghĩa sai biệt về thể của sinh tử Niết-bàn. Trong đó tính y tha này phân biệt thành sinh tử, thành tựu thành Niết-bàn.

Giải thích: Pháp tướng của 3 tính này, như Tu-đa-la nói là tùy thuận tương ưng. Nay sẽ nói rõ. Dựa vào nghĩa gì mà trong Kinh Phạm Thiên Vấn nói Như Lai không thấy sinh tử và Niết-bàn. Vì dựa vào nghĩa sinh tử và Niết-bàn là vô sai biệt. Tính y tha chẳng phải là sinh tử do phần thành tựu tức là Niết-bàn. Cũng chẳng phải Niết-bàn do phần phân biệt thành sinh tử. Vì vậy không thể nói thiên về một phần. Thế Tôn thấy trong y tha không thiên về một tính, do ý này nên trong kinh ấy nói không thấy sinh tử không thấy Niết-bàn.

Luận nói: Như Thế Tôn trong Kinh A-tì-đạt-ma nói có 3 thứ pháp là phần nhiễm ô, phần thanh tịnh và cả hai phần. Dựa vào nghĩa gì mà nói như vậy? Trong tính y tha, tính phân biệt là phần nhiễm ô, tính thành tựu là phần thanh tịnh. Tức tính y tha này là 2 phần kia. Do nghĩa này mà có thuyết như vậy. Nghĩa này hiển thị bằng thí dụ gì? Lấy thí dụ vàng ở trong đất. Như vàng ở trong đất có thể thấy được 3 thứ: một là cõi đất, hai là đất, ba là vàng ở trong cõi đất. Đất chẳng phải có mà có thể thấy. Vàng thật có mà không thể thấy. Nếu dùng lửa nung thì đất không hiện mà vàng hiển hiện. Lại nữa ở trong cõi

đất khi tướng đất hiện là hiện thể hư vọng, khi thể vàng hiện là hiện thể chân thật. Vì vậy cõi đất có 2 phần. Cũng như vậy, tính của thức này khi chưa bị lửa vô phân biệt trí nung đốt thì trong thức tính, tính hư vọng phân biệt hiển hiện, tính thành tựu không hiển hiện. Thức tính này nếu được lửa vô phân biệt trí nung đốt thì trong thức tính, thật có tính thành tựu hiển hiện, mà tính hư vọng phân biệt không hiển hiện. Vì vậy cái thể của thức hư vọng phân biệt này, tính y tha có 2 phần như cõi đất có vàng chứa trong đất vậy.

Giải thích: Như vậy trong A-tì-đạt-ma Tu-đa-la nói phân biệt là tính nhiễm ô, thành tựu là tính thanh tịnh, y tha là thể của 2 phần kia. Do nghĩa này nói 3 thứ pháp là phần nhiễm ô, phần thanh tịnh và hai phần kia, được hiển thị bằng thí dụ cõi đất có đất chứa vàng. Trong đó vàng là chủng tử vàng, cõi đất là tính cứng, đất là sở tạo sắc. Nơi tướng đất có 3 thứ có thể được. Cõi đất kia có chứa vàng, chỉ thấy tướng đất hiển hiện. Thể vàng kia sau mới biết có. Bởi vì sao? Nếu dùng lửa nung thì vàng mới hiện. Vì vậy biết rằng vàng là có từ bản lai.

Luận nói: Thế Tôn có chỗ thì nói tất cả pháp là thường, hoặc có chỗ thì nói là vô thường, hoặc có chỗ thì nói phi thường phi vô thường. Vì nghĩa gì nói là thường? Trong tính y tha, đứng về phần tính thành tựu nên nói là thường, đứng về phần tính phân biệt nên nói là vô thường, đứng về cả 2 phần nên nói là phi thường phi vô thường. Vì nghĩa này nên nói là thường, vô thường, không hai. Khổ vui cũng không hai. Thiện bất thiện cũng không hai. Không phi không, không hai. Ngã vô ngã, không hai. Tịch tĩnh phi tịch tĩnh không hai. Có tự tính, không tự tính, không hai. Sinh, không sinh, không hai. Diệt, không diệt, không hai. Vốn vắng lặng, chẳng phải vốn vắng lặng, không hai. Bản tính Niết-bàn, chẳng phải bản tính Niết-bàn, không hai. Sinh tử, Niết-bàn, không hai. Như vậy các sai biệt, tất cả mặt ngữ của chư Phật Thế Tôn đều tùy thuận 3 tính mà nói như thường, vô thường. Ở đây có bài kệ như sau:

Như pháp vô sở hữu,  
 Mà hiện vô lượng thứ.  
 Phi pháp, phi phi pháp,  
 Nên nói không hai nghĩa.  
 Y một phần hiển thị,  
 Hoặc hữu hoặc phi hữu.  
 Y hai phần mà nói,  
 Phi hữu, phi phi hữu.  
 Như hiển hiện phi hữu,  
 Cho nên nói là không.  
 Do như vậy hiển hiện,  
 Cho nên nói là có.  
 Tự hiển vô sở hữu,  
 Vì tự thể không trụ.  
 Như thủ đã không có,  
 Nên thành vô tự tính.  
 Do vô tính nên thành,  
 Trước là sau y chỉ.  
 Vô sinh tịch diệt tĩnh,  
 Và bản tính Niết-bàn.

Giải thích: Như pháp là vô sở hữu mà hiện ra vô lượng chủng loại, nghĩa là nửa kệ trên theo tuần tự là phi pháp, phi phi pháp. Bởi vì sao? Vì vô sở hữu nên gọi là phi pháp. Vì chẳng phải pháp không hiển hiện nên gọi là phi phi pháp. Vì phi pháp phi phi pháp nên nói là nghĩa không hai. Một phần nghĩa là một bên. Hoặc hữu hoặc phi hữu nghĩa là hoặc ở bên hữu hoặc ở bên vô. Hiển thị nghĩa là nói. Dựa vào 2 phần nói là phi hữu phi phi hữu, nghĩa là do tính y tha có đủ 2 thể. Lấy nghĩa này nên nói phi hữu phi phi hữu. Như hiển hiện phi hữu nghĩa là như pháp được trông thấy, nó là chẳng phải có, vì vậy nói nó là không. Vì vậy nói là có, nghĩa là vì theo nghĩa này nên

nói là có. Nay sẽ nói về ý vô tự tính. Tự chẳng có là do tất cả pháp không có. Là nhân duyên mà có thể tự có, đây là một loại ý vô tự tính. Thế không có, cũng là một loại vô tự tính. Nếu pháp diệt rồi, thế kia không sinh trở lại, nên vô tự tính. Vì tự thể không trụ, nghĩa là các pháp ngay khi sinh không có lực có thể trụ quá một sát-na, đây cũng là vô tự tính. Các pháp vô tự tính này cộng hữu với Thanh Văn. Nếu đã không có thì không cộng hữu với Thanh Văn. Cái tính phân biệt như phàm phu chấp thủ không phải như cái hữu này. Cho nên ý này là nói pháp vô tự tính trong Đại thừa. Lại vì cái vô tự tính này nên vô sinh v.v... tất cả đều được thành tựu. Bởi vì sao? Do tự vô tính nên không sinh, do không sinh nên không diệt, do không sinh diệt nên xưa nay vắng lặng, do xưa nay vắng lặng nên tự tính Niết-bàn. Trước là y chỉ của sau tức trước là nhân của sau.

#### **Chương 4: Bốn ý bốn hợp nghĩa**

Luận nói: Lại có 4 thứ ý, 4 thứ hợp nghĩa, tất cả lời Phật nói, nên tùy thuận mà hiểu cho đúng. Một là ý bình đẳng, như nói ta xưa kia là Tì-bà-thi Chính biến tri. Hai là ý theo lúc khác, như nói tụng tri tên Đa Bảo Như Lai chắc chắn được A-nậu-đa-la Tam-miệu Tam-bồ-đề. Lại như kinh nói chỉ phát nguyện là được sinh thế giới Cực Lạc. Ba là ý theo nghĩa riêng, như kinh nói thân cận chư Phật nhiều như cát sông Hằng, hiểu được nghĩa của pháp Đại thừa. Bốn là ý tùy theo tâm người, nghĩa là hoặc vì người này khen ngợi sự bố thí, sau lại vì người này chê bai sự bố thí. Giống như bố thí, giới và các tu pháp khác cũng vậy. Đó gọi là 4 ý.

Giải thích: Như có người lấy cùng một pháp nên nói kia tức là ta. Thế Tôn cũng vậy, tâm ở nơi pháp thân bình đẳng nên nói ta khi ấy là Tì-bà-thi v.v... chẳng phải Tì-bà-thi tức là Phật Thích-ca Mâu-ni. Đây là lấy ý bình đẳng. Ý theo lúc khác, nghĩa là ý này không phải nói chỉ xưng danh hiệu Phật là quyết định được A-nậu-đa-la



Tam-miêu Tam-bồ-đề. Như nói dùng một đồng tiền vàng được ngàn đồng tiền vàng, lẽ nào một mà nói là được ư? Ý này là nói ở một lúc đặc biệt nào đó, vì một đồng tiền vàng là nhân được ngàn đồng tiền vàng. Cũng như vậy, chỉ phát nguyện là được sinh thế giới Cực Lạc cũng với ý đó. Phải biết rằng trong ý theo nghĩa riêng, hiểu được pháp Đại thừa, nghĩa là trong 3 tính đạo lý tự giác tướng ấy. Nếu ý của Thế Tôn chỉ được hiểu nghĩa theo văn từ thì phạm phu cũng hiểu đúng được. Hiểu nghĩa kia là ắt phải do thân cận vô lượng chư Phật mới được, cho nên đây là ý của Phật. Ý tùy theo tâm người, nghĩa là hoặc với người này khen ngợi bồ thí, rồi lại cũng với người này chê bai bồ thí. Ý như vậy là tùy theo người kia mà sử dụng. Nếu là người keo kiệt thì khen ngợi sự bồ thí. Nếu người này đối với bồ thí mà đắc thắng thì chê bai sự bồ thí. Nếu không có ý này mà đối với một việc bồ thí khi khen khi chê tức là mâu thuẫn. Do có ý này nên hoặc khen hoặc chê đều thích hợp. Giới v.v... cũng vậy. Phải biết một phần tu nghĩa là thế gian tu. Ý và nghĩa khác nhau nghĩa là nếu như Thế Tôn có tâm sở tại mà nói, đó là ý. Còn do nói ra chắc chắn khiến người vào trong Phật giáo, đó là nghĩa.

Luận nói: Bốn thứ hợp nghĩa, đó là: Một là nghĩa khiến nhập. Như trong Thanh Văn thừa, nếu trong Đại thừa, y vào đạo lý thế đế nói sự sai biệt của 2 thứ tự tính nhân và pháp. Hai là nghĩa tướng, nghĩa là tùy theo tướng thuyết pháp, đều dùng 3 tính hiển thị. Ba là nghĩa đối trị, như nói có 8 vạn 4 ngàn hạnh môn đối trị.

Giải thích: Trong đây nói nghĩa khiến nhập, tức là đối với 2 thứ nhân và pháp, đứng về đạo lý thế đế, hoặc nói tự tính, hoặc nói sai biệt, là khiến chúng sinh vào trong Phật pháp, cho nên gọi là nghĩa khiến nhập. Nghĩa tướng là trong đó lấy nghĩa của tướng mà nói các tướng do nói 3 tính. Nghĩa đối trị, nghĩa là nói chúng sinh làm việc đối trị, tức nói chư chúng sinh đối trị phiền não, để an lập chỗ đối trị phiền não cho chúng sinh.

Luận nói: Bốn phiên nghĩa, như chữ tiếng có nghĩa riêng. Để hiển thị nghĩa riêng, ở đây có bài kệ như sau:

*A-sa-lê Sa-la-mạt-đa-da Tì-bát-ri-da-tư-chá Tổ-tát-đa già  
Cát-lê-đà-nại-chá Tổ-tăng-cát-lợi-sắt-tra La-bàn-đê-bồ-đề-một-  
đáp-ma*

Giải thích: Trong đây A-sa-lê nghĩa là hiển liễu nghĩa, gọi là không thật, ẩn mật nghĩa, gọi là bất động. Tức là định này vì bất động nên gọi là A-sa-lê. Sa-la-mạt-đa-da nghĩa là dịch là đối với định khởi ý tôn trọng. Tì-bát-ri-da-tư-chá nghĩa là nếu hiển thị liễu nghĩa gọi là điên đảo, ẩn mật nghĩa gọi là chuyển đảo. Tổ-tát-đa nghĩa là khéo trụ trong chuyển đảo. Khéo trụ nên vô thường gọi là thường. Đây là điên đảo, chuyển vô thường kia gọi là thường, vì khéo trụ trong điên đảo. Cát-lê-đà-nại-chá nghĩa là nếu hiển thị liễu nghĩa thì gọi là phiên não, ẩn mật nghĩa gọi là cần khổ. Tổ-tăng-cát-lợi-sắt-tra nghĩa là khéo nhiệm, cho nên kinh nói ở lâu trong sinh tử nhiệm cần khổ. La-bàn-đê-bồ-đề-một-đáp-ma dịch nghĩa là sẽ được thắng Bồ-đề. Câu này có thể hiểu.

Luận nói: Nếu muốn giải thích pháp Đại thừa, đại khái nên dùng 3 tướng giải thích: một là giải thuyết về duyên sinh, hai là giải thuyết về nhân duyên sở sinh pháp, ba là giải thuyết nghĩa trong ngôn giáo. Trong đây giải thuyết duyên sinh như kệ nói:

*Ngôn huân tập sinh pháp,  
Đây với kia cũng vậy.*

Đây là nói quả báo thức và sinh khởi thức làm duyên sinh cho nhau. Nhân duyên sở sinh pháp kia, sinh khởi thức là tướng có thể tính của tướng và kiến thức. Kia do trụ trì tướng, phân biệt tướng, pháp nhĩ tướng, tức đây được hiển thị 3 tính tướng, như kệ nói:

*Có tướng và có kiến,  
Thế là biết 3 tướng.*

Lại nữa, thế nào là giải thích tướng kia? Nghĩa là tướng phân biệt trong tướng y tha thì không thể, tướng thành tựu trong y tha thì có. Do 2 cái này, nên không có và có, không thể được có thể được, không thấy chân thật thấy chân thật 2 cái này đồng thời. Lại nữa ở trong tính y tha, phân biệt thì vô sở hữu mà thành tựu thì hữu, cho nên được kia thì không được đây, không được kia thì được đây. Như kệ nói:

*Y tha: phân biệt không,  
Chỉ thành tựu là có.  
Không được với lại được,  
Trong đó hai như nhau.*

Giải thích: Ngôn thuyết huân tập sinh các pháp, nghĩa là bên ngoài phân biệt huân tập thức A-lê-da, tức trụ ở trong thức do huân tập này làm nhân sinh tất cả pháp., tức là tự tính của sinh khởi thức. Đây với kia cũng vậy, nghĩa là cái phân biệt huân tập này lấy ngay các pháp kia làm nhân. Đây hiển thị thức A-lê-da với sinh khởi thức làm nhân cho nhau. Lại nữa tính của sinh khởi thức có các pháp có thức thể của tướng và kiến làm tính, nghĩa là nếu thức thể có tướng và có kiến tức là thể của kia. Nói các pháp có 3 tướng là trụ trì tướng, tức là tướng y tha. Do các thuyết nói đây nên 3 tính có các tướng được hiển thị. Các nghĩa như vậy dùng nghĩa của kệ hiển hiện có tướng có kiến. Vậy nên biết 3 tướng là 3 tướng này như được hiển thị trong giải thích của luận bản. Không có và có, không thể được và có thể được, không thấy chân thật và thấy chân thật, cả hai đồng thời v.v... nghĩa là để hiển thị điều đó, trong đây nói hai tức là phân biệt và thành tựu. Trong 2 phần này, một là không có, một là có. Nói có không có là nếu được phân biệt thì không được thành tựu, bởi không thấy chân thật. Tức lúc ấy không được phân biệt mà được thành tựu, bởi thấy chân thật. Những nghĩa như vậy lại dùng kệ hiển thị. Trong kệ nói bình đẳng, nghĩa là một sát-na cho nên nói trong tức là trong

tính y tha. Nói hai tức là thấy chân thật và không thấy chân thật. Nói “cho nên” tức là do có nhân duyên. Bởi trong tính y tha, phân biệt là không, thành tựu là có. Cho nên phạm phu thấy là do điên đảo, các Thánh nhân thấy là do chính kiến.

Luận nói: Giải thích nghĩa trong ngôn giáo, nghĩa là như nói câu đầu tiên làm chính rồi dùng các câu khác làm rõ phần ấy. Hoặc công đức y chỉ hoặc nghĩa y chỉ. Công đức y chỉ là như nói công đức của Phật thanh tịnh giác cùng tột không có 2 pháp, hành pháp vô tướng là thắng đạo, trụ nơi Phật trụ, được bình đẳng tất cả Phật, đến chỗ không còn chướng ngại, pháp không thoái chuyển, thành lập cảnh giới vô ngại không thể nghĩ bàn, nhập tam thế bình đẳng, thân biến khắp tất cả thế giới, trí thông suốt không ngại tất cả pháp, tất cả hạnh đầy đủ, trí biết không ngại đối với các pháp, thân không phân biệt, trí tất cả Bồ-tát mong cầu, đến chỗ Phật trụ không hai, đến cứu cánh đệ nhất Ba-la-mật, trí giải thoát không sai biệt của Như Lai, nhập vào pháp giới bình đẳng không ở ngoài biên không ở chính giữa của Phật địa, đệ nhất tận cùng cõi hư không, thanh tịnh giác cùng tột làm gốc. Ngoài ra các câu khác đều là sai biệt của câu này. Phải biết rằng tất cả như thế gọi là giải thích tốt. Các pháp thể thanh tịnh giác cùng tột là cái thanh tịnh giác cùng tột này của Phật Thế Tôn. Phải biết thâm nhiếp 21 công đức khác của Phật. Tức là công đức hoàn toàn không chướng ngại chuyển khiến nhập vào hữu vô không hai tướng. Công đức chân như thanh tịnh cùng tột. Công đức Phật trụ không dụng công mà Phật sự không ngừng nghỉ, pháp thân làm y chỉ. Công đức tâm nghiệp không sai biệt. Công đức tu đối trị tất cả chướng. Công đức hàng phục tất cả ngoại đạo. Công đức sinh tại thế gian không bị pháp thế gian trở ngại. Công đức thành lập pháp. Công đức thụ ký. Công đức thị hiện thụ dụng thân, hóa thân trong tất cả thế giới. Công đức đoạn nghi. Công đức khiến nhập vào các hạnh. Công đức sinh trí pháp vị lai. Công đức hiển thị như chỗ mong muốn. Công

đức vì giáo hóa chúng sinh hiện vô lượng thân. Công đức thành tựu pháp thân bình đẳng Ba-la-mật. Công đức tùy theo tín lạc hiển thị cõi Phật vô sai biệt. Công đức 3 thứ Phật thân không giới hạn phương sở. Công đức hằng vì lợi lạc chúng sinh cho đến tận cùng sinh tử. Công đức vô tận.

Giải thích: Hiển thị trong phần đó, nghĩa là như chỗ cần phải giải thích. Nay sẽ làm rõ nghĩa này. Hoặc gồm trong công đức, hoặc gồm trong nghĩa. Gồm trong công đức tức thanh tịnh giác cùng tột là câu đầu tiên. Ngoài ra các câu khác là làm rõ nghĩa đó. Trong đây không hai hạnh là hai hạnh không thể được gọi là không hai hạnh. Chẳng phải như trí Thanh Văn, Bích-chi-phật cũng có chướng ngại cũng không chướng ngại, hữu vô không hai tướng. Đệ nhất thanh tịnh nghĩa là chân như thanh tịnh, tức là pháp vô tướng. Chân như này chẳng phải có tướng bởi tất cả pháp là vô sở hữu. Cũng chẳng phải không có tướng bởi có tướng tự thể. Chân như này trong pháp vô tướng là đệ nhất thanh tịnh. Nhập xứ cho nên nói công đức khiến nhập. Tối thắng cho nên gọi là đạo. Đạo là nghĩa nhập xứ nên gọi là đạo. Công đức Phật trụ không dụng công mà Phật sự không ngừng nghỉ nghĩa là đối với công việc Phật sự thường làm mà không dừng lại. Công đức tu đối trị tất cả chướng ngại là dùng tất cả thời gian hằng tu chính giác, cho nên có thể đối trị tất cả chướng ngại. Công đức sinh tại thế gian mà không bị pháp thế gian chướng ngại nghĩa là phàm sinh trong thế gian tất hành động trong cảnh giới thế gian, nhưng tuy sinh thế gian không bị 8 pháp lợi thế gian làm nhiễm. Công đức thành lập pháp là Tu-đa-la v.v...các pháp vô lượng không thể nghĩ bàn, bởi phàm phu không thể ngộ nhập cho nên gọi là thanh tịnh giác cùng tột. Đây tức là đều tương ứng với một câu thanh tịnh giác cùng tột này. Công đức sinh trí pháp vị lai nghĩa là các pháp sinh ở đời vị lai như vậy đều có thể biết được. Công đức tương ứng vô lượng thân để giáo hóa chúng sinh nghĩa là vô lượng các thân Bồ-tát

nếu làm công việc giáo hóa chúng sinh, chư Phật được trí tự tha bình đẳng, cho nên trí kia tức gồm trong Phật trí, tức là việc giáo hóa của Phật. Công đức thành tựu pháp thân bình đẳng Ba-la-mật nghĩa là pháp thân không hai nên gọi là bình đẳng. Vì đây không có 2 pháp thân nên gọi là được cùng tột Ba-la-mật thanh tịnh. Trí giải thoát đến cứu cánh không sai biệt, nghĩa là trong trí không sai biệt của Như Lai, cứu cánh giải thoát, nên trong giải thoát này là tăng thượng giải. Công đức 3 thứ Phật thân không giới hạn phương sở, nghĩa là pháp thân ở bao nhiêu phương xứ cũng không có giới hạn. Và thụ dụng thân, hóa thân ở các thế giới cũng vậy. Pháp giới đệ nhất là pháp giới thanh tịnh cùng tột là đệ nhất nên gọi pháp giới đệ nhất. Tận hư không giới là Phật trí như hư không không cùng tận, vì vậy nên gọi thanh tịnh giác không cùng tột.

Luận nói: Lại nữa, y chỉ nghĩa, tức như kinh nói: Bồ-tát đủ 32 pháp gọi là Bồ-tát: Đối với tất cả chúng sinh khởi ý lợi lạc. Khiến nhập nhất thiết trí. Biết giá trị của ta là gì. Xả bỏ kiêu mạn. Ý chí vững chắc. Không phải làm vì thương xót. Tâm bình đẳng không thân sơ. Làm người bạn thân cho đến khi được Niết-bàn. Suy lường đúng đắn mà nói. Tươi cười trước khi nói. Đại bi vô hạn. Gánh vác trách nhiệm nặng nề không thoái lui bỏ cuộc. Không có ý mệt mỏi. Nghe nghĩa lý không chán. Tự thấy tội lỗi mình làm. Đối với tội lỗi người khác, không chê bai mà khuyên răn chỉ bảo. Tu tâm Bồ-đề trong tất cả oai nghi. Hành thí không cầu báo. Giữ giới mà không nhắm vào các nẻo đường còn có sinh tử. Tu hành nhẫn nhục không ngại đối với tất cả chúng sinh. Tu hành tinh tiến giữ lấy tất cả thiện pháp. Lià bỏ cõi Vô sắc mà tu thiền. Phương tiện tương ưng với trí tuệ. Lấy Tứ nhiếp làm phương tiện nhiếp hóa chúng sinh. Từ ái đối với người giữ giới phá giới, không phân biệt có hai. Cung kính nghe chính pháp. Cung kính trụ nơi A-lan-nhã. Không vui đắm trước các tạp sự thế gian. Không mong cầu bậc hạ thừa thấp kém. Thấy công

đức Đại thừa. Xa lìa bạn xấu. Gần gũi bạn lành. Tịnh tu 4 Phạm hạnh. Vận dụng tự tại 5 thần thông. Hành động theo trí tuệ. Không xả bỏ chúng sinh nào dù chúng sinh đó trụ hay không trụ trong chính hạnh. Nói chắc chắn, trọng chân thật. Lấy tâm Bồ-tát làm đầu. Phải biết các câu như vậy đều là phân tích các sai biệt của câu đầu. Ý lợi lạc trong tất cả chúng sinh, nghĩa là câu ý lợi lạc này có 16 nghiệp sai biệt. Mười sáu nghiệp sai biệt là: Lăn lượt thực hành. Không điên đảo. Không ai mời cũng tự làm. Không dao động đổ vỡ. Không có ý mong cầu. Đây có 3 ý không cầu báo đáp. Đối với chúng sinh thuận hay nghịch không có tâm yêu ghét, đời đời vẫn theo đuổi không xa bỏ. Tức trong loại này có 2 câu về thân khẩu nghiệp. Bình đẳng đối với khổ, vui và không hai. Không thấp kém. Không thoái chuyển. Dùng phương tiện nhiếp thủ. Chán ghét chướng ngại. Đây có 2 câu tư duy không gián đoạn và tiến thẳng. Đây có 7 câu chính tu hành 6 Ba-la-mật và tu hành Tứ nhiếp sự, tu hành thành tựu phương tiện. Đây có 6 câu gần gũi người lành. Nghe chính pháp. Ở nơi A-lan-nhã. Xa lìa các hiểu biết xấu xa sai lầm. Công đức chính tư duy có 2 thứ, công đức về sự có 2 thứ. Nghiệp thành tựu có 3 thứ: vô lượng thanh tịnh, được oai đức lớn, được công đức vượt trội. Nghiệp an lập kia. Đây có 4 câu: Thân nhiếp các công đức. Quyết định dạy dỗ. Gồm hai pháp tài làm một. Không tâm nhiễm ô. Các câu như vậy đều là các câu sai biệt. Như trong kinh có bài kệ nói:

*Câu đầu tiên bao gồm  
 Các câu về công đức.  
 Câu đầu tiên bao gồm  
 Các câu nói về nghĩa.*

Giải thích: Y chỉ nghĩa, tức là ý lợi lạc trong tất cả chúng sinh. Nghĩa của câu này nói có 16 nghiệp và hiển thị với các câu khác. Trong đây ý lợi lạc làm những nghiệp gì? Khiến nhập trí Nhất thiết trí là nếu khiến các chúng sinh nhập vào trí Nhất thiết trí thì đây là

hành động lần lượt, ví như một ngọn đèn thấp lên một ngàn ngọn đèn. Đó là hiển thị ý lợi lạc. Các câu như vậy đều tương ứng với ý lợi lạc. Tự biết giá trị của mình là gì, nghĩa là tự có ý lợi lạc, nhưng là điên đảo. Như có người ý muốn lợi lạc mà đem rượu cho uống. Nếu như thật tự biết phần lượng mình dạy dỗ chúng sinh, thì không dùng kiêu mạn, tự mình không biết, khởi tâm lợi ích trở thành không có lợi. Nói xả bỏ kiêu mạn tức là hỉ xả bỏ tâm kiêu mạn nên không đợi mời thỉnh tự vì nói pháp.. Ý chí vững chắc, nghĩa là không vì chúng sinh có hành vi điên đảo mà cái tâm lợi lạc vững chắc bị dao động đổ vỡ. Chẳng phải ra làm vì có ý thương xót, nghĩa là không vì lợi dưỡng mà làm việc lợi ích chúng sinh. Làm sao biết được ý lợi lạc này? Do làm thuận theo thân khẩu nghiệp, cho nên trong đó ứng lượng mà nói và trước nói là khẩu nghiệp. Tươi cười và Đại bi vô hạn v.v... là thân nghiệp. Trong đây nói ứng lượng mà nói nghĩa là chỉ nói pháp ngữ. Lòng thương vô hạn là thương 3 cái khổ: Khổ là khổ khổ, vui là hoại khổ, không khổ không vui là hành khổ. Chẳng phải hai nghĩa là không khổ không vui. Nghiệp không thấp kém, nghĩa là không tự ti coi mình thấp kém nói rằng ta không thể thành Phật, đại loại như thế. Ý không mệt mỏi, nghĩa là nếu không mệt mỏi thì có thể tu Phật đạo. Nghe nghĩa lý không chán, nghĩa là nếu không đa văn thì không có trí phương tiện giáo hóa chúng sinh. Nói “Trong tất cả oai nghi”, nghĩa câu này như nói trong Tịnh Hạnh Tu-đa-la. Nghiệp tiến thắng tức là ý lợi lạc, vì là thể của nhân tăng đến tăng trưởng. Nghiệp tu thành tựu phương tiện có 6 câu là nếu người thân cận đây tu hành tức được thành tựu. Cung kính ở nơi A-lan-nhã, nghĩa là ở nơi đó có thể lìa các hiểu biết xấu xa sai lầm. Những tạp sự thế gian như ca múa vui chơi các thứ. Nghiệp thành tựu, nghĩa là biểu hiện tướng thành tựu kia. Oai đức, tức 6 thân thông. Tùy theo trí tuệ mà hành động, nghĩa là theo trí chứ không theo thức, từ trí tuệ sinh. Do trí tuệ này tương ứng với chính chứng. Trụ trong các pháp an lập nghiệp kia, tức là do có ý lợi lạc nên có thể dùng lợi lạc an lập chúng



sinh. Trong đây nói “nhiếp chúng” nghĩa là đối với người phá giới vẫn không bỏ cũng không xua đuổi, khiến lìa bỏ điều không tốt hợp với điều tốt. Quyết định dạy dỗ, nghĩa là do cứ một mực lập dạy dỗ ngăn cấm, không tự nói, sau lại nói điều ta nói trước đây là không tốt. Người nghe, tức là người thụ giáo. Gồm tài pháp, là do những lời thành thật bảo cho người kia, vì gồm cả pháp và y phục tài lợi v.v... như nói gồm đủ. Không có tam nhiễm ô, nghĩa là thực hành tâm Bồ-đề làm việc lợi ích chúng sinh, không phải để cầu cúng dường mình, chỉ nghĩ rằng làm sao các điều thiện này khiến chúng sinh chính giác vô thượng Bồ-đề. Nhiếp thụ như vậy cho nên nghĩa trong kệ cũng vậy. Giải thích về tướng xong.

## NHIẾP ĐẠI THỪA LUẬN THÍCH LUẬN

### QUYỀN 6

#### Nhập sở tri tướng tướng ngữ 3

Luận nói: Như vậy đã nói các tướng sở tri. Làm sao có thể thấy ngộ nhập tướng sở tri? Y chỉ đa văn huân tập. Sự huân tập này chẳng phải do A-lê-da thu gom mà giống như thành chủng tử của A-lê-da. Do chính tư duy nhiếp giữ tự pháp tự nghĩa sinh ra tương tự vật của kiến phần ý thức.

Giải thích: Như thế là tất cả tướng sở tri và hiển thị như thế nên ngộ nhập tướng sở tri. Lấy sự đa văn huân tập làm y chỉ, nghĩa là pháp Đại thừa huân tập vào thân. Nói chẳng phải A-lê-da thu gom, nghĩa là đối trị thức A-lê-da. Giống như thành chủng tử của A-lê-da, nghĩa là giống như A-lê-da là nhân của nhiễm pháp. Đây cũng là nhân của tịnh pháp. Cho nên nói chính tư duy thâm nhiếp nghĩa là chính tư duy là tự tính. Tự pháp tự nghĩa sinh ra, nghĩa là tướng của pháp nghĩa sinh. Vật tương tự sinh ra, nghĩa là như thể của sắc v.v... Nói có kiến phần cũng là thể tương tự của kiến phần. Như vậy tức thành lập 2 thức tướng phần và kiến phần.

Luận nói: Trong đây ai là người ngộ nhập tướng sở tri? Là các Bồ-tát đã liên tục huân tập đa văn pháp Đại thừa, được gần gũi vô lượng chư Phật xuất thế, hoàn toàn tin hiểu tập hợp thiện căn, đầy đủ hành trang phúc trí.

Giải thích: Ai là người có thể ngộ nhập tướng sở tri, nghĩa là trong số này nếu sở hữu được phương tiện ngộ nhập. Nói “huân tập đa văn pháp Đại thừa, nghĩa là lìa Thanh Văn thừa v.v... mà đa văn. Được gần gũi vô lượng chư Phật xuất thế, nghĩa là quá khứ vô số chư Phật xuất thế đều được hiện tiền thân cận. Hoàn toàn tin hiểu, tức là đối với Đại thừa có sự tin hiểu chắc chắn, không bị ác tri thức làm dao động phá hoại. Đây tức trước đã nói trong 3 nhân duyên, khéo tập hợp các thiện căn nên gọi là Bồ-tát khéo tập hợp hành trang phúc trí. Lại nữa hành trang phúc trí làm sao có thể lần lượt đầy đủ? Do sức của nhân, sức của thiện hữu, sức cửat duy, sức của y tri. Trong đây 2 câu đầu là 2 sức. Như số đó thì sức của chính tư duy kia tức là hoàn toàn tin hiểu. Đây là lấy huân tập Đại thừa làm nhân. Hoàn toàn tin hiểu đây tức chính hạnh tu hành. Do chính hạnh tu hành nên được tập hợp thiện căn. Do sức của chính tư duy này nên được khéo đầy đủ hành trang phúc trí. Có thứ tự này do khéo đầy đủ hành trang phúc trí nên được nhập sơ địa Bồ-tát. Đây là sức của y tri.

Luận nói: Từ đâu được ngộ nhập? Tức từ ý thức có kiến phần kia, do pháp tướng Đại thừa sinh ra tương tự phân biệt pháp và nghĩa.

Giải thích: Ngộ nhập như vậy, nay sẽ hiển thị hành tướng ngộ nhập này. Ý địa phân biệt gọi là ý ngôn. Chủng loại của ý ngôn này lấy pháp Đại thừa là nhân sinh ra. Pháp tướng Đại thừa sinh ra, nghĩa là phan duyên chỗ thuyết pháp.

Luận nói: Trong hành địa của tín giải, trong kiến đạo, trong tu đạo, trong cứu cánh đạo, tất cả pháp chỉ có thức tùy theo nghe mà tin hiểu, thông suốt như lý, đối trị tất cả chướng, không chướng ngại.

Giải thích: Từ đâu được ngộ nhập? Từ tín giải được ngộ nhập. Do chỉ nghe tất cả pháp là duy thức liền khởi tăng thượng tín giải, gọi là được ngộ nhập, được vào trong kiến đạo. Nay sẽ nói rõ. Như lý thông đạt nghĩa là thông suốt đúng lý trong ý ngôn phân biệt. Thế

nào là thông suốt đúng lý? Tức phi pháp, phi nghĩa, không năng thủ, không sở thủ. Nếu thông suốt ý ngôn phân biệt như vậy thì sẽ được vào trong tu đạo. Nay sẽ nói rõ. Đối trị tất cả chướng, nghĩa là khi quán sát ý ngôn này là chẳng phải pháp, chẳng phải nghĩa, không năng thủ, không sở thủ, có thể đối trị tất cả chướng. Đây gọi là được vào trong tu đạo, được vào trong đạo cứu cánh. Nay sẽ nói rõ không chướng ngại là trụ ở nơi trí thanh tịnh cùng tột. Vì diệt chướng vô cùng vi tế nên gọi là được nhập vào trong đạo cứu cánh.

Luận nói: Do duyên gì được nhập? Do sức duy trì của thiện căn. Có 3 thứ luyện trị cái tâm và diệt trừ 4 chỗ. Pháp và nghĩa là sở duyên, thường tu, tu đúng đắn không buông thả Xa-ma-tha và Tì-bát-xá-na. Tất cả nhân đạo chúng sinh trong vô lượng thế giới, mỗi sát-na đều có người chứng đắc chính giác A-nậu-đa-la Tam-miệu Tam-bồ-đề. Đó là luyện trị tâm thứ nhất.

Giải thích: Do đâu được nhập? Như đây nói là do sức duy trì của thiện căn v.v... Có 8 chỗ tương ưng. Trong đây nói thường tu nghĩa là tu hành tất cả mọi thời. Khéo tu là cung kính. Nếu làm tương tự như vậy tức là không buông thả, trong đó đối trị 3 thứ tâm thoái khuất. Có 3 thứ luyện trị tâm. Bồ-tát nghe A-nậu-đa-la Tam-miệu Tam-bồ-đề, đệ nhất sâu xa rộng lớn khó có thể chứng đắc, tâm liền thoái khuất. Để đối trị đây, có tâm luyện trị thứ nhất v.v... Nói v.v... cho nên có tâm luyện trị thứ hai.

Luận nói: Do chuyên tâm nên có thể hành thí v.v... các Ba-la-mật. Ta đã được chuyên tâm này, do đó cho nên ta tu các Ba-la-mật sẽ được viên mãn, chẳng lấy làm khó. Đó là tâm luyện trị thứ hai.

Giải thích: Do ý này nên thí v.v... các Ba-la-mật liền được hiện hành. Nói ở trong ý nghĩa là tin và muốn. Bồ-tát trong Ba-la-mật tin biết thật có công đức lớn nên có thể được. Đây là tin của Bồ-tát. Do tin nên vui vẻ tu hành gọi là muốn. Bồ-tát được ý tin và muốn này nên tu hành 6 Ba-la-mật, tiến đến viên mãn chẳng lấy làm khó.

Luận nói: Tuy người kia còn có điều thiện trở ngại, nghĩa là thiện pháp đầy đủ rồi, liền khi chết, tùy theo ý nghĩ muốn, tất cả đều đủ nơi thân, người kia được sinh hưởng chi ta được cái thiện vượt trội này, cái thiện không còn trở ngại, thì khi ấy sao tất cả không đầy đủ được? Đó là tâm luyện trị thứ ba. Ở đây có bài kệ như sau:

*Ở trong cõi nhân đạo,  
 Có vô lượng chúng sinh,  
 Mỗi niệm được Bồ-đề,  
 Nên trừ tâm thoái khuất.  
 Người thiện tâm chuyên ý,  
 Có thể hành bố thí ...  
 Thắng nhân được ý này,  
 Cũng tu bố thí... được.  
 Thiện nhân lúc lâm chung,  
 Tùy tâm được quả báo.  
 Ta được diệt vị thiện,  
 Quả báo sao lại không?*

Giải thích: Lại nữa Bồ-tát trong ngôn giáo sâu xa rộng lớn của chư Phật, khi suy tìm khởi tâm nghĩ rằng A-nậu-đa-la Tam-miệu Tam-bồ-đề khó có thể chứng đắc. Nhất sát-na tâm đoạn rồi mới được, liền sinh thoái khuất. Để đối trị trường hợp này nên tu tâm luyện trị thứ ba. Hưởng chi ta đây là tối thắng thiện, hưởng chi ta đây trong tất cả 10 địa khéo đầy đủ hành trang phúc đức trí tuệ. Không chướng ngại thiện, nghĩa là tâm phiền não vi tế khó phá. Như Kim cương Tam-ma-đề có thể phá được chướng này. Sau Tam-ma-đề này, thoát ly tất cả chướng ngại, y chỉ chuyên rồi, với đây sao lại không chứng đắc được? Đây là hiển thị chướng ngại xuất ly, vì không khác gì với chết. Nói “tất cả đầy đủ” nghĩa là được Nhất thiết chủng trí, sức thiện căn duy trì. Ba thứ luyện trị tâm nghĩa là thiện căn không mỏng manh ít ỏi. Bồ-tát do có năng lực này thì có thể có 3 thứ luyện trị tâm khiến không thoái khuất. Trong đây luyện trị tâm thứ hai, nay sẽ hiển thị sự luyện trị. Do niệm

này nên lia các chướng ngại như xan v.v... các chướng ngại Ba-la-mật không còn nữa nên đầy đủ Ba-la-mật là không khó. Do đầy đủ này được thành Bồ-đề. Nay sẽ hiển thị sự luyện trị tâm thứ ba. Trong đây hữu ngại thiện nghĩa là cái thiện thế gian gọi là hữu ngại thiện. Còn vô ngại thiện này của ta mà không thành Phật là không có chuyện như vậy. Nghĩa này hiển thị bằng bài kệ. Kệ nói cho nên người trừ được tâm thoái khuất là không để cho tâm hạ liệt tồn tại mà nghĩ rằng ta không thể được A-nậu-đa-la Tam-miệu Tam-bồ-đề. Thiện tâm nghĩa là chẳng phải ác tâm hay vô ký tâm. Do có vô ký thí cho nên có người tâm tán mạn hành thí, ngoại đạo v.v... đem tâm bất thiện hành thí. Lại nữa người cầu A-nậu-đa-la Tam-miệu Tam-bồ-đề là thắng nhân có tối thắng thiện này, được ý này cũng có thể hành thí v.v... Trong đó khi được chuyên tâm, có tướng như thế có thể tu thí v.v... 6 Ba-la-mật. Nghĩa là được diệt xan v.v.. các tâm chướng ngại. Thắng nhân là tối thượng cho nên gọi các Bồ-tát. Thí v.v... là nó gồm cả giới và trí Ba-la-mật v.v... Tùy tâm được quả báo nghĩa là cho đến được quả báo Phi tướng phi phi tướng xứ. Diệt thiện nghĩa là diệt chướng ngại. Nói “Quả báo sao lại không?” nghĩa là được Phật thân.

Luận nói: Xa lia tư duy của Thanh Văn, Bích-chi-phật thì tư duy diệt. Xa lia tất cả nghi hay không nghi trong Đại thừa thì tà ý và nghi diệt. Lìa chấp ngã và ngã sở trong pháp nghe và suy nghĩ thì pháp chấp diệt. Tất cả tướng an lập hiện tiền tư duy không phân biệt thì diệt phân biệt. Ở đây có bài kệ như sau:

*An lập và tự trụ,  
Có các tướng hiện tiền.  
Tất cả không phân biệt,  
Người trí được thắng giác.*

Giải thích: Trong bản luận này, để hiển thị 4 chỗ diệt nên trong đây diệt tư duy là diệt tư duy của Thanh Văn v.v... Tà ý và nghi, nghĩa là trong pháp sâu xa rộng lớn của Đại thừa, tà ý và nghi cần

phải diệt trừ. Tà ý là phi báng ganh tị và tâm dao động. Hoặc tức tâm nghi ngờ. Nói “tất cả nghi và không nghi” là trong Đại thừa vì an lập pháp tướng nên nói có 3 tính. Đó là tất cả pháp không tính, không sinh, không diệt, xưa nay vắng lặng, tự tính Niết-bàn. Tất cả pháp như vậy là vô sở hữu, đó là đứng về tính phân biệt. Nếu nói là ảo hóa, sóng nắng, chiêm bao, bóng sáng, tiếng vang, trăng dưới nước, biến hóa, đó là đứng về tính y tha. Nếu nói chân như, thật tế, vô tướng, đệ nhất nghĩa, pháp giới, không v.v..., đó là đứng về tính thành tựu. Trong các pháp này, tất cả tà ý và hoặc không sinh. Trong pháp nghe và tư duy, lìa chấp ngã và ngã sở, đó là hiển thị diệt trừ pháp chấp. Diệt trừ pháp chấp nghĩa là đối với pháp nếu nghe, nếu suy nghĩ, cho đến không để cho ngã ngã sở chen vào. Tư duy tất cả tướng an lập tự hiện tiền không phân biệt, nghĩa là hành giả khi tu trí vô phân biệt, chính tại tư duy vị diệt những thứ này, tất cả vắng lặng tâm không phân biệt. Nơi hiện tiền trụ sắc v.v... và tính tâm có an lập cốt tủy v.v... trong tất cả các tướng sở duyên khi không nghĩ nhớ không phân biệt, gọi là nhập vào phương tiện vô phân biệt. Nếu phân biệt thì không nhập vào được. Bài kệ hiện tiền an lập này là để hiển thị nghĩa diệt sau cùng.

Luận nói: Nhân đâu nhập và nhập như thế nào? Do đa văn huân tập sinh, do chính tư duy nhiếp giữ tương tự pháp và nghĩa, hiển hiện có kiến phần ý thức.

Giải thích: Trong đây hiển thị dùng đây nhập và nhập như thế. Trong đây nói văn huân tập sinh, nghĩa là văn huân tập là nhân, tức ngay đây nhập vào đạo lý. Như trước đã nói tức là Đại thừa văn huân tập sinh ra, thâm nhiếp trong tính thành tựu.

Luận nói: Có 4 thứ cầu là danh, nghĩa, tự tính, sai biệt, cầu tướng giả thuyết.

Giải thích: Trong đây hiển thị nhập như vậy. Bốn thứ cầu là như luận bản nói: danh, nghĩa, tự tính, sai biệt.

Luận nói: Lại có 4 thứ biết như thật, tức là danh, sự, tự tính, sai biệt. Biết như thật trong giả tướng. Tự tính sai biệt kia là không thể có được, nên Bồ-tát như thật nhập ý thức duy thức tu hành. Nơi đó tương tự chữ nghĩa trong ý thức biết tên gọi và chữ chỉ là ý thức, biết cái nghĩa mà tên gọi dựa vào đó cũng chỉ là ý thức. Như vậy tức biết rằng tự tính và sai biệt của tên gọi kia chỉ là nói giả tướng. Bấy giờ chứng biết chỉ có ý thức. Vậy thì danh và nghĩa, tự tính, sai biệt là nói giả tướng, không thật có nghĩa tướng của tính sai biệt. Cho nên do 4 thứ cầu và 4 thứ biết như thật, nơi ý thức tương tự danh và nghĩa được ngộ nhập duy thức.

Giải thích: Bốn như thật tri là như luận nói trong giả thuyết đó là danh sự tự tính sai biệt. Biết như thật tự tính và sai biệt kia, nghĩa là mỗi cái đều có tự tính sai biệt. Nói giả thuyết như vậy, nên gọi là giả thuyết tự tính sai biệt, vì nghĩa không thể có được. Nghĩa là biết rằng danh, tự tính, sai biệt kia chỉ là giả thuyết, vì danh tự kia không có tự tính và sai biệt, tức có thể nơi tự tính và sai biệt của danh tự kia chỉ là nhận lấy giả thuyết. Nếu biết như vậy là cầu, nếu biết không thể được, gọi là biết như thật.

Luận nói: Quán duy thức này ngộ nhập pháp gì? Tương tự pháp gì nhập? Là nhập duy lượng. Vì tướng và kiến là 2, và vì có nhiều thứ tướng. Danh nghĩa tự tính sai biệt chỉ là giả lập. Tự tính sai biệt 6 thứ là không có thật, nó trụ trong thể của năng thủ sở thủ. Một lúc nào đó nó phát sinh nhiều thứ tướng. Như trong tối, sợi dây giống như con rắn. Cái thí dụ con rắn trong sợi dây là vọng vì không thật có con rắn. Nếu thấy nghĩa thật thì không có vọng tưởng. Cái biết con rắn sẽ mất, chỉ còn cái biết sợi dây. Nhưng nếu phân tích kỹ thì sợi dây cũng không thật có. Bởi các tướng sắc hương vị xúc, trong đó dựa vào cái biết sắc v.v... Cái biết về sợi dây cũng được diệt trừ như thế. Nó là tương tự chữ và nghĩa 6 tướng của ý thức. Như lấy cái biết con rắn để hiểu 6 tướng kia là không có thật nghĩa. Do trí của thành tựu, cái tri của duy thức cũng phải diệt trừ.



Giải thích: Trong đây hỏi về nhập pháp gì và thí dụ về nhập. Duy lượng là duy thức lượng. Có 2 tướng và kiến, đây là nói 2 thức tướng phần và kiến phần. Đây tương tự tướng hiển hiện làm nhân, làm chỗ trụ, làm tướng là ảnh hiển hiện, cho nên chỉ là một thức sinh ra nhiều tướng khác nhau. Không phải sinh một cách mau chóng mà tuần tự. Ba thứ này đều được nhập vào duy thức. Nói một lúc nào đó tương tự nghĩa của các tướng sinh, nghĩa là tương tự danh cú vị thân, nghĩa của các tướng sinh cho nên kia cũng dựa vào các tướng tương tự danh nghĩa sinh, lấy thí dụ sợi dây hiển thị trong nhập quán 3 tính. Nói tự tại trong 6 thứ nghĩa, nghĩa là danh v.v... trong 6 thứ nghĩa được tự tại. Tự tại nghĩa là trừ diệt.

Luận nói ; Bồ-tát nhập vào nghĩa tướng tương tự của ý thức như vậy là được nhập vào tính phân biệt. Nhập duy thức nên được nhập vào tính y tha. Làm sao nhập vào tính thành tựu nếu diệt lia tướng duy thức? Bây giờ Bồ-tát diệt lia cái tướng về nghĩa, tựa như tất cả nghĩa không có nơi nào sinh. Cho nên tựa như duy thức hiển hiện cũng không được sinh. Tức là trụ trong sự không phân biệt tất cả nghĩa danh, mà trụ trong chính chứng pháp giới tương ưng. Bây giờ Bồ-tát bình đẳng đối với năng duyên sở duyên, trí bình đẳng vô phân biệt sinh tức Bồ-tát ngộ nhập tính thành tựu.

Giải thích: Nhập vào ý thức của nghĩa tướng tương tự, tức là tất cả nghĩa có được đều chỉ là phân biệt. Như vậy là ngộ nhập tính phân biệt. Nói ngộ nhập duy thức, tức ý thức ở đây gồm trong duy thức, được nhập tính y tha. Nói tựa như tất cả nghĩa không có nơi nào sinh ra, nghĩa là không có nghĩa tương tự sinh ra các chủng loại. Chủng loại duy thức cũng không được sinh. Bởi vì sao? Vì khi khởi duy thức phân biệt tức thành nghĩa rồi. Sau được chứng chân như, đây như không thể ngôn thuyết, chỉ bên trong tự biết. Bây giờ Bồ-tát năng thủ sở thủ bình đẳng. Sinh trí bình đẳng vô phân biệt, nghĩa là trí năng duyên và chân như sở duyên, thể của 2 pháp bình đẳng như hư không,

nghĩa là không có cái thể năng thủ sở thủ để mà trụ vì không phân biệt năng thủ sở thủ. Cho nên gọi vô phân biệt tức được nhập tính thành tự. Nói trụ trong vô phân biệt tất cả nghĩa danh, tức là có tên gì, có bao nhiêu thứ, tên này sai biệt được hiển thị bằng một bài kệ.

Luận nói: Ở đây có kệ như sau:

*Pháp nhân và pháp nghĩa,  
Tịnh hoặc rộng hoặc hẹp,  
Bất tịnh, tịnh, cứu cánh,  
Gọi là cảnh sai biệt.*

Giải thích: Trong đây tên của pháp là sắc, thụ và nhãn v.v... Tên của nhân tức người yêu thích Phật pháp và tin tưởng thực hành theo giáo pháp v.v... Lại nữa tên pháp cũng có nghĩa là Tu-đa-la v.v... Tên nghĩa, nghĩa là dựa vào pháp mà hiển nghĩa. Tên gọi chung là như nói chúng sinh, tên gọi riêng là như các chúng sinh kia mỗi mỗi đều có tên. Gọi tính là gốc của chữ ấy. Bất tịnh là gọi phạm phu v.v... Tịnh là gọi các học nhân, tức người học Phật pháp. Cứu cánh là chỉ tướng chung các pháp sở duyên. Lại sơ lược có 10 thứ danh tự là phan duyên của Bồ-tát. Như là nói tên pháp là mắt v.v... Tên người là ta v.v... Lại nữa tên pháp là chỉ 12 bộ ngôn giáo. Tên nghĩa, là giáo nghĩa của 12 bộ ngôn giáo kia. Tên chung là tất cả pháp hữu vi vô vi v.v... Tên riêng là sắc, thụ v.v... cho đến hư không v.v... Tên tính là như chữ A là chữ đầu tiên, chữ Ha là chữ cuối cùng. Bất tịnh là phạm phu v.v... Tịnh là kiến đế, tức người thấy chân lý. Đến cứu cánh tức tướng chung các pháp là cảnh. Sở duyên của 2 trí là xuất thế trí và hậu đắc trí duyên tất cả pháp chân như cho nên tất cả tướng của các pháp. Như trong 10 địa, tướng chung của tất cả car nghĩa duyên trí sở duyên, cho nên các tên ấy là cảnh giới chư Bồ-tát,

Luận nói: Bồ-tát nhập duy thức như vậy, được nhập tướng sở tri. Do nhập tướng sở tri nên được nhập Hoan hỷ địa, khéo thông đạt pháp giới được sinh vào nhà Như Lai, được tâm bình đẳng tất cả

chúng sinh, được tâm bình đẳng tất cả Bồ-tát, được tâm bình đẳng tất cả Phật. Đây là Bồ-tát được kiến đạo.

Giải thích: Được sinh nhà Như Lai là vì do không đoạn dứt giống Phật. Được tâm bình đẳng tất cả chúng sinh, nghĩa là như nói tự thân muốn nhập Niết-bàn thì đối với tất cả chúng sinh cũng muốn như vậy. Do tâm ấy nên nói là tâm bình đẳng tất cả chúng sinh. Được tâm bình đẳng tất cả Bồ-tát, nghĩa là do đồng được tâm thanh tịnh sâu xa. Được tâm bình đẳng tất cả Phật, nghĩa là do khi trụ nơi địa vị này thì được pháp thân chư Phật. Được pháp thân nên được tâm bình đẳng tất cả Phật. Lại nữa tâm bình đẳng tất cả chúng sinh là được tự tha bình đẳng. Như tự thân muốn hết khổ, thì đối với chúng sinh cũng như vậy. Tâm bình đẳng tất cả Bồ-tát là đồng với các Bồ-tát được tâm thanh tịnh sâu xa làm việc lợi ích chúng sinh. Được tâm bình đẳng tất cả Phật là thấy pháp giới chư Phật với mình không sai khác.

Luận nói: Lại nữa vì sao nhập duy thức quán? Vì để duyên tướng chung của pháp. Vì trí xuất thế Xa-ma-tha Tì-bát-xá-na, sau được trí các thứ thức tướng, diệt thức A-lê-da có tướng nhân, chủng tử tất cả tướng nhân, tăng trưởng được chạm đến chủng tử pháp thân, chuyển y chỉ, sinh ra tất cả Phật pháp. Vì để được trí Nhất thiết trí nên nhập duy thức quán.

Giải thích: Trí Xa-ma-tha Tì-bát-xá-na, tức Xa-ma-tha Tì-bát-xá-na gọi là trí. Trong này có câu: “diệt thức A-lê-da có tướng nhân, chủng tử tất cả tướng nhân” trong đó nói “hữu tướng” tức là nhân duyên. Nghĩa là trong thức A-lê-da có chủng tử tất cả nhiễm pháp. Lại nói tướng, là để hiển thị chủng tử này, vì là tướng sở duyên. Nói như vậy tức hiển thị được nhân quả các chủng tử này đều diệt.

Luận nói: Lại nữa cái hậu đắc trí kia, trong tính tướng, tất cả thức được sinh trong thức A-lê-da thấy như ảo hóa nên tự nhiên không bị điên đảo. Cho nên như nhà ảo thuật đối với các trò ảo thuật, Bồ-tát đối với các tướng nói nhân quả trong mọi thời đều không điên đảo.

Giải thích: Nếu không có trí phân biệt diệt chướng ngại xuất sinh Phật pháp thì trí hậu đắc dùng làm gì? Trí vô phân biệt không thể nói pháp nhân quả kia. Bởi vì sao? Vì không phân biệt. Cho nên phải có trí hậu đắc nói pháp nhân quả ấy. Mọi thời không điên đảo, như nhà ảo thuật đối với các trò ảo thuật. Tất cả do thức A-lê-da sinh, những thứ này đều lấy thức A-lê-da làm nhân. Trong tất cả tính tướng của thức, nghĩa là lấy tính của thức làm nhân, cho nên như những việc ảo thuật. Trí hậu đắc ở trong đó không điên đảo, nên nói cũng không điên đảo.

Luận nói: Ở đây nhập trong duy thức quán có 4 thứ Tam-ma-đề là y chỉ của 4 thứ thông đạt phần. Làm sao có thể thấy? Do nghĩa của 4 thứ tìm cầu. Hạ phẩm Vô trần nhãn, được Minh tam-ma-đề, làm y chỉ của Noãn hành thông đạt phần. Nếu là Tăng thượng nhãn thì được Tăng minh Tam-ma-đề, làm y chỉ cho Đỉnh hành thông đạt phần. Do 4 thứ biết như thật, được nhập duy thức quyết định trần là vô sở hữu. Đây là một phần của Tam-ma-đề nhập vào nghĩa chân thật, là chỗ y chỉ của Thuận đế nhãn. Cái Tam-ma-đề sau cùng trừ bỏ ý tưởng duy thức, đây là chỗ y chỉ của Vô gián Tam-ma-đề thế đệ nhất pháp. Phải thấy các Tam-ma-đề như vậy. Đó là đến gần chỗ đạt ngộ.

Giải thích: Ở mọi nơi khi nhập vào chân thật được thông đạt phần. Nay ở đây cũng hiển thị thiện căn y chỉ của thông đạt phần. Vì là nhân của thông đạt phần nên nói là y chỉ. Hạ phẩm Vô trần nhãn được Minh Tam-ma-đề, nghĩa là trong vô trần lạc dục ít ỏi mỏng manh. Hiển thị trí vô trần gọi là minh, nghĩa là sáng tỏ. Được Minh Tam-ma-đề là hiển thị cái Tam-ma-đề làm y chỉ của trí vô trần. Tăng thượng vô trần nhãn là trong đây nhãn trở thành cái dục của nó. Cho nên Minh tăng Tam-ma-đề là hiển thị cái trí tăng thượng vô trần gọi là minh. Nói Tam-ma-đề là hiển thị chỗ y chỉ của trí vô trần này. Chỗ y chỉ của Thuận đế nhãn là, pháp vô ngã gọi là đế, nơi đó vô ngã tùy thuận nhãn. Làm thế nào thành Thuận đế nhãn này? Do quyết định không có ngoại vật nào khác, năng thủ cũng không có. Phải biết rằng

khi trụ nơi tùy thuận nhanh chóng là được cái vui gần đạt ngộ lúc chính vị.

Luận nói: Như vậy Bồ-tát nhập địa, nhập duy thức nên được kiến đạo. Làm sao phát khởi tu đạo? Tùy theo chỗ thành lập 10 địa, lấy pháp thông tướng hiện trụ trong tất cả Tu-đa-la nhiếp thủ làm duyên, đem trí xuất thế gian và trí hậu đắc Xa-ma-tha Tì-bát-xá-na thường tu tập trong vô lượng trăm ngàn câu-chi na-do tha số kiếp chuyển y chỉ được 3 thứ Phật thân. Tu hành như vậy đó.

Giải thích: Tùy theo chỗ thành lập mà nói, nghĩa là vì thành lập mà trong Kinh Thập Địa nói các địa. Nói “thông tướng pháp làm duyên” nghĩa là duyên một tướng không phải duyên riêng từng câu. Xuất thế là trí vô phân biệt. Hậu đắc là trí thành lập. Đây cũng không thể nói là thế gian. Bởi vì sao? Vì chẳng phải thế gian chứa nhóm huân tập, cũng chẳng phải hoàn toàn xuất thế gian vì tùy thuận hạnh thế gian. Cho nên không thể nói nhất định một tướng. Chuyển y chỉ, là trí phan duyên thông tướng này được chuyển y. Vì được 3 thứ Phật thân, nghĩa là để ta được 3 thứ Phật thân nên tu hành.

Luận nói: Thanh Văn nhập chính vị với Bồ-tát nhập chính vị, hai trường hợp này có gì sai khác? Chính vị của Thanh Văn có 10 thứ sai khác với chính vị của Bồ-tát. Một, sai khác về sở duyên, vì pháp Đại thừa là sở duyên. Hai, sai khác về sự trụ giữ, vì trụ giữ hành trang đại phúc đức trí tuệ. Ba, sai khác về chỗ thông đạt, vì thông suốt nhân pháp vô ngã. Bốn, sai khác về Niết-bàn, vì nhiếp thủ Niết-bàn không trụ trước. Năm, sai khác về địa vị, vì y vào 10 địa mà được xuất ly. Sáu, sai biệt về thanh tịnh, vì đoạn trừ phiền não, cõi Phật thanh tịnh. Bảy, sai khác về việc được tâm bình đẳng tự thân với tất cả chúng sinh, khởi hạnh thành thực chúng sinh không thôi nghĩ. Tám, sai khác về nơi sinh, vì sinh vào nhà Như Lai. Chín, sai khác về sự hóa hiện, vì trong đại tập hội chư Phật tất cả mọi thời đều hóa hiện. Mười, sai khác về quả, vì thành tựu vô lượng quả đức như thập lực, vô úy, bất cộng Phật pháp v.v...

Giải thích: Sai khác về Niết-bàn là do Bồ-tát nhiếp thủ Niết-bàn không trụ trước, còn Thanh Văn thì không như vậy. Sai khác về thanh tịnh là do Bồ-tát diệt phiền não và tập, và thanh tịnh cõi Phật, Thanh Văn thì không như vậy.

Luận nói: Ở đây có kệ như sau:

*Suy tìm danh và nghĩa,  
Làm khách thể cho nhau.  
Suy tìm hai duy lượng,  
Hai thi thiết cũng vậy.  
Từ đó biết như thật,  
Ba phân biệt vô nghĩa.  
Nếu thấy kia phi hữu,  
Tức nhập ba vô tính*

Giải thích: Như nhập chân thật, trong đây kệ nói: “Suy tìm danh và nghĩa, mỗi mỗi làm khách thể cho nhau.” Nghĩa là danh đối với nghĩa, là khách. Nghĩa đối với danh cũng là khách, đều là tương riêng. Suy tìm, nghĩa là phải thấy trong lúc tĩnh tâm. “Suy tìm hai duy lượng. Hai thi thiết cũng vậy.” nghĩa là nghĩa không có tự tính và sai biệt, cho nên phải biết tự tính chỉ là thi thiết, sai biệt chỉ là thi thiết. Từ đó sinh cái biết như thật, nghĩa là trong đó biết như thật do 4 thứ tầm tư làm nhân nên được 4 thứ biết như thật. Thấy trong 3 phân biệt vô nghĩa, nghĩa là trong 3 phân biệt không có nghĩa mà thấy, cho nên gọi là phân biệt vì tự tính phân biệt, sai biệt phân biệt. Cái phi hữu kia tức nhập 3 vô tính, nghĩa là nghĩa là vô sở hữu cho nên phân biệt cũng không. Bởi vì sao? Nếu nghĩa của sở phân biệt là có, thì phân biệt có thể được duyên đó mà sinh. Do nghĩa đó không có cho nên phân biệt cũng không được có. Phải biết nghĩa này nên nhập 3 tức nhập 3 tính. Trong đó do thấy danh và nghĩa làm khách thể cho nhau nên được nhập vào danh nghĩa đều có tính phân biệt khác. Nếu thấy danh tự tính thi thiết sai biệt thi thiết chỉ thấy phân biệt, tức được

nhập tính y tha, tức cái thức năng phân biệt đây cũng không thấy, tức được nhập tính thành tựu. Đó gọi là 3 thứ nhập.

Luận nói: Lại có bài kệ đề giáo thụ, như trong Quán Hạnh Sai Biệt Luận nói:

*Bồ-tát trong tĩnh tâm,  
Được thấy tâm ảnh kia.  
Diệt trừ tướng nơi nghĩa,  
Chỉ quán nơi tự tướng.  
Như vậy tâm trụ trong,  
Sở tri, thủ chẳng có.  
Tức không có năng thủ,  
Chúng đắc vô sở hữu.*

Giải thích: Vì để được nhập quán nên lại nói kệ giáo thụ. Bồ-tát thấy tâm ảnh, nghĩa là thấy hình ảnh tương tự nghĩa pháp kia chỉ là tự tâm. Người nào thấy, đó là Bồ-tát. Nơi nào thấy, đó là trong tĩnh tâm, tức trong định. Diệt trừ tướng nơi nghĩa, chỉ quán nơi tự tướng, nghĩa là ở trong tĩnh tâm, tướng của nghĩa không khởi, biết chỉ là tự tâm là tướng của pháp nghĩa hiển hiện. Như vậy tâm trụ trong, nghĩa là nếu tâm như vậy được trụ trong nghĩa vô sở hữu, tức là tâm trụ ở trong tâm. Biết sở thủ là phi hữu, nghĩa là biết rõ nghĩa của sở thủ là vô sở hữu. Tức không có năng thủ, nghĩa là do nghĩa của sở thủ không có thì cái tâm năng thủ là kẻ năng thủ cũng không thể có được. Chúng vô sở hữu, nghĩa là đã không có năng thủ sở thủ, tức đã gọi là chúng chân như, bởi chân như là không thể được.

Luận nói: Lại có một biệt kệ nói về chính vị. Như trong Đại Thừa Kinh Trang Nghiêm Luận nói:

*Bồ-tát đầy đủ vô biên tế,  
Phúc đức trí tuệ là hành trang.  
Trong pháp tư lường khéo quyết định,  
Thì liễu nghĩa loại ý thức sinh.*

*Biết các nghĩa kia là ý thức.  
 Tức trụ tự nghĩa trong duy tâm.  
 Như vậy chính chứng pháp giới rồi,  
 Cho nên xa lìa hai thứ tướng.  
 Vì biết ngoài tâm không gì khác,  
 Nên biết được tâm cũng phi hữu.  
 Người trí hiểu biết hai đều không,  
 Tức trụ không hai trong pháp giới.  
 Người trí trí lực không phân biệt,  
 Bình đẳng thuận hành thường phổ biến.  
 Sở tri rậm rạp đóng tội ác,  
 Như đại Già-đà nhỏ các độc.  
 Mâu-ni khéo nói các chính pháp,  
 An tâm hữu căn trong pháp giới.  
 Đã biết niệm hành chỉ phân biệt,  
 Người trí mau đến bờ biển đức.*

Giải thích: Lại có bài kệ nhập chính vị như nói trong Đại Thừa Trang Nghiêm Kinh Luận. Nếu có rất khó hiểu thì trong kệ hiển thị. Vô biên tế, nghĩa là rất khó vượt qua bờ bên kia. Như nói vô biên, không phải là nói không có bờ, không có biên giới, đây là lấy ý nói nhiều nên gọi là vô biên. Đây cũng vậy. Những gì gọi là hành trang? Là phúc đức và trí tuệ. Trong đây thí v.v...3 Ba-la-mật là hành trang phúc đức. Bát-nhã Ba-la-mật là hành trang trí tuệ. Tinh tiến Ba-la-mật, nếu là tinh tiến về mặt trí tuệ thì đó là hành trang trí tuệ, nếu là tinh tiến về phúc thì đó là hành trang phúc đức. Cũng như vậy, Thiền Ba-la-mật cũng có 2 thứ. Trong đó, nếu duyên Tứ vô lượng thiên thì đó là hành trang phúc đức, ngoài ra là hành trang trí tuệ. Ai có hành trang này thì gọi là người khéo quyết định hành trang trong pháp Bồ-tát, vì do dựa vào hậu lực của Tam-ma-đề. Các pháp hành trang được khéo quyết định chứ chẳng phải gì khác. Nói “thì sinh loại ý thức



hiểu nghĩa”, nghĩa là sự hiểu biết các nghĩa đều lấy ý thức làm nhân. Nói “liền trụ nơi nghĩa tương tự trong duy tâm”, nghĩa là do biết các nghĩa kia chỉ là ý thức nên liền ngay nơi tự tâm nghĩa tương tự hiển hiện. Như vậy là đã chính chứng pháp giới. Nói “Vì vậy xa lìa 2 thứ tướng”, nghĩa là biết tự tâm mà nghĩa tương tự hiện rồi, thì ngay khi ấy lìa năng thủ sở thủ chứng đắc chân như. Lại cũng như ngộ nhập chứng đắc. Nay sẽ hiển thị ý nói rằng “do biết ngoài tâm không có gì khác, nên biết được tâm cũng phi hữu”, nghĩa là lìa tâm ra ngoài thì không có nghĩa phan duyên, vì kia là không có, cho nên cái tâm năng duyên cũng không có. Bỏ-tát biết 2 cái đó là không có, tức trụ nơi pháp giới không hai, nghĩa là lìa tâm và nghĩa. Trí lực vô phân biệt, là sức trí tuệ lìa phân biệt. Bình đẳng thuận hành, là thuận làm mọi việc trong bình đẳng. Thấy Tu-đa-la v.v...tất cả các pháp bình đẳng như hư không. Phổ biến, nghĩa là các pháp cả trong lẫn ngoài, thấy như vậy. Thường, là tất cả mọi lúc. Dựa vào đồng tội ác rậm rạp, nghĩa là nhân các nhiễm pháp nói là rậm rạp vì khó gỡ nó ra. Đồng tội ác, nghĩa là nhiễm pháp huân tập tự tính làm thể. Mâu-ni khéo nói các chính pháp an tâm trong pháp giới hữu căn, nghĩa là dùng ý an trụ trong tâm hữu căn. Nếu phan duyên tâm kia chân như thì đây là tâm hữu căn. Như duyên Như Lai chính thuyết, đầy đủ không thiếu, chung lại thành một tướng, phải biết đó là trí vô phân biệt. Nói “Đã biết niệm hành chỉ phân biệt” nghĩa là trụ nơi tâm hữu căn này rồi, vì muốn chính thuyết nên trong trí hậu đắc nhớ nghĩ các nghĩa. Cũng biết rằng hoạt động nhớ nghĩ này chỉ là phân biệt, cho nên do 2 trí vô phân biệt và hậu đắc này chừ Bỏ-tát mau chóng đến Phật quả bờ kia. Tập trung các nghĩa của bài kệ này thì kệ thứ nhất nói rõ tư lương đạo, kệ thứ hai nói nghĩa của phương tiện đạo, kệ thứ ba nói nghĩa hậu kiến đạo, kệ thứ tư nói nghĩa tu đạo, kệ thứ năm nói nghĩa cứu cánh đạo. Đến đây là giải thích xong nghĩa phải biết tướng sở tri.

# NHIẾP ĐẠI THỪA LUẬN THÍCH LUẬN

## QUYỀN 7

### Nhập nhân quả thắng tướng thắng ngữ 4

#### Chương 1: Nhân quả vị

Luận nói: Như vậy là đã nói xong về ngộ nhập tướng sở tri, còn nhân quả của sự ngộ nhập ấy làm sao thấy được? Do 6 Ba-la-mật là bố thí, trì giới, nhẫn nhục, tinh tiến, thiền định, trí tuệ. Vì sao do 6 Ba-la-mật được nhập duy thức? Lại nữa vì sao 6 Ba-la-mật được thành quả của sự ngộ nhập ấy? Bồ-tát này không tham đắm phước báo, không phá giới, khổ không nao núng, tu đạo không biếng trễ, không tạo nhân các chướng ngại này nên tâm được chuyên nhất, tức có thể đúng đắn chọn lọc các pháp nên được nhập duy thức. Bồ-tát dựa vào 6 Ba-la-mật nhập duy thức rồi, lần lượt thanh tịnh, thâm nhiếp 6 Ba-la-mật sâu xa trong tâm. Vì vậy cho nên trong đó dù rời 6 Ba-la-mật mà hiện khởi phương tiện, do hiểu đúng nói đúng nên khởi tùy hỷ yêu thích, tương ưng huân tu mọi thời không gián đoạn, thì Ba-la-mật liền được viên mãn.

Giải thích: Nếu nhập duy thức rồi, tâm thanh tịnh Ba-la-mật sâu xa liền được tương ưng hiện hành. Cùng hiện hành tương ưng này nên gọi là hiện hành tương ưng. Hiểu đúng nói đúng nghĩa là mọi nói năng đều tương ưng với 6 Ba-la-mật, trong chính thuyết sâu xa khởi tâm tin hiểu. Khởi ý yêu thích, nghĩa là thấy yêu thích công đức trong

các Ba-la-mật. Khởi ý nguyện muốn được, nghĩa là do Phật được đến tịnh tâm đệ nhất bỉ ngạn này, cho nên ta và tất cả chúng sinh cũng sẽ được. Vì vậy phát tam nguyện được. Đây là bao gồm các Ba-la-mật. Tâm thanh tịnh sâu xa có những tướng trạng gì. Tiếp theo đây là kệ văn hiển thị tướng này.

Luận nói: Ở đây có kệ như sau:

*Viên mãn pháp bạch tịnh,  
Và được nhãn mau chóng.  
Bồ-tát do tự thừa,  
Sâu rộng trong chính thuyết.  
Giác tri chỉ phân biệt,  
Được vô phân biệt trí.  
Lạc dục tín giải tịnh,  
Gọi là thanh tịnh ý.  
Trước và pháp lưu y,  
Đều được thấy chư Phật.  
Đã biết gần Bồ-đề,  
Được Bồ-đề không khó.*

Giải thích: Trong đây bắt đầu từ tín hành địa, khéo tập hợp hành trang tư lương. Viên mãn pháp bạch tịnh và được nhãn nhanh chóng, nghĩa là nhãn có 3 phẩm là nhãn, trung và thượng. Trong đây là trụ ở tối thượng nhãn nên nói là nhanh chóng. Tâm này do sở duyên nên được thanh tịnh. Nay sẽ nói rõ. Sở dĩ gọi là Đại thừa vì do giáo thuyết sâu xa rộng lớn, tức là Bồ-tát tự thừa. Trong này nói sâu xa tức là nói pháp vô ngã. Rộng lớn, nghĩa là như hư không, khí, v.v... Tam-ma-đề như chỗ tư duy thanh tịnh. Nay sẽ nói rõ. Do biết tất cả pháp chỉ là phân biệt, nên nay sẽ nói rõ cái tướng của tịnh tâm. Nói “Trước” là trước khi tịnh tâm. Và “đây” là trong khi tịnh tâm. “Được thấy chư Phật”, đó là tướng. Pháp lưu, nghĩa là khi trụ định tâm. Nay sẽ nói rõ. Cái định tâm này, lợi ích khi trụ định tâm

là thấy gần Bồ-đề. Bởi được cái phương tiện có thể được này nên được là không khó.

Luận nói: Các kệ này nói chung là hiển thị tịnh tâm có 7 tướng: 1.tư lương, 2.nhẫn, 3.sở duyên, 4.tư duy, 5.tự thể, 6.thắng tướng, 7.lợi ích, như trong kệ tuần tự nói từng câu.

Giải thích: Các kệ này hiển thị tịnh tâm. Có tư lương như thế, nhẫn như thế, phan duyên như thế, tư duy như thế, thể tính như thế, tướng biểu hiện như thế, lợi ích như thế. Như kệ hiển thị tức là thành lập cái thể của tịnh tâm.

## **Chương 2: Thành lập 6 số**

Luận nói: Vì sao chỉ có 6 Ba-la-mật? Vì thành lập đối trị các chương ngại. Vì sinh khởi trừ tất cả Phật pháp. Vì tùy thuận thành thực tất cả chúng sinh. Đối trị không phát khởi nhân duyên nên lập thí, giới 2 Ba-la-mật. Không phát khởi nhân duyên có 2 là đấm trước phúc báo và đấm trước nhà cửa. Đối trị phát khởi nhân duyên thoái chuyển nên lập nhẫn, tiến 2 Ba-la-mật. Nhân duyên thoái chuyển có 2 là trong sinh tử, chúng sinh trái phạm sinh khổ, trong việc tu thiện thời gian lâu mà mệt mỏi. Đối trị sự phát khởi nhân duyên là hoại mất sự không thoái chuyển nên lập định, trí 2 Ba-la-mật. Nhân duyên hoại mất có 2 là tán loạn và ác trí. Đối trị các chương ngại này nên lập 6 số.

Giải thích: Trong nhân duyên hoại mất, ác trí là điên đảo chấp thủ cho nên như các ngoại đạo bởi ác trí thành ra có chỗ hoại mất. Ngoài ra thành lập tán loạn v.v... các chương ngại. Nghĩa đối trị đều có thể biết được.

Luận nói: Bốn Ba-la-mật trước là nhân duyên không tán loạn cho nên một Ba-la-mật không tán loạn thành tựu do y chỉ không tán loạn, được chính giác đúng lý thật nghĩa các pháp, nên tất cả Phật pháp được sinh khởi. Là nơi sinh khởi tất cả Phật pháp như thế nên thành lập 6 số.

Giải thích: Chỗ trụ của tất cả Phật pháp, nghĩa là tất cả Phật pháp lấy đây làm nhân thành lập. Thứ hai 6 số nhân duyên Ba-la-mật, chỉ 6 không tăng. Do y chỉ không tán loạn nên được chính giác đúng lý thật nghĩa các pháp, nghĩa là do y chỉ Thiền Ba-la-mật nên Bát-nhã Ba-la-mật được hiểu rõ như thật các nghĩa. Ngoài ra có thể biết nghĩa các câu khác.

Luận nói: Do Thí Ba-la-mật nên nhiếp thụ chúng sinh. Do Giới Ba-la-mật nên không tổn hại chúng sinh. Do Nhẫn Ba-la-mật nên có thể chịu đựng sự tổn hại. Do Tinh tiến Ba-la-mật nên có thể làm những việc phải làm. Do các nhân duyên tiếp thụ này nên khiến các chúng sinh thành thực được điều phục. Nếu chúng chưa được tâm vắng lặng thì khiến được Tam-ma-đề. Người tâm được vắng lặng rồi, khiến được giải thoát. Trong khi giáo hóa liền được thành thực. Trụ nơi thành thực chúng sinh như vậy nên thành lập 6 số. Nên biết như vậy.

Giải thích: Thứ ba, trong nhân duyên thành lập 6 số, tất cả chúng sinh giáo hóa tùy thuận, nghĩa là trong việc giáo hóa thành thực tất cả chúng sinh, tùy thuận tương ưng do đây được thành, cho nên chỉ thành lập có 6 khiến xuất ly. Đối với kẻ tâm chưa vắng lặng thì dùng Thiền Ba-la-mật khiến tâm được vắng lặng. Kẻ đã vắng lặng thì dùng Bát-nhã Ba-la-mật khiến được giải thoát nên được thành thực. Trong khi giáo hóa, nghĩa là trong lúc dạy dỗ.

### **Chương 3: Tướng**

Luận nói: Làm sao thấy tướng của 6 Ba-la-mật này? Vì nó có 6 thứ vượt trội: Một, y chỉ vượt trội, vì Bồ-đề tâm là y chỉ. Hai, sự vượt trội, vì đầy đủ các việc tu hành. Ba, việc làm vượt trội, vì muốn lợi ích tất cả chúng sinh. Bốn, phương tiện khéo léo vượt trội, vì ở trong trí vô phân biệt. Năm, hồi hướng vượt trội, vì hồi hướng A-nậu-đa-la Tam-miệu Tam-bồ-đề. Sáu, thanh tịnh vượt trội, vì diệt các phiền não trí chướng xuất sinh bình đẳng.

Giải thích: Bồ thí v.v... là tướng thế nào? Được Ba-la-mật, bởi thế gian và Thanh Văn v.v... cũng có bồ thí v.v... nên phải nói cái tướng của nó. Tướng của Ba-la-mật có 6 thứ y chỉ vượt trội, do mọi lúc mọi nơi y chỉ tâm Bồ-đề. Sự vượt trội, nghĩa là không có một người nào có đầy đủ hiện hành bên trong cũng như bên ngoài. Chỉ có Bồ-tát là người có đầy đủ hiện hành. Đó là hành bồ thí. Nói vượt trội là mọi sự bồ thí là chỉ vì lợi ích an vui tất cả chúng sinh. Phương tiện khéo léo vượt trội, nghĩa là tam luân thanh tịnh gọi là phương tiện khéo léo. Bởi vì không phân biệt của bồ thí, người bồ thí và kẻ nhận sự bồ thí. Ở trong trí vô phân biệt như vậy nên được tên gọi là bồ thí. Hồi hướng vượt trội, nghĩa là do bồ thí này v.v... hồi hướng vô thượng Bồ-đề. Thanh tịnh vượt trội, nghĩa là nếu đến Phật quả, thí v.v...bấy giờ được thanh tịnh. Khi ấy sinh xuất đầy đủ tác dụng lia phiền não chướng trí chướng.

Luận nói: Thế nào là thí tức Ba-la-mật? Ba-la-mật là thí ư? Có trường hợp thí không phải Ba-la-mật. Nên lập 4 câu. Và giống như thí, các Ba-la-mật khác cũng nên lập 4 câu như vậy. Phải biết như thế.

Giải thích: Thế nào là thí tức Ba-la-mật? Ba-la-mật tức là thí ư? Đây là phần câu hỏi. Trong câu đáp có trường hợp bồ thí không phải Ba-la-mật, nghĩa là xa lìa 6 thứ vượt trội. Có ba-la-mật không phải bồ thí, nghĩa là như giới Ba-la-mật v.v..., vì bao gồm trong 6 thứ vượt trội. Có thí tức Ba-la-mật, nghĩa là thí được bao gồm trong 6 thứ vượt trội. Có chẳng phải thí chẳng phải Ba-la-mật, nghĩa là lìa 6 thứ hạnh vượt trội. như trì giới v.v... là như thế. Tất cả trong Ba-la-mật, 4 câu đều như vậy.

#### **Chương 4: Thứ tự**

Luận nói: Vì sao các Ba-la-mật này được nói theo thứ tự như thế? Vì nó tùy thuận Ba-la-mật trước sinh Ba-la-mật sau.

## Chương 5: Đặt tên

Luận nói: Lại nữa làm sao thấy được vì sao các Ba-la-mật được đặt tên như vậy? Vì pháp này hơn tất cả sự bố thí của thế gian, Thanh Văn, Bích-chi-phật, có khả năng đạt đến bờ kia nên gọi Ba-la-mật, có khả năng phá tan sự tham lam keo kiệt nên gọi là Đà, được quả báo lớn và hành trang phúc đức nên gọi là Na. Vì vậy bố thí gọi là Đà-na. Có khả năng diệt trừ phá giới và nẻo ác nên gọi là Thi, được đến nẻo thiện và định nên gọi là La. Vì vậy có tên là Thi-la. Có khả năng làm sạch hết sự giận dữ oán thù nên gọi là Săn, mình và người được ở trong an ổn nên gọi là Đề. Vì vậy có tên là Săn-đề. Có khả năng lìa bỏ sự biếng nhác và các pháp ác bất thiện nên gọi là Tì, được xuất sinh vô lượng thiện pháp khiến tăng trưởng nên gọi là Lị-da. Vì vậy có tên là Tì-lị-da. Có khả năng xả bỏ tán loạn nên gọi là Địa-da, được dẫn tâm trụ vào bên trong nên gọi là Na, Vì vậy có tên là Địa-da-na. Có khả năng khiến trừ tất cả kiến chấp ác trí nên gọi là Bát-la, được biết pháp chân như và pháp chủng loại nên gọi là Thận-nhuơng. Vì vậy có tên là Bát-la-thận-nhuơng.

Giải thích: Nay nói rõ các tên này. Tên chung các Ba-la-mật đều dùng từ ngữ Đáo bỉ ngạn, nghĩa là đến bờ kia. Cho nên Ba-la-mật là độ tất cả thế gian và Thanh Văn, Bích-chi-phật v.v... Thí v.v... bị ngạn nên gọi Ba-la-mật cho mỗi tên. Nhân thì phá xan tham. Bởi vì sao? Do phá trừ xan tham nên có thể bố thí không ngại. Quả thì trừ được bần cùng nên gọi là Đà. Đối với quả thì được quả báo lớn và phúc đức tư lương nên gọi là Na. Đó là Đà-na. Đứng về nhân thì giới dứt ác, đứng về quả thì diệt các nẻo ác nên gọi là Thi. Quả thì được nẻo thiện và được hiện tiền Tam-ma-đề nên gọi là La. Tức là Thi-la. Như vậy giải thích tên các Ba-la-mật đều tương ưng như đây. Mình và người đều được trụ nơi an ổn, nghĩa là do tự bản thân không bị các lỗi giận dữ quấy nhiễu, cũng không gây khổ cho người khác nên người cũng được an ổn.

## Chương 6: Tu tập

Luận nói: Làm sao thấy sự tu tập các Ba-la-mật? Lược nói có 5 cách tu tập: 1. Tu tập bằng cách khởi hành phương tiện. 2. Tu tập bằng sự tin hiểu. 3. Tu tập bằng tư duy, 4. Tu tập bằng phương tiện khéo léo. 5. Tu tập bằng việc làm những điều nên làm. Trong đây 4 cách tu như trước đã nói. Còn tu tập bằng cách làm những điều nên làm, nghĩa là chư Phật đã đến địa vị viên mãn các Ba-la-mật rồi, nhưng dùng tâm vô công dụng không bỏ Phật sự tu các Ba-la-mật.

Giải thích: Trong 5 cách tu, tu khởi hành phương tiện, nghĩa là phát khởi chính hạnh trong phương tiện. Tu làm các việc nên làm, nghĩa là chư Phật trụ trong pháp thân, không dụng công, nhưng không bỏ các Phật sự. Mặc dầu đã lìa bỏ hiện hành các Ba-la-mật, nhưng vì nhiếp hóa chúng sinh nên có tu tập này là làm những việc nên làm.

Luận nói: Lại nữa tu tập bằng tư duy, nghĩa là yêu thích tùy hỷ nguyện được tư duy. Gồm 6 thứ thâm tâm: 1.thâm tâm rộng lớn, 2.thâm tâm kiên cố, 3.thâm tâm hoan hỷ, 4.thâm tâm chịu ơn, 5.thâm tâm chí lớn, 6.thâm tâm thắng ích. Nếu Bồ-tát trải qua bao nhiêu kiếp a-tăng-kì được chứng chính giác A-nậu-đa-la Tam-miệu Tam-bồ-đề, trong thời gian ấy mỗi niệm mỗi niệm bỏ hết tất cả thân mạng cho đến 7 báu đầy trong Hằng sa thế giới phụng sự bố thí cúng dường chư Như Lai cho đến khi an tọa trên đạo tràng Bồ-đề mà tâm bố thí của Bồ-tát cũng không chán đủ. Và cũng trong ngàn ấy thời gian, mỗi niệm mỗi niệm lửa mạnh bốc cháy đầy trong 3 ngàn Đại thiên thế giới, trong đó thực hành 4 oai nghi mà chẳng có một thứ phương tiện gì giúp cho đời sống, Bồ-tát vẫn nhất tâm thực hành trì giới, nhẫn nhục, tinh tiến, thiền định, trí tuệ cho đến khi an tọa đạo tràng. Tâm trì giới, nhẫn nhục, tinh tiến, thiền định, trí tuệ của Bồ-tát này cũng không chán đủ. Đó là thâm tâm rộng lớn của Bồ-tát. Lại nữa nếu Bồ-tát này cho đến khi tọa đạo tràng không bỏ tâm không chán đủ này, đó gọi là thâm tâm kiên cố. Nếu Bồ-tát này khi



dùng 6 Ba-la-mật nhiếp hóa chúng sinh, sinh hoan hỷ hơn cả nỗi vui mừng của chúng sinh được nhiếp hóa. Đó là thâm tâm hoan hỷ của Bồ-tát. Nếu Bồ-tát này khi dùng 6 Ba-la-mật nhiếp hóa chúng sinh, thấy chúng sinh đối với ta có ơn lớn, chứ không phải ta có ơn đối với chúng sinh. Đó là thâm tâm chịu ơn. Nếu Bồ-tát này khi dùng 6 Ba-la-mật nhóm họp thiện căn, lại khiến chúng sinh được quả báo tốt đẹp. Đó là thâm tâm chí lớn của Bồ-tát. Nếu Bồ-tát này khi dùng 6 Ba-la-mật nhóm họp thiện căn hồi hướng cho tất cả chúng sinh đều được A-nậu-đa-la Tam-miệu Tam-bồ-đề. Đó là thâm tâm thắng ích của Bồ-tát. Sáu thứ thâm tâm này gọi chung là ái vị tư duy. Lại nữa nếu Bồ-tát này đối với vô lượng 6 thứ thâm tâm khác tu tập tương ưng các thiện căn của Bồ-tát mà sinh tùy hỷ, thì đây 6 thứ thâm tâm của Bồ-tát gọi chung là tùy hỷ tư duy tu. Lại nữa nếu Bồ-tát này nguyện khiến tất cả chúng sinh đều được 6 thứ thâm tâm gồm trong 6 Ba-la-mật, cũng nguyện tự thân cho đến khi tọa đạo tràng, thường không xa rời 6 thứ thâm tâm gồm trong 6 Ba-la-mật, thì đó gọi là 6 thứ thâm tâm gồm nguyện được tư duy tu. Nếu chỉ nghe 6 thứ thâm tâm của Bồ-tát này bao gồm tư duy tu, sinh một niệm tịnh tín, liền được xuất sinh vô lượng phúc đức thì đã làm hoại tất cả nghiệp chướng cực ác huông chi là Bồ-tát.

Giải thích: Nói “Trong thời gian ấy, mỗi niệm mỗi niệm”, nghĩa là giả sử khiến thời lượng 3 A-tăng-kì làm một niệm, lấy một niệm như vậy lại trải qua thời gian ấy được Bồ-đề, trong thời gian ấy mỗi niệm mỗi niệm xả thân mạng mình v.v...Nghĩa ấy có thể hiểu tuần tự như trong luận bản. Cũng như vậy tuần tự cho đến thời gian được Bồ-đề, trong thời gian ấy hoặc tu hành Thi-la cũng vậy. Nói lửa dữ bốc cháy đầy trong 3 ngàn Đại thiên thế giới, mà không có tất cả phương tiện giúp cho đời sống, nghĩa là đây nói nơi trụ xứ gian nan không có gì cung ứng cho đời sống. Nói hoại tất cả nghiệp chướng cực ác, nghĩa là trong này nói hủ hoại là hay dục lạc nên không có năng lực cho quả báo. Lại đối trị néo ác đạo nên gọi là hủ hoại. Tâm

rộng lớn, tức trong đây là tâm không chán đủ. Các tâm này duy trì thời gian lâu không bỏ là tâm kiên cố. Trong đây nói kiên cố nghĩa là thời gian lâu. Nghĩa các tâm khác có thể hiểu được.

### **Chương 7: Sai biệt**

Luận nói: Làm sao thấy được sự sai biệt của các Ba-la-mật này? Phải biết mỗi Ba-la-mật đều có 3 thứ. Như pháp thí, tài thí, vô úy thí. Thủ hộ giới, nhiếp thiện pháp giới, tác lợi chúng sinh giới. Thụ ác sự nhẫn, an khổ nhẫn, pháp tư duy nhẫn. Bị khải tinh tiến, phát hành tinh tiến, bất khiếp nhược bất thoái chuyển vô yếm túc tinh tiến. An lạc trụ định, xuất sinh định, tác sở ung tác định. Vô phân biệt phương tiện trí, vô phân biệt trí, vô phân biệt hậu đắc trí.

Giải thích: Nói sự khác nhau của các Ba-la-mật là hiển thị cái thể. Trong đây vì sao có pháp thí v.v... 3 thứ? Bởi pháp thí làm tăng ích thiện căn người khác, tài thí tăng ích thân người khác, vô úy thí tăng ích tâm người khác. Do nhân duyên này nói có 3 loại thí. Trong 3 thứ của giới, thủ hộ giới là giới y chỉ, còn 2 giới kia dựa vào đây mà trụ. Do trụ nơi thủ hộ giới nên nhiếp thiện pháp giới được xuất sinh Phật pháp và Bồ-đề nên gọi là y chỉ. Lợi chúng sinh giới dựa vào đây mà trụ nên được thành thực chúng sinh nên gọi là y chỉ. Trong 3 thứ của nhẫn, thụ ác sự nhẫn là nếu người khác làm việc ác mình có thể nhịn chịu. Bồ-tát khi làm việc lợi ích chúng sinh, do sức nhẫn này nên khổ sinh tử không thể thoái chuyển. An khổ nhẫn là do có sức nhẫn nên ở trong sinh tử có bệnh v.v... các khổ không thể thoái chuyển. Pháp tư duy nhẫn là do nhẫn này nên khi tư duy pháp có thể nhẫn chịu nên nhẫn này tức là chỗ y chỉ của 2 nhẫn trước. Trong tinh tiến có 3 thứ thể. Như trong Tu-đa-la Thế Tôn nói là thể lực, là tinh tiến, là kham năng, là kiên cố siêu việt, là không bỏ ách nặng. Năm câu này tức giải thích 3 thứ thể của tinh tiến. Trong đó bị khải tinh tiến là tinh tiến như mặc áo giáp nên được thể lực mạnh. Lấy đây làm đầu do phát khởi tinh tiến, được chính tinh tiến lúc phát

khởi không khiếp nhược không động chuyển, tinh tiến không chán đủ v.v... Theo như thứ tự thì tức là kham năng, kiên cố siêu việt, không bỏ ách nặng v.v... lấy 3 câu này giải thích thì do có người lúc mới cầu vô thượng Bồ-đề có thể lực, khi phát khởi có tinh tiến, chỉ có điều là tâm hạ liệt. Để đối trị trường hợp này nên phải kham năng. Nếu có kham năng thì tâm không thoái khuất. Hạ liệt tức là thoái khuất. Nếu người tuy tâm không hạ liệt, nhưng trong khổ sinh tử tâm nhiều động thì đối với Phật quả sẽ sinh thoái khuất. Để đối trị trường hợp này nên phải không dao động, tinh tiến và kiên cố siêu việt. Cho nên nói kiên cố siêu việt đây, do kiên cố siêu việt nên đối với cái khổ không thoái lui. Có người tuy đối với cái khổ không thoái lui nhưng đối với thiếu phần đã sinh tướng đầy đủ, không thể được vô thượng Bồ-đề, cho nên nói tinh tiến không chán đủ. Đối với thiếu phần không sinh tướng đầy đủ và liền hiển thị cái tinh tiến không bỏ ách nặng. Do nghĩa này nên nói 3 thứ tinh tiến. Trong định cũng có 3. Lạc trụ là do hiện thấy pháp an lạc nên trụ gọi là lạc trụ. Xuất sinh là do xuất sinh 6 thần thông. Làm việc nên làm là do y chỉ thiên-na nên làm việc lợi ích chúng sinh. Vì vậy gọi là làm việc nên làm. Do các nghĩa này nên lập 3 thứ định. Trong Bát-nhã thành lập 3 thể, nghĩa có thể hiểu được.

### **Chương 8: Gồm thân**

Luận nói: Làm sao thấy được nghĩa thân nhiếp của các Ba-la-mật này? Các Ba-la-mật này thân nhiếp tất cả thiện pháp. Vì là thể tướng của chúng, vì là tùy thuận của chúng, vì là lưu xuất của chúng.

Giải thích: Câu hỏi làm sao thấy được nghĩa thân nhiếp của những cái này, tức là hỏi làm sao thấy được các Ba-la-mật này gồm thân các thiện pháp. Phải biết rằng nói tu các thiện pháp được thân nhiếp trong Ba-la-mật, hay nói tu thiện pháp thân nhiếp Ba-la-mật cũng vậy. Những cái này thân nhiếp tất cả thiện pháp, tức là trong đây tất cả thiện pháp tức là Bồ-đề phần pháp. Thể tướng của

chúng tức là thể tướng của Bát-nhã. Lưu xuất của chúng tức là 6 thần thông, 10 lực v.v... và các công đức khác đều là lưu xuất của chúng. Tùy thuận của chúng, tức là tin cậy nương tựa tùy thuận với đây.

### **Chương 9: Đối trị**

Luận nói: Làm sao có thể thấy các chướng ngại của Ba-la-mật? Phải biết gồm tất cả phiền não. Vì nó là thể tướng, nguyên nhân và kết quả.

Giải thích: Như đã nói rõ, các Ba-la-mật gồm thâm tất cả thiện pháp. Như nó đối trị tất cả nhiễm pháp. Nay sẽ nói rõ. Trong đó thể tướng của chúng là thể tướng của dục v.v... nhân duyên của chúng là nhân duyên của xan tham v.v... như không tin, tà kiến v.v... nên sinh xan tham, quả của chúng là như xan lẫn, phá giới, giận dữ là quả.

### **Chương 10: Công đức**

Luận nói: Làm sao thấy được công đức các Ba-la-mật này? Bò-tát trong sinh tử lưu chuyển nhiếp thủ tự tại nên nhiếp thủ đại sinh, nhiếp thủ đại trợ bạn, đại quyền thuộc, nhiếp thủ đại sự nghiệp phương tiện thành tựu, nhiếp thủ thân không nào hại, ít trần cấu, nhiếp thủ sang suốt các luận biết giỏi các nghề công xảo kỹ thuật. Các quả báo này không có gì đáng chê trách cho đến khi tọa đạo tràng làm các công đức trước mắt lợi ích tất cả chúng sinh.

Giải thích: Quả báo công đức Ba-la-mật của Bò-tát là không thể chê trách, chẳng phải như các quả báo khác có thể chê trách vì nhiễm ô, vì vô thường. Quả báo của Ba-la-mật thì không phải vô thường. Bởi vì sao? Bởi nói cho đến khi tọa đạo tràng. Lại nữa quả báo kia là chỉ tự mình tạo lấy không phải do người khác. Nói phát khởi việc lợi ích tất cả chúng sinh, quả Ba-la-mật tức là tất cả công đức của quả Ba-la-mật đều không có sự chê trách.

## **Chương 11: Hiện thị lẫn nhau**

Luận nói: Làm sao thấy được các Ba-la-mật này hiện thị lẫn nhau? Thế Tôn có nơi tất cả 6 Ba-la-mật chỉ lấy tên thí mà nói, hoặc lấy tên giới nói, hoặc lấy tên nhẫn nói, hoặc lấy tên tinh tiến nói, hoặc lấy tên định nói, hoặc lấy tên trí nói. Như vậy là ý gì? Trong các Ba-la-mật, khi tu một Ba-la-mật các Ba-la-mật khác đều đến trợ giúp hoàn thành. Dựa vào ý này, trong đây có bài kệ nhiếp trì như sau:

*Số tướng và thứ tự,  
 Danh tự tu công đức.  
 Sai biệt và nhiếp trì,  
 Công đức hiện thị nhau.*

Giải thích: Trong 3 trăm kệ, trong Bát-nhã Ba-la-mật nói một Ba-la-mật tức nói tất cả Ba-la-mật. Nói vậy là ý gì? Khi thực hành một Ba-la-mật thì tất cả các Ba-la-mật đều đến trợ giúp hoàn thành. Do ý này nên khi bố thí được nhiếp thủ thân khẩu, tức thuộc giới Ba-la-mật, cho đến trí biết nhân quả, tức thuộc Bát-nhã Ba-la-mật. Nghĩa trợ thành của các Ba-la-mật khác cũng tương ưng như vậy. Đến đây là giải thích xong về nhập nhân quả.

## **Tu sai biệt thắng tướng thắng ngữ 5**

### **Chương 1: Đối trị**

Luận nói: Như vậy là đã nói về ngộ nhập nhân quả rồi, vậy làm sao thấy tu sai biệt như thế nào? Tu sai biệt này có 10 địa Bồ-tát. Những gì là 10? Là Hoan hỷ địa, Ly cấu địa, Chiếu minh địa, Diệm địa, Nan thắng địa, Hiện tiền địa, Viễn hành địa, Bất động địa, Thiện tuệ địa, Pháp vân địa. Các địa này thành lập làm 10. Làm sao thấy được lý do thành lập? Vì để đối trị 10 thứ vô minh chướng ngại, nên có 10 thứ và pháp giới cũng có 10 thứ vô minh làm chướng trụ. Làm sao biết? Mười thứ, pháp giới là địa đầu tiên có nghĩa là phổ biến

khấp, địa thứ hai có nghĩa là vượt trội hơn hết, địa thứ ba có nghĩa là từ tội thượng lưu xuất, địa thứ tư có nghĩa là không nhiếp thụ, địa thứ năm có nghĩa là thể không sai biệt, địa thứ sáu có nghĩa là không nhiễm tịnh, địa thứ bảy có nghĩa là các pháp không sai biệt, địa thứ tám có nghĩa là không thêm bớt, địa thứ chín có nghĩa là y chỉ tương tự tại và y chỉ cội tự tại, y chỉ trí tự tại, địa thứ mười có nghĩa là y chỉ nghiệp tự tại, y chỉ Đà-la-ni môn tự tại, y chỉ Tam-ma-đề môn tự tại. Ở đây có kệ như sau:

*Biến hành, nghĩa tối thắng,  
Nghĩa tối thượng lưu xuất,  
Là nghĩa không nhiếp thụ,  
Và thể không sai khác,  
Nghĩa không nhiễm không tịnh,  
Không các pháp sai biệt,  
Nghĩa không thêm không bớt,  
Y chỉ 4 tự tại,  
Vô minh trong pháp giới,  
Mười chương chẳng nhiễm ô,  
Trong 10 địa là chương,  
Đối trị nói các địa.*

Lại nữa nên biết rằng vô minh này đối với Thanh Văn là không nhiễm ô, nhưng đối với Bồ-tát là nhiễm ô.

Giải thích: Nay nói rõ về tu sai biệt. Thế nào là phải biết 10 thứ? Pháp giới, nghĩa là phổ biến khắp cả, cho đến nghĩa Tam-ma-đề, Đà-la-ni tự tại. Nên biết 10 thứ này, pháp giới trong mỗi địa đều có một thứ, nhưng vì sức của vô minh nên không biết được. Để đối trị 10 chương của vô minh kia nên có 10 địa. Những gì là 10? Một là tính phạm phu. Hai là tà hạnh đối với thân chúng sinh v.v... Ba là tối tăm đần độn nên quên mất đối với văn tự tu. Bốn là phiền não vi tế hiện hành cùng với thân kiến v.v... cộng sinh với

hạ phẩm. Do ý niệm duyên nên bỏ xa các hiện hành vi tế. Nên biết đây là vi tế. Năm là hạ thừa nhập Niết-bàn. Sáu là thô tướng hành. Bảy là vi tế tướng hành. Tám là trong vô tướng làm công dụng. Chín là không làm việc lợi ích chúng sinh. Mười là đối với các pháp không được tự tại. Nay sẽ giải thích nghĩa biến hành của bài kệ. Pháp giới biến hành khắp mọi nơi. Bởi vì sao? Vì tất cả pháp không một pháp nào chẳng là vô ngã. Nghĩa tối thắng, nghĩa là nghĩa này vượt trội trong tất cả các pháp. Tức là tinh túy lưu xuất từ nhị địa. Tối thắng là nếu biết có Đại thừa chính thuyết là tinh túy lưu xuất từ chỗ vượt trội hơn cả thì được địa thứ ba. Trong đó không chấp thủ ngã sở, như người Uất-đan-việt không có ngã sở. Khi chứng pháp giới, liền được không có ngã sở như vậy. Do cái trí này liền được địa thứ tư. Đây tức là thể không sai biệt, chẳng phải như mắt thấy sắc v.v... tùy theo mỗi mỗi cái thể sai biệt của các chúng sinh. Do trí này được nhập vào địa thứ năm. Cũng không nhiễm, vì bản tính không nhiễm cho nên không nhiễm tức tịnh. Do trí này nên được nhập địa thứ sáu. Tu-đa-la v.v... các nghĩa tuy thành lập có sai biệt nhưng không khác nhau. Do trí này được nhập địa thứ bảy. Khi phiền não diệt không giảm, tịnh pháp lớn không tăng, y chỉ tướng tự tại, y chỉ cõi tự tại. Do trí này được nhập địa thứ tám. Trong tướng được tự tại, do tùy sở dục tướng liền hiện tiền. Trong cõi tự tại là như muốn cõi biến thành vàng liền được thành nên gọi là tự tại. Trong trí tự tại là y chỉ trí biện tài tự tại nên được nhập địa thứ chín. Thân v.v... các nghiệp tự tại y chỉ, Đà-la-ni, Tam-ma-đề môn tự tại y chỉ nên được nhập địa thứ mười. Lại nữa vô minh này đối với Thanh Văn không phải nhiễm ô do không nhập các địa này. Nếu khi nhập sơ địa tức thì thông đạt tất cả các địa, vậy tại sao còn tuần tự lập ra các địa làm gì? Để giải thích câu hỏi này là tùy theo chỗ thực hành ở mỗi bậc mà thành lập. Mặc dầu ở sơ địa đã thông đạt tất cả nhưng phải thành lập các địa.

## Chương 2: Đặt tên

Luận nói: Lại nữa vì sao sơ địa tên là Hoan hỷ? Do lần đầu tiên có công năng thành tựu tự lợi lợi tha. Vì sao địa thứ hai tên Ly cầu? Do xa lìa như bản của sự phá giới. Vì sao địa thứ ba tên là Chiếu minh? Do không thoái lui chỗ y chỉ Tam-ma-địa, Tam-ma-bát-đề, y chỉ đại pháp sáng suốt. Vì sao địa thứ tư tên là Diệm? Vì pháp Bồ-đề phần đốt cháy tất cả chướng. Vì sao địa thứ năm tên là Nan thắng? Vì hai trí chân tục trái nhau rất khó làm tương ưng nhau. Vì sao địa thứ sáu tên là Hiện tiền? Vì trí duyên sinh làm y chỉ khiến hạnh Bát-nhã Ba-la-mật hiện tiền. Vì sao địa thứ bảy tên là Viễn hành? Vì đến biên giới sau cùng của hạnh công dụng. Vì sao địa thứ tám tên là Bất động? Vì tất cả tướng hành không động. Vì sao địa thứ chín tên là Thiện tuệ? Vì trí biện tài vượt trội hơn cả. Vì sao địa thứ mười tên là Pháp vân? Do tướng chung duyên trí tất cả pháp, là kho chứa tất cả Đà-la-ni, Tam-ma-địa môn như mây trời. Lại chướng thô nặng như hư không, mây có thể kéo che. Lại pháp thân viên mãn.

Giải thích: Vì sao sơ địa tên Hoan hỷ? Do mới bắt đầu được thành tựu công năng tự lợi lợi tha. Khi Thanh Văn chứng chân thật chỉ thành tựu được công năng tự lợi, không làm lợi tha. Vì vậy không được sự hoan hỷ như chư Bồ-tát. Vì sao địa thứ hai tên Ly cầu? Do ở địa này tính giới thành tựu, không như sơ địa tác ý trì giới. Do thành tựu được tính giới, xa lìa sự như bản của phá giới. Vì sao địa thứ ba tên Chiếu minh? Do ở trong địa này thường không tách rời Tam-ma-địa, tam-ma-bát-đề. Do không thoái lui nên liền được sáng tỏ trong pháp Đại thừa. Vì sao địa thứ tư tên Diệm? Do ở địa này được thực hành pháp Bồ-đề phần. Do hành pháp này tất cả phiền não, tùy phiền não đều bị đốt cháy hết. Vì sao địa thứ năm tên Nan thắng? Do ở địa này chân trí xuất thế là vô phân biệt. Thế trí công xảo luận là phân biệt. Cần phải tu đủ cả hai cái trái nhau này rất khó, nhưng có thể đủ được cả hai nên gọi Nan thắng. Vì sao địa thứ sáu tên Hiện



tiền? Ở địa này được hành duyên sinh. Do trí lực này nên hành vô phân biệt, Bát-nhã Ba-la-mật được hiện tiền. Các pháp không nhiễm không tịnh, sẽ được hạnh có công dụng trong địa thứ bảy. Trong địa thứ tám là hạnh vô công dụng. Vì sao địa thứ bảy tên Viên hành? Ở trong địa này do hạnh phương tiện cứu cánh nên do được quyết định trong tất cả các tướng mà có hạnh công dụng. Vì sao địa thứ tám tên Bất động? Trong tất cả tướng và tất cả pháp dụng công, trong đây đều được bất động, tâm vô phân biệt tự nhiên thường lưu xuất. Vì sao địa thứ chín tên Thiện tuệ? Tuệ này rất xuất sắc nên gọi là thiện tuệ. Trí biện tài gọi là tuệ. Do trí này nên nói là thiện tuệ. Vì sao địa thứ mười tên Pháp vân? Tướng chung tất cả pháp duyên trí như mây, Đà-la-ni Tam-ma-đề v.v... như nước. Tức lấy trí này làm kho chứa, như mây chứa nước. Lại như mây kéo che kín hư không. Tướng chung tất cả pháp này duyên trí, che kín các chướng thô trọng cũng giống như vậy. Và viên mãn pháp thân là như mây phổ biến hư không. Trong thân Bồ-tát pháp thân viên mãn cũng giống như vậy. Viên mãn tức nghĩa là phổ biến.

### **Chương 3: Được tướng**

Luận nói: Làm sao thấy được chứng đắc các địa này? Có 4 tướng: Một, được tín giải. Nghĩa là tin hiểu các địa. Hai, được chính hsnhj. Nghĩa là được tương ưng với 10 thứ pháp hạnh của địa. Ba, được thông đạt. Nghĩa là ở trong sơ địa, lúc thông đạt pháp giới là được thông đạt tất cả các địa. Bốn, được thành tựu. Nghĩa là tu các địa này được cứu cánh.

Giải thích: Trong đây nói được thành tựu là nếu tu các địa này đến cứu cánh tức là thành tựu.

### **Chương 4: Tu tướng**

Luận nói: Làm sao thấy được tu các địa này? Các Bồ-tát này, trong các địa khi tu Xa-ma-tha, Tì-bát-xá-na, có 5 pháp tu. Đó là

tu gồm chung, tu vô tướng, tu không công dụng, tu mãnh liệt, tu không chán đủ. Sinh 5 quả Bồ-tát. Đó là một, trong mỗi niệm tiêu diệt chỗ dựa của tất cả nhiễm trược. Hai, được thoát ly các tướng, dạo chơi trong pháp lạc. Ba, hiểu rõ sáng suốt tướng pháp tất cả mọi nơi vô lượng không giới hạn. Bốn, có nhân duyên các phần thanh tịnh, không có tướng phân biệt nhưng vẫn hiện hành, nên pháp thân viên mãn thành tựu. Năm, do lần lượt thâm nhiếp nhân ở các bậc trên.

Giải thích: Tùy trong mỗi địa, có 5 pháp tu. Nay sẽ nói rõ. Xa-ma-tha, Tì-bát-xá-na, do 5 pháp tu nên đều được thành tựu. Nói “trong mỗi niệm tiêu diệt chỗ dựa tất cả nhiễm trược.”, cái gì gọi là nhiễm trược? Là phiền não chướng trí chướng huân tập chủng tử từ vô thủy tạo thành khối chướng ngại. Do tướng chung duyên Xa-ma-tha, trí Tì-bát-xá-na nên được niệm niệm tổn giảm. Khối này bị phá tan nên gọi là tiêu diệt. Lại nữa tổn giảm tức là tiêu diệt. Nói “lia các tướng được cái vui pháp lạc” nghĩa là nơi các thể tướng thành lập Tu-đa-la v.v..., nghĩa là trong pháp lia các tướng, được cái vui trong pháp lạc, chứ không phải thú vui nào khác. Ở đây nói vui là cái vui bên trong. Lại có giải thích khác rằng Xa-ma-tha, Tì-bát-xá-na, ở trong pháp hoặc thụ, hoặc giác, hoặc quán, chứ không phải thuận hành theo sự lãnh nạp thô thiển lộ liễu. Nhưng chỉ dùng ức niệm sáng suốt lãnh nạp và thuận hành vi tế. Nói “tướng mọi nơi vô lượng không giới hạn” nghĩa là không có sự hiểu biết giới hạn 10 phương. Nói “tất cả sự sáng suốt” như hay đọc kinh sách tâm tức sáng suốt. Nói “trong thanh tịnh phân tướng vô phân biệt hiện tiền” nghĩa là thành tựu tương ưng với thanh tịnh phần mà tướng vô phân biệt hiện tiền cho nên Phật quả là sở ưng thành tựu và pháp thân viên mãn thành tựu. Bao gồm nhân tối thượng là trong đó viên mãn là địa thứ mười, thành tựu là Phật địa thứ mười một. Trong đây pháp thân bao gồm nhân tối thượng là do đây tất cả nhân xuất sinh Phật địa vì vậy được gọi là vượt trội hơn cả.

Luận nói: Trong 10 địa tu 10 Ba-la-mật đều có tăng thượng. Trong 6 địa, 6 Ba-la-mật như trước đã nói. Trong 4 địa sau có 4 Ba-la-mật. Phương tiện thiện xảo Ba-la-mật, 6 Ba-la-mật tu tập thiện căn cùng tất cả chúng sinh hồi hướng A-nậu-đa-la Tam-miệu Tam-bồ-đề. Nguyên Ba-la-mật là phát khởi các nguyện đời vị lai, vì các Ba-la-mật nhân duyên đây có thể dẫn nhiếp. Lực Ba-la-mật là do sức tư duy tu tập 6 Ba-la-mật được tương tục hiện hành. Trí Ba-la-mật là thành lập trí 6 Ba-la-mật, được tự thụ dụng pháp lạc và thành tựu chúng sinh. Lại nữa 4 Ba-la-mật này là thuộc trí vô phân biệt hậu sở đắc trong Bát-nhã Ba-la-mật. Lại nữa trong 10 địa tất cả Ba-la-mật không cái nào không tu hành. Đây là pháp môn của các địa được thâm nhiếp trong Ba-la-mật tạng.

Giải thích: Nói “Trong 10 địa tu 10 Ba-la-mật đều có tăng thượng” nghĩa là trong Kinh Thập Địa nói sơ địa Đàn Ba-la-mật tăng thắng cho đến địa thứ 10 Trí Ba-la-mật tăng thắng. Vì lấy sự tăng thắng đó nên trong Thập Địa nói 10 Ba-la-mật. Trong tất cả các địa đều tu tập tất cả Ba-la-mật. Sáu Ba-la-mật trong 6 địa như tuần tự hiển thị, ban đầu Đàn Ba-la-mật cho đến thứ 6 là Bát-nhã Ba-la-mật. Các nghĩa ấy đều được nói như trong Kinh Thập Địa. Trong đó không đầy đủ như trước đã nói. Bốn địa sau có 4 Ba-la-mật là tùy ở nơi nào nói 6 Ba-la-mật, tức nơi đó Phương tiện thiện xảo v.v... 4 Ba-la-mật đều có trong đó. Nếu nói 10 Ba-la-mật thì trong đó chỉ lấy trí vô phân biệt làm Bát-nhã Ba-la-mật. Trí hậu đắc gồm Phương tiện thiện xảo v.v... 4 Ba-la-mật khác. Vì vậy cho nên trong 4 địa sau tu 4 Ba-la-mật được thành. Luận nói trong Phương tiện thiện xảo Ba-la-mật cùng với tất cả chúng sinh, nghĩa là trong đó có thiện căn gì thì đều được cùng chung với chúng sinh. Nay sẽ nói rõ về các “nguyện cầu vô thượng Bồ-đề” là muốn làm việc lợi ích tất cả chúng sinh, cần phải chính giác Bồ-đề mới đạt được ý muốn này. Cho nên có suy nghĩ tư duy gì, có thiện căn gì đều hồi hướng để làm lợi ích cho tất cả chúng sinh. Đây gọi là cùng chung với tất cả chúng sinh. Lại nữa

thiện xảo phương tiện là hiển thị bi trí. Sáu Ba-la-mật tập hợp được các thiện căn, do bi nên cùng chung với tất cả chúng sinh, do trí nên không hồi hướng các quả báo Phạm vương Đê-thích v.v... Vì vậy do trí này nên không khởi phiền não và không bỏ sinh tử mà trong đó không nhiễm, được thành phương tiện thiện xảo, nên gọi là Phương tiện thiện xảo Ba-la-mật. Do khởi các thứ nguyện lực nên được các nhân duyên Ba-la-mật. Vì vậy gọi là Nguyện Ba-la-mật. Trong thời vị lai, nghĩa là tướng nhân của thời vị lai, nên gọi là trong thời vị lai. Trụ trong nhân này, vì đời vị lai nên làm các nguyện. Có Tu-đa-la nói có 2 thứ sức, là sức tư duy và sức tu tập. Tuy không có sức tu tập, nhưng nhờ có sức tư duy nên tương ứng với các Ba-la-mật. Vì vậy được các Ba-la-mật tương tục hiện hành. Đây là nghiệp sự của Lục Ba-la-mật, như đã nói rõ các Ba-la-mật đều do trí kiến lập. Đó là Trí Ba-la-mật, tức tự tính Bát-nhã Ba-la-mật vô phân biệt. Nếu vì tự thụ dụng pháp lạc và vì thành tựu cùng chúng sinh trong pháp giới nên gọi là thành lập các Ba-la-mật. Pháp môn này được bao gồm trong các Ba-la-mật tạng. Trong đây Ba-la-mật tạng nghĩa là tất cả các pháp Đại thừa thì pháp môn 10 địa này được thâm nhiếp trong Ba-la-mật tạng, không có trong Thanh Văn tạng. Tất cả các Ba-la-mật được tu tập thành trong các địa. Pháp môn các địa này cao lớn cùng tột cho nên chư Phật giảng nói trong khắp tất cả cõi Phật. Pháp môn này là vượt trội cho nên được nói trước tiên hết, và nói trong những trường hợp thù thắng nhất, nói nơi trụ xứ kiên cố nhất. Chính chỗ thù thắng đó nên nói là thắng.

### **Chương 5: Thời gian tu tập**

Luận nói: Lại nữa tu các địa này bao nhiêu thời gian thì được viên mãn? Có 5 loại người tu trong 3 a-tăng-kì kiếp. Nghĩa là người ở Tín hành địa trong kiếp a-tăng-kì thứ nhất tu tịnh tâm hành hữu tướng, hành vô tướng, hành 6 thứ địa và địa thứ bảy. Kiếp a-tăng-kì thứ hai, tức trong vô tướng, vô công dụng hạnh trở lên. Cho đến địa

thứ 10 trong kiếp a-tăng-kì thứ ba tu hành viên mãn. Ở đây có bài kệ như sau:

*Sức thắng thượng tịnh diêu,  
Tâm kiên cố chuyển thắng.  
Bồ-tát ba tăng-kì,  
Gọi là chính tu hành.*

Giải thích: Nói 5 loại người trong 3 a-tăng-kì nghĩa là trong đó người Tín hành nghĩa là y theo nghĩa đó mà tin tưởng tu hành. Địa này hết một kiếp a-tăng-kì đầu tiên. Mãn kiếp a-tăng-kì này được Tịnh tâm địa, thông đạt chân như, nên ngay đây tu hành tịnh tâm. Trong 10 địa, đến 6 địa hãy còn tu hành hữu tướng. Địa thứ 7 là vô tướng hữu công dụng hành, tức được mãn a-tăng-kì thứ 2. Nếu vào địa thứ 8 thì được vô công dụng hạnh, nhưng chưa thành tựu hạnh vô công dụng ấy. Địa thứ 9 thứ 10 thì viên mãn hạnh vô công dụng này. Người này là thuộc kiếp a-tăng-kì thứ 3. Tức một người này mà thành lập 5 loại, như Tu-đà-hoàn, Tư-đà-hàm, A-na-hàm v.v... Tùy theo vị, xứ khác nhau cho nên như nói mãn 3 a-tăng-kì được Bồ-đề, tu hành thí v.v...trong sinh tử từ vô thủy, và được gặp chư Phật nào đến nay gọi là 3 kiếp a-tăng-kì? Nghĩa này trong kệ nói rõ. Sức thắng thượng tịnh diêu, nghĩa là được thiện căn lực và nguyện lực. Trong đó thiện căn lực là tán loạn v.v...không thể phá hoại. Nguyện lực là hằng cùng quy tụ với các thiện hữu. Tâm kiên cố chuyển thắng nghĩa là sức thiện hữu, không bỏ tâm Bồ-đề. Hành chuyển thắng nghĩa là trong đời hiện tại và đời sauthiện căn tăng trưởng không thoái giảm. Các câu khác có thể hiểu lấy. Đến đây giải thích xong về tu sai biệt thắng tướng.

## NHIẾP ĐẠI THỪA LUẬN THÍCH LUẬN

### QUYỂN 8

#### Tăng thượng giới học thắng tướng thắng ngữ 6

Luận nói: Như vậy là đã nói xong về tu tập nhân quả sai biệt rồi. Trong đây làm sao thấy được tướng thù thắng của giới tăng thượng? Như kinh nói chư Bồ-tát thụ cấm giới trong Bồ-tát địa. Nếu lược nói có 4 tướng thù thắng nên gọi là thắng tướng, Tức là thắng tướng về sự sai biệt, thắng tướng về chỗ học chung và không chung, thắng tướng về sự rộng lớn, thắng tướng về sự sâu xa. Trong đây thắng tướng về sự sai biệt nghĩa là có giới về sự thủ hộ giữ gìn, giới về nhiếp thiện pháp, giới về việc lợi ích chúng sinh. Nên biết rằng trong đây giới thủ hộ là trụ xứ của 2 giới kia. Giới nhiếp thiện pháp là trụ xứ của sự xuất sinh Phật pháp. Giới lợi ích chúng sinh là trụ xứ của việc thành thực chúng sinh. Cộng học là Thanh Văn và Bồ-tát, vì tính tội không hành. Bất cộng học là vì giá tội không hành. Học xứ này hoặc đối với Thanh Văn thì phạm nhưng Bồ-tát thì không phạm, hoặc có trường hợp đối với Bồ-tát thì phạm nhưng Thanh Văn thì không phạm. Học xứ của Bồ-tát, là thân khẩu ý. Học xứ của Thanh Văn thì chỉ thân khẩu. Cho nên đối với Bồ-tát, tâm cũng phạm, không phải như các Thanh Văn. Lược nói chỉ là nhiếp thụ tất cả chúng sinh không tội lỗi thân khẩu ý nghiệp Bồ-tát tất cả đều phải hành trì là đối với tất cả đều phải học. Đó là chỗ học chung và không chung.

Giải thích: Làm sao biết được chỗ học của Bồ-tát khác với Thanh Văn? Nói phạm loại khác nhau. Bởi Thanh Văn v.v... chỉ có một loại là thủ hộ giới, không có nhiếp thiện pháp giới và lợi ích chúng sinh giới. Về giới chỗ học chung và không chung, trong tính tội như sát sinh v.v... là chung, đào đất nhỏ cỏ v.v... các chế tội là không chung. Học xứ sau đối với Thanh Văn là có tội, Bồ-tát vô tội. Như Thanh Văn nếu đi trong mùa hạ là phạm, Bồ-tát nếu thấy việc có lợi ích chúng sinh mà không đi là phạm. Nói nhiếp thụ tất cả chúng sinh không tội lỗi, nghĩa là thu nhiếp tất cả chúng sinh mà không tội lỗi, chẳng phải như dùng nữ sắc v.v... đem cho. Tuy là nhiếp thụ nhưng không phải không tội nghiệp. Để lia tội này nên nói dùng sự không tội lỗi mà nhiếp thụ. Nói tâm cũng phạm, là như hại giác v.v... chỉ khi khởi giác tức là Bồ-tát tội, chẳng phải như Thanh Văn. Tăng thượng giới 3 học này tức là thể tính của Ba-la-mật. Vì sao còn lập 3 học? Đây có nghĩa khác với Ba-la-mật. Nay sẽ nói rõ. Do lần lượt làm nhân cho nhau nên lập riêng các học xứ. Vì y giới nên sinh định, y định nên sinh tuệ.

Luận nói: Sai biệt về sự rộng lớn, là vì lại có 4 thứ rộng lớn: 1. nhiều thứ học xứ vô lượng rộng lớn, 2. gồm thu vô lượng phúc đức rộng lớn, 3. gồm thu tâm lợi lạc tất cả chúng sinh rộng lớn, 4. trụ xứ A-nậu-đa-la Tam-miệu Tam-bồ-đề rộng lớn.

Giải thích: Nhiều thứ học xứ vô lượng rộng lớn, nghĩa là học xứ của Bồ-tát cũng có nhiều chủng loại và vô lượng, vì hành giáo hóa nhiếp sự đối với chúng sinh. Gồm thu vô lượng phúc đức, nghĩa là gồm các phúc đức, tư lương của Bồ-tát cũng không thể kể hết được, Thanh Văn thì không như vậy. Gồm tất ý lợi lạc tất cả chúng sinh, nghĩa là trong đó khuyên bảo tu thiện là ý lợi ích. Người này vì điều thiện này nên khi có quả sẽ được phúc báo. Đây gọi là an lạc ý. Trụ xứ A-nậu-đa-la Tam-miệu Tam-bồ-đề rộng lớn, nghĩa là trụ nơi giới này mà được A-nậu-đa-la Tam-miệu Tam-bồ-đề. Giới Thanh Văn thì không như vậy.

Luận nói: Sai biệt sâu xa, nghĩa là nếu Bồ-tát dùng các phương tiện thiện xảo như vậy hành sát sinh v.v... 10 thứ ác nghiệp, nhưng không bị tội, sinh vô lượng phúc, mau chóng A-nậu-đa-la Tam-miệu Tam-bồ-đề, lại biến hóa thân khẩu nghiệp, phải biết đó là giới sâu xa của Bồ-tát. Hoặc làm quốc vương hiển thị các việc làm bức não chúng sinh. Lấy đó đặt chúng sinh vào trong luật hạnh. Lại trong bản sinh có thị hiện bức não bao nhiêu chúng sinh mà nhiếp thụ bao nhiêu chúng sinh. Trước là khiến tâm chúng, sinh tịnh tín, rồi sau giáo hóa thành thực. Đây là thắng tướng sâu xa của giới Bồ-tát. Bốn thứ tướng thù thắng này, lược nói đây là thắng tướng thủ hộ giới của Bồ-tát. Như vậy đó là các sai biệt về học xứ của Bồ-tát. Lại có vô lượng thứ sai biệt như nói trong Kinh Phương Quảng Tì-na-da Cù-sa.

Giải thích: Trong sai biệt về sự sâu xa, là nếu Bồ-tát dùng các phương tiện thiện xảo như vậy, thì Bồ-tát sẽ được sức mạnh của phương tiện thiện xảo như vậy. Nay sẽ nói rõ. Nếu biết như vậy: Người này do sự bất thiện này sẽ đọa địa ngục vô gián. Bồ-tát do trí biết tha tâm, nên không còn phương tiện nào khác có thể chuyển được ác nghiệp để khỏi đọa ác đạo, bởi nếu tạo nghiệp này rồi thì chắc chắn phải đọa địa ngục. Biết như vậy rồi liền khởi tâm nếu khiến ta tạo nghiệp rồi đọa vào địa ngục thì nào có phải chịu đựng mà giết người ấy. Tuy hiện đời có chịu ít khổ não nhưng đời sau sẽ được an lạc. Cho nên cũng như thầy thuốc, Bồ-tát vì tâm lợi ích giết người ấy mà không có tội, được thắng phúc lớn. Do phúc đức này mau chóng được A-nậu-đa-la Tam-miệu Tam-bồ-đề. Các hạnh như vậy thật là rất sâu xa. Lại nữa Bồ-tát còn có biến hóa thân khẩu nghiệp. Nên biết rằng do đây có giới sâu xa này. Hoặc làm vị quốc vương thị hiện các việc bức não chúng sinh để an lập chúng sinh trong luật hạnh. Trong đó hóa thể tướng là biến hóa, như A-na-la vương vì Thiện Tài đồng tử thị hiện các việc. Thị hiện trong các bản sinh, như Tì-du-an-đát-la vương tử, Tùy gọi là Đa năng, tức Tu-đạt-noa trong Kinh Bản Sinh



nói Bồ-tát đem đũa con thí cho Bà-la-môn. Đũa con này là biến hóa. Bởi vì sao? Luận nói hiển thị sự không bức não chúng sinh này vì nhiếp thụ các chúng sinh. Do Bồ-tát hoàn toàn không bức não chúng sinh này nên nhiếp thụ việc các chúng sinh. Đây cũng là rất sâu xa. Bốn thứ sai biệt này có nói rộng trong 10 vạn kệ Kinh Ti-na-da Cù-sa. Đến đây giải thích xong về tăng thượng giới học.

### **Tăng thượng tâm học thắng tướng thắng ngữ 7**

Luận nói: Như vậy là đã nói xong về thắng tướng của tăng thượng giới học, còn thắng tướng của tăng thượng tâm học làm sao thấy được? Lược nói có 6 thứ sai biệt: 1.sai biệt về sở duyên, 2.sai biệt về chủng loại, 3.sai biệt về đối trị, 4.sai biệt về công năng, 5.sai biệt về xuất sinh, 6.sai biệt về tác nghiệp. Pháp Đại thừa là sở duyên. Đại thừa quang minh, Nhất thiết phúc đức tụ, Tam-muội vương, Hiền hộ Thủ-lăng-già-ma v.v... Tam-ma-đề, vô lượng chủng loại. Tướng chung của tất cả các pháp duyên trí, ví như phương tiện dùng cây nôm để tháo cây nôm, trực xuất các chương nhiệm trực trong thức A-lê-da. Vui trong thiền định, tùy ý muốn mà thụ sinh. Trong tất cả thế giới xuất sinh thần thông không chương ngại. Nghĩa là như chấn động, bùng cháy, phổ biến, hiển hiện, thần biến, qua lại, kéo dài thu ngắn, tụ tán, tất cả sắc tượng nhập vào trong thân, đến đâu thì hiện thân đồng loại, hoặc ẩn hoặc hiện, ra làm tự tại, trấn áp thần thông đối phương, cho biện tài, cho nghĩ nhớ, cho vui thích, phóng ánh sáng v.v... xuất sinh các loại thần thông như vậy.

Giải thích: Nay nói rõ thắng tướng của tăng thượng tâm học. Nói là sở duyên trong pháp Đại thừa, nghĩa là do các Bồ-tát lấy pháp Đại thừa làm sở duyên, không phải như các Thanh Văn v.v... Đại thừa quang minh, Phúc tụ Tam-ma-đề vương v.v... là nói tên các Tam-ma-đề. Bởi các Thanh Văn trong các thứ Tam-ma-đề này chẳng có một thứ nào cả. Nói sai biệt về sự đối trị, nghĩa là do có thể đối trị

tất cả chướng ngại cho nên như dùng một vật nhỏ mà đẩy được vật lớn ra. Cũng như vậy các chủng tử phiền não ở trong thức A-lê-da gọi là huân tập. Đây nói là thô đối trị. Đạo nói là tế. Đẩy cái thô kia ra. Nói sai biệt về công năng, nghĩa là do có công năng này nên vui trong thiền định nhưng có chỗ lợi ích tất cả chúng sinh. Cho đến thụ sinh cũng không mất thiền định, Thanh Văn thì không được vậy. Nói sai biệt về xuất sinh, nghĩa là ở trong tất cả thế giới được thần thông không chướng ngại, do từ thiền định sinh. Nói sai biệt về tác nghiệp, nghĩa là trong chân động làm chân động tất cả thế giới. Đốt cháy tức là đốt cháy tất cả thế giới. Phổ biến nghĩa là ánh sáng đầy khắp. Hiện hiện là chúng sinh như thế nào thì tùy theo đó ứng hiện. Do năng lực thần thông, Bồ-tát thấy được vô lượng thế giới, và thấy chư Phật Bồ-tát trong các thế giới kia. Chuyển biến là như chuyển đổi đất thành ra nước v.v... Qua lại là trong một sát-na đi qua vô lượng thế giới và trong một sát-na này liền trở về lại. Tụ là đem vô lượng thế giới nhập vào trong một hạt bụi mà không tăng lớn. Tán là đem một hạt bụi biến đầy khắp vô lượng thế giới. Nói tất cả sắc tượng nhập vào trong thân, nghĩa là như trong một thân hiện hiện tất cả vô lượng sắc tượng. Nói đến đâu thì hiện thân như đồng loại, nghĩa là như qua đến trời thứ 33 thì sắc tượng âm thanh đều đồng như người ở cõi đó để giáo hóa chúng. Và đi đến cõi nào cũng đều như vậy. Nói khi ẩn khi hiện, nghĩa là ở tất cả mọi nơi khi hiện khi không hiện. Việc ra làm tự tại, nghĩa là như biến ma vương làm Phật thân v.v... Trấn áp thần thông đối phương, là được vượt trội hơn tất cả mọi thần thông. Cho biện tài, là khiến có khả năng ứng đáp. Cho nghĩ nhớ và vui thích, là do nghe Bồ-tát thuyết pháp được Tam-ma-đề nên được nghĩ nhớ vui thích. Phóng ánh sáng, là phóng ánh sáng khiến các Bồ-tát ở các thế giới khác đều đến tập hội. Xuất sinh các đại thần thông như vậy, nghĩa là các đại thần thông đã nói ở trước. Các thần thông này Thanh Văn không có được.

Luận nói: Gồm thâu tất cả những việc khó làm, do xuất sinh 10 việc khó làm. Mười việc khó làm là: tự nhận việc khó làm, tự thụ nguyện Bồ-đề, việc khó làm không thoái lui, trong khổ sinh tử không thoái chuyển, không làm trái việc khó làm, không ruồng bỏ tất cả chúng sinh có hành vi điên đảo, các việc khó làm trước mắt, các chúng sinh gây xúc não Bồ-tát cũng hiện tiền làm lợi ích cho chúng, không nhiễm ô dẫu việc khó làm, sinh ở thế gian không bị pháp thế gian nhiễm ô, tin vui việc khó làm, trong Đại thừa tuy có chỗ chưa hiểu nhưng vẫn sinh tin vui tất cả giáo pháp rộng lớn sâu xa, thông đạt những việc khó làm, thông đạt nhân pháp 2 vô ngã, tùy hiểu những việc khó làm, tùy thuận hiểu biết các bí mật ngữ sâu xa của Như Lai nói, không bỏ không nhiễm việc khó làm, không bỏ sinh tử mà không nhiễm, ra làm các việc khó làm, trụ trong giải thoát tất cả chướng ngại của chư Phật vận dụng vô công dụng cho đến tận cùng sinh tử làm việc lợi ích tất cả chúng sinh.

Giải thích: Như kinh nói Bồ-tát có những việc khó làm. Đó là những việc gì? Có 10 thứ. Trong đó không lìa không nhiễm khó làm, không lìa nghĩa là không bỏ. Nếu ở trong sinh tử không bỏ sinh tử mà cũng không nhiễm. Đây là rất khó. Còn 9 thứ khác xem luận bản sẽ rõ.

Luận nói: Tùy theo mà hiểu các mật ngữ Phật nói là khó. Bồ-tát tùy thuận theo đó mà hiểu. Như nói: Thế nào là Bồ-tát thành tựu được bố thí? Nếu không thí một vật mà trong 10 phương thế giới thành tựu vô lượng việc bố thí. Thế nào là thành tựu được sự ưa thích bố thí? Là nếu trong tất cả bố thí chẳng có gì ưa thích. Thế nào là được thành tựu việc tin vào bố thí? Là nếu không tin vào các Như Lai. Thế nào là thành tựu được sự khuyến khích bố thí? Là tự bản thân chẳng có một động cơ gì khởi phát đối với sự bố thí. Thế nào là được thành tựu bố thí một cách thoải mái? Là nếu không có một lúc nào bố thí một vật gì. Thế nào là được thành tựu sự bố thí rộng lớn?

Là nếu đối với sự Bồ thí sinh tưởng không chắc thật. Thế nào là được thành tựu sự Bồ thí thanh tịnh? Là nếu sinh tâm keo kiệt. Thế nào là được thành tựu sự Bồ thí rất ráo? Là nếu đối với sự Bồ thí không được tự tại. Thế nào là được thành tựu sự Bồ thí vô tận? Là nếu không trụ trong vô tận. Giống như Bồ thí, việc trì giới cho đến trí tuệ đều như vậy. Phải biết tùy theo sự thích hợp.

Giải thích: Trong đây hiển thị ý của các mật ngữ. Trong này nói thế nào là được thành tựu Bồ thí, tức là Bồ-tát lấy tất cả chúng sinh làm cái thể của mình, cho nên tất cả chúng sinh hành thí là Bồ-tát hành thí. Đây là mật ý. Thế nào là được thành tựu sự ưa thích Bồ thí, nghĩa là không ưa thích sự Bồ thí có sở đắc. Chỉ ưa thích tịnh thí của Bồ-tát. Tọa tướng và trước tướng là có sở đắc. Cho nên kinh nói Bồ thí có tọa tướng trước tướng. Thế nào là được thành tựu tin tưởng vào việc Bồ thí, nghĩa là do tự mình được tâm Bồ thí nên không phải nhờ duyên người khác. Thế nào là được thành tựu việc phát khởi khuyến khích Bồ thí, nghĩa là đây cũng hiển thị cái tự tính năng thí. Nếu tự thân không có động cơ khởi phát, nhưng do trừ bỏ keo kiệt nên tuy không phát động tự có thể hành thí. Thế nào là được thành tựu Bồ thí một cách thoải mái, nghĩa là không phải thí một lần mà thường thí, không phải chỉ thí một vật mà thí tất cả. Thế nào là được thành tựu Bồ thí một cách rộng lớn, trong đó nói không chắc thật tức là nếu lấy nghĩa bí mật thì gọi là không loạn. Đây là hiển thị định tâm thí và phá tham dục thí. Thế nào là được thành tựu Bồ thí thanh tịnh, nghĩa là trong đây nói sinh khởi tức lấy nghĩa bí mật gọi là bạt căn, bạt căn là nhổ gốc rễ, nhổ gốc rễ của tính keo kiệt, do đưa đầu keo kiệt xuống dưới nhổ gốc lên trên nên gọi là sinh khởi. Thế nào là được thành tựu Bồ thí một cách rất ráo, nghĩa là cứu cánh tức Niết-bàn. Trong đây Niết-bàn cũng không trụ nên không như Thanh Văn trụ cứu cánh Niết-bàn. Thế nào là được thành tựu Bồ thí một cách tự tại, nghĩa là chỉ đối với thí, chướng không được tự tại. Thế nào là được thành tựu

bồ thí vô tận, nghĩa là vô tận tức Niết-bàn, để hiển thị không đồng với Thanh Văn trụ Niết-bàn.

Luận nói: Thế nào là thành sát sinh? Là nếu cắt đứt sinh tử của chúng sinh. Thế nào là thành không cho mà lấy? Là nếu tất cả chúng sinh không có ai cho mà tự lấy. Thế nào là thành dục tà hạnh? Là nếu hành động trong tà dục. Thế nào là thành vọng ngữ? Là nếu trong hư vọng nói là hư vọng. Thế nào là thành lời nói phá hoại? Là nếu thường hành trong đệ nhất không hành. Thế nào là thành lời nói thô ác? Là nếu trụ nơi phải biết bờ kia. Thế nào là thành lời nói tạp loạn? Là nếu ở trong pháp chủng loại sai biệt nói như tướng của chúng. Thế nào là thành tham chẳng phải phần? Là nếu đối với vô thượng thiên định thường tu tập để tự chứng đắc. Thế nào là thành tâm sân hại? Là nếu đã sát hại được tất cả tâm phiền não. Thế nào là thành tà kiến? Là nếu khắp tất cả mọi nơi là tà thể thấy như thể của chúng.

Giải thích: Như trong kinh nói: Phật bảo Tì-khuru, ta là kẻ sát sinh. Nay sẽ nói rõ ý của câu này. Thế nào là kẻ dục tà hạnh, nghĩa là nếu nghĩ biết cái dục này là tà, như vậy thì phải biết trụ ở bờ bên kia. Thế nào là tà kiến, nghĩa là đối với sắc v.v...biến hành khắp cả tà thể thì thấy như tướng của chúng, tức thấy tính phân biệt trong tính y tha là tà tướng. Ngoài ra nghĩa của 10 nghiệp đạo bất thiện, có thể hiểu như trong luận.

Luận nói: Pháp Phật rất sâu. Những gì là pháp Phật rất sâu, nay sẽ giải thuyết. Pháp thường trụ là pháp Phật, vì pháp thân thường trụ. Pháp đoạn diệt là pháp Phật, vì đoạn diệt tất cả chướng. Pháp sinh khởi là pháp Phật, vì hóa thân sinh khởi. Pháp chứng kiến là pháp Phật, vì chúng sinh có 8 vạn 4 ngàn hành vi và đối trị đều chứng kiến. Pháp có dục là pháp Phật, vì dục là muốn cùng chúng sinh nhiếp đồng tự thể. Cũng ý như vậy mà nói pháp có sân là pháp Phật, pháp có si là pháp Phật, pháp phàm phu là pháp Phật, pháp không nhiễm là pháp Phật vì thành tựu chân như thì tất cả không ô nhiễm, cho nên pháp

không ô nhiễm là pháp Phật. Vì pháp Phật sinh tại thế gian không bị thế gian ô nhiễm. Cho nên nói pháp Phật rất sâu. Vì để tu Ba-la-mật, để thành thực chúng sinh, để thanh tịnh cõi Phật, để xuất sinh tất cả pháp Phật v.v... phải biết đây là nghiệp sai biệt Tam-ma-đề của Bồ-tát.

Giải thích: Lại có các kinh khác nói pháp thường trụ là pháp Phật, cho đến pháp không nhiễm là pháp Phật v.v... Nay sẽ hiển thị ý trong đó nói. Thường trụ nghĩa là pháp thân lấy pháp này nên nói là pháp thường trụ. Pháp đoạn diệt, pháp chứng kiến, pháp không ô nhiễm, các pháp này hiển thị sự xuất ly tất cả chướng nhiễm chân như. Vì pháp này nên nói là pháp không nhiễm ô. Trước không nói sự sai biệt về tác nghiệp, nên nay sẽ hiển thị. Nghiệp Tam-ma-đề của Bồ-tát, trong đây Bồ-tát y chỉ Tam-ma-đề nên được tu các Ba-la-mật. Cũng do y chỉ Tam-ma-đề nên thành thực chúng sinh. Do thần thông nên nhiếp dẫn khiến nhập. Cũng y chỉ sức của Tam-ma-đề mà thanh tịnh cõi Phật cũng như vậy. Nếu tâm được tự tại tức tùy ý muốn khiến thế giới trở thành vàng v.v... như vậy là nhờ sức của Tam-ma-đề. Xuất sinh pháp Phật, đó là nghiệp. Đến đây giải thích xong về tăng thượng tâm học.

### **Tăng thượng tuệ học thắng tướng thắng ngữ 8**

Luận nói: Như vậy là đã nói xong về thắng tướng của tăng thượng tâm học, vậy làm sao có thể thấy thắng tướng của tăng thượng tuệ học? Nghĩa là trí vô phân biệt, như tự tính, y chỉ, nhân duyên, sở duyên, tướng mạo, thiết lập, giải thích câu hỏi, trụ trì, trợ bạn, quả báo, lưu xuất, xuất ly, đến cứu cánh, phương tiện, các công đức của vô phân biệt hậu đắc, sai biệt, thí dụ trí vô phân biệt, vô công dụng làm việc nên làm, sự sâu xa v.v... Phải biết đây là các sai biệt về tuệ tăng thượng của trí vô phân biệt.

Giải thích: Nay sẽ nói về thắng tướng của tăng thượng tuệ học. Trí này lại có 3 thứ: 1. phương tiện vô phân biệt, tức là tầm tư, 2. vô

phân biệt, 3.hậu đắc. Trong đây trí muốn tìm cầu là tuệ tăng thượng đầu tiên, trí tự bên trong là tăng thượng tuệ thứ hai, trí nhiếp trì là tăng thượng tuệ thứ ba. Trong đây chỉ có thành tựu trí vô phân biệt là chính thể. Do nhân tâm tư, trí tức là quả của nó. Do sau được quả trí, nên kia là nhân. Nếu trí này thành tựu 2 trí trước và sau, tức là được thành tựu. Nay giải thích trước tự tính của trí vô phân biệt. Tự tính tức là thể tướng. Tự tính của trí vô phân biệt của Bồ-tát phải li bỏ 5 thứ tướng. Nay sẽ đề cập.

Luận nói: Tự tính của trí vô phân biệt này li 5 thứ tướng: li phi tư duy, li quá giác quán, li diệt thụ tướng định, li tự tính của sắc, li các tướng suy tính nghĩa chân thật. Phải biết rằng li 5 thứ tướng này là trí vô phân biệt.

Giải thích: Trong 5 thứ tướng, nếu không tác ý tức là không phân biệt, vậy thì khi ngủ say, hoặc say rượu là trí vô phân biệt? Lại nữa nếu quá giác quán là không phân biệt thì nhị thiên trở lên phải là trí vô phân biệt? Nếu vậy người thế gian cũng có được trí vô phân biệt? Lại nữa nếu tâm và tâm pháp không hiện hành là trí vô phân biệt thì trụ ở diệt thụ tướng định phải là trí vô phân biệt? Trí này không thành. Bởi vì sao? Vì khi trụ ở diệt định v.v... thì không có tâm. Lại nữa nếu thể tính của trí như sắc, tức là như sắc thì ngoan độn không tri giác, vậy là trí cũng ngoan độn không tri giác? Lại nữa nếu trong nghĩa chân thật thủ lấy các tướng là vô phân biệt, cái thủ lấy này tức là phân biệt, vì lấy phân biệt nói đây là chân thật. Nếu trí li 5 thứ tướng duyên nghĩa chân như, trong nghĩa chân như nếu không khởi các chủng tướng nói đây là chân thật thì đó là tướng của trí vô phân biệt. Cho nên khi duyên nghĩa chân thật, như nhãn thức duyên sắc không có các chủng tướng thì đó là nghĩa của nó.

Luận nói: Đề thành lập như đã nói về trí vô phân biệt nên nói kệ như sau:

Chư Bồ-tát tự tính,  
 Thoát ly 5 thứ tướng.  
 Là trí vô phân biệt,  
 Không kể đặc chân như.  
 Chư Bồ-tát y chỉ,  
 Không mà có tư duy,  
 Là trí vô phân biệt,  
 Không tư duy chủng loại.  
 Chư Bồ-tát nhân duyên,  
 Có ý ngôn văn huân,  
 Là trí vô phân biệt,  
 Tương ưng chính tư duy.  
 Chư Bồ-tát sở duyên,  
 Không thể nói thuyết pháp,  
 Là trí vô phân biệt,  
 Vô ngã và chân như.  
 Chư Bồ-tát tướng mạo,  
 Ở trong sở duyên kia,  
 Là trí vô phân biệt,  
 Nhĩ diệm không có tướng.  
 Tương ưng nghĩa tự tính,  
 Không ngoài sở phân biệt.  
 Chữ chữ đều tương ưng,  
 Đó là tương ưng nghĩa.  
 Nếu tách rời ngôn thuyết,  
 Với nghĩa, trí không sinh.  
 Vì ngôn thuyết bất đồng,  
 Không thể nói tất cả.  
 Chư Bồ-tát trụ trì,  
 Là trí vô phân biệt,  
 Hiện hành trí hậu đắc,



Được tăng trưởng tiến thú.  
 Chư Bồ-tát trợ bạn,  
 Nói có hai đường lối,  
 Là trí vô phân biệt,  
 Các chủng loại ngũ độ.  
 Chư Bồ-tát quả báo,  
 Nhị luân trong chư Phật,  
 Là trí vô phân biệt,  
 Phương tiện và chính đắc.  
 Chư Bồ-tát lưu xuất,  
 Sinh trong các đời sau,  
 Là trí vô phân biệt,  
 Vĩ tự thể chuyển thắng.  
 Chư Bồ-tát xuất ly,  
 Được tương ưng thành tựu,  
 Là trí vô phân biệt,  
 Phải biết trong 10 địa.  
 Chư Bồ-tát cứu cánh,  
 Do được tịnh 3 thân,  
 Là trí vô phân biệt,  
 Được tự tại cao tột,  
 Như hư không không nhiễm,  
 Trí vô phân biệt này,  
 Các thứ nghiệp cực ác,  
 Chỉ tin là quyết định.  
 Như hư không không nhiễm,  
 Trí vô phân biệt này,  
 Giải thoát tất cả chướng,  
 Được thành tựu tương ưng.  
 Như hư không không nhiễm,  
 Trí vô phân biệt này,

*Thường hành trong thế gian,  
Pháp thế gian không nhiễm.  
Như người câm muốn biết,  
Đúng như người câm biết,  
Như người không câm biết,  
Ba trí nói như vậy.  
Như người ngu muốn biết,  
Đúng như người ngu biết,  
Như người không ngu biết,  
Ba trí nói như vậy.  
Như 5 đều muốn biết,  
Đúng như 5 biết,  
Như ý thức muốn biết,  
Ba trí nói như vậy.  
Như chưa biết muốn biết,  
Như biết pháp và nghĩa,  
Ba trí tuần tự vậy,  
Phải biết là phương tiện.  
Như người lúc nhắm mắt,  
Là trí vô phân biệt,  
Thì người ấy mở mắt,  
Chính là trí hậu đắc.  
Trí vô phân biệt này,  
Phải biết như hư không,  
Như hình sắc trên không,  
Trí hậu đắc cũng vậy.  
Như Ma-ni, nhạc trời,  
Tác động lia phân biệt,  
Chư Phật các chủng nghiệp,  
Cũng thường lia phân biệt.*

*Chẳng đây cũng chẳng khác,  
 Chẳng phải trí mà trí.  
 Với nhĩ diệm không khác,  
 Là trí vô phân biệt.  
 Bởi nói tất cả pháp,  
 Tự tính là phân biệt,  
 Sở phân biệt phi hữu,  
 Không trí vô phân biệt.*

Giải thích: Trong kệ thứ nhất hiển thị nghĩa này, tức nói tự tính do y chỉ nên được sinh. Nay sẽ đề cập. Do nói trí này là vô phân biệt nên trí này phải y chỉ tâm sinh. Nếu y chỉ tâm sinh, do có khả năng tư niệm nên gọi là tâm. Nếu y chỉ tư niệm sinh tức nghĩa vô phân biệt không thành. Lại nếu y chỉ phi tâm sinh thì không thành trí. Vì 2 lỗi này nên kệ nói “Chư Bồ-tát y chỉ “ v.v... Trong này trí y chỉ không phải là tư. Bởi vì sao? Bởi nghĩa không tư lường. Lại nữa chỗ y chỉ đây cũng chẳng phải phi tư. Bởi vì sao? Vì tư có công dụng dẫn sinh, cho nên khi y chỉ sinh là thuộc chủng loại tư, cho nên được gọi là tư. Lại nữa trí này do nhân sinh khởi, cho nên kệ tiếp theo là hiển thị nhân đó. Câu “Chư Bồ-tát nhân duyên, có ý ngôn văn huân.” Nghĩa là chính khi nghe do âm thanh người khác mà huân tập. Lấy huân tập này làm nhân sinh tư duy ý ngôn, gọi là chính tư duy. Trí này lấy gì làm duyên? Lại dùng kệ hiển thị. Câu “Chư Bồ-tát sở duyên” v.v... nghĩa là trong đó không thể nói là pháp tính, tức là trong tính phân biệt không thể nói tất cả các pháp. Lại nữa pháp nào không thể nói? Là vô ngã, chân như, thể của nhân pháp, vô ngã của tính phân biệt. Cái thể của vô thể gọi là chân như. Chớ nên chấp thủ một cách độc đoán. Lại nữa duyên này tướng mạo như thế nào? Tiếp theo dùng kệ hiển thị. Câu “Chư Bồ-tát tướng mạo” v.v... nghĩa là trong đó vô tướng tức trí này cùng với chân như bình đẳng mà sinh, không có tướng nào là tướng riêng. Đó là tướng mạo, như mắt bắt

lấy sắc, trong đó thấy xanh v.v... các tướng mạo cùng với sắc không khác. Đây cũng như vậy. Trí với chân như tướng mạo không khác. Nếu có tất cả pháp đều không thể nói thì lấy gì làm sở phân biệt? Tương ưng nghĩa của tự tính là sở phân biệt, không gì khác. Không gì khác hơn là nó nên gọi là phi dư. Lại nữa làm sao thành tựu? Để thành tựu nên kệ nói “Chữ chữ tự tương ưng”. Đó là tương ưng với nghĩa, tức là nếu chữ này tương ưng với chữ kia thì nghĩa nói trong đây là nghĩa hòa hợp. Như 2 chữ Chúc-sô không thể cắt rời ra mà nói được, tức là có sự hòa hợp mà sinh nghĩa là con mắt ( chữ Chúc-sô là tiếng Phạn, Tùy tức đời nhà Tùy, chỉ Trung Hoa, gọi là nhãn nghĩa là con mắt). Đó là sở phân biệt. Dùng nghĩa lý gì mà nói tất cả pháp là không thể nói? Nếu lia ngôn thuyết thì đối với nghĩa, trí không sinh cho nên như có người chưa biết đã có thể nói tên. Đều với nghĩa được nói thì trí không sinh. Nếu ông nói chỉ nói được tên thì biết nghĩa, điều đó không thành. Như kệ nói “ Vì ngôn thuyết bất đồng”, vì tên năng thuyết với nghĩa sở thuyết không đồng nhau, vì tên và nghĩa đều có biệt thể. Kệ nói “Tất cả không thể nói”, nghĩa là do nghĩa này nên năng thuyết và sở thuyết đều không thể nói. Lại nữa trí vô phân biệt này trụ giữ như thế nào? Kệ nói “Chư Bồ-tát trụ trí”, tức là trí hậu đắc trong trí vô phân biệt. Tức là cái trí do vô phân biệt mà người hành giả về sau có được. Bồ-tát tu các hành tức dựa vào trí này được tăng trưởng tiến lên. Bồ-tát có được các hành trong nghĩa tăng trưởng này, y vào trí vô phân biệt mà trụ giữ. Lại nữa trí này lấy gì làm trợ bạn? Kệ nói “Chư Bồ-tát trợ bạn”, nghĩa là nói có 2 đường lối. Trí vô phân biệt này lấy 5 Ba-la-mật làm trợ bạn. Trong đó có 2 đường lối gọi là tư lương đạo và y chỉ đạo. Tư lương đạo là đường lối sử dụng như hành trang lên đường, tức là các Ba-la-mật như thí, giới, nhẫn, tinh tiến v.v... Y chỉ đạo là đường lối nương tựa, tức thiền Ba-la-mật. Như trước nói các Ba-la-mật sinh các thiện căn và nương tựa vào thiền định nên được sinh trí vô phân biệt. Trí này tức Bát-nhã Ba-la-mật. Lại nữa cho đến chưa được Phật quả đến nay

có trí vô phân biệt có thể thành thực quả báo. Kệ nói “Chư Bồ-tát quả báo, trong nhị luân chư Phật”, nghĩa là người có trí vô phân biệt. Những gì là nhị luân của chư Phật? Đó là thụ dụng thân luân và hóa thân luân. Nếu tu phương tiện vô phân biệt có thể thành thực quả hóa thân. Nếu chính được vô phân biệt có thể thành thực quả thụ dụng thân. Để hiển thị nghĩa này nên kệ nói “Phương tiện và chính đắc”. Lại nữa cái gì là trí vô phân biệt lưu xuất? “Chư Bồ-tát lưu xuất, sinh trong các đời sau”, nghĩa là ở trong nhị luân kia nơi các đời sau thể của trí vô phân biệt này chuyển được thắng tiến. Phải biết khi trí vô phân biệt này chuyển thành thắng tiến tức đó là quả lưu xuất. Lại nữa thế nào là xuất ly? Chư Bồ-tát xuất ly, nghĩa là cứu cánh gọi là xuất ly. Tức là Niết-bàn được thành tựu tương ưng. Nói trí vô phân biệt này, tức trí này mới được tương ưng. Từ đó trải vô lượng trăm ngàn kiếp được thành tựu tương ưng. Nói phải biết trong 10 địa tức tuần tự từ sơ địa cho đến địa thứ 10. Trong sơ địa chỉ có được tương ưng. Từ đó về sau vô lượng thời được thành tựu tương ưng. Cho nên chư Bồ-tát trong 3 kiếp a-tăng-kì được Niết-bàn. Do trải qua thời gian như vậy mới được cứu cánh. Những ai là vô phân biệt cứu cánh? Như trước đã nói. Đó là kệ nói chư Bồ-tát cứu cánh do được 3 thân thanh tịnh, là người có trí vô phân biệt. Trong đây 3 thân thanh tịnh là do 3 thân này trong sơ địa chỉ có đắc. Trong 10 địa được thiện thanh tịnh. Được tự tại cao tốt, nghĩa là trí vô phân biệt này không phải chỉ cứu cánh được thanh tịnh 3 thân, lại còn có 10 thứ tự tại. Như sau sẽ đề cập. Lại nữa trí vô phân biệt có công đức gì? Trong đây có 3 thứ vô phân biệt: 1. phương tiện vô phân biệt, 2. căn bản vô phân biệt, 3. hậu đắc vô phân biệt. Trong đây phương tiện vô phân biệt nghĩa là người này ban đầu ở một nơi nào đó được nghe Bồ-tát vô phân biệt nhưng chưa thấy phương tiện ấy tâm vẫn sinh tin yêu, y chỉ sự tin yêu này tu quán vô phân biệt, khi ấy gọi là phương tiện vô phân biệt. Do quán hạnh này được sinh vô phân biệt, nên được gọi là vô phân biệt. Phương tiện vô phân biệt này có công

đức vô nhiễm. Ví dụ như gì? Kệ nói “Nhu hư không không nhiễm, trí vô phân biệt này”. Để hiển thị pháp gì? Vô nhiễm nên nói các thứ nghiệp cực ác, để hiển thị nhân không nhiễm nên nói chỉ có tin quyết định, do nơi vô phân biệt này chỉ có tin là quyết định nên có khả năng đối trị ác thú. Đây tức hiển thị căn bản không nhiễm các ác. Công đức vô phân biệt còn dụng được gì? Kệ nói “Nhu hư không không nhiễm, là trí vô phân biệt”. Pháp gì không nhiễm? Là tất cả chướng ngại. Vì sao không nhiễm? Vì được thành tựu tương ưng. Hiển thị trong các địa là nhân do đó được tương ưng và thành tựu tương ưng. Đây tức là hiển thị đối trị tất cả chướng. Công đức của trí vô phân biệt hậu đắc còn có công dụng gì? Kệ nói “Nhu hư không không nhiễm, là trí vô phân biệt” Nhu hư không không nhiễm, trí vô phân biệt này, thường hành trong thế gian, “pháp thế gian không nhiễm.”, nghĩa là do sức của trí này thấy nơi nào có lợi ích chúng sinh thì tùy niệm sinh qua đó. Tuy sinh thế gian nhưng không bị pháp thế gian nhiễm. Pháp thế gian có 8 thứ là được lợi, không được lợi, tiếng tốt, tiếng xấu, chê, khen, khổ, sướng. Đây tức là vô phân biệt, từ trí vô phân biệt sinh. Nay sẽ hiển thị sai biệt của 3 trí này. Phải biết như tướng của chúng. “Nhu người cảm muốn biết”, là không có ngôn thuyết, phương tiện vô phân biệt cũng vậy. “Đúng như người cảm biết”, là không có ngôn thuyết, căn bản vô phân biệt cũng vậy. “Nhu người không cảm biết”, là như chỗ biết, tức có ngôn thuyết, vô phân biệt hậu đắc cũng vậy. Các tên gọi chữ viết v.v... là ngôn thuyết. “Nhu người ngu muốn biết”, nghĩa là chưa hiểu biết gọi là ngu. Cái ngu này v.v... ví cho 3 trí. Giống như nói về người cảm. “Nhu 5 đều muốn biết”, nghĩa là vô phân biệt có 5 thứ, phải biết đó là nhân v.v... 5 thứ. Những thứ này cầu biết chính thụ. Đây ví chi 3 trí, tất cả nói gì cũng như người cảm nói. “Nhu ý thức muốn biết” nghĩa là như ý thức đối với trần có thể phân biệt, có thể thụ dụng, trí hậu đắc cũng vậy đối với trần cũng phân biệt cũng thụ dụng. “Nhu chưa biết muốn biết”, phương tiện vô phân biệt cũng

vậy. Như khi tụng tập luận, chỉ thụ dụng nơi pháp, căn bản vô phân biệt cũng vậy. Pháp là hiểu như văn tự. Luận là đều thụ dụng pháp và nghĩa, phải biết trí hậu đắc cũng vậy. Lại nữa, để gồm thâm pháp và nghĩa này nên hiển thị 2 trí. “Như người lúc nhắm mắt”, kệ này hiển thị 2 tướng sai biệt của vô phân biệt và hậu đắc. Nói “như hư không” là như hư không không nhiễm, không phân biệt, cũng không bị cái khác phân biệt nó, trí vô phân biệt cũng vậy. Phổ biến khắp tất cả pháp chỉ một mùi vị. Trong hư không, tất cả pháp đều không thể nhiễm ô nên gọi là vô nhiễm. Tự thể không phân biệt nên gọi là vô phân biệt, cũng không bị cái khác phân biệt thành tướng mạo, nên gọi là phi sở phân biệt. Phải biết trí này là như vậy.

“Như hình sắc trên không, trí hậu đắc cũng vậy.”, như sắc hiển hiện cũng là năng phân biệt, cũng là sở phân biệt. Lại nữa nếu lấy trí vô phân biệt gọi là Phật thì đã lìa phân biệt chúng sinh làm sao làm việc lợi ích chúng sinh được? Tuy lìa phân biệt nhưng như lý được thành. Kệ lấy ngọc Ma-ni và nhạc trời làm ví dụ để hiển thị. “Như Ma-ni, nhạc trời,”, nghĩa là như ngọc như ý lìa nghiệp phân biệt, tùy ý muốn chúng sinh mà làm việc lợi ích. Lại giống như nhạc trời không có người diễn tấu, tùy ý muốn của trời kia mà phát ra các thứ âm thanh. Chư Phật cũng vậy, lìa phân biệt mà mọi thứ sự thành. Vô phân biệt này rất sâu làm sao trí duyên tính y tha mà phân biệt vật? Vì có biệt duyên. Nếu vậy thì có lỗi gì? Nếu phân biệt sở phan duyên thì không được gọi là vô phân biệt. Nếu nói có phan duyên riêng thì phan duyên riêng này cũng phi hữu. “Chẳng đây cũng chẳng khác”, nghĩa là trong đây nói chẳng phải cái này bởi chẳng phải phân biệt năng duyên, bởi vô phân biệt nên cũng chẳng phải cái khác. Bởi vì tác pháp ngay nơi pháp của tính y tha như phan duyên, nên pháp và pháp như 2 thứ, không thể nói là một, không thể nói là khác. Đây cũng vậy, không thể nói là phân biệt sở duyên. Cũng không thể nói là khác duyên. Lại nữa vì sao đây là trí cũng là phi trí? Nếu vậy có lỗi gì? Nếu là trí thì đã tên là trí rồi vì sao không phân biệt? Nếu phi trí

tự tính vì sao nói là trí vô phân biệt? Cho nên lấy kệ “Chẳng phải trí mà trí” để hiển thị.

Đây không thể là trí. Bởi vì sao? Do phương tiện có trí phân biệt, vì trong tự tính không sinh. Cũng là phi phi trí, bởi phương tiện có trí phân biệt làm nhân sinh. Lại có nghĩa khác là “phi tức” cũng là “phi dị”, “phi trí” cũng là “trí”, nghĩa là do “phi tức” duyên trong phân biệt sinh, nên gọi là “phi trí cũng phi dị”. Do “tức” duyên trong pháp như sinh, nên là “phi phi trí”. Tức là lấy câu trước giải thích câu sau. “Vớĩ nhĩ diệm không khác, là trí vô phân biệt.”, nghĩa là không phải như trí phương tiện có năng thủ sở thủ sinh nên gọi là vô phân biệt. Nếu trong sở thủ nhĩ diệm, không biệt dị bình đẳng bình đẳng sinh là vô phân biệt. Trí này không trụ trong năng thủ sở thủ. Thế Tôn trong Tu-đa-la nói tất cả pháp là vô phân biệt, trong đó muốn hiển thị vô phân biệt này cho nên lại nói kệ: “Bởi nói tất cả pháp, tự tính lìa phân biệt”, nghĩa là tất cả pháp tức tự tính vô phân biệt. Vì sao kệ nói như vậy? Sở phân biệt phi hữu. Lấy đó hiển thị do vật sở phân biệt là phi hữu. Nếu sở phân biệt phi hữu nên tức tất cả pháp tự tính vô phân biệt thì vì sao tất cả chúng sinh không được giải thoát ngay? “Không trí vô phân biệt.” lấy câu này hiển thị sự không được giải thoát. Tuy tất cả pháp tự tính vô phân biệt, bởi tất cả pháp tự tính vô phân biệt cho nên không có sở phân biệt. Nếu trong đây trí thông đạt sinh chúng kiến vô phân biệt này nên được giải thoát. Nếu trí thông đạt không sinh, tức không được giải thoát. Nói trí vô phân biệt tức trí này có 3 phần. Nay sẽ nói rõ.



# NHIẾP ĐẠI THỪA LUẬN THÍCH LUẬN

## QUYỂN 9

### Tăng thượng tuệ học thắng tướng thắng ngữ 8-2

Luận nói: Trong trí phương tiện vô phân biệt có 3 thứ là nhân duyên, dẫn nhiếp và thường tập, vì xuất sinh sai biệt. Trí vô phân biệt cũng có 3 thứ là biết đủ, không điên đảo và không hý luận vì vô phân biệt. Trí vô phân biệt hậu đắc có 5 thứ là thông đạt, ức niệm, thành lập, hòa hợp và như ý, hiển thị sự sai biệt.

Giải thích: Nhân duyên, dẫn nhiếp và thường tập do xuất sinh sai biệt, đây là 3 thứ phương tiện vô sai biệt. Hoặc do sức của chủng tính, hoặc do sức hiện tiền thường tập mà được sinh. Trong đó sức của chủng tính tức là từ nhân được sinh. Sức thường tập tức lực tác của thân hiện tại chắc chắn, không phải từ nhân sinh. Biết đủ, không điên đảo, không hý luận vì vô phân biệt, nghĩa là trong đó biết đủ không phân biệt là biết rõ ráo cái thể của văn, tư, do đầy đủ nên không phân biệt nữa. Do đó gọi là tri túc vô phân biệt. Khi đã rõ ráo ở nơi địa vị văn, tư thì tự biết đã đến chỗ cứu cánh. Bồ-tát này trụ tại địa vị phàm phu, sinh tâm thỏa mãn nghĩ rằng việc văn, tư chỉ bằng được đến đây. Vì nghĩa đó nói là tri túc vô phân biệt. Lại nữa phải biết rằng có thể gian tri túc vô phân biệt, nếu đạt được đến Hữu đỉnh cho là Niết-bàn sinh tâm tri túc, nghĩa là cho rằng không còn nơi nào nữa, nên gọi là tri túc vô phân biệt. Không điên đảo vô phân biệt là

Thanh Văn v.v... Do các Thanh Văn thông đạt chân thật nên được 4 trí vô đảo như vô thường v.v... đối với thường v.v... 4 đảo tướng không còn điên đảo phân biệt nữa. Không hý luận vô phân biệt là các Bồ-tát do các Bồ-tát biết tất cả pháp cho đến Bồ-đề không hý luận vô phân biệt cho nên không phân biệt nữa. Không hý luận nghĩa là phát ngôn nói ra vượt quá trí thế gian, trí này chẳng phải ngôn ngữ nói ra, cũng chẳng phải trí thế gian biết được. Lại nữa trí vô phân biệt hậu đắc có 5 thứ sai biệt là thông đạt, ức niệm, thành lập, hòa hợp và như ý hiển thị sự sai biệt. Trong đó thông đạt hiển thị, ức niệm hiển thị, thành lập hiển thị, hòa hợp hiển thị và như ý hiển thị 5 thứ sai biệt. Trong đây thông đạt hiển thị là nếu đã thông đạt tức khi ấy hiển thị nói rằng ta đã thông đạt. Hiển thị nghĩa là biết một cách quyết chắc. Ưc niệm hiển thị là nếu xuất định rồi nghĩ nhớ nói rằng ta đã thông đạt vô phân biệt rồi. Thành lập hiển thị là như chỗ đã thông đạt mà giải nói cho người khác. Hòa hợp hiển thị là đem tất cả pháp làm thành một khối. Trí phan duyên tổng tướng, do quán trí này tức được chuyển y. Như ý hiển thị là do chuyển y này liền được hiển thị như ý, do tùy theo tâm niệm tất cả tự tại. Do tự tại này nếu muốn lấy đất làm vàng v.v... đều được thành tựu. Do hiển thị được như ý nên gọi là như ý hiển thị. Bởi vì sao? Do kinh nói vì lấy hiển thị và như ý nên đã thành lập trí vô phân biệt. Vì chưa noi nhân duyên thành tựu nên lại dùng kệ hiển thị.

Luận nói: Lại có kệ khác thành tựu trí vô phân biệt:

*Quý súc và người, trời,  
Đều tùy theo chỗ ứng.  
Tâm ý đều khác nhau,  
Nên biết nghĩa không thành.  
Quá khứ và chiêm bao,  
Cùng 2 thứ ảnh tượng,  
Vô hữu làm phan duyên,*

Nhưng phan duyên kia thành.  
 Nếu nghĩa thành là cảnh,  
 Không trí vô phân biệt.  
 Nếu trí này không có,  
 Phật quả không thể được.  
 Bồ-tát được tự tại,  
 Nên lạc dục tự tại.  
 Như muốn đất thành vàng,  
 Người được định cũng vậy.  
 Người thành tựu quán hạnh,  
 Người trí được tịch tĩnh.  
 Tư duy tất cả pháp,  
 Như nghĩa ấy hiển hiện.  
 Trí hành vô phân biệt,  
 Tất cả nghĩa không hiện.  
 Tức biết không có nghĩa,  
 Thì thức cũng không có.

Giải thích: Trong đây nói “Quý súc và người, trời, đều tùy theo chỗ ứng.”, nghĩa là súc sinh thấy là nước, ngựa quý là cao nguyên, người thấy là phân nhơ, heo thấy là vật sạch. Như người thấy thức ăn uống là sạch thì chư thiên là không sạch. Dùng đạo lý này hiển thị, trong một vật tùy theo ý thức mỗi loài thấy khác nhau. Cho nên biết nghĩa, là không sở hữu. Vì vậy cái chấp thủ của họ là không thành. Nếu vậy, nghĩa, là vô sở hữu, thì thức phải không duyên cảnh mà sinh? Đáp: Cũng có trường hợp thức không duyên cảnh mà sinh.. Như chiêm bao và quá khứ vị lai v.v... Phan duyên cái không thật, tức là phan duyên tự thể. Như cảnh trong gương và cảnh trong định cũng vậy. Tiếp đến là dùng kệ hiển thị. Kệ nói quá khứ v.v... và chiêm bao, trong đó nửa kệ sau giải thích nửa kệ trước. Tuân tự cũng như vậy. Do phan duyên không thật nên không có phan duyên. Chẳng phải không phan duyên tức là tự phan duyên. Nghĩa là tự tâm

làm cảnh mà phan duyên. Tức là quá khứ, vị lai và mộng cùng 2 ảnh tượng v.v... tuân tự nên biết như vậy. Nếu nghĩa thành, là cảnh không có trí vô phân biệt. Nếu nghĩa có tự tính, tức là không có trí vô phân biệt. Nếu ông nói không có trí vô phân biệt thì có lỗi gì? Nếu không có trí này thì không thể đắc Phật quả. Nếu không có trí vô phân biệt thì không thể đắc Phật quả. Cho nên chắc chắn phải có. Bồ-tát được tự tại, nghĩa là đã được năng lực tự tại nên thắng giải tự tại, được lạc dục tự tại nên nghĩ muốn như thế nào thì được như thế đó, nghĩa là như muốn đất v.v... các vật thành vàng v.v... liền được như vậy. “Người được định cũng vậy.”, nghĩa là những người được định và các Thanh Văn. “Người thành tựu quán hạnh”, nghĩa là thành tựu Tì-bát-xá-na. Người trí tức các Bồ-tát. Người được tịch tĩnh là được Tam-ma-đề. “Tu duy tất cả pháp, như nghĩa ấy hiển hiện.”, nghĩa là do các Bồ-tát khi tu duy nghĩ nhớ nghĩa các pháp như vậy như vậy trong Tu-đa-la thì sẽ được hiển hiện như nghĩ nhớ. Như khi niệm Phật tùy theo tư niệm, Phật nghĩa trong các pháp kia sẽ được hiển hiện. Các nghĩa như sắc, thụ v.v... cũng hiển hiện như vậy. “Trí hành vô phân biệt, tất cả nghĩa không hiện.”, nghĩa là khi trí chính hành vô phân biệt, do tất cả nghĩa không hiện nên biết tức là không có nghĩa. Do nghĩa không có nên thức cũng thành không có. Nay sẽ nói về thức này vô sở hữu. Nói “Thức cũng không có được”, nghĩa là cái sở thức đã không có thì cái năng thức không thành. Cho nên phải biết nghĩa vô sở hữu là như vậy. Trong tướng đã giải thích đầy đủ.

Luận nói: Bát-nhã Ba-la-mật với trí vô phân biệt không khác nhau. Như kinh nói: Bồ-tát trụ trong Bát-nhã Ba-la-mật rồi, và không trụ tương ưng, nên tu các Ba-la-mật được viên mãn. Thế nào là không trụ tương ưng mà được viên mãn? Nghĩa là xa lìa 5 thứ trụ xứ: 1. Xa lìa chỗ chấp ngã của ngoại đạo. 2. Xa lìa chỗ phân biệt của Bồ-tát không thấy chân thật. 3. Xa lìa chỗ 2 cực đoan của sinh tử và Niết-bàn. 4. Xa lìa tư tưởng cho rằng chỉ đoạn trừ phiền não chướng là đủ. 5. Xa lìa việc bỏ làm lợi ích chúng sinh mà an trụ vô dư Niết-bàn.

Giải thích: Trí vô phân biệt này tức là Bát-nhã Ba-la-mật. Bởi vì sao? Như kinh nói: Trụ trong Bát-nhã Ba-la-mật rồi và không trụ tương ưng. Như vậy là muốn khiến biết nghĩa này nên dùng văn kinh hiển thị. Như vậy trụ và không trụ trong tương ưng, đầy đủ các Ba-la-mật. Xa lìa chỗ chấp ngã của ngoại đạo, nghĩa là như ngoại đạo trụ trong Bát-nhã có chấp, nghĩ rằng ta trụ trong Bát-nhã, đây là Bát-nhã. Bồ-tát xa lìa trụ tướng như thế của ngoại đạo cho nên được trụ trong vô trụ tương ưng Bát-nhã. Xa lìa chỗ phân biệt của Bồ-tát không thấy chân thật, nghĩa là nếu không thấy chân thật thì Bồ-tát trong Bát-nhã Ba-la-mật vô phân biệt, lại phân biệt nói rằng đây là Bát-nhã Ba-la-mật. Không phân biệt như vậy nên gọi là không trụ tương ưng. Xa lìa chỗ 2 cực đoan của sinh tử và Niết-bàn, nghĩa là như thế gian trụ bên sinh tử, Thanh Văn trụ bên Niết-bàn. Bồ-tát không như vậy, không trụ 2 bên này, tức không trụ tương ưng. Xa lìa tư tưởng cho rằng chỉ đoạn trừ phiền não chướng là đủ, nghĩa là như Thanh Văn chỉ đoạn phiền não chướng cho là đủ. Bồ-tát không như vậy. Do ý này nên nói chư Bồ-tát không trụ tương ưng hạnh. Xa lìa việc bỏ làm lợi ích chúng sinh mà an trụ vô dư Niết-bàn, nghĩa là Bồ-tát không như vậy, là không trụ chỗ trụ của Thanh Văn. Đó là không trụ tương ưng. Trí của Thanh Văn với trí của Bồ-tát có 5 tướng sai biệt, nay sẽ nói đến.

Luận nói: Trí của Thanh Văn với trí của Bồ-tát này có gì khác nhau? Có 5 thứ khác nhau: 1. Khác nhau ở chỗ vô phân biệt, nghĩa là ám v.v...các pháp không phân biệt. 2. Khác nhau ở chỗ không có giới hạn, nghĩa là thông đạt chân như, nhập nhất thiết chủng, vì do tất cả chúng sinh không giới hạn. 3. Khác nhau ở chỗ vô trụ, nghĩa là nhập vô trụ Niết-bàn. 4. Khác nhau ở chỗ rốt ráo, nghĩa là hướng đến Niết-bàn vô dư mà không cùng tận. 5. Khác nhau ở chỗ vô thượng, nghĩa là đạt đến cao tột không còn có thừa nào hơn.

*Năm thứ trí sai biệt,*

*Lấy Đại bi làm thể.*

*Quả báo thế xuất thế,  
Phải biết chẳng bao xa.*

Giải thích: Trong đây, khác nhau ở chỗ vô phân biệt, nghĩa là các Thanh Văn phan duyên các âm v.v... sinh trí phân biệt. Trí các Bồ-tát đối với âm v.v... không sinh phân biệt. Khác nhau ở chỗ không giới hạn, nghĩa là người thông đạt nhân pháp 2 vô ngã nên không có phân chia giới hạn. Bởi các Bồ-tát sinh trí trong tất cả những gì phải biết, còn Thanh Văn chỉ biết khổ đế v.v..., Bồ-tát vì chúng sinh không có giới hạn, vì tất cả chúng sinh cầu Bồ-đề, còn Thanh Văn chỉ vì tự lợi. Khác nhau ở chỗ vô trụ, nghĩa là các Bồ-tát được vô trụ xứ Niết-bàn chẳng phải như các Thanh Văn. Khác nhau ở chỗ rốt ráo, nghĩa là trong vô dư Niết-bàn giới thì Niết-bàn Thanh Văn có tận diệt, Niết-bàn Bồ-tát thì không như vậy. Khác nhau ở chỗ vô thượng, nghĩa là Thanh Văn thừa còn có bậc trên, Bồ-tát Đại thừa thì không còn thừa nào trên. Đó là chỗ khác nhau. Nghĩa này trong kệ hiển thị 5 thứ sai biệt về trí. Quả báo thế xuất thế, nghĩa là cõi Sắc, Vô sắc là quả báo thế gian, Thanh Văn v.v... là quả báo xuất thế gian.

Luận nói: Nếu Bồ-tát đã đầy đủ quả báo công đức của giới tăng thượng, tâm tăng thượng, tuệ tăng thượng, đã được tự tại trong tất cả nghĩa lợi, vì sao hiện thấy còn có các chúng sinh chịu các nghèo khổ? Do thấy các chúng sinh ấy có các nghiệp chướng trong các nghĩa lợi kia. Do thấy nếu cho quả báo sung sướng thì đối với các thiện pháp trở ngại việc khởi thiện. Do thấy không có nghĩa lợi thì chán ghét hiện tại. Do thấy nếu được quả báo thì thành nhân tụ tập các pháp bất thiện. Do thấy nếu được quả báo là làm nhân bức não cho vô lượng chúng sinh khác. Do nghĩa đó mà hiện thấy có chúng sinh chịu các khổ não. Trong đây có kệ như sau:

*Thấy nghiệp ngại hiện tiền,  
Gom ác bức não người,*

*Phải biết chúng sinh ấy,  
Không được Bồ-tát thí.*

Giải thích: Bồ-tát được tự tại. Do nhân duyên này, tuy có Đại bi mà không cho chúng sinh giàu có sung sướng. Nay sẽ nói rõ ý này. Trong đây nói thấy nghiệp chướng các chúng sinh, nghĩa là các chúng sinh này trong oai lực của Bồ-tát có trở ngại nghiệp chướng, có trở ngại Bồ-tát trí nên tuy Bồ-tát kham năng, thấy việc này nên sinh tâm xả đối với sự nghèo khổ kia. Điều này có thể lấy thí dụ ngạ quỷ thấy nước sông thì rõ. Như sông có nước, nếu muốn uống cũng không ai cản trở. Nhưng ngạ quỷ do tự tội nghiệp không thể uống được. Đây cũng vậy, sông ví dụ cho Bồ-tát. Cửa cái ví dụ cho nước. Ngạ quỷ ví dụ cho chúng sinh. Cũng như nước kia, các chúng sinh này đối với cửa cái không thể thụ dụng cũng có nghĩa như vậy. Do thấy sự sung sướng có trở ngại việc khởi thiện, nghĩa là lại có những người khác tuy không nghiệp chướng, nhưng người này khi được gặp Bồ-tát, trong tương tục sinh khởi thiện pháp, nếu cho người này quả báo hưởng thụ giàu có sung sướng thì sẽ dứt mất việc khởi thiện. Bồ-tát suy nghĩ như vậy thà để cho nghèo khổ mà tùy thuận khởi thiện. Do đạo lý này mà không cho giàu có sung sướng. Do thấy chán ghét hiện tiền, nghĩa là hoặc lại có người chán ghét hiện tiền, Bồ-tát thấy kia nghèo khổ mà trong thiện bất thiện suy nghĩ chán ghét hiện tiền hơn, vì vậy đối với chúng sinh kia không cho sự giàu có sung sướng. Do thấy quả báo chịu khổ kia thêm lớn nhân bất thiện, nghĩa là lại có người khi nghèo cùng không tụ tập các pháp bất thiện được, Bồ-tát thấy vậy nghĩ rằng thà khiến nghèo khổ chớ khiến tạo tác bất thiện, cho nên đối với chúng không cho sự giàu có sung sướng. Do thấy khổ kia mà được quả báo. Cho các vô lượng chúng sinh khác tạo nhân bức não, nghĩa là lại có người được đại quả báo thì làm khổ não vô lượng chúng sinh, cho nên thà một thân chịu nghèo khổ là hơn, chớ để khổ não vô lượng chúng sinh, vì vậy không cho giàu có sung

sướng. Kệ hiển thị các nghĩa như vậy. Trong đây vì nghiệp chướng ngại, vì sinh khởi thiện căn, vì thiện hiện tiền, vì tụ tập bất thiện, vì bức não các chúng sinh, Bồ-tát thấy những việc như thế không cho giàu có sung sướng, tức trong kệ là nghiệp và ngại hiện tiền, tập họp các ác bức não người khác. Lấy đó hiển thị có thể hiểu các nghĩa khác. Đến đây giải thích xong về tạng thượng tuệ học.

### **Tịch diệt tướng tướng ngữ 9**

Luận nói: Như vậy là đã nói về tướng thù thắng của tạng thượng tuệ học rồi, còn làm sao thấy được tướng thù thắng của tịch diệt? Tịch diệt của chư Bồ-tát là vô trụ xứ Niết-bàn, vì xả ly phiền não mà không bỏ sinh tử, cùng y chỉ chuyển y làm tướng. Trong đây sinh tử là phần nhiệm ô của tính y tha, Niết-bàn là phần thanh tịnh của tính y tha. Y chỉ tức là đủ 2 phần của tính y tha. Chuyển y là khi khởi đối trị tính y tha, phần nhiệm ô diệt, phần thanh tịnh hiển hiện.

Giải thích: Tướng vô trụ xứ Niết-bàn tức là xả ly phiền não mà không bỏ sinh tử. Cùng y chỉ chuyển y làm tướng, nghĩa là khi trụ chuyển này thì không cho phiền não được trụ lại, nhưng không bỏ sinh tử. Phần nhiệm nên gọi là y tha, tức phần tịnh nên gọi Niết-bàn. Hai phần nên là chỗ y chỉ của kia. Chuyển y tức trong đây được thành. Do trong đây khi khởi đối trị thì phần nhiệm không hiện hành, phần tịnh hiện hành.

Luận nói: Lại nữa sự chuyển y này lược nói có 6 thứ: Một là chuyển bằng cách thêm sức, giảm khả năng. Do sức tín giải trụ nơi văn huân tập, do có sự hổ thẹn nên một ít phiền não hiện hành và không hiện hành. Hai là chuyển do thông đạt, nghĩa là các Bồ-tát đã nhập địa cho đến địa thứ 6, thì trước mắt chân thật hiển hiện không chân thật không hiển hiện. Ba là chuyển bằng sự tu tập, nghĩa là cho đến địa thứ 10 tất cả tướng có chướng ngại không hiển hiện, chân như thì hiển hiện. Bốn là chuyển quả viên mãn, tất cả tướng không



chương ngại không hiển hiện, chân như thanh tịnh cùng tột hiển hiện vì được tất cả tướng tự tại. Năm là chuyển hạ liệt, nghĩa là chuyển đổi sự thấp kém, vì các Thanh Văn thông đạt nhân vô ngã nên một bề quay lưng với sinh tử xả bỏ sinh tử. Sáu là chuyển thành rộng lớn, nghĩa là chư Bồ-tát thông đạt pháp vô ngã, nên thấy sinh tử tức tịch tĩnh, diệt phiền não mà không bỏ sinh tử. Chư Bồ-tát trong chuyển hạ liệt có lỗi làm gì? Có lỗi là không nghĩ đến việc lợi ích chúng sinh. Pháp Bồ-tát là phải siêu quá hạ thừa, nghĩa là vượt qua trình độ thấp kém, chứ giải thoát đồng như họ là có lỗi. Chư Bồ-tát đối với sự chuyển thành rộng lớn có được công đức gì? Ở trong pháp sinh tử lấy sự tự y chỉ chuyển thành y chỉ, cho nên được thân tự tại trong tất cả nẻo đường sinh tử hiển thị tất cả thân, dùng nhiều phương tiện điều phục, điều phục và an lập trong quả báo thế gian và trong 3 thừa. Đó là công đức.

Giải thích: Chuyển y này lại có 6 thứ. Chuyển bằng cách thêm sức giảm khả năng, nghĩa là những huân tập nhiễm ô trong thức A-lê-da làm giảm khả năng gây ô nhiễm mà tăng thêm sức đối trị. Cho nên được chuyển trụ giải hành địa, nghĩa là vì sức trụ nơi văn huân tập đã được chuyển y nên nếu phiền não hiện hành thì kia có sự hỗ thẹn do đó sự hiện hành phiền não huân tập mỏng manh ít ỏi. Trong sự chuyển bởi thông đạt mà việc hiển hiện chân thật không chân thật, nghĩa là do chính khi nhập vào địa rồi thì đó là nhân hiển hiện chân thật, cho nên tức thời được chuyển y. Hoặc có khi xuất quán thì đó là nhân hiển hiện không chân thật. Tình trạng này tồn tại cho đến địa thứ 6. Chuyển bằng tu tập, nghĩa là nên biết rằng trong chương có ngại. Bồ-tát này tất cả các tướng đã không hiển hiện trở lại nên được chuyển y. Chuyển y này đến địa thứ 10. Trong chuyển quả viên mãn, tất cả chương không còn chương ngại nữa, nghĩa là Bồ-tát này tất cả chương đã không hiển hiện, không có tất cả chương ngại, thấy được chân như thanh tịnh cùng cực, được tự tại trong tất cả tướng nên được y chỉ. Do được tướng tự tại này nên có thể tùy

ý làm các việc lợi ích chúng sinh. Chuyển thành rộng lớn, nghĩa là do thấy sinh tử là tịch tĩnh thì phiền não tức diệt không có cái gì gọi là xả bỏ. Chỉ phiền não không nhiễm là do ở trong nhiễm mà không bị nhiễm. Không bỏ sinh tử, điều này có công đức gì? Chuyển y rộng lớn này, chư Bồ-tát lấy sự tự y chỉ chuyển y cho nên được tự tại trong tất cả pháp, trong tất cả nẻo đường sinh tử hiển thị đồng thân với chúng sinh, dùng mọi phương tiện điều phục mà điều phục, an lập chúng sinh trong sự phú lạc và trong 3 thừa. Đó là công đức. Trong đó phú lạc là quả báo thế gian.

Luận nói: Trong đây có các bài kệ về chuyển y:

*Phàm phu che chân thật,  
Tất cả hư vọng hiện.  
Chư Bồ-tát lìa vọng,  
Tất cả chân thật hiện.  
Nên biết hiện không hiện,  
Chân thật chẳng chân thật.  
Y chỉ này chuyển rồi,  
Là giải thoát như ý.  
Sinh tử và Niết-bàn,  
Như bình đẳng trí sinh.  
Sinh tử tức Niết-bàn,  
Người kia được như vậy.  
Tức được nơi sinh tử,  
Phi xả phi phi xả.  
Tức ở nơi Niết-bàn,  
Phi đắc phi phi đắc.*

Giải thích: Nói kệ để làm rõ chuyển y. Như các phàm phu do vô minh che khuất chân thật, hư vọng hiển hiện, tức các tướng chúng sinh. Như vậy chư Thánh nhân chân thật hiển hiện nên xả bỏ các tướng chúng sinh, do đoạn trừ hư vọng vô minh nên được như vậy.

Phải biết hiện không hiện chân thật không chân thật, nghĩa là hư vọng phân biệt không hiển hiện, tính chân thật thành tựu hiển hiện, gọi là chuyển y. Trong chuyển y hư vọng không hiện hành, chân thật hiện hành. Đây tức là giải thoát tương ưng. Gọi giải thoát như ý, nghĩa là như ý muốn làm đều được giải thoát. Chẳng phải như Thanh Văn rốt ráo Niết-bàn như người bị chém đầu. Được giải thoát như vậy, trí bình đẳng sinh tử như Niết-bàn sinh, tức là đối với 2 thứ sinh tử và Niết-bàn, sinh trí bình đẳng. Nói vì 2 thứ này không khác biệt nhau, nhưng nếu như khi ấy lại có sinh tử Niết-bàn thì làm sao được bình đẳng? Do phiền não là sinh tử. Pháp phiền não là vô ngã, Bồ-tát thông đạt pháp này, trí vô ngã sinh thấy các pháp kia đều vô sở hữu. Các hữu sinh tử tức là Niết-bàn, thấy pháp sinh tử tức là Niết-bàn tịch tịnh. Nếu như vậy có gì là sở đắc? Tức được nơi sinh tử phi xả phi phi xả. Phi xả là do các hữu sinh tử tức là Niết-bàn. Phi phi xả là xả. Do trong đó không nhiễm cho nên thấy là vô sở hữu. Nếu được như vậy thì cũng ở nơi Niết-bàn là phi đắc phi phi đắc. Bởi pháp kia không khác Niết-bàn cho nên là phi đắc. Do nơi pháp kia thấy là tịch tĩnh, với Niết-bàn không khác, cho nên là phi phi đắc. Đến đây giải thích xong về học quả tịch tĩnh.

### **Trí thắng tướng thắng ngữ 10 – 1**

Luận nói: Như vậy là đã nói về thắng tướng của tịch diệt, còn làm sao thấy được thắng tướng của trí? Vì có 3 thứ Phật thân, phải biết đó là thắng tướng của trí. Ba thân là tự tính thân, thụ dụng thân và biến hóa thân. Trong đó tự tính thân tức là Như Lai pháp thân, vì y chỉ tự tại trong tất cả pháp. Thụ dụng thân tức là hiển thị các đại tập hội của chư Phật, lấy pháp thân làm y chỉ trong các cõi Phật thanh tịnh thụ dụng quả báo của pháp Đại thừa. Biến hóa thân cũng lấy pháp thân làm y chỉ, ở cung Đâu-suất-đà, thị hiện giáng sinh, thụ dụng lạc, xuất gia, tìm ngoại đạo, tu hành khổ hạnh, chính giác Bồ-đề, chuyển pháp luân, nhập Đại Niết-bàn.

Giải thích: Trong đây giải thuyết thắng tướng của trí lấy 3 thân hiển tịnh thắng tướng của trí. Tự tính thân là tất cả pháp tự tại y chỉ. Thụ dụng thân tức như trước nói lấy tự tính thân làm sở y, các đại tập hội chư Phật, hiển thị cõi Phật thanh tịnh làm nhân các pháp Đại thừa Tu-đa-la, được thụ dụng pháp lạc lấy đây làm y chỉ. Lại có nghĩa khác là thụ dụng cõi Phật thanh tịnh và thụ dụng pháp lạc nên lấy đây làm y chỉ. Trong biến hóa thân thì từ cung Đâu-suất-đà cho đến nhập Niết-bàn là hiển thị trời và người là đồng pháp và lấy đây làm y chỉ.

Luận nói: Ở đây có một bài Uất-đà-na như sau:

*Tướng, đắc, và tự tại,  
Y chỉ với nhiếp trì,  
Sai biệt, đức, thậm thâm,  
Niệm, nghiệp nói Phật thân.*

Những gì là tướng? Pháp thân chư Phật lược nói có 5 tướng. Một là tướng chuyên y, nghĩa là phần nhiệm ô của tất cả chướng nơi tính y tha diệt là giải thoát tất cả chướng, trong tất cả pháp được tự tại hiện tiền, vì phần thanh tịnh của y tha tính hiển hiện.

Hai là tướng bạch pháp tự thể. Sáu Ba-la-mật viên mãn thì được 10 tự tại. Tức là mạng tự tại, tâm tự tại, chúng cụ tự tại do viên mãn Đà-na Ba-la-mật. Nghiệp tự tại, sinh tự tại do viên mãn Thi-la Ba-la-mật. Thắng giải tự tại do viên mãn Sằn-đề Ba-la-mật. Nguyên tự tại do viên mãn Tì-li-da Ba-la-mật. Thần lực tự tại gồm thâu 5 thần thông do viên mãn Thiên Ba-la-mật. Trí tự tại, pháp tự tại do viên mãn Bát-nhã Ba-la-mật.

Ba là tướng không hai. Nghĩa là hữu, vô, không hai tướng. Tất cả pháp vô sở hữu. Tướng không này chẳng phải không. Hữu vi, vô vi không hai là tướng. Chẳng phải nghiệp phiền não tạo ra nhưng tựa như có tạo ra vì hiển thị tự tại nên một và khác không hai tướng.

Trong đó tất cả chư Phật y chỉ vô sai biệt, nhưng vô lượng thân liên tục chứng chính giác. Cho nên trong đây có kệ như sau:

*Không có ngã chấp nên  
Y chỉ không sai biệt.  
Trước sau tuần tự chứng,  
Giả danh nói sai biệt.  
Tính hành chẳng phải rỗng,  
Đủ không đâu, không khác.  
Chẳng một cũng chẳng nhiều,  
Vị y chỉ vô cầu.*

Bốn là tướng thường. Nghĩa là chân như thanh tịnh làm tướng. Bản nguyện dẫn dắt Phật sự nên không ngừng nghỉ.

Năm là tướng không thể nghĩ bàn. Trạng thái chân như thanh tịnh này chỉ tự chứng biết, không thể có cái gì của thế gian ví dụ được vì không thể phân biệt được.

Giải thích: Trong kệ Uất-đà-na này nói tướng đặc v.v... trong đó tướng tức là tướng pháp thân, có 5 thứ.

Tướng chuyển y nghĩa là tất cả phần chương nhiễm ô trong tính y tha diệt, do phần nhiễm ô trong tính y tha diệt nên tất cả chương được giải thoát, tự tại hiện tiền trong tất cả pháp. Phần thanh tịnh trong tính y tha hiển hiện là do được tự tại trong tất cả các pháp nên một phần tính thanh tịnh trong tính y tha được hiển hiện.

Tướng của thể bạch pháp nghĩa là vì 6 Ba-la-mật viên mãn nên được 10 thứ tự tại của pháp thân. Đây là thể của bạch pháp. Trong đó mạng tự tại nghĩa là muốn sống thọ bao lâu thì có thể hiển thị được như vậy. Tâm tự tại nghĩa là trong thời gian sống ở đời không bị sinh tử nhiễm ô. Các công cụ sinh hoạt tự tại nghĩa là như ăn ở các phương tiện sinh hoạt v.v... 10 thứ, chư Phật đều được như ý nghĩ. Đây là nhân do viên mãn Đà-na Ba-la-mật. Như kệ nói:

*Chư Bồ-tát tư duy,  
Hoặc tịnh hoặc bất tịnh.  
Tất cả đều thành thiện,  
Đó là ý tự tại.*

Nghiệp tự tại, sinh tự tại là do viên mãn Thi-la Ba-la-mật là nhân và sinh quả. Lại nữa do đây mà thân khẩu nghiệp tự tại chuyên, do ý muốn này sinh thì nghiệp kia hiện tiền. Sinh tự tại nghĩa là nơi sinh được tự tại chuyên, do các nẻo đường sinh tử thiện ác tùy ý muốn sinh vào đâu thì liền được sinh. Nhân Thi-la là nghiệp. Quả Thi-la gọi là sinh. Do đạo lý này liền được hiển thị tự tại. Tín giải tự tại là do viên mãn Nhãn Ba-la-mật nên các pháp tùy tâm chuyên, được tùy theo ý muốn như muốn tất cả mọi sự đều thành tựu. Nguyên tự tại là viên mãn Tì-li-da Ba-la-mật do tinh tiến, tất cả phát hạnh đều được cứu cánh, tất cả tư lường đều thành tựu. Gồm 5 thần thông, thần lực tự tại là viên mãn Thiền Ba-la-mật, do tâm có đủ năng lực xuất sinh thần thông. Trí tự tại, pháp tự tại là quả viên mãn của Bát-nhã Ba-la-mật. Sức của Bát-nhã nên an lập ấm v.v... và được hậu nhất thiết chủng trí này. Trong tướng không hai, phi hữu tướng là tất cả pháp không có tướng, phi vô tướng là cái hữu không có tự tính. Hữu vi vô vi không có hai tướng nghĩa là phi hữu là tự tính, phi vô là tự tính. Cho nên trong đó chẳng phải nghiệp phiền não sinh, nên chẳng phải tướng hữu vi. Nói cũng là tướng hữu vi, nghĩa là ở trong hữu vi đã được tự tại hiển thị mọi nơi, do nghĩa này nên gọi là tướng hữu vi. Nói là tướng một khác không hai, nghĩa là trong pháp thân do không khác chỗ y chỉ cho nên không có tướng khác. Do vô lượng thân mà đợc đến như kết quả này nên không được nói là một tướng. Đối với 2 cái này không thể thiên nói một phía cho nên nói là tướng không hai, hay không hai tướng. Nghĩa này dùng kệ hiển thị: “Không có ngã chấp nên y chỉ không sai biệt.”, nghĩa là ở đời do sức ngã chấp nên có thân khác biệt. Trong pháp thân không có ngã chấp nên không khác biệt. Nếu thân không khác biệt thì sao có nhiều Phật tuần tự trước sau

chúng? “Giả danh nói là sai biệt”, nghĩa là do vô lượng thân mà được nên cũng có khác biệt. Như các nghĩa này nên lại dùng kệ nói “tính biệt” nghĩa là chư Bồ-tát rất đông, do sai biệt này nên ra làm cũng khác, do ra làm sai khác nên có nhiều người. Khi hành trang tư lương Bồ-đề viên mãn mà nếu chỉ có một Phật thì hành trang tư lương của bao nhiêu người khác trở thành trống rỗng. Nói làm đầy đủ, nghĩa là chư Phật làm đủ tất cả việc lợi ích chúng sinh, nghĩa là an lập trong 3 thừa. Nếu chư Phật chỉ dùng một Phật thừa an lập chúng sinh thì việc ra làm Phật sự không đầy đủ, cho nên phải có nhiều Phật. Như sinh tử là không có cái bắt đầu thì Phật cũng như vậy. Nếu chỉ một Phật tức là có bắt đầu, cho nên chẳng phải một. Lại nữa kia y chỉ nơi không sai biệt nên cũng không được nói là nhiều. Tức là pháp giới vô cầu này y chỉ nơi vô sai biệt. Tướng không một không khác này, do đạo lý này được hiển thị. Tướng thường, nghĩa là vì 3 nhân duyên nên thể này thường trụ là tướng. Lấy chân như thanh tịnh làm Phật thể. Đây tức là thường trụ. Do đạo lý này được hiển thị Như Lai thường trụ. Nói bản nguyện dặt dắn, nghĩa là do xưa kia phát nguyện làm lợi ích chúng sinh, do nguyện này dặt dắn nên Phật thể hiển hiện. Cho nên nguyện ấy không trống rỗng. Đó tức là thường trụ. Nếu nói Như lai làm việc lợi ích chúng sinh xong rồi thì không đúng nghĩa. Vì việc làm chưa xong nên hiện nay có vô biên công việc, nghĩa là vì tất cả chúng sinh chưa Bát-niết-bàn nên vì nhân duyên này mà thường trụ là tướng. Tuy đã nói như vậy nhưng cũng không thể nghĩ bàn. Nay sẽ nói rõ nhân duyên không thể nghĩ bàn này. Nói “chỉ tự chứng biết”, nghĩa là chư Phật tự chứng cái thể của chư Phật, do cái thể kia chỉ tự chứng cho nên giác quán của người khác không thể tự duy biết được. Trong thế gian cũng không lấy cái gì giống nhau để ví dụ được.

Luận nói: Lại nữa làm sao đầu tiên chúng được pháp thân này? Vì là sở duyên của tướng chung của pháp Đại thừa, là trí vô phân biệt và trí hậu đắc, trong tất cả các địa tu 5 tướng thiện, khéo gom góp hành trang tư lương, phá được các chướng vi tế khó phá như Kim

cương dụ Tam-ma-đề, rồi sau Tam-ma-đề này lia tất cả chương thì được chuyển y.

Giải thích: Trong đây nói đầu tiên chứng được, nghĩa là do cái thể này vì vô vi nên không sinh. Nếu sinh tức là vô thường. Kim cương thí Tam-ma-đề, nghĩa là Tam-ma-đề này ví như kim cương có thể phá các chương vi tế khó phá. Nói “liền được chuyển y” nghĩa là Kim cương thí Tam-ma-đề này có thể chuyển y được pháp thân.

Luận nói: Lại nữa pháp có mấy thứ tự tại mà được tự tại? Lược nói có 5 thứ tự tại. Một là tự tại về cõi nước, tự thân, tướng hảo, âm thanh vô biên, vô kiến đỉnh, do chuyển y sắc tự. Hai là tự tại về hạnh an lạc to lớn khôn lường, do chuyển y thụ tự. Ba là tự tại về giảng nói tất cả danh, văn, nghĩa lý, do chuyển y tướng tự. Bốn là tự tại về sự biến hóa, biến đổi, dẫn nhiếp đại chúng, dẫn nhiếp bạch pháp, do chuyển y hành tự. Năm là tự tại về trí đại viên kính, trí bình đẳng tính, trí diệu quan sát, trí thành sở tác, do chuyển y thức tự.

Giải thích: Đây là hiển thị sự tự tại do chuyển y sắc v.v...5 tự được tự tại. Trong đó do chuyển y sắc tự nên được cõi Phật tự tại. Nghĩa là hiển thị vàng, bạc v.v... Tùy ý hiển thị thân tự tại, nghĩa là trong Đại pháp hội tùy ý muốn các chúng sinh mà hiện thân. Tướng hảo v.v... tự tại, nghĩa là tùy theo ý muốn mà được hiển thị như vô biên âm thanh, vô kiến đỉnh v.v... Do chuyển y thụ tự được tự tại về hạnh an lạc to lớn không lường. Trong này nói không lường có nghĩa là nhiều thứ. Nói to lớn có nghĩa là an lạc này vượt quá an lạc của 3 cõi. Do chuyển y tướng tự nên được tự tại trong việc giảng nói danh văn nghĩa lý v.v...Do chấp lấy tướng tướng nên duyên nơi danh, ngôn v.v...mà lấy tướng của nó chuyển diệt tướng này. Do chuyển y hành tự nên được tự tại biến hóa, biến đổi, dẫn nhiếp Đại chúng, dẫn nhiếp bạch pháp v.v... Trong đây biến hóa tự tại nghĩa là tùy ý biến hóa. Biến đổi nghĩa là như biến đổi đất thành vàng v.v... Dẫn Đại chúng nghĩa là tùy ý dẫn nhiếp hướng dẫn các chúng như



trời, Dạ-xoa v.v... Dẫn bạch pháp nghĩa là như ý muốn thì bạch pháp hiện tiền. Do chuyên y thức tụ nên được kính trí, bình đẳng trí, chính quán trí, tác sở ưng tác trí. Trong đó kính trí nghĩa là tuy pháp không hiện tiền nhưng không quên mất, như thế gian giới học tập kinh sách vậy. Bình đẳng trí nghĩa là khi thông đạt, đối với tất cả chúng sinh được tâm bình đẳng. Đây tức là tịnh tâm. Chính quán trí nghĩa là như kho tàng kinh điển, trong các Đà-la-ni Tam-ma-đề môn, tùy lúc nào, pháp gì, tác ý tư duy thì trí hành không ngại. Tác sở ưng tác trí nghĩa là hiển thị như từ Đâu-suất-đà cho đến Niết-bàn hiển hiện các Phật sự.

Luận nói: Pháp thân y chỉ vào bao nhiêu pháp? Lược nó có 3 thứ . Một là y chỉ các nơi Phật trụ. Ở đây có 2 bài kệ:

*Được thụ 5 thứ tự thể hỷ,  
Chư Phật do chứng pháp giới tính.  
Xa lìa 5 hỷ do không chứng,  
Cho nên phải chứng 5 hỷ này.  
Năng lực sự thành không có lượng.  
Pháp vị nghĩa lợi công đức đủ.  
Chư Phật hằng thường thấy vô tận,  
Nên được hoan hỷ không cùng tột.*

Hai là vì thành thực các Bồ-tát nên y chỉ các thụ dụng thân. Ba là phần nhiều vì thành thực các Thanh Văn nên y chỉ các hóa thân.

Giải thích: Nên biết có bao nhiêu pháp y chỉ. Pháp thân y chỉ nơi các thứ Phật trụ, nghĩa là nói “các thứ” tức chỉ các nơi y chỉ như Thánh trụ, Thiên trụ, Phạm trụ v.v... Hoặc có người nghĩ rằng chư Phật cần gì phải hiện hóa thân, vì chư Thanh Văn không chứng được điều này. Lìa 5 hỷ, nghĩa là chư Thanh Văn không thể chứng được pháp thân này nên xa lìa 5 thứ hoan hỷ. Vì vậy là hỷ thì cần phải chứng, nghĩa là nếu muốn cầu sự hoan hỷ này từ nơi chứng thì phải siêng tu phương tiện. Năm thứ hoan hỷ này được hiển thị trong bài

kệ thứ hai: “Năng lực sự thành không có lượng. Pháp vị nghĩa lợi công đức đủ.”, nghĩa là trong đó pháp thân có năng lực vô lượng cho nên vô lượng người được chính giác thấy đều có năng lực bình đẳng. Do được thấy năng lực vô lượng này nên sinh hoan hỷ. Và sự thành cũng vô lượng, nghĩa là nếu một vị Phật làm việc lợi ích chúng sinh tức là tất cả Phật sự. Do chư Phật nhiều nên Phật sự cũng vô lượng. Do thấy đó nên sinh hoan hỷ. Pháp vị, nghĩa là do thấy rõ Tu-đa-la, Kì-dạ v.v... 12 bộ kinh pháp nên sinh thắng hoan hỷ. Nghĩa lợi công đức đủ, nghĩa là tài lợi và công đức đầy đủ. Trong đó tài lợi đầy đủ là tùy ý nghĩ ý muốn liền được đầy đủ. Công đức đầy đủ là 10 lực, 18 pháp không chung v.v... đều đầy đủ. Cho nên được hoan hỷ cùng tột không mất, nghĩa là, nói cùng tột là sự hoan hỷ hơn cả 3 cõi, không mất là tập khí phiền não diệt nên chư Phật hằng thường thấy vô tận. Xem đây thì trước nói 4 thứ hoan hỷ cho đến cùng sinh tử không có tận diệt. Tuy nhập vô dư Niết-bàn cũng vô tận. Cho nên chư Phật được đặc biệt hoan hỷ cùng tột, không như các Thanh Văn. Pháp thân cũng là chỗ y chỉ của thụ dụng thân.

Vì nhân duyên gì được thành y chỉ của thụ dụng thân? Nếu tách rời đây thì chư Bồ-tát nhập địa trở lên sẽ không được thành thực. Cũng là chỗ y chỉ của hóa thân. Do nhân duyên gì được thành y chỉ của hóa thân? Vì phần nhiều vì thành thực các Thanh Văn. Các Thanh Văn do nguyện lạc thấp kém, nếu lìa đây thì không được thành thực. Nói “phần nhiều vì” là gồm nói cả các Bồ-tát ở Tín hành địa.

Luận nói: Nên biết có bao nhiêu Phật pháp nhiếp thủ pháp thân? Lượng nói có 6 thứ. Một là do thanh tịnh nhiếp thủ thức A-lê-da chuyển thành mà được pháp thân. Hai là do quả báo nhiếp thủ sắc căn chuyển thành mà được quả báo trí. Ba là do an lạc nhiếp thủ chuyển dục hạnh thành lạc hạnh mà được vô lượng trí lạc. Bốn là do tự tại nhiếp thủ các nghiệp chuyển thành tự tại mà được vô ngại thân thông trí tự tại trong tất cả thế giới. Năm là do nhiếp thủ các phương

tiện lưu bố ở đời như tất cả sự thấy nghe hay biết do ngôn ngữ lưu bố chuyển thành, được chính thuyết trí tự tại khiến tâm chúng sinh hoan hỷ. Sáu là do tâm cứu vớt nhiếp thủ chuyển thành mà được trí cứu vớt tất cả tai họa tội lỗi cho tất cả chúng sinh. Sáu thứ Phật pháp này nhiếp thủ pháp thân chư Phật.

Giải thích: Nếu có pháp có thể nhiếp thủ pháp thân, nay sẽ nói rõ chuyên pháp gì mà được pháp thân này? Nói chuyên thức A-lê-da mà được pháp thân, nghĩa là được pháp thân và thanh tịnh cho nên pháp thân này thanh tịnh, vì vậy gọi là thanh tịnh nhiếp. Quả báo nhiếp, nghĩa là quả báo thân giữ Phật pháp. Chuyển sắc căn, nghĩa là chuyển nhãn v.v... các sắc căn. Được quả báo trí, nghĩa là chuyển các sắc căn kia được quả báo trí. An lạc nhiếp thủ các dục hạnh thành lạc hạnh, nghĩa là chuyển các dục hạnh thế gian thành được pháp lạc của Phật. Được vô lượng trí, tức được tự tại trong các pháp lạc. Trong tự tại nhiếp thủ chuyển các nghiệp, nghĩa là như các nghề nghiệp thế gian làm nông hay doanh thương v.v... chuyển thành được thần thông trí vô ngại trong tất cả thế giới. Nhiếp thủ các phương tiện lưu bố ở đời, nghĩa là những thấy nghe hay biết trong thế gian chuyển thành những thấy nghe v.v... được tự tại, do được trí làm hoan duyệt tất cả chúng sinh. Tâm cứu vớt nhiếp thủ, nghĩa là như phép vua ở đời gây những sự khổ não, hoặc đem sự thân thiện hoặc tài lực vật lực cứu giúp chuyển thành trí cứu khổ tất cả chúng sinh. Trí cứu vớt này lia tất cả tội lỗi.

## NHIẾP ĐẠI THỪA LUẬN THÍCH LUẬN

### QUYỂN 10

#### Trí thắng tướng thắng ngũ 10 – 2

Luận nói: Pháp thân chư Phật là khác nhau hay không khác nhau? Vì y chỉ ý dụng và nghiệp không khác nên không thể nói là khác. Vì vô lượng chúng sinh thành chính giác nên có khác. Như pháp thân, thụ dụng thân cũng vậy. Ý dụng và nghiệp không khác nên không khác. Y chỉ có khác vì từ vô lượng y chỉ chuyển nên biến hóa thân cũng như thụ dụng thân.

Giải thích: Nói từ “vô lượng y chỉ chuyển”, nghĩa là chư Bồ-tát có vô lượng y chỉ, do đó thụ dụng thân hiển hiện. Vì vậy ý dụng và nghiệp không khác. Nhưng thân thì có sai khác. Trong đây nói ý dụng không sai khác, nghĩa là ý muốn làm an vui tất cả chúng sinh. Nghiệp không sai khác, nghĩa là hiển thị nghiệp chứng chính giác Bát-niết-bàn. Nghiệp này thì không sai khác.

Luận nói: Pháp thân tương ưng với bao nhiêu công đức? Tương ưng với các công đức hết sức thanh tịnh như là 4 tâm vô lượng, giải thoát, thắng xứ, tất cả xứ, không tranh giành, nguyện trí, 4 tài biện luận, 6 thần thông, 32 tướng đại trượng phu, 80 vẻ đẹp, 4 tất cả thanh tịnh, 10 sức mạnh, 4 không sợ hãi, 3 không hộ, 3 niệm xứ, pháp không quên mất, đánh bạt hết tập khí, Đại bi, 18 pháp không chung, tất cả trí thù thắng. Ở đây có kệ như sau:

*Thương xót các chúng sinh,  
Xả bỏ ý trói buộc.  
Không bỏ tâm an lạc,  
Quy mạng ý lợi ích.  
Giải thoát tất cả chướng,  
Mâu-ni thắng thế gian,  
Trí biến khắp nhĩ diêm,  
Quy mạng tâm giải thoát.  
Diệt các hoặc không sót,  
Cho tất cả chúng sinh,  
Người mê hoặc đều hết,  
Quy mạng đáng lia hoặc.  
Không dụng công, không chấp,  
Không chướng ngại, vắng lặng,  
Thường giải các vấn nạn,  
Quy mạng đáng giải nạn.  
Sở y và năng y,  
Ngôn từ và trí tuệ,  
Ý thường không chướng ngại,  
Quy mạng đáng thiện thuyết.  
Tùy theo các ngôn ngữ,  
Qua lại rồi xuất ly,  
Biết các chúng sinh kia,  
Quy mạng đáng giáo hóa.  
Các chúng sinh thấy Phật,  
Do kia tướng Đại nhân,  
Chỉ được thấy sinh tin,  
Quy mạng đáng sinh tin.  
Chấp trì, trụ xứ, bỏ,  
Biến hóa và biến đổi,  
Trí Tam-muội tự tại,*

Quy mạng đến bờ kia.  
 Phương tiện quy y tịnh,  
 Và Đại thừa xuất ly,  
 Chưong cách các chúng sinh,  
 Quy mạng đáng phá ma.  
 Hay nói trí và đoạn,  
 Thoát khỏi việc chưong ngại,  
 Ngoại đạo không thể hại,  
 Quy mạng tự tha lợi.  
 Thuyết pháp khuyên Đại chúng,  
 Xa lìa 2 phiền não,  
 Không hộ, không quên mất,  
 Quy mạng đáng nhiếp chúng.  
 Lợi ích các chúng sinh,  
 Chỗ làm không quá thời,  
 Chỗ làm thường không rộng,  
 Quy mạng không quên mất.  
 Đi đứng khắp mọi nơi,  
 Đều là nghiệp viên trí,  
 Biết hết cả mọi thời,  
 Quy mạng đáng thật nghĩa.  
 Trong ngày đêm 6 thời,  
 Quán sát các thế gian,  
 Với Đại bi tương ứng,  
 Quy mạng ý lợi ích.  
 Tu hành và chứng đắc,  
 Trí tuệ với tác nghiệp,  
 Thắng tất cả Nhị thừa,  
 Quy mạng đáng tối thắng.  
 Ba thân Đại Bồ-đề,  
 Đủ đức Nhất thiết chủng,

*Quy mạng đoạn chúng sinh  
Tất cả chỗ nghi hoặc.  
Vô úy, vô quá thất,  
Vô trước, vô trụ xứ,  
Vời các pháp không động,  
Quy mạng không hý luận.*

Pháp thân chư Phật tương ưng với các công đức như vậy. Lại còn các công đức như tự tính, nhân, quả, nghiệp, tương ưng, hành sự. Vì vậy pháp thân chư Phật có công đức vô thượng. Ở đây có kệ như sau:

*Thành tựu nghĩa tối thắng,  
Xuất quá tất cả địa.  
Đến trên các chúng sinh,  
Giải thoát các chúng sinh.  
Đức vô tận, vô đẳng,  
Tương ưng thế gian thấy,  
Đại chúng hội chẳng thấy,  
Tất cả trời và người.*

Giải thích: Pháp thân tương ưng với các công đức như vậy. Lại còn các công đức như tự tính, nhân, quả, nghiệp, tương ưng, hành sự. Trong đó tự tính của pháp thân là để hiển thị nghĩa thành tựu tối thắng. Thành tựu tối thắng là thanh tịnh chân như, vì đây là tự tính của Phật. Nhân, là hiển thị sự xuất quá tất cả địa, nghĩa là do tu tất cả địa được Phật thể kia. Đến trên các chúng sinh, đây là hiển thị quả. Hiển thị quả này ở trên tất cả chúng sinh. Giải thoát chúng sinh, là hiển thị nghiệp, vì Phật là cứu thoát tất cả chúng sinh. Tương ưng, là tương ưng công đức vô tận, vô đẳng, dùng đây để hiển thị. Trong đây “thế gian thấy”, là thấy hóa thân. Các Đại chúng hội thấy là thấy thụ dụng thân. Các hàng trời người đều không thấy, là các Đại chúng hội không thấy tự tính thân. Các hiển thị đây nói các hành sự sai biệt của Phật thân.

Luận nói: Nhưng pháp thân chư Phật này là sâu xa, cực kỳ sâu xa. Sự sâu xa này làm sao thấy được? Ở đây có kệ như sau:

Phật không sinh mà sinh,  
 Trụ ở vô trụ xứ.  
 Các việc không dụng công,  
 Thụ dụng đệ tử thực.  
 Vô sai biệt vô lượng,  
 Vô số lượng một nghiệp.  
 Nghiệp động và bất động,  
 Chư Phật 3 thân đủ.  
 Không có chứng chính giác,  
 Chẳng không giác tất cả.  
 Niệm niệm không thể lường,  
 Hiện thị hữu phi hữu.  
 Không dục, không lìa dục,  
 Mà cũng cùng với dục.  
 Đã biết dục phi dục,  
 Được nhập dục pháp như.  
 Chư Phật quá các ám,  
 Mà cũng trụ trong ám.  
 Với kia, chẳng một khác,  
 Không bỏ mà vắng lặng.  
 Chư Phật đồng sự nghiệp,  
 Như nước trong biển lớn.  
 Ta đã, đang, sẽ làm,  
 Lợi tha, mà không nghĩ.  
 Người có tội không thấy,  
 Như bình vỡ không trăng.  
 Phổ biến khắp thế gian,  
 Pháp sáng như mặt nhật.  
 Hoặc hiện thị chính giác,



Hoặc Niết-bàn như lửa.  
 Không sinh cũng chẳng có,  
 Như Lai thân thường trụ.  
 Phật trong phi chính pháp,  
 Người và nẻo sinh tử,  
 Trong pháp phi Phạm hạnh,  
 Tự trụ bậc tối thắng.  
 Đi cùng khắp tất cả,  
 Mà cũng chẳng đi đâu.  
 Tất cả chúng sinh thấy,  
 Chẳng phải cảnh 6 căn.  
 Đè bẹp đoạn phiền não,  
 Như chú trừ các độc.  
 Bờ hoặc đến hết hoặc,  
 Phật đủ Nhất thiết trí.  
 Phiền não tức Bồ-đề,  
 Thể sinh tử vắng lặng.  
 Vì có phương tiện lớn,  
 Như Lai không nghĩ bàn.

Đây là 12 thứ thậm thâm, tức 12 thứ rất sâu. Đó là sinh thành nghiệp trụ thậm thâm. An lập số nghiệp thậm thâm. Chính biến giác thậm thâm. Ly dục thậm thâm. Diệt ám thậm thâm. Thành thực thậm thâm. Hiện hiện thậm thâm. Hiện thị chính biến giác Bát-niết-bàn thậm thâm. Trụ thậm thâm. Hiện thị tự thể thậm thâm. Diệt phiền não thậm thâm. Bất tư nghị thậm thâm.

Giải thích: Nay sẽ hiển thị cái rất sâu của Đại thừa, tức hiển thị 12 thứ thậm thâm. Trong đó sự sâu xa về sinh thành, nghiệp trụ v.v... được thể hiện trong một kệ. “Chư Phật không sinh mà sinh”, đây hiển thị sâu xa về sự sinh, vì chư Phật lấy không sinh làm sinh. “Vô trụ xứ là trụ xứ”, đây hiển thị sâu xa về sinh trưởng, vì chư Phật không trụ

ở sinh tử Niết-bàn. “Chỗ làm không công dụng” hiển thị sâu xa về nghiệp. Chư Phật lấy bình đẳng làm nghiệp, do không công dụng nên chỗ nghiệp ra làm mọi nơi đều bình đẳng thụ dụng. “Đệ tứ thực” hiển thị sâu xa về sự an trụ, vì 4 cách ăn là trụ xứ y chỉ của thân bất tịnh. Trụ xứ của chư Phật không phải trụ xứ của thân bất tịnh, do 4 cách ăn là đoàn thực v.v... Đó là trụ xứ y chỉ thân không thanh tịnh của chúng sinh trong cõi Dục. Trụ xứ y chỉ của tịnh thân bất tịnh thân, nghĩa là chúng sinh trong cõi Sắc, Vô sắc, nếu đối với hạ địa phiền não thì chúng là tịnh, đối với thượng địa phiền não thì chúng là bất tịnh. Các thân tịnh bất tịnh này chỉ có 3 cách ăn là xúc, ý và tư, không phải đoàn thực thân mới được tồn tại. Các thân kia chỉ 3 cách ăn có thể tồn tại. Gìn giữ tịnh thân, tức là đoàn v.v... 4 cách ăn đối với tịnh thân của Thanh Văn Duyên giác nếu trụ ở đời thì do đây được gìn giữ. Thị hiện gìn giữ, tức thị hiện tức thị hiện 4 cách ăn đoàn thực v.v... kia. Nghĩa là dùng đó mà gìn giữ nên chư Phật thụ thực. Đây là cách thứ 4. Do thị hiện lấy đó làm duy trì sự tồn tại nên chư Phật Thế Tôn thụ thí của chúng sinh khiến chúng sinh hoan hỷ tích tụ phúc đức. Không có sự ăn uống. Lại có thuyết nói rằng khi chư Phật thụ thực, chư thiên tiếp lấy thí cho chúng sinh. Do nhân duyên này các chúng sinh kia sẽ được Bồ-đề. Trong cùng một kệ đều nói chỗ sâu xa này. Lại nữa nên biết sinh tướng của chư Phật có 10 nhân duyên: 1.Ngu si biệt dị, 2.Các thứ biệt dị, 3.Nhiếp trì tự tại, 4.Trụ tự tại, 5.Xả tự tại, 6.Không hai tướng, 7.Duy ảnh tượng, 8.Như huyễn, 9.Vô trụ là trụ, 10.Nghĩa thành tựu. Vì có 10 nhân duyên nên Như Lai không trụ sinh tử Niết-bàn: 1.Phi tri, 2.Phi diệt, 3.Phi hữu, 4.Phi hữu tự tính trí, 5.Vô đắc vô phân biệt, 6. Lìa tâm, 7.Được tâm, 8.Bình đẳng tâm, 9.Không được ở vật, 10.Chẳng phải không được. Vì có 10 nhân duyên nên chư Phật không dụng công mà Phật sự thành tựu: 1.Diệt lìa, 2.Không y chỉ, 3.Nên làm không công dụng, 4.Làm không công dụng, 5.Tác nghiệp không công dụng, 6.Không sở hữu không công dụng, 7.Xưa vốn không sai biệt, 8.Làm việc rốt ráo, 9.Việc làm chưa rốt ráo, 10.

Do tu thuần thực trong tất cả pháp nên tự tại. Có 10 nhân duyên chư Phật thụ thực: 1.Thị hiện thụ thực để gìn giữ thân căn, 2.Khiến chúng sinh tập hợp phúc đức, 3.Để thị hiện đồng làm như chúng sinh, 4.Để khiến thuận học chính thực, 5.Để khiến thuận học tri túc, 6.Để khiến người phát khởi tinh tiến, 7.Để thành thực thiện căn, 8.Để hiển thị tự thân không nhiễm trước, 9.Để giữ gìn tôn trọng sự nghiệp, 10.Để viên mãn bản nguyện.

Tiếp đến là bài kệ hiển thị sự sâu xa của an lập nghiệp và số lượng. “Vô sai biệt vô lượng,” đây là sự sâu xa về an lập. Trong đó nói vô sai biệt là pháp thân không có sai khác, nói vô lượng là vô lượng thân chúng Bồ-đề. “Vô số lượng một nghiệp”, là nói sự sâu xa về số lượng. Thừa thì tuy có vô lượng mà chư Phật chỉ có một nghiệp. Nói “Nghiệp động và bất động, chư Phật 3 thân đủ.”, là chư Phật tuy có 3 thân tương ưng, nhưng nghiệp của thụ dụng thân thì kiên trụ, nghiệp của hóa thân thì không kiên trụ. Đó là chỗ sâu xa.

Tiếp đến là bài kệ hiển thị cái sâu xa của sự chứng chính giác. Nói “Không có chứng chính giác,” vì nhân và pháp là vô sở hữu. “Chẳng không giác tất cả.” vì do giả danh nói là giác tất cả. Vậy chính giác này như thế nào? Kệ nói: “Niệm niệm không thể lường” để hiển thị trong mỗi niệm có vô số người được thành chính giác. Cho nên “Hiển thị hữu phi hữu.” là nói chân như đối với các hữu, có nghĩa là phi hữu.

Tiếp đến là bài kệ hiển thị cái sâu xa của sự lìa dục. Nói “Không dục, không lìa dục,” vì dục là vô sở hữu nên vô sở nhiễm. Không nhiễm nên không lìa. Bởi vì sao? Vì nếu dục là có thì có thể lìa dục. Nói “Mà cũng cùng với dục.”, là vì chỉ đoạn thượng tâm dục mà còn tồn tại tùy miên dục. Nếu không còn tùy miên dục thì đồng với Thanh Văn nhập Niết-bàn. Nói “Đã biết dục phi dục, được nhập dục pháp như.”, nghĩa là phân biệt trong dục biết rõ là phi dục, tức ngộ nhập dục pháp chân như.

Tiếp đến là bài kệ hiển thị cái sâu xa của sự diệt ám. Nói “Chư Phật quá các ám, mà cũng trụ trong ám.”, nghĩa là đã quá sắc v.v...5 thủ tụ, chỉ trụ trong pháp như trụ vô sở đắc, cho nên “Với kia, chẳng một chẳng khác.”. Nghĩa là Phật đã bỏ các phân biệt tụ kia, nhưng với chúng chẳng phải khác, bởi trụ trong pháp như của chúng. Cũng chẳng phải không khác, do tuy là hóa thân phân biệt tức thành cảnh giới thanh tịnh. Nói “Không bỏ mà vắng lặng.”, nghĩa là không bỏ tính chân thật tụ, tức là Niết-bàn.

Tiếp đến là bài kệ hiển thị cái sâu xa của sự thành thực. Nói “Chư Phật đồng sự nghiệp,” nghĩa là tác nghiệp của chư Phật bình đẳng, đều vì để thành thực chúng sinh. Vì sao đây giống “như nước trong biển lớn”? Là như nước chảy vào biển lớn, cá tôm đều được thụ dụng. Cũng như vậy đã nhập vào pháp giới thì đều vì thành thực chúng sinh. Nói “Ta đã, đang, sẽ làm, lợi tha, mà không nghĩ.” Nghĩa là không có một ý nghĩ rằng ta trong 3 thời làm lợi ích chúng sinh, nhưng giống như ngọc Ma-ni, như nhạc trời, không thấy mình dụng công mà làm việc lợi ích chúng sinh.

Tiếp đến là bài kệ hiển thị cái sâu xa của sự hiển hiện. Nếu thế gian không thấy chư Phật, lại nói chư Phật là thường trụ thân, đã có thường trụ thân vì sao không thấy? Kệ nói: “Người có tội không thấy, như bình vỡ không trăng.” Như đồ đựng nước bị vỡ không đựng được nước nên không thấy mặt trăng hiện trong nước. Cũng như vậy, chúng sinh không có Xa-ma-tha làm trong treo yên lắng thì Phật như mặt trăng không hiện. Nước ví cho Tam-ma-đề thể của nó trong treo. Nói “Phổ biến khắp thế gian, pháp sáng như mặt nhật.” là tuy chúng sinh không thấy, Phật cũng vì chúng sinh làm các Phật sự, thuyết pháp Tu-đa-la như ánh sáng mặt trời, lấy đó làm Phật sự thành thực chúng sinh trong thế gian.

Tiếp đến là bài kệ hiển thị cái sâu xa của chính biến giác Bát-niết-bàn. Nói “Hoặc hiển thị chính giác, hoặc Niết-bàn như lửa.”

nghĩa là hoặc hiển thị chính biến giác, hoặc hiển thị Bát-niết-bàn, giống như lửa khi cháy khi tắt. Chư Phật cũng vậy, nếu có chúng sinh phải lấy Niết-bàn để thành thực thì thị hiện Niết-bàn, phải dùng chính giác để thuần thực thì thị hiện chính giác. Vì để giải thoát nên như tính lửa không khác. Pháp thân duy nhất cũng vậy. Nửa kệ sau, nghĩa có thể hiểu.

Tiếp đến là kệ hiển thị cái sâu xa của nghĩa trụ. Kệ nói: “Phật trong phi chính pháp, người và nẻo sinh tử, trong pháp phi Phạm hạnh, tự trụ bậc tối thắng.” Trụ trong tự thể tối thắng cũng là tối thắng trụ nơi Thánh trụ. Trong đây nói Thánh trụ nghĩa là trụ nơi “không”. Thiên trụ là trụ Thiên-na. Phạm trụ là trụ nơi “tù” v.v... 4 vô lượng tâm. Phi chính pháp là các pháp bất thiện. Chư Phật trong các pháp bất thiện thì trụ nơi “không”. Vì vậy Phật trụ nơi Thánh trụ. Chúng sinh trong loài người và trong các nẻo sinh tử khác thì phan duyên mà trụ. Nhập vào Thiên-na là Thiên trụ. Ở trong pháp phi Phạm hạnh tự thể tối thắng trụ, các “không” trụ tức là tự thể.

Tiếp đến là bài kệ hiển hiện cái sâu xa của tự thể. Kệ nói “Đi cùng khắp tất cả, mà cũng chẳng đi đâu.” Trí hậu đặc, trong các thiện, bất thiện, sinh trí sai biệt. Nếu không có trí phân biệt tức không có chỗ đi. Hóa thân đi khắp các nơi chứ không phải thân nào khác. Trong nghĩa thứ hai nói “tất cả chúng sinh thấy” tức là thấy cái hóa thân này ở khắp nơi. Nhưng đó “chẳng phải là cảnh của 6 căn”. Tức như hóa thân này nếu khi chúng sinh nơi địa ngục trông thấy, tức là vì giáo hóa chúng sinh nơi đó mà sinh, không phải tự tính của hóa thân. Khi chúng sinh nơi địa ngục kia thấy thì đó là thân địa ngục. Vì vậy cho nên không phải là cảnh giới 6 căn của chúng sinh nơi các địa ngục kia.

Tiếp đến là bài kệ hiển thị cái sâu xa của diệt phiền não. Nói “Đè bẹp đoạn phiền não, như chú trừ các độc.” nghĩa là các phiền não hiện hành, khi ở trong Bồ-tát vị thì không đoạn phiền não vì

còn có tùy miên hoặc. Nói “như chú trừ các độc” nghĩa là ví như bị độc, có chú lực ngăn chặn thì không bị hại. Phiền não cũng vậy, dùng trí biết nên không bị phiền não. Nói “Bởi hoặc đến hết hoặc,” nghĩa là bởi còn tùy miên hoặc nên không đồng như Thanh Văn nhập Bát-niết-bàn. Nói “Phật đủ Nhất thiết trí.” Nghĩa là chư Phật khi hết phiền não tức đầy đủ Nhất thiết trí.

Tiếp đến là bài kệ hiển thị cái sâu xa của sự không thể nghĩ bàn. Nói “Phiền não tức Bồ-đề” là các phiền não này tức là Bồ-đề phần, là tập đế, nên sinh tử v.v... là khổ đế, tức là Niết-bàn. Tất cả những điều Như Lai nói đều không thể nghĩ bàn. Như trước đã nói 3 thứ nhân duyên. Nghĩa là chỉ tự chứng biết, không phải cảnh giới của tư duy.

Luận nói: Bồ-tát niệm pháp thân Phật thì niệm bao nhiêu thứ? Lược nói chư Bồ-tát tu tập niệm Phật có 7 thứ. Một là chư Phật được tự tại đối với tất cả pháp, nên tu tập niệm Phật như vậy. Vì chư Phật có trí thần thông không chướng ngại trong tất cả thế giới. Ở đây có bài kệ như sau:

*Chướng ngại và thiếu nhân,  
Chúng sinh khắp các cõi,  
Do 2 thứ quyết định,  
Chư Phật không tự tại.*

Hai là thân Như Lai thường trụ, vì chân như là cấu uế không gián đoạn. Ba là Như Lai không cơ hiểm, vì là tất cả phiền não chướng trí chướng. Bốn là Như Lai không dụng công mà không bỏ tất cả Phật sự. Năm là Như Lai có sự thụ dụng lớn, vì cõi Phật thanh tịnh là sự thụ dụng lớn. Sáu là Như Lai không nhiễm ô, vì sinh trong thế gian không bị các pháp thế gian làm ô nhiễm. Bảy là Như Lai có nghĩa lợi lớn, hiển thị chứng chính giác nhập Niết-bàn v.v... để thành thực các chúng sinh chưa thành thực, chúng sinh đã thành thực thì giải thoát chúng. Ở đây có kệ như sau:

*Luôn luôn nơi tự tâm,  
 Đủ tất cả thanh tịnh.  
 Lại nữa không dụng công,  
 Mà cho Đại pháp lạc.  
 Không y chỉ, đi khắp,  
 Bình đẳng với nhiều người,  
 Tất cả Phật như vậy,  
 Người trí niệm như thế.*

Giải thích: Chư Bồ-tát niệm pháp thân chư Phật là tu niệm 7 tướng. nay sẽ nói rõ nghĩa tu này. Trong đây nói được tự tại trong tất cả pháp, nghĩa là do thần thông nên được tự tại trong tất cả pháp. Bởi chư Phật được thần thông không chướng ngại trong tất cả thế giới, không như Thanh Văn còn có chướng ngại. Nếu chư Phật được tự tại trong tất cả pháp, thì sao tất cả chúng sinh không được Niết-bàn? Nghĩa này dung kệ hiển thị. Đó là vì có nhân duyên không thể khiến chúng được Niết-bàn. Vì vậy chư Phật đối với các chúng sinh kia có chỗ không tự tại như trên.. Nói thiếu nhân, nghĩa là không có pháp tính Niết-bàn. Đó là thiếu nhân, do không có tính ấy. Nói vì 2 thứ quyết định, 2 thứ quyết định là: một là tác nghiệp quyết định, hai là thụ báo quyết định. Nhưng đối với 2 thứ quyết định này chư Phật không có tự tại. Trong đó báo chướng, tức là si độn. Thụ báo quyết định, nghĩa là quyết định đến địa ngục v.v... Báo và thụ báo có khác nhau như thế. Thường trụ thân, tức là chân như lìa cấu uế không gián đoạn, cái này như thường trụ, lấy đó làm thân nên gọi là thân thường trụ của Như Lai. Nói thụ dụng lớn của Như Lai, là chư Như Lai lấy cõi Phật thanh tịnh làm sự thụ dụng lớn. Nói nghĩa lợi lớn là cái thể nghĩa lợi lớn của chư Phật, nghĩa là thành thực giải thoát. Với chúng sinh chưa thành thực thì dùng Bồ-đề Niết-bàn mà thành thực. Ngoài ra nghĩa của 4 tướng niệm Phật khác có thể hiểu. Bảy thứ niệm Phật này còn được hiển thị bằng 2 bài kệ. “Luôn luôn nơi tự tâm” v.v... các kệ là nói 7 tướng thành tựu. Các Bồ-tát trước tiên niệm quả báo

của chư Phật, tâm niệm này luôn luôn ở trong lòng. Đây cũng tức là thường tương ưng với thanh tịnh, nghĩa là thiện. Cho nên rất mực không cơ hiểm, không dụng công, lấy vô công dụng mà làm Phật sự. Cho nguồn vui Đại pháp, đó tức là cõi Phật thanh tịnh. Nói “Không y chỉ, đi khắp”, nghĩa là nếu có y chỉ tác hành thì khổ, cho nên chư Phật đi giáo hóa mà không có chỗ y chỉ. Nhờ vậy mà lợi ích nhiều người. Do nhiều người được như vậy, nên chư Bồ-tát nghĩ niệm quả báo này.

Luận nói: Lại nữa làm sao biết tướng thanh tịnh của các cõi Phật? Như trong Bồ-tát tạng duyên khởi có nói trong trăm ngàn kệ Tu-đa-la: Đức Bà-già-bà trụ nơi cung điện tối thắng quang minh trang nghiêm bằng 7 báu, phóng ánh sáng lớn chiếu khắp vô lượng thế giới, trụ nơi vô lượng trang nghiêm viên mãn vô hạn, siêu việt 3 cõi, nơi thức tướng cực kỳ thanh tịnh tự tại. Nơi Như Lai trụ trì, nơi sở trụ của các Đại Bồ-tát. Nơi có vô lượng trời rồng Dạ-xoa, Càn-thát-bà, A-tu-la, Ca-lâu-la, Khẩn-na-la, Ma-hầu-la-già, nhân phi nhân tu hành. Nơi an vui trong Đại pháp vị. Nơi an trụ tất cả lợi ích chúng sinh. Nơi lia tất cả phiền não bức bách, lia tất cả ma chướng. Nơi Như Lai trang nghiêm trụ trì vượt quá tất cả mọi sự trang nghiêm. Nơi khởi hành bằng Đại niệm, Đại tuệ, Đại Xa-ma-tha Tì-bát-xá-na làm cỗ xe, Đại không, vô tướng, vô nguyện làm ngõ vào. Nơi kiến lập trên Đại bảo liên hoa vương, trang nghiêm bằng vô lượng công đức, an vui tự tại trong cung điện lớn. Đó là những câu hiển thị cõi Phật thanh tịnh. Như vậy là sắc loại đầy đủ, tướng mạo đầy đủ, số lượng đầy đủ, phương sở đầy đủ, nhân đầy đủ, quả đầy đủ, chủ đầy đủ, bạn đầy đủ, quyến thuộc đầy đủ, trụ trì đầy đủ, nghiệp đầy đủ, thuận nhiếp đầy đủ, vô úy đầy đủ, chỗ ở đầy đủ, đường sá đầy đủ, xe cộ đầy đủ, cửa ngõ đầy đủ, y chỉ giữ gìn đầy đủ. Tất cả những việc như vậy đều hiển hiện đầy đủ. Lại nữa các quả báo trong cõi Phật thanh tịnh kia đều hoàn toàn chỉ có thanh tịnh vi diệu, hoàn toàn an lạc, hoàn toàn không hiểm nghi, hoàn toàn tự tại.



Giải thích: Như trăm ngàn kệ Tu-đa-la Duyên khởi nói về cõi Phật thanh tịnh. Cõi Phật thanh tịnh kia hiển thị bằng những công đức thù thắng gì? Hai câu trước hiển thị sắc đầy đủ. Nghĩa là 7 báu v.v... Trong 7 báu, vàng, bạc, lưu ly, san hô, mã não đều thuộc loại khoáng thạch. Mạt-la-yết-đa cũng là khoáng thạch, một loại ngọc có màu xanh lục. Xích bảo là trân châu đỏ, do một loại trai màu đỏ sản sinh ra. Loại ngọc báu này có giá trị hơn cả các loại ngọc báu khác. Nói ánh sáng chiếu vô lượng thế giới, tức trước nói các 7 báu phát ra ánh sáng. Đó là câu thứ hai nói về sắc đầy đủ. Tiếp đến một câu nói về trang nghiêm đầy đủ. Tiếp đến một câu nói về số lượng đầy đủ. Tiếp đến một câu nói về phương sở đầy đủ. Những cái này lấy gì làm nhân? Nhân đó là các điều thiện do 2 thứ thiện căn là xuất thế vô phân biệt và xuất thế vô phân biệt hậu đắc sinh ra. Đây tức là nhân đầy đủ. Đây cũng có một cau. Tiếp đến một câu nói về quả đầy đủ. Trong cõi Phật kia lấy thức tối thanh tịnh tự tại chuyển làm tướng. Tiếp đến một câu nói về chủ đầy đủ. Tiếp đến một câu nói về bạn đầy đủ. Tiếp đến một câu nói về quyến thuộc đầy đủ. Có nơi nói rằng Ma-hầu-la-già cũng ở trong loại rồng. Ở trong cõi Tịnh độ nếu có thể trụ trì thân thì đây là trụ trì đầy đủ. Cũng dùng một câu hiển thị lấy đây làm việc ăn là để làm nghiệp gì? Chỉ thành tựu tất cả chúng sinh, tất cả việc lợi ích. Cũng dùng một câu hiển thị thuận nhiếp đầy đủ, vì trong cõi Tịnh độ không có phiền não, khổ. Cũng dùng một câu hiển thị trong cõi kia không có oán đối, sợ hãi vì không có ma nghiệp. Trong cõi Phật kia không có ám ma, phiền não ma, tử ma, thiên tử ma, cho nên không có sợ hãi. Một câu này là nói vô úy đầy đủ. Tiếp đến một câu nói về trụ xứ đầy đủ. Dùng đường lối nào được vào cõi Phật kia? Trong Đại thừa, trí văn tư tu là thể, tức là lần lượt đi trên con đường Đại niệm tuệ. Một câu này hiển thị đường lối đầy đủ. Lấy gì làm cỗ xe? Dùng Xa-ma-tha Tì-bát-xá-na mà đi đến. Một câu này hiển thị cỗ xe đầy đủ, tức phương tiện để đi đến đó. Do cửa ngõ nào được vào cõi kia? Nghĩa là trong Đại thừa, không, vô tướng,

vô nguyện là cửa ngõ. Một câu này hiển thị cửa ngõ đầy đủ. Tiếp đến một câu nói về y chỉ giữ gìn đầy đủ. Như cõi đại địa lấy phong luân làm y chỉ giữ gìn. Cõi Phật thanh tịnh kia lấy gì làm y chỉ giữ gìn? Lấy Đại bảo liên hoa có vô lượng công đức làm y chỉ giữ gìn. Câu này hiển thị y chỉ giữ gìn đầy đủ. Quả báo cõi Tịnh độ kia hoàn toàn thanh tịnh vi diệu, vì nơi cõi kia không có vật bài tiết, vật bất tịnh, hoàn toàn an lạc vì nơi cõi kia chỉ có lạc thụ, không có khổ thụ và vô ký, hoàn toàn tự tại vì do sức tự tâm không trông đợi nhân duyên.

Luận nói: Lại nữa trong pháp giới chư Phật này, trong tất cả mọi thời đều có 5 việc. Một là cứu hộ tất cả chúng sinh khỏi sự bức não. Nghĩa là những kẻ bị bức não vì điếc đui cuồng loạn, chỉ thấy gặp là được cứu hộ. Hai là cứu hộ các đường ác, từ chỗ bất thiện cứu xuất đặt vào chỗ thiện. Ba là cứu hộ phi phương tiện. Như ngoại đạo dùng phi phương tiện mà cầu giải thoát, thì khai ngộ đem vào trong chính giáo của Phật. Bốn là cứu hộ người có ngã kiến, dùng giáo pháp khiến họ biết đường siêu thoát 3 cõi. Năm là cứu hộ những kẻ hạ thừa, nghĩa là với các Bồ-tát thực hành các thừa khác và hạng Thanh Văn không định tính thì an lập khiến tu hành Đại thừa. Năm việc này là nghiệp bình đẳng của tất cả chư Phật. Ở đây có bài kệ như sau:

*Nhân, y, sự, niệm, hành,  
Khác nên nghiệp có khác.  
Thế gian có khác này,  
Đạo sư thì không khác.*

Giải thích: Nói pháp giới chư Phật tức là pháp thân. Có 5 nghiệp dụng phải biết. Nói cứu hộ tất cả chúng sinh thoát khỏi bức não là do thấy gặp Phật mà người mù được sáng mắt v.v... Cứu hộ đường ác là cứu hộ người trong đường ác, khiến chúng ra khỏi nơi chẳng lành mà đem chúng đặt vào nơi an lành. Cứu hộ ngã kiến là cứu hộ chúng giảng nói đạo lý siêu thoát 3 cõi. Thế gian gọi là 3

cõi, đây nói là ngã kiến. Còn lại 2 câu, nghĩa có thể hiểu. Năm việc này là nghiệp dụng bình đẳng của tất cả chư Phật. Các nghĩa này được kê hiển thị. Nếu chư Phật nghiệp bình đẳng, nghiệp chúng sinh không bình đẳng. Các nhân duyên này lấy nhân, y, sự, niệm, hành một kê hiển thị nhân khác nhau trong thế gian. Do địa ngục nhân khác, người, trời nhân khác, cho đến ngã quỷ nhân khác, cho nên nghiệp có khác. Y khác nhau là do thân y chỉ khác. Tác nghiệp có khác thì sự việc khác như kinh doanh hoặc làm nông, do các nghề nghiệp khác nhau, sự việc khác nhau nên thể của các nghiệp thế gian khác. Niệm khác là, niệm là ý dục, do ý dục này khác nên nghiệp thế gian cũng có khác. Hành khác tức là các hành hữu vi. Do những việc làm là hữu vi nên nghiệp khác, cho nên gọi là khác. Ai có các thứ khác này? Kệ nói “thế gian có các thứ khác này”. Nói “Đạo sư thì không khác”, nghĩa là tất cả việc làm của Phật là không dụng công, tức là không có nhân v.v... 5 việc khác nhau. Vì vậy nên tác nghiệp của chư Phật không sai biệt.

Luận nói: Như vậy pháp thân chư Phật đầy đủ công đức, không cùng chung với Thanh Văn, Bích-chi-phật. Nếu vậy vì ý gì Phật nói Nhất thừa? Ở đây có kệ như sau:

*Vì một phần dẫn dắt,  
Và an trụ người khác,  
Với hạng không định tính,  
Nói chính giác Nhất thừa.  
Pháp, vô ngã, giải thoát,  
Bình đẳng. Căn tính khác,  
Đắc 2 ý Niết-bàn,  
Cứu cảnh chỉ Nhất thừa.*

Giải thích: Hai kệ này ý nói về Nhất thừa. Nói “ Vì một phần dẫn dắt,” nghĩa là vì để dẫn dắt các Thanh Văn không định tính nhập vào Đại thừa. Làm sao khiến những người không định tính kia Bát-

niết-bàn trong Đại thừa. “Và an trụ người khác,” tức các Bồ-tát không định tính khiến họ an trụ Đại thừa. Làm sao khiến họ không thoái bỏ Đại thừa mà Bát-niết-bàn trong Thanh Văn thừa. Vì nghĩa này nên Phật nói Nhất thừa không định tính. Câu 2, nghĩa có thể hiểu. Những gì gọi là biệt ý? Là pháp bình đẳng, vô ngã bình đẳng, giải thoát bình đẳng. Trong đó, pháp bình đẳng nghĩa là pháp tức chân như. Chân như bình đẳng này tất cả Thanh Văn đồng đến chân như kia. Cho nên gọi là thừa. Vì bình đẳng nên gọi là Nhất thừa. Vô ngã bình đẳng, nghĩa là không có nhân ngã. Đã không nhân ngã mà còn nói đây là Thanh Văn, đây là Bồ-tát là không hợp đạo lý. Do ý vô ngã này cho nên nói là Nhất thừa. Giải thoát bình đẳng, nghĩa là Thanh Văn v.v... cũng đồng giải thoát phiền não, vì y theo ý này nên nói là Nhất thừa. Bởi vì sao? Bởi Thế Tôn nói giải thoát với giải thoát bình đẳng không có các tướng. Nói “tính khác” nghĩa là do có căn tính khác nhau cho nên đối với thừa Thanh Văn không có tính quyết định cũng được thành Phật. Do ý này nên nói là Nhất thừa. “Đắc 2 ý” tức là được 2 ý. Bình đẳng ý là do tất cả chúng sinh một thể thân nhiếp cho nên ta tức là kia, kia tức là ta. Thân nhiếp được như vậy là được chính giác. Tức là kia được chính giác. Do ý này nên nói là Nhất thừa. Ý thứ hai là như trong Kinh Pháp Hoa Phật thụ ký cho các Thanh Văn. Vì được ý này nên nói chỉ được các Phật pháp. Như bình đẳng ý không được pháp thân, do vì được bình đẳng ý này nên suy nghĩ rằng chư Phật pháp như, tức chúng ta là pháp như. Lại có nghĩa khác rằng trong hàng Đại chúng kia có các Bồ-tát cùng các Thanh Văn đều gọi là thụ ký được Niết-bàn. Như Phật nói: Ta nhớ quá khứ vô lượng trăm ngàn kiếp trong Thanh Văn thừa Bát-niết-bàn. Do ý này nên nói Nhất thừa. Bởi vì thấy có các chúng sinh cần Thanh Văn thừa để mà điều phục nên hiện Thanh Văn Bát-niết-bàn. Nói cứu cánh, tức là Nhất thừa, bởi cứu cánh thì không có nẻo thú nào khác nhưng có sai biệt vì Thanh Văn thừa v.v... khác Phật thừa. Do ý này nên Thế Tôn nói là Nhất thừa.

Luận nói: Như vậy tất cả chư Phật đồng một pháp thân mà có nhiều Phật. Vậy nhân duyên gì có thể thấy được? Ở đây có kệ như sau:

*Một cõi không có hai,  
 Một thời nhiều thành tựu.  
 Tuân tự không hợp lý,  
 Cho nên có nhiều Phật.*

Giải thích: Do nhân duyên này phải biết tất cả chư Phật là bình đẳng pháp thân mà hoặc một hoặc nhiều. Nay sẽ nói rõ. Phải biết là một vì là pháp giới bình đẳng, chư Phật lấy đây làm thể, do pháp giới bình đẳng nên chư Phật là một. Lại nữa phải biết là một vì trong một thời, trong một thế giới không có hai Phật đồng thời xuất hiện, cho nên chỉ có một. Lại nữa hoặc nhiều hoặc một như kệ hiển thị, tức là nói một cõi v.v... một cõi không có hai nghĩa là câu này hiển thị nghĩa một. Nghĩa là trong một thế giới không có 2 Phật đồng thời xuất thế. Các câu khác nói nhiều Phật thành tựu trong cùng một thời, nghĩa là trong cùng một thời gian có vô lượng Bồ-tát đồng tu đồng thành tựu viên mãn. Nếu đã thành tựu viên mãn phúc đức trí tuệ mà không được thành Phật quả thì sự tu hành trở nên trống rỗng. Do có nhiều chúng Bồ-tát đồng tu cùng thành tựu viên mãn nên có nhiều Phật. Nói “Tuân tự không hợp lý” nghĩa là việc thành chính giác không có nghĩa tuân tự. Nếu khi tu Bồ-đề tư lương mà phải đợi tuân tự thành tựu thì khi được chứng chính giác mới có tuân tự. Nhưng do nhiều Bồ-tát tu tư lương không phải đợi tuân tự nên khi thành chính giác cũng không có sự đợi chờ tuân tự. Vì vậy có nhiều Phật.

Luận nói: Làm sao thấy pháp thân chư Phật chẳng phải rất ráo có nhập Niết-bàn, cũng chẳng phải chẳng rất ráo nhập Niết-bàn? Ở đây có bài kệ như sau:

*Giải thoát tất cả chương,  
 Việc làm chưa kết thúc,*

*Phật rốt ráo Niết-bàn,  
Cũng không Bát-niết-bàn.*

Giải thích: Lại có các sư thuộc bộ khác nói chư Phật không rốt ráo Niết-bàn, có các người Thanh Văn thừa các bộ khác nói có rốt ráo Niết-bàn. Có 2 ý như vậy. Kệ này hiển thị “Giải thoát tất cả chướng,” v.v... nghĩa là trong đó nếu giải thoát phiền não chướng trí chướng, do ý đây nên nói chư Phật rốt ráo Niết-bàn. Do “Việc làm chưa kết thúc,” việc làm đó là với người chưa thành thực thì thành thực họ, người đã thành thực thì giải thoát họ. Việc làm đó chưa kết thúc, do ý này nên nói không rốt ráo Niết-bàn. Nếu khác đây thì đồng với Niết-bàn của Thanh Văn. Bởi rốt ráo Niết-bàn nên chỗ thệ nguyện sẽ không có quả.

Luận nói: Vì sao thụ dụng thân không phải chính là tự tính thân? Có 6 nhân duyên: 1. Sắc thân trông thấy được. 2. Trong vô lượng Đại tập hội, hiển thị nhiều khác nhau. 3. Tùy sự yêu thích của chúng mà ứng hiện, tự thể không nhất định. 4. Tùy các sự khác nhau mà tự thể thị hiện biến động. 5. Ở nơi mà Đại chúng gồm có Bồ-tát, Thanh Văn, trời v.v... xen tạp thì tùy sự xen tạp mà hiển thị. 6. Hiển thị sự chuyển y không tương ưng của A-lê-da thức và sinh khởi thức. Cho nên thụ dụng thân không thành nghĩa của tự tính thân.

Giải thích: Sau đây là những lý do tự tính thân không phải là thụ dụng thân. Một, sắc thân hiển thị nghĩa là sắc thân của Phật không phải đó là pháp thân, vì đó là hình sắc trông thấy, không phải là pháp thân. Cho nên thụ dụng thân không phải pháp thân. Lại nữa thụ dụng thân này có sai khác vì trong Đại tập hội của chư Phật có sai biệt. Pháp thân thì không có sai biệt như vậy. Do đạo lý này không tương ưng nhau nên thụ dụng thân không thành tự tính thân. Lại nữa tùy sự mong muốn của chúng sinh mà hiện thụ dụng thân. Cho nên như Tu-đa-la nói có người thấy Phật màu vàng, có người thấy Phật màu xanh v.v... Thụ dụng thân có những thể tướng như vậy không

nhất định. Nếu nói thể của tự tính thân có bất định là không hợp đạo lý. Tự tính thân có những sự không tương ứng như vậy nên chẳng phải thụ dụng thân tức tự tính thân. Lại nữa với thụ dụng thân thì một chúng sinh có thể mới đầu thấy các sắc như thế này, rồi cũng một thân đó sau lại thấy những sắc khác. Nếu là tự tính pháp thân mà biến động khác như vậy là không phù hợp. Cho nên thụ dụng thân không thành tự tính thân. Lại nữa thụ dụng thân thường cùng với trời và các chúng hòa tạp còn tự tính thân thì không phù hợp với sự hòa tạp như thế. Cho nên thụ dụng thân không phải tức là tự tính thân. Lại nữa do thức A-lê-da chuyển y rồi tức được tự tính thân. Nếu tức tự tính thân này là thụ dụng thân thì sinh khởi thức chuyển y rồi lại được thân gì? Cho nên thụ dụng thân không phải tức là tự tính thân. Do 6 thứ này không tương ứng nên không thành là một.

Luận nói: Vì nhân duyên gì hóa thân cũng không phải tự tính thân? Có 8 nhân duyên. Một là chư Bồ-tát từ xa xưa đến nay đã được không thoái lui Tam-ma-đề mà sinh trong trời Đâu-suất và trong loài người là không đúng. Hai là đã nhớ túc mạng mà không biết văn chương tạp luận toán số ẩn loát công xảo và thụ dụng dục hạnh là không đúng. Ba là đã biết giáo pháp đâu là tà thuyết chính thuyết mà còn đến hỏi đạo ngoại đạo là không đúng. Bốn là đã biết rõ tam thừa đạo mà còn thực hành khổ hạnh là không đúng. Năm là bỏ vạn ức Diêm-phù châu chứng chính giác và chuyển pháp luân ở một chỗ là không hợp lý. Sáu là nếu lia như vậy hiển thị phương tiện chứng chính giác v.v.v...ngoài ra đều dùng hóa thân làm Phật sự thì phải chứng chính giác trong trời Đâu-suất. Bảy là sao Phật không xuất hiện bình đẳng ở tất cả các châu Diêm-phù? Đã không như vậy vì không A-hàm và đạo lý có thể chứng. Tám là cùng trong một thế giới không có hai Như Lai xuất thế là không mâu thuẫn vì có nhiều hóa Phật. Nói một thế giới là một thế giới có 4 châu. Như không có hai Chuyển luân vương cùng xuất hiện, ở đây có bài kệ như sau:

*Chư Phật vi tế hóa,  
 Bình đẳng nhập nhiều thai.  
 Nhất thiết chúng chính giác,  
 Để hiển thị thụ sinh.*

Giải thích: Nay hiển thị nghĩa không phù hợp bảo rằng pháp tính thân tức là biến hóa thân. Có 8 thứ không phù hợp. Cái không phù hợp đầu tiên là chư Bồ-tát từ xa xưa vô lượng kiếp đã được Tam-ma-đề không thoái lui, còn không sinh ở Đâu-suất-đà như chư thiên hưởng chi là sinh làm người. Cho nên cái mà thế gian thấy đó là hóa thân không phải tự tính thân. Lại nữa chư Bồ-tát đã được trí nhớ đời trước mà không biết sử sách toán số v.v... các việc là không đúng lý. Cho nên hóa thân vì để giáo hóa chúng sinh nên làm các việc này. Lại nữa Bồ-tát tu hành trong 3 kiếp a-tăng-kì không biết chính thuyết tà thuyết làm sao trong lúc cuối cùng có thể biết được? Vì vậy cho nên đó là hóa thân chẳng phải tự tính thân. Lại nữa bỏ vạn ức châu Diêm-phù, chỉ ở một nơi chứng chính giác chuyển pháp luân là không hợp lý. Nếu là hóa thân mới đúng, do ở một nơi đồng thời hóa hiện. Vì vậy cho nên hóa thân chẳng phải tự tính thân. Nếu nói chỉ một nơi chứng chính giác còn các nơi khác là hiển thị hóa thân có quyền thuộc thì tại sao không chứng chính giác ngay khi ở trời Đâu-suất-đà rồi hiện hóa thân ở trong tất cả 4 châu? Nếu nói trong tất cả 4 châu không chứng chính giác thì nghĩa này bất thành, vì không có A-hàm và đạo lý chứng minh cho thuyết này. Ở trong một cõi Phật tùy theo một trong 4 châu không chứng chính giác. Nếu ông nói như vậy thì mâu thuẫn với Tu-đa-la. Bởi vì sao? Vì kinh nói không có 2 Phật đồng thời xuất thế. Trong kinh ấy nói và lấy Chuyển luân vương làm thí dụ. Nói không có 2 Chuyển luân vương đồng thời xuất hiện nghĩa là nói một trong 4 châu không có đồng thời xuất hiện chứ không phải một cõi Phật. Nên nói không có 2 Phật đồng thời xuất thế cũng vậy. Nói thế giới là một 4 châu thiên hạ. Trong đây có bài kệ hiển thị chính giác nói “Chư Phật vi tế hóa,” v.v... tức là nghĩa như



vậy. Khi Phật ở cung trời Đâu-suất-đà nếu xuống nhập thai tức lúc ấy, nếu cùng thượng tọa Xá-lợi-phất đồng các quyền thuộc thì phải biết rằng tất cả đều là do hóa hiện. Đã hiển thị như vậy tức có thể hiển thị chứng chính giác trong tất cả tướng.

Luận nói: Vì tất cả chúng sinh nên phát nguyện và tu hành thành Đại Bồ-đề, rốt ráo Niết-bàn là không hợp lý. Phát nguyện và tu hành mà không quả báo là sai lầm.

Giải thích: Trong đây hiển thị nghĩa rốt ráo Niết-bàn là không thành. Chư Phật vì tất cả chúng sinh nên phát thệ nguyện lớn và tu hành. Đã phát ý làm lợi ích chúng sinh rồi, tùy các việc lợi ích chúng sinh mà làm. Nếu rốt ráo mà nhập Niết-bàn thì nguyện và hạnh kia là không hiệu quả. Nếu ông nói pháp thân Như Lai thường trụ thì thụ dụng thân và hóa thân là vô thường, sao gọi là thân thường trụ? Nay là để thành tựu nghĩa này.

Luận nói: Thụ dụng thân và hóa thân, 2 thân này vô thường, sao nói là thân Như Lai thường trụ? Vì y chỉ vào pháp thân thường trụ. Thụ dụng thân và biến hóa thân luôn luôn thụ báo, thường hóa hiện như thường thụ lạc, thường thụ thực. Phải biết Phật thân thường trụ như vậy.

Giải thích: Nói 2 thân là thường, do y chỉ pháp thân thường trụ nên 2 thân này là thường. Lại nữa thụ dụng thân là không bỏ thụ dụng nên gọi là thường. Hóa thân thì thường hiển thị chứng chính giác Bát-niết-bàn v.v... liên tục không gián đoạn nên gọi là thường. Lấy thí dụ hiển thị cái thường của 2 thân này. Như thế gian nói thường thụ lạc, tức không phải được cái vui không gián đoạn mà gọi là thường thụ lạc. Lại như nói người này thường thí thực tức không phải thường thí vì có lúc không thí, nhưng được gọi là người thường thí thực. Nghĩa thường của 2 thân này cũng vậy.

Luận nói: Có 6 nhân duyên mà hóa thân chư Phật Thế Tôn không thường trụ mãi. Một là việc làm đã hoàn tất. Một là việc làm

đã hoàn tất, nghĩa là đã thành thực và giải thoát chúng sinh. Hai là vì chuyển ý muốn Niết-bàn, khiến cầu Phật thân thường trú. Ba là chuyển ý khởi tu nơi Phật, khiến sinh hiểu rõ trong chính pháp sâu xa. Bốn là ý khao khát được thường thấy không sinh chán đủ. Năm là sinh tự tinh tiến, do biết khó gặp được đáng thuyết chính pháp. Sáu là khiến được mau chóng thành thực, tự mình khởi tinh tiến không bỏ ách nặng. Ở đây có kệ như sau:

*Việc làm đã hoàn tất,  
Chuyển ý muốn tịch diệt.  
Chuyển ý khinh thường Phật,  
Khiến sinh tâm khao khát.  
Để tự phát tinh tiến,  
Khiến mau chóng thành thực.  
Cho nên hóa thân Phật,  
Không thường trụ mãi mãi.*

Pháp thân chư Phật từ vô thủy đến nay là không hạn lượng, để được pháp thân kia không nên không siêng năng. Ở đây có kệ như sau:

*Phật được không khác, vô lượng nhân,  
Nếu chúng sinh bỏ tinh tiến ấy,  
Mà được tức là phi nhân quả.  
Đoạn nhân, thành được là phi lý.*

Đến đây đã giải thích xong Phẩm: Nhiếp Đại thừa, trong Kinh Đại-thừa A-tì-đạt-ma.

A-xà-lê A-tăng-già tạo.

Giải thích: Trong này có câu hỏi là nếu pháp thân từ vô thủy là không sai biệt, không hạn lượng như vậy thì đủ làm lợi ích chúng sinh rồi, cần gì phải vì thế mà siêng năng tinh tiến? Để ngăn chặn ý tưởng trong câu vấn nạn này nên hiển thị bằng bài kệ. Cái sở đắc của

chư Phật là không khác nhau, không hạn lượng. Lấy đó làm nhân nên phải khởi chính cần. Cho nên nói chư Phật thời vô thủy, nói tất cả, là có lỗi. Bởi vì sao? Sự đạt được này nếu là trong tất cả mọi thời thì có lỗi là nhân bất thành. Như thế, đoạn nhân mà được quả là phi lý. Chư Bồ-tát Đại bi ở trong tâm, thương yêu tất cả chúng sinh như con, đối với việc lợi ích chúng sinh mà bảo rằng những người khác tự làm lấy chẳng phải việc ta làm, là không hợp lý. Ta đều phải làm tất cả dù những người khác có làm hay không làm. Cần phải như vậy. Luận Nhiếp Đại Thừa, trong Đại thừa bộ chế thuật rất nhiều. Bản luận này do Thắng luận giả A-xà-lê Bà-tâu-bàn-đậu tạo.

**HẾT**

SỐ 1597  
**NHIẾP ĐẠI THỪA LUẬN THÍCH**  
**QUYỂN 1**

*Thế Thân Bồ-tát tạo  
 Tam tạng pháp sư Huyền Trang dịch  
 Nguyên Hồng dịch tiếng Việt*

**1- Cương yếu**

*Các phá sở tri chướng mờ tối,  
 Hết cả sở hữu như sở hữu.  
 Các pháp chân tục lý trong ảnh,  
 Đua nhau vọng chấp khởi dị kiến.  
 Đây do hằng lìa các phân biệt,  
 Vô cấu thanh tịnh trí sáng suốt.  
 Đạt được cao tột Tam-bồ-đề,  
 Hoặc chướng với tập đoạn thường trụ.  
 Được không công dụng ở 10 phương,  
 Tùy các hữu tình theo ý muốn.  
 Khai thị rộng lớn rất vượt trội,  
 Ba thứ giải thoát đều phương tiện.  
 Do vô phân biệt có Đại bi,  
 Sinh tử Niết-bàn đều không trụ.  
 Do gồm diệu tuệ phương tiện tốt,  
 Rốt ráo tự tha rất được lợi.*

Như vậy Thế Tôn chỗ giác ngộ,  
Như chỗ khai thị pháp nhiệm màu.  
Nếu được như vậy khéo tu hành,  
Ắt được tịch tĩnh cam lồ vị.  
Phỉ báng, quyết định đều không hết.  
Rất lâu không thể biến khổ lớn.  
Học vô học tăng cư đạo quả,  
Khấp hơn tất cả các tăng khác.  
Thiện thế vô cầu sông công đức,  
Chân thật trong đó mà tắm gội.  
Làm ruộng tốt vô thượng cho đời,  
Tuy có lâm vào vi tiểu thiện.  
Mà lại rộng lớn như đất trống,  
Người trí do đây được giải thoát.  
Nên ta chí thành thân ngữ ý,  
Thường tu không bỏ quy mạng lễ.  
Quý phạm các sư nay giảm ít,  
Chân pháp chính lý nhiều vẫn đục.  
Đều do người tà mạn tinh ranh,  
Theo suy nghĩ riêng mắt chính giáo.  
Thầy ta như thế không sau trước,  
Gặp thờ Thánh giả Đại từ tôn.  
Y chỉ bất động xuất thế gian,  
Phóng quang Đại pháp Tam-ma-địa.  
Xiển dương diệu pháp để tiếng khen,  
Như mặt trời chiếu sáng mười phương.  
Văn quang vô cầu rất sâu sắc,  
Các kinh liễu nghĩa đều tùy thuận.  
Câu nghĩa rộng sâu đều vi diệu,  
Thấy đều đẹp đẽ tự trang nghiêm.  
Khiến kẻ thông minh đều để dạ,

Không gièm không kiêu sinh ái kính.  
 Pháp khó thông tuệ không trở ngại,  
 Không mê lợi dưỡng đáng khen thay.  
 Trong an vui tâm không nhiễm đắm,  
 Nên gọi đức mình là quyết định.  
 Các bậc hiền thánh thường thân cận,  
 Tất cả thế gian ai chẳng biết.  
 Vô Trước danh xưng thấy đều nghe,  
 Công đức rõ ràng như ca tụng.  
 Biện luận không ngọt như mưa tuôn,  
 Văn nghĩa ngọt ngào vi diệu pháp.  
 Nhiều người theo học sức mình ít,  
 Khác chi chim nhỏ đến cầu mưa.  
 Từ rộng quyết chọn gom phần ít,  
 Dùng lời lược thích Nhiếp Đại Thừa.  
 Nguyện đem chỗ làm khắp lợi ích,  
 Chỉ sợ các bậc Đại văn giả.

Luận nói: Trong Kinh Đại Thừa A-tì-đạt-ma có nói các Bồ-tát khéo ngộ nhập Đại thừa, vì muốn làm rõ cái thể to lớn của Đại thừa, căn cứ vào Đại thừa, đối trước đức Phật nói chư Phật Thế Tôn có 10 tướng ngôn ngữ thù thắng.

Giải thích: Căn cứ vào nghĩa gì, từ nhân duyên gì mà nói như vậy? Hiểu biết rộng sâu tính của pháp Đại thừa, nếu là oai lực của chư Phật Bồ-tát, ai có thể tạo được thích luận này. Lại nữa vì nghĩa gì trước tiên nói duyên do như thế? Nếu không nêu lên câu nói Kinh Đại Thừa A-tì-đạt-ma thì không hiểu rõ luận này là nghĩa của Thánh giáo. Lại để hiển thị tên kinh, như nói Kinh Thập Địa. Cho nên nói như vậy là trong Kinh Đại Thừa A-tì-đạt-ma có nói. Lại có các nghĩa khác là để rõ kinh ấy là Thánh giáo cho nên trước tiên nói là Kinh Đại Thừa A-tì-đạt-ma có nói. Nay tạo luận này có mục đích

là muốn cho người không biết được rõ, để làm rõ tên riêng của pháp môn. Nói A-tì-đạt-ma, đó là tên chung. Dùng tiếng kinh mà nói là để loại ra ngoài A-tì-đạt-ma của Thanh Văn mà nêu Đại thừa. Bởi hiện tại cũng có A-tì-đạt-ma không phải Phật nói. Như hiện có người nghĩ rằng có A-tì-đạt-ma do Phật nói, cũng có A-tì-đạt-ma do Thanh Văn nói và do người có thể trí tạo ra cũng có. Lại nói Đại thừa Tổ-đát-lãm là muốn hiển thị khác biệt với Thanh Văn tạng v.v..., muốn hiển thị thuộc Bồ-tát tạng. Lại nữa nêu A-tì-đạt-ma kia nhiếp thuộc trong tạng, nghĩa là nhập vào tự tông Tổ-đát-lãm tạng, hiện diệt tự hoặc. Tì-nại-da tạng tức trong Đại thừa là phiên nào của Bồ-tát. Bởi chư Bồ-tát có các thứ phân biệt là phiên nào, cho nên không mâu thuẫn với tối thắng A-tì-đạt-ma. Tướng của nó sâu xa rộng lớn.

Trong đây nói 3 tạng là: một Tổ-đát-lãm tạng, hai Tì-nại-da tạng, ba A-tì-đạt-ma tạng. Như vậy 3 tạng có hạ thừa thượng thừa khác nhau mà thành ra 2 tạng là Thanh Văn tạng và Bồ-tát tạng. Ba và hai này vì sao gọi là tạng? Vì công năng gồm thâu, nghĩa là gồm thâu tất cả nghĩa cần phải biết.

Lại nữa vì sao thành lập 3 tạng? Có 9 duyên do. Tức là lập Tổ-đát-lãm tạng để đối trị nghi hoặc, lập Tì-nại-da tạng để đối trị sự thụ dụng nhị biên, tức là ngăn ngừa hành vi có tội do đam mê thụ dụng dục lạc và khai mở sự vô tội không thụ dụng khổ, lập A-tì-đạt-ma tạng để đối trị chấp thủ kiến giải riêng, hiển thị tướng các pháp là không điên đảo. Lại để có thể nói 3 học nên lập Tổ-đát-lãm tạng. Để có thể tăng thượng giới, tăng thượng tâm nên lập Tì-nại-da tạng. Nghĩa là đủ Thi-la tức không hối, dần dần sẽ được Tam-ma-địa. Để có thể tăng thượng tuệ nên lập A-tì-đạt-ma tạng, nghĩa là có thể lựa chọn nghĩa không điên đảo. Lại nữa để có thể nói pháp nghĩa nên lập Tổ-đát-lãm tạng. Để có thể đầy đủ pháp nghĩa nên lập Tì-nại-da tạng. Nghĩa là để điều phục phiên nào siêng năng tu hành mới thông đạt được 2 năng lực này. Để có thể quyết định chọn lựa tốt pháp nghĩa

nên lập A-tì-đạt-ma tạng. Do 9 duyên do này nên thành lập 3 tạng. Lại nữa đây đều là để giải thoát sinh tử.

Làm sao có thể được giải thoát? Huân giác, tịch thông nên được giải thoát. Nghĩa là do nghe giáo pháp huân tập vào tâm, do tư duy mà giác ngộ, do tu Xa-ma-tha được tịch tĩnh, do chứng Tì-bát-xá-na nên thông đạt là có thể giải thoát.

Lại nữa nếu lược nói Tổ-đát-lãm, Tì-nại-da, A-tì-đạt-ma mỗi tạng đều có 4 nghĩa. Bồ-tát nếu hiểu biết đầy đủ đây thì có thể chứng được tính của Nhất thiết trí. Thanh Văn đối với đây chỉ hiểu nghĩa một Già-tha cũng được lậu tận.

Vì sao 3 tạng này mỗi tạng đều có 4 nghĩa? Nghĩa là quán xuyên y, tướng, pháp, nghĩa nên gọi là Tổ-đát-lãm. Trong đây y, nghĩa là ở nơi đó, do đó, vì đó nên có pháp được nói. Tướng, nghĩa là tướng của thể tục đế và tướng của thắng nghĩa đế. Pháp, nghĩa là như uẩn, giới, xứ, duyên khởi đế, thực, tĩnh lực, vô lượng, vô sắc, giải thoát, thắng xứ, biến xứ, Bồ-đề phần, vô ngại giải, vô tránh v.v... Nghĩa, nghĩa là tùy theo mật ý, như đối, số, phục, thông. Phải biết tên gọi A-tì-đạt-ma, nghĩa là A-tì-đạt-ma cũng gọi là đối pháp. Pháp này đối hường vô trụ Niết-bàn, có thể nói chân lý Bồ-đề phần, giải thoát môn v.v... A-tì-đạt-ma cũng gọi là số pháp, nghĩa là đối với mỗi pháp mỗi pháp mỗi số mỗi số giải thích nói rõ tướng chung tướng riêng vô lượng sai biệt. A-tì-đạt-ma cũng gọi là phục pháp, nghĩa là do đây đầy đủ các phương pháp luận có thể thắng phục các luận khác. A-tì-đạt-ma cũng gọi là thông pháp, nghĩa là do đây có thể giải thích thông suốt nghĩa của Tổ-đát-lãm. Phải biết phạm tội, đặng khởi, hoàn tịnh, xuất ly gọi là Tì-nại-da. Trong này nói phạm tội tức ngũ chủng tội. Đặng khởi nghĩa là do không biết, do phóng túng, do quá nhiều phiền não, do không tôn kính nên phạm các tội. Hoàn tịnh là do ưa thích chứ không phải do trị phạt, như thụ luật nghi. Xuất ly nghĩa là ra khỏi, có 7 thứ. Một là mỗi mỗi nói lên sự hối tội đã phạm. Hai là thể chịu sự



trị phạt, gọi là thụ học v.v... Ba là những gì có phương hại thì trước chế học xứ, sau do lỗi khác khai mở cho trở lại. Bốn là thay đổi ngăn cấm, nghĩa là tăng hòa hợp trở lại xả bỏ chỗ cấm chế. Năm là chuyển y, nghĩa là Bí-sô, Bí-sô-ni chuyển đổi nam nữ nên xả bỏ tội bất cộng. Sáu là do chân thật quán, nghĩa là làm pháp quán các hành tướng thù thắng của Ôn-đà-nam. Bảy là được do pháp nhĩ, nghĩa là do kiến đế pháp nhĩ được không tiểu tùy tiểu tội. Phải biết Ti-nại-da còn có 4 nghĩa. Một là Bồ-đặc-già-la nên Thế Tôn y vào đó chế học xứ. Hai là chế lập, nghĩa là tuyên cáo rằng Bồ-đặc-già-la kia đã phạm tội nên Đại sư tập hợp tăng chúng chế học xứ. Ba là phân biệt, nghĩa là chế học xứ rồi lại giải thích rộng. Trước có nói sơ lược 4 quyết đoán lựa chọn, nghĩa là trong trường hợp này phán đoán quyết định sự vi phạm này thế nào là có tội thế nào là vô tội.

Nay sẽ giải thích bản văn. Nói “Trước đức Bạc-già-phạm” nghĩa là hiển thị sự tôn kính nên không dám nói khác. Nói “khéo ngộ nhập Đại thừa” nghĩa là do đã được nghĩa công đức thù thắng của các Đà-la-ni, hiển thị đã được các công đức này nên đối với nghĩa, đối với văn có thể chấp trì đúng và khai thị đúng. Như thế gọi là Bồ-tát. Vì nghĩa gì mà nói? Vì để hiển thị cái thể vĩ đại của Đại thừa. Nói hiển thị, tức là khai phát cái đại thể thật có của Đại thừa. Nói “căn cứ vào Đại thừa”, nghĩa là y chỉ vào Đại thừa mà nói ra. Nói “có 10 tướng ngôn ngữ thù thắng”, nghĩa là do 10 thứ thù thắng kia mà có ngôn ngữ thù thắng, cho nên nói là 10 tướng thù thắng thù thắng ngữ. Đây nói thù thắng là nói nghĩa sai biệt, hai bên tương đối nhau, như nói nghĩa này thù thắng hơn kia. Lại nghĩa cao tốt là nghĩa thù thắng. Hoặc là khác loại, nghĩa là nghĩa nhân thù thắng nên nói quả là thù thắng. Nay sẽ nói 10 tướng thù thắng này.

Luận nói: Một là sở tri y thù thắng. Hai là tướng sở tri thù thắng. Ba là nhập tướng sở tri thù thắng. Bốn là nhập nhân quả thù thắng. Năm là tu tập sai biệt các nhân quả thù thắng. Sáu là giới tăng

thượng thù thắng trong sự tu tập sai biệt. Bảy là tâm tăng thượng thù thắng. Tám là tuệ tăng thượng thù thắng. Chín là quả đoạn thù thắng. Mười là quả trí thù thắng. Do các câu được chư Phật Thế Tôn nói trong các kệ kinh, rõ ràng Đại thừa chính là do Phật nói.

Giải thích: Trong đây nói sở tri y thù thắng thù thắng ngữ, nghĩa là cần phải biết, nên biết cho nên gọi là sở tri. Như nói các pháp tạp nhiễm thanh tịnh tức 3 tự tính. Y là nghĩa của nhân, sở tri y này tức là thù thắng nên gọi là sở tri y thù thắng. Do thù thắng này nên ngôn ngữ thù thắng. Nói y này tức là thức A-lại-da. Như vậy trì nghiệp thích cho đến quả trí thù thắng cũng vậy. Nghĩa là quả trí thù thắng kia tức là thù thắng cho nên gọi quả trí thù thắng v.v... Tướng sở tri là nghĩa tự tính của sở tri. Sở tri tức là tướng cho nên gọi là tướng sở tri. Nói 3 tự tính nhập vào tướng sở tri nghĩa là trong tướng sở tri nếu năng nhập, nếu chính nhập tức là duy thức tính. Kia nhập nhân quả, nghĩa là năng nhập vào kia nên gọi là kia nhập, tức là ngộ nhập duy thức lý tính. Nhân là khi gia hành thế gian thí v.v... các Ba-la-mật-đa. Quả là khi thông đạt xuất thế gian thí v.v... các Ba-la-mật-đa. Tu sai biệt các nhân quả kia, tức là các nhân quả kia nên gọi là các nhân quả kia, tức tu các sai biệt trong đó. Tu nghĩa là tập nhiều lần, tức là sự tu tập nhiều lần trong các địa dần dần được thù thắng cho nên nói sai biệt tức là 10 địa. Tức là tu trong sự sai biệt như vậy. Tăng thượng giới, nghĩa là trong 10 địa y theo giới mà học gọi là tăng thượng giới. Tức chư Bồ-tát có các luật nghi, đối với các điều bất thiện không có tâm tạo tác trở lại. Tăng thượng tâm, nghĩa là ở trong nội tâm hoặc tức y nơi tâm mà học nên gọi là tăng thượng tâm. Tức các Tam-ma-địa. Tăng thượng tuệ, nghĩa là hướng đến chứng tuệ nên gọi tăng thượng tuệ. Hoặc y vào tuệ mà học nên gọi tăng thượng tuệ. Tức là trí vô phân biệt. Đoạn thù thắng, nghĩa là tối thắng phẩm, riêng tự nội tâm xả bỏ phiền não và sở tri chướng. Tức là vô trụ Niết-bàn. Trí thù thắng thù thắng ngữ, nghĩa là vô chướng trí gọi là trí thù thắng. Trí vô phân biệt kia có chỗ đối trị. Nay Phật

trí này đã lia tất cả chướng và tùy miên nên gọi trí vô phân biệt kia là Phật trí thù thắng.

Luận nói: Lại nữa, thế nào là rõ ràng? Là vì 10 tướng thù thắng nói trên không hề thấy nói trong Thanh Văn thừa, chỉ trong Đại thừa mới có nhiều chỗ nói đến. Nghĩa là A-lại-da là nói cái thể của sở tri căn cứ. Ba thứ tự tính: một y tha khởi tự tính, hai biến kế sở chấp tự tính, ba viên thành thật tự tính là nói cái thể của tướng sở tri. Tính duy thức là nói về sự ngộ nhập cái thể của tướng sở tri. Sáu Ba-la-mật-đa là nói cái thể của sự ngộ nhập nhân quả. Mười địa của Bồ-tát là nói cái thể của sự tu tập các nhân quả sai biệt. Luật nghi Bồ-tát là nói cái thể của giới tăng thượng. Thủ-lăng-già-ma, Hư không tạng v.v... các Tam-ma-địa là nói cái thể của tâm tăng thượng. Trí vô phân biệt là nói cái thể của tuệ tăng thượng. Vô trụ Niết-bàn là nói cái thể của quả đoạn. Ba thứ Phật thân: một tự tính thân, hai thụ dụng thân, ba biến hóa thân, là nói cái thể của quả trí. Do 10 sự thù thắng nói trên, rõ ràng Đại thừa khác với Thanh Văn thừa. Lại còn rõ ràng rằng Thế Tôn chỉ nói rõ cho Bồ-tát. Cho nên phải biết rằng chỉ y vào Đại thừa chư Phật Thế Tôn mới có 10 tướng thù thắng được nói đến.

Giải thích: Thế nào là rõ ràng? Câu hỏi này muốn biết duyên do. Sáu Ba-la-mật-đa là nói nhập vào thể của nhân quả. Nghĩa là do duy thức tính khi nhập vào 3 tự tính thì thế gian thí v.v... các Ba-la-mật-đa là thanh tịnh nhân, do có khả năng dẫn phát xuất thế gian nên từ nhập địa trở đi thí v.v... các Ba-la-mật-đa kia thành xuất thế gian, gọi là thanh tịnh quả. Bồ-tát 10 địa nói tu cái thể sai biệt của nhân quả kia là Bồ-tát 10 địa trước đã nói Ba-la-mật-đa nhân quả 2 vị tu sai biệt tính. Trí vô phân biệt trong đây là thể của tăng thượng tuệ, nghĩa là nếu các Thanh Văn lia 4 phân biệt điên đảo gọi là vô phân biệt. Nếu các Bồ-tát lia phân biệt tất cả pháp gọi là vô phân biệt. Hai cái vô phân biệt khác nhau như thế. Vô trụ Niết-bàn nói là thể của quả đoạn kia, nghĩa là quả của 3 học gọi là quả kia. Quả kia tức là đoạn, gọi là quả đoạn

kia. Tính này là thể của quả đoạn kia, tức là nghĩa đoạn của phiên nào sở tri 2 chướng. Ba thứ Phật thân nói là thể của quả trí kia, nghĩa là quả của 3 học kia, nên gọi là quả kia. Quả kia tức là trí, gọi là quả trí kia. Tính này là thể của quả trí kia. Trong đây nếu không có tự tính thân thì cũng phải không có pháp thân, ví như nhãn căn. Nếu không có pháp thân thì cũng phải không có thụ dụng thân, ví như nhãn thức. Phải biết trong đây sơ y năng y là đồng pháp dụ. Nếu không có thụ dụng thân thì đã nhập đại địa các Bồ-tát phải không thụ dụng pháp lạc. Nếu không thụ dụng pháp lạc thì Bồ-đề tư lương phải không viên mãn, ví như thấy sắc. Nếu không có hóa thân thì các Bồ-tát của thắng giải hành địa, các Thanh Văn v.v... thắng giải hạ liệt, tối sơ phát thú đều không nên có. Vì vậy chắc chắn phải có 3 thân. Rõ ràng Đại thừa khác với Thanh Văn thừa là trong Thanh Văn thừa không nói đến cho nên rõ ràng đây là tối thắng trong Đại thừa.

Luận nói: Lại nữa vì sao từ 10 tướng thù thắng này Như Lai nói ngôn ngữ thù thắng, lại rõ ràng Đại thừa chính thật là lời Phật nói?

Là vì để ngăn chặn ý tưởng cho rằng Thanh Văn thừa là tính của Đại thừa. Do 10 tướng này chưa hề thấy trong Thanh Văn thừa nói đến, mà chỉ thấy nói nhiều trong Đại thừa. Có nghĩa là 10 thứ ngôn ngữ thù thắng này rất có năng lực dẫn khởi tính Đại Bồ-đề, thành lập sự tùy thuận rất tốt, không mâu thuẫn và có thể chứng đắc trí nhất thiết trí. Ở đây có hai bài tụng như sau:

*Sở tri y và sở tri tướng,  
 Nhập nhân quả và tu nhân quả,  
 Tam học quả đoạn và quả trí,  
 Là tối thượng thừa nên thù thắng.  
 Thuyết này các nơi không thấy nói,  
 Đây là tối thắng nhân Bồ-đề,  
 Cho nên Đại thừa là Phật nói,  
 Tức nói về mười nghĩa thù thắng.*

Giải thích: Đây lại nói vì sao lại hiện thị 10 chỗ? Đây là năng lực cao tột dẫn đến tính Đại Bò-đề, là khéo thành lập sự tùy thuận không mâu thuẫn. Nói là năng lực cao tột dẫn đến tính Đại Bò-đề là Đại Bò-đề có thể dẫn nghĩa của nhân. Nói là khéo thành lập nghĩa là do chính lý đẳng lượng tư trạch, như thấy đạo sư nói đạo tướng. Nói tùy thuận, nghĩa là để chứng đắc, khi siêng năng tu hành thì tùy thuận trụ. Như theo chính đạo do đạo sư nói tùy thuận mà trụ. Nói không mâu thuẫn, nghĩa là ở trong các địa không có nhân chướng ngại. Như theo đạo sư nói giữa đường không có chướng nạn như giặc cướp v.v...Hoặc sinh tử Niết-bàn 2 thứ không trái nhau. Lại có dị môn là rất có năng lực dẫn đến tính Đại Bò-đề, nghĩa là cái năng dẫn này là không hý luận, là trí vô phân biệt. Nói khéo thành lập, nghĩa là không mâu thuẫn với 4 lý. Nói tùy thuận, nghĩa là không mâu thuẫn với 3 lượng. Nói không mâu thuẫn, nghĩa là không phải trước thì tùy thuận, sau lại trái chống. Như có bài tụng nói:

*Trước giữ gìn ái, bi,  
Sau lại theo bất thiện.  
Phi trắng đen ngã kiến,  
Có ích cũng có tổn.*

Nói để có thể chứng được trí Nhất thiết trí, nghĩa là trong tất cả các pháp phát sinh trí cao tột, không gián đoạn tất cả hành tướng. Nói khéo thành lập v.v... cũng có nghĩa khác, nghĩa là khéo thành lập sự tùy thuận không trái, lần lượt giải thích. Thế nào là khéo thành lập? Nghĩa là hay tùy thuận. Thế nào là hay tùy thuận? Nghĩa là không trái không chuyển đổi.

Luận nói: Lại nữa vì sao 10 nghĩa được nói theo thứ tự như vậy?

Nghĩa là các Bò-tát trước phải rõ nhân duyên của các pháp mới rõ được lý duyên sinh. Tiếp đến đối với các pháp do duyên sinh phải nhận rõ tướng trạng của chúng, phải khéo xa lìa hai cực đoan của sự thêm bớt. Tiếp đến, Bò-tát khéo tu tập như vậy, phải

thông suốt đúng đắn các tướng sở thủ, khiến tâm được giải thoát các chướng. Tiếp đến, thông suốt các tướng sở tri rồi, trước do chứng đắc 6 Ba-la-mật-đa ở gia hành vị, phải thành tựu đầy đủ tăng thượng ý lạc cho được thanh tịnh. Tiếp đến sau khi thanh tịnh ý lạc trong 6 Ba-la-mật-đa, cần phải từng phần từng phần tu tập sai biệt trong 10 địa. Nghĩa là phải trải qua ba vô số đại kiếp. Tiếp đến phải viên mãn ba sở học của Bồ-tát. Đã viên mãn rồi phải hiện chứng quả Niết-bàn và vô thượng chính đẳng Bồ-đề. Mười nghĩa đã được nói theo thứ tự như vậy.

Giải thích: Vì sao lần lượt nói theo thứ tự như vậy? Chư Bồ-tát đối với nhân các pháp, trước phải nói rõ rồi cho đến chứng quả Niết-bàn cùng với sự ứng hiện của vô thượng chính đẳng Bồ-đề v.v... Tức là trước phải hiểu rõ nhân của các pháp rồi sau đối với duyên khởi mới được tốt đẹp. Ất có nhân nên quả mới được sinh khởi. Do đó có thể được 2 trí nhân quả. Sau đó phải rõ cái tướng của nhân sinh các pháp. Tướng đó là những gì? Nghĩa là thật sự là không có mà chấp khắp cả, cố chấp cho là có gọi là tăng ích, nghĩa là thêm ra. Tăng ích cái không, nên tôn giảm cái thật có của tính viên thành thật. Xa lìa cái lỗi của nhị biên tức của 2 cực đoan có và không gọi là thiện xảo tức tốt đẹp khéo léo. Tiếp đến các tướng sở thủ như vậy, do duy thức tính phải thông đạt đúng đắn, được không chướng ngại. Tiếp đến là tùy thuận ngộ nhập duy thức tính. Người thể tục chứng thể gian 6 thứ Ba-la-mật-đa. Do thắng nghĩa nên phải chứng đắc trở lại. Tức là phải tu tập thanh tịnh tăng thượng ý lạc. Tiếp đến trong 10 địa phải siêng tu từng phần từng phần riêng biệt. Nghĩa là phải trải qua 3 vô số đại kiếp. Chẳng phải như Thanh Văn chỉ nhanh chóng trong 3 đời siêng tu đối trị liền chứng giải thoát. Tiếp đến như vậy tu tăng thượng giới v.v... phải viên mãn 3 học của Bồ-tát. Sau cùng là đối với học quả Niết-bàn vĩnh viễn đoạn phiền não và chứng vô thượng chính đẳng Bồ-đề, 3 thứ Phật thân ứng hiện v.v... Cho nên nói 10 chỗ theo thứ tự như vậy.

Luận nói: Lại nữa, trong đây tất cả Đại thừa đều được trình bày rõ ràng.

Giải thích: Tất cả Đại thừa rõ ràng đều như đây. Bởi vì sao? Nếu muốn nói duyên khởi tức phải vào trong thức A-lại-da. Nếu muốn nói các tướng tức phải vào trong 3 tự tính. Nếu muốn nó chứng đắc tức phải vào trong duy thức tính. Nếu muốn nói Ba-la-mật-đa tức phải vào trong Ba-la-mật-đa. Nếu muốn nói các địa tức phải vào trong các địa. Nếu muốn nói các học tức phải vào trong các học. Nếu muốn nói đoạn và trí tức phải nhập vô trụ Niết-bàn và 3 thứ Phật thân. Đều như vậy gọi là tất cả Phật nói. Cho nên chỉ nói thứ tự như vậy.

## 2 – 1. Sở tri y

Luận nói: Trong 10 nghĩa thù thắng, trước tiên nói đến sở tri y, hay là nơi y cứ của các pháp sở tri, tức thức A-lại-da.

Ở đâu Thế Tôn đã nói thức A-lại-da tên là thức A-lại-da?

Trong một bài Già-tha trong Kinh Đại Thừa A-tì-đạt-ma, đức Bạc-già-phạm đã nói:

*Nơi từ vô thủy nay,  
Các pháp đồng y cứ.  
Do đây có các nẻo  
Và Niết-bàn chứng đắc.*

Giải thích: Trong đây năng chứng A-lại-da thức, thể của nó là thức A-lại-da. A-cấp ma, nghĩa là đức Bạc-già-phạm đầu tiên nói Kinh Đại Thừa A-tì-đạt-ma có nói bài tụng như vậy. Chữ “giới” dịch là “nơi” trong câu đầu tiên có nghĩa là nhân, tức là nơi y chỉ của tất cả pháp. Hiện thấy thế gian đối với các khoáng kim loại gọi là “giới” tức giới loại vì do đó là nhân cho nên là nhân tất cả pháp y chỉ. Thể tức là nghĩa của sở y chỉ. Nói “do đây có”, nghĩa là do là sở y của

tất cả pháp nên có. Nói “các nẻo” nguyên văn tụng là “chư thú”, tức các nẻo đường trong sinh tử. Chữ “thú” có nghĩa là quả dị thực. Do quả này cho nên có nhiều thứ chủng loại hoặc ngoan ngu ám á, hoặc có năng lực có thể hiểu pháp nghĩa hoặc thiện hoặc ác, hoặc có thể chứng đắc thượng đẳng. Lại vì có tính làm nơi phiền não y chỉ, do đó nên có thứ phiền não mãnh liệt bén nhạy, có thứ phiền não lưu cửu thời gian dài, là nơi y chỉ 4 thứ dị thực sai biệt. Vô hữu kham năng, ngược lại là hữu kham năng, nghĩa là không phải chỉ các nẻo sinh tử do đây mà có, nhưng cũng do đây mà chứng đắc Niết-bàn. Phải do có tạp nhiễm mới được Niết-bàn.

Luận nói: Và cũng có bài kệ rằng:

*Do gồm chứa các pháp,  
Làm thức của chúng tử,  
Nên gọi A-lại-da,  
Ta dạy kẻ hơn người.*

Giải thích: Đã dẫn A-cấp-ma chứng minh thức A-lại-da là thể của sở tri y, rồi lại dẫn A-cấp-ma chứng minh thức A-lại-da tên là thức A-lại-da. Trong bài kệ này do câu thứ hai giải thích câu thứ nhất. “Kẻ hơn người” nguyên văn câu tụng là thắng nhân, kẻ hơn người đây là chỉ cho chúng Bồ-tát.

Luận nói: Như vậy là đã dẫn chứng trong A-cấp-ma. Nhưng vì lý do gì thức này gọi tên là A-lại-da?

Vì các pháp tạp nhiễm của tất cả loài hữu sinh đều gồm chứa ở đây làm tính của quả, rồi cũng thức này gồm chứa các pháp làm nhân, cho nên gọi là A-lại-da. Hoặc các hữu tình thâm giữ thức này làm bản ngã của mình nên gọi là A-lại-da.

Giải thích: Nay gọi tên thức này là A-lại-da. Nói tất cả hữu sinh, nghĩa là tất cả loài có sinh mạng đều gọi là hữu sinh. Pháp tạp nhiễm là ngăn che nghĩa thanh tịnh chuyển vào trong đó nên gọi là



nhiếp tàng. Nói hoặc các hữu tình thân giữ thức này làm tự ngã , đó là nghĩa chấp thủ.

Luận nói: Lại nữa thức này cũng gọi là thức A-đà-na. Như trong A-cấp-ma, Kinh Giải Thâm Mật nói:

*Thức A-đà-na rất vi tế,  
 Chúng tử như dòng nước chảy xiết.  
 Ta chẳng giảng nói cho phàm phu,  
 Sợ chúng chấp đó làm tự ngã.*

Giải thích: Lại dẫn Kinh Giải Thâm Mật. Đây tức là trong A-cấp-ma. Phật bảo Quảng Tuệ Bồ-tát Ma-ha-tát rằng: Quảng Tuệ phải biết, trong 6 nẻo sinh tử, các loài hữu tình kia đọa trong các chúng hữu tình, hoặc trong loài sinh trứng, sinh thai, sinh nơi âm thấp, hóa sinh, sinh khởi thân phần, trong đó trước tiên tất cả chúng tử của tâm thức thành thực, dần dần hòa hợp tăng trưởng rộng lớn dựa vào 2 chấp thủ. Một là các căn có sắc và sở y chấp thủ. Hai là tướng gọi là phân biệt ngôn thuyết hý luận tập khí chấp thủ. Trong giới hữu sắc có đủ 2 chấp thủ. Trong giới vô sắc không có đủ 2 thức. Quảng Tuệ ! Thức này còn có tên là thức A-đà-na. Bởi vì sao? Bởi thức này luôn luôn theo giữ gìn thân. Cũng gọi là thức A-lại-da. Bởi vì sao? Bởi thức này đối với thân nhiếp thụ tàng ẩn, đồng nghĩa an nguy. Cũng gọi là tâm. Bởi vì sao? Bởi thức này do sắc thanh hương vị xúc v.v... tích tụ nuôi dưỡng. Quảng Tuệ ! Thức A-đà-na vì y chỉ, vì kiến lập nên 6 thức thân chuyển gọi là nhãn thức, nhĩ, tỹ, thiệt, thân, ý thức. Trong đây có thức do mắt và sắc làm duyên sinh nhãn thức, cùng đi theo với nhãn thức, đồng thời, đồng cảnh có ý thức phân biệt chuyển. Có thức do tai, mũi, lưỡi, thân với tiếng, mùi, vị, sự chạm xúc làm duyên sinh nhĩ, tỹ, thiệt, thân thức cùng đi theo với nhĩ, tỹ, thiệt, thân thức, đồng thời đồng cảnh có phân biệt ý thức chuyển. Quảng Tuệ ! Nếu như lúc bấy giờ một nhãn thức chuyển tức lúc ấy chỉ có một phân biệt ý thức cùng với nhãn thức đồng hành chuyển. Nếu lúc ấy 2,3,4,5

các thức thân chuyển, tức lúc ấy chỉ có một phân biệt ý thức cùng với 5 thức thân đồng hành chuyển. Quảng Tuệ ! Ví như một dòng nước lớn chảy xiết, nếu có một con sóng sinh duyên hiện tiền chỉ một con sóng chuyển. Nếu hai hoặc nhiều con sóng sinh duyên hiện tiền có nhiều con sóng chuyển. Nhưng dòng sông chảy xiết này tự nó hằng liên tục chảy không đứt đoạn không chầm dứt. Lại như mặt gương trong, nếu có một ảnh sinh duyên hiện tiền, chỉ một ảnh hiện. Nếu hai hoặc nhiều ảnh sinh duyên hiện tiền, có nhiều ảnh hiện, chẳng phải mặt gương này biến chuyển làm ảnh, cũng không có sự thụ dụng giảm hết được. Như vậy, Quảng Tuệ ! Bởi tương tự dòng nước chảy xiết, thức A-đà-na vì y chỉ, vì kiến lập nên lúc bấy giờ có một nhãn thức sinh duyên hiện tiền tức lúc ấy một nhãn thức chuyển. Nếu lúc bấy giờ có đến 5 thức thân sinh duyên hiện tiền, thì lúc ấy 5 thức thân chuyển. Quảng Tuệ ! Như vậy Bồ-tát tuy do pháp trụ trí làm y chỉ, làm kiến lập nên nơi tâm, ý, thức bí mật khéo léo. Nhưng chừ Như Lai không đồng loạt thiết lập tâm, ý, thức kia tất cả Bồ-tát bí mật thiện xảo. Quảng Tuệ ! Nếu các Bồ-tát bên trong đều như thật không thấy A-đà-na, không thấy thức A-đà-na, không thấy A-lại-da, không thấy thức A-lại-da, không thấy tích tụ, không thấy tâm, không thấy nhãn, sắc và nhãn thức, không thấy nhĩ, thanh và nhĩ thức, không thấy tỷ, hương và tỷ thức, không thấy thiệt, vị và thiệt thức, không thấy thân, xúc và thân thức, không thấy ý, pháp và ý thức, thì gọi là thắng nghĩa thiện xảo Bồ-tát. Như Lai gọi họ là thắng nghĩa thiện xảo Bồ-tát. Quảng Tuệ ! Đồng loạt đây là nói tâm, ý, thức tất cả bí mật thiện xảo Bồ-tát. Như Lai gọi đây đều là tâm ý thức tất cả bí mật thiện xảo Bồ-tát. Trong Già-tha này nghĩa ấy được hiển thị trở lại. Thức A-đà-na là một tên khác được giải thích. Nói rất vi tế nghĩa là khó hiểu biết được. Tất cả chúng tử như dòng nước chảy xiết, nghĩa là cứ lần lượt chuyển nên tất cả chúng tử chuyển từng sát-na như dòng nước xiết chảy liên tục. Nói sợ chúng chấp kia làm ngã, nghĩa là một hành tướng chuyển nên có thể chấp phân biệt.

Luận nói: Vì lý do gì lại gọi tên là thức A-đà-na?

Vì nó nắm giữ tất cả sắc căn, lấy tất cả tự thể làm sở y. Bởi vì sao? Bởi vì các sắc căn do nó nắm giữ sẽ tùy chuyển suốt đời mà không hỏng mất. Và nó duy trì liên tục cho đến khi kết sinh, sinh rồi thì chấp nhận làm tự thể. Vì vậy thức này còn gọi là thức A-đà-na.

Giải thích: Chấp giữ tất cả các căn hữu sắc là vì các căn có sắc do đây được gìn giữ. Tùy chuyển suốt đời là câu giải thích. Nghĩa là các căn có sắc như mắt v.v... được thức A-lại-da chấp giữ, không phải như xác chết ứ bầm. Nếu khi chết thức A-lại-da rời bỏ thân thì thân thể ứ bầm. Vì vậy cho nên chắc chắn biết là thức A-lại-da chấp thụ nên cho đến hết tuổi thọ không hư mất. Tất cả tự thể lấy làm sở y, là tương tục cho đến chính khi kết sinh thì lấy A-lại-da kia mà sinh và nhận làm tự thể. Lấy đây để giải thích, nghĩa là do thức này là tương tục thức nên nó duy trì liên tục cho đến khi kết sinh thì nhận lấy sự thụ sinh mới làm một thời kỳ của tự thể, cũng là do thức này tiếp nhận. Bởi một thời kỳ của tự thể huân tập và trụ trong thức A-lại-da cho nên cái thể kia khởi gọi là kia sinh. Chấp thụ kia sinh nên gọi là lấy sự sinh kia. Do có thể nhận lấy nên mới chấp thụ tự thể. Vì nghĩa đó nên thức A-lại-da cũng gọi là thức A-đà-na.

Luận nói: Thức này cũng gọi là tâm. Như Thế Tôn nói tâm, ý, thức. Trong đây, ý có 2 thứ. Thứ nhất là cùng làm đẳng vô gián duyên, tính sở y chỉ, tức cái thức vô gián diệt có thể cùng với ý thức tạo ra sự y chỉ. Thứ hai là ý ô nhiễm, thường tương ưng cùng bốn phiền não. Đó là Tát-ca-da kiến, ngã mạn, ngã ái và vô minh. Chính đây là thức làm sở y cho các tạp nhiễm. Thức cũng do kia y chỉ mà sinh khởi, theo nghĩa thứ nhất, và nhận thức các cảnh tạp nhiễm, theo nghĩa thứ hai. Cho nên có nghĩa là đẳng vô gián và nghĩa tư lường mà thành ra ý có 2 thứ là như vậy.

Giải thích: Đây cũng gọi là tâm, nghĩa là thức A-lại-da tức là thể của tâm. Có thể có 2 nghĩa sai biệt của ý và thức. Phải biết

nghĩa của tâm cũng có sai biệt. Để hiển thị điều này nên trong đây cùng làm tính của nhân đẳng vô gián diệt. Nghĩa là vô gián diệt, thức với ý thức làm nhân, đó là ý thứ nhất. Do 4 phiền não thường nhiễm ô, đó là ý thứ hai. Trong đây Tát-ca-da kiến, nghĩa là tính chấp ngã. Do sức chấp ngã này lại khởi ngã mạn, ý mình và những gì của mình mà sinh tự cao. Nơi thật sự không có cái ta khởi lên tham lam cái ta, gọi là ngã ái. Ba thứ vô minh như vậy làm nhân. Nói vô minh tức là cái thức không trí tuệ. Nói lại do cái đệ nhất kia y sinh, đệ nhị tạp nhiễm, nghĩa là cái thức vô gián diệt gọi là ý. Cùng với nơi cái thức sắp sinh chấp nhận nên làm nơi chỉ của sự sinh. Ý nhiễm ô thứ hai là chỗ sở y của tạp nhiễm. Bởi trong thiện tâm cũng chấp có ngã chi nên có nghĩa là liễu biệt cảnh, có nghĩa là đẳng vô gián, có nghĩa là tư lường. Ý thành ra có 2 thứ, nghĩa là trong đây do nghĩa thủ cảnh nên gọi là thức, do nghĩa cùng với xứ nên gọi là ý thứ nhất, do chấp ngã v.v... thành nghĩa tạp nhiễm nên gọi là ý thứ hai.

Luận nói: Lại nữa làm sao biết có cái ý nhiễm ô?

Nghĩa là nếu ý nhiễm ô này không có thì không có cái bất cộng vô minh, thế là có lỗi. Và 5 đồng pháp cũng không có, thế là có lỗi. Sở dĩ vì sao? Vì 5 thức thân, tất phải có nhãn v.v... làm câu hữu y. Lại các huân thích từ cũng không có, thế là có lỗi. Lại nữa sự khác nhau giữa Vô tướng định với Diệt tận định cũng không có, thế là có lỗi. Nghĩa là Vô tướng định thì nhiễm ý rõ ràng còn Diệt tận định thì chẳng phải như vậy. Nếu không thế, 2 thứ định sẽ không có gì khác nhau. Và như vậy thì trong suốt thời gian sinh ở trời Vô tướng phải không có nhiễm ô, thế là có lỗi. Trong khi đó nếu không có ngã chấp ngã mạn, hoặc trong tất cả mọi lúc, ngã chấp có thể hiện hành được, nghĩa là ở trong các tâm thiện, bất thiện, vô ký. Nếu không như vậy thì chỉ tâm bất thiện tương ưng mà thôi, vì có ngã, ngã sở và phiền não hiện hành thì chẳng phải thiện chẳng phải vô ký. Cho nên nếu lập

câu hữu hiện hành, không phải tương ưng hiện hành thì không có lỗi này. Ở đây có bài tụng như sau:

*Nếu vô minh bất cộng,  
Cùng với 5 đồng pháp,  
Huấn từ, hai định khác,  
Không, thì đều có lỗi.  
Sinh Vô tướng nói không  
Ngã chấp, là có lỗi.  
Ngã chấp thường theo đuổi  
Tất cả chúng, nếu không,  
Ý lìa nhiễm không có,  
Hai, ba thành trái nhau.  
Không đây, tất cả chỗ,  
Ngã chấp cũng sẽ không.  
Chân nghĩa tâm thường sinh,  
Thường hay làm chướng ngại.  
Có trong tất cả thức,  
Là bất cộng vô minh.*

Ý là nhiễm ô nên tính của nó thuộc hữu phú vô ký và thường cùng tương ưng với 4 phiền não. Như phiền não ở cõi Sắc và Vô sắc thuộc tính hữu phú vô ký. Phiền não của Sắc và Vô sắc bị Xa-ma-tha thâm tàng, nên ý này luôn luôn hiện hữu một cách vi tế.

Giải thích: Đoạn văn này lại dùng các đạo lý khác để thành lập ý nhiễm ô. Những gì là đạo lý thành lập? Nghĩa là nếu đây không có thì bất cộng vô minh cũng không có được. Tướng của bất cộng vô minh như thế nào? Nghĩa là chưa sinh đối trị cái ngu có thể chướng ngại chân trí, đây đối với 5 thức lý không tương ưng, là nơi không dung chứa vì có thể chướng ngại. Nếu là nơi có năng đối trị thì cũng là nơi có sở đối trị. Cũng không được ở trong nhiễm ô ý thức, đây là phi hữu, các hoặc hiện hành là bất thành. Nếu lập phiền não này

nơi nhiễm ô ý thức tức nó hoàn toàn thành tính nhiễm ô, làm sao các tâm thí v.v... thành thiện được, vì hằng tương ưng với phiền não này. Nếu nói có ý thức với thiện pháp cùng chuyển thì đây tương ưng với phiền não kia, như vậy là ý thức nhiễm mà dẫn sinh năng trị là không hợp lý. Nếu nói nhiễm ô ý cùng chuyển có thiện tâm, tức là thiện tâm này dẫn sinh năng trị, đây sinh thì kia diệt mới là không lỗi. Lại nữa là 5 đồng pháp vì sao, ví như nhãn v.v... 5 thức tất phải có nhãn v.v... 5 căn làm câu hữu y. Như vậy ý thức cũng phải chắc chắn có câu hữu y. Lại nữa là huân thích từ vì sao, vì có khả năng tư duy nên nói là ý. Huân thích từ này lấy gì làm chỗ y chỉ? Không phải 6 thức kia với vô gián thức làm chỗ y chỉ, vì đúng lý là đã tàn tạ diệt mất rồi. Lại nữa 2 định khác nhau là vì sao? Nếu định mà nói có nhiễm ô ý thì trong Vô tưởng định phi có ý này. Trong các định khác thì không, cho nên có khác nhau. Còn nếu khác đây thì trong 2 định đệ lục ý thức đều không hoạt động, cho nên phải không khác nhau. Lại nữa sinh trong Vô tưởng phải không có ngã chấp vì sao? Nếu trong địa vị ấy không có nhiễm ô ý thì trong một thời kỳ sinh phải không có ngã chấp. Nếu vậy không nên bị Thánh quả trách. Đã bị quả trách nên biết chắc kia có ngã chấp. Lại nữa ngã chấp tùy là vì sao? Thí v.v... trong các vị cũng chắc chắn có ngã chấp tùy. Cho nên cho nên ngã chấp tùy này mà rời vô minh thì không hợp lý. Không phải vô minh này lìa chỗ y chỉ, vì chỗ y chỉ này nếu tách rời nhiễm ô ý thì không có cái thể riêng biệt. Cho nên chắc chắn phải chấp nhận có nhiễm ô ý. Nếu không chấp nhận thì có lỗi như trên. Để hiển thị một lần nữa nên nói 4 Già-tha như bất cộng vô minh v.v... cho đến nói rộng. Trong đây bất cộng vô minh, nghĩa là trong tất cả các vị thiện, bất thiện, vô ký, phiền não, tùy phiền não, nhiễm ô ý tương ưng câu sinh vô minh. Kia nếu không thì thành lỗi lớn. Thường sinh trí chương ngại khổ v.v..., đó là nghiệp dụng. Đây là hiển thị cái lỗi của không có nghiệp dụng. Năm đồng pháp là đệ lục ý thức có pháp tương tự với 5 thức thân. Kia có

5 căn, thức A-lại-da làm câu hữu ý. Đây cũng như vậy, có nhiễm ô ý, thức A-lại-da làm câu hữu ý. Năm đồng pháp này nếu tách rời nhiễm ô ý chắc chắn là không có. Đây là hiển thị cái lỗi không tự tính. Huân từ nếu không, thì thành lỗi, nghĩa là vì lấy tướng sở duyên mà tư duy. Khi vô gián diệt mà có thể thủ cảnh nên gọi là ý. Quá khứ đã diệt không có cái để tư duy, làm sao có tính có khả năng tư duy? Vì không huân từ nên thành lỗi lớn. Nói 2 định khác nhau là trong Diệt tận định không có nhiễm ô ý. Trong Vô tướng định có nhiễm ô ý. Nếu không có cái này thì không có sự khác nhau của 2 định mà thành lỗi lớn. Lại nữa nếu không có nhiễm ô ý thì trong thân Vô tướng phải không có ngã chấp. Chẳng phải dị sinh, nghĩa là trong tương tục tạm lìa ngã chấp, hợp đúng đạo lý. Như vậy các lỗi lìa nhiễm ô ý đều phải có trong định. Cho nên chắc chắn có nhiễm ô ý. Để hiển thị nghĩa này nên lại nói 2 cái không và có. Hai cái tức là bất cộng vô minh và 5 pháp tương tự. Ba cái trái nhau là huân thích từ, 2 định khác nhau và sinh trong Vô tướng, ngã chấp hằng theo, lìa, nhiễm ô ý. Ba việc như vậy đều thành mâu thuẫn nhau. Không có đây thì tất cả mọi nơi phải không có ngã chấp. Lìa nhiễm ô ý trong tất cả các loại thiện thì phải không có ngã chấp hằng đi theo. Cho nên chắc chắn phải có nhiễm ô ý. Các đoạn văn khác dễ hiểu không phải giải thích.

Luận nói: Cái thứ ba là tâm. Nếu lìa thức A-lại-da thì không thể có được. Vì vậy thành lập thức A-lại-da làm tâm thể và do tâm này làm chủng tử ý và thức chuyển sinh.

Giải thích: Cái thứ ba là tâm thể. Nếu tách rời thức A-lại-da nó không có tính riêng biệt. Do nó làm nhân, ý và chuyển thức đều được sinh khởi. Phải biết kiến thủ chuyển thức cũng lấy ý thứ hai. Bởi vì sao? Vì khi nó sắp diệt thì lấy tên là ý.

Luận nói: Vì nhân duyên gì thức A-lại-da cũng gọi là tâm?

Vì là nơi tích chứa các chủng tử huân tập.

Giải thích: Lại muốn giải thích tên nên đặt câu hỏi này. Nói do các thứ pháp, nghĩa là do các phẩm loại khác nhau của pháp. Chủng tử huân tập, nghĩa là các công năng sai biệt của nhân. Tích chứa, nghĩa là tụ họp làm một.

Luận nói: Lại nữa vì sao trong Thanh Văn thừa không nói tâm này là thức A-lại-da, thức A-đà-na?

Vì đây thuộc lĩnh vực cực kỳ vi tế. Bởi vì sao? Vì trí giác của các Thanh Văn không chuyển đổi trong tất cả đối cảnh. Cho nên đối với họ tuy tách rời thức A-lại-da không nói, mà vẫn được trí giác, thành tựu giải thoát, nên Phật không nói. Còn trí giác của các Bồ-tát thì quyết định chuyển đổi trong tất cả đối cảnh, vì vậy Phật nói cho Bồ-tát. Nếu là trí giác này không dễ gì chứng được trí Nhất thiết trí.

Giải thích: Nói vì đây thuộc lĩnh vực cực kỳ vi tế, nghĩa là cảnh giới này sâu xa vi tế nên gọi là thâm tế cảnh. Vì cảnh sâu xa vi tế này khó hiểu không phải là các Thanh văn vì cầu nhất thiết cảnh giới trí mà siêng năng tu hành. Các Thanh Văn chỉ mong cầu tự lợi nên chính trí của họ thô thiển, đối với khổ v.v... làm sao có thể vĩnh viễn đoạn diệt phiền não chướng. Các Bồ-tát vì tự lợi lợi tha mà siêng năng tu hành mong đoạn trừ phiền não chướng và sở tri chướng, nên Phật vì các Bồ-tát mà nói.



# NHIẾP ĐẠI THỪA LUẬN THÍCH

## QUYỂN 2

### 2 – 2. Sở tri y

Luận nói: Lại nữa trong Thanh Văn thừa cũng có cách khác hoặc mật ý, đã nói đến thức A-lại-da. Như trong Tăng Nhất A-cấp-ma nói: Chúng sinh trong thế gian yêu A-lại-da, ưa A-lại-da, vui A-lại-da, thích A-lại-da. Để đoạn trừ những A-lại-da như thế nên khi Như Lai thuyết chính pháp cung kính lắng nghe, trụ tâm cầu pháp, tùy thuận tu hành. Như Lai ra đời vô cùng kỳ diệu như vậy, và chính pháp hi hữu xuất hiện ở thế gian. Trong Kinh Tứ Đức, bằng một cách khác, bằng mật ý cũng đã hiển lộ thức A-lại-da. Trong Kinh A-cấp-ma của Đại chúng bộ cũng dùng cách khác và mật ý gọi thức này là căn bản thức, giống như gốc rễ của một cái cây. Trong Hóa địa bộ cũng dùng cách khác và mật ý gọi thức này là cùng sinh tử uẩn. Tuy có nơi có lúc thấy sắc mất đi, tâm mất đi, nhưng chủng tử của chúng trong thức A-lại-da chẳng mất.

Giải thích: Câu “Chúng sinh trong thế gian yêu A-lại-da” là câu nêu tổng quát. Sau đó lần lượt dùng các câu khác giải thích riêng biệt 3 thời hiện tại quá khứ vị lai. Lại có nghĩa khác, nghĩa là hiện tại thì yêu A-lại-da, quá khứ thì ưa A-lại-da, do đời trước ưa A-lại-da nên đời nay thích A-lại-da. Do ưa do thích A-lại-da nên đời sau vui với A-lại-da. Pháp tùy pháp hành, nghĩa là như giáo pháp tu hành. Trong

Đại chúng bộ gọi là căn bản thức như cây cối dựa vào gốc rễ. Nghĩa là căn bản thức là nhân căn bản của tất cả thức. Ví như nhân chung của tất cả thân cây rễ chồi. Nếu lia gốc rễ thì không có chồi v.v... Phải biết thức A-lê-da gọi là căn bản thức cũng như vậy. Một môn phái khác trong Hóa địa bộ nói là cùng sinh tử uẩn để giải thích nhân này nói hữu xứ v.v... Nói hữu xứ, tức có nơi, nghĩa là cõi Vô sắc không có các sắc. Nói hữu thời, tức có lúc, nghĩa là trong các định vị như Vô tướng v.v... không có các tâm. Nói không phải các chủng tử kia có đoạn mất trong thức A-lại-da, nghĩa là các sắc tâm huân tập trong thức A-lại-da, do đó là nhân có sắc tâm.

Luận nói: A-lại-da là nơi y cứ của các pháp sở tri như vậy nên nói thức A-lại-da là tính, thức A-đà-na là tính, tâm là tính, A-lại-da là tính, căn bản thức là tính, cùng sinh tử uẩn là tính v.v... Do cách trình bày khác và mật ý mà thức A-lại-da thành một đường lối giải thích đặc biệt của Đại pháp vương.

Giải thích: Do đó môn phái khác gọi A-lại-da là con đường của vua đi. Đó là nghĩa cực rộng của A-lại-da.

Luận nói: Lại còn một loại giải thích nói rằng tâm, ý và thức tên gọi khác nhau nhưng nghĩa là một. Nói thế không đúng. Ý và thức đã có hai nghĩa khác nhau thì phải biết nghĩa của tâm cũng khác.

Lại có một loại nói rằng Đức Bạc-già-phạm có nói chúng sinh yêu A-lại-da ... cho đến nói rộng hơn, đó chính là lấy 5 thủ uẩn gọi là A-lại-da.

Lại có người khác bảo tham cùng với lạc thụ là A-lại-da, những người khác thì bảo Tát-ca-da kiến là A-lại-da. Các sư này do giáo nghĩa và chỗ chứng biết của họ đối với tạng thức ngu muội nên có kiến chấp nay. Như vậy tên A-lại-da được lập theo Thanh Văn thừa là cũng không đúng đạo lý. Nếu không ngu muội, lấy tạng thức an lập, gọi tên là A-lại-da, an lập như vậy là hơn cả.

Hơn cả như thế nào?

Là vì nếu 5 uẩn là A-lại-da thì sinh trong đường ác một bề chịu khổ rất đáng chán nghịch, chúng sinh tuyệt đối không khởi yêu thích, vậy mà nói chấp tàng, là không hợp lý. Nếu tham với lạc thụ là A-lại-da thì Tứ tĩnh lự trở lên đã không có, chúng sinh cõi ấy thường có sự chán nghịch, vậy mà nói chấp tàng, là không hợp lý. Nếu Tát-ca-da kiến là A-lại-da thì những người tin hiểu vô ngã trong chính pháp thường có sự chán nghịch, vậy mà nói chấp tàng, là không hợp lý. Trong thức A-lại-da có mang tính ngã, nên tuy sinh nơi đường ác một bề chịu khổ muốn rời khổ uẩn, nhưng đối với tàng thức ngã ái thường theo trói buộc, chưa từng có ý cầu mong lìa bỏ. Dẫu sinh Tứ tĩnh lự trở lên thường chán nghịch tham và lạc thụ, nhưng đối với tàng thức vẫn bị ngã ái thường theo trói buộc. Dẫu ở trong chính pháp này, người tin hiểu vô ngã chán nghịch ngã kiến, nhưng đối với tàng thức vẫn bị ngã ái thường theo trói buộc. Cho nên lập ra thức A-lại-da đặt tên A-lại-da là đúng hơn cả.

Giải thích: Nguyên văn dùng chữ ngu, nghĩa là ngu muội, không sáng tỏ. Không ngu là chỉ cho các Bồ-tát mà nói, vì thành lập lý của thức A-lại-da. Trong ác thú là các loài ngựa quý, bàng sinh và Na-lạc-ca trong các ác thú. Nơi một bề thụ khổ, nghĩa là nơi chỉ toàn thụ nghiệp quả không được ưa thích. Ở nơi đó có lúc sinh lạc thụ, đó là quả đẳng lưu. Sinh nơi đó mà thụ quả dị thực chỉ có khổ. Nói từ đệ tứ tĩnh lự trở lên không có, nghĩa là đệ tứ tĩnh lự và các bậc trên. Dù các hữu tình kia, nghĩa là sinh sở đắc. Tính ngã gồm trong thức A-lại-da, nghĩa là các chúng sinh giữ lấy thức này làm tính ngã bên trong. Cầu lìa khổ uẩn tức là cầu lìa khổ thụ. Nhưng ở trong tàng thức, ngã ái theo trói buộc, nghĩa là trong thức A-lại-da chấp ngã khởi ái rồi theo ràng buộc không rời.

Luận nói: Như vậy là đã nói về sự thành lập thức A-lại-da. Vậy an lập tướng này như thế nào?

An lập tướng này, sơ lược có 3 thứ: một là an lập tự tướng, hai là an lập nhân tướng, ba là an lập quả tướng.

An lập tự tướng của thức A-lại-da nghĩa là căn cứ tất cả các pháp tạp nhiễm được huân tập làm nhân sinh ra các pháp, do khả năng thâm giữ chủng tử tương ưng.

An lập nhân tướng của thức A-lại-da nghĩa là tất cả chủng tử của thức A-lại-da lúc nào cũng cùng các phẩm loại tạp nhiễm hiện tiền kia làm nhân.

An lập quả tướng của thức A-lại-da nghĩa là căn cứ các pháp tạp nhiễm đã huân tập từ vô thủy đến nay mà thức A-lại-da liên tục sinh khởi.

Giải thích: Như vậy là đã nói về sự an lập thức A-lại-da kể cả sự an lập của môn pháp khác. Không phải nói sự an lập của môn pháp khác là thấy rõ tướng của nó. Cho nên nay nói đến tự tính, nhân tính và quả tính của thức này.

An lập tự tướng, nghĩa là duyên tất cả những gì đã huân tập các pháp tạp nhiễm, có khả năng sinh các công năng sai biệt của thức làm tự tính. Vì muốn hiển thị công năng như vậy nên nói thâm giữ chủng tử tương ưng. Nghĩa là dựa vào tất cả các pháp tạp nhiễm đã được huân tập, tức cùng với pháp kia làm nhân năng sinh. Thâm giữ chủng tử là công năng sai biệt. Tương ưng là nghĩa của tu. Đó gọi là an lập tự tướng của thức này.

An lập nhân tướng, nghĩa là trước có nói tất cả chủng tử phẩm loại, thức A-lại-da do phẩm loại tạp nhiễm các pháp huân tập thành công năng sai biệt làm sinh nhân cho nó. Đó gọi là an lập nhân tướng của thức này.

An lập quả tướng, nghĩa là dựa vào pháp tạp nhiễm huân tập từ vô thủy của nó, thức này liên tục sinh mà có thể giữ lấy cái huân tập từ vô thủy. Đó gọi là an lập quả tướng của thức này.

Trong đây tự tướng là dựa vào tất cả phẩm pháp tạp nhiễm huân tập từ vô thủy làm sinh nhân của nó, thâm giữ chủng tử thức làm tự tính, kiến lập quả tính nhân tính.

Trong đây nhân tướng là cái các phẩm loại tạp nhiễm của các pháp huân tập thành, công năng sai biệt làm sinh nhân của nó, chỉ là sở kiến lập của nhân tính.

Trong đây quả tướng là dựa vào phẩm loại tạp nhiễm của các pháp huân tập từ vô thủy, thức A-lại-da tương tục sinh, và chỉ là sở kiến lập của quả tính. Đó là 3 sự sai biệt.

Luận nói: Lại nữa những gì là huân tập? Huân tập là năng thuyên, vậy sở thuyên là gì?

Nghĩa là dựa vào pháp kia mà cùng sinh cùng diệt. Trong đó có tính năng sinh làm nhân cho cái khác, gọi là sở thuyên. Như trong mè có ướp hoa. Mè và hoa cùng sinh cùng diệt. Tức là mè có mùi hoa. Lại như nói người tu hành tham lam, đó là cái tham huân tập, dựa vào cái tham cùng sinh cùng diệt, cái tâm này mang cái nhân sinh mà sinh. Hoặc người đa văn thì đa văn huân tập, dựa vào cái nghe tác ý rồi cùng sinh cùng diệt, cái tâm này mang cái nhân kia mà sinh. Do đó tính chất huân tập này có công năng gìn giữ, nên gọi là người giữ gìn chính pháp. Nên biết ý nghĩa huân tập của thức A-lại-da cũng như vậy.

Giải thích: Nghĩa là dựa vào pháp kia cùng sinh cùng diệt. Trong đây có khả năng sinh nhân tính của nó. Đó gọi là sở thuyên, nghĩa là dựa vào các pháp tạp nhiễm cùng sinh cùng diệt của nó, thức A-lại-da có công năng sinh các pháp kia. Nhân tính của các pháp gọi là huân tập.

Luận nói: Lại nữa, chủng tử các pháp tạp nhiễm trong thức A-lại-da là khác và biệt lập hay không khác biệt?

Các chủng tử kia không phải thật vật và biệt lập, nhưng ở trong A-lại da cũng không phải không khác biệt. Nhưng thức A-lại-

da có thể sinh các công năng sai biệt kia, nên có tên là Nhất thiết chủng tử thức

Giải thích: Chủng tử pháp tạp nhiễm trong thức A-lại-da là khác hay không khác? Nếu vậy có lỗi gì? Nếu có khác thì các chủng tử kia phải riêng rẽ nhau. Nghĩa sát-na diệt của thức A-lại-da cũng không thành. Có khác biệt cho nên do sức huân tập của thiện bất thiện, chủng tử phải thành tính thiện hoặc bất thiện. Thế nhưng có vô ký. Còn nếu không khác thì làm sao có nhiều. Đó là không hợp lý. Cho nên 2 thuyết đều có lỗi. Không phải chủng tử kia có thật vật riêng biệt, và trong đó chủng cũng không phải không khác. Cho đến gọi là Nhất thiết chủng tử thức, là tránh cách nói có lỗi như trước. Cho nên không nhất định lấy nghĩa khác và không khác. Như vậy mà sinh, nghĩa là do các phẩm loại như vậy mà sinh. Có khả năng sinh các công năng sai biệt, nghĩa là có khả năng sinh pháp tạp nhiễm phẩm. Đạo lý nói là công năng sai biệt tương ưng do cùng sinh các công năng tương ưng kia nên gọi là Nhất thiết chủng tử thức. Trong nghĩa này có thí dụ như hạt lúa mì có công năng tự nảy mầm nên có tính chất như hạt giống. Nếu để lâu hoặc bị lửa nóng làm tổn hoại công năng, bấy giờ tuy bề ngoài hạt lúa mì vẫn như cũ nhưng năng lực đã mất không còn tính chất của hạt giống nữa. Thức A-lại-da cũng vậy, có công năng sinh các pháp tạp nhiễm, do phù hợp với công năng này nên gọi là Nhất thiết chủng tử thức.

Luận nói: Lại nữa làm sao biết được thức A-lại-da với các pháp tạp nhiễm kia đồng thời làm nhân cho nhau?

Ví như đèn sáng do ngọn lửa đèn đốt cháy tim đèn, đó là đồng thời. Cũng như bó cây lau đồng thời dựa vào nhau mà đứng. Hãy quán sát đạo lý làm nhân cho nhau ở đây cũng vậy. Như thức A-lại-da là nhân của các pháp tạp nhiễm, các pháp tạp nhiễm cũng là nhân của thức A-lại-da. Chỉ như vậy mới thành lập nghĩa nhân duyên, ngoài ra không có nghĩa nhân duyên nào khác.

Giải thích: Lại nữa làm sao biết được thức A-lại-da với các pháp tạp nhiễm kia đồng thời làm nhân cho nhau? Muốn dùng thí dụ làm rõ, nên nêu câu hỏi này. Ví như đèn sáng do ngọn lửa đèn đốt cháy tim đèn, đó là đồng thời. Nghĩa là trong một sát-na tim đèn là chỗ dựa để phát sinh ngọn lửa đèn. Vậy tim đèn là nhân của ngọn lửa đèn. Cũng ngay sát-na ấy ngọn lửa đèn lại đốt tim đèn mà nó làm chỗ dựa. Vậy ngọn lửa đèn là nhân của sự đốt cháy. Các thí dụ khác cũng vậy. Như vậy rõ ràng là có nhân câu hữu. Do nhân hiện tại trụ tức thấy quả sinh. Từ thức A-lại-da là nhân tạp nhiễm của các pháp, cho đến các nhân duyên khác không thể được, nghĩa là đây hiển thị thức A-lại-da cùng pháp tạp nhiễm làm nhân cho nhau tức là nhân duyên.

Luận nói: Vì sao huân tập thì không khác không xen tạp, mà có thể làm nhân cho các pháp có khác biệt có xen tạp?

Như tấm vải áo được nhuộm. Lúc mới nhuộm tuy chưa có gì khác biệt đa dạng, nhưng khi nhuộm xong thì màu sắc, đường nét, hoa văn hiển hiện. Thức A-lại-da cũng vậy. Các pháp được huân tập là đa dạng, trong khi huân tập tuy chưa thấy được các dạng tướng, nhưng khi sinh quả thì hiện thành vô số phẩm loại dị tạp.

Giải thích: Vì sao huân tập thì không khác không xen tạp, mà có thể làm nhân cho các pháp có khác biệt có xen tạp? Muốn dùng thí dụ để làm rõ đạo lý ấy nên đặt câu hỏi này. Như tấm vải áo được nhuộm. Lúc mới nhuộm tuy chưa có gì khác biệt đa dạng, nhưng khi nhuộm xong thì màu sắc, đường nét, hoa văn hiển hiện. Thức A-lại-da như tấm áo được nhuộm. Quả sinh tức đồ nhuộm. Cho vào đồ nhuộm tức nghĩa là duyên. Khi huân tập tuy không thấy xen tạp khác nhau, nhưng khi quả chín mới thấy không phải một phẩm loại. Tính nhân của các pháp hiển hiện như tấm áo đã nhuộm.

Luận nói: Các pháp duyên khởi hiển hiện như thế trong Đại thừa là rất sâu xa vi tế. Nếu nói sơ lược có 2 thứ duyên khởi: một là phân biệt tự tính duyên khởi, hai là phân biệt ái phi ái duyên khởi.

Trong đây các pháp y chỉ thức A-lại-da mà sinh khởi là phân biệt tự tính duyên khởi, vì có thể phân biệt các tự tính làm tính của duyên.

Duyên khởi lại được phân tích làm 12 chi, gọi là phân biệt ái phi ái duyên khởi, vì đối với nẻo thiện nẻo ác có thể phân biệt các tự thể là ái hay phi ái làm tính của duyên.

Giải thích: Như vậy duyên khởi trong Đại thừa rất sâu xa vi tế, nghĩa là đối với tuệ giác của dị sinh khó có thể hiểu rõ được nên nói rất vi tế. A-la-hán v.v...khó có thể hiểu thấu đáo nên gọi là rất sâu. Lại nữa nếu lược nói, có 2 duyên khởi, là nói về số thì một là phân biệt tự tính duyên khởi và hai là phân biệt ái phi ái duyên khởi. Trong đây nói y chỉ thức A-lại-da, nghĩa là thức A-lại-da là nhân sinh khởi các pháp. Đó gọi là phân biệt tự tính duyên khởi. Do có khả năng phân biệt tự tính của khác loại là tính của nhân. Nếu vô minh v.v... thì gọi là phân biệt ái phi ái duyên khởi. Do có khả năng phân biệt tự thể của các thứ ái phi ái là tính của nhân.

Luận nói: Trong thức A-lại-da, nếu ngu mê duyên khởi thứ nhất, thì hoặc phân biệt tự tính cho là nhân, hoặc chấp túc tác là nhân, hoặc chấp tự tại biến hóa là nhân, hoặc chấp thật ngã là nhân, hoặc chấp cho là không có nhân không có duyên. Nếu ngu mê duyên khởi thứ hai, thì chấp cái ngã là kẻ tạo tác, cái ngã là kẻ nhận chịu. Ví như có nhiều người mù bẩm sinh chưa từng thấy con voi. Có người đem voi đến nói cho chúng biết. Những người mù kia người sờ được cái vòi, người sờ được ngà, người sờ tai, người sờ chân, người sờ đuôi, người sờ lưng. Có người hỏi con voi hình dáng như thế nào, người thì đáp con voi như cái chuỗi cày, người nói như cái chày, , người nói như cái rổ, người nói như cái cối, người nói như cây chổi, người nói như đá núi. Nếu không hiểu rõ hai duyên khởi này thì cũng như người mù vô minh vậy. Hoặc chấp tự tính là nhân, hoặc chấp do đời trước làm là nhân, hoặc chấp tự tại là nhân, hoặc chấp thật ngã là nhân, hoặc chấp không nhân không duyên, hoặc chấp cái ngã là kẻ tạo tác, cái ngã là



kẻ lãnh chịu. Nhân tính và quả tính của tự tính thức A-lại-da như tự tính con voi mà những người mù không biết.

Giải thích: Hoặc có người phân biệt cho rằng do đời trước tạo tác là nhân, nghĩa là người kia do không chấp nhận có nhân sĩ dụng nên thành tà chấp. Để làm rõ các chấp này nên nói thí dụ người mù bẩm sinh. Nói người mù bẩm sinh, nghĩa là do vô minh nên thành mù bẩm sinh. Nhân tính và quả tính v.v... của tự tính thức A-lại-da như tự tính của người không biết voi, nghĩa là như trước đã lập tự tướng của thức này gọi là tự tính, lập nhân tướng của thức này gọi là nhân tính, lập quả tướng gọi là quả tính. Do sức của vô minh không hiểu các điều này nên đối với thức A-lại-da phân biệt tự tính duyên khởi không hiểu rõ, chấp tự tính v.v... là nhân các pháp. Đối với đệ nhị phân biệt ái phi ái duyên khởi không hiểu rõ, chấp có ngã là người làm người chịu. Trong đây nhân là thức A-lại-da, ở trong đó các pháp huân tập được gìn giữ, quả tức là thức A-lại-da, tức các pháp được huân tập.

Luận nói: Nếu nói sơ lược thì thức A-lại-da là thức dị thực. Tất cả chủng tử là tự tính của nó và có thể bao gồm tất cả tự thể, tất cả các nẻo trong 3 cõi.

Giải thích: Nói thức A-lại-da lấy sự dị thực tất cả chủng tử làm tự tính, nghĩa là được tự thể làm thuần thực khác loại nên chủng tử các pháp huân tập bên trong. Nói tất cả các nẻo thú, tức là ngũ thú v.v... Nói tất cả tự thể, nghĩa là các sai biệt, phần giống phần khác trong các nẻo thú.

Luận nói: Ở đây có 5 bài tụng như sau:

*Trong ngoài không hiểu rõ,  
Cả hai là thể tục.  
Thắng nghĩa các chủng tử  
Phải biết có 6 thứ,*

*Sát-na diệt, câu hữu,  
 Hằng tùy chuyển nên biết.  
 Quyết định, đọi các duyên,  
 Chỉ năng dẫn tự quả.  
 Kiên, vô ký, khả huân,  
 Tương ưng với năng huân.  
 Sở huân chẳng phải khác,  
 Đó là tướng huân tập.  
 Sáu thức không tương ưng,  
 Ba sai biệt khác nhau.  
 Hai niệm không câu hữu,  
 Đồng loại thành sai lầm.  
 Các chủng tử ngoài trong,  
 Có năng sinh , năng dẫn.  
 Như cây khô, người chết,  
 Thời gian sau mới diệt.*

Để làm rõ chủng tử trong, chẳng phải như chủng tử ngoài, ở đây có 2 bài tụng như sau:

*Ngoại, hoặc không huân tập,  
 Chẳng phải như nội chủng.  
 Đa văn huân tập không,  
 Sinh quả, là phi lý.  
 Làm: mất, không làm: được,  
 Do lỗi thành trái nhau.  
 Chủng tử ngoài, duyên trong,  
 Là do kia huân tập.*

Giải thích: Như vậy là đã nói thức A-lại-da là chủng tử chân thật của tất cả pháp. Lại muốn hiển thị cái thể của chủng tử ấy nên nói 5 bài tụng này. Trong đây nói “ngoài” là hạt lúa, “trong” là thức A-lại-da. Nói “không hiểu rõ”, nghĩa là ngoài chủng tử là nghĩa

vô ký. Nói “hai” nghĩa là thức A-lại-da đối với hai tính thiện và bất thiện, ghi nhận rất rõ ràng. Lại có nghĩa khác, nghĩa là rõ ràng đối với tạp nhiễm và thanh tịnh. Nói “là thể tục”, nghĩa là chủng tử ngoài là chỉ nói chủng tử theo thể tục. Sở dĩ vì sao, chúng cũng đều là thức A-lại-da biến hiện. Thắng nghĩa tức là thức A-lại-da. Sở dĩ vì sao, vì là chủng tử chân thật của tất cả pháp. Phải biết như vậy tất cả chủng tử lại có 6 nghĩa. Sát-na diệt, nghĩa là 2 chủng tử đều sinh không gián đoạn và diệt hoại. Sở dĩ vì sao, vì không nên lấy thường pháp làm thể của chủng tử. Thường thể thì tất cả mọi thời tính của nó vẫn như cũ không có gì khác biệt. Nói “câu hữu”, nghĩa là không phải quá khứ cũng không phải vị lai, cũng không phải tách rời mà là chủng tử được. Bởi vì sao? Nếu ở lúc này có chủng tử, thì khi ấy quả sinh. Nói “hằng tùy chuyển”, nghĩa là thức A-lại-da hằng tùy chuyển cho đến trị sinh ngoại pháp chủng tử, cho đến căn trụ hoặc đến thành thực. Nói “quyết định”, nghĩa là chủng tử này đều có quyết định riêng biệt, không theo tất cả tất cả được sinh, theo chủng tử vật ấy lại sinh vật ấy. Đợi các duyên, nghĩa là chủng tử này đợi các duyên của nó mới có thể sinh quả, không phải bất cứ lúc nào cũng có thể sinh tất cả. Nếu ở nơi này, lúc này, gặp duyên của chính nó, tức thì nơi này, lúc này quả của chính nó được sinh. Nói “Chỉ năng dẫn tự quả”, nghĩa là chủng tử của chính nó chỉ dẫn đến quả của chính nó. Như chủng tử của thức A-lại-da chỉ có thể dẫn sinh thức A-lại-da. Như hạt lúa chỉ có thể dẫn sinh quả của cây lúa v.v... Như vậy là đã rõ nghĩa chủng tử sinh quả. Nay lại nói rõ tướng khác nhau của sự huân tập. Kiên là bền chắc, có trụ vững mới huân tập được, không phải như gió động. Sở dĩ vì sao, tính của gió là động không thể giữ được. Như có một du-thiện-na huân khí. Các huân khí kia cũng không tùy chuyển. Còn dầu chiêm-bác-ca có thể giữ mùi thơm đến trăm du-thiện-na. Các mùi thơm cũng có thể tùy chuyển. Nói “vô ký”, tức là không thể ghi nhận vì quá thơm hay hôi. Do đạo lý này mà tôi không chịu sự xông ướp

vì nó quá hôi. Như vậy những vật có mùi thơm cũng không chịu sự xông ướp vì nó quá thơm. Nếu vật gì không phải quá thơm hay quá hôi để có thể ghi nhận được thì vật ấy có thể chịu sự xông ướp. Nói “khả huân”, nghĩa là có chịu huân tập mới huân tập được, tức có chịu xông ướp mới xông ướp được, không phải là thứ không chịu xông ướp như vàng, đá v.v... Không chịu xông ướp gọi là không thể xông ướp. Nếu ở lúc này có thể chịu huân tập, tức lúc ấy gọi là có thể huân. Như vật có thể huân tương ứng với năng huân. Tương ứng với năng huân mới gọi là “khả huân”, không phải không tương ứng. Phải biết đó là nghĩa sinh liên tục không gián đoạn. Nói “sở huân” là thức A-lại-da đủ 4 đức trên, chịu huân tập nên gọi sở huân, chẳng phải chuyển thức v.v... Chẳng phải khác đây, nghĩa là nếu lia thức A-lại-da này, các thức khác chẳng phải sở huân. Cho nên sở huân là thức này chẳng phải khác. “Đó là tướng huân tập.”, nghĩa là thức A-lại-da có sát-na diệt v.v... là tướng huân tập sát-na diệt nên cùng các chuyển thức đồng thời câu hữu, cho đến đối trị hằng tùy chuyển, hoặc tận cùng sinh tử hằng tùy chuyển. Định với thiện v.v... là nhân tính nên đời phúc, phi phúc, bất động làm duyên, thuần thực trong thiện ác thú và dị loại, các nghĩa như vậy trong chuyển thức tất cả dị pháp đều được thành lập. Vì vậy chỉ thức A-lại-da này cùng với các thắng đức như vậy tương ứng có thể chịu huân tập. “Sáu thức không tương ứng”, nghĩa là vì các thức ấy có động chuyển. “Ba sai biệt khác nhau.”, nghĩa là các thức ấy có chỗ sở y khác nhau, chỗ sở duyên khác nhau, tác ý khác nhau. Lại có nghĩa khác vì mỗi hành tướng đều chuyển riêng khác. Thí dụ luận sư muốn khiến niệm trước huân tập niệm sau. Để ngăn chúng nên nói hai niệm không được câu hữu, không có 2 sát-na đồng thời câu hữu, vì trong huân tập là câu sinh câu diệt. Nếu bảo chủng loại thức này như vậy, tuy không tương ứng, nhưng đồng một loại thức cũng huân lẫn nhau được. Như vậy các thí dụ khác sẽ thành lỗi. Nghĩa là các chủng loại khác cũng phải như vậy. Vì nhãn căn v.v... đồng

loại tịnh sắc cũng phải lần lượt huân lẫn nhau. Ý này nói nhân nhĩ hai căn đồng có tịnh pháp. Hai tịnh lần lượt huân lẫn nhau, những cái khác cũng như vậy. Nhưng ông không chấp nhận tuy đồng tịnh pháp, khác tương tục nên không được huân lẫn nhau. Như vậy đã nói có 2 thứ chủng tử ngoại và nội. Phải biết cả hai đều có năng sinh năng dẫn. Trong đó ngoại chủng tử cho đến quả chín là nhân năng sinh. Nội chủng tử cho đến hết kỳ thọ mạng là nhân năng sinh. Ngoại chủng tử năng dẫn tương tục sau khi cây khô. Nội chủng tử năng dẫn thì hài sau khi chết. Do có dẫn nhân nên tiếp tục trụ trong nhiều thời gian. Nếu hai chủng tử chỉ có sinh nhân thì khi nhân này đã hoại quả cũng phải diệt, không tiếp tục trụ một thời gian ngắn. Nếu bảo sát-na lần lượt tương tục, niệm trước là nhân tùy chuyển của niệm sau, như vậy thì biên giới sau cùng sẽ không bao giờ dứt. Do đó quyết định phải có dẫn nhân. Hai chủng tử này ví như bông dây cung là nhân mũi tên bay xa không rớt.

Luận nói: Lại nữa những chuyển thức khác, phổ biến khắp tất cả tự thể trong các nẻo thú gọi là thức thụ dụng. Như trong Luận Trung Biên Phân Biệt, có bài tụng nói như sau:

*Một là nhân duyên thức,  
Hai là thụ dụng thức.  
Trong đây năng thụ dụng,  
Phân biệt với tâm hành.*

Giải thích: Trong đây thụ dụng là nghĩa sinh khởi. Trong thụ dụng có tên thụ dụng giả. Để hiển thị nghĩa này nên dẫn Luận Trung Biên Phân Biệt là A-cấp-ma.

Luận nói: Như vậy hai thức lại làm duyên cho nhau, như trong Kinh Đại Thừa A-tì-đạt-ma, có bài tụng như sau:

*Các pháp với tàng thức,  
Như tàng thức với pháp.*

*Thường làm quả cho nhau,  
Cũng làm nhân cho nhau.*

Giải thích: Thức A-lại-da với tất cả pháp, trong mọi thời làm nhân quả cho nhau, lần lượt tương sinh. Nếu trong lúc này thức A-lại-da là nhân của các pháp, thì khi ấy các pháp là quả. Nếu trong lúc này thức A-lại-da là quả các pháp, thì khi ấy các pháp là nhân.

Luận nói: Nếu trong duyên khởi thứ nhất, 2 thức làm nhân duyên cho nhau, thì trong duyên khởi thứ hai, duyên gì là tăng thượng duyên? Như vậy thì 6 thức được bao nhiêu duyên sinh ra?

Do tăng thượng duyên, sở duyên duyên và đẳng vô gián duyên. Như vậy 3 thứ duyên khởi là tận cùng sinh tử, ái phi ái thú và năng thụ dụng có đủ cả 4 duyên.

Giải thích: Trong đây đệ nhất duyên khởi, nghĩa là trong thức A-lại-da có các tập khí cùng các pháp của nó làm nhân duyên cho nhau. Đệ nhị duyên khởi, nghĩa là vô minh v.v... làm tăng thượng duyên. Do vô minh v.v... tăng thượng thế lực nên hành v.v...sinh. Lại 6 chuyển thức là thụ dụng duyên khởi. Ba duyên sinh ra, nghĩa là nhân thức lấy nhân làm tăng thượng duyên, lấy sắc làm sở duyên duyên. Đẳng vô gián duyên, nghĩa là nó không gián đoạn thức này sinh khởi. Sở dĩ vì sao, nếu kia không có chỗ dung nạp thì đây không sinh. Các thức khác cũng vậy.

Luận nói: Như vậy là đã an lập các tướng và tự tướng sai biệt của thức A-lại-da. Nhưng làm sao biết là tự tướng sai biệt và tướng ấy quyết định chỉ ở thức A-lại-da mà không ở các chuyển thức?

Bởi vì nếu xa lìa cái thức A-lại-da đã được an lập thì tạp nhiễm và thanh tịnh không thành. Nghĩa là phiền não tạp nhiễm, nghiệp tạp nhiễm, sinh tạp nhiễm đều không thành thì thế gian thanh tịnh, xuất thế gian thanh tịnh cũng không thành.

Giải thích: Như vậy là đã nói về thức A-lại-da an lập dị môn và an lập tướng. Nay sẽ nói rõ hai cái này chỉ ở trong thức A-lại-da mới đúng đạo lý, không phải ở chỗ khác. Lấy lý mà phán đoán quyết định.

Luận nói: Vì sao phiền não tạp nhiễm không thành?

Vì các phiền não và tùy phiền não do huân tập thành chủng tử, nếu nói ở trong 6 thức thân thì không hợp lý. Bởi vì sao? Nếu nói nhãn thức với tham v.v... phiền não và các tùy phiền não cùng sinh cùng diệt, thì chủng tử là do nhãn thức này và các phiền não tùy phiền não kia huân tập chứ không do gì khác. Vậy nếu nhãn thức này đã diệt rồi, các thức khác xen vào huân tập, thì chỗ sở y của huân tập không thể có được. Như vậy khi các thức khác xen vào thì thức trước hiện không có thật thể. Như vậy nói nhãn thức cùng với tham v.v... cùng sinh là không hợp lý. Bởi vì nhãn thức kia đã thuộc quá khứ, hiện tại không còn thật thể. Như nói cái nghiệp từ quá khứ, hiện không còn thật thể mà sinh quả dị thực là không hợp lý. Lại nữa nói nhãn thức với tham v.v... cùng sinh nên có huân tập cũng không đúng. Nhưng sự huân tập này không y nơi tham vì tham dục kia là năng y, không kiên trụ, cũng không thể nói trụ ở các thức khác vì các thức khác có sở y riêng biệt, và cũng không quyết định cùng sinh cùng diệt, cũng không thể trụ nơi tự thể được vì tự thể kia quyết định không có cùng sinh cùng diệt. Cho nên nói nhãn thức với tham v.v... các phiền não và tùy phiền não có sự huân tập là không hợp lý, mà thức này cũng không phải do thức khác huân tập. Nên biết rằng nhãn thức như vậy thì các chuyển thức khác cũng vậy.

Giải thích: Trong đây nói “này” tức nhãn thức này, nói “do kia huân” là do tham v.v... huân. Nói “thành chủng” nghĩa là thành nhân tính. Nói “không phải gì khác” là không phải nhãn thức v.v... ”Các thức khác xen vào” là nhãn v.v... các thức xen vào. “Như vậy huân tập” là tham v.v... huân tập. Huân tập sở y tức là nhãn thức.

Nhãn thức cùng với tham kia v.v...câu sinh v.v...nghĩa là từ quá khứ hiện vô thể nhân, nhãn thức cùng với tham kia v.v...câu sinh là không hợp lý. Như từ quá khứ hiện vô thể nghiệp, dị thực sinh quả không hợp lý thì như quả kia sinh không hợp lý, đây cũng vậy phải không hợp lý. Lại có các sư chấp cho kia là hữu thể, nghĩa là có luận sư khác muốn khiến quá khứ là thật hữu tính. Nhưng quá khứ năng thuyên sở thuyên không thể có được. Sở dĩ vì sao, nếu pháp là thật hữu sao gọi là quá khứ? Cho nên từ kia mà quả dị thực sinh là không hợp lý vì không huân tập. Lại nữa nhãn thức này, nghĩa là cùng với tham v.v... câu sinh nhãn thức. Có những huân tập cũng không thành tựu, nghĩa là huân tập kia còn không thành hưởng chi nhãn thức kia từ sau đó cùng tham câu sinh mà được sao? Nhưng huân tập này không trụ trong tham, nghĩa là nhãn thức huân tập trong tham dục là không đúng. Bởi vì sao? Do tham dục kia sựa vào nhãn thức nên không trụ vững. Cũng không trụ được trong các thức khác, nghĩa là huân tập này cũng không được ở trong nhĩ thức v.v... Bởi vì sao? Vì chỗ sở y của các thức kia riêng biệt. Do sở y riêng biệt nên không có quyết định. Câu sinh diệt, nghĩa là nhãn thức dựa vào nhãn, nhĩ thức dựa vào nhĩ. Như vậy cho đến ý thức dựa vào Mạt-na. Vì chỗ sở y xa cho nên các huân tập đều huân tập tại các nơi ấy là không hợp lý. Và cũng không được trụ trong tự thể, nghĩa là nhãn thức này cũng không được huân tập nhãn thức, vì không có hai nhãn thức đồng thời khởi. Vì không có hai cho nên cho nên chắc chắn không có nghĩa câu sinh diệt. Do đạo lý này nên nhãn thức không bị tham v.v. các phiền não và tùy phiền não huân tập. Cũng chẳng phải nhãn thức huân tập nhãn thức.

Luận nói: Lại nữa, từ các cõi trên như trời Vô tướng chết rồi sinh xuống cõi này, bấy giờ các phiền não và tùy phiền não nhiễm cái thức ban đầu, cái thức này lúc sinh đứng ra phải không có chủng tử, vì chỗ y chỉ và những gì thức kia được huân tập đã thành quá khứ, hiện tại không còn thật thể.



Giải thích: Nhiễm cái thức ban đầu, nghĩa là cái thức đầu tiên lúc mới sinh đến cõi này. Thức này khi mới sinh phải không có chủng tử, nghĩa là thức lúc mới sinh phải không có nhân sinh. Sở y chỉ là chỗ nương tựa. Huân tập kia là phiền não huân tập.

Luận nói: Lại nữa, cái thức đối trị phiền não nếu đã sinh thì tất cả các thức thế gian đều diệt. Bấy giờ nếu tách rời thức A-lại-da mà nói các chủng tử phiền não và tùy phiền não ở trong thức đối trị là không hợp lý, vì tự tính của thức đối trị là giải thoát, nó không cùng sinh diệt với các phiền não và tùy phiền não. Rồi sau đó cái thức thế gian sinh ra lại. Bấy giờ nếu tách rời thức A-lại-da thì các thức huân tập và chỗ y chỉ đã thành quá khứ từ lâu, hiện không còn thật thể thì cái thức thế gian được sinh lại phải không có chủng tử. Vì vậy cho nên nếu tách rời thức A-lại-da thì mọi phiền não tạp nhiễm đều không thành.

Giải thích: Thức đối trị phiền não nếu đã sinh thì tất cả thức thế gian khác đã diệt, nghĩa là 6 thức đã diệt mà các chủng tử phiền não, tùy phiền não ở trong thức đối trị này là không hợp lý. Nghĩa là thức đối trị không phải là nhân sinh khởi của thức thế gian sau này. Lại nữa hậu thời, nghĩa là từ cái tâm xuất thế về sau. Huân tập kia, nghĩa là huân tập của các phiền não và tùy phiền não. Và sở y, nghĩa là thức sở y. Phải không chủng tử mà lại được sinh, nghĩa là nếu không có thức A-lại-da thì phải là không có nhân mà lại được sinh. Trong đây phiền não tức là tạp nhiễm, cho nên gọi là phiền não tạp nhiễm. Do lý lẽ trên, phiền não tạp nhiễm đều không thành.

Luận nói: Vì sao nghiệp tạp nhiễm không thành?

Vì hành không tương ưng duyên với thức. Nếu không có đây thì thủ duyên hữu cũng không tương ưng.

Giải thích: Vì biện luận về nhân duyên không thành nghiệp tạp nhiễm nên hỏi tiếp là vì sao nghiệp tạp nhiễm không thành. Vì

nghiệp là duyên thức không tương ưng, nghĩa là phúc, phi phúc và bất động hành sinh đã tàn tạ diệt mất rồi. Nếu không tin có thức A-lại-da thì an lập huân tập ở chỗ nào? Như 6 thức thân không thể duy trì huân tập, điều này đã nói rõ về phiền não tạp nhiễm. Nói “nếu không có đây” nghĩa là nếu không có hành là duyên thức. Thủ là duyên hữu cũng không tương ưng, nghĩa là cũng không có thủ duyên hữu. Đây lại duyên gì, nghĩa là trước các hành huân tập thức do sức của thủ, huân tập tăng trưởng thành hữu. Trong đó tức nghiệp là tính tạp nhiễm gọi là nghiệp tạp nhiễm hoặc dựa vào nghiệp mà có tạp nhiễm gọi là nghiệp tạp nhiễm. Nếu không tin có thức A-lại-da thì nghiệp tạp nhiễm này cũng không thành.

# NHIẾP ĐẠI THỪA LUẬN THÍCH

## QUYỂN 3

### 2 - 3. Sở tri y

Luận nói: Vì sao sinh tạp nhiễm không thành?

Vì kết sinh liên tục không hợp lý.

Giải thích: Nếu không tin có thức A-lại-da thì việc sinh tạp nhiễm cũng không thành. Nay sẽ nói rõ khi kết sinh liên tục không tương ưng, nghĩa là được tự thể không tương ưng.

Luận nói: Như có người ở Phi Đẳng dẫn địa, khi chết rồi sinh ra, ở trong thân trung hữu, khởi ý thức nhiễm ô, kết sinh liên tục, cái ý thức nhiễm ô ấy ở thân trung hữu diệt thì thành cái thức hòa hợp với Yết-la-lam trong thai mẹ. Như vậy tức là ý thức hòa hợp với Yết-la-lam kia, sau khi hòa hợp rồi thì y chỉ vào thức này, trong thai mẹ có ý thức khác chuyển sinh. Nếu vậy tức phải có 2 ý thức đồng thời chuyển sinh trong thai mẹ. Lại nữa, cái thức cùng với Yết-la-lam hòa hợp kia là ý thức thì không hợp lý, vì y vào nhiễm ô, vì thời gian không gián đoạn, vì sở duyên của ý thức không có. Giả sử cái thức hòa hợp là ý thức thì cái ý thức hòa hợp ấy tức là y chỉ của Nhất thiết chủng tử thức, hay thức này sinh các ý thức khác nên gọi là Nhất thiết chủng tử thức? Nếu cái thức hòa hợp này là Nhất thiết chủng tử thức thì đó tức là thức A-lại-da mà ông dùng tên khác gọi là ý thức. Nếu năng y chỉ thức là Nhất thiết chủng tử thức, như vậy tức là sở y nhân

thức, chứ không phải Nhất thiết chủng tử thức. Năng y quả thức là Nhất thiết chủng tử thức. Vậy là không hợp lý. Cho nên cái thức hòa hợp được thành lập này chẳng phải là ý thức, mà đó là Dị thực thức, là Nhất thiết chủng tử thức.

Giải thích: Phi Đẳng dẫn địa tức là cõi Dục. Nguyên văn dùng chữ “một” nghĩa là chết. Nhiễm ô ý thức tức phiền não câu hành ý thức. Kết sinh tương tục là tiếp nhận tự thể. Cái ý thức nhiễm ô này duyên sinh hữu vi cảnh thì diệt mất trong giai đoạn trung hữu. Nói hòa hợp là thức cùng với đồ trắng đồng một an nguy. Nếu hòa hợp thức tức là ý thức thì dựa vào đây lại sinh các ý thức khác. Thế thì trong một lúc có 2 ý thức chuyển, nghĩa là ý thức hòa hợp sở y chỉ và các ý thức khác năng y chỉ. Lại nữa hòa hợp thức là tính của ý thức là không hợp lý. Bởi vì sao? Vì dựa vào nhiễm ô, vì thời gian không gián đoạn. Nghĩa là ý thức này bị tham v.v... các phiền não nhiễm ô ý làm chỗ y chỉ duyên sinh hữu cảnh. Nhiễm ô này y vào đây nên gọi là y nhiễm ô. Trong vị này sở y dị thực không dung chứa nhiễm ô vì là vô ký. Hòa hợp thức này thường không gián đoạn để mặc nghiệp chuyển. Ý thức sở duyên không thể được là ý thức sở duyên minh liễu có thể được. Nghĩa là các pháp hòa hợp thức này không có sở duyên minh liễu như vậy. Cho nên thức này là tính của ý thức là không hợp lý.

Luận nói: Lại nữa sau khi kết sinh liên tục rồi, nếu không có thức Dị thực thì sự chấp thụ sắc căn cũng không thể có được. Vì các thức khác đều có chỗ sở y riêng biệt và không kiên trụ. Các sắc căn không thể tách rời thức.

Giải thích: Kết sinh liên tục rồi, nghĩa là đã được tự thể. Nếu tách rời thức Dị thực, nghĩa là lìa thức A-lại-da. Các thức khác đều có chỗ sở y riêng biệt và không kiên trụ, nghĩa là 6 thức vị trí riêng, dễ động chuyển. Và lại nhãn thức thì chỗ sở y riêng biệt là nhãn. Cũng như vậy nhĩ thức v.v... là nhĩ v.v... các sắc căn làm sở y riêng biệt. Do đạo lý này, các thức chỉ chấp thụ căn sở y của nó. Lại các thức

này dễ động chuyển nên có khi không có. Nếu lia thức A-lại-da, bấy giờ nhãn v.v... các căn không thể chấp thụ sẽ bị hư hoại.

Luận nói: Nếu lia thức Dị thực thì thức và danh sắc nương tựa vào nhau mà chuyển như bó cây lau tựa vào nhau mà đứng cũng không thành.

Giải thích: Nếu lia thức Dị thực, nghĩa là lia thức A-lại-da, thì sẽ không thành. Nay sẽ nói rõ. Nghĩa là Thế Tôn nói thức duyên danh sắc, danh sắc duyên thức. Trong đó thức duyên danh, nghĩa là trong 6 thức 4 uẩn không phải sắc. Thức duyên sắc, nghĩa là Yết-la-lam. Nếu không nói có thức A-lại-da thì những danh gì là danh sắc duyên thức? Do dựa vào danh sắc sát-na lần lượt tương tự liên tục lưu chuyển không dứt.

Luận nói: Nếu tách rời thức Dị thực thì loài hữu tình sinh ra rồi sẽ không tồn tại bằng thức thực. Bởi vì sao? Bởi vì trong 6 thức, tùy lấy một thức nào cũng không thể làm việc thức thực cho hữu tình đã sinh trong 3 cõi.

Giải thích: Đây là nói thức thực bất thành. Như Thế Tôn nói ăn có 4 thứ: một là đoàn thực, hai là xúc thực, ba là ý tư thực, bốn là thức thực. Đoàn thực là có thể chuyển biến, do chuyển biến nên lợi ích cho sở y. Xúc thực là có khả năng thủ cảnh, do tạm thời có thể thấy sắc v.v.. các cảnh giới khiến sở y được lợi ích. Ý tư thực là có thể hy vọng, do hy vọng nên lợi ích cho sở y. Như xa trông thấy nước, tuy khát nhưng không chết. Thức thực là có khả năng chấp thụ, do chấp thụ nên sở y trụ được lâu. Nếu không như vậy thì đồng như cây chết, không lâu sẽ hư rã. Cho nên phải chấp nhận thức cũng ăn vì có thể làm lợi ích cho sở y. Trong đây xúc thực thuộc 6 thức thân. Ý tư thực thuộc hy vọng ý. Có thức nào khác có thể nói là ăn? Lại nữa nếu vô tâm, ngủ, ngất xỉu, nhập diệt định v.v... 6 thức thân diệt thì còn có cái gì có khả năng chấp thụ thân khiến không hư rã? Nếu lia bỏ thức A-lại-da thân ắt hư rã.

Luận nói: Nếu từ cõi này chết, chính khi thụ sinh ở các cõi trên, do không phải ý thức nhiễm ô cõi trên kết sinh tương tục, nó không phải tâm nhiễm ô của cõi trên. Đây không phải tâm nhiễm ô cõi trên nên lia thức Dị thực thì không có được thể của một chủng tử nào khác.

Giải thích: Như vậy là đã nói chẳng phải Đẳng dẫn địa kết sinh tương tục, lia thức Dị thực không thành, Đẳng dẫn địa cũng không thành. Nay sẽ nói rõ. Nghĩa là ở đây do nhiễm ô thức kết sinh tương tục. Ở Đẳng dẫn địa do Phi Đẳng dẫn địa nhiễm ô ý thức kết sinh tương tục. Nói nhiễm ô là bị nhiễm ô các phiền não ở địa kia. Phiền não địa kia, nghĩa là xan định vị v.v... Tâm nhiễm ô này ở Bất định địa. Ở Bất định địa chết, từ đây chết rồi, tâm ở địa kia làm sao hiện tiền? Đã không hiện tiền làm sao sẽ được kết sinh tương tục. Do đạo lý này chắc chắn phải chấp nhận có thức A-lại-da từ vô thủy đến nay hằng có ở địa kia huân tập tâm này, do huân tập tâm này hiện hành, do tâm này nên kết sinh liên tục.

Luận nói: Lại nữa, sinh cõi Vô sắc nếu lia thức Dị thực nhất thiết chủng, thì sẽ không có chủng tử thiện tâm hay ô nhiễm, thiện tâm hay ô nhiễm không có chỗ nương tựa và duy trì.

Giải thích: Sinh cõi Vô sắc, nghĩa là đã giải thoát. Nhiễm ô và thiện tâm cõi Sắc, nghĩa là hay yêu thích mùi vị và Tam-ma-địa. Phải không có chủng tử, nghĩa là phải không có nhân. Phải không có chỗ nương tựa duy trì, nghĩa là không có chỗ sở y. Lại có nghĩa khác, nghĩa là 2 tâm đây nếu không chủng tử thì từ đâu sinh ra, nếu không chỗ nương tựa và duy trì thì y vào đâu mà chuyển? Vì được thức A-lại-da nhiếp thụ nên từ tự chủng sinh làm sở y, cho nên khiến năng y này liên tục chuyển.

Luận nói: Lại nữa, ở cõi Vô sắc kia, khi tâm xuất thế hiện tiền thì các tâm thế gian diệt hết. Bây giờ đáng lẽ lại phải diệt và rời khỏi cõi Vô sắc kia.

Giải thích: Tức là ở cõi kia nếu khi tâm xuất thể hiện tiền, trừ đây ra còn bao nhiêu là tâm thể gian. Tâm thể gian bấy giờ đều diệt, như vậy nẻo thú kia phải vĩnh viễn đoạn dứt. Không do dụng công, tự nhiên chứng đắc vô dư Niết-bàn là không có lý, không nên bác bỏ là không có thức A-lại-da.

Luận nói: Nếu sinh Phi tướng phi phi tướng xứ, Vô sở hữu xứ, khi tâm xuất thể gian hiện tiền thì hai cõi ấy đều phải diệt và rời khỏi. Cái thức xuất thể gian này không lấy Phi tướng phi phi tướng xứ làm cõi sở y, cũng không lấy Vô sở hữu xứ làm cõi sở y, cũng không phải Niết-bàn là cõi sở y.

Giải thích: Nếu sinh Phi tướng phi phi tướng xứ, hoặc khi khởi Vô sở hữu xứ, tâm xuất thể gian khiến hiện tiền, do tâm nơi ấy cực kỳ sáng suốt nhạy bén. Lại nữa do tâm của Phi tướng phi phi tướng xứ ám độn nên trụ ở nơi kia cái tâm cực kỳ sáng suốt nhạy bén khởi tâm xuất thể khiến hiện tiền. Cái tâm xuất thể này không lấy cái thứ nhất thứ hai làm nẻo thú sở y, bởi vì hai địa kia đều là thể gian. Lại nữa sinh các địa khác khởi các tâm khác hiện tiền, nên hai nẻo thú sở y đều không hợp lý. Lại nữa, ngay tâm này không phải Niết-bàn là sở y, vì đó là hữu dư y. Vì vậy 3 thứ làm sở y đều đã không thành. Nếu không tin có thức A-lại-da thì tâm xuất thể này y chỉ vào đâu?

Luận nói: Lại nữa người khi sắp chết, do tạo thiện tạo ác, thân thể sẽ lạnh dần từ dưới lên hoặc từ trên xuống. Nếu không tin có thức A-lại-da thì sự thể như vậy không thể có được. Vì vậy nếu không có thức Di thực tất cả chủng tử thì tạp nhiễm trong đời này cũng không thành.

Giải thích: Khi sắp xả thân mạng, tạo thiện tạo ác thân thể lạnh dần từ dưới lên hoặc từ trên xuống. Tạo thiện thì chắc chắn từ dưới lên. Tạo ác thì chắc chắn từ trên xuống. Nếu không chấp nhận có thức A-lại-da có khả năng chấp thụ, làm sao có sự lạnh dần như vậy.

Thức A-lại-da có thể gìn giữ . Lạnh dần tuần tự từ trên xuống hay từ dưới lên là tùy chỗ nơi thân mà nó rời bỏ.

Luận nói: Vì sao sự thanh tịnh của thể gian không thành?

Nghĩa là người chưa lìa bỏ cái tham dục ràng buộc với cõi Dục, chưa được cái tâm gắn bó với cõi Sắc thì lấy cái thiện tâm ràng buộc với cõi Dục làm cái ham muốn gắn bó với sự lìa dục mà siêng năng gia công tu hành. Vì cái tâm tu hành ràng buộc với cõi Dục và cái tâm gắn bó với cõi Sắc không cùng sinh cùng diệt, nên không phải được kia huân tập và nói là chủng tử của kia là không hợp lý. Lại nữa, cái tâm gắn bó với cõi Sắc nhiều đời trong quá khứ bị các tâm khác xen cách không thể làm chủng tử cho cái định tâm ngày nay, vì không còn nữa. Vì vậy nên làm thành định tâm gắn bó với cõi Sắc, quả thức Dị thực tất cả chủng tử lần lượt truyền lại làm nhân duyên cho hiện nay, còn cái thiện tâm gia hạnh tu hành thì làm duyên tăng thượng. Phải biết lìa dục trong tất cả các địa đều như vậy. Như vậy là thanh tịnh thể gian. Nếu lìa thức Dị thực thì tất cả chủng tử sẽ không thành.

Giải thích: Như lý thể gian thanh tịnh không thành, nay sẽ nói rõ. Nghĩa là để lìa bỏ cái tham dục ràng buộc với cõi Dục, thì lấy cái thiện tâm ràng buộc với cõi Dục mà siêng năng gia công tu hành. Tức cái thiện tâm gia hạnh ràng buộc với cõi Dục này chưa từng được huân tập bởi thiện tâm ràng buộc với cõi Sắc kia vì không cùng sinh diệt. Nay phải không có chủng tử tự nhiên sinh cái tâm ràng buộc với cõi Sắc. Lại nữa, cái tâm gắn bó với cõi Sắc nhiều đời trong quá khứ bị các tâm khác xen cách, vì không còn nữa, vì đã qua rồi không thể làm chủng tử cho cái định tâm ngày nay. Nói lần lượt truyền lại làm nhân duyên cho hiện nay, vì thức A-lại-da gìn giữ các chủng tử kia. Nay cái tâm ràng buộc với cõi Sắc là từ tự chủng sinh ra, thiện tâm gia hạnh không phải không có công lực. Nói công lực là chỉ tăng thượng duyên, không phải nhân duyên. Do sức tăng thượng kia sinh



cái tâm ràng buộc với cõi Sắc này. Như vậy xa lìa cái tham muốn ràng buộc với cõi Sắc nên biết như thế.

Luận nói: Vì sao thanh tịnh xuất thế gian không thành?

Nghĩa là như Thế Tôn nói, y theo lời nói từ người khác và trong tâm tác ý đúng như lý, do đó làm nhân sinh ra chính kiến.

Cái tác ý đúng như lý do lời nói từ người khác là huân tập vào nhĩ thức hay huân tập vào ý thức hay huân tập cả hai?

Nếu tư duy pháp ấy đúng như lý thì bấy giờ nhĩ thức không khởi, ý thức cũng bị các thứ tán động của các thức khác xen vào, nếu khi tương ưng sinh khởi cùng với cái tác ý đúng như lý thì cái ý thức được sự nghe huân tập và sự huân tập kia đã diệt thành quá khứ chắc chắn không còn thật thể, làm sao còn làm chủng tử để sinh ra cái tâm tương ưng với tác ý đúng lý sau này?

Lại nữa cái tương ưng với tác ý đúng lý này là tâm thế gian, còn cái tương ưng với chính kiến là tâm xuất thế, hai cái chưa từng có lần cùng sinh cùng diệt. Vì vậy cái tâm này không phải do cái tâm kia huân tập. Đã không bị huân tập mà nói là chủng tử của tâm kia là không hợp lý. Cho nên thanh tịnh xuất thế, nếu lìa quả thức Di thực tất cả chủng tử, cũng không thành. Vì trong đây cái nghe, huân tập, nhiếp thụ không tương ưng với chủng tử kia.

Giải thích: Nay sẽ nói rõ về xuất thế gian thanh tịnh không thành. Nói “y theo lời nói từ người khác mà tác ý đúng như lý”, nghĩa là tác ý tương ưng với lời nói. Nói “ý thức cũng bị các thứ tán động của các thức khác xen vào”, nghĩa là tương ưng với chính kiến, tâm xuất thế gian bị gián cách. Nói “nếu khi tương ưng sinh khởi cùng với cái tác ý đúng như lý”, nghĩa là sau đó. Nói “cái ý thức được sự nghe huân tập và sự huân tập kia đã diệt thành quá khứ chắc chắn không còn thật thể”, nghĩa là trái qua thời gian đã tàn tạ và gián cách, chắc chắn không còn thật thể. Nói “làm sao còn làm chủng tử để sinh

ra cái tâm tương ưng với tác ý đúng lý sau này? “, nghĩa là kia diệt đã lâu hiện không có thật thể có thể làm nhân. Trong đây vì văn huân tập nhiếp thụ chủng tử kia không tương ưng, là vì ở trong ý thức thế gian. Nói cái văn huân tập trong đây là dựa vào cái nghe huân tập từ người khác. Nhiếp thụ chủng tử kia, là trong ý thức nhiếp thụ xuất thể thanh tịnh. Nói “vì chủng tử không tương ưng”, nghĩa là chỗ chấp kia không hợp lý, cho nên làm sao có thể nói đây từ kia sinh.

Luận nói: Lại nữa, vì sao quả thức Dị thực tất cả chủng tử là nhân tạp nhiễm, lại có khả năng đối trị xuất thể, còn chủng tử tịnh tâm kia lại là tâm xuất thể, vì từ xưa chưa từng huân tập nên chắc chắn kia không huân tập. Đã không huân tập thì từ chủng tử nào sinh ra?

Vì vậy nên trả lời rằng do chủng tử huân tập bởi chính văn, từ pháp giới rất thanh tịnh đặng lưu sinh ra.

Giải thích: Hỏi vì sao v.v..., nghĩa là thức Dị thực là nhân sở trị, nói là nhân năng trị thì không đúng. Lại tâm xuất thể từ xưa chưa từng huân tập, nghĩa là trước chưa sinh. Huân tập kia chắc chắn là không có vì do nhân này. nên tâm xuất thể không có huân tập chắc chắn là điều không còn nghi ngờ gì nữa. Nói “từ pháp giới rất thanh tịnh đặng lưu sinh ra chủng tử chính văn huân tập, là hiện thị pháp giới khác với Thanh Văn v.v... Nói “rất thanh tịnh” là bởi pháp giới do Phật Thế Tôn chứng vĩnh viễn đoạn trừ phiền não, sở tri chướng. Từ pháp giới rất thanh tịnh lưu xuất kinh giáo, nên gọi là pháp giới rất thanh tịnh đặng lưu. Nghe các kinh giáo như vậy không điên đảo nên gọi là chính văn. Do chính văn này khởi huân tập gọi là huân tập. Hoặc lại nữa chính văn tức là huân tập cho nên nói là chính văn uân tập. Đây tức là cái huân tập tương tục trụ trong thức A-lại-da làm nhân có khả năng khởi tâm xuất thể gian. Cho nên nói là từ pháp giới rất thanh tịnh lưu xuất sinh ra chủng tử chính văn huân tập.

Luận nói: Cái văn huân tập này là tự tính của thức A-lại-da hay chẳng phải tự tính của thức A-lại-da? Nếu là tự tính của thức A-lại-da thì vì sao là chủng tử đối trị A-lại-da? Nếu không phải tự tính của A-lại-da thì làm sao thấy được chỗ sở y của chủng tử văn huân tập, cho đến chứng được Bồ-đề của chư Phật?

Cái văn huân tập này tùy chuyển ở một chỗ sở y, trú ngụ trong thức Dị thực và hòa hợp cùng chuyển như nước với sữa. Nhưng nó không phải là thức A-lại-da vì nó là chủng tử có tính đối trị với A-lại-da.

Giải thích: Cái văn huân tập này là tự tính của thức A-lại-da hay chẳng phải tự tính của thức A-lại-da? Nếu vậy có lỗi gì?

Nếu là tự tính của thức A-lại-da thì vì sao là chủng tử đối trị A-lại-da? Nếu không phải tự tính của A-lại-da thì chủng tử văn huân tập này phải có chỗ sở y riêng. Cho đến chứng được Bồ-đề của chư Phật, nghĩa là cho đến được vô thượng Bồ-đề của chư Phật chứng đắc. Cái văn huân tập này tức là cái chính văn huân tập từ pháp giới rất nhanh tịnh đẳng lưu. Nói “tùy chuyển ở một chỗ sở y”, nghĩa là tùy ở một nơi nào đó mà liên tục chuyển. Nói “trú ngụ trong thức Dị thực và hòa hợp cùng chuyển như nước với sữa”, nghĩa là cái văn huân tập này với thức Dị thực tuy không đồng tính nhưng trú ngụ trong thức như nước và sữa hòa hợp cùng chuyển. “Nhưng nó không phải là thức A-lại-da” là tuy hòa hợp cùng chuyển như một tính nhưng không phải là thức A-lại-da vì nó là chủng tử có tính đối trị với thức A-lại-da.

Luận nói: Trong đây do huân tập bậc thấp thành huân tập bậc trung, do huân tập bậc trung thành huân tập bậc cao vì do nghe, suy nghĩ và tu tập mà đã phân thành tự do tu tập.

Giải thích: Trong đây nói hạ, trung, thượng phẩm là nói trí tuệ thành tự do y vấp văn tư tu. Vì kia mỗi mỗi đều có 3 thứ cho nên

lại có nghĩa riêng. Tuệ do nghe mà được là bậc thấp, tuệ do tư duy mà được là bậc trung, tuệ do tu mà được là bậc cao. Dựa vào nghe, tư duy, tu tập, đa phần được tương ứng, nghĩa là dựa vào nghe v.v... nhiều lần mà dùng mãi tu tập. Lại nữa trong đây bậc hạ là nhân được thành bậc trung, bậc trung là nhân được thành bậc thượng

Luận nói: Lại nữa phải biết chủng tử của chính văn huân tập bậc thấp, bậc trung, bậc cao đều là chủng tử của pháp thân, trái nghịch với thức A-lại-da, và không bao gồm trong thức A-lại-da. Bởi vì nó là tính đẳng lưu của pháp giới rất thanh tịnh xuất thế gian. Tuy là thế gian mà có tính của chủng tử tâm xuất thế. Lại nữa cái tâm xuất thế này tuy khi chưa sinh, đã có công năng đối trị các phiền não trói buộc, có công năng đối trị các nẻo hiểm ác, có khả năng đối trị làm hủ mục các ác nghiệp, lại có thể tùy thuận phụng sự tất cả chư Phật Bồ-tát. Phải biết tuy ở thế gian nhưng cũng là pháp thân đạt được của sơ nghiệp Bồ-tát, và đối với Thanh Văn Độc Giác chỉ mới là giải thoát thân.

Lại nữa cái huân tập này không phải là thức A-lại-da, mà thuộc về pháp thân và giải thoát thân. Nếu như sự huân tập này cứ tuần tự tăng dần từ bậc thấp đến bậc trung, bậc cao thì cũng như vậy quả thức Di thực tuần từ giảm dần tức chuyển cái sở y. Sở y của chủng tử đã chuyển hết rồi, tức quả thức Di thực và tất cả chủng tử chuyển đến không còn chủng tử nữa, tức tất cả chủng tử vĩnh viễn đã hết.

Giải thích: Đã có công năng đối trị các phiền não trói buộc, nghĩa là có công năng đoạn trừ tăng thượng tham v.v... hiện khởi chuyển nhân. Đã có công năng đối trị các nẻo hiểm ác, nghĩa là nếu có khả năng đoạn các phiền não trói buộc tức có khả năng đối trị các nẻo hiểm ác. Đã có khả năng đối trị làm hủ mục tất cả các ác nghiệp, nghĩa là nếu tuy có thuận thụ nghiệp sau phải đọa nẻo ác mà có thể vì nó làm nhân hủ hoại. Nói một cách đại khái là cái văn huân tập có thể đối trị tất cả ác nghiệp quá khứ vị lai hiện tại. Lại có thể tùy thuận phụng sự tất cả chư Phật Bồ-tát, nghĩa là đời sau gặp được thiện hữu

phụng sự, tự thân được nhân. Tuy ở thế gian nhưng cũng thâm nhiếp trong pháp thân của sơ tu nghiệp Bồ-tát đạt được, nghĩa là các dị sinh Bồ-tát gọi là sơ tu nghiệp Bồ-tát. Vì cũng là chủng tử của pháp thân nên nói cũng thâm nhiếp trong pháp thân. Thanh Văn Độc Giác đạt được chỉ mới được thâm nhiếp trong giải thoát thân, nghĩa là Thanh Văn v.v... chính văn huân tập chỉ là nhân giải thoát, chỉ được giải thoát thân không được pháp thân.

Luận nói: Lại nữa, thế nào gọi là như sữa với nước?

Nghĩa là không phải thức A-lại-da nhưng đồng một chỗ cùng chuyển với thức A-lại-da. Tất cả chủng tử thức A-lại-da hết thì tất cả chủng tử không phải thức A-lại-da tăng. Ví như con ngỗng uống sữa trong nước. Lại như thế gian khi lia đục thì những huân tập Phi đẳng dẫn địa giảm dần và các huân tập thuộc Đẳng dẫn địa tăng dần mà được chuyển y.

Giải thích: Không phải thức A-lại-da nhưng đồng một chỗ cùng chuyển với thức A-lại-da, mà thức A-lại-da hết nhưng không phải thức A-lại-da thì còn. Trở lại như trước nói nước và sữa hòa hợp, khi con ngỗng uống, sữa hết nhưng nước còn, như thí dụ đã hiển thị. Lại như thế gian khi lia đục, trong một thức A-lại-da những huân tập phiền não Phi đẳng dẫn địa giảm dần và các huân tập thiện pháp thuộc Đẳng dẫn địa tăng dần mà được chuyển y. Nghĩa chuyển y ở đây phải hiểu như vậy.

Luận nói: Lại nữa nhập Diệt tận định, thức không rời thân như Phật đã nói. Ở đây thức Dị thực thành ra phải không rời thân, chứ không phải vì đối trị Diệt tận định này mà sinh.

Giải thích: Dẫn nhập Diệt định thức bất ly ngôn, là thành định có thức A-lại-da. Thế Tôn nói thức không rời thân là trừ thức Dị thực không rời thân, các thức khác không như vậy. Bởi Diệt định sinh đối trị chuyển thức. Cho nên thấy định này là cực kỳ vắng lặng.

Luận nói: Cũng không phải xuất định thì thức này sinh trở lại. Do thức Dị thực đã gián đoạn, đã lia kết sinh tương tục nên không sinh lại.

Giải thích: Nếu chấp cho rằng xuất định thì thức này sinh trở lại, do ý này nên thức không rời thân là không đúng lý. Bởi từ định xuất, thức không sinh trở lại, quả thức dị thực đã gián đoạn, lia kết sinh tương tục thì thức sinh nơi khác, không sinh trở lại.

Luận nói: Nếu có người chấp cho rằng vì có ý thức nên nói Diệt tận định có tâm thì cái tâm này không thành định vì không thể thành, vì không có hành tướng sở duyên, vì sẽ có lỗi tương ưng với thiện căn, vì bất thiện và vô ký thì không hợp lý, vì sẽ có lỗi hiện hành của tướng và thụ, vì có xúc, vì có công năng đối với Tam-ma-địa, vì sẽ có cái lỗi chỉ diệt tướng mà thôi, vì sẽ có cái lỗi hiện hành của các thiện căn như tư, tín v.v..., vì đánh bật năng y khiến lia sở y là không hợp lý, vì có thí dụ, vì như đây không có phi biến hành.

Giải thích: Nếu có người chấp cho rằng vì có ý thức nên nói Diệt tận định có tâm thì cái tâm này không thành, tức là nếu muốn lia bỏ cái trước nói tự tướng thức A-lại-da, vì các chuyển thức diệt định có tâm, đó là điều không hợp lý. Bởi vì sao? Vì không thành định. Chưa từng thấy tâm lia tâm pháp, như các tâm pháp tướng thụ cũng vậy đều phải không diệt. Nhưng Diệt định đây cho thấy đều diệt, cho nên đến định cũng không thành. Nếu lập chỉ có thức A-lại-da thì không có lỗi này. Người cầu tĩnh trụ là đối trị oán kia nên sinh các tâm tam pháp. Định này không vì đối trị tính không sáng suốt của thức A-lại-da. Lại nữa định này trong không có các tâm khác. Bởi vì sao? Hành tướng sở duyên đều không thể được. Các tâm tâm pháp liên tục không dứt, ắt không xa lia hành tướng sở duyên. Trong Diệt định này nếu có tâm, cũng phi không lia hành tướng sở duyên. Nhưng cả hai cái này đều không thể được. Cho nên định này chắc chắn không có các tâm khác. Nếu chỉ lập có thức A-lại-da thì

không phương hại, vì hiển thị sở y của chấp thụ. Lại nữa trong định này nếu có chuyển thức, thức này ắt có thiện v.v.. sai biệt, nghĩa là hoặc là thiện hoặc là bất thiện hoặc là vô ký. Nhưng trong đây thức lại chẳng phải là thiện, mà có thiện căn tương ưng là có lỗi cho nên đây là mâu thuẫn. Cũng chẳng phải thức này tự tính là thiện. Do đây không lia thiện căn tương ưng nên thành thiện tính. Do lập định tâm là thiện tính, nên tương ưng với các thiện căn không dục không tham v.v... Đây không nên chấp nhận không khác với các thiện tâm khác nên khắp mọi nơi thành lỗi này. Lại nữa trong đây cũng không được có bất thiện, vô ký vì bất thiện và vô ký là không hợp lý. Trong khi lia dục các căn bất thiện đều vĩnh đoạn. Không thành bất thiện, cũng chẳng phải vô ký, nên định này là thiện. Lại không thể lập tâm này là thiện phải có lỗi hiện hành thụ tướng. Nếu lia thiện căn, thiện tâm không có. Cho nên phải đến thiện căn hiện hành. Trong đây như có thiện căn hiện hành thì tướng thụ cũng vậy phải đến hiện hành nhân vô phân biệt. Nhưng không hợp lý, vì sở tri hiện hành thì không có năng trị. Ví như chính khi tham v.v... hiện hành thì bất tịnh quán chắc chắn không có. Lại nữa trong định này lia thức A-lại-da thì các tâm khác không được có. Chắc chắn bị lỗi có xúc như trụ các định khác quyết không nghi ngờ. Nghĩa là như các định thiện căn tương ưng. Khi các thức khác chuyển quyết định có xúc. Vì định sinh khinh an là tướng, hoặc thuận lạc thụ, hoặc có tùy thuận phi khổ phi lạc thụ. Xúc này là duyên hoặc sinh lạc thụ, hoặc lại sinh phi khổ lạc thụ. Bởi vì sao? Vì ở các Tam-ma-địa khác có công năng này. Ở trong các định khác thấy hai xúc này sinh hai thụ thì ắt có công năng, đây cũng phải vậy vì không có chướng nhân. Xúc làm duyên thụ trong đây phải xảy đến nhưng không hợp lý. Bởi vì sao? Vì chỉ có lỗi diệt tướng. Nếu chấp nhận xúc này làm duyên sinh thụ thì trong định này nên chỉ tướng diệt, không nên chấp nhận tướng thụ đều diệt vì Phật đã nói. Lại nữa trong định này nếu có các thức khác thì ắt cùng xúc câu hữu tương ưng. Đây là không hợp lý.

Bởi vì sao? Nếu có xúc phải có lỗi hiện hành các thiện căn như tư, tín v.v... Nếu có xúc của thức ấy tương ưng chuyển thì ắt có cùng với đây câu sinh tư v.v... vì Phật đã nói. Trong đây phải đến có tư hiện hành. Nếu trong định này có tư hiện hành tạo tác thiện tâm, ắt có tín v.v... các thiện căn hiện hành. Nhưng không nên chấp nhận nếu muốn tránh các lỗi đã nói ở trước và lỗi mâu thuẫn với A-cấp-ma, vì do chỉ chán lia các tâm pháp, chỉ nhỏ bỏ tâm pháp. Ở trong định này chỉ lập có tâm không có tâm pháp. Đây cũng không phải vậy. Bởi vì sao? Nhỏ bỏ năng y kia khiến lia sở y là không hợp lý. Sở y là tâm, năng y là tâm pháp. Sở y năng y tâm và tâm pháp từ vô thủy sinh tử đến nay không lia nhau. Do sự tương dẫn này nên định phải cùng tương ưng với các thiện căn không tham v.v... Nếu nói định này và định phương tiện mâu thuẫn với các thiện căn không tham v.v... nên trong định thiện căn không chuyển chỉ chuyển thiện tâm, điều này chưa từng thấy ở đâu. Nếu trong lúc nhân, pháp kia tương ưng đẳng lưu quả, cũng có tương ưng nên không hợp lý. Lại không đúng. Có thí dụ. Thế Tôn nói các hành của thân diệt, các hành của ngữ diệt, các hành của ý diệt. Trong đây thân hành là hơi thở ra vào, ngữ hành là tầm và tứ, ý hành là tư tưởng v.v.... Nếu tầm tứ diệt thì ngữ không khởi, ý cũng vậy nếu ý hành diệt cũng phải không khởi. Nếu ý ông bảo như thân hành diệt thì an trụ trong định. Thân tại bất diệt, ý cũng như vậy. Tuy ý hành diệt phải tại bất diệt. Đây cũng như vậy. Bởi vì sao? Như chẳng phải biến hành vì đây không có. Như Thế Tôn nói tách rời ra ngoài thân hành có nhân của thân trụ, như là ăn, mạng căn, thức v.v... Do đó tuy không có hơi thở ra vào mà thân an trụ. Ý thì không như vậy. Tách rời ý hành ra ngoài không có một nhân nào khác duy trì tâm khiến trụ. Do đó phải đến vô ý thức nên gọi vô tâm định. Trong đó có thức của quả Dị thực, cho nên Thế Tôn nói thức không lia thân. Tức từ thức này, tất cả chủng tử sau khi xuất định, chuyển thức hoàn sinh, cho nên biết chắc có thức A-lại-da.



Luận nói: Lại nữa do nói trong định này có ý thức nên chấp có tâm, thì tâm này là thiện, bất thiện hay vô ký đều không thành nên không hợp lý.

Giải thích: Đã bỏ việc lập Diệt định có tâm. Nay sơ lược hiển thị nghĩa của bài tụng thứ hai. Nếu muốn trừ bỏ thức A-lại-da mà dùng ý thức cho nên nói Diệt định có tâm. Tâm này là thiện, bất thiện hay vô ký đều không thành nên không hợp lý. Bởi vì sao? Vì do tính của Diệt định này là thiện. Vả lại phi bất thiện hay vô ký cũng vậy. Oai nghi, công xảo, biến hóa vô ký, định không được có. Nếu nói đây là Di thực vô ký thì lý phải nói đến thức A-lại-da. Trừ đây ra không có cái vô ký thứ năm. Lại nữa trong định này nếu tâm là thiện thì phải tương ưng với các thiện căn như không tham v.v... , nhiễm ô ý diệt chỉ còn thiện tâm. Bấy giờ thiện tâm sở y sở duyên đều có 3 sự hòa hợp. Vì sao trong đây không sinh xúc? Đã có xúc thì các tâm pháp như thụ v.v... sao không được sinh? Như vậy Diệt định phải không thành Diệt định vì các tâm tâm pháp không diệt. Lại nữa nếu chấp định này là thiện do tâm sở dẫn phương tiện trước định năng dẫn thiện tâm lực sở dẫn, nên trong định chẳng tương ưng các thiện căn như không tham v.v... Lại nữa 3 hòa hợp nếu có kham năng, cũng có thể sinh thụ. Nếu 3 hòa hợp không có kham năng, chỉ sinh xúc, cho nên trong định tuy có thiện tâm chẳng phải tương ưng với các thiện căn như không tham v.v... cũng không có thụ v.v... Nghĩa này không phải vậy. Phương tiện thiện tâm đã tương ưng các thiện căn như không tham v.v... từ đó dẫn đến tâm của quả đẳng lưu, vì sao không phải? Lại nữa từ sở y nhỏ bỏ năng y là không hợp lý nên tâm và tâm pháp từ vô thủy đến nay luôn luôn không rời nhau, nay nhỏ bỏ năng y khiến lìa sở y ắt không thể được. Bởi vì sao? Vì có thí dụ. Nghĩa là ở thế gian từ sinh đến hoại, luôn luôn không tách rời nhau là không có lý. Nhỏ bỏ năng y khiến lìa sở y, ví như đại chủng với sở tạo sắc là không có đạo lý nào khiến sở tạo lìa năng tạo. Tâm pháp cũng vậy không thể khiến nó lìa tâm sở y. Cho nên trong định

vô tâm này không có tâm pháp, chỉ có thiện tâm là không hợp đạo lý. Nếu lại nói nay nhờ bỏ năng y khiến lìa sở y tuy không hợp lý nhưng tưởng và thụ có thể chướng ngại định này, nên trong phương tiện chán ghét chúng nên chỉ có 2 là không hiện hành còn các pháp khác không như vậy cũng được hiện hành là không hợp đạo lý. Bởi vì sao? Nếu không phải biến hành thì đây không có. Không phải biến hành thì trong đây có thể diệt. Cả hai đều là biến hành nên không thể diệt. Biến hành nếu diệt tâm cũng diệt theo vì không có nhân nào khác. Cho nên trong đây nói có tâm, đó là thức Dị thực, chắc chắn không phải ý thức.

Luận nói: Nếu lại chấp sắc với tâm phát sinh không gián đoạn là chủng tử của các pháp thì không thành, như trước đã nói.

Lại nữa từ các cõi trời Vô sắc, Vô tưởng chết, từ Diệt tận định, Vô tưởng định xuất định thì sẽ không hợp lý. Lại nữa tâm sau cùng của A-la-hán không thành mà chỉ có thể chấp nhận là đẳng vô gián duyên.

Giải thích: Nếu lại chấp sắc với tâm phát sinh không gián đoạn là chủng tử của các pháp, nghĩa là nếu chấp có sắc của sát-na trước là chủng tử và sắc của sát-na sau nhân đó mà sinh thì thức trước và sau trông vào nhau cũng vậy. Chấp này trước đã phá rồi. Lại nữa khi chết ở cõi Vô sắc sinh lại cõi Sắc thì sắc đoạn diệt đã lâu rồi còn gì làm chủng tử? Khi chết ở cõi Vô tưởng, hoặc từ Diệt định xuất định, tâm đoạn diệt đã lâu, còn có tâm nào làm nhân? Nếu như vậy thì các A-la-hán rốt cuộc không có vô dư Niết-bàn. Vì sắc, tâm hai nhân vĩnh viễn không hết, cho nên sắc của sát-na trước trông vào sắc sau, thức sát-na trước trông vào thức sau, điều này chỉ được chấp nhận là có đẳng vô gián duyên chứ không thể nói là có nhân duyên.

Luận nói: Như vậy nếu lìa quả thức Dị thực tất cả chủng tử thì tạp nhiễm và thanh tịnh đều không thành. Vì vậy như trước đã nói về tướng, thức A-lại-da quyết định là thật hữu.

Giải thích: Do trước đã nói nhiều đạo lý, cho nên chắc chắn là có sự thành tựu thức A-lại-da.

Luận nói: Ở đây có 3 bài tụng như sau:

*Bồ-tát trong tịnh tâm,  
 Xa lìa nơi năm thức.  
 Vô dư tâm chuyển y,  
 Làm sao ông làm được?  
 Nếu đối trị chuyển y,  
 Nếu chẳng đoạn, không thành.  
 Nhân quả không sai biệt,  
 Vĩnh đoạn thành sai lầm.  
 Không chủng tử, không thể,  
 Nếu cho là chuyển y,  
 Không kia, hai cũng không,  
 Chuyển y thành phi lý.*

Giải thích: Như trụ nơi chuyển thức mà chuyển y là không thành. Ba bài tụng nói rõ. “Bồ-tát trong tịnh tâm,” tức là xuất thế đối trị, tương ứng nghĩa của ý thức thiện. “Xa lìa khỏi năm thức.” nghĩa là đây xa lìa 5 thức như nhãn v.v... Nói “không các tâm” là không có ý thức tạp nhiễm hữu lậu thiện. Đã nêu tịnh tâm, nay lại nêu không các tâm khác là muốn ngăn trừ cái thức thiện hữu lậu. Nói làm sao làm tâm chuyển y, tức là nếu ông tin có thức A-lại-da có thể làm chủng tử tất cả tạp nhiễm thì nghĩa không chủng tử gọi là tâm chuyển y. Nếu không như vậy thì làm sao làm được? Nếu đối trị sinh, là chuyển y thì không hợp lý. Bởi vì sao? Nếu đối trị chuyển y là phi đoạn nên không thành tạp nhiễm. Vĩnh đoạn nên gọi chuyển y. Phi năng đối trị tức là vĩnh đoạn. Do đó chỉ là nhân vĩnh đoạn nên nếu quyết như vậy sẽ đưa đến lỗi quả và nhân không sai khác. Quả là vĩnh đoạn, gọi là Niết-bàn. Nhân là đối trị, gọi là Thánh đạo. Nếu năng đối trị tức là vĩnh đoạn thì sẽ đưa đến cái lỗi

quả và nhân một thể, là vừa sinh đối trị tức phải là Niết-bàn. Không chủng tử, hoặc không thể, nếu chấp nhận là chuyển y thì nếu ở chuyển thức làm thì không chủng tử. Hoặc ngay trong vô thể cho là chuyển y. Không có hai kia thì không, nên chuyển y là không hợp lý. Chuyển thức tạp nhiễm trong định vị này không thể có được, cho nên cũng không chủng tử có thể khiến làm không không hai có thể không mà gọi là chuyển y là không hợp lý. Nếu quyết định có thức A-lại-da, chuyển thức tạp nhiễm tuy không được có trong định này mà tất cả chủng tử kia đều trụ trong thức A-lại-da có thể làm vô chủng vô thể kia. Do ông chuyển y không hợp lý, cho nên phải tin có thức A-lại-da..

Luận nói: Lại nữa, sai biệt của thức A-lại-da là như thế nào?

Nói tổng quát có 3 thứ hoặc 4 thứ. Trong đây 3 thứ tức 3 thứ huân tập sai biệt: một là danh ngôn huân tập sai biệt, hai là ngã kiến huân tập sai biệt, ba là hữu chi huân tập sai biệt; 4 thứ là: một là dẫn phát sai biệt, hai là dị thực sai biệt, ba là duyên tướng sai biệt, bốn là tướng mạo sai biệt.

Giải thích: Như vậy là đã thành lập thức A-lại-da. Nay sẽ nói rõ các phẩm loại sai biệt này. Trong 3 thứ huân tập sai biệt, danh ngôn huân tập sai biệt nghĩa là nhãn danh ngôn huân tập. Trong thức Dị thực là nhãn sinh nhân. Dị thực sinh nhãn từ khi nó sinh dùng nó làm nhân trở lại gọi tên là nhãn. Như vậy nhĩ v.v... tất cả danh ngôn sai biệt cũng thế. Ngã kiến huân tập sai biệt, là do nhiễm ô ý, sức của Tát-ca-da kiến nên trong thức A-lại-da ngã chấp huân tập sinh. Do đây làm nhân gọi mình là ngã, khác ngã là người khác đều có sai biệt. Hữu chi huân tập sai biệt, là do sức của thiện, bất thiện, bất động hành nên có lưu chuyển khác nhau trong các nẻo thú. Ba cái này sau trong sở tri tướng sẽ nói rộng.

Luận nói: Trong đây dẫn phát sai biệt là sự huân tập mới khởi. Nếu cái này không, thì hành duyên thức, thủ duyên hữu sẽ không thành.

Giải thích: Dẫn phát sai biệt, nghĩa là có khả năng dẫn phát các phẩm loại khác nhau. Nói huân tập mới khởi là sự huân tập mới khởi lần đầu tiên. Nếu cái khả năng dẫn phát thức A-lại-da sai biệt mà không có, thì các hành sinh diệt huân tập thành thức, do thủ nhiếp thụ sinh hữu hiện tiền, các sở tác này sẽ không thành. Có khả năng sinh đời sau gọi là hữu. Đây nói thủ là gồm hoặc thiện hoặc bất thiện của quả tập.

Luận nói: Dị thực sai biệt là do hành và hữu làm duyên nên có thức Dị thực sai biệt trong các nẻo đường sinh tử. Nếu không có cái này thì không có chủng tử, sẽ không có các pháp phát sinh về sau.

Giải thích: Dị thực sai biệt, nghĩa là hành và hữu làm duyên, nó dẫn đến dị thực trong các nẻo thú. Nếu không có cái dẫn thức A-lại-da sai biệt thì không có nhân. Các pháp hậu hữu như nhãn v.v... các sắc căn không sinh dị thực. Phải biết đây tức là quả dị thực.

Luận nói: Duyên tướng sai biệt là cái tướng ngã chấp nơi ý. Nếu không có cái này thì trong ý ô nhiễm sẽ không có ngã chấp sở duyên.

Giải thích: Duyên tướng sai biệt, nghĩa là thức A-lại-da này ở trong ý ô nhiễm có thể dựa vào ngã kiến ngã chấp mà duyên tướng. Nếu không có cái duyên tướng sai biệt của thức A-lại-da này thì trong ý nhiễm ô, tát-ca-da-kiến là nhân ngã chấp sẽ duyên csnh không thành. Phải biết đây là quả đẳng lưu.

Luận nói: Tướng mạo sai biệt là thức này có tướng chung, có tướng không chung, có tướng chủng tử không thụ sinh và có tướng chủng tử thụ sinh.

Giải thích: Tướng mạo sai biệt có nhiều phẩm loại, nghĩa là trong đó có tướng chung, có tướng không chung, có tướng chủng tử không thụ sinh, có tướng chủng tử thụ sinh v.v...Đó là sơ lược nêu lên, sau sẽ nói rộng.

Luận nói: Tướng chung là chủng tử thể gian như cái đồ đựng. Tướng không chung là các chủng tử riêng biệt chứa đựng bên trong. Tướng chung tức chủng tử không thụ sinh. Tướng không chung tức chủng tử có thụ sinh. Khi có sự đối trị sinh khởi thì chỉ tướng không chung bị diệt, còn tướng chung thì được người khác duy trì nên chỉ thấy thanh tịnh. Như các sư Du-già, trong một vật có nhiều chỗ thấy và biết khác nhau được thành lập. Ở đây có hai bài tụng như sau:

*Khó diệt khó biết hết,  
Nên gọi là cộng kết.  
Sư Du-già bất đồng,  
Do tướng ngoài rộng lớn.  
Người thanh tịnh chưa diệt,  
Mà vẫn thấy thanh tịnh.  
Và cõi Phật thanh tịnh,  
Do Phật thấy thanh tịnh.*

Lại có bài tụng khác nói về các thấy biết khác nhau nói trên:

*Các sư Du-già nơi một vật,  
Có nhiều kiến giải không đồng nhau.  
Các thứ kiến giải đều thành tựu,  
Nên biết sở thủ chỉ có thức.*

Nếu không có cái này thì sự sinh khởi sai biệt của khí thể gian và hữu tình thể gian sẽ không thành.

Giải thích: Trong đây nếu nói thức A-lại-da là cái thể của nhân của thể gian như cái đồ đựng chung cùng của tất cả hữu tình, đó tức là chủng tử không thụ sinh. Nếu thức A-lại-da là cái thể của nhân của các chỗ không chung, đều riêng biệt như sắc v.v..., đó tức là chủng tử có thụ sinh. Nếu lia thức A-lại-da tướng chung của các phẩm loại như thế, thì khí thể gian là nhân thụ dụng chung của tất cả hữu tình sẽ không thành. Như vậy nếu lia cái thứ hai là cái không chung của

thức A-lại-da thì hữu tình thế gian cũng không thành, do đó phải sinh như cây đá v.v...

Luận nói: Lại có tướng thô nặng và tướng nhẹ nhàng. Tướng thô nặng là chủng tử của phiền não và tùy phiền não. Tướng nhẹ nhàng là chủng tử của thiện pháp hữu lậu. Nếu không có cái này thì sở cảm dị thực là không kham năng, còn cái kham năng sở y sai biệt thì không thành.

Lại có hữu thụ tận tướng và vô thụ tận tướng. Hữu thụ tận tướng là chủng tử thiện bất thiện đã thành quả báo dị thực. Vô thụ tận tướng là chủng tử danh ngôn huân tập, các thứ chủng tử hý luận trôi nổi từ vô thủy đến nay. Nếu không có cái này thì 2 nghiệp thiện ác đã tạo với quả báo thụ hết là không thành. Lại nữa sự sinh khởi các danh ngôn mới huân tập sẽ không thành.

Lại có các tướng thí dụ. Nghĩa là thức A-lại-da có những thí dụ như ảo hóa, sóng năng, chiêm bao, đau mắt. Nếu không có cái này thì những chủng tử biến kế không thật điên đảo duyên tương ưng không thành.

Lại nữa có tướng đầy đủ, có tướng không đầy đủ. Nghĩa là đầy đủ các trói buộc gọi là tướng đầy đủ. Lìa dục thế gian gọi là tướng tổn giảm. Hàng Thanh Văn hữu học và các Bồ-tát đã đánh bạt vĩnh viễn một phần các tướng. A-la-hán, Độc Giác là hoàn toàn vĩnh viễn đánh bạt các tướng phiền não chướng, và chư Như Lai là hoàn toàn vĩnh viễn đánh bạt các tướng phiền não sở tri. Thích ứng đúng như vậy. Nếu không cái này thì sự tạp nhiễm và hoàn diệt tuần tự như trên sẽ không thành.

Giải thích: Tướng thô nặng là tính không kham năng trong sở y. Tướng nhẹ nhàng là tính kham năng trong sở y. Nếu không có hữu thụ tận tướng thì thức A-lại-da thường thường đã làm 2 nghiệp thiện ác với quả thụ tận sẽ không thành. Vô thụ tận tướng là danh ngôn huân

tập chủng tử, như đã nói trong danh ngôn huân tập sai biệt. Nói từ vô thủy đến nay các chủng tử hý luận lưu chuyển, nghĩa là nói chung là nhân cho nên nếu không có thì thức A-lại-da không thể sinh khởi các danh ngôn huân tập mới khởi lần đầu tiên. Bởi vì sao? Nếu không có huân tập cũ thì danh ngôn hiện nay cũng không có. Như ở thế gian cái gì xưa nay không có là vốn không nay có là không hợp lý. Tương thí dụ là như do các nhân ảo hóa v.v... nên có các duyên tướng điên đảo như con voi v.v... Thức A-lại-da cũng như vậy. Do nói tướng thí dụ chủng tử biến kế không thật nên có duyên tướng điên đảo. Nếu không có đây, duyên tướng điên đảo cũng không thành.

Luận nói: Vì nhân duyên gì các pháp thiện bất thiện có thể cảm dị thực trong khi quả dị thực là vô phú vô ký?

Vì do quả dị thực là vô phú vô ký, không mâu thuẫn với thiện hoặc bất thiện, nên không trái chống với thiện hay bất thiện. Nếu tính của quả dị thực là thiện hay bất thiện thì tác dụng tạp nhiễm hay hoàn diệt sẽ không thành. Vì vậy nên thức Dị thực chỉ là vô phú vô ký.

Giải thích: Vô phú vô ký, là trong đây nói vô nhiễm là vô phú, tức vô nhiễm vô ký gọi là vô phú vô ký. Không phải như cõi Sắc sinh phiền não bất thiện gọi là vô ký. Nếu quả dị thực có tính thiện hay bất thiện thì tạp nhiễm và hoàn diệt sẽ không thành, bởi vì từ thiện sẽ sinh thiện, từ bất thiện sẽ sinh bất thiện, thì sự sinh tử lưu chuyển sẽ không có biên tế, vì lưu chuyển tạp nhiễm thông cả hữu lậu thiện.



# NHIẾP ĐẠI THỪA LUẬN THÍCH

## QUYỂN 4

### 3 - 1. Tướng sở tri

Luận nói: Đã nói về sở tri y, còn sở tri tướng làm sao thấy?

Đại lược có 3 thứ: một là tướng y tha khởi, hai là tướng biến kế sở chấp, ba là tướng viên thành thật.

Giải thích: Dựa vào sở tri tướng mà nói như vậy. Lược là nói sơ lược đại khái.

Luận nói: Thế nào là tướng y tha khởi?

Nghĩa là thức A-lại-da làm chủng tử, hư vọng phân biệt gồm thâu các thức.

Thế là thế nào?

Nghĩa là các thức sai biệt như thân thức, thân giả thức, bỉ sở thụ thức, bỉ năng thụ thức, thể thức, số thức, xứ thức, ngôn thuyết thức, tự tha sai biệt thức, thiện thú ác thú tử sinh thức. Trong đây nếu thân thức, thân giả thức, thụ giả thức, bỉ sở thụ thức, bỉ năng thụ thức, thể thức, số thức, xứ thức, ngôn thuyết thức thì do chủng tử danh ngôn huân tập. Nếu là tự tha sai biệt thức, tức do chủng tử ngã kiến huân tập. Nếu là thức thiện thú ác thú sinh tử, tức do chủng tử hữu chi huân tập. Do các thức này bao gồm tập nhiễm tất cả các cõi chúng sinh nên hiển hiện sự phân biệt của tướng y tha khởi. Như vậy các thức đều

thuộc hư vọng phân biệt, nên tính của duy thức là vô sở hữu, không nơi căn cứ cho nghĩa chân thật. Đó là tướng y tha khởi.

Giải thích: Hư vọng phân biệt gồm thân các thức, nghĩa là các thức này lấy hư vọng phân biệt làm tự tính. Nghĩa là thân thức, thân giả thức, thụ giả thức. Thân là nhãn v.v... 5 giới. Thân giả là nhiệm ô ý. Năng thụ giả là ý giới. Bĩ sở thụ thức giả là sắc v.v... 6 ngoại giới. Bĩ năng thụ thức là 6 thức giới. Thế thức là tính sinh tử nối tiếp nhau không dứt. Số thức là tính so đo tính toán. Xứ thức là khí thế gian. Ngôn thuyết thức là thấy nghe hay biết 4 thứ ngôn thuyết. Như vậy các thức đều lấy trong sở tri y mà nói. Danh ngôn huân tập sai biệt là nhân. Tự tha sai biệt thức là y chỉ sai biệt. Đây là dùng cái đã nói trước. Ngã kiến huân tập sai biệt là nhân. Thiện thú ác thú tử sinh thức, nghĩa là các nẻo thú sinh tử có nhiều khác nhau. Đây do trước đã nói chủng tử hữu chi huân tập sai biệt. Do các thức này, tức do các thức nói trước. Nói bao gồm tạp nhiễm tất cả các cõi chúng sinh, nghĩa là đọa vào 5 nẻo đường tạp nhiễm trong 3 cõi. Vì đó là tự tính của chúng nên gọi là bao gồm.

Tướng y tha khởi, nghĩa là dựa vào cái khác mà khởi làm thể mọi hư vọng phân biệt đều được hiển hiện. Như vậy các thức đều bao gồm hư vọng phân biệt. Duy thức làm tính, nghĩa là tự tính các thức này đều hư vọng phân biệt nên nói là bao gồm. Đó là hiển hiện nghĩa vô sở hữu, phi chân thật. Sở y, nghĩa là nhân của hiển hiện vô sở hữu, phi chân thật. Vì phi chân thật nên nói là vô sở hữu. Như chỗ chấp ngã vì vô sở hữu nên nói là thủ nghĩa phi chân thật, nghĩa là cái ngã kia thật sự không có, chỉ hiển hiện tương tự như ngã. Nói sở y, là hiển hiện sở y. Đó là nghĩa của nhân. Đây là tướng của y tha khởi.

Luận nói: Thế nào là tướng biến kế sở chấp?

Nghĩa là trong duy thức không có nghĩa chân thật, chỉ hiển hiện nghĩa tương tự mà thôi.

Giải thích: Trong không có nghĩa, nghĩa là không thủ được cái vô ngã như thật. Chỉ có trong thức, nghĩa là không có nghĩa thật, chỉ có nghĩa tương tự ở trong thức, như chỉ có cái ngã tương tự hiển hiện trong thức. Hiển hiện nghĩa tương tự là thủ lấy cái tướng mạo hiển hiện tương tự. Như thật, là vô ngã. Cái hiển hiện là cái ngã tương tự.

Luận nói: Thế nào là tướng viên thành thật?

Nghĩa là ở nơi tướng y tha khởi kia, do là tướng của nghĩa tương tự nên vĩnh viễn không có thật tính.

Giải thích: Nơi vô sở hữu chẳng phải nghĩa chân thật hiển hiện trong nhân, do hiện tướng nghĩa tương tự, thật không có, vĩnh viễn không có tính hữu, như tướng tương tự ngã, tuy vĩnh viễn là không mà có vô ngã.

Luận nói: Phải biết trong các thức này, thân thức, thân giả thức và thụ giả thức là 6 nội giới như nhãn v.v... Sở thụ thức kia, tức 6 ngoại giới như sắc v.v... Năng thụ thức kia tức là 6 thức giới như nhãn v.v... Ngoài ra các thức khác tức các sai biệt của các thức trên đây.

Lại nữa các thức đều chỉ có thức mà không có thật, vậy lấy ví dụ gì để thấy rõ?

Để thấy rõ, các thí dụ thường dùng như chiêm bao v.v... Nghĩa là như trong chiêm bao, không có gì là thật mà chỉ có thức. Tuy có các ảnh tượng giống thật hiện ra như sắc, thanh, hương, vị, xúc, nhà cửa, đất đai, rừng núi. Những thứ này đều không có thật. Do thí dụ này phải biết rõ lúc nào, nơi nào cũng chỉ có thức. Chử v.v... nghĩa là ngoài thí dụ chiêm bao còn những thí dụ khác nữa như ảo thuật, chuông say, con nai khát nước, hoa mắt.

Khi ngủ đã thức dậy thì lúc ấy, nơi ấy đều là cảnh chiêm bao v.v... chỉ có thức. Như từ chiêm bao thức dậy mới biết trong chiêm bao đều chỉ có thức.

Thế sao lúc đang thức không có sự hiểu biết như vậy?

Khi có chân trí giác ngộ thì hiểu biết như vậy. Như ở trong chiêm bao thì không có sự hiểu biết này. Từ chiêm bao thức dậy rồi mới có sự hiểu biết này. Cũng giống như vậy, khi chưa được chân trí giác ngộ thì không có sự hiểu biết này. Được chân trí giác ngộ mới thấy biết được như vậy.

Người chưa được chân trí giác ngộ, đối với đạo lý duy thức làm sao đối chiếu biết được?

Do giáo và lý có thể đối chiếu biết được. Giáo là như Kinh Thập Địa, Phật nói 3 cõi chỉ có tâm mà thôi. Phật cũng nói như vậy trong Kinh Giải Thâm Mật. Trong kinh ấy, Bồ-tát Từ Thị hỏi Thế Tôn:

Các ảnh tượng của hành tướng trong Tam-ma-địa là khác hay không khác với tâm?

Phật bảo Từ Thị: Phải nói là không khác. Bởi vì sao? Bởi các ảnh tượng kia chỉ là thức, nên ta nói do thức duyên, chỉ do thức hiện khởi.

-Thế Tôn ! Nếu ảnh tượng của các hành tướng trong Tam-ma-địa không khác với tâm này thì sao tâm này trở lại chấp lấy cái tâm này?

-Từ Thị ! Không có một tí pháp nào có thể chấp lấy một tí pháp nào. Nhưng tâm ấy khi sinh khởi tức có hiện ra ảnh tượng như vậy. Như bản chất làm duyên trở lại thấy bản chất. Như nói nay ta thấy ảnh tượng, và bảo rằng lia bản chất mà có ảnh tượng để thấy, thì ảnh tượng hiện ra kia với tâm này cũng vậy. Như vậy khi tâm sinh khởi thì thấy có ảnh tượng tương tự hiện ra.

Do giáo nghĩa này mà lý cũng được hiển lộ. Bởi vì sao? Vì trong định, tùy tâm quán thấy các hiện tượng như toàn một màu xanh bầm mà không một màu nào khác. Màu xanh bầm là chỉ thấy tự tâm.

Do đạo lý này Bồ-tát đối với tất cả cảnh hiện trong thức đều có thể đối chiếu mà biết là đều chỉ có thức, không có cảnh giới thật.

Lại nữa cái màu xanh bầm không phải do thức duy trì và hồi ức, cái thấy là duyên cảnh hiện tiền trước mắt. Và cái nghe và suy nghĩ thành ra 2 cái gìn giữ và nhớ lại cũng lấy quá khứ làm cảnh sở duyên, cho nên ảnh tượng hiện ra cũng là duy thức. Do từ tỷ lượng này, Bồ-tát tuy chưa được chân trí giác ngộ cũng có thể đối chiếu mà biết được lý duy thức.

Giải thích: Đây chỉ có thức do kinh giáo hiển thị. Như Kinh Thập Địa nói ba cõi duy chỉ có tâm. Trong Kinh Giải Thâm Mật có nói: “Ta nói thức sở duyên chỉ thức sở hiện”, có nghĩa là cái mà thức duyên chỉ là cái do thức hiện, không có cảnh nào khác. Lại nói thức là hiển thị điều ta nói định thức sở hành tức chỉ là thức sở hiện, không có một thể riêng biệt. Nhưng ngay khi tâm này sinh, nghĩa là khi do phẩm loại này sinh thấy tương tự có khác. Ảnh hiện, nghĩa là định sở hành, tương tự là thức riêng có cái sở thủ hiển hiện rõ ràng. Lại nữa trong cái xanh bầm v.v... không phải cái thức hồi ức nhớ lại mà thấy. Vì cảnh sở duyên trụ hiện tiền, nghĩa là cái xanh bầm v.v... là ảnh tượng hiện hành của Tam-ma-địa, không phải thức nhớ lại. Do đó không phải là cái xưa kia được thụ nhận nhớ lại. Cái hiện trụ trước mặt thấy rõ ràng. Cái mà thức nhớ lại thì thấy mờ ám. Cái hiện trụ trước mặt thấy rõ ràng. Nếu lại bảo rằng như văn tư tuệ, do tập nhiều lần nên cảnh tuy đã tàn tạ qua rồi nhưng khi vừa tác ý thì sinh như xưa. Đây cũng cũng vậy, tức là cảnh của văn tư tuệ đã tàn tạ qua rồi, hiện không có thật thể. Trong cái vô thể đó, khi sinh lại chỉ là ảnh của thức hiện ra tương tự như nó sinh. Cho nên văn tư tuệ không duyên cảnh nó từng duyên đã tàn tạ. Cho nên càng rõ đây là chỉ có thức. Nghĩa sở thủ là vô lý.

Luận nói: Như vậy là đã nói các thức ví dụ như chiêm bao v.v.... Tức trong các ví dụ, nhãn thức v.v... các thức đều có thể thành

duy thức. Nhưng nhãn thức v.v... các thức đã là có sắc cảnh, mà cũng là chỉ có thức, thì làm sao thấy được?

Đây cũng giống như trước, nghĩa là phải suy từ giáo và lý.

Giải thích: Nhãn thức v.v... các thức đều chẳng có sắc, có thể thành duy thức. Nhãn v.v... các thức đã là có sắc làm sao là duy thức? Đây cũng giống như trước, nghĩa là phải suy từ giáo và lý, tức nhãn v.v... các thức đây như trước đã dẫn, giáo và lý hiển thị cũng thành duy thức.

Luận nói: Nếu các thức này, bản thể cũng là thức thì tại sao hiển hiện tương tự tính chất của sắc và một loại trụ vững liên tục chuyển?

Vì cùng với các pháp tạp nhiễm điên đảo làm chỗ dựa. Nếu không như vậy thì trong phi nghĩa đã không khởi nghĩa điên đảo. Nếu không có đây thì không có 2 chương tạp nhiễm là phiền não và sở tri. Nếu không có đây thì cũng không có các pháp thanh tịnh. Vì vậy các thức phải chuyển biến như vậy. Ở đây có bài tụng như sau:

*Loạn tướng và loạn thể,  
Đều cho là sắc thức,  
Cùng với phi sắc thức,  
Nếu không, mọi sự không.*

Giải thích: Một loại trụ vững liên tục chuyển, tức là do tương tự nên gọi là một loại. Trụ thời gian lâu nên gọi là trụ vững. Các thức có sắc tương tự nhiều thời gian liên tục chuyển. Nói điên đảo v.v... , tức chúng thủ các pháp tạp nhiễm cùng phiền não chương và sở tri chương làm tính của nhân. Làm chỗ dựa, tức là tính của nhân kia. Nếu các thức kia lia các chuyển biến như vậy thì trong phi nghĩa sẽ không có khởi nghĩa điên đảo. Nếu không có đây, nghĩa là nếu các pháp tạp nhiễm phiền não chương, nếu các pháp tạp nhiễm sở tri chương không có. Trong bài tụng này hiển thị nghĩa ấy. Loạn tướng loạn thể là tuân tự cho là sắc thức và phi sắc thức. Loạn tướng tức

là loạn nhân. Sắc thức là thể. Loạn thể tức là các thức không có sắc. Nếu không có sắc thức loạn nhân thì không có quả phi sắc thức.

Luận nói: Vì sao thân thức, thân giả thức, thụ giả thức, sở thụ thức, năng thụ thức đều cùng tồn tại cùng hòa hợp chuyển biến trong tất cả thân?

Vì vậy mới có thể thể hiện đầy đủ sự thụ dụng trong đời sống.

Vì sao thể thức v.v...các thức có chuyển biến sai biệt?

Vì từ vô thủy đến nay sinh tử lưu chuyển không đoạn dứt. Vì thế giới chúng sinh không số lượng. Vì thế giới như cái đồ đựng không số lượng. Vì ngôn ngữ nói về các việc làm không số lượng. Vì các sự giữ lấy, thụ dụng khác nhau không số lượng. Vì sự thụ dụng quả dị thực của nghiệp ái phi ái khác nhau không số lượng. Vì chịu các thứ sinh tử khác nhau không số lượng.

Giải thích: Vì khiến tự thân đầy đủ các thụ dụng. Thân thức, thân giả thức và thụ giả thức, 3 thức này đồng thời cấu hữu, hòa hợp trong tất cả các thân. Đồng thời chuyển nên gọi là cấu hữu. Vì là sở hiển nên là tính của nhân kia.

Luận nói: Lại nữa, làm thế nào thành lập các thức như vậy làm tính của duy thức?

Nói sơ lược có 3 tướng: một là do chỉ có thức mà không có thật, hai là do 2 tính mà có 2 thức tướng phần và kiến phần khác nhau, ba là do rất nhiều thứ hành tướng sinh khởi. Bởi vì sao? Vì tất cả thức không có thật nên thành duy thức. Bởi có tướng phần và kiến phần nên thành 2 thứ thức. Nếu các thức như nhãn thức v.v... lấy các thức như sắc thức v.v... làm tướng phần, thì lấy cái thức của nhãn thức làm kiến phần, cho đến cái thức của thân thức làm kiến phần. Nếu ý thức lấy tất cả các thức từ đầu tiên là nhãn thức đến cuối cùng là pháp thức làm tướng phần, thì lấy thức của ý thức làm kiến phần. Do

đó ý thức có phân biệt, tương tự như tất cả thức mà sinh khởi. Ở đây có bài tụng như sau:

*Duy thức: hai, nhiều thứ,  
Quán giả ý năng nhập.  
Do ngộ nhập duy thức,  
Chiết phục rồi thoát ly.*

Giải thích: Trong đây văn trường hàng và tụng hiển thị do 3 thức tướng thành lập duy thức. Trong trường hàng, do duy thức là chỉ có thức cho nên tất cả các thức đều chỉ có thức. Do nghĩa của sở thức là vô sở hữu. Do 2 tính, tức là do trong một thức an lập tướng và kiến. Tức là một thức này, một phần thành tướng, thứ hai thành kiến. Nhân v.v.... các thức ngay nơi 2 tính an lập các thức. Nghĩa là trên một thức, tùy thích ứng, một phần biến tựa các tướng sinh, phần thứ hai biến tựa các thức năng thủ. Nếu về ý thức tức lấy tất cả nhãn làm đầu tiên, pháp làm sau cùng. Các thức là tướng, ý thức thức là kiến. Do ý thức này phân biệt khắp cả nên tựa như tất cả thức mà sinh khởi. Lại nữa ở trong 3, chỉ ý thức lấy tất cả cảnh giới làm sở thủ nên không quyết định. Ngoài ra các thức thì cảnh giới quyết định, lại nữa không phân biệt. Ý thức thì phân biệt cho nên chỉ ở đây an lập thứ ba các thức tướng kiến. Vì vậy cho nên nơi ý thức này an lập đầy đủ duy thức. Trong Già-tha, nói năng nhập duy thức là ngộ nhập nghĩa sở thủ. Vì vĩnh viễn không có cho nên năng nhập hai, tức là ngộ nhập thức này. Vì có tướng kiến cho nên năng nhập các thức, tức là ngộ nhập thức này, vì tựa như các thức tướng mà sinh khởi. “Quán giả ý”, nghĩa là ý thức của các sư Du-già. Hỏi: Ngộ nhập vào cái gì? Đáp: Do ngộ nhập duy tâm kia cũng có thể đè bẹp lia bỏ. Nếu có thể ngộ nhập chỉ có cái tâm kia đều không có nghĩa, tức là đối với kia cũng có thể đè bẹp lia bỏ. Đã không có nghĩa sở thủ, làm gì có tâm năng thủ? Nói nhập vào 2 tính và nhập vào các thức đều là thành lập nhập vào nhân của duy thức. Các nghĩa khác tương tự.



Luận nói: Lại ở đây có một số sư nói chỉ có một ý thức. Ý thức ấy tùy chuyên mà có các tên khác nhau. Như nghiệp của ý, gọi là thân nghiệp, ngữ nghiệp.

Giải thích: Một loại Bồ-tát muốn khiến chỉ có một thể của ý thức, họ lần lượt an lập hiển thị. Như ý tư nghiệp gọi là thân ngữ nghiệp, nghĩa là như một ý nghĩ chuyển ở nơi thân thì gọi là thân nghiệp, được chuyển ở nơi ngôn ngữ thì gọi là ngữ nghiệp, nhưng nó là ý nghiệp. Ý thức cũng vậy, tuy là một nhưng khi y nơi nhãn chuyển thì gọi là nhãn thức, như vậy cho đến khi y nơi thân chuyển thì gọi thân thức, chứ không phải là ý thức có riêng các thức khác. Chỉ đặc biệt trừ có thức A-lại-da.

Luận nói: Lại nữa ở tất cả nơi sở y, khi chuyển biến thì sinh nhiều thứ ảnh tượng gồm có 2 loại: ảnh tượng thật và ảnh tượng phân biệt. Lại nữa ở tất cả mọi nơi sự chuyển biến tựa ý thức chạm xúc ảnh tượng. Trong thế giới có hình sắc thì ý thức này dựa vào thân, như các sắc căn nương tựa vào thân vậy.

Giải thích: Có thể có người thắc mắc rằng nhãn v.v... các căn là không có phân biệt, cho nên ý thức dựa vào căn khi chuyển cũng phải không phân biệt. Như nhiệm ô ý là chỗ dựa của tạp nhiễm khiến tạp nhiễm chuyển, đây cũng vậy. Cho nên tiếp để giải thích rằng lại nữa khi tất cả chỗ dựa chuyển, tựa như các tướng có 2 ảnh tượng chuyển. Đó là duy nghĩa ảnh tượng và phân biệt ảnh tượng. Trong này nói tất cả chỗ dựa, nghĩa là chỗ dựa của nhãn v.v... Tương tự các thứ tướng 2 ảnh tượng chuyển, nghĩa là chỉ có ảnh tượng tương tự nghĩa và ảnh tượng phân biệt 2 câu giải thích. Do 2 câu này nói duy chỉ một thức một phần chie có nghĩa ảnh tượng hiển hiện, phần thứ hai phân biệt rường nghĩa này sinh. Cho nên trước nói không có lỗi. Lại tất cả mọi nơi cũng tựa ảnh tượng sở xúc mà sinh. Nghĩa là ở nơi có sắc khi ở trong định không có 5 thức, trong sắc thân khởi nội lãnh thụ như các sắc căn y chỉ nơi thân, như nhãn v.v... các căn có sắc y chỉ nơi thân,

do các căn này y chỉ nơi thân nên nơi tự sở y có thể khởi tổn ích. Ý thức cũng vậy. Y chỉ thân cho nên biết rằng ở nơi thân có thể làm biến đổi. Lại có nghĩa khác, nghĩa là như thân căn y chỉ nơi thân, nếu có ngoại duyên hiện tiền xúc, thân căn liền tương tự tương xúc khởi. Tức ngay khi khởi, nơi tự y thân có thể sinh tổn ích. Ý thức cũng vậy. Vì y chỉ thân nên khi tương tự ảnh tượng bị xúc kia sinh, đối với thân y chỉ có thể sinh tổn ích.

Luận nói: Ở đây có bài tụng như sau:

*Đi xa, đi một mình,  
Không thân ngủ ở hang.  
Điều phục tâm khó trị,  
Là chân thật phạm chí.*

Giải thích: Các Bồ-tát kia để thành nghĩa này đã dẫn Già-tha trong A-cấp-ma làm chứng. “Nếu đi xa”, là vì năng duyên tất cả cảnh sở duyên. Nói “đi một mình” là vì không có thứ hai. Nói “không thân” là vì xa lìa thân. “Ngủ ở hang” là vì trú ngụ trong thân như cái hang. Nói “điều phục đây” là vì làm tự tại. “Tâm khó điều phục” là vì tính bạo ác.

Luận nói: Lại như kinh nói các cảnh giới mà 5 căn đi qua, ý thức đều có thể tiếp thụ. Ý thức là chỗ dựa của 5 căn.

Giải thích: Lại dẫn kinh giáo để chứng thành nghĩa này. Như vậy những cảnh giới mà 5 căn đi qua, ý thức đều có thể tiếp nhận, nghĩa là nơi các căn đi qua gọi là cảnh giới. Các cảnh giới như vậy ý thức đều có thể tiếp nhận, đều có thể phân biệt được các pháp. Mỗi mỗi đều có thể lãnh thụ, nên gọi là mỗi mỗi có thể tiếp nhận. Ý thức là chỗ dựa kia, nghĩa là nhân năng sinh của các căn, vì ý tán loạn nên chúng không sinh.

Luận nói: Lại có chỗ nói trong 12 xứ, 6 thức thân đều gọi là ý xứ.

Giải thích: Lại có Thánh giáo có thể chứng minh nghĩa này. Nghĩa là 6 thức thân đều gọi là ý, không có tên thức nào khác. Vì Phật nói 6 thức thân đều là ý xứ, cho nên được biết chỉ có ý thức.

Luận nói: Nếu nơi nào lập thức A-lại-da làm thức thật thì nên biết rằng tất cả các thức khác là thức tướng phần của nó. Nếu ý thức và các thức nó y chỉ là thức kiến phần của nó. Do thức tướng phần kia là tướng sinh duyên của thức kiến phần nên khi tựa như thật hiển hiện thì nó có thể làm chỗ y chỉ cho thức kiến phần sinh khởi. Như vậy là đã xác lập các thức thành tính của duy thức.

Giải thích: Trong thức A-lại-da cũng được thiết lập 2 thức là thức tướng phần và thức kiến phần. Nghĩa là thức A-lại-da lấy ý thức và chỗ y chỉ kia làm thức kiến phần của nó. Nhãn v.v... các thức làm thức tướng phần của nó. Vì tất cả pháp đều là thức cho nên do thức tướng phần kia, nghĩa là nhãn v.v... các thức là tướng sinh duyên của thức kiến phần này là kiến sinh nhân. Do tính sở duyên gọi là kiến sinh nhân. Khi tựa như thật hiển hiện thì nó có thể làm chỗ y chỉ cho thức kiến phần sinh khởi, có thể ở nơi kiến phần kia nên gọi là thức kiến phần. Tức là khi thức kiến phần này hiển hiện tựa nghĩa, các thức tướng phần kia cùng với thức kiến phần của ý có thể trụ nơi nhân liên tục không gián đoạn, Vì vậy gọi là sinh y chỉ.

Luận nói: Mọi sự thật hiện tiền rõ ràng mà làm sao biết rằng nó không phải thật có?

Như Thế Tôn nói: Nếu Bồ-tát thành tựu 4 pháp có thể ngộ nhập tất cả duy thức, tất cả đều không có thật. Một là thành tựu cái trí biết thức tướng trái nhau. Như ngựa quỳ, bàng sinh và chư thiên đối với cùng một sự việc mà có sự thấy biết khác nhau. Hai là thành tựu cái trí biết không có cảnh sở duyên mà thức vẫn có thể có hiện hành. Như duyên quá khứ, vị lai, ảnh tượng trong chiêm bao. Ba là thành tựu cái trí biết phải lìa sự dụng công mà không điên đảo. Như trong

thật nghĩa có thể duyên nghĩa thức mà không điên đảo, vì trí chân thật không do dụng công. Bốn là thành tựu 3 thứ thắng trí biết tùy duyên. Những gì là ba? Một là được tâm tự tại. Tất cả Bồ-tát được tĩnh lự tùy theo sức thắng giải mà các nghĩa hiển hiện. Hai là người được pháp tu quán Xa-ma-tha thì vừa tác ý các nghĩa liền hiển hiện. Ba là người đã được trí vô phân biệt thì trước khi trí vô phân biệt hiện tiền, các nghĩa đều không hiển hiện. Do 3 thứ thắng trí tùy duyên diệu trí này, với 3 thứ nhân duyên nói trên mà thành tựu lý thật và không thật.

Giải thích: Cái trí biết thức tương trái nhau, nghĩa là có thể hiểu biết trái nhau là thức duyên nghĩa tướng. Cái trí biết không có cảnh sở duyên mà thức vẫn có thể có hiện hành, nghĩa là hiện thấy có tuy không có sở duyên mà thức được sinh. Cái trí biết như quá khứ v.v... phải liả sự dụng công mà không điên đảo, nghĩa là có thể hiểu rõ thật nghĩa như vậy, như chỗ hiển hiện tức là thật có, liả khởi đối trị trí không điên đảo tự nhiên thành tựu. Ba thứ thắng trí tùy duyên diệu trí, nghĩa là hiểu rõ 3 thứ thắng trí, cảnh tùy duyên nghĩa. Được tâm tự tại, là được tâm điều thuận có chỗ kham năng. Được tĩnh lự, nghĩa là các Thanh Văn và Độc Giác v.v... đã được tĩnh lự. Tùy theo sức thắng giải mà các nghĩa hiển hiện, nghĩa là nếu nguyện lạc địa thành thì nước, hoặc lửa cũng như ý thành. Được pháp tu quán Xa-ma-tha, là được tu pháp quán Tam-ma-địa, đối với khế kinh siêng tu quán sát. Khi vừa tác ý các nghĩa liền hiển hiện, nghĩa là tùy nơi một nghĩa như như tác ý thì như vậy như vậy chẳng phải cảnh tướng của một phẩm loại hiển hiện. Khi trí vô phân biệt hiện tiền, tất cả các nghĩa đều không hiển hiện, nghĩa là nếu hiển hiện nghĩa, tức như vậy thật có, phải không được có trí vô phân biệt. Trí vô phân biệt nếu là thật có thì chắc chắn phải chấp nhận các nghĩa đều không.

Luận nói: Nếu tự tính y tha khởi thật chỉ có thức, làm chỗ y chỉ cho những hiển hiện không thật thì sao gọi là y tha khởi? Vì nhân duyên gì gọi là y tha khởi?

Từ chủng tử huân tập sinh ra, do duyên cái khác mà sinh khởi nên gọi là y tha khởi. Sau khi sinh ra một sát-na không có công năng mà tự nhiên tồn tại nên gọi là y tha khởi.

Giải thích: Thật chỉ có thức, làm chỗ y chỉ cho những hiển hiện không thật, nghĩa là thật không có nghĩa, chỉ có thức của nó cùng với nó hiển hiện nghĩa tương tự làm nhân, tức đây chỉ có thức gọi là y tha khởi. Sao gọi là y tha khởi, là hỏi tự nhiếp thụ. Vì nhân duyên gì gọi là y tha khởi, là hỏi của người kia nói. Từ tự nhân sinh ra, sinh ra rồi không có công năng tạm thời an trụ, gọi là y tha khởi. Phải tự nhiếp thụ cũng là người kia nói.

Luận nói: Nếu tự tính biến kế sở chấp dựa vào y tha khởi, hiển hiện tựa như thật mà không thật có thì sao thành biến kế sở chấp? Vì nhân duyên gì gọi là biến kế sở chấp?

Vì là hành tướng của ý thức, chấp trước khắp cả điền đảo sinh ra, nên gọi là biến kế sở chấp. Vì không có tự tướng, chỉ do chấp trước khắp cả mà được, nên gọi là biến kế sở chấp.

Giải thích: Dựa vào y tha khởi, nghĩa là dựa vào duy thức, thật không sở hữu, thật không tự thể. Hiển hiện tựa như thật, nghĩa là chỉ được cái nghĩa tương tự hiển hiện. Vì sao, vì có gì v.v... là như trước nói. Vô lượng hành tướng là hành tướng tất cả cảnh giới. Ý thức biến kế tức là ý thức. Nói biến kế điền đảo sinh tướng, nghĩa là có thể sinh cảnh tướng sở duyên điền đảo hư vọng. Thật không có tự tướng, nghĩa là thật không có cái thể kia. Chỉ có biến kế sở chấp, nghĩa là chỉ do loạn thức chấp.

Luận nói: Nếu tự tính viên thành thật là vĩnh viễn không còn tướng biến kế sở chấp thì thể nào là thành viên thành thật? Do nhân duyên gì gọi là viên thành thật?

Do tính không biến đổi nên gọi là viên thành thật. Lại do tính nó là sở duyên của thanh tịnh, là tính vượt trội hơn tất cả thiện pháp. Do nghĩa vượt trội này mà gọi là viên thành thật.

Giải thích: Là biến kế sở chấp vĩnh viễn không có tướng, nghĩa là tự tính của biến kế sở chấp lấy vô tính làm tính. Vì sao, vì có gì v.v... như đã nói trong y tha ở trước. Do tính không biến đổi, nghĩa là tính không hư dối. Như tính không hư dối, lại do tính thanh tịnh duyên nên là tính tối thắng hơn tất cả thiện pháp. Do nghĩa tối thắng mà gọi là viên thành thật, nghĩa là vì do tính thanh tịnh sở duyên, vì tính tối thắng nên gọi là viên thành thật.

Luận nói: Lại nữa có năng biến kế, có sở biến kế mới thành tự tính của biến kế sở chấp. Vậy cái gì là năng biến kế, cái gì là sở biến kế, cái gì là tự tính của biến kế sở chấp?

Ý thức là năng biến kế, vì có phân biệt. Bởi vì sao? Vì ý thức này dùng danh ngôn tự huân tập làm chủng tử, và dùng danh ngôn huân tập của tất cả thức làm chủng tử, cho nên ý thức có vô số hành tướng phân biệt chuyển biến khắp tất cả sự phân biệt kể đặc nên gọi là biến kế. Còn tự tính y tha khởi gọi là sở biến kế. Lại nếu do cái tướng này khiến cho tự tính y tha khởi thành biến kế, thì gọi là tự tính biến kế sở chấp. Do tướng như vậy mà có nghĩa như vậy.

Lại nữa thế nào là biến kế có thể kế đặc khắp cả? Duyên cảnh giới nào? Thủ lấy tướng mạo gì? Do cái gì chấp trước? Lấy cái gì khởi lên ngôn ngữ? Lấy cái gì nói năng? Tăng ích cái gì?

Do duyên tên gọi làm cảnh. Trong tự tính y tha khởi, thủ lấy tướng mạo của y tha khởi. Do vọng kiến mà chấp trước. Lấy sự tìm cầu mà khởi lên ngôn ngữ. Do 4 thứ thấy, nghe, hay, biết mà khởi lên sự nói năng. Trong sự không thật, tăng thêm sự hiện hữu. Do đó biến kế có thể kế đặc khắp tất cả.

Giải thích: Lại nữa thế nào là biến kế có thể kế đặc khắp cả, nghĩa là ý thức gọi là năng biến kế, tính y tha khởi gọi là sở biến kế. Để hiển thị do phẩm loại này có thể kế đặc khắp cả nên lại nói duyên tên gọi là cảnh v.v... Trong tự tính y tha khởi, thủ lấy tướng mạo, nghĩa là ngay trong y tha khởi này, do nhãn v.v... các tên thủ

lấy tướng mạo kia, do thủ lấy tướng kia nên có thể kể đặc khắp cả. Do vọng kiến mà chấp trước, là như chỗ thủ lấy tướng mà chấp trước như vậy. Do sự tìm cầu mà khởi lên ngôn ngữ, là như chấp trước là do lời nói, nhân tìm cầu mà phát ngôn ngữ. Do 4 thứ thấy, nghe, hay, biết mà khởi lên sự nói năng, là như ngôn ngữ nói ra 4 thứ thấy nghe hay biết và các ngôn thuyết khác. Trong sự không thật, tăng thêm sự hiện hữu, là như trong các ngôn thuyết vô nghĩa mà chấp là có nghĩa.

Luận nói: Lại nữa 3 tự tính này khác nhau hay không khác nhau?

Phải nói là chẳng khác, chẳng phải không khác. Nghĩa là tự tính y tha khởi là do từ một cái khác mà thành ra có y tha khởi. Tức là tự tính này là do cái khác nên thành biến kế sở chấp. Tức là tự tính này là do cái khác nên thành viên thành thật.

Vậy do cái khác gì mà tính y tha khởi này thành y tha khởi?

Là do các chủng tử y tha huân tập sinh khởi.

Do cái khác gì mà tính y tha khởi này thành biến kế sở chấp?

Là do tướng sở duyên của biến kế, và cũng là sở biến kế của biến kế.

Do cái khác gì mà tính y tha khởi này thành viên thành thật?

Là như biến kế tất cả rồi mà không thật có như đã biến kế.

Giải thích: Là do tướng sở duyên của biến kế, nghĩa là ý thức kia gọi là biến kế. Đây là tính của cảnh sở thủ sở duyên có thể sinh biến kế. Cho nên cũng gọi là biến kế sở chấp. Và cũng là sở biến kế của biến kế, tức là ý thức kia gọi là biến kế, duyên tướng mạo kia làm cảnh sở thủ, làm sở biến kế. Do nghĩa này mà y tha khởi tính cũng gọi là biến kế sở chấp tự tính. Như đã biến kế, tức là như biến kế sở chấp của ý thức kia. Tất cả rồi không thật có, tức là vì biến kế sở chấp trên cái sở biến kế là hoàn toàn không. Do nghĩa này nên ngay nơi tự tính này thành viên thành thật.

Luận nói: Ba tự tính này, mỗi tính có bao nhiêu thứ?

Y tha khởi đại khái có 2 thứ. Một là do chủng tử y tha huân tập sinh ra. Hai là không thành tính y tha là tạp nhiễm hay thanh tịnh. Do có 2 thứ y tha khác biệt nên gọi là y tha khởi.

Biến kế sở chấp cũng có 2 thứ. Một là tự tính biến kế chấp. Hai là sai biệt biến kế chấp. Do đó nên gọi là biến kế sở chấp.

Tính viên thành thật cũng có 2 thứ. Một là tự tính viên thành thật. Hai là thanh tịnh viên thành thật. Do đó nên gọi là tính viên thành thật.

Giải thích: Nói vì không thành tính tạp nhiễm hay thanh tịnh, do đó mới là tính y tha khởi. Nếu khi biến kế tức thành tạp nhiễm, khi không phân biệt tức thành thanh tịnh. Do có 2 phần nên không thành một tính. Cho nên gọi là tính y tha khởi. Tự tính biến kế chấp là như nhãn v.v... biến kế chấp là tự tính của nhãn v.v... Sai biệt biến kế chấp là như tự tính biến kế chấp kia của nhãn v.v... là thường, vô thường v.v... có vô lượng sai biệt. Tự tính viên thành thật, nghĩa là hữu cấu chân như. Thanh tịnh viên thành thật là vô cấu chân như.

Luận nói: Lại nữa biến kế có 4 thứ: 1.tự tính biến kế, 2.sai biệt biến kế, 3.hữu giác biến kế, 4.vô giác biến kế. Hữu giác là giỏi về danh ngôn. Bất giác là không thông hiểu danh ngôn. Do đó biến kế lại có 5 thứ: Một là y danh biến kế nghĩa tự tính. Nghĩa là tên gọi như vậy thì có nghĩa như vậy. Hai là y nghĩa biến kế danh tự tính. Nghĩa là theo nghĩa như vậy thì có tên như vậy. Ba là y danh biến kế danh tự tính. Nghĩa là y theo tên mà biến kế tất cả các tên chưa rõ nghĩa. Bốn là y nghĩa biến kế nghĩa tự tính. Nghĩa là kể đặc tất cả các nghĩa mà chưa biết tên. Năm là y theo 2 biến kế và 2 tự tính. Nghĩa là kể đặc khắp cả tên như vậy, nghĩa như vậy và thể tính như vậy.

Giải thích: Giỏi về danh ngôn, nghĩa là thông hiểu các danh ngôn. Không thông hiểu danh ngôn như loài bò dê v.v... tuy có phân biệt nhưng không biết được văn tự.



Luận nói: Lại nữa gồm thâu tất cả phân biệt thì đại lược có 10 thứ. Một là phân biệt căn bản, tức là thức A-lại-da. Hai là phân biệt về duyên tướng, tức sắc thức v.v... Ba là phân biệt về hiển tướng, tức nhãn thức v.v... và thức sở y. Bốn là phân biệt về sự biến đổi của duyên tướng, tức như biến đổi thành già, biến đổi cảm thụ vui v.v..., biến đổi vì tham v.v..., biến đổi khó chịu vì thời tiết thay đổi, biến đổi các nẻo đường chúng sinh như Nại-lạc-ca v.v... và biến đổi các cõi như cõi Dục v.v... Năm là phân biệt về biến đổi của hiển tướng, tức biến đổi của các biến đổi nói trên. Sáu là phân biệt do từ người khác đưa đến, tức phân biệt khi nghe phi pháp và nghe chính pháp. Bảy là phân biệt không đúng lý, tức như phân biệt của ngoại đạo nghe các pháp không đúng chính pháp. Tám là phân biệt đúng lý, tức phân biệt các loại chính pháp khi nghe chính pháp. Chín là phân biệt chấp trước, tức phân biệt thuộc loại tác ý không đúng, như tương ưng 62 kiến chấp lấy Tát-ca-da kiến làm gốc. Mười là phân biệt tán động, tức 10 thứ phân biệt của Bồ-tát.

Giải thích: Gồm thâu tất cả phân biệt thì đại lược có 10 thứ, đó là tổng nêu, sau sẽ giải thích riêng. Phân biệt căn bản, tức là thức A-lại-da là căn bản các phân biệt. Tự thể cũng là phân biệt. Phân biệt về duyên tướng, tức sắc thức v.v... là tướng sở duyên, sở khởi phân biệt. Phân biệt về hiển tướng, tức nhãn thức v.v... và thức sở y hiển hiện tựa như tướng nó duyên cảnh khởi phân biệt. Có sở phân biệt hoặc năng phân biệt gọi là phân biệt về duyên tướng. Phân biệt về sự biến đổi của duyên tướng, nghĩa là ngay nơi duyên tướng có sự biến đổi, duyên nơi duyên tướng này có sự phân biệt biến đổi, nên gọi là phân biệt về sự biến đổi của duyên tướng. Nói tức như biến đổi thành già, là các đại chủng trong thân biến đổi thành suy hủ, gọi là phân biệt biến đổi thành già, cho nên nói là phân biệt về sự biến đổi của duyên tướng. Nói v.v... là cả đến các biến đổi như bệnh, chết. Các biến đổi như lạc thụ v.v... cũng vậy, nghĩa là do lạc thụ thân thể đổi khác. Chữ v.v... nghĩa là kể cả sân, si, khi bức hại

hay thời tiết thay đổi khác cũng vậy. Nghĩa là thân biến đổi vì khởi phân biệt đối với cảnh sở duyên. Bức hại nghĩa là giết chóc hay bắt bớ v.v... Thời tiết thay đổi, nghĩa là khi lạnh v.v... biến đổi. Biến đổi các nẻo đường chúng sinh như Nại-lạc-ca v.v..., nghĩa là kể cả các nẻo ngã quý, bàng sinh. Và biến đổi các cõi như cõi Dục v.v... cũng vậy. Chử v.v... là kể cả cõi Sắc cõi Vô sắc. Phân biệt về biến đổi của hiển tướng, nghĩa là nhãn thức v.v... hiển hiện tựa như cảnh tướng sở duyên kia có sự đổi khác. Duyên hiển tướng này phân biệt biến đổi. Đây cũng giống như trước đã nói về các biến đổi như già v.v... Phân biệt do từ người khác đưa đến, nghĩa là do giáo thuyết của người khác mà khởi phân biệt. Đây lại có 2 thứ: một là nghe các thứ phi chính pháp, hai là nghe chính pháp. Đây cũng có 2 thứ phân biệt, nghĩa là nghe loại chính pháp hoặc thiện hoặc bất thiện. Nghe loại phi chính pháp cũng như vậy. Phân biệt không đúng lý, nghĩa là các ngoại đạo và đệ tử của họ nghe loại phi chính pháp là nhân phân biệt. Phân biệt đúng lý, nghĩa là trong chính pháp các đệ tử Phật nghe loại chính pháp là nhân phân biệt. Phân biệt chấp trước, nghĩa là không như lý tác ý là nhân y chỉ ngã kiến, khởi 62 thứ phân biệt tương ưng các ác kiến thứ, như kinh có nói rộng. Phân biệt tán động, nghĩa là 10 thứ phân biệt của Bồ-tát, sau sẽ nói đến.

Luận nói: Đó là: 1.tán động không có tướng, 2.tán động có tướng, 3.tán động tăng ích, 4.tán động tổn giảm, 5.tán động một tính, 6.tán động khác tính, 7.tán động tự tính, 8.tán động sai biệt, 9.tán động lấy nghĩa theo tên, 10.tán động lấy tên theo nghĩa. Để đối trị 10 thứ tán động này, trong tất cả Bát-nhã Ba-la-mật-đa nói trí vô phân biệt. Như vậy phải biết sở trị năng trị đều gồm thấu đầy đủ nghĩa của Bát-nhã Ba-la-mật-đa.

Giải thích: Trong đây nói tán động không có tướng, nghĩa là tán động này lấy cái không, làm tướng sở duyên. Để đối trị tán động này nên Kinh Bát-nhã Ba-la-mật-đa nói thật có Bồ-tát. Nói thật có,

tức hiển thị Bồ-tát thật có cái thể không. Không tức là thể, nên gọi là cái thể không. Tán động có tướng, nghĩa là tán động này lấy cái có, làm tướng sở duyên. Để đối trị tán động này nên kinh kia nói không thấy có Bồ-tát. Ý kinh này nói không thấy Bồ-tát vì biến kế sở chấp và y tha khởi là thể. Tán động tăng ích, nghĩa là để đối trị tán động này, kinh kia nói tự tính của sắc là không, do biến kế sở chấp, sắc tự tính là không. Tán động tổn giảm, là để đối trị tán động này, như kinh kia nói chẳng do không, cho nên gọi pháp tính, sắc tính chẳng không. Tán động một tính, là để đối trị tán động này, kinh kia nói sắc không phi sắc. Bởi vì sao? Nếu y tha khởi và viên thành thật là một tính thì y tha khởi này phải là cảnh thanh tịnh như viên thành thật. Tán động khác tính là, để đối trị tán động này tức như kinh kia nói sắc chẳng lìa không. Bởi vì sao? Bởi nếu hai cái khác nhau thì pháp và pháp tính cũng phải khác nhau. Nếu có tính khác nhau thì không đúng đạo lý như pháp vô thường với tính vô thường. Nếu lấy tính biến kế sở chấp thì sắc tức là không, không tức là sắc. Bởi vì sao? Vì sắc của biến kế sở chấp là vô sở hữu, tức tính nó là không. Cái tính không này tức nó là vô sở hữu, không phải như y tha khởi và viên thành thật, không thể nói là một. Tán động tự tính là, để đối trị tán động này như kinh kia nói: Xá-lợi tử ! Cái này chỉ có tên, gọi đó là sắc. Bởi vì sao? Vì tự tính của sắc là vô sở hữu. Tán động sai biệt là, để đối trị tán động này như kinh kia nói: Tự tính không sinh không diệt không nhiễm không tịnh. Sinh tức có nhiễm, diệt tức có tịnh. Không sinh diệt nên không nhiễm tịnh. Các câu ấy có nghĩa như vậy. Như tán động lấy nghĩa theo tên, nghĩa là lấy nghĩa tán động theo tên của nó. Để đối trị tán động này như kinh kia nói: Giả lập tên các khách trần riêng khác đối với các pháp mà khởi phan biệt. Nói riêng khác là có tên riêng khác. Tán động lấy tên theo nghĩa là, để đối trị tán động này như kinh kia nói: Giả lập tên các khách trần rồi tùy theo đó khởi ngôn thuyết, chứ không phải tự tính của nghĩa có tên như vậy. Để đối trị 10 thứ

tán động này, nên nói Bát-nhã Ba-la-mật-đa. Do nói Bát-nhã Ba-la-mật-đa này là nhân sinh trí vô phân biệt.

Luận nói: Nếu do dị môn của tự tính y tha khởi mà có 3 tự tính thì tại sao 3 tự tính thì tái sao 3 tự tính không thành ra không khác nhau?

Vì nếu do dị môn mà thành y tha khởi thì không do đó mà thành biến kế sở chấp và viên thành thật. Nếu do dị môn mà y tha khởi thành biến kế sở chấp thì không do đó mà thành y tha khởi và viên thành thật. Nếu do dị môn mà y tha khởi thành viên thành thật thì không do đó mà thành y tha khởi và biến kế sở chấp.

Giải thích: Nghĩa này đã được giải thích như ở trước.

# NHIẾP ĐẠI THỪA LUẬN THÍCH

## QUYỂN 5

### 3 – 2. Tướng sở tri

Luận nói: Lại nữa làm sao biết được, như tự tính y tha khởi, tự tính biến kế sở chấp hiển hiện nhưng không xứng thể?

Vì trước khi có cái tên thì cái biết không có, nói xứng thể là mâu thuẫn. Do tên có nhiều, nhiều mâu thuẫn với thể. Cho nên do tên không quyết định mà mâu thuẫn với tạp thể. Ở đây có 2 bài tụng như sau:

*Trước tên , không trí giác,  
 Tên nhiều không nhất định.  
 Thành xứng thể, nhiều thể,  
 Tạp thể mâu thuẫn nhau.  
 Pháp không mà như có,  
 Không nhiễm mà có tịnh.  
 Nên biết như ảo thuật,  
 Cũng tựa như hư không.*

Giải thích: Nếu phần biến kế sở chấp của tự tính y tha khởi tuy có thể hiển hiện, nhưng không gọi là thể của nó. Để hiển thị nghĩa này nên nói do tên trước mà biết, không gọi đó là cái thể, vì mâu thuẫn nhau. Nếu y tha khởi và biến kế sở chấp là đồng một tướng thì không phải đợi tên mới biết được nghĩa. Như chấp có cái bình, nếu

tách rời tên cái bình thì trong nghĩa cái bình không có sự hiểu biết về cái bình. Còn nếu tên cái bình này và nghĩa cái bình kia là đồng một tướng thì phải chuyển thành sự hiểu biết về cái bình. Vì không phải một tướng nên không chuyển. Do đó tên và nghĩa mà nói như thể và tướng thì thành mâu thuẫn. Trong đây an lập tên tức là y tha khởi, nghĩa tức là biến kế sở chấp. Vì y tha khởi do tên, thể lực mà thành biến kế. Lại nữa trong một nghĩa có nhiều tên. Nếu tên và nghĩa đồng một tướng thì nghĩa cũng phải như tên phi có nhiều thứ. Nếu vậy nghĩa này phải thành nhiều thể. Một nghĩa nhiều thể là mâu thuẫn. Vì vậy hai tính nếu đồng một tướng thì thành lỗi mâu thuẫn thứ hai. Nếu tên không nhất định, như lấy một tiếng “cù” chuyển thành 9 nghĩa. Nếu chấp cho rằng tên và nghĩa đồng một tướng thì nhiều nghĩa mâu thuẫn nhau phải đồng một thể. Như vậy là thành lỗi mâu thuẫn thứ ba. Do chấp con bò v.v... không phải một tướng nghĩa đồng một tính, cho nên Già-tha thứ nhất làm rõ lại nghĩa này. Trong đây nói thành, là làm rõ y tha khởi và biến kế sở chấp không thành một nghĩa. Nói “Pháp không mà như có” một Già-tha này lấy các thí dụ như ảo hóa v.v... khai ngộ đệ tử. Đệ tử có 2 nghi vấn mâu thuẫn nhau: Vì sao pháp không mà hiển hiện có được? Vì sao không nhiễm mà có thanh tịnh? Trong đây 2 thí dụ giải thích nghi vấn này. Như ảo hóa v.v... là ví như ảnh tượng ảo hóa thật vô sở hữu mà có thể hiện ra được. Nghĩa ở đây cũng vậy. Tuy có thể hiện ra được nhưng chẳng phải thật có. Nói tựa như hư không là ví như hư không, tuy chẳng phải mây v.v... có thể làm nhiễm ô vì tính thanh tịnh, nhưng khi không có mây thì gọi là thanh tịnh. Các pháp cũng như vậy, tuy thật không nhiễm vì nó thanh tịnh, nhưng khi lìa hết các khách trần chướng cấu thì nói là thanh tịnh.

Luận nói: Lại nữa vì sao như chỗ hiển hiện là không thật có, mà tự tính y tha khởi không phải tất cả, tất cả đều không có. Nếu tự tính y tha khởi là không, thì tự tính viên thành thật cũng không. Nếu tự tính y tha khởi là không, thì tất cả đều không. Nếu tự tính y tha khởi

và viên thành thật là không, thì sẽ thành cái lỗi là không có nhiễm tịnh. Nhưng tạp nhiễm và thanh tịnh đã là hiện có, cho nên không nên nói tất cả đều không. Ở đây có bài tụng như sau:

*Nếu không y tha khởi,  
Viên thành thật cũng không.  
Nhất thiết chủng nếu không,  
Mãi mãi không nhiễm tịnh.*

Giải thích: Nếu y tha khởi có thể coi là không, đã vậy thì sao không gọi tất cả đều vô sở hữu? Nếu đây không có thì tính viên thành thật cũng phải không có. Bởi vì sao? Vì có tạp nhiễm thanh tịnh. Nếu hai đều không thì tất cả chủng đều vô sở hữu. Nay sẽ nói rõ điều này. Chẳng phải đều không có. Có sự kích bác về lỗi tạp nhiễm thanh tịnh. Tạp nhiễm thanh tịnh đã có thể hiện ra, cho nên 2 tính đều không phải không có. Nếu chấp là không tức bác bỏ sự hiện có. Tạp nhiễm thanh tịnh nói là vô sở hữu.

Luận nói: Chư Phật Thế Tôn nói giáo nghĩa Phương Quảng trong Đại thừa. Giáo nghĩa ấy nói như sau:

Nên biết tự tính của biến kế sở chấp như thế nào?

Nên biết vì tự tướng sai biệt nên nói là không thật có.

Nên biết tự tính của y tha khởi như thế nào?

Nên biết nó như ảo thuật, như sóng nắng, như chiêm bao, như ảnh tượng, như bóng sáng, như tiếng vang trong hang, như trăng dưới nước, như biến hóa.

Nên biết tự tính của viên thành thật như thế nào?

Nên biết nói rõ 4 pháp thanh tịnh. Những gì là 4 pháp thanh tịnh? Một là tự tính thanh tịnh, tức thắng nghĩa của pháp giới chân như, chân không, và thật tế không có tướng. Hai là lìa cấu uế thanh tịnh, tức lìa tất cả các chương như bản. Ba là được thanh tịnh đạo,

tức các pháp Bồ-đề phần, Ba-la-mật-đa v.v... Bốn là sinh cảnh thanh tịnh, tức các giáo pháp Đại thừa vi diệu, duyên từ giáo pháp thanh tịnh này nên chẳng phải là tự tính biến kế sở chấp, là tính đẳng lưu của pháp giới rất thanh tịnh nên chẳng phải là tự tính y tha khởi. Như vậy 4 pháp này gồm thâu tất cả các pháp thanh tịnh. Ở đây có 2 bài tụng như sau:

*Như huyễn, là nói sinh,  
Nói không, là biến kế,  
Nói 4 thứ thanh tịnh,  
Là nói viên thành thật.  
Tự tính và ly cấu,  
Thanh tịnh đạo sở duyên,  
Tất cả pháp thanh tịnh,  
Đều gồm trong 4 tướng.*

Giải thích: Tự tính thanh tịnh nghĩa là tự tính này xưa nay thanh tịnh, tức là tự tính chân như, thật có tướng chung bình đẳng của tất cả hữu tình. Do có tự tính thanh tịnh này nên nói tất cả pháp có Như lai tạng. Nói ly cấu thanh tịnh, tức chân như này xa lìa chướng cấu của phiền não sở tri, tức do đó chân như thanh tịnh hiển thành chư Phật. Nói được đạo thanh tịnh nghĩa là có thể được Thánh đạo chân như tức là thanh tịnh. Tức là niệm, trụ v.v... các pháp Bồ-đề phần cùng với tất cả Ba-la-mật-đa. Nói sinh cảnh thanh tịnh, tức là sinh cảnh giới sở duyên có thể chứng pháp Bồ-đề phần này. Sinh cảnh giới này tức là thanh tịnh nên gọi là sinh cảnh thanh tịnh. Tức 12 phần giáo trong khế kinh v.v... Bởi vì sao? Nếu Thánh giáo này là biến kế sở chấp thì phi thanh nhân tạp nhiễm. Nếu là y tha khởi thì phải thành hư vọng. Cái tính đẳng lưu từ pháp giới tột cùng thanh tịnh nên chẳng phải hư vọng. Đã lìa 2 tự tính nên thành viên thành thật. Lại nữa 4 thứ này trong Đại thừa tùy nói một thứ là nói tính viên thành thật. Trong đây 2 thứ đầu không có biến đổi khác, viên thành thật,



nên gọi là viên thành thật. Hai thứ sau không có điên đảo, viên thành thật, nên gọi là viên thành thật. Trong Già-tha sau có nói đủ nghĩa này. Ảo hóa v.v... nói trong sinh, nghĩa là y tha khởi trong đó gọi là sinh. Nếu ở nơi đó nói tất cả pháp ví như việc ảo hóa cho đến biến hóa, nên biết rằng đây là nói tính y tha khởi, nói không kể chấp. Nếu ở nơi đó nói không có sắc, cho đến nói không có tất cả các pháp, nên biết rằng đó là nói tính biến kể sở chấp.

Luận nói: Lại nữa vì lý do gì kinh nói tự tính y tha khởi ví như ảo hóa v.v...?

Vì để trừ mọi nghi ngờ hư vọng đối với tự tính y tha khởi.

Những mối nghi ngờ ấy như thế nào?

Là những nghi ngờ hư vọng đối với tự tính y tha khởi, do đó nghi ngờ như sau:

Vì sao không thật có, mà thành cảnh giới của hiện hành được?

Để trừ nghi ngờ đó nên nói ví dụ như ảo hóa.

Vì sao không thật có, mà có tâm tâm sở pháp chuyển biến?

Để trừ nghi ngờ đó nên nói ví dụ như sóng năng.

Vì sao không thật có, mà có các thụ dụng sai biệt đáng ưa , không đáng ưa?

Để trừ nghi ngờ đó nên nói ví dụ như chiêm bao.

Vì sao không thật có, mà lại sinh các quả báo đáng ưa không đáng ưa của các nghiệp tịnh và bất tịnh khác nhau?

Để trừ nghi ngờ đó nên nói ví dụ như ảnh tượng.

Vì sao không thật có, mà có các thức chuyển biến?

Để trừ nghi ngờ đó nên nói ví dụ như bóng sáng.

Vì sao không thật có, mà có những phát ngôn vô nghĩa?

Để trừ nghi ngờ đó nên nói ví dụ như tiếng vang trong hang.

Vì sao không thật có, mà thật có các cảnh Tam-ma-địa chuyển hiện?

Để trừ nghi ngờ đó nên nói ví dụ như trăng trong nước.

Vì sao không thật có, mà các Bồ-tát dùng tâm không điên đảo, thụ sinh để làm việc lợi lạc hữu tình?

Để trừ nghi ngờ đó nên nói ví dụ như biến hóa.

Giải thích: Vì nghĩa này nên nơi y tha khởi nói các thí dụ ảo hóa v.v... Nay sẽ hiển thị. Trong đây hư vọng nghi ngờ nghĩa là đối với tính hư vọng y tha khởi có các nghi ngờ. Để trừ nghi này nên nói các thí dụ ảo hóa v.v... hiển thị y tha khởi.

Nếu không thật có, làm sao thành cảnh?

Để trừ nghi ngờ đó nên nói ví dụ như ảo hóa làm rõ y tha khởi. Ví như ảnh tượng ảo hóa tuy không thật có mà thành cảnh giới. Nghĩa cũng như vậy. Lại có nghi khác:

Nếu không thật có, tức không sở duyên, thì tâm tâm sở pháp làm sao chuyển biến?

Để trừ nghi ngờ đó nên nói ví dụ như sóng nắng hiển thị y tha khởi. Trong đó sóng nắng ví dụ tâm tâm pháp, nước ví dụ cho thật nghĩa. Ví như sóng nắng lay động, tuy không có thật mà thấy như có nước. Các tâm tâm pháp cũng như vậy, do dao động nên tuy không có thật mà sinh tưởng như có thật. Các ngu phu lại còn nghi:

Nếu không thật có, làm sao có các thụ dụng sai biệt đáng ưa, không đáng ưa?

Để trừ nghi ngờ đó nên nói ví dụ như chiêm bao hiển thị y tha khởi. Như trong chiêm bao, tuy không có thật mà thấy hiện ra bao nhiêu cảnh sai biệt đáng ưa không đáng ưa. Đây cũng như vậy. Lại có nghi rằng:

Các nghiệp tịnh và bất tịnh đã không thật có, làm sao sinh các quả báo đáng ưa không đáng ưa?

Để trừ nghi ngờ đó nên nói ví dụ như ảnh tượng hiển thị y tha khởi. Ví như ảnh tượng là không thật có, tức là từ nơi bản chất mà khởi cái thấy ảnh tượng, nhưng ảnh tượng không có thật. Đây cũng như vậy. Nên biết rằng tuy không có quả chân thật đáng ưa không đáng ưa, nhưng có hiện ra. Lại có nghi ngờ khác:

Nếu không thật có, làm sao có các thức chuyển biến?

Để trừ nghi ngờ đó nên nói ví dụ như bóng sáng hiển thị y tha khởi. Như người chơi đùa với bóng, thấy có nhiều hình bóng, nhưng các hình bóng là không thật có. Thức cũng như vậy. Tuy có nhiều thức biến hiện nhưng không thật có. Lại có nghi ngờ khác:

Nếu không thật có, làm sao có vô lượng phẩm loại hý luận phát ngôn vô nghĩa?

Để trừ nghi ngờ đó nên nói ví dụ như tiếng vang trong hang hiển thị y tha khởi. Ví như tiếng vang, tuy không có thật nhưng có thể nghe. Ngôn thuyết hý luận cũng như vậy, tuy không có thật nhưng có thể nghe thấy. Lại có nghi ngờ khác:

Nếu không thật có, làm sao thế gian định tâm, thật có tâm pháp?

Để trừ nghi ngờ đó nên nói ví dụ như trăng trong nước hiển thị y tha khởi. Ví như trăng trong nước là không thật có, do nước trong lặng nên thấy có mặt trăng hiện. Định tâm cũng vậy. Cảnh sở duyên là không thật có mà có thể hiện ra được. Nước dụ cho định, vì tính của định là trong lặng. Lại có nghi ngờ khác:

Nếu hữu tình là không thật có, sao các Bồ-tát chứng chân việc giác tuệ lợi lạc hữu tình làm trước tiên, nhiếp thụ tự thể trong các nẻo thú sinh tử?

Để trừ nghi ngờ đó nên nói ví dụ như biến hóa hiển thị y tha khởi. Ví như biến hóa là không có thật, do sức của người biến hóa mà thành ra các việc, chứ các biến hóa đó không có thật. Phải biết trong đây cũng vậy. Tự thể sở thụ tuy không thật có mà có thể làm tất cả an lạc lợi ích hữu tình, sở thụ tự thể có thể biến hiện.

Lại có nghĩa khác về ý Thế Tôn nói 8 thí dụ. Nay sẽ nói rõ. Trong đây thí dụ về ảo hóa là để trừ 6 thứ nội xứ của nhãn v.v... Phải biết hiển thị nhãn v.v... 6 xứ ví như các ảnh tượng ảo hóa, tuy không thật có nhưng có thể hiển hiện. Nói thí dụ sóng nắng để trừ khí thể gian, do đại chủng kia, trong sóng nắng thật không có nước, do sức dao động nên thấy như nước. Nói thí dụ chiêm bao để trừ cảnh sở thụ dụng như sắc v.v... hiển thị như chiêm bao. Sắc v.v... không thật có nhưng có thể làm nhân khởi các thụ dụng sai biệt đáng ưa không đáng ưa. Nói thí dụ ảnh tượng để trừ nghiệp quả của thân, hiển thị thân nghiệp thiện bất thiện làm duyên mà có bao nhiêu sắc ảnh tượng sinh khởi. Nói thí dụ tiếng vang trong hang để trừ quả của ngữ nghiệp, hiển thị nhân của ngữ nghiệp cảm quả của ngữ nghiệp như tiếng vang trong hang. Ý nghiệp có 3 thứ: một là phi đẳng dẫn địa, hai là đẳng dẫn địa, ba là văn chủng loại. Nói thí dụ bóng sáng để trừ các quả của ý nghiệp thuộc phi đẳng dẫn địa, hiển thị các quả sở đắc của ý nghiệp này như bóng sáng. Nói thí dụ mặt trăng trong nước để trừ các quả của ý nghiệp thuộc đẳng dẫn địa, hiển thị các quả của ý nghiệp thuộc đẳng dẫn địa như như mặt trăng dưới nước. Nói thí dụ biến hóa để trừ ý nghiệp của văn chủng loại. Văn chủng loại tức là các huân tập của nghe và tư duy. Đây tức hiển thị các sai biệt về văn chủng loại của ý biến chuyển như biến hóa.

Luận nói: Thế Tôn dựa vào mật ý gì, trong Kinh Phạm Vấn nói: Như Lai không bị sinh tử, không được Niết-bàn?

Mật ý của Như Lai là nói trong tự tính của y tha khởi, biến kế sở chấp và viên thành thật, sinh tử và Niết-bàn không sai biệt. Bởi vì

sao? Vì chính nơi tự tính y tha khởi, do biến kế sở chấp phân thành sinh tử, do viên thành thật phân thành Niết-bàn.

Giải thích: Như vậy 3 thứ tự tính pháp tướng được nói trong kệ kinh đều tùy thuận. Nay sẽ nói rõ. Thế Tôn dựa vào mật ý gì, trong Kinh Phạm Vấn nói: Như Lai không bị sinh tử, không được Niết-bàn? Hỏi mật ý Thế Tôn nói trong tự tính y tha khởi và tự tính viên thành thật, sinh tử Niết-bàn không sai biệt, tức là đáp thì phải giải thích rộng. Tự tính y tha khởi chẳng phải định sinh tử vì do phần viên thành thật thành Niết-bàn, cũng chẳng phải định Niết-bàn vì phần biến kế sở chấp thành sinh tử. Vì vậy cho nên không thể nói nhất định một tính. Do tự tính này nếu được một phần thì phần khác không khác. Y theo ý thú này, trong kinh kia nói Như Lai không bị sinh tử không đắc Niết-bàn.

Luận nói: Trong Kinh Đại Thừa A-ti-đạt-ma, Bạc-già-phạm nói có 3 thứ pháp: một là phần tạp nhiễm, hai là phần thanh tịnh và ba là hai phần ấy.

Thế Tôn dựa vào mật ý gì đã nói như vậy?

Tức là trong tự tính của y tha khởi thì tự tính của biến kế sở chấp là phần tạp nhiễm, tự tính của viên thành thật là phần thanh tịnh. Tức y tha khởi là 2 phần ấy. Dựa vào mật ý ấy Thế Tôn đã nói như vậy.

Lấy thí dụ gì để làm rõ nghĩa này?

Làm rõ nghĩa này bằng thí dụ đất có chứa vàng. Ví như trong thế gian có 3 thứ có thể được trong đất có vàng: một là cõi địa giới, hai là đất, ba là vàng. Trong cõi địa giới, đất không phải thật có mà có thể có được, vàng là thật có mà không thể có được, khi dùng lửa nung luyện, tướng đất không hiện mà tướng vàng hiện ra. Vì vậy cõi địa giới là 2 phần kia. Thức cũng như vậy, khi lửa trí vô phân biệt chưa nung luyện thì trong thức này hiển hiện những hư vọng của tự tính

biến kế sở chấp, còn cái chân thật của tự tính viên thành thật không hiện ra. Nếu thức này khi được lửa trí vô phân biệt nung luyện thì cái chân thật của tự tính viên thành trong thức này hiển hiện, còn những hư vọng của tự tính biến kế sở chấp không hiện ra. Vì vậy cái thức hư vọng phân biệt này, tự tính y tha khởi có 2 phần ấy, như vàng và đất ở trong cõi địa giới.

Giải thích: Trong Kinh Đại Thừa A-tì-đạt-ma, do mật ý này nói có 3 pháp: Một là phần tạp nhiễm, nghĩa là tự tính biến kế sở chấp là tạp nhiễm. Hai là phần thanh tịnh, nghĩa là tự tính viên thành thật là thanh tịnh. Ba là hai phần kia, nghĩa là tính y tha khởi thông cả hai phần kia. Để hiển thị nghĩa này nên dùng thí dụ vàng chứa trong đất. Trong đây nói chứa tức là chứa chung tử kia. Nói địa giới là nói cái tính cứng chắc. Đất và vàng là sở tạo sắc. Trong thí dụ này có được 3 pháp. Nghĩa là trong việc chứa này trước hết là hiển hiện có tướng đất, sau mới thấy tướng vàng. Để hiển thị tướng vàng sau mới có được, nên nói lửa nung luyện sau mới được nên vàng là thật có.

Luận nói: Thế Tôn có chỗ nói các pháp là thường, có chỗ nói các pháp là vô thường, có chỗ nói tất cả pháp là chẳng phải thường, chẳng phải vô thường. Dựa vào mật ý gì mà Thế Tôn nói như vậy?

Nghĩa là nơi tự tính y tha khởi, do tính viên thành thật phân ra thành thường, do tính biến kế sở chấp phân ra vô thường, và do 2 phần ấy mà thành phi thường phi vô thường. Dựa vào mật ý này, Thế Tôn đã nói như vậy. Như thường vô thường và không hai thì như vậy khổ, vui và không hai, tịnh bất tịnh và không hai, không bất không và không hai, ngã vô ngã và không hai, tịch tĩnh không tịch tĩnh và không hai, có tự tính không tự tính và không hai, sinh không sinh và không hai, diệt bất diệt và không hai, bản lai tịch tĩnh chẳng phải bản lai tịch tĩnh và không hai, tự tính Niết-bàn chẳng phải tự tính Niết-bàn và không hai, sinh tử Niết-bàn và không hai cũng vậy. Những sai biệt như vậy toàn là mật ngữ của chư Phật, phải do 3 tự tính mà quyết

định mới hợp lý, như trên nói thường vô thường v.v... Ở đây có một số bài tụng như sau:

*Các pháp không thật có,  
Nhưng có nhiều biểu hiện.  
Phi pháp phi phi pháp,  
Nên nói nghĩa không hai.  
Y một phần khai hiển,  
Thì hữu hoặc phi hữu.  
Y hai phần mà nói,  
Phi hữu, phi phi hữu.  
Như hiển hiện phi hữu,  
Cho nên nói là không.  
Do hiển hiện như vậy,  
Cho nên nói là có.  
Tự nhiên tự thể không,  
Tự tính không kiên trụ.  
Như chấp thủ không có,  
Cho là không tự tính.  
Do không tự tính nên  
Là y chỉ sau đây.  
Vốn lặng không sinh diệt,  
Tự tính Bát-niết-bàn.*

Giải thích: Trong nghĩa của Già-tha nói pháp không thật có nhưng biểu hiện của nó không phải một thứ, theo lần lượt giải thích nhân duyên phi pháp và phi phi pháp. Do thật không có nên phi pháp. Do biểu hiện không phải một thứ nên phi phi pháp. Bởi phi pháp phi phi pháp nên nói không hai nghĩa. Y một phần nghĩa là y một bên. Khai hiển là nói rõ. Hoặc hữu hoặc phi hữu là hoặc là hữu tính hoặc là vô tính. Y hai phần nói phi hữu phi phi hữu là lấy đủ hai phần của tính y tha khởi nói là phi hữu và phi phi hữu. Như hiển

hiện phi hữu là như hiện sở đắc không như là có. Cho nên nói là không, là do nghĩa đó nên nói là không. Do hiển hiện như vậy, là do hiển hiện tướng mạo tương tự. Cho nên nói là có, là do nghĩa đó nên nói là có. Nói tất cả pháp không tự tính ý, nay sẽ hiển thị. Tự nhiên không, là do tất cả pháp không là các duyên tự nhiên hữu tính, gọi là một thứ không tự tính ý. Tự thể không, là do pháp diệt rồi không sinh trở lại, nên không tự tính. Đây lại là một thứ không tự tính ý. Tự tính không kiên trụ, là do pháp vừa mới sinh, sau một sát-na không có sức có thể trụ, nên không tự tính. Như vậy lý các pháp không tự tính đồng với Thanh Văn. Như chấp thủ không có, nên cho là không tự tính, cái không tự tính này không đồng với Thanh Văn. Bởi như ngu phu chấp thủ tự tính biến kế sở chấp không có như vậy. Do ý này nên y vào lý Đại thừa nói tất cả pháp đều không tự tính. Do không tự tính nên thành, là do tất cả pháp không tự tính cho nên không sinh diệt v.v... đều được thành tựu. Sở dĩ vì sao? Vì do không tự tính nên không có sinh, do không sinh nên không có diệt, vì không sinh diệt nên bản lai tịch tĩnh, bản lai tịch tĩnh nên tự tính Niết-bàn. Nói về sau chỗ y chỉ, tức là về sau nhân đó mà được nghĩa có.

Luận nói: Lại có 4 thứ ý thú và 4 thứ bí mật, tất cả lời Phật nói phải quyết định tùy trường hợp.

Bốn ý thú là: Một là ý thú bình đẳng. Nghĩa là như nói ta xưa kia khi ấy từng ở nơi ấy là bậc chính đẳng giác tên là Thắng Quán. Hai là ý thú khác thời. Nghĩa là như nói: Ai niệm danh hiệu đức Đa Bảo Như Lai tức đã được quyết định vô thượng chính đẳng Bồ-đề. Lại như nói: Do chỉ cần phát nguyện, liền được vãng sinh thế giới Cực Lạc. Ba là ý thú khác nghĩa. Nghĩa là như nói: Nếu đã được gặp và phụng sự chư Phật nhiều như số cát sông Hằng thì mới có thể hiểu nghĩa pháp Đại thừa. Bốn là ý thú tùy ý lạc của chúng sinh. Nghĩa là vì một chúng sinh mà trước khen ngợi sự bố thí sau lại chê. Đối với



bổ thí như vậy thì đối với việc trì giới và một phần tu pháp cũng như vậy. Đó gọi là 4 thứ ý thú.

Bốn bí mật là: Một là bí mật về sự khiến dẫn nhập. Nghĩa là trong Thanh Văn thừa hoặc trong Đại thừa, dựa vào lý thể tục đế nói có tự tính sai biệt của chúng sinh và các pháp. Hai là bí mật về tướng. Nghĩa là ở nơi đó nói tướng của các pháp làm rõ 3 tự tính. Ba là bí mật đối trị. Nghĩa là ở nơi đó nói 8 vạn 4 ngàn hành tướng đối trị. Bốn là bí mật chuyển biến. Nghĩa là ở nơi đó dùng lời, dùng chữ có nghĩa đặc biệt để hiển thị ý nghĩa đặc biệt. Như có bài tụng như sau:

*Biết không vững là vững,  
Khéo trụ nơi điên đảo.  
Phiến não quấy cùng cực,  
Được Bồ-đề cao tốt.*

Giải thích: Ý thú bí mật có sai biệt, nghĩa là Phật Thế Tôn trước duyên việc ấy, sau vì người khác mà nói, gọi là ý thú. Do quyết định này khiến vào trong Thánh giáo, gọi là bí mật. Ý thú bình đẳng, nghĩa là như có người dùng pháp tương tự nói như thế này: Người ấy tức là ta. Thế Tôn cũng vậy, đặt pháp thân bình đẳng tại trong tâm nói: Ta xưa từng là người ấy v.v... Chẳng phải người ấy xưa là Phật Tì-bát-thi tức là Thích-ca Mâu-ni ngày nay. Y theo nghĩa bình đẳng khởi ý thú mà nói như vậy. Ý thú lúc khác, nghĩa là ý thú này khiến biếng nhác là do các nhân kia, đối với các pháp siêng năng tu tập thì các thiện căn đều được tăng trưởng. Ý thú trong đây là hiển thị cái nhân xung tụng danh hiệu Đa Bảo Như Lai là nhân tăng tiến chứ không phải chỉ có một việc xung tụng danh hiệu thôi liền quyết định được vô thượng Bồ-đề. Như có thuyết nói do một đồng tiền mà được ngàn đồng tiền. Lẽ nào ở một lúc nào đó trong một ngày nào đó có ý là do một đồng tiền là nhân được ngàn đồng tiền nên nói như vậy, đây cũng như vậy. Do chỉ phát nguyện liền được vãng sinh thế giới Cực Lạc, phải biết đây cũng như vậy. Trong nghĩa khác của ý thú, đối với

Đại thừa mới có thể giải nghĩa, nghĩa là đối với nghĩa lý của 3 thứ tự tính, tự chứng cái tướng của nó. Nếu chỉ hiểu rõ nghĩa tùy theo danh ngôn cho là Phật ý thì ngu phu cũng có thể hiểu được. Cho nên biết rằng trong đây nói giải nghĩa, tức là ý tại chứng mà hiểu. Phải do quá khứ gặp và phụng sự nhiều Phật mới hiểu nghĩa pháp Đại thừa. Nói ý thú tùy ý lạc của Bồ-đặc-già-la, nghĩa là vì một chúng sinh mà trước khen ngợi sự bố thí sau lại chê. Ý trong này là trước vì kẻ keo kiệt nên khen ngợi sự bố thí. Sau khi đã vui thích thực hành bố thí rồi thì lại chê là muốn khiến tu thắng hạnh. Nếu không có ý này mà đối với một việc bố thí trước khen sau chê tức thành mâu thuẫn. Do có ý này nên khen chê đều đúng lý. Đối với bố thí như vậy thì đối với

Thi-la v.v... cũng như vậy. Nói một phần tu, nghĩa là tu theo thể gian. Khiến nhập bí mật, nghĩa là nếu ở nơi đó y theo lý thể tục để nói có Bồ-đặc-già-la và tất cả pháp tự tính sai biệt, thì vì khiến hữu tình vào trong Thánh giáo của Phật, nên nói là khiến nhập bí mật. Bí mật về tướng, nghĩa là nói tướng của các pháp làm rõ 3 tự tính. Bí mật đối trị, nghĩa là ở nơi đó nói các hành tướng đối trị hữu tình, vì để an lập hữu tình mà thực hành đối trị phiền não. Bí mật chuyển biến, nghĩa là ở nơi đó dùng lời, dùng chữ để hiển thị các ý nghĩa. Như trong Già-tha có câu: “Biết không vững là vững,”. Không vững nghĩa là do định không kiên cường, khó điều phục nên gọi là không vững. Tức như trong đây khởi tâm tôn trọng cái biết, gọi cái biết là vững. “Khéo trụ nơi điên đảo.” nghĩa là khéo an trụ trong điên đảo. Đối với vô thường v.v... gọi là thường v.v... là điên đảo. Đối với vô thường v.v... gọi là vô thường v.v... là năng điên đảo, là nghĩa khéo an trụ trong đó. “Phiền não quấy cùng cực,” nghĩa là siêng năng theo đuổi việc nhọc nhằn là phiền não. Vì chúng sinh nên thời gian lâu vất vả siêng năng theo đuổi các việc nhọc nhằn. Như có câu nói: “Ở lâu trong sinh tử nhọc nhằn, chỉ do nơi tâm Đại bi.” v.v... “Được Bồ-đề cao tột”, nghĩa câu này dễ hiểu.

Luận nói: Nếu có người muốn giải thích pháp Đại thừa thì đại khái nên giải thích theo 3 tướng: Một là theo thuyết duyên khởi. Hai là nói về tướng của các pháp do từ duyên sinh. Ba là nói theo ngữ nghĩa.

Giải thích: Do 3 tướng này, tùy theo sự thích ứng mà giải thích tất cả pháp Đại thừa.

Luận nói: Trong đây, nói duyên khởi là như nói:

*Các pháp huân tập sinh,  
Cái này từ cái kia.  
Dị thực và chuyển thức,  
Cùng nhau làm duyên sinh.*

Giải thích: Nói “Các pháp do huân tập sinh”, nghĩa là do phân biệt bên ngoài huân tập vào trong thức A-lại-da. Huân tập này là nhân sinh tất cả pháp, tức là tự tính của chuyển thức. Nói “Cái này từ cái kia” nghĩa là sự huân tập phân biệt này lấy các pháp làm nhân. Đây tức là hiển thị thức A-lại-da cùng các chuyển thức kia làm nhân cho nhau.

Luận nói: Lại nữa pháp tướng của chuyển thức kia có tướng có kiến thức làm tự tính. Chuyển thức kia lấy chỗ sở y làm tướng, lấy biến kế sở chấp làm tướng, lấy pháp tính làm tướng. Do đó hiển thị tướng của 3 tự tính, như nói:

*Từ có tướng có kiến,  
Nên biết 3 tướng kia.*

Lại nữa nên giải thích 3 tướng kia như thế nào?

Nghĩa là trong tướng y tha khởi, tướng biến kế sở chấp thì không, tướng viên thành thật thì có. Do 2 thứ không có với có này mà không được và được, chưa thấy và thấy, với chân như là đồng thời. Nghĩa là nơi y tha khởi, trong tự tính không có biến kế sở chấp mà có viên thành thật nên khi chuyển theo nhiễm tịnh thì nếu được kia thì không được đây, nếu được đây thì không được kia. Như nói:

*Y tha: không biến kế,  
Mà thành thật thì có.  
Cho nên được, không được,  
Trong đó hai bình đẳng.*

Giải thích: Pháp tướng của chuyển thức kia có tướng có kiến thức làm tự tính. Nghĩa là thức kia có tướng có kiến làm tự thể. Lại tướng kia có 3 thứ y chỉ làm tướng. Nghĩa là tướng y tha khởi. Do đây nói 3 thứ tự tính hiển thị tướng kia. Tức trong Già-tha hiển thị nghĩa này. “Tức có tướng có kiến, nên biết 3 tướng kia.”, nghĩa là như giải thích nói rõ. Do 2 thứ không có với có này mà không được và được, chưa thấy và thấy chân như là đồng thời. Nghĩa là biến kế sở chấp và viên thành thật gọi là 2 thứ. Hai thứ này thứ nhất là phi hữu, thứ nhì là hữu. Chưa thấy chân như, tức là được biến kế sở chấp, không được viên thành thật. Đã thấy chân như tức sát-na ấy được viên thành thật, không được biến kế sở chấp. Tức trong Già-tha hiển thị nghĩa này. Nói y tha sở chấp vô đẳng bình đẳng nghĩa là một sát-na. Nói trong đó, nghĩa là trong y tha khởi. Nói hai, nghĩa là chưa thấy chân như và đã thấy chân như. Nói cho nên, tức là do nghĩa nhân này. Nghĩa là ở trong y tha khởi, do biến kế sở chấp không, và do viên thành thật có. Lại nữa các ngu phu do chấp điên đảo nên thấy chuyển như vậy. Nếu chư Thánh giả do chính kiến thì thấy chuyển như vậy.

Luận nói: Nói về ngữ nghĩa, tức là trước nói câu đầu, sau dùng những câu khác phân biệt làm rõ. Hoặc do ở đức, hoặc do ở nghĩa.

Giải thích: Do nói ngữ nghĩa như làm giải thích. Nay sẽ hiển thị hoặc nói về đức hoặc nói về nghĩa.

Luận nói: Do đức, tức là nói công đức của Phật là tuệ giác cực kỳ thanh tịnh, hiện hành bất nhị, hướng đến pháp vô tướng, trụ vào địa vị Phật, đạt tới tính bình đẳng của tất cả chư Phật, đến chỗ không còn chướng ngại, giáo pháp thì hành không trở ngại, không

thể lay chuyển, chỗ an lập không thể nghĩ bàn, đạo khắp 3 đời pháp tính bình đẳng, thân lưu bố khắp tất cả thế giới, trí thông suốt tất cả pháp, thành tựu đại giác trong tất cả hạnh, trí không nghi hoặc đối với các pháp, không thể phân biệt các hiện thân, trí tuệ mà tất cả Bồ-tát mong cầu, được trụ bờ kia tối thắng của chư Phật không hai, được giải thoát của Như Lai không xen tạp, diệu trí cứu cánh chứng địa vị không trung tâm không ngoại biên, Phật địa bình đẳng pháp giới cao tột, tính như hư không cùng tột đời vị lai. Phải biết câu tuệ giác cực kỳ thanh tịnh này được các câu khác tiếp theo phân biệt làm rõ. Nói như vậy mới gọi là khéo nói pháp.

Tuệ giác cực kỳ thanh tịnh là tuệ giác cực kỳ thanh tịnh của Phật Thế Tôn. Phải biết đó là gồm thân 21 công đức của Phật. Tức là công đức hoàn toàn không chướng ngại đối với các pháp sở tri. Công đức nhập vào chân như có không không hai tối thắng thanh tịnh. Công đức trụ nơi Phật sự vô công dụng không ngừng nghỉ. Công đức trụ trong pháp thân, ý lạc tác nghiệp không sai biệt. Công đức đối trị, tu tất cả chướng. Công đức hàng phục tất cả ngoại đạo. Công đức an lập chính pháp. Công đức thụ ký. Công đức thị hiện thụ dụng thân và biến hóa thân trong tất cả thế giới. Công đức dứt trừ nghi. Công đức khiến nhập vào các hạnh. Công đức sinh diệu trí đối với các pháp đương lai. Công đức thị hiện đúng như sự thắng giải. Công đức gia hành làm sở y cho sự điều phục vô số chúng sinh. Công đức trọn vẹn đầy đủ pháp thân bình đẳng Ba-la-mật-đa. Công đức tùy theo sự thắng giải thị hiện cõi Phật sai biệt. Công đức về phương xứ không phân chia giới hạn của 3 thứ Phật thân. Công đức thường hiện an lạc lợi ích cho tất cả hữu tình đến tận cùng biên giới của sinh tử. Công đức vô tận.

Giải thích: Trong đây nói hiện hành không hai, nghĩa là hai hiện hành trong đây đều không có, nên nói là bất nhị hiện hành. Tức là đối với sở tri hoàn toàn không chướng chuyễn công đức, không phải

như trí Thanh Văn Độc Giác cũng có chướng cũng không chướng. Hướng đến pháp vô tướng, nghĩa là chân như thanh tịnh gọi là pháp vô tướng. Nói hướng là hướng vào, tức là không có 2 tướng đối với có không, có thể nhập vào công đức thanh tịnh tối thắng của chân như. Nghĩa là chân như này chẳng phải là hữu tướng, ví lấy các pháp vô tính làm tướng. Cũng chẳng phải vô tướng, vì có tự tướng. Ở nơi vô tướng này có thể nhập vào thanh tịnh tối thắng của chân như. Có thể nhập vào tối thắng, có thể nhập vào thanh tịnh, cho nên trụ ở Phật trụ, nghĩa là trụ ở nơi Phật trụ là nơi không có chỗ trụ. Tức là trụ nơi công đức vô công dụng không ngừng nghỉ Phật sự. Nghĩa là trụ trong đây thường làm mọi Phật sự không ngừng nghỉ cho đến khi được tính bình đẳng tất cả Phật. Tức là công đức trụ trong pháp thân, dựa vào ý lạc tác nghiệp không sai biệt. Đến chỗ không chướng ngại, tức là công đức đối trị, tu tất cả chướng. Nghĩa là tất cả mọi thời thường tu giác tuệ đối trị tất cả chướng. Không thể chuyển pháp, tức là công đức hàng phục tất cả ngoại đạo. Chỗ ra làm không trở ngại tức là công đức sinh tại thế gian không bị pháp thế gian trở ngại. Nghĩa là tuy sinh ở thế gian, làm các việc thế gian làm mà không bị lợi nhuận v.v... 8 pháp thế gian nhiễm ô. Việc an lập không thể nghĩ bàn, tức là công đức an lập chính pháp. Do giáo pháp trong các khế kinh là vô lượng không thể nghĩ bàn, không như những gì hạng ngu phu hiểu được. Do đó nên nói là sự giác ngộ thanh tịnh nhất. Câu giác ngộ thanh tịnh nhất này trong mỗi câu đều tương ưng khắp. Đạo trong 3 đời pháp tính bình đẳng, tức là công đức thụ ký. Thân ấy lưu bố tất cả thế giới, tức là công đức thị hiện thụ dụng thân và biến hóa thân trong tất cả thế giới. Trong tất cả pháp, trí không nghi trệ, tức công đức dứt trừ nghi. Trong tất cả hạnh, thành tựu đại giác, tức công đức khiến nhập vào các hạnh. Trong các pháp, trí không nghi hoặc, tức công đức sinh diệu trí đối với các pháp đương lai. Nghĩa là đương lai pháp ấy sinh diệu trí Như Lai. Tất cả chỗ hiện thân không thể phân biệt, tức công đức thị hiện đúng như sự thắng giải. Trí sở cầu của tất

cả Bồ-tát, tức công đức gia hành làm sở y cho sự điều phục vô số chúng sinh. Nghĩa là sở y của vô lượng Bồ-tát có thể điều phục các việc của hữu tình. Đây chẳng phải chư Phật đã được tự tha bình đẳng mà lại cầu trí này. Chỉ có chư Phật đã làm những việc điều phục thù thắng như vậy. Được Phật trụ thắng bỉ ngạn không hai, tức công đức trọn vẹn đầy đủ pháp thân bình đẳng Ba-la-mật-đa. Nghĩa là pháp thân không hai, gọi là pháp thân bình đẳng. tức là ở nơi pháp thân không hai như vậy được thiện thanh tịnh Ba-la-mật-đa. Không xen tạp với diêu trí cứu cánh giải thoát của Như Lai, nghĩa là thắng giải rốt ráo, không có xen tạp trong trí Như Lai. Thắng giải này gọi là giải thoát, tức công đức tùy theo sự thắng giải thị hiện cõi Phật sai biệt. Chúng Phật địa bình đẳng không có chính giữa không có ngoại biên, tức công đức về phương xứ không phân chia giới hạn của 3 thứ Phật thân. Nghĩa là pháp thân Phật không phân chia giới hạn. Biến hóa thụ dụng ở phương nào xứ nào, cũng không thể nó là thế giới đó. Rất mực ở nơi pháp giới, nghĩa là pháp giới rất mực thanh tịnh. Pháp giới rất mực thanh tịnh này tức công đức thường hiện an lạc lợi ích cho tất cả hữu tình đến tận cùng biên giới của sinh tử. Tính cùng tột hư không, tức công đức vô tận. Nghĩa là trí Phật vô tận như hư không, cho nên tận cùng biên giới vị lai, tức công đức rốt ráo v.v... Nói v.v... là trí Phật rốt ráo cùng tột vị lai không gián đoạn. Cho nên gọi là giác ngộ thanh tịnh cùng tột.

Luận nói: Lại nữa do nghĩa xứ, như nói: Nếu các Bồ-tát thành tựu 32 pháp mới gọi là Bồ-tát. Tức là đối với tất cả hữu tình khởi ý lạc tăng thượng làm lợi ích yên vui cho tất cả chúng sinh như: Khiến nhập trí nhất thiết trí. Tự biết mình nay không cần cái giả trí. Xô dẹp tâm ngã mạn. Ý lạc vững vàng. Không phải giả thương xót. Bình đẳng không thân sơ. Hằng làm người bạn tốt cho đến cuối cùng được Niết-bàn. Nói cân nhắc đúng mức. Tươi cười trước khi nói. Đại bi vô hạn. Việc phải chịu, không khiếm nhược thoái lui. Không có ý chán nản mỗi m刻. Nghe nghĩa lý không chán. Cảm thấy sâu sắc tội mình

đã làm. Người khác tạo tội thì dạy bảo mà không giận. Hằng tu trì tâm Bồ-đề trong tất cả mọi oai nghi. Làm việc bố thí không mong cầu quả báo. Thụ trì giới luật không hướng về các nẻo sinh tử. Thực hành nhẫn nhục đối với chúng sinh không giận không ngại. Siêng năng tinh tiến vì muốn gồm thâu tất cả thiện pháp. Tu tĩn lự xả bỏ cõi Vô sắc. Phương tiện tương ưng tu tập Bát-nhã. Lấy 4 nhiếp pháp gồm thâu các phương tiện. Đối với người giữ giới phá giới đều là bạn lành không đem tâm phân biệt. Đem tâm ân cần quý trọng mà nghe chính pháp. Với tâm trân trọng, ở nơi tịch tĩnh. Không thích các việc tạp nhạp ở đời. Không bao giờ ưa chuộng các thừa giáo thấp kém. Thấy công đức sâu xa trong Đại thừa. Xa lìa bạn ác. Gần gũi bạn lành. Hằng tu tập 4 phạm trụ. Thường vận dụng tự tại 5 thần thông. Hướng đến nương tựa trí tuệ. Không bỏ các chúng sinh dù ở trong chính hạnh hay không ở trong chính hạnh. Nói lời quyết định. Trọng chân lý sự thật. Thường lấy tâm Đại Bồ-đề làm đầu. Như vậy phải biết các câu này đều là các chi tiết của câu đầu tiên. Tức là câu ý lạc tăng thượng làm lợi ích an lạc cho tất cả hữu tình, câu này có 16 nghiệp khác nhau. Đó là: 1.nghiệp tuân tự gia hành, 2.nghiệp không điên đảo, 3.nghiệp gia hành tự nhiên, không đợi người mời thỉnh, 4.nghiệp không động, không hư hoại, 5. nghiệp không cầu không nhiệm, nên biết nghiệp này có 3 câu khác nhau, tức là vì không bị nhiệm ràng buộc nên đối với có ơn không có ơn không ưa không ghét, vì đời đời thường tùy chuyển, 6.tương xứng nghiệp thân nghiệp miệng, nên biết câu này có 2 câu khác nhau, 7.nghiệp bình đẳng đối với vui và khổ, 8.nghiệp không thấp kém, 9.nghiệp không thoái chuyển, 10.nghiệp thâu giữ phương tiện, 11.nghiệp chán ghét bị đối trị, nên biết đây có 2 câu khác nhau, 12.nghiệp tác ý không gián đoạn, 13.nghiệp tu hành thắng tiến, nên biết đây có 7 câu khác nhau, tức chính gia hành của 6 Ba-la-mật-đa và chính gia hành của 4 nhiếp sự, 14.nghiệp gia hành trọn vẹn đầy đủ, nên biết đây có 6 câu khác nhau, tức gần gũi thiện sĩ, nghe chính pháp, ở nơi thanh vắng, xa lìa



các suy nghĩ xấu ác, công đức tác ý, nên biết câu này lại có 2 câu khác nhau, tức công đức trợ bạn, nên biết đây lại có 2 câu khác nhau, 15. nghiệp đầy đủ trọn vẹn, nên biết đây có 3 câu khác nhau, tức là thanh tịnh vô lượng, được uy lực lớn, công đức chúng đấng, 16. nghiệp an lập cho người, nên biết đây có 4 câu khác nhau, tức công đức điều khiển chúng, dạy dỗ răn dạy quyết định không nghi ngờ, hợp nhất tài và pháp, không tâm tạp nhiễm. Phải biết các câu ấy đều là chi tiết của câu đầu tiên.

Giải thích: Do trong nghĩa xứ, đối với tất cả hữu tình khởi ý lạc tăng thượng làm lợi ích yên vui cho tất cả chúng sinh. Nghĩa câu này do các câu khác hiển thị 16 nghiệp. Do các nghiệp gì hiển thị ý lạc tăng thượng làm lợi ích chúng sinh? Nghĩa là triển chuyển nghiệp gia hạnh, tức là khiến nhập trí nhất thiết trí. Nghĩa là khiến các hữu tình nhập trí nhất thiết trí, triển chuyển hóa đạo. Ví như một ngọn đèn truyền thắp một ngàn ngọn đèn. Đó là hiển thị ý lạc tăng thượng làm lợi ích an vui. Như vậy trong tất cả các câu còn lại đều phải phối hợp thuộc ý lạc tăng thượng làm lợi ích an vui. Nghiệp không điên đảo, tức tự biết mình cái giả trí của mình nay là gì. Nghĩa là hoặc tuy có ý lạc tăng thượng làm lợi ích an vui nhưng là điên đảo. Như có ý lạc tăng thượng làm lợi ích an lạc mà mời uống rượu v.v... Nếu có chính trí tự biết như thật mới có thể đúng lượng giáo hóa dắt dẫn hữu tình, chẳng phải tăng thượng mạn. Không biết như thật mà khởi tâm lợi ích là khuyên người khác làm chuyện không lợi ích. Nghiệp không đợi người mời, tự nhiên gia hạnh, tức là xô dẹp đề bẹp kiêu mạn. Nghĩa là do xô dẹp đề bẹp tâm kiêu mạn nên không đợi mời thỉnh mà tự vì nói pháp. Nghiệp không động, không hư hoại, tức ý lạc kiên cố thù thắng nên không lấy hữu tình làm các tà hạnh, động hoại cái tâm kiên cố ý lạc tăng thượng làm lợi ích an vui của Bồ-tát. Nghiệp không cầu không nhiễm, tức là không phải giả làm thương xót, tâm bình đẳng đối với thân hay không thân, hằng làm người bạn lành cho đến Niết-bàn là biên giới sau cùng. Nghĩa là 3 câu sau

giải thích 3 câu này. Chẳng phải vì nhân lợi dưỡng cung kính v.v... mà làm các lợi ích an lạc hữu tình. Cho nên nói là nghiệp không cầu nhiễm. Làm sao có thể biết là ý lạc tăng thượng làm lợi ích an lạc? Nghĩa là do tương xứng nghiệp thân nghiệp miệng, tức là ứng lượng mà nói, tươi cười nói trước. Trong 2 câu này, ứng lượng mà nói và nói trước là nghiệp miệng, tươi cười là nghiệp thân. Ứng lượng nói là chỉ nói pháp ngữ. Tươi cười là dáng vẻ thư thái làm việc lợi ích. Nghiệp bình đẳng đối với vui khổ và không hai, tức là vì Đại bi vô hạn. Đại bi vô hạn là thương xót 3 cái khổ. Đối với hữu tình hữu khổ thương xót nỗi khổ trên cái khổ. Đối với hữu tình hữu lạc thì thương xót cái hoại khổ. Đối với hữu tình bất khổ bất lạc thì thương xót cái hành khổ. Không khổ không vui nên nói là không hai. Nghiệp không thấp kém, tức là khi thụ nhận việc gì thì không khiếp nhược thoái lui, nghĩa là không tự khinh mình rằng ta không thể thành Phật được v.v... các loại tương tự như vậy. Nghiệp không thoái chuyển, nghĩa là không có ý mỗi một chán nản, là nhân siêng năng tiến tu thành Phật, tâm không mỗi một. Nghiệp thâm giữ phương tiện, tức nghe nghĩa lý không chán, nghĩa là do nghe nhiều thành trí khéo léo làm lợi ích hữu tình. Nghiệp chán ghét bị đối trị, tức mình tạo tội tự thấy tội lỗi một cách sâu sắc, với người tạo tội thì không giận mà dạy dỗ khuyên răn. Nhờ phương tiện này mới có thể như thật điều phục hữu tình. Nghiệp tác ý không gián đoạn, tức là trong tất cả oai nghi hằng tu trị tâm Bồ-đề. Nghĩa câu này trong kệ kinh nói rộng về sở hành thanh tịnh. Nghiệp tu hành thẳng tiến, tức là hành thí mà không chờ mong quả báo. Cho đến do Tứ nhiếp sự làm phương tiện, dựa vào ý lạc tăng thượng làm lợi ích an vui như trước nói mà tu gia hành này để làm nhân tăng trưởng hướng đến quả. Nghiệp gia hành trọn vẹn đầy đủ, tức là đối với người giữ giới phá giới đều coi như bạn lành không hai. Cho đến gần gũi bạn lành. Tức là 6 câu sau giải thích 8 câu này. Nếu tu tập các gia hành như vậy thì mau được trọn vẹn đầy đủ. Đem tâm ân trọng ở nơi A-luyện-nhã tức do ở nơi đây xa lìa các suy nghĩ

xấu những việc tạp nhạp ở đời như ca múa v.v... Nghiệp đầy đủ trọn vẹn, tức hằng tu trị 4 Phạm trụ, thường tự tại 5 thần thông. Y vào thú trí nên nói là 3 câu sau giải thích 3 câu này. Nghiệp đầy đủ này có các tướng trạng, sức oai lực lớn. Nghĩa là 6 thần thông y thú trí. Y thú trí, không y thú thức mà nội trí sinh cho nên do nội trí này hiện thấy tương ưng an trụ nơi pháp. Nghiệp an lập cho người, tức trụ nơi chính hạnh v.v... Nghĩa là 4 câu sau giải thích 4 câu này. Do ý lạc tăng thượng lợi ích an vui, do ngự các đức an lập lợi ích an vui hữu tình, do đối với người phá giới cũng cũng không ruồng bỏ mà an lập không xua đuổi, khiến ra khỏi bất thiện khiến trụ nơi thiện. Quyết định không nghi, răn dạy do có thể răn dạy họ được hoàn toàn, không phải chỉ tự nói suông rồi lại nói lời ta nói không tốt. Do nhân duyên ấy lời nói nghiêm túc và có uy lực. Pháp tài hợp nhất do lời nói như pháp đúng chân lý, lại còn thí cho y phục của cải. Vì không có tâm tạp nhiễm, do khéo nhiếp thụ tâm Đại Bồ-đề làm lợi ích hữu tình, không phải muốn tự cầu cấp cho sử dụng. Vì sao hữu tình nhờ thiện pháp đó mau chứng vô thượng chính đẳng Bồ-đề? Vì như thế nhiếp thụ tất cả hữu tình.

Luận nói: Như nói:

*Do câu nói đầu tiên,  
Có các câu về đức.  
Do câu nói đầu tiên,  
Có các câu về nghĩa.*

Giải thích: Trong Già-tha này là hiển thị nghĩa đã nói ở trước.

## NHIẾP ĐẠI THỪA LUẬN THÍCH

### QUYỀN 6

#### 4 - Ngộ nhập tướng sở tri

Luận nói: Như vậy là đã nói về tướng sở tri, còn ngộ nhập tướng sở tri thì như thế nào?

Phải thấy rằng sở y của đa văn huân tập không thuộc về thức A-lại-da mà như là thức A-lại-da huân tập thành chủng tử. Cái đa văn huân tập đó thuộc về tác ý đúng lý, từ pháp tương tự, nghĩa tương tự mà sinh ra có sở thủ tương tự, hữu kiến ý thức.

Giải thích: Như có thể ngộ nhập các chủng loại tướng sở tri, nay sẽ nói rõ. Ngộ nhập tướng sở tri nghĩa là có thể ngộ nhập nghĩa của cảnh sở tri. Sở y của đa văn huân tập, nghĩa là pháp Đại thừa huân tập thể. Nói chẳng phải thức A-lại-da thâm nhiếp, là vì nó có khả năng đối trị thức A-lại-da. Nói như thức A-lại-da huân thành chủng tử, nghĩa là như thức A-lại-da là nhân của tất cả các pháp tạp nhiễm. Và đây cũng là nhân của tất cả các pháp thanh tịnh. Nói thuộc về tác ý đúng lý, nghĩa là tác ý đúng lý là tự tính. Nói pháp tương tự nghĩa tương tự sinh, nghĩa là khi sinh khởi cái tương tương tự của pháp và nghĩa. Nói sở thủ tương tự, nghĩa là nghĩa tương tự của sắc v.v... Hữu kiến, nghĩa là tương tự kiến phần, đây thành lập ý thức có tương phần kiến phần.

Luận nói: Ở đây ai là người có thể ngộ nhập tướng sở tri?

Là Bồ-tát có sự huân tập đa văn liên tục pháp nghĩa Đại thừa, đã được gặp và phụng sự vô lượng chư Phật xuất hiện ở thế gian, đã được hoàn toàn quyết định thắng giải, đã khéo tích chứa các thiện căn, khéo cụ bị hành trang phúc đức và trí tuệ.

Giải thích: Như các phương tiện này có thể ngộ nhập các phẩm loại ấy, nay sẽ hiển thị. Nói huân tập đa văn liên tục pháp nghĩa Đại thừa là không nói đến các đa văn huân tập liên tục của Thanh Văn v.v... Nói đã được gặp và phụng sự vô lượng chư Phật xuất hiện ở thế gian, nghĩa là đã được hiện tiền gặp và phụng sự chư Phật xuất hiện ở thế gian quá số vô lượng. Nói đã được hoàn toàn quyết định thắng giải, nghĩa là đối với Đại thừa đã được thắng giải, bạn xấu không thể tác động phá hoại. Tức do nói 3 nhân không gián đoạn. Nói đã khéo tích chứa các thiện căn, cho nên mới được gọi là khéo cụ bị hành trang phúc đức và trí tuệ của Bồ-tát. Lại nữa, hành trang phúc đức trí tuệ ấy làm sao dần dần được viên mãn? Nghĩa là do sức của nhân, sức của thiện hữu, sức của tác ý, do sức y trì. Trong đó 2 câu là nói 2 sức. Sức của tác ý, tức là hoàn toàn quyết định thắng giải. Đây là lấy sự huân tập Đại thừa làm nhân, Phật sự làm duyên. Do có sự hoàn toàn quyết định thắng giải có thể tu chính hạnh. Vì tu chính hạnh nên tích chứa thiện căn. Như vậy gọi là do sức tác ý. Khéo tu 2 thứ hành trang phúc đức trí tuệ, do đó dần dần khéo tu 2 thứ hành trang phúc trí cho nên có thể ngộ nhập đại địa. Như thế gọi là do sức y trì.

Luận nói: Từ đâu có thể ngộ nhập?

Tức là từ nơi cái hữu kiến tương tự pháp, tương tự nghĩa ya ngôn của pháp tướng Đại thừa sinh khởi thắng giải hành, trải qua trong các giai đoạn kiến đạo, tu đạo, cứu cánh đạo, tất cả các pháp chỉ có tính duy thức, tùy theo chỗ nghe mà hiểu rõ vượt trội, thông thấu đúng như lý, đối trị tất cả chướng và lìa tất cả chướng.

Giải thích: Ngộ nhập các loại và các hành tướng như vậy. Nay sẽ nói rõ. Ý thức tâm tư gọi là ý ngôn. Vậy ý ngôn là lấy pháp Đại

thừa làm nhân sinh. Trong đây hiển thị cái ý ngôn sai biệt. Nói pháp tướng Đại thừa sinh ra, tức là giáo pháp này làm nghĩa của duyên duyên. Hoặc hữu, tức nơi thắng giải hành địa gọi là năng ngộ nhập. Do chỉ nghe tất cả các pháp duy chỉ có thức tính mà thâm sinh tín giải nên gọi là năng nhập. Trong kiến đạo như vậy là ngộ nhập. Nay sẽ hiển thị. Thông thấu đúng như lý, nghĩa là ý ngôn thông thấu đúng như lý. Làm sao ở đây thông thấu đúng như lý? Nghĩa là ý ngôn này là phi pháp, phi nghĩa, phi sở thủ, phi năng thủ. Thông thấu như vậy thì trong tu đạo ngộ nhập như vậy. Nay sẽ hiển thị. Tri tất cả chướng, nghĩa là khi quán ý ngôn này là phi pháp phi nghĩa phi sở thủ phi năng thủ thì liền có thể đối trị tất cả chướng, cho nên trong cứu cánh đạo ngộ nhập như vậy. Nay sẽ hiển thị. Nói lia tất cả chướng, nghĩa là trong địa vị thiện thanh tịnh diệu trí, cái chướng cùng cực vi tế cũng không có.

Luận nói: Do cái gì có thể ngộ nhập?

Do sức thiện căn trụ vững duy trì, nghĩa là 3 thứ tướng mài luyện tâm, đoạn dứt 4 xứ, duyên cảnh của pháp và nghĩa, thường xuyên gia hành tu chỉ quán một cách cẩn trọng không buông lung phóng túng.

Giải thích: Do đây có thể ngộ nhập. Nay sẽ hiển thị. Do cái gì có thể ngộ nhập? Do sức thiện căn tự nhiên duy trì. Nghĩa là do 3 thứ tâm mài luyện. Nói cho đến hằng thường cẩn trọng tu gia hành không phóng túng, nghĩa là khéo thuận tương ứng 8 câu đã nói, gọi là sức thiện căn tự nhiên duy trì. Nói hằng thường, là nói tu không gián đoạn. Nói cẩn trọng, là tu một cách cung kính. Nếu tu các phẩm loại được như vậy tức có thể không phóng túng.

Luận nói: Trong vô lượng thế giới có vô lượng vô số nhân loại hữu tình mỗi sát-na mỗi sát-na chứng giác ngộ vô thượng chính đẳng Bồ-đề. Đó là sự mài luyện tâm thứ nhất. Do niềm vui này mà có thể hành thí v.v... các Ba-la-mật-đa. Ta đã được niềm vui này ta sẽ dụng

công tu tập bồ thí v.v...thêm chút nữa sẽ được viên mãn các Ba-la-mật-đa. Đó là sự mài luyện tâm thứ hai. Nếu có người thành tựu các thiện còn chướng ngại, khi mạng chung được viên mãn thụ sinh vào tất cả các tự thể nào yêu thích, vậy ta có cái thiện vi diệu, cái thiện không chướng ngại, bấy giờ sao lại không thể được viên mãn tất cả ! Đó là sự mài luyện tâm thứ ba.

Giải thích: Trong đây là đối trị 3 thứ tâm thoái lui, cho nên chỉ tu 3 thứ luyện mài cái tâm. Sở dĩ vì sao? Vì các Bồ-tát nghe nói vô thượng Bồ-đề cực kỳ sâu rộng rất khó chứng đắc, tâm liền thoái lui. Đối trị tâm này nên tu cách mài luyện tâm thứ nhất. Lại nữa các Bồ-tát nghe nói tu hành Ba-la-mật-đa là cực kỳ sâu rộng rất khó chứng đắc, tâm liền thoái lui. Đối trị tâm này nên tu cách mài luyện tâm thứ hai. Do ý lạc này có thể hành thí v.v... các Ba-la-mật-đa, tức là trong đây ý lạc là tín và dục. Bồ-tát trong các Ba-la-mật-đa tính chân thật hữu, đầy đủ tính công đức, có tính kham năng, sinh tín giải sâu, gọi là tín. Tín giải sâu rồi vui thích tu hành, gọi là dục. Bồ-tát đã được tín dục như vậy, tự tính ý lạc, dùng một ít công lực tu tập 6 thứ Ba-la-mật-đa sẽ được viên mãn. Lại các Bồ-tát đối với ngôn giáo sâu rộng, khi suy nghĩ quyết đoán lựa chọn thiện xảo chuyên, suy nghĩ như vậy thì vô thượng chính đẳng Bồ-đề khó có thể chứng đắc. Cách một niệm tâm mới có thể chứng đắc, tâm liền thoái lui. Đối trị tâm này nên tu cách mài luyện tâm thứ ba. Nói ta có cái thiện vi diệu, tức là nói ta có tất cả hành trang phúc trí tích chứa các thiện vi diệu trong 10 thứ địa. Nói cái thiện không chướng ngại, tức là Kim cương dụ định có thể phá các chướng thô nặng và các chướng vi tế rất khó phá. Định này liên tục là sự trói buộc tất cả chướng mà chuyển y. Nói bấy giờ sao lại không thể được viên mãn tất cả, tức là trong này ý nói đối với các chướng là sự trói buộc, tựa như khi mạng chung nhất thiết chủng trí như một thể viên mãn. Lại trong đây nói 3 thứ luyện mài tâm, nghĩa là các Bồ-tát không thiếu thiện căn, sức thiện căn duy trì, do sức này có thể có 3 thứ luyện mài tâm. Tâm không thoái lui là ban

đầu hiển thị sự luyện mài thứ nhất cái tâm. Nghĩa là trong cõi người có vô lượng thế giới vô lượng hữu tình, mỗi sát-na mỗi sát-na có thể chứng vô thượng chính đẳng Bồ-đề. Tại sao nay riêng ta không thể chứng? Tiếp đến hiển thị sự luyện mài thứ hai cái tâm. Nghĩa là các Bồ-tát tư duy như thế này: Cái ý lạc này của ta lia các chướng ngại Ba-la-mật-đa, xan v.v... các chướng ngại đều không có, cho nên không do công dụng Ba-la-mật-đa sẽ được viên mãn. Do viên mãn này nên chứng Phật Bồ-đề. Sau là hiển thị sự luyện mài thứ ba cái tâm. Nói cái thiện có chướng ngại, nghĩa là do cái thiện thế gian mà thành cái thiện kia. Cái thiện có chướng ngại thì khi mạng chung liền có thể yêu tất cả tự thể đầy đủ mà sinh. Huống chi ta nay do cái thiện không chướng ngại mà thành cái thiện kia mà không thành Phật vô thượng Bồ-đề là không đúng.

Luận nói: Ở đây có bài tụng như sau:

*Hữu tình trong loài người,  
Xứ sở nhiều vô lượng.  
Mỗi niệm chứng đẳng giác,  
Vậy không nên thoái lui.  
Ai tâm tịnh, ý lạc,  
Có thể tu lục độ.  
Thù thắng này đã được,  
Cũng tu lục độ được.  
Người thiện khi lâm chung,  
Mãn nguyện theo ý mình.  
Vĩnh đoạn, được thắng thiện  
Viên mãn, sao lại không?*

Giải thích: Lại dùng Già-tha hiển thị nghĩa ấy. “Vậy không nên thoái lui.” Nghĩa là do nhân duyên trên khiến tâm không khiếp nhược. Đó là ý nghĩ rằng ta không thể chứng vô thượng Bồ-đề. Nói “tịnh tâm” nghĩa là không phải tâm bất thiện, tâm vô ký. Nghĩa là hoặc có



người đem tâm tán loạn hoặc vô ký mà ra làm việc bố thí v.v... Như ngoại đạo dùng tâm bất thiện mà hành thí v.v... Nếu cầu vô thượng chính đẳng Bồ-đề, đó là cái thiện tối thắng, nên gọi là tịnh tâm. “Thù thắng này đã được, cũng có thể tu thí v.v...” , tức là Bồ-tát tối thắng gọi là thắng giả. Ý lạc này Bồ-tát đã được nên có thể tu lục độ như thí v.v..., tức đã đoạn được xan v.v... nghĩa của các tâm được đối trị, lấy bắt đầu từ Thi-la cho đến Bát-nhã Ba-la-mật-đa. Nói “Người thiện khi lâm chung, mãn nguyện theo ý mình.”, tức là nói cho đến được Phi tướng phi phi tướng xứ. Nói “Vĩnh đoạn, được thắng thiện viên mãn, sao lại không?”, nghĩa là do vĩnh viễn đoạn chướng mà thành thắng thiện viên mãn quả Phật, sao lại không được?

Luận nói: Do dứt trừ tác ý, lia các tác ý của Thanh Văn Độc Giác, do lia bỏ cái nghi của các nghi ngờ đối với Đại thừa, do vĩnh viễn đoạn trừ cái nghi của tà trí, do được nghe và tư duy trong chính pháp lia chấp ngã và ngã sở mà đoạn trừ pháp chấp, do hiện tiền trụ trong sự an lập tất cả tướng nên đoạn trừ phân biệt, không còn tác ý không còn phân biệt. Ở đây có bài tụng như sau:

*Hiện tiền trụ tự nhiên,  
An lập tất cả tướng.  
Người trí không phân biệt,  
Được tối thượng Bồ-đề.*

Giải thích: Nay sẽ hiển thị 4 chỗ đoạn trừ. Đoạn tác ý, là đoạn các tác ý của Thanh Văn v.... Để có thể vĩnh viễn đoạn các tà trí nghi ngờ, nghĩa là đối với Đại thừa sâu rộng có thể đoạn trừ được các nghi hoặc tà trí. Trong đây nói tà trí tuệ hay trí tuệ khác lạ, là các trí tuệ xấu ác tác động chính lý. Nghi nghĩa là do dự. Nói do Đại thừa mà lia các nghi, nghĩa là đối với Đại thừa, an lập giáo lý 3 tự tính của pháp tướng. Nghĩa là nếu nói các pháp đều không, tự tính không sinh không diệt, xưa nay vắng lặng, tự tính Niết-bàn, như vậy tức vĩnh viễn không có dị môn, tức không có một môn phái

đôi lập nào khác. Dựa vào tự tính biến kế sở chấp mà nói, là nói các pháp như ảo hóa, sóng nắng, chiêm bao, bóng ảnh, tiếng vang trong hang, mặt trăng dưới nước, biến hóa, các dị môn hư vọng như vậy. Dựa vào tự tính y tha khởi mà nói, là nói các pháp chân như thật tế không tướng, pháp giới thắng nghĩa không tính, các dị môn chân thật như vậy. Dựa vào tự tính viên thành thật mà nói, là nói đối với tất cả trí tuệ khác lạ và các nghi ngờ, vĩnh viễn không chuyển trở lại do lìa cái chấp ngã ngã sở trong các pháp được nghe và tư duy. Trong đây ý nói đoạn trừ chấp pháp. Đoạn pháp chấp cho nên cái chấp ngã ngã sở trong các pháp được nghe và tư duy, cuối cùng không ở nơi chúng mà ngộ nhập như thật. Do hiện tiền trụ trong sự an lập tất cả tướng nên đoạn trừ phân biệt. Không còn tác ý không còn phân biệt, nghĩa là khi trí gia hành vô phân biệt chuyển, thì như lý tác ý trụ trong tất cả định tâm, các tướng tác ý phân biệt đều đoạn. Nói vì đoạn phân biệt, nghĩa là ở nơi sắc v.v... hiện trụ, và cốt tủy v.v... các định được an lập, các tướng cảnh giới của tất cả sở duyên đều không tác ý, không phân biệt, do có thể ngộ nhập phương tiện vô phân biệt. Nếu khác đi, phân biệt thì kết cuộc không thể ngộ nhập. “Hiện tiền tự nhiên trụ,” v.v... các câu tụng chỉ hiển thị cái nghĩa “đoạn” sau cùng.

Luận nói: Do cái gì và làm thế nào được ngộ nhập?

Giải thích: Để là rõ nghĩa ngộ nhập như vậy nên lập ra câu hỏi này.

Luận nói: Do chủng loại được đa văn huân tập, nhiếp thuộc trong tác ý như lý mà hiển hiện tương tự pháp, tương tự nghĩa.

Giải thích: Nay sẽ hiển thị ý nghĩa do sự ngộ nhập này. Trong đây nói do đa văn huân tập các chủng loại, nghĩa là do đa văn huân tập làm nhân, tức như trước nói sự ngộ nhập đó là do sự huân tập Đại thừa tự nhiên sinh ra, cho nên phải biết rằng nó thuộc tự tính viên thành thật.

Luận nói: Do 4 tâm tư, tức là do danh, nghĩa, tự tính, sai biệt mà giả lập ra tâm tư. Và do 4 như thật biến trí, tức là do danh, nghĩa, tự tính, sai biệt mà giả lập ra như thật biến trí. Như vậy cả 4 tâm tư và 4 như thật biến trí đều không thể được. Bởi chư Bồ-tát vì muốn ngộ nhập duy thức nên siêng tu gia hành như thật như vậy, tức với cái ý thức tương tự văn tương tự nghĩa mà suy tìm văn, cái tên chỉ là ý thức, dựa vào đó mà suy tìm cái nghĩa của văn, danh cũng chỉ là ý thức, suy tìm danh, nghĩa, tự tính, sai biệt chỉ là sự giả lập. Khi nào sự chứng đắc chỉ có ý thức thì khi ấy sự chứng biết như danh, nghĩa, tự tính, sai biệt đều là giả lập. Vì thật tướng không có tự tính sai biệt, nên đều không thể được. Do 4 tâm tư và do 4 thứ như thật biến trí, đối với ý thức tương tự văn, tương tự nghĩa này mới có thể ngộ nhập lý duy thức.

Giải thích: Nay sẽ giải thích ý nghĩa ngộ nhập như vậy. Nói do 4 tâm tư, nghĩa là do văn tự sở hiển mà nói danh, nghĩa, tự tính v.v... Nói và do 4 thứ biến trí như thật, nghĩa là do các thứ văn tự sở hiển mà giả lập danh, sự, tự tính, sai biệt. Biết khắp như thật thì danh, sự, tự tính, sai biệt đều là giả lập, trong đó không thể có được thật nghĩa. Cho nên nói như vậy đều đồng với bất khả đắc. Lại nữa trước truy tìm cái danh, nghĩa, tự tính, sai biệt chỉ là cái giả lập, sau biết như thật cái chân thật đó đều là bất khả đắc. Trong khi truy tìm, gọi là tâm tư. Khi biết như thật là bất khả đắc tức gọi là 4 thứ như thật biến trí.

Luận nói: Trong sự ngộ nhập lý duy thức này là ngộ nhập cái gì, ngộ nhập như thế nào?

Ngộ nhập duy thức là ngộ nhập 2 tính tướng và kiến và nhiều thứ tính như danh, nghĩa, tự tính của danh, sai biệt của danh, tự tính của nghĩa, sai biệt của nghĩa, 6 thứ nghĩa như vậy đều không, cho nên cái tính của sở thủ năng thủ chỉ có hiện tiền. Một khi hiện lên thì như các nghĩa tướng tương tự mà sinh khởi. Như trong tối sợi dây hiển hiện tựa con rắn. Ví như trên sợi dây, con rắn là chẳng thật có. Vì nó

là không, cho nên nếu đã biết rõ nó là không rồi, thì tuy cái biết nó là con rắn diệt mất, nhưng cái biết là sợi dây vẫn còn. Nếu phân tích một cách vi tế cái hư vọng này, thì cái tướng của sợi dây kia cũng chỉ là giả hợp của sắc hương vị xúc, do đó cái biết là sợi dây cũng diệt mất. Như vậy cái ý thức về 6 nghĩa tướng như tương tự văn, tương tự nghĩa, khi dẹp trừ 6 nghĩa tướng phi thật, thì cái tính biết duy thức cũng sẽ loại bỏ như cái biết về con rắn. Cái biết này do từ tính biết của tự tính viên thành thật.

Giải thích: Nay trong đây hỏi về sự ngộ nhập và thí dụ cho sự ngộ nhập. Nói duy thức tính là cái tính chỉ có thức. Hai tính tướng kiến, là hiển thị thức có tướng và kiến. Hiển hiện tựa như nhân được kiến lập, nên gọi là tướng. Các thứ tính, là chỉ có một thức hiển hiện ra tương tự có nhiều tướng sinh. Vì không nhanh chóng nên hiển hiện riêng biệt. Ở đây ngộ nhập trong tính duy thức có 3 thứ là chỗ ngộ nhập. Nhất thời hiện ra tương tự nghĩa của các tướng mà sinh khởi, nghĩa là tương tự tướng của các thứ danh cú văn mà sinh khởi, và tương tự các thứ y chỉ vào nghĩa này mà sinh khởi. Cho nên trong đây cái thí dụ sợi dây là hiển thị sự ngộ nhập 3 thứ tự tính. Nói khi dẹp trừ 6 nghĩa tướng phi thật, nghĩa là khi dẹp bỏ 6 nghĩa tướng. Trong đây dùng chữ khiển diệt nghĩa là dẹp bỏ có nghĩa là phục trừ. Phục là hàng phục, đè bẹp, trừ là loại bỏ.

Luận nói: Như vậy Bồ-tát ngộ nhập cái ý thức nghĩa tướng tương tự nên ngộ nhập tính biến kế sở chấp, ngộ nhập duy thức nên ngộ nhập tính y tha khởi. Còn tính viên thành thật thì ngộ nhập như thế nào?

Nếu đã diệt trừ cái ý thức chỉ còn cái ý tướng duy thức do các chủng loại nghe pháp huân tập, bấy giờ Bồ-tát đã loại trừ nghĩa tướng, các nghĩa tương tự không sinh được, cho nên cái tương tự duy thức cũng không sinh được. Do nhân duyên này Bồ-tát trụ nơi vô phân biệt danh của tất cả nghĩa, được trụ nơi hiện thấy tương ưng

trong pháp giới. Bấy giờ Bồ-tát được bình đẳng, bình đẳng sở duyên với năng duyên, trí vô phân biệt đã sinh khởi, do đó gọi là Bồ-tát đã ngộ nhập tính viên thành thật.

Giải thích: Nói ngộ nhập cái ý thức nghĩa tương tự nên ngộ nhập tính biến kế sở chấp, nghĩa là biết các nghĩa chỉ là do biến kế phân biệt tạo ra, cho nên nói là ngộ nhập tự tính biến kế sở chấp. Nói ngộ nhập duy thức nên ngộ nhập tính y tha khởi, tức là nêu duy thức lên là lấy ý mà nói. Hiểu rõ tất cả chỉ là tính tư duy của ý, do đó mà ngộ nhập tính y tha khởi. Không cho tất cả nghĩa tương tự được sinh, nghĩa là không có thật nghĩa của phẩm loại như vậy có thể có cái tương tự được sinh ra. Cho nên nói tương tự duy thức cũng không được sinh, nghĩa là tướng của duy thức cũng không được khởi. Bởi vì sao? Khi chấp có thức, tức có nghĩa. Từ đó về sau hiện chứng chân như. Cái địa vị hiện chứng này không thể nói rõ ra được vì là nội tự chứng. Bấy giờ Bồ-tát được bình đẳng, bình đẳng sở duyên với năng duyên, trí vô phân biệt đã được sinh khởi, tức là sở duyên là chân như, năng duyên là chân trí. Hai cái bình đẳng này ví như hư không, tức không trụ nghĩa sở thủ năng thủ 2 thứ tính. Do không phân biệt sở thủ năng thủ nên nói là trí vô phân biệt. Như vậy là ngộ nhập tính viên thành thật.

Luận nói: Ở đây có bài tụng như sau:

*Pháp Bồ-đặc-già-la,  
Pháp, nghĩa, lược, rộng, tính,  
Bất tịnh, tịnh, cứu cánh,  
Tên, hành tướng, sai khác.*

Giải thích: Như trước đã nói trụ tất cả nghĩa không phân biệt tên. Những gì là tên? Bao nhiêu nghĩa phẩm loại để đáp câu hỏi này? Dùng tụng hiển thị các loại tên khác nhau. Trong đây tên pháp, là sắc, thụ, nhãn, nhĩ v.v... Tên Bồ-đặc-già-la, là Phật và tùy tín hành

v.v... Lại tên pháp, là khế kinh v.v... Tên nghĩa, là dựa vào nghĩa của pháp này. Tên lược, là hữu tình v.v... Tên rộng, là mỗi mỗi có năng thuyên riêng biệt. Tên tộc họ, là bản mẫu các chữ. Tên bất tịnh, là các dị sinh, phàm phu. Tên tịnh, là hữu học v.v... Tên cứu cánh, là tổng tướng sở duyên tất cả pháp. Đó là sơ lược có 10 thứ tên sở duyên của Bồ-tát. Một là tên pháp, như nhãn v.v... Hai, tên Bồ-đặc-già-la, như ngã v.v... Ba, tên pháp, tức 12 phần giáo. Bốn, tên nghĩa, tức các nghĩa sở thuyên của 12 phần giáo. Năm, tên lược, như tất cả pháp là vô vi v.v... Sáu, tên rộng, như sắc, thụ, v.v... và hư không v.... Bảy, tên tộc họ, như chữ đầu tiên là A, chữ sau là HA. Tám, tên bất tịnh, là các dị sinh. Chín, tên tịnh, là các kiến đế. Mười, tên cứu cánh, là tổng tướng sở duyên tất cả pháp, tức là cảnh giới sở duyên của 2 trí, nghĩa là xuất thế trí và hậu đắc trí. Vì tất cả pháp chân như thật tế là sở duyên, vì tất cả pháp mỗi thứ riêng biệt là sở duyên, như 10 địa v.v... Trong đây ý lấy cảnh giới sở duyên của trí duyên nơi tướng chung tất cả nghĩa. Các phẩm loại như vậy là tên chỗ sở hành riêng biệt của các Bồ-tát.

Luận nói: Như vậy là Bồ-tát ngộ nhập duy thức, tức ngộ nhập tướng sở tri, ngộ nhập tướng sở tri là nhập vào Cực hỷ địa, thông đạt pháp giới, sinh vào nhà Như Lai, được tâm bình đẳng với tất cả chúng sinh, được tâm bình đẳng với tất cả Bồ-tát, được tâm bình đẳng với tất cả chư Phật. Đó gọi là Bồ-tát kiến đạo.

Giải thích: Sinh nhà Như Lai, là điều này có thể khiến chúng tính của Phật không tuyệt dứt. Được tâm bình đẳng với tất cả hữu tình, là do suy nghĩ như thế này: Nếu như tự thân ta muốn Bát-niết-bàn, tất cả chúng sinh cũng như vậy. Được tâm bình đẳng với tất cả Bồ-tát, là do được ý lạc như các Bồ-tát. Được tâm bình đẳng với tất cả chư Phật, là do ở địa vị này được pháp thân của Phật. Chúng đắc địa vị này nên được tâm tính bình đẳng tất cả chư Phật. Tự thân như muốn hết các khổ, nơi người khác cũng vậy. Được tâm tính bình

đẳng với tất cả chư Bồ-tát, nghĩa là ý lạc gia hành đều bình đẳng với tất cả Bồ-tát. Được tâm bình đẳng với tất cả chư Phật, là thấy pháp giới chư Phật và pháp giới của mình là không sai khác.

Luận nói: Lại nữa vì nghĩa gì mà ngộ nhập duy thức?

Do cái trí chỉ quán xuất thế duyên tổng pháp, do đó sau được cái trí của các tướng thức để đoạn trừ và đem chủng tử các tướng của thức A-lại-da làm tăng trưởng các chủng tử có khả năng chạm đến pháp thân, để chuyển đổi sở y, vì muốn chứng đắc tất cả Phật pháp, vì muốn chứng đắc trí nhất thiết trí, nhập vào duy thức tính. Lại nữa, cái trí hậu đắc đối với tất cả các tướng hiểu biết phân biệt phát sinh trong thức A-lại-da đều thấy như ảo hóa mà không bị chuyển đảo. Cho nên Bồ-tát ví như nhà ảo thuật, không bao giờ điên đảo đối với các tướng ảo hóa cũng như khi nói về nhân quả.

Giải thích: Nói do cái trí chỉ quán xuất thế duyên tổng pháp, nghĩa là do chỉ quán làm hiển lộ cái trí. Nói để đoạn trừ và đem chủng tử các tướng của thức A-lại-da, tức là trong đây đề cập tướng tức đề cập nghĩa của nhân. Chủng tử các pháp tạp nhiễm trong thức A-lại-da, gọi là chủng tử các tướng của thức A-lại-da. Lại nêu lên tướng, là muốn hiển thị chủng tử kia là tướng sở duyên. Nói như vậy rồi cho thấy rõ nhân quả của chủng tử kia đều đoạn dứt. Nếu không có trí vô phân biệt đoạn dứt tất cả chướng, chúng đắc Phật pháp thì cái hậu đắc trí dùng làm gì? Vô phân biệt trí không thể tuyên thuyết các pháp nhân quả, vì vô phân biệt. Vì do nhân duyên đó phải có hậu đắc trí tuyên thuyết các pháp nhân quả thường không điên đảo. Ví như nhà ảo thuật làm các trò ảo thuật. Nói nơi tất cả những gì thức A-lại-da sinh, nghĩa là thức A-lại-da là nhân. Nói trong tất cả các tướng phân biệt hiểu biết, nghĩa là thức là nhân trong kiến tướng phân. Do hậu đắc trí thấy như ảo hóa v.v... và khi tuyên thuyết đều không điên đảo.

Luận nói: Khi ngộ nhập tính duy thức thì có 4 thứ Tam-ma-địa làm chỗ dựa cho 4 thứ thuận quyết trạch phần.

Làm sao biết?

Do 4 tầm tư trong hạ phẩm vô nghĩa nhãn có minh đặc Tam-ma-địa là chỗ dựa của noãn thuận quyết trạch phần. Trong thượng phẩm vô nghĩa nhãn có minh tăng Tam-ma-địa là chỗ dựa của đỉnh thuận quyết trạch phần. Lại do 4 thứ như thật biên trí đã ngộ nhập duy thức, trong vô nghĩa đã được quyết định, có nhập một phần chân nghĩa Tam-ma-địa là chỗ dựa của đế thuận nhãn. Từ đó không gián đoạn dẹp bỏ ý tưởng duy thức, được Tam-ma-địa không gián đoạn là chỗ dựa của pháp Thế đệ nhất. Phải biết các Tam-ma-địa này đang ở bên cạnh hiện quán.

Giải thích: Trong tất cả mọi nơi, khi nhập chân quán thì đều có 4 thứ thuận quyết trạch phần. Cho nên trong đây cũng phải hiển thị. Nói là chỗ dựa của thuận quyết trạch phần, nghĩa là nghĩa của nhân quyết trạch phần làm chỗ dựa. Nói trong hạ phẩm vô nghĩa nhãn có minh đặc Tam-ma-địa, nghĩa là trong vô nghĩa khởi hạ phẩm ái lạc. Bởi tên “minh” là hiển thị tên của hạ phẩm vô nghĩa trí Tam-ma-địa, hiển thị cái định làm chỗ dựa cho vô nghĩa trí ở trong thượng phẩm vô nghĩa nhãn, nghĩa là ở trong vô nghĩa khởi thượng phẩm ái lạc. Nói có minh tăng Tam-ma-địa, nghĩa là lấy tên là “minh” là hiển thị tên của thượng phẩm vô nghĩa trí Tam-ma-địa, hiển thị cái định làm chỗ dựa cho vô nghĩa trí này. Nói chỗ dựa của đế thuận nhãn, tức là lý của pháp vô ngã gọi là đế. Nhãn này thuận với nó nên gọi là đế thuận nhãn. Đây làm sao thành? Nghĩa là ở ngoài không, trong đã quyết định, tức ở nơi không có năng thủ cũng ái lạc rất sâu. Phải biết khi trong lợi thuận nhãn chuyển mà nói có hiện quán ở bên, tức có nghĩa là lúc hiện quán.

Luận nói: Như vậy là Bồ-tát đã bước vào các địa, đã được kiến đạo, đã ngộ nhập duy thức. Vậy đối với tu đạo phải tu hành như thế nào?



Như giáo pháp 10 địa đã được Phật nói, an lập hiện diện trong tất cả các kinh, do duyên tổng pháp xuất thế, sau được cái trí chỉ quán, nên trải qua vô lượng trăm ngàn câu-chi na-dữu-đa kiếp số tu tập nên được chuyển y. Vì muốn chứng đắc 3 thứ Phật thân nên siêng năng tu hành.

Giải thích: Như nói an lập 10 địa, nghĩa là tùy nói an lập 10 thứ bậc của Bồ-tát. Do duyên tổng pháp, nghĩa là duyên tướng chung, không phải duyên phân biệt. Nói xuất thế, tức là vô phân biệt trí. Hậu đắc, tức là năng thành lập trí. Đây không nên nói chỉ là thế gian. Bởi ở thế gian chưa tích tập. Cũng không nên nói chỉ là xuất thế gian. Bởi tùy thế gian mà hiện tiền. Do nhân duyên này không thể nói nhất định mà được chuyển y. Do duyên tổng trí nên được chuyển y. Nói siêng năng tu hành vì muốn chứng đắc 3 thứ Phật thân, nghĩa là ta sẽ chứng 3 thứ Phật thân nên siêng năng tu hành.

Luận nói: Hiện quán của Thanh Văn với hiện quán của Bồ-tát có gì sai khác?

Phải biết do 11 thứ sai biệt mà hiện quán của Bồ-tát khác với hiện quán của Thanh Văn. Một là do sở duyên khác nhau, vì lấy pháp Đại thừa làm sở duyên. Hai là do nuôi dưỡng bảo trì khác nhau, vì lấy 2 thứ tư lương là đại phúc đức và đại trí tuệ mà nuôi dưỡng bảo trì. Ba là do sự thông suốt khác nhau, vì có thể thông suốt nhân vô ngã và pháp vô ngã. Bốn là do Niết-bàn khác nhau, vì nhiếp thụ vô trụ Đại Niết-bàn. Năm là do địa vị khác nhau, vì thoát ly bằng 10 địa. Sáu và bảy là do thanh tịnh khác nhau, vì đoạn phiền não tập khí làm cõi Phật thanh tịnh. Tám là do tâm tự tha bình đẳng khác nhau, vì không ngừng nghỉ gia hành để thành thực chứng sinh. Chín là do nơi sinh khác nhau, vì sinh vào nhà Như Lai. Mười là do thụ sinh khác nhau, vì thường sinh ở những nơi có đại tập hội của chư Phật. Mười một là do quả khác nhau, vì 10 lực, 4 không sợ hãi, 18 pháp không chung, vô lượng công đức đều được kết quả viên mãn.

Giải thích: Do Niết-bàn khác nhau, là bởi BỒ-tát hiện quán nhiếp thụ vô trụ Đại Bát-niết-bàn, Thanh Văn không như vậy. Do thanh tịnh khác nhau, là bởi BỒ-tát hiện quán hằng đoạn dứt phiền não và các tập khí, có thể làm thanh tịnh cõi Phật, Thanh Văn thì không như vậy.

Luận nói: Ở đây có 2 bài tụng như sau:

*Danh, sự, khách của nhau,  
Phải tầm tư tính ấy.  
Phải suy xét cả hai,  
Duy lượng và duy giả.  
Thật trí quán vô nghĩa,  
Chỉ có 3 phân biệt.  
Kia không, nên đây không,  
Tức ngộ nhập 3 tính.*

Giải thích: Sắp nhập chân quán nên nói 2 bài tụng. Nói “Danh, sự, khách của nhau, phải tầm tư tính ấy.”, nghĩa là danh là khách đối với sự, sự là khách đối với danh, không gọi kia là thể. Do định mà quán nên gọi là tầm tư. “Phải suy xét cả hai, duy lượng và duy giả.”, nghĩa là phải suy tìm cái nghĩa của tự tính và sai biệt đều không, chỉ có thức lượng, chỉ có giả lập tự tính và sai biệt. Nói “thật trí” tức là phải biết đó là như thật biến trí. Nghĩa là do 4 thứ tầm tư làm nhân, phát sinh 4 thứ như thật biến trí. Nói “quán vô nghĩa, chỉ có 3 phân biệt.”, nghĩa là quán nơi nghĩa thì vốn là vô sở hữu. Chỉ có 3 thứ hư vọng phân biệt, gọi là phân biệt. Tự tính phân biệt và sai biệt phân biệt, “kia không nên đây không.”, nghĩa là nghĩa không, cho nên phân biệt cũng không. Bởi vì sao? Nếu có nghĩa sở phân biệt, thì có thể có năng duyên phân biệt. Do nghĩa, là vô sở hữu, nên phải biết phân biệt cũng không. “Tức ngộ nhập 3 tính.”, nghĩa là trong đây ngộ nhập 3 vô tính. Quán thấy danh và sự đều là khách của nhau tức ngộ nhập tính biến kế sở chấp. Quán thấy 2 thứ vốn

không có nghĩa, chỉ có phân biệt lượng, chỉ có danh, vì tự tính và sai biệt là giả lập, tức ngộ nhập tính y tha khởi. Cũng không quán thấy cái phân biệt này, tức ngộ nhập tính viên thành thật. Như vậy gọi là ngộ nhập 3 tính.

Luận nói: Lại có 2 bài tụng như được nói trong Phân Biệt Du-già Luận như sau:

*Bồ-tát ở trong định,  
Quán ảnh chỉ là tâm.  
Nghĩa tướng đã diệt trừ,  
Quán sát chỉ tự tướng.  
Như vậy trụ nội tâm,  
Biết sở thủ phi hữu,  
Tiếp năng thủ cũng không,  
Sau xúc không thể được.*

Giải thích: Để trao cho chính giáo nhập chân quán, trong nghĩa này nói 2 bài tụng. “Bồ-tát ở trong định, quán ảnh chỉ là tâm.”, nghĩa là quán ảnh tượng tương tự pháp, tương tự nghĩa. Chỉ là cái tâm đó, ai có thể quán? Nghĩa là Bồ-tát ở trong địa vị nào, trong định nào. “Nghĩa tướng đã diệt trừ, quán sát chỉ tự tướng.”, nghĩa là trong địa vị này đã khiến trừ tướng về nghĩa, quán sát tương tự pháp tương tự nghĩa chỉ là tự tâm. “Như vậy trụ nội tâm,” là như nhiếp tâm mình trụ nơi vô nghĩa, tức là khiến tâm trụ nơi nội tâm. “Biết sở thủ phi hữu,” nghĩa là hiểu nghĩa sở thủ là vô sở hữu. “Tiếp năng thủ cũng không,” là do nghĩa sở thủ đã là phi hữu, cho nên tâm năng thủ, tính của năng thủ cũng không thành. “Sau xúc không thể được.” nghĩa là từ đó sau xúc chứng chân như, do chân như này là vô sở đắc cho nên gọi là không thể được.

Luận nói: Lại nữa có 5 bài tụng về hiện quán như được nói trong Đại Thừa Kinh Trang Nghiêm Luận như sau:

Phúc đức trí tuệ hai tư lương,  
 Bờ-tát chuẩn bị vô biên tế.  
 Đối pháp tư duy khéo quyết định,  
 Thì rõ nghĩa thú chỉ ý ngôn.  
 Nếu biết các nghĩa là ý ngôn,  
 Tức trụ tựa nghĩa duy thức.  
 Mới hay hiện chứng chân pháp giới,  
 Cho nên hai tướng đều trừ diệt.  
 Biết thể là tâm là không có,  
 Do đây liền biết tâm phi hữu.  
 Người trí biết rõ hai đều không,  
 Trụ ở hai không: chân pháp giới.  
 Người tuệ không phân biệt trí lực,  
 Bình đẳng biến khắp thường thuận hành.  
 Diệt khỏi tội lỗi rất um tùm,  
 Như phương thuốc hay tiêu bệnh độc.  
 Phật nói diệu pháp khéo thành lập,  
 An lập tuệ, căn trong pháp giới.  
 Hiểu rõ ý thú là phân biệt,  
 Dừng mãnh mau về bờ biển đức.

Giải thích: Lại có hiện quán Già-tha như Kinh Trang Nghiêm Luận nói. Trong đó khó hiểu được hiển thị ở đây. “Phúc đức trí tuệ hai tư lương, Bờ-tát chuẩn bị vô biên tế.”. Nói tư lương có 2 thứ: một là phúc đức tư lương, hai là trí tuệ tư lương. Nghĩa là thí v.v... 3 Ba-la-mật-đa là phúc đức tư lương. Thứ 6, Bát-nhã Ba-la-mật-đa là trí tuệ tư lương. Tinh tiến Ba-la-mật-đa bao gồm 2 tư lương. Bởi vì sao? Nếu vì trí tuệ mà thực hành tinh tiến thì đó là trí tuệ tư lương. Nếu vì phúc đức mà hành tinh tiến là phúc đức tư lương. Như vậy tinh lự Ba-la-mật-đa cũng thông cả 2 thứ. Nếu duyên vô lượng mà tu tĩnh lự, là phúc đức tư lương. Ngoài ra là trí tuệ tư lương.

Ai có tư lương như thế? Là các Bồ-tát. Lâu xa khó vượt qua, gọi là vô biên tế.. Như vô biên, nói chẳng phải vô hữu biên, chỉ dùng số nhiều nên được gọi là vô biên, đây cũng như vậy. “Đôi với pháp tư duy khéo quyết định,” tức do sau khi định, tư duy các pháp, mới khéo quyết định chứ không phải cái gì khác có thể được. “Thì rõ nghĩa thú chỉ ý ngôn,” nghĩa là hiểu rõ các nghĩa chỉ do ý ngôn làm nhân. “Nếu biết các nghĩa là ý ngôn, tức trụ tựa nghĩa trong duy thức,” nghĩa là nếu hiểu rõ nghĩa tương tự hiển hiện chỉ là ý ngôn, tức trụ vào chính lý của nghĩa tương tự duy tâm. “Mới hay hiện chứng chân pháp giới, cho nên hai tướng đều trừ diệt,” nghĩa là từ sau đây hiện chứng chân như hằng xa lia 2 tướng sở thủ năng thủ. Như nhập hiện chứng, sau đây sẽ hiển thị. “Biết thể lia tâm là không có vật gì khác. Do đây liền biết tâm phi hữu,” tức là biết thể lia tâm là không có nghĩa sở duyên vì kia không có, thì biết được tâm năng duyên cũng không có. “Người trí biết rõ hai đều không,” nghĩa là Bồ-tát hiểu rõ cả hai đều không. “Trụ ở hai không: chân pháp giới,” nghĩa là trụ bình đẳng pháp giới chân thật lia nghĩa lia tâm. “Người tuệ không phân biệt trí lực,” nghĩa là các Bồ-tát trí vô phân biệt có các thể lực. “Bình đẳng biến khắp thường thuận hành.” là tùy thuận mà làm trong bình đẳng. Quán sát trong các khế kinh nói tất cả các pháp tính bình đẳng như hư không, cho nên quán sát khắp các pháp trong ngoài đều như vậy. Thường, là lúc nào cũng vậy. “Diệt khỏi tội lỗi rất um tùm, như phương thuốc hay tiêu bệnh độc,” nghĩa là diệt là diệt trừ, y là sở y. Tức là cái nhân của các pháp tạp nhiễm trong sở y rất khó hiểu rõ cho nên giống như khối gai góc um tùm trong rừng rất khó vào. Nói “khỏi tội lỗi” là pháp tạp nhiễm huân tập tự tính. “Phật nói diệu pháp khéo thành lập, an lập tuệ, căn trong pháp giới,” nghĩa là do Phật dạy khéo an lập cái tuệ trong chân như và duyên trong căn bản tâm. Căn bản tâm, nghĩa là duyên tất cả chính giáo của Như Lai làm một

tướng, phải biết tức là tâm vô phân biệt . “Hiểu rõ ý thú là phân biệt,” nghĩa là kia đã an trụ trong căn bản tâm rồi, để thuyết chính giáo do hậu đắc trí nghĩ các nghĩa thú, biết các suy nghĩ nghĩa thú chỉ là phân biệt. “Dũng mãnh mau về bờ biển đức.” nghĩa là các Bồ-tát do trí vô phân biệt và phương tiện khéo léo của trí hậu đắc nên mau chóng đến bờ biển công đức của Phật quả. Như vậy sơ lược nghĩa của 5 bài tụng là: Bài tụng thứ nhất hiển thị tư lương đạo. Nửa đầu bài tụng thứ hai hiển thị gia hành đạo. Nửa sau bài tụng thứ ba hiển thị kiến đạo. Bài tụng thứ tư hiển thị tu đạo. Bài tụng thứ năm hiển thị cứu cánh đạo.

# NHIẾP ĐẠI THỪA LUẬN THÍCH

## QUYỂN 7

### 5 - Ngộ nhập nhân quả

L luận nói: Như vậy là đã nói về sự ngộ nhập tướng sở tri, vậy làm sao có thể thấy sự ngộ nhập nhân quả?

Do 6 thứ Ba-la-mật-đa là thí, giới, nhẫn, tinh tiến, tĩnh lự, Bát-nhã.

Vì sao do 6 Ba-la-mật-đa được ngộ nhập duy thức? Và vì sao 6 Ba-la-mật-đa thành tựu kết quả của sự ngộ nhập ấy?

Nghĩa là Bồ-tát này không tham đắm tiền của địa vị, không phạm tịnh giới, cái khổ không làm dao động, tu hành không biếng trễ, trong các nhân tán động như vậy, khi không hiện hành thì tâm chuyên vào một cảnh là có thể quyết trạch các pháp đúng như lý được ngộ nhập duy thức. Bồ-tát dựa vào 6 Ba-la-mật-đa, ngộ nhập duy thức rồi, chứng được 6 thứ ý lạc thanh tịnh tăng thượng trong Ba-la-mật-đa, cho nên dấu rời 6 thứ Ba-la-mật-đa hiện khởi gia hành, nhưng do hiểu rõ giáo pháp của Phật và do tâm quý trọng, tùy hỷ, ưa thích, thường xuyên tu tập không gián đoạn các phương tiện tương ưng, mà 6 thứ Ba-la-mật-đa mau chóng được viên mãn.

Giải thích: Nếu lúc bấy giờ được ngộ nhập duy thức tức lúc bấy giờ chứng đắc thanh tịnh tăng thượng ý lạc Ba-la-mật-đa. Nói

hiện khởi gia hành, nghĩa là Ba-la-mật-đa hiện hành gia hành. Nói do được hiểu rõ Thánh giáo, nghĩa là ngay nơi Ba-la-mật-đa này tương ứng với Thánh giáo, ruy rất sâu nhưng có thể tin hiểu. Nói ái trọng tác ý, nghĩa là thấy công đức thù thắng kia mà sinh yêu thích. Nói hân lạc tác ý, nghĩa là như đã đến bờ tối thắng kia, được ý lạc thanh tịnh của chư Phật, nguyện ta và tất cả hữu tình kia sẽ được chứng đắc.

Luận nói: Ở đây có 3 bài tụng như sau:

*Đã viên mãn bạch pháp,  
Và được nhãn sắc bén.  
Bồ-tát nơi Đại thừa,  
Giáo pháp sâu rộng lớn.  
Đẳng giác chỉ phân biệt,  
Được vô phân biệt trí,  
Mong cầu thắng giải tịnh,  
Nên ý lạc thanh tịnh.  
Trước và dòng pháp này,  
Đều được thấy chư Phật.  
Đã biết gần Bồ-đề,  
Chứng đắc thật không khó.*

Do 3 bài tụng này tổng quát làm rõ cái ý lạc thanh tịnh tăng thượng. Có 8 thứ tướng: Đó là tư lương, kham nhẫn, sở duyên, tác ý, đối trị, tự thể, thụy tướng, thắng lợi, đúng như thứ tự các câu kệ tụng biểu thị.

Giải thích: Như vậy thanh tịnh tăng thượng ý lạc có những tướng gì mà có thể gồm thâu Ba-la-mật-đa kia? Để trả lời câu hỏi này, tiếp đến sẽ hiển thị tướng ấy trong 3 bài tụng. ”Đã viên mãn bạch pháp,” nghĩa là trước ở nơi Giải hành địa, khéo đầy đủ tư lương, cho nên trong đây bạch pháp viên mãn. “Và được nhãn sắc bén.” nghĩa là nhãn có 3 phẩm là nguyện, trung và thượng. Trong đây tối



thượng gọi là lợi tột hẳn, tức là hẳn sắc bén. Do sở duyên đó mà được thanh tịnh. Tiếp đến hiển thị “Bồ-tát nơi Đại thừa, giáo pháp sâu rộng lớn.” nghĩa là nơi Đại thừa gọi nơi thừa của mình. Trong đây tuyên thuyết các việc rất sâu rộng lớn. Tính vô ngã của pháp gọi là việc rất sâu. Các Tam-ma-địa như Hư không tạng v.v... gọi là việc rộng lớn. Do tác ý đó mà được thanh tịnh. Tiếp đến hiển thị “Giác ngộ chỉ phân biệt, được trí vô phân biệt,” nghĩa là nếu biết tất cả các pháp chỉ có phân biệt tức có thể được trí vô phân biệt ý lạc tự thể. Tiếp đến hiển thị “Mong cầu thắng giải tịnh, nên ý lạc thanh tịnh.” Tức là dục và thắng giải đều thanh tịnh nên ý lạc thanh tịnh. Phải biết trong đây dục là mong cầu, tin là thắng giải. Ý lạc là tướng tốt. Tiếp đến hiển thị “Ở trong dòng pháp này, trước sau thấy chư Phật.”, tức là trước là trước địa vị ý lạc thanh tịnh, đây tức là trong địa vị ý lạc thanh tịnh, đều được thấy Phật đó là tướng điềm lành tốt. Nói “dòng pháp” nghĩa là trong định vị ý lạc thắng lợi. Tiếp đến hiển thị “Đã biết gần Bồ-đề, chứng đắc thật không khó.” Nghĩa là ở trong địa vị này thấy gần được Bồ-đề, vì được thắng phương tiện nên được là không khó. Trong 3 bài tụng này hiển thị thanh tịnh tăng thượng ý lạc tư lương như vậy, kham nhẫn như vậy, sở duyên như vậy, tác ý như vậy, tự thể như vậy, tướng điềm tốt như vậy, thắng lợi như vậy. Do 3 bài tụng này thành lập thể tướng của thanh tịnh tăng thượng ý lạc.

Luận nói: Vì nhân duyên gì mà Ba-la-mật-đa chỉ có 6 thứ?

Vì thành lập các đối trị để đối trị các hoặc chướng, vì làm chỗ dựa để chứng đắc pháp của chư Phật, vì tùy thuận thành thực các hữu tình, vì muốn đối trị cái nguyên nhân không phát tâm nên lập thí Ba-la-mật-đa và giới Ba-la-mật-đa, nguyên nhân không phát tâm là do tham đắm tiền của địa vị và nhà cửa vợ con, vì muốn đối trị cái nguyên nhân đã phát tâm mà lại thoái lui, nên lập nhẫn Ba-la-mật-đa và tiến Ba-la-mật-đa, nguyên nhân của thoái lui là vì chúng sinh ở trong sinh tử vi phạm mà sinh các khổ và mệt mỏi vì thời gian dài gia

hành tu tập thiện pháp, vì muốn đối trị cái nguyên nhân tuy đã phát tâm và không thoái lui nhưng thất bại hồng mắt, nên lập định Ba-la-mật-đa và tuệ Ba-la-mật-đa, nguyên nhân của thất bại hồng mắt là do các tán động và tà trí. Như vậy là thành lập các pháp đối trị để đối trị các hoặc chương cho nên chỉ lập 6 pháp. Lại nữa 4 Ba-la-mật-đa trước là nhân không tán động. Một Ba-la-mật-đa kế tiếp là thành tựu sự không tán động. Sự không tán động này làm chỗ dựa nên hiểu biết bình đẳng như thật chân nghĩa của các pháp mới có thể chứng đắc tất cả Phật pháp. Như vậy vì là chỗ dựa để chứng đắc pháp của chư Phật nên chỉ lập 6 pháp. Do thí Ba-la-mật-đa mà có thể tiếp nhận chúng sinh, do giới Ba-la-mật-đa mà không làm hại chúng sinh, do nhẫn Ba-la-mật-đa mà khi bị hại có thể chịu đựng được, do tinh tiến Ba-la-mật-đa mà có thể trợ giúp những việc đáng làm. Do đó bao gồm các nhân duyên lợi ích khiến chúng sinh thành thực những gì có thể kham nhiệm. Từ đó về sau người tâm chưa định thì làm cho tâm định, người tâm đã định thì khiến được giải thoát. Khi khai ngộ thì họ được thành thực. Cứ như vậy mà tùy thuận thành thực tất cả chúng sinh, nên chỉ lập 6 pháp.

Giải thích: Thành lập sự đối trị trong các chương bị đối trị, các nguyên nhân thất bại hư hỏng. Nói tà ác tuệ là chấp lấy điên đảo gọi là tà ác tuệ. Như các ngoại đạo do tà ác tuệ mà thất bại hư hỏng. các nghĩa khác có thể rõ. Nói chỗ dựa để chứng đắc pháp của chư Phật, nghĩa là nguyên nhân chứng đắc pháp của chư Phật. Do đó thứ hai thành lập nhân duyên con số Ba-la-mật-đa chỉ có 6 không thêm không bớt. Vì đây lấy không tán động làm y chỉ. Nói chân nghĩa các pháp như thật đẳng giác nghĩa là y chỉ tinh lự Ba-la-mật-đa có thể khởi Bát-nhã Ba-la-mật-đa chân nghĩa các pháp như thật đẳng giác. Các nghĩa khác có thể rõ. Thứ ba thành lập con số trong nhân duyên. Nói tùy thuận thành thực các hữu tình, nghĩa là tùy thuận thành thực tất cả loài hữu tình, chỉ lập 6 số không thêm không bớt. Nói tâm

chưa định khiến được định, nghĩa là được tĩnh lự Ba-la-mật-đa. Nói đã được định khiến giải thoát, nghĩa là được Bát-nhã Ba-la-mật-đa. Khi khai ngộ, kia được thành thực, nghĩa là khi giáo hóa khiến kia thành thực.

Luận nói: Làm sao thấy tướng của 6 pháp này?

Vì có 6 thứ vượt trội hơn hết. Một là do chỗ dựa vượt trội, vì tâm Bồ-đề là chỗ dựa. Hai là do sự vượt trội, vì hiện hành đầy đủ. Ba là do xứ vượt trội, vì dựa vào sự an vui lợi ích cho tất cả chúng sinh. Bốn là do phương tiện khéo léo vượt trội, vì do trí vô phân biệt nhiếp thụ. Năm là do hồi hướng vượt trội, vì hồi hướng vô thượng chính đẳng Bồ-đề. Sáu là do thanh tịnh vượt trội, vì phiền não chướng và sở tri chướng không còn khởi lên.

Thí là Ba-la-mật-đa hay Ba-la-mật-đa là thí?

Có cái thí chẳng phải Ba-la-mật-đa, nên lập 4 câu. Nếu như thí là như vậy, thì các Ba-la-mật-đa khác cũng làm 4 câu như vậy.

Giải thích: Vì những tướng gì, thí v.v... được gọi là Ba-la-mật-đa? Vì các thể gian và Thanh Văn v.v... cũng có thí v.v... cho nên phải nói cái tướng của chúng. Nghĩa là 6 thứ vượt trội là thí v.v... là tướng sở y. Tối thắng nghĩa là vượt trội hơn cả. Nghĩa là tâm Bồ-đề làm y chỉ. Sự tối thắng, nghĩa là không có một, ở trong hay ngoài đầy đủ hiện hành, chỉ có Bồ-tát có khả năng đầy đủ hiện hành. Xứ tối thắng, nghĩa là lấy tất cả hữu tình làm nơi lợi ích an lạc. Phương tiện thiện xảo tối thắng, nghĩa là tam luân thanh tịnh. Trong đó sở thủ phương tiện thiện xảo do không phân biệt vật thí, người thí và người thụ thí. Như vậy ở trong trí vô phân biệt, thí v.v... được gọi là Ba-la-mật-đa. Hồi hướng tối thắng, nghĩa là dùng thí v.v... trở về cầu vô thượng Bồ-đề. Thanh tịnh tối thắng, nghĩa là đến Phật quả, thí v.v... mới thanh tịnh. Bấy giờ giải thoát các tập khởi của phiền não và sở tri 2 thứ chướng ngại. Cho nên thí là Ba-la-mật-đa hay Ba-la-mật-đa

là thí ư? Trả lời câu hỏi này là có thí chẳng phải Ba-la-mật-đa, tức là 6 thứ tối thắng mà hành thí. Có Ba-la-mật-đa chẳng phải thí, tức bao gồm 6 thứ tối thắng. Giới v.v... có cũng thí cũng Ba-la-mật-đa, tức bao gồm 6 thứ tối thắng. Bồ thí có chẳng phải thí chẳng phải Ba-la-mật-đa, tức là 6 thứ tối thắng mà hành giới v.v... Như vậy tất cả mọi nơi đều phải làm 4 câu như vậy.

Luận nói: Vì lý do gì 6 thứ Ba-la-mật-đa được lập theo thứ tự như vậy?

Vì Ba-la-mật-đa trước tùy thuận sinh Ba-la-mật-đa sau.

Giải thích: Sáu ba-la-mật-đa trước sau dựa vào nhau mà sinh theo thứ tự như vậy.

Luận nói: Lại nữa làm sao thấy sự giải thích danh nghĩa các Ba-la-mật-đa?

Đối với Thanh Văn Độc Giác trên thế gian thì thiện căn bồ thí v.v... là vượt trội hơn hết có thể đến bờ kia. Cho nên gọi chung là Ba-la-mật-đa. Lại có thể phá vỡ sự keo kiệt bần cùng và có thể dẫn phát tài lộc địa vị và các phúc đức rộng lớn, nên gọi là thí. Lại có thể đoạn diệt giới ác cõi ác và có thể hướng đến đẳng trì cõi thiện, nên gọi là giới. Lại có thể diệt hết giận dữ oán thù, và có thể mình và người sống trong an ổn, nên gọi là nhẫn. Lại có thể xa lìa mọi sự biếng nhác, các pháp ác và bất thiện, có thể sinh xuất vô lượng thiện pháp và khiến tăng trưởng, nên gọi là tinh tiến. Lại có thể tiêu trừ các tán động, và dẫn đến an trụ nội tâm, nên gọi là tĩnh lự. Lại có thể trừ bỏ mọi kiến chấp, tà trí ác tuệ và có thể phân biệt phẩm loại các pháp biết được như thật, nên gọi là tuệ.

Giải thích: Nay sẽ hiển thị sự giải thích danh ngôn. Giải thích tên chung là do đây tất cả có thể đến bờ kia nên gọi tên là Ba-la-mật-đa. Là cái thí v.v... đạt tới bờ kia, vượt hơn tất cả cái thí của thế gian và Thanh Văn, Độc Giác. Cho nên gọi chung là Ba-la-mật-đa. Tiếp

đến giải thích tên riêng. Khi tu nhân, cái thí này phá trừ sự keo kiệt. Khi kết quả có thể làm tan mất tất cả sự nghèo cùng. Và khi kết quả đưa đến địa vị giàu có rộng làm việc phúc đức, nên gọi là thí. Lại nữa khi tu nhân dứt các giới ác, khi kết quả có thể diệt tất cả các nẻo ác, và tương lai có thể đến các nẻo thiện, trong đời hiện tại có thể duy trì được không thay đổi, nên gọi là giới. Như vậy giải thích tất cả Ba-la-mật-đa đều nên giải thích như thế. Và nói mình và người có thể khéo trụ trong an ổn, nghĩa là tự mình không bị sự giận dữ lỗi lầm làm phiền não, không gây khổ cho người, nên được an ổn.

Luận nói: Nên biết phải tu tập các pháp Ba-la-mật-đa như thế nào?

Nên biết đại khái 5 việc: Một là hiện khởi tu gia hành. Hai là tu thắng giải. Ba là tu tác ý. Bốn là tu phương tiện khéo léo. Năm là tu hoàn thành công việc. Trong đây 4 pháp tu như trước đã nói. Còn tu hoàn thành công việc nghĩa là chư Như Lai vận dụng Phật sự một cách tự nhiên tự tại không ngừng nghỉ, viên mãn các Ba-la-mật-đa rồi lại tu tập 6 pháp đến bờ kia. Lại nữa tu tác ý, nghĩa là tu 6 thứ ý lạc bao gồm các tác ý mến trọng, tùy hỷ, vui vẻ như một là ý lạc rộng lớn, hai là ý lạc dài lâu, ba là ý lạc hoan hỷ, bốn là ý lạc chịu ơn, năm là ý lạc chí lớn, sáu là ý lạc thuần thiện.

Nếu các Bồ-tát trải qua vô số đại kiếp cho đến hiện chứng vô thượng chính đẳng Bồ-đề, trong thời gian ấy mỗi một sát-na giả sử xả bỏ thân mạng, cho đến 7 báu chứa đầy trong thế giới như cát sông Hằng đem phụng sự cúng dường Như Lai cho đến khi an tọa trên tòa Bồ-đề, mà ý lạc về sự bố thí của Bồ-tát ấy còn chưa chán đủ; lại cũng trong thời gian ấy, mỗi mỗi sát-na giả sử lửa đốt cháy 3 ngàn đại thiên thế giới, trong 4 oai nghi thường thiếu tất cả mọi phương tiện sống mà tâm vẫn thường giữ giới, nhẫn, tinh tiến, tĩnh lự, Bát-nhã, cho đến khi an tọa trên tòa Bồ-đề, vậy mà ý lạc của Bồ-tát ấy về giới, nhẫn, tinh tiến, tĩnh lự, Bát-nhã vẫn không chán đủ. Đó gọi là ý lạc

rộng lớn của Bồ-tát. Lại nữa các Bồ-tát ở trong cái ý lạc không chán đủ, cho đến khi an tọa tòa Bồ-đề, thường không gián đoạn hay ngừng nghỉ, gọi là ý lạc dài lâu của Bồ-tát. Lại các Bồ-tát dùng 6 Ba-la-mật-đa làm lợi ích chúng sinh, do làm việc lợi ích mà tâm sinh hoan hỷ còn hơn nỗi vui mừng của chúng sinh được lợi ích, gọi là ý lạc hoan hỷ của Bồ-tát. Lại các Bồ-tát dùng 6 Ba-la-mật-đa làm lợi ích chúng sinh, thấy họ có ơn đức lớn đối với mình chứ không thấy mình có ơn đối với họ, đó là ý lạc chịu ơn của Bồ-tát. Lại nữa các Bồ-tát dùng 6 pháp đến bờ kia, nhóm họp các thiện căn, thâm tâm đem hiến cho tất cả chúng sinh khiến được quả báo khả ái thù thắng, gọi là ý lạc chí lớn của Bồ-tát. Lại các Bồ-tát lại dùng 6 pháp Ba-la-mật-đa nhóm họp các thiện căn cùng các chúng sinh trở về cầu vô thượng chính đẳng Bồ-đề, gọi là ý lạc thuần thiện của Bồ-tát. Như vậy Bồ-tát tu 6 thứ ý lạc này bao gồm tác ý ái trọng. Lại các Bồ-tát đối với 6 thứ ý lạc của các Bồ-tát khác tu tập tương ưng vô lượng thiện căn, thâm tâm tùy hỷ, như vậy là Bồ-tát tu 6 thứ ý lạc này bao gồm ý tác tùy hỷ. Lại các Bồ-tát thâm tâm hân hoan vui thích 6 thứ ý lạc của tất cả chúng sinh bao gồm tu 6 thứ đến bờ kia, cũng nguyện tự mình cùng tu tập 6 thứ đến bờ kia thường xuyên không rời bỏ, cho đến khi an tọa tòa Bồ-đề, như vậy là Bồ-tát tu 6 thứ ý lạc bao gồm tác ý hân lạc. Nếu có người nghe Bồ-tát tu 6 thứ ý lạc này bao gồm tác ý, chỉ cần khởi một niệm tín tâm sẽ được phát sinh vô lượng phúc, nghiệp chướng ác cũng sẽ tiêu diệt, huống chi là Bồ-tát.

Giải thích: Trong 5 thứ tu, hiện khởi gia hành tu nghĩa là tu trong lúc hiện khởi gia hành. Tu hoàn thành công việc, nghĩa là chư Như Lai an trụ pháp thân có làm nhiều Phật sự vô công dụng thường không ngừng nghỉ. Tuy không hiện hành 6 thứ Ba-la-mật-đa nhưng vì lợi ích các hữu tình thường hiện hành tác Phật sự. Trong lúc bấy giờ mỗi một sát-na, tức là giả sử lấy 3 vô số kiếp làm một sát-na, tích tập thời lượng cho đến Bồ-đề, trải qua thời gian ấy giả sử mỗi một sát-na xả bỏ tất cả thân mạng v.v... nghĩa ấy dễ hiểu tùy theo bản văn.

Cứ như vậy tích tập thời lượng cho đến Bồ-đề. Trải qua thời gian ấy, mỗi mỗi sát-na giả sử khởi tâm giữ một giới, ở trong 3 ngàn Đại thiên thế giới đầy cả lửa cháy, thường thiếu thốn mọi phương tiện cho đời sống, đây là hiển thị nơi trụ xứ gian nan thiếu thốn phương tiện. Trong đó ý lạc không chán đủ. Phải biết đó là ý lạc rộng lớn. Tức là thời gian dài thường không gián đoạn. Phải biết đó là ý lạc dài lâu. Dài tức là lâu. Các nghĩa khác dễ hiểu. Các nghiệp chướng ác cũng sẽ tiêu diệt, nghĩa là trong đây ý nói diệt cái khả năng làm công năng dị thực kia, hoặc đổi trị cái sức hướng đến nẻo ác.

Luận nói: Làm sao thấy được sự sai biệt của các Ba-la-mật-đa này?

Nên biết mỗi Ba-la-mật-đa đều có 3 phẩm. Ba phẩm của thí là: 1.pháp thí, 2.tài thí, 3.vô úy thí. Ba phẩm của giới là: 1.giới về luật và oai nghi, 2.giới gồm thâu các thiện pháp, 3.giới làm lợi ích hữu tình. Ba phẩm của nhẫn là: 1.nhẫn chịu oán hại, 2.nhẫn an tâm thụ khổ, 3.nhẫn nại quan sát các pháp. Ba phẩm của tinh tiến là: 1.tinh tiến như người mặc áo giáp ra trận, 2.tinh tiến gia công tu hành, 3.tinh tiến không run sợ, không chao đảo thoái lui, không vui mừng thỏa mãn. Ba phẩm của tĩnh lự là: 1.tĩnh lự an trụ, 2.tĩnh lự dẫn phát, 3.tĩnh lự hoàn thành công việc. Ba phẩm của tuệ là: 1.tuệ gia hành vô phân biệt, 2.tuệ vô phân biệt, 3.tuệ vô phân biệt hậu đắc.

Giải thích: Ở đây tuyên thuyết sai biệt trong các phẩm Ba-la-mật-đa, hiển thị thể tính đều có 3 sai biệt. Vì sao nói pháp thí v.v...3 thứ sai biệt? Nghĩa là do pháp thí nên giúp ích thiện căn của người, do tài thí nên giúp ích thân mạng của người, do vô úy thí nên giúp ích tâm của người. Do nhân duyên đó nên nói 3 thứ thí. Trong 3 thứ giới thì luật nghi giới là dựa vào sự giữ giới. Vì muốn lập 2 giới khác cho nên an trụ. Sở dĩ vì sao? Trụ vào luật nghi thì có thể lập nhiếp thiện pháp giới. Do đó tu tập tất cả Phật pháp, chứng Đại Bồ-đề. Lại có thể lập ích hữu tình giới. Do đó có khả năng thành thực hữu tình.

Trong 3 thứ nhẫn thì nại oán hại nhẫn là có thể nhịn chịu sự oán hại người khác làm. Khi siêng tu làm việc lợi ích hữu tình, nhờ sức nhẫn này gặp sinh tử khổ cũng không thoái chuyển. An thụ khổ nhẫn thì có thể nhẫn chịu các khổ gặp phải. Nhờ sức nhẫn này ở trong sinh tử gặp các khổ cũng không sinh thoái chuyển. Để sát pháp nhẫn thì đủ khả năng quán sát các pháp thâm xét đế lý. Nhờ sức nhẫn này mà lập 2 cái nhẫn đã nói trước. Thể sai biệt của 3 tinh tiến là như trong kệ kinh, Bạc-già-phạm nói có thể lực, có siêng năng, có dũng mãnh, cứng rắn, không bỏ việc thiện dù nặng nề cực nhọc. Năm câu trong kinh kia là giải thích cái thể của 3 tinh tiến. Nhờ mặc áo giáp tinh tiến nên trước tiên là có thể lực. Nhờ gia hành tinh tiến nên trong lúc gia hành siêng năng. Nhờ tinh tiến không khiếp nhược, không thoái chuyển, không vui mừng thỏa mãn nên tuần tự sau có dũng mãnh, cứng rắn, không bỏ điều thiện dù nặng nề cực nhọc. Do 3 cái đây giải thích 5 câu kia. Sở dĩ vì sao? Hoặc trước tiên vì cầu vô thượng chính đẳng Bồ-đề tuy có thể lực nhưng trong khi gia hành không thể cố gắng nên nói có siêng. Tuy có tâm siêng năng nhưng hoặc khiếp nhược. Để đối trị khiếp nhược ấy nên nói có dũng mãnh. Do có dũng mãnh nên tâm không thoái lui. Phải biết khiếp nhược tức là thoái lui. Tâm tuy không khiếp sợ nhưng gặp khổ sinh tử tâm có thể bị thoái chuyển. Do đó thoái lui mất cái tâm cầu Phật quả. Để đối trị trường hợp này nên lập vô thoái chuyển. Vô thoái chuyển tức là vững chắc mạnh mẽ nên không thoái chuyển, hiển thị sự cứng rắn mạnh mẽ. Do cứng rắn mạnh mẽ nên gặp khổ không lui. Có trường hợp gặp khổ không thoái chuyển nhưng được một ít thiện căn liền sinh vui mừng thỏa mãn cho là đủ, do đó không chứng vô thượng Bồ-đề. Vì vậy tiếp đến nói không mừng đủ, nghĩa là không được sinh một chút tâm vui mừng cho là đầy đủ. Đây là hiển thị sự không bỏ điều thiện dù nặng nề cực nhọc. Do ý nghĩa đó nói 3 tinh tiến. Trong 3 tinh lực, an trụ tinh lực là do đây có thể an trụ trong hiện pháp lạc. Dẫn phát tinh lực là do đây dẫn phát 6 thứ thần thông. Thành sở tác sự tinh lực là dựa vào



đây nên thành lập các việc làm lợi ích hữu tình. Vì vậy gọi là thành sở tác sự. Do ý nghĩa này nên có 3 tinh lự. An lập tuệ thể có 3 thứ, nghĩa dễ hiểu.

Luận nói: Làm sao thấy được sự nhiếp thuộc lẫn nhau?

Do 6 pháp này có thể gồm thấu tất cả thiện pháp vì tướng của chúng, vì sự tùy thuận của chúng, vì tính đẳng lưu của chúng.

Giải thích: Như vậy làm sao thấy được tướng nhiếp thuộc lẫn nhau, nghĩa là câu hỏi này hỏi làm sao thấy được Ba-la-mật-đa với các thiện pháp nhiếp thuộc lẫn nhau. Nói do đây có thể gồm thấu tất cả thiện pháp là phải biết do Ba-la-mật-đa này có thể gồm thấu đầy đủ tất cả thiện pháp. Và tất cả thiện pháp kia cũng có thể gồm thấu Ba-la-mật-đa. Phải biết trong đây tất cả thiện pháp tức là tất cả pháp Bồ-đề phần. Nói là vì tướng của chúng tức là tướng Bát-nhã, vì sự tùy thuận tức là tín, khinh an v.v..., vì tính đẳng lưu tức là 6 thần thông và 10 lực v.v... các công đức.

Luận nói: Làm sao thấy được các tạp nhiễm là những thứ bị 6 pháp này đối trị?

Đó là tướng, là nhân, là quả của chúng.

Giải thích: Như đao bị ngạn gồm thấu các bạch pháp. Trước đã hiển thị sự đối trị đây cũng gồm thấu tất cả các pháp tạp nhiễm. Nay sẽ hiển thị. Nói đó là tướng, tức tướng tham v.v... Nói đó là nhân, tức là nhân keo kiệt v.v... như bất tín và tà kiến v.v... Nói đó là quả, tức là keo kiệt phạm giới giận dữ v.v... các quả.

Luận nói: Làm sao thấy được lợi ích thù thắng của 6 Ba-la-mật-đa đạt được?

Nghĩa là các Bồ-tát khi đang lưu chuyển trong sinh tử thì sinh trong nhà giàu sang, tộc họ lớn, nhiều bà con bạn bè, thành tựu sự nghiệp lớn, không bị tai hại quấy nhiễu, nhẹ đường trần tục, biết

nhiều kiến thức giỏi kỹ năng, sống tốt không tội lỗi, cho đến khi an tọa tòa Bồ-đề thường có thể hiện làm các việc lợi ích chúng sinh, đó là lợi ích thù thắng.

Giải thích: Nay sẽ nói rõ Ba-la-mật-đa được các lợi ích thù thắng. Nói sống tốt không tội lỗi, nghĩa là không như ngoại đạo tuy được sống tốt mà gọi là có tội vì tạp nhiễm ô. Lại nữa cuộc sống tốt của họ đều là vô thường. Còn quả Ba-la-mật-đa chẳng phải vô thường, bởi nói cho đến an tọa Bồ-đề. Lại nữa cuộc sống tốt của ngoại đạo kia chỉ có tự lợi không thể lợi tha, bởi không nói họ thường hay làm lợi ích chúng sinh. Còn Ba-la-mật-đa được quả thù thắng, thường hay làm lợi ích tất cả chúng sinh. Như vậy gọi là các báu bi nguyện được quả lợi ích thù thắng không tội lỗi.

Luận nói: Làm sao thấy được sự quyết định lựa chọn đối với 6 thứ Ba-la-mật-đa?

Thê Tôn đối với tất cả 6 thứ Ba-la-mật-đa này, có nơi lấy thí mà nói, có nơi lấy giới mà nói, có nơi lấy nhẫn nói, có nơi lấy cần nói, có nơi lấy định nói, có nơi lấy tuệ nói.

Nói như vậy là có ý gì?

Vì ý nghĩa, là trong khi gia hành tu tất cả Ba-la-mật-đa, thì đều được tất cả Ba-la-mật-đa hỗ trợ cho thành tựu.

Giải thích: Trong 3 trăm bài tụng trong các Kinh Bát-nhã Ba-la-mật-đa, vốn nói một Ba-la-mật-đa là nói tất cả Ba-la-mật-đa. Nói như vậy là ý nghĩa gì? Có ý nghĩa là một khi tu thì tất cả tương trợ. Nghĩa là khi tu thí, phòng hộ thân ngữ, do đây có giới Ba-la-mật-đa tương trợ mà thành. Cho đến hiểu biết nhân quả của thí, do đây có Tuệ Ba-la-mật-đa tương trợ mà thành. Ngoài ra các tương trợ khác cũng nên biết như vậy.

Luận nói: Ở đây có bài Ôn-đà-nam như sau:

*Số, tướng và thứ lớp,  
 Tên, tu tập, sai biệt.  
 Nhiếp, trị và công đức,  
 Hỗ trợ nhau thành tựu.*

Giải thích: Thứ lớp, trước đã có, văn dễ hiểu.

## 6 - Tu tập sai biệt

Luận nói: Như vậy là đã nói về ngộ nhập nhân quả, vậy làm sao thấy sự tu tập sai biệt?

Thấy được qua 10 địa của Bồ-tát. Những gì là 10? Một là cực hỷ địa, hai là ly cấu địa, ba là phát quang địa, bốn là diệm tuệ địa, năm là cực nan thắng địa, sáu là hiện tiền địa, bảy là viễn hành địa, tám là bất động địa, chín là thiện tuệ địa, mười là pháp vân địa.

Làm sao có thể thấy 10 thứ bậc được an lập như vậy?

Vì muốn đối trị 10 thứ vô minh là những chướng ngại bị đối trị. Bởi vì sao? Bởi vì nơi 10 tướng của pháp giới sở tri có 10 vô minh chướng ngại bị đối trị.

Những gì là 10 tướng của pháp giới sở tri?

Trong địa thứ nhất là biến hành, trong địa thứ hai là tối thắng, trong địa thứ ba là thắng lưu, trong địa thứ tư là không nhiếp thụ, trong địa thứ năm là liên tục không sai biệt, trong địa thứ sáu là thanh tịnh không tạp nhiễm, trong địa thứ bảy là các pháp không sai biệt, trong địa thứ tám là không thêm không bớt, tướng tự tại y chỉ, cõi tự tại y chỉ, trong địa thứ chín là trí tự tại y chỉ, trong địa thứ mười là nghiệp tự tại y chỉ, Đà-la-ni môn, Tam-ma-địa môn tự tại y chỉ. Ở đây có 3 bài tụng như sau:

*Biến hành và tối thắng,  
 Cùng với nghĩa thắng lưu,*

*Như vậy không nhiếp thụ,  
 Liên tục không sai biệt,  
 Thanh tịnh không tạp nhiễm,  
 Các pháp không sai biệt,  
 Không tăng cũng không giảm,  
 Bốn tị tại y chỉ,  
 Trong pháp giới có mười,  
 Không nhiễm ô vô minh,  
 Đối trị các chướng ngại,  
 Nên an lập mười địa.*

Lại nữa phải biết rằng 10 vô minh như vậy, đối với Thanh Văn v.v... thì không phải nhiễm ô, nhưng đối với Bồ-tát là nhiễm ô.

Giải thích: Dựa vào tu nhân quả sai biệt kia nên có câu hỏi đáp. Thế nào là 10 tướng của pháp giới sở tri? Nghĩa là trong sơ địa do nghĩa biến hành, cho đến trong 10 địa do nghĩa của nghiệp tị tại y chỉ, nghĩa của Đà-la-ni môn Tam-ma-địa môn tị tại y chỉ. Do 10 thứ tướng sở tri của pháp giới cho nên gọi là 10 tướng pháp giới sở tri. Nghĩa là trong mỗi địa đều có một tướng pháp giới sở tri. Do sức của vô minh không thể hiểu biết được. Để đối trị các vô minh như vậy nên lập ra 10 địa. Lại nữa các chướng được đối trị có 10 thứ nên lập 10 địa. Những gì là 10 chướng được đối trị? Một là tính phàm phu. Hai là đối với hữu tình làm tà hạnh về thân thể. Ba là tính đần độn chậm lụt, đối với văn tự tu thường hay quên mất. Bốn là vi tế phiền não hiện hành câu sinh trong thân kiến. Đây là tối hạ phẩm, duyên mà không tác ý, đi theo hiện hành rất xa, đó là vi tế. Năm là nhập Niết-bàn ở hạ thừa. Sáu là hiện hành thô tướng. Bảy là hiện hành tế tướng. Tám là tác hành trong vô tướng. Chín là không làm việc lợi ích hữu tình. Mười là chưa được tị tại trong các pháp. Nghĩ biến hành, nghĩa là đi khắp tất cả trong pháp giới này, bởi không chút pháp nào chẳng là vô ngã. Nếu biết như vậy được nhập sơ địa.

Nghĩa tối thắng, nghĩa là vượt trội hơn tất cả trong pháp giới này. Nếu biết như vậy được nhập địa thứ hai. Nghĩa thắng lưu, nghĩa là giáo nghĩa Đại thừa. Từ đây lưu xuất ra là thù thắng nhất. Nếu biết như vậy được nhập địa thứ ba. Nghĩa không nhiếp thụ, nghĩa là không chấp ngã sở, không thâm nhiếp ngã sở. Như người Bắc Câu-lô châu không ràng buộc. Ở trong pháp giới này, nếu khi chứng đắc thì tất cả không có cái gì gọi là ngã sở. Nếu biết như vậy được nhập địa thứ tư. Nghĩa liên tục không sai khác, nghĩa là trong đây thể không khác nhau. Chẳng phải như con mắt v.v... tùy theo các loài hữu tình tương tục sai khác, mỗi mỗi khác nhau. Nếu biết như vậy được nhập địa thứ năm. Nghĩa không tạp nhiễm thanh tịnh, nghĩa là trong đây vốn không tạp nhiễm, tính không tạp nhiễm nên đã không tạp nhiễm tức không thanh tịnh. Nếu biết như vậy được nhập địa thứ sáu. Nghĩa của các pháp không sai biệt, nghĩa là ở đây trong khế kinh có lập ra nhiều pháp sai biệt, nhưng không khác nhau. Nếu biết như vậy được nhập địa thứ bảy. Nghĩa của không tăng không giảm, nghĩa là ở đây khi tạp nhiễm giảm mà không có giảm, khi thanh tịnh tăng mà không có tăng. Nghĩa của tướng tự tại y chỉ, nghĩa là pháp giới này là chỗ y chỉ của tướng tự tại. Được tự tại trong các tướng gọi là tướng tự tại, vì tùy theo muốn tướng nào tức thì hiện tiền. Nghĩa của quốc độ tự tại y chỉ, nghĩa là pháp giới này là chỗ y chỉ của quốc độ tự tại. Được tự tại nơi quốc độ đang ở gọi là quốc độ tự tại. Như muốn quốc độ biến thành vàng hay các báu v.v... thì tùy ý sẽ thành. Nếu biết như vậy được nhập địa thứ tám. Nghĩa của trí tự tại y chỉ, nghĩa là pháp giới này là chỗ sở y tự tại của trí vô ngại biện. Nếu biết như vậy được nhập địa thứ chín. Nghĩa của nghiệp tự tại v.v... y chỉ, nghĩa là pháp giới này là chỗ y chỉ của thân v.v... nghiệp tự tại, và chỗ sở y tự tại của Đà-la-ni Tam-ma-địa môn. Nếu biết như vậy được nhập địa thứ mười. Các thứ vô minh như vậy đối với Thanh Văn v.v... là chẳng nhiếp ô, vì họ không muốn nhập vào các địa.

Ở trong sơ địa là đã có thể thông đạt tất cả các địa, vì sao còn tuân tự thiết lập các địa? Giải thích câu hỏi này là tuy trong sơ địa đạt tất cả địa, nhưng do trụ này mà được an trụ, do sức an trụ này nên thiết lập các địa.

L luận nói: Lại nữa, vì sao địa thứ nhất gọi là cực hỷ?

Vì ở địa này lần đầu tiên được cái năng lực thù thắng có thể làm thành mọi sự nghĩa lợi cho mình và người.

Vì sao địa thứ hai gọi là ly cấu?

Vì ở địa này hết sức xa lìa cấu bần của sự phạm giới.

Vì sao địa thứ ba gọi là phát quang?

Vì địa này là chỗ dựa của đẳng trì và đẳng chí không thoái chuyển, là chỗ dựa của chính pháp đại quang minh.

Vì sao địa thứ tư gọi là diệm tuệ?

Vì ở đây các pháp Bồ-đề phần đốt cháy tiêu tất cả chướng ngại.

Vì sao địa thứ năm gọi là cực nan thắng?

Vì trí chân đế với trí thế gian mâu thuẫn nhau mà hợp hai thứ khó hợp làm cho tương ưng là rất khó.

Vì sao địa thứ sáu gọi là hiện tiền?

Vì ở đây cái trí duyên khởi làm chỗ dựa, có thể khiến Bát-nhã Ba-la-mật-đa hiện ra trước mắt.

Vì sao địa thứ bảy gọi là viễn hành?

Vì ở đây là đã đến giới hạn cuối cùng của công dụng hành.

Vì sao địa thứ tám gọi là bất động?

Vì ở đây tất cả các tướng có dụng công đều không còn hoạt động.

Vì sao địa thứ chín gọi là thiện tuệ?

Vì ở đây được trí vô ngại thù thắng nhất.

Vì sao địa thứ mười gọi là pháp vân?

Vì ở đây được cái trí tổng duyên tất cả pháp, hàm chứa tất cả Đà-la-ni môn, Tam-ma-địa môn, ví như đám mây lớn che được chướng ngại rộng lớn như hư không, lại có thể viên mãn pháp thân.

Giải thích: Vì sao sơ địa gọi là cực hỷ? Do lúc đầu tiên mới được khả năng làm việc tự tha đều lợi. Các Thanh Văn lúc đấng chân hiện quán chỉ được khả năng tự lợi, không lợi tha được nên họ không sinh cái hoan hỷ như các Bồ-tát. Vì sao địa thứ hai gọi là ly cấu? Do trong địa này tính giới thành tựu. Chẳng phải như ở sơ địa suy nghĩ chọn lựa hộ trì giới. Tính giới thành tựu nên các cấu bản của sự phạm giới đã lìa bỏ rất xa. Vì sao địa thứ ba gọi là phát quang? Do trong địa này cùng Tam-ma-địa Tam-ma-bát-đề thường không lìa nhau, không thoái chuyển nên có khả năng làm sáng tỏ pháp Đại thừa. Vì sao địa thứ tư gọi là diệm tuệ? Do trong địa này an trụ pháp Bồ-đề phần tối thắng, do trụ đây nên có thể thiêu đốt ra tro tất cả căn bản phiền não và tùy phiền não. Vì sao địa thứ năm gọi là cực nan thắng? Do trong địa này biết trí chân đế là vô phân biệt, biết các trí thế gian công luận là hữu phân biệt. Hai mâu thuẫn này phải tu khiến hợp. Có thể hợp cái khó hợp làm cho tương ưng nên gọi là rất khó thắng. Vì sao địa thứ sáu gọi là hiện tiền? Nghĩa là trong địa này trụ trí duyên khởi. Do sức của trí này vô phân biệt trụ tối thắng, Bát-nhã Ba-la-mật-đa được hiện tiền, ngộ tất cả pháp không nhiễm không tịnh, trong địa thứ bảy sẽ thành hữu hành, trong địa thứ tám sẽ thành vô hành. Vì sao địa thứ bảy gọi là viễn hành? Nghĩa là trong địa này đối với công dụng hành được đến rốt ráo. Tuy tất cả tướng không thể làm dao động, nhưng đối với vô tướng còn gọi là hữu hành. Vì sao địa thứ tám gọi là bất động? Do các tướng trong địa này và tất cả các hành đều không làm dao động được, trí vô phân biệt lưu hành tự nhiên. Vì sao địa thứ chín gọi là

thiện tuệ? Do trong địa này trí vô ngại giải gọi là tuệ. Tuệ này vi diệu và thiện nên gọi thiện tuệ. Vì sao địa thứ mười gọi là đại vân? Do trong địa này có trí duyên hết tất cả pháp, có thể che lấp tiêu diệt các chướng rộng lớn, lại như pháp thân có thể viên mãn như đám mây lớn nổi lên che khắp hư không. Như vậy trí này đối với pháp thân sở y của Bồ-tát đều có thể biến khắp. Trong đây viên mãn là ý nói phổ biến khắp.

Luận nói: Làm sao thấy được sự chứng đắc các địa này?

Thấy được do 4 thứ tướng. Một là được thắng giải. Nghĩa là được tin hiểu sâu sắc đối với các địa. Hai là được chính hạnh. Nghĩa là được 10 thứ chính pháp hạnh tương ứng với các địa. Ba là được thông suốt. Nghĩa là khi ở địa thứ nhất thông suốt pháp giới là có thể thông suốt cùng khắp các địa. Bốn là được thành tựu viên mãn. Nghĩa là tu các địa đến chỗ rốt ráo.

Giải thích: Nói được thành tựu viên mãn là bấy giờ việc tu tập các địa đã rốt ráo.

Luận nói: Làm sao thấy được sự tu tập các địa này?

Nghĩa là các Bồ-tát trong mỗi địa tu Xa-ma-tha, Tì-bát-xá-na do 5 tướng tu tập.

Những gì là 5?

Là tu tổng tập, tu vô tướng, tu không dụng công, tu mạnh mẽ, tu không vui mừng cho là đủ. Năm sự tu tập này làm cho các Bồ-tát thành tựu 5 quả. Đó là trong mỗi niệm tiêu tan chỗ dựa của tất cả pháp thô nặng, lìa các thứ tướng, được cái vui như ở trong vườn chính pháp, có thể hiểu biết đúng đắn ánh sáng của chính pháp lớn lao, biến khắp vô lượng không giới hạn, hiện hành vô tướng, thuận thanh tịnh phần không còn phân biệt, vì để viên mãn thành tựu pháp thân có thể nhiếp thụ đúng đắn các nhân thù thắng sau này.



Giải thích: Như mỗi địa mỗi địa có 5 tướng tu tập. Nay sẽ hiển thị. Tu Xa-ma-tha Tì-bát-xá-na đều do 5 tướng đều được tu tập. Trong mỗi niệm mỗi niệm tiêu tan tất cả y chỉ thô nặng, nghĩa là phiền não chướng và sở tri chướng từ vô thủy đến nay huân tập chủng tử, gọi là thô nặng. Hai chướng tích tụ này do duyên tổng pháp. Sức của trí chỉ quán mỗi niệm mỗi niệm làm tiêu tan. Trong đây ý nói phá hoại các chướng tích tụ gọi là làm tiêu tan, hoặc khiến hao tổn gọi là tiêu tan. Lìa các thứ tướng, được cái vui như ở trong vườn chính pháp, là các pháp trong khế kinh trụ nơi các tính, ý tưởng xa lìa các tính tức là chứng được cái vui nơi vườn pháp. Có thể ở trong đó nên gọi là vườn. Lại có nghĩa khác. Ở trong pháp tùy chỗ thụ tầm tí, không khởi thô hiển lãnh nạp quan sát, chỉ do ức niệm chỉ quán sáng tỏ mà khởi vi tế lãnh nạp quan sát. Có thể hiểu biết đúng đắn ánh sáng của chính pháp lớn lao, biến khắp vô lượng không giới hạn, nghĩa là hiểu rõ đúng đắn 10 phương tướng vô biên không giới hạn. Như khéo tập tụng văn tự sáng tỏ gọi là pháp quang minh. Thuận thanh tịnh phần không còn phân biệt, hiện hành vô tướng, nghĩa là việc làm xong các pháp tương ưng gọi là thuận thanh tịnh phần không còn phân biệt hiện hành vô tướng. Trong đây ý nói sở đắc Phật quả gọi là việc làm xong. Vì để viên mãn thành tựu pháp thân có thể nhiếp thụ đúng đắn các nhân thù thắng sau này, nghĩa là pháp thân địa thứ mười gọi là viên mãn, pháp thân Phật địa thứ mười một gọi là làm xong. Trong tất cả nhân, sinh Phật địa là thù thắng hơn hết, cho nên nói là có thể nhiếp thụ một cách đúng đắn các nhân thù thắng sau này.

Luận nói: Đề tăng thêm sức vượt trội nên nói trong 10 địa tu riêng 10 thứ Ba-la-mật-đa. Ở 6 địa trước tu 6 thứ Ba-la-mật-đa như trước đã nói. Trong 4 địa sau tu 4 thứ là: Một là phương tiện thiện xảo Ba-la-mật-đa, nghĩa là lấy các thiện căn tập hợp được của 6 Ba-la-mật-đa trước, hồi hướng cầu vô thượng Bồ-đề cùng tất cả chúng

sinh. Hai là nguyện Ba-la-mật-đa, nghĩa là phát các thứ đại nguyện vì diêu dẫn đến các duyên thù thắng cho các Ba-la-mật-đa về sau. Ba là lực Ba-la-mật-đa, nghĩa là do 2 sức là sức tư duy chọn lựa và sức tu tập, khiến cho 6 thứ Ba-la-mật-đa trước hiện hành không gián đoạn. Bốn là trí Ba-la-mật-đa, nghĩa là do 6 Ba-la-mật-đa trước thành lập diêu trí, thụ dụng pháp lạc thành thực chúng sinh.

Lại nữa phải biết 4 thứ Ba-la-mật-đa này gồm vô phân biệt trí và hậu đắc trí. Lại trong tất cả các địa không địa nào là không tu tập tất cả Ba-la-mật-đa. Pháp môn như vậy được thâm nhiếp trong kho tàng Ba-la-mật-đa.

Giải thích: Để tăng thêm sức vượt trội nên nói trong 10 địa tu riêng 10 thứ Ba-la-mật-đa, nghĩa là trong 10 địa nói sơ địa bố thí Ba-la-mật-đa là tăng thêm sức hơn hết. Còn tất cả các Ba-la-mật-đa kia không phải không tu tập nhưng tùy sức tùy phần. Cho đến địa thứ 10 trí Ba-la-mật-đa là tăng thêm sức hơn hết. Còn tất cả các Ba-la-mật-đa không phải không tu tập nhưng tùy sức tùy phần. Cho nên nói để tăng thêm sức vượt trội nên nói trong 10 địa tu riêng 10 thứ Ba-la-mật-đa. Nếu nói về tướng chung thì trong tất cả các địa đều tu tất cả Ba-la-mật-đa. Ở 6 địa trước tu 6 thứ Ba-la-mật-đa như trước đã nói, là hiện thị tuần tự tu riêng biệt 10 thứ Ba-la-mật-đa. Như trước kinh nói bố thí Ba-la-mật-đa trước rồi sau cùng nói trí Ba-la-mật-đa. Nay trong luận này trước nói thiếu không đầy đủ là sau 4 địa tu 4 thứ Ba-la-mật-đa mà trước chưa nói. Nếu ở nơi đó chỉ nói 6 thứ Ba-la-mật-đa, thì ở đây phương tiện thiện xảo v.v... 4 Ba-la-mật-đa bao gồm trong đó. Nếu ở nơi đó nói rõ 10 thứ Ba-la-mật-đa, thì trong đây chỉ nói trí vô phân biệt gọi là Bát-nhã Ba-la-mật-đa. Còn phương tiện thiện xảo v.v... 4 Ba-la-mật-đa bao gồm trong trí hậu đắc. Vì vậy nên trong 4 địa sau tu 4 Ba-la-mật-đa còn lại. Phương tiện thiện xảo Ba-la-mật-đa, nghĩa là 4 cái sau , trước nói thứ nhất là cộng chư hữu tình. Nghĩa là cái thiện này cùng các hữu tình như

là của chung vậy. Nay sẽ hiển thị. Nghĩa là thiện nguyện này cầu vô thượng chính đẳng Bồ-đề. Làm tất cả nghĩa lợi cho các hữu tình cốt chứng Bồ-đề mới toại nguyện. Cho nên nếu có tư duy như vậy thì có bao nhiêu thiện căn đều hồi hướng vô thượng Bồ-đề. Làm tất cả nghĩa lợi cho các hữu tình như vậy gọi là cộng chư hữu tình. Phương tiện thiện xảo là hiển thị Bát-nhã và Đại bi. Tức là đem các thiện căn do 6 Ba-la-mật-đa trước nhóm họp được cùng các hữu tình, đây do Đại bi hồi hướng cầu vô thượng chính đẳng Bồ-đề, không cầu quả báo phú lạc của Đế-thích v.v... Do hiểu rõ nên không khởi phiền não. Đây tức Bát-nhã. Lại do đầy đủ phương tiện thiện xảo, không bỏ sinh tử mà không nhiễm ô. Cho nên nói là phương tiện thiện xảo Ba-la-mật-đa. Nói phát các thứ Đại nguyện vì diêu dẫn nhiếp các duyên thù thắng Ba-la-mật-đa trong tương lai, là hiển thị nguyện Ba-la-mật-đa làm sự nghiệp. Nguyện này tức là Ba-la-mật-đa cho nên gọi là nguyện Ba-la-mật-đa. Nói tương lai nghĩa là nay làm là vì mai sau. Chuyển thành thứ 7 là tương lai cho nên phát các nguyện. Các khế kinh nói có 2 thứ sức mạnh là sức mạnh của sự tư duy lựa chọn và sức mạnh của sự tu tập. Mặc dầu chưa có sức tu tập nhưng do sức tư duy lựa chọn tinh tiến tu tập Ba-la-mật-đa cho nên do đó Ba-la-mật-đa hiện hành không gián đoạn. Đây hiển thị tác nghiệp của lực Ba-la-mật-đa. Nói do 6 Ba-la-mật-đa trước thành lập diêu trí, thụ dụng pháp lạc thành thực chứng sinh, tức là do trí vô phân biệt, tự tính của Bát-nhã Ba-la-mật-đa thành lập diêu trí hậu đắc như vậy. Lại do trí này thành lập 6 Ba-la-mật-đa trước, do đây đồng pháp thụ dụng pháp lạc, và vì thành thực tất cả hữu tình. Pháp môn như vậy là bao gồm trong Đáo bỉ ngạn tạng. Trong đây tất cả giáo pháp Đại thừa đều gọi chung là Đáo bỉ ngạn tạng. Như vậy pháp môn 10 địa đã dẫn là gồm trong tạng ấy, không phải Thanh Văn tạng. Do gồm trong tạng ấy, nên trong tất cả các địa đều tu tất cả Ba-la-mật-đa. Như vậy là các địa biến khắp tất cả quốc độ chư Phật. Tất cả chư Phật đồng giảng nói cho nên là tối thắng. Do pháp môn

này là tối thắng nên lúc đầu tiên được nói ở nơi tối thắng. Nơi đây cao rộng vì diệu thù thắng nên gọi là tối thắng.

Luận nói: Lại nữa, trải qua bao nhiêu thời gian tu hành mới có thể viên mãn các địa?

Có 5 loại Bồ-đặc-già-la tu trải qua 3 vô số Đại kiếp. Đó là Thắng giải hành Bồ-đặc-già-la trải qua vô số Đại kiếp đầu tiên tu hành viên mãn. Thanh tịnh tăng thượng ý lạc hành Bồ-đặc-già-la và Hữu tướng hành, Vô tướng hành Bồ-đặc-già-la ở 6 địa trước và địa thứ 7 trải vô số Đại kiếp thứ hai tu hành viên mãn. Tức Vô công dụng hành Bồ-đặc-già-la từ đây trở lên đến địa thứ 10, trải vô số Đại kiếp thứ ba tu hành viên mãn. Ở đây có bài tụng như sau:

*Sức thanh tịnh, tăng thượng,  
Tâm kiên cố, thắng tiến,  
Là Bồ-tát sơ tu,  
Vô số 3 đại kiếp.*

Giải thích: Có 5 loại Bồ-đặc-già-la tu trải qua 3 vô số Đại kiếp. Đó là Thắng giải hành Bồ-đặc-già-la nơi Giải hành địa trải qua vô số Đại kiếp đầu tiên tu hành viên mãn. Đã viên mãn rồi, thông đạt chân như nên thành Thanh tịnh tăng thượng ý lạc hành Bồ-đặc-già-la. Thanh tịnh tăng thượng ý lạc hành này khắp trong 10 địa, ở địa thứ 6 gọi là Hữu tướng hành Bồ-đặc-già-la, ở địa thứ 7 gọi là Vô tướng hữu công dụng hành Bồ-đặc-già-la trải qua vô số Đại kiếp thứ hai tu hành viên mãn vào địa thứ 8 gọi là Vô công dụng hành Bồ-đặc-già-la. Vô công dụng hành này còn chưa thành tựu viên mãn, đến địa thứ 9 thứ 10 Vô công dụng hành mới được thành tựu viên mãn. Đây trải qua vô số Đại kiếp thứ ba tu hành viên mãn. Như vậy duy nhất chỉ có một Bồ-đặc-già-la do địa vị sai biệt nên lập ra 5 loại. Ví như Dự lưu, Nhất lai, Bất hoàn, như nói trải qua 3 vô số Đại kiếp chứng đắc Bồ-đề của Phật. Vô thủy sinh tử nhiều tu thí v.v... gặp nhiều chur Phật, tương

đương bao lâu thời gian gọi là tu 3 vô số kiếp đầu tiên, cho nên dùng Già-tha giải thích câu hỏi này. Sức thanh tịnh tăng thượng, nghĩa là sức thiện căn và sức Đại nguyện. Do sức thiện căn, nên biết sở tri không thể hàng phục. Do sức đại nguyện, nên biết thường gặp các thiện tri thức. Tâm kiên cố tăng tiến, nghĩa là phát tâm kiên cố khởi hạnh tăng tiến. Tâm kiên cố, là tâm phát Đại Bồ-đề, sức các bạn ác không thể khiến bỏ được. Hạnh tăng tiến, là trong hiện tại và đời đời thiện pháp thường tăng hoàn toàn không thoái giảm. Các nghĩa khác dễ hiểu không phiền phải giải thích.

## NHIẾP ĐẠI THỪA LUẬN THÍCH

### QUYỀN 8

#### 7 - Tăng thượng giới học

Luận nói: Như vậy là đã nói về tu nhân quả sai biệt. Vậy làm sao thấy được sự thù thắng của giới tăng thượng?

Có thể thấy như trong Bồ-tát Địa Chính Thụ Bồ-tát Luật Nghi có nói.

Lại nữa có thể biết đại lược 4 thứ thù thắng sau đây nên gọi là thù thắng: một là thù thắng về chỗ khác nhau, hai là thù thắng về chỗ học có chung và không chung, ba là thù thắng về tính rộng lớn, bốn là thù thắng về tính sâu xa.

Giải thích: Câu hỏi đáp trong đây là biện giải về cái học Thi-la của Bồ-tát. Đối với Thanh Văn v.v... có chỗ sai biệt lớn nên gọi là thù thắng. Lại nữa cái tăng thượng 3 học như giới v.v... tức như trước đã nói gồm thâm nơi tự tính của Ba-la-mật-đa, vì sao biệt lập? Như trước đã nói Ba-la-mật-đa, nay sẽ nói rõ việc lập nghĩa khác. Để hiển thị lần lượt tướng nhân tính nên biệt lập 3 học. Nghĩa là Thi-la phát sinh tĩnh lực, rồi lại y vào tĩnh lực phát sinh Bát-nhã.

Luận nói: Thù thắng về chỗ khác nhau nghĩa là giới Bồ-tát có 3 phẩm khác nhau: 1.giới luật nghi, 2.giới gồm thâm thiện pháp, 3.giới làm lợi ích hữu tình.

Trong đây nên biết giới luật nghi có nghĩa là 2 giới, giới gồm thân thiện pháp có nghĩa là tu tập tất cả Phật pháp, giới làm lợi ích hữu tình có nghĩa là làm thành thực tất cả hữu tình.

Giải thích: Thù thắng về chỗ khác nhau nghĩa là Thanh Văn v.v... chỉ có một thứ giới luật nghi, không có giới gồm thân thiện pháp và giới làm lợi ích hữu tình. Bồ-tát đủ cả ba nên gọi là thù thắng.

Luận nói: Thù thắng về chỗ học có chung và không chung nghĩa là các Bồ-tát tất cả tính tội đều không hiện hành nên chung với Thanh Văn, còn tương tự giá tội thì có trường hợp hiện hành nên không chung với Thanh Văn. Vì vậy đối với học xứ giá tội này, có trường hợp là Thanh Văn thì phạm nhưng Bồ-tát thì không phạm, có trường hợp là Bồ-tát thì phạm mà Thanh Văn thì không phạm. Giới của Bồ-tát là gồm cả thân miệng ý, còn Thanh Văn chỉ có 2 giới thân và miệng. Vì vậy với Bồ-tát thì có ý nghĩ xấu cũng đã phạm rồi, đó là điểm khác với Thanh Văn. Nói tóm lại, vì tất cả lợi ích hữu tình thì nghiệp thân miệng ý đều vô tội, Bồ-tát đều phải học, tu và thực hành tất cả. Đó là thù thắng về chỗ học có chung và không chung.

Giải thích: Trong chung và không chung là tất cả tính tội như sát sinh v.v... gọi là chung. Còn giá tội như đào đất chặt cây cỏ v.v... gọi là không chung. Nói ở nơi học xứ này, nghĩa là nơi hậu học xứ. Có trường hợp Thanh Văn phạm Bồ-tát không phạm. Như cả hai cùng an cư, quán thấy có lợi ích hữu tình liền đi qua đó ở qua đêm. Có trường hợp Bồ-tát phạm Thanh Văn không phạm là như quán thấy hữu ích mà cố không đi. Cho nên Bồ-tát tâm cũng có phạm, Thanh Văn thì không, nghĩa là chỉ trong nội tâm khởi dục v.v... tầm tư, Bồ-tát đã thành phạm, Thanh Văn v.v... thì không. Vì tất cả lợi ích hữu tình thì nghiệp thân miệng ý đều vô tội, Bồ-tát đều phải học, tu và thực hành tất cả, nghĩa là có thể lợi ích mà không có tội. Ba nghiệp như vậy Bồ-tát phải tu. Tuy có lợi ích nhưng không phải vô

tội, như lấy của cải phi pháp của người này đem cho người khác. Để ngăn chặn việc này nên nói vô tội.

Luận nói: Thù thắng về tính rộng lớn do có 4 thứ gọi là rộng lớn: Một là rộng lớn do chỗ học có đủ loại và vô lượng. Hai là rộng lớn do tiếp thụ vô lượng phúc đức. Ba là rộng lớn do tiếp thụ ý lạc làm lợi ích an vui cho tất cả chúng sinh. Bốn là rộng lớn do kiến lập vô thượng chính đẳng Bồ-đề.

Giải thích: Nói rộng lớn do chỗ học có đủ loại và vô lượng, nghĩa là chỗ học xứ của các Bồ-tát vừa đa dạng các thứ vừa nhiều vô lượng. Do đó đối với tất cả hữu tình là thâm nhiếp và làm cho thành thực. Nói rộng lớn do tiếp thụ vô lượng phúc đức, nghĩa là các Bồ-tát nhiếp thụ vô lượng phúc đức làm tư lương, không như Thanh Văn. Nói rộng lớn do tiếp thụ ý lạc làm lợi ích an vui cho tất cả chúng sinh, nghĩa là đối với các hữu tình khuyến khích tu thiện gọi là ý lạc lợi ích. Nếu ngay nơi Bồ-đặc-già-la này nguyên do thiện kia sẽ được thắng quả, gọi là ý lạc an lạc. . Nói rộng lớn do kiến lập vô thượng chính đẳng Bồ-đề, nghĩa là các Bồ-tát do Thi-la này kiến lập vô thượng chính đẳng Bồ-đề, không như các Thanh Văn.

Luận nói: Thù thắng về tính sâu xa nghĩa là các Bồ-tát do phương tiện khéo léo, làm việc sát sinh v.v... 10 thứ tác nghiệp mà không có tội lại sinh vô lượng phúc, mau chứng vô thượng chính đẳng Bồ-đề. Các Bồ-tát lại còn hiện hành biến hóa thân miệng 2 nghiệp, nên biết đó cũng là Thi-la sâu xa. Do nhân duyên này mà có khi Bồ-tát hoặc làm quốc vương hiện làm các việc bức hại hữu tình để đặt chúng vào trong pháp Tì-nại-da, hoặc hiện làm các việc bản sinh, hiện làm các việc bức bách các hữu tình mà thực sự là để hóa độ các hữu tình khác, trước hết khiến thâm tâm chúng được tín tâm thanh tịnh sau rồi thành thực. Đó gọi là thù thắng về tính sâu xa của Bồ-tát tu học Thi-la.

Giải thích: Nói thù thắng về tính sâu xa là các Bồ-tát do các phẩm loại phương tiện khéo léo, tức là trong đây hiển thị các công



năng phương tiện khéo léo của Bồ-tát như vậy, là nếu Bồ-tát biết như vậy, các phẩm loại Bồ-đặc-già-la như vậy, đối với các việc bất thiện không ngừng này, sẽ khởi gia hành dùng trí tha tâm biết tâm của chúng, phương tiện vô dư có thể chuyển nghiệp chúng, như thật biết chúng do nghiệp này chắc sẽ thoái lui nẻo thiện, chắc chắn đến nẻo ác. Biết như vậy rồi sinh ý nghĩ như thế này: Ta tạo nghiệp này sẽ đọa nẻo ác. Ta thà tự đến đó ắt sẽ cứu thoát chúng. Đối với chúng hiện tuy chịu một ít khổ khiến chúng vị lai thụ nhiều an lạc. Cho nên Bồ-tát ví như vị lương y. Đem tâm lợi ích, tuy sát mà sinh nhiều phúc không sinh tội. Do nhiều phúc nên mau chứng vô thượng chính đẳng Bồ-đề. Do đạo lý này hoặc làm quốc vương, hiện làm các việc tổn não hữu tình nhưng để an lập hữu tình trong Tì-nại-da. Biến hóa tự thể gọi là biến hóa. Trong đây nên nói các việc như vua Vô Yếm Túc hóa đạo đồng tử Thiện Tài v.v... Lại hiện các chuyện bản sinh, như các chuyện bản sinh của Tì-thấp-bà An-đát-la v.v... Trong đó Bồ-tát đem nam nữ thí cho Bà-la-môn, đều là biến hóa. Nói thị hiện bức bách các hữu tình mà kỳ thật là nhiếp thụ các hữu tình, nghĩa là các Bồ-tát hoàn toàn không bức não các hữu tình mà là nhiếp thụ các hữu tình, cho nên như vậy gọi là sự thù thắng rất sâu xa.

Luận nói: Do sơ lược nói 4 thứ thù thắng này nên biết Thi-la luật nghi của Bồ-tát là thù thắng bậc nhất.

Như vậy nên biết rằng học xứ Bồ-tát còn rất nhiều sai khác, như được nói trong Kinh Phương Quảng Tì-nại-da Cù-sa.

Giải thích: Như vậy là lược nói 4 thứ sai biệt. Trong Kinh Tì-nại-da Cù-sa nói rộng có đến trăm ngàn sai biệt.

## **8 - Tăng thượng tâm học**

Luận: Như vậy là đã nói về sự thù thắng của giới tăng thượng, vậy làm sao thấy sự thù thắng của tâm tăng thượng?

Đại khái có 6 thứ sai biệt cần phải biết: một là do sở duyên sai biệt, hai là do chủng loại sai biệt, ba là do đối trị sai biệt, bốn là do năng lực sai biệt, năm là do dẫn phát sai biệt, sáu là do tác nghiệp sai biệt.

Giải thích: Để hiển thị cái thù thắng của tầng thượng tâm học nên tạo ra câu hỏi đáp này.

Luận nói: Sở duyên sai biệt là lấy pháp Đại thừa làm đối tượng sở duyên.

Giải thích: Nói pháp Đại thừa làm sở duyên tức là định của Bồ-tát duyên nơi Đại thừa, không phải định của Thanh Văn.

Luận nói: Chủng loại sai biệt là Đại thừa quang minh, Tập phúc định vương, Hiền thủ, Kiện hành v.v.. vô lượng các chủng loại Tam-ma-địa.

Giải thích: Đại thừa quang minh, Tập phúc định vương v.v..., là hiển thị các chủng loại Tam-ma-địa sai biệt là chỉ Đại thừa có, Thanh Văn thừa v.v... hoàn toàn không có.

Luận nói: Đối trị sai biệt là cái trí duyên cái tướng chung của các pháp như cách dùng cây nêm để tháo một cây nêm. Đó là đạo lý khiến trừ tất cả các chướng thô nặng trong thức A-lại-da.

Giải thích: Cái trí duyên tướng chung của các pháp đối trị tất cả chướng ngại mà trụ, như dùng cái cây nêm nhỏ tháo cái nêm lớn ở trong bản thức. Các pháp tạp nhiễm huân tập chủng tử gọi là thô. Các đối trị đạo có thể trừ được chúng, gọi là nghĩa vi tế.

Luận nói: Năng lực sai biệt, là an trụ trong cái vui tĩnh lự, tùy ý thụ sinh.

Giải thích: Do có năng lực có thể an trụ trong cái vui tĩnh lự, tùy theo chỗ có lợi ích hữu tình liền sinh qua đó mà không thoái tĩnh lự. Các Thanh Văn v.v... không được như vậy.

Luận nói: Dẫn phát sai biệt là có thể dẫn phát thần thông vô ngại trong tất cả thế giới.

Giải thích: Do tính lực này dẫn phát thần thông, tất cả thế giới đều không chướng ngại.

Luận nói: Tác nghiệp sai biệt là có thể làm chấn động khắp cả, hiển thị các chuyển biến đi lại co duỗi, tất cả sắc tượng đều nhập trong thân, ở trong đồng loại hoặc hiện hoặc ẩn, việc làm tự tại, chế ngự các thần thông của người khác, làm cho người được tài hùng biện, phóng ánh sáng lớn, dẫn phát các thần thông lớn như vậy.

Giải thích: Tác nghiệp sai biệt, là phát thần thông làm các việc. Trong đó có thể làm lay động tất cả thế giới nên gọi là chấn động. Tức như kia bốc cháy gọi là xí nhiên. Nói đầy khắp là nói ánh sáng ấy chiếu khắp. Nói hiển thị, là do uy lực này khiến bao nhiêu hữu tình không có năng lực mà có thể vui mừng thấy được vô lượng thế giới và thấy bao nhiêu Phật Bồ-tát v.v... Nói chuyển biến, tức chuyển biến tất cả đất v.v... khiến thành nước v.v... Nói đi lại, là trong một sát-na có thể đi lại vô lượng thế giới. Nói co duỗi, nghĩa là thu 10 phương vô lượng thế giới vào trong một cực vi mà cực vi không tăng, duỗi một cực vi ra bao trọn 10 phương vô lượng thế giới mà thế giới không giảm. Nói tất cả sắc tượng đều nhập trong thân, nghĩa là trong thân hiện vô lượng các thứ sự nghiệp. Nói qua nơi trong đồng loại, nghĩa là đi qua trời thứ 33, hình sắc, ngôn ngữ cùng một loại như nhau. Vì giáo hóa chúng nên đi đến các nơi như vậy. Hiện là hiển hiện. Ẩn là ẩn tàng. Nói việc làm tự tại, là như biến thân ma vương thành thân Phật. Nói chế ngự các thần thông của người khác, nghĩa là có thể che khuất tất cả thần thông. Đối với người xin hỏi thì cho họ biện tài nên gọi là cho tài hùng biện. Đối với người nghe thì cho họ chính niệm, cho họ an lạc khiến được định nên gọi là thí niệm lạc. Phóng ánh sáng lớn, là vì muốn triệu tập Bồ-tát ở các phương xa. Dẫn phát các thần thông lớn như vậy, là như trước

đã nói thần thông lớn. Tất cả như vậy Thanh Văn đều không có nên gọi là thù thắng.

Luận nói: Lại có thể dẫn phát thực hiện các việc khó làm. Có 10 việc khó làm. Mười việc khó làm là: Một, tự thệ là khó làm, vì thệ nguyện thụ vô thượng Bồ-đề. Hai, không thoái lui là khó làm, vì các khổ sinh tử không thể làm thoái lui. Ba, không bỏ là khó làm, vì chúng sinh tuy làm tà hạnh cũng không bỏ. Bốn là những điều khó làm trước mắt, vì với những kẻ oán thù vẫn phải làm điều lợi ích cho họ. Năm, không nhiễm là khó làm, vì sống trong thế gian không bị pháp thế gian làm ô nhiễm. Sáu, thắng giải là khó làm, vì đối với Đại thừa tuy chưa thể liễu đạt nhưng phải sinh tin hiểu giáo pháp rộng lớn sâu xa. Bảy, thông suốt là khó làm, vì có thể thông suốt nhân vô ngã pháp vô ngã. Tám, tùy giác khó làm, vì đối với các ngôn từ bí mật rất sâu của chư Như Lai nói có thể tùy theo đó mà hiểu. Chín, không lìa không nhiễm là khó làm, vì không bỏ sinh tử mà không nhiễm. Mười, gia hạnh khó làm, vì có thể tu giải thoát tất cả chướng ngại như chư Phật, cho đến tận cùng sinh tử, không dụng công mà vẫn thường xuyên làm việc nghĩa lợi cho tất cả hữu tình.

Giải thích: Như nói Bồ-tát tu các việc khó làm, trong đây là những gì là khó làm? Có 10 thứ khó làm. Trong đây nói không lìa không nhiễm khó làm, có nghĩa là không từ bỏ gọi là không lìa. Nghĩa là ở trong sinh tử không hoàn toàn lìa bỏ, cũng không nhiễm ô. Đây là việc rất khó. Còn 9 việc khó kia dễ hiểu nghĩa.

Luận nói: Lại nữa, trong tùy giác khó làm là Phật có những ngôn từ bí mật, các Bồ-tát có thể tùy theo đó hiểu. Như kinh có nói.

Giải thích: Để hiển thị ý thú của ngôn từ bí mật nên đặt câu hỏi này. Như kinh nói, là đáp chung câu hỏi trước, sau sẽ giải thích riêng.

Luận nói: Thế nào là Bồ-tát có thể hành bố thí v.v...?

Là nếu Bồ-tát không có chút gì để bố thí, mà rộng làm việc bố thí trong 10 phương vô lượng thế giới.

Thế nào là Bồ-tát vui làm việc bố thí?

Là nếu các Bồ-tát đối với tất cả việc bố thí đều không ưa muốn.

Thế nào là Bồ-tát tin hiểu sâu xa trong việc bố thí?

Là nếu các Bồ-tát không tin Như Lai mà hành bố thí.

Thế nào là Bồ-tát khích lệ việc bố thí?

Là nếu các Bồ-tát không tự khích lệ trong việc bố thí.

Thế nào là Bồ-tát đam mê sự bố thí?

Là nếu Bồ-tát không tạm thời có chút bố thí.

Thế nào là Bồ-tát có sự bố thí rộng lớn?

Là nếu Bồ-tát trong sự bố thí lìa tướng Ta-lạc.

Thế nào là Bồ-tát có sự bố thí thanh tịnh?

Là nếu Bồ-tát xan lẫn Ót-ba-đà.

Thế nào là Bồ-tát có sự bố thí cứu cánh?

Là nếu Bồ-tát không trụ cứu cánh.

Thế nào là Bồ-tát có sự bố thí tự tại?

Là nếu Bồ-tát không tự tại trong sự bố thí.

Thế nào là Bồ-tát có sự bố thí vô tận?

Là nếu Bồ-tát không trụ vô tận. Như trong bố thí, nên biết giới là đầu tiên cho đến sau cùng là tuệ tùy sự thích hợp phải như vậy.

Giải thích: Thế nào là Bồ-tát có thể hành bố thí v.v..., nghĩa là các Bồ-tát lấy tất cả hữu tình làm tự thể của mình. Cho nên chúng sinh thí tức mình thí là do ý này. Thế nào là Bồ-tát vui làm việc bố

thí v.v..., nghĩa là Bồ-tát không vui thích việc tu hành bố thí v.v.. mà còn chấp trước, chỉ thích tu hành tịnh thí của Bồ-tát. Nói chấp trước là ý nói tham nhiễm, hoặc có nơi khác đến cầu xin mới thí. Thế nào là Bồ-tát tin hiểu sâu xa trong việc bố thí v.v..., nghĩa là Bồ-tát tự mình được tâm bố thí mà hành thí, không phải nhờ vào duyên gì khác. Thế nào là Bồ-tát khích lệ việc bố thí v.v..., nghĩa là tính của Bồ-tát tự đã đoạn trừ năng thí cũng như xan lẫn, cho nên không đợi người thúc giục, cũng không tự thôi thúc mà hành thí một cách tự nhiên. Ý là như vậy. Thế nào là Bồ-tát đam mê sự bố thí v.v..., nghĩa là Bồ-tát thường hành bố thí nên không có nghĩa thí trong chốc lát và thí tất cả không phải chỉ chút ít. Thế nào là Bồ-tát có sự bố thí rộng lớn v.v..., nghĩa là Bồ-tát dựa vào định mà hành thí. Tức có nghĩa là lia dục mà hành thí. Nói Ta-lạc, là hiển thị sự kiên thật. Mật thuyên lưu tán là nay lấy nghĩa mật, lia tướng lưu tán, dựa vào định mà hành thí nên thành rộng lớn. Thế nào là Bồ-tát có sự bố thí thanh tịnh v.v..., nghĩa là các Bồ-tát trừ bỏ keo kiệt đủ làm huệ thí. Ôt-ba-đà là hiển thị sinh khởi. Mật thuyên bạt túc nghĩa là Ba-đà là túc, tức là đủ, Ôt tức là bạt, nghĩa là nhỏ, trừ bỏ. Nay lấy mật nghĩa, là trừ bỏ keo kiệt đủ khiến làm huệ thí, nên gọi Ôt-ba-đà xan. Thế nào là Bồ-tát có sự bố thí cứu cánh v.v..., nghĩa là Bồ-tát không trụ cứu cánh vô dư Niết-bàn như các Thanh Văn. Cho nên cứu cánh thường hay hành thí. Thế nào là Bồ-tát có sự bố thí tự tại v.v..., nghĩa là các Bồ-tát khiến các việc làm chướng ngại bố thí v.v... không được tự do tự tại, để có thể hành thí, khiến các chướng sở trị không được tự tại nên thí được tự tại. Thế nào là Bồ-tát có sự bố thí vô tận, nghĩa là các Bồ-tát không trụ Niết-bàn, thường hành huệ thí. Trong đây vô tận là lấy ý Niết-bàn, không như Thanh Văn trụ Niết-bàn nên huệ thí được vô tận.

Luận nói: Thế nào là có thể sát sinh?

Là nếu đoạn dứt sự sinh tử lưu chuyển của chúng sinh.

Thế nào là không cho mà lấy?

Là nếu các hữu tình không cho mà tự nhiên lấy.

Thế nào là dục tà hạnh?

Là nếu đối với các dục hiểu rõ là tà, mà tu chính hạnh.

Thế nào là có thể vọng ngữ?

Là nếu ở trong vọng có thể nói được là vọng.

Thế nào là Bối-thú-ni?

Là nếu có thể thường trụ không tịch tối thắng.

Thế nào là Ba-lỗ-sư?

Là nếu biết khéo an trụ bờ kia.

Thế nào là nói thêu dệt?

Là nếu nói pháp đúng phẩm loại sai biệt.

Thế nào là có thể tham dục?

Là nếu luôn luôn muốn mình chứng được vô thượng tinh lự.

Thế nào là có thể giận dữ?

Là nếu trong tâm ghét và làm hại tất cả phiền não, một cách đúng đắn.

Thế nào là có thể tà kiến?

Là nếu tà tính ở khắp tất cả mọi nơi đều thấy đúng như thật.

Giải thích: Như trong kinh nói: Bí-sô ! Ta là người có thể sát sinh v.v... Trong đây là hiển thị ý nghĩa câu nói ấy. Thế nào là dục tà hạnh, nghĩa là biết các dục đều là tà mà tu chính hạnh. Thế nào là Bối-thú-ni, Bối-thú-ni này hiển thị lời nói ly gián. Mật thuyên thường thắng không. Bối là biểu thị thắng. Thú là biểu thị không. Ni là biểu thị thường. Nay lấy mật nghĩa tương ưng với lời đáp. Cho nên đáp nói nếu có thể thường cư trú nơi tối thắng không. Thế nào

là Ba-lỗ-sur, là Ba-lỗ-sur này hiển thị lời nói thô ác. Mật thuyên trụ bị ngạn. Ba biểu thị bị ngạn. Lỗ-sur biểu thị trụ. Nay lấy mật nghĩa cùng với đáp tương ứng. Cho nên đáp nói khéo an trụ sở tri bị ngạn. tức là đến nghĩa sở tri bị ngạn trụ. Thế nào là có thể tà kiến v.v..., nghĩa là như trong sắc v.v... tà tính biến khắp, đều thấy đúng như thật. Tức là trong y tha khởi kia, như thật quán thấy biến kế sở chấp, là nghĩa của tà tính. Văn trong 10 bất thiện nghiệp đạo, các nghĩa đều dễ hiểu.

Luận nói: Pháp của Phật rất sâu. Thế nào là pháp của Phật rất sâu?

Ở đây nên giải thích như sau:

Pháp thường trụ là pháp của chư Phật, vì pháp thân là thường trụ. Pháp đoạn diệt là pháp của chư Phật, vì vĩnh viễn đoạn diệt các chướng. Pháp sinh khởi là pháp của chư Phật, vì biến hóa thân hiện các sinh khởi. Pháp có sở đắc là pháp của chư Phật, vì là pháp có thể đối trị được các hành nghiệp của 8 vạn 4 ngàn chúng sinh. Pháp có tham là pháp của chư Phật, vì tự thệ nguyện tiếp thụ chúng sinh có tham làm tự thệ của mình. Pháp có giận dữ là pháp của chư Phật, pháp có si là pháp của chư Phật, pháp dị sinh là pháp của chư Phật, cũng nên biết như vậy. Pháp không nhiễm ô là pháp của chư Phật, vì viên mãn thành tựu chân như, tất cả chướng cấu bản không thể làm nhiễm ô. Pháp không ô ứ là pháp của chư Phật, vì sinh tại thế gian mà các pháp thế gian không thể làm ô ứ. Cho nên vì thế mà nói pháp Phật là rất sâu.

Giải thích: Lại có nhiều nơi kinh nói pháp thường trú là pháp của chư Phật. Nói rộng cho đến pháp không ô ứ là pháp của chư Phật. Nay sẽ hiển thị ý trong này. Nghĩa là thể của pháp thân Phật là thường trú cho nên nói pháp này là thường trú. Pháp đoạn diệt, là có những chướng cấu gì đều đoạn diệt hết. Do nghĩa này mà nói pháp này là pháp đoạn diệt. Pháp có sở đắc là Phật pháp, là các hành của hữu tình có 8 vạn 4 ngàn, và đều có thể có pháp đối trị chúng, cho nên nói pháp này có sở đắc. Pháp không nhiễm, là



chân như thanh tịnh, tất cả chương cấu không thể nhiễm, cho nên gọi pháp này là pháp không nhiễm. các nghĩa khác để hiểu khỏi phiền giải thích.

Luận nói: Lại nữa còn có thể dẫn phát sự tu hành đến bờ kia, thành thực chúng sinh, thanh tịnh cõi Phật. Vì vậy nên biết các pháp của Phật là các tác nghiệp sai biệt đẳng trì của Bồ-tát.

Giải thích: Trước chưa nói đến các sai biệt của tác nghiệp. Nay ở đây lại hiển thị tác nghiệp đẳng trì của Bồ-tát. Nghĩa là các Bồ-tát y vào Tam-ma-địa có thể tu tất cả Ba-la-mật-đa. Lại y vào định này có thể khéo thành thực tất cả hữu tình, phát thần thông v.v... các thứ phương tiện dẫn hữu tình vào chính pháp. Lại do năng lực này có thể làm thanh tịnh tất cả cõi Phật, tâm được tự tại, tùy ý muốn đều có thể làm thành các cõi Phật vàng bạc các báu v.v... Lại do năng lực này có thể tu tập đúng đắn tất cả Phật pháp. Đó là tác nghiệp sai biệt của Tam-ma-địa.

## 9 - Tăng thượng tuệ học

Luận nói: Như vậy là đã nói về sự thù thắng của tăng thượng tâm học. Vậy làm thế nào thấy được sự thù thắng của tăng thượng tuệ học?

Đó là trí vô phân biệt như tự tính, sở y, nhân duyên, sở duyên, hành tướng, nhiệm trì, trợ bạn, dị thực, đẳng lưu, xuất ly, đến cứu cánh, được thắng lợi sau khi gia hành vô phân biệt, sai biệt, thí dụ, tác sự vô công dụng, , thậm thâm. Nên biết rằng trí vô phân biệt được gọi là sự thù thắng của tuệ tăng thượng.

Giải thích: Đến đây nói về tuệ tăng thượng. Trong đây ý nói trí vô phân biệt gọi là tuệ tăng thượng. Đây có 3 thứ. Một là trí gia hành vô phân biệt, tức là tuệ tầm tư. Hai là trí căn bản vô phân biệt, tức là tuệ chính chứng. Ba là trí hậu đắc vô phân biệt, tức là tuệ khởi dụng. Trong đây cái tuệ hi vọng tìm cầu là tuệ tăng thượng thứ nhất. Tuệ

nội chứng là tuệ tăng thượng thứ hai. Tuệ nhiếp trì là tuệ tăng thượng thứ ba. Nay lại thành lập trí vô phân biệt là vì duy chỉ trí này gồm thông nhân quả. Trí tầm tư là nhân của trí này. Trí hậu đắc là quả của trí này. Vì vậy thành tựu trí này là thành thành tựu cả hai trí kia.

Luận nói: Trong đây tự tính của trí vô phân biệt là 5 tướng: một là lia sự không tác ý, hai là lia lỗi có tâm có tứ, ba là lia tướng thụ diệt, tịch tĩnh, bốn là lia sắc tự tính, năm là lia các phân biệt đối với nghĩa của chân như. Phải biết rằng lia 5 tướng này gọi là trí vô phân biệt.

Giải thích: Điều phải nói trước là trí vô phân biệt có tự tính. Trong đây thể tướng gọi là tự tính. Nghĩa là trí vô phân biệt của các Bồ-tát là 5 thứ tướng làm tự tính. Lia 5 tướng là nếu không tác ý là trí vô phân biệt. Ngủ say, ngất xỉu là thành trí vô phân biệt. Quá trạng thái có tâm có tứ là trí vô phân biệt. Các địa từ đệ nhị tĩnh lự trở lên thành trí vô phân biệt. Nếu là như vậy thì thế gian cũng có trí vô phân biệt. Nếu trong địa vị tướng thụ diệt, tâm tâm pháp không chuyển là trí vô phân biệt. Các địa vị diệt định, không có tâm cho nên trí cũng không thành. Nếu như tự tính của sắc là trí vô phân biệt, như các sắc kia là ngoan độn vô tư thì trí này phải thành ngoan độn vô tư. Lại còn nghĩa khác là nếu như tính của sắc thì không thành trí. Nếu nơi chân nghĩa chuyển khác thành kế đặc thì trí vô phân biệt phải thành có phân biệt. Nghĩa là phân biệt nói đây là chân nghĩa. Nếu trí lia 5 tướng như vậy, ở trong chân nghĩa chuyển trong chân nghĩa không khác kế đặc, đó là chân nghĩa vô phân biệt trí. Khi có tướng duyên chân nghĩa như vậy, ví như nhãn thức không khác kế đặc, thì chính là nghĩa đó.

Luận nói:

Trong sự thành lập các tướng của trí vô phân biệt như đã nói. Ở đây còn có nhiều tụng như sau:

Giải thích: Trên đây lược nói sự thành lập trí vô phân biệt. Ngoài ra còn có nhiều tụng nói rộng.

Luận nói:

*Tự tính các Bồ-tát,  
Xa lìa 5 thứ tướng,  
Là trí vô phân biệt,  
Không chấp trước chân nghĩa.*

Giải thích: Do bài tụng đầu hiển thị trí vô phân biệt. Nghĩa tự tính ban đầu đã nói như vậy. Tự tính trí này dựa theo kia mà chuyển. Tụng tiếp theo sẽ nói đến.

Luận nói:

*Sở y các Bồ-tát,  
Chẳng tâm mà là tâm,  
Là trí vô phân biệt,  
Chủng loại bất tư nghị.*

Giải thích: Đã nói trí vô phân biệt như vậy. Phải nói y vào tâm là y vào phi tâm. Nếu y vào tâm có thể tư lường, cho nên nói tâm y vào tâm mà chuyển là vô phân biệt không đúng đạo lý. Nếu y vào phi tâm thì không thành trí. Để tránh 2 lỗi ấy nên nói tụng này. Sở y của trí này không gọi là tâm, vì bất tư nghị. Cũng chẳng phải phi tâm, vì tâm dẫn dắt. Đây sinh sở y là các chủng loại của tâm, cũng gọi là tâm nhân đấy mà sinh. Tụng tiếp sẽ hiển thị.

Luận nói:

*Nhân duyên các Bồ-tát,  
Do đa văn huân tập,  
Là trí vô phân biệt,  
Và tác ý đúng lý.*

Giải thích: Nhân duyên các Bồ-tát, nghĩa là nhân của trí này. Do đa văn huân tập, nghĩa là do nghe âm thanh người khác huân tập. Và tác ý đúng lý, nghĩa là huân tập này là nhân ý ngôn tác ý đúng

lý, trí vô phân biệt nhân đây sinh. Còn có sở duyên gì, tụng tiếp sẽ hiển thị.

Luận nói:

*Sở duyên các Bồ-tát,  
Là pháp tính ly ngôn,  
Là trí vô phân biệt,  
Tức chân như vô ngã.*

Giải thích: Pháp tính không thể nói, nghĩa là do tính biến kế sở chấp, tất cả pháp đều không thể nói. Những gì gọi là tính không thể nói được? Là tính vô ngã hiển thị chân như, biến kế sở chấp Bồ-đặc-già-la và tất cả pháp đều không tự tính gọi là tính vô ngã. Tức cái vô tính này hiển thị cái hữu tính, gọi là chân như. Vì chớ nên nói đoạn diệt nên nói như thế. Hành tướng của sở duyên và sở tác được hiển thị ở tụng tiếp theo.

Luận nói:

*Hành tướng các Bồ-tát,  
Lại ở trong sở duyên,  
Là trí vô phân biệt,  
Sở tri kia vô tướng.*

Giải thích: Hành tướng của Bồ-tát ở trong sở duyên hiện vô tướng. Nghĩa là trí này bình đẳng trong chân như, bình đẳng sinh khởi cái tướng không khác vô tướng làm hành tướng. Như nhãn lấy sắc thấy tướng xanh v.v..., chẳng phải cái xanh này v.v... có khác với sắc. Đây cũng như vậy. Trí với chân như hành tướng không khác. Trong đây lại nói 2 tụng để giải thích nghi ngờ.

Luận nói:

*Tự tính nghĩa tương ưng,  
Chỉ là sở phân biệt,*

*Các chữ tương ưng nhau,  
Là nghĩa của tương ưng.  
Chẳng lia năng thuyên kia,  
Mà sở duyên trí chuyển,  
Chẳng phải thuyên không đồng,  
Tất cả không thể nói.*

Giải thích: Nếu tất cả pháp đều không thể nói thì lấy gì làm sở phân biệt? Vì để giải thích nghi vấn này nên nói như vậy. Nói nghĩa tương ưng tự tính chỉ là sở phân biệt không gì khác, nghĩa là ngay tương ưng là nghĩa của tự tính. Là sở phân biệt chẳng phải lia nơi đây nên nói không gì khác. Đây làm sao thành? Để thành lập hai lần nên lại nói như vậy. Các chữ lần lượt tương ưng gọi là nghĩa tương ưng. Nghĩa là mỗi chữ mỗi chữ riêng biệt liên tục tuyên truyền để thành nghĩa đó, là nghĩa tương ưng. Như nói Chúc-sô, 2 chữ không đứt rời thành nghĩa con mắt. Nghĩa tương ưng đó là sở phân biệt. Lại nữa, tất cả pháp đều không thể nói, nhân cái gì thành lập cho nên nói là phi ly. Cái trí năng thuyên kia chuyển ở nơi sở thuyên. Bởi nếu không rõ cái tên năng thuyên, thì không sinh hiểu biết nghĩa sở thuyên. Cho nên tất cả pháp đều không thể nói. Nếu nói thì phải đợi cái tên của năng thuyên mới khởi sự hiểu biết của nghĩa sở thuyên. Để ngăn chặn điều này nên lại nói như vậy, không phải thuyên không đồng. Bởi tên năng thuyên với nghĩa sở thuyên không tương xứng nhau vì tướng khác nhau, nên năng thuyên sở thuyên đều không thể nói. Do nguyên nhân này nên nói tất cả pháp đều không thể nói. Tri vô phân biệt nhiệm trì cái gì?

Luận nói:

*Nhiệm trì các Bồ-tát,  
Là trí vô phân biệt,  
Các hạnh hậu sở đắc,  
Là tiến thú tăng trưởng.*

Giải thích: Do trí vô phân biệt và hậu sở đắc, được Bồ-tát hạnh. Hạnh này tức dựa vào trí vô phân biệt. Là tiền thú tăng trưởng, tức là khiến các hạnh Bồ-tát như vậy được tăng trưởng. Trí vô phân biệt là nhiệm trì. Trí này lấy gì làm trợ bạn?

Luận nói:

*Trợ bạn các Bồ-tát,  
Nói có 2 thứ đạo,  
Là trí vô phân biệt,  
Năm tính đến bờ kia.*

Giải thích: Hai thứ đạo là tư lương đạo và y chỉ đạo. Tư lương đạo, nghĩa là thí, giới, nhẫn cùng với tinh tiến Ba-la-mật-đa. Y chỉ đạo là tĩnh lự Ba-la-mật-đa. Do trước nói Ba-la-mật-đa sinh nhiều các thiện và dựa vào tĩnh lự Ba-la-mật-đa trí vô phân biệt liền được sinh trưởng. Trí này gọi là tuệ Ba-la-mật-đa. Cho đến chưa được Phật quả, trí vô phân biệt cảm quả dị thực ở đâu?

Luận nói:

*Dị thực các Bồ-tát,  
Ở trong 2 Phật hội,  
Là trí vô phân biệt,  
Do gia hành chứng đắc.*

Giải thích: Ở trong 2 Phật hội, là trong hội của thụ dụng thân và trong hội của biến hóa thân. Nếu khi phân biệt gia hành chuyển, thụ sinh trong hội của biến hóa thân thụ quả dị thực. Nếu đã chứng đắc trí vô phân biệt thì thụ sinh trong hội của thụ dụng thân thụ quả dị thực. Để hiển thị nghĩa này, nên lại nói do gia hành chứng đắc. Trí vô phân biệt ai là đăng lưu?

Luận nói:

*Đăng lưu các Bồ-tát,  
Trong các đời về sau,*

*Là trí vô phân biệt,  
Tự thể thắng hơn lên.*

Giải thích: Các Bồ-tát đăng lưu trong các đời về sau, là như trước nói là các đời về sau trong đại hội của 2 thân. Là trí vô phân biệt tự thể chuyển thắng hơn, nghĩa là tu trí vô phân biệt lần lần chuyển thắng hơn, nên biết đó là quả đăng lưu. Trí vô phân biệt thoát ly như thế nào?

Luận nói:

*Xuất ly các Bồ-tát,  
Được thành tựu tương ưng,  
Là trí vô phân biệt,  
Nên biết trong 10 địa.*

Giải thích: Các Bồ-tát thoát ly, nghĩa là tiến đến cứu cánh gọi là xuất ly, tức là tiến đến nghĩa Đại Niết-bàn. Được thành tựu tương ưng là trí vô phân biệt, nghĩa là trước tiên thủ hộ trí này, gọi là được tương ưng, tiếp đến sau vô lượng trăm ngàn Đại kiếp thành tựu tương ưng. Nên biết trong 10 địa, nghĩa là từ sơ địa đến địa thứ 10 tuần tự như vậy. Trí này ở sơ địa chỉ gọi là đắc, nghĩa là đạt được. Về sau thời gian dài mới gọi là thành tựu. Cho nên Bồ-tát trải qua vô số kiếp mới chứng Niết-bàn. Do thời gian đó mới đi đến cứu cánh. Ai là cứu cánh trí vô phân biệt? Như trước nói lần lượt đạt được.

Luận nói:

*Cứu cánh các Bồ-tát,  
Được thanh tịnh 3 thân,  
Là trí vô phân biệt,  
Được tự tại cao tột.*

Giải thích: Được thanh tịnh 3 thân, là nghĩa được 3 thân thanh tịnh của Như Lai. Nói thanh tịnh, nghĩa là trong sơ địa chỉ được 3 thân, đến địa thứ 10 mới hoàn toàn thanh tịnh. Được tự tại cao tột,

nghĩa là trí vô phân biệt không phải chỉ được chứng đắc 3 thân thanh tịnh làm cứu cánh mà còn được 10 thứ tự tại. Sau sẽ nói các tướng ấy. Trí vô phân biệt có những lợi ích thù thắng gì? Trong đây có 3 thứ trí vô phân biệt. Một là trí gia hành vô phân biệt. Hai là trí căn bản vô phân biệt. Ba là trí hậu đắc vô phân biệt. Trong đây trí gia hành vô phân biệt, nghĩa là Bồ-tát ban đầu nghe lý vô phân biệt từ người khác, sau đó tuy chưa thể tự thấy lý này mà sinh thắng giải. Rồi thắng giải này làm chỗ dựa phương tiện suy tìm lý vô phân biệt. Đó gọi là trí gia hành vô phân biệt. Do đó có thể sinh trí vô phân biệt. Cho nên cũng được gọi tên là vô phân biệt. Như vậy là thắng lợi vô nhiễm của trí gia hành vô phân biệt. Thí dụ như thế nào?

Luận nói:

*Như hư không không nhiễm,  
Là trí vô phân biệt,  
Các ác nghiệp cực nặng,  
Chỉ nhờ tin và hiểu.*

Giải thích: Vì muốn hiển thị trí vô phân biệt kia không gì có thể nhiễm nên nói các thứ ác nghiệp cực nặng. Để hiển thị nguyên nhân không thể nhiễm nên nói chỉ tin và hiểu. Do chie có tín lạc lý vô phân biệt mà phát khởi thắng giải, cho nên có thể đối trị các thứ ác thú. Đây là hiển thị không nhiễm các ác. Còn thắng lợi không nhiễm của trí căn bản vô phân biệt, thí dụ như gì?

Luận nói:

*Như hư không không nhiễm,  
Là trí vô phân biệt,  
Giải thoát tất cả chướng,  
Được thành tựu tương ưng.*

Giải thích: Từ cái gì giải thoát? Là giải thoát tất cả các chướng. Do cái gì giải thoát? Thành tựu tương ưng như vậy là giải thoát. Do ở



các địa chỉ được tương ứng. Lấy thành tựu tương ứng làm nhân cho nên đây là hiển thị trí vô phân biệt có thể trị các chướng. Còn thắng lợi không nhiễm của trí hậu đắc vô phân biệt thí dụ như gì?

Luận nói:

*Như hư không không nhiễm,  
Là trí vô phân biệt,  
Thường ở trong thế gian,  
Không bị thế gian nhiễm.*

Giải thích: Do sức của trí này quán sát các việc lợi lạc các hữu tình, nên nghĩ đi đến thế gian thụ sinh, đã thụ sinh rồi không bị nhiễm tất cả pháp thế gian. Tám pháp thế gian là lợi, suy, danh dự, hủy báng, khen ngợi, chê bai, khổ, vui. Vì từ vô phân biệt trí sinh nên trí này cũng được gọi là vô phân biệt. nay sẽ hiển thị sự khác nhau của 3 trí.

Luận nói:

*Như người tâm muốn biết,  
Đúng như người tâm biết,  
Như người không tâm biết,  
Ba trí ví như vậy.  
Như người ngu muốn biết,  
Đúng như người ngu biết,  
Như người không ngu biết,  
Ba trí ví như vậy.  
Như 5 thức muốn biết,  
Đúng như 5 thức biết,  
Và như Mạt-na biết,  
Ba trí ví như vậy.  
Như người chưa hiểu luận,  
Muốn hiểu được nghĩa luận,  
Lần lượt ví 3 trí,  
Như Gia hành vân vân.*

Giải thích: Trong đây 3 trí phải biết khác nhau như thí dụ trên. Ví như người câm muốn biết nghĩa của cảnh mà không nói được. Phải biết trí gia hành vô phân biệt cũng như vậy. Ví như người câm biết nghĩa của cảnh mà hoàn toàn không nói được. Phải biết trí căn bản vô phân biệt cũng như vậy. Như người không câm biết nghĩa của cảnh rồi có thể nói ra. Phải biết trí hậu đắc vô phân biệt cũng như vậy. Trong đây ý nhận lấy, tạo ra văn tự, gọi là ngôn thuyết. Như trong bài tụng nói về người ngu, không hiểu rõ gọi là ngu. Như thí dụ về người câm ở trước, chính là thiết lập sự khác nhau của 3 trí. Như bài tụng nói 5. Năm, là nhãn v.v... 5 cái vô phân biệt. Phải biết rằng trong đây nói muốn biết, biết, đều là vô phân biệt. Gia hành, căn bản, sự khác nhau đối với nghĩa chân như cũng vậy. Như ý thụ lấy nghĩa cũng có thể phân biệt. Như vậy hậu đắc cũng có thể thụ lấy nghĩa, cũng có thể phân biệt. Như vậy 3 trí đã được thiết lập nghĩa khác nhau trong thí dụ về người câm ở trước. Trong tụng của luận này, như chưa hiểu luận muốn tìm hiểu luận, phải biết trí gia hành vô phân biệt cũng như vậy. Như ôn tập luận chỉ thụ nơi pháp, phải biết trí căn bản vô phân biệt cũng như vậy. Trong đây pháp là ý thủ lấy văn tự như hiểu luận, đối với pháp đối với nghĩa đều có thể lãnh thụ, phải biết trí hậu đắc vô phân biệt cũng như vậy. Các câu nói tuần tự hiển thị 3 trí tựa như sự lãnh thụ khác nhau nghĩa của pháp. Tiếp đến sẽ hiển thị thí dụ khác nhau giữa căn bản và hậu đắc.

Luận nói:

*Như lúc người nhắm mắt,  
Là trí vô phân biệt,  
Lúc người ấy mở mắt,  
Là trí của hậu đắc.  
Phải biết như hư không,  
Là trí vô phân biệt,*

*Trong đó hiện sắc tượng,  
Trí hậu đắc cũng vậy.*

Giải thích: Bài tụng đầu hiển thị 2 trí khác nhau. Tượng của chúng có thể thấy rõ. Nói như hư không, là ví như hư không biến khắp cả không nhiễm. Chẳng phải năng phân biệt, chẳng phải sở phân biệt. Phải biết trí căn bản vô phân biệt cũng như vậy. Biến khắp tất cả pháp mà chỉ có một mùi vị tính không, nên gọi là chu biến. Tất cả các pháp không thể làm cho bị nhiễm nên gọi là không nhiễm. Tự nó không phân biệt, nên gọi là chẳng phải năng phân biệt. Cũng không bị cái khác phân biệt hành tướng, nên gọi là chẳng phải sở phân biệt. Như vậy phải biết trí vô phân biệt ví như hư không. Nói hiện sắc tượng, là ví như trong hư không các sắc màu hình tượng hiện lên có thể trông thấy phân biệt được. Phải biết trí hậu đắc vô phân biệt cũng như vậy. Cái sở phân biệt đó cũng là năng phân biệt. Nếu lấy trí vô phân biệt như vậy tu thành Phật quả. Đã lia công dụng tác ý phân biệt, làm sao có thể thành lợi ích an lạc hữu tình?

Luận nói:

*Như Mạt-ni, nhạc trời,  
Vô tư mà thành sự,  
Rất nhiều Phật sự thành,  
Cũng thường từ vô tư.*

Giải thích: Lìa phân biệt mà việc làm thành tựu, trong luận này thí dụ như ngọc Mạt-ni và nhạc trời, hiển thị như ngọc như ý tuy không phân biệt mà có thể làm thành các việc theo ý thích của hữu tình. Lại như nhạc trời không ai đánh mà hòa tấu theo ý thích của hữu tình ở đó phát ra các thứ âm thanh. Như vậy phải biết trí vô phân biệt của chư Phật Bồ-tát, tuy lìa phân biệt mà có thể làm thành các sự nghiệp. Tiếp đến sẽ hiển thị tính rất sâu của trí vô phân biệt này. Trí này là duyên tính y tha khởi, phân biệt tự chuyển thành duyên các cảnh. Nếu vậy có lỗi gì? Nếu duyên phân biệt thì phải không thành

tính vô phân biệt. Nếu duyên các cảnh, các cảnh chắc chắn là không, làm sao duyên được?

Luận nói:

*Chẳng đây cũng chẳng đâu,  
Chẳng phải trí mà trí,  
Vớ cảnh nào có khác,  
Trí thành vô phân biệt.*

Giải thích: Chẳng phải ở đây cũng chẳng phải ở đâu , nghĩa là trí này không duyên phân biệt làm cảnh, vì vô phân biệt. Chẳng duyên các cảnh khác, tức duyên y tha. Các pháp phân biệt và tính của pháp chân như là cảnh giới cho nên không thể nói pháp và tính của pháp là một hay là khác. Đây nói trí căn bản vô phân biệt không duyên phân biệt cũng không duyên những cái khác. Lại nữa, trí căn bản vô phân biệt này là trí hay là chẳng phải? Nếu vậy có lỗi gì? Nếu là trí thì trí sao không phân biệt? Nếu chẳng phải trí thì sao gọi là trí vô phân biệt? Đáp câu hỏi này, chẳng phải trí mà là trí, là như thế này. Đây hiển thị trí căn bản vô phân biệt chẳng phải nhất định là trí. Bởi trong trí gia hành phân biệt, trí này không sinh cho nên cũng chẳng phải là phi trí. Bởi từ nhân của trí gia hành phân biệt mà được sinh nên lại có nghĩa khác. Nói chẳng phải ở đây, chẳng phải nơi khác, chẳng phải trí mà là trí, nghĩa là bởi chẳng phải ở nơi đây, vì phân biệt chuyển nên nói là phi trí. Bởi chẳng phải ở nơi khác, tức ở nơi phân biệt pháp tính chuyển nên cũng là trí. Hai câu trước sau giải thích cho nhau. Vớ cảnh không có khác, trí thành vô phân biệt, nghĩa là chẳng phải như trí gia hành vô phân biệt, có tính năng thủ sở thủ chuyển gọi là vô phân biệt. Vớ cảnh sở thủ không sai biệt chuyển bình đẳng bình đẳng gọi là vô phân biệt. Trí này không trụ trong 2 tính sở thủ năng thủ, như Bạc-già-phạm có nói trong các kinh: Tất cả pháp đều không phân biệt. Lại nói tụng để hiển thị nghĩa vô phân biệt.

Luận nói:

*Phải biết tất cả pháp,  
Bản tính vô phân biệt,  
Vì sở phân biệt không,  
Trí vô phân biệt không.*

Giải thích: Phải biết bản tính tất cả pháp là vô phân biệt, nghĩa là nghĩa của tất cả pháp bản tính từ xưa nay là vô phân biệt. Bởi vì sao? Vì không có sở phân biệt. Đây tức hiển thị cái sở phân biệt là không, cho nên bản tính các pháp là không có phân biệt. Nếu sở phân biệt là không có nên bản tính các pháp là vô phân biệt thì tại sao xưa nay tất cả hữu tình không được giải thoát? Đáp câu hỏi này như thế này. Trí vô phân biệt không có cái này hiển thị cái kia. Không có trí vô phân biệt, tuy tất cả pháp xưa nay tự tính không có phân biệt mà không giải thoát. Nếu trong các pháp, lý vô phân biệt sinh trí chân chúng, hiện thấy các pháp là tính vô phân biệt liền được giải thoát. Đây vì chưa sinh nên chưa được giải thoát. Tria chúng chân, phải biết tức là trí vô phân biệt. Nay sẽ nói rõ sai biệt của 3 trí này.

## NHIẾP ĐẠI THỪA LUẬN THÍCH

### QUYỀN 9

#### 9 - Tăng thượng tuệ học

Luận nói: Ở đây trí gia hành vô phân biệt có 3 thứ là nhân duyên, dẫn phát và thường tập, nên sinh sai biệt.

Giải thích: Trong đây 3 thứ sai biệt của trí gia hành vô phân biệt là hoặc do sức của chủng tính, hoặc do sức của đời trước dẫn phát, hoặc do sức thường tập hiện tại mà được sinh. Nói hoặc do sức của chủng tính, là chủng tính làm nhân mà được sinh. Sức dẫn phát của đời trước, là do thường tập trong đời trước làm nhân mà được sinh. Sức thường tập trong hiện tại, là do sức sinh sĩ dụng hiện tại làm nhân mà được sinh.

Luận nói: Trí căn bản vô phân biệt cũng có 3 thứ là mừng đủ, không điên đảo và không hý luận, nên có sai biệt vô phân biệt.

Giải thích: Trong đây mừng đủ vô phân biệt, là đã đến văn tư cứu cánh, do mừng đủ nên không phân biệt nữa, gọi là trí mừng đủ vô phân biệt. Nghĩa là các Bồ-tát trụ ở địa vị dị sinh, nếu được văn tư giác tuệ cứu cánh, liền sinh tâm mừng đủ nghĩ rằng tất cả chỗ văn tư đến đây là cực điểm. Vì nghĩa ấy nên gọi là trí mừng đủ vô phân biệt. Lại có nghĩa khác nói rường phải biết thế gian cũng có trí mừng đủ vô phân biệt. Nghĩa là các hữu tình đến đệ nhất hữu kiến là Niết-bàn liền sinh tâm mừng đủ nghĩ rằng quá đây sẽ không còn nơi cần phải đến

nữa, gọi là trí mừng đủ vô phân biệt. Vô điên đảo vô phân biệt, nghĩa là Thanh Văn v.v... phải biết họ thông đạt chân như, được vô thường v.v... 4 trí không điên đảo, vô thường v.v... 4 điên đảo phân biệt, gọi là trí vô điên đảo vô phân biệt. Vô hý luận vô phân biệt, nghĩa là các Bồ-tát phải biết Bồ-tát đối với tất cả pháp cho đến Bồ-đề đều không hý luận. Phải biết trí này là trí chứng chân như. Vượt quá đường danh ngôn, siêu việt cảnh thế trí, do đó danh ngôn không thể nói rõ được, các trí thế gian không thể hiểu biết được.

Luận nói: Trí hậu đắc vô phân biệt có 5 thứ là thông đạt, tùy niệm, an lập, hòa hợp, như ý, vì tư duy lựa chọn mà sai biệt.

Giải thích: Năm thứ sai biệt của trí hậu đắc là một thông đạt tư trạch, hai tùy niệm tư trạch, ba an lập tư trạch, bốn hòa hợp tư trạch, năm như ý tư trạch. Trong đây thông đạt tư trạch nghĩa là khi thông đạt thì tư duy lựa chọn như vậy: Ta đã thông đạt. Trong đây tư trạch là lấy ý giác sát. Tùy niệm tư trạch, nghĩa là từ đó nảy ra nghĩ nhớ rằng: Ta đã thông đạt tính vô phân biệt. An lập tư trạch, nghĩa là vì người khác nói sự việc thông đạt này. Hòa hợp tư trạch, nghĩa là trí tổng duyên, quán sát tất cả pháp đều đồng một tướng. Do trí này nên tiến thú chuyên y, hoặc chuyên y rồi trở lại khởi trí này. Như ý tư trạch, nghĩa là tùy theo chỗ suy nghĩ, tất cả đều như ý. Do tư trạch này có thể biến đất đai thành vàng bạc v.v... Để được như ý nên khởi tư trạch này. Vì vậy gọi là như ý tư trạch. Như có thuyết nói do tư trạch nên được như ý. Tuy đã thành lập trí vô phân biệt, nhưng còn chưa nói rõ nhân duyên thành lập, nên lại nói nhiều tụng để hiển thị.

Luận nói: Lại có nhiều bài tụng nói sự thành lập trí vô phân biệt như sau:

*Quý, bàng sinh, người, trời,  
Mỗi loại tùy thích ứng,  
Đồng cảnh do tâm khác,  
Nên nghĩa không chân thật.*

Cảnh quá khứ, vị lai,  
 Chiêm bao, hai ảnh tượng,  
 Tuy sở duyên chẳng thật,  
 Mà cảnh tướng hiện tiền.  
 Nếu nghĩa thành nghĩa tính,  
 Không trí vô phân biệt.  
 Trí này nếu không có,  
 Chứng Phật quả vô lý.  
 Được Bồ-tát tự tại,  
 Là do sức thắng giải.  
 Như muốn được thứ gì,  
 Được định thì được cả.  
 Người thành tựu giản trạch,  
 Có trí mà được định.  
 Tư duy tất cả pháp,  
 Như nghĩa đều hiển hiện.  
 Trí vô phân biệt hiện,  
 Các nghĩa đều không hiện.  
 Nên biết không có nghĩa,  
 Thì thức cũng là không.

Giải thích: Quý, bàng sinh, người, trời, mỗi loại tùy thích ứng, nghĩa là bàng sinh thấy nơi có nước, ngựa quý thấy là lục địa cao nguyên, với con người có nơi thấy là phân như bản, heo v.v... các loại bàng sinh thấy là nơi ở sạch sẽ. Với người thấy có thứ là vật ẩm thực sạch sẽ, chư thiên thì thấy là xú uế bất tịnh. Như vậy chúng sinh đối với các sự việc tâm thấy khác nhau. Cho nên phải biết nghĩa của cảnh chẳng phải thật có. Nếu nghĩa không thật có thì thức cũng phải không có cảnh. Cảnh thức có không, như duyên quá khứ vị lai, như duyên cảnh trong chiêm bao, như duyên hình bóng trong gương v.v... và ảnh tượng hiện ra trong Tam-ma-địa. Để hiển thị nghĩa này nói một Già-tha. Nghĩa là trong quá khứ v.v... trong đây nữa trước



do nữa sau giải thích. Như thứ tự của nó phải biết tướng của nó. Do không có thật cảnh riêng biệt cho nên nói cảnh thức có không. Do tự biến làm cảnh, cho nên nói cảnh tướng thành tự. Tức nghĩa là tự duyên ảnh tượng của tâm. Nghĩa là duyên 2 ảnh là ảnh tượng quá khứ vị lai và ảnh tượng trong chiêm bao, tuần tự an lập cảnh tướng thành tự. Nếu nghĩa, tính của nghĩa thành không có trí vô phân biệt, tức là nếu nghĩa thật có tự tính của nghĩa thì phải không có trí vô phân biệt. Nếu nói tuy không có trí vô phân biệt, sẽ có lỗi gì? Đây nếu không có Phật quả, chứng đắc không đúng lý, tức nếu ông bác không có trí vô phân biệt, là sẽ không có chứng đắc Phật quả. Cho nên phải chấp nhận có trí vô phân biệt. Được Bồ-tát tự tại, nghĩa là đã chứng đắc Bồ-tát tự tại. Do sức thắng giải, tức là do sức nguyện lạc. Như muốn đất đai v.v... thành thứ gì, nghĩa là muốn khiến đất đai thành tướng vàng bạc v.v.. thì tùy theo ý muốn đều thành. Nói người được định cũng vậy, nghĩa là nói các Thanh Văn v.v... Người thành tự gián trạch, nghĩa là đã thành tự đầy đủ Tì-bát-xá-na. Nói người có trí, là nói các Bồ-tát. Người được định, là được Tam-ma-địa. Tư duy tất cả pháp, như nghĩa đều hiển hiện, nghĩa là Bồ-tát v.v... được định tuệ đầy đủ thâm nhiếp tâm vào trong, như như tư duy nghĩa pháp trong kinh điển thì đều như thị như thị hiển hiện. Nếu khi niệm Phật tùy chỗ tư duy niệm trong các pháp ấy mà nghĩa Phật hiển hiện. Phải biết tư duy sắc, thụ v.v... cũng vậy. Trí vô phân biệt hiện hành, các nghĩa đều không hiện, nghĩa là chính khi trí vô phân biệt hiện hành, tất cả nghĩa của cảnh đều không hiển hiện. Phải biết không có nghĩa, nghĩa là do trước nói các đạo lý nên biết nghĩa của cảnh là thật sự không có. Muốn hiển thị cái thức cũng giống như cảnh, cũng không có cho nên nói do đây cũng không có thức. Sở thức, cảnh nghĩa, đã vô sở hữu, do đó nên biết năng thức cũng không. Nghĩa này ở trước trong phần Tướng sở tri đã nói rõ.

Luận nói: Bát-nhã Ba-la-mật-đa với trí vô phân biệt không sai khác gì nhau. Như nói: Bồ-tát an trụ Bát-nhã Ba-la-mật-đa, nơi phi

xứ tương ưng, có thể tu tập viên mãn các Ba-la-mật-đa khác. Thế nào là phi xứ tương ưng mà tu tập viên mãn?

Nghĩa là do xa lìa 5 chỗ: Một là xa lìa chỗ chấp ngã của ngoại đạo. Hai là xa lìa chỗ phân biệt của Bồ-tát chưa thấy chân như. Ba là xa lìa 2 cực đoan của sinh tử Niết-bàn. Bốn là xa lìa chỗ sinh tâm vui mừng cho rằng chỉ đoạn trừ chướng phiền não là đủ. Năm là xa lìa chỗ cảnh giới vô dư y Niết-bàn, an trụ ở đó mà không đoái tưởng lợi ích chúng sinh.

Giải thích: Trí vô phân biệt tức là Bát-nhã Ba-la-mật-đa. Do trong kinh ấy nói các Bồ-tát an trụ Bát-nhã Ba-la-mật-đa phi xứ tương ưng có thể tu tập viên mãn ở các Ba-la-mật-đa khác. Vì muốn khiến biết nghĩa như vậy nên hiển thị câu ấy. Xa lìa chỗ chấp ngã của ngoại đạo, nghĩa là như ngoại đạo trụ trong Bát-nhã chấp ngã ngã sở nảy ra ý niệm thế này: Ta có thể an trụ Bát-nhã. Bát-nhã là của ta. Bồ-tát không như vậy. Bồ-tát xa lìa các chấp ngã như thế của ngoại đạo. Cho nên phải biết nói phi xứ tương ưng là như vậy. An trụ Bát-nhã Ba-la-mật-đa, xa lìa chỗ phân biệt của các Bồ-tát chưa thấy chân như, nghĩa là như các Bồ-tát chưa thấy chân như ở trong Bát-nhã Ba-la-mật-đa vô phân biệt, phân biệt đây là Bát-nhã Ba-la-mật-đa. Bồ-tát xa lìa sự phân biệt như vậy, nên nói là phi xứ tương ưng an trụ Bát-nhã Ba-la-mật-đa. Xa lìa 2 cực đoan sinh tử Niết-bàn, nghĩa là như thế gian an trụ sinh tử, các Thanh Văn v.v... an trụ Niết-bàn. Bồ-tát không như vậy. Do ý nghĩa ấy nên nói là phi xứ tương ưng an trụ Bát-nhã Ba-la-mật-đa. Xa lìa không đoái hoài đến lợi ích an lạc hữu tình, trụ vô dư y Niết-bàn giới, nghĩa là như Thanh Văn v.v... không đoái tưởng đến lợi ích an lạc hữu tình mà Bát-niết-bàn nơi vô dư y Bát-niết-bàn. Bồ-tát không như vậy, không trụ nơi chỗ trụ của Thanh Văn. Cho nên nói là phi xứ tương ưng an trụ Bát-nhã Ba-la-mật-đa.

Luận nói: Trí Thanh Văn v.v... với trí Bồ-tát có gì khác nhau?

Do tương ứng 5 thứ mà biết có khác nhau. Một là khác vì không phân biệt. Nghĩa là vì không phân biệt các pháp 5 uẩn. Hai là không phải sai khác một phần nhỏ. Nghĩa là thông đạt chân như, nhập vào tất cả cảnh giới sở tri, khắp vì độ thoát hữu tình, đó chẳng phải là chuyện nhỏ. Ba là khác nhau vì vô trụ. Nghĩa là lấy vô trụ xứ Niết-bàn làm trụ xứ. Bốn là khác nhau về tính rốt ráo. Nghĩa là trong Niết-bàn vô dư y không đoạn diệt tận. Năm là khác nhau về vô thượng. Nghĩa là cái trí vô phân biệt của Đại thừa này không còn thừa giáo nào hơn. Ở đây có bài tụng như sau:

*Các Đại bi làm thể,  
Do 5 tướng thắng trí,  
Khắp thể, xuất thế gian,  
Đây là cao xa nhất.*

Giải thích: Đây hiển thị trí Thanh Văn v.v... với trí Bồ-tát có 5 tướng khác nhau. Sai khác vì vô phân biệt, nghĩa là Thanh Văn v.v... duyên nơi các uẩn v.v... sinh thức phân biệt, chẳng phải trí Bồ-tát phân biệt uẩn v.v... Chẳng phải phân biệt một phần ít, nghĩa là nói rõ 3 thứ không phải có tính chất một phần nhỏ: một là chỗ đạt tới chân như không phải là một phần nhỏ, hai là cảnh giới sở tri không phải là một phần nhỏ, ba là số hữu tình được độ không phải là một phần nhỏ. Chỗ đạt tới chân như không phải một phần nhỏ, nghĩa là trí Bồ-tát đầy đủ thông đạt tính pháp vô ngã của Bồ-đặc-già-la. Trí Thanh Văn v.v... khi ngộ nhập chân như chỉ có thể thông đạt tính vô ngã của Bồ-đặc-già-la. Cảnh giới sở tri không phải một phần nhỏ, nghĩa là trí Bồ-tát duyên khắp tất cả cảnh sở tri mà sinh. Trí Thanh Văn v.v... chỉ duyên khổ v.v... trong tứ đế mà sinh. Số hữu tình được độ không phải phần nhỏ, nghĩa là trí Bồ-tát phổ độ tất cả hữu tình đến Bồ-đề. Trí Thanh Văn v.v... chỉ cầu tự lợi. Khác nhau vì vô trụ, nghĩa là trí Bồ-tát chính là an trụ nơi Niết-bàn vô trụ, không phải như Thanh Văn v.v... cho nên khác nhau. Khác nhau về tính rốt ráo, nghĩa là Thanh

Văn v.v... trong cõi vô dư y Niết-bàn diệt hết tất cả. Bồ-tát trong cõi vô dư y Niết-bàn công đức vô tận, cho nên khác nhau. Khác nhau cùng tốt, nghĩa là Thanh Văn v.v...trên có Đại thừa, còn Bồ-tát thừa không có trên nữa, cho nên khác nhau. Để hiển thị nghĩa này có một Già-tha. Đầy trong thế gian xuất thế gian, nghĩa là đầy trong thế gian cõi Sắc, Vô sắc và đầy trong xuất thế gian như Thanh Văn thừa v.v..

Luận nói: Nếu các Bồ-tát thành tựu Thi-la tăng thượng, Chí-đa tăng thượng, Bát-nhã tăng thượng thì công đức viên mãn, tiền của địa vị được đại tự tại, vì sao hiện thấy có những người thiếu thốn tiền của địa vị?

Vì thấy người ấy có nghiệp chướng nặng đối với tiền của địa vị. Vì thấy nếu cho người ấy tiền của địa vị, sẽ trở ngại cho sự phát sinh thiện pháp. Vì thấy người ấy nếu thiếu thốn của cải địa vị, sẽ chán bỏ hiện hữu. Vì thấy nếu cho người ấy tiền của địa vị, tức sẽ góp phần tạo nhân các pháp bất thiện. Vì thấy nếu cho người ấy tiền của địa vị, tức sẽ tạo nhân cho vô lượng chúng sinh bị tổn hại. Vì thế mà hiện thấy có người thiếu thốn tiền của địa vị. Ở đây có bài tụng như sau:

*Thấy nghiệp chướng hiện tiền,  
Vì tích tập tổn hại,  
Nên thấy có hữu tình,  
Không được Bồ-tát thí.*

Giải thích: Trong đây nói rõ do nhân duyên này , Bồ-tát tuy được của cải địa vị tự tại đầy đủ Đại bi mà không thí của cải địa vị cho hữu tình vì thấy các hữu tình kia đối với của cải địa vị sẽ có chướng nặng, nghĩa là các hữu tình có ác nghiệp ngăn trở thần lực của Bồ-tát, do ác nghiệp của chúng chướng ngại cái trí không chướng ngại của Bồ-tát. Do thấy như vậy cho nên tuy kham năng, tuy chúng thiếu thốn mà phải bỏ. Đây nên lấy ngạ quỷ và con sông làm thí dụ. Như con sông có nước không cản trở người uống, nhưng ngạ quỷ do nghiệp của mình không uống được. Đây cũng vậy. Con sông dụ cho

Bồ-tát. Cửa cái địa vị dụ cho nước. Quỷ dụ cho hữu tình. Nếu như ngựa quý kia không uống được nước sạch của con sông, thì cũng như vậy hữu tình không thụ dụng được tài vị của Bồ-tát. Nói thấy các hữu tình nếu thí cho tài vị sẽ trở ngại việc sinh thiện pháp, nghĩa là lại có các Bồ-đặc-già-la tuy không nghiệp chướng, Bồ-tát thấy chúng đang trong lúc liên tục sinh khởi thiện pháp, nếu thí cho tài vị sẽ hưởng thụ phú quý khoái lạc mà trở ngại việc sinh thiện pháp kia. Tư duy như vậy rồi thì để cho nghèo hèn mà thuận lợi cho việc sinh thiện pháp, chớ để sự phú quý làm trở ngại thiện pháp. Do đạo lý này, tuy được tự tại mà không thí tài vị. Nói thấy hữu tình kia nếu thiếu thốn tài vị sẽ chán bỏ hiện tại, nghĩa là lại có Bồ-đặc-già-la, Bồ-tát thấy chúng do nghèo khổ mà chán bỏ hiện tại liền tư duy như thế này: Thà chúng nghèo khổ chán bỏ hiện tại mà thuận theo thiện pháp, chớ để giàu sang mà không sinh chán bỏ. Do đạo lý này, tuy được tự tại mà không thí cho tài vị. Nói thấy hữu tình kia nếu thí cho tài vị tức là nguyên nhân tích tập các pháp bất thiện, nghĩa là lại có Bồ-đặc-già-la Bồ-tát thấy chúng cho dù đến bản cùng vẫn thường không tích tập các pháp bất thiện nên tư duy như thế này: Thà để chúng nghèo cùng mà không tạo các ác, chớ để cho vì giàu sang mà làm các điều bất thiện. Do đạo lý này, tuy được tự tại mà không thí cho tài vị. Nói thấy các hữu tình kia, nếu thí cho tài vị sẽ làm nguyên nhân tạo ra tổn não vô lượng hữu tình, nghĩa là lại có Bồ-đặc-già-la Bồ-tát thấy chúng nếu được tài vị lớn sẽ làm khổ não vô lượng hữu tình, Bồ-tát tư duy như thế này: Thà chúng một thân chịu nghèo khổ, chớ để chúng giàu sang mà tổn não vô lượng hữu tình khác. Do đạo lý này mà tuy được tự tại, không thí cho chúng tài vị. Để hiển thị nghĩa này lại nói Già-tha. Là thấy hữu tình vì có nghiệp chướng, vì trở ngại sinh khởi thiện pháp, vì chán hiện tại, vì tích tập các ác, vì tổn não người, nên không cảm được Bồ-tát thí chúng tài vị. Cho nên hiện có các hữu tình nghèo thiếu là như vậy. Đây sơ lược hiển thị nghĩa như thế, ngoài ra các khoản khác dễ hiểu.

## 10 - Quả đoạn

Luận nói: Như vậy là đã nói về sự thù thắng của tuệ tăng thượng, vậy làm thế nào thấy sự thù thắng của quả đoạn?

Đoạn nghĩa là Niết-bàn vô trụ của Bồ-tát, vì xả bỏ tạp nhiễm mà không xả bỏ sinh tử. Chuyển y 2 chỗ y chỉ làm tướng. Trong đó sinh tử là phần tạp nhiễm của tính y tha khởi, Niết-bàn là phần thanh tịnh của tính y tha khởi. Hai chỗ y chỉ là 2 phần của tính y tha khởi. Chuyển y là tính y tha khởi, khi khởi đối trị thì chuyển bỏ phần tạp nhiễm được phần thanh tịnh.

Giải thích: Vô trụ Niết-bàn bỏ tạp nhiễm không bỏ sinh tử. Sở y chỉ chuyển y làm tướng, nghĩa là khi trụ nơi chuyển y không chứa phiền não không bỏ sinh tử là tướng chuyển y này. Sinh tử là gì? Là phần tính tạp nhiễm của y tha khởi. Niết-bàn là gì? Là phần tính thanh tịnh của y tha khởi. Y chỉ là gì? Là thông hai phần tự tính của sở y. Chuyển y là gì? Là tính này khi sinh đối trị thì xả bỏ phần tạp nhiễm được phần thanh tịnh.

Luận nói: Lại nữa sự chuyển y này đại lược có 6 thứ. Một là chuyển bớt sức lực thêm khả năng. Nghĩa là do sức thắng giải trụ trong đa văn huân tập và do có sự biết hổ thẹn nên khiến một phần ít phiền não hiện hành, hoặc không hiện hành. Hai là chuyển sự thông đạt. Nghĩa là các Bồ-tát đã nhập đại địa, cho đến địa thứ 6, hiện tiền trụ trước mắt là chân thật thì hiển hiện, phi chân thật thì không hiển hiện. Ba là chuyển sự tu tập. Nghĩa là cho đến địa thứ 10 vì còn chướng ngại, tất cả tướng không hiển hiện, chỉ chân thật hiển hiện. Bốn là chuyển quả viên mãn. Nghĩa là vĩnh viễn không còn chướng ngại, tất cả tướng không hiển hiện, chỉ hiển hiện chân thật thanh tịnh cùng tột, được tự tại đối với tất cả tướng. Năm là chuyển sự thấp kém. Nghĩa là Thanh Văn v.v... chỉ có thể thông đạt tính nhân không vô ngã, một bề quay lưng xả bỏ sinh tử. Sáu là chuyển một cách rộng

lớn. Nghĩa là các Bồ-tát gồm thông đạt pháp không vô ngã, nên ngay nơi sinh tử mà thấy là thanh tịnh vắng lặng, tuy đoạn trừ tạp nhiễm mà không bỏ sinh tử.

Các Bồ-tát trụ ở địa vị thấp kém, đối với sự chuyển y có lỗi gì?

Có lỗi là không đoái tưởng đến sự lợi ích an vui cho tất cả chúng sinh, trái với tất cả các pháp Bồ-tát, chỉ giải thoát bản thân đồng với các thừa thấp kém.

Nếu các Bồ-tát trụ ở địa vị chuyển đổi rộng lớn thì có công đức gì?

Ở trong pháp sinh tử lấy sự tự chuyển y làm chỗ dựa nên được tự tại. Thị hiện thân chúng sinh trong tất cả mọi nẻo luân hồi, nếu sinh vào hàng chúng sinh tối thấp và trong 3 thừa thì có thể dùng các phương tiện khéo léo điều phục an lập giáo hóa chúng sinh. Đó là công đức.

Giải thích: Lại chuyển y này sơ lược có 6 thứ. Chuyển bớt sức lực thêm khả năng, nghĩa là tổn giảm sức huân tập phiền não trong thức A-lại-da, thêm công năng đối trị cho nên được chuyển y này. Nói do sức thắng giải trụ trong đa văn huân tập, nghĩa là trụ trong hành địa thắng giải, an lập sức huân tập đa văn, nên được chuyển y này. Và do có sự biết hổ thẹn v.v..., là ở trong địa vị này nếu phiền não hiện hành thì rất xấu hổ, hoặc chỉ hiện hành một phần ít, hoặc hoàn toàn không hiện hành. Chuyển sự thông đạt, nghĩa là khi nhập địa được chuyển y. Đối với chân thật, phi chân thật v.v... nghĩa là chuyển y này cho đến địa thứ 6, hoặc có lúc nhân chân thật hiển hiện, hoặc khi xuất quán là nhân phi chân thật hiển hiện. Chuyển sự tu tập, nghĩa là hãy còn có chướng, do chướng sở tri nên gọi là có chướng. Nói tất cả tướng không hiển hiện, nghĩa là chuyển y này cho đến địa thứ 10 tất cả hữu tướng không hiển hiện lại, chỉ có vô tướng chân thật hiển hiện. Chuyển quả viên mãn, nghĩa là vĩnh viễn không còn

chương ngại do không có tất cả chương nên nói là không chương. Nói tất cả tướng không hiển hiện, là vì không có tất cả chương. Nói chỉ hiển hiện chân thật thanh tịnh cùng tột, tức do đó được tự tại đối với tất cả tướng. Do đây làm y chỉ được tướng tự tại, tùy theo ý muốn lợi lạc hữu tình. Chuyển sự thấp kém, nghĩa là Thanh Văn v.v... Chử v.v... là chỉ Độc Giác. Chỉ có thể thông đạt một không là vô ngã, không thể lợi tha cho nên là thấp kém. Chuyển một cách rộng lớn, nghĩa là các Bồ-tát do gồm thông đạt 2 không vô ngã, an trụ trong đây xả bỏ các tạp nhiễm, không bỏ sinh tử vì gồm tự lợi lợi tha nên là rộng lớn. Trụ ở hạ liệt chuyển có những lỗi gì? Là không đoái tưởng hữu tình, bỏ qua pháp Bồ-tát, đồng với các thừa thấp kém, đó là lỗi. Trụ ở quảng đại chuyển có những công đức gì? Bởi tự chuyển y làm chỗ y chỉ, tự tại đối với tất cả pháp cho nên trong tất cả nẻo thú thị hiện thân đồng như tất cả. Trong hàng chúng sinh tối thắng và 3 thừa, trí phương tiện thiện xảo điều phục các thứ, an lập các hữu tình khó điều phục khó hóa độ, đó là công đức. Trong này ý nói hạng giàu sang trong thế gian là chúng sinh tối thắng.

Luận nói: Ở đây có các bài tụng như sau:

*Phàm phu chân thật che,  
Chỉ hiển lộ hư vọng.  
Các Bồ-tát xả vọng,  
Chỉ hiển lộ chân thật.  
Phải biết hiển, không hiển,  
Chân nghĩa, phi chân nghĩa.  
Chuyển y tức giải thoát,  
Tùy ý được tự tại.  
Nơi sinh tử Niết-bàn,  
Nếu khởi trí bình đẳng,  
Bấy giờ do chúng đắc,  
Sinh tử tức Niết-bàn.*



*Do đó với sinh tử,  
 Chẳng bỏ, chẳng chẳng bỏ.  
 Cũng giống như Niết-bàn,  
 Chứng đắc, chẳng chứng đắc.*

Giải thích: Để hiển thị chuyển y nên nói nhiều tụng. Như các phàm phu do vô minh che lấp chân thật hiển lộ các thứ hư vọng. Các Thánh giả đoạn trừ vô minh xả bỏ hư vọng hiển lộ chân thật. Do đạo lý này phải biết hiển, không hiển, chân nghĩa, phi chân nghĩa, là biến kế sở chấp phi chân không chuyển. Tướng viên thành thật là chân nghĩa chuyển. Nói chuyển y tức chuyển y trong vị này chân nghĩa hiện hành, phi chân nghĩa không hiện hành. Tức giải thoát, tức chuyển y này tương ưng giải thoát. Tùy ý được tự tại, nghĩa là giải thoát này tùy theo ý muốn sẽ được tự tại, không như sở đắc giải thoát của Thanh Văn. Giống như chặt đầu, hoàn toàn an trụ Bát-niết-bàn. Đối với sinh tử Niết-bàn, nếu khởi trí bình đẳng, nghĩa là đối với sinh tử và đối với Niết-bàn khởi trí bình đẳng do 2 thứ này không có tính riêng khác, tức lúc bấy giờ là nghĩa khi ấy. Lại 2 thứ này bình đẳng như thế nào? Bởi các tạp nhiễm gọi là sinh tử. Ngay nơi tính vô ngã của pháp tạp nhiễm gọi là Niết-bàn. Bỏ-tát thông đạt các pháp vô ngã, sinh trí bình đẳng thấy các pháp kia đều không tự tính. Các hữu sinh tử tức là Niết-bàn, bởi trong đó thấy cái cực kỳ vắng lặng tức là Niết-bàn. Nếu biết như vậy thì được cái gì? Do đó đối với sinh tử chẳng bỏ, chẳng phải chẳng bỏ v.v..., là các hữu sinh tử tức là Niết-bàn. Vì vậy nên không bỏ. Tức là không có nghĩa nào có thể bỏ. Tức trong đó thấy tính không, nên lìa các tạp nhiễm, gọi là chẳng phải chẳng bỏ. Tức được như vậy cũng tức là đối với Niết-bàn chẳng phải chứng đắc, chẳng phải chẳng chứng đắc. Tách rời sinh tử không có Niết-bàn nào khác có thể chứng đắc, cho nên gọi là chẳng phải chứng đắc. Lại trong đó thấy vắng lặng nên tuy không có tính riêng khác mà chứng Niết-bàn, gọi là chẳng phải không chứng đắc.

## 11 - Quả trí

Luận nói: Như vậy là đã nói về sự thù thắng của quả đoạn, vậy làm thế nào thấy sự thù thắng của quả trí?

Nên biết do 3 thứ Phật thân mà biết sự thù thắng của quả trí: một là do tự tính thân, hai là do thụ dụng thân, ba là do biến hóa thân.

Trong đây tự tính thân là pháp thân Như Lai, chuyển đổi chỗ y chỉ tự tại đối với tất cả pháp. Thụ dụng thân là y vào pháp thân hiển hiện các chúng hội chư Phật trong các cõi Phật thanh tịnh, thụ dụng pháp lạc của Đại thừa. Biến hóa thân là cũng y vào pháp thân từ cung trời Đô-sử-đa ẩn mình, thị hiện thụ sinh, thụ dụng lạc,, vượt thành xuất gia, đến nơi ngoại đạo tu các khổ hạnh, chứng Đại Bồ-đề, chuyển Đại pháp luân, nhập Đại Niết-bàn.

Giải thích: Nay sẽ giải thuyết về thù thắng của quả trí. Đây là do 3 thân chư Phật hiển thị. Tự tính thân, là pháp lạc lưu xuất từ các pháp giới. Chỗ y chỉ của Đại tự tại chuyển. Thụ dụng thân là do trước đã nói pháp thân hiển hiện trong các chúng hội chư Phật. Chỗ y chỉ của thụ dụng các thứ pháp lạc trong kinh Đại thừa lưu xuất từ tất cả pháp giới. Lại có nghĩa khác nói là chỗ y chỉ của thụ dụng cõi Phật thanh tịnh. Lại nữa cũng là chỗ y chỉ của thụ dụng pháp lạc Đại thừa. Biến hóa thân, là y vào pháp thân từ cung trời Đô-sử-đa hiện xuống cho đến nhập Đại Niết-bàn. Là chỗ y chỉ của thân đồng phần với trời, người.

Luận nói: Ở đây có một bài tụng Ôn-đà-nam như sau:

*Tướng, chứng đắc, tự tại,  
Y chỉ và nhiếp trì,  
Sai biệt, đức, thậm thâm,  
Niệm, nghiệp rõ chư Phật.*

Giải thích: Để làm rõ thân sở đắc của chư Phật nên nói tướng v.v... trong bài tụng Ôn-đà-nam.

Luận nói: Pháp thân chư Phật lấy gì làm tướng?

Nên biết pháp thân chư Phật lược nói có 5 tướng.

Giải thích: Nên biết pháp thân có vô lượng tướng. nay trong đây lược nói 5 thứ.

Luận nói: Một là tướng chuyển y. Nghĩa là chuyển diệt tất cả chướng của phần tạp nhiễm trong tính y tha khởi, chuyển được giải thoát tất cả chướng, tự tại đối với pháp, chuyển hiện phần thanh tịnh trong tính y tha khởi.

Giải thích: Chuyển diệt tất cả chướng của phần tạp nhiễm trong tính y tha khởi, nghĩa là chuyển diệt phần tạp nhiễm trong tính y tha khởi. Chuyển được giải thoát tất cả chướng, tự tại đối với pháp, chuyển hiện phần thanh tịnh trong tính y tha khởi, nghĩa là trong tất cả pháp tự tại chuyển trụ cho nên chuyển được phần thanh tịnh trong tính y tha khởi.

Luận nói: Hai là tướng do bạch pháp thành tự. Nghĩa là viên mãn 6 Ba-la-mật-đa, được 10 tự tại. Trong đây thọ mạng tự tại, tâm tự tại, phương tiện sinh hoạt tự tại là do viên mãn thí Ba-la-mật-đa. Nghiệp tự tại, sinh tự tại là do viên mãn giới Ba-la-mật-đa. Nghiệp tự tại và sinh tự tại là do viên mãn giới Ba-la-mật-đa. Thắng giải tự tại là do viên mãn nhẫn Ba-la-mật-đa. Nguyện tự tại là do viên mãn tinh tiến Ba-la-mật-đa. Thần lực tự tại gồm 5 thần thông là do viên mãn tĩnh lực Ba-la-mật-đa. Trí tự tại và pháp tự tại là do viên mãn Bát-nhã Ba-la-mật-đa.

Giải thích: Tướng do bạch pháp thành tự, nghĩa là do viên mãn 6 Ba-la-mật-đa nên chứng đắc 10 thứ tự tại của pháp thân, đó là tự tính nên gọi là thành tự. Thọ mạng tự tại, là tùy ý muốn trụ bao nhiêu thời gian liền được thị hiện thân mình như ý. Tâm tự tại, là trong sinh tử có thể không ô nhiễm. Phương tiện sinh hoạt tự tại,

là 10 phương tiện cho cuộc sống như ăn v.v... tùy ý muốn được đầy đủ. Như có bài tụng nói:

*Các Bồ-tát tư duy,  
Hoặc tịnh hoặc bất tịnh,  
Tất cả thành tốt đẹp,  
Đều do ý tự tại.*

Nên biết 3 thứ tự tại này đều do nhân bồ thí Ba-la-mật-đa viên mãn. Nghiệp tự tại, sinh tự tại là do viên mãn giới Ba-la-mật-đa, nghĩa là đây có thể bao gồm nhân năng sinh và quả sở sinh. Cho nên phi biết nghiệp tự tại trong đây là do thân ngữ nghiệp tự tại mà chuyển, tùy ý muốn là nghiệp sinh hiện tiền. Sinh tự tại, là tự tại chuyển sinh. Trong các nẻo thú, tùy theo ý muốn liền được thụ sinh. Do đạo lý này hiển thị tu Thi-la, nơi nghiệp nhân và nơi sinh quả đều được tự tại. Thắng giải tự tại là do viên mãn nhẫn Ba-la-mật-đa, nghĩa là khiến các pháp đều tùy tâm chuyển. Tùy theo đuổi thắng giải mà mọi thắng giải được thành tựu như ý muốn. Như muốn chuyển biển đất đai thành vàng bạc v.v..., chuyển biển nước thành lửa v.v..., do khi tu nhẫn nhục tùy chuyển theo ý lạc của hữu tình cho nên đạt được khả năng chuyển biến các pháp tùy theo tâm mình. Nguyên tự tại là do viên mãn tinh tiến Ba-la-mật-đa, nghĩa là tu tinh tiến tất cả các việc làm đều có thể cứu cánh. Cho nên điều gì suy nghĩ đều thành tựu. Nên biết rằng trong khi tu tinh tiến, tùy việc làm đều có thể cứu cánh, giữa chừng không phé bỏ. Do đó là nhân, nay tùy theo sở nguyện đều thành tựu như ý. Thần lực tự tại gồm 5 thần thông là do viên mãn tĩnh lực Ba-la-mật-đa, nghĩa là do tâm tĩnh lực có khả năng làm dẫn phát các thần thông. Không chỉ có thể qua lại trên không mà còn có thể biết được tâm người khác. Do đó nói bao gồm 5 thần thông. Trí tự tại và pháp tự tại là do viên mãn Bát-nhã Ba-la-mật-đa, nghĩa là biết khắp tất cả nhĩ diệm gọi là trí tự tại. Nếu muốn, có thể chính an lập các pháp trong khế kinh, gọi là pháp tự tại. Lại do tuệ

lực an lập uẩn v.v...tất cả pháp thể, gọi là trí tự tại, sau được nhất thiết chủng trí, gọi là pháp tự tại.

Luận nói: Ba là tướng không hai. Nghĩa là không có 2 tướng có và không. Do tất cả pháp là vô sở hữu mà tướng hiển lộ của không, là thật có cho nên tướng hữu vi vô vi là không hai. Do nghiệp phiền não chẳng phải sở vi mà tự tại thị hiện là tướng hữu vi. Khác tính một tính là tướng không hai. Do chỗ sở y của tất cả chư Phật là không sai biệt cho nên vô lượng liên tục hiện thành đẳng giác. Ở đây có 2 bài tụng như sau:

*Vì không có ngã chấp,  
Không chỗ nương riêng biệt.  
Nhưng tùy thân chứng đắc,  
Nên thiết lập có khác.  
Chủng tính khác , không rộng,  
Vi viên mãn không đầu,  
Vô cấu không riêng khác,  
Nên chẳng một, chẳng nhiều.*

Giải thích: Có không, không hai là tướng, nghĩa là tất cả các pháp, tướng của tính biến kế sở chấp là phi hữu, nên chẳng phải có tướng. Không, hiển thị tính viên thành thật, thể của nó thật hữu, nên chẳng phải không có tướng. Hữu vi, vô vi không hai là tướng, tức là phi hữu là tự tính, phi vô là nghĩa của tự tính. Chẳng phải nghiệp phiền não sinh, nên chẳng phải tướng hữu vi. Trong hữu vi được rất tự tại, thường thường thị hiện, gọi là tướng hữu vi. Do ý nghĩa này chẳng phải tướng vô vi. Khác tính, một tính không hai là tướng, tức là pháp thân sở y là không sai biệt nên chẳng phải khác tướng. Vì vô lượng y chỉ mà chứng đắc nên chẳng phải một tướng. Đều một không cho nên nói không hai tướng. Lại có Già-tha khác hiển thị nghĩa này. Vì không có ngã chấp, không chỗ nương riêng biệt, nghĩa là ở thế gian có sức chấp ngã nên có thân làm chỗ nương riêng. Trong đây

không có chấp ngã nên không có thân làm chỗ nương riêng. Nếu thân sở y không có riêng khác thì làm sao nói có nhiều Phật? Tùy theo trước năng chứng khác nên thiết lập có khác, nghĩa là do nhiều thân sở y đều có chứng đắc nên có riêng khác. Để hiển thị nghĩa này nên lại nói Già-tha. Nói vì chủng tính khác, nghĩa là vì chủng tính các Bồ-tát có nhiều khác biệt. Nói không phải rỗng không, nghĩa là chủng tính khác nên gia hành cũng khác. Gia hành khác nên tư lương viên mãn cũng có nhiều thứ. Vì nhân duyên ấy, nếu chỉ một Phật thì bao nhiêu tư lương khác trở thành rỗng không, không có quả. Vì viên mãn cho nên chư Phật làm đủ tất cả những việc lợi ích hữu tình, nghĩa là chính an lập nơi 3 thừa v.v... Nếu chấp Như Lai không đặt hữu tình vào nơi Phật thừa thì việc làm Phật sự là không viên mãn, do đạo lý này nên chấp nhận có nhiều Phật. Nói vì không đầu, tức là nói cái vòng sinh tử lưu chuyển không có bắt đầu. Chư Phật cũng vậy. Nếu duy chỉ có một, tức phải có bắt đầu. Cho nên không phải một. Vô cấu y không khác, nghĩa là do pháp giới vô cấu của Phật là y chỉ vào vô sai biệt, cho nên không có nhiều thứ. Nên chẳng một, chẳng nhiều, nghĩa là do đạo lý này hiển thị chư Phật chẳng phải tướng một hay nhiều.

Luận nói: Bốn là tướng thường trụ. Nghĩa là vì tướng chân như thanh tịnh nên do bản nguyện dẫn xuất làm các việc phải làm, không có thời kỳ chấm dứt.

Giải thích: Do 3 nhân duyên hiển thị tướng thường trụ. Tướng chân như thanh tịnh, tức cái thể của thanh tịnh chân như là thường trụ hiển thị thành Phật, cho nên phải biết Như Lai thường trụ là tướng. Bản nguyện dẫn xuất, là xưa phát nguyện thường làm tất cả lợi lạc hữu tình. Chứng Phật thân là do nguyện này dẫn đến. Do bản nguyện này chẳng phải không, không có quả. Nên biết rằng Như Lai thường trụ là tướng. Nếu nói Như Lai làm công việc lợi lạc hữu tình đã cứu cánh thì không phải nghĩa như vậy. Việc phải làm không chấm dứt,

cho nên ngay bây giờ cũng có vô biên vô lượng công việc phải làm. Tất cả hữu tình chưa Niết-bàn, cho nên do nhân duyên này biết rằng Như Lai thường trụ là tướng. Như vậy chư Phật là không thể nghĩ bàn. Nay sẽ hiển thị.

Luận nói: Năm là tướng không thể nghĩ bàn. Nghĩa là chân như thanh tịnh chứng đắc từ bên trong, không có ví dụ nào trong thế gian có thể ví dụ được, không phải chỗ mà sự suy tư tìm kiếm có thể đến được.

Giải thích: Chứng đắc từ bên trong, nghĩa là chư Như Lai tự chứng ở bên trong. Do cái chân như này là tự nội chứng, cho nên không phải là chỗ suy tư tìm kiếm. Trong các thế gian cũng không có cái gì tương tự lấy làm thí dụ để biết được.

Luận nói: Lại nữa pháp thân như thế đầu tiên làm sao chứng đắc?

Nghĩa là duyên cái tổng tướng của pháp Đại thừa, trí vô phân biệt và trí hậu đắc khéo tu tập 5 tướng, khéo tập hợp tư lương nơi tất cả các địa, Kim cương dụ định phá diệt các chướng vi tế khó phá, định này liên tục không gián đoạn, lia tất cả chướng nên được chuyển y.

Giải thích: Nay tiếp đến nói về chứng đắc pháp thân. Nói chứng đắc đầu tiên, là hiển thị pháp thân này chẳng phải sinh khởi, vì thể là vô vi. Nếu sinh khởi tức là vô thường. Kim cương dụ định, là Tam-ma-địa này ví như kim cương có thể phá vỡ các chướng vi tế khó phá. Nên được chuyển y, là do Kim cương dụ Tam-ma-địa nên có thể chứng chuyển y đến được pháp thân.

Luận nói: Lại nữa, pháp thân do bao nhiêu thứ tự tại mà được tự tại?

Đại lược do 5 thứ. Một là tự tại của cõi Phật, tự thân, tướng tốt, âm thanh vô biên, vô kiến đỉnh tướng, do chuyển y của sắc uẩn. Hai là tự tại về an vui rộng lớn, không tội lỗi, do chuyển y của thụ

uẩn. Ba là tự tại về biện luận giảng nói tất cả danh, cú, văn thân, do chuyển y của tướng uẩn. Bốn là tự tại hóa hiện, biến đổi, dẫn dắt đại chúng tiếp thụ bạch pháp, do chuyển y hành uẩn. Năm là tự tại bởi đại viên kính trí, bình đẳng tính trí, diệu quan sát trí, thành sở tác trí, do chuyển y thức uẩn.

Giải thích: Nay tiếp hiển thị về pháp thân tự tại. Do chuyển y sắc v.v... 5 uẩn cho nên được 5 tự tại. Do chuyển y sắc uẩn nên chứng đắc thị hiện cõi Phật tự tại. Do đó thị hiện cõi Phật thanh tịnh vi diệu vàng bạc các báu v.v... Cũng được thị hiện tự thân tùy ý muốn tự tại. Do đó thị hiện trong đại chúng hội tùy các hữu tình đều được các sắc thân và thắng giải an lạc. Lại tùy theo sở thích có thể hiện các thứ tướng hảo tự tại. lại hiện vô biên âm thanh tự tại. Lại hiện vô kiến đỉnh tướng tự tại. Do chuyển y thụ uẩn nên được vô lượng an lạc trụ rộng lớn không tội lỗi. Nghĩa là được tự tại có thể trụ trong an lạc rộng lớn vô lượng không tội lỗi. Trong đây do nhiều nên nói là vô lượng. Siêu quá cái vui của tất cả 3 cõi, nên nói là tự tại trụ trong an vui rộng lớn. Do chuyển y tướng uẩn nên được biện thuyết tự tại về danh thân cú thân văn thân. Bởi hay thủ tướng nên gọi là tướng, do danh thân v.v... hay chấp thủ các tướng. Chuyển nhiệm tướng uẩn trở lại được thanh tịnh tướng uẩn. Do chuyển y hành uẩn nên được hiện hóa biến đổi, dẫn nhiếp đại chúng, dẫn nhiếp bạch pháp tự tại. Trong đây tùy theo ý muốn thị hiện các việc làm, nên gọi là hóa hiện. Chuyển đổi đất thành vàng v.v... nên gọi là biến đổi. Như ý thích có thể dẫn nhiếp các chúng thiên long Dược-xoa v.v... gọi là dẫn nhiếp đại chúng. Tùy ý thích có thể dẫn xuất các bạch pháp hiện ra, gọi là dẫn nhiếp bạch pháp. Do chuyển y thức uẩn nên được trí đại viên kính, trí bình đẳng tính, trí diệu quán sát, trí thành sở tác. Trí đại viên kính, nghĩa là không quên mất cảnh giới sở tri của pháp, tuy không hiện tiền cũng có thể ghi nhớ rõ ràng, như giới tập tụng rõ ràng sách luận. Trí bình đẳng tính, nghĩa là trước khi thông đạt chân pháp giới, được tâm bình đẳng các hữu tình, trong đây cứu cánh thanh tịnh. Trí



diệu quan sát, là như tạng chủ tùy theo tác ý tư duy Đà-la-ni môn nào, Tam-ma-địa môn nào, liền được trí tự tại vô ngại chuyển. Trí thành sở tác, là có thể thị hiện từ cung trời Đố-sử-đa xuống cho đến Niết-bàn, tất cả Phật sự đều được tự tại.

Luận nói: Lại nữa, pháp thân có mấy trụ xứ?

Nên biết đại lược có 3 chỗ y chỉ. Một là chỗ trụ xứ y chỉ của chư Phật. Ở đây có 2 bài tụng như sau:

*Chư Phật chứng được 5 tính hỷ,  
 Đều do đẳng chứng tự giới tính.  
 Không hỷ đều do không chứng đây,  
 Nên người cầu hỷ phải đẳng chứng.  
 Một do năng lực, hai sự thành,  
 Pháp vị nghĩa đức đều viên mãn  
 Được hỷ tối thắng không tội lỗi,  
 Là chư Phật thấy thường vô tận.*

Hai là chỗ y chỉ của các thụ dụng thân, chỉ để thành thực cho các Bồ-tát. Ba là chỗ y chỉ của các biến hóa thân, phần nhiều để thành thực cho các Thanh Văn v.v...

Giải thích: Pháp thân y chỉ bao nhiêu pháp? Sơ lược có 3 thứ, rộng thì vô lượng. Do các thứ Phật trụ y chỉ, nghĩa là Phật an trụ Thánh trụ, Thiên trụ và Phạm trụ nên nói pháp thân lấy các thứ trụ xứ này làm sở y, nên gọi Phật trụ y chỉ. Hoặc bảo cần gì chư Phật Niết-bàn, bởi Thanh Văn v.v... cùng chư Như Lai giải thoát. Để hiển thị giải thoát của chư Phật là thù thắng có 2 Già-tha. Nói Chư Phật chứng được 5 tính hỷ, đều do đẳng chứng tự giới, nghĩa là chư Như Lai được 5 tính hỷ do chứng pháp giới. Nói không hỷ đều do không chứng đây, nghĩa là các Thanh Văn lia 5 tính hỷ đều không chứng pháp giới này. Nên người cầu hỷ phải đẳng chứng, là muốn được tính hỷ này phải siêng năng cầu chứng pháp giới này. Già-tha thứ hai hiển thị 5 thứ tính

hỷ. Do năng lực vô lượng và sự thành, pháp vị, nghĩa đức đều viên mãn, nghĩa là trong đây năng lực vô lượng là y chỉ pháp thân có nhiều Phật thành đẳng chính giác. Tất cả công năng đều bình đẳng nên năng lực vô lượng. Do thấy công năng vô lượng như vậy nên sinh hoan hỷ. Và sự thành, nghĩa là một Như Lai làm việc lợi lạc hữu tình tức cũng như tất cả Như Lai làm. Do nhiều Phật nên sự làm lợi lạc hữu tình cũng vô lượng, cho nên nói “Và”. Do thấy vậy nên sinh hoan hỷ sâu sắc. Do pháp vị, tức là do thấy khế kinh và tụng v.v... các pháp có ý vị thù thắng mà sinh hoan hỷ sâu sắc. Nghĩa đức đều viên mãn, nghĩa là nghĩa viên mãn và đức viên mãn. Tùy theo suy nghĩ không việc gì không đầy đủ, gọi là nghĩa viên mãn. Mười lục, 4 không sợ hãi, 18 pháp không chung, không pháp nào không đầy đủ, gọi là đức viên mãn. Được hỷ tối thắng không tội lỗi, nghĩa là cái hoan hỷ này siêu quá cái vui trong 3 cõi, gọi là tối thắng. Vì vĩnh viễn đoạn dứt phiền não và tập khí, nên không tội lỗi. Chư Phật thấy thường vô tận, nghĩa là chư Như Lai thấy, như trước nói, 4 thứ tối thắng không tội lỗi, đến tận cùng sinh tử thường không bao giờ hết, đến vô dư y Đại Niết-bàn giới cũng không hết, nên sinh hoan hỷ thù thắng. Do đó Thế Tôn chứng đắc 5 pháp hoan hỷ, chẳng phải Thanh Văn được như vậy. Do các thứ thụ dụng thân y chỉ, nghĩa là pháp thân và thụ dụng thân của Phật là chỗ y chỉ. Vì sao phải cần y chỉ như vậy? Vì để thành thực các Bồ-tát. Bởi tách rời y chỉ này các chúng Bồ-tát đã nhập đại địa sẽ không thành thực. Do các thứ biến hóa thân y chỉ, nghĩa là pháp thân và biến hóa thân của Phật là chỗ y chỉ. Vì sao phải cần y chỉ như vậy? Phần nhiều vì thành thực Thanh Văn v.v... Bởi tách rời y chỉ đây các Thanh Văn tin hiểu còn thấp kém sẽ không thành thực. Nói phần nhiều, là gồm cả các chúng Bồ-tát trong Thắng giải hành địa.

Luận nói: Nên biết pháp thân do bao nhiêu Phật pháp nhiếp trì?

Đại lược do 6 thứ: Một là do thanh tịnh. Nghĩa là chuyển thức A-lại-da được pháp thân. Hai là do dị thực. Nghĩa là chuyển sắc căn

được trí dị thực. Ba là do an trụ. Nghĩa là chuyển các dục hành v.v... được trụ vô lượng trí. Bốn là do tự tại. Nghĩa là chuyển sự tự tại các nghiệp nhiếp thụ được sự tự tại của trí thân thông vô ngại trong tất cả thế giới. Năm là do ngôn ngữ. Nghĩa là chuyển ngôn ngữ hý luận của tất cả thấy nghe hay biết được sự tự tại của trí biện luận giảng thuyết, khiến tất cả chúng sinh sinh tâm hoan hỷ. Sáu là do cứu tế. Nghĩa là chuyển sự cứu vớt tất cả tai họa lỗi lầm được cái trí cứu vớt tất cả tai họa lỗi lầm cho tất cả chúng sinh. Nên biết pháp thân do 6 thứ Phật pháp nói trên gồm thấu.

Giải thích: Do Phật pháp này nhiếp trì pháp thân. Nay sẽ hiển thị. Do thanh tịnh, nghĩa là do pháp Phật thanh tịnh giữ gìn pháp thân. Như vậy chúng đấng pháp thân thanh tịnh là chuyển từ pháp gì? Là chuyển thức A-lại-da được pháp thân. Nghĩa là chuyển diệt thức A-lại-da kia được pháp thân thanh tịnh. Ngay nơi pháp thân thanh tịnh đó nói là thanh tịnh. Do dị thực, nghĩa là do dị thực Phật pháp giữ gìn pháp thân. Chuyển sắc căn, nghĩa là chuyển nhãn v.v... các sắc căn. Được trí dị thực, nghĩa là chuyển các sắc căn kia nên được trí dị thực. Do an trụ, nghĩa là do an trụ nơi Phật pháp gìn giữ pháp thân. Chuyển dục hành trụ v.v..., nghĩa là chuyển các dục hành trụ v.v... của thế gian được Phật pháp trụ. Được vô lượng trí trụ, nghĩa là do đây nên trụ nơi các thứ an trụ. Do tự tại, nghĩa là do tự tại Phật pháp gìn giữ pháp thân. Chuyển các thứ nhiếp thụ nghiệp tự tại v.v..., nghĩa là chuyển các sự nghiệp tự tại vụ lợi thế gian như nông nghiệp được trí tự tại thân thông không ngại tất cả thế giới. Do ngôn thuyết, nghĩa là do ngôn thuyết Phật pháp gìn giữ pháp thân. Chuyển tất cả ngôn thuyết hý luận thấy nghe hay biết v.v..., nghĩa là chuyển các ngôn thuyết hý luận thấy nghe hay biết của thế gian được thấy nghe hay biết tự tại. Do chúng đấng pháp này có thể khiến tâm tất cả hữu tình được trí hoan hỷ tự tại. Do cứu tế, nghĩa là do cứu tế của Phật pháp gìn giữ pháp thân. Chuyển cứu tế tất cả tai họa tội lỗi v.v..., nghĩa là như ở thế gian có việc vua chúa bức bách xảy ra, nhờ sức lực

của cải của thân hữu có thể cứu giúp. Do chuyên đây nên được chứng đắc cái trí cứu giúp tất cả tai họa tội lỗi của hữu tình. Do sức của trí này có thể trừ tất cả tai họa tội lỗi.

Luận nói: Pháp thân chư Phật nên nói là có khác nhau, hay nên nói là không khác?

Vì y chỉ, vì ý lạc, vì nghiệp dụng không khác nên nói là không khác. Nhưng vô lượng thân chúng sinh hiện thành đẳng chính giác nên nói là có khác. Nói pháp thân Phật như vậy thì thụ dụng thân cũng vậy. Vì ý lạc và nghiệp dụng không khác nên phải nói là không khác. Nhưng không do chỗ y chỉ không sai biệt mà do vô lượng y chỉ sai biệt chuyên. Phải biết biến hóa thân nên nói như thụ dụng thân.

Giải thích: Vô lượng y chỉ sai biệt chuyên, nghĩa là thụ dụng thân vô lượng y chỉ khác nhau mà chuyên. Cho nên chỉ do ý lạc và nghiệp không sai biệt, nên phải nói là không khác. Ý vào thân mà sự thì khác nên phải nói là có khác. Ý lạc không sai biệt, là đều làm lợi ích an lạc tất cả hữu tình. Nghiệp không sai biệt, là các tác nghiệp đều đồng hiện đẳng chính giác Bát-niết-bàn v.v...

Luận nói: Pháp thân tương ưng với bao nhiêu đức?

Tương ưng với 4 vô lượng rất thanh tịnh, giải thoát, thắng xứ, biến xứ, vô tránh, nguyện trí, 4 vô ngại giải, 6 thần thông, 32 tướng Đại sĩ, 80 vẻ đẹp, 4 tất cả tướng thanh tịnh, 10 lực, 4 vô úy, 3 bất hộ, 3 niệm trụ, nhổ trừ tập khí, pháp không quên mất, đại bi, 18 pháp không chung và tất cả tướng diệu trí v.v... Ở đây có nhiều bài tụng như sau:

*Kính lễ đáng xót thương,  
Khởi 4 thứ ý lạc:  
Hòa, viễn ly, không bỏ,  
Lợi lạc chúng hữu tình.  
Kính lễ đáng Mâu-ni,  
Giải thoát tất cả chương,*

Hơn tất cả thế gian.  
Trí châu biến các pháp,  
Tâm giải thoát cứu cánh.  
Kính lễ đáng yêu thương,  
Trừ diệt cho chúng sinh,  
Tất cả hoặc phiền não,  
Sạch không còn nhiễm ô.  
Kính lễ đáng thuyết giáo,  
Không công dụng, không chấp,  
Thường vắng lặng, không ngại,  
Giải thích các nạn vấn.  
Kính lễ đáng thường nói,  
Về sở y, năng y,  
Sở thuyết lời và trí,  
Năng thuyết tuệ vô ngại.  
Kính lễ đáng thường dạy,  
Vì chúng hữu tình kia,  
Hiện tại biết ngôn hành,  
Khử lai và xuất ly.  
Kính lễ đáng đạo sư,  
Được chúng sinh tôn quý,  
Biết là bậc Thiện sĩ,  
Thấy được liền tin sâu.  
Kính lễ đáng chứng đắc,  
Nhiếp thụ trụ trì, xả,  
Hiện hóa và biến đổi,  
Trí đẳng trì tự tại.  
Kính lễ đáng hàng ma,  
Bọn lừa dối chúng sinh.  
Phương tiện, quy y, tịnh,  
Và Đại thừa xuất ly.

Kính lễ trừ ngoại đạo,  
 Nói trí đức đoạn đức,  
 Xuất ly và chướng ngại,  
 Vì đối trị tự tha.  
 Kính lễ đáng thuyết phục,  
 Đại chúng lia tạp nhiễm,  
 Không gìn giữ cái gì,  
 Và cũng không quên mất.  
 Kính lễ đáng thật nghĩa,  
 Trong tất cả cử động,  
 Trong tất cả mọi lúc,  
 Trí giác đều viên minh.  
 Kính lễ đáng không quên,  
 Làm lợi ích chúng sinh,  
 Việc làm không bỏ lỡ,  
 Và cũng không trống rỗng.  
 Kính lễ ý lợi lạc,  
 Tâm đại bi tương ưng,  
 Ngày đêm thường 6 thời,  
 Quán sát khắp thế gian.  
 Kính lễ đáng tối thắng,  
 Do hành và do chứng,  
 Do trí và do nghiệp,  
 Hơn tất cả 2 thừa.  
 Kính lễ đáng năng đoạn,  
 Nghi hoặc cho mọi người,  
 Do chứng đắc 3 thân,  
 Đủ tướng Đại Bồ-đề.

Pháp thân chư Phật tương ưng với các công đức như vậy, lại còn tương ưng với các công đức khác như tự tính, nhân, quả, nghiệp

và chuyên y. Do đó phải biết pháp thân chư Phật công đức vô thượng. Ở đây có 2 bài tụng như sau:

*Phật thành thật thắng nghĩa,  
Tất cả địa xuất sinh.  
Trên tất cả chúng sinh,  
Giải thoát các hữu tình.  
Đức vô tận, vô đẳng,  
Tương ưng. Hiện thể gian,  
Và chúng hội thấy được,  
Người trời không thể thấy.*

Giải thích: Pháp thân chư Phật tương ưng với 4 vô lượng công đức đã nói. Lại còn tương ưng với tự tính, nghiệp, nhân quả khác. Tương ưng chuyên công đức. Phật thành thật thắng nghĩa, đây hiển thị tự tính pháp thân chư Phật. Chư Phật đều lấy thành thật thắng nghĩa thanh tịnh chân như làm tự tính. Tất cả địa xuất sinh, đây hiển thị nhân tu tất cả các địa được thành Phật. Trên tất cả chúng sinh, đây là hiển thị quả, trong hữu tình đây là cao tột. Giải thoát các hữu tình, đây là hiển thị nghiệp bởi có thể không điên đảo, khiến các hữu tình được giải thoát. Tương ưng các đức vô tận vô đẳng, đây là hiển thị tương ưng này tương ưng với các công đức vô tận vô đẳng. Hiện thể gian có thể thấy, đây là nói biến hóa thân. Và chúng hội có thể thấy, đây là nói thụ dụng thân. Người trời không thể thấy, đây là nói tự tính thân, người và chư thiên đều không thể thấy. Đây là hiển thị 3 thứ Phật thân khác nhau, gọi là chuyên.

## NHIẾP ĐẠI THỪA LUẬN THÍCH

### QUYỂN 10

#### 11 – Quả trí tiếp

Luận nói: Lại nữa pháp thân chư Phật rất sâu xa, cực kỳ sâu xa. Làm sao thấy được sự sâu xa ấy? Ở đây có các bài tụng như sau:

Giải thích: Trong Đại thừa, pháp thân chư Phật như tướng rất sâu xa, nay sẽ hiển thị bằng 12 bài tụng nói 12 tướng rất sâu xa.

Luận nói:

*Phật không sinh mà sinh,  
Cũng không trụ mà trụ.  
Việc làm không dụng công,  
Thụ thực: pháp thứ tư.*

Giải thích: Bài tụng thứ nhất hiển thị sinh trụ nghiệp trụ rất sâu xa. Phật không sinh là sinh, hiển thị sinh là rất sâu. Bởi chư Như Lai không có nghiệp phiền não như các phàm phu đã tạo tác sự sinh, nên gọi là không sinh. Nhưng có cái sinh cùng với cái sinh này khác nhau, tướng ấy khó hiểu, gọi là sinh rất sâu. Cũng không trụ là trụ, hiển thị trụ rất sâu. Lấy không trụ Niết-bàn làm trụ xứ. Như vậy Niết-bàn là trụ rất sâu. Các việc không dụng công, hiển thị nghiệp rất sâu. Bởi nghiệp của chư Như Lai không dụng công. Tất cả bình đẳng nên gọi là nghiệp rất sâu. Việc ăn uống là pháp thứ tư, hiển thị trụ rất sâu. Bởi Phật thụ thực là trụ y chỉ không thanh tịnh. Cho nên



trong 4 cách ăn là cách thứ tư. Bốn cách ăn là: Một là việc ăn uống trụ ở nơi y chỉ không thanh tịnh. Nghĩa là đoàn thực v.v... 4 cách ăn uống khiến cái dục trói buộc hữu tình dựa vào không thanh tịnh mà được tồn tại. Hai là việc ăn uống trụ ở nơi thanh tịnh, không thanh tịnh, tức là chạm xúc v.v... 3 cách ăn uống khiến sắc, vô sắc trói buộc hữu tình dựa vào tịnh, bất tịnh mà được tồn tại. Do chỗ y chỉ này đã lia các phiền não ở địa dưới nên nói là tịnh, chưa lia các phiền não ở địa trên nên nói là bất tịnh. Cho nên nói y chỉ tịnh, bất tịnh. Như vậy y chỉ do xúc, ý tư, thức thực mà tồn tại, trừ đoàn thực. Ba là việc ăn uống hoàn toàn dựa vào thanh tịnh, nghĩa là đoàn thực v.v... 4 cách ăn uống khiến Thanh Văn v.v... dựa vào thanh tịnh mà được tồn tại. Bốn là chỉ thị hiện việc ăn uống. Nghĩa là cách ăn thứ tư chư Phật thị hiện thụ thực mà tồn tại. Vì vậy cho nên chư Phật thụ thực là cách thứ tư thị hiện trụ thực, để khiến có thể thí cho các loài hữu tình sự tịnh tín, làm nhân tăng trưởng phúc đức. Tuy thị hiện thụ thực mà không làm việc ăn uống. Khi Như Lai thụ thực, chư thiên nhận lấy thi hành ý chỉ của Phật ban cho các hữu tình. Do nhân này, các loài hữu tình ấy mau chứng Bồ-đề. Như vậy tất cả nói chung là một việc rất sâu. Lại nữa cũng do 10 nhân biết tướng sinh là không sinh của chư Phật. Một là cùng ngu si không đồng pháp. Hai là cùng sai biệt không đồng pháp. Ba là tiếp thụ được tự tại. Bốn là trụ trì được tự tại. Năm là lia bỏ được tự tại. Sáu là không hai tướng. Bảy là chỉ tựa như bóng sáng. Tám là giống như ảo hóa. Chín là trụ vô trụ. Mười là thành tựu việc lớn. Lại cũng do 10 nhân biết Như Lai không trụ sinh tử và Niết-bàn. Một là chẳng phải biến tri. Hai là chẳng phải vĩnh đoạn. Ba là chẳng phải tu tập. Bốn là biết tính phi hữu. Năm là vô sở đắc, vô phân biệt. Sáu là tâm xa lia. Bảy là tâm chứng đắc. Tám là tâm bình đẳng. Chín là sự không thể được. Mười là có thể chứng đắc. Lại nữa cũng do 10 nhân biết chư Phật không dụng công mà việc được thành tựu. Một là khéo đoạn lia. Hai là không sở y. Ba là chỗ làm không dụng công. Bốn là người làm không dụng công. Năm là

nghiệp làm ra không dụng công. Sáu là không có sở hữu, không dụng công. Bảy là xưa nay không sai biệt. Tám là chỗ làm đã xong. Chín là chỗ làm chưa xong. Mười là thuần thực tu tập được tự tại trong tất cả pháp. Lại cũng do 10 nhân biết chư Phật thật không thụ thực mà thị hiện thụ thực. Một là thị hiện lấy việc ăn uống duy trì thân mạng. Hai là khiến các hữu tình phúc tăng trưởng. Ba là muốn thị hiện có đồng pháp. Bốn là muốn khiến người theo học thụ dụng đúng. Năm là muốn khiến người theo học có hạnh liêm khiết cần kiệm. Sáu là khiến phát khởi hạnh tinh tiến. Bảy là khiến thành thực các căn. Tám là hiển thị tự thân không nhiễm trước. Chín là cung kính giúp đỡ tự nhiên. Mười là muốn viên mãn bản nguyện.

Luận nói:

*Không khác, và vô lượng,  
Vô số lượng một nghiệp.  
Nghiệp chắc, nghiệp không chắc,  
Chư Phật đủ ba thân.*

Giải thích: Tụng này hiển thị sự thiết lập các nghiệp rất sâu. Không khác, cũng vô lượng, hiển thị sự an lập rất sâu. Pháp thân chư Phật không sai biệt nên nói không khác. Vô lượng y chỉ hiện đẳng giác nên nói vô lượng. Vô số lượng một nghiệp, hiển thị số rất sâu. Phật tuy vô lượng mà đồng một nghiệp, cho nên rất sâu. Nghiệp chắc, nghiệp không chắc, chư Phật đủ 3 thân, nghĩa là chư Như Lai 3 thân tương ưng. Thụ dụng thân thì sự nghiệp kiên trụ. Biến hóa thân thì nghiệp không kiên trụ. Sự nghiệp như vậy gọi là rất sâu.

Luận nói:

*Hiện đẳng giác phi hữu,  
Tất cả giác phi vô.  
Mỗi một niệm vô lượng,  
Hiện hiện hữu phi hữu.*

Giải thích: Tụng này hiển thị đẳng giác rất sâu. Hiện đẳng giác phi hữu, là pháp Bồ-đặc-già-la là phi hữu. Tất cả giác phi vô, là do lý giả danh nói tất cả Phật hiện đẳng giác. Làm sao biết Phật hiện đẳng chính giác? Là mỗi niệm mỗi niệm có vô lượng Phật, đây hiển thị trong mỗi niệm mỗi niệm có vô lượng Phật hiện đẳng chính giác. Hiện hiện hữu phi hữu, là hiển thị chân như là hữu phi hữu. Chư Phật là hiển thị chân như này.

Luận nói:

*Chẳng nhiễm, chẳng lìa nhiễm,  
Do dục được xuất ly.  
Biết dục là không dục,  
Ngộ nhập dục pháp tính.*

Giải thích: Bài tụng này hiển thị lìa dục rất sâu. Chẳng nhiễm chẳng lìa nhiễm, là tham dục là không, cho nên gọi là chẳng nhiễm. Bởi không nhiễm nên lìa nhiễm cũng không. Sở dĩ vì sao? Tham nhiễm nếu có thì có thể có lìa nhiễm. Nhiễm đã không có, nên không lìa nhiễm. Do dục được xuất ly, là do đề bẹp đoạn dứt tham triền lưu, tham tùy miên nên được cứu cánh xuất ly. Nếu không lưu, tùy miên thì đồng với Thanh Văn v.v... nhập Bát-niết-bàn. Biết dục là không dục, ngộ nhập pháp tính của dục. Hiểu rõ biến kế sở chấp, tham dục, tính không tham dục, tức có thể ngộ nhập chân như của dục pháp.

Luận nói:

*Chư Phật vượt năm uẩn,  
Mà an trụ trong uẩn.  
Với uẩn chẳng một, khác,  
Không xả mà tịch diệt.*

Giải thích: Tụng này hiển thị về đoạn uẩn rất sâu. Chư Phật quá các uẩn mà an trụ trong uẩn, nghĩa là chư Như Lai siêu quá sắc v.v...4 thứ thủ uẩn trụ trong tính pháp vô sở đắc của uẩn. Với kia chẳng một,

khác, là tuy đã xả bỏ các uẩn biến kế sở chấp mà với chúng chẳng phải khác. Bởi an trụ ngay trong pháp tính của chúng nên cũng chẳng phải một. Nếu là một thì biến kế sở chấp phải đồng với pháp tính thành cảnh thanh tịnh. Không bỏ mà rất vắng lặng, nghĩa là không xả bỏ viên thành thật uẩn, tức là khéo hoàn thiện thể Niết-bàn.

Luận nói:

*Chư Phật sự tương hòa,  
Như nước trong biển lớn.  
Ta đã đang sẽ làm,  
Không nghĩ là lợi tha.*

Giải thích: Tụng này hiển thị thành thực rất sâu. Chư Phật sự tương hòa, nghĩa là tất cả sự nghiệp thành thực hữu tình của chư Như Lai thấy đều bình đẳng. Ví dụ như thế nào? Như nước trong biển lớn, là ví như biển lớn nước các dòng sông đều chảy vào làm chỗ thụ dụng cho các loài cá tôm. Chư Phật cũng vậy, đồng nhập pháp giới làm các sự nghiệp hòa hợp không hai, đều vì thành thực sự thụ dụng cho hữu tình. Ta đã đang sẽ làm, nghĩa là trong 3 thời tùy một thời mà làm. Không nghĩ là lợi tha, là không nghĩ rằng ta đã, đang hay sẽ làm việc lợi ích cho người khác. Nhưng không dụng công mà có thể làm tất cả việc lợi ích an lạc hữu tình. Ví như ngọc Mạt-ni, nhạc trời ở thế gian.

Luận nói:

*Có tội thì không thấy,  
Như bình vỡ không trăng.  
Phổ biến khắp thế gian,  
Pháp sáng như mặt trời.*

Giải thích: Tụng này hiển thị hiển hiện rất sâu. Nếu các thế gian không thấy chư Phật mà nói chư Phật thân thường trụ, Phật thân đã thường vì sao không thấy? Chúng sinh có tội nên không hiện như

mặt trăng không hiện trong cái bình vỡ. Bình vỡ không chứa được nước, không có nước thì mặt trăng không hiện ra. Trong thân hữu tình không có nước Xa-ma-tha thì mặt trăng Phật không hiện. Nước dụ cho đấng trì, thể trong nhuận nên biến khắp các thế gian. Do ánh sáng pháp như mặt trời, nghĩa là nay thế gian tuy không thấy Phật hiện, nhưng biến khắp làm các Phật sự. Do khế kinh, kệ tụng v.v... các pháp ví như ánh sáng mặt trời biến khắp thế gian làm các Phật sự thành thực hữu tình.

Luận nói:

*Hoặc hiện Đẳng chính giác,  
Hoặc Niết-bàn như lửa.  
Đây chưa từng chẳng có,  
Vì Phật thân thường trú.*

Giải thích: Tụng này hiển thị việc thị hiện Đẳng chính giác Niết-bàn là rất sâu. Hoặc hiện Đẳng chính giác, hoặc Niết-bàn như lửa, nghĩa là chư Như Lai hoặc hiện thành Phật, hoặc hiện Niết-bàn, việc ấy như lửa có lúc thiêu đốt, có lúc diệt tắt. Chư Phật cũng vậy, hoặc đối với các loại hữu tình chưa thuần thực thì hiện Bát-niết-bàn, hoặc đối với các loại hữu tình đã thuần thực thì hiện thành Phật quả, vì muốn khiến chúng được giải thoát. Ví như một ngọn lửa tính không sai biệt. Pháp thân cũng vậy phải biết là chỉ có một. Còn nửa tụng vẫn nghĩa dễ hiểu.

Luận nói:

*Như Lai đối việc ác,  
Trong cõi người, nẻo ác,  
Các pháp phi phạm hạnh,  
Trụ tự thể tối thắng.*

Giải thích: Tụng này hiển thị trụ rất sâu. Phật đối với pháp phi Thánh, trong cõi người, nẻo ác, trong pháp phi Phạm hạnh, trụ tự

thể tối thắng. Tối thắng trụ do Thánh trụ v.v... mà an trụ. Trong đây Thánh trụ, nghĩa là trụ không v.v... Thiên trụ, nghĩa là trụ các tinh lự. Phạm trụ, nghĩa là từ v.v... vô lượng trụ. Pháp phi Thánh, nghĩa là pháp bất thiện. Trong đó Phật trụ nơi không trụ v.v... Do đó không v.v... là nơi Thánh trụ, nên gọi là Thánh trụ. Cõi người và nẻo ác, nghĩa là duyên nơi đó hữu tình trụ. Các tinh lự sở trụ, gọi là Thiên trụ. Pháp phi Phạm hạnh, nghĩa là nơi pháp ấy trụ từ bi v.v... 4 thứ Phạm trụ. Trụ tự thể tối thắng, nghĩa là do tự thể tối thắng như vậy trụ tối thắng trụ. Đây hiển thị chư Phật trong các trụ an trụ nơi tự thể tối thắng.

Luận nói:

*Phật biến hành khắp nơi,  
Cũng không đến nơi nào.  
Trong tất cả, hiện thân,  
Chẳng phải tướng sáu căn.*

Giải thích: Tụng này hiển thị tự thể rất sâu. Phật biến hành khắp nơi, cũng không đến một nơi nào, nghĩa là trí hậu đắc trong thiện, bất thiện và vô ký phân biệt mà chuyển. Trí vô phân biệt thì không đi đến một nơi nào. Nghĩa thứ hai, là biến hóa thân thì biến hành khắp nơi, còn hai thân kia thì không đi đến một nơi nào. Hiện thân ở khắp nơi, tức biến hóa thân biến khắp mọi nơi đều có thể thấy. Chẳng phải tướng 6 căn đi, tức biến hóa thân vì muốn hóa độ chúng Na-lạc-ca v.v... hiện sinh nơi ấy. Khi thụ sinh Na-lạc-ca v.v... hữu tình thấy hóa thân không thấy được như thật, không thể biết là hóa thân, chỉ gọi đó là Na-lạc-ca v.v... Cho nên hóa thân chắc chắn không phải tướng 6 căn của Na-lạc-ca v.v...

Luận nói:

*Phiền não đẹp không diệt,  
Như bị chú độc hại.*

*Lưu hoặc đến hoặc tận,  
Chứng Phật nhất thiết trí.*

Giải thích: Tụng này hiển thị đoạn phiền não rất sâu. Phiền não đẹp không diệt như bị chú độc hại, là trong địa vị Bồ-tát đẹp trừ sự trói buộc của phiền não, chưa diệt phiền não vì có tùy miên. Ví như súc các chú độc làm hại, thể tuy tồn tại mà không bị hại. Phiền não cũng vậy, vì trí hiểu biết nên thể tuy tồn tại mà không bị hại. Lưu hoặc cho đến hoặc tận, là bởi lưu tùy miên các phiền não nên không như Thanh Văn mau Bát-niết-bàn được cứu cánh hết các phiền não. Chứng nhất thiết trí của Phật, là khi phiền não hết, chứng được nhất thiết trí.

Luận nói:

*Phiền não thành giác phần,  
Sinh tử là Niết-bàn.  
Đủ các phương tiện lớn,  
Chư Phật bất tư nghị.*

Giải thích: Tụng này hiển thị sự không thể nghĩ bàn rất sâu. Nghĩa là các Bồ-tát đủ phương tiện lớn, phiền não tập để chuyển thành giác phần, sinh tử khổ để tức là Niết-bàn. Tất cả Thánh giáo của Phật như trước đã nói như vậy. Vì 3 nhân duyên nên không thể nghĩ bàn, vì tự nội chứng.

Luận nói: Nên biết như đã nói, có 12 thứ rất sâu, tức là sự sâu xa về sinh trụ, nghiệp trụ, về an lập số nghiệp, về đẳng giác, về ly dục, về đoạn uẩn, về thành thực, về hiển hiện, về thị hiện đẳng giác Niết-bàn, về trụ, về hiển thị tự thể, về đoạn phiền não, về bất khả tư nghị.

Giải thích: Mười hai thứ này đều khó hiểu nên gọi là rất sâu. Mỗi mỗi có tướng riêng như trước đã nói.

Luận nói:

Nếu các Bồ-tát nghĩ nhớ pháp thân Phật thì có bao nhiêu sự tu niệm nghĩ nhớ?

Lược nói sự nghĩ nhớ pháp thân Phật có 7 điều phải nghĩ nhớ. Một là phải nghĩ nhớ rằng chư Phật hoàn toàn tự tại đối với tất cả các pháp, vì được thân thông vô ngại trong tất cả thế giới. Ở đây có bài tụng như sau:

*Khấp các cõi hữu tình,  
Đủ chướng mà thiếu nhân,  
Hai thứ quyết định chuyển,  
Chư Phật không tự tại.*

Hai là phải nghĩ nhớ rằng thân Như Lai thường trú, vì chân thân không gián đoạn giải thoát cấu uế. Ba là phải nghĩ nhớ rằng Như lai là tối thắng, không tội lỗi, vì đều đã lìa khỏi mọi trói buộc của tất cả chướng phiền não và sở tri. Bốn là phải nghĩ nhớ rằng Như Lai không dụng công, vì không có dụng công mà làm tất cả Phật sự không thôi nghỉ. Năm là phải nghĩ nhớ rằng Như Lai thụ dụng rất phong phú an lạc, vì cõi Phật thanh tịnh phong phú an lạc. Sáu là phải nghĩ nhớ rằng Như Lai lìa các nhiệm ô, vì sinh trong thế gian không bị các pháp thế gian ô nhiễm. Bảy là phải nghĩ nhớ rằng Như Lai có thể hoàn thành việc lớn, vì thị hiện chứng đẳng chính giác, Niết-bàn v.v...tất cả chúng sinh chưa thành thực thì khiến thành thực, đã thành thực thì khiến được giải thoát. Ở đây có 2 bài tụng như sau:

*Viên mãn thuộc tự tâm,  
Thanh tịnh và thường trú,  
Không dụng công mà thí  
Pháp lạc cho hữu tình.  
Trải khắp không dừng trụ,  
Bình đẳng lợi nhiều đời,  
Người trí nên nghĩ nhớ,  
Pháp thân Phật như vậy.*



Giải thích: Nay sẽ nói rõ nếu các Bồ-tát nghĩ nhớ pháp thân Phật thì phải do 7 thứ nghĩ nhớ mà tu niệm. Trong tất cả pháp được tự tại chuyển, là do được thần thông trong tất cả pháp được tự tại mà chuyển. Bởi chư Như Lai trong tất cả thế giới được thần thông vô ngại, không phải còn chướng ngại như Thanh Văn v.v... Nếu chư Như Lai trong tất cả pháp được tự tại mà chuyển, vì sao tất cả loại hữu tình không được Niết-bàn? Vì vậy nay một tụng nói rõ do nhân này các loài hữu tình không thể chứng đắc cứu cánh Niết-bàn. Giới hữu tình biến khắp, đủ chướng mà thiếu nhân, nghĩa là các hữu tình có nghiệp v.v... các chướng nên gọi là đủ chướng. Do đủ các chướng nên tuy vô lượng Phật xuất hiện thế gian mà không thể khiến chúng được Bát-niết-bàn. Chư Phật không có tự tại đối với chúng. Các hữu tình không có pháp Niết-bàn thì gọi là thiếu nhân. Do ý này gọi chúng là không nhân Niết-bàn, không chủng tính, nên chư Phật đối với chúng không có tự tại. Hai thứ quyết định chuyển, là quyết định có 2 thứ: một là tác nghiệp quyết định, hai là thụ dị thực quyết định. Phải biết trong đây nói quyết định, nghĩa là chư Phật trong 2 quyết định này không có tự tại. Các thân ngoan ngu, gọi là dị thực chướng quyết định. Sẽ đọa Na-lạc-ca v.v..., gọi là thụ dị thực quyết định. Phải biết rằng thân Như Lai thường trú trong hai thứ sai biệt này. Chân như không gián đoạn giải thoát cấu uế, nghĩa là lý chân như không gián đoạn giải thoát tất cả chướng cấu hiển thành pháp thân. Cho nên thân Như Lai thường trú. Như lai thụ đại phú lạc, là cõi Phật thanh tịnh của Như Lai gọi là đại phú lạc. Như Lai có thể thành việc lớn, nghĩa là Như Lai hiện Đẳng chính giác, Bát-niết-bàn v.v... hoàn thành nghĩa lợi lớn, người đã thành thực khiến được giải thoát. Người chưa thành thực khiến được thành thực. Ngoài ra như tu niệm Phật v.v... nghĩa dễ hiểu.

Lại nữa dùng 2 tụng giải thích 7 thứ niệm Phật. Trong tụng này nói rõ chư Phật có 7 thứ viên mãn khiến tu niệm Phật. Nghĩa là các Bồ-tát đầu tiên niệm Như Lai tùy thuộc tự tâm viên mãn. Tiếp niệm

thân Như Lai thường trú viên mãn. Tiếp niệm Như Lai đầy đủ thanh tịnh thiện viên mãn. Tức là tối thắng không tội lỗi. Tiếp niệm Như Lai vô công dụng viên mãn. Nghĩa là làm Phật sự không dụng công. Tiếp niệm Như Lai thí đại pháp lạc viên mãn. Nên biết đó là thụ đại pháp lạc ở cõi Phật thanh tịnh. Tiếp niệm Như Lai lìa các nhiễm ô viên mãn. Tức là biến hành, không chỗ y chỉ. Nếu có sở y mà biến hành tức có khổ nạn. Do không sở y mà biến hành nên Phật thường không khổ, lìa nhiễm biến hành. Sau niệm Như Lai bình đẳng đa lợi viên mãn. Tức là niệm Phật có thể thành được việc lớn, vì thành thực giải thoát các hữu tình.

Luận nói: Lại nữa, tướng cõi Phật thanh tịnh của chư Phật như thế nào?

Nên biết như Phẩm tựa của Bồ-tát Tạng Bách Thiên Khế Kinh có nói như sau:

Phật Thế Tôn ở cung điện 7 báu trang nghiêm rực rỡ sáng chói khắp nơi, phóng ánh sáng lớn chiếu khắp vô biên thế giới, vô lượng cõi trang sức vi diệu, chu vi rộng lớn không ước lượng đến đâu là biên giới, vượt quá ba cõi nơi được tạo thành bởi thiện căn xuất thế gian, thanh tịnh tự tại cùng cực của duy thức làm tướng. Đó là nơi Như Lai đặt làm trụ xứ cho chúng Đại Bồ-tát vân tập. Là nơi có vô lượng rồng trời, Dược-xoa, Kiên-đạt-phước, A-tố-lạc, Yết-lộ-đồ, Khẩn-nại-lạc, Mạc-hô-lạc-già, người, phi nhân v.v... tùy tùng, hành trì hỷ lạc đại pháp vị. Là nơi tạo tất cả nghĩa lợi cho chúng sinh, nơi dẹp trừ tất cả phiền não tai ương, nơi trang nghiêm xa lìa các ma, nơi sở y trang nghiêm của Như Lai, nơi lấy đại niệm tuệ hạnh làm đường đi, lấy đại chỉ quán làm thừa giáo, lấy đại không, vô tướng, vô nguyện, giải thoát làm cửa vào, nơi được trang nghiêm bằng vô lượng công đức nhóm hợp, nơi do Đại Bảo Hoa vương thiết lập. Trong cung điện lớn Thế Tôn thị hiện cõi Phật thanh tịnh, hiển sắc viên mãn, hình sắc viên mãn, phân lượng viên mãn, phương hướng

viên mãn, nhân viên mãn, quả viên mãn, chủ viên mãn, phụ tá viên mãn, quyền thuộc viên mãn, trụ trì viên mãn, sự nghiệp viên mãn, nhiếp ích viên mãn, vô úy viên mãn, trụ xứ viên mãn, đường sá viên mãn, phương tiện di chuyển viên mãn, cửa vào viên mãn, y cứ gìn giữ viên mãn.

Lại nữa sự thụ dụng cõi Phật thanh tịnh như thế, hoàn toàn thanh tịnh vi diệu, hoàn toàn an vui, hoàn toàn không tội lỗi, hoàn toàn tự tại.

Giải thích: Như trong Phạm tụng Kinh Bồ-tát Tạng Bách Thiên Tụng nói về cõi Phật thanh tịnh. Cõi Phật thanh tịnh này hiển thị những công đức thù thắng gì? Nghĩa là 2 câu đầu hiển thị cõi Phật thanh tịnh, hiển thị sắc viên mãn. Nói 7 báu là một vàng, hai bạc, ba lưu ly, bốn Mâu-ta-lạc, năm Át-thấp-ma-yết-bà, nêu lên các thứ này tức biết các thứ báu như Mạt-la-yết-đa v.v..., sáu chân châu đỏ, chân châu đỏ này sản sinh từ một loài vật, vượt trội hơn tất cả báu khác, bảy Yết-kê-đát-nặc-ca. Phóng ánh sáng lớn chiếu khắp vô biên thế giới, nghĩa là trước nói các bảy báu phát ra ánh sáng lớn. Hai câu trên này đều đồng hiển thị sắc viên mãn. Tiếp theo có một câu hiển thị hình sắc viên mãn. Tiếp đến có một câu hiển thị phần lượng viên mãn. Tiếp đến có một câu hiển thị phương sở viên mãn. Tiếp đến có một câu hiển thị nhân viên mãn. Đây là nhân gì? Là trí vô phân biệt và trí hậu đắc xuất thế gian. Trí hậu đắc này gọi là thắng. Trí này được sau nên từ đó sinh khởi 2 thứ thiện căn, tức thiện căn này gọi là nhân viên mãn. Tiếp đến có một câu hiển thị quả viên mãn. Nghĩa là cõi Phật thanh tịnh lấy tịnh thức tự tại cùng cực làm tướng. Tiếp đến có một câu hiển thị phụ dực viên mãn. Tiếp đến có một câu hiển thị quyền thuộc viên mãn. Trước đã nêu lên loài rồng, nay nêu lên loài Mạc-hô-lạc-già để thống trị loài trần lớn. Tiếp đến có một câu hiển thị nhiệm trì viên mãn. Tức là việc ăn uống. Tiếp đến có một câu hiển thị sự nghiệp viên mãn. Nghĩa

là thụ dụng thức ăn này để làm tất cả việc nghĩa lợi cho các chúng sinh. Tiếp đến có một câu hiển thị nhiếp ích viên mãn. Vì trong cõi tịnh độ lia các phiền não, không có các khổ. Tiếp đến có một câu hiển thị vô úy viên mãn. Nếu ở đâu không có oán thì không có sợ hãi. Oán là 4 thứ ma. Trong cõi tịnh độ này đều không có các phiền não ma, uẩn ma, tử ma cho đến Thiên ma, cho nên không sợ hãi. Tiếp đến có một câu hiển thị nơi ở viên mãn. Tiếp đến có một câu hiển thị đường sá viên mãn. Do con đường nào vào cõi Phật thanh tịnh này? Đó là con đường văn tư tu tuệ trong Đại thừa và tuần tự là thực hành Đại niệm tuệ làm đường đi vào. Tiếp đến có một câu hiển thị cỗ xe viên mãn. Đó là cỗ xe Xa-ma-tha, Tì-bát-xá-na mà đi đến. Tiếp đến có một câu hiển thị cửa ngõ viên mãn. Nghĩa là cõi tịnh độ này do cửa ngõ nào vào? Đại không, vô tướng, vô nguyên, giải thoát là cửa ngõ vào. Tiếp đến có một câu hiển thị y trì viên mãn. Như đại địa dựa vào phong luân mà trụ. Cõi Phật thanh tịnh này được cái gì duy trì. Được trang nghiêm các công đức vô lượng, được xây dựng bằng hoa sen đỏ lớn, mọi thụ dụng nơi cõi Phật thanh tịnh này hoàn toàn thanh tịnh vi diệu. Nghĩa là trong cõi tịnh độ không có vật bất tịnh ô uế. Hoàn toàn an lạc, nghĩa là trong cõi tịnh độ chỉ có lạc thụ, không có khổ thụ hay vô ký thụ. Hoàn toàn không có tội lỗi, nghĩa là trong cõi tịnh độ không có pháp bất thiện, cũng không có vô ký. Hoàn toàn tự tại, nghĩa là trong cõi tịnh độ không dợi ngoại duyên, mọi sự đều tùy tự tâm mong muốn.

Luận nói: Lại nữa nên biết pháp giới chư Phật như vậy, trong mọi thời thường làm 5 sự nghiệp:

Một là cứu vớt tất cả tai họa cho chúng sinh làm sự nghiệp. Chỉ trông thấy được là có thể cứu các tai họa như mù lòa, câm điếc, điên dại v.v...

Hai là cứu vớt đường dữ làm sự nghiệp. Cứu vớt các hữu tình ra khỏi chỗ hung dữ đưa đến nơi an lành.

Ba là cứu vớt những hành vi phi phương tiện làm sự nghiệp. Khiến các ngoại đạo bỏ phương tiện phi pháp, cầu hạnh giải thoát, đặt họ vào trong thánh giáo của Như Lai.

Bốn cứu vớt các Tát-ca-da làm sự nghiệp. Trao cho phương tiện đạo siêu thoát ba cõi.

Năm là cứu vớt bằng thừa giáo làm sự nghiệp. Nghĩa là như Bồ-tát có ý muốn nghiêng về một thừa khác, hay Thanh Văn chưa quyết định chủng tính, thì an lập họ vào con đường tu hạnh Đại thừa. Phải biết đối với 5 sự nghiệp này, nghiệp dụng của chư Phật đều bình đẳng. Ở đây có bài tụng như sau:

*Nhân, y, sự, tính, hành,  
Khác nhau nên nghiệp khác.  
Thế gian thì có khác,  
Chư Phật thì bình đẳng.*

Giải thích: Phải biết pháp giới chư Phật trong tất cả mọi thời gian có thể làm 5 sự nghiệp, nghĩa là pháp thân Phật hằng làm 5 sự nghiệp. Cứu giúp tai họa tất cả hữu tình làm sự nghiệp v.v..., nghĩa là mù lòa câm điếc v.v... chỉ thấy Phật liền được sáng mắt v.v... Cứu giúp nẻo ác làm nghiệp v.v..., nghĩa là cứu vớt nơi ác đem về nơi thiện, gọi là cứu nẻo ác. Cứu vớt các Tát-ca-da làm sự nghiệp, nghĩa là vì thế gian nói có thể siêu xuất Thánh đạo 3 cõi. Tức nói 3 cõi là Tát-ca-da. Còn nghĩa 2 câu có thể hiểu. Năm sự nghiệp này là sự nghiệp bình đẳng của chư Phật. Trong nghĩa này, lại nói một bài tụng là nhân, y v.v... Do nhân duyên đó, tất cả Như Lai sự nghiệp bình đẳng. Tất cả thế gian nghiệp không bình đẳng. Dùng một Giả-tha tổng lược hiển thị các nhân sai biệt của thế gian. Cho nên nghiệp khác nhau, nghĩa là thế gian do nhân khác mà sinh Na-lạc-ca, do nhân khác mà sinh cõi trời, do nhân khác sinh làm người cho đến ngựa quỳ. Do nhân khác nên nghiệp có khác. Thế gian y chỉ khác nên nghiệp khác, tức y chỉ là thân thể. Do y chỉ khác nên nghiệp có khác.

Thế gian sự khác nên nghiệp khác, nghĩa là các nghề nghiệp khác biệt của thế gian như làm thương mại hay kinh doanh nông nghiệp. Các sự vụ khác nhau nên nghiệp có khác. Thế gian tính khác nhau nên nghiệp khác nhau, nghĩa là tính là ý thú, ý thú khác nên nghiệp có khác. Thế gian hành động ra làm khác cho nên nghiệp khác, tức là do hành nghiệp có khác nhau nên nghiệp có khác. Tác nghiệp của chư Phật đều không dụng công, tất cả nhân bình đẳng không có sức sai khác. Vì vậy đạo sư không có nghiệp khác.

Luận nói: Nếu công đức này viên mãn tương ưng, pháp thân chư Phật không chung với Thanh Văn thừa, Độc Giác thừa, vậy vì ý gì Phật nói Nhất thừa? Ở đây có 2 bài tụng như sau:

*Để dẫn dắt một loại,  
Và giữ gìn số khác,  
Do chủng tính bất định,  
Nên Phật nói Nhất thừa.  
Pháp, vô ngã, giải thoát,  
Đồng đẳng, tính không đồng,  
Đắc, 2 ý lạc, hóa,  
Cứu cánh nói Nhất thừa.*

Giải thích: Trong đây 2 bài tụng nói về ý thú Phật nói Nhất thừa. Để dẫn dắt một loại, nghĩa là dẫn dắt các Thanh Văn có chủng tính bất định v.v... khiến hướng đến Đại thừa. Làm sao khiến các Thanh Văn có chủng tính bất định v.v... đều do Đại thừa mà Bát-niết-bàn? Và giữ gìn số khác, là để giữ gìn chúng Bồ-tát có chủng tính bất định khiến an trụ Đại thừa. Làm sao khiến các Bồ-tát có chủng tính bất định không bỏ Đại thừa chớ ở Thanh Văn thừa mà Bát-niết-bàn? Vì nghĩa đó Phật nói Nhất thừa. Do nghĩa các câu nói về bất định nên đã nói pháp, vô ngã và giải thoát, cho đến nói rộng. Lại nữa trong đây do ý thú khác chỉ nói Nhất thừa. Ý thú khác thế nào? Là pháp đồng đẳng. Pháp là chân như, các Thanh Văn v.v...

đều đồng một chỗ hướng về. Vì bình đẳng chỗ hướng về nên nói Nhất thừa. Là vô ngã, nghĩa là Thanh Văn v.v... Bồ-đặc-già-la đều không có ngã. Do vô ngã nên phân biệt đây là Thanh Văn đây là Bồ-tát là không đúng đạo lý. Do ý thú vô ngã này là bình đẳng nên nói Nhất thừa. Là giải thoát, nghĩa là Thanh Văn v.v... đối với phiền não chướng đồng được giải thoát nên nói Nhất thừa. Như Thế Tôn nói: Giải thoát với giải thoát không có sai biệt. Nói vì tính không đồng, tức là chủng tính khác nhau. Bởi các Thanh Văn có tính bất định cũng sẽ thành Phật, do ý thú này nên nói Nhất thừa. Được 2 ý lạc, đó là: Một là nhiếp thủ bình đẳng ý lạc. Do đây nhiếp thủ tất cả hữu tình. Nói chúng tức là ta, ta tức là chúng. Nhiếp thủ như vậy rồi, mình đã thành Phật thì chúng cũng thành Phật. Do ý thú này nên nói Nhất thừa. Hai là pháp tính bình đẳng ý lạc. Tức các Thanh Văn nghe trong hội Pháp Hoa được Phật thụ ký được pháp tính bình đẳng ý lạc của Phật, chưa được pháp thân. Do được bình đẳng ý lạc như vậy tự nghĩ rằng pháp tính chư Phật tức pháp tính của ta. Lại có nghĩa khác là trong chúng ấy có các Bồ-tát, tên cũng đồng như chúng, mong Phật thụ ký. Do pháp này như bình đẳng ý lạc nên nói Nhất thừa. Nói hóa, tức là Phật hóa làm Thanh Văn thừa v.v... Như Thế Tôn nói: Ta nhớ xưa kia vô lượng trăm lần trở lại y vào Thanh Văn thừa mà Bát-niết-bàn. Do ý thú này nên nói Nhất thừa. Bởi Thanh Văn thừa hóa độ hữu tình do thấy đây mà được Bát-niết-bàn, cho nên hiện hóa cứu cánh này. Chỉ Nhất thừa này là cứu cánh. Ngoài ra không có thừa nào hơn. Thanh Văn thừa v.v... còn có thừa khác thắng hơn là Phật thừa. Do ý thú này, chư Phật Thế Tôn tuyên thuyết Nhất thừa.

Luận nói: Như vậy chư Phật đồng một pháp thân, vì sao có nhiều Phật? Ở đây có bài tụng như sau:

*Một cõi không 2 Phật,  
Đồng thời nhiều chứng thành.*

*Lần lượt chuyển, phi lý,  
Nên thành có nhiều Phật.*

Giải thích: Nay sẽ nói rõ do nhân duyên này nên biết chư Phật tuy đồng pháp thân mà thành một hoặc thành nhiều. Nên biết một, là vì đồng pháp giới. Chư Phật đều đồng pháp giới làm thể. Pháp giới một nên biết Phật là một. Lại nữa một Phật, là bởi trong một thời trong một thể giới không có 2 Phật xuất thể nên biết một Phật. Lại nữa trong Già-tha nói chư Phật hoặc một hoặc nhiều. Trong một cõi không có hai, câu này là nói duy nhất có một Phật. Trong một thể giới không có hai Phật đồng thời xuất hiện. Cho nên nói chỉ có một Phật. Các câu khác nói có nhiều Phật. Đồng thời nhiều chứng thành, nghĩa là đồng một lúc có vô lượng Bồ-tát viên mãn tư lương. Nếu các Bồ-tát đồng thời viên mãn phúc trí tư lương của mình mà không thành Phật thì tư lương ấy thành trống không, không có quả. Nhiều Bồ-tát tu tập tư lương đồng thời viên mãn, cho nên biết đồng thời có nhiều Phật. Nói tuần tự chuyển là phi lý, tức là không có nghĩa lần lượt chuyển thành Phật. Nếu các Bồ-tát khi tu tư lương, quán sát chờ đợi lần lượt trước sau thành tựu viên mãn thì có thể được thành Phật theo thứ tự trước sau. Nhưng các Bồ-tát khi tu tư lương không đợi lần lượt trước sau thành tựu viên mãn, cho nên khi thành Phật cũng không có nghĩa thứ tự lần lượt trước sau. Cho nên đồng thời có nhiều Phật.

Luận nói: Làm sao biết trong pháp thân Phật chẳng phải rốt ráo nhập Niết-bàn, cũng chẳng phải rốt ráo chẳng nhập Niết-bàn? Ở đây có bài tụng như sau:

*Tất cả chướng thoát hết,  
Việc làm không kết thúc,  
Rốt ráo nhập Niết-bàn.  
Rốt ráo chẳng Niết-bàn.*

Giải thích: Có các bộ nói chư Phật không có rốt ráo Niết-bàn. Lại có người Thanh Văn thừa ở bộ khác nói chư Phật có rốt ráo Niết-



bàn. Trong tụng này hiển thị cả hai ý. Thoát tất cả chướng, là do Phật giải thoát hết tất cả phiền não sở tri chướng nên y theo ý này nói chư Phật rốt ráo Niết-bàn. Việc làm không kết thúc, là do Phật đối với tất cả hữu tình chưa thành thực thì khiến cho thành thực, đã thành thực thì khiến được giải thoát. Vì vậy việc phải làm này không có thời kỳ kết thúc. Cho nên Phật không rốt ráo nhập Niết-bàn. Nếu khác đây tức phải như Thanh Văn rốt ráo Niết-bàn. Như vậy là bản nguyện không có kết quả.

Luận nói: Vì sao thụ dụng thân chẳng phải tự tính thân?

Vi có 6 nguyên nhân: 1. Do sắc thân có thể trông thấy. 2. Do có thể thấy trong vô lượng Phật chúng hội khác nhau. 3. Do tùy thắng giải mà tự tính bất định có thể thấy. 4. Do riêng biệt có thể thấy, tự tính biến động có thể thấy. 5. Trong các đại tập hội gồm Bồ-tát, Thanh Văn, chư thiên v.v..nhiều tướng khác nhau họp lại, nên có thể thấy. 6. Do sự chuyển y phi lý của thức A-lê-da với các chuyển thức nên có thể thấy. Thụ dụng thân của Phật mà thành tự tính thân là không đúng lý.

Giải thích: Nay sẽ nói rõ thụ dụng thân của Phật tức tự tính thân là không đúng lý. Vì sắc thân có thể thấy. Thụ dụng thân của Phật là sắc thân có thể thấy, chẳng phải là pháp thân. Do sự phi lý này nên thụ dụng thân chẳng phải tức là pháp thân. Lại nữa thụ dụng thân của Phật có được chúng hội sai biệt, pháp thân không có sai biệt như vậy. Do đây phi lý cho nên thụ dụng thân chẳng phải tự tính thân. Lại thụ dụng thân tùy thắng giải thấy, như khế kinh nói. Hoặc thấy Phật thân chỉ có màu vàng, hoặc thấy Phật thân chỉ có màu xanh, nói rộng như vậy. Nếu thụ dụng thân tức tự tính thân thì tự tính thân này phải là thể không nhất định. Không nhất định mà gọi là tự tính thân thì không hợp lý. Do phi lý này thụ dụng thân chẳng phải tự tính thân. Lại thụ dụng thân một loại hữu tình trước thấy khác biệt, tức sau lại thấy khác biệt, chẳng phải pháp thân Phật tự tính biến động. Do phi

lý này nên thụ dụng thân chẳng phải tự tính thân. Lại thụ dụng thân có các chư thiên v.v...thường xen lẫn trong các chúng hội, chẳng phải tự tính thân có sự xen lẫn này. Do phi lý này nên thụ dụng thân chẳng phải tự tính thân. Lại nữa chuyển thức A-lại-da được tự tính thân. Nếu thụ dụng thân tức tự tính thân thì chuyển các chuyển thức sẽ được thân gì? Do phi lý này nên thụ dụng thân chẳng phải tự tính thân. Do 6 nhân không hợp lý này mà hai thân không thành một.

Luận nói: Vì nguyên nhân nào biến hóa thân không là tự tính thân?

Vì 8 nguyên nhân: Chư Bồ-tát từ xa xưa đã được định không thoái chuyển nên thụ sinh nơi trời Đổ-sử-đa và sinh trong cõi người thì không đúng lý. Lại các Bồ-tát từ xa xưa hằng nhớ đời trước, vậy văn chương tính toán kỹ nghệ v.v...cũng như hưởng thụ trần dục mà Bồ-tát không biết là không đúng lý. Lại các Bồ-tát từ xa xưa đã biết các giáo pháp đâu là ác thuyết đâu là thiện thuyết, vậy mà còn đến theo học ngoại đạo là không đúng lý. Các Bồ-tát từ xa xưa đến nay đã thông suốt chính lý Thánh đạo ba thừa mà tu tà khổ hạnh là không đúng lý. Các Bồ-tát bỏ trăm câu-chi các Thiệm-bộ châu, mà chỉ ở một chỗ thành Đẳng chính giác, chuyển chính pháp luân là không hợp lý. Nếu tách rời phương tiện thị hiện thành chính giác, chỉ dùng hóa thân làm Phật sự ở phương khác, vậy thì nên thành chính giác trên trời Đổ-sử-đa, sao lại không? Nếu không như vậy thì tại sao Phật không đồng thời xuất hiện bình đẳng trong tất cả Thiệm-bộ châu?

Nếu không xuất hiện thì không có giáo không có lý. Tuy có nhiều hóa thân mà không trái với câu nói không có 2 Như Lai cùng xuất hiện trong một thế giới. Như 2 Chuyển luân vương không cùng xuất hiện, bởi 4 châu là một thế giới. Ở đây có bài kệ nói như sau:

*Phật vi tế hóa thân,  
Đa nhập thai cùng lúc.  
Thị hiện Nhất thiết chủng,  
Thành đạo, chuyển pháp luân.*

Vì muốn lợi lạc tất cả hữu tình mà phát nguyện tu hành, chúng Đại Bồ-đề rồi rốt ráo Niết-bàn là không đúng lý, vì có lỗi không thành hạnh nguyện.

Giải thích: Nay sẽ nói rõ biến hóa thân của Phật tức tự tính thân là không đúng lý. Vì 8 nguyên nhân. Trong đây không đúng lý trước hết là các Bồ-tát từ xa xưa đến nay đã vô lượng kiếp được định bất thoái, còn không phải sinh trời Đô-sử-đa hưởng chi sinh trong loài người. Nhưng hiện thụ sinh thế gian này, đó là biến hóa thân chẳng phải tự tính thân. Lại các Bồ-tát từ xa xưa đến nay thường nhớ đến túc mạng mà đối với sử sách tính toán không biết là không đúng lý, chỉ vì điều phục các hữu tình nên hóa ra việc như vậy. Lại các Bồ-tát 3 vô số kiếp siêng tu phúc tuệ mà không biết các thuyết thiện ác, tà tập khổ hạnh, đến thân sau cùng khi chúng Bồ-đề làm sao đốn ngộ? Do đạo lý này đó là biến hóa thân chẳng phải tự tính thân. Lại các Bồ-tát bỏ trăm câu-chi các Thiệm-bộ châu, chỉ ở một nơi thành Đẳng chính giác chuyển bánh xe chính pháp là không đúng đạo lý. Nếu biến hóa thân biến khắp các nơi đồng thời hóa hiện mới đúng đạo lý. Cho nên biến hóa thân chẳng phải tự tính thân. Nếu các bộ phái khác chấp như thế này: Phật chỉ một nơi thật chứng đẳng giác, còn các phương khác là thị hiện thí làm Phật sự. Nếu vậy sao chẳng chỉ ở trời Đô-sử-đa thật chứng đẳng giác rồi biến khắp 4 Đại châu thị hiện hóa thân thí tác Phật sự lại ở tất cả 4 Đại châu không hiện đẳng giác? Không giáo, không lý nên không nên nói. Trong cõi Phật này có 4 châu đều không hiện thành Phật, nếu nói dẫu có việc như vậy thì trái với kệ kinh. Cho nên trong kinh nói không có hai Như Lai đồng thời xuất hiện. Nên biết việc này trong kinh nói đồng với Chuyển luân vương. Như nói không có hai Chuyển luân vương sinh đồng thời. Dựa vào một 4 châu không phải một cõi Phật. Phải biết không có hai Như Lai đồng thời xuất hiện cũng như vậy. Trong đây ý nói một 4 Đại châu là một thế giới. nay lại dùng tụng hiện thị chư Phật hóa hiện đẳng

giác. Phật vi tế hóa thân v.v..., là nếu bấy giờ Phật hiện an trụ trời Đổ-sử-đa, thị hiện xuống đầu vào thai mẹ v.v..., tức ngay khi ấy hóa làm Tôn giả Xá-lợi tử v.v... vô lượng quyền thuộc cũng hiện nhập thai, xuất sinh v.v... lập ra biến hóa quyền thuộc như vậy, phải biết là hiển thị nhất thiết chủng, giác, Phật sự thù thắng. Nay sẽ nói rõ Như Lai rốt ráo nhập Bát-niết-bàn là không đúng đạo lý, nghĩa là vì hóa độ tất cả hữu tình, trước phát Đại nguyện và tu Đại hạnh, thường tự thề rằng: Ta phải siêng tu chính hạnh làm lợi lạc tất cả hữu tình. Nếu vừa mới thành Phật đã liền Bát-niết-bàn, thì chỗ tu nguyện hạnh không có quả. Do phi lý này nên biến hóa thân chẳng phải tự tính thân.

Luận nói: Thụ dụng thân và biến hóa thân của Phật đã là vô thường thì vì sao kinh nói thân Như Lai là thường?

Vì chỗ sở y của 2 thân này là pháp thân, mà pháp thân là thường. Lại nữa chẳng lưu thân và biến hóa thân vì thường thụ dụng không ngưng nghỉ nên thường thường hóa hiện không vĩnh viễn tuyệt dứt, như thường thụ an lạc, như thường thí thực. Phải biết thân Như Lai là thường, cũng nghĩa như vậy.

Giải thích: Kinh nói thân Như Lai thường trú. Thụ dụng thân và biến hóa thân của Phật đều là vô thường. Thế nào là thân thường? Cho nên tiếp theo thành lập nghĩa thường của hai thân. Nghĩa là hai thân y trụ vào pháp thân. Pháp thân thường, nên cũng nói là thường. Lại thụ dụng thân thụ dụng không bỏ nên nói là thường. Còn biến hóa thân hằng hiện đẳng giác Bát-niết-bàn v.v... liên tục không dứt nên cũng nói là thường. Lại dùng thí dụ làm rõ hai thân này là nghĩa thường trú. Như thế gian nói thường thụ lạc. Tuy chỗ thụ lạc chẳng phải chỉ không gián đoạn mà được nói đây thường thụ lạc. Lại như thế gian nói thường thí thực, chẳng phải thí thực này hằng không gián đoạn mà được nói đây thường thí thực. Phải biết nghĩa thường của hai thân cũng vậy.

Luận nói: Do 6 nguyên nhân mà hóa thân chư Phật Thế Tôn không rốt ráo vĩnh trụ: 1. Vì việc làm đã hoàn tất, bởi đã thành thực giải thoát chúng sinh. 2. Vì muốn xả bỏ không ưa Niết-bàn muốn cầu thân Như Lai thường trú. 3. Vì muốn người trừ bỏ tâm khinh mạn đối với chư Phật, khiến ngộ chính pháp sâu xa. 4. Vì khiến đối với Phật sinh tâm khát ngưỡng sâu xa, nếu thường thấy sẽ sinh chán. 5. Khiến tự thân siêng năng tinh tiến, biết người nói chính pháp là rất khó gặp. 6. Vì muốn các hữu tình mau chóng thành thực, khiến tự tinh tiến không bỏ gánh nặng. Ở đây có 2 bài tụng như sau:

*Do việc làm đã xong,  
Bỏ không ưa Niết-bàn,  
Bỏ khinh chê chư Phật,  
Sinh khát ngưỡng sâu xa.  
Trong tự mình tinh tiến,  
Vì mau chóng thành thực,  
Nên chư Phật hóa thân,  
Không vĩnh viễn thường trú.*

Giải thích: Như vậy là đã nói thẳng và bài tụng về 6 nhân chứng hóa thân Phật chẳng phải rốt ráo an trụ. Văn dễ rõ nên không giải thích.

Luận nói: Pháp thân chư Phật từ vô thủy đến nay không khác biệt, không số lượng, không nên vì được mà có dụng công. Ở đây có bài tụng như sau:

*Phật có vô biệt, vô lượng nhân,  
Hữu tình nếu bỏ siêng công dụng,  
Chứng đắc mãi mãi chẳng thành nhân,  
Đoạn nhân như vậy không đúng lý.*

Giải thích: Trong đây có câu hỏi nếu pháp thân Phật từ vô thủy đến nay là không khác biệt, không số lượng nhân làm chứng đắc, có

thể làm các việc lợi lạc hữu tình là chứng Phật quả thì không cần phải siêng năng dụng công? Để giải thích câu hỏi này nên dùng tụng hiển thị. Chư Phật chứng đắc từ vô thủy đến nay không khác biệt, không số lượng. Nếu vậy hữu tình vì cầu Phật quả xả bỏ nhân tinh tiến, có thể có câu hỏi như vậy. Chư Phật chứng đắc, đối với sự chứng đắc Phật quả từ vô thủy đến nay không thành nhân. Nhưng Phật chứng đắc từ vô thủy đến nay là không khác biệt, không số lượng hằng cùng hữu tình làm nhân siêng năng tinh tiến được Phật quả. Cho nên không nên hỏi. Pháp thân chư Phật từ vô thủy đến nay không khác biệt, không số lượng làm nhân chứng đắc. Để chứng Phật quả không nên lại làm siêng năng dụng công. Cho nên chư Phật chứng đắc pháp thân. Chẳng phải là hữu tình để cầu Phật quả mà xả bỏ nhân tinh tiến. Lại nữa Phật chứng đắc từ vô thủy đến nay không khác biệt, không số lượng làm nhân siêng năng tinh tiến cầu Phật quả. Nếu các hữu tình bỏ dụng công siêng năng, như vậy sẽ mãi mãi không thành nhân chứng đắc. Lại nữa đoạn dứt nhân này là không đúng đạo lý. Nghĩa là các Bồ-tát Bi nguyện luôn ở trong tâm, đối với các hữu tình thương yêu như con. Các loài hữu tình ở trong lao ngục lớn chịu đủ gian khổ, cho nên Bồ-tát làm lợi ích an lạc cho hữu tình. Nếu có tâm như vậy tất cả đã có thể làm được. Ta không làm là không đúng đạo lý. Hằng có tâm như vậy. Ngoài ra việc này dù làm hay không làm, ta nhất định phải làm. Vì vậy không nên đoạn dứt nhân ấy.

Luận nói: Đây là Phẩm Nhiếp Đại Thừa, trong Kinh Đại Thừa A-tì-đạt-ma, tôi A-tăng-già sơ lược giải thích xong.

Giải thích: Chính thú Đại thừa chế tạo vô lượng thù thắng. Luận giả Quỹ phạm Thế Thân lược thích xong./.

**HẾT**

**SỐ 1598**  
**NHIẾP ĐẠI THỪA LUẬN THÍCH**  
**Quyển 1**

*Vô Tính Bồ-tát tạo luận  
 Tam tạng pháp sư Huyền Trang dịch  
 Nguyên Hồng dịch tiếng Việt*

**1 – Tổng nêu cương yếu**

*Kính lạy Đại giác chư Như Lai,  
 Vô thượng chính pháp các Thánh chúng.  
 Vì lợi mình người pháp trụ lâu,  
 Nên tôi giải thích Nhiếp Đại Thừa.*

Luận nói: Trong Kinh Đại Thừa A-tì-đạt-ma có nói các Bồ-tát khéo ngộ nhập Đại thừa, vì muốn làm rõ cái thể to lớn của Đại thừa, đối trước đức Bạc-già-phạm đã nói.

Giải thích: Muốn dùng 10 nghĩa bao gồm yếu nghĩa của Đại thừa, có thể hiển thị thể tính của luận này là Thánh giáo, nên lấy đây làm cửa ngõ để mở đầu. Các kinh Đại thừa A-tì-đạt-ma v.v... là nhân trạch pháp, là cùng liễu nghĩa, cho nên A-tì-đạt-ma tương có thể làm tiêu biểu. Kinh Đại thừa nói, loại trừ những chỗ khác, nếu giải thích sơ lược thì cũng là thừa, cũng là đại, nên gọi Đại thừa. Hoặc thừa tính đại, nên gọi là Đại thừa, vì nhân quả lớn, vì vận dụng đủ các nghiệp. Quả là 10 địa. Nếu giải thích rộng có 7 thứ tính đại cùng

tương ưng. Nghĩa là Bồ-đề phân, Ba-la-mật-đa. Học trì tương đẳng, quán xuyên phùng nhiếp nên gọi là kinh. Trong đây tức là Tùy Đọa 8 thời, nghe là trực tiếp thẳng vào thức, không phải trực tiếp tiếng nói. Tụ tập hiển hiện lấy làm thể tính. Nếu vậy vì sao Bồ-tát có thể nói, không phải nghe là thức? Vì Bồ-tát có thể nói. Vì Bồ-tát là tăng thượng sinh, nên nói như vậy. Ví như trời v.v... là tăng thượng lực, nên khiến trong chiêm bao được luận chú v.v... Nếu tách rời thức làm sao Phật nói các kệ kinh? Ngôn ngữ là tự tính hẳn không đúng. Bởi một chữ một chữ có thể làm rõ nghĩa nên không đúng. Lần lượt phát sinh chứ không trụ đồng thời. Không tụ tập cho nên như vậy không được là tự tính. Ngôn ngữ không có chuyển, nên không đúng lý. Lại chẳng phải không chữ chuyển, có ít tên năng thuyên, nên các kệ kinh gọi là tự tính, cũng không đúng lý. Cho nên nhất định như đã nói kinh tự tính đúng lý. Ở đây có nói trong Kinh Đại Thừa A-ti-đạt-ma, Bạc-già-phạm phá các ma. Có thể phá 4 thứ ma oán lớn nên gọi là Bạc-già-phạm. Bốn thứ ma là: một phiền não ma, hai uẩn ma, ba Thiên ma, bốn tử ma. Y vào không Tam-ma-địa có thể phá phiền não ma tất cả thô nặng, chuyển y tương trụ vô lượng thiện căn tùy thuận chứng đắc. Hoặc lại y chỉ tuệ lực tinh tiến, có thể phá uẩn ma. Y vào từ đẳng trì, có thể phá Thiên ma. Y vào tu thần túc, có thể phá tử ma. Có thể phá 4 ma lớn như vậy nên gọi là Bạc-già-phạm. Lại tương ưng các công đức tự tại v.v... nên gọi Phật là Bạc-già-phạm. Sở dĩ vì sao? Vì phải nói rõ là Phật Thế Tôn, cho nên nói ở trước Phật là để nói rõ Phật chấp nhận cho phép được lưu thông rộng rãi. Dích thân đối trước vị Đại sư không nói lời gì khác như Kinh Thập Địa. Đã có thể khéo ngộ nhập Đại thừa, là hoặc y đức tích, hoặc cùng biết rõ. Nghĩa là chúng Bồ-tát kia đã có thể khéo ngộ nhập Đại thừa, hoặc ngay khi ấy đã ngộ nhập. Cho nên gọi là đã khéo ngộ nhập Đại thừa tức nói các vị đã được các công đức biện tài Đà-la-ni, đối với nghĩa Đại thừa có khả năng hành trì và mở rộng. Vì vậy dựa vào nghĩa này mà nói tên như thế. Nói Bồ-tát, tức Bồ-đề-tát-đoà, là cảnh sở duyên



nên gọi Bồ-tát. Y lời thệ nguyện rộng lớn mà lập tiếng Bồ-tát. Cũng thấy các nơi khác dùng cảnh sở duyên mà gọi tên ấy. Như bất tịnh v.v... là cảnh sở duyên. Hai Tam-ma-địa gọi là bất tịnh, gọi là không, hoặc tức nơi tâm kia, vì cầu Bồ-đề mà có ý chí có năng lực nên gọi Bồ-tát. Để làm rõ cái thể to lớn của Đại thừa, nghĩa là rất sâu, cao rộng vô thượng nên đại. Thể thanh, tức nói tác dụng của tự tính. Như Thế Tôn nói lửa âm là thể, độc hại là thể. Cái thể này to lớn nên nói thể đại. Hiền, là khai thị người chưa rõ. Văn dùng chữ “vi”, nghĩa như chữ “dục”.

Luận nói: Căn cứ vào Đại thừa, chư Phật Thế Tôn có 10 tướng ngôn ngữ thù thắng. Một là sở tri y thù thắng. Hai là tướng sở tri thù thắng. Ba là nhập tướng sở tri thù thắng. Bốn là nhập nhân quả thù thắng. Năm là tu tập sai biệt các nhân quả thù thắng. Sáu là giới tăng thượng thù thắng trong sự tu tập sai biệt. Bảy là tâm tăng thượng thù thắng. Tám là tuệ tăng thượng thù thắng. Chín là quả đoạn thù thắng. Mười là quả trí thù thắng. Do các câu được chư Phật Thế Tôn nói trong các kệ kinh, rõ ràng Đại thừa chính là do Phật nói.

Giải thích: Nói âm thanh, tức lược nêu 10 nghĩa của thắng xứ đã nói. Căn cứ vào Đại thừa, nghĩa là những điều nói ra đây không phải Thanh Văn thừa, cũng không phải thế gian. Lại nêu Đại thừa làm nghĩa quyết định. Làm rõ chỗ sở y, tức là đây chứ không nơi nào khác. Bởi y vào thế gian thì vì do các tướng nên khác lời Phật nói. Như có tụng nói rằng:

*Lời thật mà không giận.*

*Thí ít không mong cầu.*

Như vậy, nếu y vào Thanh Văn thì vì do các tướng nên khác Đại thừa. Như có tụng nói rằng:

*Các hành vô thường,*

*Là pháp sinh diệt.*

Như vậy cho nên lại nêu sự đúng lý của Đại thừa. Có 10 v.v..., là dùng số hiển thị số Phật ngữ thù thắng an lập luận thể. Tướng là chủng loại. Tức đây lần lượt sai khác mà không xen lộn nên gọi thù thắng. Hoặc lại trông mong âm thanh kia mà nghe được các pháp huyền viển nên tăng thượng, gọi là thù thắng vì có thể dẫn phát Đại Bồ-đề. Cho nên 10 tướng này là thù thắng. Ngôn ngữ kia là thù thắng, cho nên nói có 10 tướng thù thắng của ngôn ngữ thù thắng. Phật Thế Tôn là, nhiệm ô không nhiệm ô si mê thụy miên cả hai đều hết nên trí khai phát tất cả nghĩa sở tri, gọi là Phật. Như sĩ phu thức, như hoa sen nở. Những gì nói ra đều khai phát nghĩa tinh thức v.v...

Luận nói: Lại nữa, thể nào là rõ ràng? Là vì 10 tướng thù thắng nói trên không hề thấy nói trong Thanh Văn thừa, chỉ trong Đại thừa mới có nhiều chỗ nói đến. Nghĩa là thức A-lại-da là nói cái thể của sở tri căn cứ. Ba thứ tự tính: một y tha khởi tự tính, hai biến kế sở chấp tự tính, ba viên thành thật tự tính là nói cái thể của tướng sở tri. Tính duy thức là nói về sự ngộ nhập cái thể của tướng sở tri. Sáu Ba-la-mật-đa là nói cái thể của sự ngộ nhập nhân quả. Mười địa của Bồ-tát là nói cái thể của sự tu tập các nhân quả sai biệt. Luật nghi Bồ-tát là nói cái thể của giới tăng thượng. Thủ-lăng-già-ma, Hư không tạng v.v... các Tam-ma-địa là nói cái thể của tâm tăng thượng. Trí vô phân biệt là nói cái thể của tuệ tăng thượng. Vô trụ Niết-bàn là nói cái thể của quả đoạn. Ba thứ Phật thân: một tự tính thân, hai thụ dụng thân, ba biến hóa thân, là nói cái thể của quả trí. Do 10 sự thù thắng nói trên, rõ ràng Đại thừa khác với Thanh Văn thừa. Lại còn rõ ràng rằng sự thù thắng đó Thế Tôn chỉ nói rõ cho Bồ-tát. Cho nên phải biết rằng chỉ y cứ vào Đại thừa chư Phật Thế Tôn mới có ngôn ngữ thù thắng của 10 tướng thù thắng.

Giải thích: Có thể biết, nên gọi sở tri. Ý nghĩa là sở y. Âm thanh sở y này, lược lấy năng y. Các pháp hữu vi tạp nhiễm thanh tịnh, không lấy vô vi, vì nó không có nghĩa sở y. Cho nên sở y tức là thức

A-lại-da. Vì là nhân nên có tính năng dẫn tùy chỗ thích ứng. Nếu vậy sở tri tức sở tri y. Bởi thức dị thực là tính sở tri nên không mâu thuẫn. Sở tri y này tức là thù thắng. Cái này thù thắng nên ngôn ngữ cũng thù thắng. Tức trước có nói chư Phật Thế Tôn nói tùy chuyển tất cả mọi nơi. Tướng sở tri là tự tính sở tri, là sở tướng cho nên y nghiệp vận nói phần nhiều đặt nơi Lỗ-đồ sở tri, sở đoạn, sở chứng v.v... hoặc y cụ vận bằng biến kế sở chấp. Tướng vô sở tướng biểu hiệu vô tính. Tính viên thành thật là tướng chung. Tính y tha khởi là tự tướng. Ngã hữu tình nghĩa thức lần lượt thành khác nên địa giới v.v... lấy sự cứng chắc v.v... làm tướng năng biểu. Tuy không có tính khác mà nói là tướng. Cũng như nói tướng Đại sĩ phu, các sư thuộc Kinh bộ v.v... Sinh v.v... các tướng, do nhân duyên này, hoặc sở tri tức tướng, hoặc tướng của sở tri nên gọi là tướng sở tri. Nói vô dị tính, dị vô dị tính, nên tùy chỗ thích ứng đây cũng vậy. Ngộ nhập tướng sở tri, nghĩa là đây có thể ngộ nhập tướng cần phải biết, hoặc là khả năng ngộ nhập tướng sở tri. Nhập nghĩa là hiện quán nhập tướng sở tri, tức tính duy thức. Đây tức là thù thắng. Vì cái này thù thắng nên ngôn ngữ cũng thù thắng. Ngộ nhập nhân quả, nghĩa là tính duy thức. Nói kia nhập thắng giải hành địa khi tu gia hành, thế gian chưa thanh tịnh Ba-la-mật-đa gọi là nhập nhân. Khi đã chứng nhập tức xuất thế gian Ba-la-mật-đa. Vì gồm thâm ý lạc tăng thượng thanh tịnh nên gọi là nhập quả. Ngộ nhập nhân quả tức là thù thắng. Cái này thù thắng nên ngôn ngữ cũng thù thắng. Nhân quả tu sai biệt, nghĩa là nhân quả của tính duy thức. Tập nhiều lần cái này nên gọi là tu. Từng phần từng phần không đồng nên gọi là sai biệt. Nhập nhân quả tu sai biệt tính, tức là 10 địa. Đây tức là thù thắng. Vì cái này thù thắng nên ngôn ngữ cũng thù thắng. Tức trong tu sai biệt Ba-la-mật-đa ở các địa, để giữ lấy sau lại tu học nên đây là y chỉ. An lập 3 học: Một, tăng thượng giới học, nghĩa là y chỉ giới siêng năng tu học, gọi là tăng thượng giới học. Tức luật nghi Bồ-tát trong các địa xa lìa các ác, lợi ích hữu tình, gồm thâm tất cả thiện, 3 thứ tịnh giới.

Thi-la đã thụ phòng hộ các nghiệp quá khứ thân sinh, trụ v.v... Như điều ngự là điều nhiếp cực thiện nên gọi là luật nghi. Như vậy tức y vào tăng thượng Thi-la tu học chính hạnh nên gọi là học. Giới tăng thượng này tức là thù thắng. Cái này thù thắng nên ngôn ngữ cũng thù thắng. Hai, tăng thượng tâm học, nghĩa là y chỉ tâm chính cần tu học, nên gọi là tăng thượng tâm học. Tính này là Hư không tạng v.v.. các Tam-ma-địa. Chữ “đẳng” là gồm các hiền hộ Tam-ma-địa vương. Lại trong tăng thượng tâm học nói:

*Tức các Tam-ma-địa,  
Đại sư nói là tâm.  
Do tâm thể hiện nên,  
Như sở tạo sự nghiệp.*

Ba, tăng thượng tuệ học, nghĩa là y chỉ tuệ chính cần tu học nên gọi tăng thượng tuệ học. Tính này tức là trí vô phân biệt đối trị tất cả hý luận phân biệt. Trong đây trí gia hành vô phân biệt căn bản y chỉ. Tức trí căn bản vô phân biệt hậu đắc y chỉ. Y chỉ như vậy không phải như sau nói. Như vậy 3 thứ học giới, định, tuệ là đạo thể tính. Quả kia có 2 thứ: một là đoạn, hai là trí. Cái này thù thắng nên ngôn ngữ cũng thù thắng. Quả đoạn kia, tức quả của các học kia gọi là quả kia. Quả kia tức là đoạn, gọi là quả đoạn kia. Tính này tức tức là khách chương ly hệ, chân như giải thoát, vô trụ Niết-bàn. Thấy kia vắng lặng nên sinh tử tức Niết-bàn. Tức kia làm duyên mà không nhiễm trước. Chẳng phải vô dư y Bát-niết-bàn giới. Cho nên vô trụ đây tức thù thắng. Cái này thù thắng nên ngôn ngữ cũng thù thắng. Quả trí kia, tức quả của các học kia gọi là quả kia. Quả kia tức trí nên gọi quả trí kia. Tính này tức là 3 thứ Phật thân. Một là tự tính thân, tức trí vô cấu vô quái ngại, đó là nghĩa của pháp thân. Nay đây và kia trí vô phân biệt có gì sai khác? Như vậy 2 thứ có phân biệt gì đều không hiện hành. Cho nên kia có đối trị thì phải có sở tác. Đây là quả của kia, sở tác đã làm xong. Sai biệt là như vậy. Hai, thụ dụng thân, tức

trí hậu đặc. Tức do sức thù thắng của trí này cùng các thù thắng của chúng Đại Bồ-tát cộng thụ pháp lạc vi diệu bất cộng. Hoàn thành sự thụ dụng như vậy nên gọi thụ dụng thân. Nếu không như vậy thì ngoài cái trí thanh tịnh Bồ-tát làm các tư lương khác đều không viên mãn. Ba, biến hóa thân, tức sai biệt của trí hậu đặc. Tức có thể biến hóa gọi là biến hóa thân. Hiện hiện của sức tăng thượng này tức trí sai biệt. Tức là do đây xô dẹp các luận khác. Cùng các Bồ-tát đồng thụ pháp lạc không tuyệt dứt. Các việc phải làm của chúng Bồ-tát mới hoàn thành sơ nghiệp, các Thanh Văn v.v... ví như nhãn thức nhận thức rõ các sắc, nếu kia không thì đây cũng phải không. Đây tức thù thắng. Cái này thù thắng nên ngôn ngữ cũng thù thắng. Do đây nói 10 xứ, nghĩa là đây và các nghĩa chung của Đại thừa. Xứ là sự nghĩa. Khác Thanh Văn thừa, là ở Thanh Văn thừa không nói. Lại nữa hiển thị tối thắng, là cứu cánh tuyên thuyết Phật quả đạo. Thế Tôn chỉ vì Bồ-tát tuyên thuyết, là trong đây nên nói Bồ-tát, chỉ tuyên thuyết vì Bồ-tát. Do Phật hiện thấy được Phật cho phép mà tuyên thuyết, nên nói là Thế Tôn nói, như Thập Địa v.v... Cho nên trước nói là trước đức Bạc-già-phạm.

Luận nói: Lại nữa vì sao từ 10 tướng thù thắng này Như Lai nói ngôn ngữ thù thắng, hiển thị nơi Đại thừa? Chính thật lời Phật nói là vì để ngăn chặn ý tưởng cho rằng Thanh Văn thừa là tính của Đại thừa. Do 10 xứ này chưa hề thấy trong Thanh Văn thừa nói đến, mà chỉ thấy nói nhiều trong Đại thừa. Có nghĩa là 10 xứ này rất có năng lực dẫn khởi tính Đại Bồ-đề, thành lập sự tùy thuận rất tốt, không mâu thuẫn và có thể chứng đắc trí nhất thiết trí. Ở đây có hai bài tụng như sau:

*Sở tri y và sở tri tướng,  
 Nhập nhân quả và tu nhân quả,  
 Tam học quả đoạn và quả trí,  
 Là tối thượng thừa nên thù thắng.*

*Thuyết này các nơi không thấy nói,  
 Đây là tối thắng nhân Bồ-đề,  
 Cho nên Đại thừa là Phật nói,  
 Tức nói về mười nghĩa thù thắng.*

Giải thích: Lại nữa do những thứ này, nghĩa là do còn chưa tin hiểu nên lập câu hỏi này. Bởi vì sao? Chẳng phải trong Thanh Văn thừa, 6 cú nghĩa chưa từng thấy nói. Trong luận của các Phệ-thế-sư nhiều chỗ thấy nói. Tức khiến luận của Phệ-thế-sư v.v... đúng là Phật nói. Trước cho đáp câu vấn nạn nên sau nói chung. Nghĩa là 10 xứ này là có khả năng cao tốt dẫn đến tính Đại Bồ-đề. Cái thù thắng của trí đoạn Đại Bồ-đề này lấy làm tự tướng. Như nói phiền não sở tri chướng đoạn. Do kia đoạn nên được trí vô cầu vô ngại. Bốn thứ như vậy gọi chung là Bồ-đề. Là khả năng cao tốt dẫn đến, nghĩa là 10 xứ này là tính năng đặc, chẳng phải 6 cú nghĩa. Hoặc tối thắng v.v... cho nên luận kia không phải chính lời Phật nói. Là khéo thành lập, nghĩa là 10 xứ như vậy là chỗ Chính lượng tùy thuận cho nên phải quyết trách rộng. Nói tùy thuận, là có thể đối hướng, là có thể thuận nghĩa. Nói không mâu thuẫn, là không có lỗi kia. Chẳng phải tà trí như 6 cú nghĩa v.v... Hoặc Thanh Văn thừa có lỗi nên mâu thuẫn Phật quả. Trong 2 tụng này, nghĩa là tụng đã nói và sẽ nói nghĩa. Đây nói các chỗ thấy khác không thấy, nghĩa là nói 10 xứ thù thắng ngữ này trong Đại thừa thấy nói nhiều chỗ, còn các Tiểu thừa khác không thấy nói.

Luận nói: Lại nữa vì sao 10 xứ được nói theo thứ tự như vậy? Nghĩa là các Bồ-tát trước phải rõ nhân duyên của các pháp mới rõ được lý duyên khởi. Tiếp đến đối với các pháp do duyên sinh phải nhận rõ tướng trạng của chúng, phải khéo xa lìa hai lỗi của sự thêm bớt. Tiếp đến, Bồ-tát khéo tu tập như vậy, phải thông suốt đúng đắn các tướng sở thủ, khiến tâm được giải thoát các chướng. Tiếp đến, thông suốt các tướng sở tri rồi, trước do chứng đắc 6 Ba-la-mật-đa ở gia hành vị, phải thành tựu đầy đủ tăng thượng ý lạc cho được thanh

tịnh. Tiếp đến sau khi thanh tịnh ý lạc trong 6 Ba-la-mật-đa, cần phải từng phần từng phần tu tập sai biệt trong 10 địa. Nghĩa là phải trải qua ba vô số đại kiếp. Tiếp đến phải viên mãn ba sở học của Bồ-tát. Đã viên mãn rồi phải hiện chứng quả Niết-bàn và vô thượng chính đẳng Bồ-đề. Cho nên 10 xứ đã được nói theo thứ tự như vậy. Lại trong đây nói tất cả Đại thừa đều được cứu cánh.

Giải thích: Đề hướng đến Đại Bồ-đề nên lại khai thị lần lượt phương tiện và chỗ tu nhân. Nghĩa là các Bồ-tát trước hết phải khéo léo trong việc tu nhân rồi mới được khéo léo nơi duyên khởi, biết từ nhân này mà có quả kia. Lại biết quả kia phải từ nhân này. Cho nên chẳng phải lìa nhân này mà ngôn giáo có thể biết được nhân kia, tức là thức A-lại-da do nói thế nên bỏ vô nhân, bất bình đẳng nhân. Tiếp sau đối với các pháp duyên sinh phải hiểu rõ tướng, xa lìa bên tăng ích tổn giảm. Ở nơi không có vô nhân, cưỡng lập là có, nên gọi là tăng ích. Ở nơi có vô nhân cưỡng bác cho là không, nên gọi là tổn giảm. Như vậy tăng ích hay tổn giảm đều nói là một bên, là nghĩa sa đọa. Khi hai cái này chuyển thì mất hồng trung đạo. Do khéo thường tập quán chân thật nên xa lìa thiện xảo nhị biên này, nơi biến kế sở chấp chỉ có tăng ích mà không tổn giảm, vì đều không có. Bởi phải ở nơi hữu mới khởi tổn giảm. Ở nơi y tha khởi không có tăng ích. Bởi là hữu thể. Phải ở nơi phi hữu mới có tăng ích. Cũng không tổn giảm vì chỉ vọng hữu. Ở nơi viên thành thật không có tăng ích. Vì là thật hữu cho nên chỉ có tổn giảm. Tức do đây hoặc lại ở đây khéo có thể xa lìa lỗi tăng ích tổn giảm hai bên, nghĩa là ở nơi tính y tha khởi, tính biến kế sở chấp thì tăng ích thật không, tính viên thành thật thì tổn giảm thật hữu. Lại như trong Kinh Đại Bát-nhã Ba-la-mật-đa nói:

-Từ Thị ! Ý ông nghĩ sao, trong các biến kế sở chấp, cái tính chẳng phải thật hữu đó là sắc hay phi sắc? Thừa không Thế Tôn ! Trong các y tha khởi chỉ có tính của ngôn thuyết hữu tướng thì thiết

là sắc hay phi sắc? Thừa không Thế Tôn ! Trong các viên thành thật, cái tính không vô ngã kia là sắc hay phi sắc? Thừa không Thế Tôn !

-Từ Thị ! Do pháp môn này cho nên phải biết như vậy. Tính của các biến kế sở chấp quyết định phi hữu. Tính của các y tha khởi chỉ có danh tướng thì thiết ngôn thuyết. Tính không vô ngã của các viên thành thật là chân thật hữu. Ta y nơi đây nên mật ý nói kia không có số hai. Nghĩa là sắc v.v... như vậy giải thoát lỗi nhị biên. Đối với 3 tự tính được thiện xảo rồi, do tính duy thức nên khéo thông đạt nhập tướng sở tri, tức là thông đạt tác chứng. Hoặc do đây nên có thể thuận thông đạt. Tiếp sau tức thuận tính duy thức thông đạt thể nhập chỗ tu 6 thứ Ba-la-mật-đa. Do thắng nghĩa nên lại phải chứng đắc thanh tịnh ý lạc, lại phải tiếp thụ dụng và thắng giải gọi là ý lạc. Hai cái này bấy giờ tuy không tăng số nhưng vì gồm có chứng tịnh nên nói thanh tịnh. Tiếp sau tức kia ở trong 10 địa, do siêng tu ba học nên 3 vô số kiếp thường tu tập cho nên phải khiến viên mãn. Tiếp sau quả kia vĩnh viễn đoạn phiền não sở tri 2 chương cùng vô cấu không có quái ngại, trí nhất thiết trí lại phải chứng đắc. Như vậy là đã làm phương tiện thứ lớp và sở tu nhân hiển là có thể thuận tính Đại Bồ-đề. Tức do hư vậy mà nói thứ lớp. Chỉ có 10 xứ là không tăng không giảm. Như vậy là đã giải thích chủ tùy 2 luận. Vì vậy cho nên phải biết Thanh Văn thừa đạo tức Phật thừa đạo là không đúng đạo lý. Nếu vậy thì quả ấy phải không sai biệt. Cho nên nói đây bao gồm hết Đại thừa. Vậy không nói đến Đại thừa cương yếu nữa.

## 2 – 1. Sở tri y

Luận nói: Trong đây, trước tiên nói đến sở tri y, tức thức A-lại-da.

Ở đâu Thế Tôn đã nói thức A-lại-da tên là thức A-lại-da?

Trong một bài Già-tha trong Kinh Đại Thừa A-tì-đạt-ma, đức Bạc-già-phạm đã nói:



*Nơi từ vô thủy nay,  
 Các pháp đồng y cứ.  
 Do đây có các nẻo  
 Và Niết-bàn chứng đắc.*

Giải thích: Đây dẫn A-cấp-ma chứng minh thức A-lại-da là sở tri y. Nói thời vô thủy, là không có lúc bắt đầu. Chữ “giới” trong nguyên Hán văn, kệ dịch là nơi, thì giới đó tức là nhân, tức là chủng tử. Là nhân chủng tử gì? Nghĩa là tất cả pháp đây chỉ có tạp nhiễm, chẳng phải thanh tịnh, nên sau sẽ nói là chỗ sở y của đa văn huân tập, chẳng phải A-lại-da thâm giữ. Như thức A-lại-da thành chủng tử, như lý tác ý thâm giữ tự pháp tự nghĩa mà khởi v.v... Nói kia là chỗ sở y của tất cả pháp, nghĩa là có thể tự nhiên gìn giữ nên không phải là tính của nhân. Nghĩa của năng nhiệm trì là nghĩa của sở y không phải nghĩa tính của nhân. Tính của sở y năng y đều khác nhau nên nếu không như vậy thì giới thanh cũng đã rõ không phải nhờ ngôn thuyết. Nói do đó có các nẻo và Niết-bàn chứng đắc, nghĩa là như quyết trạch xứ phải rộng phân biệt. Nghĩa là sinh tạp nhiễm, sinh Na-lạc-ca v.v... nếu tách rời thức A-lại-da thì đều không có các thứ sinh ấy. Tạp nhiễm hoàn toàn chấm dứt gọi là Niết-bàn. Nếu tách rời thức A-lại-da thì không có chứng đắc.

Luận nói: Như trong đây lại có bài kệ rằng:

*Do gồm chứa các pháp,  
 Làm thức của chủng tử,  
 Nên gọi A-lại-da,  
 Ta dạy kẻ hơn người.*

Giải thích: Lại dẫn lời Phật nói chứng minh thức A-lại-da gọi là A-lại-da. Có khả năng nhiếp tàng các pháp, nghĩa là sở huân là nghĩa của tập khí, không phải như đại v.v... hiển rõ tính của pháp tàng chứa trong tối thắng. Thức A-lại-da thâm chứa các pháp cũng như vậy. Vì giản lược nghĩa ấy cho nên lại nói Nhất thiết chủng tử thức, vì thức

ây cùng sinh cùng diệt với tất cả chúng tử. Thức A-lại-da cùng các chuyển thức làm duyên cho nhau, cho nên lần lượt thâm chứa. Vì vậy mà gọi là thức A-lại-da. Chẳng phải như tối thắng là tính hiển rõ, vì hiển rõ mình giảm lược sự yếu kém. Lại nói ta dạy kẻ hơn người, tức nguyên Hán văn là ta khai thị thắng giả. Tức chỉ cho Đại Bồ-tát là hạng người có khả năng kham nhiệm nên gọi là thắng giả. Phật chỉ vì họ mà khai thị, không phải cho hạng thấp kém.

Luận nói: Như vậy là đã dẫn chứng trong A-cấp-ma.

Nhưng vì nhân duyên gì thức này gọi tên là thức A-lại-da?

Vì tất cả các pháp có sinh tạp nhiễm đều gồm chứa ở đây như tính chất của quả, rồi cũng thức này gồm chứa các pháp làm nhân, cho nên gọi là thức A-lại-da. Hoặc các hữu tình thâm giữ thức này làm tự ngã của mình nên gọi là thức A-lại-da.

Giải thích: Nói tất cả pháp có sinh, nghĩa là pháp hữu vi. Pháp tạp nhiễm phẩm là pháp lược bỏ thanh tịnh, không phải pháp thanh tịnh tức là tính tạp nhiễm. Tất cả kho tàng tạp nhiễm là sở trị, là chỗ thâm giữ của thể tính chúng tử có thể đối trị chúng cho nên không phải mâu thuẫn nhau, mà là tính nhân quả, đúng đạo lý nhiên hậu mới được làm sở y. Nếu xứ, chữ xứ cụ dịch là nhập, có sở trị mà cũng có năng trị, nên thâm giữ nơi đây là hiển rõ cái công năng gìn giữ tập khí, do không phải chỉ có tập khí mà gọi là thức A-lại-da. Phải có khả năng duy trì tập khí như kia gọi là ý thức. Hoặc các hữu tình thâm giữ thức này làm tự ngã, đó là nghĩa chấp thủ.

Luận nói: Lại nữa thức này cũng gọi là thức A-đà-na. Như trong A-cấp-ma, Kinh Giải Thâm Mật nói:

*Thức A-đà-na rất vi tế,  
Chúng tử như dòng nước chảy xiết.  
Ta chẳng giảng nói cho phàm phu,  
Sợ chúng phân biệt chấp là ngã.*

Giải thích: Lại dẫn các kinh giáo khác nói bằng các tên khác khai thị thiết lập thức A-lại-da khiến thêm rõ ràng. Nguyên Hán vẫn dùng chữ “thậm thâm” nghĩa là rất sâu, tức người thông tuệ ở đời có giác tuệ cũng khó có thể thấu đáo. Nói sâu xa vi tế, nghĩa là các Thanh Văn v.v... khó hiểu biết được vì họ không cầu cái vi tế của trí Nhất thiết trí. Tất cả chúng tử như dòng nước chảy xiết, nghĩa là mỗi sát-na lqan lượt liên tục không đứt đoạn như dòng nước chảy. Ta chẳng giải nói cho phàm ngu, nghĩa là không khai thị cho kẻ ô mê ngã kiến. Sự chúng phân biệt chấp là ngã, nghĩa là sao có thể để cho chúng phân biệt chấp trước cho đến tận cùng sinh tử, một loại hành tướng không cải đổi.

Luận nói: Vì nhân duyên gì lại gọi thức này là thức A-đà-na?

Vì nó nắm giữ tất cả sắc căn, lấy tất cả tự thể làm sở y. Bởi vì sao? Bởi vì các sắc căn do nó nắm giữ sẽ tùy chuyển suốt đời mà không hỏng mất. Và nó duy trì liên tục cho đến khi kết sinh thì chấp nhận làm tự thể. Vì vậy thức này còn gọi là thức A-đà-na.

Giải thích: Vì chấp thụ tất cả hữu sắc căn. Chữ “đẳng” là v.v... nghĩa là hiển thanh chuyển nhân để có thể chấp thụ. Tất cả nhãn v.v... là hữu sắc căn. Chúng cùng nhau đồng an nguy cho đến suốt cuộc đời. Cho nên gọi là thức A-đà-na. Nếu không thế thì thân chết tức hỏng mất hết. Cho nên tất cả tự thể lấy đó làm chỗ sở y. Chữ “đẳng” nghĩa là v.v..., tức chỉ cho tất cả, hoặc một hoặc nhiều, có tự thể đều thủ lấy tính sở y. Nếu là sắc v.v... các căn chưa sinh khởi hoặc đã sinh khởi, nếu là tự thể của Vô sắc giới sinh khởi gọi là liên tục tiếp thụ chúng. Cho nên nói là kết sinh vì nhận lấy sự sinh của chúng, vì tinh huyết kết hợp. Nếu không có thức A-lại-da thì không có chấp thụ một thời kỳ tự thể. Ví như một tòa nhà tiếp nhận ánh sáng đó là một thời kỳ tự thể huân tập tập khí.

Luận nói: Thức này cũng gọi là tâm. Như Thế Tôn nói tâm, ý, thức. Trong đây, ý có 2 thứ. Thứ nhất là cùng làm đẳng vô gián

duyên, tính sở y chỉ, tức cái thức vô gián diệt có thể cùng với ý thức tạo ra sự y chỉ. Thứ hai là ý ô nhiễm, thường tương ưng cùng bốn phiền não. Đó là một Tát-ca-da kiến, hai ngã mạn, ba ngã ái và bốn vô minh. Chính đây là thức làm sở y cho các tạp nhiễm. Thức cũng do kia y chỉ mà sinh khởi, theo nghĩa thứ nhất, và nhận thức các cảnh tạp nhiễm, theo nghĩa thứ hai. Cho nên có nghĩa là đấng vô gián và nghĩa tư lường mà thành ra ý có 2 thứ là như vậy.

Giải thích: Đây cũng gọi là tâm, là dẫn dụng các kinh giáo mà thành lập tên khác để làm cho kiên cố. Thứ hai nhiễm ô ý nghĩa là do 4 phiền não, Tát-ca-da kiến v.v... làm nhiễm ô. Trong đây Tát-ca-da kiến là tính chấp chặt ngã và ngã sở. Do sức mạnh này mà khởi ngã mạn, ý mình và những gì thuộc về mình mà sinh cao ngạo. Do có 2 cái này mà sinh ngã tham, gọi là ngã ái. Ba cái này đều lấy vô minh làm nhân. Nói vô minh tức là vô trí, là sở trị của minh. Đây là chỗ sở y của thức tạp nhiễm. Ở trong vị trí định, bất định, thiện v.v... đều thường hiện hành mà không mâu thuẫn. Trạng thái nó như thế nào? Nghĩa là khi có thiện tâm cũng chấp ngã. Nói do đệ nhất y sinh, nghĩa là do đấng vô gián diệt ý. Nói do đệ nhị tạp nhiễm, nghĩa là do 4 phiền não tương ưng ý. Bởi chấp ngã v.v... có thể gây tạp nhiễm. Nghĩa của liễu biệt cảnh là có thể thủ cảnh nghĩa của cảnh tương tự hiện, đây là giải thích tên thức v.v... Vì nghĩa của vô gián, nghĩa của tư lường nên ý thành ra có 2 thứ, đây là giải thích tên ý. Nếu lià cách huẩn thích huẩn thích thì đạo lý về nghĩa của thanh hoàn toàn không thể khiến người hiểu được.

Luận nói: Lại nữa làm sao biết có cái ý nhiễm ô?

Nghĩa là nếu ý nhiễm ô này không có thì không có cái bất cộng vô minh, thế là có lỗi. Và 5 đồng pháp cũng không có, thế là có lỗi. Sở dĩ vì sao? Vì 5 thức thân, tất phải có nhãn v.v... làm câu hữu y. Lại các huẩn thích từ cũng không có, thế là có lỗi. Lại nữa sự khác nhau giữa Vô tướng định với Diệt tận định cũng không có, thế là có

lỗi. Nghĩa là Vô tướng định thì nhiễm ý rõ ràng còn Diệt tận định thì chẳng phải như vậy. Nếu không thế, 2 thứ định sẽ không có gì khác nhau. Và như vậy thì trong suốt thời gian sinh ở trời Vô tướng phải không có nhiễm ô, thế là có lỗi. Trong khi đó nếu không có ngã chấp ngã mạn, hoặc trong tất cả mọi lúc, ngã chấp có thể hiện hành được, nghĩa là ở trong các tâm thiện, bất thiện, vô ký. Nếu không như vậy thì chỉ tâm bất thiện tương ưng mà thôi, vì có ngã, ngã sở và phiền não hiện hành thì chẳng phải thiện chẳng phải vô ký. Cho nên nếu lập câu hữu hiện hành, không phải tương ưng hiện hành thì không có lỗi này. Ở đây có bài tụng như sau:

*Nếu vô minh bất cộng,  
Cùng với 5 đồng pháp,  
Huân từ, hai định khác,  
Không, thì đều có lỗi.  
Sinh Vô tướng nói không  
Ngã chấp, là có lỗi.  
Ngã chấp thường theo đuổi  
Tất cả chúng, nếu không,  
Ý là nhiễm không có,  
Hai, ba thành trái nhau.  
Không đây, tất cả chỗ,  
Ngã chấp cũng sẽ không.  
Chân nghĩa tâm thường sinh,  
Thường hay làm chướng ngại.  
Có trong tất cả thức,  
Là bất cộng vô minh.*

Ý là nhiễm ô nên tính của nó thuộc hữu phú vô ký và thường cùng tương ưng với 4 phiền não. Như phiền não ở cõi Sắc và Vô sắc thuộc tính hữu phú vô ký. Phiền não của Sắc và Vô sắc bị Xa-ma-tha thâm tàng, nên ý này luôn luôn hiện hữu một cách vi tế.

Giải thích: Vì dẫn chính lý thành ý nhiễm ô nên lại lược nêu trực thuyết Già-tha. Nghĩa là nếu đây không có bất cộng vô minh thì không có hiện hữu v.v... Nếu không nói có nhiễm ô ý thì không có bất cộng vô minh. Phải nói bất cộng vô minh là tướng của nó. Nghĩa là nó có công năng chướng ngại chân trí, sinh ngu. Bất cộng vô minh này trong 5 thức không thể nói là hiện hữu vì ở đó không có công năng đối trị. Nếu ở đó có năng trị thì ở đó có sở trị. Trong 5 thức không có năng trị kia, vì ở đây không sinh khởi kiến đạo. Không phải như có trong bất nhiễm ý thức. Do kia và đây nên thành tính nhiễm. Vì vậy cũng không phải có trong nhiễm ô ý thức và khi tương ưng cùng các phiền não khác. Tên bất cộng vô minh không thành nên nếu lập ý thức do phiền não kia thành nhiễm ô tức rất ráo phải thành tính nhiễm ô. Các tâm sở thí v.v... phải không thành thiện do tương phiền não kia hằng tương ưng. Nếu lại nói cùng chuyển với thiện tâm có phiền não kia, tức như vậy là hoàn toàn cùng phiền não kia tương ưng, những gì khác không được có. Cái nhiễm ý thức này dẫn sinh đối trị là không hợp lý. Nếu nói có một thứ thiện tâm sở khác câu hữu với nhiễm ô ý có công năng dẫn đối trị, có khả năng trị sinh cho nên sở trị liền diệt là hợp lý. Nếu vậy cái bất cộng vô minh được lập ra cũng không thành, vì nó hằng tương ưng với thân kiến v.v... các phiền não khác. Ông khó bắt bẻ vì không phải tôi nói. Không tương ưng với các phiền não nên gọi là bất cộng. Nhưng nói kia hoặc những nơi khác không có nên gọi là bất cộng, ví như 18 bất cộng Phật pháp. Trước nói cùng các phiền não tương ưng gọi là bất thành, nghĩa là quán sát chỗ thành lập làm rõ cái lỗi kia. Lại nữa 5 đồng pháp cũng không có, tức thành lỗi, nghĩa là đây phá cái chỉ lập từ 6 duyên 2 chuyển nghĩa 6 thức. Nhãn v.v... 5 thức cùng với ý thức kia có tính đồng pháp. Nghĩa là từ 2 duyên mà được sinh khởi. Nếu không có nhiễm ô ý kia thì mâu thuẫn với đây là vị bảo câu sinh tăng thượng duyên dựa vào không mà riêng có. Lại nữa nhãn thức v.v... mỗi mỗi đủ 2 duyên, đều là tính của thức. Như vậy tính của thức đều

có nhãn v.v... chỗ dựa riêng mà cùng chuyển. Duy chỉ tăng thượng duyên là chẳng phải nhân duyên v.v... Đây là năng dụ, ý thức cũng vậy, phải có chỗ sở y sai biệt như vậy. Thức A-lại-da tuy là sở y của ý thức câu sinh, nhưng không nên lập là chỗ dựa riêng của đây mà là chỗ dựa chung, vì tính nhân duyên. Kinh bộ chủ trương sắc là chỗ dựa riêng biệt của ý thức câu sinh. Điều này không thành vì không hợp lý. Bởi đứng về tư trách tùy niệm phân biệt thì phải tất cả mọi thời vô phân biệt. Chính vì lý lẽ này mà các bộ khác lập ra là sắc vật ở trong tâm là chỗ dựa riêng biệt của ý thức, cũng không thành, vì các chủ trương nói như thế đều có lỗi. Ví như nói các thức y chỉ sắc căn, như vậy khó thông phải rộng quyết trách. Lại như huẩn thích từ cũng thành lỗi, như trước nói huẩn thích ý nói là dựa vào tính tư lường. Nếu không lập có nhiễm ô ý thì đây dựa vào đâu, 6 thức đã tạ diệt thì không thành ý, vì thể diệt không có. Lại nữa Vô tướng định và Diệt tận định không sai khác là có lỗi. Nếu có định lập có nhiễm ô ý, đây có đây không, ở phàm liên tục, ở thánh liên tục. Như lần lượt 2 định sai khác là đúng lý. Nếu không như vậy, tướng thụ diệt v.v... đều có thức hiện hành không sai khác, không thể nói ở đệ tứ tĩnh lự. Ở đệ nhất hữu địa sai biệt, xuất ly tĩnh trụ dục sai biệt, 2 định sai biệt do 2 tự tướng vô sai biệt cho nên tâm và tâm pháp đều diệt nào có khác. Nay sự quyết trách lựa chọn này tương đối gần với các sư Kinh bộ cho nên bộ ấy lập bất tương ưng hành chẳng phải có thật vật, làm sao 2 định thật có sai biệt được? Lại nữa trong một thời kỳ sinh ở trời Vô tướng, vô ngã chấp chuyển sẽ thành lỗi. Nói vô tướng nghĩa là nếu sinh trong trời Vô tướng, tâm tâm pháp diệt, khi mới tiếp tục sinh có nó tạm khởi lên, từ đó về sau liên tục tùy chuyển. Nếu không chấp nhận nó có nhiễm ô ý thì trong một thời kỳ sinh phải không ngã chấp. Không từng thấy có đủ phiền não, nghĩa là trong một thời kỳ sinh hoàn toàn không ngã chấp. Lại nữa chư thánh hiền đều đồng chán trách, nên chẳng phải sinh sát-na hiện khởi ý thức. Vì sở y ngã chấp làm thế lực dẫn khởi cho nên nói là có ngã chấp chưa vĩnh viễn

đoạn diệt. Như nếu có gián là đúng đạo lý. Sở y của ngã chấp đều diệt hết cho nên sức dẫn khởi cũng không có sở y nào khác, vì vậy không hợp lý. Tập khí của ngã chấp liên tục ở trong thân cũng không hợp lý. Sắc pháp thụ huân là không hợp lý, không kham năng. Lại nữa các sư Kinh bộ không nói chỉ có sắc gọi là tâm pháp, không có đẳng vô gián duyên, tâm và tâm pháp 4 duyên định. Nếu nói thường riêng có tâm câu khởi, sở y ngã chấp đây không có lỗi. Lại nữa tất cả mọi thời ngã chấp theo đuổi là không hợp lý. Nghĩa là nếu không nói có nhiệm ô ý thì trong tất cả mọi thời nghĩa không thuận hợp. Thí v.v... các địa vị thiện cũng có ngã chấp thường theo đuổi tự bảo ta có thể tu hành thí v.v... Không lìa vô minh thì ngã chấp đeo đuổi. Không lìa y chỉ nên có vô minh. Vì đó là tâm pháp nên chỗ y chỉ này lìa nhiệm ô ý chắc chắn không có. Không phải thiện tâm là chỗ vô minh y chỉ. Sẽ đúng đạo lý nếu như nói:

*Như thế nhiệm ô ý,  
Là sở y của thức.  
Đây chưa diệt trừ thức,  
Thì không thể giải thoát.*

Nói không có 2, tức là bất cộng vô minh cùng với 5 đồng pháp. Ba thành mâu thuẫn, tức là huân thích từ, 2 định sai biệt, và sinh trời Vô tướng ngã chấp đeo đuổi. Như vậy 3 thứ đều thành mâu thuẫn. Trước đã lược nêu bất cộng vô minh. Nay để giải thích rộng nên nói chân nghĩa. Tâm sẽ sinh v.v..., nghĩa là có thể làm chướng ngại cái thấy nghĩa chân thật. Kia nếu hiện hữu cái bất sinh này thì đồng hành tất cả phần là trong thiện, bất thiện, vô ký thường theo chuyển nghĩa.

Luận nói: Cái thứ ba là tâm thể, nếu lìa thức A-lại-da thì không thể có được. Vì vậy thành lập thức A-lại-da làm tâm thể và do tâm này làm chủng tử ý và thức chuyển.

Giải thích: Cái thứ ba là tâm thể nếu lìa thức A-lại-da không thể có cái gì khác. Nghĩa là như tiếng ý là nói nhiệm ô ý, tiếng ý thức vô



gián diệt, tức là nói 6 thứ chuyên thức. Như vậy tiếng tâm, lia 2 thứ kia thì không được một cái thể nào cả. Không phải không có cái thể mà có năng thuyên. Cũng không phải 2 tiếng dị môn ý thức, vì khác sở thuyên. Trong đây tiếng thể là lấy ý sở thuyên. Vì vậy thành tựu thức A-lại-da v.v... là làm rõ thức A-lại-da quyết định là lý sở thuyên của tâm.

Luận nói: Vì nhân duyên gì thức A-lại-da cũng gọi là tâm?

Vì là nơi tích chứa các chủng tử huân tập.

Giải thích: Do chủng chủng pháp, nghĩa là do các phẩm loại của chuyên thức. Thân giữ chủng tử huân tập của các pháp, nghĩa là huân thành các công năng sai khác. Chỗ tích chứa, nghĩa là các chủng loại tạp nhập tích chứa trong đó. Chữ “vì”, nguyên Hán văn là “cố”, đây là dựa vào nghĩa của môn nghĩa. Tức hiển thị chuyên nhân của tiếng tâm.

Luận nói: Lại nữa vì sao trong Thanh Văn thừa không nói cái tâm này là thức A-lại-da, thức A-đà-na?

Vì đây là lĩnh vực cực kỳ vi tế. Bởi vì sao? Vì trí giác của các Thanh Văn không chuyển đổi trong tất cả đối cảnh. Cho nên đối với họ tuy tách rời thức A-lại-da không nói, mà vẫn được trí giác, thành tựu giải thoát, nên Phật không nói. Còn trí giác của các Bồ-tát thì quyết định chuyển đổi trong tất cả đối cảnh, vì vậy Phật nói cho Bồ-tát. Nếu lia trí giác này không dễ gì chứng được trí Nhất thiết trí.

Giải thích: Do đây thân giữ cảnh vi tế rất sâu, nghĩa là đây hiển thị thức A-lại-da cũng là vi tế rất sâu, cũng là cảnh sở tri. Do vi tế rất sâu nên không nói cho Thanh Văn là hạng chỉ thân nhiếp cảnh sở tri thô thiên. Cần phải hóa độ cho nên cảnh trí vi tế sâu xa đối với họ là không đem lại lợi ích. Nói bởi các Thanh Văn không chuyển nơi tất cả cảnh trí, nghĩa là đây cho thấy họ không có công năng mong cầu xứ tướng. Nói vì vậy đối với họ tuy không nói v.v..., nghĩa là đối

với Thanh Văn tuy không nói thức A-lại-da chỉ vì do sắc v.v... các cảnh giới thô thiên, chính khi quán sát tính khổ tập v.v..., các hành vô thường v.v... có thể vĩnh viễn đoạn tất cả phiền não. Họ dựa vào nghĩa này, nơi Thế Tôn siêng tu phạm hạnh. Nói thô thiên nghĩa là thể tướng các sắc pháp thô cho nên thụ v.v... hành tướng sở duyên của các pháp dễ phân biệt được. Hành tướng thô cho nên mâu thuẫn với đây. Vì vậy mà nói thức A-lại-da là sâu xa vi tế. Như nói: Ta không nói một pháp chưa thấu đáo, chưa biết khắp, đó là mật ý mà nói không đoạn phiền não là dùng tiếng biệt tướng mà nói chỗ tổng tướng, chẳng phải phiền não có chỗ đoạn dứt riêng biệt. Hoặc lấy các hành của cộng tướng vô thường cho nên không nói thức A-lại-da cũng không có lỗi. Nếu các định của Bồ-tát chuyển trong tất cả cảnh trí thì rõ ràng Bồ-tát có sức mạnh của chủng tính do tương ưng đầy đủ với công năng mong cầu xứ tướng. Nhất thiết trí tính vì thời xứ khác, không thể làm việc nghĩa lợi cho người. Sở dĩ vì sao? Chẳng phải nhất thiết trí không có khả năng tùy thuận biết ý lạc của người khác. Tùy miên giới, căn hơn kém, có khả năng không khả năng, thời gian sai khác đều có thể làm đầy đủ nghĩa lợi cho người khác. Đó là điều mong cầu của Bồ-tát. Vì vậy mà nói thức A-lại-da. Nếu lìa các trí này, nghĩa là nếu lìa cái trí của thức A-lại-da thì không thể vĩnh viễn đoạn trừ, vì đối với nghĩa biến kế kia không đoạn dứt. Trí vô phân biệt thì không được có chấp. Vì nghĩa có biến kế sở chấp nên do đó không dễ chứng được trí nhất thiết trí. Sở dĩ vì sao? Có thể chứng tất cả cộng tướng sở tri là trí phân biệt biết nghĩa biến kế phân biệt tự tướng, lần lượt trải qua những bất đồng vì vô giới hạn cho nên chắc chắn không thể chứng đầy đủ tất cả. Nếu biết đây chỉ có thức A-lại-da có thể sinh sức chuyển biến tập khí nên nghĩa hữu tình, ngã, hiển hiện mà chuyển. Bây giờ biết được không có nghĩa sở thủ. Như vậy cũng có thể biết được không có năng thủ. Do đó chứng được trí vô phân biệt. Tiếp đến là trí hậu đắc như chỗ quán tập thông đạt pháp tính, do cộng tướng của tất cả pháp hiển hiện nhất vị chân

như, biết tất cả pháp, trong một sát-na cũng dễ chứng đắc vì tất cả cảnh trí chẳng phải là vô biên. Nhưng lại nói cần phải trải qua 3 vô số kiếp là đây hiển thị sự tích chứa tư lương rất to lớn mới có thể chứng đắc quả trí vi diệu của tất cả chủng tướng to lớn thù thắng. Như vậy nên nói diệu trí tư lương không lìa pháp năng chứng và cảnh vô ngã. Vì vậy có tụng nói:

*Chẳng nơi tất cả cảnh sở tri,  
Không đoạn các chấp pháp phân biệt,  
Mà lại chứng được nhất thiết trí,  
Cho nên nói rõ pháp vô ngã.*

Vì không giỏi thông đạt lý giáo như vậy nên có tụng như sau:

*Do kia có liên tục kham năng,  
Phải biết như lửa nuốt tất cả,  
Cho nên chấp nhận nhất thiết trí  
Làm được tất cả biết tất cả.*

Cho nên đối với thức A-lại-da này, biết hay không biết, dễ chứng hay khó chứng, trí nhất thiết trí chắc chắn theo tông này là nói như vậy. Chẳng phải biết tất cả pháp vô ngã là nhất thiết trí. Kia tuy là nhất thiết trí nhưng chẳng phải nhất thiết chủng trí.

## NHIẾP ĐẠI THỪA LUẬN THÍCH

### QUYỀN 2

#### 2 – 2. Sở tri y

Luận nói: Lại nữa trong Thanh Văn thừa cũng có cách khác hoặc mật ý, đã nói đến thức A-lại-da. Như trong Tăng Nhất A-cấp-ma nói: Chúng sinh trong thế gian yêu A-lại-da, ưa A-lại-da, vui A-lại-da, thích A-lại-da. Để đoạn trừ những A-lại-da như thế nên khi Như Lai thuyết chính pháp cung kính lắng nghe, trụ tâm cầu pháp, tùy thuận tu hành. Như Lai ra đời vô cùng kỳ diệu như vậy, và chính pháp hi hữu xuất hiện ở thế gian. Trong Kinh Tứ Đức, bằng một cách khác, bằng mật ý cũng đã hiển lộ thức A-lại-da. Trong Kinh A-cấp-ma của Đại chúng bộ cũng dùng cách khác và mật ý gọi thức này là căn bản thức, giống như gốc rễ của một cái cây. Trong Hóa địa bộ cũng dùng cách khác và mật ý gọi thức này là cùng sinh tử uẩn. Tuy có nơi có lúc thấy sắc mất đi, tâm mất đi, nhưng chủng tử của chúng trong thức A-lại-da chẳng mất.

Giải thích: Trong Thanh Văn thừa cũng dùng mật ý của các môn phái khác để nói thức A-lại-da. Đây nêu các bộ khác cùng thành lập để thấy rõ rằng thức A-lại-da như con đường lớn vua đi. Trong tựa chung trước nói Tăng Nhất A-cấp-ma, tức là nói trong Thuyết nhất thiết hữu bộ. Ái A-lại-da, câu này nói chung thức A-lại-da tham trước. Lạc A-lại-da là thức A-lại-da thích đời hiện tại. Hân

A-lại-da là mừng đời quá khứ đã sinh thức A-lại-da. Hỷ A-lại-da là vui vì đời sau sẽ sinh thức A-lại-da. Cái tính này đối với A-lại-da kia cực kỳ mong muốn, cho nên do thích, mừng, vui nên gọi chung là Ái A-lại-da. Vì để đoạn trừ A-lại-da như vậy, nghĩa là để vĩnh viễn làm hại nó. Khi nói chính pháp, nói chính giáo pháp. Cung kính, nghĩa là vui muốn nghe. Lắng nghe, nghĩa là lập nguyện nghe. Đây tức là do nghe mà được thành trí. Trụ tâm cầu hiểu rõ, nghĩa là ngừng nghĩa lý được nghe đều mong cầu quyết định. Đây tức là do tư duy thành trí. Nói pháp tùy pháp hành, nghĩa là sở chứng là pháp, đạo là tùy pháp, vì tùy thuận theo giáo pháp. Lại đạo xuất thế gọi là pháp. Đạo thế gian gọi là tùy pháp. Hành là tự tâm tu hành liên tục, vì thụ tăng nên khiến hiện tiền được tự tại. Đây tức là nói do tu hành mà thành trí. Như Lai xuất hiện trong Kinh Tứ Đức, do mật ý của các môn phái khác mà đã hiển thị thức A-lại-da, nghĩa là trong kinh này nói rõ Như Lai xuất hiện ở đời ở 4 đức đáng ngợi khen. A-cấp-ma v.v... trong Đại chúng bộ, nghĩa là nhiều lần thành lập thức này trong bộ ấy. Nói căn bản thức như con đường lớn vua đi, nghĩa là nó là nhân của các thức khác, cho nên ví rễ cây là nhân của chồi cây. Nói Hóa địa bộ v.v... là trong bộ ấy có 3 thứ uẩn. Một là nhất niệm khoảnh uẩn, nghĩa là có pháp sinh diệt trong một sát-na. Hai là nhất kỳ sinh uẩn, nghĩa là pháp hằng tùy chuyển cho đến khi chết. Ba là cùng sinh tử uẩn, nghĩa là pháp hằng tùy chuyển cho đến khi được Kim cương dụ định. Đây nếu trừ thức A-lại-da kia mọi thứ sẽ không có. Chỉ tên khác gọi là thức A-lại-da. Như nói các uẩn chắc chắn không có tận cùng sinh tử. Kia hỏi vì sao? Đây đáp có xứ. Có khi kiến v.v... có xứ. Ở nơi giới có khi nơi phần ở Vô sắc giới các sắc gián đoạn. Ở trời Vô tưởng và 2 định phần, các tâm gián đoạn. Không phải nói chủng tử sắc tâm ở trong thức A-lại-da. Cho đến đời tri đạo chưa sinh, có khi gián đoạn không kế đặc. Tùy chỗ thích ứng có nghĩa chính, kế đặc là nghĩa mé, trái vượt nghĩa chính là không hợp đạo lý.

Luận nói: A-lại-da là nơi y cứ của các pháp sở tri như vậy nên nói thức A-lại-da là tính, thức A-đà-na là tính, tâm là tính, A-lại-da là tính, căn bản thức là tính, cùng sinh tử uẩn là tính v.v... Do cách trình bày khác và mật ý mà thức A-lại-da thành con đường đi của Đại vương.

Giải thích: Chữ “đẳng” là v.v... tức nói các Thánh giả Thượng tọa bộ cũng nói thức này là hữu phần. Thức A-lại-da là có nhân, như nói 6 thức không tử không sinh, hoặc do hữu phần, hoặc do nghịch duyên mà chết, do dị thực ý thức giới mà sinh. Như vậy năng dẫn phát là chỉ có ý thức nên nói như vậy. Năm thức đối với pháp thì không hiểu biết, chỉ dẫn phát. Ý giới cũng vậy, chỉ tìm cầu kiến, chỉ chiếu rọi, quán triệt, tức là được trí quyết định an lập, đó là khả năng khởi phân biệt. Sáu thức chỉ có khả năng tùy khởi oai nghi, không thể thụ các nghiệp đạo thiện hay bất thiện, không thể nhập định, không thể xuất định. Tất cả đều có thể khởi làm, do có khả năng dẫn phát từ ngũ uẩn thức, do có công dụng nên thấy những điều trong chiêm bao. Những điều như vậy Phân biệt thuyết bộ cũng nói thức này là hữu phần thức. Đó là định lượng Thánh giáo của các bộ, cho nên thức A-lại-da như đại lộ của vua đi.

Luận nói: Lại còn một loại giải thích nói rằng tâm, ý và thức tên gọi khác nhau nhưng nghĩa là một. Nói thế không đúng. Ý và thức đã có hai nghĩa khác nhau thì phải biết nghĩa của tâm cũng khác.

Lại có một loại nói rằng Đức Bạc-già-phạm có nói chúng sinh yêu A-lại-da ... cho đến nói rộng hơn, đó chính là lấy 5 thủ uẩn gọi là A-lại-da.

Lại có người khác bảo tham cùng với lạc thụ là A-lại-da, những người khác thì bảo Tát-ca-da kiến là A-lại-da. Các sư này do giáo nghĩa và chỗ chứng biết của họ đối với tầng thức không được sáng tỏ nên lập ra kiến chấp như vậy. Tên A-lại-da được lập theo Thanh Văn thừa là cũng không đúng đạo lý. Nếu không mê muội, lấy tầng

thức an lập, gọi tên là A-lại-da, an lập như vậy là hơn cả. Hơn cả như thế nào?

Là vì nếu 5 uẩn là A-lại-da thì sinh trong đường ác một bề chịu khổ rất đáng chán nghịch, chúng sinh tuyệt đối không khởi yêu thích, vậy mà nói chấp tàng, là không hợp lý. Nếu tham với lạc thụ là A-lại-da thì Tứ tĩnh lự trở lên đã không có, chúng sinh cõi ấy thường có sự chán nghịch, vậy mà nói chấp tàng, là không hợp lý. Nếu Tát-ca-da kiến là A-lại-da thì những người tin hiểu vô ngã trong chính pháp thường có sự chán nghịch, vậy mà nói chấp tàng, là không hợp lý. Trong thức A-lại-da có mang tính ngã, nên tuy sinh nơi đường ác một bề chịu khổ muốn rời khổ uẩn, nhưng đối với tàng thức ngã ái thường theo trói buộc, chưa từng có ý cầu mong lìa bỏ. Dẫu sinh Tứ tĩnh lự trở lên thường chán nghịch tham và lạc thụ, nhưng đối với tàng thức vẫn bị ngã ái thường theo trói buộc. Dẫu ở trong chính pháp này, người tin hiểu vô ngã chán nghịch ngã kiến, nhưng đối với tàng thức vẫn bị ngã ái thường theo trói buộc. Cho nên lập ra thức A-lại-da đặt tên A-lại-da là đúng hơn cả.

Giải thích: Lại có một loại là cho rằng tâm, ý, thức, nghĩa một mà văn khác. Đây là hiển thị tà chấp. Như nói tên tâm, ý, thức đều đồng một nghĩa thì nghĩa đó không thành, là phi nghĩa lý. Ý và thức có 2 nghĩa sai khác, nghĩa là 2 tiếng 2 nghĩa năng thuyên, sở thuyên tự tướng khác nhau. Nghĩa là 6 thức thân quá khứ không gián đoạn gọi là ý. Hiểu rõ cảnh giới gọi là thức. Còn như tên ý thức nghĩa có khác. Như vậy nghĩa của tâm cũng có khác.

Lại có một loại bảo rằng Bạc-già-phạm có nói v.v..., đây là nói các sự khác đối với Ái A-lại-da v.v... khởi chấp nghĩa khác. Nói 5 thủ uẩn là A-lại-da, nghĩa là vì các chúng sinh tiếp nhận nó làm ngã. Nói tham cùng lạc thụ gọi là A-lại-da, nghĩa là tham thụ đồng hành gọi chung là A-lại-da. Thụ này tham tùy tăng miên, hoặc riêng biệt gọi là A-lại-da vì khác chỗ chấp trước. Nói Tát-ca-da kiến là A-lại-

da, nghĩa là do cái tính đây lấy kia làm ngã. Các sư này do giáo và chứng không biết thức A-lại-da nên có chấp như vậy. Nghĩa là các sư kia có ác giáo có ác chứng nên không biết thức A-lại-da. Hoặc các sư kia do không có thầy đích thân dạy dỗ, hoặc không tự liễu giải nên không biết thức A-lại-da. Tùy theo Thanh Văn thừa an lập đạo lý cũng không phù hợp, nghĩa là tùy theo tông phái của mình cũng không hợp lý. Như Thắng luận v.v... lập thật v.v..., họ chẳng có thắng gì cả vì có lỗi. Như vậy an lập là tối thắng vì không có lỗi và có thắng đức. Để làm rõ sự kế chấp kia là lỗi nên lại hỏi: Hơn cả là thế nào? Nếu lập 5 thủ uẩn là A-lại-da, sinh vào đường ác, nơi hoàn toàn chịu khổ, là sinh Nại-lạc-ca, bàng sinh, ngạ quỷ gọi là sinh vào đường ác chỉ có chịu khổ. Tương tự khổ hiện nên gọi là nơi hoàn toàn chịu khổ, do kia chưa từng có chút vui. Rất đáng chán nghịch, trong tất cả mọi lúc có nhiều khổ nên chúng sinh hoàn toàn không khởi yêu thích, không phải có nghĩa không yêu mà có chấp tàng vì không phù hợp với nghĩa chấp tàng. Trong đó chấp tàng là không đúng lý vì chúng thường cầu mau xả bỏ. Đó là nghĩa thường than vãn đối với khổ uẩn. Vì sao phải khiến ngã không khổ uẩn chẳng cầu mau lìa mà lại chấp tàng mới đúng đạo lý? Vì mâu thuẫn. Đệ tứ tinh lự và cõi Vô sắc ở trên hằng không có tham cùng lạc thụ, thường có chán nghịch, là nhân của chán nên có thể nghịch lại cái ác. Nói đây đủ kia, nghĩa là Đệ tứ tinh lự trở lên hữu tình có đủ các chủng loại kia cho nên nơi kia chấp tàng cũng không đúng lý, vì không có. Ở đây tin hiểu vô ngã trong chính pháp thường rất chán nghịch Tát-ca-da kiến là vì phải đoạn trừ. Thấy vô ngã, là vì nó không có, chỉ lấy sự tin hiểu hằng cầu mong đoạn trừ. Trong đó chấp tàng cũng không đúng lý. Như vậy là đã làm rõ cái chấp kia là lỗi. Lại phải hiển thị cái thắng đức của tông mình. Thức A-lại-da thâm nhiếp tính nội ngã, nghĩa là chúng sinh vọng chấp cái thể của nội ngã. Tuy nhiên 2 tiếng là lặp lại sự ngăn chặn kia nói vọng kế. Nại-lạc-ca v.v... gọi là sinh ác thú, hoàn toàn ở nơi khổ xứ mặc dầu đối với khổ uẩn thường cầu xa lìa.



Nhưng nó hăng ở trong thức A-lại-da bị ngã ái trói buộc không rời, không bao giờ ở trong đó không khởi ái. Do xả thụ tương ưng nên không chán nghịch. Sở dĩ vì sao? Nó tuy mong muốn làm sao phải khiến ngã các khổ uẩn đều không có. Nhưng với tự ngã chưa bao giờ muốn lìa bỏ ngã kiến. Đối trị chưa có nên nẻo thú khác lại không, cho nên đối với các uẩn có ưa thích. Đây tức là sức của A-lại-da, chẳng phải nơi ý thức có ngã ái này. Đó là đúng đạo lý. Bởi trong các nẻo ác hăng cùng tương ưng với khổ thụ, do đạo lý này trong các nẻo thú khác cũng không tương ưng với mong muốn của nó. Tuy sinh Đệ tứ tinh lự trở lên đối với tham và lạc thụ hăng có chán nghịch nhưng cái ngã ái bên trong trói buộc không rời. Như vậy ngã ái là y tha mà chuyển y A-lại-da chẳng phải nơi ý thức. Bởi A-lại-da cho đến đối trị đạo chưa sinh không chuyển biến đổi. Ý thức thì không như vậy, vì trong Vô tướng định, Vô tướng Diệt định có gián đoạn. Chẳng phải có ý thức mà không có thụ cùng thành hữu, cho nên trong chính pháp tuy tin hiểu vô ngã, tuy hăng chán nghịch phân biệt ngã kiến nhưng có ngã kiến câu sinh trói buộc. Đây là ở đâu? Nghĩa là kia chỉ ở nơi thức A-lại-da mà Thanh văn liền chấp nội ngã sợ sinh cho nên duyên gì không chấp nhận thì liền nơi các uẩn có ngã ái. Bởi nếu nơi đó có ngã ái tức đó là thức A-lại-da, do có thể phân biệt hành tướng sở duyên. Bốn vô sắc uẩn ở trời Vô tướng, 2 Vô tâm định không liên tục nên nếu vậy A-la-hán tuy chán nghịch thân kiến cũng phải có. Như vậy ngã ái đoạn nên không có. Vì

A-la-hán tất cả ngã kiến đều đã vĩnh đoạn nên không có lỗi này. Cho nên nói A-la-hán đã chuyển ở nơi thức A-lại-da không có ngã ái này nữa. Cho nên an lập thức A-lại-da gọi là thức A-lại-da quyết định thành tựu, không có các lỗi, có các thắng đức, nên nói là thành tựu tối thắng.

Lược nói: Như vậy là đã nói về sự thành lập thức A-lại-da. Vậy an lập tướng này như thế nào?

An lập tướng này, sơ lược có 3 thứ: một là an lập tự tướng, hai là an lập nhân tướng, ba là an lập quả tướng.

An lập tự tướng của thức A-lại-da nghĩa là căn cứ tất cả các pháp tạp nhiễm được huân tập làm nhân sinh ra các pháp, do khả năng thâm giữ chủng tử tương ưng.

An lập nhân tướng của thức A-lại-da nghĩa là tất cả chủng tử của thức A-lại-da lúc nào cũng cùng các phẩm loại tạp nhiễm hiện tiền kia làm nhân.

An lập quả tướng của thức A-lại-da nghĩa là căn cứ các pháp tạp nhiễm đã huân tập từ vô thủy đến nay mà thức A-lại-da liên tục sinh khởi.

Giải thích: Như vậy là đã an lập dị môn. Tiếp đến là an lập tướng. Vì chỉ do cái tên, chưa rõ tự tướng của thức này cho nên phải nói tự tương ưng. Tướng sơ lược có 3, là phân tích tướng tự tương ưng của thức này, bởi 2 thứ nhân quả khác nhau. Dựa vào tự tướng của thức nói như vậy. Nghĩa là dựa vào tất cả pháp tạp nhiễm phẩm được huân tập. Tức là tham sân v.v... gọi là tất cả pháp tạp nhiễm phẩm cùng với nó có khả năng huân tập cùng sinh diệt nên thành chủng tử. Tức công năng này mong nó sẽ làm sinh nhân. Do có thể gìn giữ chủng tử tương ưng, nghĩa là ở nơi xứ thứ năm nói đệ tam chuyên, là nghĩa có thể gìn giữ chủng tử tương ưng. Trong đây gìn giữ chủng tử tương ưng, nghĩa là pháp có sinh thì cùng sinh cùng diệt nên thành huân tập. Như vậy huân tập gìn giữ chủng tử là đúng đạo lý. Cái đây tương ưng nên có thể sinh nơi kia. Chẳng phải tối thắng v.v... như đã nói gìn giữ chủng tử tương ưng, cũng chẳng phải đẳng vô gián duyên v.v... Kia tuy có thể tiếp nhận mà không phải nhân tối thắng, vì gìn giữ chủng tử không tương ưng. Nhân tối thắng là chủng tử thức A-lại-da có thể gìn giữ đây cho nên có thể cùng kia làm sinh nhân chứ chẳng phải chỉ tiếp nhận. Phải do gìn giữ công năng

huân tập mới là nhân. Cho nên nhân tướng tức là tác dụng tăng thịnh. Công năng huân tập có thể làm nhân tính. Hiện tiền có thể sinh pháp tạp nhiễm nên quả tướng tức là gồm trong chuyển thức. Tham v.v... các pháp tạp nhiễm hiện hành huân tập giữ lại gọi là quả tướng. Thức A-lại-da nhân quả bất định cho nên phải nói:

*Nói huân tập sinh ra,  
Các pháp đây theo kia,  
Dị thực cùng chuyển thức,  
Lại làm duyên cho nhau.*

Luận nói: Lại nữa những gì là huân tập? Huân tập là năng thuyên, vậy sở thuyên là gì?

Nghĩa là dựa vào pháp kia mà cùng sinh cùng diệt. Trong đó có tính năng sinh làm nhân cho cái khác, gọi là sở thuyên. Như trong mè có ướp hoa Mè và hoa cùng sinh cùng diệt. Tức là mè có mùi hoa. Lại như nói người tu hành tham lam, đó là cái tham huân tập, dựa vào cái tham cùng sinh cùng diệt, cái tâm này mang cái nhân sinh mà sinh. Hoặc người đa văn thì đa văn huân tập, dựa vào cái nghe tác ý rồi cùng sinh cùng diệt, cái tâm này mang cái nhân kia mà sinh. Do đó tính chất huân tập có công năng gìn giữ, nên gọi là người giữ gìn chính pháp. Nên biết ý nghĩa huân tập của thức A-lại-da cũng như vậy.

Giải thích: Lại nữa những gì là huân tập v.v..., là vì muốn hiểu rõ một cách chắc chắn tự tướng của huân tập, ân cần đòi hỏi khó hiểu biết được. Nghĩa là y vào pháp kia cùng sinh cùng diệt. Trong đây có năng sinh tính nhân kia, nghĩa là sở huân này cùng năng huân kia đồng thời sinh diệt. Nhân kia đây có tùy thuận năng sinh năng huân chủng loại tập khí của quả pháp đều nói là giản, khác thời sinh diệt là biệt thường trú. Đây là hiển thị các kế chấp khác nhau của huân tập. Nói y tức là nhân. Nơi nhân lập chữ duyên. Như nói y vào mây mà có mưa v.v... Nêu lên nhân tính đó là hiển thị trong đây có nhân

thể có khả năng tùy thuận sinh quả. Như trong mè có ướp hoa v.v... nghĩa là nêu lên cái khác cộng thành, dụ cho nghĩa của tông mình. Do sở kiến của mình, mè và hoa đều do tâm biến, nên giống như mè cùng hoa thơm cùng sinh cùng diệt, bởi đó là nhân tùy thuận năng sinh. Sau liên tục từng sát-na mè mang hương thơm của hoa. Đây cũng như vậy. Lại như lập ra người tu hành tham v.v..., tham v.v... huân tập v.v...đây là nêu lên các bộ cộng thành huân tập dụ cho tông nghĩa của mình.

Luận nói: Lại nữa, chủng tử các pháp tạp nhiễm trong A-lại-da là khác và biệt lập hay không khác biệt?

Các chủng tử kia không phải thật vật và biệt lập, nhưng ở trong A-lại-da cũng không phải không khác biệt. Nhưng thức A-lại-da có thể sinh các công năng sai biệt kia, nên có tên là Nhất thiết chủng tử thức.

Giải thích: Chủng tử tất cả pháp là công năng sai biệt của thức A-lại-da. Như tác dụng của pháp với thể của các pháp chẳng phải một chẳng phải khác. Đây cũng như vậy.

Luận nói: Lại nữa làm sao biết được thức A-lại-da với các pháp tạp nhiễm kia đồng thời làm nhân cho nhau?

Ví như đèn sáng do ngọn lửa đèn đốt cháy tim đèn, đó là đồng thời. Cũng như bó cây lau đồng thời dựa vào nhau mà đứng. Hãy quán sát đạo lý làm nhân cho nhau ở đây cũng vậy. Như thức A-lại-da là nhân của các pháp tạp nhiễm, các pháp tạp nhiễm cũng là nhân của thức A-lại-da. Chỉ như vậy mới thành lập nghĩa nhân duyên, ngoài ra không có nghĩa nhân duyên nào khác.

Giải thích: Ví như lúc đèn sáng, tim đèn và ngọn lửa đèn sinh ra hiện tượng đốt cháy tim đèn làm nhân quả cho nhau. Thức A-lại-da cùng các chuyển thức trong một thời gian làm nhân quả cho nhau, tính chất của chúng cũng như vậy. Cũng như vậy bó cây lau dựa vào

nhau mà đứng không ngã. Nếu lúc bấy giờ cái này có thể gìn giữ cho cái kia khiến đứng được không ngã thì lúc ấy cái kia có thể giữ cho cái này khiến đứng được không ngã. Chỉ an lập nhân duyên như vậy, nghĩa là như trước nói tiếp nhận gìn giữ chủng tử tương ứng chứ chẳng phải gì khác. Vì những gì khác không làm nhân duyên được, nghĩa là những pháp khác tiếp nhận gìn giữ chủng tử không tương ứng. Nếu nói 5 nhân là nhân duyên, đó là thuyết của các môn phái khác. Ba nhân của thức A-lại-da là đồng loại, biến hành, dị thực nếu lia cái nhân tính tự nhiên huân tập thì không tương ứng. Cho nên huân tập nếu lia thức A-lại-da thì không thể có được. Tương ứng nhân là tâm và tâm pháp đối đãi nhau. Cảnh giới thụ dụng có tự công năng, như người khách buôn không lia công năng. Thức A-lại-da có khả năng y vào chủng tử khởi câu hữu nhân, tức A-lại-da cùng với các chuyển thức nếu lia nhân câu hữu như vậy, thì nội ngoại chủng tử của thức A-lại-da chắc chắn không có nhân duyên nào khác.

Luận nói: Vì sao huân tập thì không khác không xen tạp, mà có thể làm nhân cho các pháp có khác biệt có xen tạp?

Như tấm vải áo được nhuộm. Lúc mới nhuộm tuy chưa có gì khác biệt đa dạng, nhưng khi nhuộm xong thì màu sắc, đường nét, hoa văn hiển hiện. Thức A-lại-da cũng vậy. Các pháp được huân tập là đa dạng, trong khi huân tập tuy chưa thấy được các dạng tướng, nhưng khi sinh quả thì hiện thành vô số phẩm loại dị tạp.

Giải thích: Thế nào là huân tập không khác v.v..., là câu hỏi về lý, y vào lý mà nói theo cách thông thường là như loại hàng dệt có nhuộm hoa văn. Các loại hàng có hoa văn là hàng có đường nét trang trí và màu sắc khác nhau. Hàng này khi dệt không thấy có đường nét màu sắc gì khác. Nguyên Hán văn dùng chữ quả sinh, tức là khí cụ dùng để nhuộm. Do tiếp nhận nên gọi là nhập vào thức A-lại-da thì hiện tượng các pháp hiện ra như nhuộm cái áo, nhuộm rồi mới thấy đường nét màu sắc hiển hiện.

Luận nói: Các pháp duyên khởi hiển hiện như thế trong Đại thừa là rất sâu xa vi tế. Nếu nói sơ lược có 2 thứ duyên khởi: một là phân biệt tự tính duyên khởi, hai là phân biệt ái phi ái duyên khởi.

Trong đây các pháp y chỉ thức A-lại-da mà sinh khởi là phân biệt tự tính duyên khởi, vì có thể phân biệt các tự tính làm tính của của duyên.

Duyên khởi lại được phân tích làm 12 chi, gọi là phân biệt ái phi ái duyên khởi, vì đối với nẻo thiện nẻo ác có thể phân biệt các tự thể là ái hay phi ái làm tính của duyên.

Giải thích: Như vậy pháp duyên khởi trong Đại thừa rất vi tế, nghĩa là thế gian khó hiểu biết được. Rất sâu, nghĩa là Thanh Văn khó có thể thấu triệt được. Duyên khởi, nghĩa là do có nhân làm khởi lên, sau khi có nhân rồi đến có duyên. Phân biệt tự tính, nghĩa là trong phân biệt có thể lực, hoặc trong phân biệt có nhu cầu nên nói là phân biệt. Tức thức A-lại-da có thể phân biệt tự tính, vì có thể phân tích tất cả các pháp có sinh tính tạp nhiễm thành ra khác nhau. Phân biệt ái phi ái, nghĩa là vô minh v.v... 12 chi phần trong khả năng phân tích nẻo thiện nẻo ác có thể ưa thích hay không thể ưa thích, nó là duyên vượt trội trong việc sinh khởi các tự thể sai biệt. từ thức A-lại-da khi sinh các hành v.v...do thể lực của vô minh v.v... làm cho có sai biệt như phúc, chẳng phải phúc, bất động v.v...

Luận nói: Trong thức A-lại-da, nếu ngu mê duyên khởi thứ nhất, thì hoặc phân biệt tự tính cho là nhân, hoặc chấp tác tác là nhân, hoặc chấp tự tại biến hóa là nhân, hoặc chấp thật ngã là nhân, hoặc chấp cho là không có nhân không có duyên. Nếu ngu mê duyên khởi thứ hai, thì chấp cái ngã là kẻ tạo tác, cái ngã là kẻ nhận chịu. Ví như có nhiều người mù bẩm sinh chưa từng thấy con voi. Có người đem voi đến nói cho chúng biết. Những người mù kia người sờ được cái vòi, người sờ được ngà, người sờ tai, người sờ chân, người sờ đuôi, người sờ lưng. Có người hỏi con voi hình dáng như thế nào, người thì đáp

con voi như cái chuôi cày, người nói như cái chày, , người nói như cái rỏ, người nói như cái cối, người nói như cây chổi, người nói như đá núi. Nếu không hiểu rõ hai duyên khởi này thì cũng như người mù vô minh vậy. Hoặc chấp tự tính là nhân, hoặc chấp thật ngã là nhân, hoặc chấp không nhân không duyên, hoặc chấp cái ngã là kẻ tạo tác, cái ngã là kẻ lãnh chịu. Nhân tính và quả tính của tự tính thức A-lại-da như tự tính con voi mà những người mù không biết.

Giải thích: Do không rõ nghĩa của 2 thứ duyên khởi, ví như người mù bẩm sinh. Hoặc có chấp tác nghiệp đời trước làm nhân, tôn giảm quả sử dụng nên thành tà chấp.

Luận nói: Nếu nói sơ lược thì thức A-lại-da là thức dị thực. Tất cả chủng tử là tự tính của nó và có thể bao gồm tất cả tự thể, tất cả các nẻo trong 3 cõi.

Giải thích: Để hiển thị tự tính liễu biệt của bản sinh nên lại nói nêu sơ lược v.v..., nghĩa là trong nhiều đời do huân tập nghiệp thiện bất thiện, phân biệt chấp trước năng thủ sở thủ. Chủng tử sinh dị thực bản sự của hữu tình là tính. Thức A-lại-da cùng với chủng tử các pháp tạp nhiễm là tự tướng. Nói có thể thâm nhiếp 3 cõi, nghĩa là có thể thâm giữ ràng buộc trong cõi Dục, Sắc và Vô sắc. Bởi vì sao? Như sắc với chuyển thức có nơi có lúc có liên tục gián đoạn. Thức A-lại-da thì không như vậy. Cho đến trị sinh, nó hằng duy trì biến khắp các địa vị.

Luận nói: Ở đây có 5 bài tụng như sau:

*Trong ngoài không hiểu rõ,  
Thế tục và thắng nghĩa.  
Chủng tử có 6 thứ,  
Sát-na diệt, câu hữu,  
Hằng tùy chuyển nên biết.  
Quyết định, đọi các duyên,*

*Chỉ năng dẫn tợ quả.  
 Kiên, vô ký, khả huân,  
 Tương ưng với năng huân.  
 Sở huân chẳng phải khác,  
 Đó là tướng huân tập.  
 Sáu thức không tương ưng,  
 Ba sai biệt khác nhau.  
 Trước sau không câu hữu,  
 Đồng loại thành sai lầm.  
 Các chủng tử ngoài trong,  
 Có năng sinh , năng dẫn.  
 Như cây khô, người chết,  
 Thời gian sau mới dứt.*

Giải thích: Trước đã nói chung tất cả chủng tử là để hiển thị chủng tử sai biệt như vậy. Tiếp lại nói 5 bài tụng. Nói trong, ngoài v.v..., lúa thóc v.v... là chủng tử ngoài, thức A-lại-da là chủng tử trong. Nói không rõ ràng là vì vô ký. Nói 2 thứ là ngoài và trong, hoặc quả và nhân. Đây đều duy thức do tính gìn giữ nhân. Tập nhiễm, thanh tịnh 2 pháp chuyển cho nên có bài tụng này. Nói 2 tức là chấp nơi nhân nơi quả. Lúa thóc v.v... chủng tử ngoài gọi là thể tục, vì thức A-lại-da biến hiện. Nói thẳng nghĩa, tức A-lại-da là chủng tử thật. vì nó là tính nhân duyên thật của tất cả chủng tử và là thể của nó. Hai loại chủng tử này có 6 thứ sai biệt. Sát-na diệt, là sinh ra rồi hoại diệt ngay không gián đoạn, không có trụ mãi làm chủng tử. Trong mọi thời không sai biệt nên tuy sát-na diệt nhưng chẳng phải đã diệt. Cái gì câu hữu đã diệt sinh quả? Không đúng, như con gà đã chết mà cất tiếng gáy. Cho nên phải chấp nhận rằng chủng tử và quả đồng thời trụ. Vì đây và quả không mâu thuẫn nhau như rễ của hoa sen. Tuy là câu hữu nhưng chẳng phải trụ trong một hai ba sát-na, như ánh sáng điện. Nên biết như thế nào? Đây hằng tùy chuyển, chuyển chuyển từng sát-na, trải qua nhiều thời gian



hằng tùy duyên. Sở dĩ vì sao? Vì căn kia tồn ích đồng với các chi v.v... Nếu hằng tùy duyên thì phi chấp nhận thiểu phân lạc làm chủng tử, do nhân duyên gì không từ tất cả tất cả câu sinh? Để tránh câu hỏi này nên nói chắc chắn tuy hằng tùy duyên bởi công năng các chủng tử cố định nên không theo tất cả tất cả câu sinh. Vậy vì sao không ở tất cả mọi thời thường hay sinh quả? Để tránh lỗi này nên nói chờ đợi các duyên. Không phải tất cả mọi thời đều gặp gỡ các duyên nên không có lỗi. Nay chủng tử này là chủng tử của ai? Đáp câu hỏi này là chỉ có thể dẫn tự quả. Có chỗ nói duy, nghĩa là nếu lúc bấy giờ có thể sinh tự quả, tức lúc bấy giờ gọi là chủng tử. Chủng và hữu chủng đều là vô thủy, cho nên nói duy này ngăn chặn cái tương tục v.v... là thể của chủng tử. Như có chỗ nói vì chủng tử pháp không tương ưng nên phải đợi tương ưng với sở huân năng huân. Tính của chủng và hữu chủng mới lập, để làm sở huân nên nói là kiên v.v... Nếu pháp liên tục tùy chuyển trụ vững như mè v.v... mới là sở huân. Chẳng phải không kiên trụ, như âm thanh v.v... chẳng phải chỉ kiên trụ. Lại nữa có tính vô ký mới là sở huân. Như bình đẳng với tất cả mùi hương mới tiếp nhận sự huân tập. Chẳng phải quá thơm như trầm hương xạ hương v.v... không phải quá hôi như tỏi v.v... Nói có thể huân, là nếu vật có thể xông ướp hoặc có thể chịu sự xông ướp, từng phần từng phần lần lượt hòa vào nhau mới gọi là có thể xông ướp. Không phải như vàng đá v.v... có thể nhận sự huân tập, vì không thể từng phần từng phần hòa nhập vào nhau. Chẳng phải chỉ có thể huân mà còn phải cùng với năng huân kia tương ưng mới gọi là sở huân. Không phải tồn tại khác biệt mà đồng thời đồng xứ không tức không ly gọi là tương ưng. Đầy đủ các đức tính này có thể gọi là sở huân. Chẳng khác đây, chẳng phải âm thanh là ngăn chặn tính sở huân của tất cả chuyển thức, như trên nói là vì nghĩa mâu thuẫn nhau. Thể của thức A-lại-da là kiên trụ, cho đến trị sinh liên tục tùy chuyển, không hề gián đoạn, tính chi vô ký không thiện không ác, tính có thể huân hoặc có thể thụ huân.

Vì không thường trụ nên năng huân tương ưng câu sinh diệt. Đó là tướng của huân tập. Là pháp kia nên sở huân là năng tương, huân tập là sở tương. Lại các chuyển thức quyết chắc không phải sở huân bởi 6 thức không có tương ưng nhất định. Bởi vì sao? Vì 3 sai biệt mâu thuẫn nhau. Nếu 6 chuyển thức nhất định câu hữu thì không nên có sở y, sở duyên, tác ý 3 thứ riêng biệt. Vì có riêng biệt nên 6 chuyển thức không nhất định câu sinh. Không câu sinh nên không nhất định tương ưng, không tương ưng cho nên làm gì có tính sở huân năng huân? Nếu nói niệm trước huân vào niệm sau mà thành huân tập thì nghĩa này không phải vậy vì 2 niệm đó không câu hữu. Đây cũng hiển thị do 2 sát-na không câu hữu nên không nhất định tương ưng. Vì không tương ưng nên không có tính sở huân năng huân. Nếu nói dựa vào cú nghĩa của chủng loại, 6 thứ chuyển thức hoặc hai sát-na đồng một loại thức, hoặc loại sát-na không có sai biệt do khác phẩm, hoặc tức thức kia hoặc sát-na kia có huân tập nhau chẳng phải tất cả. Đây là không đúng lý, vì thí dụ chủng loại ngoài ra đều thành lỗi. Tâm của A-la-hán cũng không ra ngoài thức loại. Kia cũng phải là bất thiện sở huân vì là một loại pháp. Hoặc loại ví dụ ngoài ra đều thành lỗi, là nghĩa lỗi của các loại khác ngoài ví dụ. Nghĩa này là thế nào? Nghĩa là nhãn v.v... các căn là tính thanh tịnh sắc, đều thuộc loại căn. Ý căn cũng thành tính tạo sắc vì cùng nghĩa căn. Chỉ có sở huân tập là có chấp khác. Hoặc nói 6 thức lần lượt huân lẫn nhau, hoặc nói niệm trước huân niệm sau, hoặc nói huân thức sát-na chủng loại tất cả đều không đúng lý. Cho nên chỉ nói thức A-lại-da là sở huân tập chứ không phải các thức khác, đó là nói đúng. Như vậy ngoại nội 2 thứ chủng tử đều là sinh nhân và là dẫn nhân. Nếu ngoại chủng tử chờ đợi này mầm là năng sinh nhân, chuyển đến tâm chồi là năng dẫn nhân. Thức A-lại-da là nội chủng tử chờ đợi danh sắc là năng sinh nhân, chuyển đến 6 xứ, cho đến lão, tử là năng dẫn nhân. Sinh nhân là như vậy, còn dẫn nhân thì thế nào. Để đáp câu hỏi này cho nên nói khô chết. Do năng dẫn mà

nói. Nếu 2 chủng tử chỉ làm sinh nhân mà không dẫn nhân, nghĩa là các hạt giống lúa thóc thả vào kho lẫm không phải liên tục tương tự thời gian lâu, như cây chết sau khi chôn xanh bầm v.v... Phần vị tùy duyên cũng không phải có cái gì vừa mới chết liền hoại diệt. Vì sao ví như sau tự nhiên diệt? Ví như bắn mũi tên, sức buông dây cung là năng dẫn nhân khiến mũi tên lia dây cung mà không rơi ngay xuống đất. Sức của cây cung là dẫn nhân của mũi tên khiến mũi tên bay xa phía trước tới chỗ đến. Không phải chỉ sức buông dây cung là năng sinh, nếu vậy sẽ rơi ngay. Cũng không phải động lực lần lượt đẩy nhau nên không rơi. Đã lia cây cung bay đi xa tới chỗ đến nên biết trong dây có 2 sức làm cho mũi tên bay đi. Đó là năng sinh và năng dẫn. Có câu tụng nói tự nhiên rồi sau diệt, nghĩa là câu ấy chỉ thẳng vào lý tăng ích dẫn nhân, không phải nói thí dụ. Sở dĩ vì sao? Vì dầu thắp đèn cạn hết thì không phải đợi một duyên gì bên ngoài nữa, lửa đèn tự nhiên dần dần mới tắt, không phải tắt ngay lúc mới đầu. Do đạo lý này quyết chắc phải có công sức năng dẫn. Nay các hành của nội pháp chưa hết cũng phải có thứ thế lực như vậy lần lượt năng dẫn khiến không đoạn tuyệt.

Luận nói: Để làm rõ chủng tử trong, chẳng phải như chủng tử ngoài, ở đây có 2 bài tụng như sau:

*Ngoài, hoặc không huân tập,  
 Chẳng phải như ở trong.  
 Đa văn huân tập không,  
 Sinh quả, là phi lý.  
 Làm: mất, không làm: được,  
 Mâu thuẫn nên thành lỗi.  
 Chủng tử ngoài, duyên trong,  
 Là do kia huân tập.*

Giải thích: Như vậy là đã luận về chủng tử ngoài trong, tính của chúng đều thô nhưng không đồng loại. Lại nói “Ngoài hoặc

không huân tập” v.v..., chữ “hoặc” là nghĩa phân biệt không quyết định. Nghĩa là ngoại chủng tử hoặc có huân tập, hoặc không huân tập. Như than, phân bò, lông tóc tùy thứ tự sinh. Mè, rễ hoa sen xanh và cây xương bồ v.v... không phải mè v.v... cùng với than kia cùng sinh cùng diệt mà huân tập lẫn nhau rồi từ nó sinh ra. Như vậy là ngoại chủng hoặc không huân tập. Như mè v.v... cùng tràng hoa v.v... cùng sinh cùng diệt, do huân tập nên sinh mùi thơm v.v... Như vậy là ngoại chủng hoặc có huân tập. Như vậy sự phân biệt ngoại chủng là không nhất định. Cho nên nói hoặc nội chủng tử, tức là tất cả pháp huân tập trong thức A-lại-da. Như vậy nên biết rằng chủng tử nhất định do huân tập mà có. Bởi vì sao? Nếu không có chỗ giữ gìn duy trì thì có nghe huân tập v.v..., đa văn v.v... sẽ không thấy có quả. Lại nữa ngoại chủng tử như lúa thóc v.v... hoặc tuy có gieo trồng nhưng hư mất, như cỏ lúa v.v... có thứ không gieo trồng mà mọc. Vì sao nội chủng không như ngoại chủng? Có lỗi là có làm mà không được hoặc không làm mà được? Cho nên tiếp đáp rằng vì vậy thành mâu thuẫn. Bởi nội chủng tử với ngoại chủng tử không đồng pháp nên gọi là mâu thuẫn. Nếu ngoại chủng tử với nội chủng tử có sai biệt thì tại sao không mâu thuẫn với văn trước đã nói thức A-lại-da là chủng tử chân thật của tất cả pháp? Để tránh câu hỏi này nên nói là ngoại chủng. Nội là duyên v.v... bởi lúa thóc v.v... chủng tử ngoại pháp đều là chủng tử chúng sinh cảm thụ dụng nghiệp huân tập dựa vào sức của A-lại-da biến hiện. Cho nên ngoại chủng là nội không có chủng tử nào khác. Như có tụng nói:

*Trời, đất, gió, hư không,  
Ao hồ cùng biển lớn,  
Đều chính trong làm ra,  
Phân biệt không có ngoài.*

Có vô số tụng như vậy.

Luận nói: Lại nữa những chuyển thức khác, phổ biến khắp tất cả tự thể trong các nẻo gọi là thức thụ dụng. Như trong Luận Trung Biên Phân Biệt, có bài tụng nói như sau:

*Một là nhân duyên thức,  
Hai là thụ dụng thức.  
Trong đây năng thụ dụng,  
Phân biệt suy tâm pháp.*

Giải thích: Các nẻo là trời v.v... Năng thụ dụng là 6 chuyển thức. Vì thụ dụng nên theo duyên mà sinh. Cảnh giới sở duyên có thể phân biệt nên để hiển thị nghĩa này dẫn bài tụng trong Luận Trung Biên Phân Biệt là chí giáo lượng. Nói trong đây, tức trong các thức này. Năng thụ dụng là thụ uẩn. Năng phân biệt là tướng uẩn. Năng suy là hành uẩn. Tư năng suy tâm, nơi chúng chuyển thành tối thắng. Cho nên nói như vậy 3 uẩn đều có thể trợ giúp tâm thụ dụng cảnh giới nên gọi là tâm pháp.

Luận nói: Như vậy hai thức lại làm duyên cho nhau, như trong Kinh Đại Thừa A-tì-đạt-ma, có bài tụng như sau:

*Các pháp với tàng thức,  
Như tàng thức với pháp.  
Thường làm quả cho nhau,  
Cũng làm nhân cho nhau.*

Giải thích: Trong đây là làm rõ thức A-lại-da với các chuyển thức làm duyên cho nhau. Dẫn A-cấp-ma cho vững thêm. Nói các pháp tàng chứa trong thức v.v... như Luận Du-già Sư Địa có nói trong Nhiếp quyết trạch phần. Thức A-lại-da cùng các chuyển thức làm 2 duyên. Một là chủng tử của chúng. Hai là sở y của chúng. Là chủng tử nghĩa là có thiện bất thiện vô ký khi chuyển thức chuyển tất cả đều dùng thức A-lại-da làm chủng tử. Là sở y nghĩa là do thức A-lại-da chấp thụ sắc căn, 5 thứ thức thân dựa vào đó mà chuyển chẳng phải

không chấp thụ. Lại nữa do có thức A-lại-da cho nên có được Mạt-na. Do Mạt-na này làm y chỉ nên ý thức được chuyển. Ví như y chỉ vào nhãn v.v... 5 căn. Năm thức thân chuyển không phải không có 5 căn. Ý thức cũng vậy chẳng phải không có ý căn. Lại nữa các chuyển thức cùng thức A-lại-da làm 2 duyên. Một là ở trong hiện pháp có khả năng nuôi lớn chủng tử kia. Hai là trong pháp sau này làm cho nó được sinh vì nó thâm giữ làm phát triển chủng tử kia. Trong hiện pháp nuôi lớn chủng tử kia, nghĩa là như y chỉ thức A-lại-da thiện bất thiện vô ký khi chuyển thức chuyển, như vậy như vậy ở một y chỉ đồng sinh đồng diệt huân tập thức A-lại-da. Do nhân duyên này về sau chuyển thức cái tính thiện bất thiện vô ký chuyển càng tăng trưởng, càng mạnh mẽ, chuyển càng sáng tỏ, ở trong pháp về sau làm cho chúng được sinh. Thâm giữ làm phát triển chủng tử kia, nghĩa là nó huân tập chủng loại có thể dẫn nhiếp thức A-lại-da dị thực vô ký về sau. Như vậy là chủng tử kia là sở y của nó nên nuôi lớn chủng tử, thâm giữ làm phát triển chủng tử. Cho nên phải biết thiết lập thức A-lại-da cùng các chuyển thức có tính làm duyên cho nhau.

Luận nói: Nếu trong duyên khởi thứ nhất, 2 thức làm nhân duyên cho nhau, thì trong duyên khởi thứ hai, duyên gì là tăng thượng duyên? Như vậy thì 6 thức được bao nhiêu duyên sinh ra?

Do tăng thượng duyên, sở duyên duyên và đẳng vô gián duyên. Như vậy 3 thức duyên khởi là cùng sinh tử, ái phi ái thú và năng thụ dụng có đủ cả 4 duyên.

Giải thích: Nếu trong duyên khởi thứ nhất, nghĩa là trong duyên khởi phân biệt tự tính. Như vậy 2 thức làm nhân duyên cho nhau, tức là như đã nói trước. Trong duyên khởi thứ hai, nghĩa là trong duyên khởi phân biệt ái phi ái. Là duyên tăng thượng, là vì tối thắng nên do sức vô minh v.v... tăng thượng cho nên khiến hành v.v... cảm quả dị thực trong các nẻo thiện ác. Như vậy 6 thức 3 duyên sinh, là trong đây nhãn thức, nhãn là tăng thượng duyên, sắc là sở duyên duyên, vô

gián diệt thức là đẳng vô gián duyên. Như nói nhãn thức từ 3 duyên sinh, như vậy nhĩ v.v... mỗi mỗi chuyển thức đều từ 3 duyên riêng biệt sinh, nghĩa của sinh bình đẳng, như tiền nhãn thức phân biệt tự tính chỉ nhân duyên sinh, ngoài ra 3 duyên chẳng phải thật có. Như vậy 3 thứ duyên khởi gọi là tận cùng sinh tử có đủ 4 duyên, là tùy chỗ thích ứng chứ chẳng phải đều có đủ 4. Nên biết rằng chỉ có tâm tâm pháp mới có đủ 4.

Luận nói: Như vậy là đã an lập các tướng và tự tướng sai biệt của thức A-lại-da. Nhưng làm sao biết là tự tướng sai biệt và tướng ấy quyết định chỉ ở thức A-lại-da mà không ở các chuyển thức?

Bởi vì nếu xa lìa cái thức A-lại-da đã được an lập thì tạp nhiễm và thanh tịnh không thành. Nghĩa là phiền não tạp nhiễm, nghiệp tạp nhiễm, sinh tạp nhiễm không thành thì thế gian thanh tịnh, xuất thế gian thanh tịnh cũng không thành.

Giải thích: Đã dẫn tự tha Thánh giáo thành lập thức A-lại-da, phải dựa vào chính lý trịnh trọng thành lập. Cho nên lược hỏi lược đáp như vậy. Thánh giáo, chính lý đều có công năng riêng, như có tụng nói:

*Thánh giáo và chính lý,  
Có công năng riêng biệt.  
Để phát sinh tín tuệ,  
Nên không một không thành.*

Bởi nếu lìa thức A-lại-da này muốn lập dị môn và tướng ở nơi khác đều không thể có tạp nhiễm thanh tịnh. Cho nên biết quyết định có thức A-lại-da. Nói tạp nhiễm, là nghĩa lẫn lộn, ô trọc, bất tịnh. Nói thanh tịnh, là nghĩa tươi, tinh khiết, trừ sạch. Tạp nhiễm có 3: một là do phiền não tạo ra, hai là do nghiệp tạo ra và ba là do sinh tạo ra. Thanh tịnh có 2: một là thế gian thanh tịnh, bởi đạo hữu lậu tạm thời tồn phục, hiện phiền não, hai là xuất thế gian thanh tịnh, bởi đạo vô lậu rốt ráo đoạn diệt, kia tùy miên.

Luận nói: Vì sao phiền não tạp nhiễm không thành?

Vì các phiền não và tùy phiền não do huân tập thành chủng tử, nếu nói ở trong 6 thức thân thì không hợp lý. Bởi vì sao? Nếu nói nhãn thức với tham v.v... phiền não và các tùy phiền não cùng sinh cùng diệt, thì chủng tử là do nhãn thức này và các phiền não tùy phiền não kia huân tập chứ không do gì khác. Vậy nếu nhãn thức này đã diệt rồi, các thức khác xen vào huân tập, thì chỗ sở y của huân tập không thể có được. Như vậy khi các thức khác xen vào thì thức trước hiện không có thật thể. Như vậy nói nhãn thức cùng với tham v.v... cùng sinh là không hợp lý. Bởi vì nhãn thức kia đã thuộc quá khứ, hiện tại không còn thật thể mà sinh quả dị thực là không hợp lý. Lại nữa nói nhãn thức với tham v.v... cùng sinh nên có huân tập cũng không đúng. Nhưng sự huân tập này không y nơi tham vì tham dục kia là năng y, không kiên trụ, cũng không thể nói trụ ở các thức khác vì các thức khác có sở y riêng biệt, và cũng không quyết định cùng sinh cùng diệt, cũng không thể trụ nơi tự thể được vì tự thể kia quyết định không có cùng sinh cùng diệt. Cho nên nói nhãn thức với tham v.v... các phiền não và tùy phiền não có sự huân tập là không hợp lý, mà thức này cũng không phải do thức khác huân tập. Nên biết rằng nhãn thức như vậy thì các chuyển thức khác cũng vậy.

Giải thích: Và lại dựa vào chuyển thức trước nói phiền não tạp nhiễm không thành. Cho nên nói nếu lập nhãn thức v.v... tức nhãn thức này, nghĩa là tham v.v... huân nhãn thức. các thức khác xen vào, là nhĩ thức v.v... xen vào huân tập như vậy, và thức sở y đã diệt mất rồi cho nên đều không thể được. Nhãn thức cùng với tham v.v... cùng sinh, là lúc sau nhãn thức với tham, sân, si xen nhau cùng khởi, do không có nhân nên không đúng đạo lý. Bởi vì quá khứ kia nhãn thức không có tự thể không thể làm nhân. Như từ quá khứ hiện nghiệp vô thể sinh quả dị thực là điều không hợp đạo lý. Như các sư Kinh bộ



cho rằng quá khứ vô thể, quả dị thực của nó là do hiện huân tập dẫn phát ra. Các sư Tì-bà-sa cho rằng quả dị thực sinh từ nghiệp quá khứ. Điều này không nên chấp nhận. Sở dĩ vì sao? Vì quá khứ là không, do thí dụ này các tâm tham v.v... sinh là không đúng đạo lý. Như vậy đã nói chỉ chấp nhận tham v.v... câu sinh nhãn thức tham v.v... huân tập, các thức khác xen khởi. Về sau nhãn thức tham v.v... câu sinh là không đúng lý. Nay sẽ luận trở lại, tức cái tham v.v... này câu sinh, nhãn thức có huân tập cũng không thành. Cho nên nói “Lại nữa nhãn thức này” v.v... Nói “Nhưng huân tập này không trụ trong tham” bởi tham y vào thức, tham hệ thuộc vào thức, thức không y vào tham, chẳng phải năng y tham, thụ sở y huân tập. Đúng đạo lý đó là năng huân. Vì không kiên trụ, là chính ngăn chặn tham dục là tính sở huân, cũng không thể trụ trong các thức khác. Nghĩa là không được trụ trong nhĩ thức v.v... Vì sở y riêng biệt, nghĩa là sở y là nhĩ v.v... vì nó khác biệt nên thức cũng riêng khác. Thức y vào nhãn căn làm sao có thể huân thức y vào nhĩ v.v... Lại nữa bắt câu cho nên chẳng phải bắt câu có được tính sở huân và năng huân. Đây tức hiển thị tướng không huân tập. Lại nữa không được trụ trong tự thể, nghĩa là chẳng phải tức nhãn thức trở lại huân nơi nhãn thức. năng huân sở huân làm, là vì tác nghiệp tương tạp đã qua. Lại nữa thức này chẳng phải thức sở huân, là nghĩa của nhãn thức này chẳng phải nhĩ thức v.v... huân tập, vì chỗ sở y riêng khác như trước đã nói. Chỉ như vậy mới lập được nghĩa lý. Kia tất cả chúng đều không hợp lý. Nếu như cần phải biết thì tùy chỗ thích ứng phải biết tất cả cái lý lập phá của các chuyển thức.

Luận nói: Lại nữa, từ các cõi trên như trời Vô tướng chết rồi sinh xuống cõi này, bấy giờ các phiền não và tùy phiền não nhiễm cái thức ban đầu, cái thức này lúc phát sinh đúng ra phải không có chủng tử, vì chỗ y chỉ và những gì thức kia được huân tập đã thành quá khứ, hiện tại không còn thật thể.

Giải thích: Từ các cõi trên như trời Vô tướng chết rồi sinh xuống cõi này, nghĩa là từ cõi trên chết sinh về cõi Dục. Bảy giờ phiền não và tùy phiền não, nghĩa là tham, sân v.v... Nhiệm cái thức ban đầu, nghĩa là khi tiếp tục sinh thì có cái thức lúc mới sinh. Bảy giờ tất cả phiền não tự địa nhiễm ô, chẳng phải như các sư Kinh bộ muốn buộc vào cái phiền não đã đoạn và tâm quá khứ là có thể theo nó mà hiện hành trở lại. Cái tâm đã mất kia làm sở y cho cái này là không đúng đạo lý. Bởi cái tâm đã mất kia cũng không thành. Nếu vậy sao không nói ngay là cái kia? Bởi cái kia không nhất định là nhiễm ô. Lại nữa đây và kia không sai biệt, nên nói kia hay nói đây rốt cuộc nào có khác gì?

Luận nói: Lại nữa, cái thức đối trị phiền não nếu sinh thì tất cả các thức thế gian đều diệt. Bảy giờ nếu tách rời thức A-lại-da mà nói các chủng tử phiền não và tùy phiền não ở trong thức đối trị là không hợp lý, vì tự tính của thức đối trị là giải thoát, nó không cùng sinh diệt với các phiền não và tùy phiền não. Rồi sau đó cái thức thế gian sinh ra lại. Bảy giờ nếu tách rời thức A-lại-da thì các thức huân tập và chỗ y chỉ đã thành quá khứ từ lâu, hiện không còn thật thể thì cái thức thế gian được sinh lại, phải không có chủng tử. Vì vậy cho nên nếu tách rời thức A-lại-da thì mọi phiền não tạp nhiễm đều không thành.

Giải thích: Nếu cái thức đối trị phiền não đã sinh v.v..., nghĩa là như trước tiên quả hướng dự lưu, kiến đoạn phiền não đối trị đạo sinh, tất cả các thức thế gian đã diệt. Bảy giờ nếu không có thức A-lại-da, tu đoạn phiền não, các tùy miên y trụ vào đâu? Chẳng phải thức đối trị mang chủng tử kia là đúng đạo lý. Do tính của thức đối trị này là giải thoát. Tức là tự tính có nghĩa cực kỳ thanh tịnh. Không cùng sinh diệt với bao nhiêu phiền não và tùy phiền não, là vì năng trị sở trị mâu thuẫn nhau như sáng với tối.. Đây là hiển thị sự không tương ứng với tướng của chủng tử kia. Lại nữa về sau, nghĩa là sau khi kiến đạo ở trong địa vị tu đạo. Quá khứ đã lâu, hiện không có tự

thê, đây là phá quá khứ, lập nghĩa không thật. Phiền não đắc v.v... của các sư Tì-bà-sa, các sư Kinh bộ đã phá xong nên không phải phá nữa. Nhưng theo các sư Kinh bộ thì huân tập sở y đều không có tự thê là có lỗi không hợp lý. Cho nên nếu tách rời thức A-lại-da thì đều không thành phiền não tạp nhiễm. Kết thúc biện luận trên mà quyết trạch đạo lý.

Luận nói: Vì sao nghiệp tạp nhiễm không thành? Vì hành duyên thức là không phù hợp nếu không có thức A-lại-da và nếu không có thức A-lại-da này thì thủ duyên hữu cũng không phù hợp.

Giải thích: Hành là duyên thức thì không phù hợp, đây là nói về chuyển thức nghiệp tạp nhiễm không thành. Nghĩa là hành là duyên với tham v.v... câu sinh. Nhãn v.v... các thức là thuộc về thức chi. Đây là không hợp lý. Thức duyên danh sắc là vì có Thánh ngôn nói. Sở dĩ vì sao? Nhãn v.v... các thức sát-na mau hoại, diệt mất đã lâu mà là duyên danh sắc thì không hợp đạo lý. Nếu sợ đây mất đi sự tiếp tục sinh thức là thức chi, đây cũng không phải vậy. Khi tiếp tục sinh, phúc cùng phi phúc và bất động hành đã diệt lâu rồi, cho nên chẳng phải từ cái diệt đã lâu, đây lại sinh trở lại. Lại nữa cái tâm tiếp tục sinh không phải tính vô ký. Nó cùng với ái, nhuế câu sinh nên đã không phải là vô ký. Lấy hành làm duyên là không hợp đạo lý. Nếu nói chuyển thức tương ưng với hành là bởi đây là duyên với thức A-lại-da có thể duy trì sự huân tập gọi là thức chi mới đúng đạo lý. Nếu không thức A-lại-da này thì thủ duyên hữu cũng không phù hợp, nghĩa là huân tập vị, các nghiệp chủng tử dị thực hiện tiền chuyển gọi là hữu. Hoặc lại chuyển được sinh công năng của quả nên gọi là hữu. Hành huân thức nếu không thành tự thì đặt nghiệp chủng tử kia vào đâu mà được gọi là sinh? Quả hiện tiền chuyển gọi là hữu. Cho nên nếu tách rời thức A-lại-da thì nghiệp tạp nhiễm này cũng không thành.

## NHIẾP ĐẠI THỪA LUẬN THÍCH

### QUYỀN 3

#### 2 – 3. Sở tri y

Luận nói: Vì sao sinh tạp nhiễm không thành?

Vì kết sinh liên tục không hợp lý.

Giải thích: Nay để làm rõ rằng nếu không có thức A-lại-da thì cũng không thành việc sinh tạp nhiễm thể. Cho nên nói khi kết sinh liên tục là không phù hợp.

Luận nói: Như có người, không phải ở trong định, khi chết sinh về cõi này, ở trong thân trung hữu, khởi ý thức nhiễm ô, kết sinh liên tục, cái ý thức nhiễm ô ấy ở thân trung hữu diệt thì thành cái thức hòa hợp với Yết-la-lam trong thai mẹ. Như vậy tức là ý thức hòa hợp với Yết-la-lam kia, sau khi hòa hợp rồi thì y chỉ vào thức này, trong thai mẹ có ý thức khác chuyển sinh. Nếu vậy tức phải có 2 ý thức đồng thời chuyển sinh trong thai mẹ. Lại nữa, cái thức cùng với Yết-la-lam hòa hợp kia là ý thức thì không hợp lý, vì y vào nhiễm ô, vì thời gian không gián đoạn, vì sở duyên của ý thức không có. Giả sử cái thức hòa hợp là ý thức thì cái ý thức hòa hợp ấy tức là y chỉ của nhất thiết chủng tử thức, hay thức này sinh các ý thức khác nên gọi là nhất thiết chủng tử thức? Nếu cái thức hòa hợp này là nhất thiết chủng tử thức thì đó tức là thức A-lại-da mà ông dùng tên khác gọi là ý thức. Nếu năng y chỉ thức là nhất thiết chủng tử thức, như vậy tức là sở y nhân thức, chứ không phải nhất

thiết chủng tử thức, năng y quả thức là nhất thiết chủng tử thức. Vậy là không hợp lý. Cho nên cái thức hòa hợp được thành lập này chẳng phải là ý thức, mà đó là dị thực thức, là nhất thiết chủng tử thức.

Giải thích: Phi đẳng dẫn địa có chỗ gọi là Dục giới. Nguyên Hán văn dùng chữ “một” nghĩa là chết. Y vào vị trí trung hữu, nghĩa là ở trung gian giữa 2 hữu của sinh tử. Trung hữu chuyển tâm khởi nhiễm ô, là vì cùng với ái, nhuế câu hữu điên đảo. Nói ý thức, là các thức bấy giờ đã diệt lâu rồi, nên liên tục duy trì sự sinh nên gọi là tương tục. Thân nhận sự sinh nên gọi là kết sinh. Ý thức nhiễm ô này là vì duyên sinh hữu. Ở trong trung hữu diệt, là vì nếu không diệt thì không sinh hữu. Cái thức ở trong thai mẹ lại cùng hòa hợp với Yết-la-lam, nghĩa là khi thức này diệt thì trong thai mẹ có thức dị thực cùng chịu sự an nguy với 2 thứ đồ trắng khiến cùng hòa tạp thành Yết-la-lam. Như Thế Tôn bảo A-nan-đà nếu thức không nhập vào thai mẹ sẽ không hòa hợp Yết-la-lam thành thể tính của Yết-la-lam. Nếu tức là ý thức, nghĩa là nếu thức này không phải thức A-lại-da. Đã hòa hợp rồi, nghĩa là đã thụ sinh. Y chỉ thức này, nghĩa là dựa vào thức dị thực. Có ý thức chuyển, là có chuyển thức khác. Nghĩa là tương ưng cùng với tín v.v... tham v.v... khổ thụ lạc thụ câu phân biệt ý thức về sau chuyển vị. Nếu vậy phải có 2 ý thức đồng thời chuyển trong thai mẹ, nghĩa là thể dị thực hữu tình bản sự không đợi đến bây giờ gia hành mà chuyển, ý thức vô ký và khả liễu tri duyên hành tướng, khổ lạc thụ v.v... tương ưng ý thức là 2 ý thức phải chuyển cùng một lúc trong một thân nhưng không nên chấp nhận vì trái với kinh. Nên tụng nói:

*Không nơi không chứa,  
Chẳng trước chẳng sau,  
Cùng thân cùng loại.  
Hai thức cùng sinh.*

Lại không nên chấp nhận 2 thức này là một tự tính riêng biệt. Lại nữa thức dị thực phải không gián đoạn. Kết sinh liên tục rồi về sau lại

kết sinh nơi khác. Lại thể của dị thực chỉ hằng tương tục mà không có nẻo khác. Lại cùng với thức hòa hợp kia là tính của ý thức thì không hợp lý vì y vào nhiễm ô. Vì thời không gián đoạn, là do lập tông môn cho thấy mâu thuẫn với tự tướng của pháp kia. Nghĩa là cùng quyết định nếu là ý thức thì chẳng phải tất cả mọi nơi, chẳng phải tất cả mọi thứ, chẳng phải tất cả mọi lúc. Dựa vào nhiễm ô cũng như ý thức hậu thời thì cái thức khi kết sinh liên tục trong mọi nơi, mọi chủng loại, mọi thời gian đều dựa vào nhiễm ô tức ở trong trung hữu. Hậu tâm làm chỗ dựa, cái tâm làm chỗ dựa này sinh hữu làm cảnh trong tất cả mọi nơi, tất cả mọi chủng loại, tất cả mọi thời phần là nhiễm ô, cho nên cái thức năng y chẳng phải là ý thức. Nó vượt hơn ý thức. Hoặc có chỗ bảo cái tâm hằng tương ưng với 4 phiền não gọi là nhiễm ô y. Cái tâm đã tương tục phải thành nhiễm ô. Tâm này đã thành lập là tính vô ký dị thực, cho nên do tính dị thực nó không lúc nào gián đoạn, do đây cũng ngăn là tính của ý thức. Nói ý thức sở duyên là bất khả đắc, là nghĩa này tăng thêm sự ngăn cản nhân của ý thức. Nếu là ý thức chắc chắn có thể tự duyên cảnh được. Nghĩa là có thể liễu tri như ở trung hữu. Ý thức sau cùng đã tương tục tâm duyên cảnh giới không thể liễu tri cho nên chẳng phải ý thức, không nên lấy nó trụ Diệt định tâm vì phương hại đây. Không chấp nhận nó là tính của ý thức nên trong đây chỉ nói sở duyên là bất khả đắc vì khó liễu tri cho nên chẳng phải hoàn toàn không có. Bởi vì lúc ấy chẳng phải không có pháp, mặc dầu có mà không thể biết. Từ thiết lập hòa hợp thức, tức là ý thức, cho đến chỉ là dị thực thức, là nhất thiết chủng tử thức, đó là song quan trùng trách, lập chính phá tà, kết lại quy về nghĩa gốc. Văn dễ hiểu không phải giải thích rộng.

Luận nói: Lại nữa sau khi kết sinh liên tục rồi, nếu không có thức dị thực thì sự chấp thụ sắc căn cũng không thể có được. Vì các thức khác đều có chỗ sở y riêng biệt và không kiên trụ. Các sắc căn không thể tách rời thức.

Giải thích: Kết sinh liên tục rồi, nghĩa là đã được tự thể. Nếu lìa thức dị thực, nghĩa là lìa thức A-lại-da. Nói chấp thụ, nghĩa là

có khả năng thu giữ. Nói sắc căn, là trừ ý căn. Cũng bất khả đắc, nghĩa là các chuyển thức đều không thể chấp thụ sắc căn được. Bởi vì sao? Vì các thức khác đều có chỗ dựa riêng, cho nên đây là hiển thị nhãn v.v... 6 căn không có một pháp có thể chấp thụ khắp cả. và lại như nhãn thức chỉ dựa vào mắt. Cũng vậy các thức khác như nhĩ thức v.v... chỉ dựa vào tai v.v... Như vậy chỗ dựa này chỉ cái này có thể chấp thụ. Nếu không phải chỗ dựa này thì cái này không thể chấp thụ. Vì không kiên trụ, tức là vì đây thường thường gián đoạn còn kia thì độc lập sinh khởi, cho nên trong vô tướng v.v... có gián đoạn. Bấy giờ nhãn v.v... không có năng chấp nên không giác thụ. Có thuyết nói thân căn là năng chấp thụ do thể của nó biến khắp. Nghĩa này không phải vậy. Thân căn cũng là sở chấp thụ cho nên lập thân căn này là năng chấp thụ thì lại không cái khác chấp thụ thân căn này nên không thành. Lại nữa Phật phải nói xả bỏ thân căn bấy giờ gọi là chết, không nên nói thọ mạng hơi ấm cùng với thức. Nếu khi xả bỏ thân như vậy, v.v... cho nên thân căn là năng chấp thụ thì không hợp đạo lý.

Luận nói: Nếu không có thức dị thực thì thức và danh sắc nương tựa vào nhau mà chuyển như bó cây lau tựa vào nhau mà đứng cũng không thành.

Giải thích: Như Thế Tôn nói thức duyên danh sắc. Trong đây danh là không phải sắc 4 uẩn. Sắc tức là tính Yết-la-lam. Hai cái này đều dùng thức làm nhân duyên thức. Lại dựa vào sát-na này chuyển liên tục, mà chuyển. thức thì không tách rời thức A-lại-da. Sở dĩ vì sao? Là nêu danh mà nói tức đã gồm chuyển thức. Lại nêu thức mà nói thì còn gồm cái gì? Lại như kinh nói tề thức thoái hoàn. Thức tức là tự thể của thức A-lại-da. Vì dựa vào tính chất chuyển không gián đoạn, nên nói danh sắc này là duyên. Lại như kinh nói: A-nan-đà ! Hoặc nam hoặc nữ, nếu thức đoạn dứt hoại diệt mất thì danh sắc có tăng trưởng rộng lớn chăng? Thừa không Thế Tôn. Hư vậy thì những thứ này không thể lìa thức A-lại-da được.

Luận nói: Nếu tách rời thức dị thực thì loài hữu tình sinh ra rồi sẽ không tồn tại bằng thức thực. Bởi vì sao? Bởi vì trong 6 thức, tùy lấy một thức nào cũng không thể làm việc thức thực cho hữu tình đã sinh trong 3 cõi.

Giải thích: Hữu tình đã sinh không thể thức thực, nghĩa là bởi các chuyển thức là tính thiện v.v... nên không hằng trưởng dưỡng các hữu. Lại nữa nơi 2 định và trời Vô tướng đều không có, cho nên việc ăn không phổ biến khắp 3 cõi. Chẳng phải nhập định v.v... các tâm tâm pháp có thể gọi là ăn, vì kinh không nói, vì đã diệt, tâm tâm pháp diệt cũng chẳng phải là ăn, vì đoàn thực nhiều lần đã quyết định.

Luận nói: Nếu từ cõi này chết, chính khi thụ sinh ở các cõi trên, do không phải ý thức nhiễm ô cõi trên kết sinh tương tục, nó không phải tâm nhiễm ô của cõi trên. Đây không phải tâm nhiễm ô cõi trên nên lia thức dị thực thì không có được thể của một chủng tử nào khác.

Giải thích: Như vậy là đã luận xong trong cõi Dục. Nếu tách rời thức A-lại-da thì sự kết sinh liên tục không thành. Ở cõi Sắc, Vô sắc cũng không thành. Nay sẽ nói rõ. Nếu từ cõi này chết đi, chính khi thụ sinh ở đẳng dẫn địa, nghĩa là khi chết ở cõi Dục sinh lên cõi trên. Do chẳng phải ý thức đẳng dẫn nhiễm ô, nghĩa là cùng cõi kia tương ưng với tham định vị v.v... các phiền não, nếu lia dị thực thức thể của chủng tử chắc chắn không thể có được. Chẳng phải cái tâm trói buộc cõi Dục khi chết có cái thể của chủng tử kia vì không cùng sinh diệt. Không phải cái tâm sinh ở cõi định là cái thể của chủng tử kia. Tức chủng tử trong một tâm có chủng tính không tương ưng, nên không phải trong các cuộc sống khác trước đã có được cái tâm trói buộc cõi Sắc v.v... làm cái thể của chủng tử đem nó huân tập mà các thức khác thì không. Không phải Sắc tương tục làm thể của chủng tử, vì không nhân duyên. Cho nên quyết định là dựa vào thức A-lại-da. Trong đó hằng có từ vô thủy cõi kia huân tập tâm này.



Luận nói: Lại nữa, sinh cõi Vô sắc nếu lìa thức dị thực tất cả chủng tử, thì sẽ không có chủng tử thiện tâm nhiễm ô, thiện tâm nhiễm ô không có chỗ nương tựa và duy trì.

Giải thích: sinh cõi Vô sắc, nghĩa là đã được thụ sinh vào cõi ấy. Thiện tâm nhiễm ô, là cái tâm ái vị và đẳng chí. Phải không chủng tử, là nghĩa của không có chủng tử thức. Phải không có chỗ nương tựa và duy trì, là nghĩa của không có dị thực thức. Bây giờ tất cả tâm và tâm pháp đều phải không có. Cho nên phải chấp nhận tất cả chủng tử và dị thực thức quyết chắc là có. Nhân và chỗ nương tựa duy trì chắc chắn phải có.

Luận nói: Lại nữa, ở cõi kia, nếu tâm xuất thế hiện tiền thì các tâm thế gian diệt hết. Bây giờ đáng lẽ lại phải diệt và rời khỏi cõi Vô sắc kia.

Giải thích: Lại ở cõi kia, là ở cõi Vô sắc. Nếu tâm xuất thế, nghĩa là chính lúc cái tâm vô lậu hiện tiền. Nghĩa là sinh vô lậu thì các tâm thế gian là vô lậu. Ngoài ra đều diệt hết, nghĩa là tất cả vĩnh viễn tiêu diệt. Bây giờ đáng lẽ lại phải diệt và rời khỏi cõi Vô sắc kia, nghĩa là vì cõi kia không thâm nhiếp dị thực, không do công dụng mà tự nhiên được vô dư Niết-bàn, có thể đối trị tất cả sở đối trị hiện tiền, vì đã vĩnh viễn đoạn dứt.

Luận nói: Nếu sinh Phi tướng phi phi tướng xứ, Vô sở hữu xứ, khi tâm xuất thế gian hiện tiền thì hai cõi ấy đều phải diệt và rời khỏi. Cái thức xuất thế gian này không lấy Phi tướng phi phi tướng xứ làm cõi sở y, cũng không lấy Vô sở hữu xứ làm cõi sở y, cũng không phải Niết-bàn là cõi sở y.

Giải thích: Nếu sinh Phi tướng phi phi tướng xứ v.v..., nghĩa là sinh đệ nhất hữu, khi muốn đoạn các phiền não cõi ấy thì vì cái tướng yếu kém nên tự địa không làm được. Vô sở hữu xứ thì sáng tỏ nhạy bén nên khởi thì tâm vô lậu hiện tiền. Khi ấy 2 nẻo thú đều phải diệt ly. Nghĩa là đệ nhất hữu, Vô sở hữu xứ 2 nẻo diệt ly. Bây giờ hữu tình sẽ thành chết mất, vì 2 nẻo thú sở y đều không có. Chẳng phải pháp

vô lậu là ở trong nẻo thú vì nó không ràng buộc, vì nó là đối trị các nẻo thú. Cũng chẳng phải Niết-bàn là sở y của nẻo thú, là vì trụ nơi hữu dư y Niết-bàn giới. Lại nữa tất cả nẻo thú vĩnh viễn diệt ly, cho nên Niết-bàn gọi là nẻo thú của phi nẻo thú. Như vậy đều không có tự thể dị thực, có thể làm sở y cho xuất thế thức.

Luận nói: Lại nữa người khi sắp chết, do tạo thiện tạo ác, thân thể sẽ lạnh dần từ dưới lên hoặc từ trên xuống. Nếu không tin có thức A-lại-da thì sự thể như vậy không thể có được. Vì vậy nếu không có thức dị thực tất cả chúng tử thì tạp nhiễm trong đời này cũng không thành.

Giải thích: Nguyên Hán văn là “trương một thời”, nghĩa là khi sắp chết. Nếu tạo nghiệp thiện thì phần dưới thân thể lạnh dần. Nếu người tạo nghiệp ác thì ngược lại. Nếu không tin có thức A-lại-da thì không có điều này. Sở dĩ vì sao? Bấy giờ ý thức không nơi nào không có, thức A-lại-da có chỗ không có. Do dựa vào chỗ trụ mà có hiện tượng như vậy.

Luận nói: Vì sao sự thanh tịnh của thế gian không thành?

Nghĩa là người chưa lìa bỏ cái ham muốn ràng buộc với cõi Dục, chưa được cái tâm gắn bó với cõi Sắc thì lấy cái thiện tâm ràng buộc với cõi Dục làm cái ham muốn gắn bó với sự lìa dục mà siêng năng gia công tu hành. Vì cái tâm tu hành ràng buộc với cõi Dục và cái tâm gắn bó với cõi Sắc không cùng sinh cùng diệt, nên không phải được kia huân tập mà nói là chúng tử của kia là không hợp lý. Lại nữa, cái tâm gắn bó với cõi Sắc nhiều đời trong quá khứ bị các tâm khác xen cách không thể làm chúng tử cho cái định tâm ngày nay, vì không còn nữa. Vì vậy nên làm thành định tâm gắn bó với cõi Sắc, quả thức dị thực tất cả chúng tử lần lượt truyền lại làm nhân duyên cho hiện nay, còn cái thiện tâm gia hạnh tu hành thì làm duyên tăng thượng. Phải biết lìa dục trong tất cả các địa đều như vậy. Như vậy là thanh tịnh thế gian. Nếu lìa thức dị thực thì tất cả chúng tử sẽ không thành.

Giải thích: Như vậy đã luận xong 3 thứ tạp nhiễm. Đối với các chuyển thức lý không thành. Nay muốn luận thêm rằng thể gian thanh tịnh cũng không thành. Nói chưa lia bỏ cái ham muốn ràng buộc với cõi Dục v.v..., Dục và Sắc 2 ràng buộc gia hành thiện tâm không có nghĩa cùng sinh cùng diệt. Không phù hợp đạo lý sở huân năng huân. Lại nữa cái tâm ràng buộc cõi Dục chẳng phải vô ký nên cũng chẳng phải sở huân. Sự ràng buộc các cõi khác nhau nên chẳng phải nhân duyên của chúng. Cái thiện tâm ràng buộc cõi Sắc có được bao nhiêu đời từ vô thủy sinh tử, không phải chủng tử của thiện tâm ràng buộc cõi Sắc hiện nay. Vì quá khứ nhiều đời nhiều tâm ràng buộc cõi Dục xen cách. Theo các sư Kinh bộ thì quá khứ vô thể, hiện tại không hữu thể, có thể làm chủng tử của thiện tâm ràng buộc cõi Sắc là vô lý. Cho nên thành tựu v.v...kết trên hơi trách công năng của đạo lý chứng minh chắc chắn có thức A-lại-da làm nhân duyên cho chúng. Nay gia hành thiện tâm đối với sự ràng buộc cõi Dục, đó là duyên tăng thượng. Vì là nhân không chung nên uy lực mạnh hơn. Nếu cần phải biết lần lượt trong tất cả các địa lia Dục, tất cả cõi trên đều riêng biệt lia Dục gia hành thiện tâm đều tùy chỗ thích ứng phá tà lập chính, chuẩn theo trên sẽ biết.

Luận nói: Vì sao thanh tịnh xuất thể gian không thành?

Nghĩa là như Thế Tôn nói, y theo lời nói từ người khác và trong tâm tác ý đúng như lý, do đó làm nhân sinh ra chính kiến.

Cái tác ý đúng như lý do lời nói từ người khác là huân tập vào nhĩ thức hay huân tập vào ý thức hay huân tập cả hai?

Nếu tư duy pháp ấy đúng như lý thì bấy giờ nhĩ thức không khởi, ý thức cũng bị các thứ tán động của các thức khác xen vào, nếu khi tương ưng sinh khởi cùng với cái tác ý đúng như lý thì cái ý thức được sự nghe huân tập và sự huân tập kia đã diệt thành quá khứ chắc chắn không còn thật thể, làm sao còn làm chủng tử để sinh ra cái tâm tương ưng với tác ý đúng lý sau này?

Lại nữa cái tương ưng với tác ý đúng lý này là tâm thế gian, còn cái tương ưng với chính kiến là tâm xuất thế, hai cái chưa từng có lần cùng sinh cùng diệt. Vì vậy cái tâm này không phải do cái tâm kia huân tập. Đã không bị huân tập mà nói là chủng tử của tâm kia là không hợp lý. Cho nên thanh tịnh xuất thế, nếu lia quả thức dị thực tất cả chủng tử, cũng không thành. Vì trong đây cái nghe huân tập không tương ưng với nhiếp thụ chủng tử kia.

Giải thích: Nay muốn luận thêm về 6 chuyển thức cũng không thành xuất thế thanh tịnh. Vì sao nói xuất thế v.v..., lời văn đều dễ hiểu không không phải giải thích nữa. Không tương ưng với nhiếp thụ chủng tử kia, là như trước nói nhiếp thụ chủng tử xuất thế thanh tịnh, vì không hợp lý.

Luận nói: Lại nữa, vì sao quả thức dị thực tất cả chủng tử là nhân tập nhiễm, lại có khả năng đối trị xuất thế, còn chủng tử tịnh tâm kia lại là tâm xuất thế, vì từ xưa chưa từng huân tập nên chắc chắn kia không huân tập. Đã không huân tập thì từ chủng tử nào sinh ra?

Vì vậy nên trả lời rằng do chủng tử huân tập bởi chính văn, từ pháp giới rất thanh tịnh đẳng lưu sinh ra.

Giải thích: Lại nữa thế nào ...cho đến chủng tử tịnh tâm, đây cho thấy hoàn toàn không có lý. Chưa bao giờ thấy có chất độc là cam lồ. Thức A-lại-da như là thuốc độc, làm sao có thể sinh ra cái tâm thanh tịnh cam lồ xuất thế? Lại nữa tâm xuất thế cho đến từ thứ gì sinh, đây rõ ràng tịnh tâm chưa từng được, làm sao không nhân mà vội được sinh. Từ rất thanh tịnh đến chủng tử sinh, đây hiển thị tịnh tâm có chủng tử riêng, chắc chắn không từ chủng tử thức A-lại-da mà sinh. Vì sao chủng tử riêng gọi là chính văn huân tập đẳng lưu từ pháp giới rất thanh tịnh? Pháp giới rất thanh tịnh, là pháp giới chư Phật hằng lia tất cả chương khách trần. Nói đẳng lưu, nghĩa là từ pháp giới khởi ra giáo pháp. Giáo pháp không làm điên đảo người nghe nên gọi là chính văn. Y nơi chính văn này khởi huân tập, gọi là huân tập.

Tức huân tập này có thể sinh ra cái tâm vô lậu xuất thế, gọi là chủng tử. Chủng tử như vậy chẳng phải thức A-lại-da, là chưa từng có được.

Luận nói: Cái văn huân tập này là tự tính của thức A-lại-da hay chẳng phải tự tính của thức A-lại-da? Nếu là tự tính của thức A-lại-da thì vì sao là chủng tử đối trị A-lại-da? Nếu không phải tự tính của A-lại-da thì làm sao thấy được chỗ sở y của chủng tử văn huân tập, cho đến chứng được Bồ-đề của chư Phật?

Cái văn huân tập này tùy chuyển ở một chỗ sở y, trú ngụ trong thức dị thực và hòa hợp cùng chuyển như nước với sữa. Nhưng nó không phải là thức A-lại-da vì nó là chủng tử có tính đối trị với A-lại-da.

Giải thích: Cái văn huân tập này cho đến sở y làm sao có thể thấy được? Câu hỏi này hay hỏi đi hỏi lại. Nói sở y riêng biệt cho đến chứng đắc Bồ-đề của chư Phật, nghĩa là cho đến được chỗ sở y của vô cấu vô ngại trí. Cái văn huân tập này, là cái huân tập do nghe kinh giáo không điên đảo dẫn đến. Tùy ở một chỗ sở y mà chuyển, nghĩa là tùy ở một thứ tương tục chuyển ở trong dị thực thức. Cùng với kia hòa hợp cùng chuyển như nước với sữa, nghĩa là tuy cái văn huân tập này không phải là thức ấy nhưng ở trong thức và cùng chuyển với thức. Nhưng không phải thức A-lại-da, nghĩa là cái văn huân tập này là chủng tử của tâm xuất thế, không phải tự tính của thức A-lại-da, cũng không phải chủng tử của A-lại-da, chỉ có tính cùng chuyển và không tách rời nhau nên cho là duy thức. Ví nó có tính đối trị chủng tử kia, tức là đối trị thức A-lại-da, là nhân của trí vô phân biệt, nghĩa của nó như nhiều đồ vật chứa lộn xộn ở trong kho. Nếu có chúng sinh bệnh uống A-già-đà, tuy với uế độc nhiều thời cùng chuyển nhưng vị thuộc hay này tự tính không độc, cũng không phải chủng tử độc, chủng tử văn huân tập cũng vậy.

Luận nói: Trong đây do huân tập bậc thấp thành huân tập bậc trung, do huân tập bậc trung thành huân tập bậc cao vì do nghe, suy nghĩ và tu tập mà đa phần thành tựu do tu tập.

Giải thích: Nói huân tập có thượng trung hạ phẩm v.v...rõ ràng dễ hiểu không phải giải thích nữa.

Luận nói: Lại nữa phải biết chủng tử của chính văn huân tập bậc thấp, bậc trung, bậc cao đều là chủng tử của pháp thân, trái nghịch với thức A-lại-da, và không bao gồm trong thức A-lại-da. Bởi vì nó là tính đẳng lưu của pháp giới rất thanh tịnh xuất thế gian. Tuy là thế gian mà có tính của chủng tử tâm xuất thế. Lại nữa cái tâm xuất thế này tuy khi chưa sinh, đã có công năng đối trị các phiền não trói buộc, có công năng đối trị các nẻo hiểm ác, có khả năng đối trị làm hủ mục các ác nghiệp, lại có thể tùy thuận phụng sự tất cả chư Phật Bồ-tát. Phải biết tuy ở thế gian nhưng cũng là pháp thân đạt được của sơ nghiệp Bồ-tát, và đối với Thanh Văn Độc Giác chỉ mới là giải thoát thân.

Lại nữa cái huân tập này không phải là thức A-lại-da, mà thuộc về pháp thân và giải thoát thân. Nếu như sự huân tập này cứ tuần tự tăng dần từ bậc thấp đến bậc trung, bậc cao thì cũng như vậy quả thức dị thực tuần từ giảm dần tức chuyển cái sở y. Sở y của chủng tử đã chuyển hết rồi, tức quả thức dị thực và tất cả chủng tử chuyển đến không còn chủng tử nữa, tức tất cả chủng tử vĩnh viễn đã hết.

Giải thích: Lại nữa chính văn này cho đến phải biết cũng là chủng tử pháp thân, tức là lược nêu, dưới sẽ giải thích rộng. Trái nghịch với thức A-lại-da, và không bao gồm trong thức A-lại-da, tức là không phải tự tính của nó. Tuy là thế gian, nghĩa là tương tự hữu lậu. Mà là tính của chủng tử tâm xuất thế, tức là có tính hành trang của tâm vô lậu. Trong đây chúng tướng là pháp thân. Dựa vào thế gian mà sinh gọi là thế gian. Trong thức A-lại-da xen tạp lẫn nhau cùng chuyển, cho nên muốn làm rõ huân tập này thắng hơn nên nói cái tâm xuất thế tuy khi chưa sinh đã có thể đối trị các trói buộc của phiền não, đây là nhân đồng loại tương tục chuyển, từng sát-na thế lực trở nên mạnh có thể đối trị, như lửa đốt cháy. Đã có thể đối trị các nẻo thú hung ác, như có tụng nói:

*Các hữu thành thế gian,  
Thượng phẩm chính kiến thì,  
Tuy trải qua ngàn đời,  
Mà không đọa nẻo ác.*

Kia trước do thế lực đã tạo các ác hạnh hoặc đọa nẻo ác cho nên tiếp nói tất cả các ác nghiệp đã tạo ra. Cái văn huân tập này đối trị làm huỷ hoại các năng lực do ác nghiệp đã tạo ra từ vô thủy, vì vậy gọi là đối trị huỷ hoại. Gồm trong pháp thân, tức là nhân kia. Giải thoát thân cũng nói như vậy. Trong đây có chỗ khác nhau giữa pháp thân và giải thoát thân, nghĩa là giải thoát thân là vĩnh viễn xa lìa phiền não chướng trói buộc. Như người dân làng thoát khỏi gông xiềng v.v... đã cùm xích họ. Dứt trừ các khổ tương đương với sự tự do hạnh phúc mà không có tự do hạnh phúc nào hơn. Còn pháp thân là giải thoát sự trói buộc của 2 chướng phiền não và sở tri và các tập khí. Được trang nghiêm bởi lực, vô úy v.v... vô lượng công đức kỳ diệu hi hữu. Tất cả sự giàu sang sung sướng đều được tự tại cao tốt đệ nhất tùy theo ý thích. Ví như một vương tử trước đã được làm phép quán đỉnh, nhưng khi còn nhỏ phạm tội lỗi bị giam nhốt trong ngục vừa được giải thoát tức tương đương như sự giàu sang sung sướng tự tại cao tốt đệ nhất. Tức chuyển sở y, tức như uống thuốc tiên chuyển thân sở y, tuy không phải chết đi thụ sinh trở lại mà trút bỏ yếu kém được thắng hơn. Không chùng tử mà chuyển, là phải biết rằng dị thực quả thức do không có tất cả chủng tử tạp nhiễm cho nên nói là đoạn dứt tất cả chủng. Vĩnh viễn đoạn, là đoạn tất cả mọi phẩm loại chủng tử.

Luận nói: Lại nữa, thế nào gọi là như sữa với nước?

Nghĩa là không phải thức A-lại-da nhưng đồng một chỗ cùng chuyển với thức A-lại-da. Tất cả chủng tử thức A-lại-da hết thì tất cả chủng tử không phải thức A-lại-da tăng. Ví như con ngỗng uống sữa trong nước. Lại như thế gian khi lia đục thì những huân tập không

phải đẳng dẫn địa giảm dần và các huân tập thuộc đẳng dẫn địa tăng dần mà được chuyển y.

Giải thích: Ví như con ngỗng uống sữa trong nước. Lại như thế gian ly dục chuyển y v.v... vẫn dễ hiểu không phải giải thích nữa.

Luận nói: Lại nữa nhập Diệt tận định, thức không rời thân như Phật đã nói. Ở đây thức dị thực thành ra phải không rời thân, chứ không phải vì đối trị Diệt tận định này mà sinh.

Giải thích: Như đã nói tạp nhiễm thanh tịnh không thành đạo lý, quyết định chứng minh có thức A-lại-da. Lại dẫn Diệt định không thành nhân duyên vì hiển phát tiền lực. Nói lại nhập Diệt định v.v..., trừ Phật, Độc Giác nếu A-la-hán, nếu quả Bất hoàn cả các Bồ-tát bất thoái, ngoài ra không thể nhập. Để nói rõ Diệt định với chết khác nhau, cho nên nói thức này không lìa thân. Nói thức, là không tách rời thức A-lại-da. Bởi vì sao? Vì Diệt định không thể đối trị thức này nên chẳng phải để đối trị thức này mà sinh Diệt định. Hành tướng sở duyên khó biết nên chẳng phải để đối trị cái thức không sáng suốt mà nhập Diệt định, vì tính không tịch tĩnh nên khó biết. Vì vậy cho nên Diệt định không thể đối trị thức A-lại-da. Nếu không đối trị thì không diệt. Để đối trị chuyển thức nên định này sinh. Tính không tịch tĩnh của hành tướng sở duyên dễ biết. Cho nên định này chỉ diệt chuyển thức mà không diệt thức A-lại-da.

Luận nói: Cũng không phải xuất định thì thức này sinh trở lại. Do thức dị thực đã gián đoạn, đã lìa kết sinh tương tục nên không sinh lại.

Giải thích: Có chấp cho rằng ở trong định các thức tuy diệt, nhưng khi xuất định thì thức sinh trở lại cho nên nói không lìa thân. Để ngăn chặn sự hiểu nghĩa như thế nên nói. Còn nói chẳng phải xuất định v.v..., vẫn dễ hiểu không phải giải thích nữa.

Luận nói: Nếu có người chấp cho rằng vì có ý thức nên nói Diệt tận định có tâm thì cái tâm này không thành định vì không thể thành,



vì không có hành tướng sở duyên, vì sẽ có lỗi tương ưng với thiện căn, vì bất thiện và vô ký thì không hợp lý, vì sẽ có lỗi hiện hành của tướng và thụ, vì có xúc, vì có công năng đối với Tam-ma-địa, vì sẽ có cái lỗi chỉ diệt tướng mà thôi, vì sẽ có cái lỗi hiện hành của các thiện căn như tư, tín v.v..., vì đánh bật năng y khiến lìa sở y là không hợp lý, vì có thí dụ, vì như đây không có phi biến hành.

Giải thích: Lại nữa nếu chấp vì có ý thức nên Diệt định có tâm thì tâm này là không thành, nghĩa là trong định này cái thức không rời thân quyết không phải là ý thức. Định không thành, là nghĩa tướng và thụ đều không diệt. Do ý thức kia cùng các đại địa chắc chắn không rời nhau. Tướng và thụ 2 thứ đều không diệt nên quyết không thành định. Lại cái thức trong này quyết không phải là ý thức. Hành tướng sở duyên không thể có được. Tất cả ý thức không lìa hành tướng sở duyên, mà trong đây thì không nên không thành. Lại nữa thức trong đây quyết không phải ý thức. Phải có thiện căn hiện hành đã qua, cho nên do đó định tâm này quyết chẳng phải bất thiện cũng chẳng phải vô ký. Vì sao chỉ có thiện? Nghĩa là thiện tâm này rời vô tham v.v... chắc chắn không thể có. Vì tương ưng nên thiện là căn bản của nó. Thiện căn đã có thì tướng thụ 2 thứ sao không hiện hành? Lại vô tham v.v... quyết không lìa xúc nên có được xúc. Định sinh xúc, khinh an là tướng. Thuận lạc, xả thụ nên phải có thụ cùng câu sinh với xúc. Có thụ tướng v.v... nên Phật nói không Diệt định. Hoặc bảo rằng trong đây chán tướng thụ như ung nhọt như tên bắn nên sinh Diệt định. Ở trong định này chỉ tướng thụ diệt. Để ngăn chặn chấp này nên nói lại. Trong Tam-ma-địa có công năng v.v..., nghĩa là trong Tam-ma-địa có công năng làm chán bỏ không phải chỉ cái diệt này. Bởi vì sao? Trong Vô tướng định do phương tiện trước nên sức Tam-ma-địa chỉ có diệt lỗi của tướng. Nếu chán bỏ thì chỉ diệt cái này thôi, nghĩa là trước Vô tướng định chỉ chán bỏ tướng, trong Vô tướng định phải chỉ diệt tướng. Nhưng ông không chấp nhận. Lại như nếu lìa sở y chỉ mà diệt thì quyết định không có năng y chỉ diệt. Cho nên trong

đây tâm cũng phải diệt. Như vậy nếu cái tâm Diệt định không diệt thì phải có hiện hành các thiện căn như tư, tín v.v... Nếu diệt thì tâm định phải diệt. Cho nên không phải chỉ diệt năng y, đã có sở y nhỏ bỏ năng y kia. Vì không hợp lý, vì có thí dụ, nghĩa là có Vô tướng định là thí dụ trong đây. Nếu nó nhỏ bỏ là không hợp lý nên đây phải đều diệt. Hoặc có đại chủng tạo ra thí dụ. Nếu như kia không rời nhau, lại thiện v.v... không phải biến hành khắp đại địa là vì định khác nên có thể ở nơi tất cả tâm, không phải có khắp tất cả. Hai pháp tướng thụ là đại địa cho nên chắc chắn an trụ trong loại biến hành. Cho nên có thứ 2 cái này không có là không hợp đạo lý. Để hiển thị ý này nên nói lại. Như phi biến hành vì đây không có.

Luận nói: Lại nữa do nói trong định này có ý thức nên chấp có tâm, thì tâm này là thiện, bất thiện hay vô ký đều không thành nên không hợp lý.

Giải thích: Lại trong định này cái thức không rời thân quyết chẳng phải ý thức. Bởi không thành tính thiện bất thiện hay vô ký, nghĩa là nếu ý thức quyết định thì hoặc là thiện hoặc là bất thiện hoặc vô ký. Nhưng ý thức này lại chẳng phải là thiện vì lỗi phải có thiện căn tương ưng như trước đã nói. Thế nào là thiện tâm lìa vô tham v.v... Những cái này làm sao phải lìa xúc? Cái này làm sao lại phải lìa biến hành? Vì thụ v.v.. các tâm pháp hoặc lại có chấp, do gia hành thiện tâm dẫn phát nên định tâm là thiện không phải do sức thiện căn tương ưng. Đây và kia do sức tương ưng mà tâm được thành thiện, an lập trái nhau. Lại nữa ở trong đây có định nào duyên tâm gia hành kia? Do vô tham v.v... tương ưng nên thiện, không phải cái tâm của quả đẳng lưu ở nơi định này. Lại nữa không phải tâm này là tự tính thiện. Bởi tự tính thiện là chỉ thiện căn v.v... nhập vào. Lại nữa thiện tâm này không phải thắng nghĩa thiện, chỉ có giải thoát là quyết định cho nên hoặc bảo nếu có thể hòa hợp thì gọi là hòa hợp với xúc. Không phải tất cả xúc đều có thể hòa hợp. Nay trong đây cái xúc đối

với năng sinh thụ không kham năng, chắc chắn là khi gia hành cái thụ kia đã chán bỏ rồi. Phá cái tà chấp này, như trước đã nói, nghĩa là kia chỉ diệt những thứ này v.v... Cho nên trong đây ý thức không có thụ là không hợp lý. Lại nữa trong đây có nhân duyên gì, nếu tầm, tứ, ngũ, hành diệt thì ngũ phải không chuyển. Tưởng thụ v.v... ý hành diệt mà ý còn chuyển là không thể nói được một thí dụ nào. Như thân hành diệt mà thân còn trụ, cho nên ý hành diệt ý cũng phải trụ. Do Bạc-già-phạm nói lia thân hành còn có các nhân khác khiến thân an trụ. Như nói ẩm thức mạng căn thức v.v... Cho nên tuy không có hơi thở ra vào thân vẫn có thể tồn tại. Lia tưởng thụ v.v... chưa từng thấy chưa từng thấy nói có ý hành nào khác. Cho nên trong đây lia tưởng thụ v.v... mà lập ra có ý là không hợp lý. Cho nên cái ý trong định này không phải ý thức. Lại nữa cái thức trong đây cũng không phải là bất thiện vì định là thiện. Trong Vô tưởng định còn không chấp nhận có tất cả bất thiện huống chi là hành trong các định trung gian lần lượt siêu việt hướng đến giải thoát, trong Diệt tận định được có bất thiện? Lại nữa trong thời nay các việc công xảo không cho phép được có, cho nên 3 vô ký trong đây đều không. Nếu chấp nhận trong đây có thức dị thực, tức là thành lập thức A-lại-da. Lại nữa nếu nói có một thứ khác, không phải dị thực hành chuyển gọi là đệ ngũ vô ký. Như vậy là chỉ có cái tên tưởng mà thôi, không khỏi lỗi như trước đã nói.

Luận nói: Nếu lại có chấp sắc tâm sinh liên tục không gián đoạn là chúng tử các pháp, điều này không thành như trước đã nói.

Lại nữa từ các cõi trời Vô sắc, Vô tưởng chết, từ Diệt tận định, Vô tưởng định xuất định thì sẽ không hợp lý. Lại nữa tâm sau cùng của A-la-hán không thành mà chỉ có thể chấp nhận là đẳng vô gián duyên.

Giải thích: Nếu lại có người chấp, tức các sư Kinh bộ chấp sắc tâm liên tục sinh không gián đoạn. Nghĩa là các sắc tâm trước sau liên tục sinh. Là chúng tử các pháp, là các hữu là nhân tính năng sinh. Nghĩa là họ chấp rằng các sắc từ sát-na trước liên tục không

gián đoạn sinh các sắc sát-na sau, tâm từ sát-na trước liên tục không gián đoạn sinh tâm và pháp tương ưng sát-na sau, trong đó thành tựu đạo lý nhân quả, cần gì phải chấp thức A-lại-da là nhân các pháp. Để ngăn chặn chấp này nên tiếp nói điều này không thành như trước đã nói. Như nói 2 niệm không có cùng một lúc v.v... lại có lỗi gì khi bảo rằng khi chết ở cõi Vô sắc, sinh ở cõi Sắc chúng tử sắc trước có thể sinh sắc hiện nay? Lý cũng không thành vì đoạn diệt đã lâu. Từ cõi Vô tưởng khi chết sinh tâm tưởng, và khi Diệt định xuất định v.v... sinh tâm, chúng tử tâm trước có thể sinh tâm sau đều không hợp lý vì đoạn diệt đã lâu. Lại nữa nếu lìa bỏ cái câu sinh câu diệt kia, chấp nhân đạo lý chúng tử tương ưng, chỉ chấp chỉ có sát-na tâm trước có thể làm chúng tử dẫn sinh liên tục không gián đoạn các tâm sát-na sau thì sẽ không thành tâm sau cùng của A-la-hán. Không thể được nhập hữu dư hay vô dư y Niết-bàn là bởi tâm sau có thể làm chúng tử đẳng vô gián duyên sinh các tâm khác. Cho nên như vậy tức phải không có cõi vô dư y Niết-bàn. Vì vậy cái sắc tâm trước sau sinh cho nhau, chỉ nên chấp nhận có đẳng vô gián duyên và tăng thượng duyên mà không có nhân duyên.

Luận nói: Như vậy nếu lìa quả thức dị thực tất cả chúng tử, thì tạp nhiễm và thanh tịnh đều không thành. Vì vậy như trước đã nói về tướng, chắc chắn là có thức A-lại-da.

Giải thích: Như vậy nếu lìa quả thức dị thực nhất thiết chúng, như trước đã nói sẽ kéo theo bao nhiêu lỗi. Tuy không dục lạc mà tự sự nhiều. Vậy phải chấp nhận chắc chắn có thức A-lại-da. Như vậy gọi là cật vấn lại đạo lý. Trong đó cũng có đạo lý thuận thành thì lại hiển thị vì nhân phương tiện để không sai đối với tướng chung của chính luận. Thành lập Đại thừa đúng là lời Phật nói, nghĩa là giáo lý Đại thừa đúng là giáo lý Phật nói. Tất cả đều không mâu thuẫn với tính vô ngã của Bồ-đặc-già-la. Giáo lý năng thuyết thức A-lại-da là nghĩa sở thuyết do Phật nói. Như nói sát-na diệt một cách mau chóng

v.v...như Phật đã nói. Lại như các Đại thừa quyết định là thù thắng, cùng với pháp hữu pháp không mâu thuẫn nhau, như nói các giáo pháp duyên khởi rất sâu v.v...nên như lý rộng lựa chọn.

Luận nói: Ở đây có 3 bài tụng như sau:

*Bồ-tát trong tịnh tâm,  
 Xa lìa nơi năm thức.  
 Vô dư tâm chuyển y,  
 Làm sao ông làm được?  
 Nếu đối trị chuyển y,  
 Nếu chẳng đoạn, không thành.  
 Quả nhân không sai biệt,  
 Vĩnh đoạn thành sai lầm.  
 Không chung tử, không thể,  
 Nếu cho là chuyển y,  
 Không kia, hai cũng không,  
 Chuyển y thành phi lý.*

Giải thích: Lại nữa nếu không tin có thức A-lại-da như trụ chuyển thức thì không thành chuyển y. Ba tụng nêu câu hỏi để kết câu tụng. Như nói Bồ-tát trong tịnh tâm v.v... Trong tịnh tâm, nghĩa là trong thiện thức. Xa lìa nơi 5 thức, nghĩa là nơi ý thức. Nói vô dư, nghĩa là trừ ác, vô ký và vô dư hữu lậu thiện ý thức. Nghĩa là trong vô lậu lìa các hữu lậu nên nói là vô dư, không phải trong năng trị có sở trị tùy miên. Tâm chuyển y, là sự chuyển y của tâm. Làm sao ông làm được, tức là nếu không tin có thức A-lại-da thì ông chuyển y bằng cách nào? Nếu chấp nhân đối trị là chuyển y thì kia chẳng phải là đoạn nên không hợp lý. Chẳng phải năng đối trị tức là vĩnh đoạn. Cái gì là đoạn nhân? Nghĩa là bởi vĩnh đoạn là quả năng trị, là thể của chuyển y. Nếu chấp nhận năng trị là vĩnh đoạn thì quả và nhân phải không lập ra sai biệt vì nhân năng trị là quả của đoạn cho nên là không chung tử hoặc không tự thể. Nếu chấp nhận là chuyển y là

rõ ràng chấp nhận kia có khác. Cho nên hoặc nói nhiều tạp nhiễm tích chứa trong tâm, hoặc kia không chủng tử chấp nhận là chuyển y, hoặc thể của chủng tử không chấp nhận chuyển y. Không kia, hai cũng không, cho nên chuyển y là không hợp lý. Nghĩa là nếu có kia, có thể nói vô chủng, hoặc nói vô thể, chứ không phải không có kia có thể nói vô chủng vô thể. Chẳng phải chính khi tâm xuất thể hiện tiền có thể được có kia, làm sao có thể nói kia không chủng tử, hoặc thể đã đoạn dứt?

Luận nói: Lại nữa, sai biệt của thức A-lại-da là như thế nào?

Nói tổng quát có 3 thứ hoặc 4 thứ. Trong đây 3 thứ tức 3 thứ huân tập sai biệt: một là danh ngôn huân tập sai biệt, hai là ngã kiến huân tập sai biệt, ba là hữu chi huân tập sai biệt; 4 thứ là: một là dẫn phát sai biệt, hai là dị thực sai biệt, ba là duyên tướng sai biệt, bốn là tướng mạo sai biệt.

Giải thích: Thức A-lại-da này có những gì sai biệt? Nghĩa là đã tin hiểu nghĩa thành tựu của tướng thức A-lại-da, lại hỏi đến sai biệt. Đáp hoặc 3 thứ hoặc 4 thứ v.v... Danh ngôn huân tập sai biệt, nghĩa là danh ngôn của ngã, pháp, dụng nhiều, cho nên có ngã có nhân, thiên v.v..., pháp có nhân, sắc v.v..., dụng có khứ, lai v.v... huân tập sai biệt. Do đây ảnh của ngã, pháp, dụng hiển hiện, các thức sinh khởi công năng sai biệt. Ngã kiến huân tập sai biệt, nghĩa là 4 phiền não nhiễm ô ý, sức của Tát-ca-da kiến nên trong thức A-lại-da có công năng chấp ngã huân tập sai biệt. Hữu chi huân tập sai biệt, nghĩa là do sức tăng thượng của phúc, phi phúc bất động cho nên trong cõi trời hoặc các nẻo thú khác có vô minh v.v... cho đến lão, tử huân tập sai biệt.

Luận nói: Trong đây dẫn phát sai biệt là sự huân tập mới khởi. Nếu cái này không, thì hành duyên thức, thủ duyên hữu sẽ không thành. Dị thực sai biệt là do hành và hữu làm duyên nên có thức dị thực sai biệt trong các nẻo đường sinh tử. Nếu không có cái này thì

không có chủng tử, sẽ không có các pháp phát sinh về sau. Duyên tướng sai biệt là cái tướng ngã chấp nơi ý. Nếu không có cái này thì trong ý ô nhiễm sẽ không có ngã chấp sở duyên.

Giải thích: Giải thích 3 thứ rồi giải thích 4 thứ, cho nên nói trong đây dẫn phát v.v... Dẫn phát sai biệt, là nói sự huân tập mới khởi. Nghĩa là danh ngôn sinh khởi huân tập đầu tiên gọi là danh dẫn phát sai biệt. Do đây huân tập dẫn phát sinh ra, cho nên nếu đây không thì hành duyên thức, thủ duyên hữu sẽ không thành. Nghĩa là thức A-lại-da này đọi sức tùy miên của các phiền não, sinh hiện tiền trụ gọi là hữu. Dị thực sai biệt, là hành hữu vi duyên dị thực thực sai biệt trong các nẻo thú. Nghĩa là kia dẫn các dị thực sai biệt. Cho nên đây nếu không, thì không chủng tử hậu hữu. Các pháp sẽ không sinh được, nghĩa là nếu lia gốc thì sẽ không có cành nhánh v.v... Duyên tướng sai biệt là ngã chấp ở trong ý. Duyên tướng nghĩa là thức A-lại-da này thế lực của Tát-ca-da kiến khởi trong nhiễm ô ý, khi duyên chấp ngã thì ngã chấp duyên tướng. Nếu đây không thì các sở duyên ngã chấp trong nhiễm ô ý sẽ không thành. Và nếu cái duyên tướng sai biệt của thức A-lại-da mà không thì cái ngã chấp sở duyên trong ý sẽ không thành.

Luận nói: Tướng mạo sai biệt là thức này có tướng chung, có tướng không chung, có tướng chủng tử không thụ sinh và có tướng chủng tử thụ sinh. Tướng chung là chủng tử thể gian như cái đồ đựng. Tướng không chung là các chủng tử riêng biệt chứa đựng bên trong. Tướng chung tức chủng tử không thụ sinh. Tướng không chung tức chủng tử có thụ sinh. Khi có sự đối trị sinh khởi thì chỉ tướng không chung bị diệt, còn tướng chung thì được người khác duy trì nên chỉ thấy thanh tịnh. Như các sư Du-già, trong một vật có nhiều chỗ thấy và biết khác nhau. Ở đây có hai bài tụng như sau:

*Khó diệt khó biết hết,  
Nên gọi là cộng kết.*

*Sư Du-già bất đồng,  
Do tướng ngoài rộng lớn.  
Người thanh tịnh chưa diệt,  
Mà vẫn thấy thanh tịnh.  
Và cõi Phật thanh tịnh,  
Do Phật thấy thanh tịnh.*

Lại có bài tụng khác nói về các thấy biết khác nhau nói trên:

*Các sư Du-già nơi một vật,  
Có nhiều kiến giải không đồng nhau.  
Các thứ kiến giải đều thành tựu,  
Nên biết sở thú chỉ có thức.*

Nếu không có cái này thì sự sinh khởi sai biệt của khí thể gian và hữu tình thể gian sẽ không thành.

Giải thích: Tướng mạo sai biệt có nhiều thứ không đồng. Nghĩa là tướng chung v.v...nhiều thứ sai biệt. Trong đây tướng chung là chủng tử khí thể gian. Tức là khí thể gian ảnh hiện thức nhân. Lại tướng chung là tương tự tự nghiệp, do sức dị thực tăng thượng. Tất cả có thể có khả năng thụ dụng, là đều có ảnh tương tự hiện sinh thức. Lại tướng không chung là chủng tử riêng biệt ở bên trong. Do duyên ngã chấp nên đều riêng biệt. Ở trong thân như nhãn v.v... các nơi nên gọi là bên trong, tức nghĩa là nhân ở các nơi riêng biệt bên trong nên gọi là chủng tử. Tướng chung là chủng tử không thụ sinh, tức là có thể sinh khởi không khổ vui v.v..., nhân của sở y không tổn không ích, không phải như khí thể gian vì có sự khổ vui tổn ích v.v... Lại tướng không chung tức là chủng tử có thụ sinh, là có khả năng sinh khởi khổ lạc thụ v.v vì nhân sở y. Khi sinh đối trị, nghĩa là khi sinh đạo đế. Chỉ tướng không chung sở đối trị diệt, nghĩa là các chủng tử sai biệt ở bên trong diệt do mâu thuẫn nhau. Tướng chung được tha phân biệt duy trì nên chỉ thấy thanh tịnh, nghĩa là do tướng chung đây là khí thể gian cho nên tuy người tu hành đã vĩnh diệt phân biệt bên



trong nhưng những người khác thì tiếp tục duy trì phân biệt. Chỉ có thể người ấy chứng kiến thanh tịnh quán người sẽ thanh tịnh như hư không, không bị nước xao, đất dựa, lửa đốt, gió thổi. Làm sao ở nơi hữu nghĩa mà được thấy thanh tịnh? Sợ phải người hỏi nên nói tiếp. Như sư Du-già đối với một vật có các thắng giải khác nhau. Nghĩa là tùy theo các thứ vàng, bạc, cỏ cây v.v... thắng giải khác nhau. Các thứ sở kiến khác nhau, nghĩa là chỉ sự việc được trông thấy gọi là sở kiến. Đối với nghiệp thì phần nhiều nói là Lỗ-tra duyên. Điều được thành lập, nghĩa là tùy chỗ thấy, các thứ vàng, bạc, cỏ cây v.v... đều được thành lập khác biệt. Khó đoạn khó biết khắp, nghĩa là những gì cần phải đoạn thì gọi là đoạn, những gì phải biết khắp thì gọi là biết khắp. Đoạn và biết khắp là việc rất cực kỳ cần khổ, việc chưa làm xong nên nói là khó. Kết nghĩa là như buộc lại khó đoạn dứt được. Nói tâm khác nhau, nghĩa là các thắng giải không giống nhau. Do tướng bên ngoài to lớn nên nói là khí thể gian. Có nghĩa là to lớn, an định và bao trùm khắp. Nói tịnh, nghĩa là đã chuyển y. Tuy không diệt, nghĩa là tức ở đây, ngoài ra do các hữu tình phân biệt duy trì nên không thể hoàn toàn diệt. Lại cõi Phật thanh tịnh do Phật thấy thanh tịnh, nghĩa là đối với người chưa đoạn trừ các phân biệt về sắc v.v... thì sinh ra cái thấy khác như bùn lầy cát đá ngói gạch cao thấp, cỏ cây không đều, gai độc bất tịnh, phân như đất bản. Đã đoạn trừ phân biệt về sắc v.v... Như Lai thấy cõi Phật thanh tịnh do vàng bạc các báu tạo thành. Như ở nơi sa mạc mà thấy hoa viên sạch đẹp. Nếu không có đây, nghĩa là nếu không có tướng chung và tướng không chung này thì thức A-lại-da, các khí thể gian, hữu tình thể gian sinh khởi sai biệt đều không thành, tịnh uế sai biệt, khổ vui sai biệt cũng đều không thành.

Luận nói: Lại có tướng thô nặng và tướng nhẹ nhàng. Tướng thô nặng là chủng tử của phiền não và tùy phiền não. Tướng nhẹ nhàng là chủng tử của thiện pháp hữu lậu. Nếu không có cái này thì sở cảm dị thực là không kham năng, còn cái kham năng sở y sai biệt thì không thành.

Lại có hữu thụ tận tướng và vô thụ tận tướng. Hữu thụ tận tướng là chủng tử thiện bất thiện đã thành quả báo dị thực. Vô thụ tận tướng là chủng tử danh ngôn huân tập, các thứ chủng tử hý luận trôi nổi từ vô thủy đến nay. Nếu không có cái này thì 2 nghiệp thiện ác đã tạo với quả báo thụ hết là không thành. Lại nữa sự sinh khởi các danh ngôn mới huân tập sẽ không thành.

Lại có các tướng thí dụ. Nghĩa là thức A-lại-da có những thí dụ như ảo hóa, sóng nắng, chiêm bao, đau mắt. Nếu không có cái này thì những chủng tử biến kế không thật điên đảo duyên tương ưng không thành.

Lại nữa có tướng đầy đủ, có tướng không đầy đủ. Nghĩa là đầy đủ các trói buộc gọi là tướng đầy đủ. Lìa dục thế gian gọi là tướng tổn giảm. Hàng Thanh Văn hữu học và các Bồ-tát đã đánh bạt vĩnh viễn một phần các tướng. A-la-hán, Độc Giác là hoàn toàn vĩnh viễn đánh bạt các tướng phiền não chướng, và chư Như Lai là hoàn toàn vĩnh viễn đánh bạt các tướng phiền não sở tri. Thích ứng đúng như vậy. Nếu không cái này thì sự tạp nhiễm và hoàn diệt tuần tự như trên sẽ không thành.

Giải thích: Tướng thô nặng, là ác gọi là thô, bị cái này thì chìm đắm nên gọi là thô nặng. Tức là chủng tử của phiền não và tùy phiền não. Nếu không có đây sẽ không có tính thô nặng. Tướng nhẹ nhàng, là như nói tướng nhỏ nhẹ mà có tính an ổn. Tướng hữu thụ tận, nghĩa là đã thành thực quả dị thực v.v..., tức chủng tử thiện ác đã thành thực rồi, không thuần thực trở lại vì thụ dụng đã hết, như hạt giống đã này mầm không thể sinh lại được nữa. Tướng vô thụ tận, là chủng tử danh ngôn huân tập, tức các chủng tử kia tùy duyên tăng trưởng, có thể khởi nhân danh ngôn hý luận. Đây nếu không có, nghĩa là thức A-lại-da không có 2 tướng. Đã làm đã làm, nghĩa là đã làm thiện và đã làm ác. Với quả thụ hết, nghĩa là đã cùng với quả thụ dụng hết rồi. Đây là phá cái chấp nếu không có tướng thụ

hết. Lại nữa danh ngôn huân tập mới không thể sinh khởi, nghĩa là danh ngôn thể gian đều không có, vốn không nay có. Tất cả danh ngôn đều nhân vốn cũ gọi là chủng tử. Đây là phá cái chấp nếu không, không có tướng thụ dụng hết. Tướng thí dụ, nghĩa là do ảo hóa v.v... có thể làm thí dụ, hiển thị tướng thí dụ. Như các việc ảo hóa v.v... đều có thể sinh khởi không thật kiến nhân. Thức A-lại-da cũng vậy. Đây nếu không, nghĩa là nếu không có thí dụ và tướng thí dụ, thức A-lại-da sẽ không có duyên tướng điên đảo không thật mà chỉ có thể làm duyên tướng thật kiến. Các câu khác vẫn dễ hiểu không phải giải thích nữa.

Luận nói: Vì nhân duyên gì các pháp thiện bất thiện có thể cảm dị thực trong khi quả dị thực là vô phú vô ký?

Vì do quả dị thực là vô phú vô ký, không mâu thuẫn với thiện hoặc bất thiện, nên không trái chống với thiện hay bất thiện. Nếu tính của quả dị thực là thiện hay bất thiện thì tác dụng tạp nhiễm hay hoàn diệt sẽ không thành. Vì vậy nên thức dị thực chỉ là vô phú vô ký.

Giải thích: Như vậy là đã giải thích tất cả cú nghĩa của thức A-lại-da. Các huân từ, thể tướng, quyết trạch và sai biệt của các môn phái khác, nếu muốn hiển thị để làm rõ thức A-lại-da này mà thuận chính hành, nên lập vấn đáp. Vì nhân duyên gì v.v... vô phú vô ký, đó là nghĩa vô nhiễm vô ký. Do quả dị thực làm nhân duyên vô ký. Vô phú vô ký cùng với thiện bất thiện không trái chống nhau, là vì cộng y cho nên tạo nghiệp vô gián v.v... và ly dục thể gian đều cùng có, cho nên thức Dị thực chẳng phải thiện hay bất thiện, chớ nên coi hai cái này nhân quả mâu thuẫn nhau.

## NHIẾP ĐẠI THỪA LUẬN THÍCH

### QUYỀN 4

#### 3 – 1. Sở tri tướng

Luận nói: Đã nói về sở tri y, còn sở tri tướng nên quán như thế nào?

Đây đại khái có 3 thứ: một là tướng y tha khởi, hai là tướng biến kế sở chấp, ba là tướng viên thành thật.

Giải thích: Đã nói sở tri y, nghĩa là sẽ không nói lại. Đây, là sở tri tướng này. Lược có 3 thứ, là tất cả pháp yếu có sở ưng tri, sở ưng đoạn và sở ưng chứng khác nhau. Tướng y tha khởi, là y nghiệp phiền não sở thủ năng thủ, biến kế tùy hợp với cái khác mà được khởi. Tướng như vậy được biểu thị như thế nào? Là tướng y tha khởi. Tướng biến kế sở chấp, là hằng không có tướng. Hằng không có tướng là biến kế sở chấp sở thủ năng thủ Bồ-đặc-già-la và sở tướng của pháp hữu tính. Làm sao phi hữu có thể là sở tướng? Nghĩa là tức như vậy mà phân biệt. Do Bạc-già-phạm nói như vậy. Cho đến thật hữu không biết thật hữu. Cho đến phi hữu không biết phi hữu. Như vậy thật hữu biết là thật hữu. Nếu phi thật hữu biết phi thật hữu. Tướng viên thành thật, là tức nơi biến kế sở chấp sở thủ năng thủ kia, hoặc ngã hoặc pháp, tính của vô tính, dùng nó làm lượng sở liễu cảnh tính, biết khắp nơi kia mới có thể hiểu rõ biến kế sở chấp quyết định phi hữu, có tính mâu thuẫn nên chẳng phải là cảnh tính.

Luận nói: Thế nào là tướng y tha khởi?

Nghĩa là thức A-lại-da làm chủng tử, hư vọng phân biệt gồm thân ác thức.

Thế là thế nào?

Nghĩa là các thức sai biệt như thân thức, thân giả thức, bỉ sở thụ thức, bỉ năng thụ thức, thế thức, số thức, xứ thức, ngôn thuyết thức, tự tha sai biệt thức, thiện thú ác thú tử sinh thức. Trong đây nếu thân thức, thân giả thức, thụ giả thức, bỉ sở thụ thức, bỉ năng thụ thức, thế thức, số thức, xứ thức, ngôn thuyết thức thì do chủng tử danh ngôn huân tập. Nếu là tự tha sai biệt thức, tức do chủng tử ngã kiến huân tập. Nếu là thức thiện thú ác thú sinh tử, tức do chủng tử hữu chi huân tập. Do các thức này bao gồm tạp nhiễm tất cả các cõi chúng sinh nên hiển hiện sự phân biệt của tướng y tha khởi. Như vậy các thức đều thuộc hư vọng phân biệt, nên tính của duy thức là vô sở hữu, không nơi căn cứ cho nghĩa chân thật. Đó là tướng y tha khởi.

Thế nào là tướng biến kế sở chấp?

Nghĩa là trong duy thức không có nghĩa chân thật, chỉ hiển hiện nghĩa tương tự mà thôi.

Thế nào là tướng viên thành thật?

Nghĩa là ở nơi tướng y tha khởi kia, do là tướng của nghĩa tương tự nên vĩnh viễn không có thật tính.

Giải thích: Nghĩa là thân thức, thân giả thức, thụ giả thức, sau sẽ nói nhãn v.v... 6 nội giới là tính. Nếu như phù hợp thì nhãn v.v...5 thức y vào ý giới, gọi là thân giả thức. Đệ lục ý thức y vào ý giới, gọi là thụ giả thức. Sở thụ thức kia, như sau sẽ nói là sắc v.v... 6 ngoại giới. Năng thụ thức kia, như sau sẽ nói là 6 thức giới. Thế thức, nghĩa là tựa như 3 thời ảnh hiện. Số thức, nghĩa là tựa như số một, toán số ảnh hiện. Xứ thức, là tựa như làng, xóm, vườn tược v.v.. ảnh hiện.

Ngôn thuyết thức, là tựa như thấy nghe hay biết, ngôn thuyết ảnh hiện. Tựa tha sai biệt thức, là thân thức v.v... liên tục không dứt chấp ngã, ngã sở, phân biệt với tha, tha sở. Thiện thú ác thú tử sinh thức, là tương tự thiên, nhân và Nại-lạc-ca, bàng sinh, ngạ quỷ tử sinh ảnh hiện. Trong đây như thân thức, thân giả thức v.v... cho đến ngôn thuyết thức là do chủng tử danh ngôn huân tập. Nghĩa là các thứ thân thức v.v... kia do chủng tử danh ngôn huân tập và thức biến hiện mà thôi không do gì khác. Nếu là tựa tha sai biệt thức thì do chủng tử ngã kiến huân tập. Nghĩa là ngã kiến của nhiễm ô ý huân tập làm nhân mà biến hiện. Nếu là thiện thú ác thú tử sinh thức thì do chủng tử hữu chi huân tập. nghĩa là hữu chi huân tập làm nhân biến hiện. Như vậy các thức đều là hư vọng phân biệt. Như trước đã nói, sở thủ năng thủ của thân thức v.v... lập hư vọng phân biệt làm tính. Chỉ có thức là tính, nghĩa là do tà phân biệt hiển hiện làm hai. Thật ra chỉ có thức. Trong các pháp thiện v.v... tuy không tà chấp, vì sức duyên khởi nên hiển hiện làm hai. Đó cũng chỉ là thức, là vô sở hữu, không phải nghĩa chân thật. Hiển hiện sở y, nghĩa là sở thủ sắc v.v... là vô sở hữu, năng thủ thức v.v... là phi chân thật. Cả hai cái này đều là biến kế sở chấp và gọi là nghĩa. Hư vọng phân biệt gồm thân các thức, là nhân duyên hiển hiện của 2 thứ này, nên gọi là sở y. Như vậy nói tương y tha khởi là như trên đã nói thức A-lại-da là chủng tử v.v... đều gọi là tương y tha khởi. Nghĩa là trong vô nghĩa, chỉ có nghĩa tương tự hiển hiện trong thức. Thật sự không có nghĩa sở thủ và năng thủ, chỉ có hư vọng phân biệt. Các thứ biến kế sở thủ hiển hiện nghĩa tương tự ở trong thức, nghĩa là do nghĩa tương tương tự nơi tương y tha khởi kia. Hằng không có tính, nghĩa là trong tâm và tâm pháp duyên khởi do tướng kế chấp mà ảnh hiện, hằng không hiển thật tính chân như. Đây tức gọi là tướng viên thành thật.

Lại nữa, tất cả pháp từ nhân duyên sinh, chỉ có thức là tính, phải biết tất cả đều là tương y tha khởi. Điên đảo kế chấp cái nghĩa tương tự hiển hiện, phải biết đó đều là tướng biến kế sở chấp. Trên y tha

khởi, biến kế sở chấp hằng không hiển hiện được thật tính chân như, phải biết đó đều gọi là tướng viên thành thật. Ví như con nai súc ái chấp tự ngã liên tục, tính biến kế sở thủ năng thủ thấy tương tự như nước. Phải biết đó là tướng y tha khởi kế chấp thật hữu. Thấy nước hiển hiện, phải biết đó là tướng biến kế sở chấp. Tức là con nai trong ái tự ngã mà chấp cái tướng của nước chứ hoàn toàn không có tính nước. Phải biết đó là tướng viên thành thật. Lại nữa biến kế sở chấp tướng, tức là biến kế sở chấp tự tính. Y tha khởi tướng, tức là y tha khởi tự tính. Cũng gọi là phân biệt tự tính. Viên thành thật tướng, tức là viên thành thật tự tính. Cũng gọi là pháp tính tự tính. Như vậy 3 thứ tức nói rõ 3 pháp là ung tri, ung đoạn và ung chứng. Như trong Kinh Đại Bát-nhã Ba-la-mật-đa cũng có nói: Phật bảo Từ Thị: Nếu trong các hành tướng kia, biến kế là sắc, là thọ, là tưởng, là hành, là thức, cho đến là tất cả Phật pháp y chỉ danh, tướng, thi thiết, ngôn thuyết biến kế cho là tự tính các sắc, cho đến tự tính tất cả Phật pháp, đó gọi là biến kế sở chấp sắc, cho đến biến kế sở chấp tất cả Phật pháp. Nếu lại trong các hành tướng kia, chỉ có phân biệt pháp tính an lập, phân biệt làm duyên khởi các hý luận, giả lập danh, tướng, thi thiết, ngôn thuyết, gọi đó là sắc cho đến gọi là tất cả Phật pháp, đó gọi là phân biệt sắc cho đến phân biệt tất cả Phật pháp. Nếu chư Như Lai xuất hiện ở đời, nếu không xuất thế, pháp tính an lập, pháp giới an lập do biến kế sở chấp sắc kia cho nên cái phân biệt sắc này trong thường hằng là tính chân như, tính vô tự tính, tính pháp vô ngã, tính thật tế, đó gọi là sắc của pháp tính. Cho đến do kia biến kế sở chấp tất cả Phật pháp, cho nên cái phân biệt tất cả Phật pháp này trong thường hằng cho đến gọi đó là pháp tính tất cả Phật pháp. Rộng như trong kinh nói.

Luận nói: Phải biết trong các thức này, thân thức, thân giả thức và thọ giả thức là 6 nội giới như nhãn v.v... Sở thọ thức kia, tức 6 ngoại giới như sắc v.v... Năng thọ thức kia tức là 6 thức giới như nhãn v.v... Ngoài ra các thức khác tức các sai biệt của các thức trên đây.

Giải thích: Nói các thức này, là như trước nói thân thức v.v... là đầu tiên, năng thụ thức là sau. Nói sai biệt, là tính sai biệt của các thức này. Nghĩa là trong thức hữu vi này có tính khác nhau là đã làm, đang làm và sẽ làm. Cho nên y vào đó thiết lập thể ảnh hiện thức. Trong các thức này đều có cái tính sai biệt số một, cho nên y vào đó thiết lập số ảnh hiện thức. Trong sở thụ thức có tính sai biệt trên dưới, cho nên y vào đó thiết lập xứ ảnh hiện thức. Các loại khác nên biết.

Luận nói: Lại nữa các thức đều chỉ có thức mà không có thật, vậy lấy ví dụ gì để thấy rõ?

Để thấy rõ, các thí dụ thường dùng như chiêm bao v.v... Nghĩa là như trong chiêm bao, không có gì là thật mà chỉ có thức. Tuy có các ảnh tượng giống thật hiện ra như sắc, thanh, hương, vị, xúc, nhà cửa, đất đai, rừng núi. Những thứ này đều không có thật. Do thí dụ này phải biết rõ lúc nào, nơi nào cũng chỉ có thức. Chử v.v... nghĩa là ngoài thí dụ chiêm bao còn những thí dụ khác nữa như ảo thuật, cuồng say, con nai khát nước, hoa mắt.

Khi ngủ đã thức dậy thì lúc ấy, nơi ấy đều là cảnh chiêm bao v.v... chỉ có thức. Như từ chiêm bao thức dậy mới biết trong chiêm bao đều chỉ có thức.

Thế sao lúc đang thức không có sự hiểu biết như vậy?

Khi có chân trí giác ngộ thì hiểu biết như vậy. Như ở trong chiêm bao thì không có sự hiểu biết này. Từ chiêm bao thức dậy rồi mới có sự hiểu biết này. Cũng giống như vậy, khi chưa được chân trí giác ngộ thì không có sự hiểu biết này. Được chân trí giác ngộ mới thấy biết được như vậy.

Giải thích: Tất cả chỉ có thức, đều không có nghĩa. Nêu các thí dụ như chiêm bao để hiển thị, là cùng thành lập cho nên nói như trong chiêm bao v.v... văn dễ hiểu không phải giải thích.



Luận nói: Người chưa được chân trí giác ngộ, đối với đạo lý duy thức làm sao đối chiếu biết được?

Do giáo và lý có thể đối chiếu biết được. Giáo là như Kinh Thập Địa, Phật nói 3 cõi chỉ có tâm mà thôi. Phật cũng nói như vậy trong Kinh Giải Thâm Mật. Trong kinh ấy, Bồ-tát Từ Thị hỏi Thế Tôn:

Các ảnh tượng của hành tướng trong Tam-ma-địa là khác hay không khác với tâm?

Phật bảo Từ Thị: Phải nói là không khác. Bởi vì sao? Bởi các ảnh tượng kia chỉ là thức, nên ta nói do thức duyên, chỉ do thức hiện khởi.

-Thế Tôn ! Nếu ảnh tượng của các hành tướng trong Tam-ma-địa không khác với tâm này thì sao tâm này trở lại chấp lấy cái tâm này?

-Từ Thị ! Không có một tí pháp nào có thể chấp lấy một tí pháp nào. Nhưng tâm ấy khi sinh khởi tức có hiện ra ảnh tượng như vậy. Như bản chất làm duyên trở lại thấy bản chất. Như nói nay ta thấy ảnh tượng, và bảo rằng lìa bản chất mà có ảnh tượng để thấy, thì ảnh tượng hiện ra kia với tâm này cũng vậy. Như vậy khi tâm sinh khởi thì thấy có ảnh tượng tương tự hiện ra.

Do giáo nghĩa này mà lý cũng được hiển lộ. Bởi vì sao? Vì trong định, tùy tâm quán thấy các hiện tượng như toàn một màu xanh bầm mà không một màu nào khác. Màu xanh bầm là chỉ thấy tự tâm. Do đạo lý này Bồ-tát đối với tất cả cảnh hiện trong thức đều có thể đối chiếu mà biết là đều chỉ có thức, không có cảnh giới thật.

Lại nữa cái màu xanh bầm không phải do thức duy trì và hồi ức, cái thấy là duyên cảnh hiện tiền trước mắt. Và cái nghe và suy nghĩ thành ra 2 cái gìn giữ và nhớ lại cũng lấy quá khứ làm cảnh sở duyên, cho nên ảnh tượng hiện ra cũng là duy thức. Do từ tỷ lượng này, Bồ-tát tuy chưa được chân trí giác ngộ cũng có thể đối chiếu mà biết được lý duy thức.

Giải thích: Do giáo và lý, là do chí giáo lượng và do tỷ lượng. Tuy chưa chứng đắc chân trí duy thức, nên có thể so sánh mà biết chỉ có thức không có cảnh. Kinh Thập Địa, là trong kinh đó nói rõ nghĩa 10 địa của Bồ-tát. Đây là an lập danh cú văn thân hành tướng của 10 địa. Thức biến hiện tụ tập làm thể, nghĩa là Thánh ấy, Kim cương tạng thức biến ra ảnh tượng làm tăng thượng duyên, người nghe trong thân ảnh hiện trên thức tương tự như pháp môn ấy. Như vậy truyền đến nay, gọi là giáo. Chỉ có tâm, là tâm thức là một. Chỉ có âm thanh là khiến trừ nghĩa của cảnh sở thủ. Do nó không, nên năng thủ cũng không. Không ngăn tâm pháp bởi nó và tâm không rời nhau như nói nếu không tâm sở hữu pháp, tâm chưa hề chuyển. Nếu vậy vì sao Diệt định là duy tâm? Đó là lỗi của tông ấy. Ta là Đại thừa tông. Nếu xứ có tâm thì định cũng có pháp tương ưng với tâm. Nếu xứ không có tâm thì cái pháp tương ưng tâm cũng chắc chắn không. Như vậy 3 cõi chỉ duy có tâm. Câu này hiển thị 3 cõi duy thức. Nói 3 cõi, nghĩa là cùng với dục v.v...ái kết tương ưng đọa nơi 3 cõi. Đây duy thức nói thành lập chỉ có các tâm tâm pháp, không có 3 cõi biến kế sở duyên. Câu này không khiến trừ chân như sở duyên, y tha sở duyên, nghĩa là gồm trong đạo đế. Căn bản và hậu đắc 2 thứ sở duyên, do kia không bị ái chấp cho nên không phải sở trị, không phải mê loạn nên không gồm trong 3 cõi, cũng không lìa thức nên không đọi nói. Nếu vậy nên nói như là 2 cõi, vì trong cõi Vô sắc, Kinh bộ chỉ có tâm tâm pháp. Câu hỏi này không phải như vậy. Nghĩa mà thức sở thủ đều vô nghĩa, cho nên không phải chỉ Sắc là không mà gọi là duy thức. Còn gì cũng không? Còn các nghĩa sở thủ của thức như hư không v.v... Các sư Kinh bộ cho rằng cõi Vô sắc các tâm tâm pháp là tướng vô sắc, vô thể, vô thật. Nghĩa của cảnh sở thủ hiển hiện sở y. Sở kia chấp cho là chẳng phải tâm tâm pháp, cho nên nói 3 cõi đều chỉ có tâm. Ý thú nói rõ trong Kinh Giải Thâm Mật đúng như giải thích trong Thập Địa. Kinh là giáo pháp. Tam-ma-địa là có thể khiến tâm trụ vào một cảnh tính. Tâm pháp là thể. Cảnh sở duyên này là sở hành. Bản cảnh

là chất. Tương tự kia hiển hiện gọi là ảnh tượng.. Cho nên ta nói thức duyên, duy thức hiện, nghĩa là ta nói cảnh sở duyên ngoài thức chỉ là do nội thức hiển hiện. Tức là cái thức duyên cảnh là nghĩa của tự tính. Đây ý nói cảnh sở duyên của thức chỉ là những ảnh tượng hiện lên trên thức chứ không có cái thể riêng biệt nào khác. Vì sao cái tâm này trở lại thủ cái tâm này? Đây là hiển thị tác dụng đối với tự mâu thuẫn. Từ Thị ! Không có một chút pháp nào có thể thủ lấy một chút pháp nào cả. Câu này là giải thích câu hỏi trước. Là vì không có tác dụng.. Nghĩa là tất cả pháp, tác dụng cũng như người làm ra tác dụng đều bất thành. Cho nên khi sinh khởi, duyên khởi các pháp có uy lực rất lớn. Cho nên ngay trên một thể có hai ảnh tượng sinh ra. Hai ảnh tượng vọng vào nhau, không tức cũng không ly. Các tâm tâm pháp do sức duyên khởi, tính của nó là pháp nhĩ như thị mà sinh. Như chất, vì duyên trở lại thấy bản chất, nghĩa là ví như dựa trên khuôn mặt của mình, đó là chất. Trong gương soi lại thấy bản chất. Do mê loạn nên bảo rằng ta thấy ảnh. Do tấm gương v.v.. duyên uy lực lớn cho nên tuy không có ảnh nào khác mà tựa hồ như có riêng ảnh tượng hiển hiện. Tâm này cũng vậy. Như vậy khi sinh v.v..., nghĩa là tâm tâm pháp nhớ nghĩ phân biệt nhiều thứ, duyên công năng lớn nên khi sinh khởi, tuy không có Tam-ma-địa nào khác v.v... hiện hành ảnh tượng mà tựa hồ có ảnh tượng hiện ra. Tức do giáo lý này cũng hiển hiện, nghĩa là trong giáo này cũng tức gồm hiển thị đạo lý tỷ lượng. Sở dĩ vì sao? Trong định tâm v.v..., tự thuật trong giáo có giáo nghĩa khác. Nghĩa là màu xanh bầm v.v... không tách rời tâm, tùy chỗ lạc dục mà hiển hiện. Ví như trong chiêm bao thấy xanh bầm. Lại trong cái xanh bầm đó không phải thức duy trì nghĩ nhớ v.v... Sợ kia chấp khác nên nói như vậy. Nghĩa là nếu như có người chấp như vậy, do đã từng trông thấy ở đâu đó nay hãy còn giữ lại trong ký ức làm ảnh tượng hiện hành nơi Tam-ma-địa. Để ngăn chặn cái chấp này nên nói. Lại nữa như vậy trong cái xanh bầm chẳng phải là cái thức duy trì ký ức đã duyên cảnh hiện tiền. Cho nên cái sở duyên này tức là cái

xưa kia ký ức duy trì thì xưa chắc chắn đã thấy nơi nào, ký ức phải cảm thụ như xưa vậy. Nhưng tu thành trí không phải như vậy. Chân hiện lượng thấy cảnh giới phân minh hiện tiền, không phải như thức hồi ức.

Nếu vậy thì cái thức tương ứng với 2 tuệ do văn và tư phải lia cái thức của duy trì và hồi ức? Đây cũng không phải vậy. Do kia nghe v.v... cái thức duy trì hồi ức duyên quá khứ, quá khứ không, nên ảnh tượng sở duyên đều chỉ là thức. Ví như nhớ lại xưa lúc còn nhỏ. Vì vậy cho nên cái thức này hiện duy trì ký ức đều chỉ có thức niệm không. Như người tu quán hạnh tượng tượng hiện tiền ảnh tượng nữ nhân bất tịnh. Do tỷ lượng này v.v..., ngữ nghĩa rõ ràng không phải giải thích.

Luận nói: Như vậy là đã nói các thức ví dụ như chiêm bao v.v... Tức trong các ví dụ, nhãn thức v.v... các thức đều có thể thành duy thức. Nhưng nhãn thức v.v... các thức đã là có sắc cảnh, mà cũng là chỉ có thức, thì làm sao thấy được?

Đây cũng giống như trước, nghĩa là phải suy từ giáo và lý.

Giải thích: Giáo tức Kinh Thập Địa, Kinh Giải Thâm Mật. Lý tức các đạonly nói trong kinh. Nghĩa là Tam-ma-địa sở hành ảnh tượng và các ví dụ chiêm bao v.v... đều như trước nói.

Luận nói: Nếu các thức này, bản thể cũng là thức thì tại sao hiện hiện tương tự tính chất của sắc và liên tục tồn tại?

Vì cùng với các pháp tạp nhiễm điên đảo làm chỗ dựa. Nếu không như vậy thì trong phi nghĩa đã không khởi nghĩa điên đảo. Nếu không thì đã không có 2 chướng tạp nhiễm là phiền não và sở tri. Nếu không thì cũng không có các pháp thanh tịnh. Vì vậy các thức đã chuyển biến như vậy. Ở đây có bài tụng như sau:

*Loạn tướng và loạn thể,  
Đều cho là sắc thức,*

*Cùng với phi sắc thức,  
Nếu không, mọi sự không.*

Giải thích: Nếu các thức đây, thể cũng là thức v.v..., nghĩa là đây hỏi sắc thức một loại liên tục kiên trụ chuyển nhân. Nói một loại, là nghĩa tương tự. Trước sau một loại không thay đổi, cũng không gián đoạn nên gọi là kiên trụ. Tức đây nói liên tục chuyển. Cùng phiền não v.v... các pháp tạp nhiễm làm chỗ dựa, nghĩa là, nguyên văn chữ Hán dùng chữ “đẳng”, đẳng là đẳng thủ các nghiệp phiền não sinh các pháp tạp nhiễm. Nhân thức v.v... cùng các pháp tạp nhiễm điên đảo làm chỗ sở y. Chỗ sở y tức là nghĩa của nhân. Nguyên Hán văn dùng chữ “cố” tức là “tu”, tu nghĩa là phải. Quán sát ý của câu hỏi kia mà trả lời. nghĩa là trong vô nghĩa hiển hiện tương tự nơi nhân thức v.v... Một loại kiên trụ liên tục mà chuyển là do đây khởi các pháp điên đảo kia v.v... nếu không như vậy, nghĩa là nếu không chuyển như vậy trong phi nghĩa khởi nghĩa điên đảo phải không thể có. Nếu không điên đảo thì 2 chướng phiền não sở tri tạp nhiễm phải không có, vì không nhân duyên. Nếu không tạp nhiễm, thanh tịnh cũng không. Vì phải dứt tạp nhiễm hiển thanh tịnh nên các thức phải chuyển như vậy. Nghĩa là nhân thức v.v... các thức phải chuyển như vậy. Là sức không có nhân, các pháp chẳng cần sức được sinh ư? Không phải vậy. Tùy theo hỏi mà đáp. Kia hỏi cần phải, chứ không hỏi chung loại nhân. Do kia không chấp riêng có các sắc mà chỉ hỏi “đâu cần phải”. Thức A-lại-da biến ra các sắc chứ không phải chỉ làm thức, cho nên đáp như vậy. Loạn tướng cho là tương tự sắc biến thức. Loạn thể cho là chẳng phải sắc biến thức. Thuận kết tụng pháp nên văn cách nhau nhưng nghĩa htuộc vào nhau. Nếu không có tương tự sắc biến nhân thức thì phi sắc quả thức không thể có được, bởi nếu vô cảnh thì hữu cảnh cũng không.

Luận nói: Vì sao thân thức, thân giả thức, thụ giả thức, sở thụ thức, năng thụ thức đều cùng tồn tại cùng hòa hợp chuyển biến trong tất cả thân?

Vì vậy mới có thể thể hiện đầy đủ sự thụ dụng trong đời sống.

Giải thích: Vì sao thân v.v...như trước hỏi? Đáp là có thể viên mãn như trước nói. Do đó 5 thức tất cả trong thân không cái nào không hiện đầy đủ thụ dụng. Nếu thiếu một chi tức không viên mãn.

Luận nói: Vì sao thể thức v.v...các thức có chuyển biến sai biệt?

Vì từ vô thủy đến nay sinh tử lưu chuyển không đoạn dứt. Vì thế giới chúng sinh không số lượng. Vì thế giới như cái đồ đựng không số lượng. Vì ngôn ngữ nói về các việc làm không số lượng. Vì các sự giữ lấy, thụ dụng khác nhau không số lượng. Vì sự thụ dụng quả dị thực của nghiệp ái phi ái khác nhau không số lượng. Vì chịu các thứ sinh tử khác nhau không số lượng.

Giải thích: Vì sao thể thức v.v.. hỏi như trước? Nguyên văn Hán văn dùng chữ “đẳng” nghĩa là đẳng thủ, tức cũng lấy như số, xứ, ngôn thuyết, tự tha sai biệt, thiện thú ác thú, và tử sinh. Sáu thức biến hiện từ vô thủy đến nay, cho đến thụ tử sinh sai biệt vô số lượng, như số lần lượt hiển thị thể đẳng thức phải nói đến quả.

Luận nói: Lại nữa, làm thế nào thành lập các thức như vậy làm tính của duy thức?

Nói sơ lược có 3 tướng: một là do chỉ có thức mà không có thật, hai là do 2 tính mà có 2 thức tướng phần và kiến phần khác nhau, ba là do rất nhiều thứ hành tướng sinh khởi. Bởi vì sao? Vì tất cả thức không có thật nên thành duy thức. Bởi có tướng phần và kiến phần nên thành 2 thứ thức. Nếu các thức như nhãn thức v.v... lấy các thức như sắc thức v.v... làm tướng phần, thì lấy cái thức của nhãn thức làm kiến phần, cho đến cái thức của thân thức làm kiến phần. Nếu ý thức lấy tất cả các thức từ đầu tiên là nhãn thức đến cuối cùng là pháp thức làm tướng phần, thì lấy thức của ý thức làm kiến phần. Do đó ý thức có phân biệt, tương tự như tất cả thức mà sinh khởi. Ở đây có bài tụng như sau:

*Duy thức: hai, nhiều thứ,  
 Quán như vậy: ngộ nhập.  
 Do ngộ nhập duy thức,  
 Chiết phục rồi thoát ly.*

Giải thích: Lại nữa làm sao an lập các thức như vậy v.v..., nghĩa là dựa theo lý trước lai dùng lý khác hỏi các thứ. Do duy thức, là cái nghĩa vô nghĩa. Cho nên tiếp nói là không có nghĩa. Nói duy là chuyên để khiến trừ nghĩa. Cái lý vô nghĩa đã nói một phần ít. Một phần ít sẽ nói. Do 2 tính, là tướng và kiến. Trong một thức có tướng có kiến. Hai phần cùng chuyển. Tướng kiến 2 phần không tức không ly. Bắt đầu từ nhãn thức cho đến thân thức tùy loại đều riêng biệt biến làm sắc v.v... các thứ tướng thức gọi là tướng phần. Nhãn v.v... các thức liễu biệt cảnh giới ở nghĩa năng kiến gọi là kiến phần. Lại sở thủ phần gọi là tướng, năng thủ phần gọi là kiến. Đó gọi là 2 tính. Do các thứ, nghĩa là các thứ hành tướng mà sinh khởi. Cho nên trong một thức, một phần biến khác đi tương tự sở thủ tướng, một phần biến khác đi tương tự năng thủ kiến. Hai phần này mỗi mỗi đều có các thứ hành tướng sai biệt đồng thời mà khởi. Nếu không chấp nhận một thức một lúc có nhiều thứ tương ứng thì không một lúc biết nhiều thứ cảnh. Nếu ý thức lấy nhãn làm trước tiên tất cả, nghĩa là ý thức kia có khả năng thủ tất cả nghĩa trong một lúc mà thể lực tăng thượng của nhãn thức là trước tiên và sau là pháp thức. Cái tướng được an lập là tướng phần của nó. Tức ý thức này về phía liễu biệt nghĩa gọi là kiến phần. Do đó ý thức phân biệt khắp tất cả. Cho nên tựa như tất cả thức sinh khởi. Vì vậy ý thức gọi là tướng, là kiến, và cũng gọi là chủng chủng, nghĩa là nhiều thứ khác nhau. Trong Già-đà, các sư Du-già có thể nhập 2 tính duy thức khiến trừ các thứ cảnh ngoại giới, phục ly cái tâm năng thủ. Vì không sở duyên nên cái thức năng duyên cũng không có được. Không có sự liễu biệt nên người liễu biệt cũng không. Chẳng phải không liễu biệt mà có người liễu biệt, nghĩa là không có tướng cảnh giới không phân biệt cũng gọi là có cảnh tâm

năng phân biệt. Nếu như tâm xuất thể tuy lia năng thủ sở thủ nhưng có nội chứng thành trí sở y, có tính bình đẳng năng duyên sở duyên.

Luận nói: Lại ở đây có một số sư nói chỉ có một ý thức. Ý thức ấy tùy chuyển mà có các tên khác nhau. Như nghiệp của ý, gọi là thân nghiệp, ngữ nghiệp.

Giải thích: Lại ở đây có một số sư nói chỉ có một ý thức v.v..., nghĩa là đây hiển thị các sư có sở kiến sai biệt. Hoặc có một loại Bồ-đề-tát-đòa muốn khiến chỉ có một tính ý thức, dựa vào nhãn v.v... khi sinh thì được tên thức kia, tức nhãn thức cho đến ý thức. Trong đó không có chủng loại các thức riêng biệt. Thế thì ý nghiệp là thế nào? Như một ý phát động nơi thân thì gọi là thân nghiệp, phát động nơi ngữ là ngữ nghiệp, tương ưng với ý gọi là ý nghiệp. Ý thức cũng vậy.

Luận nói: Lại nữa ở tất cả nơi sở y, khi chuyển biến thì sinh nhiều thứ ảnh tượng gồm có 2 loại: ảnh tượng thật và ảnh tượng phân biệt. Lại nữa ở tất cả mọi nơi sự chuyển biến tựa ý thức chạm xúc ảnh tượng. Trong thế giới có hình sắc thì ý thức này dựa vào thân, như các sắc căn nương tựa vào thân vậy.

Giải thích: Hoặc bảo rằng nếu vậy ý thức phải vô phân biệt, vì sở y của nó chậm lụt. Như nhãn thức v.v..., hễ năng y thì đều thuận với sở y, như nhiễm ô ý thì y vào tạp nhiễm. Ý thức cùng chuyển cũng trở thành tạp nhiễm. Để giải đáp câu hỏi này nên nói nơi tất cả sở y chuyển v.v... Tất cả sở y, nghĩa là nhãn v.v... Khi sở y chuyển, tức là khi sinh khởi. Tựa như 2 ảnh tượng của các thứ tướng chuyển, nghĩa là tựa như 2 ảnh tượng của các thứ sở thủ năng thủ chuyển. Vì để giải thích điều này nên nói trở lại. Nghĩa là duy nghĩa v.v... là ý thức duy nhất. Một phần tựa như ảnh tượng của nghĩa hiển hiện. Thứ hai là nơi nghĩa phân biệt mà sinh. Cho nên không có cái lỗi vô phân biệt. Lại nữa tất cả mọi nơi cũng tương tự sở xúc ảnh tượng mà chuyển, nghĩa là ở trong định lãnh nạp các xúc phân biệt nặng



nhẹ mà không phải tán loạn là vì tùy thuận. Có trong cõi Sắc, là nói không phải trong cõi Vô sắc. Bởi vì sao? Vì ý thức này y chỉ nơi thân. Như các sắc căn khác y chỉ nơi thân, nghĩa là các căn có sắc như nhãn v.v... y chỉ nơi thân cho nên đối với thân này có thể làm tổn ích. Ý thức cũng vậy. Trong cõi hữu sắc, vì y chỉ thân nên đối với thân này lãnh nạp phân biệt, có thể làm tổn ích.

Luận nói: Ở đây có bài tụng như sau:

*Nếu đi xa một mình,  
Không thân ngủ trong hang.  
Điều phục tâm khó trị,  
Là chân thật phạm chí.*

Giải thích: Nói một ý thức Bồ-đề-tát-đoà, dẫn lời giáo chứng. Nếu đi xa v.v..., nghĩa là vì đạo khắp tất cả cảnh của sở thức, nên gọi là đi xa. Để chứng nghĩa này nên lại nói đi một mình, vì không có cái thứ hai. Nói không thân, nghĩa là không hình chất. Ngủ trong hang, nghĩa là ở bên trong. Nói điều phục cái này, là đối với tâm như vậy làm cho tự tại. Tâm khó điều phục, là vì bi lụy.

Luận nói: Lại như kinh nói các cảnh giới mà 5 căn đi qua, ý thức đều có thể tiếp thụ. Ý thức là chỗ dựa của 5 căn.

Giải thích: Lại dẫn Thánh giáo thứ hai để làm chứng. Như vậy cảnh giới 5 căn đi qua, ý thức đều có thể tiếp nhận, nghĩa là các cảnh giới 5 căn này đi qua chỉ là ý thức, mỗi mỗi đều có thể lãnh thụ nghĩa riêng biệt. Ý là chỗ dựa của chúng, nghĩa là do đây làm tăng thượng sự sinh khởi của chúng.

Luận nói: Lại có chỗ nói trong 12 xứ, 6 thức thân đều gọi là ý xứ.

Giải thích: Lại dẫn Thánh giáo thứ ba để làm chứng. Nói 6 thức thân đều gọi là ý xứ, nghĩa là nói rõ các việc của ý thức.

Luận nói: Nếu nơi nào lập thức A-lại-da làm thức thật thì nên biết rằng tất cả các thức khác là thức tướng phần của nó. Nếu ý thức và các thức nó y chỉ là thức kiến phần của nó. Do thức tướng phần kia là tướng sinh duyên của thức kiến phần. Khi tựa như thật hiển hiện thì nó có thể làm chỗ y chỉ cho thức kiến phần sinh khởi. Như vậy là đã xác lập các thức thành tính của duy thức.

Giải thích: Nếu cái thức an lập thức A-lại-da là nghĩa thức, nghĩa là nghĩa của nhân. Tức là an lập thức A-lại-da lấy làm thức tác nhân. Các thức khác, là thân thức v.v... Tướng thức, là tướng sở duyên, là sở hành. Nếu ý thức, thức và sở y chỉ, nghĩa là thức thứ 6 và sở y chỉ. Cái ý quá khứ không gián đoạn và cái ý nhiễm ô, 2 cái này có thể làm tính sở y sinh khởi tạp nhiễm. Cho nên kiến thức của nó, tức là năng phân biệt. Do tướng thức của nó là tướng sinh duyên của kiến thức này, nghĩa là thức A-lại-da biến ra tướng khác là 2 tướng sinh duyên của kiến thức. Khi nghĩa tương tự hiện, nghĩa là khi nghĩa tương tự của kiến thức của ý hiện khởi. Có thể làm kiến thức sinh y chỉ, nghĩa là nhãn v.v... các thức có thể cùng kiến thức làm phát sinh y chỉ.

Luận nói: Mọi sự thật hiện tiền rõ ràng mà làm sao biết rằng nó không phải thật có?

Như Thế Tôn nói: Nếu Bò-tát thành tựu 4 pháp có thể ngộ nhập tất cả duy thức, tất cả đều không có thật. Một là thành tựu cái trí biết thức tướng trái nhau. Như ngạ quỷ, bàng sinh và chư thiên đối với cùng một sự việc mà có sự thấy biết khác nhau. Hai là thành tựu cái trí biết không có cảnh sở duyên mà thức vẫn có thể có hiện hành. Như duyên quá khứ, vị lai, ảnh tượng trong chiêm bao. Ba là thành tựu cái trí biết phải lìa sự dụng công mà không điên đảo. Như trong thật nghĩa có thể duyên nghĩa thức mà không điên đảo, vì chân thật không do dụng công. Bốn là thành tựu 3 cái thắng trí biết tùy chuyển. Những gì là ba? Một là được tâm tự tại. Tất cả Bò-

tát được tĩnh lự tùy theo sức thắng giải mà các nghĩa hiển hiện. Hai là người được pháp tu quán Xa-ma-tha thì vừa tác ý các nghĩa liền hiển hiện. Ba là người đã được trí vô phân biệt thì trước khi trí vô phân biệt hiện tiền, các nghĩa đều không hiển hiện. Do 3 thứ thắng trí tùy chuyển đây với 3 thứ nhân duyên nói trên mà thành tựu đạo lý nghĩa và vô nghĩa.

Giải thích: Lại nữa để thành lập nghĩa không có cảnh, cho nên dẫn các giáo và các đạo lý khác. Nghĩa là các Bồ-tát thành tựu 4 pháp v.v... Cái trí biết thức tương trái nhau, nghĩa là trái chống nhau gọi là trái nhau. Thức trái chống nhau gọi là tương vi thức. Cái nhân sinha thức này gọi là tướng. Hiểu biết tướng này chỉ nội tâm biến, không có nghĩa ở ngoài. Cho nên không có nghĩa gọi tên là trí. Như ngạ quỷ, bàng sinh và trời, người v.v..., nghĩa là nơi loài ngạ quỷ do tự nghiệp biến khác, vì sức tăng thượng nên thấy sông ngòi đều là nơi đầy máu mủ. Các loài cá tôm, bàng sinh thì thấy là nhà ở là đường sá. Trời thì thấy đất đai trang nghiêm các báu. Người thì thấy đó là nơi nước chảy có sóng. Nếu nhập định hư không vô biên xứ tức nơi đó chỉ thấy hư không. Một vật thật có là mâu thuẫn nhau, chẳng phải một phẩm loại trí sinh nhân tính là không hợp lý. Vì sao ở trong sông này đã có đầy máu mủ phân như có người cầm đao gậy phòng thủ hai bên bờ. Lại có nhà cửa thơm tho đường sá sạch đẹp trang nghiêm các báu. Nước trong mát chảy. Cảnh hư không trong định, nếu chấp nhận ngoại vật đều không thật tính. Tất cả đều từ nội tâm biến hiện, mọi sự đều thành. Như có tụng nói:

*Nơi người dâm nữ thân đoan nghiêm,  
Xuất gia đắm dục như chó đói,  
Thây chết thối tha mỹ vị ngon,  
Ba thứ phân biệt đều không giống.*

Cái trí biết không có cảnh sở duyên mà thức vẫn có thể có hiện hành v.v..., nghĩa là quá khứ vị lai đều không thật có. Đây cùng

Kinh bộ đều chấp nhận. Cảnh trong chiêm bao là không có thật, tất cả đều rõ. Các ảnh tượng hiện hành trong Tam-ma-địa đã nói là phi hữu, cũng chẳng phải hồi ức. Trong nước trong gương thấy ảnh tượng đều không có thật như trước đã nói. Ở đây không cảnh mà thành thức thì phải lìa công dụng của trí vô điên đảo. Bản văn tuy rõ nhưng nói giúp thêm một ít. Nếu muốn được nghĩa, tức chân thật hữu, phải không dụng công tự nhiên giải thoát, vì tất cả hữu tình đều thấy thật. Tâm được tự tại, nghĩa là tâm được điều thuận có thể kham làm. Được tĩnh lự, tức là các Thanh Văn, Độc Giác v.v... nếu đã chứng đắc thanh tịnh tĩnh lự, tâm nhất cảnh tính, lạc tĩnh tư lự. Nói tĩnh lự là tùy sức thắng giải các nghĩa hiển hiện. Nghĩa là tùy sức tăng thượng ý giải sẽ được như ý muốn. Muốn khiến đất đai biến thành nước v.v... đều hiện thành được. Được Xa-ma-tha , nghĩa là đã chứng được định Xa-ma-tha liên tục thấm nhuần khiến tâm vắng lặng. Nói tu, là tương ưng cảnh không, hoặc tương ưng Tứ thánh đế sở duyên. Vận hành cả hai chỉ và quán gọi là tương ưng. Cùng tương ưng với đây cho nên gọi là tu pháp quán, nghĩa là từ đây trở đi được quán khế kinh v.v... Chính pháp diệu tuệ khi vừa mới tác ý thì các nghĩa hiển hiện, nghĩa là khế kinh v.v... trong chính giáo pháp tùy theo một thứ vô thường v.v... các nghĩa, như như tác ý tư duy, sát-na chóng diệt v.v... các tính, như vậy như vậy chẳng phải cảnh giới một phẩm loại hiển hiện. Khi trí vô phân biệt hiện tiền, tất cả các nghĩa đều không hiển hiện. Trí vô phân biệt, sau sẽ giải thích rộng. Nghĩa nếu thật có, trí này phải không. Không có phân biệt, mới thành vô phân biệt. Nghĩa nếu là thật có, trí vô phân biệt sinh, không nên không hiển hiện trí này như nghĩa thật duyên cảnh. Do đó cái lý nói là không gián đoạn, và trước nói 3 thứ nhân duyên, các nghĩa đều không có lý.

Luận nói: Nếu tự tính y tha khởi thật chỉ có thức, làm chỗ y chỉ cho những hiển hiện không thật thì sao gọi là y tha khởi? Vì nhân duyên gì gọi là y tha khởi?

Từ chủng tử huân tập sinh ra, do duyên cái khác mà sinh khởi nên gọi là y tha khởi. Sau khi sinh ra một sát-na không có công năng mà tự nhiên tồn tại nên gọi là y tha khởi.

Giải thích: Làm sao thành y tha khởi, là câu hỏi về giải pháp. Vì nhân duyên gì gọi là y tha khởi, là câu hỏi về giải thích từ. Do 2 cửa song quan này có thể rõ nghĩa. Còn 2 tự tính, 2 câu hỏi cũng vậy. Dựa theo đó các câu hỏi đều đáp song song. Từ chủng tử tự huân tập v.v..., nghĩa là từ chủng tử biến kế sở chấp danh ngôn huân tập sinh, dựa vào tự chủng tử tha chủng tử sinh ra, nên gọi là y tha khởi. Đó là nói cái thể đó dựa vào cái khác mà sinh. Sinh rồi một sát-na sau không có công năng tự nhiên tồn tại, nghĩa là đây nói cái thể ấy dựa vào cái khác mà tồn tại. Do 2 nhân này gọi là y tha khởi.

Luận nói: Nếu tự tính biến kế sở chấp dựa vào y tha khởi, hiển hiện tựa như thật mà không thật có thì sao thành biến kế sở chấp? Vì nhân duyên gì gọi là biến kế sở chấp?

Vì là hành tướng của ý thức, chấp trước khắp cả điền đảo sinh ra, nên gọi là biến kế sở chấp. Vì không có tự tướng, chỉ do chấp trước khắp cả mà được, nên gọi là biến kế sở chấp.

Giải thích: Dựa vào y tha khởi, nghĩa là dựa vào duy thức, dựa vào tính y tha khởi, thật không sở hữu. Nghĩa tương tự hiển hiện, nghĩa là thật không có tự thể, chỉ tương tự nghĩa mà hiển hiện tướng mạo. Nếu cái thể thật sự không có vì sao gọi là nghĩa? Để tránh câu hỏi này nên nói nghĩa tương tự hiển hiện. Nghĩa là do chủng tử danh ngôn huân tập, tuy không thật thể mà tựa hồ có nghĩa hiển hiện tướng mạo. Cho nên danh nghĩa như hình tướng ảo v.v... tương tự có hiển hiện. Nói hiển hiện, là rõ ràng nghĩa không có mà tựa hồ hiện ra một cách rõ ràng, gọi là hiển hiện. Tức là nghĩa tương tự mà co là tự tính của nó, tiếp nhận như là tự tính. Vô lượng hành tướng, là ảnh tượng các thứ cảnh giới ngã pháp. Ý thức biến kế, nghĩa là tức ngay ý thức

gọi là biến kế. Điền đảo sinh tướng, nghĩa là loạn thức sở thủ năng thủ vì nghĩa tướng sinh nhân. Nói biến kế sở chấp, là tức biến kế sở chấp nghĩa tướng. Gọi biến kế sở chấp tự tính, là tự tướng thật sự là không, chỉ có được biến kế sở chấp. Nghĩa là trong thật sự không có ngã và pháp, chỉ có được tướng mạo của ảnh tượng biến kế sở chấp. Do đó gọi là biến kế sở chấp.

Luận nói: Nếu tự tính viên thành thật là vĩnh viễn không còn tướng biến kế sở chấp thì thế nào là thành viên thành thật? Do nhân duyên gì gọi là viên thành thật?

Do tính không biến đổi nên gọi là viên thành thật. Lại do tính nó là sở duyên của thanh tịnh, là tính vượt trội hơn tất cả thiện pháp. Do nghĩa vượt trội này mà gọi là viên thành thật.

Giải thích: Do tính không biến đổi nên gọi là viên thành thật v.v..., nghĩa là nên biết tính này thường không biến đổi, lại là tính thanh tịnh sở duyên nên là tính tối thắng của tất cả thiện pháp, tính viên mãn thành tựu chân thật.

Luận nói: Lại nữa có năng biến kế, có sở biến kế mới thành tự tính của biến kế sở chấp. Vậy cái gì là năng biến kế, cái gì là sở biến kế, cái gì là tự tính của biến kế sở chấp?

Ý thức là năng biến kế, vì có phân biệt. Bởi vì sao? Vì ý thức này dùng danh ngôn tự huân tập làm chủng tử, và dùng danh ngôn huân tập của tất cả thức làm chủng tử, cho nên ý thức có vô số hành tướng phân biệt chuyển biến khắp tất cả sự phân biệt kể đặc nên gọi là biến kế. Còn tự tính y tha khởi gọi là sở biến kế. Lại nếu do cái tướng này khiến cho tự tính y tha khởi thành biến kế, thì gọi là tự tính biến kế sở chấp. Do tướng như vậy mà có nghĩa như vậy.

Lại nữa thế nào là biến kế có thể kể đặc khắp cả? Duyên cảnh giới nào? Thủ lấy tướng mạo gì? Do cái gì chấp trước? Lấy cái gì khởi lên ngôn ngữ? Lấy cái gì nói năng? Tăng ích cái gì?

Do duyên tên gọi làm cảnh. Trong tự tính y tha khởi, thủ lấy tướng mạo của y tha khởi. Do vọng kiến mà chấp trước. Do lấy sự tìm cầu mà khởi lên ngôn ngữ. Do 4 thứ thấy, nghe, hay, biết mà khởi lên sự nói năng. Trong sự không thật, tăng ích làm hiện hữu. Do đó biến kế có thể kế chấp khắp tất cả.

Giải thích: Lại nữa có khả năng biến kế v.v..., là vì muốn phân biệt biến kế sở chấp nên nói câu này. Phải biết ý thức là năng biến kế. Vì có phân biệt, nghĩa là do có hiển thị tùy niệm phân biệt xen tạp. Dùng tự danh ngôn huân tập làm chủng tử, nghĩa là từ vô thủy sinh tử có ý thức. Chủng tử hý luận danh ngôn huân tập làm sinh nhân cho ý thức này và dùng danh ngôn tất cả thức huân tập làm chủng tử, nghĩa là dùng chủng tử của vô biên sắc v.v... ảnh thức danh ngôn huân tập làm nhân, tựa như nó sinh ra, cho nên tất cả vô biên hành tướng phân biệt mà chuyển. Lại nữa tự tính y tha khởi gọi là biến kế, nghĩa là đây một phần nhân v.v... các tướng là sở kế nghiệp. Lại nữa nếu do tướng này khiến tự tính y tha khởi thành sở biến kế. Trong đây tên tự tính biến kế sở chấp, nghĩa là do duyên tướng của phẩm loại này tên là tự tính biến kế sở chấp. Là nghĩa như thế tức là nghĩa duyên tướng của phẩm loại như thế. Lại nữa vì sao biến kế có thể kế chấp khắp cả? Đưa lên câu hỏi này tức là muốn nói rõ các sai biệt của tự tính biến kế sở chấp. Duyên danh, là cảnh, nghĩa là sắc, thụ v.v... cùng với trời danh tương ưng với nghĩa khởi các biến kế. Nói khác hành tướng là thức. Danh không phải không có. Danh có thể đối với nghĩa khởi các phân biệt. Ở trong tự tính y tha khởi thủ lấy tướng mạo kia, tức là chấp ngã của tự tướng. Do tướng năng thủ gọi tên là tướng. Do tướng mà có ngôn thuyết. Hoặc trong tự tính y tha khởi lấy nhãn v.v... các tướng. Do kiến chấp trước, là do 5 phẩm loại suy cầu hành chuyển khởi các chấp trước, vì sau khi thủ tướng mạo rồi thì khởi chấp trước. Đó là nghĩa chấp trước tướng mạo một cách cứng nhắc. Do kiến suy cầu nơi nghĩa quyết định, khởi chấp trước rồi muốn nói cho người

khác. Do tâm khởi ngữ, là như khế kinh nói do tâm do tứ mà nói ngôn ngữ, không phải không tâm tứ có thể nói ngôn ngữ. Do kiến văn v.v... 4 thứ ngôn thuyết mà khởi ngôn thuyết, nghĩa là do thấy, nghe, hay, biết 4 thứ ngôn thuyết mà khởi ngôn thuyết. Như duyên tướng mạo sợi dây tương tự con rắn v.v... Chấp lấy các tướng mạo ngoằn ngoèo tự chấp trước mình là đúng mà nói “Tôi đã thấy con rắn”, “Tôi đã thấy rắn”. Đây cũng như vậy. Người khác nghe vậy rồi lại càng tin thêm cho là thật có.

Luận nói: Lại nữa 3 tự tính này khác nhau hay không khác nhau?

Phải nói là chẳng khác, chẳng phải không khác. Nghĩa là tự tính y tha khởi là do từ một cái khác mà thành ra có y tha khởi. Tức là tự tính này là do cái khác nên thành biến kế sở chấp. Tức là tự tính này là do cái khác nên thành viên thành thật.

Vậy do cái khác gì mà tính y tha khởi này thành y tha khởi?

Là do các chủng tử y tha huân tập sinh khởi.

Do cái khác gì mà tính y tha khởi này thành biến kế sở chấp?

Là do tướng sở duyên của biến kế, và cũng là sở biến kế của biến kế.

Do cái khác gì mà tự tính này thành viên thành thật?

Là như biến kế tất cả rồi mà không thật có như đã biến kế.

Giải thích: Chẳng phải khác, nghĩa là tính y tha khởi với biến kế sở chấp là hữu phi hữu. Hữu vọng hữu, có thể nói là khác. Phi vọng phi hữu, sùng thỏ v.v... là không. Chẳng phải không khác, nghĩa là hữu và phi hữu không thành một, cho nên tính y tha khởi và viên thành thật cũng vậy, vì một đảng là tính không thanh tịnh, một đảng là tính thanh tịnh. Nay lại dựa vào ý thú của môn phái khác, 3 tự tính này hoặc thành một tính, hoặc thành khác tính là do tướng của biến kế sở duyên. Lại nữa biến kế sở biến kế này là do y tha khởi. Nghĩa



là ngã, sắc v.v... là chỗ y chỉ của biến kế sở chấp. Lại nữa y tha khởi là ngã, sắc v.v... là chỗ biến kế của ý thức biến kế. Do ý thức này giả nói y tha khởi là biến kế sở chấp. Như sở biến kế rốt ráo không thật hữu, nghĩa là nơi y tha khởi như có chỗ hiển hiện, rốt ráo là không. Như vậy tức là nói 3 thứ tự tính không hoàn toàn thành khác, cũng không phải không khác. Vì quán đãi khác cho nên có khi chủng tử quán đãi huân tập sinh nghĩa thành y tha khởi, không phải do đây thành ngay 2 tính kia, có khi quán đãi biến kế sở duyên thành biến kế chấp, không phải do đây thành ngay 2 tính kia, có khi quán đãi biến kế sở chấp rốt ráo vô biên, thành viên thành thật không phải do đây thành ngay 2 tính kia.

Luận nói: Ba tự tính này, mỗi tính có bao nhiêu thứ?

Y tha khởi đại khái có 2 thứ. Một là do chủng tử y tha huân tập sinh ra. Hai là không thành tính y tha là tạp nhiễm hay thanh tịnh. Do có 2 thứ y tha khác biệt nên gọi là y tha khởi.

Biến kế sở chấp cũng có 2 thứ. Một là tự tính biến kế chấp. Hai là sai biệt biến kế chấp. Do đó nên gọi là biến kế sở chấp.

Tính viên thành thật cũng có 2 thứ. Một là tự tính viên thành thật. Hai là thanh tịnh viên thành thật. Do đó nên gọi là tính viên thành thật.

Giải thích: Chủng tử y tha huân tập mà sinh khởi, nghĩa là do gá vào nhân duyên mà được sinh nên gọi là y tha khởi. Tính y tha không thành tạp nhiễm hay thanh tịnh, nghĩa là do khi phân biệt thì thành tính tạp nhiễm, khi không phân biệt thì thành tính thanh tịnh. Dựa vào 2 phần nên gọi là y tha khởi. Tự tính biến kế, nghĩa là chấp thủ chung nhãn v.v... sự thể các hữu pháp. Sai biệt biến kế, nghĩa là chấp thủ riêng nghĩa của các pháp riêng biệt như nghĩa thường, vô thường v.v... Tự tính viên thành thật, là hữu cấu chân như. Thanh tịnh viên thành thật, là ly cấu chân như.

Luận nói: Lại nữa biến kế có 4 thứ: 1.tự tính biến kế, 2.sai biệt biến kế, 3.hữu giác biến kế, 4.vô giác biến kế. Hữu giác là giỏi về danh ngôn. Vô giác là không thông thạo danh ngôn.

Giải thích: Giỏi danh ngôn, nghĩa là có ý thú trước khi nói, hiểu rõ đầy đủ nên gọi hữu giác. Trái với đây gọi là vô giác.

Luận nói: Do đó biến kế lại có 5 thứ: Một là y danh biến kế nghĩa tự tính. Nghĩa là tên gọi như vậy thì có nghĩa như vậy. Hai là y nghĩa biến kế danh tự tính. Nghĩa là theo nghĩa như vậy thì có tên như vậy. Ba là y danh biến kế danh tự tính. Nghĩa là y theo tên mà biến kế tất cả các tên chưa rõ nghĩa. Bốn là y nghĩa biến kế nghĩa tự tính. Nghĩa là kế đặc tất cả các nghĩa mà chưa biết tên. Năm là y theo 2 biến kế và 2 tự tính. Nghĩa là kế đặc khắp cả tên như vậy, nghĩa như vậy và thể tính như vậy.

Giải thích: Dựa vào tên gọi biến kế chấp tự tính của tên gọi, nghĩa là như người sinh ở xứ dừa, nghe nói tiếng con bò không biết đó là nghĩa gì. Nhiều lần phân biệt tiếng con bò là như vậy, dựa vào nghĩa mà biế kế chấp nghĩa. Tự tính, nghĩa là không hề tập tượng hay có nghĩ tượng lại cùng nhau tương ưng, chợt trông thấy con bò, nhiều lần phân biệt nghĩa con bò là như vậy. Dựa vào 2 biến kế 2 tự tính, nghĩa là dựa vào giả lập mà phân biệt 2 thứ năng thuyên sở thuyên.

Luận nói: Lại nữa gồm thâu tất cả phân biệt thì đại lược có 10 thứ. Một là phân biệt căn bản, tức là thức A-lại-da. Hai là phân biệt về duyên tướng, tức sắc thức v.v... Ba là phân biệt về hiển tướng, tức nhãn thức v.v...và thức sở y. Bốn là phân biệt về sự biến đổi của duyên tướng, tức như biến đổi thành già, biến đổi cảm thụ vui v.v..., biến đổi vì tham v.v..., biến đổi khó chịu vì thời tiết thay đổi, biến đổi các nẻo đường chúng sinh như Nại-lạc-ca v.v...và biến đổi các cõi như cõi Dục v.v... Năm là phân biệt về biến đổi của hiển tướng, tức biến đổi của các biến đổi nói trên. Sáu là phân biệt do từ người khác đưa đến, tức phân biệt khi nghe phi pháp và nghe chính pháp.

Bảy là phân biệt không đúng lý, tức như phân biệt của ngoại đạo nghe các pháp không đúng chính pháp. Tám là phân biệt đúng lý, tức phân biệt các loại chính pháp khi nghe chính pháp. Chín là phân biệt chấp trước, tức phân biệt thuộc loại tác ý không đúng, như tương ứng 62 kiến chấp lấy Tát-ca-da kiến làm gốc. Mười là phân biệt tán động, tức 10 thứ phân biệt của Bồ-tát.

Giải thích: Căn bản phân biệt, nghĩa là thức A-lại-da là tự tính căn bản của các phân biệt. Nó cũng là phân biệt nên gọi là căn bản phân biệt. Duyên tướng phân biệt, nghĩa là phân biệt những thứ có duyên tướng như sắc v.v.... Hiện tướng phân biệt, nghĩa là nhãn thức v.v... và sở y thức, hiển hiện tựa như tướng sở duyên của chúng. Duyên tướng biến dị phân biệt, nghĩa là tựa như sắc ảnh v.v... thức biến đổi khác mà khởi phân biệt. Lão v.v... biến đổi khác, nghĩa là sắc thức v.v... tương tự tướng lão v.v... khởi các biến đổi khác. Bởi vì sao? Các sắc trong ngoài v.v... đều có tướng lão v.v... chuyển biến. V.v..., nguyên Hán văn là chữ “đẳng” là đẳng thủ nghĩa là đều chấp thủ cả sự biến đổi của bệnh, chết. Lạc thụ v.v... biến đổi khác, nghĩa là do hưởng thụ khoái lạc mà thân tướng biến đổi khác. Như nói người sung sướng thì mặt mày đoan nghiêm. V.v..., nguyên Hán văn là chữ “đẳng” là đẳng thủ nghĩa là đều chấp thủ cả sự thụ khổ, không thụ khổ, không thụ vui. Tham v.v... biến đổi khác, nghĩa là do tham v.v... thân tướng biến đổi khác. V.v..., nguyên Hán văn là chữ “đẳng” là đẳng thủ nghĩa là kể cả sân, si, phần v.v... Như nói phần nộ thì hình sắc xấu ác v.v... Khi bách hại, thời tiết thay đổi biến đổi khác, nghĩa là giết chóc, xích trói v.v... khiến thân tướng biến đổi khác. Thời tiết thay đổi cũng khiến trong ngoài thân sắc hình tướng thay đổi. Như nói khi lạnh rét thân thay đổi v.v... Nại-lạc-ca v.v.. các thú biến đổi khác. Chữ v.v... tức nói chung tất cả các nẻo ác. Các nơi ấy sắc v.v... đều cùng biến đổi khác. Và cõi Dục v.v... các cõi biến đổi khác. V.v... là nói chung trong cõi Sắc và Vô sắc. Vì là thức không có ảnh tượng tương tự sắc, nên trong các cõi trời và trong tinh

lự cũng có hữu tình và khí sắc v.v... các thứ biến đổi khác. Như sức oai thần của ngọc Mạt-ni nên biến đổi các thứ ánh sáng tịnh diệu. Hiện tướng biến đổi phân biệt, nghĩa là do nhãn v.v... là căn sở y cho nên khiến hiển hiện các ảnh tượng tương tự sắc. Nhãn thức v.v.. các thức biến đổi khác. Tức trong đó khởi phân biệt, như trước nói lão v.v... các biến đổi, tùy theo chỗ thích hợp mà biến đổi. Bởi vì sao? Như nói nhãn v.v... căn có lợi động, thức có sáng tối, nên vô biểu sắc sở y biến khác kia cũng biến khác. Do lạc thụ v.v... biến đổi khác cũng vậy. Như nói sung sướng thì tâm an định, khổ thì tâm tán động. Tham v.v... khi bách hại, thời tiết thay đổi biến khác cũng vậy. Nại-lạc-ca v.v... và cõi Dục v.v... dựa vào thân biến khác thức cũng biến khác. Trong cõi Vô sắc cũng có thụ v.v... làm các biến đổi. Các thức phân biệt dẫn đến các phân biệt, nghĩa là gần gũi bạn tốt bạn xấu và nghe chính pháp phi pháp là nhân phân biệt. Tức ngoại đạo Ca-tì-la v.v... và trong chính pháp các Tao-yết-đa có các phân biệt gọi là phân biệt không đúng lý và phân biệt đúng lý. Như vậy 2 thứ tùy chỗ thích ứng có thể sinh tà kiến chính kiến tương ứng với 2 thứ phân biệt. Tát-ca-da kiến là nhân khởi 62 kiến tương ứng phân biệt. Tức trong Kinh Phạm Võng phân biệt tiền tế, trung tế và hậu tế. Nghĩa là ta quá khứ là từng có chăng? Những phân biệt như vậy gọi là chấp trước phân biệt. Nói kiến thú, là nghĩa của phẩm loại. Tán động phân biệt, nghĩa là tán loạn não động nên gọi là tán động, tức là phân biệt này nên gọi tán động phân biệt. Cái này làm não loạn trí vô phân biệt. Bởi vì sao? Bởi nó não loạn Bát-nhã Ba-la-mật-đa. Trí vô phân biệt tức là Bát-nhã Ba-la-mật-đa. Nghĩa là 10 thứ phân biệt của các Bồ-tát là các Bồ-tát có thể phát ngôn ngữ tha dẫn mà chuyển không gọi chân lý 10 thứ phân biệt. Bởi vì sao? Vì chúng ngô chân lý hiện tiền không thể nói được.

Luận nói: Đó là: 1.tán động không có tướng, 2.tán động có tướng, 3.tán động tăng ích, 4.tán động tổn giảm, 5.tán động một tính, 6.tán động khác tính, 7.tán động tự tính, 8.tán động sai biệt, 9.tán

động lấy nghĩa theo tên, 10.tán động lấy tên theo nghĩa. Để đối trị 10 thứ tán động này, trong tất cả Bát-nhã Ba-la-mật-đa nói trí vô phân biệt. Như vậy phải biết sở trị năng trị đều gồm thấu đầy đủ nghĩa của Bát-nhã Ba-la-mật-đa.

Giải thích: Trong tất cả Ba-la-mật-đa, nói đủ là 10 thứ tán động đối trị như vậy. Như nói:

Thế Tôn ! Thế nào là Bồ-tát hành Bát-nhã Ba-la-mật-đa?

Xá-lợi tử ! Là Bồ-tát thật có Bồ-tát không thấy có Bồ-tát. Bởi vì sao? Sắc tự tính không chẳng do không, sắc không phi sắc, sắc chẳng tách rời không, sắc tức là không, không tức là sắc.

Bởi vì sao? Xá-lợi tử ! Đó chỉ có cái tên gọi là sắc. Tự tính nó không sinh không diệt không nhiễm không tịnh, giả lập tên khách, mỗi mỗi đối với pháp mà khởi phân biệt, giả lập tên khách theo đó khởi ngôn thuyết. Như như ngôn thuyết, như thị như thị mà sinh khởi chấp trước như vậy tất cả Bồ-tát không thấy. Do không thấy nên không sinh chấp trước. Như nói đối với sắc, cho đến đối với thức cũng phải biết như thế. Để đối trị vô tướng tán động, nên kinh ấy nói thật có Bồ-tát v.v... Nghĩa là thật có cái không, là thể của Bồ-tát. Để đối trị hữu tướng tán động, nên kinh ấy nói không thấy có Bồ-tát v.v... Nghĩa là tự tính của biến kế sở chấp là vĩnh viễn không có. Để đối trị tăng ích tán động, nên kinh ấy nói sắc tự tính không v.v... Nghĩa là tự tính của biến kế sở chấp là vĩnh viễn không có. Để đối trị tổn giảm tán động, nên kinh ấy nói chẳng do không v.v... Nghĩa là pháp tính ấy là thật có. Để đối trị một tính tán động, nên kinh ấy nói sắc không phi sắc v.v... vì tính của cảnh tịnh bất tịnh là các biệt. Để đối trị khác tính tán động, nên kinh ấy nói sắc chẳng tách rời không v.v... Nghĩa là cái sắc biến kế sở chấp, không có tự tính, tức là không. Để đối trị tự tính tán động, nên kinh ấy nói đây chỉ có tên gọi là sắc v.v... Để đối trị sai biệt tán động, nên kinh ấy nói không sinh không diệt v.v... Để đối trị như danh thủ nghĩa tán động, nên

kinh ấy nói giải lập tên khách, đối với mỗi pháp riêng biệt mà khởi phân biệt. Đề đối trị như nghĩa thủ danh tán động, nên kinh ấy nói giải lập tên khách, tùy khởi ngôn thuyết. Như như ngôn thuyết, như vậy như vậy sinh khởi chấp trước, như vậy tất cả Bồ-tát không thấy. Do không thấy nên không sinh chấp trước. Đây là ý nói đối với danh, đối với nghĩa hiểu biết như thật không chấp trước.

Luận nói: Nếu do dị môn mà tự tính của y tha khởi có 3 tự tính thì tại sao 3 tự tính không thành ra không khác nhau?

Vì nếu do tự tướng sai biệt mà thành y tha khởi thì không do đó mà thành biến kế sở chấp và viên thành thật. Nếu do dị môn mà y tha khởi thành biến kế sở chấp thì không do đó mà thành y tha khởi và viên thành thật. Nếu do dị môn mà y tha khởi thành viên thành thật thì không do đó mà thành y tha khởi và biến kế sở chấp.

Giải thích: Nghĩa này giống như trước không phải giải thích lại.

# NHIẾP ĐẠI THỪA LUẬN THÍCH

## QUYỂN 5

### 3 – 2. Sở tri tướng

Luận nói: Lại nữa làm sao biết được, như tự tính y tha khởi, tự tính biến kế sở chấp hiển hiện nhưng không xứng thể?

Vì trước khi có cái tên thì cái biết không có, nói xứng thể là mâu thuẫn. Do tên có nhiều, nhiều mâu thuẫn với thể. Cho nên do tên không quyết định mà mâu thuẫn với tạp thể. Ở đây có 2 bài tụng như sau:

*Trước tên , không tri giác,  
 Tên nhiều không nhất định.  
 Thành xứng thể, nhiều thể,  
 Tạp thể mâu thuẫn nhau.  
 Pháp không mà như có,  
 Không nhiễm mà có tịnh.  
 Nên biết như ảo thuật,  
 Cũng tựa như hư không.*

Giải thích: Như y tha khởi, biến kế sở chấp tuy có thể hiển hiện được mà không xứng với thể của nó. Để hiển thị nghĩa này nên nói do trước khi có tên thì không có cái biết v.v... Nếu y tha khởi cùng biến kế sở chấp đồng một tướng thì rời bỏ cái tên, nơi biến kế sở chấp phải không có cái biết. Như không thể nói tự lãnh thụ, hiện lượng sở đắc trong y tha khởi không đợi có tên mới sinh cái biết. Điều này

không thể có. Cho nên nói y tha khởi, biến kế sở chấp xứng thể với nhau là không đúng lý. Nói do tên có nhiều thể nhiều mâu thuẫn nhau, nghĩa là do sức ý giải, kế chấp nơi nghĩa trong y tha khởi. Trong một nghĩa lập ra nhiều tên. Như sách Ni-kiền-đồ một vật lập nhiều tên. Như một con bò có nhiều tên. Chẳng phải nơi một vật có nhiều tự tính mà không mâu thuẫn nhau. Cho nên y tha khởi biến kế sở chấp không đồng một tướng. Do tên không nhất định nên tạp thể mâu thuẫn, nghĩa là nơi nhiều vật loại tùy theo ý muốn đặt ra một tên. Rồi lại một tên đó tùy nơi tùy lúc có nghĩa riêng, nếu tên và nghĩa đồng một tướng thì nghĩa phải lộn xộn. Đã không có chuyện này nên không không có nghĩa như tên. Trong Già-tha, một Già-tha đầu tiên sơ lược gồm nghĩa nói ở trên để tiếp nhận, nên một Già-tha sau giải thích câu hỏi thông thường về biến kế sở chấp và viên thành thật.

Luận nói: Lại nữa vì sao như chỗ hiển hiện là không thật có, mà tự tính y tha khởi không phải tất cả, tất cả đều không có. Nếu tự tính y tha khởi là không, thì tự tính viên thành thật cũng không. Nếu tự tính y tha khởi là không, thì tất cả đều không. Nếu tự tính y tha khởi và viên thành thật là không, thì sẽ thành cái lỗi là không có nhiệm tịnh. Nhưng tạp nhiễm và thanh tịnh đã là hiện có, cho nên không nên nói tất cả đều không. Ở đây có bài tụng như sau:

*Nếu không y tha khởi,  
Viên thành thật cũng không.  
Nhất thiết chủng nếu không,  
Mãi mãi không nhiễm tịnh.*

Giải thích: Không phải tất cả đều vô sở hữu, nghĩa là không phải tất cả chủng tử hiển hiện, sở y, sở duyên, căn bản đều là vô sở hữu. Lại nữa nói tất cả, là tất cả mọi thời mọi lúc. Nói tự tính viên thành thật cũng vô sở hữu, nghĩa là nếu không tạp nhiễm thì thanh tịnh cũng không. Hỏi: Nếu không có hai tính, thì tính viên thành thật phải thành tựu chứ sao lại nói không? Đáp: Tự tính thanh tịnh là tính



viên thành thật. Ly cấu thanh tịnh không phải là tính viên thành thật. Văn tụng dễ hiểu không phải giải thích nữa.

Luận nói: Chư Phật Thế Tôn nói giáo nghĩa Phương Quảng trong Đại thừa. Giáo nghĩa ấy nói như sau:

Nên biết tự tính của biến kế sở chấp như thế nào?

Nên biết vì tự tướng sai biệt nên nói là không thật có.

Nên biết tự tính của y tha khởi như thế nào?

Nên biết nó như ảo thuật, như sóng nắng, như chiêm bao, như ảnh tượng, như bóng sáng, như tiếng vang trong hang, như trăng dưới nước, như biến hóa.

Nên biết tự tính của viên thành thật như thế nào?

Nên biết nói rõ 4 pháp thanh tịnh. Những gì là 4 pháp thanh tịnh? Một là tự tính thanh tịnh, tức thắng nghĩa của pháp giới chân như, chân không, và thật tế không có tướng. Hai là lìa cấu uế thanh tịnh, tức lìa tất cả các chướng như bản. Ba là được thanh tịnh đạo, tức các pháp Bồ-đề phần, Ba-la-mật-đa v.v... Bốn là sinh cảnh thanh tịnh, tức các giáo pháp Đại thừa vi diệu, duyên từ giáo pháp thanh tịnh này nên chẳng phải là tự tính biến kế sở chấp, là tính đẳng lưu của pháp giới rất thanh tịnh nên chẳng phải là tự tính y tha khởi. Như vậy 4 pháp này gồm tất cả các pháp thanh tịnh. Ở đây có 2 bài tụng như sau:

*Như huyễn, là nói sinh,  
Nói không, là biến kế,  
Nói 4 thứ thanh tịnh,  
Là nói viên thành thật.  
Tự tính và ly cấu,  
Thanh tịnh đạo sở duyên,  
Tất cả pháp thanh tịnh,  
Đều gồm trong 4 tướng.*

Giải thích: Trong giáo lý Đại thừa, muốn dùng phương tiện nói có 3 thứ tự tính. Cho nên trước khi hỏi phải biết dị môn, nghĩa là tự tướng sai biệt của nó. Nói vô sở hữu, nghĩa là nói biến kế sở chấp tức là dị môn. Nói vô sở hữu là rốt ráo không, cho nên tính y tha khởi có các nghĩa sai biệt như ảo hóa, như sóng nắng v.v... sau sẽ nói đến. Tự tính thanh tịnh, nghĩa là tự tính này ở trong địa vị dị sinh cũng là thanh tịnh. Nghĩa là chân như thì tính không thay đổi, cho nên đó là tướng chung bình đẳng của các pháp. Do đó trong Thánh giáo nói tất cả hữu tính có Như Lai tạng. Không, nghĩa là ở trên y tha khởi biến kế sở chấp vĩnh viễn không hiển thị lý tính chân thật. Nói thật tế là chân, nên gọi là thật, cứu cánh gọi là tế. Tiếng tế tức là nói biên tế, như cung biên tế. Nói vô tướng, nghĩa là vĩnh viễn lia bỏ tướng của tất cả sắc v.v... Nói thắng nghĩa, tức là thắng trí chứng nghĩa. Nói pháp giới, nghĩa là nhân của tất cả tịnh pháp, cho nên tiếng pháp giới này là nhân của pháp giới. Nói như thế giới bằng vàng v.v... lia cấu thanh tịnh, vẫn dễ hiểu không phải giải thích nữa. Được đạo này thanh tịnh, nghĩa là có thể chứng được đạo thanh tịnh chân như lia cấu. Nói Bồ-đề, nghĩa là vĩnh viễn đoạn trừ phiền não chướng và sở tri chướng. Trí vô cấu vô ngại là tự tính, tùy thuận kia cho nên gọi là phần, tức niệm, trụ v.v... 37 phẩm và 10 Ba-la-mật-đa. Ba-la-mật-đa sau sẽ giải thích rộng. Chữ đẳng là v.v... nghĩa là đồng đẳng lấy hết tất cả thánh đạo. Sinh cảnh thanh tịnh này, chữ này tức các Thánh đạo đã nói trước Bồ-đề phần này v.v... Ngoài ra nghĩa văn 2 tụng dễ hiểu không phải giải thích nữa.

Luận nói: Lại nữa vì lý do gì kinh nói tự tính y tha khởi ví như ảo hóa v.v...?

Vì để trừ mỗi nghi ngờ hư vọng đối với tự tính y tha khởi.

Những mỗi nghi ngờ ấy như thế nào?

Là những nghi ngờ hư vọng đối với tự tính y tha khởi, do đó nghi ngờ như sau:

Vì sao không thật có, mà thành cảnh giới của hiện hành được?

Để trừ nghi ngờ đó nên nói ví dụ như ảo hóa.

Vì sao không thật có, mà có tâm tâm sở pháp chuyển biến?

Để trừ nghi ngờ đó nên nói ví dụ như sóng nắng.

Vì sao không thật có, mà có các thụ dụng sai biệt đáng ưa , không đáng ưa?

Để trừ nghi ngờ đó nên nói ví dụ như chiêm bao.

Vì sao không thật có, mà lại sinh các quả báo đáng ưa không đáng ưa của các nghiệp tịnh và bất tịnh khác nhau?

Để trừ nghi ngờ đó nên nói ví dụ như ảnh tượng.

Vì sao không thật có, mà có các thức chuyển biến?

Để trừ nghi ngờ đó nên nói ví dụ như bóng sáng.

Vì sao không thật có, mà có những phát ngôn vô nghĩa?

Để trừ nghi ngờ đó nên nói ví dụ như tiếng vang trong hang.

Vì sao không thật có, mà thật có các cảnh Tam-ma-địa chuyển hiện?

Để trừ nghi ngờ đó nên nói ví dụ như trăng trong nước.

Vì sao không thật có, mà các Bồ-tát dùng tâm không điên đảo, thụ sinh để làm việc lợi lạc hữu tình?

Để trừ nghi ngờ đó nên nói ví dụ như biến hóa.

Giải thích: Hư vọng nghi, nghĩa là khởi các nghi hoặc đối với nghĩa hư vọng. Vì sao vô nghĩa mà khi kể chấp lại hiển hiện rõ ràng tựa như cảnh thật? Để ngăn ngừa mỗi nghi này nên ví dụ như chuyện ảo hóa. Như thật không có ảnh tượng mà có ảnh tượng ảo của cảnh sở duyên, tính y tha khởi cũng như vậy. Tuy không có 6 xứ sở duyên như sắc v.v... khi kể chấp tựa như có 6 xứ sở duyên hiển hiện. Lại như sóng nắng khi có gió động, thật không có nước mà thấy như nước. Khí thể gian bên ngoài cũng như vậy. Lại như ngủ chiêm bao, tâm tâm pháp hợp tụ, tạo thành cảnh rất muội lược, tuy không có các

cảnh giới như người nữ v.v...các thứ, thể mà tâm sinh cảm thụ ái phi ái v.v...Khi thức cũng vậy. Lại như ảnh tượng trong gương, thấy bản chất mà bảo ta thấy ảnh tượng khác, mà đó lại là ảnh tượng hoàn toàn không thật có. Nếu không phải ở đẳng dẫn địa thì các thiện ác tu nghiệp bản chất là duyên ảnh tượng sinh quả cũng như vậy. Lại người chơi đùa với bóng, ánh sáng che chắn sinh các hình ảnh. Các thức ở trong định, chuyển theo các nghĩa sai biệt không thật. Lại như tiếng vang trong hang, thật sự là không có tiếng mà nghe tựa như nghe tiếng thật. Các thứ ngôn thuyết ngữ nghiệp cũng vậy. Lại như mặt trăng dưới nước là do nước trong đứng lặng. Tuy không có mặt trăng mà có thể thấy mặt trăng. Duyên cảnh thật nghĩa huân tập làm tính, ý tương ưng các Tam-ma-địa cũng như vậy. Tuy không có cảnh giới thật nghĩa sở duyên mà như có duyên. Đây và ảnh tượng có khác biệt gì? Có khác biệt trong định và không định. Có thuyết nói gương mặt v.v...là các duyên hòa hợp, ảnh sinh trong mặt nước và mặt gương có thể thấy rõ ràng, như các sắc thái của ngọc phả-chi-ca sinh ra không phải vậy sao? Đó là do sở thủ sai biệt. Như rời nước và gương, mặt trăng và gương mặt có thể thấy rõ ràng. Các sắc thái do phả-chi-ca hiện ra không phải như vậy, cho nên không ví dụ giống nhau. Lại chẳng phải chúng ta chấp nhận có nước v.v...các thật nghĩa hữu pháp không thành nên không phải tỷ lượng. Lại như biến hóa, dựa vào biến hóa này gọi là biến hóa. Tuy không có thật mà có thể hóa ra là không có điên đảo. Đối với những gì hóa ra cần phải dụng công. Bồ-tát cũng vậy. Tuy không biến kế sở chấp hữu tình đối với y tha khởi, do ai mãn các loại hữu tình nên qua đó tiếp thụ tự thể sinh nơi đó. Phải biết rằng trong đây chỉ có cái nghi ngờ hư vọng của ông mà thôi. Nói nội ngoại thụ dụng là sai biệt thân nghiệp, ngữ nghiệp ba thứ ý nghiệp không phải đẳng dẫn địa. Nếu đẳng dẫn địa, nếu không điên đảo, trong 8 việc này chư Phật Thế Tôn nói 8 thí dụ. Những người có trí nghe nói thế, trong nghĩa 2 địa định và bất định có thể hiểu đúng.

Luận nói: Thế Tôn dựa vào mật ý gì, trong Kinh Phạm Vấn nói: Như Lai không sinh tử, không Niết-bàn?

Mật ý của Như Lai là nói trong tự tính của y tha khởi, biến kế sở chấp và viên thành thật, sinh tử và Niết-bàn không sai biệt. Bởi vì sao? Vì chính nơi tự tính y tha khởi, do biến kế sở chấp phân thành sinh tử, do viên thành thật phân thành Niết-bàn.

Giải thích: Nói Thế Tôn dựa vào mật ý gì, cho đến vô sai biệt mật ý, hoặc hỏi hoặc đáp cả hai đoạn bản văn, nghĩa đều dễ hiểu không phải giải thích. Bởi vì sao? Dưới giải thích trên, mật ý sinh tử Niết-bàn không sai biệt. Nếu khiến trừ biến kế hằng không, những cái khác không được sinh tử, không được lúc này lại được quán thấy tịch diệt Niết-bàn. Nhưng trong này nói thiên một không thành tính vô sai biệt. Để khiến trừ chấp trước điên đảo của hạng ngu phu định tính sai biệt, cũng tức là hiển thị nghĩa y tha khởi. Y 2 tự tính là không quyết định.

Luận nói: Trong Kinh Đại Thừa A-tì-đạt-ma, Bạc-già-phạm nói có 3 thứ pháp: một là tạp nhiễm, hai là thanh tịnh và ba là hai phần ấy.

Thế Tôn dựa vào mật ý gì đã nói như vậy?

Tức là trong tự tính của y tha khởi thì tự tính của biến kế sở chấp là phần tạp nhiễm, tự tính của viên thành thật là phần thanh tịnh. Tức y tha khởi là 2 phần ấy. Dựa vào mật ý ấy Thế Tôn đã nói như vậy.

Lấy thí dụ gì để làm rõ nghĩa này?

Làm rõ nghĩa này bằng thí dụ đất có chứa vàng. Ví như trong thế gian có 3 thứ có thể được trong đất có vàng: một là cõi địa giới, hai là đất, ba là vàng. Trong cõi địa giới, đất không phải thật có mà có thể có được, vàng là thật có mà không thể có được, khi dùng lửa nung luyện, tướng đất không hiện mà tướng vàng hiện ra. Vì vậy cõi địa giới là 2 phần kia. Thức cũng như vậy, khi lửa trí vô phân biệt chưa nung luyện thì trong thức này hiển hiện những hư vọng của tự tính

biến kế sở chấp, còn cái chân thật của tự tính viên thành thật không hiện ra. Nếu thức này khi được lửa trí vô phân biệt nung luyện thì cái chân thật của tự tính viên thành trong thức này hiển hiện, còn những hư vọng của tự tính biến kế sở chấp không hiện ra. Vì vậy cái thức hư vọng phân biệt này, tự tính y tha khởi có 2 phần ấy, như vàng và đất ở trong cõi địa giới.

Giải thích: Vàng chứa trong đất có 3 pháp dụ 3 tự tính. Địa giới là dùng sự cứng chắc làm tính. Tầng chứa, là chủng tử đất vàng. Đất vàng là hiển sắc hình sắc. Như lần lượt 3 đại chúng tạo làm 3 pháp thể. Khi đất hiển hiện là hiển hiện hư vọng, nghĩa là vì không phải tự tính của nó. Khi vàng hiển hiện là chân thật hiển hiện vì là tính của nó. Vì vậy địa giới là 2 phần của nó, là 2 thứ phần đất và vàng của nó. Địa giới thì dụ cho tính y tha khởi. Đất dụ cho tính biến kế sở chấp. Vàng dụ cho tính viên thành thật. Thức cũng như vậy, nghĩa là đem pháp hợp với dụ. Bởi duy thức tính là y tha khởi. Biến kế sở chấp và viên thành thật là tính phần của nó. Khi lửa trí vô phân biệt thiêu đốt thì 2 thứ tính phần là chân thật và hư vọng, lần lượt một hiển hiện một không hiển hiện.

Luận nói: Thế Tôn có chỗ nói các pháp là thường, có chỗ nói các pháp là vô thường, có chỗ nói tất cả pháp là chẳng phải thường, chẳng phải vô thường. Dựa vào mật ý gì mà Thế Tôn nói như vậy?

Nghĩa là nơi tự tính y tha khởi, do tính viên thành thật phân ra thành thường, do tính biến kế sở chấp phân ra vô thường, và do 2 phần ấy mà thành phi thường phi vô thường. Dựa vào mật ý này, Thế Tôn đã nói như vậy. Như thường vô thường và không hai thì như vậy khổ, vui và không hai, tịnh bất tịnh và không hai, không bất không và không hai, ngã vô ngã và không hai, tịch tĩnh không tịch tĩnh và không hai, có tự tính không tự tính và không hai, sinh không sinh và không hai, diệt bất diệt và không hai, bản lai tịch tĩnh chẳng phải bản lai tịch tĩnh và không hai, tự tính Niết-bàn chẳng phải tự tính Niết-bàn và không hai, sinh tử Niết-bàn và không hai cũng vậy. Những sai biệt như vậy toàn

là mật ngữ của chư Phật, phải do 3 tự tính mà quyết định mới hợp lý, như trên nói thường vô thường v.v... Ở đây có một số bài tụng như sau:

*Các pháp không thật có,  
Nhưng có nhiều biểu hiện.  
Phi pháp phi phi pháp,  
Nên nói nghĩa không hai.  
Y một phần khai hiển,  
Thì hữu hoặc phi hữu.  
Y hai phần mà nói,  
Phi hữu, phi phi hữu.  
Như hiển hiện phi hữu,  
Cho nên nói là không.  
Do hiển hiện như vậy,  
Cho nên nói là có.  
Tự nhiên tự thể không,  
Tự tính không kiên trụ.  
Như chấp thủ không có,  
Cho là không tự tính.  
Do không tự tính nên  
Là y chỉ sau đây.  
Vốn lặng không sinh diệt,  
Tự tính Bát-niết-bàn.*

Giải thích: Có nơi Thế Tôn nói tất cả pháp là thường v.v..., nghĩa là pháp tính y tha khởi, thể chân như là thường trú, phần một bên của tự tính biến kế sở chấp là vô thường. Cái này thường không, cho nên tính này thường không, vì vậy gọi là vô thường. Chẳng phải có sinh diệt nên gọi vô thường. Hai phần sở y gọi là phi thường cũng phi vô thường, là không có 2 tính. Lạc tức phần của viên thành thật. Khổ tức là phần của biến kế sở chấp. Không hai, là phần y tha khởi. Như vậy tịnh bất tịnh, không bất không, ngã vô ngã, tịch diệt bất tịch

diệt, hữu tự tính vô tự tính, sinh bất sinh, diệt bất diệt, bản lai tịch tĩnh phi bản lai tịch tĩnh, tự tính Niết-bàn phi tự tính Niết-bàn, sinh tử Niết-bàn không hai v.v... tùy chỗ thích hợp đều dựa vào 3 tính để giải thích sự sai biệt. Để cho hữu tính dễ thụ trì nên lại nói như pháp thật không có v.v... vì câu kết văn trường hàng dễ biết. Như chỗ hiển hiện, phi hữu tính nên là phi pháp. Mà hiển hiện nên là phi phi pháp. Do phi pháp phi phi pháp này nên nói nghĩa không hai. Như vậy nên giải thích dựa vào một phần khai hiển hoặc hữu hoặc phi hữu. Nếu chỗ hiển hiện không phải có như vậy mà có hiển hiện, cho nên dựa vào 2 phần mà nói là phi hữu mà cũng là phi phi hữu, vì là tính không hai. Như trước nên biết rằng nếu hiển hiện là phi hữu, thì ngã tính, pháp tính, sở thủ năng thủ v.v..., các thể như vậy đều không có tính, phi lượng sở chứng nên nói là không. Do hiển hiện như vậy, là như Tát-ca-da kiến, thật không có ngã ngã sở. Chỉ là do sức chuyển biến các hý luận luân tập từ vô thủy đến nay nên tựa như có hiển hiện. Đây cũng vậy nên nói là có. Bởi tính lự môn không có 2 thanh chuyển, không như các dị loại khác. Nếu vậy là không đồng ly hệ luận. Lẽ nào có như kia dựa vào tà kiến, đây dựa vào chính kiến, kia chấp phi nhất cùng nhau mâu thuẫn, có điều không muốn trái nghịch tất cả sở kiến nên nói không hai? Đây trong Phật pháp, tính y tha khởi trong 2 tính không nhất định thuộc về một, cho nên nói không hai. Cho nên lý của kia và đây rất cách xa. Tự nhiên tự thể không, nghĩa là dựa vào các duyên nên nói tự nhiên không. Sát-na sinh trước cũ rồi nên chẳng phải mới, gọi là tự thể không tự tính. Không kiên trụ, là sau một sát-na thì tính diệt hoại. Cái lý không tự tính này chung với Thanh Văn. Như chấp thủ cái bất hữu nên cho là không tự tính, nghĩa là đây là không chung với lý không tự tính. Như có điên đảo chấp có ngã v.v... Như vậy ngu phu chấp các pháp đều vô sở hữu nên trong Đại thừa cho rằng tất cả pháp đều không tự tính. Do vô tính mà thành, nghĩa là do các đạo lý vô tự tính vô sinh diệt v.v.. mà thành lập. hậu hậu sở y chỉ, nghĩa là do vô tự tính nên không có sinh. Do không sinh nên không



có diệt. Vì không sinh diệt nên bản lai tịch tĩnh. Vốn tịch tĩnh nên tự tính Niết-bàn. Nên biết các câu sau là dựa vào các câu trước mà được giải thích. Như vậy tùy thuận 4 thứ phương tiện thắng hạnh có thể ngộ nhập Bồ-tát hiện quán, ví như Thanh Văn vô thường các hạnh v.v...

Luận nói: Lại có 4 thứ ý thú và 4 thứ bí mật, tất cả lời Phật nói phải quyết định tùy trường hợp.

Bốn ý thú là: Một là ý thú bình đẳng. Nghĩa là như nói ta xưa kia khi ấy từng ở nơi ấy là bậc chính đẳng giác tên là Thắng Quán. Hai là ý thú khác thời. Nghĩa là như nói: Ai niệm danh hiệu đức Đa Bảo Như Lai tức đã được quyết định vô thượng chính đẳng Bồ-đề. Lại như nói: Do chỉ cần phát nguyện, liền được vãng sinh thế giới Cực Lạc. Ba là ý thú khác nghĩa. Nghĩa là như nói: Nếu đã được gặp và phụng sự chư Phật nhiều như số cát sông Hằng thì mới có thể hiểu nghĩa pháp Đại thừa. Bốn là ý thú tùy ý lạc của chúng sinh. Nghĩa là vì một chúng sinh mà trước khen ngợi sự bố thí sau lại chê. Đối với bố thí như vậy thì đối với việc trì giới và một phần tu pháp cũng như vậy. Đó gọi là 4 thứ ý thú.

Bốn bí mật là: Một là bí mật về sự khiến dẫn nhập. Nghĩa là trong Thanh Văn thừa hoặc trong Đại thừa, dựa vào lý thể tục đế nói có tự tính sai biệt của chúng sinh và các pháp. Hai là bí mật về tướng. Nghĩa là ở nơi đó nói tướng của các pháp làm rõ 3 tự tính. Ba là bí mật đối trị. Nghĩa là ở nơi đó nói 8 vạn 4 ngàn hành tướng đối trị. Bốn là bí mật chuyển biến. Nghĩa là ở nơi đó dùng lời, dùng chữ có nghĩa đặc biệt để hiển thị ý nghĩa đặc biệt. Như có bài tụng như sau:

*Biết không vãng là vãng,  
Trụ giữa nơi điên đảo.  
Phiền não quấy cùng cực,  
Được Bồ-đề cao tột.*

Giải thích: Quán xa nơi người và muốn nhiếp thụ gọi là ý thú. Quán gần ở nơi người muốn khiến ngộ nhập, gọi là bí mật. Ý thú

bình đẳng, nghĩa là một luận Phật tư lương v.v... tương tự nhau nên nói ta xưa khi từng ở nơi kia v.v... Như có ý duyên tính tương tự nhau nói rằng kia tức là ta, nhưng không phải Phật Tì-bà-thi thuở xưa tức là Thích-ca Mâu-ni Thế Tôn ngày nay. Biệt thời ý thú, nghĩa là quán giải đãi, không thể đối với pháp siêng năng tu học cho nên nói nếu tụng niệm danh hiệu Đa Bảo Như Lai liền được quyết định. Do chỉ phát nguyện liền được vãng sinh thế giới cực lạc, ý này trường dưỡng thiện căn trước. Như thế gian nói do một đồng mà được một ngàn đồng. Biệt nghĩa ý thú, nghĩa là chúng tướng Đại thừa pháp nghĩa với giáo tướng Đại thừa pháp nghĩa rất sai khác. Do ý thú này nói như thế. Nếu đã gặp và phụng sự chư Phật nhiều như số cát sông Hằng thì đối với pháp Đại thừa mới có thể hiểu nghĩa, vì cực kỳ sâu xa. Trong pháp Đại thừa chọn lấy thánh giả, nghĩa là lựa bỏ chỗ sở chứng của tự mình mà tùy theo lời nói mà hiểu nghĩa. Bồ-đặc-già-la ý lạc ý thú, nghĩa là trước vì tham lam keo kiệt nên ca ngợi bố thí, sau vì vui thích bố thí mà chê bố thí, trước vì phạm giới nên ca ngợi Thi-la, sau vì giữ giới mà chê Thi-la. Đó là vì muốn sự tu hành được thiện phẩm cao hơn. Một phần tu, nghĩa là tu tập thế gian. Khiến ngộ nhập bí mật, nghĩa là có chỗ nói Bồ-đặc-già-la và tất cả pháp tự tính sai biệt là để khiến ngộ nhập lý thế tục đế. Như trong Thanh Văn thừa nói có các hữu tình hóa sinh v.v... Như trong Đại thừa để hóa độ nỗi sợ hãi đoạn các hữu tình, nên nói tâm thường v.v... Tướng bí mật, nghĩa là khiến ngộ nhập tướng sở tri. Đối trị bí mật, nghĩa là để đối trị các sở tri như tham v.v... các hành sai biệt 8 vạn 4 ngàn. Chuyển biến bí mật, nghĩa là chuyển biến sai biệt nơi nghĩa chữ. Biết không kiên là kiên, nghĩa là cương cường lưu tán gọi là kiên, chẳng phải kiên cố này gọi là không kiên. Tức là định điều nhu không tán loạn, tức là ở trong khởi lên tuệ giác kiên cố. Kia vì kiên thiện, trụ nơi diên đảo, nghĩa là khéo an trụ ở nơi 4 diên đảo, biết là diên đảo nên quyết định không động. Bị nhiều phiền não làm não loạn, nghĩa là vì để hóa độ hữu tình nên chịu cực nhọc mà tinh tiến. Như có tụng nói ở trong sinh

tử chịu khổ não đã lâu chỉ vì do tâm Đại bi v.v... Được Bồ-đề cao tột, nghĩa là được nghĩa Tam-bồ-đề của chư Phật.

Luận nói: Nếu có người muốn giải thích pháp Đại thừa thì đại khái nên giải thích theo 3 tướng: Một là theo thuyết duyên khởi. Hai là nói về tướng của các pháp do từ duyên sinh. Ba là nói theo ngữ nghĩa.

Giải thích: Vì muốn khai hiểu các nhà tạo thích giải thích đạo lý, nên lược nói có 3 tướng.

Luận nói: Trong đây, nói duyên khởi là như nói:

*Các pháp huân tập sinh,  
Cái này từ cái kia.  
Dị thực và chuyển thức,  
Cùng nhau làm duyên sinh.*

Giải thích: Như vậy là đã nói xong sở tri y của pháp duyên khởi và duyên sinh. Tướng của nó đã giải thích là có 3 tướng duyên khởi. Cho nên nay ở đây lại sơ lược hiển thị thức A-lại-da cùng chuyển thức làm nhân quả cho nhau. Vì vậy trong Già-tha nói huân tập sinh v.v...

Luận nói: Lại nữa pháp tướng của chuyển thức kia có tướng có kiến thức làm tự tính. Chuyển thức kia lấy chỗ sở y làm tướng, lấy biến kế sở chấp làm tướng, lấy pháp tính làm tướng. Do đó hiển thị tướng của 3 tự tính, như nói:

*Từ có tướng có kiến,  
Nên biết 3 tướng kia.*

Lại nữa nên giải thích 3 tướng kia như thế nào?

Nghĩa là trong tướng y tha khởi, tướng biến kế sở chấp thì không, tướng viên thành thật thì có. Do 2 thứ không có với có này mà không được và được, chưa thấy và thấy, với chân như là đồng thời. Nghĩa là nơi y tha khởi, trong tự tính không có biến kế sở chấp mà có

viên thành thật nên khi chuyên theo nhiệm tịnh thì nếu được kia thì không được đây, nếu được đây thì không được kia. Như nói:

*Y tha: không biến kế,  
Mà thành thật thì có.  
Nên được và không được,  
Trong đó hai bình đẳng.*

Giải thích: Thức có tướng có kiến làm tự tính, như trước đã nói. Tự tính của tướng thức, tức là sắc thức v.v... và nhãn thức v.v... Tự tính của kiến thức, tức là căn thức thức v.v... lại nữa kia lấy y xứ làm tướng, nghĩa là vì tướng y tha khởi là chỗ sở y của 2 tự tính. Biến kế sở chấp làm tướng, tức là tự tính biến kế sở chấp. Pháp tính làm tướng, tức là an lập nơi tịnh phần này. Để hiển thị nghĩa này nên nói nửa kệ tụng. Từ hữu tướng hữu kiến nên biết 3 tướng kia. Chưa thấy chân và đã thấy chân là đồng thời, nghĩa là nếu khi ấy chưa thấy chân thì ở trong tự tính y tha khởi thấy viên thành thật là không, biến kế sở chấp là có. Nếu khi ấy đã thấy chân thì thấy biến kế sở chấp là không, viên thành thật là có. Ở đâu? Ai? Không y tha chấp không, nghĩa là ở trong y tha khởi vì không biến kế sở chấp nên trong đó làm sao có thành thật? Ở trong đó có, là vì trong y tha khởi có viên thành thật. Trong đây hạng ngu phu vọng kiến, thấy điên đảo, phi hữu thấy hữu, hữu thấy phi hữu. Chân thật thấy Thánh giả, là do thấy không điên đảo. Hữu thấy là hữu, vô thấy là vô là hiển thị nghĩa nửa bài tụng dưới:

*Nên được và không được,  
Trong đó hai bình đẳng.*

Luận nói: Nói về ngữ nghĩa, tức là trước nói câu đầu, sau dùng những câu khác phân biệt làm rõ. Hoặc do đức, hoặc do nghĩa.

Giải thích: Như vậy là đã giải thích ý thú các nghĩa không theo người nói. Nay sẽ tùy thuận người nói giải thích ý thú của ngữ nghĩa. Hoặc do đức, hoặc do nghĩa, nghĩa là đó ý thú của đức, do ý thú của

nghĩa. Đã được, đã làm lợi ích viên mãn nên gọi là đức. Chưa được, thù thuận tìm kiếm nên gọi là nghĩa.

Luận nói: Do đức, tức là nói công đức của Phật là tuệ giác cực kỳ thanh tịnh, hiện hành bất nhị, hướng đến pháp vô tướng, trụ vào địa vị Phật, đạt tới tính bình đẳng của tất cả chư Phật, đến chỗ không còn chướng ngại, giáo pháp thi hành không trở ngại, không thể lay chuyển, chỗ an lập không thể nghĩ bàn, đạo khắp 3 đời pháp tính bình đẳng, thân lưu bố khắp tất cả thế giới, trí thông suốt tất cả pháp, thành tựu đại giác trong tất cả hạnh, trí không nghi hoặc đối với các pháp, không thể phân biệt các hiện thân, trí tuệ mà tất cả Bồ-tát mong cầu, được trụ bờ kia tối thắng của chư Phật không hai, được giải thoát của Như Lai không xen tạp, diệu trí cứu cánh chứng địa vị không trung tâm không ngoại biên, Phật địa bình đẳng pháp giới cao tột, tính như hư không cùng tột đời vị lai. Phải biết câu tuệ giác cực kỳ thanh tịnh này được các câu khác tiếp theo phân biệt làm rõ. Nói như vậy mới gọi là khéo nói pháp.

Tuệ giác cực kỳ thanh tịnh là tuệ giác cực kỳ thanh tịnh của Phật Thế Tôn. Phải biết đó là gồm thâu 21 công đức của Phật. Tức là công đức hoàn toàn không chướng ngại đối với các pháp sở tri. Công đức nhập vào chân như có không không hai tối thắng thanh tịnh. Công đức trụ nơi Phật sự vô công dụng không ngừng nghỉ. Công đức trụ trong pháp thân, ý lạc tác nghiệp không sai biệt. Công đức đối trị, tu tất cả chướng. Công đức hàng phục tất cả ngoại đạo. Công đức an lập chính pháp. Công đức thụ ký. Công đức thị hiện thụ dụng thân và biến hóa thân trong tất cả thế giới. Công đức dứt trừ nghi. Công đức khiến nhập vào các hạnh. Công đức sinh diệu trí đối với các pháp đương lai. Công đức thị hiện đúng như sự thắng giải. Công đức gia hành làm sở y cho sự điều phục vô số chúng sinh. Công đức trọn vẹn đầy đủ pháp thân bình đẳng Ba-la-mật-đa. Công đức tùy theo sự thắng giải thị hiện cõi Phật sai biệt. Công đức về phương xứ không phân chia giới hạn của 3 thứ Phật thân. Công đức thường hiện an lạc lợi ích cho tất cả hữu tình đến tận cùng biên giới của sinh tử. Công đức vô tận.

Giải thích: Tuệ giác cực kỳ thanh tịnh, đây là câu đầu tiên do các câu khác khai hiển nghĩa ấy. Như vậy mới gọi là khéo thuyết pháp, nghĩa là lấy nhiều đức biện nói một đức. Nói ở nơi sở tri hoàn toàn chuyển công đức mà không chướng ngại, đây tức là khai thị hiện hành không hai. Nói trí Phật hoàn toàn không chướng ngại, là vì đối với tất cả sự việc phạm loại sai biệt không chấp trước không trở ngại, không phải như trí Thanh Văn v.v... có 2 thứ có nơi có chướng ngại có nơi không chướng ngại. Hoặc hiện hành 2 nơi, trong đây không nói có 2 thứ hiện hành, cho nên nói hiện hành không hai. Do đó nói tuệ giác cực kỳ thanh tịnh vì có đầy đủ công năng trí đoạn lớn. Trong các câu sau đều nên cùng phối thuộc như vậy. Trong hữu vô không có 2 tướng, chân như cực kỳ thanh tịnh có thể nhập công đức, đây tức khai thị hướng đến pháp vô tướng. Nghĩa là chân như này có tướng viên thành thật, không có tướng biến kế sở chấp. Do đạo lý này gọi là không có 2 tướng. Không có tướng không, nên là thật có. Không có tướng có, nên sở chấp là không. Cực kỳ thanh tịnh có thể nhập công đức nghĩa là chân như cực kỳ thanh tịnh, vì là đứng đầu trong tất cả các pháp, vì xa lìa tất cả khách trần cấu uế, cho nên đối với chân như này tự đã có thể ngộ nhập còn khiến người khác ngộ nhập. Cho nên nói là cực kỳ thanh tịnh có thể nhập công đức. Do đây phải phối thuộc như trước. Tự đã thanh tịnh còn khiến người thanh tịnh nên vô công dụng Phật sự trụ công đức không ngừng nghỉ, đây là khai thị trụ nơi Phật trụ. Nghĩa là không làm dụng công trong các Phật sự, trong các hữu tình có thể không gián đoạn tùy chỗ thích hợp hằng chính an trụ Thánh thiên Phạm trụ. Không như Thanh Văn cần phải dụng công mới có thể làm được việc lợi lạc hữu tình. Không như ngoại đạo tuy có chỗ trụ nhưng không phải chỗ thiên trụ thù thắng. Tức là 4 thứ tĩn lự, Phạm trụ tức là Bi v.v... vô lượng. Thánh trụ tức là không vô tướng v.v... Ở trong pháp thân công đức dựa vào ý lạc tác sự vô sai biệt, tức là khai thị để đến được tính bình đẳng tất cả chư Phật. Sở y vô sai biệt, nghĩa là vì tất cả đều dựa vào trí thanh tịnh. Ý lạc vô sai

biệt, nghĩa là tất cả đều có lợi ích an lạc, vì tất cả hữu tình có niềm vui thắng ý. Tác nghiệp vô sai biệt, nghĩa là tất cả đều làm việc thụ dụng biến hóa lợi tha. Không như Thanh Văn v.v... chỉ có sở y. Tu công đức đối trị tất cả chướng, tức là khai thị đến chỗ không chướng ngại. Nghĩa là đã quán tập suốt thánh đạo đối trị tất cả phiền não chướng và sở tri chướng. Nhất thiết chủng trí định tự tại tính đã đến vĩnh viễn xa lìa tất cả chỗ dựa của chướng khí. Công đức hàng phục tất cả ngoại đạo, tức là khai thị pháp không thể lay chuyển. Nghĩa là giáo và chứng 2 pháp đều không bị ngoại đạo kia có thể lay chuyển được, vì không có pháp nào thắng hơn pháp này. Nói công đức sinh tại thế gian không bị pháp thế gian làm trở ngại, tức là khai thị sở hành vô ngại. Nghĩa là như ở trong đó thường đạo khắp gọi là sở hành. Tuy sở hành trong thế gian mà không bị các pháp thế gian như lợi suy v.v... yêu ghét trôi buộc làm chướng ngại. Như có tụng nói:

*Chư Phật thường đạo khắp thế gian,  
Không đả tất cả loài hữu tình.  
Tám pháp gió nóng tà phân biệt,  
Không làm khuynh động không trở ngại.*

Công đức an lập chính pháp, tức là khai thị sự an lập không thể nghĩ bàn. Nghĩa là khế kinh v.v... 12 phần giáo là sở an lập. An lập chúng, tự tướng và cộng tướng của chúng. Như vậy an lập này không phải tri giác của ngu phu có thể thực hành được, mà là tuệ giác xuất thế gian cho nên không thể nghĩ bàn. Cái an lập không thể nghĩ bàn này, tức là công đức như trước phối thuộc. Công đức thụ ký, tức là khai thị pháp tính bình đẳng đạo khắp ba đời. Nghĩa là có thể đạo khắp pháp tính bình đẳng trong ba đời, ở trong tính bình đẳng ba đời có thể tùy hiểu rõ quá khứ vị lai chuyển sự đều như hiện tại mà thụ ký. Công đức thị hiện biến hóa thân thụ dụng trong tất cả thế giới, đây tức khai thị thân ấy lưu bố tất cả thế giới. Nghĩa là tùy chỗ hóa hiện khắp thế giới, thị hiện hai thân lợi lạc chúng. Công đức đoạn nghi, tức

khai thị trí không nghi ngại trong tất cả pháp, khéo quyết định trong tất cả cảnh. Không phải đối với các pháp tự mình không quyết định mà có thể giải quyết nghi cho người khác. Không phải lìa bỏ sự quyết định mà có thể đoạn nghi. Công đức khiến ngộ nhập các hạnh, tức là khai thị thành tựu đại giác đối với tất cả các hạnh. Công đức sinh diệu trí đối với các pháp đương lai, tức khai thị đối với các pháp, trí không nghi hoặc. Nói Thánh Thanh Văn cho đây hoàn toàn không có chút phần thiện căn mà vất bỏ, là Phật Bạc-già-phạm biết chúng sau sẽ sinh thiện pháp, hiện chứng biết chúng các kiếp khác các chủng tử thiện căn nhỏ nhất sẽ đeo theo. Công đức thị hiện đúng như sự thắng giải, tức là khai thị. Tất cả hiện thân không thể phân biệt, nghĩa là tùy các thứ thắng giải của hữu tình mà hiện thân sắc vàng ròng v.v... Tuy hiện thân ấy mà không phân biệt. Như ngọc Ma-ni và ông tiêu ông sáo v.v... rộng nói như Như Lai mật kinh vô lượng sở y. Công đức gia hành làm sở y cho sự điều phục vô số chúng sinh, tức là khai thị tất cả Bồ-tát cầu trí tuệ. Nghĩa là vô lượng Bồ-tát sở y vì muốn điều phục hữu tình cho nên phát khởi sức tăng thượng của Phật. Nghe pháp để trước được diệu trí, dị loại Bồ-tát nhiếp thụ phú chúc, lần lượt liên tục chuyển không gián đoạn. Do đó chúng được cái trí tất cả Bồ-tát mong cầu. Công đức trọn vẹn đầy đủ pháp thân bình đẳng Ba-la-mật-đa, tức khai thị được Phật trụ thắng bỉ ngạn không hai. Nghĩa là không hai cho nên nói là bình đẳng. Y pháp thân bình đẳng Ba-la-mật-đa quả vị đầy đủ. Hoặc bình đẳng là không giảm không tăng. Trong pháp thân đầy đủ tất cả Ba-la-mật-đa, trong đó không có hoặc tăng hoặc giảm. Không phải như Ba-la-mật-đa trong Bồ-tát địa có tăng có giảm. Công đức tùy theo sự thắng giải thị hiện cõi Phật sai biệt, tức là khai thị sự không xen tạp, rốt ráo diệu trí giải thoát của Như Lai. Nghĩa là quán sát chỗ thắng giải sai biệt của chúng sinh hiện các cõi Phật như vàng bạc v.v... không xen tạp nhau. Khi thắng giải của Thế Tôn hiện tiền thì tùy chỗ yêu thích của chúng sinh mà đều hiển hiện, không gì không rõ biết, cho nên nói là rốt ráo diệu trí giải thoát của



Như Lai trong thắng giải. Nói công đức về phương xứ không phân chia giới hạn của 3 thứ Phật thân, tức là khai thị chứng Phật địa bình đẳng không chính giữa không hai bên. Nghĩa là như thế giới không có chính giữa không ngoại biên, Phật địa cũng vậy công đức phương xứ không có phần hạn. Hoặc lại thế giới phương xứ vô biên, ba thân chư Phật trong đó gọi là thế giới lượng bình đẳng biến khắp lấy pháp thân tức trụ trong các thế giới như vậy chứ không nơi nào khác. Hoặc pháp thân ở trong Phật địa bình đẳng biến khắp không chính giữa không ngoại biên không có phần hạn. Pháp thân này bình đẳng biến khắp mọi nơi vì các chúng sinh hiện làm lợi ích nhưng không phải tự tính vô trung vô biên. Công đức thường hiện an lạc lợi ích cho tất cả hữu tình đến tận cùng biên giới của sinh tử, tức là khai thị cùng cực nơi pháp giới. Nghĩa là pháp giới này cực kỳ thanh tịnh, nên có thể khởi đặng lưu kế kinh các pháp. Cùng cực pháp giới này trong đời vị lai tất cả hữu tình tùy theo cảm ứng thường có thể hiện làm lợi ích an lạc. Công đức vô tận, tức là khai thị tình cùng tận hư không. Nghĩa là hư không kia tính nó là không chướng ngại, nó không gây chướng ngại cho đối vật. Tính là giới, vì duy trì tự tướng, không phải như khe hở sáng tối là tính cùng tận. Như vậy tự tính của hư không là như hư không kia không biên giới, không cùng tận, không giảm, không sinh, không diệt, không thay đổi, trong tất cả mọi thời hiện tiền dụng nạp tất cả chất ngại. Pháp thân cũng vậy, thường hiện tiền làm tất cả lợi lạc hữu tình là tướng. Tận cùng tất cả cõi khắp làm việc lợi ích chúng sinh không ngừng nghỉ. Chữ đặng là v.v..., là lấy hết tất cả công đức cứu cánh, tức khai thị tận cùng biên giới của vị lai. Nghĩa là công đức này cho đến tận cùng vị lai thường không gián đoạn. Tận cùng biên giới vị lai không biên giới là hiển thị công đức của Phật vĩnh viễn không cùng tận. Vì việc hóa độ hữu tình là vĩnh viễn không cùng tận.

Do công đức trang nghiêm này, cái tuệ giác thanh tịnh cao tột cho thấy rõ Bạc-già-phạm có tuệ giác tối thắng khác hơn các Thanh Văn Độc Giác Bồ-tát. Làm thế nào được cái tuệ giác tối thắng này,

cho nên nói tiếp là hiện hành không hai. Các Thanh Văn v.v... đối với cảnh sở tri thì hiện hành có hai. Như nói chính trí không nhiễm vô trí. Phật thì không thể nên trí đức viên mãn. Để hiển thị Như Lai đoạn đức viên mãn, nên nói tiếp hướng đến pháp vô tướng, không trụ tướng sinh tử Niết-bàn. Dùng phương tiện gì được Niết-bàn này, nên nói tiếp là trụ nơi Phật trụ. Bởi Bạc-già-phạm khéo an trụ nơi không Đại bi, nên không trụ sinh tử không trụ Niết-bàn. Như vậy Phật trụ với những cái khác là chung hay không chung, nên tiếp nói là kịp đến khi được tính bình đẳng của tất cả chư Phật. Chư Phật tất cả hành tướng lần lượt hòa nhau trụ. Như vậy là đã nói tự lợi viên mãn. Tiếp đến sẽ nói rộng về lợi tha viên mãn. Để hiển thị đã được hóa giải đối trị tất cả chướng ngại, cho nên tiếp nói đến chỗ không chướng ngại. Có các ma v.v... có thể làm cho pháp thoái chuyển, có thể chuyển các việc nghĩa lợi của hữu tình. Nay trong đây không có việc ấy, cho nên tiếp nói pháp không thể chuyển. Trong các việc làm lợi ích an lạc hữu tình không có cao thấp có thể làm trở ngại, cho nên tiếp nói chỗ làm không ngại. Y theo phương tiện này có thể làm các lợi ích hữu tình, cho nên tiếp nói việc an lập ấy không thể nghĩ bàn. Gia hành như vậy, chư Phật Thế Tôn là tính bình đẳng hay sai biệt? Nếu không như vậy thì làm sao đạo trong 3 đời pháp tính bình đẳng, việc lợi hữu tình của 3 đời chư Phật đều như nhau? Việc làm lợi hữu tình như vậy là tuần tự trong mỗi mỗi thế giới chăng? Nếu không như vậy thì làm sao thân Phật lưu bố tất cả thế giới mà hiện thành Phật ngay trong tất cả thế giới? Để làm rõ có thể đoạn các chỗ sinh nghi ngờ kia, cho nên tiếp nói trong tất cả pháp trí không nghi ngại. Các hữu tình được hóa độ chủng tính khác biệt cho nên tùy sự thích ứng mà phương tiện hóa độ. Vì muốn hiển thị trí phương tiện khéo léo này, nên tiếp nói trong tất cả các hành thành tựu đại giác. Tức y theo sự hóa độ hữu tình có năng lực hay không năng lực mà có sự khéo léo sai biệt, nên tiếp nói đối với các pháp trí không nghi hoặc. Tức đối với các việc cùng hành nào tà nào chính để hóa độ hữu tình, nếu cần phải hiện tướng

đều không thể phân biệt. Để làm việc này nên tiếp nói tất cả mọi hiện thân đều không thể phân biệt. Dẫn phát chủng tính tự nhiên bất định của Thanh Văn Bồ-tát nên ca ngợi Đại thừa. Để hiển thị việc này nên tiếp nói cái trí mà tất cả Bồ-tát mong cầu. Để ngăn chặn Đại sư giáo hóa các hữu tình mà nghi ngờ nhất thiết trí chẳng phải nhất thiết trí, nên tiếp nói Phật được trụ thắng bỉ ngạn không hai. Nghe nói tất cả Phật được bình đẳng, tức là tất cả phải đồng một tính. Để ngăn chặn sự nghi ngờ này nên tiếp nói rốt ráo diệu trí giải thoát của Như Lai là không xen tạp nhau. Cái tướng chẳng phải một chẳng phải khác là thế nào? Để đáp câu hỏi này nên tiếp nói chúng không có chính giữa không có ngoại biên, Phật địa bình đẳng. Thường, vô thường v.v... tất cả đều thuộc nhị biên. Vì sao vô tướng tránh được cái nạn này, nên tiếp nói cùng tốt pháp giới, nghĩa là thanh tịnh cu gf tốt lia các hý luận. Đó là tướng của pháp giới. Các chủng loại như vậy làm việc lợi ích chúng sinh trải qua bao nhiêu thời gian, cho nên tiếp nói cùng tận như tính hư không, cùng tốt biên giới của vị lai.

Luận nói: Lại nữa do nghĩa xứ, như nói: Nếu các Bồ-tát thành tựu 32 pháp mới gọi là Bồ-tát. Tức là đối với tất cả hữu tình khởi ý lạc tăng thượng làm lợi ích yên vui cho tất cả chúng sinh như: Khiến nhập trí nhất thiết trí. Tự biết mình nay không cần cái giả trí. Xô dẹp tâm ngã mạn. Ý lạc vững vàng. Không phải giả thương xót. Bình đẳng không thân sơ. Hằng làm người bạn tốt cho đến cuối cùng được Niết-bàn. Nói cân nhắc đúng mức. Tươi cười trước khi nói. Đại bi vô hạn. Việc phải chịu, không khiếp nhược thoái lui. Không có ý chán nản mỗi một. Nghe nghĩa lý không chán. Cảm thấy sâu sắc tội mình đã làm. Người khác tạo tội thì dạy bảo mà không giận. Hằng tu trị tâm Bồ-đề trong tất cả mọi oai nghi. Làm việc bố thí không mong cầu quả báo. Thụ trì giới luật không hướng về các nẻo sinh tử. Thực hành nhẫn nhục đối với chúng sinh không giận không ngại. Siêng năng tinh tiến vì muốn gồm thu tất cả thiện pháp. Tu tĩnh lự xả bỏ cõi Vô sắc. Phương tiện tương ưng tu tập Bát-nhã. Lấy 4 nhiếp pháp

gồm thâu các phương tiện. Đối với người giữ giới phá giới đều là bạn lành không đem tâm phân biệt. Đem tâm ân cần quý trọng mà nghe chính pháp. Với tâm trân trọng, ở nơi tịch tĩnh. Không thích các việc tạp nhạp ở đời. Không bao giờ ưa chuộng các thừa giáo thấp kém. Thấy công đức sâu xa trong Đại thừa. Xa lìa bạn ác. Gần gũi bạn lành. Hằng tu tập 4 phạm trụ. Thường vận dụng tự tại 5 thần thông. Hướng đến nương tựa trí tuệ. Không bỏ các chúng sinh dù ở trong chính hạnh hay không ở trong chính hạnh. Nói lời quyết định. Trọng chân lý sự thật. Thường lấy tâm Đại Bồ-đề làm đầu. Như vậy phải biết các câu này đều là các chi tiết của câu đầu tiên. Tức là câu ý lạc tăng thượng làm lợi ích an lạc cho tất cả hữu tình, câu này có 16 nghiệp khác nhau. Đó là: 1.nghiệp tuần tự gia hành, 2.nghiệp không điên đảo, 3.nghiệp gia hành tự nhiên, không đợi người mời thỉnh, 4.nghiệp không động, không hư hoại, 5. nghiệp không cầu không nhiệm, nên biết nghiệp này có 3 câu khác nhau, tức là vì không bị nhiệm ràng buộc nên đối với có ơn không có ơn không ưa không ghét, vì đời đời thường tùy chuyển, 6.tương xứng nghiệp thân nghiệp miệng, nên biết câu này có 2 câu khác nhau, 7.nghiệp bình đẳng đối với vui và khổ, 8.nghiệp không thấp kém, 9.nghiệp không thoái chuyển, 10.nghiệp thâu giữ phương tiện, 11.nghiệp chán ghét bị đối trị, nên biết đây có 2 câu khác nhau, 12.nghiệp tác ý không gián đoạn, 13.nghiệp tu hành thắng tiến, nên biết đây có 7 câu khác nhau, tức chính gia hành của 6 Ba-la-mật-đa và chính gia hành của 4 nhiếp sự, 14.nghiệp gia hành trọn vẹn đầy đủ, nên biết đây có 6 câu khác nhau, tức gần gũi thiện sĩ, nghe chính pháp, ở nơi thanh vắng, xa lìa các suy nghĩ xấu ác, công đức tác ý, nên biết câu này lại có 2 câu khác nhau, tức công đức trợ bạn, nên biết đây lại có 2 câu khác nhau, 15.nghiệp đầy đủ trọn vẹn, nên biết đây có 3 câu khác nhau, tức là thanh tịnh vô lượng, được uy lực lớn, công đức chứng đắc, 16.nghiệp an lập cho người, nên biết đây có 4 câu khác nhau, tức công đức điều khiển chúng, dạy dỗ răn dạy quyết định không nghi ngờ, hợp nhất

tài và pháp, không tâm tạp nhiễm. Phải biết các câu ấy đều là chi tiết của câu đầu tiên.

Giải thích: Ba mươi hai pháp do 16 nghiệp phân biệt hiển thị nghiệp của chúng. Ý lạc tăng thượng làm lợi ích yên vui, tức là hoặc có lợi ích mà chẳng an vui, như người có lòng tham quá mạnh mà miễn cưỡng tu phạm hạnh. Hoặc có an vui mà chẳng lợi ích, như người lạc dục thụ dụng các cảnh giới tội lỗi. Hoặc có lợi ích và cũng an vui, như bậc trần tính Bồ-đặc-già-la vui tu phạm hạnh. Trong Bồ-tát khởi tâm niệm như thế này: Làm sao có thể khiến tất cả hữu tình sẽ được lợi ích an lạc cao tốt. Nói ý lạc, tức là lấy dục và thắng giải làm tự tính. Ý lạc này vượt trội nên gọi là tăng thượng ý lạc. Khiến ngộ nhập trí nhất thiết trí, nghĩa là giải thích như lần lượt nghiệp gia hành. Ví như một ngọn đèn chuyển thắp ngàn ngọn đèn. Do nghiệp này nên ý lạc tăng thượng lợi ích an lạc được hiển hiện. Như vậy trong tất cả các câu sau, ý lạc tăng thượng lợi ích an lạc đều được phối hợp giải thích. Tự biết ta ngày nay nào có giả trí, tức là giải thích nghiệp không điên đảo. Hoặc có ý lạc tăng thượng lợi lạc mà điên đảo cho nên phải tự biết ta nay nào có giả. Do trí này nên nói là nghiệp không điên đảo. Nghĩa là ta chỉ có cái văn tuệ như thế, biết rõ tự có đủ năng lực chứng nhập thánh giáo, tùy thích ứng mà khởi gia hành không điên đảo. Như có tụng nói:

*Các hữu tự xứng lượng,  
Siêng cầu chỗ tìm cầu,  
Kia chẳng nài cực nhọc,  
Đến được nơi sẽ đến.*

Những bài tụng như vậy cần phải nói rộng. Xô dẹp tâm ngã mạn, nên không đợi người mời thỉnh, đó là giải thích nghiệp gia hành tự nhiên. Tuy người không mời thỉnh mà tự nhiên đến nói chính pháp cho người. Ý lạc vượt trội kiên cố, là giải thích nghiệp không bị lay động, hư hoại. Dù các khổ sinh tử cũng không làm dao động hư hoại

chỗ pháp tâm. Chẳng phải giả tâm thương xót nên tâm bình đẳng đối với thân hay không thân. Hằng làm người bạn tốt cho đến cuối cùng được Niết-bàn, là giải thích 3 thứ sai biệt của vô cầu nhiếp nghiệp. Nếu có nhiếp trói buộc là do nhân ái nhiếp giả làm thương xót nhiếp thụ tạm thời. Nếu không nhiếp ràng buộc thì chẳng phải giả thương xót. Trong tất cả mọi thời thường không rời bỏ. Nếu dựa vào ái nhiếp mà thương xót thì đối với thân và không thân có tâm yêu ghét không bình đẳng. Nếu không nhiếp tâm thì nơi 2 phẩm chuyển một cách bình đẳng. Nếu có ái nhiếp mà thương xót thì chỉ tùy chuyển cho đến mạng chung. Nếu không ái nhiếp mà sinh xót thương thì đời đời tâm thương xót thường tùy chuyển. Vì vậy mà Bồ-tát hằng làm người bạn lành cho đến Niết-bàn. Ứng lượng mà nói, tươi cười nói trước, đây là tướng của ý lạc tăng thượng 2 thứ lợi ích an lạc, giải thích cái gọi là ngũ thân nhiếp. Vô hạn Đại bi, là giải thích nhiếp bình đẳng. Nếu chỉ ở nơi khổ mà khởi Đại bi thì chẳng phải lạc chẳng phải xả chẳng phải nhiếp bình đẳng vì chỉ chuyển có một phần. Đại bi của Bồ-tát đối với lạc, đối với khổ, đối với phi khổ lạc nhiếp hóa hữu tình đang bị các khổ sinh tử đuổi theo đều bình đẳng thương yêu không sai biệt. Cho nên gọi đây là nhiếp bình đẳng. Đối với việc gì đã nhận thì không khiếp nhược thoái lui, là giải thích không hạ liệt nhiếp. Chuyên làm việc cứu vớt tất cả hữu tình như gánh một trọng trách. Thấy gánh nặng này tâm không sợ sệt, khổ nhọc không bỏ gánh vác mà làm. Cho nên gọi là vô hạ liệt nhiếp. Ý không chán nản mệt mỏi, là giải thích nhiếp không thoái chuyển. Hóa độ hữu tình gặp các tà hạnh ác hạnh cũng không thoái chuyển, vì là nhiếp tương ưng với ý lạc tăng thượng lợi ích an lạc. Nghe nghĩa lý không chán, là giải thích nhiếp phương tiện nhiếp. Nghe nghĩa là nghe kinh pháp, không phải nghe chuyện vu vơ. Nghĩa tức là nghĩa sở thuyết của kinh pháp. Đối với việc nghe kinh pháp này thường không chán đủ. Đây là gồm thấu tính phương tiện khéo léo thành thực hữu tình, cho nên gọi là nhiếp phương tiện nhiếp. Nghe nghĩa lý không đủ như chỗ kham năng, vì

ứng chính đạo lý mà hóa đạo. Đối với tội do mình tạo thì thấy tội lỗi sâu nặng, đối với tội người tạo thì không giận mà dạy dỗ, là giải thích yếm ác sở trị nghiệp. Trong đây sở trị là tham sân v.v..., muốn khiến xa lìa nên gọi yếm ác. Nếu đấu với tội của mình thì thấy tội lỗi, mau chóng lìa bỏ thì mới có thể ngăn khiến người khác không nên làm. Nói uy nghi nghiêm túc nên chẳng có gì ngăn cản. Như khế kinh nói:

*Nếu mình trụ tà hạnh,  
Liên bị người chê trách.  
Người như thế không thể,  
Ngăn cản lỗi người khác.*

Thế tục cũng nói:

*Nếu mình phạm tội lỗi,  
Bỏ qua không xem xét,  
Chẳng bằng nên xa lìa.  
Kiêu mạn ắt tổn đức.*

Nếu ôm lòng sân hận dạy dỗ người phạm lỗi chẳng lợi ích chẳng phương tiện nên lời nói chẳng uy nghi nghiêm túc khiến kia thành trái lại khởi các tà hạnh. Như có tụng nói:

*Thương yêu như con mình,  
Dạy dỗ tội đã phạm.  
Quyết định khiến giữ gìn,  
Sau sẽ không tái phạm.*

Trong tất cả các oai nghi hằng tu trị tâm Bồ-đề, tức là giải thích nghiệp vô gián tác ý. Khắp tất cả việc làm liên tục không gián đoạn tu trị tâm Bồ-đề, như trong kinh nói việc làm thanh tịnh.

*Như thấy khi ngồi,  
Phát tâm như vậy.  
Nguyện các chúng sinh,  
Ngồi tòa Bồ-đề.*

Các bài tụng như vậy không mong cầu dị thực mà hành thí, cho đến do tứ nhiếp sự nhiếp phương tiện, là giải thích 7 câu sai biệt của thắng tiến hành nghiệp. Tức 6 Ba-la-mật-đa và 4 nhiếp sự, lia các lỗi sở trị như đã nói v.v... ở địa vị cực hỷ v.v... trong các địa sau chuyển được tăng thắng hướng đến đầy đủ. Nhân gọi là nghiệp, là sở tác. Trong đây 4 thứ Ba-la-mật-đa dễ nên không giải thích. Về có sai biệt thì nay sẽ giải thích sơ lược. Bồ côi Vô sắc tu tĩnh lự, là Bồ-tát không sinh trong cõi Vô sắc, vì nơi đó không thấy có việc có thể làm lợi lạc hữu tình. Cũng không thường nhập định Vô sắc, vì không thấy nơi ấy có nhiều công đức sở y. Xả nghĩa là lia bỏ. Phương tiện tương ưng tu Bát-nhã, là Đại bi tương ưng tu tập diệu tuệ có thể làm các việc lợi lạc hữu tình. Nếu không có đây thì sẽ không có việc an lạc lợi ích hữu tình. Chuyên vì việc này mà cầu Phật quả nên như có tụng nói:

*Tu tập tuệ và bi,  
Làm được việc lợi tha.  
Lợi tha là chính đạo,  
Thăng đến quả Bồ-đề.*

Bốn nhiếp sự là bố thí, ái ngữ, lợi hành và đồng sự. Do bố thí có thể nhiếp thụ người khác. Do ái ngữ có thể phương tiện khai giải thuyết pháp. Do lợi hành có thể tùy theo kia thích ứng khuyên kia tu thiện. Do đồng sự có thể cuối cùng khiến kia đều được công đức không chung. Hoặc do bố thí nên khiến thành pháp khí. Do ái ngữ nên được pháp thắng giải. Do lợi hành nên y pháp thắng giải pháp khởi chính hạnh. Do đồng sự nên khiến các khởi hành chuyển thành thanh tịnh rồi lại chuyển thành vi diệu. Do đó thâm nhiếp đầy đủ phương tiện tự tính. Đối với trì giới phá giới thiện hữu không hai, cho nên cho đến thân cận thiện hữu, là giải thích 6 câu sai biệt của thành mãn gia hành nghiệp. Do gia hành này có thể khiến thành tựu viên mãn. Cho nên gọi là thân cận mãn gia hành. Đây tức là nghiệp. Do thân cận thiện sĩ v.v... 6 câu, là giải thích 8 câu nói trong kinh.



Công đức tác ý, công đức trợ bạn, đều giải thích 2 nên có thiện Thi-la gọi là trì giới, có ác Thi-la gọi là phá giới. Hai chủng loại này có thể thuyết pháp là vì nghe pháp cung kính pháp nên khởi tướng thiện hữu không sai biệt. Cho nên nói thiện hữu không hai. Do nhân duyên đó đối với người phá giới không nên cứ một mực gọi là chẳng phải thiện hữu. Như có tụng nói:

*Nếu có đủ giới dù yếu kém,  
Mà khéo biện thuyết lợi nhiều người.  
Phải cúng dường như Phật, Đại sư,  
Kính kia khéo nói, nên tương tự.*

Đem tâm ân cần trân trọng nghe chính pháp, nghĩa là như đã nói trong nghĩa rộng. Do 16 hạnh nên nghe pháp. Đem tâm ân cần trân trọng ở A-luyện-nhã, nghĩa là xa lìa làng xóm. Quá sự ly một câu-lô-xá gọi là A-luyện-nhã. Ở trong đó gọi là trụ. Như thích hợp mà ở không kiêu mạn không lo ngại gọi là tâm ân cần trân trọng. Không yêu thích các việc tạp nhạp thế gian, nghĩa là không ưa thích các việc ca vũ hài hước của thế gian. Tức xa lìa dục tương đương với các tâm tư bất chính. Công đức tác ý, nghĩa là bỏ tâm yêu thích Thanh Văn Độc Giác thừa, tương ưng với tâm yêu mến công đức Đại thừa. Công đức trợ bạn, là xa lìa ác hữu gần gũi thiện hữu, hằng tu trì 4 phạm trụ, thường du hý 5 thần thông. Y thú trí, là giải thích nghiệp thành tựu viên mãn. Nghĩa là tướng thành mãn gọi là nghiệp thành mãn. Trong đây tiếng nghiệp là biệt danh của tướng. Ba câu vô lượng thanh tịnh v.v... là giải thích hằng tu trì 4 phạm trụ v.v... 3 câu ở trước. Từ bi hỷ xả 4 thứ vô lượng gọi là 4 phạm trụ. Do đó cho biết có nội đức thành mãn thanh tịnh nên được tiếng tướng. Du hý ngũ thông gọi là oai lực. Lậu tận trí thông là giải thoát trí, gọi là đại oai lực. Hoặc lấy thần thông tăng thượng của Bồ-tát gọi là đại oai lực. Như vậy cũng gọi là tướng thành mãn. Công đức chứng đắc, nghĩa là đã chứng đắc hiện tiền tại. Đây tức là giải thích y thú trí. Nội

chứng riêng biệt gọi là y thú trí. Không chỉ ở nơi nghĩa, y thú ở nơi thức vì không phải tịch tĩnh. Đối với trụ chính hạnh không trụ chính hạnh v.v... là an lập nghiệp ấy, được giải thích 4 câu riêng biệt. Do đây an lập ý lạc tăng thượng lợi ích an lạc. Đây tức là nghiệp. Cho nên nói là an lập nghiệp ấy. Công đức điều khiển chúng, nghĩa là trực xuất hay tiếp nhận hữu tình trì giới phạm giới, đều muốn khiến chúng ra khỏi chỗ bất thiện mà an lập chỗ thiện, gọi là bất khí xả, nghĩa là không vất bỏ. Nói quyết định, nghĩa là quyết định dạy dỗ không nghi ngờ. Nói uy túc, nếu bất định tức là không uy túc. Hai đế lý chân thật, nghĩa là pháp tài cả hai hợp làm một. chứa nhóm tài pháp không phân biệt, bình đẳng ban bố như trước đã nói. Như vậy thí cho trừ khi hiện tại không có. Như có tụng nói:

*Tài cúng dường khiến cho  
Chúng sinh tận thọ mạng.  
Pháp cúng dường khiến cho  
Rốt ráo trời vắng lặng.*

Đại Bồ-đề tâm hằng làm đầu, là giải thích tâm không tạp nhiễm. Do nhiếp thụ tâm Bồ-đề nên tất cả làm việc gì đều không tham cầu người khác cúng dường, chỉ cầu chúng đấng vô thượng Bồ-đề.

Luận nói: Như nói:

*Do câu nói đầu tiên,  
Có các câu về đức.  
Do câu nói đầu tiên,  
Có các câu về nghĩa.*

Giải thích: Nghĩa trong Già-tha này dễ hiểu không phải giải thích nữa.

## MỤC LỤC

SỐ 1595: NHIẾP ĐẠI THỪA LUẬN THÍCH .....	5
Quyển 9.....	5
Nhập Nhân Quả Thắng Tướng 4 .....	5
Chương 1: Nhân Quả Vị .....	5
Chương 2: Thành Lập 6 Số.....	12
Chương 3: Tướng.....	14
Chương 4: Thứ Tự .....	18
Chương 5: Đặt Tên.....	19
Chương 6: Tu Tập.....	23
Chương 7: Sai Biệt.....	28
Chương 8: Nhiếp.....	31
Chương 9: Đối Trị.....	32
Chương 10: Công Đức.....	33
Chương 11: Hiện Thị Lẫn Nhau .....	35
Quyển 10.....	37
Giải Thích Nhập Nhân Quả Tu Sai Biệt Thắng Tướng 5 .....	37
Chương 1: Đối Trị.....	37
Chương 2: Đặt Tên.....	45
Chương 3: Tướng Chứng Đặc.....	49
Chương 4: Tu Tướng.....	51
Quyển 11.....	67
Giải Thích Nhập Nhân Quả Tu Sai Biệt Thắng Tướng 5-2.....	67
Chương 5: Tu Thời.....	67
Giải Thích Y Giới Học Thắng Tướng 6.....	76
Giải Thích Y Tâm Học Thắng Tướng 7 .....	85
Quyển 12.....	104
Y Tuệ Học Thắng Tướng 8.....	104
Quyển 13.....	137
Học Quả Tịch Diệt Thắng Tướng 9.....	137
Trí Sai Biệt Thắng Tướng 10.....	146
Quyển 14.....	168
Giải Thích Trí Sai Biệt Thắng Tướng 10-2 .....	168
Quyển 15.....	203
Giải Thích Trí Sai Biệt Thắng Tướng 10-3 .....	203

SỐ 1596: NHIẾP ĐẠI THỪA LUẬN THÍCH LUẬN .....	234
Quyển 1.....	234
Phải Biệt Y Chỉ Thắng Tướng Thắng Ngữ 1.....	234
Chương 1: Vô Đẳng Thánh Giáo .....	234
Chương 2: Thứ Tự Của 10 Nghĩa .....	240
Chương 3: Các Tên .....	242
Quyển 2.....	252
Phải Biệt Y Chỉ Thắng Tướng Thắng Ngữ 1 – 2.....	252
Chương 4: Tướng.....	252
Chương 5: Huân Tập.....	253
Chương 6: Không Một Không Khác.....	253
Chương 7: Làm Nhân Quả Cho Nhau .....	254
Chương 8: Nhân Quả Khác Hay Không Khác.....	255
Chương 9: Duyên Sinh .....	255
Chương 10: Bốn Duyên .....	261
Chương 11: Phiền Não Nhiễm.....	261
Chương 12: Nghiệp Nhiễm.....	264
Chương 13: Sinh Nhiễm .....	264
Quyển 3.....	269
Phải Biệt Y Chỉ Thắng Tướng Thắng Ngữ 1 - 3 .....	269
Chương 14: Thế Gian Tịnh.....	269
Chương 15: Xuất Thế Gian Tịnh .....	270
Chương 16: Thuận Đạo Lý .....	273
Chương 17: Sai Biệt.....	279
Quyển 4.....	284
Phải Biệt Thắng Tướng Thắng Ngữ 2 - 1.....	284
Chương 1: Tướng.....	284
Chương 2: Sai Biệt.....	289
Chương 3: Phân Biệt.....	294
Quyển 5.....	302
Phải Biệt Thắng Tướng Thắng Ngữ 2 - 2.....	302
Chương 3: Phân Biệt.....	302
Chương 4: Bốn Ý Bốn Hợp Nghĩa .....	311
Quyển 6.....	320
Nhập Sở Tri Thắng Tướng Thắng Ngữ 3 .....	320
Quyển 7.....	337
Nhập Nhân Quả Thắng Tướng Thắng Ngữ 4.....	337
Chương 1: Nhân Quả Vị .....	337
Chương 2: Thành Lập 6 Số.....	339
Chương 3: Tướng.....	340
Chương 4: Thứ Tự .....	341
Chương 5: Đặt Tên.....	342

Chương 6: Tu Tập.....	343
Chương 7: Sai Biệt.....	345
Chương 8: Gồm Thâu.....	346
Chương 9: Đối Trị.....	347
Chương 10: Công Đức.....	347
Chương 11: Hiện Thị Lẫn Nhau.....	348
Tu Sai Biệt Thắng Tướng Thắng Ngũ 5.....	348
Chương 1: Đối Trị.....	348
Chương 2: Đặt Tên.....	351
Chương 3: Được Tướng.....	352
Chương 4: Tu Tướng.....	352
Chương 5: Thời Gian Tu Tập.....	355
Quyển 8.....	357
Tăng Thượng Giới Học Thắng Tướng Thắng Ngũ 6.....	357
Tăng Thượng Tâm Học Thắng Tướng Thắng Ngũ 7.....	360
Tăng Thượng Tuệ Học Thắng Tướng Thắng Ngũ 8.....	365
Quyển 9.....	376
Tăng Thượng Tuệ Học Thắng Tướng Thắng Ngũ 8-2.....	376
Tịch Diệt Thắng Tướng Thắng Ngũ 9.....	383
Trí Thắng Tướng Thắng Ngũ 10 – 1.....	386
Quyển 10.....	395
Trí Thắng Tướng Thắng Ngũ 10 – 2.....	395
<b>SỐ 1597: NHIẾP ĐẠI THỪA LUẬN THÍCH LUẬN.....</b>	<b>419</b>
Quyển 1.....	419
Phải Biết Y Chi Thắng Tướng Thắng Ngũ 1.....	419
Chương 1: Vô Đẳng Thánh Giáo.....	419
Chương 2: Thứ Tự Của 10 Nghĩa.....	425
Chương 3: Các Tên.....	427
Quyển 2.....	437
Phải Biết Y Chi Thắng Tướng Thắng Ngũ 1 – 2.....	437
Chương 4: Tướng.....	437
Chương 5: Huân Tập.....	438
Chương 6: Không Một Không Khác.....	438
Chương 7: Làm Nhân Quả Cho Nhau.....	439
Chương 8: Nhân Quả Khác Hay Không Khác.....	440
Chương 9: Duyên Sinh.....	440
Chương 10: Bốn Duyên.....	446
Chương 11: Phiền Não Nhiễm.....	446
Chương 12: Nghiệp Nhiễm.....	449
Chương 13: Sinh Nhiễm.....	449
Quyển 3.....	454
Phải Biết Y Chi Thắng Tướng Thắng Ngũ 1 - 3.....	454

Chương 14: Thê Gian Tĩnh .....	454
Chương 15: Xuất Thê Gian Tĩnh .....	455
Chương 16: Thuận Đạo Lý .....	458
Chương 17: Sai Biệt.....	464
Quyển 4.....	469
Phải Biệt Thắng Tướng Thắng Ngũ 2 - 1 .....	469
Chương 1: Tướng .....	469
Chương 2: Sai Biệt.....	474
Chương 3: Phân Biệt.....	479
Quyển 5.....	487
Phải Biệt Thắng Tướng Thắng Ngũ 2 - 2 .....	487
Chương 3: Phân Biệt.....	487
Chương 4: Bốn Ý Bốn Hợp Nghĩa .....	496
Quyển 6.....	506
Nhập Sở Tri Thắng Tướng Thắng Ngũ 3 .....	506
Quyển 7.....	522
Nhập Nhân Quả Thắng Tướng Thắng Ngũ 4 .....	522
Chương 1: Nhân Quả Vị .....	522
Chương 2: Thành Lập 6 Số .....	524
Chương 3: Tướng .....	525
Chương 4: Thứ Tự .....	526
Chương 5: Đặt Tên.....	527
Chương 6: Tu Tập.....	528
Chương 7: Sai Biệt.....	530
Chương 8: Gồm Thâu .....	531
Chương 9: Đối Trị.....	532
Chương 10: Công Đức.....	532
Chương 11: Hiện Thị Lẫn Nhau .....	533
Tu Sai Biệt Thắng Tướng Thắng Ngũ 5 .....	533
Chương 1: Đối Trị.....	533
Chương 2: Đặt Tên.....	536
Chương 3: Được Tướng.....	537
Chương 4: Tu Tướng.....	537
Chương 5: Thời Gian Tu Tập.....	540
Quyển 8.....	542
Tăng Thượng Giới Học Thắng Tướng Thắng Ngũ 6 .....	542
Tăng Thượng Tâm Học Thắng Tướng Thắng Ngũ 7 .....	545
Tăng Thượng Tuệ Học Thắng Tướng Thắng Ngũ 8 .....	550
Quyển 9.....	561
Tăng Thượng Tuệ Học Thắng Tướng Thắng Ngũ 8-2 .....	561
Tịch Diệt Thắng Tướng Thắng Ngũ 9 .....	568
Trí Thắng Tướng Thắng Ngũ 10 - 1 .....	571

Quyển 10.....	580
Trí Thắng Tướng Thắng Ngũ 10 – 2 .....	580
SỐ 1597: NHIẾP ĐẠI THỪA LUẬN THÍCH .....	604
Quyển 1.....	604
1- Cương Yếu.....	604
2 – 1. Sở Tri Y.....	615
Quyển 2.....	625
2 – 2. Sở Tri Y.....	625
Quyển 3.....	643
2 - 3. Sở Tri Y.....	643
Quyển 4.....	665
3 - 1. Tướng Sở Tri .....	665
Quyển 5.....	685
3 – 2. Tướng Sở Tri.....	685
Quyển 6.....	708
4 - Ngộ Nhập Tướng Sở Tri.....	708
Quyển 7.....	727
5 - Ngộ Nhập Nhân Quả .....	727
6 - Tu Tập Sai Biệt.....	739
Quyển 8.....	750
7 - Tầng Thượng Giới Học.....	750
8 - Tầng Thượng Tâm Học .....	753
9 - Tầng Thượng Tuệ Học.....	761
Quyển 9.....	774
9 - Tầng Thượng Tuệ Học.....	774
10 - Quả Đoạn.....	782
11 - Quả Trí.....	786
Quyển 10.....	800
11 – Quả Trí Tiếp .....	800
SỐ 1598: NHIẾP ĐẠI THỪA LUẬN THÍCH .....	823
Quyển 1.....	823
1 – Tổng Nêu Cương Yếu.....	823
2 – 1. Sở Tri Y.....	832
Quyển 2.....	844
2 – 2. Sở Tri Y.....	844
Quyển 3.....	868
2 – 3. Sở Tri Y.....	868
Quyển 4.....	892
3 – 1. Sở Tri Tướng .....	892
Quyển 5.....	919
3 – 2. Sở Tri Tướng.....	919





